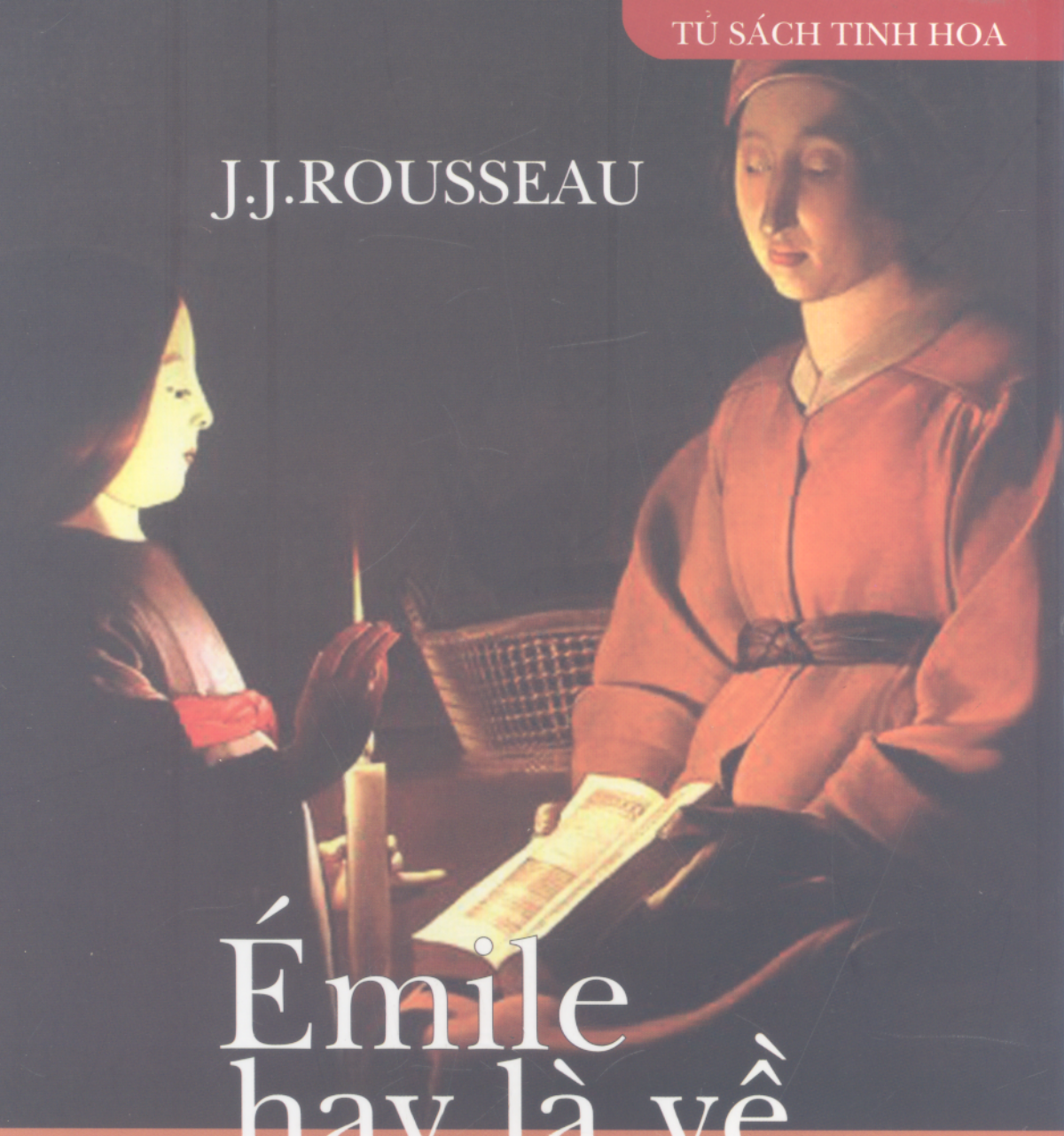
TỦ SÁCH TINH HOA

J.J.ROUSSEAU



Émile hay là về giáo dục

Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

ÉMILE
hay là
VỀ GIÁO DỤC

ÉMILE HAY LÀ VỀ GIÁO DỤC / JEAN-JACQUES ROUSSEAU
Bản tiếng Việt © 2008 NXB Tri thức và Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương
Nguyên tác: *Émile ou de l'éducation*, Plon, 1964.

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

JEAN-JACQUES ROUSSEAU

ÉMILE
hay là
VỀ GIÁO DỤC

Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương *dịch*
Bùi Văn Nam Sơn *giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Cuốn sách này được dịch và xuất bản
trong chương trình
Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới
với sự hỗ trợ về tài chính của

QUỸ DỊCH THUẬT PHAN CHU TRINH
53 Nguyễn Du, Hà Nội
Tel: (84-4) 9454 661; Fax: (84-4) 9454 660
và



GAMI BOOK GAMI BOOK
11 Phạm Hùng, Hà Nội
Tel : (84-4) 768 7141; Fax : (84-4) 768 7140

MỤC LỤC

Bùi Văn Nam Sơn ***giới thiệu***

"ÉMILE HAY LÀ VỀ GIÁO DỤC"-MỘT TRIẾT LÝ GIÁO DỤC NHÂN BẢN: DẠY VÀ HỌC LÀM NGƯỜI 7

Lê Hồng Sâm ***dịch***

LỜI NÓI ĐẦU 25

QUYỂN MỘT 29

QUYỂN HAI 83

QUYỂN BA 211

Trần Quốc Dương ***dịch***

QUYỂN BỐN 279

QUYỂN NĂM 501

"ÉMILE HAY LÀ VỀ GIÁO DỤC"
MỘT TRIẾT LÝ GIÁO DỤC NHÂN BẢN: DẠY VÀ HỌC LÀM NGƯỜI

BÙI VĂN NAM SƠN

"Việc học tập đích thực của chúng ta là học tập về thân phận con người"...[1]
J. J. ROUSSEAU (*Émile hay là về giáo dục*)

Triết gia Immanual Kant (1724-1804), tác giả của câu trả lời nổi tiếng về *"Khai minh là gì"*[2], có kỷ luật sinh hoạt hết sức nghiêm ngặt: đúng bốn giờ chiều mỗi ngày, ông ra khỏi nhà, đi dạo, luôn luôn một mình, trên cùng một con đường. Giai thoại thường kể: dân Königberg chờ ông ra khỏi nhà để lên dây cót hoặc chỉnh đồng hồ! Và tương truyền chỉ có hai lần Kant trễ "thời khóa biểu" trong suốt mấy mươi năm: nhận được tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* của J. J. Rousseau và nghe tin Đại Cách mạng Pháp bùng nổ. Hai sự kiện cách nhau ngót 30 năm (1762/1789), nhưng với Kant, có lẽ quyển sách này cũng quan trọng không kém cuộc cách mạng kia, nếu không muốn nói, cái sau chính là kết quả của cái trước. Ta nhớ đến lời ca tụng của một trong các lãnh tụ khét tiếng của Cách mạng Pháp, Robespierre: "Trong số những nhà tư tưởng thì chỉ có Rousseau mới thật xứng đáng với danh hiệu là người Thầy của nhân loại" (diễn văn ngày 7.5.1794). Kant, suốt đời sống độc thân (tức không có nhu cầu giáo dục con cái!), cũng đã trở thành một nhà đại giáo dục tiêu biểu cho thời cận đại là nhờ chịu ảnh hưởng sâu đậm của J. J. Rousseau

---

[1] Các trích dẫn trong bài này, trừ khi được chú thích riêng, đều từ bản dịch *Émile hay là về giáo dục* của Lê Hồng Sâm và Trần Quốc Dương.

[2] I. Kant: Trả lời câu hỏi: Khai minh là gì? (1784): "Khai minh là việc con người đi ra khỏi sự không trưởng thành do chính mình tự chuốc lấy"...; Ausgewähte kleine Schriften, Meiner Verlag, 1999, tr.20.

khi Kant nói: "Con người là tạo vật duy nhất cần phải được giáo dục"[3] hay "Con người chỉ có thể trở thành người là nhờ giáo dục. Con người là những gì được giáo dục tạo nên"[4]. Vấn đề chỉ còn là: nền giáo dục ấy phải như thế nào?

Đối với nước ta, J. J. Rousseau cũng không phải là một tên tuổi xa lạ. Trong một vế của đôi câu liễn trên bia mộ của cụ Phan Châu Trinh do nhân dân Sài Gòn phụng lập năm 1926, ta đã đọc thấy tám chữ: *"Trung học Mạnh Kha, Tây học Lư Thoa"*... ngụ ý ca ngợi Cụ thâu gồm tinh hoa của cả hai nền văn hóa Đông Tây: Mạnh Kha là tên thật của Mạnh Tử, còn Lư Thoa chính là J. J. Rousseau theo cách phiên âm quen thuộc vào những thập niên đầu thế kỷ XX. Phần "tinh hoa" ấy chủ yếu là tinh thần "dân vi quý" nơi Mạnh Tử và chủ trương "dân chủ", "bình đẳng" trong tác phẩm *Khế ước xã hội* (Du contrat social, 1762) của J. J. Rousseau. Là người tiếp thu sớm nhất các tư tưởng ấy, cụ Phan xứng đáng được tôn vinh là nhà cách mạng dân chủ tiên phong đầu tiên ("dân chủ tiên thanh") của nước ta. Phần tinh túy khác của Rousseau còn ít được giới thiệu, đó là học thuyết và triết lý của ông về giáo dục được trình bày trong *Émile hay là về giáo dục*, công bố cùng năm với quyển *Khế ước xã hội* (1762), nhưng lại được ông xem là "quyển hay nhất và quan trọng nhất trong mọi trước tác của tôi"[5]. Quyển sách "hay nhất" là điều dễ nhận thấy khi ta sắp được thưởng thức văn tài kiệt xuất, nổi tiếng là cuốn cuộn như nước chảy mây trôi của Rousseau qua bản dịch công phu và tài hoa, thật xứng đáng với nguyên tác của hai dịch giả Lê Hồng Sâm và Trần Quốc Dương mà hôm nay tôi vinh hạnh được viết đôi lời giới thiệu. Nó cũng là "quan trọng nhất" vì đây là một công trình triết luận đồ sộ về bản tính của con người: ông đặt nhiều câu hỏi triết học và chính trị về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, nhất là câu hỏi: làm sao cá nhân có thể bảo tồn cái *"thiên chân"* (theo quan niệm của Rousseau về "tính bản thiện tự nhiên" của con người) khi dấn mình vào cuộc sống xô bồ và "đổi bại" không tránh khỏi của xã hội. Trong *Émile hay là về giáo dục*, thông qua câu chuyện giả tưởng về cậu bé Émile được người thầy giáo dục từ lúc mới chào đời cho đến khi lập gia đình và trở thành "người công dân lý tưởng" thông qua năm giai đoạn đào tạo, Rouseau phác họa một triết lý và phương pháp giáo dục giúp cho "con người tự nhiên" (được ông phác họa trong *Khế ước xã hội*) có đủ sức khỏe thể chất và nghị lực tinh thần để đương

---

[3] I. Kant. *Toàn tập* (Sämtliche Werke), tập 8, Kant nói về Sư phạm học (K. Vorländer ấn hành), tr.193.

[4] Sđd, tr.195.

[5] J. J. Rousseau: *Confessions*, bản tiếng Anh của J. M. Cohen, New York, Pengrain, 1953, tr.129-30.

đầu với những thử thách trong cuộc đời. Sau *Cộng hòa*, quyển VIII của Platon, đây là công trình hoàn chỉnh đầu tiên về triết lý giáo dục ở phương Tây, đồng thời cũng là loại hình *Bildungsroman* (tiểu thuyết giáo dục) đầu tiên, sớm hơn quyển *Wilhelm Meister* nổi tiếng của J. W. Goethe hơn ba mươi năm. Khó có thể nói hết về tầm ảnh hưởng rộng rãi và sâu đậm của Rousseau đối với hậu thế. Trong khi học thuyết chính trị của ông, đặc biệt khái niệm "ý chí phổ biến" (volonté générale) gây nhiều nghi ngại về xu hướng "toàn trị" và chuyên chế (phải chăng đó cũng là ẩn ý trong lời ca tụng của Robespierre), thì các bộ phận khác vẫn còn đầy sức hấp dẫn. Nếu cách tiếp cận mang tính chủ thể-cảm xúc (trong tiểu thuyết *La Nouvelle Héloïse* và trong *Confessions*) của ông đã không chỉ ảnh hưởng đến trào lưu văn hóa lãng mạn Pháp mà cả đến các văn hào Đức như J. G. von Herder, J. W. Goethe, F. von Schiller; việc nhấn mạnh đến tự do của ý chí và bác bỏ quan niệm cố hữu ở phương Tây về "tội tổ tông" đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến phân tâm học và triết học hiện sinh ở thế kỷ XX thì học thuyết của Rousseau về giáo dục còn có sức tác động mạnh mẽ hơn nữa. Nó đã góp phần hình thành các phương pháp sư phạm khoan dung, xem trọng tâm lý lứa tuổi của nền giáo dục hiện đại ("thuyết phát triển", "thuyết tiến hóa tự nhiên"...) với tên tuổi của nhiều nhà cải cách giáo dục lừng danh như Friedrich Fröbel, J. Heinrich Pestalozzi, John Dewey, Maria Montessori v.v... Đến với Rousseau là đến với trung tâm của bước ngoặt thời đại giữa "trật tự cũ" và "trật tự mới". Do đó, ông không chỉ là nhà lý luận xã hội mà còn là nhà lý luận giáo dục; và việc ông là cả hai, đồng thời có ảnh hưởng sâu đậm ngang nhau trên hai lĩnh vực cho thấy mối liên kết nội tại chặt chẽ giữa những biến chuyển xã hội ở thế kỷ XVIII ở châu Âu và việc ra đời nền tân-giáo dục.

Bước ngoặt trong tư duy giáo dục được thể hiện dày đặc trong từng trang sách khiến người đọc dường như luôn cảm thấy muốn dừng lại, dùng bút để gạch dưới hay tô đậm hàng loạt những câu đặc sắc! Vượt qua khoảng cách 250 năm, tưởng như Rousseau là người sống cùng thời với chúng ta, đang chia sẻ những nỗi lo âu và bất bình của những người vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân của một nền giáo dục đang phạm nhiều sai lầm từ cơ sở triết lý, cách thiết kế cho đến phương pháp sư phạm với mọi hậu quả đáng sợ cho phụ huynh lẫn con cái. Ta hãy thử nghe ông nói: "Chúng ta xót thương cho số phận của tuổi thơ, thế mà chính số phận chúng ta mới cần xót thương. Những nỗi đau lớn nhất của chúng ta do chúng ta mà ra". Vì đâu nên nỗi? Vì "người ta không hề hiểu biết tuổi thơ: dựa trên những ý tưởng sai lầm của ta về tuổi thơ thì càng đi càng lạc lối (...) Họ luôn tìm kiếm người lớn trong đứa trẻ mà không nghĩ về hiện trạng của đứa trẻ trước khi nó là người lớn". Nói cách khác, đó là nền giáo dục không hề "nhìn rõ chủ thể mà trên đó ta cần thao tác. Vậy xin các vị

hãy bắt đầu bằng việc nghiên cứu kỹ hơn các học trò của mình". Và cũng vì không hiểu rõ "chủ thể" của giáo dục là người học nên người lớn tha hồ sử dụng phương pháp áp đặt: "thay vì giúp ta tìm ra các chứng minh, người ta đọc cho ta viết các chứng minh ấy; thay vì dạy ta lập luận, ông thầy lập luận hộ ta và chỉ rèn luyện trí nhớ của ta thôi". Trong khi đó, đúng ra "vấn đề không phải là dạy các môn khoa học, mà là đem lại cho người học *hứng thú* để yêu khoa học và đem lại *phương pháp* để học những môn đó, khi hứng thú này phát triển hơn lên. Chắc chắn đó là một nguyên lý cơ bản của bất kỳ nền giáo dục tốt nào".

Thiếu các nguyên lý giáo dục đúng đắn dẫn đạo, ta chỉ tạo ra những con người "được gia công", vừa được nuông chiều quá đáng trong vòng tay cha mẹ, vừa bị kiềm tỏa đủ kiểu dưới mái nhà trường: "Những ý tưởng đầu tiên của trẻ là những ý tưởng về quyền lực và khuất phục! Nó hạ lệnh trước khi biết nói, nó vâng theo trước khi có thể hành động, và đôi khi người ta trừng phạt nó trước khi nó có thể biết lỗi, hoặc nói đúng hơn là có thể phạm lỗi. Như vậy là người ta sớm rót vào trái tim non nớt của nó những đam mê mà sau đó người ta quy tội cho tự nhiên, và *sau khi đã nhọc công làm nó thành tai ác, người ta lại phàn nàn vì thấy nó tai ác!*". Sản phẩm tất yếu của một nền giáo dục áp đặt như thế thật đáng sợ: ..."vừa là nô lệ vừa là bạo chúa, đầy kiến thức và thiếu lương tri, yếu đuối bạc nhược về thể chất cũng như tâm hồn, và bị quẳng vào xã hội"...

Với *Émile hay là về giáo dục*, Rousseau muốn thử phác họa một quan niệm khác về giáo dục. Quan niệm ấy vừa mới mẻ, tiến bộ, vừa có không ít những mâu thuẫn, nghịch lý như bản thân cuộc đời và toàn bộ học thuyết của ông. Nó "khiêu khích" và buộc ta phải suy nghĩ hơn là quá "trơn tru" để ta dễ dàng nhắm mắt nghe theo!

1. Rousseau, nhà khai minh về khai minh

Rousseau sinh năm 1712 ở Genève, có một tuổi thơ u buồn và vất vả. Mẹ ông mất khi vừa sinh ra ông. Chưa đến 10 tuổi, cha ông - một thợ làm đồng hồ tính tình thô bạo - phải trốn khỏi Genève sau một vụ xô xát, bỏ ông lại cho người chú nuôi. Ông phải sớm vất vả kiếm sống bằng đủ thứ nghề tay chân. Với tuổi 16, ông một mình lang thang đến Turin, bắt đầu một cuộc đời đầy sóng gió cho đến khi nhắm mắt: làm thuê, hát dạo, làm người tình bất đắc dĩ của một mệnh phụ lớn tuổi, làm gia sư... Ông phát minh một ký âm pháp mới mẻ cho âm nhạc, làm thư ký cho phái viên Pháp ở Venise, được giải thưởng danh giá của Viện Hàm lâm tên tuổi ở Dijon, được Diderot mời viết mục Âm nhạc cho Bộ Bách khoa từ điển nổi tiếng, nhưng suốt đời sống bằng nghề chép

nhạc. Ông lừng danh khắp Âu châu đồng thời luôn bị truy nã về chính trị. Ông có năm con, nhưng lại gửi hết vào trại mồ côi! Ông sống cuộc đời lưu vong lang bạt ở Ý, Thụy Sĩ, Pháp và Anh. Ông mất cô đơn năm 1778 trong trang trại của một Mạnh Thường quân người Pháp. Di hài của ông cũng không yên: năm 1794, cao điểm của Cách mạng Pháp, được đưa vào điện Panthéon đầy vinh quang, rồi 20 năm sau, 1814, lại bị trục xuất và tiêu hủy (cùng với di hài của Voltaire) sau khi triều đình Bourbons được khôi phục!

Có thể nói học thuyết của Rousseau bắt nguồn từ những trải nghiệm đầy cay đắng và dằn vặt của bản thân ông trong bối cảnh xã hội đương thời. Bằng vài nét phác họa, ta thử dõi theo cuộc hành trình tư tưởng của Rousseau dẫn đến tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*:

- Bài Luận văn thứ nhất (1750)

Các *"philosophes"* của thế kỷ Ánh sáng hoan nghênh sự tiến bộ của kỹ thuật và sự bành trướng của thương mãi và công nghiệp khắp Âu châu. Họ nhấn mạnh rằng con người cần sử dụng lý tính để vừa hiểu biết thế giới, vừa hiện đại hóa chính quyền và luật pháp. Họ chống lại mọi hình thức áp bức và kiểm duyệt, tin tưởng vào sự tự do của tư tưởng và công luận. Phần lớn những tư tưởng mới của các *"philosophes"* đều bắt nguồn từ các nhà tư tưởng tiền phong của nước Anh như Francis Bacon (1561-1626) và John Locke (1632-1704). Nhưng các *"philosophes"* Pháp dũng cảm và quyết liệt hơn các đồng nghiệp người Anh. Giáo hội ở Pháp cũng hùng mạnh hơn, còn nhà nước bảo hoàng thì chuyên chế hơn, vì thế, sự phê phán đối với hai định chế ấy đòi họ phải trả giá đắt. Rốt cuộc, Diderot, thủ lĩnh của phong trào khai minh Pháp bị tống giam vào ngục tối. Rousseau thường đi bộ từ Paris đến Vincennes để thăm Diderot, qua đó có dịp làm quen với các trí thức khác như Friedrich Grimon và Baron d' Holbach. Từ năm 1746, Rousseau đã trở thành một khuôn mặt quan trọng trong đời sống trí thức ở Paris. Trong một chuyến thăm Diderot trong ngục thất, Rousseau đã đột nhiên có một sự "thức nhận" mới mẻ, biến chàng nhạc sĩ trung niên lang thang thành một triết gia nổi tiếng thế giới. Đó là vào năm 1749, trên đường đến Vincennes, Rousseau đọc báo thấy tin Viện Hàn lâm ở Dijon treo giải cho cuộc thi viết về đề tài: *"Phải chăng sự tiến bộ của các ngành khoa học và nghệ thuật đã góp phần lành mạnh hóa phong tục?"*. Ông kể lại: "Đúng giây phút tôi đọc tin ấy, tôi đã thấy một thế giới khác và tôi đã trở thành một con người khác. Đột nhiên lòng tôi ánh lên hàng nghìn tia chớp... Tôi xúc động quá đến nỗi phải ngồi nghỉ dưới gốc cây suốt nửa tiếng đồng hồ, và khi đứng lên, cả vạt áo tôi đã ướt đầm nước mắt!". Diderot, vốn thích tranh biện, gặp Rousseau trong tình trạng bị kích động cao

độ như thế, đã khuyên Rousseau nên tham gia cuộc thi. Và, như ta đã biết, bài *Luận văn về khoa học và nghệ thuật* của ông đã gây chấn động dư luận vì ông đã trả lời *"không"* cho câu hỏi ấy!

Câu trả lời đã đi vào lịch sử của một trong những nhà khai minh hàng đầu của thế kỷ khiến mọi người sửng sốt. Ông đã hoài nghi triệt để niềm tin cơ bản của phong trào khai minh rằng lý tính là nguồn gốc không chỉ của cái Chân mà cả của cái Thiện. Tuy nhiên, Rousseau đã làm như thế bằng chính phương tiện và công cụ của sự khai minh, nghĩa là, điều ông làm chính là *sự khai minh về khai minh*, tức, một sự khai minh có sự phản tư tự-phê phán. Luận điểm trung tâm: Rousseau phê phán mạnh mẽ các hình thức xã hội *nhân tạo* và *giả tạo* do lý tính con người lập ra vì chính chúng đã *làm tha hóa* bản tính sâu xa nhất của con người.

- tất nhiên, sự phê phán-xã hội của ông trước hết nhắm đến xã hội đương thời của nền chuyên chế quý tộc với cuộc sống và lễ thói "cung đình": "Lễ thói cung đình buộc người ta phải tuân theo quy ước chứ không theo bản tính của chính mình. Người ta không còn dám tự thể hiện là chính mình, và, dưới sự cưỡng chế thường xuyên, con người của "xã hội" này là một bầy đàn làm giống hệt nhau trong những hoàn cảnh giống hệt nhau"[6].

- thứ hai, Rousseau nhấn mạnh rằng việc đơn thuần sử dụng lý tính không đủ để đảm bảo một cuộc sống đức hạnh, tương ứng với bản tính con người, vì bản tính con người tuy được quy định bởi lý tính nhưng cũng còn bởi *bản tính tự nhiên (nature)* nữa. Ông chống lại xã hội đương thời, vì nó dựa vào lý tính để đè nén bản tính tự nhiên của con người. Nhưng, ông chống lại cũng bằng cách *dựa vào lý tính* để giải phóng bản tính con người ra khỏi những xiềng xích ấy.

- Bài Luận văn thứ hai (1754)

Năm 1754, Viện Hàn lâm Dijon lại thông báo một cuộc thi viết khác, với đề tài: *Đâu là nguồn gốc của sự bất bình đẳng giữa con người và phải chăng nó được biện minh bằng pháp quyền tự nhiên?* Ngụ ý của đề tài: những sự bất bình đẳng xã hội (tầng lớp, giai cấp...) không gì khác hơn là sự thể hiện ra bên ngoài của những sự bất bình đẳng *tự nhiên* (như chiều cao và sức mạnh). Đó là một ẩn ý khiến Rousseau phản nộ. Ông thuật lại: "Suốt ngày tôi lang thang trong rừng, hét to cho mình nghe: "Hỡi bọn người điên khùng không ngừng trách móc tự nhiên, hãy biết rằng mọi tội lỗi của các người đều do chính bản thân các người gây ra!"

---

[6] Dẫn theo Jörg Ruhloff, *Problematising Critique in Pedagogy*, 1998, tr.97.

Bài *Luận văn thứ hai* cho thấy Rousseau là một triết gia đích thực chứ không chỉ là một "thí sinh viết luận văn". Bài viết phức tạp, khó đọc vì đề cập nhiều đến các triết gia chính trị khác như Grotius, Locke và Hobbes chung quanh vấn đề "bản tính con người". Ta biết rằng một giả thuyết về "bản tính con người" thường là một bộ phận không thể thiếu của bất kỳ học thuyết chính trị nào. Xã hội gồm những con người, vì thế thật dễ hiểu khi người ta bắt đầu với việc tìm hiểu cái "vật liệu" tạo nên xã hội. Nhưng, ngay các triết gia Hy Lạp cổ đại như Protagoras (490-420 trước CN) đã sớm nhận ra rằng các xã hội loài người quá phức tạp và dị biệt, nên dường như không có một "bản tính người" bền vững hay cố định. Aristoteles thì cho rằng con người "về bản chất" là sinh vật xã hội, vì thế chỉ hoàn hảo và hạnh phúc khi trở thành những người công dân tốt. Các "triết gia hiện đại" như Machiavelli (1469-1527) và Hobbes (1588-1679) không đồng ý. Machiavelli: con người là ích kỷ và luôn hành xử xấu xa trừ khi bị pháp luật và các định chế chính trị hùng mạnh cưỡng chế. Hobbes: con người sở dĩ chịu phục tùng quyền uy tuyệt đối của chính quyền chỉ là vì cần sự bảo vệ trước sự uy hiếp thường trực giữa những con người với nhau. Rousseau có cái nhìn khác so với các học thuyết *"duy bản chất"* ấy. Với ông, "bản tính tự nhiên" của con người quá độc đáo, đơn nhất nên không thể nói về "bản tính người" nói chung. Con người có một lịch sử. Họ đã biến đổi từ một trạng thái này (như là những động vật linh trưởng cô độc, đơn giản và "hồn nhiên vô tội") đến một trạng thái khác (những con người-xã hội phức tạp, được văn minh hóa như chúng ta ngày nay). Các xã hội đã tạo ra con người không khác gì chính con người đã tạo ra các xã hội khác nhau. Vậy, con người lẫn xã hội đều luôn tiến hóa thành cái gì khác với trước, và những biến đổi xã hội nào đến muộn hơn, thì càng có ảnh hưởng mạnh hơn. Nói cách khác, con người, theo Rousseau, là hết sức "mềm dẻo", dễ bị "uốn nắn", nên chỉ có thể có "*những* bản tính con người" khác nhau mà thôi (quan niệm về tính mềm dẻo của bản tính con người và về mối quan hệ của nó với thế giới xã hội và văn hóa của Rousseau đã có ảnh hưởng lớn đến Hegel và Marx). Ở đây, ta nên dành một trang để điểm lại ngắn gọn một số luận điểm chủ yếu của ông:

- *trạng thái tự nhiên*: nếu mọi xã hội đều khác nhau, thì có nghĩa rằng chúng đều giả tạo và không có gì là "tự nhiên" cả. Cũng có nghĩa rằng con người "tự nhiên" hay tiền-xã hội đã từng tồn tại trong một "trạng thái tự nhiên" rất xa xưa trước khi xã hội và chính trị được thành lập. Ý tưởng về một "trạng thái tự nhiên" thường được các triết gia chính trị dùng để mô tả thế giới tiền-xã hội. Với Hobbes, "trạng thái tự nhiên" luôn là một trạng thái chiến tranh với sự hăm dọa thường trực. Locke thì lạc quan hơn: trạng thái tự nhiên bao gồm những con người có tư hữu, chỉ có điều những quyền tư hữu hay

những nghĩa vụ dân sự chưa được xác định rõ ràng. "Trạng thái tự nhiên" của Rousseau thì phức tạp hơn, mang nặng màu sắc nhân loại học và chỉ có ý nghĩa lý thuyết và giả tưởng.

- *Pháp quyền tự nhiên*: Đề tài của Viện Hàn lâm nhắc đến "pháp quyền tự nhiên". Vậy, nó là gì? Grotius và Pufendorf cho rằng có những "quy luật hay pháp quyền tự nhiên" phổ biến luôn luôn đúng và có hiệu lực độc lập với những quy điều pháp luật của xã hội. Chúng được rút ra từ bản tính tự nhiên của con người. Rousseau khéo léo tránh nói về "pháp quyền tự nhiên" vì ông không tin vào một "bản tính tự nhiên" bất biến, cố định của con người. Trước hết, thế nào là "bản tính tự nhiên"? Với Aristoteles, đó là cái gì thuộc bản chất của sự vật chứ không phải giả tạo hay tùy thuộc (chẳng hạn, nơi con người, thở, đi... là "tự nhiên", khác với việc có chiếc mũi thật đẹp hay đôi chân thật dài!). Rousseau hiểu khác: "tự nhiên" là không bị ô nhiễm bởi xã hội giả tạo!

- *Con người tự nhiên*: theo Rousseau, bản tính tự nhiên nguyên thủy của con người là "tốt", nhưng bị xã hội giả tạo làm cho đổi bại đi. Có nghĩa: bên trong mỗi con người hiện đại đều lưu lại dấu vết của một bản ngã thiện hảo hơn của thời xa xưa. Nhưng, ta lại không thể nào mô tả chính xác "con người tự nhiên" nguyên thủy ấy, vì, giống như bức tượng được vớt lên từ đáy biển, bị xói mòn và bám đầy rong rêu, ta không thể thấy rõ được "bản lai diện mục" của "con người tự nhiên" hiểu như sự thật lịch sử mà chỉ như là giả thuyết cho việc nghiên cứu triết học: "không thể biết rõ về một trạng thái không còn tồn tại hay có thể đã và sẽ không bao giờ tồn tại" mà chỉ có thể phỏng đoán dựa vào một số dấu vết hiển nhiên, chẳng hạn nơi các bộ lạc nguyên thủy còn sót lại hay nơi cách hành xử của các loài linh trưởng cấp cao. Trái với cái nhìn bi quan của Hobbes, họ có thể đã là những con người sống cô độc và giản dị, yêu hòa bình, không gia đình hay của cải, và nhất là không có ý niệm gì về tài sản, sự công bằng, sự chăm chỉ hay chiến tranh. Nói cách khác, họ là những con người tiền-luân lý, và hạnh phúc hơn chúng ta ngày nay. Cũng trái với quan niệm lạc quan của Grotius rằng họ vốn có óc hợp quần và hợp lý, Rousseau cho rằng họ không có ngôn ngữ và chỉ có những ý tưởng đơn giản dựa trên những cảm giác trực tiếp. Họ là "tốt" và "hồn nhiên" theo nghĩa thụ động là không làm điều gì nguy hại. Họ chưa có cách hành xử văn minh với tư duy logic hay sự hợp tác. Do đó, không thể rút ra những "pháp quyền tự nhiên" từ "bản tính tự nhiên" của họ được.

- *Con người hiện đại và xã hội hiện đại:* Khí hậu thay đổi, dân số gia tăng đã tập hợp họ lại thành những bộ lạc, dần định cư, bắt đầu lưu ý đến nhau và sự so sánh đã dẫn đến lòng ghen tị, sự bất bình đẳng, sự kiêu ngạo hay quỵ

lụy. Vậy, định chế tài sản hay sự bất bình đẳng xã hội không phải là những gì "tự nhiên", "không thể tránh được" mà bắt nguồn từ những sự lựa chọn trong quá khứ, được hợp thức hóa bằng những "khế ước" xã hội và chính trị. Khác với Locke, "con người tự nhiên" của Rousseau thoạt đầu không biết gì về tài sản hay "luật pháp". Chính một thiểu số khôn ngoan, ranh mãnh đã dụ dỗ số đông tham gia vào một "khế ước xã hội" để bảo đảm sự an ninh và sự thống trị của pháp luật. Nhờ đó, người giàu chiếm hữu và làm cho mọi người khác nghèo đi. Quan hệ xã hội trở thành quan hệ chủ nô.

- *Chọn con đường khác:* Rousseau đồng ý với việc dùng "khế ước xã hội" để lý giải nguồn gốc của xã hội và chính quyền, nhưng ông cho rằng "khế ước" như thế luôn sai lầm và nay không còn hiệu lực ràng buộc nữa. Khác với con vật, con người có năng lực tự giác và vì thế, là tự do, nên nếu đã có thể biến "trạng thái tự nhiên" thành "trạng thái đồi bại" thì từ nay cũng có thể thay đổi vận mệnh của chính mình. Mọi việc phải và có thể được thay đổi!

Lần này, Rousseau không chỉ không được nhận giải mà còn chuốc lấy sự giận dữ và thù địch của hầu hết các *"philosophes"* vốn từng sát cánh bên nhau. Voltaire viết cho Rousseau: "Thưa ông, tôi đã nhận được quyển sách mới của ông chống lại loài người và xin "méc xì" ông... Chưa bao giờ nhiều sự thông minh đến như thế đã được dùng để làm cho con người trở nên ngu xuẩn. Khi đọc nó, người ta chỉ còn muốn bò bằng bốn chân mà thôi!". Tình bạn đã bị đổ vỡ, nhưng tượng đài sừng sững của một cách suy nghĩ "khác" đã ra đời: Rousseau lánh xa Paris, rút vào ẩn cư và tiếp tục viết...

Năm 1762, Rousseau công bố tác phẩm chính trị quan trọng nhất của mình: *Về khế ước xã hội* (Du contrat social). Câu đầu tiên: "Con người sinh ra tự do, và đâu đâu cũng bị ở trong xiềng xích".

Nhưng, nếu đã thế, nếu sự mất tự do không phải do tự nhiên (hay Thượng đế) tạo ra thì nó *là sản phẩm của chính con người* do đã xa rời và tự tha hóa khỏi trạng thái nguyên thủy. Và vậy thì, cũng chính con người (chứ không phải chờ đến kiếp sau) phải *tự giải phóng chính mình* (chứ không thể ngồi chờ Thượng đế giải thoát cho)! Không sức mạnh nào khác hơn sức mạnh của chính *lý tính* có thể hàn gắn lại những gì đã đổ vỡ. Thế nhưng, để làm điều đó, lý tính cần có một *thước đo*, một chuẩn mực mà nó luôn có thể quy chiếu chứ không thể tùy tiện đặt ra: *"bản tính tự nhiên"* của con người. Với Rousseau, đó là sự tự do nguyên thủy, không phải đạt được bằng lý tính tính toán mà bằng sự thoát ly khỏi sự ô nhiễm của xã hội; và đó là sự tự do của *CON NGƯỜI*, tức của *bất kỳ* một con người nào chứ không chỉ của những thành viên nhất định của một tầng lớp nhất định được ưu đãi vì nguồn gốc xuất thân.

2. Bản tính tự nhiên và giáo dục

Tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* (công bố cùng năm với quyển *Khế ước xã hội*, 1762) bắt đầu như một luận văn về giáo dục, nhưng các ví dụ minh họa đều tập trung vào cậu bé Émile khiến nó trở thành một tiểu thuyết-sư phạm. Ngay câu đầu tiên đã nói lên lập trường tiêu biểu của Rousseau: "Mọi thứ từ bàn tay tạo hóa mà ra đều tốt; mọi thứ đều suy đồi biến chất trong bàn tay con người". Ông viết tiếp: "Con người bắt ép một chất đất phải nuôi các sản phẩm của chất đất khác, một cái cây phải mang quả của cây khác; con người hòa trộn và lẫn lộn các khí hậu, các yếu tố, các mùa; con người cắt xẻo các bộ phận trong thân thể con chó của mình, con ngựa của mình, nô lệ của mình; họ đảo lộn mọi thứ, họ làm biến đổi xấu xí mọi thứ, họ ưa sự dị dạng, các quái vật; họ không muốn cái gì y nguyên như tự nhiên đã tạo ra, ngay cả con người cũng thế; họ phải rèn tập con người cho họ, như một con ngựa để kéo cỗ máy; họ phải uốn vặn con người theo kiểu cách của họ, như một cái cây trong vườn nhà họ".

Như thế, con người không chỉ là tự do, mà còn *tốt* ngay từ khi sinh ra đời. Cái xấu, cái ác là không phải bẩm sinh mà do ảnh hưởng của xã hội và của nền giáo dục tương ứng với xã hội ấy. (Khẳng định này – nhất là chủ trương "tôn giáo tự nhiên" ở cuối sách, chứ không phải các ý tưởng mới mẻ về nền giáo dục lấy người học làm trung tâm – là một sự khiêu khích chống lại quan niệm thống trị đương thời, ở đây là quan niệm về "tội tổ tông", khiến cuốn sách bị Tổng giám mục Paris lên án, ra lệnh tịch thu và thiêu hủy công khai. Tác giả của nó phải sống lưu vong suốt đời!)

Do đó, nếu bản thân con người chỉ có thể tự giải phóng khỏi những gì do chính mình gây ra, thì cũng chỉ bản thân con người mới có thể bảo tồn được cái "thiên chân" của mình. Chính ở đây, Rousseau đụng chạm đến vấn đề hết sức cơ bản: *sứ mạng hay cương lĩnh giáo dục*. Trái với quan niệm thông thường từ xưa đến nay xem sứ mạng của giáo dục đối với xã hội quyết định sứ mạng của giáo dục đối với người học, có nghĩa là giáo dục phải chuẩn bị cho người học gia nhập vào một xã hội nhất định nào đó để phục vụ, duy trì và phát triển xã hội ấy, Rousseau chủ trương sứ mạng của giáo dục không phải là đào tạo con người *cho* xã hội, mà là làm cho cái "thiên chân" trong con người có thể được phát huy tối đa.

Rousseau không chỉ chống lại một nền giáo dục phục vụ cho xã hội hiện có mà còn chống lại *bất kỳ* nền giáo dục nào tuân phục xã hội và đào tạo con người theo những lợi ích của một xã hội nhất định. Vì lẽ bao lâu người thanh thiếu niên chỉ quan tâm đến những gì xã hội hay người khác chờ đợi nơi chính mình để lấy đó làm định hướng thì bắt đầu có sự xuyên tạc và trá ngụy. Thay

vì tìm cách thích ứng với xã hội, họ cần có điều kiện để trở nên trung thực với chính mình, nghĩa là, sống theo bản tính tự nhiên và tiến trình phát triển nội tại của nó. Theo cách nói ngày nay, chỉ có như thế họ mới trưởng thành và trở thành những nhân cách mạnh mẽ để về sau có thể tự khẳng định mình trước những thách thức và đòi hỏi của xã hội cũng như hành xử với xã hội dựa theo sự xác tín của một lý tính đã được phát triển. Quan niệm triệt để này về sứ mạng giáo dục sẽ dẫn đến phương pháp và mục tiêu mới về chất của giáo dục: đào tạo CON NGƯỜI với tư cách là *tác nhân* cải tạo xã hội chứ không chỉ là *nhân tố* tái tạo xã hội, như ta sẽ gặp lại ở mục 4.

Một nền giáo dục định hướng theo bản tính tự nhiên của con người như thế *tuyệt nhiên* không được hiểu như là một tiến trình tự nhiên *đơn thuần*, như thể chỉ cần phó mặc thanh thiếu niên cho tiến trình trưởng thành tự nhiên của họ. Làm cho con người có thể tự phát triển phù hợp với bản tính tự nhiên là một trách vụ cực kỳ quan trọng và khó khăn, đòi hỏi một sự hiểu biết rất chính xác về bản tính tự nhiên của con người từ phía nhà giáo dục. Vậy, giáo dục được quan niệm như là yếu tố *thứ ba* giữa tự nhiên và xã hội; một miếng đất trung gian được cách ly với những ảnh hưởng của xã hội nhằm phát triển bản tính tự nhiên. Và bản tính tự nhiên này, đến lượt nó, cũng chỉ có thể tự phát triển khi được tách khỏi tiến trình tự nhiên đơn thuần.

Theo Rousseau, tiến trình phát triển ấy đòi hỏi ta phải lưu ý đến nguyên lý nền tảng sau đây: đó là *sự tương ứng giữa một bên là các nhu cầu với bên kia là các sức mạnh và năng lực của bản thân đứa trẻ*. Sự tương ứng này không hình thành một cách tự nhiên, hoang dã nơi đứa trẻ còn cần sự nuôi dưỡng và chăm sóc của người lớn. Nhưng, vấn đề quan trọng hàng đầu là: để đứa trẻ có thể phát triển mọi năng lực của nó, việc chăm sóc, giúp đỡ của người lớn chỉ nên dừng lại ở mức thật cần thiết và cần chú ý đừng quá nuông chiều để làm "hư" chúng: "khi Hobbes gọi kẻ tai ác là một đứa trẻ cường tráng, thì ông đã nói một điều mâu thuẫn tuyệt đối. Bất kỳ sự tai ác nào cũng từ sự yếu đuối mà ra; đứa trẻ chỉ tai ác vì nó yếu đuối; hãy làm cho nó mạnh, nó sẽ tốt; người nào có thể thực hiện mọi điều sẽ không bao giờ làm điều ác". Có sự cân bằng giữa nhu cầu và năng lực thì đứa trẻ là một đứa trẻ cân bằng, và, vì thế, là một đứa trẻ *hạnh phúc*.

3. Nền giáo dục "phòng vệ"

Vậy, người thầy *làm gì* cho một tiến trình phát triển cân bằng như thế? Từ thế kỷ XVIII trở về trước, các đứa trẻ quý tộc ở châu Âu được đối xử như những người lớn-tập sự; chúng không được nô đùa và hoạt động thể chất, được giáo huấn nghiêm ngặt, bị trừng phạt nặng nề nếu không vâng lời hay có hành vi bất xứng. Locke xem đó là tiến trình "tạo dấu ấn" cần thiết, và vì thế,

quyển *Émile* cũng có thể được xem là một phản đề nghị đối với tác phẩm *Some Thoughts Concerning Education* (Một số tư tưởng về giáo dục, 1693) của Locke. Trong bức thư trần tình dài ngót 100 trang gửi cho Tổng Giám mục Paris, Rousseau trình bày rõ các ý định của mình: "Quyển sách của tôi là nhằm ngăn không cho con người trở thành tai ác (...) Tôi gọi đó là nền giáo dục *phòng vệ* (negative) như là nền giáo dục tốt nhất hay thậm chí là duy nhất tốt lành (...) Nền giáo dục *chủ động* (positive) là nhằm đào tạo tinh thần quá sớm và muốn bắt trẻ em phải biết những nghĩa vụ của người lớn. Còn nền giáo dục phòng vệ là làm cho các cơ quan – phương tiện của nhận thức – được tinh tường trước khi mang lại nhận thức cho chúng. Nền giáo dục phòng vệ không phải là phóng đãng. Nó không mang lại đức hạnh, nhưng ngăn chặn tội lỗi; nó không phô trương chân lý mà ngăn chặn sai lầm. Nó chuẩn bị tất cả cho trẻ con để chúng có thể nhận thức được cái Chân khi đủ năng lực thấu hiểu, và cái Thiện khi có thể biết ái mộ"[7]. Ta chỉ có thể điểm qua một số nét chính yếu của phương pháp giáo dục phòng vệ này:

- Đứa trẻ nên được để cho tự phát triển bản tính tốt bằng chính trải nghiệm về sức lực của nó, nghĩa là tự mình, không cần sự hướng dẫn của người lớn. Hãy để cho *chính đời sống* "giáo dục" nó. Thế nhưng, đời sống đó là gì khi không phải là đời sống bản năng của thú vật, cũng không phải là đời sống trong khuôn khổ trật tự xã hội? Theo Rousseau, đó là một đời sống do người thầy *sắp đặt* và *cách ly* khỏi mọi ảnh hưởng xấu xa của xã hội (vì thế gọi là "phòng vệ"): một cuộc sống vừa cách ly xã hội, vừa do người thầy kiến tạo, tức là "chủ động"! Nhưng, chỗ khác biệt cơ bản với lối giáo dục "chủ động" là ở chỗ: ảnh hưởng giáo dục được tiến hành một cách *gián tiếp*: người thầy không xuất hiện trực tiếp và cần làm cho đứa trẻ tin rằng mọi điều xảy ra cho nó là "tự nhiên"[8].

---

[7] Dẫn theo Ruhloff, 1998, tr.98.

[8] Quan niệm này đã ảnh hưởng mạnh đến *Maria Montessori* (1870-1952), nhà cải cách giáo dục cự phách của nước Ý hiện đại. Bà nhìn học sinh như những "bào thai tri thức", những "kỳ quan cuộc sống" mà người thầy có trách nhiệm vun bồi: "người thầy giáo sẽ phải học cách giữ im lặng thay vì nói; phải quan sát thay vì hướng dẫn, và phải khoác lên mình tấm áo choàng của sự khiêm nhường và say mê thay vì vẻ kiêu ngạo của một con người không bao giờ phạm sai lầm". "Khác với loài vật, con người không được "lập trình sẵn" với bất kỳ sự phát triển có phối hợp nào cả, nên con người phải tự học mọi thứ: không có mục tiêu nào được đặt ra cho con người, trái lại, con người phải tìm kiếm mục tiêu cho mình".

Ta cũng có thể tìm thấy ảnh hưởng tương tự nơi *John Dewey* (1859-1952) với mô hình "trường học Dewey" nổi tiếng của ông. (Xem: J. Dewey: *Dân chủ và giáo dục*. Bản dịch của Phạm Anh Tuấn, NXB Tri thức, 2008).

- Trong bối cảnh ấy, lý tính chưa giữ vai trò hướng dẫn mà còn nhường chỗ cho bản tính tự nhiên. Bao lâu chỉ có đứa trẻ và thế giới chung quanh xuất hiện ra cho nó như thể là tự nhiên thì chưa cần có các quan hệ xã hội giữa người với người: người ta không thể tranh cãi với tự nhiên; còn tự nhiên cũng không chịu vâng lời và nuông chiều! Nói khác đi, *sự tự do* của đứa trẻ không phải là sự tự do của một sự hiện hữu thoát ly khỏi tự nhiên bằng lý tính mà là một sự "hòa điệu thoải mái giữa năng lực và ý muốn được Tự nhiên mang lại"; "con người tự do đích thực chỉ muốn cái mình có thể và chỉ làm những gì phù hợp với mình".

- Lý tính sẽ giữ vị trí hàng đầu *ở tuổi thanh niên* khi tính xã hội trở thành tất yếu. Trước hết, nó thể hiện ở nhu cầu *tình dục* mới được khơi dậy: sự thèm khát kẻ khác giới – trong chừng mực không phải là bản năng đơn thuần – đòi hỏi phải có sự trung giới xã hội với người khác. Sự quan tâm bắt đầu chuyển dịch từ bản thân sang mối quan hệ với người khác, với điều kiện: bản năng phải được "triển hạn", theo cách nói ngày nay. Rousseau có cái nhìn tinh tế về mối quan hệ nội tại giữa đam mê và việc rèn luyện lý tính: Émile biết yêu nhưng không được thỏa mãn tình yêu một cách tức thì! Hầu như trên đôi cánh của tình yêu, Émile bắt đầu học cách trải nghiệm thế giới xã hội và tình liên đới với con người.

Tiếp theo đó sẽ xuất hiện viễn tượng của việc lập gia đình và đảm bảo cuộc sống trong xã hội. Rốt cuộc, ý chí riêng không còn được quy định chỉ bằng nhưng nhu cầu và sức lực phát triển một cách tự nhiên mà bằng những nhu cầu xã hội và năng lực ứng phó với các quan hệ xã hội: Émile phải tự chuyển hóa thành con người trưởng thành có cuộc sống riêng mang kích thước xã hội và có ý muốn hợp lý thông qua sự trung giới với những người khác: lập gia đình, có nghề nghiệp, nghĩa là đủ mạnh để đi vào đời sống xã hội mà không tự đánh mất chính mình. Émile không được giáo dục *trực tiếp* về các điều ấy mà là trưởng thành trong những điều kiện cho phép nó *tự mình* phát huy hết năng lực, nhu cầu và nguyện vọng của mình. Chính người thầy là kẻ "đứng phía sau", khéo léo tạo ra những điều kiện ấy.

Rousseau đã đi đến đích: xác định *mục tiêu* của giáo dục. Émile có thể trở thành một quan chức, một thương nhân, một người theo đuổi binh nghiệp... Nhưng, không có một hình ảnh nào trong số đó được phép trở thành một mục tiêu *chính đáng* của giáo dục. Bởi, theo Rousseau, con người chỉ có một *"nghề"* duy nhất được phép học: *LÀM NGƯỜI*: "trong trật tự tự nhiên, nơi mọi người đều bình đẳng, thì *làm người* là nghề nghiệp chung của họ. Và hễ ai đã được giáo dục để làm người, ắt không thể thất bại trong việc hoàn thành

mọi nhiệm vụ đặt ra cho mình. (...) Sống, chính là nghề nghiệp mà tôi muốn dạy cho học trò mình. Ra khỏi vòng tay của tôi – và tôi tán thành –, học trò tôi sẽ không phải là quan chức, không phải là người lính, không phải là tu sĩ; nó trước hết sẽ *thành người*".

- Vậy, kỳ cùng, cương lĩnh giáo dục phòng vệ và thoát ly xã hội của Rousseau tuyệt nhiên không nhằm đến mục tiêu là một cuộc sống quy ngã và phi-xã hội (cũng như khẩu hiệu "trở về với tự nhiên" – được gán cho Rousseau! – không có nghĩa là quay về sống trong rừng rậm!) mà chính là *một hình thức mới của tính xã hội* không được hình thành từ sự phục tùng mà từ một sự liên đới tự nguyện của những con người bình đẳng: một xã hội "nhân bản". Thậm chí Rousseau còn xem đó là *nghĩa vụ*: sống bên ngoài xã hội, con người không chịu trách nhiệm với ai cả và có quyền sống theo ý thích, còn trong xã hội, là nơi tất yếu phải sống trên lưng người khác, con người mang nợ người khác vì miếng cơm của mình – không có ngoại lệ. Vì thế, lao động là nghĩa vụ không thể thoái thác đối với con người sống trong xã hội. Dù giàu hay nghèo, dù khỏe hay yếu, bất kỳ một công dân nhàn rỗi nào cũng đều là một tên lừa đảo!

"Món nợ" này là món nợ tự mình cảm nhận và phát hiện. "Trả nợ xã hội" không phải là nhiệm vụ do người khác đặt ra, buộc ta phải vâng lời mà là nghĩa vụ của con người trước chính mình, trước những "điều kiện khả thể" để *có thể làm người*. Món nợ ấy không thể thanh thỏa bằng cách nào khác hơn là tự hiến dâng chính mình: con người và con người-công dân không có gì để hiến dâng cho xã hội ngoài chính bản thân mình... Ai nhàn nhã hưởng thụ công sức của kẻ khác, trước mắt Rousseau, là kẻ cắp, là tên cướp cạn.

Những câu văn cháy bỏng của Rousseau không chỉ nhắm vào tầng lớp quý tộc ăn bám đương thời mà còn là lời cải chính đanh thép trước nhiều ngộ nhận khác nhau đối với ông.

Học thuyết về giáo dục của Rousseau hoàn toàn không phải là một chủ thuyết "vô-chính phủ tùy tiện" hay "chống-quyền uy" như cách hiểu vội vã. Rousseau chống lại chủ trương "sùng bái" xã hội và công cụ hóa giáo dục trong quan niệm thô thiển về vai trò quyết định của xã hội trong việc giáo dục con người, đồng thời cũng xa lạ với sự đối lập triệt để giữa "con người" và "người công dân" trong xã hội. Xã hội hóa như là hình thức và cơ hội cho việc cá nhân hóa là thách thức của ông. Kiến tạo nên một thế giới thích hợp là nhiệm vụ sư phạm nặng nề, không bỏ quên "bản tính tự nhiên" của trẻ em, đồng thời không xem nhẹ những khả thể lẫn những trở lực do xã hội mang lại. Cả hai đều là các thước đo cho một phương châm đúng đắn về giáo dục, vì, xét đến

cùng, con người không phải là "đối tượng" mà là "chủ thể" của xã hội và giáo dục. Thử hỏi *những giá trị* mà một hình thái xã hội nhất định muốn giáo dục cho con người từ đâu mà ra, nếu không phải xuất phát từ chính nhận thức của những con người tự do đã muốn cải tạo xã hội cũ trước đó?

4. Tính "hiện đại" của Rousseau và về một cách đọc *Émile hay là về giáo dục*

Tạm rời khỏi những luận điểm trên đây của Rousseau (mà khuôn khổ một bài giới thiệu không thể đề cập đầy đủ), ta thử lưu ý đến *"hậu ý"* trong quan niệm của Rousseau. Vấn đề nổi bật ở đây là mối *quan hệ giữa "[bản tính] tự nhiên" và sức mạnh* hay *quyền lực của sự giáo dục*. Rousseau dành cho nhà giáo dục một quyền lực khổng lồ nhằm phát huy sức mạnh của "bản tính tự nhiên". Ông viết: "Xin các vị hãy đi một con đường ngược lại với con đường của học trò mình; sao cho nó tưởng nó luôn làm chủ, song thực ra chính các vị luôn làm chủ. Không có sự chế ngự nào hoàn hảo bằng sự chế ngự vẫn duy trì vẻ ngoài tự do; như thế người ta nắm giữ được ngay cả ý chí. Đứa trẻ tội nghiệp không biết gì hết, không làm được gì hết, không hiểu gì hết, nó chẳng phải phó mặc cho các vị đấy sao? Các vị chẳng tùy ý sử dụng đối với nó mọi thứ xung quanh nó hay sao? Các vị chẳng làm chủ trong việc huy động nó theo ý thích của các vị hay sao? Các việc làm của nó, các trò chơi của nó, các thú vui, các nỗi buồn khổ của nó, tất cả chẳng ở trong tay các vị mà nó không biết hay sao? Hẳn nó chỉ phải làm những gì nó muốn mà thôi, nhưng nó ắt chỉ muốn những gì các vị muốn nó làm mà thôi; nó ắt không nhấc một bước chân mà các vị chẳng từng đoán trước; nó ắt không mở miệng mà các vị chẳng biết nó sắp nói gì".

Ta không khỏi bỡ ngỡ, rồi kinh ngạc trước một quan niệm như thế! Nếu thoạt đầu ta đã hiểu Rousseau như là kẻ chủ trương bảo vệ sự tự do để con người có thể tự phát triển thì bây giờ xuất hiện kẻ "giật dây" ở hậu trường (nhà giáo dục) dàn dựng và kiểm soát tất cả. Đó chẳng phải là một lối giáo dục "toàn trị", một kỹ thuật "nhồi sọ", thậm chí "tẩy não"? Tại sao Rousseau không nhận ra sự mâu thuẫn kịch liệt như thế? Làm sao lý giải được điều ấy?

Trước hết, đây là một vấn đề luôn gắn liền với bất kỳ quan niệm nào muốn viện dẫn đến "bản tính tự nhiên". Để có thể nói về "bản tính tự nhiên", ta phải phân biệt cái "tự nhiên" với cái không phải tự nhiên (ở Rousseau, đó chính là xã hội và những gì xã hội đã tạo ra từ "tự nhiên"). Thế nhưng, sự phân biệt này là một hành vi, một tác vụ tinh thần, nghĩa là bản thân không phải là cái gì "tự nhiên", và vì thế, cái được gọi là "bản tính tự nhiên" là kết quả của một sự quy định tư duy. Với tư cách ấy, sự quy định tư duy phải biện

minh cái gì là "tự nhiên", cái gì không phải là "tự nhiên". Trong *Émile*, Rousseau đã làm việc ấy và đó là một đóng góp lý thuyết cho vấn đề giáo dục ở thế kỷ Ánh sáng. Nhưng, nó không chỉ là lý thuyết. Ở đây, lý thuyết *đã xuất hiện như thể là "tự nhiên"* mà đứa bé phải phục tùng và không biết rằng mình đang thực sự phục tùng ý chí của người thầy. Sự "tất yếu tự nhiên" khiến đứa bé hành động là một sự tất yếu do người thầy quy định. Song, một sự tất yếu như thế rõ ràng không phải là một sự tất yếu "tự nhiên"! Ngày nay, người ta gọi đó là *nghịch lý của hành vi sư phạm*. Nghịch lý này là ở chỗ: điều mà ý đồ sư phạm mong muốn (sự phát triển tự nhiên của trẻ em) chính là điều mà nhà giáo dục không thể mong muốn, bởi nó sẽ thủ tiêu ngay khả thể của việc giáo dục (việc tạo ảnh hưởng lên người học). Nhưng mặt khác, quyền lực của nhà giáo dục hoàn toàn không phải là để thiết lập sự thống trị cá nhân của *bản thân* nhà giáo dục, trái lại, điều mong muốn là thiết lập *quyền lực của quan niệm*. Và, như nhiều người nhận định, đây chính là *tính hiện đại* khác thường của Rousseau. Tuy nhà giáo dục có vẻ là kẻ dàn dựng tất cả, nhưng bản thân cũng chỉ là một "sản phẩm" của Rousseau không khác gì Émile hay các "nhân vật" khác xuất hiện trong tác phẩm. Tất cả đều được "điều chỉnh" bằng sự "dàn dựng" của chính Rousseau.

Trong chừng mực đó, quyển *Émile hay là về giáo dục* không có tính chất của một "tiểu thuyết giáo dục", càng không phải của một "đề án" giáo dục cho bằng của một *"thử nghiệm tư duy"*, được kiến tạo từ một "ý niệm" không cần được kiểm nghiệm trong môi trường thực tế, tức, như một *"loại hình lý tưởng"* (Idealtypus) để mượn một thuật ngữ của Max Weber. Tính cực kỳ "hiện đại" của tác phẩm chính là ở chỗ: "thử nghiệm tư duy" của Rousseau trước đây tương ứng với khả năng cấu tạo những *không gian "ảo"* ngày nay. Werner Sesink, trong một khóa giảng về *"Thế kỷ sư phạm"* vào năm 2007 đã lưu ý đến tính đa nghĩa của chữ *"ảo" (virtuell)* trong môn sư phạm thực tại - ảo:

- bản thân nó không (hay chưa) phải là thực (virtuell = không thực);

- được nêu lên như là tấm gương mẫu mực (Latin: virtus = đức hạnh) mà khi so sánh với nó, mọi thực tại hiện tồn đều trở nên bất cập;

- là "chương trình" có sức mạnh thôi thúc để trở thành hiện thực (Latin: virtus = sức mạnh, quyền lực);

- là phương thuốc để chữa trị hiện thực giáo dục và xã hội (Latin: virtus = năng lực chữa bệnh, phép lạ);

- là một *hình ảnh* về tính người hiểu như là "nam tính" (Latin: vir = người đàn ông; virtus = sức mạnh nam tính) (và không phải ngẫu nhiên khi Émile là

một *cậu bé*, khiến Mary Wollstonecraft (1759-1797) bực mình và bà đã viết quyển *The Rights of Woman* để đáp trả!) [9].

Ở giác độ ấy, quyển Émile khiến người đọc nhớ đến một phim hư cấu của Peter Weir [10] kể câu chuyện về một môi trường cũng hoàn toàn nhân tạo để đào tạo một chàng trai trẻ. Tất cả được dàn dựng trong một phim trường khổng lồ với một thành phố nhỏ, dân cư toàn là những người tốt bụng, lại có bầu trời và chân trời giả tạo và một môi trường sống được kiểm soát đến từng chi tiết dành cho chàng Truman Burbank (ta chú ý: true man: "con người đích thực"!) nhân vật trung tâm và cũng là nhân vật duy nhất không biết có sự dàn dựng. Truman chỉ khác với Émile ở một chỗ: rốt cuộc, Truman phát hiện được sự thật, "lật tẩy" sự dàn dựng, tự giải thoát cho mình. Và khán giả đã vỗ tay nhiệt liệt!

Sự khác biệt là ở chỗ đó. Chúng ta đang sống ở đầu thế kỷ XXI, muộn hơn Rousseau đến hơn hai thế kỷ kia mà!

Tháng Năm 2008

---

[9] Cuộc thảo luận cũng đã và đang diễn ra rất sôi nổi chung quanh Quyển năm của tác phẩm về vấn đề giáo dục giới tính và giáo dục nữ học sinh (qua nhân vật Sophie, người vợ tương lai của Émile). Mấy vấn đề nổi bật:

- Sự bình đẳng nam nữ có đồng nghĩa với việc xem nam nữ là hoàn toàn giống nhau? (Phụ nữ càng giống nam giới, thì càng ít có ảnh hưởng lên nam giới, rốt cuộc nam giới vẫn giữ vị trí chế ngự?).

- "Bản tính tự nhiên" là như thế nào trong quan hệ với hai giới tính? Đâu là các hệ quả của việc xem nhẹ các sự khác biệt giữa hai "bản tính tự nhiên", nếu có? Và có sự dị biệt trong việc giáo dục đối với hai giới tính?

- Vai trò của đời sống tình dục trong gia đình hạt nhân? Và nói chung, tầm quan trọng của việc xây dựng gia đình hạt nhân trong xã hội hiện đại?

Các luận cứ của Rousseau trong Quyển năm đã kích thích sự ra đời những phản-luận cứ của phong trào nữ quyền hiện đại, bắt đầu từ Mary Wollstonscraft.

[10] Quyển *Émile hay là về giáo dục* cũng đã được Carl Bessai dựng thành phim.

LỜI NÓI ĐẦU

Tập sách gồm những suy tư và quan sát này, không thứ tự và hầu như không mạch lạc, được khởi thảo để chiều lòng một bà mẹ hiền biết suy nghĩ. Thoạt tiên tôi chỉ dự định viết một bài thuyết minh chừng vài trang; do đề tài lôi cuốn tôi ngoài ý muốn, bài thuyết minh dần dà thành một công trình hẳn là quá to tát đối với nội dung của nó nhưng lại quá nhỏ bé đối với vấn đề mà nó bàn luận. Tôi đã cân nhắc rất lâu việc công bố nó; và trong khi soạn thảo, nhiều lần nó đã khiến tôi cảm nhận rằng từng viết vài tập mong mỏng không đủ để biết cấu thành một cuốn sách. Sau nhiều nỗ lực vô bổ để làm tốt hơn, tôi cho rằng phải đưa nó ra đúng như nó vốn thế, bởi xét thấy cần hướng sự chú ý của công chúng về phía đó; và xét rằng, dù các ý tưởng của tôi có dở, song nếu tôi làm nảy ra được những ý tưởng hay ở người khác, thì tôi không hoàn toàn uổng phí thì giờ của mình. Một con người, từ nơi ẩn cư, tung những trang viết của mình ra với công chúng, không người ca ngợi hưởng ứng, không có phe phái bênh vực, thậm chí chẳng biết mọi người nghĩ gì hoặc nói gì về những trang viết ấy, thì nếu như có lầm lẫn, cũng chẳng phải sợ mọi người chấp nhận những sai lầm đó mà không kiểm tra xem xét.

Tôi sẽ nói ít về tầm quan trọng của một sự giáo dục tốt; tôi cũng sẽ không dừng lại để chứng minh rằng sự giáo dục hiện hành là dở; hàng ngàn người khác đã làm việc đó trước tôi, và tôi không thích viết đầy một cuốn sách những điều mà ai cũng biết. Tôi chỉ nhận xét rằng, từ lâu lắm rồi, chỉ có một sự kêu ca phàn nàn về cách làm đã được xác lập, mà không người nào tính đến chuyện đề xuất một cách làm tốt hơn. Văn chương và tri thức thời đại chúng ta có khuynh hướng phá hủy nhiều hơn là xây dựng. Người ta chỉ trích với giọng ông thầy; để đề xuất, phải dùng một giọng điệu khác, mà triết lý cao ngạo không ưa thích lắm. Mặc dù đã có bao nhiêu sách vở, như người ta nói, chỉ nhằm mỗi mục tiêu là công ích, song lợi ích đầu tiên của mọi lợi ích, là nghệ thuật đào tạo con người, hãy còn bị lãng quên. Đề tài của tôi hãy còn hoàn toàn mới mẻ sau cuốn sách của Locke[11], và tôi rất sợ là nó vẫn còn mới mẻ sau cuốn sách của tôi.

---

[11] * John Locke (1632-1704), triết gia người Anh, đã viết những tác phẩm *Về trí năng của con người* (1690), *Về sự giáo dục trẻ em* (1693).

Những chú thích có kèm dấu * là của người dịch.

Người ta không hề hiểu biết tuổi thơ: dựa trên những ý tưởng sai lầm của ta về tuổi thơ, thì càng đi, càng lạc lối. Những bậc hiền minh nhất chuyên chú vào những điều con người cần biết, mà không coi trọng những điều trẻ con có thể học được. Họ luôn tìm kiếm người lớn trong đứa trẻ, mà không nghĩ về hiện trạng của đứa trẻ trước khi nó là người lớn. Đó là điều tôi đã chuyên tâm nghiên cứu hơn cả, để nếu như toàn bộ phương pháp tôi đề xuất có sai lầm và hão huyền, thì mọi người vẫn có thể lợi dụng được các quan sát của tôi. Tôi có thể đã nhìn rất kém điều cần làm; nhưng tôi cho rằng mình đã nhìn rõ chủ thể mà trên đó ta cần thao tác. Vậy xin các vị hãy bắt đầu bằng việc nghiên cứu kỹ hơn các học trò của mình; bởi chắc chắn rằng các vị không hề hiểu chúng; mà nếu các vị đọc cuốn sách này với ý đó, thì tôi nghĩ cuốn sách chẳng phải là vô ích đối với các vị.

Về những gì mà người ta sẽ gọi là phần hệ thống, ở đây chẳng là gì khác ngoài sự vận hành của tự nhiên, đó chính là điều sẽ khiến độc giả khó nghĩ nhất; chắc người ta cũng sẽ công kích tôi ở điều này, và có lẽ họ không sai đâu. Người ta sẽ nghĩ rằng mình đang đọc những mơ mộng của một nhà ảo tưởng về giáo dục hơn là một khảo luận về giáo dục. Làm thế nào được? Tôi không căn cứ vào các ý tưởng của người khác mà viết; tôi căn cứ vào các ý tưởng của mình. Tôi không hề nhìn như những người khác; từ lâu người ta đã trách tôi về điều này. Nhưng việc cho mình những con mắt khác, những ý tưởng khác, có tùy thuộc vào tôi hay chăng? Không. Tùy thuộc vào tôi là việc đừng tự tán thành, đừng tưởng rằng riêng mình khôn ngoan hơn toàn thể thiên hạ; tùy thuộc vào tôi, không phải việc thay đổi cảm nghĩ, mà là nghi ngờ cảm nghĩ của mình: đó là tất cả những gì tôi có thể làm, và là những gì tôi đang làm. Nếu đôi khi tôi lấy giọng quả quyết, thì đó không hề là để áp đặt với độc giả; đó là để nói với độc giả giống như tôi nghĩ. Tại sao tôi lại đề xuất dưới hình thức nghi vấn điều mà, về phần mình, tôi chẳng hề nghi ngờ? Tôi nói đúng điều đang diễn ra trong đầu óc mình.

Trong khi trình bày một cách thoải mái cảm nghĩ của mình, tôi rất ít muốn cảm nghĩ ấy có uy quyền, thành thử tôi luôn kèm theo đó các lý lẽ của tôi, để mọi người cân nhắc chúng và xét đoán tôi: nhưng, dù tôi không hề định khăng khăng bênh vực các ý tưởng của mình, tôi vẫn cho rằng mình buộc phải đề xuất chúng; bởi các phương châm mà về chúng tôi có ý kiến trái ngược với ý kiến những người khác không hề vô sự. Chúng thuộc những phương châm mà ta cần phải biết là đúng hay sai, những phương châm tạo nên hạnh phúc hay bất hạnh cho loài người.

Hãy đề xuất điều gì có thể làm được, người ta không ngừng nhắc đi nhắc lại với tôi như vậy. Cứ như thể người ta bảo tôi: hãy đề xuất làm điều người ta

đang làm; hoặc chí ít hãy đề xuất điều thiện nào đó dung hòa được với điều ác hiện hữu. Một dự án như thế, về một số vấn đề, còn hão huyền hơn các dự án của tôi rất nhiều; bởi, trong sự dung hòa ấy, cái thiện hỏng đi, còn cái ác không chữa khỏi. Chẳng thà tôi nhất nhất tuân theo cách làm đã được xác lập, còn hơn là có một cách làm tốt nửa vời; như vậy trong con người có lẽ sẽ ít mâu thuẫn hơn; con người không thể đồng thời hướng về hai mục đích đối lập. Hỡi các bậc cha mẹ, điều có thể làm được là điều các vị muốn làm. Tôi có phải chịu trách nhiệm về ý muốn của các vị hay không?

Trong mọi loại dự án, có hai điều cần xem xét: thứ nhất, tính tốt đẹp tuyệt đối của dự án; thứ hai, tính dễ dàng của việc thực hiện.

Về điều thứ nhất, để cho bản thân dự án có thể được chấp nhận và bản thân nó có thể thực thi, chỉ cần những gì tốt đẹp ở nó thuộc về bản chất của sự vật; thí dụ như ở đây, sự giáo dục được đề xuất cần phù hợp với con người, và rất thích ứng với lòng người.

Điều thứ hai phụ thuộc vào các quan hệ nhất định trong một số tình thế: đó là những quan hệ ngẫu nhiên với sự vật, do vậy, chúng không hề là tất yếu, và có thể biến thiên đến vô tận. Chẳng hạn sự giáo dục này có thể thực thi tại Thụy Sĩ, mà không thực thi được tại Pháp; sự giáo dục kia có thể thực thi ở tầng lớp thị dân, còn sự giáo dục nọ ở giới quyền quý. Tính dễ dàng nhiều hay ít của việc thi hành phụ thuộc vào hàng ngàn trường hợp không thể xác định bằng cách nào khác ngoài việc ứng dụng riêng biệt phương pháp cho xứ sở này hay xứ sở nọ, cho trạng thái này hay trạng thái nọ. Mà tất cả những sự ứng dụng riêng biệt ấy, do không thiết yếu đối với đề tài, nên không ở trong kế hoạch của tôi. Những người khác có thể lo điều đó nếu họ muốn, mỗi người lo cho Xứ sở hoặc Quốc gia mà họ sẽ nhắm tới. Đối với tôi, chỉ cần nơi đâu sẽ ra đời những con người, ta có thể đào tạo họ theo những gì tôi đề xuất; và trong khi đào tạo họ theo những gì tôi đề xuất, ta đã làm điều tốt nhất cả cho họ cả cho người khác, thế là đủ. Nếu tôi không làm trọn lời hứa này, chắc hẳn là tôi sai trái; nhưng nếu tôi làm trọn lời hứa, thì mọi người cũng sai trái khi đòi hỏi nhiều hơn ở tôi, bởi tôi chỉ hứa có vậy mà thôi.

QUYỂN MỘT



Mọi thứ từ bàn tay Tạo hóa mà ra đều tốt: mọi thứ đều suy đồi biến chất trong bàn tay con người. Con người bắt ép một chất đất phải nuôi các sản phẩm của chất đất khác, một cái cây phải mang quả của cây khác; con người hòa trộn và lẫn lộn các khí hậu, các yếu tố, các mùa; con người cắt xẻo các bộ phận trong thân thể con chó của mình, con ngựa của mình, nô lệ của mình; họ đảo lộn mọi thứ, họ làm biến đổi xấu xí mọi thứ, họ ưa sự dị dạng, các quái vật; họ không muốn cái gì y nguyên như tự nhiên đã tạo ra, ngay cả con người cũng thế; họ phải rèn tập con người cho họ, như một con ngựa để kéo cỗ máy; họ phải uốn vặn con người theo kiểu cách của họ, như một cái cây trong vườn nhà họ.

Không có điều này, thì mọi sự có lẽ còn tệ hơn nữa, và giống loài chúng ta không muốn được đào luyện nửa vời. Trong tình trạng từ nay trở đi của sự vật, một con người bị phó mặc cho bản thân giữa những người khác ngay từ khi ra đời, sẽ là kẻ bị biến dạng nhiều nhất. Các thành kiến, uy quyền, sự cần thiết, tấm gương, mọi thể chế xã hội, trong đó chúng ta bị chìm ngợp, sẽ bóp nghẹt bản tính tự nhiên ở anh ta, và chẳng để gì thay thế vào đó. Ở đấy bản tính tự nhiên sẽ như một cây non mà sự tình cờ làm mọc ra giữa đường, và người qua kẻ lại chẳng bao lâu sẽ làm chết, khi va vào nó từ mọi phía và uốn nó theo mọi hướng.

Chính là tôi đang nói với bà đấy, bà mẹ giàu yêu thương và biết lo xa[12],

---

[12] Sự giáo dục đầu tiên là quan trọng hơn cả, và sự giáo dục đầu tiên này rõ ràng thuộc về những người phụ nữ - nếu Đấng Tạo tác ra tự nhiên muốn sự giáo dục ấy thuộc về đàn ông, thì Người đã cho họ sữa để nuôi con. Vậy các vị hãy luôn ưu tiên nói với phụ nữ trong các khái luận về giáo dục của các vị; bởi, ngoài việc họ có thể coi sóc việc này sát hơn đàn ông, và luôn có ảnh hưởng nhiều thêm, thì kết quả cũng được họ quan tâm hơn rất nhiều, bởi đa số các quả phụ hầu như chịu sự chi phối định đoạt của con cái, và khi đó con cái khiến họ cảm nhận rất rõ, hoặc tốt hoặc xấu, hiệu quả của cách thức họ từng giáo dưỡng con. Các đạo luật, luôn quan tâm rất nhiều đến tài sản và rất ít đến con người, bởi mục tiêu của luật là sự an bình chứ không phải đức hạnh, không cho các bà

người biết tránh con đường lớn, và bảo đảm cho cây con mới mọc khỏi sự va chạm của dư luận người đời! Hãy vun trồng, hãy tưới tắm cho cây non trước khi nó chết: một ngày kia quả của nó sẽ khiến bà được hưởng lạc thú ngọt ngào. Hãy sớm lập một vành đai quanh tâm hồn con mình; một người khác có thể đánh dấu chu vi, nhưng riêng bà phải đặt rào chắn.

Người ta uốn nắn cây nhờ vun trồng, và đào luyện con người nhờ giáo dục. Nếu con người sinh ra vốn cao lớn và mạnh mẽ, thì tầm vóc và sức mạnh của anh ta sẽ vô dụng đối với anh cho đến khi nào anh học được cách sử dụng chúng; chúng sẽ bất lợi cho anh, bởi ngăn trở những người khác nghĩ đến việc giúp đỡ anh[13]; và, bị phó mặc cho bản thân, anh ta sẽ chết vì khốn khổ trước khi biết được nhu cầu của mình. Người ta phàn nàn về trạng thái của tuổi thơ; người ta không biết rằng loài người sẽ tiêu vong, nếu như con người không khởi đầu bằng việc là trẻ thơ.

Chúng ta sinh ra yếu đuối, chúng ta cần sức mạnh; chúng ta sinh ra chẳng có gì, chúng ta cần sự giúp đỡ; chúng ta sinh ra ngu ngốc, chúng ta cần sự phán đoán. Tất cả những gì chúng ta không có khi ra đời và chúng ta cần đến khi lớn lên, đều được sự giáo dục đem lại cho ta.

---

mẹ đủ uy quyền. Tuy nhiên địa vị của họ chắc chắn hơn địa vị những người cha, bổn phận của họ nặng nhọc hơn; sự chăm sóc của họ cần hơn cho trật tự tốt lành của gia đình; thường họ gắn bó hơn với con cái. Có những trường hợp một đứa con trai thiếu tôn trọng cha có thể phần nào được miễn thứ; nhưng nếu, trong bất cứ trường hợp nào, một đứa trẻ khá bất hiếu đến mức thiếu tôn trọng mẹ, người đã mang nó trong bụng, đã nuôi nó bằng sữa của mình, nhiều năm ròng đã quên đi bản thân để chỉ chăm lo cho nó, thì người ta phải bóp chết ngay kẻ khốn nạn ấy như một quái vật không xứng đáng được ra đời. Người ta thường bảo rằng các bà mẹ nuông chiều con. Chắc hẳn trong việc này họ sai, nhưng có lẽ ít sai hơn các vị là người làm hư hỏng con. Người mẹ muốn con mình hạnh phúc, muốn nó được hạnh phúc ngay từ bây giờ. Trong việc này bà đúng: nếu bà lầm lẫn về cách thức, cần phải chỉ vẽ cho bà. Tham vọng, sự keo kiệt, sự chuyên chế, sự lo xa giả tạo của những người cha, sự hững hờ sao nhãng, sự vô cảm tàn nhẫn của họ có hại cho con trẻ gấp trăm lần tình yêu thương mù quáng của các bà mẹ. Và chăng, cần giải thích cái nghĩa mà tôi đem lại cho danh từ mẹ, và đó là điều sẽ được tiến hành sau đây.

[13] Bề ngoài giống như họ, song không có được ngôn ngữ cũng như những ý tưởng do ngôn ngữ biểu đạt, anh ta sẽ không thể làm cho họ hiểu anh ta có nhu cầu được họ giúp đỡ, và chẳng có gì ở anh ta bộc lộ với họ nhu cầu ấy.

Sự giáo dục đó đến với chúng ta từ tự nhiên, hoặc từ con người hoặc từ sự vật. Bước phát triển nội tại của các khả năng và các cơ quan của chúng ta là sự giáo dục của tự nhiên; việc sử dụng bước phát triển đó, do mọi người dạy cho ta, là sự giáo dục của con người; và những gì thu nhận được do kinh nghiệm của chính chúng ta về các đối tượng ảnh hưởng đến ta là sự giáo dục của sự vật.

Vậy mỗi người trong chúng ta được đào tạo bởi ba loại thầy giáo. Người đồ đệ nào mà ở anh ta những bài học khác biệt của các ông thầy đó mâu thuẫn nhau, là người được giáo dục dở, và sẽ không bao giờ đồng tình với bản thân; người nào mà ở anh ta tất cả các bài học cùng nhằm trúng những điểm như nhau, và hướng về những mục đích như nhau, người đó một mình đi đến mục tiêu và sống một cách nhất quán. Chỉ có người ấy là được giáo dục tốt.

Trong ba sự giáo dục khác biệt ấy, sự giáo dục của tự nhiên không hề phụ thuộc vào chúng ta; sự giáo dục của sự vật chỉ phụ thuộc vào chúng ta ở một số phương diện. Sự giáo dục của con người là điều duy nhất mà chúng ta thực sự làm chủ; song chúng ta cũng chỉ làm chủ trên giả định; bởi ai có thể hy vọng điều khiển hoàn toàn được các diễn ngôn và các hành vi của tất cả những người ở xung quanh một đứa trẻ?

Vậy nếu như giáo dục là một nghệ thuật, thì nó lại hầu như không có khả năng thành công, bởi sự hợp lực cần thiết cho thành tựu của nó chẳng tùy thuộc ai hết. Tất cả những gì ta có thể làm do hết sức chăm lo là đến gần được mục đích nhiều hay ít, nhưng phải có may mắn mới đạt tới mục đích.

Mục đích ấy là gì? Đó chính là mục đích của tự nhiên; điều này vừa mới được chứng tỏ. Bởi sự hợp lực của ba nền giáo dục là cần thiết cho tính hoàn hảo của chúng, thì chính nền giáo dục mà ta không thể tác động gì được là điều mà ta phải lái hai nền giáo dục kia hướng tới. Nhưng có lẽ cái tiếng tự nhiên có một nghĩa quá mơ hồ; ở đây cần cố gắng xác định nó.

Tự nhiên, như mọi người thường bảo chúng ta, chỉ là thói quen. Thế nghĩa là gì? Chẳng phải có những thói quen mà ta chỉ tập nhiễm do cưỡng bức, và chúng mãi mãi bóp nghẹt tự nhiên đó sao? Thí dụ như thói quen của những cái cây bị người ta ngăn trở chiều hướng thẳng đứng. Khi được tự do cái cây vẫn giữ chiều nghiêng mà người ta đã ép nó khuôn theo; nhưng nhựa cây không vì thế mà thay đổi chiều hướng nguyên sơ; và nếu cây tiếp tục sinh trưởng, phần mọc dài ra của nó thẳng đứng trở lại. Các xu hướng của

con người cũng thế. Chừng nào người ta vẫn ở trong cùng một trạng thái, người ta có thể giữ những xu hướng hình thành do thói quen, và với ta những xu hướng này là ít tính tự nhiên nhất; nhưng, tình thế vừa thay đổi, là thói quen ngừng và cái tự nhiên trở lại. Chắc chắn giáo dục chỉ là một thói quen. Mà chẳng phải có những người quên đi và mất đi sự giáo dục, có những người khác vẫn giữ được sự giáo dục đó sao? Sự khác biệt này từ đâu ra? Nếu phải giới hạn danh từ tự nhiên vào những thói quen phù hợp với tự nhiên, ta có thể tránh cho mình những lời lẽ rắc rối trên.

Chúng ta sinh ra có cảm giác, và từ khi ra đời, chúng ta chịu ảnh hưởng theo nhiều cách, từ những đối tượng bao quanh ta. Ngay khi có thể nói rằng ta ý thức được cảm giác của mình, là ta có khuynh hướng tìm kiếm hoặc trốn chạy những đối tượng sản sinh ra các cảm giác ấy, thoạt tiên tùy theo những cảm giác này dễ chịu hay khó chịu với ta, sau đó, tùy theo sự thích hợp hay không thích hợp mà ta thấy giữa ta và các đối tượng, cuối cùng, tùy theo các phán đoán của ta về đối tượng theo quan niệm về hạnh phúc hay tính hoàn hảo mà lý trí đem lại cho ta. Các khuynh hướng này dần mở rộng và cùng cố tương xứng với việc chúng ta trở nên mẫn cảm hơn và sáng suốt hơn; nhưng, bị thói quen của chúng ta câu thúc, chúng biến chất đi ít hay nhiều do các ý kiến của chúng ta. Trước khi có sự biến chất đó, chúng là cái mà tôi gọi là bản tính tự nhiên ở ta.

Vậy cần phải quy tất cả mọi điều vào các khuynh hướng nguyên sơ đó; và điều này là có thể, nếu ba sự giáo dục của chúng ta chỉ khác biệt nhau mà thôi: nhưng làm thế nào khi chúng đối lập nhau; khi mà, thay vì giáo dưỡng một con người cho bản thân anh ta, người ta lại muốn giáo dưỡng anh ta cho những người khác? Lúc ấy sự hòa hợp là không thể. Buộc phải chống lại bản tính tự nhiên hoặc các thể chế xã hội, ta cần chọn giữa việc đào tạo một con người hay một công dân; bởi ta không thể đồng thời đào tạo cả người nọ lẫn người kia.

Bất kỳ một quần thể mang tính bộ phận nào, khi nó hẹp và thật đoàn kết, cũng xa lìa quần thể lớn. Bất kỳ người ái quốc nào cũng khắc nghiệt với dân ngoại quốc: họ chỉ là con người mà thôi, họ chẳng là gì trong mắt anh ta hết[14]. Điều bất lợi này không tránh khỏi, nhưng nó yếu ớt. Điều cốt yếu là tốt với

[14] Bởi thế chiến tranh giữa các nền cộng hòa tàn ác hơn chiến tranh giữa các nền quân chủ. Nhưng, nếu như cuộc chiến của các nhà vua ôn hòa hơn, thì nền hòa bình của họ mới khủng khiếp: là kẻ thù của họ thì hơn là làm bầy tôi của họ.

những người mà mình sống cùng. Ở bên ngoài thì người dân thành Sparte[15] đầy tham vọng, keo kiệt, bất công; nhưng lòng vô tư bất vụ lợi, sự công bằng, sự hòa hợp, ngự trị bên trong những bức tường thành. Các vị hãy phòng ngừa những nhà thế giới chủ nghĩa, họ kiếm tìm xa xôi trong sách vở những bổn phận mà họ chẳng buồn làm trọn ở xung quanh họ. Như triết gia nọ yêu quý những người Tartare, để khỏi phải yêu quý láng giềng của mình.

Con người tự nhiên là tất cả đối với mình; anh ta là sự thống nhất số học, là số nguyên tuyệt đối, chỉ có quan hệ với bản thân hay với đồng loại của mình. Con người dân sự chỉ là một đơn vị phân số liên quan đến mẫu số, và giá trị là ở quan hệ với số nguyên, tức là xã hội. Thể chế xã hội tốt là những thể chế biết phi tự nhiên hóa con người hơn cả, biết tước đi ở anh ta sự tồn tại tuyệt đối để cho anh ta một sự tồn tại tương đối, và đem cái *tôi* vào sự thống nhất chung; sao cho mỗi cá nhân không còn cho mình là đơn nhất, mà là bộ phận của sự thống nhất, và chỉ còn được cảm nhận trong tổng thể. Một công dân thành La Mã chẳng phải là Caïus, cũng chẳng phải là Lucius; đó là một người La Mã; anh ta yêu tổ quốc độc hữu của mình. Régulus bảo mình là người Carthage, bởi ông đã thành tài sản của các chủ nhân mình. Với tư cách người ngoại bang, ông từ chối dự họp Viện Nguyên lão La Mã; phải có một người Carthage ra lệnh cho ông làm việc ấy. Ông công phẫn vì mọi người định cứu mạng mình. Ông thắng, và đắc thắng quay về chết trong cực hình[16]. Tôi thấy điều này chẳng liên quan nhiều đến những con người mà chúng ta quen biết.

Pédarète người Lacédémonie ứng cử vào hội đồng ba trăm thành viên; ông không trúng: ông quay về rất vui sướng vì ở Sparte có ba trăm con người ưu tú hơn ông. Tôi coi sự biểu lộ này là thành thật; và có lý do để tin rằng nó thành thật: người công dân là thế đó.

Một phụ nữ Sparte có năm con trai trong quân đội, và chờ tin tức về trận chiến. Một nô lệ đi tới; bà run run hỏi tin. "Năm người con của bà đều bị giết

---

[15] * Một thành phố của Hy Lạp, thời cổ đại còn có tên *Lacédémonie*, nổi tiếng vì sự giáo dục khắc khổ mang tính quân sự. Danh từ riêng *Spartiate*, chỉ người dân thành Sparte, đã trở thành tính từ nói lên tính chất cương nghị và nghiêm khắc.

[16] * Régulus là một vị tướng và quan chấp chính của La Mã. Sau nhiều chiến thắng, năm 255 trước CN ông bị Carthage bắt làm tù binh. Năm 250 trước CN, Carthage cử ông về La Mã để thương lượng việc trao đổi tù binh, nhưng do khuyên được Viện Nguyên lão La Mã không chấp thuận các điều kiện của Carthage, khi trở về Carthage, ông bị xử tội chết bằng cực hình.

chết. – Tên nô lệ hèn hạ kia, ta đã hỏi ngươi chuyện đó sao? – Chúng ta đã chiến thắng!" Bà mẹ chạy đến đền thờ, và tạ ơn thần linh. Người nữ công dân là thế đó.

Người nào vẫn muốn duy trì quyền tối thượng của các tình cảm tự nhiên trong trật tự dân sự, thì không biết mình muốn gì. Luôn mâu thuẫn với bản thân, luôn bấp bênh do dự giữa thiên hướng và bổn phận, anh ta sẽ chẳng bao giờ là con người cũng chẳng là công dân; anh ta sẽ chẳng tốt cho mình cũng chẳng tốt cho người khác. Đó sẽ là một trong những người của thời đại chúng ta, một người Pháp, một người Anh, một thị dân; đó sẽ chẳng là gì hết.

Để là một cái gì đó, để là bản thân mình và luôn luôn đơn nhất, cần phải hành động như ta nói; cần luôn luôn quả quyết về điều mình phải chọn, chọn một cách đường hoàng và đi theo mãi. Tôi chờ mọi người chỉ cho tôi xem con người phi phàm ấy để được biết anh ta là con người hay công dân, hoặc anh ta làm thế nào để đồng thời là cả con người cả công dân.

Từ các mục tiêu đối lập một cách tất yếu này, mà có hai hình thức thể chế trái ngược nhau: một thể chế công và chung, một thể chế riêng và thuộc gia đình.

Các vị muốn có một quan niệm về nền giáo dục công, xin hãy đọc *Cộng hòa* của Platon. Đó không phải là một tác phẩm chính trị, như ý nghĩ của những người chỉ xét đoán các cuốn sách qua tiêu đề: đó là khái luận hay nhất về giáo dục mà người ta từng viết.

Khi người ta muốn liên hệ đến xứ sở của các ảo tưởng hão huyền, người ta thường nêu lên thể chế của Platon. Nếu như Lycurgue[17] chỉ viết ra thể chế của ông ta mà thôi, tôi sẽ thấy nó còn hão huyền hơn thế nhiều. Platon chỉ làm cho lòng người thành cao thượng; Lycurgue đã làm nó biến chất.

Thể chế công không còn tồn tại, và không thể tồn tại nữa, bởi nơi nào không còn tổ quốc, thì không thể có các công dân nữa. Hai từ *tổ quốc* và *công dân* phải được xóa khỏi các ngôn ngữ hiện đại. Tôi biết rõ lý do của điều này, nhưng tôi không muốn nói ra; lý do ấy chẳng động gì đến đề tài của tôi.

---

[17] * Nhà hùng biện và chính khách người Athènes (thế kỷ 4 trước CN), học trò của Platon, từng quản lý thành công nền tài chính của Athènes và cấp chi phí xây dựng nhiều công trình.

Tôi không coi là thể chế công những tổ chức nực cười mà người ta gọi là học viện (collège)[18]. Tôi cũng không kể sự giáo dục của xã hội, vì sự giáo dục này do hướng về hai mục đích tương phản mà lỡ cả hai: sự giáo dục ấy chỉ thích hợp để tạo nên những con người kép luôn ra vẻ đem lại tất cả cho người khác, song bao giờ cũng chỉ mang lợi cho riêng mình mà thôi. Mà những sự bày tỏ ấy, vì toàn thiên hạ đều thế cả, nên chẳng lừa được ai. Đó là những sự nhọc công uổng phí.

Từ những mâu thuẫn này, nảy sinh mâu thuẫn mà chúng ta không ngừng cảm thấy trong bản thân chúng ta. Bị tự nhiên và con người lôi kéo vào những con đường tương phản, buộc phải chia cắt mình giữa những xung động khác biệt ấy, chúng ta đi theo một xung động phức hợp chẳng dẫn ta tới mục đích nọ cũng như mục đích kia. Bị chống lại và cứ bấp bênh do dự như vậy suốt đời, chúng ta kết thúc cuộc đời mà chẳng từng hòa hợp được với mình, và chẳng từng tốt cho ta cũng chẳng tốt cho người khác.

Rốt cuộc còn lại sự giáo dục của gia đình hay sự giáo dục của tự nhiên, nhưng một con người được giáo dưỡng duy chỉ cho anh ta sẽ trở thành cái gì cho mọi người? Có lẽ nếu mục tiêu kép mà ta tự đề xuất có thể hợp nhất thành một, thì khi cất bỏ những mâu thuẫn của con người, ta sẽ cất bỏ một trở lực lớn cho hạnh phúc của anh ta. Để xét đoán điều này, phải nhìn thấy anh ta đã hoàn toàn được đào tạo; phải từng quan sát các thiên hướng của anh ta, từng nhìn thấy những tiến bộ của anh ta, từng theo dõi bước đi của anh ta; tóm lại, cần phải biết con người tự nhiên. Tôi cho rằng sau khi đọc tác phẩm này, mọi người sẽ tiến được vài bước trong những tìm tòi nghiên cứu trên.

Để đào tạo con người hiếm hoi ấy, chúng ta phải làm gì? Chắc hẳn rất nhiều: đó là ngăn cản để đừng điều gì được làm hết. Khi vấn đề chỉ là đi ngược gió, thì ta đi vát; nhưng nếu biển dữ và ta muốn ở yên chỗ, thì phải buông neo. Hỡi người hoa tiêu trẻ, hãy cẩn thận kẻo dây cáp lỏng hoặc neo trôi, và tàu bị giạt đi trước khi anh nhận ra.

---

[18] Ở nhiều trường, và đặc biệt là trường Đại học Tổng hợp Paris, có những giáo sư mà tôi yêu mến, mà tôi hết sức quý trọng, và tôi tin là rất có khả năng dạy dỗ thanh niên, nếu họ không buộc phải làm theo tập quán đã được xác lập. Tôi đang động viên một trong các vị giáo sư này công bố kế hoạch cải cách mà ông đã nghĩ ra. Có thể người ta sẽ muốn chữa bệnh khi thấy bệnh chẳng phải là không có thuốc chữa.

Trong trật tự xã hội, nơi mọi vị trí đều được đánh dấu, mỗi người phải được giáo dưỡng cho vị trí của mình. Nếu một cá nhân được đào tạo cho vị trí của anh ta mà ra khỏi vị trí ấy, anh ta không còn thích hợp cho việc gì nữa hết. Sự giáo dục chỉ hữu ích chừng nào cảnh ngộ phù hợp với khuynh hướng của các bậc cha mẹ; ở bất kỳ trường hợp nào khác nó là có hại cho học sinh, dù chỉ do các thiên kiến nó đã đem lại cho học sinh đó. Tại Ai Cập, nơi người con trai buộc phải theo nghề nghiệp của cha mình, sự giáo dục ít ra cũng có một mục đích chắc chắn; nhưng, ở chúng ta, nơi chỉ các thứ bậc là còn lại, nơi mà con người không ngừng thay đổi thứ bậc, chẳng ai biết được rằng khi giáo dưỡng con trai mình cho thứ bậc của nó, liệu mình có hành động chống lại nó hay không.

Trong trật tự tự nhiên, do mọi con người đều bình đẳng, nên khuynh hướng chung của họ là địa vị làm người; và ai được giáo dưỡng tốt cho địa vị này thì không thể thực hiện dở các địa vị có liên quan đến địa vị đó. Người ta dự định cho học trò tôi làm quân nhân, giáo sĩ, trạng sư, điều ấy ít quan hệ đến tôi. Tự nhiên vời gọi anh ta đến với đời sống con người, trước cả khuynh hướng của bố mẹ. Sống là nghề mà tôi muốn dạy anh ta. Ra khỏi bàn tay tôi, anh ta sẽ chẳng là pháp quan, binh sĩ, linh mục, tôi thừa nhận điều này; anh ta sẽ là con người trước hết; tất cả những gì con người phải là như thế, anh ta sẽ biết là như thế khi cần, y hệt bất kỳ ai khác; và vận mệnh tha hồ làm anh thay đổi vị trí, bao giờ anh cũng vẫn ở vị trí của mình. *Occupavi te Fortuna atque cepi; omnesque aditus tuos interclusi, ut ad me aspirare non posses*[19].

Việc học tập đích thực của chúng ta là học tập về thân phận con người. Theo tôi ai trong chúng ta biết chịu đựng tốt hơn cả các điều hay điều dở của cuộc đời này là người được giáo dục tốt hơn cả; từ đó mà thấy rằng sự giáo dục đích thực ở trong các giới huấn ít hơn là ở trong luyện tập. Chúng ta bắt đầu học hỏi khi bắt đầu sống; sự giáo dục của chúng ta bắt đầu cùng với chúng ta; gia sư đầu tiên của chúng ta là vú nuôi chúng ta. Bởi thế từ *giáo dục* ở cổ nhân có một nghĩa khác mà ngày nay chúng ta không đem lại cho từ đó nữa: nó có nghĩa là thức nuôi dưỡng. Varron nói rằng *Educit obstetrix, educat nutrix,*

---

[19] * Tiếng Latin, lời của Métrodore, triết gia Hy Lạp (330 trước CN - 277 trước CN), được viện dẫn bởi Cicéron, chính khách và nhà hùng biện Latin (106 trước CN - 43 trước CN): *Vận mệnh rủi may, ta đã vượt lên trước ngươi, và đã giam ngươi lại: ta đã đóng kín mọi nẻo đường mà ngươi có thể luồn lách đến nơi ta.*

instituit pedagogus, docet magister[20]. Như vậy việc giáo dưỡng, sự dạy dỗ, sự giáo dục là ba điều khác nhau trong mục đích cũng như cô giáo dạy trẻ, gia sư và ông thầy. Nhưng những sự phân biệt này không được hiểu đúng; và, để được dẫn dắt tốt, đứa trẻ chỉ được đi theo một người hướng dẫn mà thôi.

Vậy cần phải khái quát hóa các kiến giải của chúng tôi, và cần phải xem xét trong học trò của chúng ta con người trừu tượng, con người bị đặt trước mọi biến cố ngẫu nhiên của đời người. Nếu mọi người sinh ra gắn bó với mảnh đất của một xứ sở, nếu vẫn một mùa kéo dài suốt năm, nếu ai nấy đính líu với cảnh ngộ của mình đến nỗi chẳng bao giờ có thể thay đổi nó, thì phương pháp hiện hành có lẽ là tốt ở một số phương diện nào đó; đứa trẻ được giáo dưỡng cho địa vị của nó, do chẳng bao giờ ra khỏi địa vị ấy, nên không thể có nguy cơ gặp những khó khăn trắc trở của một địa vị khác. Nhưng, vì tính biến động của sự thế, vì đầu óc bồn chồn bất an và hiếu động của thế kỷ này cứ mỗi thế hệ lại đảo lộn mọi sự, ta có thể quan niệm một phương pháp nào vô lý hơn là việc dạy dỗ một đứa trẻ như thể nó sẽ không bao giờ ra khỏi căn phòng của nó, như thể nó sẽ không ngừng được gia nhân bao quanh? Nếu kẻ bất hạnh ấy chỉ bước một bước trên mặt đất, nếu nó xuống chỉ một bậc thôi, là nó lâm nguy. Không phải là dạy nó chịu đựng sự khổ sở; đó là tập cho nó cảm nhận sự khổ sở.

Mọi người chỉ nghĩ đến bảo tồn con mình; như thế không đủ; cần dạy nó tự bảo tồn khi là người trưởng thành, dạy nó chịu đựng các đòn của số phận, dạy nó không sợ giàu sang và nghèo khổ, dạy nó sống nếu cần, trên băng giá miền Islande hay trên núi đá nóng bỏng vùng Malte. Các vị tha hồ phòng ngừa để nó đừng chết, tuy nhiên rồi nó sẽ phải chết; và dù cái chết của nó không phải do sự chăm sóc của các vị, những sự chăm sóc này vẫn sẽ bị hiểu không đúng. Vấn đề là làm cho nó sống hơn là ngăn cản nó chết. Sống, không phải là hít thở, đó là hành động; đó là sử dụng các khí quan của chúng ta, sử dụng các giác quan, các năng lực, mọi bộ phận của bản thân chúng ta, chúng cho ta cảm giác về sự tồn tại của mình. Con người đã sống nhiều nhất không phải là người đã đếm được nhiều năm nhất, mà là người đã cảm nhận cuộc đời được nhiều nhất. Có kẻ sống đến trăm tuổi, mà đã chết từ khi ra đời. Giá như người đó xuống mồ ở tuổi thanh xuân lại hơn, nếu như người đó sống ít ra là cho tới lúc ấy.

---

[20] * Tiếng Latin trong nguyên bản: *Bà đỡ giúp ra đời, vú em nuôi dưỡng, người giáo dục đào tạo, ông thầy dạy bảo.* (Varron là nhà bác học, một trong những nhà bách khoa đầu tiên của La Mã (116 trước CN - 27 trước CN).

Toàn bộ sự khôn ngoan của chúng ta gồm những thành kiến nô lệ; toàn bộ các tập quán của chúng ta chỉ là sự lệ thuộc, ngượng ngùng bứt rứt và câu thúc. Con người dân sự ra đời, sống và chết đi trong sự nô lệ: khi sinh ra, mọi người quấn chặt nó trong một cái tã nịt; khi chết đi mọi người đóng đanh nó trong một quan tài; chừng nào còn giữ bộ mặt người, nó còn bị xiềng xích bởi các thể chế của chúng ta.

Mọi người nói rằng nhiều bà đỡ nắn bóp đầu những trẻ sơ sinh và bảo là họ làm cho đầu đứa bé có một hình dáng thích hợp hơn, thế mà mọi người chịu để họ làm vậy! Có lẽ đầu chúng ta dở do cách thức của Đấng Tạo tác nên chúng ta: phải uốn nắn nhào nặn những đầu óc ấy ở bên ngoài do các bà đỡ, còn bên trong do các triết gia. Những người dân miền Caraïbes sung sướng hơn chúng ta nửa phần.

> "Đứa trẻ vừa ra khỏi bụng mẹ, vừa mới được tự do động đậy và duỗi chân duỗi tay, là người ta cho nó những ràng buộc mới. Người ta bó chặt nó trong tã nịt, người ta để nó nằm đầu cố định còn chân duỗi ra, hai cánh tay buông xuôi cạnh thân hình; đủ loại quần áo và vải vóc quấn xung quanh nó, không cho nó thay đổi tư thế. Thật may nếu người ta đã không xiết chặt đến mức ngăn nó thở, và nếu người ta đã cẩn thận đặt nó nằm nghiêng, để những chất nước nó trớ ra có thể tự rơi xuống! bởi nó sẽ không được tự do quay đầu cho nước ấy dễ chảy[21]."

Đứa trẻ sơ sinh có nhu cầu duỗi chân tay và động đậy chân tay, để kéo chân tay ra khỏi trạng thái tê độn do chúng đã co quắp quá lâu. Quả là người ta có duỗi chân tay đứa trẻ ra, nhưng người ta lại cản trở chân tay nó động đậy; thậm chí người ta còn dùng dải chằng[22] để ức chế đầu đứa trẻ; dường như người ta sợ nó có vẻ đang sống.

Như vậy xung động của những bộ phận bên trong một thân thể đang muốn tăng trưởng gặp một trở lực không thể vượt qua đối với những cử động mà xung động ấy đòi hỏi ở thân thể. Đứa trẻ liên tục thực hiện những cố gắng vô bổ làm cạn kiệt sức lực của nó hoặc làm chậm sự tiến triển của các sức lực ấy. Ở trong lớp màng bọc thai nhi, nó còn đỡ bị chật chội, bị vướng víu, bị đè ép hơn là trong tã nịt; tôi chẳng thấy nó được lợi gì khi ra đời.

---

[21] * Trích dẫn Buffon, nhà vạn vật học người Pháp (1707-1788).

[22] * *Tétière*: dải vải giữ cho đầu đứa trẻ nằm nghiêng, để trẻ khỏi bị ngạt do trớ.

Giữ chân tay đứa trẻ trong trạng thái bất động, câu thúc, chỉ có thể làm tắc nghẽn việc lưu thông máu và các chất dịch, cản trở đứa trẻ tăng trưởng, mạnh lên, và làm thể chất nó xấu đi. Ở nơi nào không có những sự cẩn thận vô lý như trên, tất cả mọi người đều cao lớn, mạnh mẽ, cân đối. Những xứ sở ở đó người ta quấn bó trẻ con là những xứ sở đầy rẫy người gù, người khập khiễng, người chân vòng kiềng, người còm cõi, người còi cọc, những kẻ bất thành nhân dạng đủ loại. Vì sợ các thân thể biến dạng do những cử động tự do thoải mái, người ta vội vàng làm thân thể biến dạng bằng cách ép buộc chúng. Người ta sẵn sàng làm chúng bị tê bại đi, để ngăn chúng mắc tật.

Một sự câu thúc tàn ác đến thế có thể nào không ảnh hưởng đến khí chất cũng như tính tình những đứa trẻ? Cảm giác đầu tiên của chúng là một cảm giác đau đớn và khổ sở: chúng chỉ thấy toàn trở lực cho mọi cử động mà chúng có nhu cầu: còn khổ hơn một tội phạm bị xiềng xích, chúng có những nỗ lực vô bổ, chúng tức tối, chúng kêu la. Các vị bảo rằng những tiếng đầu tiên của trẻ là tiếng khóc ư? Tôi tin như vậy lắm: các vị làm trái ý chúng ngay khi chúng ra đời; điều đầu tiên các vị tặng cho chúng là xiềng xích; sự đối xử đầu tiên chúng cảm nhận là những hành hạ. Chỉ có mỗi tiếng nói là tự do, làm sao chúng không dùng nó để than vãn chứ? Chúng kêu khóc nỗi khổ mà các vị gây ra cho chúng: giả sử các vị bị trói như thế, có lẽ các vị sẽ kêu gào to hơn chúng.

Tập quán phi lý này từ đâu ra? Từ một tập quán trái với tự nhiên. Từ khi các bà mẹ coi khinh bổn phận đầu tiên của mình, không muốn nuôi con nữa, thì những đứa trẻ bị giao phó cho các phụ nữ làm thuê, những người này, do phải làm mẹ những đứa trẻ xa lạ mà bản tính tự nhiên chẳng gợi lên ở họ điều gì đối với chúng hết, nên họ chỉ tìm cách tránh vất vả cho mình. Giả sử một đứa trẻ được tự do thoải mái, thì phải không ngừng coi sóc nó; nhưng, khi nó đã bị bó chặt, người ta quẳng nó vào một xó chẳng vướng bận gì về tiếng kêu khóc của nó. Miễn là không có chứng cớ về sự cẩu thả của người vú nuôi, miễn là đứa bé không gãy chân gãy tay, thì có sao đâu, nếu nó chết hoặc thành tàn tật suốt đời? Người ta lo giữ gìn chân tay nó khiến thân thể nó chịu thiệt, và dù có xảy ra chuyện gì, thì người vú nuôi vẫn không bị kết tội.

Những bà mẹ dịu dàng kia, rũ được con cái, vui vẻ buông mình vào các cuộc vui chơi chốn thị thành, trong khi ấy họ có biết đứa trẻ quấn trong tã nịt được đối xử thế nào ở làng quê không? Xảy ra chuyện phiền nhiễu nhỏ nhặt gì, là người ta móc nó lên một chiếc đanh như một bọc quần áo cũ; và

trong lúc người vú ung dung thư thả lo công kia việc nọ của mình, đứa trẻ bất hạnh cứ chịu khổ hình như vậy. Tất cả những đứa trẻ người ta thấy trong tình cảnh này, mặt đều tím ngắt; lồng ngực bị ép chặt không để máu lưu thông, máu lại dồn lên đầu; và người ta cứ tưởng kẻ chịu khổ hình rất thuần hòa bình thản, vì nó không có sức mà kêu khóc. Tôi chẳng biết một đứa trẻ có thể ở trong tình trạng đó bao nhiêu giờ mà không bỏ mạng, nhưng tôi không chắc có thể được lâu. Tôi nghĩ đây là một trong những tiện lợi to lớn của cái tã nịt.

Người ta bảo rằng những đứa trẻ được tự do có thể có những tư thế xấu, và tự làm những động tác có khả năng gây hại cho hình thể tốt của chân tay chúng. Đó là một trong những lập luận hão huyền của sự khôn ngoan sai lầm của chúng ta, chưa từng được một thí nghiệm nào xác nhận hết. Trong vô số trẻ em, thuộc những dân tộc biết lẽ phải hơn chúng ta, được nuôi dưỡng trong trạng thái chân tay hoàn toàn tự do, người ta chưa từng thấy em nào tự gây thương tích hay tự làm què quặt; chúng không đưa được vào các cử động của chúng sức mạnh có thể khiến những cử động này thành nguy hiểm; và khi chúng có một tư thế dữ dội, thì cái đau lập tức báo cho chúng thay đổi tư thế.

Chúng ta còn chưa nghĩ đến chuyện quấn tã nịt cho chó con mèo con; ta có thấy điều bất lợi nào xảy ra cho chúng vì sự sơ xuất này không? Đồng ý là trẻ con nặng hơn: nhưng theo tỷ lệ thì trẻ con cũng yếu ớt hơn. Chúng chỉ có thể động đậy chút ít; chúng tự làm mình tàn tật thế nào được? Nếu ta để chúng nằm ngửa, chúng có thể chết trong tư thế ấy, như con rùa, chẳng bao giờ có thể lật mình lại.

Chẳng những ngừng cho con bú, phụ nữ còn ngừng muốn làm việc ấy; hậu quả là điều tự nhiên. Khi tình trạng làm mẹ tốn kém, người ta lập tức tìm ra cách để hoàn toàn rũ bỏ được nó; người ta muốn làm một việc vô ích, đặng luôn luôn tái diễn nó, và người ta khiến sức hấp dẫn để gia tăng giống loài thành bất lợi cho giống loài. Tập quán này, bổ sung vào các nguyên nhân khác làm giảm dân số, báo trước cho chúng ta số phận sắp tới của châu Âu. Khoa học, nghệ thuật, triết học và các phong tục do nó sinh ra, chẳng bao lâu sẽ khiến châu Âu thành một sa mạc. Châu Âu sẽ sinh sôi nhiều thú dữ: châu Âu sẽ không thay đổi nhiều về cư dân.

Thỉnh thoảng tôi đã thấy thủ đoạn của những thiếu phụ giả vờ muốn nuôi con. Người ta biết cách làm cho mọi người thúc ép mình từ bỏ ý ngông này:

người ta khéo léo làm cho các ông chồng, các thầy thuốc[23] can thiệp vào, và nhất là các bà mẹ. Một người chồng dám đồng ý để vợ nuôi con sẽ là một người vứt đi; mọi người sẽ biến anh ta thành một kẻ sát nhân muốn rũ bỏ vợ mình. Hỡi các ông chồng khôn ngoan thận trọng, cần hy sinh tình cha con cho sự an bình. May mà ở nông thôn có những người vợ tiết dục hơn vợ của các vị! Còn may hơn nếu thời gian mà các bà này kéo dài được chẳng dành cho ai ngoài các vị!

Bổn phận của phụ nữ là điều chắc chắn: nhưng người ta tranh cãi xem nếu phụ nữ coi thường bổn phận ấy, thì việc những đứa trẻ được nuôi bằng sữa mẹ hay sữa của người khác liệu có như nhau hay không. Câu hỏi này, mà các thầy thuốc là người phán xét, tôi coi như đã được giải quyết đúng như ý của phụ nữ; về phần tôi, thì tôi còn nghĩ rằng đứa trẻ bú sữa của một bà vú nuôi khỏe mạnh tốt hơn là bú sữa của một bà mẹ suy thoái, nếu phải sợ một cái hại mới nào từ dòng máu đã tạo nên nó.

Nhưng có nên chỉ xem xét vấn đề ở phương diện vật chất mà thôi? Và đứa trẻ cần sự chăm sóc của mẹ ít hơn cần bầu vú của bà sao? Những người đàn bà khác, thậm chí cả những con vật, có thể cho đứa trẻ dòng sữa mà mẹ nó không chịu cho nó: sự ân cần mang tính mẫu tử không hề thay thế được. Người đàn bà nuôi con người khác thay vì đứa con của mình là một người mẹ tồi: bà ta sẽ là một vú nuôi tốt làm sao được? Bà ta có thể trở thành vú nuôi tốt, nhưng một cách từ từ; cần phải để thói quen làm thay đổi bản tính tự nhiên: và đứa trẻ bị chăm sóc không cẩn thận sẽ đủ thì giờ để chết hàng trăm lần trước khi bà vú có được với nó tình yêu thương của người mẹ.

Từ chính lợi thế đó mà có một điều bất lợi, riêng điều bất lợi này có lẽ phải tước đi ở bất kỳ người phụ nữ nhạy cảm nào lòng can đảm để cho một người khác nuôi con mình, điều bất lợi ấy là chia sẻ quyền làm mẹ, hay đúng hơn là tha hóa nó; là thấy con mình yêu một phụ nữ khác ngang bằng và hơn cả yêu mình; là cảm thấy tình thương mến mà đứa trẻ duy trì với mẹ đẻ của nó là một ân huệ, còn tình thương mến đối với mẹ nuôi của nó là một bổn phận: bởi, ở nơi tôi từng tìm được sự chăm sóc của một người mẹ, tôi chẳng có nghĩa vụ quyến luyến như một đứa con hay sao?

---

[23] Tôi luôn thấy sự liên minh của phụ nữ và các thầy thuốc là một trong những điều kỳ cục tức cười nhất của Paris. Chính nhờ phụ nữ mà các thầy thuốc có được danh tiếng, và chính nhờ thầy thuốc mà phụ nữ làm được theo ý mình. Từ đó ta ngờ rằng một thầy thuốc Paris cần có kiểu khôn khéo như thế nào để thành nổi tiếng.

Cách người ta cứu vãn điều bất lợi này là gây cho trẻ niềm khinh miệt các vú nuôi chúng, bằng cách đối xử với họ như những người hầu thực thụ. Khi công việc họ phục vụ đã hoàn tất, người ta lấy lại đứa trẻ, hoặc người ta cho vú nuôi thôi việc; do cứ tiếp đãi lạnh nhạt, người ta khiến bà vú nản không muốn đến thăm đứa bé. Sau vài năm không gặp vú nuôi nữa, nó không còn quen biết bà ta nữa. Người mẹ, tưởng mình thay thế người vú và sửa chữa sự hờ hững của mình bằng sự tàn nhẫn, đã nhầm. Thay vì làm cho một đứa nhũ nhi mất bản chất tự nhiên thành một đứa con giàu lòng yêu thương, bà đã tập cho nó thói vô ơn bội bạc; bà dạy cho nó một ngày kia sẽ khinh miệt người sinh ra nó, cũng như người đã nuôi nó bằng dòng sữa của mình.

Tôi sẽ nhấn mạnh điểm này biết bao nhiêu nữa, nếu việc lặp đi lặp lại những đề tài hữu ích bớt gây nản lòng! Điều này liên quan đến nhiều chuyện hơn ta nghĩ. Các vị có muốn trả mỗi người về với những bổn phận đầu tiên của họ hay không? Xin hãy bắt đầu từ các bà mẹ; các vị sẽ ngạc nhiên vì những thay đổi do các vị tạo nên. Mọi điều đều liên tiếp từ sự hư hỏng đầu tiên đó mà ra: toàn bộ phạm trù đạo đức biến chất đi; tính tự nhiên lụi tắt trong mọi con tim; bên trong nhà có một vẻ bớt sống động; cảnh tượng cảm động của một gia đình mới nảy nở không còn khiến những người chồng quyến luyến, không còn buộc những người lạ tôn trọng; người ta bớt kính nể bà mẹ mà người ta chẳng thấy con cái đâu; trong các gia đình không hề có chốn cư trú; thói quen không còn củng cố các quan hệ huyết thống nữa; chẳng còn cha còn mẹ, còn con cái, còn anh em chị em nữa; tất cả mọi người chỉ gọi là hơi biết nhau; làm thế nào họ sẽ yêu quý nhau được? Mỗi người chỉ còn nghĩ đến mình mà thôi. Khi ngôi nhà chỉ còn là một nỏi cô đơn buồn bã, thì phải đi vui vẻ ở chỗ khác thôi.

Nhưng nếu các bà mẹ rủ lòng chiếu cố nuôi dưỡng con, thì phong hóa sẽ tự thay đổi, tình cảm tự nhiên thức dậy trong mọi trái tim; Quốc gia sẽ lại đông dân: điểm đầu tiên này, chỉ một điểm này thôi sẽ tập hợp được tất cả. Sức hấp dẫn của cuộc sống gia đình là thứ thuốc giải độc tốt nhất đối với các phong tục xấu xa hư hỏng. Sự quấy rầy của trẻ con, mà người ta tưởng là phiền nhiễu, trở nên dễ chịu; nó khiến người cha và người mẹ cần thiết cho nhau hơn, gần gũi thân thiết với nhau hơn; nó thắt chặt hơn mối liên hệ vợ chồng giữa họ. Khi gia đình sống động và linh hoạt, thì những sự chăm sóc gia đình thành công việc bận bịu thân thương nhất của người vợ và thú vui êm đềm nhất của người chồng. Như vậy chỉ riêng việc thói xấu này được sửa chữa chẳng bao lâu sẽ dẫn tới một sự cải tổ tổng quát, chẳng bao lâu tự nhiên sẽ

giành lại mọi quyền của nó. Một khi đàn bà trở lại làm mẹ, lập tức đàn ông trở lại làm cha làm chồng.

Những lời lẽ thừa vô dụng! thậm chí ngay nỗi buồn chán các thú vui chốn giao tế cũng chẳng bao giờ dẫn trở về những thú vui gia đình! Phụ nữ đã thôi làm mẹ; họ sẽ không làm mẹ nữa; họ không muốn làm mẹ nữa. Nếu có muốn chăng nữa, họ cũng khó mà thực hiện; ngày nay khi tập tục trái ngược đã được xác lập, mỗi người sẽ phải đấu tranh với sự phản đối của tất cả những phụ nữ tiếp cận mình, họ liên minh chống lại một tấm gương mà số người này đã không nêu ra còn số người khác thì không muốn theo.

Tuy nhiên thỉnh thoảng hãy còn những thiếu phụ có bản tính tốt dám chống lại sự thống trị của thời thượng và những tiếng la hét của giới mình về điểm này, họ thực hiện với lòng dũng cảm đầy đức hạnh bổn phận thật êm đềm mà tự nhiên đặt để cho họ. Mong sao con số những phụ nữ này gia tăng nhờ sức hấp dẫn của những điều hay dành cho những ai hiến mình cho bổn phận ấy! Dựa trên những hệ quả mà lập luận đơn giản nhất cũng cho thấy rõ, và dựa trên những quan sát mà tôi chưa từng thấy bị phản bác, tôi dám hứa với các bà mẹ xứng đáng này một tình quyến luyến vững chắc và chung thủy của các ông chồng, một tình thương yêu thực sự hiếu thảo của các con, sự quý trọng và niềm tôn kính của mọi người, việc sinh nở suôn sẻ và không bị sản hậu, một sức khỏe vững vàng và dồi dào, sau cùng là niềm vui một ngày kia thấy mình được các con gái làm theo, và được nêu ra như một tấm gương cho con gái người khác.

Không có mẹ, thì không có con. Giữa mẹ và con bổn phận là tương hỗ; và nếu ở phía này bổn phận không được làm tròn thì ở phía kia nó sẽ bị sao nhãng. Đứa trẻ phải yêu mẹ mình trước khi biết là mình phải yêu mẹ. Nếu tiếng nói của huyết thống không được củng cố nhờ thói quen và sự chăm sóc, nó sẽ lịm tắt trong những năm đầu đời, và trái tim có thể nói là chưa này nở đã chết. Như vậy là ngay từ những bước đi đầu tiên chúng ta đã ở bên ngoài tự nhiên.

Người ta còn ra khỏi tự nhiên bằng một con đường trái ngược, khi người mẹ thay vì sao nhãng việc chăm nom, lại chăm nom đến mức thái quá; khi bà biến con thành thần tượng, khi bà gia tăng và nuôi dưỡng sự yếu đuối của con để ngăn nó cảm nhận sự yếu đuối ấy, và do hy vọng miễn trừ cho con các luật lệ của tự nhiên, bà gạt ra xa con các va chạm nặng nề, mà chẳng nghĩ rằng để nhất thời giữ gìn cho con khỏi vài điều bất tiện, bà lại tích tụ từ xa bao tai

ương và nguy hiểm trên đầu con, và kéo dài tình trạng yếu đuối của tuổi thơ dưới những mệt mỏi của người đã trưởng thành là một sự cẩn trọng xiết bao man rợ. Theo huyền thoại, để làm cho con trai mình thành bất khả xâm hại, Thétis[24] nhúng con xuống nước của dòng sông Âm phủ. Ám dụ này thật hay và rõ. Các bà mẹ ác nghiệt mà tôi nói đến lại làm khác; do cứ nhúng mãi con mình vào tình trạng nhu nhược, các bà chuẩn bị cho con bị đau khổ; các bà mở các lỗ chân lông của con cho mọi loại tai ương bệnh tật, khi lớn lên thế nào chúng cũng làm mồi cho những tai ương bệnh tật này.

Các vị hãy quan sát tự nhiên, và hãy đi theo con đường mà tự nhiên vạch ra cho các vị. Tự nhiên rèn luyện trẻ em không ngừng; tự nhiên làm tính tình chúng cứng rắn lên bằng đủ loại thử thách; tự nhiên sớm dạy cho chúng biết thế nào là khổ sở và đau đớn. Những chiếc răng mọc lên khiến chúng sốt; những cơn đau bụng cấp khiến chúng quằn quại; những cơn ho dài làm chúng ngạt thở; giun quấy chúng; chứng đa huyết làm máu chúng xấu đi; nhiều chất men khác nhau dậy lên trong máu, gây những bột phát nguy hiểm. Gần như toàn bộ tuổi thơ ban đầu đều là bệnh tật và nguy cơ: một nửa số trẻ ra đời chết trước tám tuổi. Khi các thử thách đã trải, đứa trẻ đã mạnh lên; và nó chỉ vừa mới có thể sử dụng cuộc sống, là căn nguyên nhờ thế mà càng thêm vững chắc.

Đó là quy tắc của tự nhiên. Tại sao các vị lại làm trái tự nhiên? Các vị chẳng thấy rằng khi tưởng mình sửa chữa tự nhiên, là các vị phá hoại công trình của tự nhiên, ngăn trở hiệu quả những sự chăm sóc của tự nhiên hay sao? Theo các vị, nếu ta làm ở bên ngoài điều mà tự nhiên làm ở bên trong, là tăng gấp bội nguy cơ; song ngược lại, đó chính là dụ nguy cơ ra chỗ khác, là giảm bớt nguy cơ. Kinh nghiệm cho thấy trẻ em được nuôi dạy một cách nâng niu thận trọng thường tử vong nhiều hơn những trẻ khác. Miễn là đừng vượt quá mức độ sức lực của trẻ, thì sử dụng các sức lực ấy ít nguy cơ hơn là nương nhẹ chúng. Vậy hãy rèn luyện cho trẻ về những xâm hại mà một ngày kia chúng sẽ phải chịu đựng. Hãy làm cho cơ thể chúng cứng rắn trước những thất thường bất lợi của thời tiết, của khí hậu, của các yếu tố thiên nhiên, trước cái đói, cái khát, cái mệt; hãy nhúng chúng xuống nước sông Âm phủ. Trước khi thói quen của thân thể hình thành, ta muốn đem lại cho thân thể thói quen nào tùy ta, không nguy hiểm gì; nhưng, một khi thân thể đã ổn định chắc chắn, thì bất kỳ sự biến đổi nào cũng thành hiểm nghèo. Một đứa trẻ chịu đựng được những thay đổi mà người lớn không chịu nổi: khí chất của trẻ,

[24] * Nữ thần biển Hy Lạp, lấy nhà vua Pélée là người trần thế và sinh ra Achille.

mềm mại và uyển chuyển, chẳng cần cố gắng cũng dễ dàng uốn theo nếp do ta đem lại; khí chất của người lớn, cứng cỏi hơn, chỉ thay đổi nếp cũ với sự cưỡng bách dữ dội. Vậy ta có thể làm cho một đứa trẻ thành cường tráng mà không mạo hiểm với tính mạng và sức khỏe của nó; và giả dụ có một vài nguy hiểm nào đó, cũng đừng nên do dự. Bởi đó là những nguy hiểm gắn liền với đời sống con người, ta có thể làm gì tốt hơn là đẩy những nguy hiểm đó vào khoảng thời gian của đời người mà chúng ít gây hại nhất?

Một đứa trẻ càng lớn lên càng trở thành quý giá. Thêm vào giá trị của bản thân nó là giá trị của những chăm nom săn sóc; thêm vào việc mất mạng sống là ý thức ở nó về cái chết. Vậy phải nghĩ trước hết đến tương lai khi chăm lo bảo tồn đứa trẻ; phải trang bị cho trẻ vũ khí chống lại những tai họa của tuổi thanh xuân trước khi trẻ đạt đến tuổi ấy: bởi, nếu giá trị cuộc sống cứ tăng lên cho đến độ tuổi làm được cho cuộc sống thành hữu ích, thì có sự điên rồ nào bằng tránh vài điều hại cho tuổi thơ để tăng những điều hại ấy lên gấp bội ở tuổi biết nghĩ? Đó mà là những bài học của ông thầy ư?

Số phận của con người là đau khổ ở mọi thời. Bản thân sự chăm nom để bảo tồn con người gắn với cực nhọc. Hạnh phúc thay nếu trong tuổi thơ chỉ biết những nỗi đau thể chất, ít tàn ác hơn, ít nhức nhối hơn những nỗi đau khác rất nhiều, và so với những nỗi đau khác, thì rất hiếm khi làm ta khước từ cuộc sống! Người ta chẳng hề tự sát vì cái đau của bệnh thống phong; chỉ những nỗi đau tâm hồn mới sinh ra niềm tuyệt vọng. Chúng ta xót thương cho số phận của tuổi thơ, thế mà chính số phận chúng ta mới cần xót thương. Những nỗi đau lớn nhất của chúng ta do chúng ta mà ra.

Khi sinh ra, một đứa trẻ kêu gào; nó khóc lóc suốt tuổi thơ ban đầu. Khi thì người ta rung rinh nó, dỗ dành để nó nguôi dịu; khi thì người ta dọa nạt nó, đánh đập để nó im đi. Hoặc chúng ta làm điều nó thích, hoặc chúng ta đòi hỏi nó điều ta thích; hoặc chúng ta phục tùng các ý ngông của nó, hoặc chúng ta bắt nó phục tùng các ý ngông của ta: không có khoảng giữa, nó phải ra lệnh hoặc phải nhận lệnh. Như vậy những ý tưởng đầu tiên của trẻ là những ý tưởng về quyền lực và khuất phục. Nó hạ lệnh trước khi biết nói, nó vâng theo trước khi có thể hành động; và đôi khi người ta trừng phạt nó trước khi nó có thể biết lỗi, hoặc nói đúng hơn là có thể phạm lỗi. Như vậy là người ta sớm rót vào trái tim non nớt của nó những đam mê mà sau đó người ta quy tội cho tự nhiên, và sau khi đã nhọc công làm nó thành tai ác, người ta lại phàn nàn vì thấy nó tai ác.

Một đứa trẻ trải qua sáu hoặc bảy năm theo cách đó trong tay những người đàn bà, là nạn nhân của sự trái tính trái nết ở họ và ở nó; và sau khi đã cho nó học điều này điều nọ, tức là sau khi đã nạp vào trí nhớ của nó hoặc những từ ngữ mà nó không thể hiểu được, hoặc những điều chẳng ích lợi gì cho nó hết; sau khi đã bóp nghẹt tính tự nhiên bằng những đam mê do người ta làm nảy nở, người ta giao sinh thể nhân tạo này vào tay một gia sư, ông này hoàn tất việc phát triển những mầm mống do con người gia công mà ông ta thấy đã hình thành đâu vào đấy rồi, và dạy cho nó mọi thứ, trừ việc tự hiểu mình, trừ việc khai thác lợi ích từ bản thân, trừ việc biết sống và khiến mình hạnh phúc. Cuối cùng, khi đứa trẻ này, vừa nô lệ vừa bạo chúa, đầy kiến thức mà thiếu lương tri, yếu ớt bạc nhược về thể chất cũng như tâm hồn, được quẳng vào xã hội và bày ra tại đó sự vụng về ngu xuẩn, sự kiêu ngạo và mọi thói xấu, nó khiến thiên hạ phàn nàn xót xa cho nỗi khốn khổ và sự tà ác của con người. Thiên hạ nhầm đấy; đó là con người do sở thích của chúng ta: con người của tự nhiên hình thành khác hẳn thế.

Vậy nếu các vị muốn đứa trẻ giữ được hình thái bản lai của nó, xin hãy duy trì hình thái ấy ngay từ lúc nó chào đời. Nó vừa sinh ra, các vị hãy chiếm giữ ngay lấy nó, và đừng rời nó nữa cho đến khi nó là người lớn: không thế các vị sẽ chẳng bao giờ thành công. Bởi người vú nuôi thực thụ chính là người mẹ, thì người gia sư thực thụ chính là người cha. Cha mẹ hãy đồng tình với nhau trong chức phận cũng như trong phương pháp: sao cho từ những bàn tay của mẹ đứa trẻ chuyển sang tay của cha. Đứa trẻ được một người cha có óc phán đoán đúng đắn song kiến thức hạn chế giáo dục sẽ tốt hơn là được ông thầy giỏi giang nhất thế giới giáo dục; bởi nhiệt tình hăng hái bù cho tài năng tốt hơn là tài năng bù cho nhiệt tình hăng hái.

Nhưng còn các công việc, còn các chức trách, các bổn phận... Ôi! các bổn phận, chắc hẳn bổn phận cuối cùng là bổn phận làm cha[25]! Người vợ đã không

---

[25] Khi ta đọc thấy Plutarque viết rằng quan tư pháp Caton, người cai trị thành Rome với bao thành tích, tự mình dạy dỗ con trai từ khi còn trong nôi, cẩn thận đến mức bỏ hết mọi việc để có mặt khi người nuôi dưỡng, tức là người mẹ, chuyển dịch và tắm rửa cho đứa bé; khi ta đọc thấy Suétone viết rằng Auguste, chúa tể thế giới mà ông đã chinh phục và tự mình cai quản, đích thân dạy các cháu viết, bơi lội, các nguyên lý khoa học, và luôn luôn có các cháu ở quanh mình, ta không thể không cười những kẻ tầm thường thời ấy, họ tiêu khiển bằng những trò ngớ ngẩn như vậy; chắc hẳn do đầu óc quá thiển cận nên không làm được những đại sự của các vĩ nhân thời chúng ta.

thèm nuôi nấng con, thì người đàn ông cũng chẳng thèm dạy dỗ nó, điều này chẳng có gì khiến ta ngạc nhiên. Không có bức tranh nào dễ thương hơn bức tranh gia đình; nhưng chỉ một nét hỏng khiến mọi nét khác đều xấu xí biến dạng. Nếu người mẹ quá ít sức khỏe nên không nuôi được con, thì người cha sẽ quá nhiều công việc nên không dạy dỗ được nó. Những đứa con, bị đưa đi xa, phân tán trong các ký túc xá, các tu viện, các trường học, sẽ mang đi nơi khác tình yêu ngôi nhà của cha ông, hay, để nói cho đúng hơn, sẽ mang về ngôi nhà ấy thói quen không lưu luyến gì hết. Các anh em chị em chẳng biết nhau là mấy. Khi tất cả đoàn tụ theo nghi thức, chúng có thể rất nhã nhặn với nhau; chúng sẽ đối xử với nhau như người xa lạ. Khi không còn tình thân mật giữa cha mẹ nữa, khi sự giao tiếp trong gia đình không tạo nên sự êm đềm của đời sống nữa, thì phải nhờ cậy đến những thói tục xấu xa để bù đắp vào đó. Đâu là con người khá ngu xuẩn để không nhìn thấy chuỗi quan hệ của tất cả những điều này?

Một người cha, khi sinh thành và nuôi dưỡng con cái, chỉ mới thực hiện một phần ba nhiệm vụ mà thôi. Người cha ấy mắc nợ giống loài những con người, mắc nợ xã hội những con người có tính hợp quần; mắc nợ Quốc gia những công dân. Bất kỳ người nào có thể trả ba món nợ này mà không thực hiện đều có tội, và có lẽ mắc tội hơn nữa nếu chỉ trả nửa vời. Ai không thể làm tròn nghĩa vụ người cha thì không có quyền trở thành người cha. Chẳng có cảnh nghèo nào, công việc nào, sự tôn trọng nào của mọi người miễn được cho người cha việc nuôi dưỡng con và tự mình dạy dỗ chúng. Bạn đọc, các bạn có thể tin tôi. Tôi báo trước cho ai có tâm can mà sao nhãng những nghĩa vụ hết sức thiêng liêng như vậy, rằng họ sẽ nhỏ những giọt nước mắt cay đắng vì lỗi lầm của mình rất lâu, và sẽ chẳng bao giờ nguôi khuây được.

Nhưng con người giàu có kia, người cha của gia đình hết sức bận rộn kia, và cứ theo lời ông ta thì ông ta buộc phải bỏ mặc các con, ông ta làm gì đây? Ông ta bỏ tiền thuê một người khác để thực hiện những sự chăm sóc chúng là gánh nặng cho ông ta. Con người vụ lợi hèn hạ! Anh tưởng anh dùng tiền mà đem lại cho con trai anh một người cha khác hay sao? Anh chớ lầm; anh chẳng cho con anh ngay cả một thầy giáo, mà là một gã đầy tớ. Hắn sẽ sớm đào tạo nên một gã đầy tớ thứ hai.

Mọi người lý luận nhiều về các phẩm chất của một ông thầy chỉ đạo[26] tốt. Phẩm chất đầu tiên mà tôi đòi hỏi, và chỉ riêng phẩm chất ấy coi như có rất

---

[26] * *Gouverneur*: người dạy dỗ, chỉ đạo, xưa thường được dịch là *sư phó*.

nhiều phẩm chất khác, đó là không phải một con người mua bán được. Có những nghề nghiệp hết sức cao quý, thành thử không thể làm vì tiền mà chẳng tỏ ra là mình thiếu tư cách để làm nghề ấy; thí dụ như nghề nghiệp của quân nhân; thí dụ như nghề nghiệp của thầy giáo. Vậy ai sẽ dạy dỗ con tôi đây? Tôi đã bảo anh rồi, bản thân anh chứ ai. Tôi không thể làm được. Anh không thể làm được ư?... Vậy anh hãy kết thân với một người bạn. Tôi không thấy phương kế nào khác.

Một thầy chỉ đạo! Ôi tâm hồn cao cả làm sao!... Quả thực, để làm nên một con người, thì bản thân mình phải là cha hoặc cao hơn một con người. Đó là chức phận mà các vị bình thản phó thác cho những kẻ làm thuê đấy.

Ta càng nghĩ về điều này, lại càng nhận ra những khó khăn mới. Lẽ ra thầy chỉ đạo cần phải được giáo dục cho học trò của ông ta, lẽ ra tôi tớ của ông ta, cần phải được giáo dục cho chủ nhân của họ, lẽ ra tất cả những ai tiếp cận ông ta cần nhận được những cảm giác mà họ phải truyền sang cho ông ta; lẽ ra, từ sự giáo dục này đến sự giáo dục kia, cần phải đi ngược lên mãi tận đâu không biết nữa. Làm sao một đứa trẻ có thể được giáo dục tốt bởi người nào đó mà bản thân đã không được giáo dục tốt?

Con người hiếm hoi ấy phải chăng không thể tìm ra? Tôi chẳng biết. Ai mà biết được vào cái thời suy đồi trụy lạc này, tâm hồn con người còn có thể đạt tới mức độ đạo đức nào? Nhưng cứ giả định là tìm được con người phi phàm ấy. Cứ xem xét những gì người ấy phải làm, ta sẽ thấy những gì người ấy phải là. Điều tôi ngỡ thấy trước được là một người cha mà cảm nhận được toàn bộ giá trị của một thầy chỉ đạo tốt sẽ quyết định không cần đến ông ta; bởi tìm được ông ta còn vất vả hơn là tự mình trở thành ông ta. Người cha muốn kết thân với một người bạn ư? Hãy giáo dục con trai mình để thành người bạn ấy; thế là ông khỏi phải đi tìm đâu xa, và thiên nhiên đã làm nửa phần công việc rồi.

Một người mà tôi chỉ biết thân thế địa vị đã chuyển lời đề nghị tôi dạy dỗ con ông. Hẳn là ông đã làm vinh dự cho tôi rất nhiều; nhưng ông đừng nên phàn nàn vì tôi từ chối mà cần khen tôi thận trọng mới phải. Nếu tôi nhận lời ông, và nếu phương pháp của tôi sai lạc, đó sẽ là một sự giáo dục lỡ dở; nếu tôi thành công, thì còn tệ hại hơn, con trai ông sẽ từ bỏ tước vị của mình, cậu sẽ không muốn làm công tước nữa.

Tôi quá thấm thía tính cao cả của nghĩa vụ gia sư, và cảm nhận quá rõ mình không có năng lực, thành thử chẳng bao giờ dám nhận một công việc

như vậy dù là ai đề nghị; và chính mối quan tâm đến tình thân hữu lại là một lý do mới với tôi để khước từ. Tôi nghĩ rằng sau khi đọc cuốn sách này, sẽ ít người định đề nghị tôi việc đó; và tôi xin những ai có thể đề nghị, đừng mất công vô ích nữa. Trước đây tôi đã từng thể nghiệm nghề này đủ để biết chắc rằng mình không thích hợp, và giả dụ như tài năng có khiến tôi làm được, thì cảnh huống của tôi cũng sẽ miễn cho tôi việc đó. Tôi nghĩ cần công khai tuyên bố như vậy với những ai dường như không đủ lòng quý trọng đối với tôi để tin là tôi chân thành và có căn cứ trong các quyết định của mình.

Không thể thực hiện nhiệm vụ hữu ích nhất, chí ít tôi sẽ mạo muội thử thực hiện nhiệm vụ dễ dàng nhất: theo gương bao người khác, tôi sẽ không bắt tay vào việc, mà bắt tay vào viết; và thay vì làm điều cần làm, tôi sẽ cố gắng nói lên điều đó.

Tôi biết rằng, trong các công việc tương tự việc này, tác giả bao giờ cũng thoải mái trong những hệ thống mà mình chẳng phải đem ra thực hành, nên thường dễ dàng ban bố nhiều quy tắc hay ho không sao theo nổi, và do thiếu chi tiết cũng như các thí dụ, nên ngay những điều có thể thực hành mà tác giả nói lên cũng không dùng được khi ông chưa chỉ ra cách ứng dụng.

Vậy tôi đã quyết định cho mình một học trò tưởng tượng, và giả định mình có tuổi tác, sức khỏe, tri thức và mọi tài năng thích đáng để giáo dục cậu học trò đó, giáo dục từ lúc cậu ra đời cho đến khi trưởng thành, cậu không cần người hướng dẫn nào khác nữa ngoài bản thân mình. Tôi thấy phương pháp này hữu ích để ngăn một tác giả vốn nghi ngờ chính mình khỏi lạc vào các ảo tượng; bởi, mỗi khi vừa xa rời cách làm thông thường, tác giả chỉ cần thử thách cách làm của bản thân đối với học trò mình, là lập tức cảm nhận được, hoặc độc giả sẽ cảm nhận giúp tác giả, rằng liệu anh có đi theo bước tiến bộ của tuổi thơ và bước vận hành tự nhiên của lòng người hay không.

Đó là điều tôi đã cố gắng làm trước mọi khó khăn từng xuất hiện. Để cuốn sách khỏi dày lên một cách vô bổ, tôi chỉ đặt ra những nguyên tắc mà mỗi người ắt đều cảm nhận được chân lý. Còn về những quy tắc có thể cần chứng cớ, tôi đều đã áp dụng với Émile của tôi hay với các thí dụ khác, và đã cho thấy, qua các chi tiết mở rộng, những gì mà tôi xác lập có thể được thực hành như thế nào; chí ít đó cũng là kế hoạch tôi đặt ra cho mình. Xét đoán xem tôi có thành công hay không là việc của độc giả.

Do vậy mà thoạt tiên tôi ít nói tới Émile, bởi những phương châm đầu tiên của tôi về giáo dục, mặc dù trái ngược với những phương châm đã được

xác lập, đều hiển nhiên đến mức bất kỳ người nào có lý trí đều khó lòng không đồng tình. Nhưng dần dần theo chừng tôi tiến lên, thì học trò của tôi, được dẫn dắt khác với học trò các vị, không còn là đứa trẻ bình thường nữa; phải có một chế độ đặc biệt riêng cho nó. Lúc ấy nó xuất hiện thường xuyên hơn trên sân khấu, và vào thời gian cuối tôi không còn rời mắt khỏi nó một lúc nào, cho đến khi, dù nó có nói gì chăng nữa, thì nó cũng chẳng còn mảy may cần đến tôi.

Ở đây tôi không hề nói đến các phẩm chất của một thầy chỉ đạo tốt; tôi giả định các phẩm chất ấy, và giả định rằng bản thân tôi được phú mọi phẩm chất như vậy. Đọc tác phẩm này, các vị sẽ thấy tôi rộng rãi với mình như thế nào.

Tôi chỉ nhận xét một điều, trái với dư luận chung, rằng thầy chỉ đạo của một đứa bé cần phải trẻ tuổi, thậm chí trẻ hết mức một hiền nhân có thể trẻ được. Tôi những muốn bản thân ông cũng là trẻ thơ, nếu có thể, những muốn ông thành được bầu bạn của học trò mình, và lôi cuốn được lòng tin cậy của nó bằng cách vui đùa cùng nó. Giữa trẻ thơ và người đứng tuổi không có đủ những điều chung để hình thành một niềm quyến luyến vững chắc với khoảng cách như vậy. Trẻ con đôi khi chiều nịnh các cụ già, nhưng chúng không bao giờ yêu các cụ.

Mọi người những muốn rằng ông thầy chỉ đạo đã từng thực hiện một sự giáo dục. Thế là quá; cùng một người chỉ có thể thực hiện một sự giáo dục mà thôi: nếu phải có hai sự giáo dục mới thành công được, thì ta có quyền gì mà tiến hành sự giáo dục thứ nhất?

Có nhiều kinh nghiệm hơn ta sẽ biết làm tốt hơn, nhưng ta sẽ không thể làm được nữa. Ai đã một lần thực hiện chức nghiệp này đủ trọn vẹn để cảm nhận được tất cả những cực nhọc của nó, thì không hề định lại làm tiếp; còn nếu lần đầu người ấy thực hiện dở, thì đó là một tiền lệ xấu cho lần thứ hai.

Theo dõi một thanh niên bốn năm ròng, hoặc dẫn dắt chàng ta hai mươi lăm năm ròng, là chuyện rất khác nhau, tôi thừa nhận như vậy. Các vị cho cậu con trai đã hình thành tính cách của các vị một thầy chỉ đạo; tôi thì tôi muốn cậu ta có một thầy chỉ đạo trước khi ra đời. Con người của các vị có thể thay đổi học trò năm năm một lần; con người của tôi sẽ chỉ có một học trò mà thôi. Các vị phân biệt gia sư và thầy chỉ đạo: lại một sự điên rồ nữa! Các vị có phân biệt đồ đệ với học trò hay không? Chỉ có một khoa học cần dạy cho trẻ em: đó là khoa học về các bổn phận của con người. Khoa học ấy là đơn nhất; và, cho

dù Xénophon có nói gì đi nữa về sự giáo dục của những người Ba Tư, khoa học ấy không chia sẻ. Và chăng, tôi gọi ông thầy của khoa học này là thầy chỉ đạo thì đúng hơn là gia sư, bởi với ông vấn đề là dẫn dắt nhiều hơn dạy dỗ. Ông không được đưa ra các quy tắc, ông phải làm cho các quy tắc được tìm ra.

Nếu phải chọn ông thầy chỉ đạo hết sức công phu, thì ông này cũng hoàn toàn được phép chọn học trò của mình, đặc biệt khi đây là một mẫu mực để đề xuất. Sự chọn lựa này không thể nhằm vào tài năng hay tính cách của đứa trẻ, mà ta chỉ biết khi công việc kết thúc, mà tôi nhận phụ trách trước khi nó ra đời. Nếu tôi được chọn, thì tôi chỉ chọn một đầu óc bình thường, tôi giả định học trò mình như vậy. Ta chỉ cần giáo dưỡng những người bình phàm mà thôi; chỉ có việc giáo dục họ là phải làm gương cho việc giáo dục những con người tương tự. Những người khác tự giáo dưỡng bất kể sự phản đối.

Xứ sở không phải là không quan hệ đến sự mở mang giáo hóa con người; họ chỉ là tất cả những gì họ có thể ở những miền khí hậu ôn hòa. Tại những miền khí hậu cực đoan, sự bất lợi là rõ rệt. Một con người không như cái cây trồng tại một xứ sở để ở lại đó mãi mãi; và người nào xuất phát từ một trong các cực để đến cực bên kia, bắt buộc phải đi gấp đôi đoạn đường của người xuất phát từ hạn giới trung bình để đến cùng hạn giới.

Cư dân một xứ sở ôn hòa có liên tiếp đi khắp hai cực, thì lợi thế của anh ta vẫn là hiển nhiên; vì, dù anh có bị biến đổi ngang với người đi từ cực này sang cực kia, anh vẫn xa thể chất tự nhiên của mình ít hơn một nửa. Một người Pháp sống được ở Guinée[27] và ở Laponie[28]; nhưng một người Da đen sẽ không sống được như vậy ở Tornea[29], và một người Samoiède[30] cũng không sống được như vậy ở Benin[31]. Lại hình như tổ chức của não tại hai miền cực kém hoàn hảo. Người Da đen cũng như người Laponie không có cảm quan của người châu Âu. Vậy nếu tôi muốn học trò của tôi có thể là cư dân trên Trái đất, tôi sẽ chọn cậu ta ở một miền ôn đới; thí dụ như ở Pháp, hơn là các nơi khác.

Tại phương bắc mọi người tiêu thụ nhiều trên một miền đất xấu; tại phương nam họ tiêu thụ ít trên một miền đất phì nhiêu; từ đó nảy sinh một

---

[27] * Xứ sở thuộc châu Phi.

[28] * Miền Bắc Âu gồm Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan và một phần của nước Nga.

[29] * Thuộc Bắc Âu.

[30] * Bộ lạc gốc Mông Cổ, sống ở đài nguyên lạnh giá miền Bắc Sibérie.

[31] * Xứ sở thuộc châu Phi.

khác biệt mới khiến những người này siêng năng còn những người kia ưa thường ngoạn. Xã hội bày ra trước chúng ta tại cùng một nơi hình ảnh của những khác biệt đó giữa người nghèo và người giàu: người nghèo ở miền đất xấu còn người giàu ở nơi phì nhiêu.

Người nghèo không cần đến giáo dục; sự giáo dục do cảnh huống của họ là bắt buộc, họ chẳng thể có sự giáo dục nào khác; ngược lại, sự giáo dục mà người giàu nhận được từ cảnh huống của họ là sự giáo dục ít thích hợp nhất cả cho họ cả cho xã hội. Vả lại sự giáo dục tự nhiên ắt phải làm cho một con người thích hợp được với mọi thân phận: mà dạy dỗ một người nghèo để thành giàu không hợp lý bằng dạy dỗ một người giàu để thành nghèo; bởi theo tỷ lệ hai cảnh huống thì số người phá sản nhiều hơn số người phất lên. Vậy chúng ta hãy chọn một kẻ giàu; chí ít ta cũng chắc chắn là đã đào tạo được thêm một con người, trong khi một kẻ nghèo có thể tự mình thành người được.

Cũng vì lý do đó, tôi sẽ không phật ý nếu Émile là con nhà dòng dõi. Thì vẫn sẽ là một nạn nhân được giải thoát khỏi thành kiến.

Émile mồ côi. Không cần cậu có cha có mẹ. Khi gánh vác nghĩa vụ của họ, tôi kế thừa mọi quyền của họ. Cậu phải tôn kính cha mẹ, nhưng chỉ phải nghe theo một mình tôi. Đó là điều kiện thứ nhất hay đúng hơn là duy nhất của tôi.

Tôi phải thêm vào đó điều này, nó chỉ là phần sau của điều kiện trên, là người ta sẽ chỉ tách chúng tôi khỏi nhau khi được chúng tôi đồng ý. Điều khoản này là thiết yếu, thậm chí tôi còn muốn học trò và thầy chỉ đạo đối với nhau keo sơn khăng khít đến mức số phận cuộc đời họ luôn là mục tiêu chung của họ. Họ chỉ vừa hình dung sự chia lìa trong tương lai, họ chỉ vừa dự liệu khoảnh khắc khiến họ thành xa lạ với nhau, là họ đã chia lìa xa lạ rồi; mỗi người tạo lập riêng hệ thống nhỏ của mình; và cả hai, bận lòng về thời kỳ sẽ không còn ở cùng nhau nữa, chỉ ở lại cùng nhau một cách miễn cưỡng mà thôi. Đồ đệ chỉ nhìn thầy như chiếu bài và tai ương của tuổi thơ; thầy chỉ nhìn đồ đệ như một gánh nặng mà ông nóng lòng sốt ruột muốn được trút bỏ; họ cùng mong mỏi thời điểm người nọ thoát được người kia; và bởi giữa hai người chưa bao giờ có sự quyến luyến thực sự, nên người này ắt kém cẩn thận chu đáo, người kia ắt kém ngoan ngoãn dễ bảo.

Nhưng khi họ coi nhau như ắt phải cùng chung sống, thì người nọ cần làm cho người kia yêu mến mình, và chính bởi thế mà họ thành thân thiết với nhau. Học trò thì không hề xấu hổ vì trong thời thơ ấu mình đi theo con người

ắt phải là bạn mình khi mình trưởng thành; thầy chỉ đạo thì quan tâm đến những chăm sóc mà mình ắt phải gặt hái kết quả, và toàn bộ giá trị mà ông đem lại cho học trò là một cái vốn ông đầu tư cho lợi ích của tuổi già mình.

Bản hiệp ước lập trước này giả định một việc sinh nở thuận lợi, một đứa trẻ được cấu tạo tốt, khỏe khoắn và lành mạnh. Một người cha không thể lựa chọn và không được ưu ái riêng ai trong gia đình do Chúa ban cho: mọi đứa con của ông đều là con ông hết; ông phải chăm sóc và yêu thương tất cả như nhau. Dù chúng què quặt hay lành lặn, dù chúng lừ đừ uể oải hay cường tráng, thì mỗi đứa con đều là một vật ký thác mà ông nợ bàn tay trao cho ông, và hôn nhân là một khế ước xác lập với tự nhiên cũng như xác lập giữa hai vợ chồng.

Nhưng người nào tự buộc cho mình một nghĩa vụ không hề do tự nhiên áp đặt thì trước đó phải biết chắc mình có phương tiện để làm tròn nghĩa vụ ấy; nếu không thế, là anh ta tự khiến mình phải chịu trách nhiệm về điều sẽ không thể làm được. Người nào nhận chăm lo một đứa trẻ tàn tật và ốm yếu là đổi chức nghiệp thầy chỉ đạo thành chức nghiệp hộ lý; anh ta mất vào việc săn sóc một cuộc sống vô dụng thời gian mà anh định dành để tăng giá trị cuộc sống ấy; anh ta tự để lâm vào cảnh một ngày kia thấy một bà mẹ rầu rĩ khóc than trách móc anh về cái chết của đứa con trai mà anh bảo tồn được cho bà ta rất lâu rồi.

Tôi sẽ không đảm đương một đứa trẻ yếu đuối và hay đau ốm, dù nó có sống đến tám mươi tuổi. Tôi không muốn một học trò luôn luôn vô dụng với bản thân và với người khác, chỉ chăm lo duy nhất việc tự bảo tồn, một học trò mà thân thể làm hại cho sự giáo dục tâm hồn. Tôi sẽ làm gì trong khi săn sóc nó một cách vô bổ, nếu không phải là gây tổn thất cho xã hội gấp đôi, làm xã hội mất hai người thay vì một người? Chẳng có tôi, xin để một ai khác chăm lo kẻ tàn tật ấy, tôi đồng ý, và tôi tán thành lòng nhân ái của người này; nhưng tài năng của tôi không phải tài năng đó: tôi không hề biết dạy cách sống cho kẻ chỉ nghĩ đến chuyện ngăn mình đừng chết.

Thân thể phải có sức mạnh để tuân theo tâm hồn: một người phục vụ tốt phải cường tráng. Tôi biết sự vô độ kích thích các đam mê; về lâu dài nó cũng làm thân thể tiều tụy suy nhược; những sự hành xác, nhịn ăn, nhiều khi sinh ra cùng một hiệu quả do nguyên nhân trái ngược. Thân thể càng yếu ớt, nó càng sai khiến; càng mạnh mẽ, nó càng tuân phục. Mọi đam mê nhục dục đều cư ngụ trong những thân thể èo là; chúng càng bị kích động nhiều hơn bởi ít có thể thỏa mãn được các đam mê này.

Một thân thể yếu đuối làm bạc nhược tâm hồn. Từ đó mà có quyền lực của ngành y, kỹ thuật độc hại cho con người hơn mọi bệnh tật mà nó bảo là nó chữa được. Về phần tôi, thì tôi chẳng biết các thầy thuốc chữa khỏi cho chúng ta bệnh gì, nhưng tôi biết rằng họ đem lại cho chúng ta những bệnh thật ác hại: bệnh hèn nhát, bệnh nhu nhược, bệnh cả tin, bệnh kinh hãi cái chết; nếu họ chữa khỏi thân thể, thì họ lại giết chết lòng can đảm. Ta cần gì họ làm cho các thây ma đi lại được? ta cần những con người, và ta chẳng thấy những con người từ tay họ mà ra.

Y học hợp thời thượng trong chúng ta; nó ắt phải như vậy. Đó là trò vui của những người vô công rồi nghề nhàn rỗi, vì chẳng biết làm gì với thời gian, bèn dùng nó để tự bảo tồn. Nếu chẳng may họ sinh ra bất tử, thì họ sẽ là những sinh linh khốn khổ nhất: một sự sống mà họ không bao giờ sợ mất sẽ chẳng có giá trị gì với họ hết. Những người ấy cần có các thầy thuốc dọa nạt họ để chiều nịnh họ, mỗi ngày lại cho họ thú vui duy nhất mà họ cảm nhận được, thú vui không chết.

Ở đây tôi không hề có ý định nói rộng về sự tự cao tự đại của y học. Mục tiêu của tôi chỉ là xem xét nó về phương diện tinh thần. Tuy nhiên tôi không thể không nhận xét rằng mọi người ngụy biện về việc sử dụng y học hệt như về việc kiếm tìm chân lý. Bao giờ họ cũng giả định rằng khi điều trị một bệnh nhân là người ta chữa khỏi cho người ấy, còn khi tìm kiếm một chân lý là người ta tìm thấy nó. Họ không thấy là cần phải cân nhắc cái lợi của một sự khỏi bệnh do thầy thuốc thực hiện với cái chết của một trăm bệnh nhân do ông ta làm tử vong, và cân nhắc sự hữu ích của một chân lý được phát hiện với mối hại do những lầm lạc diễn ra đồng thời. Khoa học dạy cho biết và y học chữa cho khỏi, chắc hẳn là rất tốt; nhưng khoa học lừa dối và y học làm chết người thì xấu. Vậy các vị hãy dạy cho chúng tôi phân biệt những điều trên. Đó là mấu chốt của vấn đề. Nếu ta biết không biết chân lý, ta sẽ chẳng bao giờ là kẻ bị lừa dối; nếu ta biết không muốn khỏi bất kể tự nhiên, ta sẽ chẳng bao giờ chết vì bàn tay của thầy thuốc: hai điều kiêng này sẽ là khôn ngoan; tuân theo chúng hiển nhiên ta được lợi. Vậy tôi chẳng tranh cãi về chuyện y học cũng có ích cho một số người, nhưng tôi bảo là nó có hại cho loài người.

Người ta sẽ bảo tôi, như người ta vẫn không ngừng bảo, rằng lỗi là do thầy thuốc, còn bản thân y học không bao giờ lầm lỗi. Tốt thôi; nhưng thế thì y học hãy đến mà đừng có thầy thuốc; bởi nếu y học và thầy thuốc còn đến cùng với nhau, thì ta phải e sợ những sai lầm của kỹ thuật viên gấp trăm lần trông mong sự cứu giúp của kỹ thuật.

Kỹ thuật dối lừa ấy, hợp với bệnh tật của tinh thần hơn bệnh tật của thân thể, chẳng ích lợi với số người này hơn số người kia: nó chữa cho chúng ta khỏi bệnh ít hơn là truyền cho chúng ta niềm kinh sợ bệnh; nó đẩy lùi cái chết ít hơn là khiến ta cảm nhận trước về cái chết; nó làm cuộc sống mỏi mòn thay vì kéo dài cuộc sống; và, nếu nó có kéo dài cuộc sống chăng nữa, thì vẫn là gây thiệt hại cho nòi giống, vì nó tách chúng ta khỏi xã hội bởi những chăm sóc nó buộc ta phải theo, và tách ta khỏi các bổn phận bởi những hoảng sợ nó gây cho ta. Chính việc biết các nguy hiểm khiến ta sợ nguy hiểm: người nào tin rằng mình bất khả xâm phạm sẽ chẳng sợ gì hết. Cứ trang bị mãi cho Achille chống lại hiểm nghèo, nhà thơ tước đi của Achille giá trị; bất kỳ ai khác ở vào vị trí của chàng cũng là một Achille với cùng cái giá đó.

Các vị mà muốn tìm thấy những con người thực sự can đảm, xin hãy tìm kiếm họ ở nơi nào không hề có thầy thuốc, nơi người ta không biết đến hậu quả của bệnh tật, nơi người ta chẳng mấy nghĩ đến cái chết. Theo tự nhiên, con người biết đau khổ một cách kiên nhẫn và chết một cách an bình. Chính các thầy thuốc với những đơn thuốc của họ, các triết gia với những châm ngôn của họ, các linh mục với những lời khuyến cáo của họ, khiến lòng người hèn hạ đi và làm con người quên những gì đã học để biết chết.

Hãy cho tôi một học trò không cần đến tất cả những loại người trên, hoặc là tôi xin kiếu. Tôi chẳng muốn những người khác làm hỏng công trình của mình; tôi muốn một mình tôi giáo dưỡng học trò, hoặc là không dính dáng vào. Locke hiền minh, đã dành một phần cuộc đời để học ngành y, thường dặn dò kỹ đừng bao giờ cho trẻ dùng thuốc, dù vì phòng ngừa hay vì những chứng khó ở nhẹ. Tôi còn đi xa hơn, và tuyên bố rằng, do chẳng bao giờ gọi thầy thuốc cho mình, tôi sẽ không bao giờ gọi thầy thuốc cho Émile của tôi, trừ phi sự sống của nó bị nguy hiểm hiển nhiên; bởi lúc đó thầy thuốc chẳng thể làm cho nó điều gì tệ hại hơn việc giết nó.

Tôi biết rõ là thầy thuốc thế nào cũng khai thác cái lợi từ sự trì hoãn này. Nếu đứa trẻ chết, là tại người ta gọi thầy thuốc quá muộn; nếu nó thoát được, là thầy thuốc đã cứu nó. Được: thầy thuốc cứ thắng đi; nhưng cần nhất là chi gọi ông ta khi nguy khốn.

Vì không biết tự chữa khỏi, đứa trẻ hãy biết ốm: nghệ thuật này bù cho nghệ thuật kia, và thường thành công hơn rất nhiều; đó là nghệ thuật của tự nhiên. Khi con vật ốm, nó đau lặng lẽ và nằm yên: mà ta không thấy nhiều con vật lừ đừ uể oải hơn là những con người. Sự nôn nóng, nỗi sợ hãi, niềm lo

lắng, và nhất là các phương thuốc, đã giết chết bao người mà bệnh tật lẽ ra không làm chết và chỉ riêng thời gian lẽ ra chữa được lành! Người ta sẽ bảo tôi rằng các con vật, sống theo cách hợp với tự nhiên hơn, ắt ít bị bệnh hơn chúng ta. Này! Cách sống ấy chính là cách tôi muốn đem lại cho học trò mình; vậy học trò tôi ắt phải rút được từ cách sống ấy mối lợi giống như vậy.

Bộ phận hữu ích duy nhất của y học là phép vệ sinh; mà vệ sinh lại là một đức tính hơn một khoa học. Sự tiết độ và lao động là hai thầy thuốc thực thụ của con người: lao động kích thích ngon miệng, còn tiết độ ngăn con người lạm dụng sự ngon miệng.

Để biết chế độ sinh hoạt nào hữu ích nhất cho sự sống và sức khỏe, chỉ cần biết chế độ nào được theo bởi các dân tộc khỏe mạnh nhất, cường tráng nhất, và sống lâu nhất. Nếu qua các quan sát chung mà không thấy việc sử dụng y học khiến con người có sức khỏe vững hơn hoặc sống lâu hơn, thì chính do điều đó mà nghệ thuật này không ích lợi, nó có hại, bởi nó dùng thời gian, con người và sự vật một cách hoàn toàn uổng phí. Chẳng những thời gian bỏ vào việc bảo tồn sự sống bị mất đi không sử dụng được, cần suy ra như vậy; mà, khi thời gian ấy bị dùng để dằn vặt ta thì nó còn tệ hơn là vô hiệu, nó tiêu cực; và, để tính toán một cách công bằng, thì phải trừ đi chừng ấy thời gian trong số thời gian còn lại cho chúng ta. Một người sống mười năm không cần thầy thuốc là sống cho bản thân và cho người khác nhiều hơn cái người ba mươi năm sống làm nạn nhân cho thầy thuốc. Đã trải qua cả hai thử thách trên, tôi nghĩ rằng hơn ai hết tôi có quyền rút từ đó ra kết luận.

Đó là những lý do khiến tôi chỉ muốn một học trò cường tráng và lành mạnh, và đó là những nguyên tắc của tôi để giữ cho học trò được như vậy. Tôi sẽ không ngừng chứng minh lợi ích của lao động chân tay và luyện tập thân thể để làm cho tính tình và sức khỏe thêm mạnh mẽ; không ai tranh cãi điều này: hầu như tất cả các tấm gương về những cuộc sống thọ nhất đều được rút từ những người đã luyện tập nhiều nhất, đã chịu đựng nhọc nhằn và lao động nhiều nhất[32]. Tôi cũng sẽ không đi vào các chi tiết dài dòng về những chăm lo

---

[32] Đây là một thí dụ trích từ báo chí Anh, mà tôi không thể không thuật lại, bởi nó gợi lên nhiều suy nghĩ liên quan đến vấn đề của tôi.

"Một người tên là Patrice Oneil, sinh năm 1647, vừa kết hôn lần thứ bảy vào năm 1760. Ông từng phục vụ trong đội long kỵ binh vào năm thứ mười bảy triều vua Charles II, và trong nhiều binh đoàn cho đến năm 1740, thì được nghỉ. Ông đã tham gia tất cả các chiến dịch của vua Guillaume và của công tước de

cho riêng mục tiêu này; mọi người sẽ thấy các điều ấy đi vào sự thực hành của tôi một cách tất yếu thành thử chỉ cần nắm được tinh thần là không phải giải thích thêm gì nữa.

Các nhu cầu bắt đầu cùng với sự sống. Cần một vú nuôi cho trẻ sơ sinh. Nếu người mẹ đồng ý thực hiện bổn phận của mình, thì thật tốt: người ta sẽ viết ra cho bà các chỉ dẫn; bởi cái lợi này cũng có đối lực của nó và khiến thầy chỉ đạo ở hơi xa học trò mình. Nhưng nên tin rằng lợi ích của đứa trẻ và lòng quý trọng đối với người mà bà muốn giao phó vật ký thác hết sức thân thương sẽ khiến người mẹ chú ý đến lời khuyên của ông thầy; và tất cả những gì bà muốn làm, chắc chắn bà sẽ làm tốt hơn một người khác. Nếu cần một vú nuôi là người lạ, thì ta hãy bắt đầu bằng việc chọn lựa cho tốt.

Một trong những nỗi khốn khổ của người giàu là việc gì cũng bị lừa. Nếu họ xét đoán kém về con người, có gì là lạ? Chính sự giàu có làm hư họ; và do một sự phản hồi đúng lẽ, họ là những người đầu tiên cảm nhận thấy sự khiếm khuyết của công cụ duy nhất mà họ biết. Ở nhà họ mọi sự đều dở, trừ những gì bản thân họ làm; và hầu như họ chẳng làm gì hết. Nếu phải tìm một vú nuôi, thì họ để người đỡ đẻ tìm. Điều này sẽ đưa đến cái gì? Đến việc người vú tốt nhất bao giờ cũng là người đã trả cho người đỡ đẻ nhiều tiền nhất. Vậy tôi sẽ không hỏi ý kiến người đỡ đẻ về vú nuôi Émile; tôi sẽ lo tự mình chọn lựa. Có thể tôi sẽ không lý luận hay ho về chuyện này bằng một thầy thuốc ngoại khoa, nhưng chắc chắn tôi nhiều thiện chí hơn, và nhiệt tình hăng hái của tôi sẽ khiến tôi ít bị lừa hơn lòng tham lợi của ông thầy thuốc.

Việc chọn lựa này không phải một bí mật hết sức to tát; các quy tắc đều được biết rõ; nhưng tôi không hiểu liệu có nên chú ý hơn một chút đến tuổi của sữa cũng như đến chất lượng sữa hay không. Sữa non hoàn toàn là tương dịch, nó phải gần như mang tính khai vị để tẩy *cứt xu* còn lại trong ruột đứa trẻ vừa ra đời. Dần dần sữa đặc lên và cung cấp chất dinh dưỡng chắc hơn cho đứa trẻ đã khỏe hơn để tiêu hóa chất đó. Không phải vô cớ mà ở giống cái của tất cả các loài, thiên nhiên tăng độ đặc của sữa tùy theo tuổi của con vật sơ sinh.

Marlborough. Người đàn ông này xưa nay chỉ uống bia loại bình thường; bao giờ ông cũng dùng rau củ và chỉ ăn thịt trong vài bữa mời gia đình. Lệ thường của ông xưa nay là thức dậy và đi ngủ cùng với Mặt trời, trừ phi nghĩa vụ không cho ông làm vậy. Giờ đây ông đang ở tuổi một trăm mười ba, nghe rõ, khỏe mạnh, đi không cần chống gậy. Mặc dù tuổi cao, ông không ngồi rỗi lúc nào; và Chủ nhật nào ông cũng đến nhà thờ xứ, có các con, các cháu, chắt, đi cùng."

Vậy cần cho đứa trẻ mới sinh một vú nuôi mới ở cữ. Điều này có trở ngại của nó, tôi biết; nhưng cứ vừa ra khỏi trật tự thiên nhiên, thì cái gì muốn làm tốt cũng có những trở ngại của nó. Chước thuận tiện duy nhất là làm dở; đó cũng là cái chước mà ta chọn.

Cần một vú nuôi lành mạnh cả về tâm hồn lẫn thân thể: những điều không thuận trong các đam mê có thể làm cho sữa biến chất, cũng như những điều không thuận trong các chất dịch của cơ thể; hơn nữa, chỉ dựa vào thể chất, là chỉ nhìn thấy một nửa của đối tượng. Sữa có thể tốt còn người vú nuôi lại dở; một khí chất tốt cũng thiết yếu như một tính tình tốt. Nếu ta chọn một phụ nữ có nhiều tật xấu, tôi không bảo là đứa trẻ do người ấy nuôi sẽ nhiễm những tật xấu đó, nhưng tôi bảo là trẻ sẽ bị khổ vì chúng. Cùng với dòng sữa, người vú chẳng phải đem lại cho trẻ những chăm sóc đòi hỏi nhiệt tình, lòng nhẫn nại, niềm dịu dàng, sự sạch sẽ hay sao? Nếu vú tham ăn, không tiết độ, vú sẽ sớm làm hỏng sữa; nếu vú cẩu thả hoặc hay cáu, thì một đứa bé khốn khổ chẳng thể tự bảo vệ chẳng thể than phiền, sẽ ra sao đây ở dưới quyền định đoạt của vú? Những người độc ác chẳng bao giờ tốt cho bất cứ việc gì điều gì hết.

Việc chọn vú nuôi càng quan trọng bởi trẻ sơ sinh chẳng thể có người trông nom dạy dỗ nào khác ngoài người vú, cũng như nó chẳng thể có gia sư nào khác ngoài thầy chỉ đạo. Tục lệ này là tục lệ của cổ nhân, ít nói lý hơn song khôn ngoan hơn chúng ta. Sau khi nuôi nấng những bé gái, các vú nuôi không rời các em nữa. Vì thế mà trong các vở kịch của người xưa, phần lớn những người bạn tâm phúc là các vú nuôi. Một đứa trẻ liên tiếp chuyển qua tay nhiều người không thể được giáo dục tốt. Mỗi lần thay đổi là nó lại ngầm so sánh, những so sánh bao giờ cũng có khuynh hướng giảm niềm quý trọng của nó đối với những người dạy dỗ nó, và vì thế mà giảm uy quyền của những người này với nó. Nếu chỉ một lần nó nghĩ rằng có những người lớn chẳng có lý hơn trẻ con, thì toàn bộ uy tín của tuổi tác mất hết và sự giáo dục bị lỡ dở. Một đứa trẻ không được biết người trên nào khác ngoài cha và mẹ nó, hoặc, thay cho bố mẹ, là vú nuôi và thầy chỉ đạo; mà một trong hai người cũng đã thừa rồi; nhưng sự phân chia này là cần thiết; và tất cả những gì ta có thể làm để sửa chữa điều đó là người đàn bà và người đàn ông dạy dỗ điều khiển đứa trẻ phải hết sức đồng tình về nó, cả hai chỉ là một đối với nó.

Cần để người vú sinh hoạt dễ dàng thuận tiện hơn một chút, để họ ăn các thức bổ dưỡng hơn một chút, nhưng đừng thay đổi hẳn lối sống; vì một sự

thay đổi gấp gáp và hoàn toàn, dù từ xấu đến tốt hơn, bao giờ cũng nguy hiểm cho sức khỏe; và bởi chế độ bình thường của người vú đã để cho bà ta hoặc khiến cho bà ta khỏe khoắn và mạnh mẽ, thì bắt bà ta thay đổi làm gì?

Phụ nữ nông dân ăn ít thịt và nhiều rau hơn phụ nữ thành thị; và chế độ ăn nhiều thực vật này hình như có lợi hơn là có hại cho họ và con cái họ. Khi họ nuôi trẻ sơ sinh thị dân, người ta cho họ ăn thịt bò hầm, tin rằng xúp và canh thịt khiến họ có dưỡng chất tốt hơn và nhiều sữa hơn. Tôi không hề tán thành ý kiến này; và tôi có kinh nghiệm cho thấy những đứa trẻ được nuôi dưỡng như thế thường hay bị đau bụng và có giun hơn là các trẻ khác.

Điều này không đáng ngạc nhiên mấy, bởi chất động vật khi thối rữa thường lúc nhúc dòi bọ; chất thực vật thì không như vậy. Sữa, dù được tạo thành trong cơ thể động vật, lại là một chất thực vật[33]; việc phân tích sữa chứng tỏ như thế, sữa dễ chuyển thành chua; và không hề đem lại dấu vết gì của chất kiềm dễ bay hơi, như các chất động vật, sữa, giống như cây cỏ, cho một chất muối trung tính chủ yếu.

Sữa của động vật giống cái ăn cỏ dịu hơn và lành hơn sữa của động vật ăn thịt. Được tạo thành bởi một chất đồng chủng với chất của nó, sữa này bảo tồn được bản chất tốt hơn, và ít bị thối rữa hơn. Nếu nhìn số lượng, ai cũng biết là các chất bột tạo nhiều máu hơn chất thịt; vậy chúng ắt cũng tạo nhiều sữa hơn. Tôi không tin rằng một đứa trẻ mà người ta không cho cai sữa quá sớm, hoặc chỉ cho cai sữa với các thức ăn thực vật, và người vú cũng chỉ ăn đồ thực vật, lại có giun được.

Có thể các thức ăn thực vật cho một chất sữa chóng bị chua hơn; nhưng tôi chẳng hề coi sữa hóa chua là thức ăn không lành: có những dân tộc chẳng có thức ăn nào khác mà rất khỏe mạnh, và tôi thấy toàn bộ các thiết bị hấp thu nước chỉ là trò lừa bịp. Có những khí chất không hề hợp với sữa, và chẳng chất hấp thu nước nào làm cho những khí chất ấy chịu được sữa; các khí chất khác chịu được sữa chẳng cần chất hấp thu. Người ta sợ sữa tách chiết hay sữa đông: đó là sự điên rồ, bởi ta biết rằng bao giờ sữa cũng đông lại trong dạ dày. Như vậy nó trở thành một thức ăn đủ chắc để nuôi trẻ em

---

[33] Phụ nữ ăn bánh mì, rau, các thức từ sữa: mèo cái và chó cái cũng ăn những thứ ấy; ngay cả sói cái cũng ăn cỏ. Đó là những tinh túy thực vật đối với sữa. Còn phải xem xét sữa của những loài tuyệt đối chỉ ăn được thịt, nếu như có những loài như vậy: tôi nghi ngờ điều này.

và các con vật non: nếu không đông lại, thì sữa chỉ đi qua mà không nuôi dưỡng chúng[34]. Người ta đã dùng hàng ngàn cách để pha sữa, đã sử dụng hàng ngàn chất hấp thu, song ai ăn sữa đều tiêu hóa được phó mát; điều này không có ngoại lệ. Dạ dày rất hợp để khiến sữa đông lại, thành thử dạ dày loài bê được dùng để làm đặc sữa.

Vậy tôi nghĩ rằng thay vì đổi thực phẩm thông thường của các vú nuôi, chỉ cần cho họ thực phẩm dồi dào hơn và chọn lọc tốt hơn là đủ. Không phải do bản chất các thức ăn mà đồ chay làm tăng nhiệt, chỉ có cách chế biến làm cho thức ăn thành không lành mà thôi. Hãy cải tổ các quy tắc nấu nướng, đừng có món cháy cạnh cũng như món rán; sao cho bơ, muối, thức ăn bằng sữa, không qua lửa; sao cho rau luộc chỉ pha chế thêm gia vị khi được dọn nóng hôi hổi lên bàn ăn: thức chay chẳng khiến vú nuôi tăng nhiệt mà lại làm cho sữa dồi dào và có chất lượng tốt[35]. Có thể nào chế độ thức ăn thực vật được thừa nhận là tốt nhất cho trẻ, mà chế độ thức ăn động vật lại tốt nhất cho người vú được chăng? Như thế là mâu thuẫn.

Không khí tác động đến thể chất của trẻ em, đặc biệt trong những năm đầu đời. Không khí thâm nhập qua mọi lỗ chân lông vào một làn da mịn và mềm, nó ảnh hưởng mạnh mẽ đến các thân thể mới nảy nở này, nó để lại trong chúng những cảm giác không hề phai mờ. Vậy tôi sẽ không đồng ý khi người ta kéo một phụ nữ nông dân khỏi làng quê để nhốt người ấy trong một căn phòng ở thành phố và nuôi đứa trẻ tại nhà; tôi thích để đứa trẻ đi hít thở không khí trong lành nơi thôn dã hơn là để người vú hít thở không khí độc hại của thị thành. Đứa trẻ sẽ tiếp nhận cảnh huống của người mẹ mới, nó sẽ ở ngôi nhà mộc mạc quê mùa của bà, và thầy chỉ đạo sẽ theo nó đến đấy. Độc giả hãy nhớ kỹ rằng ông thầy này không phải là một người làm thuê; đó là bạn của người cha. Nhưng khi không tìm ra người bạn này, khi sự di chuyển không dễ dàng, khi chẳng điều gì ông khuyên có thể thực hiện được, thì làm gì để thay vào đó, người ta sẽ bảo tôi thế?... Tôi đã nói với các vị rồi, làm điều các vị làm; việc ấy chẳng cần lời khuyên.

---

[34] Dù các dịch nuôi dưỡng chúng ta là chất nước, song chúng phải được chiết ép từ thức ăn đặc. Một người đang lao động mà chỉ ăn nước canh sẽ suy yếu nhanh chóng. Nếu ăn sữa, người ấy sẽ chịu đựng được tốt hơn, vì sữa đông lại.

[35] Những ai muốn tranh luận thêm về các điều lợi và bất lợi của chế độ ăn chay có thể xem các khái luận do bác sĩ Cocchi và bác sĩ Bianchi, đối thủ của ông, viết về đề tài quan trọng này.

Con người không được tạo nên để chen chúc đông như kiến, mà để phân tán trên mặt đất mà họ phải canh tác. Càng tụ tập, họ càng hư hỏng. Những tàn tật của thân thể, cũng như những thói xấu của tâm hồn, là kết quả không sao tránh khỏi của sự tụ hội quá đông đảo. Trong tất cả các động vật, người là động vật ít có thể sống bầy đàn nhất. Người mà sống chen chúc như cừu sẽ chết hết trong thời gian rất ngắn. Hơi thở của người có thể làm chết đồng loại: điều này đúng cả ở nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Các thành phố là vực thẳm của loài người. Sau vài thế hệ, nòi giống tiêu vong hoặc thoái hóa; phải đổi mới nòi giống, và nông thôn bao giờ cũng cống hiến cho sự đổi mới ấy. Vậy các vị hãy gửi con cái đi đổi mới, có thể nói là tự chúng đổi mới bản thân, và phục hồi giữa đồng ruộng sự cường tráng mà người ta mất đi trong không khí độc hại của những nơi chốn quá đông đúc. Các phụ nữ có thai đang ở nông thôn vội vã quay về sinh nở tại thành phố: lẽ ra họ phải làm hoàn toàn ngược lại, nhất là những ai muốn nuôi con. Họ sẽ ít phải nuối tiếc hơn họ tưởng; và, ở một nơi hợp với nòi giống một cách tự nhiên hơn, thì những hoan lạc gắn với bổn phận của tự nhiên sẽ sớm làm họ mất đi thích thú với những hoan lạc không liên quan đến các bổn phận ấy.

Trước hết, sau khi sinh, người ta tắm đứa trẻ bằng nước ấm mà họ thường pha lẫn rượu vang. Tôi thấy ít cần cho thêm vang như vậy. Bởi thiên nhiên không sản sinh ra thứ gì lên men, thì chẳng nên tin rằng việc dùng một chất nước nhân tạo quan hệ đến sự sống của các tạo vật của thiên nhiên.

Cũng bởi lý do trên, việc cẩn thận làm ấm nước cũng không cần thiết; và quả thực vô số dân tộc tắm cho trẻ sơ sinh ở sông hay biển chẳng câu nệ gì. Nhưng trẻ sơ sinh của chúng ta, trước khi sinh đã suy nhược do sự bạc nhược của cha mẹ, lúc ra đời mang theo một khí chất đã hư hỏng, mà thoạt tiên không nên bắt mạo hiểm ngay với tất cả những thử thách có nhiệm vụ hồi phục nó. Chỉ bằng cách dần dần từng mức độ, ta mới có thể đưa trẻ trở lại sự cường tráng nguyên sơ. Vậy thoạt tiên hãy bắt đầu bằng cách làm theo tập quán, và chỉ xa rời tập quán một cách từ từ. Hãy thường xuyên tắm rửa cho trẻ; sự bẩn thỉu của chúng cho thấy cần làm như vậy. Nếu chỉ lau chùi, ta khiến chúng xây xước; nhưng theo chừng chúng mạnh mẽ lên, hãy giảm dần độ ấm của nước, cho tới khi cuối cùng các vị tắm được cho chúng mùa hè cũng như mùa đông bằng nước lạnh thậm chí lạnh giá. Vì, để khỏi nguy hiểm cho trẻ, việc giảm này cần chậm rãi, liên tục và khó nhận biết, nên có thể dùng nhiệt kế để đo cho chính xác.

Tập quán tắm này một khi đã xác lập, không được đứt đoạn, và cần duy trì suốt đời. Tôi không chỉ coi trọng điều này về phương diện sạch sẽ và sức khỏe, mà còn như một dụng tâm bổ ích để làm cho kết cấu các đường gân thớ thịt mềm dẻo hơn, khiến chúng chịu được các độ nóng lạnh khác nhau không cần cố gắng và không gặp nguy hiểm. Về điểm này tôi những muốn khi lớn lên người ta dần dần quen với việc thỉnh thoảng tắm nước nóng ở mọi độ có khả năng chịu được, và thường thường tắm nước lạnh ở mọi độ có thể. Như vậy, sau khi đã tập quen chịu đựng mọi nhiệt độ của nước, vốn là một chất lỏng dày đặc hơn nên đụng chạm đến ta qua nhiều điểm hơn và ảnh hưởng đến ta nhiều hơn, ta trở nên hầu như vô cảm với các nhiệt độ khác nhau của không khí.

Vào khoảnh khắc đứa trẻ hít thở khi ra khỏi những lớp bọc của nó, xin đừng để người ta cho nó các lớp bọc khác khiến nó bị chật chội hơn. Không dải mũ ghìm đầu, không băng đai, không tã nịt; tã rộng và bồng bềnh, để tứ chi nó thoải mái, và đừng khá nặng nề để vướng víu cử động của nó, cũng đừng khá nóng để ngăn nó cảm nhận ảnh hưởng của không khí[36]. Hãy đặt trẻ vào một chiếc nôi lớn[37] nhồi lót cẩn thận, ở đó trẻ có thể cử động thoải mái và không nguy hiểm. Khi trẻ bắt đầu có sức, cứ để cho nó bò trong phòng; để cho nó phát triển, duỗi những chân tay bé bỏng của nó; các vị sẽ thấy nó mạnh lên từng ngày. Hãy so sánh nó với một đứa trẻ cùng độ tuổi được quấn bó kỹ càng; các vị sẽ ngạc nhiên vì sự khác biệt trong những tiến bộ của chúng[38].

---

[36] Ở các thành phố người ta làm trẻ em ngạt thở vì cứ giữ chúng trong nhà và mặc nhiều quần áo. Những người dạy dỗ chúng cần phải biết rằng không khí lạnh chẳng hề làm hại trẻ mà khiến chúng khỏe mạnh hơn, còn không khí nóng làm chúng yếu đi, khiến chúng sốt và giết chúng.

[37] Tôi nói *nôi*, để sử dụng một từ thường dùng, vì không có từ khác, song tôi tin rằng không bao giờ cần đu đưa nôi cho trẻ, và tập quán này nhiều khi có hại cho chúng.

[38] "Người Pérou xưa để các cánh tay của trẻ được tự do trong một chiếc tã rất rộng; khi bỏ tã, họ đặt chúng thoải mái trong một cái hố đào dưới đất và có lót vải vóc, họ cho trẻ xuống đó đến nửa người; như vậy, cánh tay chúng tự do, và chúng có thể cử động đầu và uốn mình tùy ý, không ngã và không bị thương. Khi chúng có thể bước được một bước, họ đưa bầu vú cho chúng từ chỗ hơi xa một chút, như cái mồi để buộc chúng phải bước đi. Các chú bé da đen đôi khi còn bú ở tư thế nhọc nhằn hơn nhiều: chúng dùng đầu gối và bàn chân ôm lấy một bên hông mẹ, và chúng quặp chặt đến mức có thể bám vào đấy không cần những

Ta phải dự liệu sự phản đối quyết liệt của những người vú nuôi, đứa trẻ quấn bó kỹ khiến họ đỡ vất vả hơn đứa trẻ phải coi sóc không ngừng. Và chăng sự bẩn thỉu của trẻ dễ thấy hơn trong quần áo mở; phải rửa ráy cho nó luôn. Cuối cùng tục lệ là một lập luận mà người ta sẽ không bao giờ phản bác tại một số nước, theo ý muốn của dân chúng mọi Quốc gia.

Các vị đừng nói lý lẽ với những người vú nuôi; hãy ra lệnh, hãy xem việc làm, và đừng nề hà điều gì để cho những sự chăm sóc mà các vị quy định được dễ dàng thoải mái trong thực hành. Tại sao các vị không cùng tham gia những chăm sóc ấy? Trong những sự dưỡng dục bình thường, ở đó người ta chỉ nhìn vào thể chất, miễn là đứa trẻ sống và không suy yếu đi, chuyện còn lại không đáng kể mấy; nhưng ở đây, khi sự giáo dục bắt đầu cùng với sự sống, thì đứa trẻ sinh ra đã là đồ đệ rồi, không phải đồ đệ của người dạy dỗ, mà của tự nhiên. Người dạy dỗ chỉ học tập nghiên cứu dưới ông thầy thứ nhất này và làm sao cho những sự chăm sóc của ông thầy ấy không bị cản trở. Người ấy coi sóc đứa trẻ sơ sinh, quan sát nó, theo dõi nó, cẩn thận rình rập ánh le lói đầu tiên của trí năng yếu ớt nơi nó, giống như, sắp tới kỳ thượng huyền, các tín đồ Hồi giáo rình rập lúc trăng lên.

Chúng ta sinh ra với khả năng học tập, nhưng chẳng hiểu gì hết, chẳng biết gì hết. Tâm hồn, bị trói buộc trong những khí quan chưa hoàn chỉnh và hình thành nửa vời, không cảm nhận ngay cả sự tồn tại của chính nó. Các cử động, các tiếng kêu khóc của đứa trẻ vừa ra đời là những tác động máy móc đơn thuần, không có tri giác và ý muốn.

Ta hãy giả định một đứa trẻ khi sinh ra có vóc dáng và sức lực của một người trưởng thành, hãy giả định từ bụng mẹ ra nó được trang bị đầy đủ, như

---

cánh tay người mẹ trợ giúp. Chúng dùng hai bàn tay víu lấy bầu vú, và bú liên tục không phiền hà không ngã, bất kể những động tác khác nhau của người mẹ trong khi ấy vẫn làm công việc bình thường. Từ tháng thứ hai những trẻ này đã bắt đầu đi, hay nói đúng hơn là bò lết trên đầu gối và bàn tay. Việc luyện tập đó khiến chúng về sau dễ dàng chạy trong tư thế ấy nhanh gần bằng chạy trên hai bàn chân" (*Lịch sử tự nhiên*, tập IV, tr. 192)

Ông De Buffon có thể bổ sung vào các thí dụ trên trường hợp của nước Anh, tại đây tập quán vô lý và man rợ dùng tã nịt ngày càng được phế bỏ. Xin đọc thêm *Du lịch ở Xiêm La* của La Loubère; *Du lịch ở Canada* của ngài Le Beau v.v... Tôi có thể viện dẫn đầy hai mươi trang, nếu cần phải khẳng định điều trên bằng các sự kiện có thực.

Pallas[39] từ não của Jupiter ra; cái người lớn-trẻ con đó sẽ là một gã ngu ngốc hoàn toàn, một người máy, một pho tượng bất động và hầu như vô cảm: hắn sẽ chẳng nhìn thấy gì, hắn sẽ chẳng nghe thấy gì, hắn sẽ chẳng biết ai hết, hắn sẽ chẳng biết hướng mắt về cái mà hắn cần nhìn; chẳng những hắn không nhận thấy một đối tượng nào ở bên ngoài hắn, mà thậm chí hắn chẳng đem một đối tượng nào trở lại cơ quan cảm giác làm cho hắn nhận thấy đối tượng; các màu sắc sẽ không ở trong mắt hắn, các âm thanh sẽ không ở trong tai hắn, các thân thể mà hắn đụng chạm sẽ không ở trên thân thể hắn, thậm chí hắn không biết mình có một thân thể; sự tiếp xúc của bàn tay hắn sẽ ở trong não hắn; tất cả các cảm giác sẽ tụ tập ở một điểm duy nhất; hắn chỉ tồn tại trong *trung khu cảm giác* chung; hắn sẽ chỉ có một ý tưởng, đó là ý tưởng về cái *tôi*, mọi cảm giác được hắn quy về cái tôi đó; và ý tưởng ấy hay cảm nhận ấy thì đúng hơn, là điều duy nhất hắn có được hơn một đứa trẻ bình thường.

Cái người lớn, được hình thành bất thình lình như vậy, cũng không biết đứng thẳng dậy trên hai bàn chân; hắn sẽ phải mất nhiều thời gian để tập giữ được thăng bằng trên hai chân; có lẽ hắn cũng chẳng thử xem, và các vị sẽ thấy cái thân hình cao lớn, khỏe mạnh và cường tráng ấy ở yên tại chỗ như một tảng đá, hoặc bò và lết như một con chó nhỏ.

Hắn sẽ cảm thấy bất an vì những nhu cầu mà hắn chẳng biết, và chẳng hề tưởng tượng ra một cách nào để cung cấp cho những nhu cầu đó. Không hề có sự liên lạc trực tiếp nào giữa các cơ của dạ dày và các cơ của cánh tay bắp chân, sự liên lạc này làm cho hắn, dù quanh người là thức ăn, vẫn bước lên một bước để đến gần các thức ăn ấy hoặc duỗi bàn tay để cầm lấy chúng; và, vì thân thể hắn đã nảy nở, vì tứ chi đã phát triển, do vậy hắn không có những lo lắng cũng chẳng có các cử động liên tục của trẻ em, và hắn có thể chết vì đói trước khi động đậy để tìm đồ ăn. Chỉ suy nghĩ một chút thôi về thứ tự và bước tăng tiến của tri thức nơi chúng ta, là đã không thể chối cãi rằng sự thể trên đây gần gần như là trạng thái dốt nát nguyên sơ và ngây ngô tự nhiên của con người trước khi học tập được ở kinh nghiệm hoặc ở đồng loại.

Vậy là ta biết, hoặc có thể biết điểm đầu tiên mà mỗi chúng ta xuất phát để đi tới mức độ thông thường của trí năng; nhưng ai biết được cực bên kia? Mỗi người tiến lên nhiều hay ít tùy theo tinh anh, thị hiếu, nhu cầu, tài năng, nhiệt tình, và các cơ hội mình có được để thi thố những điều trên. Tôi chưa

[39] * Biệt danh của nữ thần Hy Lạp Athéna, hay nữ thần La Mã Minerve.

biết một triết gia nào còn đủ táo bạo để bảo rằng: đây là hạn giới con người có thể đạt đến và không sao vượt qua được. Chúng ta chẳng biết bản chất tự nhiên của mình cho phép mình được là những gì; chưa ai trong chúng ta từng đo khoảng cách có thể có giữa một con người và một con người khác. Có tâm địa hèn mọn nào mà chưa từng bị ý nghĩ này kích thích, mà thỉnh thoảng trong niềm kiêu ngạo lại không tự nhủ: ta đã vượt được bao nhiêu kẻ! ta còn có thể vươn tới bao nhiêu kẻ! tại sao cái kẻ bằng ta lại đi được xa hơn ta?

Tôi xin nhắc lại, sự giáo dục con người bắt đầu từ khi anh ta ra đời; trước khi nói, trước khi nghe thấy, con người đã học tập rồi. Kinh nghiệm đến trước các bài học; vào lúc biết người vú nuôi, con người đã thu nhận được nhiều rồi. Người ta sẽ kinh ngạc vì những hiểu biết của con người thô lậu nhất, nếu theo rõi bước tiến của anh ta từ thời điểm ra đời cho đến thời điểm anh ta đạt tới. Nếu phân chia toàn bộ khoa học của con người làm hai phần, một phần chung cho tất cả mọi người, phần kia riêng của các nhà thông thái, thì phần riêng này sẽ rất nhỏ bé so với phần kia. Nhưng chúng ta ít nghĩ đến những tri thức phổ quát, bởi những tri thức này hình thành mà người ta chẳng nghĩ đến và thậm chí hình thành trước tuổi hiểu biết; bởi kiến thức chỉ bộc lộ qua những khác biệt, mà giống như trong các phương trình đại số, các đại lượng chung chẳng đáng kể.

Ngay loài vật cũng thu nhận được rất nhiều. Chúng có các giác quan, chúng cần phải học sử dụng những giác quan ấy; chúng có các nhu cầu, chúng cần phải học cung cấp cho những nhu cầu ấy; chúng cần phải học ăn, học đi, học bay. Động vật bốn chân vừa sinh ra đã đứng nhưng không vì thế mà biết đi; cứ nhìn những bước đầu tiên của chúng là thấy đó là những thử nghiệm không vững vàng chắc chắn. Những con chim yến thoát khỏi lồng không hề biết bay, bởi chúng chưa từng bay bao giờ. Tất cả đều là dạy dỗ đối với các sinh thể có cảm giác. Nếu cỏ cây có một sự vận động tăng tiến, thì chúng phải có cảm quan và thu nhận hiểu biết; không thế thì chẳng bao lâu các giống loài sẽ diệt vong.

Những cảm giác đầu tiên của trẻ đơn thuần thuộc cảm tính; chúng chỉ nhận thấy niềm thích thú và sự đau đớn. Không thể bước đi không thể nắm lấy, chúng cần rất nhiều thời gian để hình thành dần dần các cảm giác tiêu biểu chỉ cho chúng những đối tượng ở bên ngoài bản thân chúng; nhưng trong khi chờ đợi các đối tượng này triển khai, có thể nói là tách xa khỏi mắt chúng, và mang kích thước mang hình dáng đối với chúng, thì sự trở lại của các cảm

nhận cảm tính bắt đầu đặt chúng dưới sự chi phối của thói quen; ta thấy mắt chúng không ngừng quay về phía ánh sáng, và, nếu ánh sáng chiếu xiên vào chúng, thì mắt cũng theo dần hướng xiên này; thành thử ta phải cẩn thận để trẻ đối mặt với ánh sáng, kẻo chúng thành lác mắt hoặc quen nhìn xiên. Cũng cần để trẻ sớm quen với bóng tối; nếu không chúng sẽ kêu khóc ngay khi thấy mình ở chỗ tối. Thức ăn và giấc ngủ, nếu ước lượng quá chính xác, thì cứ đúng những khoảng cách ấy lại thành cần thiết cho chúng; và chẳng bao lâu ham muốn không còn do nhu cầu mà do thói quen, hoặc nói đúng hơn thì thói quen thêm một nhu cầu mới vào nhu cầu của tự nhiên: đó là điều cần phòng ngừa trước.

Thói quen duy nhất phải để trẻ có là không nhiễm bất kỳ thói quen nào; đừng bế trẻ bên cánh tay này nhiều hơn bên cánh tay kia; đừng làm trẻ có thói quen chìa bàn tay này hơn bàn tay kia, sử dụng bàn tay nọ thường xuyên hơn bàn tay kia, muốn ăn, ngủ, hoạt động vào những giờ giấc nhất định, không thể ở một mình cả ban đêm lẫn ban ngày. Hãy sớm chuẩn bị cho trẻ quen tự do và sử dụng sức lực của nó, bằng cách để thân thể nó có thói quen tự nhiên, bằng cách đặt nó trong trạng thái luôn được tự chủ, được làm mọi điều theo ý muốn của nó, một khi nó có một ý muốn nào.

Khi trẻ bắt đầu phân biệt được các vật thể, cần chọn lựa những vật thể mà ta chỉ ra cho trẻ xem. Dĩ nhiên tất cả những đồ vật mới lạ đều khiến con người chú ý. Con người cảm thấy mình hết sức yếu đuối thành thử nó sợ tất cả những gì nó không biết: thói quen nhìn thấy những đồ vật mới lạ mà không bị ảnh hưởng sẽ phá đi nỗi sợ ấy. Những đứa trẻ được nuôi dưỡng trong những ngôi nhà sạch sẽ, nơi người ta không chịu được nhện, thì sợ hãi những con nhện và nỗi sợ hãi này nhiều khi vẫn còn khi trẻ đã lớn. Tôi chưa hề thấy người dân quê sợ nhện, dù là đàn ông, đàn bà, hay trẻ con.

Vậy tại sao sự giáo dục một đứa trẻ không bắt đầu trước khi nó biết nói và biết nghe, bởi riêng việc chọn những đồ vật mà ta đưa ra cho nó đã khiến nó thành nhút nhát hay can đảm? Tôi muốn người ta tập cho trẻ quen nhìn thấy các đồ vật mới, các con vật xấu xí, ghê tởm, kỳ cục, nhưng là dần dần, từ xa, cho đến khi trẻ quen đi, và do cứ nhìn người khác sờ mó những đối tượng ấy, cuối cùng bản thân nó sờ mó chúng. Nếu, trong thời thơ ấu, trẻ đã nhìn mà không hoảng sợ những con cóc, con rắn, con tôm, thì khi lớn, nó sẽ nhìn không kinh hãi bất kỳ con vật nào. Sẽ không còn đối tượng khủng khiếp với ai ngày nào cũng trông thấy chúng.

Tất cả trẻ con đều sợ các mặt nạ. Tôi bắt đầu bằng việc chỉ cho Émile một mặt nạ có hình dạng dễ thương; sau đấy một người nào đó đứng trước Émile úp mặt nạ này lên mặt: tôi bật cười, mọi người đều cười, và đứa trẻ cũng cười như mọi người. Dần dần tôi khiến nó quen với những mặt nạ kém dễ thương hơn, và sau cùng là các mặt nạ xấu xí. Nếu tôi khéo sắp xếp sự tiệm tiến, thì nó sẽ chẳng hề sợ hãi chiếc mặt nạ cuối cùng mà sẽ cười như với chiếc mặt nạ đầu tiên. Sau đó tôi không còn lo người ta làm nó sợ hãi bằng những chiếc mặt nạ nữa.

Khi Andromaque và Hector từ biệt nhau, chú bé Astyanax, hoảng sợ vì chòm lông vũ phơ phất trên mũ của cha, không nhận ra cha, vừa kêu vừa lao vào lòng vú nuôi, khiến mẹ chú phải mỉm nụ cười hòa lẫn nước mắt, ta phải làm gì để bé khỏi kinh hãi đây? Làm đúng cái điều Hector làm, là đặt chiếc mũ xuống đất, rồi vuốt ve đứa trẻ. Giá như ở một thời điểm yên bình hơn, người ta sẽ không dừng ở đó; người ta sẽ đến gần mũ, sẽ chơi đùa với những chiếc lông vũ, sẽ cho đứa trẻ sờ mó chúng; cuối cùng vú nuôi sẽ cầm lấy mũ và vừa cười vừa đặt mũ lên đầu mình, nếu như bàn tay một người đàn bà dám động đến vũ khí của Hector.

Nếu phải tập cho Émile quen tiếng súng, thì mới đầu tôi đốt một mồi thuốc trong khẩu súng tay. Ngọn lửa đột ngột và thoáng qua này, loại ánh chớp này khiến Émile thích thú; tôi lặp lại điều trên và tăng thêm thuốc; dần dần tôi nạp một liều thuốc nhỏ mà không có vật nhồi, rồi nạp nhiều hơn, cuối cùng tôi khiến Émile quen với tiếng súng, tiếng trái phá, tiếng đại bác, với những tiếng nổ kinh khủng nhất.

Tôi đã nhận xét thấy trẻ em hiếm khi sợ sấm sét, trừ phi tiếng sấm khủng khiếp và thực sự làm thương tổn cơ quan thính giác; nếu không thì chúng chỉ thấy sợ khi biết được rằng sấm sét đôi khi gây thương tích và làm chết người. Khi lý trí bắt đầu khiến chúng sợ, các vị hãy làm sao cho thói quen khiến chúng an tâm. Với một sự tiệm tiến thong thả và cẩn trọng, ta khiến người lớn và trẻ con dạn dĩ gan góc với mọi sự.

Ở bước đầu đời, khi trí nhớ và tưởng tượng còn chưa hoạt động, đứa trẻ chỉ chú ý đến những gì hiện đang ảnh hưởng đến giác quan nó; do các cảm giác là vật liệu đầu tiên của hiểu biết nơi đứa trẻ, nên việc đem lại cho trẻ các cảm giác theo một trật tự thích hợp, đó là chuẩn bị cho trí nhớ của trẻ một ngày nào đó sẽ cung cấp các vật liệu này cho trí năng theo trật tự giống thế; nhưng, bởi trẻ chỉ chú ý đến các cảm giác của mình, nên thoạt đầu chỉ cần cho trẻ thấy thật

rõ mối liên lạc của chính những cảm giác ấy với các đối tượng gây ra chúng. Trẻ muốn đụng chạm đến tất cả, sờ mó tất cả: các vị đừng chống lại sự băn khoăn ấy; nó gợi cho trẻ một sự học tập rất cần thiết. Chính nhờ vậy mà trẻ học cảm nhận cái nóng, cái lạnh, sự cứng, sự mềm, cái nặng, cái nhẹ của các vật thể, học xét đoán độ lớn, hình dáng, mọi đặc tính thấy được của các vật thể, bằng cách nhìn, rờ rẫm[40], nghe, nhất là bằng cách đối chiếu việc nhìn và sờ, dùng mắt để đánh giá cảm giác do vật thể gây ra dưới các ngón tay mình.

Chỉ nhờ sự vận động mà ta biết được rằng có các vật không phải là ta; và chỉ nhờ sự vận động của chính ta mà ta lĩnh hội được ý niệm về khoảng rộng. Bởi trẻ không hề có ý niệm này nên nó giơ tay ra để nắm lấy vật chạm vào nó hoặc vật ở cách nó một trăm bước cùng một cách như nhau không phân biệt. Các vị thấy sự cố gắng của nó như một dấu hiệu quyền lực, một mệnh lệnh nó đưa ra bảo đồ vật hãy lại gần, hoặc bảo các vị đem đồ vật đến cho nó; song không phải, đó chỉ là vì cũng những đồ vật mà thoạt tiên nó nhìn thấy trong não, rồi trên mắt, thì giờ đây nó nhìn thấy ở đầu cánh tay nó, và nó chỉ tưởng tượng được khoảng rộng mà nó có thể với tới. Vậy các vị hãy chú ý cho trẻ đi dạo thường xuyên, chú ý đem trẻ từ chỗ này qua chỗ khác, cho trẻ cảm nhận sự thay đổi nơi chốn, để tập cho nó xét đoán các khoảng cách. Khi nào trẻ bắt đầu hiểu biết về những khoảng cách thì phải đổi phương pháp, và chỉ di chuyển trẻ tùy theo ý các vị chứ không tùy theo ý trẻ; vì khi trẻ vừa không bị giác quan đánh lừa nữa, là sự cố gắng của nó thay đổi nguyên nhân: sự thay đổi này rất đáng chú ý, và cần được giải thích.

Sự bất an do các nhu cầu biểu lộ qua các dấu hiệu khi cần người khác giúp đỡ để cung ứng cho những nhu cầu này: vì thế mà trẻ kêu gào. Chúng khóc nhiều lắm; phải như vậy thôi. Bởi mọi cảm nhận của trẻ đều thuộc cảm tính, nên khi các cảm nhận này dễ chịu, thì chúng lặng lẽ hưởng thụ; khi cảm nhận khó chịu, thì chúng nói lên điều ấy bằng ngôn ngữ của chúng, và yêu cầu giúp đỡ. Chừng nào chúng thức thì chúng hầu như không thể ở trạng thái thờ ơ thản nhiên; chúng ngủ, hoặc chịu ảnh hưởng.

Tất cả các ngôn ngữ đều là công trình của kỹ năng. Người ta đã tìm tòi rất lâu xem liệu có một ngôn ngữ tự nhiên và chung cho tất cả mọi người hay

---

[40] Trong mọi giác quan thì khứu giác là giác quan phát triển chậm nhất ở trẻ em: cho đến hai hoặc ba tuổi dường như trẻ không cảm nhận được các mùi dễ chịu và khó chịu; về phương diện này trẻ có sự thờ ơ hoặc đúng hơn là sự vô cảm mà ta thường thấy ở nhiều động vật.

không; chắc hẳn là có; và đó là ngôn ngữ mà trẻ con nói trước khi biết nói. Ngôn ngữ này không được phát âm rõ ràng, nhưng nó có giọng điệu, vang to, hiểu được. Việc sử dụng các ngôn ngữ của chúng ta đã khiến chúng ta coi nhẹ ngôn ngữ kia đến mức hoàn toàn quên mất nó. Ta hãy nghiên cứu trẻ em, và ở gần chúng chẳng bao lâu ta sẽ học lại được ngôn ngữ đó. Các bà vú là thầy dạy chúng ta về ngôn ngữ này; họ nghe được mọi điều mà những đứa trẻ họ nuôi nói lên; họ trả lời chúng, họ và chúng đối thoại rất có mạch lạc; và dù họ thốt ra từ ngữ, song các từ ngữ này hoàn toàn vô ích; trẻ không hề hiểu nghĩa của từ, mà hiểu giọng điệu đi kèm từ đó.

Thêm vào ngôn ngữ của âm thanh là ngôn ngữ của cử chỉ, cũng mạnh mẽ không kém. Cử chỉ này không ở trong những bàn tay yếu ớt của trẻ, mà ở trên gương mặt chúng. Thật đáng ngạc nhiên là những diện mạo chưa hình thành hẳn hoi ấy đã có thần sắc; đường nét của chúng chốc chốc lại đổi thay nhanh khó tưởng tượng nổi: các vị nhìn thấy ở đó nụ cười, mong muốn, niềm kinh hãi nảy sinh và qua đi như chừng ấy ánh chớp: mỗi lần các vị lại ngỡ thấy một gương mặt khác. Chắc chắn trẻ có các cơ mặt linh động hơn chúng ta. Ngược lại, cặp mắt lờ đờ của chúng hầu như không nói lên gì hết. Loại ký hiệu của chúng ắt phải như vậy ở một tuổi mà người ta chỉ có các nhu cầu thể chất; cảm giác biểu lộ qua những sự nhăn nhó, tình cảm biểu lộ qua ánh mắt.

Bởi trạng thái đầu tiên của con người là khốn khổ và yếu đuối, nên những tiếng nói đầu tiên của con người là than vãn và khóc lóc. Đứa trẻ cảm nhận được các nhu cầu của mình, và vì không thể thỏa mãn những nhu cầu ấy, nó nhờ người khác giúp đỡ bằng tiếng kêu khóc: nếu nó đói hoặc khát, nó khóc; nếu nó nóng quá hay lạnh quá, nó khóc; nếu nó cần cử động mà người ta giữ nó nằm yên, nó khóc; nếu nó muốn ngủ mà người ta rung lắc nó, nó khóc. Cách tồn tại của nó càng ít tùy thuộc nó xử lý, thì nó càng thường xuyên đòi mọi người thay đổi cách tồn tại ấy. Nó chỉ có một ngôn ngữ, bởi có thể nói là nó chỉ có một kiểu trạng thái khó chịu bất an: trong tình trạng các khí quan chưa hoàn chỉnh, nó không phân biệt được những cảm giác khác nhau của các khí quan; với nó mọi điều không hay chỉ tạo thành một cảm giác đau đớn mà thôi.

Từ những tiếng khóc mà ta tưởng chẳng đáng chú ý gì, nảy sinh quan hệ đầu tiên của con người với tất cả những gì xung quanh nó: tại đó hình thành khâu đầu tiên của chuỗi mắt xích tạo nên trật tự xã hội.

Khi đứa trẻ khóc, là nó đang khó chịu, nó có nhu cầu nào đó mà nó không thỏa mãn được: người ta xem xét, người ta tìm nhu cầu ấy, người ta tìm thấy, người ta cung ứng cho nó. Khi người ta không tìm thấy nhu cầu hoặc không thể cung ứng cho nó, thì tiếng khóc tiếp tục, người ta bị quấy rầy: người ta nựng nịu đứa trẻ để nó im đi, người ta ru nó, người ta hát để dỗ nó ngủ: nếu nó khăng khăng, mọi người sốt ruột, dọa dẫm nó: những người vú nuôi thô bạo đôi khi đánh nó. Đó là những bài học lạ lùng cho bước đầu vào đời của trẻ.

Tôi sẽ chẳng bao giờ quên là đã nhìn thấy một trong những đứa quấy rầy hay khóc bị vú nuôi đánh như thế. Nó im tức khắc: tôi ngỡ nó sợ. Tôi tự nhủ: đây sẽ là một kẻ hèn hạ mà chỉ có sự hà khắc mới bảo ban được. Tôi lầm: thằng bé tội nghiệp phát nghẹn vì tức giận, nó đã nghẹt thở; tôi thấy nó tím tái đi. Một lát sau là những tiếng gào chói tai; mọi dấu hiệu của sự oán hận, nỗi thịnh nộ, niềm tuyệt vọng ở độ tuổi này, đều có trong giọng điệu của nó. Tôi sợ nó tắt thở trong cơn khích động ấy. Giả như tôi còn nghi ngờ rằng cảm giác về công bình và bất công sinh ra đã có trong lòng người, thì chỉ một tấm gương ấy đã khiến tôi phải tin. Tôi chắc chắn rằng một que củi cháy bỏng ngẫu nhiên rơi xuống bàn tay đứa trẻ đó cũng không khiến nó mẫn cảm như cái phát kia, khá nhẹ thôi nhưng rõ ràng có ý định xúc phạm nó.

Khuynh hướng của trẻ em dễ cáu kỉnh, bực tức, giận dữ, đòi hỏi phải cực kỳ nương nhẹ. Boerhaave[41] nghĩ rằng bệnh tật của trẻ phần lớn thuộc loại co giật, vì theo tỷ lệ thì đầu chúng to hơn và hệ thần kinh trải rộng hơn so với người lớn, nên khí chất thần kinh dễ bị kích thích hơn. Các vị hãy hết sức chú ý tách xa trẻ em những gia nhân làm chúng bị kích thích, bực bội, tức giận: những kẻ đó nguy hiểm và độc hại với trẻ gấp trăm lần những tổn hại do gió máy do thời tiết. Chừng nào trẻ chỉ thấy sự chống cự ở các sự vật chứ không bao giờ ở các ý chí, thì chúng sẽ không bao giờ trở thành hay chống đối, hay phát khùng, và chúng sẽ duy trì được sức khỏe tốt hơn. Đây là một trong những lý do tại sao trẻ con nhà thường dân, tự do thoải mái hơn, độc lập hơn, nhìn chung ít tàn tật hơn, ít yếu ớt mảnh khảnh hơn, cường tráng hơn những trẻ mà người ta cho là được nuôi dạy tốt hơn bằng cách làm trái ý chúng không ngừng; nhưng cần luôn luôn nghĩ rằng vâng theo trẻ và không làm trái ý trẻ khác nhau rất nhiều.

---

[41] * Hermann Boerhaave (1688-1738) nhà y học và hóa học danh tiếng người Hà Lan.

Những tiếng khóc đầu tiên của trẻ là những lời khẩn cầu: nếu ta không cẩn thận, những tiếng khóc này chẳng bao lâu sẽ thành mệnh lệnh; chúng bắt đầu bằng việc xin giúp đỡ, chúng kết thúc bằng việc sai khiến phục vụ. Như vậy là từ chính sự yếu đuối của chúng, thoạt tiên đưa tới cảm giác phụ thuộc, sau đó nảy sinh ý tưởng về quyền lực và sự thống trị; nhưng ý tưởng này do nhu cầu của trẻ kích thích ít hơn là do sự phục vụ của chúng ta, ở đây bắt đầu bộc lộ những hiệu quả tinh thần mà nguyên nhân trực tiếp không nằm trong bản chất tự nhiên; và ta đã thấy vì sao, ngay từ tuổi thơ ban đầu này, cần phải khám phá ý định ngấm ngầm xui khiến nên cử chỉ hay tiếng kêu khóc.

Khi đứa trẻ cố gắng giơ tay ra mà không nói năng gì, nó tưởng với được đến đồ vật vì nó không đánh giá đúng khoảng cách; nó lầm; nhưng khi nó than vãn và vừa giơ tay vừa kêu khóc, thì lúc ấy nó không còn nhầm lẫn về khoảng cách nữa, nó ra lệnh cho đồ vật lại gần, hoặc ra lệnh để các vị đem đến cho nó. Trong trường hợp thứ nhất, các vị hãy mang nó đến với đồ vật một cách thong thả qua từng bước đi ngắn; trong trường hợp thứ hai, các vị chớ có ra vẻ nghe thấy nó, không chỉ như vậy mà nó càng kêu gào, các vị phải càng không nghe nó. Cần sớm tập cho nó quen không ra lệnh với con người, vì nó không phải ông chủ của họ, cũng không ra lệnh cho sự vật, vì sự vật không hề nghe thấy nó. Như vậy khi một đứa trẻ muốn vật gì đấy mà nó nhìn thấy và ta định cho nó, thì đem trẻ đến với đồ vật tốt hơn là mang đồ vật đến cho trẻ: nó rút ra từ sự thực hành này một kết luận hợp với tuổi nó, và không có cách nào khác để khơi gợi được kết luận ấy cho nó.

Linh mục de Saint-Pierre gọi con người là những đứa trẻ lớn; ta có thể gọi ngược lại trẻ con là những người lớn bé nhỏ. Những lời nói này có chân lý của chúng với tư cách là châm ngôn; với tư cách là nguyên lý, chúng cần được giải thích. Nhưng khi Hobbes gọi kẻ tai ác là một đứa trẻ cường tráng, thì ông đã nói một điều mâu thuẫn tuyệt đối. Bất kỳ sự tai ác nào cũng từ sự yếu đuối mà ra; đứa trẻ chỉ tai ác vì nó yếu đuối; hãy làm cho nó mạnh, nó sẽ tốt: người nào có thể thực hiện mọi điều sẽ không bao giờ làm điều ác. Trong mọi đặc tính của Thần linh tối thượng, lòng tốt là đặc tính mà nếu thiếu nó người ta khó quan niệm về Thần linh hơn cả. Tất cả những dân tộc từng thừa nhận hai nguyên lý đều luôn luôn coi cái xấu thấp hơn cái tốt; nếu không thế họ sẽ có một giả định phi lý. Các vị hãy xem ở phần sau Lời phát biểu về tín ngưỡng của Phó giám mục người xứ Savoie.

Chỉ riêng lý trí dạy chúng ta biết cái tốt và cái xấu. Vậy lương tâm khiến ta yêu cái nọ và ghét cái kia, dù độc lập với lý trí, vẫn không thể phát triển nếu

không có lý trí. Trước tuổi có lý trí, chúng ta làm điều tốt và điều xấu mà không biết; và trong hành động của chúng ta không hề có quan niệm đạo đức, tuy quan niệm này đôi khi có trong cảm nghĩ về hành động của người khác mà có liên quan đến ta. Một đứa trẻ muốn xáo lộn tất cả những gì nó nhìn thấy: nó làm gãy, đập vỡ mọi thứ nó với tới được; nó tóm lấy một con chim như nó có thể tóm một hòn đá, và bóp nghẹt con chim mà không biết mình đang làm gì.

Tại sao lại như vậy? Thoạt tiên triết học sẽ thuyết giải điều này bằng các tật xấu tự nhiên: niềm kiêu ngạo, đầu óc thống trị, lòng tự ái, sự tai ác của con người; triết học có thể nói thêm rằng cảm nhận về sự yếu đuối của mình khiến đứa trẻ háo hức tỏ rõ sức mạnh, và háo hức tự chứng minh với bản thân quyền lực của chính nó. Nhưng các vị hãy nhìn ông lão tàn tật và già nua kia, do vòng tuần hoàn của đời người đưa trở lại tình trạng yếu đuối của tuổi thơ: chẳng những ông bình tĩnh ở yên một chỗ, mà ông còn muốn mọi thứ quanh ông cứ như thế; sự thay đổi nhỏ nhặt nhất cũng khiến ông bối rối và băn khoăn áy náy, ông những muốn thấy một sự yên tĩnh phổ quát ngự trị. Làm sao mà tình trạng bất lực giống nhau kết hợp với những khát vọng giống nhau lại có thể sản sinh ra những hiệu quả hết sức khác biệt ở hai độ tuổi, nếu như nguyên nhân gốc không thay đổi? Và ta có thể tìm sự khác biệt về nguyên nhân này ở đâu, nếu không ở trạng thái thể chất của hai cá nhân? Nguyên động lực, chung cho cả hai, ở cá nhân này thì phát triển lên còn ở cá nhân kia thì tàn lụi đi; cá nhân này đang hình thành, còn cá nhân kia đang tự hủy hoại; cá nhân này hướng tới sự sống, còn cá nhân kia hướng đến cái chết. Hoạt động đang suy yếu đi tập trung trong lòng ông lão; trong lòng đứa trẻ, hoạt động ấy quá dư thừa và trải rộng ra bên ngoài; có thể nói là đứa trẻ tự cảm thấy đủ sức sống để đem sinh khí lại cho mọi thứ vây quanh nó. Dù nó làm hay nó phá, chẳng can hệ gì; chỉ cần nó thay đổi tình trạng của sự vật là đủ, và bất kỳ sự thay đổi nào cũng là một hành động. Nếu trẻ dường như có khuynh hướng phá hoại nhiều hơn, thì đó không hề do tai ác, đó là do hành động tạo tác bao giờ cũng chậm chạp, còn hành động phá hoại, vì nhanh chóng hơn, nên phù hợp hơn với sự hăng hái của trẻ.

Khi Tạo hóa ban cho trẻ em nguyên động lực này, thì người đồng thời cũng cẩn thận sao cho nó ít gây hại, bằng cách cho trẻ ít sức lực để mà sử dụng nó. Nhưng trẻ vừa mới có thể coi những người xung quanh như những công cụ tùy ý chúng sai bảo hành động, là chúng dùng ngay họ để đi theo thiên hướng của chúng và bù đắp cho sự yếu đuối của chính chúng. Chúng trở nên hay quấy rầy, bạo ngược, hống hách, tai ác, bất trị, như vậy đó; bước tăng tiến này không xuất phát từ một đầu óc thống trị mang tính tự nhiên, mà đem lại cho

trẻ đầu óc thống trị ấy; bởi chẳng cần một trải nghiệm lâu dài mới cảm nhận được rằng thật dễ chịu biết mấy khi hành động bằng tay của kẻ khác và chỉ cần khua động miệng lưỡi là làm chuyển dịch được thế giới.

Khi lớn lên, người ta có được sức mạnh, người ta trở nên bớt băn khoăn áy náy, bớt hiếu động, người ta thu mình lại nhiều hơn. Có thể nói là linh hồn và thể xác đi vào trạng thái cân bằng, và tự nhiên chỉ còn đòi hỏi ở chúng ta sự vận động cần thiết để tự bảo tồn mà thôi. Nhưng ham muốn chỉ huy không lụi tắt cùng với nhu cầu đã làm nảy sinh ham muốn ấy; quyền lực đánh thức và vuốt ve lòng tự ái, còn thói quen tăng cường nó: ý ngông kế tục nhu cầu như vậy, các thiên kiến bén những chiếc rễ đầu tiên như vậy.

Một khi đã biết được căn nguyên, chúng ta thấy rõ nơi người ta rời khỏi con đường của tự nhiên; ta hãy xem cần phải làm những gì để ở vững trên con đường này.

Trẻ em chẳng có sức lực thừa, thậm chí không có đủ sức lực cho tất cả những gì mà tự nhiên đòi hỏi ở chúng; vậy cần phải để cho chúng sử dụng mọi sức lực do tự nhiên ban cho chúng và chúng sẽ không thể lạm dụng những sức lực đó. Phương châm thứ nhất.

Cần giúp đỡ trẻ em và bổ khuyết những gì chúng thiếu, hoặc về trí năng, hoặc về sức lực, trong mọi điều thuộc nhu cầu thể chất. Phương châm thứ hai.

Trong khi giúp đỡ chúng, cần giới hạn duy nhất ở điều thực sự có ích, không chấp nhận một cái gì cho ý ngông hoặc cho ham muốn không lý do; vì ý ngông sẽ chẳng hề quấy nhiễu trẻ khi ta không làm nó nảy sinh, do ý ngông không thuộc bản chất tự nhiên. Phương châm thứ ba.

Cần phải nghiên cứu cẩn thận ngôn ngữ và các dấu hiệu của trẻ, nhằm phân biệt được trong các mong muốn của chúng cái gì trực tiếp đến từ tự nhiên và cái gì đến từ quan niệm. Phương châm thứ tư.

Tinh thần của các quy tắc này là chấp nhận cho trẻ nhiều tự do thực sự hơn và ít quyền lực hơn, là để chúng tự làm lấy nhiều hơn và đòi hỏi người khác ít hơn. Như vậy, do sớm quen giới hạn ham muốn trong tầm sức lực của mình, trẻ sẽ ít cảm thấy thiếu thốn đối với những gì không thuộc quyền định đoạt của chúng.

Đó lại là một lý do mới mẻ và rất quan trọng để cho thân thể và chân tay trẻ được hoàn toàn tự do, điều đề phòng duy nhất là tránh cho trẻ nguy cơ rơi ngã và để xa bàn tay trẻ mọi thứ có thể làm chúng bị thương.

Một đứa trẻ mà thân thể và các cánh tay được tự do nhất định sẽ khóc ít hơn một đứa trẻ bị quấn chặt trong tã nịt. Trẻ nào chỉ biết các nhu cầu thể chất thì chỉ khóc khi đau đớn, và đó là một điều lợi to lớn; bởi như vậy ta hiểu được đúng lúc khi nào nó cần giúp đỡ, và ta phải giúp nó không được chậm trễ một khoảnh khắc nào, nếu như có thể. Nhưng nếu các vị không thể làm nó đỡ đau, thì hãy yên lặng, đừng nựng nịu để nó nguôi dịu; những cái vuốt ve của các vị chẳng khiến nó khỏi được đau bụng. Tuy nhiên nó sẽ nhớ những gì cần phải làm để được nựng nịu; và một khi nó biết được cách làm các vị chăm lo cho nó theo ý nó, là nó đã thành chủ nhân của các vị; mọi sự hỏng hết.

Ít bị trở ngại trong các cử động, trẻ sẽ ít khóc hơn; ít bị những tiếng khóc của trẻ quấy rầy, ta sẽ ít day dứt khắc khoải để làm chúng nín; ít bị dọa nạt hay ít được nựng nịu thường xuyên, trẻ sẽ ít sợ sệt hoặc ít ương ngạnh, và sẽ giữ được bản tính tự nhiên nhiều hơn. Trẻ bị mắc chứng thoát vị do cứ để cho chúng khóc thì ít hơn là do vội vã làm chúng nguôi nín; và bằng chứng của tôi là những trẻ bị bỏ lơ nhiều nhất lại ít bị chứng ấy hơn những đứa khác. Tôi chẳng hề muốn người ta vì thế mà bỏ lơ trẻ; ngược lại, cần phải đón trước ý chúng, và đừng để những tiếng kêu khóc của trẻ báo cho biết về nhu cầu của chúng. Nhưng tôi cũng không muốn những sự chăm sóc đối với trẻ bị chúng hiểu lầm. Sao chúng lại không khóc khi chúng thấy rằng những tiếng khóc của mình có lợi rất nhiều? Biết được cái giá mọi người dành cho sự im lặng của mình, chúng chẳng ban phát rộng rãi sự im lặng ấy. Cuối cùng chúng làm cho sự im lặng này cao giá đến mức người ta không thể trả được nữa; và thế là cứ khóc mãi mà không kết quả, chúng cố sức, kiệt lực, và tự giết mình.

Những trận khóc dai của một đứa trẻ không bị buộc chặt không đau ốm, và không bị mọi người để cho thiếu thốn gì, chỉ là những trận khóc do thói quen và do ương ngạnh. Những trận khóc ấy không hề là công trình của tự nhiên, mà là công trình của người vú nuôi, do không biết chịu đựng sự quấy rầy, người vú gia tăng gấp bội sự quấy rầy này, mà không nghĩ rằng dỗ đứa trẻ nín hôm nay chính là kích thích nó ngày mai khóc nhiều hơn nữa.

Cách duy nhất để chữa trị hoặc để phòng ngừa thói quen này là không hề chú ý đến nó. Chẳng ai muốn nhọc công vô ích, ngay cả trẻ con cũng vậy. Chúng bướng bỉnh tron , sẽ khiến trẻ vui ngang với những đồ tầm phào lộng lẫy nọ, và sẽ không có cái bất lợi là khiến trẻ quen với sự xa hoa ngay từ lúc ra đời.

Người ta đã thừa nhận rằng bột quấy với sữa không phải đồ dinh dưỡng thật lành. Sữa nấu chín và bột sống tạo rất nhiều chất bã, và không hợp với dạ

dày của chúng ta. Trong món bột quấy sữa, bột không chín bằng trong bánh mì, hơn nữa lại chưa lên men; tôi thấy xúp nấu bằng bánh mì, cháo gạo tốt hơn. Nếu mọi người nhất thiết muốn quấy bột với sữa, thì trước đó nên rang qua bột cho chín. Ở xứ sở của tôi, người ta dùng bột đã sao chín này làm món xúp rất ngon và rất lành. Canh thịt và cháo thịt cũng là thức ăn không tốt lắm nên sử dụng càng ít càng hay. Điều quan trọng là thoạt tiên trẻ phải tập nhai cho quen; đó là phương kế thực sự giúp răng dễ mọc; và khi chúng bắt đầu nuốt, thì các chất dịch của nước bọt hòa lẫn thức ăn khiến việc tiêu hóa được dễ dàng.

Vậy tôi sẽ cho trẻ nhai các quả khô, các vỏ bánh. Tôi sẽ cho chúng chơi những thỏi nhỏ bánh mì cứng hoặc bích quy giống như bánh mì Piémont, mà ở địa phương người ta gọi là *grisse*. Cứ ngậm mãi khiến bánh mềm đi trong miệng, cuối cùng trẻ sẽ nuốt chút ít: răng sẽ mọc lên, và trẻ hầu như cai sữa mà người ta chưa nhận ra. Dân quê thường có dạ dày rất tốt, và người ta chẳng cai sữa cho trẻ em thôn quê cầu kỳ hơn cách trên đây.

Trẻ em nghe người ta nói từ lúc chúng mới sinh ra; người ta nói với chúng, chẳng những trước khi chúng hiểu điều người ta nói, mà trước khi chúng có thể lặp lại những tiếng chúng nghe. Khí quan hãy còn tê dại của chúng chỉ dần dần mới thích ứng với việc bắt chước các âm thanh người ta dạy chúng, và không chắc các âm thanh này trước tiên đến tai chúng cũng rõ ràng như đến tai chúng ta. Tôi không phản đối việc người vú nuôi làm trẻ vui bằng những bài ca và những giọng điệu rất tươi vui và rất đa dạng; nhưng tôi phản đối việc người vú làm trẻ rối trí không ngớt bằng vô số lời lẽ vô bổ mà trẻ chỉ hiểu được mỗi giọng nói của vú. Tôi muốn những phát âm đầu tiên người ta cho trẻ nghe phải thưa thớt, dễ dàng, rành rõ, lặp lại nhiều lần, và những từ ngữ được các phát âm này diễn tả chỉ liên quan đến các sự vật hữu hình mà trước hết người ta có thể chỉ ra cho trẻ. Cái thói dễ dàng tai hại nói những điều mà ta chẳng hiểu gì bắt đầu sớm hơn ta nghĩ. Học trò nghe ở lớp những lời lẽ dài dòng của giáo viên, cũng như khi còn quấn tã nó đã nghe những điều líu lo tầm phào của vú nuôi. Tôi thấy nuôi dạy trẻ để nó không hiểu gì về những điều ấy có lẽ chính là dạy dỗ nó một cách rất hữu ích.

Vô số suy nghĩ này sinh khi ta muốn lo đến việc tập luyện ngôn ngữ và những lời lẽ đầu tiên của trẻ. Dù ta có làm gì chăng nữa, thì bao giờ trẻ cũng học nói theo cùng một cách, và ở đây mọi tư biện triết lý đều hết sức vô bổ.

Thoạt tiên, có thể nói là trẻ em có một ngữ pháp của lứa tuổi chúng, ở đó cú pháp có những quy tắc khái quát hơn cú pháp của chúng ta; và nếu ta thật

chú ý, thì ta sẽ ngạc nhiên vì sự chính xác của trẻ trong một số loại suy, bảo là rất sai cũng được, nhưng lại rất hợp quy tắc, và những loại suy này chỉ chướng vì chúng cứng cỏi hoặc không được tập quán chấp nhận. Tôi vừa nghe thấy một đứa trẻ tội nghiệp bị cha mắng mỏ rất nhiều vì đã bảo ông: *Mon père irai-je-t-y?* (Thưa cha con có đi đến đó không?) Mà ta thấy đứa trẻ này theo đúng phép loại suy hơn các nhà ngữ pháp của chúng ta, vì mọi người thường bảo nó *Va-s-y* (Hãy đi đến đó), thì tại sao nó lại không bảo *Irai-je-t-y* chứ? Hơn nữa xin lưu ý rằng nó đã rất khéo léo tránh sự gặp gỡ của hai nguyên âm trong *irai-je y* hoặc trong *y irai-je?* Nếu chúng ta đã tước đi của câu này trạng từ *y* một cách không đúng lúc, vì ta chẳng biết làm gì với nó, thì có phải lỗi ở thằng bé tội nghiệp kia đâu? Thật là một thói thông thái rởm không sao chịu nổi và một sự cẩn thận rất thừa khi cứ chăm chăm sửa chữa cho trẻ tất cả những lỗi nho nhỏ trái với tập quán này, mà với thời gian thế nào chúng cũng tự sửa chữa lấy. Các vị hãy luôn luôn nói năng chính xác trước mặt trẻ, làm sao cho chúng không thấy thích thú với ai bằng với các vị, và hãy tin chắc rằng ngôn ngữ của chúng sẽ dần dà tự thanh lọc theo ngôn ngữ của các vị mà các vị chẳng bao giờ phải trách mắng chúng.

Nhưng một tật xấu có tầm quan trọng khác hẳn, và cũng dễ phòng ngừa không kém, là quá vội tập cho trẻ nói, như thể sợ chúng không tự học nói được. Sự sốt sắng thô lỗ này tạo ra một hiệu quả trái ngược hẳn với hiệu quả mà người ta mong đợi. Trẻ sẽ vì thế mà nói chậm hơn, mập mờ hơn: do người ta cực kỳ chú ý đến mọi điều chúng nói thành thử chúng khỏi cần phát âm rõ ràng; và bởi chúng chỉ hạ cố hé miệng gọi là, nên nhiều trẻ giữ suốt đời tật phát âm dở và lối nói mập mờ khiến người ta hầu như không hiểu được chúng.

Tôi đã sống nhiều với dân quê, và chưa từng nghe thấy một người thôn quê nào nói chớt, đàn ông, đàn bà, con gái, con trai đều không. Vì sao như vậy? Khí quan của nông dân được cấu tạo khác khí quan của chúng ta hay sao? Không, nhưng chúng được luyện tập khác hẳn. Đối diện cửa sổ phòng tôi là một gò đất nơi trẻ em quanh đấy thường tụ tập để chơi đùa. Dù chúng ở khá xa tôi, song tôi hoàn toàn nghe rõ mọi điều chúng nói, và tôi thường rút từ đó ra nhiều kỳ niệm hay để viết cuốn sách này. Ngày nào tai tôi cũng khiến tôi bị lầm về độ tuổi của chúng; tôi nghe thấy những giọng nói của trẻ mười tuổi; tôi nhìn, tôi thấy vóc dáng và dung mạo của những trẻ lên ba lên bốn. Không chỉ riêng mình tôi có trải nghiệm này; những người thành thị đến thăm tôi, và được tôi hỏi ý kiến về việc đó, tất thảy đều lầm lẫn y như tôi.

Sở dĩ có sự lầm lẫn trên là do trẻ em thành phố, cho đến năm hay sáu tuổi, được nuôi nấng trong phòng và nương náu dưới bóng cô dạy trẻ, chỉ cần lầm bầm là được mọi người nghe thấy: chúng vừa mấp máy môi là mọi người để tâm lắng nghe; mọi người dạy chúng những từ mà chúng nhắc lại không đúng, song, vì cứ chú ý mãi, nên vẫn những người không ngừng ở quanh chúng đoán ra được những gì chúng muốn nói hơn là những gì chúng đã nói.

Ở thôn quê, chuyện hoàn toàn khác hẳn. Một phụ nữ nông thôn không phải lúc nào cũng quẩn quanh bên con mình; đứa bé buộc phải tập nói rất rõ và rất to điều nó cần làm cho mẹ nó nghe thấy. Ngoài đồng ruộng, những đứa trẻ ở rải rác, xa mẹ, cha, và các trẻ khác, chúng tập nói để mọi người ở xa nghe được, và tập ước lượng sức mạnh của giọng nói dựa theo khoảng cách ngăn chúng với những người mà chúng muốn được họ nghe thấy. Người ta thực sự học phát âm như vậy đó, chứ không phải bằng cách ấp úng vài nguyên âm bên tai một cô dạy trẻ ân cần chú ý. Bởi thế, khi ta hỏi han đứa trẻ con người dân quê, sự xấu hổ có thể cản trở nó trả lời; nhưng những gì nó nói, thì nó nói lên rõ ràng; trong lúc đó người hầu gái phải làm thông ngôn cho đứa trẻ thành thị; nếu không thì mọi người chẳng hiểu tí gì về những điều nó lầm bầm giữa kẽ răng[42].

Khi lớn lên, trẻ em trai sẽ phải sửa chữa khuyết điểm này ở trường học, còn trẻ em gái sửa chữa tại tu viện; quả thực, nhìn chung các trẻ này nói năng rõ ràng hơn những trẻ vẫn cứ được nuôi dạy tại gia đình. Nhưng điều khiến chúng không bao giờ đạt được cách phát âm rành rọt như cách phát âm của dân quê, đó là sự cần thiết phải học thuộc lòng rất nhiều điều, và phải đọc to lên những gì đã học; vì, trong khi học, chúng quen nói lúng búng, quen phát âm cẩu thả và sai; khi đọc thuộc lòng, thì còn tệ hơn nữa; chúng cố gắng tìm từ ngữ, chúng rề rà và kéo dài các âm tiết; khi trí nhớ chao đảo, ngôn từ không thể không ấp úng theo. Các tật về phát âm bị tiêm nhiễm hoặc bị duy trì như

---

[42] Chuyện này không phải không có ngoại lệ; và nhiều khi những đứa trẻ thoạt tiên nói khó nghe nhất thì về sau khi bắt đầu cất cao tiếng lại thành ồn ào ầm ĩ nhất. Nhưng nếu phải đi vào tất cả những điều tỉ mỉ này, thì tôi sẽ nói mãi không hết được; bất kỳ độc giả nào biết lẽ phải ắt đều thấy rằng thái quá và bất cập, từ cùng một thói xấu mà ra, đều sửa chữa được bằng phương pháp của tôi. Tôi coi hai phương châm sau đây là không thể tách rời: *luôn luôn đủ, và không bao giờ thừa.* Phương châm thứ nhất được xác lập vững vàng, thì phương châm sau tất nhiên từ đó mà ra.

vậy đó. Sau đây ta sẽ thấy Émile của tôi không mắc những tật này, hay ít ra Émile cũng không bị nhiễm vì cùng những nguyên nhân trên.

Tôi thừa nhận rằng dân chúng và người thôn quê thường rơi vào một cực đoan khác, rằng hầu như bao giờ họ cũng nói to hơn mức cần thiết, và khi phát âm quá chính xác, họ có cách nói mạnh và thô, có giọng điệu thái quá, họ chọn từ ngữ không đúng v.v...

Nhưng, thứ nhất, tôi thấy cực đoan này ít xấu hơn cực đoan kia rất nhiều, bởi quy tắc đầu tiên của diễn ngôn là làm cho mọi người nghe được mình, thì lỗi lớn nhất ta có thể mắc phải là nói mà người ta không nghe được. Tự phụ vì mình không hề có giọng điệu, chính là tự phụ vì tước đi cái duyên và khí lực của câu chữ. Giọng điệu là linh hồn của diễn ngôn, giọng điệu đem lại cho diễn ngôn tình cảm và tính chân thực. Giọng điệu ít dối trá hơn lời lẽ; có thể vì vậy mà những người có giáo dục sợ nó đến thế. Chính từ tập quán nói mọi điều bằng cùng một giọng điệu mới sinh ra tập quán nhạo báng người ta mà người ta không cảm nhận thấy. Kế tục cho giọng điệu bị bài trừ, là các lối phát âm nực cười, kiểu cách, theo mốt, như ta đặc biệt nhận thấy ở những người trẻ tuổi chốn cung đình. Kiểu cách trong lời lẽ và tư thái là điều nói chung khiến cho việc tiếp cận người Pháp thành khó chịu và phát sợ đối với các dân tộc khác. Thay vì đưa giọng điệu vào cách nói năng, anh ta lại đưa vào đó điệu bộ. Đấy không phải là phương kế để mọi người có thiện cảm với anh ta.

Tất cả những khuyết điểm nho nhỏ về ngôn ngữ mà người ta rất sợ trẻ em nhiễm phải chẳng là gì hết; ta phòng ngừa hoặc ta sửa chúng hết sức dễ dàng; nhưng những khuyết điểm mà ta làm trẻ tiêm nhiễm, khi khiến cho cách nói của chúng thành không rõ, thành mơ hồ, rụt rè, do ta không ngớt phê phán giọng điệu của chúng, do ta soi mói từng ly từng tí mọi từ ngữ của chúng, thì không bao giờ sửa chữa được. Một người chỉ tập nói giữa các khe giường, sẽ không được mọi người nghe rõ khi đứng đầu một đạo quân, và sẽ chẳng mấy áp đảo được dân chúng trong một cuộc bạo động. Trước hết hãy dạy trẻ em nói với nam giới, chúng sẽ biết nói hay với phụ nữ khi cần thiết.

Được nuôi dưỡng ở thôn quê, trong toàn bộ sự mộc mạc chất phác nơi đồng ruộng, con cái các vị sẽ có một giọng nói vang vọng hơn; chúng sẽ không tiêm nhiễm tại đó lối ấp úng mập mờ của trẻ em thành thị; chúng cũng không nhiễm cách nói năng hay giọng điệu của làng quê, hoặc chí ít chúng cũng dễ dàng mất đi cách nói ấy giọng điệu ấy, khi thầy giáo, sống cùng chúng từ lúc chúng ra đời, và ngày càng chuyên chú sống ở đó, nhờ ngôn ngữ chính xác của

thầy, sẽ phòng ngừa hoặc xóa mờ được dấu ấn ngôn ngữ của dân quê. Émile sẽ nói một thứ tiếng Pháp cũng thật thuần khiết như tôi có thể biết được, nhưng em sẽ nói rõ rành hơn và phát âm hay hơn tôi nhiều.

Đứa trẻ đang muốn nói ắt chỉ nghe những từ ngữ mà nó có thể nghe được, chỉ nói những từ ngữ mà nó có thể phát âm được. Những cố gắng của nó trong việc này khiến nó lặp lại cùng một vần, như để tập phát âm vần ấy cho rõ ràng hơn. Khi nó bắt đầu ấp úng, các vị đừng quá ư băn khoăn để đoán ra điều nó nói. Cho rằng mình luôn luôn được lắng nghe cũng lại là một kiểu quyền lực, và đứa trẻ không được sử dụng một quyền lực nào hết. Các vị chỉ cần cung ứng thật chu đáo cho điều cần thiết là đủ; chính đứa trẻ phải cố gắng làm cho các vị hiểu được những gì không cần thiết. Lại càng không nên vội vã đòi hỏi trẻ nói; bản thân trẻ dần dà sẽ tự biết nói chừng nào nó cảm thấy ích lợi của việc đó.

Quả thực người ta nhận xét thấy những trẻ bắt đầu nói rất muộn thường không bao giờ nói được thật rõ ràng như các trẻ khác; nhưng không phải vì chúng chậm nói mà khí quan của chúng vẫn cứ bị trắc trở, ngược lại chính vì chúng sinh ra với một khí quan có trắc trở mà chúng bắt đầu nói muộn; bởi, nếu không có chuyện ấy, thì vì sao chúng lại chậm nói hơn các trẻ khác? Cơ hội để chúng nói ít hơn chăng? Và mọi người khuyến khích chúng ít hơn chăng? Ngược lại, mối lo lắng vì sự chậm trễ ấy, ngay khi vừa mới nhận ra, khiến người ta băn khoăn dằn vặt nhiều hơn để làm cho chúng bập bẹ, so với những trẻ biết phát âm sớm; và sự sốt sắng bị hiểu sai này có thể góp phần rất nhiều khiến cách nói năng của chúng thành mập mờ, cách nói mà nếu ta bớt hấp tấp thì chúng sẽ có thời gian để hoàn thiện hơn.

Những đứa trẻ bị thúc giục nói sớm quá không có thời gian học phát âm cho đúng, cũng không có thời gian hiểu rõ những gì người ta bảo chúng nói: còn nếu người ta để chúng tự làm lấy, thì thoạt tiên chúng tập nói những vần dễ phát âm nhất; và bằng cách dần dần kết hợp vào đó một vài ý nghĩa mà ta hiểu được qua cử chỉ của chúng, chúng phát ra cho ta những từ ngữ của chúng trước khi nhận những từ ngữ của ta: điều này khiến chúng chỉ nhận những từ ngữ của ta sau khi đã hiểu rõ. Do chẳng bị thúc giục dùng các từ đó, chúng bắt đầu bằng việc quan sát kỹ xem các vị cho những từ này nghĩa gì; và khi đã chắc chắn rồi, chúng liền dung nạp các từ ấy.

Cái hại lớn nhất của việc vội vã làm cho trẻ nói trước tuổi, không phải ở chỗ những lời lẽ đầu tiên ta nói với trẻ và những tiếng đầu tiên trẻ thốt ra chẳng có nghĩa gì với chúng, mà ở chỗ những lời những tiếng ấy có một nghĩa

khác với nghĩa của ta, song ta chẳng nhận ra được điều này; thành thử, trong khi trẻ có vẻ như đang đáp lại ta một cách rất chính xác, chúng lại nói mà không hiểu ta và ta cũng chẳng hiểu chúng. Thường thường chính do những sự mập mờ tối nghĩa như vậy mà đôi khi ta kinh ngạc vì lời lẽ của trẻ, được ta gán cho các ý tưởng mà trẻ không hề đặt vào đó. Tôi thấy việc ta không lưu ý đến nghĩa thực sự của từ ngữ đối với trẻ là nguyên nhân của những lầm lẫn đầu tiên nơi trẻ; và các lầm lẫn này, ngay cả khi đã được chữa khỏi, vẫn ảnh hưởng đến cách suy nghĩ của trẻ trong quãng đời còn lại của chúng. Sau này tôi sẽ có nhiều dịp lý giải rõ điều ấy bằng các thí dụ.

Vậy các vị hãy thu hẹp từ vựng của trẻ đến hết mức có thể. Một trong những bất lợi lớn là trẻ có nhiều từ ngữ hơn ý tưởng, và biết nói nhiều điều hơn là những gì nó có thể nghĩ. Tôi cho rằng một trong các lý do khiến người dân quê nói chung thường có đầu óc đúng đắn hơn người thành thị, đó là vốn từ vựng của họ kém rộng rãi hơn. Họ có ít ý tưởng, nhưng họ so sánh đối chiếu các ý tưởng rất giỏi.

Những bước phát triển đầu tiên của tuổi thơ hầu như diễn ra tất cả đồng thời. Trẻ tập nói, tập ăn, tập đi gần như cùng một thời gian. Đây đích thực là thời kỳ đầu tiên của cuộc đời nó. Trước đó nó chẳng là gì hơn cái nó đã là ở trong bụng mẹ; nó không có một cảm nhận nào, một ý tưởng nào; nó chỉ hơi có cảm giác một chút; nó không cảm thấy ngay cả sự tồn tại của chính nó:

Vivit, et est vitae nescius ipse suae[43]

[43] * Trích dẫn nhà thơ Latin Ovide (43 trước CN-17 trước CN): *Nó sống, mà không ý thức được sự sống của chính mình.*

QUYỂN HAI



Đây là thời kỳ thứ hai của cuộc đời, và là thời kỳ mà tuổi thơ chấm dứt; bởi các từ *infans* (thơ ấu) và *puer* (nhi đồng) không đồng nghĩa. Từ thứ nhất được bao gồm trong từ sau, và có nghĩa người *không nói được*: bởi thế mà trong Valère Maxime[44] ta thấy *puerum infantem*. Nhưng tôi tiếp tục dùng từ này theo tập quán ngôn ngữ của chúng ta, cho đến độ tuổi mà nó mang những tên gọi khác.

Khi trẻ em bắt đầu nói, chúng khóc ít hơn. Bước tiến này mang tính tự nhiên: ngôn ngữ nọ thay thế cho ngôn ngữ kia. Chúng có thể nói được bằng lời rằng chúng đau, thì tại sao chúng lại nói điều ấy bằng tiếng kêu khóc, trừ khi cái đau quá gay gắt thành thử lời lẽ không diễn tả được? Nếu vào thời gian đó trẻ vẫn tiếp tục khóc, thì đó là lỗi của những người xung quanh chúng. Một khi Émile nói được rằng: *Con đau*, thì phải có những đau đớn hết sức gay gắt mới buộc được nó phải khóc.

Nếu đứa trẻ yếu ớt, nhạy cảm, tự nhiên kêu khóc chẳng vì cái gì hết, thì bằng cách khiến cho những tiếng kêu khóc ấy thành vô bổ và không hiệu quả, tôi làm cạn kiệt ngay ngọn nguồn của chúng. Nó còn khóc, tôi còn không đến với nó; nó vừa nín lặng là tôi chạy tới ngay. Chẳng bao lâu cách nó gọi tôi sẽ là nín lặng, hoặc cùng lắm là chỉ khóc lên một tiếng thôi. Trẻ xét đoán ý nghĩa các dấu hiệu của chúng qua hiệu quả thấy được của những dấu hiệu này, với chúng không hề có quy ước nào khác: dù đứa trẻ tự làm mình đau đến mấy, nếu ở một mình rất hiếm khi nó khóc, trừ phi nó hy vọng được mọi người nghe thấy.

Nếu nó ngã, nếu nó bị bươu đầu, nếu nó chảy máu cam, nếu nó bị đứt tay, thì thay vì rối rít quanh nó với vẻ hoảng hốt, tôi sẽ giữ bình tĩnh, ít ra một chút thời gian. Điều tệ hại đã xảy ra rồi, nó chịu đựng điều ấy là một tất yếu; tất cả sự sốt sắng của tôi chỉ có tác dụng làm nó hoảng sợ thêm và tăng tính mẫn cảm nơi nó. Kỳ thực, khi người ta làm mình bị thương, miếng đòn gây khổ não ít hơn là cái sợ. Ít ra tôi cũng tránh cho nó nỗi lo âu sau; bởi chắc chắn nó sẽ

---

[44] * Sử gia Latin (cuối thế kỷ 1 trước CN - đầu thế kỷ 1).

xét đoán về cái đau của mình như nó thấy tôi xét đoán về điều ấy; nếu nó thấy tôi lo lắng chạy vội đến, dỗ dành nó, thương xót nó, thì nó sẽ cho rằng mình nguy rồi; nếu nó thấy tôi vẫn giữ bình tĩnh, thì lập tức nó lấy lại được sự bình tĩnh, và nó sẽ cho là cái đau đã khỏi khi nó không cảm thấy đau nữa. Chính ở độ tuổi này người ta học những bài học đầu tiên về lòng dũng cảm, và, bằng cách chịu đựng không hoảng sợ những đau đớn nhẹ, người ta tập chịu đựng dần từng mức độ những nỗi đau lớn.

Chẳng chú ý tránh cho Émile khỏi bị thương, tôi còn rất phiền lòng nếu nó không bị thương bao giờ, và lớn lên mà không biết cái đau. Đau đớn là điều đầu tiên Émile phải học, và là điều nó sẽ cần hiểu biết hơn cả. Dường như trẻ em chỉ bé nhỏ và yếu ớt để học những bài học quan trọng này mà không bị nguy hiểm. Nếu đứa trẻ ngã, nó sẽ không làm mình gãy chân, nếu nó tự đánh bằng gậy, nó sẽ không làm mình gãy tay; nếu nó tóm lấy một miếng sắt sắc cạnh, nó sẽ chẳng xiết chặt lắm, và sẽ không làm mình bị cứa sâu. Tôi không biết có bao giờ người ta thấy trẻ em để tự do thoải mái mà tự làm mình chết, què quặt, hay bị đau rất nhiều, trừ phi ta vô ý để trẻ trên những chỗ cao, hoặc một mình bên lửa, hoặc có những dụng cụ nguy hiểm trong tầm tay của nó. Biết nói gì đây về những kho máy móc mà người ta tập hợp quanh một đứa trẻ để trang bị cho nó đủ thứ chống lại cái đau, cho đến khi là người lớn, nó vẫn ở dưới quyền định đoạt của cái đau, không có kinh nghiệm không có lòng dũng cảm, bị chích một cái đã tưởng mình chết và ngất đi khi nhìn thấy giọt máu đầu tiên của mình?

Cái tật giáo huấn và thông thái rởm của chúng ta là luôn luôn dạy cho trẻ những điều mà tự chúng học lấy tốt hơn nhiều, và quên mất những điều mà chỉ có chúng ta mới dạy bảo được cho chúng. Còn gì ngu ngốc hơn là nhọc công dạy cho chúng đi, cứ như đã từng thấy ai đó, do vú nuôi sao nhãng, mà lớn lên không biết đi? Ngược lại ta đã thấy bao người có dáng đi xấu suốt đời, vì người ta đã dạy họ đi không đúng cách!

Émile sẽ không có mũ trùm nhồi bông, không có vòng tập đi, không có xe tập đi, không giải buộc để dắt; hoặc ít ra, ngay từ khi nó bắt đầu biết đặt bàn chân nọ lên trước bàn chân kia, thì người ta sẽ chỉ đỡ nó ở những chỗ có lát đá, và người ta chỉ đi vội qua những chỗ đó mà thôi[45]. Thay vì để nó bị giam hãm trong không khí tù đọng của một căn phòng, hãy dẫn nó hàng ngày ra giữa

[45] Không gì nực cười và kém vững vàng hơn dáng đi của những người mà hồi bé bị người ta dắt quá nhiều bằng dải buộc: đây lại là một trong những nhận xét phàm tục vì chúng quá đúng, và đúng theo nhiều nghĩa.

cánh đồng. Ở đó, cho nó chạy, nó nô đùa nhảy nhót, cho nó ngã hàng trăm lần mỗi ngày, càng hay; nó sẽ học được sớm hơn cách đứng dậy. Trạng thái khoan khoái dễ chịu khi được thoải mái tự do bù đắp được rất nhiều thương tích. Học trò của tôi sẽ nhiều khi bị trầy da chảy máu; bù lại, nó sẽ luôn vui vẻ. Nếu học trò của các vị ít trầy da chảy máu hơn, thì chúng lại luôn bị ngăn trở, luôn bị bó buộc, luôn buồn bã. Tôi không chắc cái lợi ở về phía chúng

Một bước tiến nữa khiến trẻ bớt cần than vãn: đó là sự tăng tiến của sức lực chúng. Tự bản thân có thể làm được nhiều điều hơn, chúng bớt thường xuyên cần người khác giúp. Cùng với sức lực, là sự phát triển của tri thức khiến chúng có thể điều khiển sức lực ấy. Chính ở cấp độ hai này, cuộc sống của cá nhân mới thực sự bắt đầu; chính lúc đó cá nhân mới ý thức được chính mình. Ký ức mở rộng cảm nhận về tính đồng nhất bản ngã ra mọi khoảnh khắc của cuộc đời; cá nhân thực sự trở thành chỉ có một, cùng là một người, và do đó đã có khả năng hạnh phúc hay khốn khổ. Vậy điều quan trọng là ở đây cần bắt đầu coi cá nhân ấy như một hữu thể tinh thần.

Mặc dù người ta xác định kỳ hạn gần như dài nhất của đời người và xác suất đến gần được kỳ hạn này ở mỗi độ tuổi, song chẳng có gì bấp bênh vô định bằng thời gian mỗi đời người nói riêng; rất ít người đạt được kỳ hạn dài nhất nọ. Những hiểm nguy lớn nhất của cuộc sống ở vào bước đầu của nó; càng sống chưa lâu bao nhiêu, hy vọng được sống ắt càng ít bấy nhiêu. Trong số trẻ em sinh ra, nhiều lắm là một nửa đến được tuổi thanh niên; và học trò các vị có thể không đạt tới tuổi của người trưởng thành.

Vậy phải nghĩ gì đây về sự giáo dục man rợ hy sinh hiện tại cho một tương lai vô định, sự giáo dục bắt đứa trẻ mang đủ loại xiềng xích, và khởi đầu bằng việc làm nó thành khốn khổ, để chuẩn bị từ xa cho nó một thứ hạnh phúc gì chẳng biết mà có lẽ nó sẽ chẳng bao giờ thụ hưởng? Dù tôi có cho sự giáo dục này là hợp lý ở mục tiêu của nó, thì cũng làm sao khỏi công phẫn khi nhìn những kẻ bất hạnh tội nghiệp phải mang cái ách không chịu nổi, bị buộc làm việc liên miên như tù khổ sai, mà không được chắc chắn rằng bao nhiêu chăm sóc ấy liệu có khi nào hữu ích cho chúng! Tuổi của sự vui tươi trôi qua giữa những khóc lóc, trừng phạt, dọa nạt, tình trạng nô lệ. Người ta làm khổ kẻ bất hạnh vì điều tốt cho hắn; và người ta không nhìn thấy cái chết mà người ta vời gọi, và nó sắp tóm lấy hắn giữa bộ máy buồn thảm nọ. Ai biết được bao nhiêu trẻ em bị tiêu vong, là nạn nhân của sự khôn ngoan điên cuồng vô lý ở một người cha hay một người thầy? Sung sướng vì thoát khỏi sự tàn ác của người

đó, điều lợi duy nhất chúng rút được từ những nỗi nhọc nhằn họ đã bắt chúng chịu là chết đi không nuối tiếc cuộc đời mà chúng chỉ biết có dằn vặt khổ đau mà thôi.

Hỡi những con người, xin hãy nhân đạo, đó là bổn phận đầu tiên của các vị; xin hãy nhân đạo với mọi thân phận, với mọi lứa tuổi, với tất cả những gì không xa lạ với con người. Có sự khôn ngoan nào cho các vị ngoài tính nhân đạo? Hãy yêu mến tuổi thơ; hãy ủng hộ các trò chơi của nó, các niềm vui của nó, bản năng dễ thương của nó. Ai trong các vị chẳng đôi khi từng tiếc nuối cái tuổi mà tiếng cười luôn ở trên môi, mà tâm hồn luôn an bình? Tại sao các vị lại muốn tước đi của những đứa bé ngây thơ ấy sự thụ hưởng khoảng thời gian hết sức ngắn ngủi đang tuột khỏi chúng, và thụ hưởng điều tốt lành hết sức quý giá mà chúng không thể lạm dụng? Tại sao các vị lại muốn làm tràn đầy cay đắng và đau khổ những tháng năm đầu tiên qua đi rất nhanh, sẽ không bao giờ trở lại với chúng cũng như không thể trở lại cho các vị? Hỡi các ông bố, các ông có biết được thời khắc cái chết chờ đợi con cái mình hay không? Đừng chuẩn bị cho mình những hối tiếc khi tước đi của con cái những khoảnh khắc ít ỏi mà thiên nhiên ban tặng chúng: ngay khi chúng vừa có thể cảm nhận niềm vui được tồn tại, xin hãy làm sao cho chúng thụ hưởng điều đó; xin hãy làm sao cho đến giờ khắc Chúa gọi, chúng không chết đi mà chưa từng được thưởng thức sự sống.

Biết bao tiếng nói sẽ cất lên chống lại tôi! Tôi nghe thấy từ xa những lời la lối của sự khôn ngoan sai lầm nó không ngớt khiến chúng ta phát điên, nó luôn coi hiện tại chẳng ra gì, và do không ngừng theo đuổi một tương lai mà ta tiến lên đến đâu nó lại lẩn tránh đến đó, do cứ ra sức đem chúng ta đến nơi mà ta không tồn tại, sự khôn ngoan này đang đem chúng ta đến nơi mà ta sẽ không bao giờ tồn tại.

Các vị sẽ trả lời tôi rằng, đó chính là thời gian để sửa chữa những khuynh hướng xấu của con người; chính trong tuổi thơ, khi các nỗi khổ sở ít được cảm thấy nhất, cần gia tăng các nỗi khổ, để tránh được chúng trong tuổi biết nghĩ. Nhưng có ai bảo các vị rằng tất cả sự sắp đặt này là tùy ở các vị, rằng tất cả những học vấn đẹp đẽ mà các vị đổn lên đầu óc yếu ớt của một đứa trẻ một ngày nào đó sẽ không tai hại cho nó hơn là hữu ích? Ai đảm bảo với các vị là các vị tránh được điều gì đó nhờ bao nhiêu ưu sầu mà các vị đem lại cho đứa trẻ? Tại sao các vị lại cho nó nhiều nỗi khổ hơn những nỗi khổ mà tình trạng của nó kham được, trong khi chẳng biết chắc là những nỗi khổ hiện tại gánh đỡ cho tương lai? Và làm thế nào các vị chứng tỏ được cho tôi rằng những

khuynh hướng xấu mà các vị bảo là chữa khỏi cho nó lại không từ những chăm sóc bị hiểu lầm của các vị mà ra, hơn là từ tự nhiên? Sự lo xa tai hại, khiến một sinh thể khốn khổ trong hiện tại, với niềm hy vọng thích đáng hay bất thích đáng là một ngày kia khiến nó hạnh phúc! Nếu những nhà lý luận thông tục này lẫn lộn sự phóng túng với tự do, lẫn lộn đứa trẻ được làm cho hạnh phúc với đứa trẻ được nuông chiều, thì ta hãy dạy cho họ phân biệt những điều ấy.

Để không chạy theo những ảo ảnh hão huyền, ta đừng quên những gì phù hợp với thân phận chúng ta. Nhân loại có vị trí của nó trong trật tự của sự vật; tuổi thơ có vị trí của nó trong trật tự của đời người: phải xem xét người lớn trong người lớn, và xem xét đứa trẻ trong đứa trẻ. Chỉ định cho mỗi người vị trí của người ấy và xác định cho người ấy ở đó, chỉnh đốn các đam mê của con người theo thể chất của con người, đó là tất cả những gì ta có thể làm cho sự an lạc của họ. Điều còn lại tùy thuộc những nguyên nhân bên ngoài không hề nằm trong quyền hạn của ta.

Chúng ta không biết thế nào là hạnh phúc hay bất hạnh tuyệt đối. Mọi sự đều hòa trộn trong cuộc đời này; ở đó người ta không nếm trải một cảm giác nào thuần túy, người ta không ở hai khoảnh khắc trong cùng một trạng thái. Các tình cảm của tâm hồn chúng ta, cũng như những biến đổi của thân thể chúng ta, ở tình trạng biến chuyển liên miên. Cái tốt và cái xấu là chung cho tất cả chúng ta, nhưng với những mức độ khác nhau. Người sung sướng nhất là người cảm thấy ít buồn khổ nhất; người khốn khổ nhất là người cảm thấy ít niềm vui nhất. Bao giờ đau khổ cũng nhiều hơn lạc thú: đó là điều khác biệt chung cho tất cả. Vậy hạnh phúc của con người nơi trần thế này chỉ là một trạng thái phủ định; phải ước lượng hạnh phúc ấy bằng số lượng ít nhất những nỗi khổ mà con người chịu đựng.

Mọi cảm giác buồn khổ đều không tách rời mong muốn tự giải thoát khỏi nó; mọi ý niệm về lạc thú đều không tách rời mong muốn hưởng thụ nó; mọi mong muốn đều giả định rằng có sự thiếu thốn, và tất cả những thiếu thốn mà ta cảm nhận thấy đều nặng nề; vậy nỗi khốn khổ của ta là ở tình trạng bất tương xứng giữa mong muốn và khả năng của ta. Một sinh thể có cảm giác mà khả năng ngang với mong muốn sẽ là một sinh thể tuyệt đối hạnh phúc.

Vậy sự khôn ngoan của con người hay bước đường dẫn tới hạnh phúc thực sự là gì? Chắc chắn đó không phải là giảm bớt mong muốn ở chúng ta; bởi, nếu mong muốn thấp hơn sức mạnh của ta, thì một phần năng lực của ta sẽ nhàn rỗi, và ta sẽ không hưởng dụng hết bản thể của mình. Cũng không phải

là khuếch trương năng lực của chúng ta, bởi nếu mong muốn của ta đồng thời cũng khuếch trương với tỷ lệ lớn hơn, thì ta chỉ càng trở nên khốn khổ hơn thôi: mà con đường đó chính là giảm bớt sự thái quá của mong muốn đối với khả năng, là khiến cho sức mạnh và ý muốn hoàn toàn ngang bằng nhau. Chỉ lúc ấy mọi sức lực mới đều hoạt động, mà tâm hồn vẫn an bình, và con người sẽ hoàn toàn cân bằng.

Thiên nhiên, vốn làm mọi điều đều mỹ mãn, thoạt tiên đã tạo lập con người như vậy. Thiên nhiên chỉ trực tiếp cho con người những mong muốn cần thiết cho việc bảo tồn nó và những năng lực đủ để thỏa mãn các mong muốn này. Thiên nhiên đã để mọi mong muốn khác như thể dự trữ trong đáy tâm hồn con người, để chúng phát triển lên ở đó khi cần. Chỉ trong trạng thái nguyên sơ này mới gặp được sự cân bằng giữa mong muốn và có thể, và con người mới không khổ sở. Ngay khi những năng lực ở dạng tiềm thế của con người vừa bước vào hoạt động, là trí tưởng tượng, năng lực tích cực nhất trong mọi năng lực, liền thức tỉnh và vượt lên trước các năng lực khác. Chính trí tưởng tượng mở rộng cho chúng ta phạm vi những điều có thể, hoặc về cái tốt hoặc về cái xấu, và do đó, kích thích và nuôi dưỡng các mong muốn bằng hy vọng thỏa mãn được chúng. Nhưng mục tiêu mới đầu có vẻ như trong tầm tay lại trốn chạy nhanh hơn mức ta có thể đuổi theo; khi ta tưởng mình đạt tới nó, nó liền biến hình và lấp ló xa xa phía trước ta. Vì không còn nhìn thấy miền đất đã đi qua được rồi, chúng ta chẳng coi nó ra gì; miền đất còn phải đi cứ lớn lên, trải rộng ra không ngừng. Cứ như vậy người ta kiệt sức mà không đi tới đích; và ta càng được về sự hưởng thụ, thì hạnh phúc càng xa chúng ta.

Ngược lại, con người càng gần với điều kiện tự nhiên của mình, thì sự khác biệt giữa năng lực và mong muốn của anh ta càng nhỏ, và do đó anh ta càng ít xa với hạnh phúc. Khi anh ta có vẻ như không có tất cả mọi thứ là khi anh ta ít khốn khổ hơn bao giờ hết; bởi nỗi khốn khổ không ở sự thiếu thốn các thứ, mà ở nhu cầu cảm thấy đối với các thứ đó.

Thế giới hiện thực có những giới hạn của nó, thế giới tưởng tượng là vô tận; vì không thể mở rộng được thế giới nọ, thì ta hãy thu hẹp thế giới kia; bởi chỉ từ sự khác biệt giữa hai thế giới mà nảy sinh mọi nỗi khổ khiến chúng ta thành bất hạnh thật sự. Hãy trừ đi sức lực, sự khỏe mạnh, chứng cứ tốt đẹp về bản thân, thì mọi điều hay của cuộc đời này đều ở sự kiến giải; hãy trừ đi những đau đớn của thân thể và những ân hận của lương tâm, thì mọi nỗi khổ của chúng ta đều do tưởng tượng. Mọi người sẽ bảo rằng, nguyên lý này là

thông thường; tôi đồng ý như thế; nhưng sự thực hành ứng dụng lại không thông thường; mà ở đây chỉ bàn duy nhất về sự thực hành.

Khi người ta bảo rằng con người yếu đuối, người ta muốn nói lên điều gì? Cái từ *yếu đuối* chỉ một quan hệ, quan hệ của sinh thể được người ta áp dụng từ này. Sinh thể mà sức lực vượt quá nhu cầu, dù đó là một côn trùng, một con sâu, là một sinh thể mạnh; sinh thể mà nhu cầu vượt quá sức lực, dù đó là một con voi, một con sư tử, dù đó là một nhà chinh phục, một anh hùng, dù đó là một vị thần, đó là một sinh thể yếu. Thiên thần nổi loạn không nhận ra bản chất thật của mình yếu đuối hơn con người trần thế hạnh phúc sống an bình theo bản chất của anh ta. Con người rất mạnh khi bằng lòng là cái mình là; anh ta rất yếu khi muốn vươn lên trên nhân loại. Vậy xin các vị đừng hình dung rằng khi khuếch trương các năng lực của mình là các vị khuếch trương sức mạnh; trái lại, các vị giảm đi sức mạnh, nếu lòng kiêu ngạo của các vị khuếch trương nhiều hơn những sức mạnh ấy. Hãy ước lượng bán kính của phạm vi quyền hạn chúng ta, và hãy ở vào giữa như con côn trùng ở giữa mạng lưới của nó; ta sẽ luôn đủ cho ta, và sẽ không hề phải phàn nàn về sự yếu đuối của mình, bởi ta sẽ chẳng bao giờ cảm thấy nó.

Tất cả các động vật đều có đúng những năng lực cần thiết để tự bảo tồn. Chỉ riêng con người là có năng lực thừa. Có hết sức lạ lùng chăng khi sự dư thừa ấy lại là điều gây nên nỗi khốn khổ của con người? Ở mọi xứ sở, sức lực hai cánh tay con người đều có giá trị nhiều hơn cơm áo sinh nhai của anh ta. Nếu đủ khôn ngoan để chẳng đếm xỉa đến số dư này, anh ta sẽ luôn có được những thứ cần dùng, bởi anh sẽ chẳng bao giờ có cái gì thừa. Favorin bảo rằng các nhu cầu lớn này sinh từ những tài sản lớn; và nhiều khi cách tốt nhất để đem lại cho mình những thứ mình thiếu là bỏ đi những thứ mình có. Vì cứ ra sức tự hành hạ để gia tăng hạnh phúc của mình mà ta biến hạnh phúc ấy thành sự khốn khổ. Bất kỳ người nào chỉ muốn sống mà thôi, sẽ sống hạnh phúc; do vậy người ấy sống nhân hậu; bởi độc ác thì anh ta được lợi gì nào?

Nếu như chúng ta bất tử, chúng ta sẽ là những sinh thể rất khốn khổ. Chết đi, chắc hẳn là tàn khốc; nhưng thật êm dịu khi hy vọng rằng ta sẽ không sống mãi mãi, và một cuộc đời tốt đẹp hơn sẽ kết thúc những nhọc nhằn của cuộc đời này. Nếu người ta tặng cho chúng ta sự bất tử trên trần gian, ai là người[46]

---

[46] Xin hiểu là ở đây tôi nói đến những con người biết suy nghĩ, chứ không phải đến mọi con người.

muốn nhận món quà đáng buồn ấy chứ? Phương kế nào, hy vọng nào, niềm an ủi nào sẽ còn lại với chúng ta, để chống với những khắc nghiệt của số phận và những bất công của người đời? Kẻ dốt nát, chẳng dự liệu gì hết, ít cảm nhận thấy giá trị của cuộc sống, và ít sợ mất nó; người sáng suốt nhìn thấy những điều tốt đẹp có giá trị lớn hơn, được người đó ưu ái hơn cái giá trị kia. Chỉ có sự hiểu biết nửa vời và sự khôn ngoan sai lầm, kéo dài tầm nhìn của chúng ta đến cái chết, mà không vượt xa hơn nó, mới khiến cho cái chết trở thành tai họa tệ hại nhất đối với ta. Với người hiền minh, việc tất yếu phải chết chỉ là một lý do để chịu đựng những cực khổ của cuộc sống. Nếu ta không chắc chắn sẽ có ngày mất đi sự sống, thì việc duy trì nó sẽ quá tốn công lao.

Những nỗi khổ tinh thần của ta đều ở trong sự kiến giải cả, trừ một điều duy nhất, là tội ác; và điều này tùy thuộc ở ta: những nỗi khổ vật chất tự tiêu hủy hoặc tiêu hủy ta. Thời gian hoặc cái chết là phương thuốc của ta; nhưng ta càng ít biết chịu đau đớn thì lại càng đau đớn nhiều hơn; và chúng ta tự hành hạ để chữa khỏi bệnh tật của mình nhiều hơn là bị hành hạ khi chịu đựng bệnh tật. Hãy sống theo tự nhiên, hãy kiên nhẫn, và hãy đuổi thầy thuốc đi; anh sẽ không tránh được cái chết, nhưng anh sẽ chỉ cảm thấy nó một lần thôi, trong khi các thầy thuốc ngày nào cũng đem cái chết đến cho trí tưởng tượng bị rối loạn nơi anh, và y thuật dối trá của họ, thay vì kéo dài những ngày tháng cho anh, lại tước đi của anh sự thụ hưởng những ngày tháng đó. Tôi luôn hỏi xem nghệ thuật ấy đã làm được cho con người điều tốt lành thực sự nào. Trong những người được nghệ thuật ấy chữa khỏi, một vài người sẽ chết, đúng thế; nhưng hàng triệu người mà nghệ thuật ấy làm hại vẫn sẽ sống. Hỡi con người biết lẽ phải, đừng chơi trò xổ số ấy, ở đó có quá nhiều cái rủi đối với anh. Hãy đau, hãy chết hoặc khỏi; nhưng cần nhất là hãy sống cho đến giờ phút cuối của mình.

Tất cả chỉ là điên rồ và mâu thuẫn trong các thể chế của loài người. Đời sống của chúng ta càng mất đi giá trị, ta càng áy náy lo lắng vì nó nhiều hơn. Những người già tiếc đời hơn đám trẻ; họ không muốn uổng phí những soạn sửa đã thực hiện để thụ hưởng cuộc sống; ở tuổi sáu mươi, thật ác nghiệt nếu chết trước khi bắt đầu sống. Người ta tưởng con người thiết tha yêu mến việc tự bảo tồn, và điều này có thật; nhưng người ta không thấy rằng sự yêu mến ấy, như ta thường cảm nhận, phần lớn là công trình của con người. Con người vốn chỉ lo tự bảo tồn chừng nào các phương kế bảo tồn thuộc quyền hạn của mình; ngay khi các phương kế này vừa tuột khỏi tầm tay, anh ta liền an lòng và chết đi mà không tự dằn vặt một cách vô bổ. Luật đầu tiên của sự nhẫn

nhục đến với chúng ta từ tự nhiên. Người hoang dã, cũng như các con thú, rất ít giãy giụa chống lại cái chết, và chịu đựng nó hầu như không than thở. Luật này bị hủy diệt, thì một luật khác hình thành, đến từ lý trí; nhưng ít người biết rút luật đó ra từ lý trí, và sự nhẫn nhục giả tạo này không bao giờ hoàn toàn và trọn vẹn như sự nhẫn nhục đầu tiên.

Sự lo xa! Sự lo xa không ngừng đem chúng ta vượt lên phía trước chúng ta, và thường đặt ta ở nơi mà ta sẽ chẳng hề đến được, đó là nguồn gốc thực sự mọi khốn khổ của chúng ta. Một sinh thể phù du tạm bợ như con người lại có cái thói thật kỳ là luôn nhìn ra xa về một tương lai rất hiếm khi tới, và sao nhãng hiện tại mà mình biết chắc! Cái thói càng ác hại hơn bởi nó không ngừng gia tăng cùng tuổi tác, và các cụ già, luôn đa nghi, lo xa, hà tiện, thích nhịn hôm nay những gì cần thiết hơn là một trăm năm sau thiếu những gì vô dụng. Chúng ta thiết tha với mọi thứ như vậy, chúng ta bám víu lấy mọi thứ như vậy; các thời gian, các nơi chốn, các con người, các sự vật, tất cả những gì đang tồn tại, tất cả những gì sẽ tồn tại, quan trọng với mỗi kẻ trong chúng ta; cá nhân chúng ta chỉ còn là một phần nhỏ tí của bản thân chúng ta. Có thể nói là mỗi người trải rộng mình ra trên toàn Trái đất, và trở nên nhạy cảm trên toàn bộ diện tích lớn lao này. Có gì là lạ khi các nỗi khổ của ta nhân lên gấp bội ở tất cả những điểm mà mọi người có thể làm ta tổn thương? Bao ông hoàng sầu não vì mất một xứ sở mà họ chưa từng nhìn thấy! Bao thương gia mà người ta chỉ cần động chạm đến Ấn Độ là đủ để họ kêu la lên ở Paris!

Có phải tự nhiên đem con người đi xa bản thân họ đến thế hay không? Có phải tự nhiên muốn cho con người biết được số phận mình qua các người khác, và đôi khi là kẻ biết cuối cùng, thành thử có người chết đi hạnh phúc hay khốn khổ mà chẳng biết chút gì về điều đó hay không? Tôi nhìn thấy một người tươi tắn, vui vẻ, cường tráng, khỏe mạnh; sự hiện diện của người ấy khơi gợi niềm vui; mắt người ấy biểu lộ sự hài lòng, niềm an lạc; người ấy mang theo mình hình ảnh của hạnh phúc. Một lá thư từ bưu điện đến; con người hạnh phúc nhìn bức thư, nó được gửi cho người ấy, người ấy mở ra, đọc thư. Lập tức thần sắc người ấy thay đổi; người ấy tái mặt đi, ngất xỉu. Tỉnh lại, người ấy khóc lóc, giãy giụa, rền rĩ, dứt tóc, kêu gào vang dội, người ấy như bị co giật. Kẻ điên cuồng mất trí! Mảnh giấy kia đã làm hại gì anh thế? Nó đã làm mất của anh cái chân cái tay nào? Nó đã khiến anh phạm tội ác gì? Rốt cuộc nó đã thay đổi gì trong bản thân anh để đẩy anh vào tình trạng mà tôi đang thấy đây?

Giả sử lá thư bị thất lạc, giả sử một bàn tay nhân ái ném nó vào ngọn lửa, thì số phận con người vừa hạnh phúc vừa bất hạnh đồng thời kia, dường như là một vấn đề lạ lùng. Các vị sẽ bảo rằng nỗi bất hạnh của anh ta có thực. Rất đúng, nhưng anh ta không cảm thấy nó. Vậy nó ở đâu? Hạnh phúc của anh ta là tưởng tượng. Ý tôi muốn nói sức khỏe, sự vui tươi, niềm an lạc, sự hài lòng trong tâm trí, chỉ còn là những ảo ảnh. Chúng ta không còn tồn tại ở nơi ta đang hiện hữu, chúng ta chỉ tồn tại ở nơi ta không hiện hữu. Miễn sao những gì chúng ta đang sống vẫn còn đấy, thì có bõ công sợ hãi cái chết đến thế hay không?

Hỡi con người! hãy thu hẹp sự tồn tại của anh vào bên trong anh, thế là anh sẽ không khốn khổ nữa. Hãy ở lại chỗ mà tự nhiên chỉ định cho anh trong chuỗi quan hệ của các sinh thể, sẽ chẳng điều gì làm được cho anh ra khỏi đó; đừng chống lại quy luật khắc nghiệt của tất yếu, và đừng làm kiệt quệ, vì cứ muốn cưỡng lại quy luật ấy, những sức lực mà trời ban cho anh không phải để mở rộng hoặc kéo dài sự tồn tại của anh, mà chỉ để bảo tồn nó theo như ý trời và được bao nhiêu tùy trời. Tự do của anh, quyền lực của anh, chỉ trải ra xa rộng ngang tầm sức lực tự nhiên của anh, mà chẳng vượt quá; mọi thứ còn lại chỉ là tình trạng nô lệ, ảo tưởng, dụ hoặc. Ngay sự thống trị cũng mang tính nô lệ, khi nó coi trọng dư luận; bởi anh phụ thuộc vào thiên kiến của những kẻ mà anh chỉ huy bằng các thiên kiến. Để điều khiển họ xử sự theo ý anh, anh phải xử sự theo ý họ. Họ chỉ cần thay đổi cách nghĩ, thế là anh sẽ buộc phải thay đổi cách hành động. Những kẻ tiếp cận anh chỉ cần biết chỉ huy ý kiến của dân chúng mà anh tưởng là mình chỉ huy, hoặc ý kiến của những người được sủng ái chỉ huy anh, hoặc ý kiến của gia đình anh, hoặc ý kiến của chính anh: các đại thần, các triều thần, các linh mục, các binh sĩ, các ả lắm lời, cho đến cả những đứa trẻ, giả sử anh là một Thémistocle[47] về tài năng[48], sẽ chỉ đạo anh, như chính anh là một đứa trẻ, giữa những quân đoàn của anh. Dù anh có làm gì đi nữa, uy quyền thực sự của anh không bao giờ đi xa hơn các năng lực thực sự nơi anh. Ngay khi vừa mới phải nhìn bằng con mắt của kẻ khác, là phải muốn theo ý muốn của họ. Anh tự hào bảo rằng, dân chúng là thuộc hạ

---

[47] * Chính khách nổi tiếng người Athènes (525 trước CN - 460 trước CN).

[48] Thémistocle nói với bạn bè rằng: thằng bé mà các bạn đang nhìn thấy đây, là chủ tể của Hy Lạp; vì nó chỉ huy mẹ nó, mẹ nó chỉ huy tôi, tôi chỉ huy người Athènes, còn người Athènes chỉ huy dân Hy Lạp. Ôi! nhiều khi người ta tìm thấy những chỉ huy xiết bao bé nhỏ của những đế chế lớn lao nhất, nếu từ ông hoàng người ta đi xuống dần từng bậc cho đến bàn tay đầu tiên ngấm ngầm khởi động.

của tôi. Được. Nhưng anh thì anh là gì? Là thuộc hạ của các thượng thư của anh. Và đến lượt các thượng thư, họ là gì? Là thuộc hạ của các nhân viên của họ, của các nhân tình của họ, là người hầu của những người hầu họ. Anh hãy chiếm lấy mọi thứ, hãy thoán đoạt mọi thứ, rồi vung tiền bạc rủng rỉnh; hãy lập những phân đội đại bác; hãy dựng những giá treo cổ, những xa hình; hãy ra các đạo luật, các pháp lệnh; hãy gia tăng bọn do thám, các binh lính, các đao phủ, các nhà tù, xiềng xích: tất cả những cái đó giúp gì cho các anh, những con người bé nhỏ tội nghiệp? Các anh chẳng vì thế mà được phục vụ tốt hơn, mà bị ăn cắp ít hơn, bị lừa ít hơn, mà chuyên chế tuyệt đối hơn. Các anh vẫn cứ bảo: chúng tôi muốn; thế mà các anh vẫn sẽ làm những gì mà kẻ khác muốn.

Người duy nhất làm theo ý muốn của mình là người, để làm điều ấy, không cần đến cánh tay của một người khác nối vào cánh tay mình: theo đó thì điều tốt lành đầu tiên của mọi điều tốt lành không phải uy quyền, mà là tự do. Con người thực sự tự do chỉ muốn điều gì anh ta có thể, và làm điều gì anh ta thích. Đó là phương châm cơ bản của tôi. Vấn đề chỉ là áp dụng phương châm ấy cho tuổi thơ, và mọi quy tắc giáo dục sẽ suy từ đó ra.

Xã hội đã làm con người thành yếu đuối hơn, không chỉ bằng cách tước đi quyền của con người đối với sức lực của chính anh ta, mà đặc biệt bằng cách khiến cho những sức lực ấy thành không đủ cho anh ta. Chính đó là điều khiến cho các mong muốn của con người gia tăng cùng với sự yếu đuối của anh ta, và chính đó là điều làm nên sự yếu đuối của tuổi thơ, so sánh với tuổi trưởng thành. Nếu người trưởng thành là một sinh thể mạnh, và nếu đứa trẻ là một sinh thể yếu, thì không phải vì người lớn có nhiều sức lực tuyệt đối hơn đứa trẻ, mà đó là vì người lớn có thể tự túc một cách dĩ nhiên, còn đứa trẻ thì không thể như vậy. Vậy người lớn ắt phải có nhiều ý muốn hơn, còn đứa trẻ nhiều ý ngông hơn; tôi hiểu ý ngông là mọi mong muốn không phải nhu cầu thực sự, và chỉ thỏa mãn được nhờ sự giúp đỡ của người khác.

Tôi đã nói lý do của tình trạng yếu đuối này. Tự nhiên bổ khuyết cho tình trạng ấy bằng tình quyến luyến của các ông bố bà mẹ: nhưng sự quyến luyến ấy có thể có tính chất thái quá của nó, khuyết điểm của nó, những sự lạm dụng của nó. Các bậc cha mẹ sống trong trạng thái dân sự thường đem con mình vào trạng thái này trước tuổi. Trong khi cho con nhiều nhu cầu hơn những nhu cầu có ở đứa con, họ không giảm bớt mà gia tăng sự yếu đuối của nó. Họ còn gia tăng hơn nữa sự yếu đuối ấy bằng cách đòi hỏi ở đứa con điều mà tự

nhiên không đòi hỏi, bằng cách bắt chút sức lực ít ỏi mà đứa con có được để phục vụ ý muốn của nó phải phục tùng ý muốn của họ, bằng cách biến đổi sự phụ thuộc tương hỗ mà đứa con phải chịu do sự yếu đuối của nó và cha mẹ phải chịu do niềm quyến luyến của họ thành tình trạng nô lệ của bên này hay bên kia.

Người khôn ngoan biết ở lại vị trí của mình; nhưng đứa trẻ chẳng biết ở vị trí của nó, vì không biết vị trí ấy. Đứa trẻ có hàng ngàn lối nơi chúng ta để ra khỏi đó; những người dạy dỗ nó phải giữ nó ở lại đấy, và nhiệm vụ này không dễ dàng. Nó phải không là thú vật không là người lớn, mà là trẻ thơ; cần để nó cảm thấy sự yếu đuối của nó chứ không đau khổ vì sự yếu đuối ấy; cần để nó tùy thuộc chứ không khuất phục; cần để nó yêu cầu chứ không ra lệnh. Nó chỉ phục tùng người khác vì nhu cầu của nó, và bởi họ thấy rõ hơn nó cái gì hữu ích với nó, cái gì có thể trợ giúp hoặc phương hại cho việc bảo tồn nó. Không người nào, kể cả người cha, có quyền ra lệnh cho đứa trẻ điều chẳng ích lợi gì cho nó.

Trước khi các thành kiến và các thể chế của loài người làm biến chất những thiên hướng tự nhiên ở chúng ta, thì hạnh phúc của trẻ thơ cũng như của người lớn là sử dụng tự do của mình; nhưng tự do nơi trẻ thơ bị giới hạn bởi sự yếu đuối của chúng. Ai làm điều mình muốn là người hạnh phúc, nếu người ấy tự túc được cho bản thân; đó là trường hợp của con người sống trong trạng thái tự nhiên. Ai làm điều mình muốn là người không hạnh phúc, nếu nhu cầu của người ấy vượt quá sức lực người ấy: đó là trường hợp của đứa trẻ cũng ở trong trạng thái tự nhiên. Ngay trong trạng thái tự nhiên, trẻ thơ cũng chỉ được hưởng một tự do không trọn vẹn, giống như tự do mà người lớn được hưởng trong trạng thái dân sự. Mỗi người trong chúng ta, do không thể không cần đến những người khác, nên lại trở thành yếu đuối và khốn khổ về phương diện này. Chúng ta được cấu tạo để là người lớn; luật lệ và xã hội dìm lại chúng ta vào tuổi thơ. Những người giàu có, những người cao sang, những bậc vua chúa đều là những đứa trẻ, thấy người ta sốt sắng giảm bớt nỗi khốn khổ cho mình, liền rút ra từ chính điều này một sự tự cao tự đại ấu trĩ, và tất thảy đều kiêu hãnh vì những chăm sóc mà mọi người sẽ chẳng dành cho họ nếu họ là người trưởng thành.

Các khảo sát này quan trọng, và giúp giải quyết mọi mâu thuẫn của hệ thống xã hội. Có hai loại phụ thuộc: tình trạng phụ thuộc sự vật, nó là của tự nhiên; tình trạng phụ thuộc con người, nó là của xã hội. Tình trạng phụ thuộc

sự vật, vì không có một ý nghĩa đạo đức nào, nên không hề phương hại đến tự do, và không sinh ra các thói xấu; tình trạng phụ thuộc con người vì lộn xộn vô quy tắc[49] nên sinh ra mọi thói xấu, và chính do sự phụ thuộc này mà chủ nhân và nô lệ làm hư hỏng lẫn nhau. Nếu có phương kế nào đó chữa trị cái xấu này trong xã hội, thì đó là đem luật lệ thay cho con người, và trang bị cho các ý muốn chung một sức mạnh thực sự, cao hơn hành động của bất kỳ ý muốn riêng tư nào. Nếu luật lệ của các quốc gia, giống như luật lệ của tự nhiên, có được một tính sắt đá mà không một sức mạnh nào của con người có thể đánh bại, thì lúc đó tình trạng phụ thuộc con người sẽ lại trở thành tình trạng phụ thuộc sự vật; trong nền cộng hòa người ta ta sẽ liên kết được mọi lợi ích của trạng thái tự nhiên với các lợi ích của trạng thái dân sự; người ta sẽ kết hợp sự tự do vốn giữ cho con người không mắc các thói xấu với tính đạo đức vốn nâng con người lên tới đức hạnh.

Hãy giữ cho đứa trẻ chỉ phụ thuộc các sự vật, các vị sẽ tuân theo trật tự của tự nhiên trong bước tiến triển của việc giáo dục nó. Bao giờ cũng chỉ làm cho các ý muốn vô chừng mực của nó gặp những trở lực vật chất hoặc những trừng phạt nảy sinh từ chính các hành động, và nó sẽ nhớ lại khi có dịp; đừng cấm đoán nó làm điều dở, chỉ cần ngăn cản nó làm điều dở là đủ. Chỉ có kinh nghiệm hoặc sự bất lực mới được là luật lệ đối với trẻ. Trước mong muốn của nó, đừng chấp nhận điều gì vì nó đòi điều ấy, mà chỉ chấp nhận vì nó cần điều ấy. Làm sao cho nó không biết thế nào là tuân phục khi nó hành động, cũng không biết thế nào là thống trị khi người ta hành động vì nó. Làm sao cho trong hành động của nó cũng như trong hành động của các vị, nó đều cảm nhận được sự tự do của nó. Hãy bổ khuyết cho sức lực mà nó thiếu, vừa đúng như nó cần để được tự do chứ không để hống hách; làm sao cho khi nhận sự giúp đỡ của các vị với một thứ khiêm nhường, nó mong mỏi khoảnh khắc mà nó có thể không cần đến sự giúp đỡ ấy, mà nó sẽ có vinh dự tự phục vụ bản thân.

Để làm cho thân thể mạnh lên và nảy nở, thiên nhiên có những phương kế mà ta không bao giờ được ngăn trở. Không nên ép một đứa trẻ ở lại khi nó muốn đi, cũng không nên ép nó đi khi nó muốn ở yên tại chỗ. Khi ý muốn của trẻ không bị hư hỏng vì lỗi của chúng ta, thì chúng chẳng muốn điều gì vô ích

---

[49] Trong tác phẩm *Các nguyên lý của quyền chính trị*, tôi đã chứng minh rằng không một ý muốn riêng nào của cá nhân có thể được sắp đặt theo quy tắc trong hệ thống xã hội.

hết. Cần để chúng nhảy, chúng chạy, chúng la hét, khi chúng muốn thế. Mọi động tác của chúng đều là những nhu cầu của thể chất đang tìm cách tự tăng cường; nhưng ta phải phòng ngừa những điều chúng mong muốn mà không thể tự làm lấy, mà người khác buộc phải làm cho chúng. Lúc đó cần phân biệt cẩn thận nhu cầu thực sự, nhu cầu tự nhiên, với nhu cầu do ý ngông bắt đầu nảy sinh, hoặc với nhu cầu chỉ do dư thừa sức sống mà tôi từng đề cập.

Tôi đã phát biểu những gì cần làm khi một đứa trẻ khóc để có cái này cái nọ. Tôi sẽ chỉ bổ sung rằng từ khi nó biết nói để yêu cầu điều nó muốn, và, để đạt được điều đó nhanh hơn hoặc để thắng được một sự từ chối, nó trợ giúp lời yêu cầu bằng cách khóc lóc, thì các vị phải dứt khoát không cho. Nếu nó nói do nhu cầu, thì các vị phải biết như thế và thực hiện ngay điều nó yêu cầu; nhưng nhượng bộ vì nước mắt của trẻ, chính là khuyến khích nó khóc lóc, chính là dạy cho nó nghi ngờ thiện chí của các vị, dạy cho nó tin rằng sự quấy rầy có tác dụng đối với các vị hơn là hảo tâm. Nếu nó không cho rằng các vị tốt, nó sẽ sớm thành độc ác; nếu nó cho rằng các vị yếu đuối, nó sẽ sớm thành khăng khăng ngoan cố; rất cần chấp nhận ngay từ dấu hiệu đầu tiên điều ta không muốn từ chối. Đừng từ chối quá nhiều, nhưng đã từ chối thì đừng bao giờ đổi ý.

Đặc biệt các vị nên tránh dạy trẻ những thể thức nói năng lịch sự rỗng tuếch, mà khi cần nó sẽ dùng làm thần chú để khiến tất cả những gì xung quanh nó phục tùng nó, và để đạt được tức thì điều nó thích. Trong lối giáo dục kiểu cách các con nhà giàu, bao giờ người ta cũng làm cho chúng thành hống hách một cách lịch sự, khi quy định cho chúng những từ ngữ chúng phải sử dụng để không ai dám cưỡng lại mình; con cái họ không hề có giọng điệu hay lối nói van nài; khi xin chúng cũng ngạo mạn như khi ra lệnh, thậm chí còn ngạo mạn hơn, như thể tin chắc hơn rằng mình được tuân phục. Trước hết ta thấy từ miệng chúng *nếu ông vui lòng* có nghĩa *tôi vui lòng*, và *tôi xin ông* có nghĩa *tôi ra lệnh cho ông*. Phép lịch sự tuyệt vời, kết quả đối với trẻ chỉ là thay đổi nghĩa của các từ, và không thể nói năng cách nào khác ngoài cách nói oai quyền! Về phần tôi, tôi ít sợ Émile thô lỗ hơn là sợ nó cao ngạo, tôi thích hơn nhiều nếu nó nói *ông hãy làm điều này đi* khi nó xin, hơn là nó nói *tôi xin ông* khi ra lệnh. Với tôi, từ ngữ nó dùng không quan trọng, mà là ý nghĩa nó gắn cho từ ngữ ấy.

Có một sự khắc nghiệt thái quá và một sự khoan dung thái quá, cần phải tránh cả hai. Nếu các vị để trẻ chịu cực, là các vị khiến cho sức khỏe của chúng,

mạng sống của chúng bị nguy hiểm; các vị làm cho chúng hiện giờ khốn khổ; nếu các vị quá cẩn thận tránh cho chúng mọi loại khó chịu, là các vị chuẩn bị cho chúng những khốn khổ lớn; các vị khiến chúng thành yếu ớt, nhạy cảm; các vị đem chúng ra khỏi tình trạng con người mà một ngày nào đó chúng sẽ quay trở lại bất kể ý muốn của các vị. Để chúng khỏi gặp vài cái hại do tự nhiên, các vị lại tạo ra những cái hại mà tự nhiên không đem đến cho chúng. Các vị sẽ bảo rằng tôi đang rơi vào trường hợp những người cha xấu bị tôi trách là hy sinh hạnh phúc của con cái vì một thời gian xa xôi có thể chẳng bao giờ hiện hữu.

Không đâu: bởi tự do mà tôi tặng học trò của tôi đền bù rộng rãi cho nó về những bất tiện nho nhỏ tôi để nó có thể gặp phải. Tôi nhìn thấy những đứa trẻ tinh nghịch chơi đùa trên tuyết, tím tái, lạnh run, chỉ hơi động đậy được các ngón tay. Việc đi sưởi ấm chỉ tùy thuộc ở chúng, song chúng chẳng làm gì hết; nếu ta bắt buộc chúng làm vậy, chúng sẽ cảm nhận sự khắc nghiệt của việc cưỡng ép gấp trăm lần sự khắc nghiệt của cái lạnh. Vậy các vị phàn nàn về điều gì chứ? Tôi có khiến con các vị khốn khổ hay không khi chỉ để nó có thể gặp những điều bất tiện mà nó rất muốn chịu? Tôi làm điều hay cho nó trong thời điểm hiện tại, khi để nó tự do; tôi làm điều hay cho nó trong tương lai, khi trang bị cho nó chống lại những cái không hay mà nó phải chịu đựng. Nếu nó được chọn làm học trò của tôi hay của các vị, các vị nghĩ nó có trù trừ cân nhắc một lúc nào không?

Các vị có quan niệm được một hạnh phúc thực sự nào đó có khả năng đến với một sinh thể ở bên ngoài thể chất của hắn hay không? Và chẳng phải là đưa con người ra khỏi thể chất của anh ta sao, khi muốn miễn trừ cho anh ta mọi tai ương của giống loài anh ta? Đúng, tôi khẳng định như vậy: để cảm nhận những điều tốt lành lớn lao, anh ta phải biết những tai ương nho nhỏ; bản chất tự nhiên của anh ta là thế. Nếu vật chất quá tốt đẹp, thì tinh thần hỏng đi. Con người không biết đến đau đớn, sẽ không biết mối cảm kích của tình nhân đạo, cũng chẳng biết sự êm dịu của lòng từ ái; trái tim anh ta sẽ chẳng xúc động vì cái gì hết, anh ta sẽ không chan hòa, anh ta sẽ là một quái vật giữa đồng loại.

Các vị có biết phương kế nào chắc chắn nhất để làm cho con các vị thành khốn khổ hay không? Đó là làm cho nó quen đạt được tất cả; mong muốn của nó không ngừng phát triển do dễ được thỏa mãn, nên chẳng chóng thì chầy tình trạng bất lực sẽ buộc các vị phải đi tới chỗ từ chối dù không muốn; và sự

từ chối bất thường này sẽ khiến nó khổ sở hơn cả việc không có được điều nó muốn. Thoạt tiên nó muốn cây gậy chống các vị đang cầm; chẳng bao lâu nó sẽ muốn chiếc đồng hồ của các vị; sau đó nó sẽ muốn con chim đang bay; nó muốn ngôi sao mà nó thấy đang lấp lánh; nó sẽ muốn tất cả những gì nó nhìn thấy: trừ phi là Chúa Trời, làm sao các vị làm hài lòng nó được?

Một khuynh hướng tự nhiên ở con người là coi tất cả những gì thuộc quyền mình như của mình. Theo nghĩa này thì nguyên lý của Hobbes[50] đúng đến một mức độ nào đó: hãy gia tăng cùng với những mong muốn của chúng ta các phương kế thỏa mãn chúng, mỗi người sẽ làm cho mình thành chủ nhân của tất cả. Vậy đứa trẻ nào chỉ cần muốn là được, sẽ coi mình là chủ sở hữu vũ trụ; nó nhìn tất cả mọi người như nô lệ của mình: và khi rốt cuộc người ta buộc phải từ chối nó điều gì đó, thì nó, vốn tưởng mọi thứ đều có thể khi mình ra lệnh, coi sự từ chối này như một hành vi phản loạn; mọi lý lẽ người ta đưa ra cho nó ở một độ tuổi không có khả năng suy luận, thì theo nó chỉ là những cái cớ; ở đâu nó cũng nhìn thấy ác ý: cảm nhận về một điều nó cho là bất công khiến bản chất tự nhiên của nó thành hay tức tối, nó oán ghét tất cả mọi người, và chẳng bao giờ biết ơn khi được chiều lòng, nó lại công phẫn vì bất kỳ sự phản đối nào.

Làm sao tôi tưởng tượng được một đứa trẻ, bị chi phối bởi nỗi tức giận và bị nung nấu vì những đam mê bất trị nhất như vậy, lại có thể hạnh phúc? Nó mà hạnh phúc ư! Đó là một kẻ áp chế; đồng thời đó cũng là tên nô lệ hèn hạ nhất và là con người khốn khổ nhất. Tôi đã thấy những đứa trẻ được nuôi dạy theo cách đó, chúng muốn người ta hích vai một cái làm đổ ngôi nhà, muốn người ta cho chúng con gà nhìn thấy trên gác chuông, muốn người ta làm một đoàn binh sĩ đang hành quân dừng lại để nghe tiếng trống được lâu hơn, và hễ người ta chậm vâng lời chúng là chúng la hét inh ỏi, chẳng buồn nghe ai hết. Tất cả sốt sắng vô bổ để chiều lòng chúng; ham muốn của chúng do dễ đạt được nên càng kích thích, chúng ngoan cố đòi những điều không thể, và đâu đâu chúng cũng chỉ thấy phản đối, trở ngại, cực khổ, đau đớn. Lúc nào cũng la mắng, lúc nào cũng bướng bỉnh, lúc nào cũng giận dữ, suốt ngày chúng kêu gào, than vãn. Đó mà là những con người may mắn ư? Sự yếu đuối và sự áp

[50] * Thomas Hobbes (1588-1679): triết gia người Anh, đề xuất thuyết liên hợp giữa tri giác và nhận thức. Kinh nghiệm luận của ông được bổ sung bằng thuyết lợi ích tinh thần và đi tới một triết lý chính trị mà điểm mới mẻ là kết hợp khái niệm khế ước xã hội với khái niệm quyền lực tuyệt đối.

chế liên kết lại chỉ sinh ra điên dại và khốn khổ. Hai đứa trẻ được nuông chiều, một đứa thì đập bàn, đứa kia đòi đánh biển cả; chúng còn phải đập phải đánh chán chê trước khi sống vui vẻ hài lòng.

Nếu những ý tưởng chi phối và áp chế này khiến chúng khốn khổ từ khi còn thơ bé, thì sự thể sẽ ra sao khi chúng lớn lên, khi các quan hệ với những con người khác bắt đầu mở rộng và gia tăng? Quen thấy tất cả đều khuất phục mình, chúng sẽ kinh ngạc đến thế nào, khi gia nhập xã hội, thấy tất cả đều cưỡng lại mình, và thấy mình bị đè bẹp bởi sức nặng của thế giới mà chúng tưởng có thể làm chuyển động tùy ý chúng!

Thái độ xấc xược của chúng, thói hợm hĩnh ấu trĩ của chúng, chỉ đem lại cho chúng những sự sỉ nhục, khinh thường, nhạo báng; chúng bị xúc phạm tới tấp; chẳng bao lâu các thử thách tàn nhẫn dạy cho chúng rằng chúng chẳng biết thân phận chẳng biết sức lực mình; do không thể đạt được tất cả, chúng cho rằng mình chẳng thể đạt được cái gì. Bao nhiêu là trở lực không quen khiến chúng chán nản, bao nhiêu là khinh miệt khiến chúng hèn đi: chúng trở nên hèn nhát, sợ sệt, đê tiện, và trước kia chúng tự nâng cao mình lên trên bản thân bao nhiêu thì giờ đây càng rơi xuống thấp hơn bản thân bấy nhiêu.

Ta hãy trở lại quy tắc nguyên sơ. Tự nhiên đã tạo ra trẻ em để chúng được yêu mến và cứu giúp; nhưng tự nhiên có tạo ra chúng để được vâng lời và sợ hãi hay không? Tự nhiên có cho chúng một vẻ oai quyền, một con mắt nghiêm khắc, một giọng nói thô lỗ và dọa dẫm, để làm mọi người khiếp hãi chúng hay không? Tôi hiểu rằng tiếng sư tử gầm khiến các con vật kinh hoàng, và những con vật run lên khi nhìn thấy cái đầu đáng sợ của sư tử; nhưng nếu có bao giờ người ta thấy một cảnh tượng thô tục, khả ố, đáng cười, thì đó là một đoàn pháp quan mặc lễ phục, do vị chỉ huy dẫn đầu, đang quỳ lạy trước một đứa trẻ quấn tã, họ diễn thuyết với nó bằng những lời lẽ hoa mỹ, còn nó chỉ kêu gào và nhỏ nước dãi để đáp lại.

Cứ xem xét tuổi thơ ở bản thân nó, thì trên đời có sinh thể nào yếu ớt, khốn khổ, chịu sự chi phối của tất cả những gì xung quanh, và rất cần được thương xót, được chăm nom, được bảo vệ, hơn là một đứa trẻ? Có phải dường như nó chỉ phô ra một gương mặt thật hiền và một vẻ thật đáng cảm động để tất cả những gì lại gần nó đều quan tâm đến sự yếu đuối của nó và sốt sắng cứu giúp nó? Vậy có gì chướng hơn, trái với trật tự hơn, là nhìn thấy một đứa trẻ hống hách và ương bướng chỉ huy tất cả những gì vây quanh nó và trâng tráo lên giọng ông chủ với những người chỉ cần bỏ mặc nó là khiến nó tiêu vong?

Mặt khác, ai chẳng thấy sự yếu đuối của tuổi thơ ban đầu trói buộc đứa trẻ bằng rất nhiều cách, thành thử thật là man rợ khi thêm vào tình trạng lệ thuộc ấy sự lệ thuộc những ý thích bất thường của chúng ta, khi lấy mất của chúng cái tự do rất hạn chế mà chúng rất ít có thể lạm dụng, và nếu ta tước đi của chúng thì chẳng ích lợi gì mấy cho chúng cũng như cho ta? Nếu chẳng có đối tượng nào đáng cười nhạo hơn một đứa trẻ ngạo mạn, thì cũng chẳng có đối tượng nào đáng thương hại hơn một đứa trẻ sợ sệt. Bởi sự phục tùng mang tính công dân bắt đầu cùng với tuổi biết nghĩ, thì tại sao lại báo trước điều ấy bằng sự phục tùng riêng tư cá nhân? Chúng ta hãy bằng lòng cho một thời điểm của cuộc đời được miễn khỏi cái ách mà tự nhiên đã không bắt ta phải chịu, và hãy để cho tuổi thơ được hưởng quyền tự do tự nhiên, nó khiến tuổi thơ ít ra cũng lánh xa được trong một thời gian những thói hư tật xấu mà người ta tiêm nhiễm trong cảnh nô lệ. Vậy xin các thầy giáo nghiêm khắc, các ông bố lệ thuộc con cái, hãy đến với những lời phản bác tầm phào của họ, và trước khi khoe khoang phương pháp, hãy một lần học lấy phương pháp của thiên nhiên.

Tôi trở lại chuyện thực hành. Tôi đã nói rằng con các vị không được có cái gì do nó đòi hết, mà phải do nó có nhu cầu[51] và các vị đừng làm gì vì tuân phục, mà chỉ làm vì cần thiết. Như vậy các từ vâng phục và ra lệnh sẽ phải loại trừ khỏi từ vựng của nó; các từ bổn phận và nghĩa vụ còn phải loại trừ hơn nữa; nhưng các từ sức mạnh, sự cần thiết, sự bất lực và sự bó buộc phải giữ vị trí quan trọng trong từ vựng ấy. Trước tuổi biết nghĩ, người ta không thể có một ý niệm gì về các thực thể tinh thần cũng như về các quan hệ xã hội; vậy phải tránh đến hết mức có thể việc sử dụng các từ ngữ diễn tả những điều trên, sợ rằng mới đầu trẻ gắn cho các từ ngữ này những ý niệm sai lầm mà về sau ta sẽ không biết hoặc không thể diệt trừ. Ý tưởng sai lầm đầu tiên đi vào đầu óc trẻ là mầm mống của lầm lạc và thói hư tật xấu; cần phải đặc biệt quan tâm đến bước đi đầu tiên này. Hãy làm sao cho trẻ chỉ xúc động vì những sự vật hữu hình, và mọi ý tưởng của trẻ đều dừng lại ở cảm giác; làm sao cho trẻ chỉ nhận thấy xung quanh nó đâu đâu cũng là thế giới vật chất: nếu không nó sẽ chẳng hề nghe các vị, hoặc nó sẽ

---

[51] Ta phải cảm nhận rằng, giống như nỗi khổ thường là một tất yếu, niềm vui đôi khi là một nhu cầu. Vậy chỉ có một mong muốn của trẻ mà ta không bao giờ được chiều theo: đó là mong muốn được tuân phục. Từ đó mà suy ra rằng, trong mọi điều chúng yêu cầu, cần đặc biệt chú ý đến lý do khiến chúng yêu cầu. Hãy cho trẻ, nhiều đến chừng nào có thể, tất cả những gì đem lại được cho chúng niềm vui thực sự; luôn từ chối những gì chúng chỉ yêu cầu do ý ngông hay để ra oai.

tự tạo ra, về thế giới tinh thần mà các vị nói với nó, những khái niệm kỳ dị huyễn hoặc mà suốt đời nó các vị sẽ không xóa mờ được.

Nói lý lẽ với trẻ là phương châm lớn lao của Locke[52]; đó là phương châm thịnh hành nhất ngày nay; tuy nhiên tôi thấy thành công của phương châm này chẳng thích hợp lắm để khiến nó được trọng thị; còn với tôi thì tôi chẳng thấy gì ngớ ngẩn hơn là những đứa trẻ mà người ta nói lý nói lẽ nhiều với chúng. Trong mọi năng lực của con người, thì lý trí, có thể nói chỉ là sự phức hợp của tất cả các năng lực khác, chính là năng lực phát triển khó khăn nhất và muộn nhất; thế mà người ta lại muốn sử dụng nó để phát triển các năng lực kia! Kiệt tác của một nền giáo dục tốt là tạo nên một con người có lý trí: thế mà người ta lại muốn giáo dục một đứa trẻ bằng lý lẽ! Như thế là khởi đầu bằng cứu cánh, là muốn dùng công trình làm công cụ. Nếu trẻ em hiểu lý lẽ, thì chúng chẳng cần phải được giáo dục; nhưng do cứ nói với chúng từ khi chúng còn bé một ngôn ngữ mà chúng không hiểu gì hết, ta làm chúng quen nói nhiều lời rỗng tuếch, quen kiểm soát mọi điều người ta nói với chúng, quen nghĩ mình cũng khôn như thầy, rồi trở thành bướng bỉnh và hay cãi; và tất cả những điều ta tưởng đạt được ở chúng nhờ những lý do hợp lẽ phải, thì bao giờ ta cũng chỉ đạt được nhờ những lý do thèm muốn, hoặc sợ hãi, hoặc khoe khoang, mà ta buộc phải kết hợp vào những điều đó.

Tất cả những bài học đạo đức mà người ta thường dạy và có thể dạy cho trẻ gần như có thể quy giản được vào công thức sau.

Ông thầy

Không nên làm điều đó.

Đứa trẻ

Thế tại sao lại không nên làm điều đó?

Ông thầy

Vì đó là điều xấu.

Đứa trẻ

Xấu! Cái gì là điều xấu?

Ông thầy

Điều mà mọi người cấm em.

---

[52] * Xem chú thích 11.

Đứa trẻ

Làm điều mọi người cấm em thì có gì xấu?

Ông thầy

Mọi người sẽ phạt em vì không vâng lời.

Đứa trẻ

Em sẽ làm sao cho mọi người không biết gì hết.

Ông thầy

Mọi người sẽ rình rập em.

Đứa trẻ

Em sẽ ẩn nấp.

Ông thầy

Mọi người sẽ chất vấn em.

Đứa trẻ

Em sẽ nói dối.

Ông thầy

Không nên nói dối.

Đứa trẻ

Tại sao không nên nói dối?

Ông thầy

Vì đó là điều xấu v.v...

Đó là vòng tròn không tránh khỏi. Các vị ra khỏi vòng tròn, là đứa trẻ không hiểu các vị nữa. Chẳng phải đấy là những điều giáo huấn rất hữu ích hay sao? Tôi thật tò mò muốn biết người ta có thể thay thế cuộc đối thoại trên bằng cái gì. Bản thân Locke nếu phải làm điều này có lẽ cũng lúng túng. Biết cái tốt và cái xấu, cảm nhận được lý do của bổn phận con người, không phải việc của một đứa trẻ.

Tự nhiên muốn trẻ em là trẻ em trước khi là người lớn. Nếu chúng ta muốn làm sai lạc trật tự ấy, chúng ta sẽ sản xuất ra những quả chín sớm, chẳng có độ thành thục cũng chẳng có hương vị, và sẽ hỏng sớm; chúng ta sẽ

có những nhà bác học ít tuổi và những đứa trẻ già nua. Tuổi thơ có các cách nhìn, cách suy nghĩ, cảm nhận, riêng thuộc về nó; không có gì kém hợp lý bằng việc muốn đem cách nghĩ của chúng ta thay cho những cách nghĩ ấy; và đòi đứa trẻ mười tuổi phải biết xét đoán khác gì đòi một đứa trẻ phải cao năm *pied* [53]. Quả thực, lý trí giúp gì cho nó ở tuổi ấy? Lý trí là máy hãm sức lực, mà trẻ con không cần máy hãm này.

Trong khi cố thuyết phục học trò mình về bổn phận phải vâng lời, các vị thường kết hợp với cái gọi là sự thuyết phục đó sức mạnh và những điều dọa dẫm, hoặc tệ hơn nữa là sự nịnh nọt và những lời hứa hẹn. Như vậy là, bị nhử vì lợi lộc hoặc bị ép buộc vì sức mạnh, trẻ vờ như được thuyết phục vì lẽ phải. Chúng thấy rất rõ vâng lời có lợi cho chúng, còn kháng cự thì có hại ngay khi các vị nhận ra chúng vâng lời hay kháng cự. Nhưng bởi cái gì mà các vị đòi hỏi chúng chẳng khó chịu với chúng, và làm theo ý muốn người khác bao giờ chẳng nặng nề, nên chúng ẩn náu để thực hiện những ý muốn của mình, tin chắc mình làm điều tốt nếu mọi người không biết là mình chẳng nghe lời, nhưng sẵn sàng nhận rằng mình làm điều xấu nếu bị phát hiện, vì sợ bị chuyện xấu hơn. Lý do của bổn phận không thuộc lứa tuổi chúng, nên chẳng ai trên đời làm cho chúng thực sự cảm nhận được lý do ấy; nhưng mọi người đòi hỏi thú nhận gì chúng cũng thú nhận hết, vì sợ bị trừng phạt, vì mong được tha thứ; thế là mọi người tưởng đã thuyết phục được chúng, trong khi chỉ làm chúng buồn bực hoặc sợ hãi mà thôi.

Từ đó dẫn đến cái gì? Thứ nhất, trong khi áp đặt cho chúng một bổn phận mà chúng không cảm nhận được, các vị khiến chúng bất mãn với sự chuyên chế của các vị và không yêu mến các vị; và các vị tập cho chúng thành vờ vĩnh, giả tạo, dối trá, để kiếm chác phần thưởng, hoặc trốn tránh hình phạt; cuối cùng, do làm chúng quen luôn luôn che giấu một động cơ thầm kín bằng một động cơ bề ngoài, bản thân các vị cung cấp cho chúng phương kế để không ngừng lừa dối các vị, để các vị không biết được tính cách thực của chúng, để chỉ nói với các vị và những người khác những lời lẽ hão huyền vô bổ khi gặp dịp. Các vị sẽ bảo rằng, các luật lệ, dù với lương tâm là bắt buộc, song *cũng* sử dụng cách cưỡng ép như thế với người trưởng thành. Tôi đồng ý như vậy. Nhưng những người trưởng thành ấy là ai nào, nếu không phải là những đứa trẻ bị sự giáo dục làm hỏng? Đó chính là điều cần phòng ngừa. Hãy sử dụng sức mạnh với trẻ em và lý lẽ với người lớn; trật tự tự nhiên là như vậy; người hiền minh không cần luật lệ.

---

[53] * Đơn vị đo chiều dài, bằng 0m3248.

Hãy đối xử với học trò các vị theo lứa tuổi của nó. Trước hết hãy đặt nó vào chỗ của nó, và hãy giữ nó ở đấy thật vững, sao cho nó chẳng định tìm cách ra khỏi đó. Như vậy, trước khi biết thế nào là hiền minh đức độ[54], nó sẽ thực hành bài học quan trọng nhất về sự hiền minh đức độ. Đừng bao giờ ra lệnh cho nó điều gì hết, bất kể điều gì trên đời, tuyệt đối không một điều gì hết. Thậm chí đừng để nó tưởng tượng rằng các vị định có uy quyền gì với nó. Nó chỉ cần biết rằng nó yếu còn các vị mạnh; rằng do tình trạng của nó và tình trạng của các vị, tất nhiên nó tùy thuộc sự định đoạt của các vị; sao cho nó biết điều ấy, nó hiểu được điều ấy, nó cảm nhận điều ấy; sao cho nó sớm cảm nhận thấy trên mái đầu hiên ngang của nó cái ách khắc nghiệt mà tự nhiên áp đặt cho con người, cái ách nặng nề của sự tất yếu, cái ách mà bất kỳ sinh thể hữu hạn nào cũng cần phải khuất phục; sao cho nó nhìn thấy sự tất yếu ấy ở các sự vật, chứ không bao giờ ở tính khí bất thường[55] của con người; sao cho bộ máy hãm kìm giữ nó là sức mạnh, chứ không phải uy quyền. Điều nó phải kiêng kỵ, thì các vị đừng cấm nó; hãy ngăn nó làm điều ấy, không giảng giải, không lý lẽ; điều các vị chấp nhận cho nó, hãy chấp nhận ngay từ lời đầu tiên của nó, không để nó nài xin, cầu khẩn, nhất là không điều kiện. Hãy vui lòng mà chấp nhận, chỉ miễn cưỡng mới từ chối; nhưng sao cho mọi lời từ chối của các vị đều không thể thay đổi; không một sự quấy rầy nào lay chuyển được các vị; sao cho tiếng *không* đã tuyên bố là một bức tường bằng đồng, mà đứa trẻ sẽ không dùng hết sức lực chống lại dăm sáu lần, mà nó sẽ không mưu toan xô đổ nữa.

Như vậy các vị sẽ khiến nó thành kiên nhẫn, bình tĩnh, chịu đựng, thuần hòa, ngay cả khi nó không có được điều nó muốn; bởi bản chất con người là kiên nhẫn chịu đựng tính tất yếu của sự vật, nhưng không chịu đựng ác ý của kẻ khác. Câu: *cái đó không còn nữa,* là một câu trả lời mà chẳng đứa trẻ nào chống lại bao giờ, trừ phi nó cho rằng đấy là lời nói dối. Và chăng, ở đây không hề có khoảng giữa; phải đừng đòi hỏi gì ở đứa trẻ hết, hoặc thoạt tiên buộc nó hoàn toàn phục tùng. Cách giáo dục tệ nhất là để nó bấp bênh do dự giữa ý muốn của nó và ý muốn của các vị, và không ngừng tranh giành xem giữa các vị và nó ai sẽ là chủ; thà để nó luôn luôn làm chủ thì tôi còn thích hơn gấp trăm lần.

---

[54] * *Sagesse.*

[55] Ta phải tin chắc rằng đứa trẻ sẽ coi là tính khí bất thường bất kỳ ý muốn nào ngược với ý muốn của nó, mà nó không cảm nhận được lý do. Mà một đứa trẻ chẳng cảm thấy lý do của cái gì hết trong mọi điều va chạm với ý ngông của nó.

Thật lạ lùng là từ khi mọi người can thiệp vào việc dạy dỗ trẻ em, họ chẳng nghĩ ra phương tiện nào khác để dẫn dắt chúng ngoài sự ganh đua, ghen tị, đố kỵ, khoe khoang, lòng tham, sự sợ hãi hèn hạ, tất cả những đam mê nguy hiểm nhất, lên men nhanh nhất, và thích hợp nhất để làm hư hỏng tâm hồn, trước cả khi thân thể hình thành hẳn. Cùng với mỗi điều giáo huấn trước tuổi mà người ta muốn đưa vào đầu óc chúng, người ta lại gieo trồng một tính xấu ở đáy lòng chúng; những giáo viên ngu dại tưởng mình làm điều kỳ diệu khi biến chúng thành độc ác để dạy cho chúng thế nào là lòng tốt; thế rồi họ nghiêm trang nói với chúng ta: con người là như thế đó. Phải, con người mà các anh đã đào tạo là như thế đó.

Người ta đã thử mọi phương tiện, trừ một phương tiện, chính là phương tiện duy nhất có thể thành công: đó là tự do đúng mực. Không nên can thiệp vào việc dạy dỗ một đứa trẻ khi ta không biết dẫn dắt nó đến nơi nào ta muốn chỉ bằng các luật lệ của sự có thể và không thể. Do trẻ không biết phạm vi của cả hai điều trên, ta có thể mở rộng, thu hẹp phạm vi đó xung quanh trẻ như ta muốn. Ta ràng buộc nó, ta thúc đẩy nó, ta cầm giữ nó, chỉ với mối dây duy nhất của sự tất yếu, mà nó không hề cần nhắn: ta khiến nó thành nhu thuận, dễ bảo chỉ bằng sức mạnh của sự vật, mà không một thói xấu nào có cơ hội nảy mầm trong nó; bởi đam mê mà vô hiệu quả thì chẳng bao giờ phấn khích.

Đừng dạy học trò mình bất kỳ loại bài học nào bằng lời lẽ; nó chỉ được nhận bài học từ trải nghiệm: đừng bắt nó chịu bất kỳ loại hình phạt gì, vì nó không biết thế nào là mắc lỗi: đừng bao giờ bảo nó phải xin tha thứ, vì nó không biết xúc phạm các vị. Do chẳng có một khái niệm đạo đức nào trong các hành động, nó không thể làm điều gì sai về mặt đạo đức, nên chẳng đáng phạt hay đáng quở trách.

Tôi đã thấy người đọc hoảng sợ đang xét đoán đứa trẻ này dựa trên các trẻ em của chúng ta: người đọc ấy lầm. Tình trạng tù túng triền miên trong đó các vị cầm giữ học trò kích thích sự hăng hái của chúng; càng gượng gạo bó buộc dưới mắt các vị, thì lúc thoát ra chúng càng nghịch ngợm hiếu động; chúng rất cần tự đền bù khi có thể về tình trạng ép buộc khắc nghiệt mà các vị cầm giữ chúng trong đó. Hai học trò thành phố sẽ gây nhiều tổn hại tại một địa phương hơn là thanh thiếu niên cả một làng. Các vị hãy nhốt một chú bé công tử và một chú bé nông thôn trong một gian phòng; công tử bé sẽ đánh đổ hết, làm vỡ hết mọi thứ trước khi chú bé nông thôn ra khỏi chỗ của mình. Tại sao như thế, nếu không phải người này thì gấp gáp lợi dụng một khoảnh khắc

được buông tuồng phóng túng trong khi người kia, luôn tin chắc ở sự tự do của mình, nên chẳng bao giờ vội sử dụng nó? Tuy nhiên con cái của những người dân quê, thường được chiều nịnh hoặc bị ngăn trở, hãy còn rất xa với trạng thái mà tôi muốn mọi người giữ các em trong đó.

Ta hãy xác định như một phương châm không thể chối cãi rằng những động thái đầu tiên của tự nhiên bao giờ cũng chính trực: không hề có sự tà ác tiên thiên trong lòng con người; chẳng một thói hư tật xấu nào ở đó mà ta lại không thể nói được nó vào từ đâu và theo cách nào. Đam mê tự nhiên duy nhất ở con người là lòng yêu bản thân, hoặc lòng tự ái hiểu theo nghĩa rộng. Lòng tự ái này trong bản thân nó hoặc trong tương quan với chúng ta là tốt và hữu ích; và, bởi nó không hề có quan hệ tất yếu với người khác, nên về phương diện này nó trung lập một cách tự nhiên; nó chỉ thành tốt hoặc xấu do sự ứng dụng của ta và do các quan hệ ta đem lại cho nó. Vậy cho đến khi nào điều hướng dẫn lòng tự ái, là lý trí, có thể nảy sinh, thì điều quan trọng là một đứa trẻ đừng làm một điều gì vì nó được mọi người nhìn thấy hay nghe thấy, tóm lại là đừng làm một điều gì do liên quan đến người khác, mà chỉ làm những gì do tự nhiên đòi hỏi nó; như thế nó sẽ chỉ làm điều tốt mà thôi.

Tôi không có ý nói rằng nó sẽ không bao giờ gây tổn hại, sẽ không hề làm mình bị thương, rằng có lẽ nó sẽ không làm vỡ một đồ vật giá trị nếu vật ấy ở trong tầm tay nó. Nó có thể gây ra nhiều cái hại song không làm điều xấu, bởi hành động xấu xa tùy thuộc chủ ý làm hại, còn nó sẽ không bao giờ có chủ ý đó. Nếu nó có chủ ý đó chỉ một lần thôi, là mọi sự đã hỏng hết rồi; nó sẽ độc ác hầu như vô phương cứu chữa.

Có điều mà tính keo kiệt cho là xấu, song lại không xấu dưới mắt lẽ phải. Trong khi để cho trẻ hoàn toàn tự do làm những điều dại dột của chúng, nên để ra xa chúng tất cả những gì có thể khiến sự dại dột thành tốn kém, và đừng để trong tầm tay chúng cái gì mỏng manh và quý giá. Hãy trang bị nơi chúng ở bằng những đồ đạc thô mộc và chắc chắn; không gương, không đồ sứ, không vật dụng xa xỉ. Còn về Émile của tôi mà tôi nuôi dạy ở thôn quê, thì phòng của nó sẽ chẳng có gì khác biệt với căn phòng của một dân quê. Trang trí cho căn phòng hết sức công phu để làm gì, bởi nó rất ít phải ở trong đó? Nhưng tôi lầm; Émile sẽ tự trang trí lấy, và chúng ta sẽ sớm thấy trang trí bằng cái gì.

Nếu như, mặc dù các vị cẩn thận phòng ngừa, đứa trẻ vẫn gây một sự lộn xộn nào đó, vẫn làm vỡ một đồ vật hữu ích nào đó, xin đừng phạt nó vì sự sơ ý của các vị, xin đừng mắng nó; sao cho nó không nghe một tiếng trách móc

nào; thậm chí đừng để nó thoáng thấy rằng nó đã làm các vị buồn phiền; hãy hành động hệt như đồ vật tự nó gãy hỏng; rốt cuộc các vị hãy tin rằng các vị đã làm được rất nhiều nếu các vị có thể không nói gì hết.

Liệu tôi có dám trình bày ở đây quy tắc quan trọng nhất, hữu ích nhất của mọi nền giáo dục hay không? Đó không phải là tranh thủ thời gian, đó là mất thời gian. Bạn đọc thông thường, xin hãy tha thứ cho các nghịch lý của tôi: cần phải nêu ra những nghịch lý khi ta suy nghĩ; và, dù các vị có thể nói gì chăng nữa, tôi vẫn thích làm con người của nghịch lý hơn là con người của thành kiến. Quãng nguy hiểm nhất của đời người là quãng đời từ lúc sinh ra đến tuổi mười hai. Đó là thời gian nảy mầm của các lầm lạc và thói hư tật xấu, mà ta còn chưa có được một phương tiện nào để tiêu diệt chúng; và khi phương tiện đến, thì rễ đã ăn rất sâu thành thử không còn là lúc nhổ chúng nữa. Nếu trẻ em nhảy vọt một bước từ khi còn bú sang tuổi biết lẽ phải, thì sự giáo dục mà người ta đang đem lại cho chúng có thể hợp với chúng; nhưng, theo bước tiến triển tự nhiên, thì chúng cần một sự giáo dục hoàn toàn ngược lại. Cần để trẻ không làm gì đến tâm hồn chúng cho tới khi tâm hồn có được mọi năng lực của nó; bởi khi còn mù lòa thì tâm hồn không thể nhận thấy ngọn đuốc các vị giơ ra cho nó, và trong dải đồng bằng mênh mông của các ý tưởng, nó không thể đi theo con đường mà lý trí vạch ra còn hết sức mờ nhạt trước cả những con mắt tinh tường nhất.

Vậy sự giáo dục đầu tiên cần mang tính chất thuần túy tiêu cực. Sự giáo dục này không lo dạy dỗ đức hạnh hay chân lý, mà lo bảo đảm cho tấm lòng khỏi mắc thói hư tật xấu và trí óc khỏi lầm lạc. Nếu các vị có thể không làm gì hết và không để cho làm gì hết; nếu các vị có thể dẫn dắt học trò mình lành mạnh và khỏe khoắn đến tuổi mười hai, mà nó chẳng phân biệt được bàn tay phải với bàn tay trái, thì ngay từ những bài học đầu tiên của các vị, đôi mắt của trí năng nơi nó sẽ mở ra với lẽ phải; không có thành kiến, không mắc thói quen, ở nó sẽ không có một cái gì ngăn trở hiệu quả những sự chăm sóc của các vị. Chẳng bao lâu trong tay các vị nó sẽ thành con người hiền minh nhất; và khởi đầu bằng việc không làm gì hết, các vị sẽ làm được một kỳ tích về giáo dục.

Xin cứ làm trái hẳn với lệ thường, và các vị hầu như sẽ luôn làm đúng. Bởi người ta không muốn làm cho một đứa trẻ thành đứa trẻ, mà thành một nhà uyên bác, nên các ông bố và các ông thầy chẳng bao giờ quở mắng, chấn chỉnh, khiển trách, nịnh nọt, dọa dẫm, dạy bảo, nói lý nói lẽ đủ sớm. Các vị

hãy làm tốt hơn: hãy hợp lý, và đừng biện luận với học trò, nhất là để bắt nó tán thành điều nó không thích; vì bao giờ cũng dẫn lý lẽ ra như vậy ở những chuyện khó chịu, chỉ làm cho lý lẽ thành đáng chán, và sớm mất tín nhiệm trong một trí óc còn chưa đủ sức hiểu được nó. Hãy rèn luyện thân thể nó, các khí quan, các giác quan của nó, các sức lực của nó, nhưng hãy giữ cho tâm hồn nó nhàn hạ lâu hết mức có thể. Hãy e sợ mọi cảm nghĩ có trước sự phán đoán nó đánh giá những cảm nghĩ ấy. Hãy kìm lại, ngăn lại những ấn tượng xa lạ: và, để cản trở cái xấu nảy nở, xin đừng hấp tấp làm cái tốt; vì cái tốt chỉ tốt khi lý trí soi sáng nó. Hãy coi mọi sự trì hoãn như những lợi thế: tiến đến hạn giới mà không mất gì chính là được rất nhiều: hãy để tuổi thơ chín dần trong trẻ thơ. Rốt cuộc, có bài học nào trở nên cần thiết với chúng chăng? Các vị hãy tránh dạy chúng bây giờ, nếu có thể hoãn đến ngày mai mà không hại gì.

Một lý do khác khẳng định ích lợi của phương pháp trên, đó là lý do về tinh anh riêng của đứa trẻ, mà ta cần hiểu rõ để biết chiều hướng tinh thần nào phù hợp với nó. Mỗi trí óc có hình thái đặc biệt riêng của nó, và cần được dưỡng dục theo hình thái ấy; và điều quan trọng để những sự chăm sóc của ta thành công là nó được dưỡng dục bằng hình thái ấy chứ không phải một hình thái khác. Hỡi con người thận trọng, xin hãy dò xét lâu dài tự nhiên, hãy quan sát kỹ học trò trước khi nói với nó tiếng đầu tiên; thoạt tiên hãy để cho mầm mống của tính cách nó phô bày hoàn toàn tự do, đừng bó buộc nó trong bất cứ điều gì, đặng thấy được rõ hơn toàn bộ con người nó. Các vị nghĩ rằng thời gian tự do ấy phí hoài với nó ư? Ngược hẳn lại, thời gian đó sẽ được sử dụng tốt nhất; vì chính như vậy các vị sẽ học được cách không hoài phí một khoảnh khắc nào trong một thời gian quý báu hơn: thay vì, nếu các vị bắt đầu hành động trước khi biết điều cần phải làm, các vị sẽ hành động gặp chăng hay chớ; do dễ lầm lẫn, các vị sẽ phải quay trở lại; các vị sẽ xa mục tiêu hơn là nếu như bớt hấp tấp đạt mục tiêu. Vậy đừng làm như kẻ biển lận bị mất rất nhiều vì không muốn mất gì hết. Hãy hy sinh ở tuổi thơ ban đầu một thời gian mà các vị sẽ lấy lại được với lời lãi gấp bội ở độ tuổi lớn hơn. Người thầy thuốc khôn ngoan chẳng khinh suất thoạt nhìn đã kê đơn thuốc, mà đầu tiên ông ta nghiên cứu thể chất bệnh nhân trước khi chỉ định bất cứ thứ gì; ông ta bắt đầu chậm việc chữa trị, nhưng ông ta chữa khỏi cho bệnh nhân, trong khi người thầy thuốc quá hấp tấp lại làm chết bệnh nhân.

Nhưng ta sẽ đặt đứa trẻ ấy ở đâu để nuôi dạy nó như một sinh thể vô cảm, như một người máy như vậy? Ta sẽ giữ nó trên mặt trăng, ở một hoang đảo sao? Ta sẽ tách nó khỏi mọi con người sao? Nó sẽ chẳng liên tục thấy trong thế

giới này cảnh tượng và tấm gương của những đam mê nơi người khác hay sao? Nó sẽ không bao giờ gặp những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi với nó sao? Nó sẽ không gặp cha mẹ, láng giềng, vú nuôi, cô dạy trẻ, người hầu hay sao, gặp ngay cả thầy giáo của nó, dù thế nào cũng chẳng phải một thiên thần?

Điều phản bác này mạnh và vững chắc. Nhưng tôi có bảo các vị rằng một nền giáo dục tự nhiên là một sự nghiệp dễ dàng đâu? Ôi những con người! Có phải lỗi tại tôi chăng nếu các người đã làm cho tất cả những gì tốt trở thành khó khăn? Tôi cảm thấy những khó khăn đó, tôi đồng ý: có thể những khó khăn ấy không sao khắc phục nổi; nhưng điều bao giờ cũng chắc chắn là khi chuyên tâm phòng ngừa khó khăn thì người ta phòng ngừa được chúng đến một mức độ nào đó. Tôi chỉ ra mục tiêu mà ta cần tự đề xuất: tôi không bảo rằng ta có thể đạt tới đó; nhưng tôi bảo rằng ai đến gần được mục tiêu nhiều hơn sẽ là người thành công hơn cả.

Các vị hãy nhớ rằng trước khi dám bắt tay vào đào tạo một con người, bản thân mình phải tự làm người đã; phải tìm thấy ở mình tấm gương cần đề xuất. Trong khi đứa trẻ còn chưa hiểu biết, ta có thì giờ chuẩn bị tất cả những gì tiếp cận nó, sao cho những cái nhìn đầu tiên của nó chỉ xúc động vì những đối tượng thích hợp để nó nhìn thấy. Các vị hãy khiến cho mình được tất cả mọi người tôn trọng, hãy bắt đầu bằng việc khiến cho mọi người yêu mến mình, để ai nấy đều tìm cách làm vui lòng các vị. Các vị sẽ không bao giờ là thầy đứa trẻ, nếu các vị không là thầy của tất cả những gì bao quanh nó; và uy quyền ấy sẽ không bao giờ đủ, nếu nó không dựa trên niềm quý trọng đối với đức hạnh. Vấn đề không phải là dốc cạn túi, và ban phát rộng rãi tiền bạc; tôi chưa bao giờ thấy tiền bạc làm cho ai được yêu mến hết. Không nên keo kiệt và khắc nghiệt, cũng không nên phàn nàn cho nỗi khốn cùng mà mình không thể làm vơi bớt; nhưng các vị tha hồ mở rương hòm, nếu các vị không mở cả tấm lòng mình, thì tấm lòng những người khác sẽ vẫn đóng kín với các vị. Thứ cần đem cho, chính là thời gian của các vị, là những sự chăm lo, là niềm thương mến, là bản thân các vị; vì, dù các vị có thể làm gì chăng nữa, người ta vẫn luôn cảm thấy tiền bạc của các vị không hề là các vị. Có những bằng chứng về sự quan tâm và hảo ý lại tác động nhiều hơn, và thực sự hữu ích hơn mọi tặng vật: Biết bao nhiêu kẻ bất hạnh, bao nhiêu người đau ốm, cần an ủi hơn là bố thí! Biết bao nhiêu kẻ bị áp bức mà sự che chở giúp đỡ được hơn là tiền bạc! Các vị hãy hòa giải những người đang bất hòa với nhau; hãy phòng tránh những vụ kiện cáo; hãy hướng những đứa con đến bổn phận, những ông bố đến sự khoan dung; hãy ủng hộ những cuộc hôn nhân hạnh phúc; hãy ngăn cản những việc

gây phiền nhiễu; hãy sử dụng, hãy dùng rộng rãi tín nhiệm của phụ huynh học trò mình để giúp cho kẻ yếu bị người ta từ chối sự công bằng, bị kẻ quyền thế đày đọa. Hãy đường hoàng tuyên bố mình là người bảo vệ những kẻ bất hạnh. Hãy công bình, nhân ái, nghĩa hiệp. Đừng chỉ bố thí, hãy làm phúc; các việc làm từ thiện giảm nhẹ được nhiều nỗi đau hơn là tiền bạc; hãy yêu mến những người khác, và họ sẽ yêu mến các vị; hãy phục vụ họ và họ sẽ phục vụ các vị; hãy là anh em của họ, và họ sẽ là con cái các vị.

Đây còn là một lý do nữa khiến tôi muốn nuôi dạy Émile ở thôn quê, xa đám đầy tớ bất lương, những người hèn hạ nhất sau các chủ nhân của chúng; xa những phong tục đen tối nơi thành thị, mà lớp sơn bóng bẩy che phủ bên ngoài khiến chúng trở nên hấp dẫn và dễ truyền nhiễm sang trẻ em; trong khi các thói xấu của dân quê, chẳng màu mè và với toàn bộ sự thô lậu của chúng, làm người ta chán ghét hơn là cám dỗ, khi người ta chẳng có lợi ích gì mà bắt chước.

Ở làng quê, một ông thầy sẽ làm chủ được những đối tượng mà ông muốn đưa ra cho đứa trẻ hơn ở thành phố rất nhiều; tiếng tăm của ông, lời lẽ của ông, tấm gương ông nêu, sẽ có một uy quyền không thể có tại thành phố; vì ông hữu ích với tất cả mọi người, nên ai nấy sẽ sốt sắng làm vui lòng ông, muốn được ông quý trọng, sốt sắng tự phô bày với học trò như ông thầy muốn họ thực sự là thế; và nếu họ không sửa được tật xấu, thì họ cũng sẽ tránh tai tiếng; đó là tất cả những gì chúng ta cần cho mục tiêu của chúng ta.

Xin đừng trách cứ người khác về những lỗi lầm của chính các vị: cái xấu mà trẻ nhìn thấy làm chúng hư hỏng ít hơn cái xấu mà các vị dạy chúng. Luôn thuyết giáo, luôn nói đạo đức, luôn lên mặt mô phạm, trong khi cho những đứa trẻ một ý tưởng mà các vị ngỡ là hay, thì đồng thời các vị lại cho chúng hai chục ý tưởng khác chẳng có giá trị gì: đầy ắp những điều đang diễn ra trong đầu óc mình, các vị chẳng thấy được tác động mình gây ra trong đầu óc chúng. Trong bao lời lẽ dài dòng mà các vị không ngừng khiến trẻ mệt lử, các vị nghĩ không có một lời nào bị chúng hiểu sai ư? Các vị nghĩ chúng không bình luận theo cách của chúng những điều giảng giải lờ mờ của các vị, và không tìm được ở đó cái gì để tự tạo nên một hệ thống vừa với trình độ của chúng, mà chúng sẽ đem đối lập với các vị khi gặp dịp hay sao?

Xin hãy lắng nghe một chú bé vừa được thuyết giáo; hãy để chú huyên thuyên, chất vấn, nói lung tung thoải mái, và các vị sẽ ngạc nhiên vì các lập luận của mình đã mang một dáng dấp kỳ lạ trong đầu óc chú bé: chú lẫn lộn

hết, chú đảo ngược hết, chú làm các vị sốt ruột, đôi khi làm các vị buồn phiền vì những phản bác bất ngờ; chú buộc các vị phải im tiếng, hoặc phải bảo chú im tiếng; và chú ta có thể nghĩ gì về sự thinh lặng ở một người lớn thích nói đến như vậy? Nếu vạn nhất chú bé giành được lợi thế đó, và lại nhận thấy điều này, thì vĩnh biệt giáo dục; mọi sự chấm dứt kể từ lúc ấy, chú ta không tìm cách học hỏi nữa, chú ta tìm cách phản bác các vị.

Hỡi các ông thầy hăng hái, xin hãy giản dị, kín đáo, từ tốn: xin chỉ vội vã hành động để ngăn những người khác hành động mà thôi; tôi sẽ không ngừng nhắc lại điều này, hãy hoãn lại một sự giáo dục tốt, nếu có thể, vì sợ ban phát một sự giáo dục xấu. Trên Trái đất này, lẽ ra được tự nhiên tạo thành thiên đường đầu tiên cho con người, hãy sợ rằng mình thực hiện vai trò của kẻ cám dỗ, khi muốn cho sự ngây thơ hiểu biết về cái thiện và cái ác; vì không thể ngăn đứa trẻ học hỏi ở bên ngoài qua các tấm gương, xin hãy giới hạn toàn bộ niềm cảnh giác của các vị ở việc khắc ghi những tấm gương ấy vào đầu óc trẻ dưới hình ảnh thích hợp với nó.

Các mối đam mê dữ dội gây một tác động to lớn đến đứa trẻ chứng kiến những đam mê ấy, vì chúng có những dấu hiệu rất cụ thể làm trẻ xúc động và buộc nó phải chú ý. Đặc biệt sự giận dữ thật là ầm ĩ trong những khích động của nó, thành thử không thể không nhận thấy khi nó ở trong tầm mắt. Không nên hỏi liệu đấy có phải là dịp để một nhà sư phạm mở đầu một bài diễn văn hay ho hay không. Này! không diễn văn hay ho, không gì hết, một tiếng cũng không. Cứ để đứa trẻ đến: ngạc nhiên vì cảnh tượng, thế nào nó cũng hỏi han các vị. Câu trả lời đơn giản; nó được rút ra từ chính các đối tượng làm xúc động giác quan đứa trẻ. Nó nhìn thấy một bộ mặt bừng bừng, những con mắt nảy lửa, một cử chỉ đe dọa, nó nghe thấy những tiếng la thét; tất cả đều là dấu hiệu cho thấy thân thể đang bất ổn. Các vị hãy từ tốn bảo nó, không bí mật gì: Con người tội nghiệp ấy bị ốm, ông ta đang lên cơn sốt. Các vị có thể nhân dịp cung cấp cho đứa trẻ, nhưng ít lời thôi, một ý niệm về bệnh tật và các tác động của bệnh tật; vì điều này cũng thuộc tự nhiên, và đó là một trong những ràng buộc của sự tất yếu mà đứa trẻ phải cảm thấy mình phụ thuộc.

Có thể là từ ý niệm ấy, một ý niệm không sai, mà đứa trẻ sớm mang một mối gờm tởm nào đó với việc buông mình vào những thái quá của đam mê, mà nó sẽ coi như bệnh tật. Và các vị cho rằng một khái niệm như vậy, được cung cấp đúng lúc, sẽ không gây một tác động cũng bổ ích như bài thuyết giáo chán ngán nhất về đạo đức hay sao? Nhưng hãy xem các ảnh hưởng của khái

niệm này trong tương lai: thế là các vị được phép, nếu có ngày buộc phải làm điều đó, đối xử với một đứa trẻ ương bướng như một đứa trẻ ốm; được phép nhốt nó trong phòng, trong giường nó nếu cần, bắt nó ăn kiêng, khiến chính nó hoảng sợ vì những thói xấu mới này sinh của mình, làm cho những thói xấu ấy thành khả ố và dễ sợ đối với nó, mà không bao giờ nó có thể coi sự nghiêm khắc có lẽ các vị buộc phải sử dụng để chữa khỏi cho nó là một hình phạt. Nếu như bản thân các vị, trong một khoảnh khắc nóng nảy nào đó, mất đi sự bình tĩnh và ôn hòa mà các vị phải dạy dỗ, thì xin đừng tìm cách ngụy trang lỗi lầm của mình; mà hãy thẳng thắn bảo nó, với một sự trách móc âu yếm: Em ạ, em đã làm thầy đau.

Vả chăng, điều cần thiết là tất cả những sự khờ khạo có thể có ở một đứa trẻ do tính ngây ngô chất phác của các ý niệm nơi nó, không bao giờ được nêu lên trước mặt nó, cũng không được kể ra thế nào để nó biết được. Một tiếng cười rộ thô lỗ có thể làm hỏng công lao sáu tháng trời, và gây một tổn hại suốt đời không thể bù đắp. Tôi không sao nói đi nói lại cho đủ rằng muốn làm thầy đứa trẻ, cần phải làm thầy của chính mình. Tôi hình dung chú bé Émile của tôi, vào lúc cuộc đánh lộn giữa hai bà láng giềng đang dữ dội, vừa tiến về phía bà điên giận nhất, vừa bảo bà ta với giọng thương cảm: *Bác ơi, bác ốm rồi, cháu rất buồn về điều đó.* Chắc chắn, câu nói lý thú này không phải sẽ không tác động đến những người xem, và có thể đến các nữ đương sự. Không cười, không mắng, không khen, tôi đưa nó đi dù nó đồng ý hay miễn cưỡng, trước khi nó có thể nhận thấy tác động ấy, hoặc ít ra là trước khi nó nghĩ đến tác động ấy, và tôi vội vã làm nó khuây lãng vì những đối tượng khác khiến nó nhanh chóng quên đi điều đó.

Tôi không có ý định đi vào mọi chi tiết, mà chỉ trình bày những phương châm khái quát, và cung cấp thí dụ trong những trường hợp khó khăn. Tôi coi là bất khả thi, việc dẫn dắt một đứa trẻ đến tuổi mười hai, ở trong lòng xã hội, mà không cung cấp cho nó ý niệm nào đó về các quan hệ giữa người với người, và về tính đạo đức của các hành động của con người. Chỉ cần ta chuyên tâm khiến cho các khái niệm này thành cần thiết với nó muộn hết mức có thể, và khi chúng trở nên không tránh khỏi, thì ta giới hạn chúng ở tính hữu ích hiện tại, cốt để cho nó đừng nghĩ rằng mình làm chủ mọi sự, và đừng làm điều xấu cho người khác mà không áy náy và không biết. Có những tính cách hiền dịu và bình thản có thể dẫn đi xa trong trạng thái thơ ngây ban đầu mà không nguy hiểm; nhưng cũng có những bản tính dữ dội mà sự hung tợn sớm phát triển, mà ta phải vội vã làm thành người lớn, để khỏi buộc phải chế ngự chúng.

Các bổn phận đầu tiên của chúng ta là đối với chúng ta; các tình cảm nguyên sơ của chúng ta tập trung vào bản thân chúng ta; mọi động thái tự nhiên của chúng ta trước hết quy vào việc tự bảo tồn và sự an lạc của chúng ta. Như vậy cảm nghĩ đầu tiên về sự công bình không đến với ta từ sự công bình ta phải có, mà từ sự công bình mọi người phải có với ta; và một trong những sự ngược chiều của các cách giáo dục thông thường là ở chỗ, khi mọi người trước tiên nói với trẻ em về bổn phận của chúng, chứ không bao giờ nói về quyền lợi của chúng, chính là mọi người bắt đầu bằng việc bảo chúng những gì ngược lại với điều cần thiết, những gì chúng không sao hiểu được, và không thể khiến chúng quan tâm.

Vậy nếu tôi phải dẫn dắt một trong những đứa trẻ mà tôi vừa giả định, thì tôi sẽ tự nhủ: một đứa trẻ không công kích những con người[56], mà công kích các sự vật; và chẳng bao lâu, qua kinh nghiệm nó sẽ học tôn trọng ai vượt nó về tuổi tác và sức mạnh; nhưng sự vật thì không tự chống cự. Vậy ý niệm đầu tiên cần đem lại cho đứa trẻ là ý niệm về sở hữu hơn là về tự do; và, để có được ý niệm này, nó cần phải có đồ vật gì đó riêng của mình. Kể ra cho nó áo quần của nó, bàn ghế của nó, đồ chơi của nó, là chẳng nói gì với nó hết; bởi lẽ, mặc dù nó được tùy ý sử dụng những đồ vật ấy, song nó không hiểu vì sao và như thế nào mà nó có các đồ vật ấy. Nói với nó rằng nó có chúng vì người ta đã cho nó, là cũng không làm được hơn gì mấy; vì, muốn cho thì phải có đã: vậy đó là một vật sở hữu có trước sở hữu của nó; mà ta lại muốn giải thích cho nó về nguyên tắc của sở hữu; chưa kể rằng sự trao tặng là một quy ước, và đứa trẻ còn chưa thể biết được thế nào là quy ước[57]. Xin các độc giả hãy chú ý, ở thí dụ

---

[56] Không bao giờ được để cho một đứa trẻ đối xử với người lớn như với kẻ dưới nó, ngay cả như với người ngang hàng nó. Nếu nó dám đánh thật sự người nào đó, dù là đầy tớ của nó, dù là gã đao phủ, xin hãy làm thế nào để bao giờ người ta cũng trả lại nó gấp bội những miếng đòn của nó, sao cho nó mất hẳn ý muốn làm lại chuyện này. Tôi đã thấy những cô dạy trẻ dại dột khuyến khích sự ương bướng của một đứa trẻ, kích thích nó đánh đập, tự để nó đánh mình, và cười vì những miếng đòn yếu ớt của nó, không nghĩ rằng đó là chừng ấy sự giết người trong ý định của thằng bé điên khùng, và kẻ nào muốn đánh đập khi còn non nớt thì khi lớn sẽ muốn giết người.

[57] Chính vì thế mà phần lớn trẻ em muốn có lại những gì chúng đã cho, và khóc lóc khi người ta không muốn trả lại chúng. Chuyện này không xảy ra với chúng nữa khi chúng đã quan niệm rõ thế nào là trao tặng; chỉ có điều bấy giờ chúng thận trọng hơn khi cho.

này và trăm ngàn thí dụ khác, rằng do cách nào mà khi nhồi vào đầu trẻ em những từ ngữ không có một ý nghĩa nào vừa tầm hiểu biết của chúng, người ta lại cứ tưởng rằng đã dạy dỗ chúng hết sức chu đáo.

Vậy vấn đề là đi ngược lên nguồn gốc của sở hữu; vì chính từ đó mà ý niệm đầu tiên về sở hữu phải phát sinh. Đứa trẻ, sống ở thôn quê, sẽ có một khái niệm nào đó về công việc đồng áng; muốn thế chỉ cần có mắt, có thì giờ nhàn rỗi, và nó sẽ có cả hai. Vào bất kỳ tuổi nào, nhất là vào tuổi nó, ai cũng muốn sáng tạo, bắt chước, sản xuất, biểu lộ sức mạnh và sự hoạt động. Nó sẽ chẳng cần nhìn đến hai lần người ta cày bừa một mảnh vườn, gieo hạt, nhìn thấy rau mọc và lớn lên, là đã muốn đến lượt mình cũng làm vườn.

Do các nguyên tắc được xác lập trên đây, tôi không hề chống lại ham muốn của nó; ngược lại, tôi ủng hộ ham muốn ấy, tôi chia sẻ sở thích của nó, tôi làm việc cùng nó, không phải vì sự thích thú của nó, mà vì sự thích thú của tôi; ít ra nó cũng tin như thế; tôi trở thành người làm vườn của nó; trong khi chờ đợi nó có sức lực, tôi cày xới đất giúp nó; nó chiếm hữu chỗ đất này bằng cách trồng lên đó một cây đậu; và chắc chắn sự chiếm hữu này thiêng liêng hơn và đáng trọng hơn sự chiếm hữu xưa kia của Núñez Balboa[58] đối với Nam Mỹ nhân danh nhà vua Tây Ban Nha, bằng cách cắm cây cờ của nhà vua lên các bờ biển phía Nam.

Ngày nào chúng tôi cũng đến tưới những cây đậu, chúng tôi vui mừng nhìn thấy chúng mọc lên. Tôi tăng thêm niềm vui mừng ấy bằng cách bảo nó: cái đó thuộc về em; và bấy giờ trong khi giải thích cho nó cái từ *thuộc về*, tôi khiến nó cảm nhận rằng nó đã bỏ vào đấy thì giờ của nó, lao động của nó, sự vất vả của nó, tóm lại là con người của nó; rằng trong đất ấy có một cái gì đó của bản thân nó mà nó có thể đòi hỏi đối với bất kỳ ai, cũng như nó có thể rút cánh tay mình khỏi bàn tay một người nào khác muốn giữ cánh tay ấy lại bất kể ý muốn của nó.

Một ngày kia nó sốt sắng đến, bình tưới cầm trong tay. Ôi cảnh tượng! Ôi đau đớn! Tất cả các cây đậu đều bị nhổ lên, cả mảnh đất bị xáo trộn, ngay cả địa điểm cũng không còn nhận ra được nữa. A! Việc làm của tôi, công trình của tôi, kết quả ngọt ngào của công lao chăm sóc và mồ hôi của tôi đã ra sao rồi? Ai đã cướp đoạt của cải tôi? Ai đã lấy những cây đậu của tôi? Trái tim non trẻ ấy nổi giận; ý thức đầu tiên về sự bất công đến rót vào đó vị đắng ưu sầu

[58] * Vasco Núñez de Balboa, nhà thám hiểm Tây Ban Nha, người đầu tiên đi tới Thái Bình Dương, năm 1513.

nó; nước mắt tuôn như suối; đứa trẻ đau buồn rền rĩ la khóc vang trời. Người ta chia sẻ nỗi phiền muộn của nó, sự công phẫn của nó; người ta tìm kiếm, người ta dò hỏi, người ta lục soát. Cuối cùng người ta khám phá ra rằng bác làm vườn đã gây nên chuyện ấy: người ta gọi bác đến.

Nhưng chúng tôi ở quá xa dự đoán. Biết được người ta phàn nàn về điều gì, bác làm vườn bắt đầu phàn nàn còn lớn tiếng hơn chúng tôi. Thế nào! thưa các ngài, chính các ngài đã làm hỏng công trình của tôi như thế này đây! Tôi đã gieo ở đó giống dưa xứ Malte mà hạt được người ta tặng cho tôi như một báu vật, và tôi hy vọng đãi các ngài khi dưa chín; thế mà, để trồng vào đó các cây đậu tồi tàn của các ngài, các ngài đã phá hoại những cây dưa đã mọc lên hết của tôi, và tôi sẽ không bao giờ thay thế được nữa. Các ngài đã gây cho tôi một tổn hại không thể bù đắp, và đã tự tước đi của bản thân cái thú được ăn những quả dưa ngon tuyệt.

Jean-Jacques

Robert tội nghiệp, hãy tha lỗi cho chúng tôi. Bác đã để vào đó lao động của bác, sự khó nhọc của bác. Tôi thấy rõ là chúng tôi đã sai vì làm hỏng công trình của bác, nhưng chúng tôi sẽ nhờ mang đến cho bác hạt giống khác của đảo Malte, và chúng tôi sẽ không cày xới đất nữa, trước khi biết được liệu có ai đã bắt tay vào làm ở đó trước chúng tôi hay không.

Robert

Ồ! được, vậy thì các ngài có thể nghỉ ngơi, vì không còn mấy đất bỏ hoang nữa. Tôi thì tôi làm mảnh đất mà cha tôi đã cải tạo; người nào cũng làm như thế về phần họ, và tất cả các mảnh đất mà các ngài thấy đều được chiếm lĩnh từ lâu.

Émile

Ông Robert ơi, vậy thì hạt dưa hay bị mất lắm ư?

Robert

Xin lỗi cậu em; vì chúng tôi không hay gặp những cậu bé dại dột vô ý như cậu. Chẳng ai động chạm đến vườn của láng giềng; mỗi người đều tôn trọng công việc của những người khác, để cho công việc của mình được an toàn.

Émile

Nhưng tôi thì tôi chẳng có mảnh vườn nào.

Robert

Điều đó can hệ gì đến tôi? nếu cậu làm hỏng vườn của tôi, tôi sẽ không để cậu dạo chơi ở đấy nữa; vì, cậu thấy đó, tôi không muốn hoài phí công lao khó nhọc của mình.

Jean-Jacques

Liệu có thể đề nghị một sự dàn xếp với bác Robert tốt bụng hay không nhỉ? Giá bác ấy thuận cho anh bạn nhỏ của tôi và tôi, một góc vườn của bác ấy để trồng trọt, với điều kiện là bác sẽ được một nửa số thu hoạch.

Robert

Tôi thuận cho các ngài góc vườn ấy vô điều kiện. Nhưng xin nhớ rằng tôi sẽ đến đào xới những cây đậu của các ngài, nếu các ngài động vào dưa của tôi.

Trong sự thể nghiệm cách ghi khắc vào tâm trí trẻ em những khái niệm nguyên sơ này, ta thấy bằng cách nào ý niệm về sở hữu có gốc gác một cách tự nhiên từ quyền của người chiếm hữu đầu tiên bằng lao động. Điều này sáng tỏ, rõ ràng, đơn giản, và luôn vừa tầm hiểu biết của đứa trẻ. Từ đó đến quyền sở hữu và đến các sự trao đổi chỉ còn một bước nữa thôi, sau đó ta phải dừng hẳn lại.

Ta lại thấy rằng một sự giải thích mà tôi bao hàm trong hai trang viết ở đây có lẽ về thực hành sẽ là công việc của một năm; vì, trong sự vận hành của các ý niệm đạo đức, không thể tiến lên quá chậm chạp, cũng không thể cứ mỗi bước lại củng cố quá vững. Tôi xin các thầy giáo trẻ hãy nghĩ đến thí dụ trên, và hãy nhớ rằng ở bất cứ điều gì, bài học của các thầy phải bằng hành động nhiều hơn bằng lời lẽ; vì trẻ em dễ dàng quên những gì chúng đã nói và những gì người ta đã nói với chúng, chứ không quên những gì chúng đã làm và những gì người ta đã làm với chúng.

Như tôi đã nói, những điều dạy dỗ như thế cần được đưa ra sớm hơn hay muộn hơn, tùy bản tính thuần hòa hay hiếu động của học trò thôi thúc hay trì hoãn nhu cầu dạy dỗ; việc sử dụng những điều dạy dỗ đó hết sức hiển nhiên; nhưng để không bỏ sót một điều quan trọng nào trong những sự việc khó khăn, chúng ta lại đưa thêm một thí dụ.

Đứa trẻ hay cáu của các vị phá hỏng tất cả những gì nó đụng đến: xin đừng giận dữ; hãy để ngoài tầm với của nó những gì nó có thể phá hỏng. Nó

làm gãy đồ đạc nó dùng; đừng vội cho nó đồ đạc khác; cứ để nó cảm nhận sự bất lợi của tình trạng thiếu thốn. Nó đập vỡ kính cửa sổ phòng nó; cứ để gió thổi vào nó suốt đêm ngày và đừng lo gì bệnh cảm; vì thà nó bị cảm còn hơn là điên khùng. Đừng bao giờ than phiền về những điều bất tiện nó gây ra cho các vị, nhưng hãy làm thế nào để nó cảm thấy những bất tiện ấy đầu tiên. Cuối cùng các vị cho sửa lại kính, mà vẫn không nói năng gì hết. Nó lại đập vỡ nữa? Lúc đó các vị hãy thay đổi phương pháp; hãy nói với nó một cách lãnh đạm, nhưng không tức giận: Cửa sổ là của tôi; chúng được lắp đặt do tôi lo toan; tôi muốn đảm bảo cho chúng. Rồi các vị nhốt nó trong bóng tối ở một nơi không có cửa sổ. Trước biện pháp thật mới mẻ này nó bắt đầu bằng việc la hét, làm rầm rĩ; không ai nghe nó hết. Chẳng bao lâu nó chán và đổi giọng; nó than vãn, nó rên rỉ: một gia nhân xuất hiện, thằng bé bướng bỉnh yêu cầu người này thả nó. Chẳng kiếm cớ để không làm gì hết, người hầu bảo: *Tôi cũng có những cửa kính cần giữ gìn*, rồi bỏ đi. Cuối cùng, sau khi thằng bé ở trong đó nhiều giờ đồng hồ, đủ lâu để buồn chán và để nhớ, ai đó sẽ gợi ý cho nó đề nghị với thầy một thỏa thuận, nhờ thỏa thuận này thầy sẽ trả lại tự do cho nó, còn nó sẽ không đập vỡ kính nữa. Nó sẽ không đòi hỏi gì hơn. Nó nhờ mời thầy đến gặp nó: các vị sẽ đến; nó đề nghị, còn các vị sẽ lập tức chấp nhận và bảo nó: Nghĩ vậy rất hay; cả hai thầy trò ta đều được lợi, sao em không có ý hay này sớm hơn nhỉ! Rồi, không hề yêu cầu nó cự tuyệt hay khẳng định lời hứa, các vị vui mừng ôm hôn nó và dẫn ngay nó về phòng của nó, coi thỏa thuận trên là thiêng liêng và bất khả vi phạm như đã qua thề nguyện. Các vị nghĩ với biện pháp ấy nó sẽ có ý niệm như thế nào về tính chân thành của các giao ước và về ích lợi của giao ước? Tôi thất vọng nếu trên Trái đất này có một đứa trẻ nào, chưa bị hư hỏng, qua thử thách của cách xử sự trên, mà sau đó dám cố tình đập vỡ kính. Hãy theo dõi mối liên lạc của toàn bộ những điều trên. Thằng bé tinh quái chẳng mấy nghĩ rằng, khi đào một cái hố để trồng cây đậu của mình, là nó tự đào một ngục kín mà kiến thức của nó sẽ sớm nhốt nó vào[59].

---

[59] Vả chăng, khi bổn phận giữ lời hứa không được củng cố trong trí óc đứa trẻ bằng sức nặng của tính hữu ích, thì ý thức nội tâm, bắt đầu ló ra, sẽ áp đặt bổn phận ấy cho đứa trẻ như một đạo luật của lương tâm, như một nguyên lý thiên bẩm chỉ đợi những tri thức thích dụng với nó để mà phát triển. Nét đặc sắc đầu tiên này không hề do bàn tay con người ghi dấu, mà được khắc vào lòng ta do Đấng tạo tác mọi lẽ công bình. Tước đi luật lệ nguyên sơ của các giao ước và nghĩa vụ do luật ấy áp đặt, thì mọi sự đều hão huyền và hư không trong xã hội

Thế là chúng ta đang ở trong thế giới đạo đức, thế là cánh cửa đang mở ra với thói hư tật xấu. Cùng với các quy ước và các bổn phận cũng nảy sinh sự lừa gạt và dối trá. Ngay từ khi người ta có thể làm điều không nên, là người ta muốn giấu điều mình không nên làm. Ngay từ khi một mối lợi khiến người ta hứa, là một mối lợi lớn hơn có thể khiến người ta vi phạm lời hứa; không còn là chuyện vi phạm mà vô can nữa: phương kế thật là tự nhiên; người ta trốn tránh và người ta nói dối. Do không thể phòng ngừa thói hư tật xấu, giờ đây chúng ta đã ở tình thế phải phạt nó. Đó là những khốn khổ của đời người, khởi đầu cùng với những sai lầm của đời người.

Tôi đã nói khá nhiều để làm mọi người hiểu rằng không bao giờ nên trừng phạt trẻ em với tư cách hình phạt, mà sự trừng phạt bao giờ cũng phải đến với chúng như một hậu quả tự nhiên của hành vi xấu nơi chúng. Như vậy các vị sẽ không hề lớn tiếng công kích sự dối trá, các vị sẽ không phạt trẻ chính vì chúng đã nói dối; mà các vị sẽ làm thế nào để mọi hiệu quả xấu của lời nói dối, như không hề được tin khi mình nói sự thật, như bị kết tội, dù có chối cãi, vì điều xấu mà mình không hề làm, đều dồn cả lên đầu chúng khi chúng đã nói dối. Nhưng chúng ta hãy giải thích xem đối với trẻ em thế nào là nói dối.

Có hai loại nói dối: nói dối thực sự liên quan đến quá khứ, nói dối đương nhiên liên quan đến tương lai. Loại nói dối thứ nhất xảy ra khi người ta chối là không làm điều mình đã làm, hoặc khi người ta khẳng định là đã làm điều mình không làm, và nói chung khi người ta cố ý nói ngược lại sự thật của sự vật. Loại nói dối sau xảy ra khi người ta hứa điều mà mình không định giữ lời, và nói chung khi người ta phô bày một chủ ý trái với chủ ý mình có. Hai điều nói dối đó đôi khi có thể tập hợp trong cùng một điều[60]; nhưng ở đây tôi xem xét chúng ở những gì khác biệt.

Người nào cảm nhận được nhu cầu về sự giúp đỡ của người khác, và không ngừng cảm thấy hảo tâm của mọi người, thì chẳng có một lợi ích gì mà

---

loài người. Kẻ nào chỉ dính líu với lời hứa vì lợi lộc thì chẳng ràng buộc hơn là mấy so với giả như y không hứa gì hết; hoặc cùng lắm thì quyền vi phạm lời hứa sẽ giống như thế hơn trong chơi cầu vợt (*bisque*: thế hơn 15 điểm trong trò chơi cầu vợt), chỉ trì hoãn việc giành ưu thắng để đợi thời điểm giành ưu thắng với nhiều cái lợi hơn. Nguyên lý này quan trọng tột bực, và đáng được đào sâu; vì chính ở đây con người bắt đầu tự mâu thuẫn với bản thân.

[60] Thí dụ như, khi bị buộc tội vì một hành vi xấu, kẻ phạm tội chối cãi điều đó bằng cách bảo rằng mình là người lương thiện. Lúc đó y nói dối thực sự và nói dối đương nhiên.

lừa dối họ; trái lại, anh ta có một lợi ích rõ rệt khi mọi người nhìn sự vật đúng như chúng tồn tại, vì sợ họ lầm lẫn mà thiệt hại cho mình. Vậy rõ ràng nói dối thực sự không phải là tự nhiên ở trẻ em; mà chính luật vâng lời tạo ra sự cần thiết phải nói dối, bởi việc vâng lời thì khó nhọc, người ta ngấm ngầm tự miễn việc đó cho mình nhiều hết mức có thể, và bởi lợi ích hiện tại là tránh được hình phạt hay sự quở trách thắng được lợi ích xa xôi là trình bày sự thật. Vậy trong cách giáo dục tự nhiên và tự do, tại sao đứa trẻ của các vị lại nói dối các vị chứ? Nó có gì mà giấu các vị? Các vị không hề trách mắng nó, các vị chẳng phạt nó vì cái gì hết, các vị chẳng đòi hỏi gì ở nó hết. Tại sao nó lại không nói với các vị tất cả những gì nó đã làm một cách cũng ngây thơ như nói với thằng bé bạn nó? Nó không thể thấy ở lời thú nhận ấy nhiều nguy hiểm ở phía này hơn ở phía kia.

Điều nói dối đương nhiên còn ít tính tự nhiên hơn nữa, bởi các lời hứa sẽ làm hay không làm là những hành vi giao ước, ra khỏi trạng thái tự nhiên và vi phạm tự do. Còn hơn thế nữa: tất cả những lời ước hẹn của trẻ em đều vô giá trị ở bản thân chúng, xét vì tầm nhìn hạn hẹp của chúng không thể mở rộng ra bên ngoài hiện tại, trong khi ước hẹn, chúng không biết điều chúng làm. Đứa trẻ chỉ có thể nói dối chút ít khi ước hẹn; vì, chỉ nghĩ đến thoát vòng khó khăn trong thời điểm hiện tại, nên bất kỳ phương tiện nào không có một kết quả hiện tại với nó cũng đều được hết; trong khi hứa hẹn cho một thời gian tương lai, nó chẳng hứa gì hết, và trí tưởng tượng hãy còn thiếp ngủ của nó không hề biết trải rộng con người nó trên hai thời gian khác biệt. Nếu có thể tránh ngọn roi hay có thể được một túi kẹo hạnh nhân bằng cách hứa lao mình qua cửa sổ vào ngày mai, nó sẽ hứa ngay lập tức. Đó là lý do vì sao các đạo luật không đếm xỉa gì đến những điều ước hẹn của trẻ em; còn khi các ông bố và các ông thầy nghiêm khắc hơn đòi hỏi chúng làm tròn những điều ước hẹn đó, thì chỉ là về những gì đứa trẻ cần phải làm, dù nó không hứa chăng nữa.

Đứa trẻ, vì không biết mình làm gì khi ước hẹn, vậy là không thể nói dối trong khi ước hẹn. Sự thể không giống như vậy khi nó không làm tròn lời hứa, điều này còn là một loại nói dối có hiệu lực trở về trước: vì nó nhớ rất rõ là đã nói lời hứa ấy; nhưng điều nó không thấy, đó là tầm quan trọng của việc phải giữ lời. Không đủ sức hiểu được tương lai, nó không thể đoán trước hậu quả của sự vật; và khi vi phạm điều ước hẹn, nó không làm gì trái với lý trí của lứa tuổi nó.

Theo đó thì những lời nói dối của trẻ em đều là tác phẩm của các ông thầy, và việc muốn dạy cho chúng nói sự thật chẳng là gì khác ngoài việc dạy cho chúng nói dối. Trong niềm sốt sắng đưa trẻ vào khuôn phép, dạy dỗ chúng, giáo

dục chúng, người ta chẳng bao giờ thấy mình đủ phương tiện để thành công. Người ta muốn tạo cho mình những cách nắm bắt mới với trí óc trẻ, nhờ những châm ngôn thiếu cơ sở, nhờ những quy tắc không luận cứ, và người ta thích trẻ thuộc bài và nói dối hơn là nếu chúng vẫn dốt nát và thành thật.

Đối với chúng tôi, là những người chỉ cho trẻ các bài học thực hành, và thích trẻ trung hậu hơn là giỏi giang, chúng tôi không hề đòi hỏi ở chúng sự thật, e chúng thay hình đổi dạng sự thật chăng, và chúng tôi không bắt trẻ hứa điều gì mà chúng có thể xiêu lòng không giữ được. Nếu trong khi tôi vắng mặt, có điều gì dở mà tôi không biết ai làm, tôi tránh không buộc lỗi cho Émile, hoặc bảo nó: Có phải em không[61]? Bởi hỏi như vậy thì tôi có làm gì khác, nếu không là dạy nó chối cãi? Nếu nó vốn khó tính khiến tôi buộc phải có quy ước nào đó với nó, tôi sẽ xử trí thật khéo sao cho đề nghị bao giờ cũng do nó, không bao giờ do tôi; sao cho, khi nó đã ước hẹn, thì bao giờ nó cũng có một lợi ích hiện tại và cụ thể để làm tròn điều ước hẹn; và nếu có khi nào nó không giữ lời, thì sự dối trá ấy gây cho nó nhiều tai hại mà nó thấy là từ chính trật tự của sự vật mà ra, chứ không từ sự trả thù của thầy giáo. Nhưng, chẳng cần phải nhờ cậy những mưu chước tàn nhẫn đến như thế, tôi gần như chắc chắn rằng Émile sẽ biết rất muộn thế nào là nói dối, và khi biết điều đó nó sẽ rất ngạc nhiên, vì không thể hiểu nói dối có thể giúp được cái gì. Điều rất rõ ràng là tôi càng làm cho sự an lạc của nó không phụ thuộc, hoặc vào các ý muốn, hoặc vào các phán xét của người khác, thì tôi càng chặn đứng trong nó mọi lợi hại để nói dối.

Khi ta không hề vội vã dạy dỗ, thì ta không hề vội vã đòi hỏi, và ta thung dung lựa cơ hội để chỉ đòi hỏi đúng lúc. Thế là đứa trẻ tự tu dưỡng, chính ở chỗ nó không hề hư đi. Nhưng, khi một gia sư dại dột khinh suất, vì chẳng biết làm cách nào, nên cứ mỗi lúc lại bảo nó hứa điều này hay điều nọ, không phân biệt, không chọn lựa, không chừng mực, thì đứa trẻ, chán ngán, bị mang quá nặng tất cả những lời hứa ấy, sao nhãng chúng, quên chúng, rốt cuộc là khinh thường chúng, và coi chúng như chừng ấy công thức hão huyền, lấy việc hứa và vi phạm lời hứa làm một trò chơi. Vậy nếu các vị muốn nó trung thành giữ lời hứa, xin hãy kín đáo tế nhị trong việc đòi hỏi lời hứa.

---

[61] Không gì hớ hênh thô lỗ hơn một câu hỏi như vậy, nhất là khi đứa trẻ có lỗi: lúc đó, nếu nó cho rằng các vị biết điều nó đã làm, nó sẽ coi là các vị giương cho nó một cái bẫy, và ý này thế nào cũng khiến nó khó chịu với các vị. Nếu nó cho là các vị không biết, nó sẽ tự nhủ: Tại sao mình lại hở ra lỗi của mình chứ? Và thế là cám dỗ đầu tiên của sự nói dối đã thành kết quả của câu hỏi khinh suất nơi các vị.

Chi tiết tôi vừa trình bày về sự nói dối có thể áp dụng ở nhiều trường hợp cho mọi bổn phận khác, mà khi quy định cho trẻ người ta chỉ khiến những bổn phận ấy chẳng những thành đáng ghét, mà còn bất khả thi. Để ra vẻ thuyết giáo trẻ về đức tính, người ta khiến chúng ưa thích mọi thói hư tật xấu; bằng cách cấm trẻ có thói hư tật xấu, người ta đem lại cho chúng những tật xấu ấy. Muốn làm chúng trở nên kính tín, người ta đưa chúng đến nhà thờ để mà buồn chán; bằng cách bắt chúng không ngừng lâm rầm cầu nguyện, người ta buộc chúng ngưỡng vọng hạnh phúc là không phải cầu nguyện Chúa nữa. Để khơi gợi lòng bác ái trong chúng, người ta bảo chúng bố thí, như thế người ta chẳng buồn tự mình bố thí. Này! Không phải đứa trẻ cần cho đâu, đấy là thầy giáo: dù quyến luyến học trò đến mấy, ông thầy vẫn phải tranh với trò vinh dự ấy; ông phải làm nó xét đoán rằng ở tuổi nó người ta chưa hề xứng với vinh dự này. Bố thí là một hành vi của người lớn biết giá trị những gì mình cho, và biết nhu cầu của đồng loại. Đứa trẻ, không biết gì về tất cả những điều ấy, không thể có công trạng gì mà cho; nó cho mà không có lòng bác ái, không có sự từ thiện; nó gần như xấu hổ khi cho, vì, dựa trên thí dụ của nó và của các vị, nó tưởng chỉ trẻ con mới cho, và lớn rồi thì người ta không bố thí nữa.

Xin hãy chú ý là bao giờ người ta cũng chỉ để trẻ cho những thứ mà nó không biết giá trị, những đồng kim loại nó có trong túi, và chỉ dùng vào việc ấy. Một đứa trẻ có thể cho một trăm đồng louis[62] hơn là một cái bánh ngọt. Nhưng hãy khuyên kẻ phân phát không tiếc của ấy đem cho những thứ thân thiết với nó, đồ chơi, kẹo, bữa quà giữa chiều của nó, và chúng ta sẽ biết ngay liệu các vị đã khiến nó thành người thực sự rộng rãi hay chưa.

Người ta còn tìm ra một mưu mẹo về việc này, đó là trả lại thật nhanh đứa trẻ những gì nó đã đem cho, làm sao để nó quen đem cho tất cả những gì mà nó biết rõ là sẽ trở lại với mình. Tôi hầu như chỉ thấy ở trẻ em hai loại hào hiệp: cho những thứ chẳng được việc gì với chúng, hoặc cho những thứ mà chúng biết chắc người ta sẽ trả lại mình. Locke bảo hãy làm thế nào để chúng tin chắc qua trải nghiệm rằng kẻ rộng rãi nhất bao giờ cũng là kẻ được chia phần nhiều nhất. Như thế là khiến một đứa trẻ thành rộng rãi bề ngoài và bủn xỉn thực sự. Locke nói thêm rằng như vậy trẻ em sẽ nhiễm thói quen rộng rãi. Phải, một sự rộng rãi có lãi, cho một quả trứng để có con bò. Nhưng, khi vấn đề là cho thực, thì vĩnh biệt thói quen; khi người ta thôi không trả lại chúng, chúng sẽ lập tức thôi đem cho. Cần phải quan tâm đến thói quen của tâm hồn hơn là thói quen của bàn tay. Tất cả những đức tính khác người ta dạy cho trẻ

---

[62] * Đồng 20 francs.

đều giống với đức tính trên. Và chính vì thuyết giáo cho chúng những đức tính vững vàng ấy mà người ta làm những năm tháng non trẻ của chúng mỏi mòn trong u buồn! Chẳng phải đó là một sự giáo dục uyên bác hay sao!

Thưa các ông thầy, xin bỏ lại những bộ tịch giả dối, xin hãy đức hạnh và nhân hậu, sao cho những tấm gương của các vị khắc ghi trong trí nhớ học trò, trong khi chờ đợi những tấm gương ấy có thể đi vào lòng chúng. Thay vì vội vã đòi hỏi ở học trò mình những hành vi bác ái, tôi thích thực hiện những hành vi này trước mặt nó hơn, và thậm chí tước đi của nó phương tiện để bắt chước tôi trong việc ấy, như một vinh dự không thuộc lứa tuổi nó; vì điều quan trọng là nó đừng quen nhìn các bổn phận của người lớn chỉ như bổn phận của trẻ em. Nếu, nhìn thấy tôi giúp đỡ người nghèo, nó hỏi han tôi về chuyện đó, và đã đến lúc trả lời nó[63], tôi sẽ bảo nó: "Em ạ, đó là vì, khi người nghèo đã vui lòng muốn có người giàu, thì người giàu đã hứa nuôi tất cả những ai không có gì để sinh sống, nhờ của cải cũng không mà nhờ lao động cũng không." "Vậy thầy cũng đã hứa như vậy sao?" nó sẽ hỏi tiếp. "Hẳn thế; thầy chỉ làm chủ của cải đi qua tay mình với cái điều kiện gắn liền với việc sở hữu của cải ấy."

Sau khi đã nghe những lời lẽ này, và ta đã thấy bằng cách nào ta có thể đặt một đứa trẻ vào trạng thái nghe được chúng, một đứa trẻ khác không phải Émile có lẽ sẽ toan bắt chước tôi và cư xử như người giàu; trong trường hợp ấy, ít ra tôi sẽ ngăn để việc làm đó đừng phô trương; tôi thích hơn nếu nó lấy trộm quyền của tôi và giấu giếm mà cho. Đó là một sự gian trá thuộc lứa tuổi nó, và là sự gian trá duy nhất mà tôi sẽ tha thứ cho nó.

Tôi biết rằng tất cả những đức tính do bắt chước này là những đức tính giả, và một hành vi tốt chỉ tốt về phương diện đạo đức khi người ta thực hiện nó như nó vốn thế, chứ không phải vì những người khác thực hiện nó. Nhưng, ở một tuổi mà lòng còn chưa cảm thấy gì hết, rất cần cho trẻ bắt chước những hành vi mà người ta muốn chúng có thói quen, trong khi chờ đợi chúng có thể thực hiện những hành vi đó do nhận rõ phải trái và do yêu điều thiện. Con người hay bắt chước, ngay con vật cũng hay bắt chước; sở thích bắt chước là bản tính được cấu tạo bình thường; nhưng trong quần thể nó thoái hóa thành tật xấu. Khi bắt chước con người mà nó sợ, và không bắt chước những con vật mà nó khinh

---

[63] Mọi người cần hiểu rằng tôi không giải đáp các câu hỏi của nó khi nó thích, mà khi tôi thích; nếu không sẽ là khiến mình phải phục tòng ý muốn của nó, và đặt mình vào tình trạng lệ thuộc nguy hiểm nhất mà một thầy giáo có thể lâm vào, đối với học trò mình.

thường; nó coi những gì mà một sinh thể giỏi hơn nó làm là tốt. Trái lại, trong chúng ta, những gã hề đủ loại bắt chước cái tốt đẹp để hủy hoại nó, để làm nó thành lố bịch đáng cười; họ tìm trong ý thức về sự thấp hèn của mình cách để ngang bằng những gì giá trị hơn họ; hoặc, nếu họ cố bắt chước những gì họ ngưỡng mộ, thì ta thấy trong việc lựa chọn các mục tiêu, thị hiếu sai lạc của những kẻ bắt chước: họ muốn đánh lừa người khác hoặc khiến người ta tán thưởng tài của mình hơn rất nhiều, so với việc muốn làm cho mình giỏi hơn hay hiền minh đức độ hơn. Nền tảng của sự bắt chước trong chúng ta là do ước muốn luôn đưa mình ra ngoài bản thân. Nếu tôi thành công trong kế hoạch của tôi, thì chắc chắn Émile sẽ không có ước muốn đó. Vậy chúng ta phải không cần đến điều tốt đẹp bề ngoài mà ước muốn này có thể sản sinh.

Xin hãy nghiên cứu sâu mọi quy tắc giáo dục của các vị, như vậy các vị sẽ thấy tất cả các quy tắc đó đều vô lý, nhất là về những gì liên quan đến đức tính và phẩm hạnh. Bài học đạo đức duy nhất thích hợp với tuổi thơ, và là bài học quan trọng hơn cả với mọi lứa tuổi, là không bao giờ làm điều hại cho ai hết. Ngay cả quy tắc làm điều thiện, nếu không phụ thuộc vào quy tắc trên đây, cũng là nguy hiểm, sai lạc, mâu thuẫn. Ai mà không làm điều thiện? tất cả mọi người đều làm, kẻ ác cũng như những người khác; kẻ đó làm cho một người sung sướng để thiệt hại cho một trăm người khốn khổ; và mọi tai ương của chúng ta từ đó mà ra. Các đức tính cao cả nhất đều tiêu cực: đó cũng là những đức tính khó khăn nhất, bởi chúng không phô trương, và ở trên cả niềm vui thật ngọt ngào cho lòng người, là đưa một người khác hài lòng vì chúng ta đến với niềm vui. Ôi thật là điều tốt lành biết mấy mà một người tất nhiên làm được cho đồng loại, nếu như có một người như thế, người không bao giờ làm điều hại cho họ! Không phải bằng cách lý luận về phương châm trên, mà bằng cách cố gắng thực hành nó, người ta mới cảm nhận được rằng thành công trong việc này lớn lao và cực nhọc biết bao nhiêu[64].

---

[64] Quy tắc không bao giờ làm hại người khác bao hàm quy tắc dính líu với xã hội loài người ít hết mức có thể; vì, trong tình trạng xã hội, điều lợi của người này tất nhiên gây hại cho người kia. Quan hệ ấy ở trong bản chất của sự vật, và không gì có thể thay đổi nó. Xin hãy tìm trên nguyên tắc này ai là người tốt hơn, con người xã hội hay con người cô độc. Một tác giả danh tiếng nói rằng chỉ có kẻ ác mới đơn độc; tôi thì tôi bảo rằng chỉ có người tốt mới đơn độc. Nếu mệnh đề này ít tính châm ngôn hơn, thì nó lại thật hơn và có lý lẽ hơn mệnh đề trước. Nếu kẻ ác đơn độc, y sẽ gây điều hại gì? Chính trong xã hội y mới bày đặt nên các âm mưu của y để làm hại người khác. Nếu người ta muốn vặn lại lập luận đó đối với người tốt, thì tôi trả lời bằng bài viết có chú thích này.

Đó là vài ý tưởng kém cỏi về những sự thận trọng mà tôi những muốn mọi người chú ý khi dạy bảo trẻ những điều đôi khi không thể khước từ chúng mà không khiến chúng gặp phải nguy cơ làm hại bản thân hoặc người khác, và nhất là nguy cơ nhiễm những thói quen xấu mà sau đó ta sẽ phải vất vả uốn nắn: nhưng chúng ta hãy tin chắc rằng sự cần thiết này hiếm khi xuất hiện đối với những trẻ được nuôi dạy như cần được nuôi dạy, vì chúng không thể trở nên khó bảo, tai ác, dối trá, tham lam, khi người ta không gieo vào lòng chúng những thói hư tật xấu khiến chúng thành ra như thế. Như vậy những gì tôi đã nói về điểm này giúp ích cho các ngoại lệ hơn là cho các quy tắc; nhưng những ngoại lệ ấy thường gặp hơn khi trẻ dần dần có nhiều dịp hơn để ra khỏi trạng thái của mình và để nhiễm các tật xấu của người lớn. Với những trẻ được nuôi dạy giữa xã hội, tất nhiên cần những sự dạy bảo sớm hơn là những trẻ nuôi dạy ở nơi ẩn dật. Vậy sự giáo dục cô quạnh này có lẽ đáng chuộng hơn, dù nó chỉ cho tuổi thơ thời gian để chín chắn dần.

Có một loại ngoại lệ khác trái ngược, với những ai được một thiên tính may mắn nâng lên cao hơn lứa tuổi. Cũng như có những người lớn không bao giờ ra khỏi tuổi thơ, lại có những người khác có thể nói là không hề đi qua tuổi thơ, và gần như sinh ra đã là người lớn. Điều dở là ngoại lệ này rất hiếm hoi, rất khó nhận biết, và mỗi bà mẹ, khi tưởng tượng rằng mỗi đứa trẻ đều có thể là một thần đồng, không hề nghi ngờ con mình chẳng phải là thần đồng. Các bà còn làm hơn thế, các bà coi những chứng tích biểu thị trật tự quen thuộc là những chứng tích phi thường: sự hoạt bát, những lời lẽ lý thú, tính khinh suất, sự ngây thơ ý vị; tất cả đều là những đặc tính của lứa tuổi, và phô bày rõ nhất rằng một đứa trẻ chỉ là một đứa trẻ. Có lạ lùng gì đâu khi kẻ được người ta làm cho nói rất nhiều và được phép nói mọi điều, kẻ không bị ngại ngùng bởi một sự lưu tâm nào, một lễ mạo nào, ngẫu nhiên có được một ý tình cờ hay ho? Sẽ lạ lùng hơn nữa nếu kẻ ấy chẳng bao giờ có được một ý tình cờ như thế, cũng như sẽ lạ lùng nếu, cùng với ngàn điều dối trá, một nhà chiêm tinh chẳng bao giờ tiên đoán được một sự thật. Vua Henri IV từng bảo rằng họ sẽ dối trá nhiều đến nỗi cuối cùng họ sẽ nói thật. Ai muốn tìm ra vài lời hóm hỉnh chỉ cần nói rất nhiều điều ngu ngốc. Chúa phù hộ cho những người hợp thời thượng, họ chẳng có công trạng gì khác để được hoan nghênh!

Những ý nghĩ xuất sắc nhất có thể rơi vào óc trẻ em, hay đúng hơn những lời lẽ hay nhất có thể rơi vào miệng trẻ em, như những viên kim cương cao giá nhất rơi vào tay chúng, song chẳng vì thế mà ý nghĩ cũng như kim cương

thuộc về chúng; không hề có sở hữu đích thực thuộc bất kỳ loại nào ở độ tuổi này. Những điều một đứa trẻ nói, đối với chúng không phải là những gì đối với chúng ta; nó không kết hợp vào các lời đó cùng những ý niệm như chúng ta. Các ý niệm ấy, nếu như đứa trẻ có, thì trong đầu óc nó chẳng liên lạc chẳng tiếp nối: trong tất cả những điều nó nghĩ không có gì cố định hết, không có gì chắc chắn hết. Xin hãy quan sát kẻ được bảo là thần đồng của các vị. Ở một số khoảnh khắc các vị sẽ thấy nó có một khí lực cực kỳ linh hoạt, một trí tuệ minh mẫn xuyên qua được các tầng mây. Thường xuyên hơn cả các vị thấy cũng đầu óc ấy có vẻ lỏng lẻo, dấp dính ướt, và như có sương mù dày đặc bao quanh. Lúc thì nó vượt lên trước các vị, lúc lại im lìm bất động. Có lúc các vị bảo: đó là một thiên tài, và lúc sau: đó là một thằng ngu. Các vị sẽ luôn lầm lẫn: đó là một đứa trẻ. Đó là một chú chim ưng non rẽ không trung ra trong chốc lát, rồi lát sau lại rơi xuống tổ.

Vậy các vị hãy đối xử với nó tùy theo tuổi của nó bất kể các vẻ bề ngoài, và hãy sợ làm kiệt sức của nó vì đã muốn rèn tập các sức lực ấy quá nhiều. Nếu bộ não non trẻ đó nóng lên, nếu các vị thấy nó bắt đầu sôi sục, thì mới đầu các vị cứ để nó lên men thoải mái, nhưng đừng bao giờ kích thích nó, sợ rằng tất cả phát tán hết; và khi những tinh khí đầu tiên bốc hơi đi rồi, thì các vị hãy giữ lại, hãy kìm nén những tinh khí khác, cho đến lúc cùng với năm tháng tất cả chuyển thành nhiệt tình đầy sinh khí và chuyển thành sức mạnh thực sự. Nếu không làm thế các vị sẽ uổng phí thời gian và công sức chăm lo, các vị sẽ phá hoại công trình của chính mình; và sau khi đã vô ý say sưa vì mọi hơi rượu dễ bốc cháy ấy, các vị sẽ chỉ còn lại một chất bã vô khí lực.

Những người lớn tầm thường từ những đứa trẻ dại dột khinh suất mà ra, tôi chẳng thấy nhận xét nào khái quát hơn và chắc chắn hơn nhận xét trên. Không gì khó hơn việc phân biệt được ở tuổi thơ sự ngu độn thực sự, với sự ngu độn bề ngoài và dối lừa nó báo trước những tâm hồn mạnh mẽ. Thoạt tiên có vẻ như kỳ lạ là hai cực lại có những dấu hiệu giống nhau đến thế: tuy nhiên điều ấy phải là như vậy; vì, ở một tuổi mà con người còn chưa có ý tưởng thực sự nào cả, thì toàn bộ sự khác biệt giữa người có tài và người không có, là người sau chỉ chấp nhận những ý tưởng sai lầm, còn người trước, vì chỉ thấy toàn những ý tưởng sai lầm, nên không chấp nhận một ý tưởng nào hết: vậy người ấy giống như kẻ ngu độn ở chỗ một người thì không có khả năng làm gì hết, còn với người kia không có gì thích hợp hết. Dấu hiệu duy nhất có thể phân biệt họ phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên, có thể đem lại cho một người vài ý tưởng vừa tầm với anh ta, trong khi người kia ở đâu cũng vẫn như vậy. Cậu

thiếu niên Caton[65] suốt thời thơ ấu dường như là một kẻ ngu ngốc trong nhà. Cậu ta lâm lì ít nói và khăng khăng cố chấp, đấy là toàn bộ sự xét đoán của mọi người về Caton. Chỉ trong gian tiền sảnh nhà Sylla[66], ông chú của Caton mới học được cách hiểu cháu. Nếu Caton không bước vào gian tiền sảnh đó, có lẽ cậu bị coi như một đồ súc sinh thô lỗ cho đến tuổi biết nghĩ. Nếu như César không từng sống, có lẽ người ta mãi mãi coi như một kẻ ảo tưởng cũng chàng Caton thấu suốt thiên tài ác hại của César, và thấy trước mọi trù hoạch của ông ta từ rất xa. Ôi những người xét đoán quá hấp tấp về trẻ em sao mà dễ lầm lẫn! Nhiều khi họ còn trẻ con hơn là lũ trẻ. Tôi đã thấy vào một tuổi khá cao, một người mà tình thân làm vinh hạnh cho tôi, gia đình và bạn bè coi người đó như một đầu óc thiển cận: trí tuệ ưu tú ấy thành thục dần một cách lặng lẽ. Đột nhiên, ông tự bộc lộ là một triết gia, và tôi tin rằng hậu thế sẽ dành cho ông một vị trí vẻ vang và đặc biệt trong số những nhà lý luận ưu tú nhất và những nhà siêu hình học sâu sắc nhất của thời đại ông[67].

Xin hãy tôn trọng tuổi thơ, và đừng vội vã xét đoán nó, dù hay dù dở. Hãy để cho các ngoại lệ tự biểu thị, tự chứng tỏ, tự xác nhận lâu dài trước khi dùng những phương pháp đặc biệt đối với các ngoại lệ ấy. Hãy để tự nhiên hành động lâu dài, trước khi xen vào hành động thay cho tự nhiên, e rằng gây trở ngại cho các việc làm của tự nhiên. Các vị bảo là các vị biết giá trị của thời gian và không hề muốn uổng phí thời gian. Các vị không thấy rằng dùng thời gian không đúng là uổng phí thời gian hơn rất nhiều so với chẳng làm gì hết, và một đứa trẻ dạy dỗ không đúng xa với sự hiền minh đức độ hơn đứa trẻ chưa hề được dạy dỗ gì. Các vị lo sợ thấy nó hao phí những năm đầu tiên mà chẳng làm gì hết. Sao vậy! được hạnh phúc mà không là gì hết sao? nhảy, chơi, chạy suốt ngày mà không là gì hết sao? Suốt đời nó sẽ chẳng bận rộn đến như thế. Platon, trong *Cộng hòa*, mà người ta tưởng là rất khắc khổ, chỉ giáo dưỡng trẻ em bằng hội hè, trò chơi, ca hát, tiêu khiển; cứ như thể ông đã làm hết mọi điều khi đã dạy kỹ cho chúng biết vui chơi; còn Sénèque, khi nói về thiếu niên La Mã xưa: Thiếu niên bao giờ cũng đứng, người ta chẳng dạy chúng cái gì phải ngồi mà học cả. Đến tuổi tráng niên, lớp thiếu niên ấy có kém giá trị chăng? Vậy xin các vị hãy ít sợ tình trạng bảo là nhàn rỗi ấy. Các vị sẽ nói sao về một người, để lợi dụng toàn bộ đời mình, nên không bao giờ muốn ngủ hết. Các vị sẽ bảo: Người

---

[65] * Chính khách, người La Mã (93 trước CN-46 trước CN).

[66] * Một vị tướng và chính khách, người La Mã (138 trước CN-78 trước CN).

[67] * Theo các nhà nghiên cứu, có lẽ J. J. Rousseau muốn nói đến triết gia Pháp Étienne Bonnot de Condillac (1715-1780).

này điên cuồng; anh ta không hưởng dụng thời gian của mình, anh ta tự tước đi thời gian; cứ trốn tránh giấc ngủ, anh ta đi nhanh đến cái chết. Vậy các vị hãy nghĩ rằng sự việc ở đây cũng vậy, và tuổi thơ là trạng thái ngủ của lý trí.

Sự dễ dàng bề ngoài trong việc học hỏi là nguyên nhân thất bại của trẻ em. Người ta không nhận thấy chính sự dễ dàng ấy là bằng chứng rằng chúng không học hỏi được gì hết. Trí óc trơn nhẵn và bóng của chúng dội chiếu lại như một tấm gương các đồ vật mà người ta bày ra trước nó; nhưng không gì còn lại hết, không gì thâm nhập hết. Đứa trẻ thì giữ lại từ ngữ, các ý tưởng thì phản chiếu; những ai nghe đứa trẻ nói thì hiểu các từ ngữ ấy, chỉ riêng nó không hề hiểu chúng.

Mặc dù trí nhớ và óc suy luận là hai năng lực khác biệt về bản chất, nhưng năng lực này chỉ thực sự phát triển cùng với năng lực kia mà thôi. Trước tuổi biết nghĩ, đứa trẻ không tiếp nhận các ý tưởng, mà tiếp nhận các hình ảnh; và giữa thứ nọ với thứ kia, có sự khác biệt là hình ảnh chỉ là những bức họa tự lập của các sự vật hữu hình, còn ý tưởng là khái niệm về các sự vật, được quy định bởi những tương quan. Một hình ảnh có thể đơn độc trong trí óc đang hình dung nó; còn bất cứ ý tưởng nào cũng coi như tất phải có các ý tưởng khác. Khi ta tưởng tượng, ta chỉ thấy mà thôi; khi ta nhận thức, là ta so sánh. Các cảm giác của chúng ta đơn thuần thụ động, trong khi tất cả các tri giác hay ý tưởng của ta đều nảy sinh từ một căn nguyên chủ động biết phán đoán. Điều này sẽ được chứng minh sau đây.

Vậy tôi nói rằng trẻ em, do không có khả năng phán đoán, nên không có trí nhớ thực sự. Chúng ghi nhớ các âm thanh, hình ảnh, cảm giác, hiếm khi ghi nhớ các ý tưởng, và những mối quan hệ giữa các ý tưởng thì lại càng hiếm hơn nữa. Khi phản bác tôi rằng trẻ em học được vài điều cương yếu về hình học, người ta tưởng chứng minh chống lại tôi; song hoàn toàn ngược lại, chính người ta chứng minh giúp tôi: người ta chứng tỏ rằng, chẳng những không biết tự suy luận, mà thậm chí trẻ không biết ghi nhớ lập luận của người khác; vì, các vị hãy theo dõi các nhà hình học tí hon này trong phương pháp của chúng, các vị sẽ thấy ngay rằng chúng chỉ ghi nhớ đúng ấn tượng về hình và những lời chứng minh mà thôi. Trước một lời phản bác mới nhỏ nhặt, là chúng không còn hiểu nữa; hãy lật ngược hình, chúng không còn hiểu nữa. Toàn bộ sự hiểu biết của chúng đều ở cảm giác, chưa một điều nào đến được trí năng. Ngay cả ký ức của chúng cũng không hoàn hảo hơn các năng lực khác là mấy, bởi hầu như chúng luôn luôn phải học lại, khi trưởng thành, những sự vật mà chúng từng học tên gọi khi còn thơ ấu.

Tuy nhiên tôi không hề nghĩ rằng trẻ em không có một loại suy luận nào[68]. Trái lại, tôi thấy chúng lý luận rất hay trong tất cả những gì chúng hiểu biết và có liên quan đến lợi ích hiện tại và rõ ràng của chúng. Nhưng người ta lầm lẫn về chính các hiểu biết của chúng, khi gán cho chúng những hiểu biết mà chúng không có, khi bắt chúng lý luận về những gì chúng không thể hiểu được. Người ta còn lầm lẫn nữa khi muốn làm chúng chú ý đến những nguyên do không hề quan hệ đến chúng ở bất kỳ phương diện nào, như nguyên do về lợi ích sau này của chúng, về hạnh phúc của chúng khi là người lớn, về sự quý trọng mà mọi người sẽ dành cho chúng khi chúng trưởng thành; những lời lẽ, được nói với những kẻ không hề có chút lo xa nào, tuyệt đối không có nghĩa gì với họ. Mà, tất cả những sự học tập bắt buộc của những kẻ bất hạnh tội nghiệp này đều hướng về các mục tiêu hoàn toàn xa lạ với đầu óc chúng. Ta hãy xét đoán xem chúng có thể chú ý đến các điều đó như thế nào.

Các nhà giáo dục vẫn thường phô trương với chúng ta một cách hoành tráng những sự dạy dỗ của họ đối với môn đệ, là những người được nhận thù lao để nói theo cách khác: tuy nhiên, qua cách cư xử của họ, ta thấy họ suy nghĩ đúng hệt như tôi. Vì, rốt cuộc, họ dạy chúng gì chứ? Từ ngữ, lại từ ngữ, và vẫn là từ ngữ. Trong các môn khoa học khác nhau mà họ khoe là dạy cho đồ đệ, họ tránh kỹ không chọn những môn sẽ thực sự hữu ích cho chúng, vì đó sẽ là các khoa học về sự vật, và họ sẽ không thành công ở những môn ấy; họ chọn

---

[68] Trong khi viết, tôi đã nghĩ hàng trăm lần rằng, trong một tác phẩm dài, không thể bao giờ cũng cho cùng những từ ấy có cùng những nghĩa ấy. Không hề có một ngôn ngữ nào đủ phong phú để các ý tưởng của chúng ta có thể có bao nhiêu biến hóa thì cung cấp chừng ấy từ ngữ, chừng ấy cách nói và chừng ấy câu. Phương pháp định nghĩa mọi từ ngữ, và không ngừng đem định nghĩa thay thế cho điều được định nghĩa, là phương pháp hay, nhưng bất khả thi; vì làm sao tránh được sự vòng quanh? Các định nghĩa có thể tốt nếu người ta không dùng từ ngữ để tạo nên chúng. Mặc dù vậy, tôi vẫn tin tưởng rằng ta có thể rõ ràng sáng tỏ, ngay trong tình trạng nghèo nàn của ngôn ngữ chúng ta, không phải bằng cách bao giờ cũng cho cùng những từ ấy có cùng những ý nghĩa ấy, mà làm thế nào để, người ta dùng mỗi từ bao nhiêu lần thì ý nghĩa mà người ta cho từ ấy đều được xác định đầy đủ do những ý tưởng liên quan đến nó, và mỗi câu mà từ ấy ở bên trong có thể nói là được dùng làm định nghĩa cho nó. Khi thì tôi bảo rằng trẻ em không có năng lực suy luận, khi thì tôi lại cho chúng suy luận khá tinh tế. Tôi không nghĩ rằng như vậy là tự mâu thuẫn trong các ý tưởng của mình, nhưng tôi không thể phủ nhận rằng tôi thường hay tự mâu thuẫn trong cách phát biểu.

những môn mà người ta có vẻ hiểu biết khi biết được các từ ngữ của môn đó, huy chương học, địa lý, niên đại học, các ngôn ngữ, v.v...; đều là những môn học rất xa với con người, đặc biệt là xa với trẻ em, thành thử thật là một điều kỳ diệu nếu có cái gì trong tất cả những thứ ấy có thể hữu ích cho trẻ chỉ một lần trong đời.

Mọi người sẽ ngạc nhiên thấy tôi đặt việc học các ngôn ngữ trong số những điều vô ích của giáo dục: nhưng mọi người sẽ nhớ rằng ở đây tôi chỉ nói về việc học tập ở tuổi ấu niên; và, dù người ta có thể nói gì chăng nữa, tôi không tin rằng, cho đến mười hai hay mười lăm tuổi, lại có đứa trẻ nào, trừ các thần đồng ra, có thể thực sự học được hai ngôn ngữ.

Tôi đồng ý rằng nếu việc học ngôn ngữ chỉ là học các từ, tức là các hình hay các âm thanh diễn đạt chúng, thì việc học này có thể thích hợp với trẻ em: nhưng các ngôn ngữ, khi thay đổi các ký hiệu, cũng biến đổi các ý tưởng được các ký hiệu đại diện. Các trí óc hình thành qua ngôn ngữ, các tư tưởng mang sắc thái của ngôn ngữ các nước. Chỉ có lý trí là chung, còn tinh thần ở mỗi ngôn ngữ có hình thái riêng của nó; sự khác biệt có lẽ phần nào là nguyên nhân hay kết quả của các tính cách dân tộc; và, điều dường như khẳng định sự phỏng đoán trên đây là, ở mọi quốc gia trên thế giới, ngôn ngữ đi theo những thăng trầm của phong hóa, và duy trì hay biến chất cùng phong hóa.

Từ những hình thái khác nhau này tập quán đem lại cho đứa trẻ một hình thái, và đó là hình thái duy nhất nó giữ cho đến tuổi biết nghĩ. Để có được hai hình thái, đứa trẻ cần phải biết so sánh các ý tưởng; song làm thế nào nó có thể so sánh được, khi nó chỉ hơi hơi có thể lĩnh hội được các ý tưởng ấy? Với đứa trẻ mỗi sự vật có thể có hàng ngàn ký hiệu khác nhau; nhưng mỗi ý tưởng chỉ có thể có một hình thái mà thôi: vậy nó chỉ có thể học nói một ngôn ngữ mà thôi. Thế mà nó học nhiều ngôn ngữ đấy, người ta bảo tôi thế: tôi phủ nhận điều ấy. Tôi đã từng thấy các thần đồng tí hon này, chúng tưởng chúng nói năm hay sáu ngôn ngữ. Tôi đã từng nghe chúng nói tiếng Đức, liên tiếp bằng từ ngữ Latin, bằng từ ngữ Pháp, bằng từ ngữ Ý; thực ra chúng sử dụng năm hay sáu cuốn tự điển, nhưng chúng chỉ luôn nói có tiếng Đức mà thôi. Tóm lại, các vị cứ cho trẻ bao nhiêu từ đồng nghĩa tùy ý: các vị sẽ thay đổi các từ, chứ không thay đổi ngôn ngữ; bao giờ chúng cũng sẽ chỉ biết một ngôn ngữ mà thôi.

Chính để che giấu sự thiếu năng lực của trẻ trong việc này mà người ta thích luyện tập cho chúng các từ ngữ hơn, về các từ ngữ này chẳng còn các nhà

phán xử mà ta không thể bác bỏ. Vì đã từ lâu các từ ngữ này không còn thông dụng, nên người ta đành lòng bắt chước những gì thấy viết trong sách, và người ta gọi việc này là nói các ngôn ngữ đó. Nếu tiếng Hy Lạp và tiếng Latin của các ông thầy là như thế, xin hãy đoán định về tiếng Hy Lạp và tiếng Latin của trẻ em! Chúng vừa học thuộc lòng xong các điều sơ bộ về những ngôn ngữ ấy, những điều mà chúng tuyệt nhiên không hiểu gì hết, là người ta dạy ngay chúng trước hết dịch một diễn ngôn tiếng Pháp ra tiếng Latin; rồi, khi chúng tiến bộ hơn, thì người ta dạy chúng chắp nối bằng văn xuôi những câu của Cicéron và bằng thơ những câu thơ lấy của Virgile. Thế là chúng tưởng mình nói được tiếng Latin: ai sẽ đến cãi lại chúng?

Ở bất cứ môn học nào, nếu không có ý niệm về các sự vật được biểu thị, thì các ký hiệu biểu thị chẳng là gì hết. Vậy mà người ta luôn giới hạn đứa trẻ ở các ký hiệu ấy, mà không bao giờ có thể làm cho nó hiểu một sự vật nào do các ký hiệu biểu thị. Trong khi tưởng dạy nó sự miêu tả Trái đất, người ta chỉ dạy nó biết các bản đồ mà thôi; người ta dạy nó tên các thành phố, các xứ sở, các con sông, nó không quan niệm những cái này tồn tại ở nơi nào khác ngoài tờ giấy trên đó người ta chỉ cho nó xem. Tôi nhớ đã thấy ở đâu đó một cuốn địa lý mở đầu như sau: *Địa cầu là gì? Đó là một quả cầu bằng giấy bồi.* Địa lý của trẻ em đúng là như vậy. Tôi xin dẫn ra làm điều chắc chắn rằng sau hai năm học về Địa cầu và vũ trụ, chẳng có một đứa trẻ lên mười nào, căn cứ trên các quy tắc người ta đã dạy nó, mà biết được đường đi từ Paris đến Saint-Denis[69]. Tôi xin dẫn ra làm điều chắc chắn rằng chẳng có một đứa trẻ nào, dựa trên bản địa đồ khu vườn của cha mình, có thể lần theo các khúc quanh co trong vườn mà không lạc lối. Đấy là các nhà uyên bác biết rất đúng đâu là Bắc Kinh, Ispahan, Mexico, và mọi xứ sở trên Trái đất.

Tôi nghe nói dạy cho trẻ những môn học chỉ cần đến mắt thì thích đáng; có thể là như vậy nếu có môn học nào chỉ cần đến mắt; nhưng tôi không hề biết môn nào như thế.

Do một sai lầm còn buồn cười hơn nữa, người ta cho trẻ học lịch sử: người ta tưởng môn sử vừa với sức của chúng, vì nó chỉ là một bộ sưu tập các sự kiện. Nhưng người ta hiểu thế nào về cái từ sự kiện? Phải chăng người ta cho rằng những mối quan hệ quyết định các sự kiện lịch sử thật dễ lĩnh hội, rằng các ý niệm về điều đó hình thành chẳng khó khăn trong trí óc trẻ em? Phải chăng

---

[69] * Một thị trấn của hạt Seine-Saint Denis, nằm trên kênh Saint-Denis, phía Bắc Paris, cách Paris khoảng 10 cây số.

người ta cho rằng việc hiểu biết thực sự các biến cố có thể tách rời sự hiểu biết về các nguyên nhân của biến cố, sự hiểu biết về các hậu quả của biến cố, và lịch sử quan hệ với tinh thần ít đến nỗi có thể biết cái này mà không cần biết cái kia? Nếu các vị chỉ thấy ở hành động của con người những động thái bên ngoài và thuần túy vật chất, thì các vị học được gì ở lịch sử? Tuyệt nhiên không gì hết; và môn học này, do mất đi mọi thú vị, chẳng đem lại cho các vị nhiều vui thích hơn học thức. Nếu các vị muốn đánh giá những hành động này bằng các mối tương quan tinh thần của chúng, xin hãy thử làm cho học trò các vị hiểu được các tương quan đó, và bấy giờ các vị sẽ thấy liệu môn lịch sử có hợp với tuổi của chúng hay không.

Hỡi các độc giả, xin hãy luôn nhớ rằng kẻ đang nói với các vị không phải là nhà bác học, cũng không phải một triết gia, mà là một người bình thường, chuộng chân lý, không phe đảng, không môn phái; một người ẩn dật, vì ít sống với mọi người, nên có ít cơ hội hơn để tiêm nhiễm những thành kiến của họ, và có nhiều thời gian hơn để suy ngẫm về những gì khiến anh ta xúc động khi anh ta giao tiếp với họ. Các lập luận của tôi dựa trên sự kiện hơn là trên nguyên tắc; và tôi nghĩ không gì có thể giúp các vị xét đoán các lập luận đó hơn là thường xuyên kể lại với các vị vài thí dụ về các quan sát gợi cho tôi những lập luận này.

Tôi từng về sống vài ngày ở miền quê tại nhà một bà mẹ hiền săn sóc rất chu đáo con cái và việc giáo dục chúng. Một buổi sáng tôi có mặt trong giờ học của cậu con trưởng, thầy giáo của cậu, đã dạy cậu rất kỹ về cổ sử, khi nhắc lại lịch sử của Alexandre, gặp câu chuyện nổi tiếng về ông thầy thuốc Philippe, đã được vẽ thành tranh, và chắc chắn rất đáng được bỏ công như vậy[70]. Thầy giáo, một người có giá trị, đưa ra nhiều suy nghĩ về sự dũng cảm của Alexandre, mà tôi không hề vừa ý, nhưng tôi tránh phản bác, để khỏi làm giảm tín nhiệm của ông trong trí óc học trò ông. Vào bàn ăn, theo cách thức của người Pháp, mọi người không quên gợi cho cậu bé nói huyên thuyên rất nhiều. Tính hăng hái tự nhiên của lứa tuổi, và việc chờ đợi một sự hoan nghênh chắc chắn, khiến cậu tuôn ra hàng ngàn điều ngu xuẩn, trong đó thỉnh thoảng bật ra vài lời thích đáng làm người ta quên đi phần còn lại. Cuối cùng đến câu chuyện về thầy thuốc Philippe: cậu kể lại thật rõ ràng và rất duyên dáng. Sau

---

[70] Xem truyện Quinte-Curce (quyển III, chương VI). Câu chuyện này Montaigne cũng từng kể lại. "Do một bức thư của Parménion, Alexandre được báo cho biết rằng Philippe, thầy thuốc thân tín nhất của ông, bị Darius mua chuộc để đầu độc ông: ông đưa bức thư đó cho Philippe đọc, đồng thời ông uống bát thuốc mà Phlippe đã đưa cho ông".

phần cống nạp thông thường các lời ngợi khen mà bà mẹ đòi hỏi và cậu con chờ đợi, mọi người lý luận về những gì cậu đã nói. Phần đông chê trách sự táo bạo của Alexandre; vài người, theo gương thầy giáo, thán phục sự kiên quyết, lòng can đảm của Alexandre: điều này khiến tôi hiểu rằng không một ai trong những người có mặt thấy được cái đẹp thực sự của câu chuyện là ở chỗ nào. Tôi nói với họ rằng, theo tôi, nếu như có một chút can đảm nào, một chút kiên quyết nào trong hành vi của Alexandre, thì hành vi ấy chỉ là một sự ngông cuồng. Thế là tất cả mọi người tụ tập lại, và đồng ý rằng đó là một sự ngông cuồng. Tôi sắp trả lời và phát cáu, thì một phụ nữ ngồi cạnh tôi và chưa hề hé răng, ghé vào tai tôi nói với tôi rất khẽ: Im đi, Jean-Jacques, họ sẽ không hiểu anh đâu. Tôi nhìn người ấy, tôi xúc động, và tôi im.

Sau bữa ăn, vì nghi ngờ qua nhiều triệu chứng rằng nhà uyên bác non trẻ của tôi chẳng hiểu gì hết về câu chuyện mà cậu đã kể lại rất hay, tôi bèn nắm lấy tay cậu, cùng đi với cậu một vòng quanh khuôn viên, và sau khi đã chất vấn cậu tùy thích, tôi thấy ra rằng cậu thán phục hơn ai hết sự can đảm được tán dương hết sức của Alexandre: nhưng các vị có biết cậu ta nhìn thấy sự can đảm đó ở chỗ nào không? duy nhất ở chỗ đã uống một hơi một thứ thuốc mùi vị khó chịu, không do dự, không tỏ ra chút ghê tởm nào. Thằng bé tội nghiệp, mà mọi người cho uống thuốc cách đây chưa đầy mười lăm ngày và chỉ uống một cách vô cùng cực nhọc, hãy còn dư vị đắng trong miệng. Cái chết, sự đầu độc, trong óc nó chỉ như những cảm giác khó chịu mà thôi, và với nó, thì nó không quan niệm độc dược nào khác cây hòe. Tuy nhiên phải nhận rằng tính kiên quyết của vị anh hùng đã gây ấn tượng lớn lao với trái tim non trẻ của nó, và trước vị thuốc đầu tiên sẽ phải uống nó đã quyết tâm làm một Alexandre. Không đi vào những sự giải thích hiển nhiên là vượt quá sức nó, tôi làm vững thêm nơi nó những ý hướng đáng khen, và tôi vừa quay về vừa cười thầm về trí minh mẫn cao vời của các ông bố và các ông thầy nghĩ rằng đã dạy lịch sử cho trẻ em.

Tôi đoán trước là vài độc giả, không bằng lòng với cái câu *Im đi, Jean-Jacques*, sẽ hỏi rằng rốt cuộc thì tôi thấy điều gì đẹp đẽ đến như thế trong hành vi của Alexandre. Những con người bất hạnh! nếu lại phải nói ra với các vị, thì làm sao các vị hiểu được điều ấy chứ? Đó là Alexandre tin ở đức hạnh; đó là ông lấy tính mạng mình, lấy sự sống của mình ra mà tin ở đức hạnh; đó là tâm hồn vĩ đại của ông được tạo ra để tin ở đức hạnh. Ôi cái bát thuốc nuốt vào ấy là một sự phát biểu niềm tin đẹp đẽ biết bao! Không, chưa có con người nào từng thực hiện một sự phát biểu cao cả đến như vậy. Nếu có một

Alexandre hiện đại nào, xin mọi người hãy chỉ cho tôi qua những nét đặc sắc tương tự.

Nếu không hề có khoa học về từ ngữ, thì không hề có môn học thích đáng với trẻ em. Nếu chúng không có những ý niệm thực sự, thì chúng không hề có ký ức thực sự; vì tôi không gọi ký ức chỉ lưu giữ các cảm giác là ký ức thực sự. Ghi vào đầu óc trẻ một mục lục các ký hiệu chẳng diễn tả một cái gì hết đối với chúng thì ích lợi gì? Khi học các sự vật, chúng sẽ chẳng học các ký hiệu hay sao? Tại sao làm chúng nhọc công vô ích để học những điều ấy hai lần? Và trong khi đó người ta lại chẳng bắt đầu gây cho chúng bao nhiêu thành kiến nguy hiểm hay sao, bằng cách khiến chúng coi là khoa học những từ ngữ không có một nghĩa nào với chúng! Chính từ cái lời đầu tiên mà đứa trẻ dùng một cách rỗng tuếch, chính từ cái điều đầu tiên nó học vì tin lời người khác, trong khi bản thân nó không thấy tính hữu ích của điều đó, là óc phán đoán của nó bị hỏng: nó sẽ nổi bật rất lâu trước mắt những kẻ ngốc trước khi bù đắp được một sự mất mát đến như vậy[71].

Không đâu, nếu thiên nhiên ban cho trí não đứa trẻ sự mềm dẻo khiến nó có thể tiếp nhận đủ loại ấn tượng, thì không phải để người ta khắc ghi vào đó tên các vị vua chúa, các niên hiệu, các danh từ về huy chương, về Địa cầu, địa lý, và tất cả những từ ngữ chẳng có một nghĩa gì với tuổi nó và chẳng có một tính hữu ích gì với bất cứ tuổi nào, làm nặng nề tuổi thơ buồn bã và khô khan của nó; mà chính là để cho mọi ý tưởng mà trẻ có thể quan niệm được và hữu ích với nó, tất cả những ý tưởng liên quan đến hạnh phúc của nó và một ngày kia ắt phải soi sáng cho trẻ về các bổn phận của nó, sớm in vào trí não nó bằng

---

[71] Phần lớn các nhà thông thái đều thông thái theo kiểu trẻ em. Sự uyên bác là do vô số hình ảnh nhiều hơn là do vô số ý niệm. Các niên hiệu, các danh từ riêng, các địa điểm, tất cả những sự vật cô lập hoặc bị tước đi ý niệm, chỉ lưu giữ duy nhất nhờ trí nhớ về ký hiệu, và hiếm khi người ta nhớ lại một điều gì trong các sự vật đó mà không đồng thời nhìn thấy *mặt phải* hay *mặt trái* của trang giấy trên đó ta đã đọc điều này, hoặc thấy hình ảnh trong đó ta nhìn thấy điều này lần đầu. Khoa học hợp thời thượng của các thế kỷ gần đây tựa tựa như vậy. Khoa học của thế kỷ chúng ta lại khác: người ta không học nữa, người ta không quan sát nữa, người ta mơ màng. Người ta mơ, và người ta trịnh trọng coi những giấc mơ của vài đêm ngủ không yên là triết học. Người ta sẽ bảo là tôi cũng mơ; tôi đồng ý như vậy: nhưng điều người khác không hề có ý muốn làm, là tôi đảm nhận những giấc mơ của mình là giấc mơ, dành cho độc giả tìm xem liệu chúng có điều gì hữu ích cho những người tỉnh thức hay không.

những nét không bao giờ phai nhạt và giúp nó suốt đời cư xử một cách thích đáng với bản thể của mình và với các năng lực của mình.

Không học trong sách vở, thì loại ký ức mà một đứa trẻ có thể có được chẳng vì thế mà vô công rồi nghề; tất cả những gì đứa trẻ thấy, tất cả những gì đứa trẻ nghe đều làm nó xúc động, và được nó ghi nhớ; nó ghi chép vào bản thân nó các hành động, các lời lẽ của người lớn; và tất cả những gì bao quanh nó là cuốn sách ở đó nó liên tục làm phong phú ký ức mà chẳng nghĩ mình làm như vậy, trong khi chờ đợi óc phán đoán của nó có thể lợi dụng ký ức này. Nghệ thuật thực sự vun trồng nơi đứa trẻ năng lực đầu tiên ấy chính là ở sự lựa chọn các vật thể đó, chính là ở sự thận trọng không ngừng đưa ra cho nó những thứ nó có thể biết và giấu đi những thứ nó không nên biết; và chính qua đó mà ta phải cố gắng tạo cho nó một kho kiến thức giúp cho việc giáo dục nó suốt thời niên thiếu, và giúp cho cách cư xử của nó trong mọi thời kỳ. Thực ra, phương pháp này không hề đào tạo các thần đồng tí hon và không làm nổi bật các cô dạy trẻ và các gia sư; nhưng lại đào tạo những con người giỏi phán đoán, cường tráng, lành mạnh về thể chất và trí năng, những con người khi non trẻ không làm mọi người thán phục nhưng lại làm mọi người tôn trọng khi trưởng thành.

Émile sẽ không bao giờ học thuộc lòng điều gì hết, ngay cả các bài ngụ ngôn, ngay cả các bài ngụ ngôn của La Fontaine, dù những bài ấy thật chân chất, thật dễ thương; vì lời lẽ của các bài ngụ ngôn đâu phải là ngụ ngôn chẳng khác gì lời lẽ của môn sử đâu phải là lịch sử. Làm sao người ta có thể khá mù quáng để gọi các bài ngụ ngôn là luân lý của trẻ em, mà không nghĩ rằng ngụ ngôn dạy đời, trong khi làm trẻ vui, lại lừa dối chúng; rằng, bị lời nói dối quyến rũ, chúng để tuột mất sự thật, và những gì người ta làm để khiến việc dạy dỗ thành thú vị lại ngăn cản trẻ lợi dụng việc dạy dỗ đó? Các bài ngụ ngôn có thể dạy dỗ người lớn; nhưng cần phải nói sự thật trần trụi với trẻ em: ta chỉ vừa mới che đậy sự thật bằng một tấm màn, là trẻ chẳng nhọc công vén tấm màn ấy lên nữa.

Người ta cho tất cả trẻ em học ngụ ngôn của La Fontaine, song không có lấy một đứa trẻ nào hiểu các bài ấy. Khi chúng hiểu, thì còn tệ hại hơn; vì luân lý của ngụ ngôn hết sức pha trộn và rất không phù hợp với tuổi của chúng, thành thử luân lý ấy hướng chúng đến thói hư tật xấu hơn là đến đức hạnh. Các vị sẽ bảo rằng đấy lại là những ý kiến ngược đời. Được; nhưng ta hãy xem liệu đó có phải là những sự thật chăng.

Tôi bảo rằng một đứa trẻ không hề hiểu các bài ngụ ngôn mà người ta bắt nó học, bởi dù người ta có cố gắng đến đâu để khiến các bài ấy thành giản dị, thì điều giáo huấn mà người ta muốn rút ra từ đó buộc phải đưa vào bài những ý tưởng mà đứa trẻ không sao hiểu được, và bởi lối viết của thi ca, trong khi làm cho các ý tưởng thành dễ nhớ hơn, lại khiến chúng thành khó lĩnh hội hơn, thành thứ người ta mua sự thú vị bằng cách gây tổn hại cho sự sáng tỏ. Không kể vô số bài ngụ ngôn chẳng có gì dễ hiểu cũng chẳng có gì hữu ích với trẻ em, mà người ta bắt chúng học cùng với những bài khác một cách thiếu thận trọng, vì những bài này xen lẫn vào đó, ta hãy giới hạn ở những bài mà tác giả dường như đã đặc biệt viết cho trẻ em.

Trong toàn bộ tập thơ của La Fontaine tôi chỉ biết có năm hay sáu bài ngụ ngôn ở đó tính ngây thơ con trẻ ngời lên trác tuyệt; trong năm hay sáu bài này, tôi lấy làm thí dụ bài đầu tiên của tất cả[72], bởi đó là bài mà luân lý hợp với mọi lứa tuổi hơn cả, bài mà trẻ em hiểu rõ hơn cả, bài mà chúng học với nhiều thích thú hơn cả, rốt cuộc là bài mà chính vì các lý do trên tác giả đã ưu tiên để lên đầu cuốn sách của mình. Giả định bài này thực sự có mục tiêu là để trẻ em hiểu được, để trẻ thích thú và để dạy dỗ chúng, thì bài ngụ ngôn đó chắc chắn là kiệt tác của ông: vậy hãy cho phép tôi theo dõi và khảo sát bài ấy qua ít lời.

QUẠ VÀ CÁO

Ngụ ngôn

Quạ tiên sinh, trên cây vắt vẻo,

Tiên sinh! từ này tự nó có nghĩa gì? đứng trước một danh từ riêng, nó có nghĩa gì? trong trường hợp này, nó có ý nghĩa gì?

Một con quạ là gì?

Trên cây vắt vẻo là gì? Người ta không nói *trên cây vắt vẻo*, người ta nói *vắt vẻo trên cây*. Do đó, phải nói về phép nghịch đảo của thi ca; phải nói thế nào là văn xuôi và thế nào là thơ.

Mỏ ngậm miếng phô mai.

---

[72] Đó là bài thứ nhì, chứ không phải bài đầu tiên, như ông Formey đã nhận xét rất đúng.

Phô mai nào nhỉ? phô mai của Thụy Sĩ, của miền Brie, hay của Hà Lan? Nếu đứa trẻ chưa từng nhìn thấy quạ, thì các vị được gì khi nói với nó về quạ chứ? nếu nó đã từng thấy quạ, thì nó sẽ quan niệm như thế nào về những con quạ ngậm phô mai trong mỏ? Ta hãy luôn tạo dựng các hình ảnh theo mẫu có thực.

Cáo tiên sinh, do mùi rủ quến,

Lại một tiên sinh nữa! nhưng với con này thì gọi thế chính đáng: nó được coi là bậc thầy về các ngón nghề của nó. Cần phải nói cáo là gì, và phân biệt bản tính thật của cáo với tính cách ước lệ của nó trong các bài ngụ ngôn.

Rủ quến. Từ này không thông dụng. Phải giải thích từ đó; phải nói rằng người ta chỉ còn dùng nó trong thơ. Đứa trẻ sẽ hỏi tại sao trong thơ người ta lại nói khác với trong văn xuôi. Các vị sẽ trả lời nó thế nào đây?

Do mùi phô mai rủ quến! Miếng phô mai này, do một con quạ vắt vẻo trên cây ngậm, hẳn phải có mùi rất đậm để con cáo trong rừng thưa hay trong hang của nó ngửi thấy! Có phải như thế là các vị luyện tập cho học trò óc phê phán đúng đắn chỉ thừa nhận khi có chứng cớ chắc chắn, và biết phân biệt sự thực với lời dối trá trong điều người khác thuật lại đấy ư?

Nói với quạ bằng giọng lưỡi đại để như sau:

Giọng lưỡi! Vậy cáo biết nói ư? vậy cáo nói cùng một ngôn ngữ với quạ ư? Hỡi ông thầy khôn ngoan, hãy coi chừng; hãy cân nhắc kỹ câu trả lời của mình trước khi trả lời; câu đó quan trọng hơn ông từng nghĩ đấy.

Kìa! xin kính chào ngài quạ!

Ngài! danh hiệu mà đứa trẻ thấy bị chế nhạo, trước cả khi biết được rằng đó là một danh hiệu vinh dự. Những ai nói *Đức ngài Quạ* sẽ có nhiều vấn đề khác nữa trước khi giải thích cái từ *đức ngài* này.

Sao ngài xinh thế! sao tôi thấy ngài đẹp quá!

Câu đệm, lời rườm rà vô ích. Đứa trẻ, vì thấy lặp lại cùng một điều bằng những từ ngữ khác, sẽ tập nói năng một cách thiếu chặt chẽ. Nếu các vị bảo rằng sự rườm rà này là một nghệ thuật của tác giả, rằng nó tham gia dụng ý của cáo muốn tăng gấp bội điều tán tụng nhờ lời lẽ, thì sự bào chữa ấy sẽ hợp với tôi, chứ không hợp với học trò tôi.

Chẳng nói dối, nếu tiếng hót của ngài đây

Chẳng nói dối! vậy đôi khi người ta nói dối sao? Đứa trẻ sẽ hiểu thế nào nếu các vị dạy nó rằng cáo chỉ bảo *chẳng nói dối* vì nó nói dối?

Xứng với bộ lông này,

Xứng! từ này nghĩa là gì? Hãy dạy trẻ em so sánh những tính chất khác biệt nhau như tiếng hót và bộ lông; các vị sẽ thấy nó hiểu các vị như thế nào.

Ngài sẽ là phượng hoàng của các khách trọ trong rừng.

Phượng hoàng! Chim phượng hoàng là gì? Thế là chúng ta đột nhiên bị ném vào thời cổ đại giả dối, gần như vào huyền thoại.

Các khách trọ trong rừng! Lời lẽ bóng bẩy làm sao! Kẻ nịnh hót làm cho giọng lưỡi của mình thành cao nhã và thêm vẻ trang nghiêm để trở nên quyến rũ hơn. Một đứa trẻ có hiểu được sự tinh vi đó không? nó có biết, có thể biết thế nào là một văn thể cao nhã và một văn thể thấp hèn hay không?

Nghe nói thế, quạ khôn xiết vui mừng,

Phải đã trải những đam mê thật mãnh liệt rồi mới hiểu được câu nói đã thành ngạn ngữ này.

Và, để phô giọng véo von,

Xin đừng quên rằng, để hiểu câu thơ trên và toàn bài ngụ ngôn, đứa trẻ phải biết thế nào là giọng véo von của quạ.

Há ngoác mỏ, để rơi miếng mồi ngon.

Câu thơ này tuyệt vời, chỉ riêng hòa âm cũng tạo nên hình ảnh. Tôi nhìn thấy một cái mỏ to tướng xấu xí há ra; tôi nghe thấy miếng phô mai rơi xuyên qua các cành cây: nhưng những cái đẹp loại ấy trẻ em không thấy được.

Cáo đớp lấy, và bảo: Ngài tốt bụng của tôi ơi,

Thế là lòng tốt bị biến thành sự ngu dại. Chắc chắn người ta không mất thì giờ để dạy dỗ trẻ em.

Hãy biết rằng mọi kẻ nịnh hót trên đời

Châm ngôn khái quát; chúng ta không còn hiểu được nữa.

Sống bám vào kẻ nào nghe họ đấy.

Không bao giờ một đứa trẻ lên mười hiểu được câu thơ ấy.

Bài học này đáng giá miếng phô mai, hẳn vậy.

Điều này hiểu được, và ý tưởng rất hay. Tuy nhiên, lại sẽ rất ít trẻ em biết so sánh một bài học với một miếng phô mai, và không thích phô mai hơn bài

học. Vậy cần phải làm cho chúng hiểu rằng câu nói này chỉ là một lời chế nhạo. Biết bao điều tinh vi đối với trẻ em!

Quạ, thẹn thùng và xấu hổ,

Lại một sự trùng phức nữa; nhưng sự trùng phức này không thể dung thứ được.

Thề, nhưng hơi muộn, rằng người ta sẽ không còn lừa được nó.

Thề! Ông thầy ngu đại nào dám giải thích cho đứa trẻ thế nào là một lời thề?

Thật là nhiều chi tiết, tuy nhiên hãy còn rất ít so với sự cần thiết để phân tích tất cả các ý tưởng của bài ngụ ngôn này, và quy thành những ý tưởng đơn giản và sơ lược mà mỗi ý tưởng trên bao gồm. Nhưng ai là người cho rằng cần có sự phân tích ấy để làm cho các thiếu niên hiểu mình? Chẳng ai trong chúng ta đủ chất triết gia[73] để biết tự đặt mình vào địa vị một đứa trẻ. Bây giờ chúng ta chuyển sang phần luân lý.

Tôi xin hỏi, liệu có nên dạy cho trẻ lên mười biết rằng có những người nịnh hót và nói dối để mưu lợi cho họ hay không? Nhiều lắm thì người ta có thể dạy cho chúng biết rằng có những kẻ nhạo báng, họ châm biếm các chú bé và ngầm chế giễu sự hợm mình ngu xuẩn của các chú; nhưng miếng phô mai làm hỏng mọi sự; ta dạy chúng đừng để phô mai rơi khỏi mỏ mình ít hơn là dạy chúng làm phô mai rơi khỏi mỏ một người khác. Đây là ý kiến ngược đời thứ hai của tôi, và không phải là ý kém quan trọng nhất.

Xin hãy theo dõi trẻ em trong việc học các bài ngụ ngôn của chúng, và các vị sẽ thấy rằng, khi chúng có thể ứng dụng các bài đó, thì hầu như bao giờ chúng cũng ứng dụng ngược với dụng ý của tác giả, và thay vì giữ gìn trước tật xấu mà người ta muốn chữa khỏi hay phòng ngừa cho chúng, chúng lại thiên về ưa tật xấu nhờ đó người ta lợi dụng khuyết điểm của những người khác. Trong bài ngụ ngôn trên đây, trẻ con chế nhạo quạ, nhưng tất cả đều thích cáo; trong bài ngụ ngôn tiếp theo, các vị tưởng đưa con ve ra làm gương cho chúng; nhưng không hề như vậy, chính con kiến sẽ được chúng chọn. Người ta không hề thích hạ mình: trẻ sẽ luôn nhận vai trò tốt đẹp; đó là sự lựa chọn của lòng tự ái, đó là một sự lựa chọn rất tự nhiên. Song, thật là một bài học gớm

---

[73]* Tức là tìm thấy lại sự chất phác kiểu Socrate, triết gia Hy Lạp (470 trước CN-399 trước CN).

guốc biết bao đối với tuổi thơ! Con quái vật khả ố nhất trong mọi quái vật có lẽ là một đứa trẻ bùn xỉn và tàn nhẫn, biết rõ những gì người ta yêu cầu nó và những gì nó từ chối. Con kiến còn làm hơn thế nữa, nó dạy đứa trẻ nhạo báng trong khi từ chối.

Ở mọi bài ngụ ngôn mà sư tử là một trong các nhân vật, bởi thông thường đó là nhân vật xuất sắc nhất, nên đứa trẻ thế nào cũng làm sư tử; và khi nó chủ trì một cuộc chia phần, thì, do đã hiểu biết rõ nhờ nhân vật mẫu của mình, nó cẩn thận chiếm lấy tất cả. Nhưng, khi con mòng nhỏ quật ngã sư tử, thì lại là chuyện khác; lúc đó đứa trẻ không là sư tử nữa, nó là mòng. Nó học giết, một ngày nào đó, bằng cách chích nọc những kẻ mà nó không dám đứng vững mà tấn công.

Trong bài ngụ ngôn về chó sói gầy và chó nhà béo, thay vì bài học tiết độ mà người ta định dạy nó, đứa trẻ lại tiếp nhận một bài học về sự phóng túng. Tôi sẽ không bao giờ quên là đã thấy một cô bé khóc rất nhiều, người ta làm em sầu não vì bài ngụ ngôn ấy trong khi vẫn luôn răn dạy em phải ngoan ngoãn dễ bảo. Người ta phải khó khăn mới biết được nguyên nhân khóc lóc của em; cuối cùng người ta biết được. Cô bé tội nghiệp buồn bực vì bị xích, em cảm thấy cổ mình trụi lông; em khóc vì không được là chó sói.

Như vậy ngụ ý luân lý của bài ngụ ngôn thứ nhất được dẫn, đối với đứa trẻ, là một bài học về sự nịnh hót thấp hèn nhất; ngụ ý của bài thứ hai là một bài học về sự vô nhân đạo; ngụ ý của bài thứ ba là một bài học về sự bất công; ngụ ý của bài thứ tư là một bài học về sự châm biếm; ngụ ý của bài thứ năm là một bài học về sự độc lập[74]. Bài học cuối cùng này, thật là thừa với học trò của tôi, cũng không thích hợp hơn với học trò các vị. Khi các vị dạy chúng những điều giáo huấn mâu thuẫn nhau, các vị hy vọng công lao chăm sóc của mình được kết quả gì chứ? Nhưng có lẽ, trừ điều đó ra, toàn bộ thứ luân lý mà tôi dùng để phản bác các bài ngụ ngôn lại cung cấp chừng ấy lý do để duy trì chúng. Phải có một thứ luân lý bằng lời nói và một luân lý bằng hành động trong xã hội, và hai thứ luân lý này không hề giống nhau. Luân lý thứ nhất ở trong sách giáo lý cương yếu, người ta để nó ở yên đó; luân lý kia ở trong các bài ngụ ngôn của La Fontaine cho trẻ em, và trong các truyện kể của ông cho các bà mẹ. Cùng một tác giả đủ cho tất cả.

---

[74] * Bài 1: *Quạ và cáo*. Bài 2: *Ve và kiến*. Bài 3: *Bò cái, dê cái và cừu cái sống cùng sư tử*. Bài 4: *Sư tử và mòng*. Bài 5: *Chó sói và chó nhà*.

Chúng ta hãy thỏa hiệp, thưa ông de La Fontaine. Về phần tôi, thì tôi xin hứa là đọc sách của ông có lựa chọn, yêu mến ông, học hỏi trong các bài ngụ ngôn của ông; vì tôi mong mình không nhầm lẫn về mục tiêu của các bài ấy; nhưng còn học trò của tôi, thì xin ông cho phép tôi không để nó học một bài nào cho đến khi ông chứng minh được với tôi rằng học những điều mà nó không hiểu lấy một phần tư là tốt cho nó; rằng, trong những điều mà nó có thể hiểu được, nó sẽ không bao giờ bị lừa, và thay vì tự sửa mình trước tấm gương của kẻ bị lừa, nó sẽ không tự đào tạo theo gương kẻ lường gạt.

Trong khi cất bỏ mọi nghĩa vụ của trẻ em như vậy, tôi cất bỏ những phương tiện gây nên nỗi khốn khổ lớn nhất của chúng, đó là sách vở. Đọc sách là tai ương của tuổi thơ, và gần như là công việc duy nhất người ta biết cho chúng làm. Ở tuổi mười hai Émile sẽ chỉ hơi hơi biết thế nào là một cuốn sách. Nhưng ít ra nó cũng phải biết đọc, người ta sẽ bảo như vậy. Tôi đồng ý như thế: nó phải biết đọc khi việc đọc hữu ích cho nó; cho đến lúc ấy thì việc đọc sẽ chỉ làm nó buồn chán.

Nếu người ta không nên đòi hỏi ở trẻ em một điều gì do phục tùng, thì việc này dẫn tới chỗ chúng không thể học một điều gì mà không cảm thấy mối lợi thực tế và hiện tại, hoặc lợi về hứng thú, hoặc lợi về tính hữu ích; nếu không thì động cơ gì khiến chúng học điều ấy? Nghệ thuật nói với những người không có mặt và nghe họ, nghệ thuật truyền đạt cho họ từ xa không qua môi giới các cảm nghĩ của chúng ta, các ý muốn, các nguyện vọng của chúng ta, là một nghệ thuật mà tính hữu ích có thể cảm nhận được ở mọi lứa tuổi. Vì điều dị thường nào mà nghệ thuật hết sức hữu ích và hết sức dễ chịu này lại trở thành một nỗi khổ đối với tuổi thơ? Vì người ta ép buộc tuổi thơ phải chuyên tâm vào nghệ thuật ấy dù nó không muốn, vì người ta sử dụng nghệ thuật ấy theo những cách mà nó không hiểu gì hết. Một đứa trẻ chẳng ham hoàn thiện phương tiện người ta dùng để làm khổ nó; nhưng các vị cứ làm cho phương tiện ấy phục vụ các thú vui của nó đi, lập tức nó chuyên tâm vào đó bất kể ý muốn của các vị.

Người ta coi việc tìm các phương pháp tốt nhất để dạy đọc là một vấn đề quan trọng; người ta phát minh ra các bàn giấy, các tấm thẻ; người ta biến căn phòng của một đứa trẻ thành một xưởng in. Locke muốn đứa trẻ tập đọc với những hình khối như quân xúc xắc. Chẳng phải là một sáng kiến hay đó sao? Thật tội nghiệp! Một phương sách chắc chắn hơn tất cả những thứ đó, phương sách mà người ta luôn luôn quên mất, là ham muốn học tập. Các vị

hãy đem lại cho đứa trẻ ham muốn ấy, rồi hãy bỏ lại đó nào bàn giấy nào quân xúc xắc của các vị, phương pháp nào cũng sẽ tốt với đứa trẻ hết.

Lợi ích hiện tại, đó là động lực quan trọng, động lực duy nhất dẫn đi xa và chắc chắn. Thỉnh thoảng, Émile nhận được của cha em, mẹ em, của họ hàng, bè bạn, những giấy mời dự ăn tối, dạo chơi, đi thuyền, xem một lễ hội công cộng nào đó. Những giấy mời này ngắn gọn, rõ ràng, rành mạch, viết hay. Phải tìm được người nào đọc giúp nó các tờ giấy này; cái người ấy hoặc không phải bao giờ cũng có mặt đúng lúc, hoặc trả lại đứa trẻ thái độ kém ân cần nó đã có với họ hôm trước. Thế là cơ hội, là thời điểm trôi qua. Cuối cùng, người ta đọc giúp nó giấy mời, nhưng không còn kịp nữa. Ôi! giá như tự mình đọc lấy được! Người ta nhận được những giấy mời khác: chúng rất ngắn! đề tài rất thú vị! người ta muốn thử dò đọc; lúc thì người ta được giúp đỡ, lúc lại bị từ chối. Người ta ráng sức, cuối cùng người ta dò đọc được một nửa tờ giấy mời: chuyện là ngày mai đi ăn kem... không biết ở đâu và với ai... Người ta cố gắng biết mấy để đọc nốt phần còn lại! Tôi chẳng nghĩ là Émile cần bàn giấy. Giờ đây tôi sẽ nói về việc tập viết chăng? Không, tôi sẽ hổ thẹn nếu đùa với những trò ngớ ngẩn này trong một khảo luận về giáo dục.

Tôi chỉ nói thêm một lời để làm một châm ngôn quan trọng: đó là, thường thường, ta đạt được rất chắc chắn và rất nhanh điều ta không vội vã đạt. Tôi gần như chắc chắn rằng Émile sẽ biết đọc biết viết một cách hoàn hảo trước mười tuổi, chính vì việc nó biết đọc biết viết trước tuổi mười lăm rất ít quan trọng đối với tôi; nhưng tôi thích thà nó không bao giờ biết đọc còn hơn là phải mua lấy kỹ năng đó với giá của tất cả những gì có thể khiến kỹ năng ấy thành hữu ích: việc biết đọc sẽ giúp gì cho nó khi người ta đã làm nó mãi mãi chán ghét sự đọc? *Id in primis cavere oportebit, ne studia, qui amare nondum potest, oderit, et amaritudinem semel perceptam etiam ultra rudes annos reformidet.*[75]

Càng nhấn mạnh phương pháp không làm gì hết của mình, tôi càng cảm thấy những sự phản bác thêm mạnh mẽ. Nếu học trò của ông chẳng học gì ở ông cả, thì nó sẽ học ở những người khác. Nếu ông không phòng ngừa sai lầm bằng chân lý, nó sẽ học những điều dối trá; các thành kiến mà ông sợ đem lại

---

[75] * Trích dẫn Quintilien, nhà hùng biện Latin (30-100): *Trước hết sẽ phải giữ gìn sao cho đứa trẻ, trong lúc còn chưa có thể ham thích việc học, đừng thấy sự học hành là khả ố và sao cho niềm oán ghét ấy một khi đã bộc lộ, đừng khiến trẻ xa lánh việc học, khi thời kỳ nó còn dốt nát đã qua đi.*

cho nó, thì nó sẽ tiếp nhận ở tất cả những gì xung quanh nó, những thành kiến ấy sẽ thâm nhập qua mọi giác quan của nó; hoặc chúng sẽ làm hư hỏng lý trí của nó, trước cả khi lý trí hình thành, hoặc trí óc nó, bị tê liệt vì trạng thái không hoạt động kéo dài, sẽ tự hấp thu vào vật chất. Trạng thái không quen suy nghĩ trong thời thơ ấu làm mất khả năng suy nghĩ suốt phần đời còn lại.

Tôi thấy hình như mình có thể dễ dàng trả lời những điều đó; nhưng sao lại cứ luôn luôn trả lời? Nếu bản thân phương pháp của tôi trả lời các điều phản bác, thì phương pháp đó là tốt; nếu nó không trả lời được, thì nó chẳng có giá trị gì. Tôi tiếp tục.

Nếu như, theo kế hoạch mà tôi đã bắt đầu vạch ra, các vị theo những quy tắc ngược hẳn lại với các quy tắc đã được xác lập; nếu như, thay vì đưa trí óc của học trò mình ra xa; nếu như, thay vì để nó không ngừng vơ vẩn tại những nơi chốn khác, những khí hậu khác, những thế kỷ khác, ở tận cùng Trái đất, cho đến mãi bầu trời, các vị chuyên tâm giữ cho nó luôn luôn ở trong bản thân nó và chú ý tới những gì dụng chạm trực tiếp đến nó, thì khi ấy các vị sẽ thấy nó có khả năng tri giác, ghi nhớ, thậm chí suy luận; đó là trật tự của tự nhiên. Dần dà sinh thể có cảm giác càng trở nên hoạt động, nó càng có được một khả năng phân biệt tương xứng với sức lực của nó; và chỉ với sức lực dư thừa vượt quá sức lực nó cần để tự bảo tồn, mới phát triển ở nó năng lực tư biện để sử dụng sức lực thái quá này vào những việc khác. Vậy nếu các vị muốn vun trồng trí tuệ của học trò mình; xin hãy vun trồng các sức lực mà trí tuệ ấy phải chi huy. Hãy rèn luyện liên tục thân thể nó; hãy làm cho nó thành cường tráng và lành mạnh, để làm cho nó thành khôn ngoan và biết lẽ phải; nó hãy làm việc, nó hãy hành động, hãy chạy, hãy la hét, hãy luôn luôn hoạt động; nó hãy là người lớn nhờ sự cường tráng, rồi chẳng bao lâu nó sẽ là người lớn nhờ lý trí.

Quả thực là với phương pháp này các vị sẽ khiến nó thành u mê đần độn, nếu các vị luôn luôn chỉ huy nó, luôn luôn bảo nó: đi đi, đến đây, ở lại đó, làm cái này, đừng làm cái kia. Nếu đầu của các vị luôn luôn dẫn dắt các cánh tay của nó, thì đầu của nó thành ra vô dụng với nó. Nhưng xin hãy nhớ các quy ước của chúng ta: nếu các vị chỉ là một ông thầy lên mặt mô phạm, thì đừng đọc tôi cho mất công.

Thật là một sai lầm rất đáng thương nếu tưởng rằng việc tập luyện thân thể có hại cho các hoạt động của trí óc; cứ như thể hai hoạt động ấy không phải hiệp đồng tiến hành, và hoạt động nọ không phải luôn luôn chỉ huy hoạt động kia!

Có hai loại người mà thân thể ở trạng thái luyện tập liên tục, và chắc chắn cả những người này cũng như những người kia đều ít nghĩ đến việc vun trồng tâm hồn, đó là những người thôn quê và những người hoang dã. Người thôn quê thì cục mịch, thô lỗ, vụng về; người hoang dã, nổi tiếng vì cảm quan nhạy bén, còn nổi tiếng vì trí óc linh lợi minh mẫn; nói chung không có gì nặng nề trì độn hơn một người thôn quê, cũng không có gì tinh vi hơn một người hoang dã. Sự khác biệt này từ đâu mà ra? Đó là vì người thôn quê, luôn làm những gì người ta sai bảo anh ta, hoặc những gì anh ta từng thấy cha mình làm, hoặc những gì bản thân anh ta đã làm từ thời niên thiếu, bao giờ cũng chỉ theo đường mòn lối cũ; và, trong cuộc sống gần như người máy, không ngừng làm những công việc giống nhau, thói quen và sự phục tòng thay thế cho lý trí ở anh ta.

Với người hoang dã lại khác: không gắn bó với một nơi chốn nào, không hề có nhiệm vụ nào bị sai khiến, không phục tòng ai hết, không có luật lệ nào khác ngoài ý muốn của mình, anh ta buộc phải suy luận trước mỗi hành động trong đời; anh ta chẳng làm một động tác, chẳng đi một bước chân, mà không xem xét trước các hậu quả. Như vậy, thân thể anh ta càng luyện tập bao nhiêu, thì trí óc càng minh mẫn bấy nhiêu; sức lực và lý trí của anh ta tăng trưởng đồng thời và cái nọ khuếch trương nhờ cái kia.

Hỡi ông thầy uyên bác, ta hãy xem ai trong các học trò của chúng ta giống người hoang dã, và ai giống người thôn quê. Trong tất cả mọi điều đều phục tòng một uy quyền luôn luôn giáo huấn, học trò của các vị làm gì cũng chỉ vì tin lời; nó không dám ăn khi nó đói, cũng chẳng dám cười khi vui, chẳng dám khóc khi buồn, chẳng dám chìa bàn tay nọ thay cho bàn tay kia, chỉ dám động chân như người ta chỉ định; chẳng bao lâu nó sẽ chỉ dám thở theo những quy tắc của các vị. Các vị muốn nó nghĩ gì chứ, khi các vị nghĩ tất cả hộ nó? Tin chắc ở sự lo xa tính trước của các vị, nó cần gì phải lo xa tính trước? Thấy các vị đảm trách việc bảo tồn nó, đảm trách sự an lạc của nó, nó cảm thấy được giải thoát khỏi mối chăm lo ấy; sự xét đoán của nó dựa trên sự xét đoán của các vị; tất cả những gì các vị không cấm nó, là nó làm mà không suy nghĩ, vì biết rõ rằng mình làm mà không nguy hiểm. Nó cần gì học cách đoán trước trời sẽ mưa? Nó biết rằng các vị nhìn lên trời hộ nó. Nó cần gì điều chỉnh cuộc dạo chơi? Nó chẳng sợ các vị để lỡ giờ ăn tối. Chừng nào các vị chưa cấm nó ăn, thì nó ăn; khi nào các vị cấm, thì nó không ăn nữa; nó không nghe ý kiến của dạ dày nó nữa, mà nghe ý kiến của các vị. Các vị tha hồ làm cho cơ thể nó mềm nhão đi trong trạng thái không hoạt động, các vị chẳng vì thế mà khiến

trí năng nó thành uyển chuyển hơn. Ngược hẳn lại, các vị làm lý trí mất tín nhiệm hoàn toàn trong đầu óc nó, khi cho nó sử dụng chút lý trí ít ỏi có được vào những điều có vẻ như vô dụng nhất. Vì chẳng bao giờ thấy lý trí dùng được vào việc gì, cuối cùng nó cho rằng lý trí chẳng được việc gì hết. Điều tệ nhất có thể xảy đến với nó khi suy luận dở là bị trách mắng, và nó bị trách mắng thường xuyên quá thành thử nó chẳng mấy nghĩ đến chuyện này; một nguy cơ thông thường đến thế không làm nó sợ nữa.

Tuy nhiên các vị vẫn thấy nó có tài trí; và nó có tài trí để bẻo lẻo với phụ nữ, theo cái giọng mà tôi đã từng nói tới; nhưng nếu nó ở vào trường hợp phải liều thân, phải quyết một bề trong một dịp khó khăn nào đó, các vị sẽ thấy nó xuẩn ngốc và ngu đần hơn đứa con của người dân quê thô lỗ nhất.

Còn học trò của tôi, hay nói đúng hơn là học trò của thiên nhiên, do sớm được rèn luyện tự lo cho bản thân hết mức có thể, nên nó không hề quen cầu viện không ngừng người khác, càng không quen phô trương với họ kiến thức rộng lớn của mình. Bù lại, nó xét đoán, nó thấy trước, nó suy luận, về tất cả những gì liên quan trực tiếp đến mình. Nó không nói huyên thuyên, nó hành động; nó chẳng biết tí gì về những điều thực hiện trong giới giao tế; nhưng nó rất biết thực hiện những gì thích hợp với nó. Vì nó không ngừng hoạt động, nên nó buộc phải quan sát rất nhiều sự vật, buộc phải biết rất nhiều tác động; nó sớm thu được một kinh nghiệm rộng lớn: nó tiếp nhận các bài học của nó từ thiên nhiên chứ không phải từ các con người; nó càng học tập được tốt hơn bởi nó chẳng thấy ý định dạy dỗ nó ở đâu hết. Như vậy thân thể và trí óc nó tập luyện đồng thời. Luôn hành động theo ý mình nghĩ, chứ không theo ý nghĩ của một người khác, nó liên tục kết hợp hai hoạt động; càng làm cho mình thành mạnh mẽ và cường tráng, nó càng trở nên biết lẽ phải và giỏi phán đoán. Đó là phương sách để một ngày kia có được điều người ta tưởng là bất tương dung, điều mà hầu như tất cả các vĩ nhân đều hòa hợp được, sức mạnh của thân thể và sức mạnh của tâm hồn, lý trí của một hiền nhân và sự cường tráng của một lực sĩ.

Hỡi ông thầy trẻ, tôi đang khuyên ông một nghệ thuật khó khăn, đó là dạy dỗ mà không có những lời giáo huấn, và làm tất cả bằng cách không làm gì. Tôi thừa nhận rằng nghệ thuật này không hợp với tuổi ông; nó không thích hợp để làm tài năng của ông nổi bật lên trước hết, cũng không thích hợp để tôn giá trị của ông trước các ông bố: nhưng đó là nghệ thuật duy nhất thích hợp để thành công. Các vị sẽ không bao giờ tạo nên được các hiền nhân nếu

trước tiên không tạo ra các thằng ranh tinh nghịch; đó là cách giáo dục của những người Sparte: thay vì để trẻ em bám lấy sách vở, người ta bắt đầu bằng việc dạy cho chúng lấy trộm bữa ăn của chúng. Những người Sparte có vì thế mà thô lỗ khi trưởng thành hay không? Ai chẳng biết sức mạnh của họ và ý vị của những lời họ ứng đối? Luôn được tạo ra để chiến thắng, họ đè bẹp kẻ địch ở mọi loại chiến tranh, và những người Athènes bẻo lẻo sợ lời lẽ của họ ngang với sợ những miếng đòn của họ.

Trong những nền giáo dục cẩn thận chu đáo nhất, ông thầy ra lệnh và tưởng mình điều khiển: thực ra chính đứa trẻ điều khiển. Nó sử dụng điều các vị đòi hỏi ở nó để đạt được ở các vị điều nó thích, và bao giờ nó cũng biết làm các vị trả một giờ siêng năng của nó bằng tám ngày chiều chuộng. Cứ mỗi lúc lại phải điều đình với nó.

Các hiệp ước này, mà các vị đề xuất theo kiểu của các vị, còn nó thi hành theo kiểu của nó, bao giờ cũng xoay sang có lợi cho những ý ngông của nó, nhất là khi ta vụng về đặt ra làm điều kiện có lợi cho nó điều mà nó chắc chắn đạt được, dù nó có thực hiện hay không thực hiện điều kiện áp đặt để đổi lại. Thường thường, đứa trẻ đoán biết được tâm trí ông thầy hơn là ông thầy đoán biết được lòng đứa trẻ. Và điều này ắt phải như vậy: vì toàn bộ sự minh mẫn mà lẽ ra đứa trẻ tự lo lấy thân sẽ sử dụng để bảo tồn con người mình, thì nó sử dụng để cứu sự tự do thiên phú của nó khỏi những xiềng xích của nhà chuyên chế; trong khi người này, chẳng có một lợi ích nào cấp bách đến như thế để phải thấu suốt kẻ kia, đôi khi được lợi hơn nếu cứ để cho hắn lười nhác hoặc tự phụ.

Xin các vị hãy đi một con đường ngược lại với con đường của học trò mình; sao cho nó tưởng nó luôn làm chủ, song thực ra chính các vị luôn làm chủ. Không có sự chế ngự nào hoàn hảo bằng sự chế ngự vẫn duy trì vẻ ngoài tự do; như thế người ta nắm giữ được ngay cả ý chí. Đứa trẻ tội nghiệp không biết gì hết, không làm được gì hết, không hiểu gì hết, nó chẳng phải phó mặc cho các vị đấy sao? Các vị chẳng tùy ý sử dụng đối với nó mọi thứ xung quanh nó hay sao? Các vị chẳng làm chủ trong việc huy động nó theo ý thích của các vị hay sao? Các việc làm của nó, các trò chơi của nó, các thú vui, các nỗi buồn khổ của nó, tất cả chẳng ở trong tay các vị mà nó không biết hay sao? Hắn nó chỉ phải làm những gì nó muốn mà thôi; nhưng nó ắt chỉ muốn những gì các vị muốn nó làm mà thôi; nó ắt không nhấc một bước chân mà các vị chẳng từng đoán trước; nó ắt không mở miệng mà các vị chẳng biết nó sắp nói gì.

Chính khi ấy nó sẽ có thể chuyên vào việc tập luyện thân thể theo nhu cầu của lứa tuổi nó mà không khiến trí óc đần độn đi, chính khi ấy, thay vì mài sắc mưu mẹo để né tránh một quyền lực khó chịu, các vị sẽ thấy nó chỉ bận tâm duy nhất vào việc khai thác từ tất cả những gì xung quanh điều có lợi nhất cho sự an lạc hiện thời của nó; chính khi ấy các vị sẽ ngạc nhiên vì tính tinh vi trong những sáng kiến của nó để chiếm hữu mọi vật nó có thể với tới, và để thực sự hưởng thụ mọi điều mà chẳng cần nhờ đến dư luận.

Do để nó làm chủ ý muốn của nó như vậy, các vị sẽ không hề khiêu khích những sự trái tính trái nết của nó. Do bao giờ cũng chỉ làm điều thích hợp với mình, chẳng bao lâu nó sẽ chỉ làm điều nó nên làm; và, dù thân thể nó liên tục hoạt động, song chừng nào có vấn đề liên quan đến lợi ích hiện tại và rõ rệt của nó, các vị sẽ thấy toàn bộ lý trí mà nó có thể có được, phát triển tốt hơn rất nhiều và phát triển theo cách thích hợp với nó hơn rất nhiều, so với sự phát triển nhờ việc học hành thuần túy tư biện.

Như vậy, thấy các vị không hề chuyên tâm làm trái ý nó, không hề nghi ngờ các vị, chẳng có gì cần giấu các vị, nó sẽ không hề lừa các vị, nó sẽ không hề nói dối các vị; nó sẽ tự phô bày như nó vốn thế chẳng sợ sệt; các vị có thể tha hồ quan sát nó, và bố trí khắp xung quanh nó những bài học các vị muốn dạy nó, mà nó không bao giờ nghĩ rằng nó nhận lĩnh một bài học nào hết.

Nó cũng sẽ không hề rình rập phẩm hạnh của các vị với niềm ghen tị tò mò, và sẽ không hề thích thú ngầm khi bắt được các vị đang mắc lỗi. Điều bất tiện mà chúng ta phòng ngừa trước này rất to lớn. Một trong những điều trẻ chú ý, như tôi đã nói, là khám phá nhược điểm của những ai chỉ huy chúng. Khuynh hướng này dẫn đến sự độc ác, nhưng nó không xuất phát từ sự độc ác: nó xuất phát từ nhu cầu né tránh một uy quyền làm rầy chúng. Mang quá nặng cái ách bị người ta áp đặt, chúng tìm cách lay chuyển để thoát ách; và các khuyết điểm tìm thấy ở thầy giáo cung cấp cho chúng những phương tiện tốt để làm việc đó. Tuy nhiên sẽ hình thành thói quen xem xét người khác qua những khuyết điểm của họ, và thích thú khi tìm ra ở họ khuyết điểm. Rõ ràng đây lại là một nguồn thói hư tật xấu nữa được lấp kín trong lòng Émile; vì chẳng hề có một lợi ích nào để tìm ra khuyết điểm ở tôi, nên Émile sẽ không kiếm tìm chúng, và cũng ít định tìm kiếm khuyết điểm ở những người khác.

Tất cả những sự thực hành này có vẻ khó, vì người ta không nghĩ ra chúng; nhưng kỳ thực chúng phải không hề khó. Người ta có quyền giả định ở các vị những sự sáng suốt cần thiết để thực thi nghề nghiệp đã chọn; người ta

phải phỏng đoán rằng các vị hiểu sự vận hành tự nhiên của lòng người, rằng các vị biết nghiên cứu con người và cá thể, rằng các vị biết trước được ý chí của học trò mình sẽ khuất phục điều gì nhân dịp các vị cho diễu qua trước mắt nó tất cả những đối tượng thú vị đối với lứa tuổi nó. Mà, có được các công cụ, lại biết rõ cách sử dụng chúng, chẳng phải là làm chủ hoạt động hay sao?

Các vị sẽ viện ra những sự trái tính trái nết của đứa trẻ để phản bác. Sự trái tính trái nết của trẻ em không bao giờ do tự nhiên, mà do một khuôn phép dở: đó là vì chúng đã vâng theo hoặc đã ra lệnh; và tôi đã nói hàng trăm lần rằng điều này cũng như điều kia đều không nên. Vậy học trò các vị sẽ chỉ có những sự trái tính trái nết do các vị đem lại cho nó mà thôi: các vị chịu hình phạt vì lỗi lầm của mình là đúng. Nhưng các vị sẽ bảo làm thế nào để sửa chữa điều ấy? Hãy còn có thể được, với một cách xử sự đúng hơn và với rất nhiều kiên nhẫn.

Tôi từng đảm trách trong vài tuần một đứa trẻ không những quen làm theo ý nó mà còn quen bắt tất cả mọi người làm theo ý nó, do đó mà mang đầy những tính ngông. Ngay ngày đầu tiên, để thử thách sự dễ dãi chiều lòng của tôi, nó muốn dậy vào nửa đêm. Giữa lúc tôi đang ngủ say nhất, nó nhảy khỏi giường, lấy tấm áo choàng trong nhà và gọi tôi. Tôi dậy, tôi thắp nến; nó không muốn gì hơn nữa; mười lăm phút sau nó buồn ngủ, và đi nằm trở lại, hài lòng về sự thử thách của nó. Hai ngày sau, nó lặp lại thử thách ấy và cũng thành công như vậy, còn về phía tôi không có một dấu hiệu sốt ruột nhỏ nào. Khi nó vừa ôm hôn tôi vừa đi nằm trở lại, tôi bảo nó rất từ tốn: Em ạ, được lắm, nhưng đừng làm thế nữa. Câu nói ấy kích thích trí tò mò của nó, và ngay hôm sau, muốn xem thử một chút tôi dám không nghe lời nó ra sao, nó không quên dậy đúng vào giờ ấy và gọi tôi. Tôi hỏi nó muốn gì. Nó bảo rằng nó không ngủ được. *Kệ thôi*, tôi lại nói và nằm yên. Nó yêu cầu tôi thắp nến. *Để làm gì?* và tôi nằm yên. Giọng vắn tắt ấy bắt đầu khiến nó lúng túng. Nó lần mò đi tìm đá lửa và giả vờ đánh lửa, còn tôi không nhịn được cười khi nghe nó đánh phải các ngón tay. Cuối cùng, tin chắc mình không làm được, nó đem bật lửa đến bên giường tôi; tôi bảo nó rằng tôi chẳng cần gì bật lửa, rồi quay người sang phía khác. Thế là nó bắt đầu chạy lung tung khắp phòng, reo, hát, làm ồn rất nhiều, vấp vào bàn vào ghế những va đập mà nó hết sức cẩn thận giảm nhẹ đi, song vẫn kêu la thật to, hy vọng làm tôi lo lắng. Tất cả những điều ấy chẳng ăn thua gì; và tôi thấy rằng, vì trông đợi những lời khuyến cáo hay ho hoặc sự giận dữ, nó đã chẳng hề chuẩn bị cho thái độ bình tĩnh này.

Tuy nhiên, quyết thắng lòng kiên nhẫn của tôi bằng sự khăng khăng ngoan cố, nó tiếp tục làm ầm ỹ lên đến mức rốt cuộc tôi phát cáu; và, dự cảm rằng mình sắp làm hỏng tất cả vì một cơn giận không đúng lúc, tôi quyết định theo một cách khác. Tôi ngồi dậy không nói năng gì, tôi đi đến chỗ cái bật lửa song không tìm thấy; tôi hỏi nó, nó đưa cho tôi, mừng hớn hở vì cuối cùng đã thắng được tôi. Tôi bật lửa, thắp nến, cầm lấy tay chú bé, bình thản dẫn nó vào một căn phòng kề bên mà các cửa sổ đều đóng rất kín, và ở đấy chẳng có gì để làm gãy vỡ: tôi để nó lại đó không đèn nến; rồi đóng cửa và khóa lại, tôi quay về ngủ tiếp không hề nói với nó một tiếng nào. Chẳng cần hỏi xem thoạt tiên có om xòm không, tôi đã chờ đợi điều ấy: tôi chẳng hề xúc động. Cuối cùng tiếng ồn dịu đi; tôi lắng tai, tôi nghe thấy nó tự thu xếp, tôi yên lòng. Hôm sau, tôi vào phòng khi trời sáng; tôi thấy thằng bé bướng bỉnh của tôi nằm trên một chiếc giường nghỉ, đang ngủ một giấc say sưa mà, sau bao nhọc mệt như thế, ắt nó phải cần lắm.

Câu chuyện không kết thúc ở đây. Bà mẹ biết tin thằng bé đã không ở trong giường của nó suốt hai phần ba đêm. Lập tức mọi sự hỏng hết, đó là một thằng bé khác nào đã chết. Thấy có cơ hội tốt để trả thù, nó giả ốm mà không đoán trước được rằng làm thế nó sẽ chẳng được gì hết. Thầy thuốc được gọi đến. Không may cho bà mẹ, thầy thuốc là người ưa khôi hài, và để trêu đùa những nỗi hoảng sợ của bà, chú tâm làm chúng tăng thêm. Trong khi ấy ông nói thầm vào tai tôi: Ông cứ để tôi làm, tôi hứa với ông là thằng bé sẽ được chữa khỏi một thời gian cái ý ngông làm người ốm. Quả thực, thầy thuốc chỉ định phải ăn kiêng và không ra khỏi phòng, và thằng bé được gửi gắm cho ông dược sĩ. Tôi thở dài thấy bà mẹ tội nghiệp bị hết thảy xung quanh lừa bịp, trừ một mình tôi, mà bà oán ghét, chính vì tôi không lường gạt bà.

Sau những lời trách móc khá khắc nghiệt, bà bảo tôi rằng con trai bà yếu ớt, rằng nó là người thừa kế duy nhất của dòng họ, rằng phải bảo tồn nó với bất cứ giá nào, và bà không muốn nó bị trái ý. Về điều này tôi rất đồng tình với bà; nhưng bà lại hiểu làm nó trái ý tức là không nhất nhất nghe lời nó. Tôi thấy phải dùng với bà mẹ cùng một giọng như với đứa con. Thưa bà, tôi bảo bà một cách khá lạnh lùng, tôi không hề biết người ta nuôi dạy một người thừa kế như thế nào, và ngoài ra, tôi không muốn học điều đó; bà có thể tự thu xếp lấy việc này. Người ta hãy còn cần tôi một thời gian nữa: ông bố dẹp êm mọi chuyện; bà mẹ viết thư cho gia sư giục ông ta mau trở về; còn đứa trẻ, thấy phá rối giấc ngủ của tôi chẳng được cái gì mà ốm cũng chẳng được gì, rốt cuộc quyết định tự mình ngủ yên và khỏe mạnh.

Không thể tưởng tượng được tay bạo chúa tí hon đã bắt thầy giáo bất hạnh của nó phục tòng bao nhiêu sự trái tính trái nết tương tự; vì việc giáo dục diễn ra dưới mắt bà mẹ, bà ta chẳng chịu để người thừa kế không được vâng theo trong bất cứ điều gì. Bất kỳ giờ nào nó muốn ra ngoài, là phải sẵn sàng để dẫn nó đi, hay nói đúng hơn là để đi theo nó, và nó luôn hết sức chú ý chọn lúc thấy thầy giáo mình đang bận rộn nhất. Nó muốn sử dụng cũng uy lực đó với tôi, và trả thù vào ban ngày cho sự nghỉ ngơi mà nó buộc phải để yên cho tôi vào ban đêm. Tôi vui lòng đáp ứng hết thảy, và tôi bắt đầu bằng việc chứng minh rõ trước mắt nó niềm thích thú của tôi khi chiều lòng nó; sau đó, khi vấn đề là chữa cho nó khỏi ý ngông, tôi thực hiện theo cách khác.

Trước hết cần phải làm thế nào cho phần trái thuộc về nó, và điều này không khó. Biết rằng trẻ em bao giờ cũng chỉ nghĩ đến hiện tại, tôi sử dụng lợi thế dễ dàng của sự lo xa tính trước; tôi chú ý tạo cho nó một trò vui tại nhà mà tôi biết là cực kỳ hợp với sở thích của nó; và đang lúc thấy nó say mê nhất, tôi đến rủ nó đi dạo một vòng; nó gạt phăng tôi đi; tôi nài, nó không nghe; tôi phải đầu hàng, và nó ghi nhận trong lòng một cách quý báu dấu hiệu phục tòng này.

Hôm sau đến lượt tôi. Nó buồn chán, tôi đã chuẩn bị cho sự buồn chán ấy; tôi thì trái lại, tôi có vẻ hết sức bận rộn. Chẳng cần nhiều đến vậy mới khiến nó quyết tâm. Nó không quên đến kéo tôi ra khỏi công việc để dẫn nó đi dạo ngay lập tức. Tôi từ chối; nó khăng khăng. Tôi bảo nó: không đâu, khi em làm theo ý của em, em đã dạy thầy làm theo ý của thầy; thầy không muốn ra ngoài. Thế thì, nó hăng hái đáp, em sẽ đi một mình. Tùy em thôi. Và tôi lại tiếp tục công việc.

Nó mặc quần áo, hơi lo lắng vì thấy tôi cứ để nó làm và không bắt chước nó. Đã sẵn sàng để ra ngoài, nó đến chào tôi; tôi chào nó; nó cố làm tôi hoảng sợ bằng cách kể về những hành trình nó sắp thực hiện; cứ nghe nó, thì người ta ngỡ nó đi đến tận cùng thế giới. Chẳng xúc động, tôi chúc nó thượng lộ bình an. Nỗi bối rối của nó tăng thêm. Tuy thế nó tỏ thái độ vững vàng, và, sẵn sàng để ra ngoài, nó bảo người hầu đi theo nó. Người này, đã được báo trước, trả lời rằng anh ta không có thì giờ, và đang bận rộn vì các mệnh lệnh của tôi, anh ta phải vâng theo tôi hơn là vâng theo nó. Lần này, thằng bé không hiểu ra sao nữa. Làm thế nào quan niệm được người ta lại để nó ra ngoài một mình, nó, kẻ tự coi mình là con người quan trọng với tất cả những người khác, và nghĩ rằng bầu trời mặt đất đều quan tâm đến việc bảo tồn mình? Tuy nhiên nó bắt

đầu cảm thấy sự yếu đuối của mình; nó hiểu rằng mình sẽ đơn độc giữa những người không quen biết mình; nó nhìn thấy trước các nguy hiểm sẽ gặp; chỉ riêng sự ngoan cố hãy còn nâng đỡ nó; nó chậm chạp xuống cầu thang và hết sức sững sờ. Cuối cùng nó ra phố, tự an ủi đôi chút về điều xấu có thể xảy ra với mình bằng niềm hy vọng mọi người sẽ khiến tôi phải chịu trách nhiệm về chuyện đó.

Chính ở chỗ đó tôi dự liệu sẵn cho nó. Tất cả đều được chuẩn bị trước; và bởi đây là một loại màn kịch công khai, nên tôi đã được sự đồng ý của ông bố. Vừa đi được vài bước, nó liền nghe bên phải bên trái những lời lẽ khác nhau về mình. Ông láng giềng này, cậu công tử xinh đẹp kìa! cậu ta đi đâu một mình thế nhỉ? cậu ta sẽ lạc mất; tôi muốn mời cậu ta vào nhà. Bà láng giềng ơi, chớ làm thế nhé. Bà không thấy đó là một thằng bé phóng đãng bị đuổi khỏi nhà cha mình vì chẳng muốn mình có một giá trị gì sao? Không nên cứu các kẻ phóng đãng; mặc hắn muốn đi đâu thì đi. Vậy thì này! xin Chúa dẫn dắt cậu ta! tôi sẽ phiền lòng nếu cậu ta gặp điều không hay. Xa hơn một chút, nó gặp những thằng ranh trạc lứa tuổi nó, chúng trêu ghẹo và chế nhạo nó. Càng tiến bước, nó càng gặp nhiều trắc trở. Đơn độc và không ai che chở, nó thấy mình là trò chơi cho tất cả mọi người, và hết sức ngạc nhiên cảm thấy dải băng thắt trên vai áo và đường trang trí kim tuyến chẳng khiến mình được tôn trọng hơn.

Trong khi đó một người bạn của tôi, mà nó không hề quen biết, và được tôi giao trông nom nó, đi theo nó từng bước mà nó không để ý, và tiến lại bên nó khi đến lúc. Vai trò này, giống vai trò của Sbrigani trong vở *Pourceaugnac*[76], đòi hỏi một người tài trí, và được thực hiện hoàn hảo. Không làm cho đứa trẻ thành nhút nhát và sợ sệt bằng cách khiến nó quá hoảng sợ,

---

[76] * *Ngài De Pourceaugnac* (1669), hài kịch của Molière. Nhà quý tộc tỉnh lẻ De Pourceaugnac đến Paris để cưới cô gái Julie. Anh chàng người yêu của Julie bày đặt nhiều trò khiến Pourceaugnac lâm vào một loạt tình thế oái ăm và hài hước, biến thời gian ở Paris của ông ta thành một cơn ác mộng, cuối cùng ông rời Paris, chán ghét kinh thành và việc hôn nhân.

Ở đây Rousseau muốn nói đến cảnh III trong hồi thứ nhất của vở kịch, khi nhân vật Sbrigani, từ sáng đã theo dõi ông De Pourceaugnac, đến gặp ông ta, vờ đứng về phía ông ta chống lại những gã lêu lổng đang nhạo báng trang phục quê mùa của nhà quý tộc tỉnh lẻ, từ đó chiếm được lòng tin và lôi kéo ông ta vào một loạt những trò lừa phỉnh tức cười.

ông làm nó cảm nhận thật rõ tính dại dột khinh suất trong sự manh động của nó, thành thử sau nửa giờ, ông dẫn nó về với tôi, nhu mì, thẹn thùng, và không dám ngước mắt lên.

Để hoàn tất thất bại của cuộc viễn du, đúng lúc nó về, thì ông bố xuống nhà để ra phố, và gặp nó ở cầu thang. Phải nói xem nó từ đâu về và tại sao tôi không đi cùng nó[77]. Thằng bé tội nghiệp những muốn chui thật sâu xuống đất. Chẳng đùa bỡn bằng cách quở mắng dài dòng, ông bố nói với nó sẵng hơn là tôi chờ đợi: nếu anh muốn ra ngoài một mình, anh cứ việc; nhưng, vì ta không hề muốn trong nhà của ta có một tên vô lại, nên khi chuyện đó xảy ra với anh, hãy chú ý đừng trở về nhà nữa.

Còn tôi, thì tôi đón nó không trách cứ không chế nhạo, nhưng hơi nghiêm trang; và sợ nó ngờ rằng tất cả những gì đã xảy ra chỉ là một trò chơi, nên tôi không hề muốn dẫn nó đi dạo trong cùng ngày hôm ấy. Hôm sau, tôi rất vui thích thấy nó đi cùng tôi với vẻ đắc thắng qua trước mặt cũng những người đã chế giễu nó hôm trước vì thấy nó đơn độc một mình. Ta hiểu rõ là nó không còn dọa tôi là đi ra ngoài mà không có tôi nữa.

Chính nhờ những phương kế đó và những phương kế khác tương tự mà trong thời gian ít ỏi sống cùng nó, tôi khiến được nó làm tất cả những gì tôi muốn mà không chỉ định cho nó một điều gì hết, không cấm đoán nó gì hết, không thuyết giáo, không khuyến cáo, không làm nó chán ngán bằng những bài học vô ích. Cho nên, chừng nào tôi nói, thì nó hài lòng; nhưng sự thinh lặng của tôi lại khiến nó sợ; nó hiểu là có cái gì đó không ổn, và bài học bao giờ cũng đến với nó từ chính sự vật. Nhưng chúng ta hãy quay trở lại.

Những sự luyện tập liên tục ấy, phó thác cho sự chỉ huy duy nhất của tự nhiên, chẳng những không làm đần độn trí óc trong khi làm cường tráng thân thể; mà ngược lại còn tạo nên trong chúng ta loại lý trí duy nhất có thể có được ở tuổi ấu niên, và là loại lý trí cần thiết hơn cả cho bất kỳ lứa tuổi nào. Những sự luyện tập ấy dạy cho chúng ta biết rõ cách sử dụng sức lực của chúng ta, các quan hệ của thân thể chúng ta với các vật thể xung quanh, cách sử dụng các phương tiện tự nhiên ở vừa tầm chúng ta và phù hợp với các khí quan của chúng ta. Có sự ngu xuẩn nào tương tự sự ngu xuẩn của một đứa trẻ luôn được

---

[77] Ở trường hợp như thế này, người ta có thể đòi một đứa trẻ phải nói sự thật mà không hề hấn gì, vì khi ấy nó biết rõ là không thể thay hình đổi dạng sự thật, và nếu nó dám nói một điều dối trá, thì nó sẽ lập tức bị chứng minh là dối trá.

nuôi dạy trong phòng và dưới mắt bà mẹ, cái đứa trẻ, do không biết thế nào là sức nặng và sức đề kháng, muốn nhổ bật một cây to hay nhấc lên một khối đá? Lần đầu tiên ra khỏi Genève, tôi muốn chạy theo một con ngựa đang phi nhanh, tôi ném đá vào ngọn núi Salève cách xa tôi hai dặm; là trò chơi cho tất cả trẻ con trong làng, tôi là một thằng ngốc thực sự đối với chúng. Mười tám tuổi, người ta học ở môn triết thế nào là đòn bẩy: chẳng một thằng bé thôn quê mười hai tuổi nào không biết sử dụng một chiếc đòn bẩy thạo hơn nhà cơ khí hàng đầu của Viện Đại học. Các bài học mà bọn học trò học lẫn nhau ở sân trường có ích cho chúng gấp trăm lần những gì người ta nói với chúng trong lớp.

Các vị hãy xem một con mèo lần đầu tiên vào một gian phòng; nó thăm thú, nó nhìn, nó đánh hơi, nó không nghỉ ngơi một lúc nào, nó không tin cậy vào cái gì hết trước khi xem xét tất cả, biết tất cả. Một đứa trẻ bắt đầu bước đi, và có thể nói là lần đầu tiên đi vào không gian của thế giới, cũng làm như vậy. Toàn bộ sự khác biệt là thị giác, chung cho đứa trẻ và con mèo, được đứa trẻ kết hợp, để quan sát, với các bàn tay mà thiên nhiên ban cho nó, còn mèo thì kết hợp với khứu giác tinh vi mà thiên nhiên phú cho nó. Khuynh hướng này, được vun trồng tốt hoặc dở, là điều khiến cho trẻ em thành khéo léo hay vụng về, nặng nề hay nhẹ nhõm, khinh suất hay thận trọng.

Vậy những động thái tự nhiên đầu tiên của con người là đo sức với tất cả những gì bao quanh mình, và thử nghiệm ở mỗi vật thể mà mình nhìn thấy mọi phẩm tính rõ rệt có thể quan hệ đến mình, môn học đầu tiên của con người là một thứ vật lý thực nghiệm liên quan đến việc bảo tồn chính mình, song con người xa rời môn học đầu tiên ấy do bị hướng sang những môn học tư biện trước khi nhận ra được vị trí của mình tại thế gian này. Trong khi các khí quan yếu ớt và dễ uốn của con người có thể khớp với các vật thể trên đó chúng phải hoạt động, trong khi các giác quan hãy còn thuần khiết của con người không bị mắc ảo giác, thì đó là thời gian để tập luyện cả khí quan và giác quan trong các chức năng thích hợp với chúng; đó là thời gian học tập để biết các quan hệ rõ rệt của sự vật đối với chúng ta. Bởi tất cả những gì thâm nhập trí năng đều đến đó qua các giác quan, nên lý tính đầu tiên của con người là một lý tính thuộc về cảm giác; chính nó là cơ sở cho lý tính thuộc về trí năng: những ông thầy triết lý đầu tiên của chúng ta là bàn chân chúng ta, bàn tay chúng ta, con mắt chúng ta. Đem sách vở thay thế cho tất cả những cái đó, không phải là dạy chúng ta lý luận, mà là dạy chúng ta sử dụng lý luận của người khác; đó là dạy chúng ta tin rất nhiều, và không bao giờ hiểu biết gì hết.

Để rèn luyện một kỹ năng, phải bắt đầu bằng việc kiếm cho mình công cụ, và, để có thể dùng các công cụ này một cách hữu ích, phải làm cho chúng đủ chắc chắn để chịu đựng được việc sử dụng. Vậy để tập suy nghĩ, phải rèn luyện tứ chi của chúng ta, giác quan của chúng ta, khí quan của chúng ta, chúng là công cụ của trí năng chúng ta; và để lợi dụng được các công cụ này hết mức có thể, thì thân thể, là thứ cung cấp các công cụ ấy, cần phải cường tráng và lành mạnh. Như vậy, lý trí thực sự của con người chẳng những không hình thành một cách không liên quan đến thân thể, mà chính cấu tạo tốt của thân thể khiến cho các hoạt động của trí óc được dễ dàng và vững chắc hơn.

Trong khi chỉ ra người ta nên sử dụng thời gian nhàn rỗi lâu dài của tuổi thơ vào việc gì, tôi đi vào một chi tiết có vẻ sẽ lố bịch. Người ta sẽ bảo tôi rằng, thật là những bài học tức cười, rơi vào sự phê phán của chính ông, những bài học chỉ giới hạn ở chỗ dạy những điều chẳng ai cần học cả! Tại sao lại tiêu phí thời gian vào những điều dạy dỗ bao giờ cũng tự chúng đến, chẳng mất công chẳng khó nhọc? Đứa trẻ mười hai tuổi nào mà chẳng biết tất cả những gì ông muốn dạy cho học trò ông, ngoài ra, còn thêm những gì các thầy giáo của nó đã dạy nó nữa?

Thưa các vị, các vị lầm rồi: tôi dạy cho học trò của tôi một nghệ thuật rất lâu dài, rất cực nhọc, mà học trò các vị chắc chắn không có; đó là nghệ thuật không biết gì: vì kiến thức của người nào chỉ cho là biết những gì mình biết thì chung quy rất ít ỏi. Các vị đem lại kiến thức, tốt lắm; còn tôi thì tôi lo phương tiện thích đáng để thu được kiến thức. Người ta bảo rằng một hôm, những người Venise hết sức long trọng phô bầu vật Saint-Marc của họ với một sứ thần Tây Ban Nha, ông này, sau khi nhìn xuống các gầm bàn, nói với họ: *Qui non c'è la radice*[78], coi như tất cả lời khen chỉ có vậy. Chẳng khi nào tôi thấy một gia sư phô trương kiến thức của đồ đệ mà lại không định nói với ông ta như thế.

Tất cả những ai từng suy ngẫm về cách sống của cổ nhân đều quy sự cường tráng về thân thể và tâm hồn phân biệt rõ nhất người xưa với người thời nay là do luyện tập thể dục thể thao. Cách Montaigne nhấn mạnh cảm nghĩ trên cho thấy ông thấm nhuần sâu sắc điều đó; ông không ngừng nói đi nói lại ý này theo hàng ngàn kiểu. Nói về sự giáo dục một đứa trẻ, ông bảo rằng để khiến tâm hồn nó cứng cỏi, cần phải làm cho cơ bắp nó rắn chắc; bằng cách tập cho

[78] Tiếng Ý, dịch sang tiếng Pháp: Il n'y a pas ici la racine - ở đây không có gốc rễ.

nó quen với lao động, ta tập cho nó quen với đau đớn; cần phải luyện cho nó quen với sự gay go trong tập tành, để rèn cho nó quen với sự gay go của sai khớp, đau bụng và của mọi tai ương. Locke[79] hiền minh, Rollin[80] nhân hậu, Fleury[81] uyên bác, Crouzas[82] thông thái rởm, hết sức khác biệt nhau về mọi điều còn lại, song tất cả đều nhất trí ở riêng một điểm là rèn luyện thân thể cho trẻ em thật nhiều. Đó là châm ngôn đúng đắn nhất trong những châm ngôn của các ông; đó là châm ngôn đang và sẽ luôn là châm ngôn bị sao nhãng nhất. Tôi đã nói đầy đủ về tầm quan trọng của châm ngôn này, và bởi về điều ấy người ta không thể đưa ra những lý do hay hơn cũng không thể đưa ra những quy tắc hợp lẽ hơn những gì có trong sách của Locke, nên tôi đành dẫn khảo tác phẩm đó, sau khi đã tự tiện thêm vài nhận xét vào các nhận xét của ông.

Tứ chi của một thân thể đang lớn phải được hoàn toàn thung dung trong áo quần; không gì được làm trở ngại cử động cũng như sự nảy nở của tứ chi, không có gì quá vừa khít, không có gì dính sát vào thân hình; không thắt buộc gì hết. Y phục kiểu Pháp, vướng víu và độc hại với người lớn, đặc biệt nguy hiểm cho trẻ em. Các chất dịch, đình trệ, bị chặn lại trong lưu thông, ứ đọng trong một tình trạng ngưng nghỉ còn gia tăng vì một cuộc sống không hoạt động và ở yên một chỗ, sẽ thoái hóa đi và gây ra chứng hoại huyết, căn bệnh ngày một thông thường hơn trong chúng ta, song người xưa hầu như không biết đến, do được cách trang phục và cách sống phòng tránh cho. Y phục khinh kỵ binh, chẳng những không sửa chữa được điều bất lợi trên, còn gia tăng nó, và để cứu trẻ em khỏi vài chỗ thắt buộc, lại bó chặt toàn thân chúng. Điều tốt nhất nên làm là cứ để trẻ mặc áo jaquette[83] lâu được đến đâu càng hay, sau đó cho chúng một trang phục thật rộng rãi, và đừng tự phụ muốn làm nổi rõ thân hình chúng, việc này chỉ khiến thân hình bị biến dạng mà thôi. Những khiếm khuyết của thân thể và trí óc hầu như tất thảy đều do cùng một nguyên nhân; người ta muốn làm cho trẻ em thành người lớn trước thời gian.

---

[79] * Xem chú thích 11.

[80] * Charles Rollin (1661-1741): nhà văn Pháp, hiệu trưởng trường Đại học Paris. Có tiếng tăm vì một số điều cải cách trong giáo dục và vì những tác phẩm sư phạm, như *Khảo luận về các môn học* (1726) v.v...

[81] * Claude Fleury (1640 - 1723): tu sĩ, sử gia Pháp, viết cuốn *Khảo luận về sự lựa chọn và về phương pháp học tập.*

[82] * Jean-Pierre de Crouzas (1663 - 1750): triết gia Thụy Sĩ, viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học, viết cuốn *Khảo luận về sự giáo dục trẻ em.*

[83] * Áo ngoài của nam giới, dài đến đầu gối.

Có những màu sắc tươi vui và những màu sắc buồn bã: màu sắc tươi vui được trẻ em thích hơn; chúng cũng hợp với trẻ em hơn; và tôi không biết tại sao trong việc này người ta không tham khảo những sự thích hợp tự nhiên đến thế; nhưng từ lúc trẻ thích một thứ vải vì vải đó sang trọng, thì lòng chúng đã buông theo sự xa hoa rồi, theo mọi ý ngông của dư luận rồi; và thị hiếu đó chắc chắn không xuất phát từ bản thân chúng. Người ta không thể nói được việc lựa chọn áo quần và các lý do của sự chọn lựa này ảnh hưởng như thế nào đến giáo dục. Không chỉ những bà mẹ mù quáng hứa với con phần thưởng bằng đồ trang sức, ta còn thấy ngay cả những ông thầy điên dại dọa học trò về một y phục đơn giản hơn và thô lậu hơn, như về một hình phạt. Nếu em không học hành tốt hơn, nếu em không giữ gìn áo quần, mọi người sẽ cho em mặc như chú bé nhà quê kia. Cũng như thế các thầy bảo trò: Hãy biết rằng con người là gì chỉ nhờ áo quần, rằng giá trị của em tất cả là ở quần áo em mặc. Có nên lấy làm lạ rằng những bài học khôn ngoan đến như thế có lợi cho thanh niên, rằng thanh niên chỉ coi trọng đồ trang sức, và xét đoán giá trị chỉ duy nhất theo mẽ ngoài mà thôi?

Nếu tôi phải chấn chỉnh đầu óc một đứa trẻ được nuông chiều như vậy, tôi sẽ lo sao cho những bộ y phục sang trọng nhất của nó là những y phục bất tiện nhất, sao cho mặc vào nó luôn bị vướng víu, gò ép, luôn bị lệ thuộc hàng ngàn kiểu, tôi sẽ làm cho trạng thái tự do thoải mái, niềm vui tươi biến mất trước vẻ hoa mỹ của nó; nếu nó muốn tham gia các trò chơi của những trẻ khác ăn vận giản dị hơn nó, thì ngay lập tức tất cả sẽ chấm dứt, tất cả đều tan biến. Rốt cuộc tôi sẽ làm nó buồn phiền, tôi sẽ làm nó chán ngấy sự xa hoa của nó, tôi sẽ khiến nó thành nô lệ cho y phục vàng son của nó đến mức đó sẽ là tai ách của đời nó, và nhìn thấy ngục kín đen tối nhất nó cũng sẽ không hoảng sợ bằng nhìn thấy soạn sửa đồ trang sức cho nó. Chừng nào người ta chưa khiến đứa trẻ phục tòng các thành kiến của chúng ta, thì mong muốn đầu tiên của nó luôn là được thoải mái và tự do; bộ quần áo giản dị nhất, thuận tiện nhất, bộ quần áo ít bắt nó lệ thuộc nhất, bao giờ cũng là quý giá nhất đối với nó.

Có một thói quen của thân thể hợp với tập luyện, và một thói quen khác hợp hơn với tình trạng không hoạt động. Thói quen này, trong khi để các chất dịch vận hành một cách bình ổn và không thay đổi, ắt phải phòng tránh cho thân thể những biến đổi của khí hậu; thói quen kia vì khiến thân thể không ngừng chuyển từ trạng thái lay động sang ngưng nghỉ và từ nóng sang lạnh, ắt phải làm cho cơ thể quen với những biến đổi ấy. Do đó mà những người chỉ lẩn quẩn trong nhà ít đi đâu phải mặc ấm trong mọi thời tiết, để giữ được thân

thể ở nhiệt độ không thay đổi, gần như giống nhau ở mọi mùa và mọi giờ trong ngày. Trái lại, những người đi đi lại lại, trước gió, nắng, mưa, những người chuyển động nhiều và phần lớn thời gian *sub dio*[84] thì bao giờ cũng phải mặc đồ mỏng nhẹ, để quen với mọi biến thiên của khí hậu và mọi nhiệt độ, mà không bị khó chịu. Tôi sẽ khuyên cả những người này lẫn những người kia chớ thay đổi y phục theo mùa, và đó sẽ là điều Émile của tôi trước sau như một vẫn làm; nói như vậy không có nghĩa là vào mùa hè Émile mặc quần áo mùa đông, như những người hay ở trong nhà, mà là vào mùa đông em mặc quần áo mùa hè, như những người lao động. Hiệp sĩ Newton từng có tập quán này suốt đời, và ông đã sống đến tám mươi tuổi.

Mùa nào cũng ít hoặc không đội mũ. Người Ai Cập xưa bao giờ cũng để đầu trần; Người Ba Tư đội lên đầu những chiếc mũ rất to, và còn trùm thêm những khăn quấn đầu rất to, mà, theo Chardin[85], khí hậu của đất nước họ khiến tập quán này thành cần thiết. Ở một chỗ khác tôi đã chú ý đến sự phân biệt của Hérodote[86] trên một bãi chiến trường giữa sọ của người Ba Tư và sọ của người Ai Cập. Vậy thì do xương đầu cần rắn hơn, đặc hơn, bớt mỏng mảnh và bớt xốp, để vũ trang cho não chẳng những chống lại các thương tích, mà còn chống lại các chứng cảm, chứng viêm, và mọi tác động của khí hậu, xin hãy tập cho con các vị luôn để đầu trần, mùa hè và mùa đông, ban ngày và ban đêm. Nếu như để sạch sẽ và giữ cho tóc trẻ khỏi rối, các vị muốn chúng đội mũ ban đêm, thì đó phải là một mũ trùm mỏng, thưa, giống như tấm lưới người xứ Basque thường trùm tóc. Tôi biết rõ rằng phần lớn các bà mẹ, xúc động vì nhận xét của Chardin hơn là vì các lý do của tôi, tưởng như đâu đâu cũng là khí hậu Ba Tư cả; nhưng tôi thì tôi không chọn học trò người Âu của mình để khiến nó thành người châu Á.

Thường thường, người ta mặc cho trẻ quá nhiều, nhất là ở tuổi ấu niên. Lẽ ra nên tập cho chúng quen với cái lạnh hơn là cái nóng: sự lạnh buốt không bao giờ khiến chúng khó chịu, nếu ta để chúng sớm chịu lạnh; nhưng cấu tạo

---

84 * *Ở ngoài trời.*

85 * Jean Chardin (1643-1713): nhà du hành người Pháp, từng thăm Ấn Độ, Ba Tư, và ở Ba Tư nhiều năm. Đã viết tác phẩm *Những cuộc du hành ở Ba Tư và Đông Ấn* (1686).

86 * Hérodote (484 trước CN-425 trước CN): sử gia Hy Lạp, được coi như "người cha của sử học", là tác giả văn xuôi đầu tiên mà công trình đến được với người đọc ngày nay.

da của trẻ, hãy còn quá non mềm và quá lỏng lẻo, vì để mồ hôi chảy ra quá dễ dàng, nên sẽ khiến chúng kiệt sức không sao tránh khỏi trước cái nóng cực độ. Bởi vậy người ta nhận thấy trẻ em chết nhiều vào tháng tám hơn bất kỳ tháng nào khác. Và lại qua sự so sánh các dân tộc miền Bắc với các dân tộc miền Nam, dường như người ta luôn trở nên cường tráng hơn khi chịu đựng cái lạnh thái quá hơn là cái nóng thái quá. Nhưng theo chừng đứa trẻ lớn lên và các đường gân thớ thịt của nó mạnh thêm, hãy dần dà tập cho nó quen coi thường ánh nắng; bằng cách tiến dần từng cấp độ, các vị sẽ khiến nó dạn dày với cái nóng nung người của miền nhiệt đới mà không nguy hiểm.

Locke, giữa các quy tắc hùng dũng và có lý mà ông đưa ra cho chúng ta, lại rơi vào những mâu thuẫn mà ta không chờ đợi ở một nhà lý luận chính xác như vậy. Cũng con người muốn cho trẻ em tắm trong nước giá buốt vào mùa hè, lại không muốn chúng uống đồ lạnh khi chúng đang nóng bức, cũng không nằm dưới đất ở những nơi ẩm ướt[87]. Nhưng bởi ông muốn giày của trẻ ngấm nước trong mọi thời tiết, thì những chiếc giày ấy có bớt ngấm nước chăng khi đứa trẻ nóng bức? và về thân thể đứa trẻ, so với bàn chân, thì người ta có thể thực hiện hay không cũng những sự quy nạp mà ông đã thực hiện về bàn chân so với bàn tay, và về thân thể so với mặt? Tôi sẽ bảo ông rằng, nếu ông muốn con người toàn là mặt cả, thì tại sao ông lại chê trách tôi muốn con người toàn là bàn chân cả[88]?

Để ngăn trẻ em uống khi chúng đang nóng bức, ông khuyên tập cho chúng quen ăn một mẩu bánh trước khi uống. Thật lạ lùng là khi đứa trẻ khát, lại phải cho nó ăn; khác nào tôi thích cho nó uống khi nó đói. Không bao giờ người ta thuyết phục được tôi rằng những thèm muốn đầu tiên của chúng ta lại lộn xộn đến mức không thể thỏa mãn chúng mà không khiến ta lâm vào

---

[87] Cứ như thể những chú bé nông thôn chọn chỗ đất thật khô ráo để ngồi hoặc nằm, và như thể ta chưa từng nghe nói là độ ẩm của đất chẳng làm đứa nào bị ốm hết. Về chuyện này, mà nghe các thầy thuốc thì có lẽ người ta cho rằng tất cả những người hoang dã đều tê bại vì bệnh phong thấp.

[88] * Rousseau muốn nói đến mẩu chuyện do Locke kể lại trong tác phẩm *Về sự giáo dục trẻ em*: một triết gia người Scythe (bộ tộc gốc Ba Tư, sống trên thảo nguyên tại miền Bắc Hắc Hải) gặp một người Athènes, người này kinh ngạc thấy triết gia trần trụi đi giữa băng tuyết. Triết gia bèn hỏi: Còn ông, sao ông có thể chịu được khi phơi mặt ra giữa khí lạnh mùa đông? Người Athènes trả lời: Mặt tôi đã quen với điều đó. Triết gia người Scythe đáp lại tức thì: Vậy ông hãy tưởng tượng rằng tôi toàn là mặt cả.

nguy cơ diệt vong. Nếu sự thế như vậy, thì loài người đã bị hủy diệt hàng trăm lần trước khi người ta học được điều cần làm để bảo tồn nó.

Hễ lần nào Émile thấy khát, là tôi muốn người ta cho nó uống; tôi muốn người ta cho nó nước trong và không sửa soạn gì hết, không cả đun âm ấm, dù Émile đang mồ hôi đầm đìa, và dù ta đang ở giữa mùa đông. Điều lo toan duy nhất tôi dặn là phân biệt phẩm chất của nước. Nếu là nước sông, các vị hãy cho nó uống ngay lập tức như vừa ở sông ra; nếu là nước suối nguồn, phải để ngoài trời một lát trước khi uống. Vào mùa nóng, các dòng sông đều nóng; suối nguồn không như vậy, vì không tiếp xúc với khí trời; phải đợi cho nước suối có cùng nhiệt độ với không khí. Trái lại, vào mùa đông, nước suối về phương diện này lại ít nguy hiểm hơn nước sông. Nhưng vào mùa đông mà đổ mồ hôi thì không tự nhiên cũng không thường xảy ra, nhất là ở ngoài trời; vì không khí lạnh, liên tục tác động lên da, khiến mồ hôi tiêu tán vào bên trong và ngăn các lỗ chân lông mở đủ để mồ hôi thoát ra tự do. Và tôi không chủ trương để Émile tập luyện vào mùa đông bên bếp lửa ấm, mà ở bên ngoài, giữa đồng quê, giữa băng giá. Chừng nào Émile mới chỉ làm nóng người lên bằng cách vo và ném những nắm tuyết, thì ta cứ để nó uống khi nó khát; nó cứ tiếp tục tập luyện sau khi uống, và ta không sợ sự cố nào hết. Nếu do một môn tập luyện nào khác mà nó đổ mồ hôi và khát, cứ để nó uống nước lạnh, ngay cả trong thời tiết đó. Có điều các vị hãy làm thế nào dẫn nó đi xa và bước chầm chậm để tìm nước uống. Vào thời tiết lạnh mà ta giả định, khi tới nơi thì người nó đã đủ mát để uống mà không nguy hiểm gì. Đặc biệt các vị hãy dụng tâm đề phòng như vậy song đừng để nó nhận thấy. Tôi thích thà đôi khi nó bị ốm còn hơn là nó không ngừng chú ý đến sức khỏe.

Trẻ em cần một giấc ngủ dài, vì chúng tập luyện đến cực độ. Cái nọ dùng để điều hòa cái kia; cho nên ta thấy trẻ cần cả hai. Thời gian nghỉ ngơi là ban đêm, thời gian ấy được thiên nhiên đánh dấu. Một nhận xét bất biến là giấc ngủ bình lặng hơn và êm ả hơn khi vầng dương ở dưới chân trời, và không khí nóng lên vì những tia nắng chẳng giữ được giác quan chúng ta trong một trạng thái an tĩnh đến thế. Như vậy chắc chắn thói quen lành mạnh nhất là thức dậy và đi ngủ cùng với Mặt trời. Do đó mà ở các vùng khí hậu của chúng ta, con người và mọi động vật nói chung vào mùa đông cần ngủ lâu hơn vào mùa hè. Nhưng cuộc sống dân sự không đủ đơn giản, đủ tự nhiên, đủ miễn trừ các biến động, các sự cố, để ta nên làm cho con người quen với tình trạng bất biến ấy, đến mức tình trạng này trở thành tất yếu với anh ta. Chắc hẳn cần phải phục tùng các quy tắc; nhưng quy tắc đầu tiên là có thể vi phạm quy tắc mà không

nguy hiểm khi sự tất yếu đòi hỏi. Vậy các vị chớ sơ ý làm học trò mình nhu nhược đi trong giấc ngủ êm đềm liên tục, không bao giờ bị gián đoạn. Trước hết hãy đừng ngại ngùng phó thác nó cho quy luật của thiên nhiên; nhưng chớ quên rằng ở giữa chúng ta[89] nó phải vượt lên trên quy luật ấy; rằng nó phải có thể đi ngủ muộn, dậy sớm, bị đánh thức đột ngột, đứng trong đêm, không vì thế mà khó chịu. Bằng cách thực hiện đủ sớm, bằng cách bao giờ cũng tiến từ từ qua từng cấp độ, ta luyện được cho khí chất quen với những điều sẽ hủy hoại nó nếu ta buộc nó phải chịu khi nó đã hình thành trọn vẹn rồi.

Cần tập quen trước hết với chỗ nằm không yên ấm; đó là cách để chẳng thấy đâu là giường tồi tàn nữa. Thường thường, cuộc sống khắc nghiệt, một khi đã thành thói quen, lại tăng gấp bội các cảm giác dễ chịu; cuộc sống nhu nhược thì chuẩn bị vô số cảm giác bất như ý. Những người được nuôi dưỡng quá nâng niu chỉ ngủ được trên nệm lông chim; những người đã tập quen ngủ trên các tấm ván thì ở đâu cũng ngủ được hết: không hề có giường cứng với ai vừa nằm xuống đã thiếp đi.

Một chiếc giường êm, nơi ta vùi mình trong lông chim hay mền nhung mao, có thể nói là làm thân thể tan chảy ra và tiêu tán đi. Thận được ủ quá ấm phát nóng. Từ đó dẫn đến sỏi hoặc những bệnh tật khác, và chắc chắn dẫn đến một thể chất yếu ớt nuôi dưỡng mọi tật bệnh.

Chiếc giường tốt nhất là chiếc giường cho ta giấc ngủ ngon nhất. Đó là chiếc giường mà Émile và tôi chuẩn bị vào ban ngày. Chúng tôi chẳng cần mọi người đưa đến cho mình những người nô lệ Ba Tư để dọn giường; trong khi cầy xới đất là chúng tôi đang rũ đệm cho mình.

Qua kinh nghiệm tôi biết rằng khi một đứa trẻ khỏe mạnh, ta có thể làm cho nó ngủ và thức gần như tùy theo ý ta. Khi đứa trẻ đã đi nằm, và bẻo lẻo nói làm phiền chị vú, chị bảo nó: *Em hãy ngủ đi*; khác nào chị bảo nó: *Em hãy khỏe đi!* khi nó đang ốm. Phương kế đúng để làm nó ngủ là khiến tự nó chán ngán. Các vị hãy nói nhiều đến mức nó buộc phải im tiếng, thế là nó sẽ ngủ ngay: các lời thuyết giáo luôn được một việc gì đó; thuyết giáo cho nó cũng như ru nó; nhưng nếu các vị sử dụng thứ thuốc gây mê đó vào buổi tối thì ban ngày hãy tránh dùng.

Đôi khi tôi sẽ đánh thức Émile, vì sợ em mắc thói quen ngủ quá lâu thì ít hơn là để tập cho em quen với mọi điều, ngay cả bị thức dậy đột ngột. Vả lại,

---

[89] * *Ở giữa chúng ta* có nghĩa là ở trong trạng thái dân sự.

có lẽ tôi sẽ quá kém tài để làm công việc của mình, nếu tôi không biết buộc học trò tự nó thức giấc, tỉnh dậy, theo ý tôi muốn, mà chẳng phải nói với nó một tiếng nào.

Nếu nó ngủ không đủ, tôi sẽ để nó ức đoán một buổi sáng chán ngán vào ngày mai, và tự nó sẽ coi tất cả những gì nó có thể dành cho giấc ngủ là chừng ấy thứ mà nó được; nếu nó ngủ quá nhiều, thì khi nó thức dậy tôi phô ra với nó một trò vui hợp sở thích của nó. Nếu tôi muốn nó dậy đúng lúc, tôi bảo nó: Ngày mai vào sáu giờ mọi người đi câu, đi dạo ở nơi này; em có muốn tham gia không? Nó đồng ý, nó yêu cầu tôi đánh thức nó: tôi hứa, hoặc không hứa, tùy nhu cầu; nếu nó tỉnh dậy quá muộn, nó thấy tôi đi rồi. Sẽ là tai họa nếu chẳng bao lâu nó không học được cách tự mình thức dậy.

Vả lại, nếu có trường hợp, điều này hiếm khi xảy ra, đứa trẻ ơ hờ uể oải nào có khuynh hướng ì ra trong thói lười nhác, thì không nên phó thác nó cho khuynh hướng ấy, ở đó nó sẽ hoàn toàn tê độn đi, mà nên cho nó chất kích thích nào đấy làm nó thức tỉnh. Ta hiểu rõ rằng không có chuyện dùng sức mạnh bắt nó hoạt động, mà là lay chuyển nó bằng sự thèm muốn nào đó hướng nó đến hoạt động; và sự thèm muốn này, được khai thác một cách chọn lọc từ trật tự của thiên nhiên, đồng thời dẫn ta đến hai mục đích.

Tôi nghĩ không có cái gì mà với một chút khéo léo ta lại không khơi gợi được trong trẻ em niềm ham thích, thậm chí nhiệt cuồng, mà chẳng phải khoe khoang, chẳng phải ganh đua, chẳng phải ghen tị. Tính hăng hái của trẻ, đầu óc hay bắt chước của chúng, là đủ rồi; nhất là sự vui vẻ tự nhiên ở chúng, phương tiện nắm bắt rất chắc, mà chẳng gia sư nào nghĩ ra được. Trong mọi trò chơi mà chúng tin chắc rằng đó chỉ là trò chơi, chúng chịu đựng không phàn nàn, thậm chí còn cười vui, những điều chúng sẽ chẳng bao giờ chịu mà không khóc sướt mướt, nếu không phải trò chơi. Nhịn ăn kéo dài, bị đánh, bị bỏng, mệt nhọc đủ loại, là trò vui của những thiếu niên hoang dã; chứng tỏ rằng ngay sự đau đớn cũng có gia vị có thể làm mất đi chất đắng ở nó; nhưng không phải tất cả các ông thầy đều biết sửa soạn món điều vị ấy, và có lẽ không phải tất cả các đồ đệ đều biết thưởng thức mà không nhăn nhó. Thế là, nếu không chú ý, tôi lại đang lạc vào các ngoại lệ đây.

Tuy nhiên điều không hề có ngoại lệ là tình trạng con người bị chi phối bởi đau đớn, bởi các bệnh tật của giống loài mình, bởi các tai biến, các hiểm nguy của cuộc đời, cuối cùng là cái chết; càng làm cho con người quen với những ý tưởng này, thì càng chữa được cho anh ta khỏi trạng thái mẫn cảm

rầy rà nó đưa thêm vào cái đau sự nóng này không chịu đựng nổi cái đau ấy; càng tập cho con người dạn với những khổ não có thể xâm hại mình, thì nói như Montaigne, càng tước đi khỏi các khổ não ấy mối lo ngại[90] của tính dị thường; và cũng làm cho tâm hồn con người càng cứng rắn và bất khả tổn thương; thân thể anh ta sẽ là bộ áo giáp làm cùn nhụt mọi mũi tên lẽ ra có thể gây thương tích sâu xa. Ngay sự tiếp cận cái chết, do chẳng phải là cái chết, nên anh ta sẽ chỉ hơi cảm nhận cái chết như nó vốn thế; có thể nói là anh ta sẽ không chết đi, anh ta sẽ đang sống hoặc chết rồi, thế thôi. Vẫn ông Montaigne nọ có thể nói về anh ta, như ông đã nói về một quốc vương Maroc, rằng không có người nào từng sống dấn sâu vào cái chết đến như thế. Lòng kiên định và niềm cương quyết, cũng như các đức tính khác, là những điều học tập của tuổi thơ; nhưng không phải bằng cách dạy cho trẻ biết tên gọi của các đức tính này là ta dạy chúng những đức tính ấy, mà chính bằng cách cho chúng nếm trải các đức tính đó, song chúng không biết đấy là cái gì.

Nhưng, nhân nói đến cái chết, chúng ta sẽ xử sự ra sao với học trò của chúng ta, trước nguy cơ của bệnh đậu mùa? Ta có cho nó chủng đậu khi tuổi còn non hay không, hoặc đợi cho nó lên đậu một cách tự nhiên? Quyết định thứ nhất, phù hợp hơn với tập quán của chúng ta, đảm bảo cho lứa tuổi mà sự sống quý giá nhất khỏi mối hiểm nghèo, bằng cách để lứa tuổi mà sự sống kém quý giá nhất chịu nguy cơ, nếu ta có thể gọi việc chủng ngừa được thực hiện cẩn thận là nguy cơ.

Nhưng quyết định thứ hai hợp hơn với các nguyên lý khái quát của chúng ta, là để thiên nhiên làm toàn bộ mọi điều trong những lo toan mà thiên nhiên ưa một mình thực hiện, và bỏ mặc ngay khi con người vừa định xen vào. Con người của tự nhiên bao giờ cũng được chuẩn bị; cứ để bậc thầy ấy chủng đậu cho anh ta, thầy sẽ chọn thời điểm đúng hơn chúng ta.

Xin đừng từ đó mà kết luận rằng tôi chê trách việc chủng ngừa; vì lập luận tôi dựa vào để miễn chủng ngừa cho học trò của tôi sẽ rất không hợp với học trò các vị. Sự giáo dục của các vị không hề chuẩn bị cho các học trò ấy thoát khỏi đậu mùa khi bị bệnh tấn công; nếu các vị để bệnh đến một cách ngẫu nhiên, có lẽ chúng sẽ chết vì bệnh. Tôi thấy rằng ở nhiều nước khác nhau, mọi người cưỡng lại việc tiêm chủng, việc này càng trở nên cần thiết hơn thì càng cưỡng lại nhiều hơn; và lý do của điều đó dễ thấy. Cho nên tôi sẽ chi bàn chút

---

[90] * *Pointure,* từ do Montaigne dùng, có nghĩa mối lo ngại, phiền não.

ít về vấn đề đó đối với Émile của tôi. Nó sẽ được chủng ngừa, hoặc sẽ không chủng ngừa, tùy theo các thời gian, các nơi chốn, các hoàn cảnh: với nó điều này gần như không quan hệ. Nếu chủng đậu cho nó, ta sẽ có cái lợi là dự tính và biết trước bệnh của nó; thế cũng là được cái gì đấy; nhưng nếu nó mắc bệnh một cách tự nhiên, thì ta tránh được cho nó ông thầy thuốc, thế lại là được nhiều hơn.

Một sự giáo dục độc hữu, chỉ nhằm phân biệt những người được hưởng sự giáo dục này với dân thường, bao giờ cũng ưa thích những môn học tốn kém nhất hơn những môn học thông thường nhất, và chính vì thế mà hơn những môn học hữu ích nhất. Như vậy những thanh niên được giáo dục cẩn thận đều học cưỡi ngựa cả, vì việc này tốn kém rất nhiều; nhưng hầu như không ai trong số đó học bơi, vì bơi chẳng tốn kém gì hết, và một thợ thủ công cũng có thể biết bơi giỏi như bất kỳ ai khác. Tuy nhiên, chưa qua trường kỵ mã, một khách du hành vẫn cưỡi lên lưng ngựa, ngồi trên đó, và sử dụng ngựa tạm được khi cần; nhưng, ở dưới nước, nếu không bơi thì ta chết đuối, mà không học thì không bơi được. Cuối cùng người ta chẳng buộc phải cưỡi ngựa nếu không thì mất mạng, trong khi chẳng ai chắc chắn tránh được một mối nguy hiểm mà mọi người rất hay gặp phải. Émile sẽ ở dưới nước như ở trên mặt đất. Sao nó không sống được trong mọi hoàn cảnh mọi nguyên tố chứ! Nếu người ta có thể học bay trên không, tôi sẽ làm cho nó thành chim ưng; tôi sẽ làm cho nó thành hỏa xà, nếu người ta có thể tập dạn dày với lửa.

Mọi người sợ đứa trẻ chết đuối khi đang học bơi; dù nó chết đuối khi đang học hay vì đã không học, bao giờ cũng là lỗi của các vị. Duy chỉ có tính khoe khoang khiến ta thành liều lĩnh; người ta không liều lĩnh khi chẳng ai nhìn thấy mình: Émile sẽ không liều lĩnh, dù cả thế giới nhìn thấy nó. Vì sự tập luyện không tùy thuộc mối nguy hiểm, nên nó sẽ tập bơi qua eo biển Hellespont[91] ở một dòng kênh trong khuôn viên của cha mình; nhưng cần phải tập dạn dần với chính sự nguy hiểm, để học cách không bối rối trước nguy hiểm; đó là một phần cốt yếu của việc rèn luyện mà tôi vừa nói trước đây. Và lại, do chú ý ước lượng mối nguy hiểm tùy theo sức lực của học trò và luôn chia sẻ nguy hiểm cùng nó, nên tôi ít phải sợ điều dại dột khinh suất, khi tôi điều chỉnh sự lo toan bảo tồn học trò theo sự lo toan tôi cần có để tự bảo tồn.

---

[91] * Tên gọi xưa của eo biển Dardanelles, ngăn cách các bán đảo vùng Balkans với miền Tiểu Á.

Một đứa trẻ không lớn bằng một người trưởng thành; nó không có được sức lực cũng như lý trí của người trưởng thành; nhưng nó nhìn và nghe cũng rõ như người ấy, hoặc rất gần như vậy; nó có vị giác cũng nhạy cảm như thế, tuy không tinh tế bằng, và cũng phân biệt rõ được các mùi, tuy không đặt vào đó cùng một khoái cảm. Các năng lực đầu tiên hình thành và tự hoàn thiện dần trong chúng ta là các giác quan. Vậy đó là những năng lực đầu tiên cần phải vun trồng; đó là những năng lực duy nhất bị người ta bỏ quên, hoặc những năng lực bị sao nhãng hơn cả.

Rèn luyện giác quan không chỉ là sử dụng giác quan, đó là học cách phán đoán đúng nhờ vào giác quan, có thể nói đó là học cảm nhận; vì chúng ta chỉ biết sờ, biết nhìn, biết nghe, như ta đã học mà thôi.

Có một sự tập luyện thuần túy tự nhiên và máy móc, nhằm khiến thân thể cường tráng mà không cung cấp cho phán đoán một điểm nào để nắm bắt: bơi, chạy, nhảy, quất một con quay, ném đá; tất cả những cái đó rất hay; nhưng chúng ta chỉ có chân và tay thôi ư? ta không có cả mắt cả tai nữa sao? và những khí quan này vô dụng với các khí quan trên hay sao? Vậy xin đừng chỉ luyện tập sức lực, hãy tập luyện mọi giác quan điều khiển sức lực: hãy lợi dụng mỗi giác quan hết mức có thể, sau đó kiểm tra cảm giác của giác quan nọ nhờ vào giác quan kia. Hãy ước lượng, tính đếm, cân nhắc, so sánh. Hãy chỉ dùng sức sau khi đã đánh giá lực đề kháng; hãy làm sao cho việc đánh giá hiệu quả đi trước việc sử dụng phương tiện. Hãy khiến đứa trẻ chú ý đừng bao giờ có những gắng sức không đầy đủ hoặc thừa thãi. Nếu các vị tập cho nó quen dự tính trước như vậy hiệu quả của mọi động tác, quen uốn nắn những lầm lạc của mình nhờ kinh nghiệm, thì chẳng rõ ràng là càng hoạt động, nó càng trở nên giỏi phán đoán hay sao?

Vấn đề là lay chuyển một khối; nếu nó lấy một đòn bẩy quá dài, nó sẽ tiêu phí nhiều động tác; nếu lấy đòn bẩy quá ngắn, nó sẽ không có đủ lực; kinh nghiệm có thể dạy cho nó chọn đúng cây gậy nó cần. Vấn đề là vác một vật nặng; nếu nó muốn lấy vật đó nặng vừa sức mình vác được, và không hề nhấc thử, thì nó chẳng buộc phải đánh giá trọng lượng của vật qua mắt nhìn hay sao? Nó biết so sánh các khối cùng chất liệu song to nhỏ khác nhau, hãy để nó chọn giữa các khối to bằng nhau song chất liệu khác nhau; nó sẽ phải tập so sánh tỷ trọng của chúng. Tôi đã thấy một chàng trai, được giáo dục rất chu đáo, chỉ chịu tin sau khi làm thí nghiệm rằng một thùng đầy những mảnh vỏ bào to từ gỗ sồi không nặng bằng cũng thùng ấy đựng đầy nước.

Chúng ta không làm chủ việc sử dụng tất cả các giác quan của mình như nhau. Có một giác quan, đó là xúc giác, mà hoạt động không bao giờ đình lại khi ta thức; xúc giác được trải ra trên toàn bộ diện tích thân thể ta, như một đội canh gác liên tục để báo cho ta biết tất cả những gì có thể làm tổn hại đến thân thể. Đó cũng là giác quan mà, dù thuận tình hay miễn cưỡng, chúng ta vẫn có được kinh nghiệm sớm nhất nhờ sự tập luyện liên tục nọ, và do đó cũng là giác quan mà ta ít cần đến một sự vun trồng đặc biệt. Tuy nhiên, chúng ta nhận xét thấy những người mù có xúc giác chắc chắn và tinh vi hơn chúng ta, bởi vì, không được thị giác dẫn dắt, họ buộc phải duy nhất rút ra từ xúc giác những phán đoán mà thị giác cung cấp cho chúng ta. Vậy tại sao không tập luyện cho chúng ta bước đi trong bóng tối giống như họ, biết được các vật thể mà chúng ta có thể chạm tới, phán đoán về những đồ vật bao quanh ta, tóm lại, là làm vào ban đêm và không có đèn đuốc, tất cả những gì họ làm vào ban ngày và không có mắt? Chừng nào Mặt trời còn chiếu sáng, chúng ta có lợi thế hơn họ; trong bóng tối, đến lượt họ hướng dẫn chúng ta. Chúng ta mù một nửa thời gian của cuộc đời; với điều khác biệt là những người mù thật bao giờ cũng biết tự dẫn đường; còn chúng ta chẳng dám đi một bước giữa đêm tối. Mọi người sẽ bảo tôi rằng, chúng ta có đèn mà. Thế nào cơ! bao giờ cũng là máy móc khí cụ! Ai đảm bảo với các vị là máy móc sẽ đi theo các vị khắp nơi khi cần đến? Về phần tôi, thì tôi thích Émile có con mắt ở đầu các ngón tay hơn là ở cửa hiệu bán đèn nến.

Nếu các vị bị nhốt trong một tòa nhà giữa đêm hôm, xin hãy vỗ tay; qua tiếng vang của nơi chốn, các vị sẽ nhận ra không gian rộng hay hẹp, mình đang ở giữa hay trong một xó. Cách một bức tường chừng nửa *pied* [92], không khí ít bao quát và nhiều phản hồi khiến mặt các vị có một cảm giác khác. Xin cứ đứng tại chỗ, và lần lượt xoay mình khắp các phía; nếu có một cánh cửa mở, một luồng gió nhẹ sẽ chỉ ra cho các vị. Nếu các vị đang ở trong một con thuyền, thì qua cách gió tạt vào mặt mình, các vị chẳng những sẽ nhận ra mình đang đi theo hướng nào, mà còn nhận ra được dòng sông cuốn mình đi chậm hay nhanh. Những nhận xét này, và hàng ngàn nhận xét khác tương tự, chỉ có thể thực hiện tốt trong đêm tối; ban ngày dù ta có chú ý đến chúng bao nhiêu chăng nữa, ta vẫn được thị giác giúp đỡ hay làm ta đãng trí, và ta sẽ nhãng mất chúng.

Ấy thế mà ở đây còn chưa dùng đến bàn tay đến cây gậy. Biết bao tri thức thị giác ta có thể đạt được nhờ xúc giác mà thậm chí chẳng sờ vào cái gì hết!

---

[92] * Xem chú thích 53.

Thật nhiều trò chơi ban đêm. Lời khuyên này quan trọng hơn tôi tưởng. Bóng tối làm mọi người, và đôi khi cả các con vật, kinh hãi một cách tự nhiên[93]. Lý trí, kiến thức, tinh thần, lòng can đảm, chẳng giải thoát được nhiều người khỏi sự chi phối đó. Tôi đã thấy những nhà lý luận, những người vô tín ngưỡng, những triết gia, những quân nhân dũng cảm ban ngày, lại run rẩy ban đêm như đàn bà khi nghe tiếng lá cây rung. Người ta quy niềm kinh hãi này cho những câu truyện kể của các bà vú nuôi; người ta lầm: niềm kinh hãi ấy có một nguyên nhân tự nhiên. Nguyên nhân ấy là gì? cũng cái nguyên nhân khiến người điếc thành nghi kỵ và dân chúng thành mê tín, đó là không biết những sự vật bao quanh ta và không biết những gì đang diễn ra quanh ta[94].

---

[93] Sự hoảng sợ này rất rõ rệt trong các vụ nhật thực lớn.

[94] Đây là một nguyên nhân khác nữa được giải thích rõ bởi một triết gia mà tôi hay viện dẫn tác phẩm, mà kiến thức rộng lớn còn dạy bảo cho tôi thường xuyên hơn.

"Khi mà, do những tình huống đặc biệt, chúng ta không thể có một ý niệm chính xác về khoảng cách, và chỉ có thể phán đoán về các vật thể nhờ độ lớn của góc hay đúng hơn là nhờ hình ảnh mà các vật thể tạo nên trong mắt ta, thì khi đó tất nhiên ta nhầm lẫn về tầm vóc của các vật thể ấy. Tất cả mọi người từng nếm trải cảm giác rằng khi di chuyển vào ban đêm ta tưởng bụi cây ở gần ta là một cái cây to ở xa ta, hoặc ta tưởng một cây to ở xa là một bụi cây ở gần; cũng như vậy, nếu ta không biết các vật thể nhờ hình dạng của chúng, và không thể có được một ý niệm nào về khoảng cách nhờ phương tiện ấy, thì tất nhiên ta sẽ còn nhầm lẫn nữa. Một con ruồi bay nhanh qua, cách mắt ta chừng vài *pouce* (đơn vị đo chiều dài, bằng 1/12 của *pied*) với chúng ta trong trường hợp ấy sẽ giống như một con chim ở cách ta rất xa; một con ngựa bất động giữa miền quê, với tư thế tương tự tư thế một con cừu chẳng hạn, với chúng ta sẽ chỉ giống như một con cừu lớn, chừng nào ta chưa nhận ra đó là con ngựa; nhưng, khi ta vừa nhận ra nó, thì tức khắc nó có vẻ to lớn như một con ngựa, và chúng ta chấn chỉnh ngay lập tức phán đoán của mình.

Mỗi khi ta ở trong đêm tối tại những nơi chốn không quen biết ở đó ta không thể phán đoán về khoảng cách, song có thể nhận ra hình thù các sự vật nhờ bóng tối, ta sẽ có nguy cơ bất kỳ lúc nào cũng lầm lẫn trong những phán đoán về các vật thể sẽ xuất hiện. Chính do đó mà có nỗi khiếp đảm và thứ sợ hãi bên trong mà sự tăm tối ban đêm làm nảy sinh ở hầu hết mọi người; chính trên cơ sở đó mà có dáng vẻ bên ngoài của các yêu ma và các hình bóng khổng lồ và quái gở mà rất nhiều người bảo là đã từng trông thấy. Người ta thường trả lời họ rằng những

Đã quen nhận thấy từ xa các vật thể và quen dự tính trước các cảm tưởng về chúng, khi không còn nhìn thấy gì xung quanh mình nữa, làm sao tôi không giả định hàng ngàn thực thể, hàng ngàn động thái có thể làm hại mình, mà mình không sao phòng giữ được? Tha hồ cho tôi biết rằng mình được an toàn tại nơi mình đang ở, tôi chẳng bao giờ biết điều ấy rõ bằng nếu hiện giờ tôi nhìn thấy điều ấy: vậy là tôi vẫn có lý do để sợ, lý do mà giữa ban ngày thì không có. Quả thực tôi biết rằng một vật thể lạ không thể tác động đến thân thể tôi mà không tự báo trước bằng tiếng động nào đó; bởi thế, tai tôi không ngừng cảnh giác biết mấy! Hễ có một tiếng động nhỏ nào mà tôi không phân

---

hình bóng ấy ở trong trí tưởng tượng của họ; tuy nhiên chúng có thể thực sự ở trong mắt họ, và rất có khả năng họ đã thực sự nhìn thấy những gì họ bảo là từng nhìn thấy; vì mỗi khi ta chỉ có thể phán đoán về một vật thể nhờ giác độ nó tạo nên trong mắt, thì điều tất nhiên phải xảy ra là ta càng gần vật thể chưa từng biết ấy thì nó lại càng to ra và lớn lên; và nếu như ban đầu đối với người nhìn, người này không thể biết cái mình đang nhìn cũng không thể phán đoán mình nhìn nó ở khoảng cách nào; nếu như ban đầu nó có vẻ cao vài *pied* khi cách xa chừng hai mươi hoặc ba mươi bước, thì nó phải có vẻ cao nhiều *toise* (thước xưa, bằng 1m949) khi chỉ còn cách vài *pied*; điều này quả thực phải khiến người nhìn ngạc nhiên và kinh hãi cho đến khi cuối cùng người đó sờ được vào vật thể hoặc nhận ra được nó; vì, ngay lúc nhận ra đó là cái gì, thì cái vật trước đó có vẻ như khổng lồ, bỗng thu nhỏ lại, và chỉ có vẻ mang tầm vóc thực sự của nó; nhưng, nếu người ta chạy trốn hay không dám đến gần, thì chắc chắn người ta sẽ không có ý niệm nào khác về vật thể này ngoài ý niệm về hình ảnh mà nó tạo ra trong mắt, và thế là người ta sẽ thực sự từng nhìn thấy một hình bóng khổng lồ và quái gở về tầm vóc và hình thù. Vậy thành kiến về yêu ma dựa trên cơ sở thiên nhiên, và các dáng vẻ ấy không chỉ phụ thuộc duy nhất trí tưởng tượng, như các triết gia vẫn tưởng." (*Vạn vật học*, tập VI, tr. 22)

Tôi đã cố gắng chỉ ra trong bài viết điều đó vẫn phần nào phụ thuộc vào trí tưởng tượng ra sao, còn về nguyên nhân được giải thích ở đoạn trên đây, thì ta thấy rằng thói quen đi bộ ban đêm ắt dạy cho chúng ta phân biệt được các dáng vẻ bề ngoài mà sự tương tự về hình thù và sự khác biệt về khoảng cách đem lại cho các vật thể trước mắt ta trong bóng tối; vì, khi không khí hãy còn được chiếu sáng đủ để ta nhận thấy đường nét các vật thể, do cách xa hơn thì có nhiều không khí ở giữa hơn, nên bao giờ ta cũng phải thấy các đường nét này ít rõ rệt hơn khi vật thể ở xa ta hơn; điều này đủ để ta nhờ vào thói quen mà tránh được sự lầm lẫn mà ngài de Buffon giải thích ở đây. Dù mọi người thích cách giảng giải nào hơn, thì phương pháp của tôi vẫn hiệu quả, và kinh nghiệm hoàn toàn xác nhận điều này.

biệt được nguyên nhân, thì mối quan tâm tự bảo tồn khiến trước hết tôi giả định tất cả những gì phải khiến tôi đề phòng nhất, và do đó là tất cả những gì thích hợp nhất để làm tôi kinh hãi.

Nếu tuyệt đối không nghe thấy gì, tôi cũng chẳng vì thế mà yên tâm; vì rốt cuộc không có tiếng động người ta vẫn có thể bắt chợt được tôi. Tôi cần phải giả định sự vật như chúng tồn tại trước đây, như chúng ắt vẫn tồn tại, cần phải nhìn thấy những gì mình không nhìn thấy. Như vậy, buộc phải cho trí tưởng tượng vận động, chẳng mấy chốc tôi không còn làm chủ được tưởng tượng, và những gì đã làm để tự trấn an chỉ càng khiến tôi lo sợ thêm. Nếu nghe thấy tiếng động, tôi nghe thấy kẻ trộm; nếu không nghe thấy gì, tôi nhìn thấy ma; sự cảnh giác do mối quan tâm tự bảo tồn chỉ đem lại cho tôi những lý do để sợ hãi. Tất cả những gì có nhiệm vụ trấn an tôi chỉ ở lý trí của tôi mà thôi, bản năng mạnh hơn lại nói với tôi một cách khác hẳn lý trí. Nghĩ rằng mình chẳng có gì mà sợ thì ích gì chứ, bởi lúc đó mình chẳng có gì mà làm cả?

Nguyên nhân của bệnh được tìm thấy sẽ chỉ ra phương thuốc. Trong mọi sự, thói quen tiêu diệt trí tưởng tượng; chỉ có những đối tượng mới mẻ là khiến trí tưởng tượng thức dậy. Trong những vật thể ta nhìn thấy hằng ngày, không phải trí tưởng tượng hoạt động nữa, đó là trí nhớ; và đó là lý do của định lý: *Ab asuetis non fit passio*[95], vì đam mê chỉ cháy lên nhờ ánh lửa của tưởng tượng. Vậy xin đừng nói lý lẽ với người mà các vị muốn chữa khỏi bệnh kinh sợ bóng tối; hãy thường xuyên dẫn người ấy vào chỗ tối, và hãy tin chắc rằng mọi lập luận triết lý chẳng sánh tày thói quen đó. Những người thợ lợp không hề chóng mặt trên mái nhà, và ta thấy ai đã quen ở trong bóng tối thì chẳng còn sợ hãi nữa.

Vậy đó là một lợi ích nữa của các trò chơi ban đêm, thêm vào lợi ích thứ nhất; nhưng để cho các trò chơi đó thành công, thì sự vui vẻ được căn dặn mấy cũng không thừa. Không gì buồn bã cho bằng bóng tối; xin đừng nhốt đứa trẻ của các vị trong một ngục kín. Sao cho nó cười vui khi bước vào bóng tối; sao cho nó lại cười vui trước khi ra khỏi đó; sao cho, khi đang còn ở đó, ý nghĩ về các trò vui mình vừa rời bỏ, và các trò vui mình sắp thấy lại, bảo vệ nó chống những tưởng tượng hoang đường kỳ quái có thể đến tìm nó tại nơi ấy.

Có một hạn giới của cuộc đời, vượt quá hạn giới ấy người ta thụt lùi khi tiến lên. Tôi cảm thấy mình đã vượt qua hạn giới này. Có thể nói là tôi bắt đầu lại

---

[95] * Tiếng Latin: *Đam mê không nảy sinh từ thói quen.*

một sự nghiệp khác. Sự trống trải khi đứng tuổi, mà tôi đã cảm nhận thấy, phác họa lại với tôi thời gian êm đềm của tuổi ấu niên. Trong khi già đi, tôi trở lại là trẻ thơ, và tôi sẵn lòng nhớ lại những gì mình đã làm khi lên mười hơn là khi ba mươi tuổi. Vậy xin bạn đọc hãy thứ lỗi cho tôi đôi khi rút ra những thí dụ từ bản thân mình; vì, để làm tốt cuốn sách này, tôi cần phải làm với niềm thích thú.

Dạo ấy tôi đang ở miền quê, trọ tại nhà một mục sư tên là Ông Lambercier. Làm bạn với tôi là một người anh em họ giàu có hơn tôi, và được đối xử như một người thừa kế, trong khi đó, sống xa cha mình, tôi chỉ là một kẻ mồ côi khốn khổ. Anh họ Bernard của tôi nhát gan một cách lạ lùng, nhất là vào ban đêm. Tôi chế nhạo sự khiếp sợ của anh ấy nhiều đến nỗi ông Lambercier, bực mình vì những điều tôi khoác lác, muốn thử thách lòng can đảm của tôi. Một chiều thu, trời rất tối, ông đưa cho tôi chìa khóa đền thờ và bảo tôi đi tìm cuốn Kinh Thánh để ở giảng đàn. Để kích thích lòng danh dự nơi tôi, ông nói thêm vài lời đặt tôi vào tình trạng không thể lùi bước.

Tôi ra đi không đèn đóm; nếu tôi có đèn, có lẽ còn tệ hơn nữa. Phải đi qua nghĩa trang; tôi băng qua một cách bạo dạn; vì, chừng nào cảm thấy mình ở ngoài trời, tôi không bao giờ khiếp sợ đêm tối cả.

Khi mở cửa, tôi nghe thấy trên vòm đền một tiếng vang nào đó mà tôi ngỡ như những tiếng nói, và tiếng ấy bắt đầu làm lung lay sự kiên quyết xứng với người La Mã nơi tôi. Cửa mở rồi, tôi muốn vào; nhưng vừa đi được vài bước, tôi dừng lại. Nhìn thấy bóng tối thâm u ngự trị chốn thênh thang này, một nỗi kinh hoàng xâm chiếm tôi khiến tôi dựng tóc gáy: tôi lùi lại, tôi đi ra, tôi bỏ chạy toàn thân run rẩy. Tôi gặp trong sân một con chó nhỏ tên là *Sultan*, sự quấn quýt của nó khiến tôi an tâm. Hổ thẹn vì nỗi khiếp hãi của mình, tôi quay trở lại song cố dẫn theo con *Sultan*, nó chẳng muốn đi theo tôi. Tôi đột ngột vượt qua cửa, tôi đi vào nhà thờ. Vừa vào trong đó, nỗi khiếp hãi lại xâm chiếm tôi, nhưng mạnh đến nỗi tôi mất trí; và mặc dù giảng đàn ở bên phải, và tôi biết rõ như vậy, song vì quay người đi mà không biết, nên tôi cứ tìm rất lâu ở bên trái, tôi lúng túng trong các hàng ghế, tôi chẳng còn biết mình đang ở đâu nữa, và do không thể tìm thấy giảng đàn cũng như cửa ra vào, tôi rơi vào một trạng thái bàng hoàng thảng thốt không sao tả nổi. Cuối cùng, tôi nhìn thấy cửa, tôi ra được khỏi ngôi đền, và rời xa nó như lần đầu, quyết tâm bao giờ cũng chỉ vào đó một mình giữa ban ngày mà thôi.

Tôi về đến nhà. Sắp sửa bước vào, thì tôi nhận ra tiếng của ông Lambercier qua những tràng cười giòn giã. Tôi nghĩ trước rằng đó là cười

mình, và thẹn thùng vì bị đưa ra cười giễu, tôi ngần ngại chưa mở cửa. Trong quãng thời gian ấy, tôi nghe thấy cô Lambercier lo lắng cho tôi, bảo người hầu gái lấy chiếc đèn lồng, và ông Lambercier sửa soạn đi tìm tôi, có người anh họ dũng cảm của tôi hộ tống, sau đó có lẽ mọi người không quên quy cho anh ta toàn bộ vinh dự của cuộc thám hiểm. Lập tức mọi khiếp hãi nơi tôi chấm dứt, và chỉ để lại trong tôi nỗi khiếp hãi bị bắt gặp trong cảnh chạy trốn: tôi chạy, tôi phóng như bay đến ngôi đền; chẳng lạc lối, chẳng lần mò, tôi đến được giảng đàn; tôi leo lên, tôi lấy cuốn Kinh Thánh, tôi lao xuống; chỉ ba bước nhảy là tôi ra khỏi đền thờ, quên cả khép cửa; tôi vào phòng, mệt đứt hơi, tôi ném cuốn Kinh Thánh lên bàn, hoảng hốt, nhưng hồi hộp vui mừng vì đã ngăn ngừa được sự cứu viện dành cho mình.

Mọi người sẽ hỏi xem liệu tôi có đưa câu chuyện này ra làm một khuôn mẫu để noi theo, và làm thí dụ cho sự vui vẻ mà tôi đòi hỏi trong các loại luyện tập ấy hay không. Không đâu; nhưng tôi đưa câu chuyện ra để chứng minh rằng không gì có khả năng trấn tĩnh người sợ bóng tối ban đêm hơn việc nghe thấy trong một gian phòng kế bên một nhóm người tụ họp bình thản cười nói. Tôi những muốn rằng, thay vì đùa một mình như vậy với học trò, thì các buổi tối ta tập hợp rất nhiều trẻ em vui tính; rằng thoạt tiên ta không cử chúng đi riêng rẽ, mà nhiều em đi cùng nhau, và ta sẽ không mạo hiểm để một em nào hoàn toàn đi một mình, nếu không biết trước một cách chắc chắn là em sẽ không quá khiếp hãi vì việc ấy.

Tôi nghĩ không gì thú vị và hữu ích bằng những trò chơi tương tự, chỉ cần ta dụng tâm khéo léo một chút trong việc sắp đặt. Tôi sẽ tạo ra tại một gian phòng lớn một kiểu mê lộ với những chiếc bàn, những ghế bành, ghế dựa, các bức bình phong. Trong những quãng quanh co rối rắm của mê lộ này, tôi sẽ sắp đặt, giữa tám hay mười chiếc hộp đánh lừa, một hộp khác gần tương tự, song đựng đầy kẹo; tôi sẽ chỉ ra bằng lời lẽ rõ ràng, nhưng ngắn gọn, địa điểm chính xác có hộp kẹo; tôi sẽ cung cấp thông tin vừa đủ để những ai chú ý nhiều hơn và khinh suất ít hơn trẻ em[96] phân biệt được chiếc hộp ấy, rồi, sau khi cho các đối thủ tí hon rút thăm, tôi lần lượt cử chúng đi tất cả, cho đến khi tìm được chiếc hộp đúng: tôi sẽ lưu tâm làm cho việc này khó khăn tương xứng với sự khéo léo của chúng.

---

[96] Nhằm luyện cho trẻ chú ý, bao giờ cũng chỉ nói với chúng những điều mà chúng có một lợi ích rõ ràng và hiện tại để hiểu rõ; đặc biệt không hề dài dòng, không một lời nào thừa; nhưng cũng đừng để trong lời lẽ có chỗ khó hiểu hay mập mờ.

Các vị hãy hình dung một chàng Hercule tí hon đi tới tay cầm chiếc hộp, rất tự hào vì cuộc thám hiểm của mình. Hộp được đặt lên bàn, mọi người long trọng mở nó ra. Từ chỗ này tôi nghe thấy những tiếng cười rộ, những tiếng hò la phản đối của đám trẻ vui tươi, khi mà, thay vì mứt kẹo mọi người đang chờ đợi, chúng thấy, được xếp đặt thật thích đáng trên lớp rêu hay lớp bông, một con bọ hung, một con ốc sên, mẩu than, quả thông, củ cải, hoặc một vật phẩm nào đó tương tự. Những lần khác, trong một gian phòng mới được quét vôi, ta sẽ treo gần tường một đồ chơi nào đó, một đồ đạc nhỏ nào đó cần phải đi tìm mà không chạm vào tường. Cái cậu đem thứ đó về vừa quay lại, nếu làm sai điều kiện chút ít, thì chóm mũ bị hoen trắng, mũi giày, đuôi vạt áo, ống tay áo sẽ làm lộ ra sự vụng về của cậu ta. Thế là đủ lắm rồi, có lẽ quá nhiều nữa, để làm mọi người hiểu tinh thần của những loại trò chơi này. Nếu phải nói hết tất cả với các vị, thì các vị đừng đọc tôi nữa.

Lợi thế nào mà một người được nuôi dạy như thế lại không có được vào ban đêm đối với những người khác? Những bàn chân đã quen vững vàng trong bóng tối, những bàn tay đã tập đặt lên mọi vật thể bao quanh một cách thoải mái, sẽ dẫn dắt anh chẳng khó khăn gì trong bóng tối dày đặc nhất. Trí tưởng tượng của anh, đầy ắp những trò chơi ban đêm thời niên thiếu, sẽ khó hướng sang những đối tượng gây hãi hùng. Nếu anh ngỡ như nghe thấy những tiếng cười rộ, thì thay vì tiếng cười của ma trơi, đó sẽ là tiếng cười của các bạn xưa; nếu anh hình dung một đám người tụ họp, thì đó sẽ không phải là dạ hội ma thuật, mà là gian phòng của thầy giáo. Đêm tối, do chỉ làm anh nhớ lại những ý tưởng vui tươi, sẽ không bao giờ gớm ghê đối với anh; thay vì sợ nó, anh sẽ yêu thích nó. Nếu vấn đề là một cuộc viễn chinh, anh sẽ sẵn sàng bất kỳ lúc nào, một mình cũng như cùng đội ngũ. Anh sẽ vào nơi đóng quân của Saul[97], sẽ đi khắp trong đó không lạc lối, anh sẽ đến tận lều của nhà vua mà không làm ai thức giấc, anh sẽ từ đó quay về mà không ai nhìn thấy. Có cần phải cướp những con ngựa của Rhésus, các vị đừng sợ cứ nói với anh ta. Trong số những người được nuôi dạy theo cách khác, các vị sẽ khó lòng tìm được một Ulysse[98].

Tôi đã thấy những người muốn dùng các điều bất ngờ để tập cho trẻ không sợ hãi gì trong đêm tối. Phương pháp này rất dở; nó tạo một hiệu quả

---

[97] * Theo Kinh Thánh, Saul là vị vua đầu tiên của người Israël.

[98] * Nhân vật chính trong sử thi *Odyssée* của Homère, con người khôn khéo, tài giỏi, kết hợp mưu mẹo, tài năng thuyết phục với sức mạnh và lòng dũng cảm.

ngược hẳn lại hiệu quả mà người ta tìm kiếm, và chỉ khiến cho trẻ càng sợ sệt thêm mà thôi. Cả lý trí cả thói quen đều không thể giúp người ta trấn tĩnh trước ý tưởng về một mối nguy hiểm hiện tại mà ta không biết được mức độ cũng như kiểu loại, và trước nỗi sợ những điều bất ngờ mà ta đã nhiều lần nếm trải. Tuy nhiên, làm thế nào tin chắc là luôn giữ được cho học trò mình không gặp phải những biến cố ngẫu nhiên tương tự? Theo tôi, dường như đây là lời khuyên tốt nhất có thể phòng ngừa cho nó chuyện này. Tôi sẽ bảo Émile rằng: Khi đó, em ở vào trường hợp tự vệ chính đáng; vì kẻ tấn công không để cho em xét đoán xem hắn định làm em đau hay làm em sợ, và, vì hắn đã chiếm lợi thế, nên em không thể cậy nhờ ngay cả việc chạy trốn. Vậy em hãy bạo dạn tóm lấy kẻ bắt chợt em ban đêm, người hay thú vật, không quan trọng; xiết chặt lấy nó, dùng hết sức lực mà nắm giữ nó; nếu nó vùng vẫy, em hãy đánh, hãy nện đừng đắn đo; và, dù nó có thể nói gì làm gì chăng nữa, bao giờ em cũng chỉ thôi đánh khi hiểu rõ chuyện là thế nào. Điều khám phá chắc hẳn sẽ cho em biết là chẳng có gì đáng sợ lắm, và cách đối xử như vậy với những kẻ thích đùa ắt khiến họ ngán làm lại trò này.

Mặc dù trong tất cả các giác quan của chúng ta, xúc giác là giác quan được ta sử dụng liên tục nhất, song các phán đoán của xúc giác, như tôi đã nói, vẫn không trọn vẹn và vẫn thô sơ hơn phán đoán của bất kỳ giác quan nào khác, bởi lẽ ta liên tục phối hợp việc sử dụng xúc giác với việc sử dụng thị giác, và do mắt đến được đối tượng sớm hơn bàn tay, nên óc hầu như luôn luôn phán đoán không cần bàn tay. Bù lại, các phán đoán của xúc giác lại là những phán đoán chắc chắn nhất, chính vì chúng thiển cận nhất; bởi vì, do chỉ trải ra xa rộng chừng nào bàn tay của chúng ta có thể với đến được, nên chúng chấn chỉnh sự khinh suất của các giác quan khác, những giác quan này lao ra xa đến những đối tượng mà chúng chỉ hơi nhận thấy, trong khi tất cả những gì xúc giác nhận thấy, là nó nhận rõ. Hãy thêm rằng, do khi nào muốn, là ta kết hợp sức lực của cơ bắp với hoạt động của các dây thần kinh, nên chúng ta hợp nhất được, nhờ một cảm nhận đồng thời, phán đoán về nhiệt độ, tầm vóc, hình dạng, với phán đoán về trọng lượng và khối lượng. Như vậy trong tất cả các giác quan, thì xúc giác, do là giác quan cho ta biết nhiều nhất về ấn tượng mà các vật thể bên ngoài có thể gây ra với thân thể chúng ta, cho nên là giác quan được sử dụng thường xuyên nhất và đem lại cho ta một cách trực tiếp nhất sự thông hiểu cần thiết cho việc tự bảo tồn.

Bởi xúc giác có rèn luyện thay thế được cho thị giác, thì tại sao nó không thay thế được cả thính giác đến một mức độ nào đó, vì âm thanh gây nên ở các

vật thể kêu vang những rung chuyển cảm nhận được do xúc giác? Bằng cách đặt bàn tay lên thân một cây đàn violoncelle, ta có thể, không cần sự giúp đỡ của mắt và tai, mà chỉ qua cách ngân rung và run rẩy của gỗ, phân biệt được âm thanh do cây đàn phát ra trầm hay cao, được kéo từ dây cao nhất hay từ dây trầm nhất. Cứ rèn luyện giác quan về những sự khác biệt như thế, tôi tin rằng cùng với thời gian người ta có thể trở nên mẫn cảm đến mức nghe được cả một điệu nhạc bằng các ngón tay. Giả định như vậy rồi, thì rõ ràng ta có thể dễ dàng nói với người điếc bằng âm nhạc; vì các âm điệu và các nhịp, do cũng có thể kết hợp đúng quy tắc chẳng kém các cách phát âm và các tiếng nói, nên cũng có thể được coi như những yếu tố của lời lẽ.

Có những sự tập luyện khiến xúc giác cùn nhụt đi và trì độn hơn; ngược lại, các tập luyện khác mài sắc nó và khiến nó thành tinh vi tế nhị hơn. Những sự tập luyện thứ nhất phối hợp nhiều động tác và nhiều lực với tác động liên tục của các vật thể cứng, làm cho da thành thô ráp, chai sạn, và mất đi cảm giác tự nhiên; những sự tập luyện thứ hai biến hóa chính cảm giác ấy nhờ một sự tiếp xúc nhẹ nhàng và thường xuyên, thành thứ trí óc, chú ý đến những ấn tượng không ngừng lặp lại, đạt tới chỗ dễ dàng phán đoán mọi biến đổi trong các ấn tượng đó. Sự khác biệt này rõ rệt trong việc sử dụng các nhạc cụ: sự tiếp xúc cứng cỏi và gây đau của đàn violoncelle, contre-basse, ngay cả vĩ cầm, trong khi khiến các ngón tay uyển chuyển hơn, lại làm khô cứng các đầu ngón tay. Sự tiếp xúc trơn và nhẵn của đàn clavecin[99] khiến ngón tay cũng uyển chuyển và đồng thời nhạy cảm hơn. Vậy trong việc này đàn clavecin nên được ưa chuộng.

Cần để làn da dạn dày với tác động của không khí và có thể coi thường những biến đổi của không khí; vì chính da bảo vệ toàn bộ những thứ khác. Trừ điều này ra, tôi không muốn bàn tay, do sử dụng một cách quá câu nệ vào những công việc giống nhau, bị cứng lại, và da tay thành gần như xương xẩu, mất đi cảm giác tuyệt vời cho biết các vật thể mà tay ta lướt qua là cái gì, và, tùy theo loại tiếp xúc, đôi khi khiến chúng ta rùng mình trong bóng tối theo nhiều cách khác nhau.

Tại sao học trò của tôi lại buộc phải luôn luôn có dưới bàn chân một lớp da bò? Có hại gì nếu chính làn da của nó khi cần có thể dùng làm đế giày cho nó? Rõ ràng là ở bộ phận này, sự tinh tế của làn da chẳng bao giờ được việc gì

[99] * Một loại phong cầm xưa.

hết, và nhiều khi còn có thể gây hại. Bị kẻ địch làm thức dậy lúc nửa đêm giữa mùa đông trong thành phố, những người Genève tìm thấy các khẩu súng của mình nhanh hơn là các đôi giày. Nếu chẳng người nào trong số họ biết đi chân trần, thì ai mà biết được liệu Genève có bị chiếm hay không[100]?

Ta hãy luôn chuẩn bị cho con người chống lại các tai nạn bất ngờ. Émile cứ chạy chân trần các buổi sáng, vào tất cả các mùa, trong phòng, ở cầu thang, trong vườn; chẳng những không mắng nó, tôi còn làm theo nó; có điều, tôi sẽ cẩn thận gạt thủy tinh ra xa. Sau đây tôi sẽ nói ngay đến các công việc và các trò chơi chân tay.

Vả lại, Émile cứ tập tất cả các bước đi giúp cho sự phát triển của thân thể, tập giữ trong mọi dáng điệu một tư thế thoải mái và vững vàng; nó hãy biết nhảy xa, nhảy cao, trèo cây, vượt tường; nó hãy luôn giữ được thăng bằng; sao cho mọi động tác, mọi cử chỉ của nó đều được tổ chức theo các luật quân bình, từ rất lâu trước khi tĩnh lực học tham gia giải thích cho nó những luật này. Qua cách bàn chân đặt xuống đất và thân thể dựa lên bắp chân, nó phải cảm thấy mình dễ chịu hay khó chịu. Một cách ngồi chắc chắn bao giờ cũng duyên dáng, và các tư thế vững vàng nhất cũng là những tư thế thanh nhã nhất. Nếu tôi là vũ sư, tôi sẽ không làm tất cả những trò hề của Marcel[101], hay ho đối với xứ sở nơi ông ta làm trò; mà, thay vì cho học trò tập nhảy nhót liên miên, tôi sẽ dẫn nó đến chân một núi đá; ở đó, tôi sẽ chỉ cho nó phải giữ tư thái nào, phải hướng thân mình và đầu ra sao, phải làm động tác gì, phải đặt khi thì bàn chân khi thì bàn tay theo cách nào, để nhẹ nhàng lần theo những lối dốc gập ghềnh khấp khểnh, và lao mình từ mỏm nhọn này sang mỏm nhọn khác khi lên cũng như khi xuống. Tôi sẽ khiến nó thành đối thủ của một con hoẵng hơn là của một vũ công rạp opéra.

---

[100] * Rousseau muốn nói đến một sự kiện vẻ vang trong lịch sử Genève: năm 1602, những người Genève đã đánh bại một cuộc đột kích ban đêm của các toán quân Savoie, giữ được tự do cho xứ sở.

[101] Vũ sư danh tiếng của Paris, do hiểu rõ giới giao thiệp với mình, nên tỏ ra ngông cuồng vô lý vì mưu mẹo, và gán cho nghệ thuật của mình một tầm quan trọng mà mọi người vờ thấy là buồn cười, nhưng kỳ thực họ lại hết sức kính trọng ông ta vì điều đó. Ở một nghệ thuật khác không kém phù phiếm, ngày nay người ta còn thấy một diễn viên cũng làm ra vẻ quan trọng và điên rồ, và cũng thành công không kém. Phương pháp này luôn chắc chắn thành công ở Pháp. Tài năng thực sự, giản dị hơn và không lừa bịp bằng, không hề được hoan nghênh tại đó. Ở đó sự khiêm nhường là đức tính của những kẻ ngu ngốc.

Xúc giác tập trung các hoạt động của nó xung quanh con người chừng nào, thì thị giác mở rộng hoạt động ra bên ngoài con người chừng ấy; đó là điều khiến các hoạt động này gây lầm lẫn: qua một cái nhìn con người bao quát một nửa chân trời của mình. Trong vô số cảm giác đồng thời và vô số phán đoán do những cảm giác này khơi gợi, làm sao không lầm lẫn một điều nào? Như vậy thì trong tất cả các giác quan, thị giác dễ sai lầm nhất, chính vì nó là giác quan trải rộng nhất, và do đi trước mọi giác quan khác rất xa, các hoạt động của nó quá mau mắn và quá rộng lớn thành thử không thể được chấn chỉnh nhờ các giác quan này. Còn hơn thế nữa, chính các ảo giác của viễn cảnh lại cần thiết cho chúng ta để biết được khoảng rộng và để so sánh các bộ phận của nó. Không có những vẻ bề ngoài không thực, chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì ở xa hết; không có những tăng giảm dần dần về tầm vóc và ánh sáng, chúng ta sẽ chẳng thể đánh giá một khoảng cách nào hết, hay nói đúng hơn, với chúng ta sẽ không hề có khoảng cách. Nếu trong hai cái cây bằng nhau, mà cái cây ở cách ta một trăm bước chân có vẻ cũng lớn và cũng rõ như cái cây ở cách mười bước, thì chúng ta sẽ đặt chúng ở bên cạnh nhau. Nếu chúng ta nhìn mọi kích thước của các vật thể theo số đo thực của chúng, thì ta sẽ chẳng thấy một không gian nào hết, và tất cả sẽ xuất hiện với ta trên con mắt của ta.

Thị giác, để phán đoán về tầm vóc của các vật thể và về khoảng cách của chúng, chỉ có cùng một đơn vị đo lường, đó là giác độ do các vật thể tạo ra trong mắt chúng ta; và vì giác độ này là một kết quả đơn của một nguyên nhân phức hợp, nên phán đoán do giác độ khơi gợi trong chúng ta vẫn để cho mỗi nguyên nhân riêng không được xác định, hoặc phán đoán đó tất nhiên trở thành sai lầm. Vì, làm thế nào chỉ nhìn bằng mắt thường mà phân biệt được liệu giác độ từ đó tôi thấy một vật thể nhỏ hơn một vật thể khác là như vậy bởi quả thực vật thể thứ nhất ấy nhỏ hơn, hay bởi nó cách xa hơn?

Vậy ở đây cần theo một phương pháp trái ngược với phương pháp trước; thay vì đơn giản hóa cảm giác, thì tăng nó lên gấp đôi, bao giờ cũng kiểm tra nó bằng một cảm giác khác, bắt cơ quan thị giác phục tùng cơ quan xúc giác và có thể nói là kiềm chế tính chất hung hăng nóng nảy của giác quan thứ nhất bằng sự vận hành nặng nề chậm chạp và quy củ của giác quan thứ hai. Không phục tùng cách làm này, thì những kích thước đo lường qua đánh giá của chúng ta rất sai lầm. Chúng ta chẳng có một sự chính xác nào trong cái nhìn để phán đoán các chiều cao, chiều dài, các độ sâu, các khoảng cách; và điều chứng minh rằng lỗi do giác quan không nhiều bằng do cách sử dụng giác quan, đó là các kỹ sư, các nhân viên đo đạc, các kiến trúc sư, các thợ nề, thợ

sơn nói chung thường có mắt nhìn tinh xác hơn chúng ta nhiều, và họ đánh giá các kích thước của không gian đúng đắn hơn; bởi lẽ nghề nghiệp đem lại cho họ về phương diện này kinh nghiệm mà chúng ta bỏ qua không thu nhận, họ tước đi tính mập mờ của giác độ nhờ các dáng vẻ bề ngoài kèm theo nó, và xác định đúng đắn hơn trước mắt họ mối quan hệ giữa hai nguyên nhân tạo nên giác độ này.

Tất cả những gì khiến thân thể vận động mà không ép buộc nó thì bao giờ cũng dễ dàng bảo được trẻ em làm. Có hàng ngàn phương kế khiến trẻ thích thú đo đạc, hiểu biết, đánh giá các khoảng cách. Kia là một cây anh đào rất cao, ta làm thế nào để hái quả nhỉ? Cái thang ở nhà kho có hợp cho việc này không? Kia là một con suối rất rộng, ta làm thế nào mà qua được nhỉ? một trong những tấm ván ở sân có bắc sang được hai bờ không? Chúng ta muốn đứng từ cửa sổ để câu cá trong các đường hào của lâu đài; dây câu của chúng ta phải dài bao nhiêu sải? Thầy muốn làm một cái đu giữa hai cây này; một sợi thừng dài hai *toise*[102] có đủ không? Người ta bảo thầy rằng ở ngôi nhà kia, phòng của thầy trò ta sẽ rộng hai mươi lăm mét vuông; em nghĩ nó có hợp với chúng ta không? nó có lớn hơn phòng này không? Chúng ta rất đói; kia là hai thôn làng; ta sẽ đến được làng nào sớm hơn để ăn tối? v.v...

Vấn đề là phải tập chạy cho một đứa trẻ uể oải và lười nhác, không tự mình hướng đến việc luyện tập này cũng như bất kỳ môn tập nào khác, mặc dù mọi người định cho nó theo binh nghiệp; tôi không biết làm sao mà nó lại tin chắc rằng một người ở địa vị nó không phải làm gì không phải biết gì, và dòng dõi quý phái của nó phải thay thế cho chân, cho tay, cũng như mọi loại giá trị khác. Khiến cho một nhà quý tộc như vậy thành một Achille có bàn chân lanh lẹ, thì tài khôn khéo của một Chiron[103] cũng khó mà làm được. Khó khăn càng lớn bởi tôi tuyệt đối không muốn quy định cho nó một điều gì hết; tôi đã gạt khỏi quyền của mình các lời động viên, hứa hẹn, dọa dẫm, sự ganh đua, ham muốn nổi bật; làm thế nào đem lại cho nó ham muốn chạy mà không bảo gì nó hết? Tự mình chạy có lẽ là một phương kế không chắc chắn thành công mà lại có những bất tiện. Và chăng còn phải rút ra từ việc luyện

---

[102] * Đơn vị đo chiều dài xưa, bằng 1m949.

[103]* Theo thần thoại Hy Lạp, một trong các quái vật đầu người mình ngựa, con của Khổng lồ Cronos. Khác với các quái vật khác dốt nát, thô bạo, Chiron nhân hậu và giỏi giang, từng dạy dỗ Achille, Hercule, và nhiều nhân vật thần thoại khác.

tập này một vấn đề giáo dục đối với nó, nhằm tập cho các hoạt động của bộ máy và các hoạt động của phán đoán luôn hiệp đồng vận hành. Tôi đã làm như sau: tôi, tức là người đang nói trong thí dụ này.

Các buổi chiều dạo chơi cùng nó, thỉnh thoảng tôi để trong túi hai chiếc bánh ngọt loại mà nó rất thích; mỗi người chúng tôi ăn một chiếc trong khi đi dạo[104], và chúng tôi trở về hết sức hài lòng. Một hôm nó nhận thấy tôi có ba chiếc bánh; nó có thể ăn đến sáu cái mà không khó ở; nó mau mắn ăn hết bánh của mình để xin tôi cái thứ ba. Không, tôi bảo nó: chính thầy cũng có thể ăn rất ngon lành chiếc bánh này, hoặc ta chia nhau; nhưng thầy thích nhìn thấy hai chú bé kia thi chạy để giành lấy nó hơn. Tôi gọi các chú bé, tôi cho chúng xem chiếc bánh và đề xuất điều kiện. Chúng chẳng đòi hỏi gì hơn. Bánh được đặt trên một hòn đá to dùng làm đích; đường đua được đánh dấu: chúng tôi ngồi xuống; khi tín hiệu ban ra, các chú bé xuất phát; kẻ thắng vớ lấy bánh, rồi ăn bánh trước mắt khán giả và kẻ bại chẳng hề thương xót.

Trò vui đáng giá hơn chiếc bánh; nhưng mới đầu chưa được hoan nghênh và không có kết quả gì. Tôi không chán nản cũng chẳng vội vàng: giáo dục trẻ em là một nghề ở đó cần biết mất thời gian để giành được thời gian. Chúng tôi tiếp tục các cuộc dạo chơi; chúng tôi thường cầm đi ba chiếc bánh, đôi khi bốn chiếc, và thỉnh thoảng có một chiếc bánh, thậm chí hai chiếc, cho những người chạy thi. Nếu giải thưởng chẳng lớn, thì những người tranh giải cũng chẳng nhiều tham vọng: kẻ thắng được khen ngợi, đón mừng; mọi sự diễn ra một cách long trọng. Để có những chuyển biến và để tăng thêm hứng thú, tôi đánh dấu đường đua dài hơn, tôi nhận nhiều đối thủ. Các đối thủ này vừa bước vào đấu trường, là tất cả những người qua đường đều dừng chân để nhìn họ; tiếng hoan hô, tiếng hò la, tiếng vỗ tay khiến họ phấn khích; thỉnh thoảng tôi thấy cậu học trò của tôi giật mình, đứng dậy, reo lên khi một đối thủ sắp đuổi kịp hay sắp vượt đối thủ khác; đối với cậu ta đây là các môn thi tài trên đấu trường Hy Lạp thời cổ.

---

[104] Dạo chơi ở đồng quê, như lát nữa ta sẽ thấy. Các chốn dạo chơi công cộng nơi thành thị độc hại với trẻ em nam cũng như nữ. Chính ở đó chúng bắt đầu trở nên kiêu căng phù phiếm và muốn được mọi người nhìn: chính ở Luxembourg, Tuileries, nhất là ở Palais-Royal, mà giới thanh niên sang trọng của Paris sẽ mang lấy cái vẻ xấc xược và hợm hĩnh khiến họ thành hết sức lố bịch, và bị ghét bị la ó phản đối khắp châu Âu.

Tuy nhiên các đối thủ đôi khi gian trá; chúng kìm giữ lẫn nhau, hoặc làm ngã nhau, hoặc đứa nọ đẩy những hòn sỏi lên lối đi của đứa kia. Điều này cung cấp cho tôi một cớ để chia tách chúng, và cho chúng xuất phát từ những hạn giới khác nhau, tuy cùng cách xa đích như nhau: ta sẽ thấy ngay lý do của sự lo trước ấy; vì tôi phải xử lý vấn đề quan trọng này một cách hết sức tỉ mỉ.

Buồn bực vì luôn thấy người ta ăn ngay trước mắt những chiếc bánh ngọt mà mình rất thèm, cuối cùng cậu công tử bèn nghĩ rằng chạy giỏi cũng có thể được việc gì đó, và thấy mình cũng có cặp giò, cậu ta bắt đầu bí mật thử tập. Tôi giữ gìn để không nhìn thấy gì hết; nhưng tôi hiểu rằng mưu kế của mình đã thành công. Khi cậu ta cho rằng mình đã khá giỏi, và tôi biết ý nghĩ của cậu trước cả cậu, cậu vờ quấy rầy tôi để được chiếc bánh còn lại. Tôi từ chối, cậu ta khăng khăng, và cuối cùng bảo tôi với vẻ bực bội: Nào! thầy để bánh lên hòn đá, thầy đánh dấu đường đua, rồi ta sẽ thấy. Được! tôi cười bảo cậu ta, một công tử mà biết chạy sao? Cậu sẽ đạt được sự ngon miệng thèm ăn nhiều hơn, chứ chẳng đạt được gì để thỏa mãn cái thèm đó đâu. Tức tối vì lời chế nhạo của tôi, cậu ta gắng hết sức, và đoạt giải, càng dễ đoạt hơn vì tôi đã làm đường đua rất ngắn và đã cẩn thận gạt đi người chạy nhanh nhất. Ta hiểu rằng, đã đi được bước đầu tiên rồi, tôi dễ dàng giữ cho cậu ta tiếp tục như thế nào. Chẳng bao lâu cậu ta hứng thú tập luyện môn này đến mức, chẳng cần ưu ái, cậu cũng hầu như chắc chắn thắng những chú bé của tôi trong cuộc chạy, dù đường đua có dài đến mấy.

Thành công đạt được này tạo ra một thành công khác nữa mà trước đó tôi không nghĩ tới. Khi thằng bé hiếm khi đoạt giải, hầu như bao giờ nó cũng ăn một mình, giống như các đối thủ của nó; nhưng khi đã quen với chiến thắng, nó trở nên hào hiệp và thường chia sẻ bánh cùng những kẻ thua. Điều này cung cấp cho bản thân tôi một nhận xét luân lý, và qua đó tôi biết được nguyên lý thực sự của lòng hào hiệp là thế nào.

Trong khi tiếp tục cùng nó đánh dấu ở những địa điểm khác biệt các hạn giới tại đó mỗi người phải xuất phát cùng một lúc, không để nó nhận thấy, song tôi làm cho các khoảng cách không đều nhau, thành thử người này, phải chạy đoạn đường dài hơn người kia để đến cùng một đích, rõ ràng bị bất lợi; nhưng, dù tôi để cho học trò mình được chọn, nó không biết giành ưu thế. Chẳng bận tâm về khoảng cách, bao giờ nó cũng thích đoạn đường đẹp nhất; thành thử, dễ dàng biết trước sự chọn lựa của nó, tôi hầu như tuỳ ý định đoạt việc nó được hay mất chiếc bánh. Tuy nhiên, vì ý định của tôi là để nó nhận

thấy sự khác biệt, nên tôi cố làm cho điều đó thành rõ rệt với nó; nhưng mặc dù ơ hờ uể oải khi yên ổn, nó lại hết sức hăng hái trong các trò chơi, và rất ít nghi ngờ tôi, thành thử tôi phải vô cùng vất vả để làm nó nhận thấy tôi ăn gian. Cuối cùng tôi đạt được điều ấy bất kể sự dại dột vô tâm của nó; nó trách tôi về việc này. Tôi bảo nó: Em phàn nàn chuyện gì chứ? trong tặng phẩm thầy muốn trao, thầy chẳng làm chủ các điều kiện của mình sao? Ai bắt em chạy nào? thầy có hứa với em là làm các đường đua bằng nhau không? em chẳng được chọn đấy ư? Em cứ lấy đoạn đường ngắn nhất, chẳng ai ngăn cản em hết. Làm sao em lại không thấy rằng thầy ưu đãi em, và sự không đồng đều mà em cần nhắn hoàn toàn có lợi cho em nếu em biết giành ưu thế? Điều đó thật rõ ràng; nó hiểu ra, và, để chọn, cần phải xem xét kỹ hơn. Mới đầu mọi người muốn đếm các bước, nhưng việc đo đếm các bước chân trẻ em vừa chậm vừa sai; hơn nữa, tôi nghĩ ra chuyện tăng thêm các cuộc đua trong cùng một ngày; và thế là, trò vui trở thành một thứ ham mê, mọi người tiếc phải mất vào việc đo các đường đua số thời gian dành cho việc chạy hết những đoạn đường ấy. Tính hăng hái của tuổi thơ khó hợp được với những sự lề mề này; vậy là mọi người tập nhìn đúng hơn, tập đánh giá đúng hơn một khoảng cách nhờ vào thị giác. Thế là tôi ít phải mất công phát huy và nuôi dưỡng sở thích này. Rốt cuộc, vài tháng thí nghiệm và nhầm lẫn huấn luyện cho nó cách tính toán bằng mắt giỏi đến mức, khi tôi đặt trong tưởng tượng của nó một chiếc bánh trên một vật nào đó ở xa, cái nhìn thoáng qua của nó gần chính xác bằng cái thước dây của nhân viên đo đạc.

Bởi trong tất cả các giác quan, thị giác là giác quan mà người ta ít tách rời được nhất khỏi các phán đoán của trí óc, nên cần rất nhiều thời gian để học nhìn; phải từng đối chiếu trong thời gian dài thị giác với xúc giác để tập cho thị giác quen báo cáo với chúng ta một cách trung thực về các hình tượng và các khoảng cách; không có xúc giác, không có động thái tiệm tiến, thì những con mắt sắc sảo nhất trên đời cũng không thể cho chúng ta một ý niệm nào về diện tích. Toàn bộ thế giới ắt chỉ là một điểm đối với một con trai; với con trai này thế giới không có vẻ là cái gì hơn thế cho dù một tâm hồn người có bảo cho nó biết. Chỉ nhờ đi nhiều, sờ nắn nhiều, đếm nhiều, đo đạc nhiều các khoảng cách, người ta mới học được cách đánh giá chúng; nhưng, nếu bao giờ người ta cũng đo, thì giác quan, do tin cậy vào công cụ, sẽ không đạt được tính chính xác nào hết. Cũng không nên để đứa trẻ chuyển đột ngột từ đo đạc sang đánh giá; trước hết cần để cho nó, bằng cách tiếp tục so sánh từng bộ phận những gì nó không thể so sánh ngay một lúc, thay thế những chỉ số chính xác

bằng những chỉ số ước lượng, và thay vì bao giờ cũng đo bằng tay, nó tập quen chỉ đo bằng mắt. Tuy nhiên tôi muốn người ta kiểm tra những thao tác đầu tiên của nó bằng các thước đo thực sự, nhằm giúp nó sửa chữa các sai lầm, và để, nếu còn sót lại bề ngoài sai lầm nào đó ở giác quan, thì nó học được cách chấn chỉnh bề ngoài sai lầm ấy nhờ một phán đoán đúng hơn Ta có những thước đo tự nhiên gần giống nhau ở mọi nơi: bước chân của một người, sải tay của người ấy, tầm vóc người ấy. Khi đứa trẻ ước lượng chiều cao của một tầng gác, thầy giáo có thể làm thước đo cho nó: nếu nó ước lượng chiều cao một gác chuông, thì nó hãy đo bằng các ngôi nhà; nếu nó muốn biết số dặm đường, thì hãy đếm số giờ đi bộ; và cần nhất là đừng làm một việc gì hộ nó, mà nó phải tự làm lấy hết.

Người ta không thể học phán đoán đúng về diện tích và tầm vóc các vật thể, mà không học hiểu biết cả hình dạng của chúng và thậm chí mô phỏng chúng; vì thực ra sự mô phỏng này chỉ nhất thiết liên quan đến luật viễn cận; và người ta không thể ước lượng diện tích dựa trên các vẻ bề ngoài của nó, mà không có một ý thức nào đó về các luật này. Trẻ em, rất hay mô phỏng, đứa nào cũng thử tập vẽ cả: tôi muốn thằng bé của tôi vun trồng kỹ năng này, không phải vì chính kỹ năng, mà để tập cho mắt nhìn được chính xác và bàn tay được uyển chuyển; và, nói chung, việc nó biết môn tập này hay môn tập nọ rất ít quan trọng, miễn là nó đạt được sự minh mẫn của giác quan và thói quen tốt của thân thể mà người ta thu được nhờ tập luyện môn đó. Vậy tôi hết sức tránh không cho nó một thầy dậy vẽ, ông ta sẽ chỉ cho nó mô phỏng những sự mô phỏng, và chỉ cho nó vẽ dựa trên các bức vẽ mà thôi: tôi muốn nó không có một thầy nào khác ngoài thiên nhiên, cũng không có hình mẫu nào khác ngoài các vật thể. Tôi muốn nó có trước mắt chính nguyên bản chứ không phải tờ giấy diễn tả nguyên bản, muốn nó phác họa một ngôi nhà dựa trên một ngôi nhà, một cái cây dựa trên một cái cây, một con người dựa trên một con người, nhằm để nó tập quen quan sát kỹ các vật thể và các dáng vẻ bên ngoài của vật thể, chứ không quen coi những mô phỏng giả tạo và ước lệ là những mô phỏng thực sự. Thậm chí tôi can nó đừng phác một cái gì theo trí nhớ khi các đối tượng không có đấy, cho đến bao giờ mà, nhờ những quan sát thường xuyên, hình dạng chính xác của các đối tượng đó in hằn vào trí tưởng tượng của nó; vì sợ rằng, do thay thế sự thực của mọi vật bằng những hình tượng kỳ dị và hư ảo, nó mất đi sự hiểu biết về các tỷ lệ và niềm ưa thích những cái đẹp của thiên nhiên.

Tôi biết là theo cách đó nó sẽ bôi quệt một thời gian dài mà chẳng làm nên cái gì có thể nhận ra được, nó sẽ lâu đạt được sự mỹ miều của dáng hình

và nét bút nhẹ nhàng của họa sĩ, có lẽ chẳng bao giờ biết phân biệt những hiệu quả ngoạn mục và có được thẩm mỹ tao nhã trong bức vẽ; bù lại, chắc chắn nó sẽ tập dần được một cái nhìn chính xác hơn, một bàn tay vững vàng hơn, sự hiểu biết những quan hệ thực sự về tầm vóc và hình dạng giữa các động vật, các cây cối, các vật thể tự nhiên, và một trải nghiệm nhuệ mẫn hơn về tác động của luật viễn cận. Đó chính là những gì tôi muốn làm, và chú ý của tôi để nó biết mô phỏng các vật không bằng để nó hiểu các vật; tôi thích hơn nếu nó phô ra với tôi một cây ô rô, và vẽ kém đẹp cành lá trên đỉnh một cây cột.

Vả lại, trong môn tập luyện này, cũng như trong tất cả các môn khác, tôi không chủ trương chỉ riêng học trò tôi vui chơi. Tôi muốn làm cho sự tập luyện ấy thành thú vị hơn nữa đối với nó bằng cách không ngừng chia sẻ cùng nó. Tôi không muốn nó có đối thủ nào khác ngoài tôi, nhưng tôi sẽ là đối thủ không ngừng nghỉ và không nguy hiểm; điều này khiến công việc của nó hứng thú, mà không gây ra ghen tị giữa chúng tôi. Tôi sẽ theo gương nó mà cầm cây bút chì; mới đầu tôi sử dụng bút cũng vụng về như nó. Giả như tôi có là một Apelle[105], thì tôi cũng chỉ tự thấy mình là một kẻ bôi quệt. Tôi sẽ bắt đầu bằng việc vẽ một người như những gã hầu vẫn vẽ lên tường; một vạch cho mỗi cánh tay, một vạch cho mỗi bắp chân, và các ngón tay to hơn cánh tay. Rất lâu về sau hoặc thầy hoặc trò chúng tôi sẽ thấy ra tính không tương xứng ấy; chúng tôi sẽ nhận xét rằng bắp chân có bề dày, và bề dày ấy không phải chỗ nào cũng giống nhau; rằng cánh tay có chiều dài nhất định so với thân hình, v.v... Trong sự tiến bộ này, tôi sẽ bước đi nhiều lắm là bên cạnh nó, hoặc tôi sẽ đi trước nó rất ít, thành thử nó luôn dễ dàng đuổi kịp tôi, và nhiều khi vượt quá tôi. Chúng tôi sẽ có các màu, các bút vẽ; chúng tôi sẽ cố gắng mô phỏng sắc màu của các vật thể và toàn bộ vẻ bên ngoài cũng như hình dạng của chúng. Chúng tôi sẽ tô màu, chúng tôi sẽ vẽ, chúng tôi sẽ bôi quệt; nhưng trong mọi sự bôi quệt của mình, chúng tôi không ngừng dò xét thiên nhiên; điều gì chúng tôi cũng sẽ chỉ làm dưới con mắt của bậc thầy mà thôi.

Chúng tôi đang lo đồ trang trí cho gian phòng của chúng tôi, thế là tìm được rồi. Tôi cho đóng khung các bức vẽ của chúng tôi; tôi cho lồng những tấm kính đẹp, để mọi người đừng động vào chúng nữa, và để, thấy chúng trong tình trạng chúng tôi sắp đặt, mỗi người đều chú ý không bỏ lơ các bức vẽ của mình. Tôi xếp chúng quanh phòng theo thứ tự, mỗi hình vẽ được lặp lại

[105] * Họa sĩ Hy Lạp (thế kỷ IV trước CN), danh tiếng bậc nhất thời cổ đại.

hai mươi, ba mươi lần, và cho thấy ở mỗi bản bước tiến của tác giả, từ lúc ngôi nhà chỉ là một hình vuông gần như dị dạng, cho đến lúc mà mặt tiền nhà, mặt cắt, các tỉ lệ, các bóng, đều xác thực hết mức. Những bước tiệm tiến này không ngừng bày ra cho chúng tôi những bức tranh thú vị đối với chúng tôi, lạ lùng đối với người khác, và luôn kích thích sự ganh đua giữa chúng tôi. Những bức đầu tiên, những bức thô sơ nhất, tôi cho lồng những chiếc khung thật rực rỡ, thếp vàng chói lọi, tôn bức tranh lên; nhưng khi sự mô phỏng trở nên chính xác hơn và bức vẽ thực sự khá, thì tôi chỉ cho nó một khung màu đen rất giản dị; nó không cần một sự trang hoàng nào khác ngoài bản thân nó, và sẽ là tổn thất nếu khung viền lại chia sẻ mất niềm chú ý mà đối tượng xứng đáng được hưởng. Như vậy mỗi người trong chúng tôi đều mong mỏi vinh dự được đóng khung trơn; và khi người này muốn rẻ rúng một bức vẽ của người kia, anh ta liền bắt nó phải chịu chiếc khung thếp vàng. Một ngày nào đó, có lẽ những chiếc khung thếp vàng ấy sẽ chuyển thành ngạn ngữ giữa chúng tôi với nhau, và chúng tôi sẽ tán thưởng bao con người tự thừa nhận tư cách bản thân bằng cách cho đóng khung mình như vậy.

Tôi đã nói rằng môn hình học không vừa sức trẻ em; nhưng đó là lỗi của chúng ta. Chúng ta không cảm thấy rằng phương pháp của trẻ không hề là phương pháp của chúng ta, và cái gì trở thành nghệ thuật suy luận với chúng ta thì với chúng chỉ là nghệ thuật nhìn mà thôi. Thay vì dạy chúng phương pháp của ta, tốt hơn là ta dùng phương pháp của chúng; vì cách ta học môn hình chính là một vấn đề của óc tưởng tượng cũng như của suy luận. Khi định lý được đưa ra, cần phải tưởng tượng sự chứng minh, nghĩa là phải tìm xem định lý ấy là hậu quả của định lý nào đã được biết, và, trong tất cả các hậu quả mà người ta có thể rút ra từ chính định lý ấy, phải chọn đúng hậu quả được bàn tới.

Theo cách này, người suy luận chính xác nhất, nếu không có óc sáng tạo, ắt cũng chịu tắc. Như vậy sẽ xảy ra điều gì từ tình hình trên? Điều đó là, thay vì giúp ta tìm ra các chứng minh, người ta đọc cho ta viết các chứng minh ấy; thay vì dạy ta lập luận, ông thầy lập luận hộ ta và chỉ rèn luyện trí nhớ của ta mà thôi.

Các vị hãy làm những hình thật chính xác, hãy kết hợp chúng, đặt hình nọ lên trên hình kia, hãy khảo sát các tương quan giữa chúng; các vị sẽ tìm ra toàn bộ môn hình học sơ đẳng bằng cách đi từ quan sát này đến quan sát kia, mà không cần đến vấn đề định nghĩa, tính toán, cũng như bất kỳ một hình

thức chứng minh nào khác ngoài sự xếp chồng đơn giản. Về phần tôi, thì tôi không hề có ý định dạy môn hình học cho Émile, chính nó sẽ dạy tôi, tôi sẽ tìm kiếm các tương quan, còn nó sẽ tìm ra những tương quan đó; vì tôi sẽ tìm kiếm theo cách nào để giúp cho nó tìm thấy. Thí dụ, thay vì dùng một chiếc compas để vẽ một vòng tròn, tôi sẽ vẽ hình này với một mũi nhọn buộc ở đầu một sợi dây quay xung quanh một cây trụ. Sau đó, khi tôi muốn so sánh các đường bán kính với nhau, Émile sẽ chế nhạo tôi, và nó sẽ làm cho tôi hiểu rằng cùng một sợi dây luôn căng thẳng đó không thể vẽ nên các khoảng cách không bằng nhau.

Nếu tôi muốn đo một góc sáu mươi độ, tôi vẽ từ đỉnh của góc đó, không phải một cung, mà cả một vòng tròn; vì với trẻ em, không bao giờ nên bắt chúng hiểu ngầm một điều gì hết. Tôi thấy rằng phần vòng tròn nằm giữa hai cạnh của góc là một phần sáu của vòng tròn. Sau đó cũng từ đỉnh ấy tôi vẽ một vòng tròn lớn hơn và tôi thấy cung thứ hai này cũng vẫn là một phần sáu vòng tròn của nó. Tôi vẽ vòng tròn thứ ba đồng tâm trên đó tôi làm cũng thí nghiệm trên; và tôi tiếp tục thí nghiệm cho đến khi Émile, thấy chướng vì sự dần độn của tôi, bảo cho tôi biết rằng mỗi cung, lớn hay nhỏ, bao gồm trong cùng một góc, sẽ luôn là một phần sáu vòng tròn của nó, v.v... Thế là chúng tôi sắp sử dụng thước đo độ được rồi.

Để chứng minh rằng các góc liên tiếp bằng hai góc vuông, người ta vẽ một vòng tròn; còn tôi thì trái lại, tôi làm thế nào để Émile chú ý đến điều đó trước tiên trong vòng tròn, rồi tôi bảo nó: nếu người ta bỏ các vòng tròn và các đường thẳng, các góc có thay đổi về độ lớn không, v.v...

Người ta bỏ qua tính chính xác của các hình, người ta giả định tính chính xác đó, và người ta chuyên chú vào việc chứng minh. Giữa chúng tôi, trái lại, sẽ không bao giờ có vấn đề chứng minh; việc quan trọng nhất của chúng tôi sẽ là kẻ những đường thật thẳng, thật chính xác, thật bằng nhau; là vẽ một hình vuông thật hoàn hảo, là phác một vòng tròn thật tròn. Để kiểm tra tính chính xác của hình, chúng tôi sẽ khảo sát hình ấy qua tất cả các đặc tính rõ ràng của nó; và điều này sẽ cho chúng tôi cơ hội để mỗi ngày lại khám phá ra những đặc tính mới. Chúng tôi sẽ gấp theo đường kính hai nửa vòng tròn; theo đường đối giác hai nửa của hình vuông; chúng tôi sẽ so sánh hai hình của chúng tôi xem hình nào mà các mép khít với nhau nhất, do đó là hình được vẽ đúng nhất; chúng tôi sẽ tranh cãi xem sự phân chia bằng nhau ấy có phải bao giờ cũng diễn ra trong các hình bình hành, hình thang hay không, v.v... Đôi khi chúng

tôi thử đoán trước thành công của thí nghiệm trước khi làm thí nghiệm; chúng tôi gắng tìm ra các lý do, v.v...

Với học trò tôi, hình học chỉ là kỹ năng sử dụng giỏi thước và compas; nó không được lẫn lộn hình học với hội họa, ở môn này nó sẽ chẳng dùng thứ nào trong các công cụ đó. Thước và compas được cất đi và khóa lại, và người ta chỉ họa hoằn mới cho nó sử dụng, và sử dụng trong thời gian ngắn mà thôi, để nó đừng quen bôi quệt; nhưng đôi khi chúng tôi có thể mang theo các hình trong lúc dạo chơi, và bàn bạc về những gì chúng tôi sẽ làm hoặc muốn làm.

Tôi sẽ không bao giờ quên đã gặp ở Turin một thanh niên thời thơ ấu từng được người ta dạy về tương quan giữa các chu vi và các diện tích bằng cách sáng nào cũng cho chọn trong tất cả các hình những chiếc bánh có chu vi bằng nhau. Chú bé tham ăn đã nghiên cứu đến nơi đến chốn nghệ thuật của Archimède để tìm ra trong hình nào thì có nhiều bánh để ăn nhất.

Khi một đứa trẻ chơi cầu lông, nó tập luyện để mắt và cánh tay được chính xác; khi nó quất một con quay, nó tăng thêm sức lực nhưng không học được gì cả. Đôi khi tôi đã hỏi xem tại sao người ta không cho trẻ em chơi cũng các trò khéo léo mà người lớn chơi: cầu vợt, cầu vồ, bi-a, bắn cung, bóng, các nhạc cụ. Người ta đã trả lời tôi rằng một vài trò chơi trong số đó vượt quá sức chúng, rằng tứ chi và các khí quan của chúng chưa đủ hình thành cho các trò khác. Tôi thấy những lý do này dở: một đứa trẻ không có tầm vóc của một người lớn, thế mà vẫn mặc y phục theo kiểu người lớn. Tôi không có ý nói nó chơi với các hòn bi-a của chúng ta trên một bàn cao ba *pied* [106]; tôi không có ý nói nó đến chơi tại các sân cầu của chúng ta, hay người ta đặt vào bàn tay bé bỏng của nó một cây vợt đánh cầu; mà muốn nói rằng nó chơi trong một gian phòng có cửa sổ đảm bảo; rằng mới đầu nó chỉ dùng những quả bóng mềm; rằng những cây vợt đầu tiên của nó làm bằng gỗ, sau đó bằng giấy da, và cuối cùng bằng dây ruột căng tùy theo bước tiến của nó. Các vị thích cầu lông hơn, vì trò này ít mệt và không nguy hiểm. Các vị sai vì hai lý do đó. Cầu lông là trò chơi của phụ nữ; nhưng chẳng một phụ nữ nào không làm trượt một quả cầu đang chuyển động. Làn da trắng của các bà không được chai cứng vì những vết bầm dập, và gương mặt các bà chẳng chờ đợi những sự sầy da chảy máu. Nhưng còn chúng ta, được tạo ra để mà cường tráng, ta tưởng trở nên cường tráng mà không vất vả ư? và ta sẽ có khả năng phòng vệ nào chứ, nếu không

[106] Xem chú thích 53.

bao giờ ta bị tấn công? Người ta luôn luôn chơi một cách lỏng lẻo lười nhác những trò ở đó ta có thể vụng về mà không nguy hiểm: một quả cầu lông rơi chẳng làm đau ai hết; nhưng không gì làm cho cánh tay hết lóng ngóng bằng việc phải che lấy đầu, không gì khiến cái nhìn được chính xác bằng việc phải bảo đảm cho đôi mắt. Lao mình từ đầu một gian phòng sang đầu bên kia, phán đoán bước này của một quả cầu đang còn ở trên không, đánh trả lại bằng bàn tay mạnh mẽ và chắc chắn; những trò chơi như thế phù hợp với con người ít hơn là có tác dụng đào tạo con người.

Người ta bảo rằng các đường gân thớ thịt của đứa trẻ còn quá mềm! Chúng ít khí lực hơn, nhưng vì thế lại uyển chuyển hơn; cánh tay của đứa trẻ yếu, nhưng rốt cuộc đó là một cánh tay; người ta phải làm với cánh tay ấy tất cả những gì ta làm với một cơ quan khác tương tự, theo tỷ lệ thích hợp. Trẻ em không có một sự khéo léo nào ở hai bàn tay; chính vì thế mà tôi muốn ta đem lại cho chúng sự khéo léo: một người lớn được tập luyện cũng ít như chúng sẽ chẳng khéo léo nhiều hơn đâu; chúng ta chỉ có thể biết được cách sử dụng các khí quan của mình sau khi đã dùng chúng. Chỉ có một kinh nghiệm lâu dài mới dạy được cho chúng ta biết lợi dụng bản thân mình, và kinh nghiệm ấy là môn học thực sự mà người ta chẳng thể áp dụng cho chúng ta quá sớm.

Tất cả những gì được làm đều làm được. Mà, không gì thông thường hơn việc nhìn thấy những đứa trẻ khéo léo và gọn gàng khỏe khoắn, tay chân cũng lanh lẹn như người lớn. Ở hầu hết các chợ phiên, ta đều thấy những đứa trẻ biểu diễn các trò giữ thăng bằng, đi bằng bàn tay, nhảy, múa trên dây. Ròng rã bao năm những đoàn vũ trẻ em chẳng thu hút khán giả đến Nhà hát Ý vì những vở ba lê của chúng đó sao! Ai không từng nghe nói đến đoàn kịch câm của Nicolini danh tiếng ở Đức và ở Ý? Có ai từng nhận thấy ở những đứa trẻ đó những động tác không phát triển bằng, những tư thái không duyên dáng bằng, tai nghe không chính xác bằng, điệu múa không nhẹ nhàng bằng những vũ công đã được đào tạo hoàn chỉnh? Thoạt tiên người ta có những ngón tay thô, ngắn, di động kém, những bàn tay mập mạp và ít có khả năng nắm chặt cái gì; điều này có ngăn cản chăng nhiều đứa trẻ biết viết hay biết vẽ ở độ tuổi mà nhiều đứa khác còn chưa cầm được bút chì cũng như bút lông? Cả Paris hãy còn nhớ cô bé người Anh chơi đàn clavecin tuyệt diệu ở tuổi lên mười[107]. Tôi đã thấy ở nhà một pháp quan, con trai ông ta, chú bé tám tuổi, được mọi người đặt lên bàn lúc dùng món tráng miệng, như một pho tượng giữa những

[107] Từ bấy đến nay một cậu bé bảy tuổi từng thực hiện những điều kỳ lạ hơn nữa.

chiếc khay, đứng tại đó mà chơi một cây đàn vĩ cầm to gần bằng mình, và khiến ngay cả các nghệ sĩ cũng kinh ngạc vì diễn tấu của chú.

Tôi thấy dường như tất cả những thí dụ trên và hàng vạn thí dụ khác chứng tỏ rằng việc giả định trẻ em không có khả năng với những môn luyện tập của chúng ta chỉ là tưởng tượng, và nếu người ta thấy chúng không thành công trong một vài môn, đó là vì người ta chưa bao giờ cho chúng tập hết.

Người ta sẽ bảo tôi rằng ở đây, đối với thân thể, tôi rơi vào khuyết điểm của việc giáo dục non sớm mà tôi chê trách ở trẻ em, đối với trí óc. Sự khác biệt rất lớn; vì một trong hai sự tiến bộ chỉ là bề ngoài, còn tiến bộ kia thì có thực. Tôi đã chứng minh rằng tài trí mà trẻ em tỏ ra là có, thì chúng không có, trong khi những gì chúng tỏ ra là làm, thì chúng làm. Và lại, bao giờ ta cũng phải nghĩ rằng tất cả những điều đó chỉ là hoặc chỉ nên là trò chơi, là sự điều khiển dễ dàng và tự nguyện các động tác mà thiên nhiên đòi hỏi ở trẻ, là nghệ thuật đa dạng hóa các trò vui của chúng để những trò ấy trở nên thú vị hơn với chúng, không bao giờ để sự ép buộc nhỏ nào biến những trò đó thành công việc; vì, rốt cuộc, có cái gì chúng chơi đùa mà tôi lại không thể làm thành một đề tài giáo dục đối với chúng? và nếu tôi không thể, thì miễn là chúng chơi đùa mà không có gì bất lợi, miễn là thời gian trôi đi, bước tiến của chúng trong mọi điều chẳng quan trọng xét về hiện tại; trong khi, nếu nhất định phải dạy chúng cái này hay cái khác, thì dù người ta tiến hành theo cách nào, cũng chẳng bao giờ làm được mà không có ép uổng, không có giận dỗi, và không buồn chán.

Những gì tôi đã nói về hai giác quan mà việc sử dụng là liên tục hơn cả và quan trọng hơn cả, có thể dùng làm thí dụ cho việc luyện tập các giác quan khác. Thị giác và xúc giác áp dụng cả trên các vật thể ngưng nghỉ và các vật thể chuyển động; nhưng vì chỉ có sự rung chuyển của không khí mới làm xúc động được thính giác, nên chỉ có một vật thể đang cử động mới tạo nên tiếng động hoặc âm thanh; còn nếu như tất cả đều ở trạng thái ngưng nghỉ, chúng ta sẽ không bao giờ nghe thấy gì hết. Vậy ban đêm, vì bản thân ta chỉ chuyển động chừng nào ta muốn, nên ta chỉ phải sợ những vật thể chuyển động, thì ta cần phải có cái tai nhanh nhạy, và có thể phán đoán, qua cảm giác tác động đến mình, liệu vật thể gây nên cảm giác đó lớn hay nhỏ, xa hay gần; liệu sự rung chuyển của nó mạnh hay yếu. Không khí rung chuyển có những phản hưởng dội chiếu nó, và, trong khi phản hưởng, lặp lại cảm giác, và khiến người ta nghe được vật thể gây nên tiếng động hoặc âm thanh tại một nơi khác với nơi

vật thể đang ở. Tại một đồng bằng hay một thung lũng, nếu áp tai xuống đất, ta sẽ nghe được tiếng người nói và bước chân ngựa xa hơn rất nhiều so với nếu ta vẫn đứng.

Vì chúng tôi đã so sánh thị giác với xúc giác, cũng nên so sánh thị giác với thính giác, và nên biết xem trong hai tác động, xuất phát đồng thời từ cùng một vật thể, tác động nào đến với khí quan của nó sớm nhất. Khi ta nhìn thấy ánh lửa từ một khẩu đại bác, ta hãy còn có thể nấp tránh; nhưng nếu vừa nghe thấy tiếng nổ, thì không còn kịp nữa, viên đạn đã ở đó rồi. Ta có thể phán đoán về khoảng cách nơi có sấm sét nhờ quãng thời gian trôi qua từ ánh chớp đến tiếng nổ. Các vị hãy làm sao cho đứa trẻ biết được tất cả các thí nghiệm đó; sao cho nó làm những thí nghiệm vừa sức nó, và nó tìm ra các thí nghiệm khác nhờ quy nạp, song tôi thích nó không biết những điều đó hơn gấp trăm lần nếu các vị cần phải bảo cho nó.

Chúng ta có một khí quan đáp lại thính giác, đó là khí quan của tiếng nói; chúng ta không có khí quan như thế để đáp ứng thị giác, và chúng ta không phản hồi các màu sắc như các âm thanh. Đó lại là một phương tiện nữa để vun trồng khí quan thứ nhất, bằng cách tập luyện khí quan chủ động và khí quan thụ động cái nọ nhờ cái kia.

Con người có ba loại giọng, giọng nói hay là giọng rõ ràng, giọng hát hay là giọng du dương và giọng cảm động hay là giọng nhấn mạnh, dùng làm ngôn ngữ cho các đam mê, và đem sinh khí đến cho tiếng hát và lời nói. Đứa trẻ cũng có ba loại giọng ấy như người lớn, song không biết kết hợp các giọng như người lớn; đứa trẻ cũng có như chúng ta tiếng cười, tiếng kêu, tiếng than, tiếng cảm thán, tiếng rền rĩ, nhưng nó không biết hòa trộn các biến hóa của giọng này vào hai giọng kia. Một điệu nhạc hoàn hảo là điệu nhạc kết hợp được hay nhất cả ba giọng đó. Trẻ em không có khả năng về loại nhạc này, và tiếng hát của chúng không bao giờ có hồn. Cũng như vậy, trong giọng nói, ngôn ngữ của chúng không hề có trọng âm, chúng kêu to, nhưng chúng không nhấn mạnh; và bởi trong lời lẽ của chúng có ít điểm nhấn, nên trong giọng nói của chúng có ít khí lực. Học trò của chúng ta sẽ có cách nói bình dị hơn nữa, giản đơn hơn nữa, bởi lẽ các đam mê của nó, do chưa thức tỉnh, sẽ không hề xen ngôn ngữ của chúng vào ngôn ngữ của nó. Vậy các vị đừng cho nó đọc những vai trong bi kịch hay hài kịch, cũng đừng muốn dạy nó ngâm thơ. Nó sẽ có quá nhiều lương tri thành thử chẳng biết đem lại một âm điệu cho những điều mà nó không sao hiểu nổi, và đem lại ý tứ cho những tình cảm mà nó sẽ không bao giờ cảm thấy.

Các vị hãy dạy nó nói một cách bình dị, rõ ràng, dạy nó phát âm rõ, đọc đúng và không điệu bộ, dạy nó hiểu và chú ý đến trọng âm về ngữ pháp và văn pháp, bao giờ cũng nói khá lớn để mọi người nghe được, nhưng không bao giờ lớn hơn mức cần thiết; khuyết điểm thông thường ở trẻ em được nuôi dạy tại các trường trung học: không một điều gì thừa trong mọi sự.

Cũng như vậy, trong khi hát, hãy làm cho giọng nó đúng, đều, vang, uyển chuyển; làm cho tai nó cảm nhận được nhịp điệu và hòa âm, nhưng chỉ thế thôi. Nhạc mô phỏng và sân khấu không hợp lứa tuổi nó; thậm chí tôi không muốn nó hát các lời ca; nếu nó muốn hát các lời, tôi sẽ cố gắng làm những ca khúc dành riêng cho nó, thú vị đối với lứa tuổi nó, và cũng đơn sơ như các ý tưởng của nó.

Hẳn mọi người nghĩ rằng đã chẳng vội vàng gì dạy nó đọc chữ viết, tôi cũng sẽ không vội dạy nó đọc nhạc. Ta hãy gạt khỏi bộ não của nó mọi sự chú ý quá vất vả, và đừng hấp tấp bắt trí óc nó chăm chú vào những ký hiệu ước lệ. Tôi thú thực rằng điều này dường như có sự khó khăn của nó; vì, nếu việc hiểu các nốt nhạc mới đầu không có vẻ cần thiết để biết hát bằng việc hiểu các chữ để biết nói, thì tuy nhiên có điều khác biệt này, là khi nói chúng ta diễn tả các ý tưởng của chính chúng ta, còn khi hát chúng ta hầu như chỉ diễn tả các ý tưởng của người khác mà thôi. Mà, muốn diễn tả những ý tưởng, cần phải đọc được chúng.

Nhưng, thứ nhất, thay vì đọc chúng, ta có thể nghe, và một khúc hát đến với tai còn trung thành hơn đến với mắt. Hơn nữa, để hiểu rõ âm nhạc, thì diễn tả nhạc chưa đủ, còn phải soạn nhạc, và việc nọ phải học cùng với việc kia, nếu không người ta sẽ không bao giờ hiểu rõ nhạc hết. Vậy mới đầu hãy tập cho nhạc sĩ tí hon của các vị làm những câu ngắn, thật đều đặn, thật nhịp nhàng; sau đó liên kết chúng bằng một biến điệu rất đơn giản, cuối cùng biểu thị các quan hệ khác nhau giữa chúng bằng một sự ngắt câu đúng đắn; điều này được thực hiện nhờ chọn lựa đúng các nhịp và các sự ngưng nghỉ. Đặc biệt đừng bao giờ có khúc hát kỳ dị, đừng bao giờ bi ai cũng đừng biểu cảm. Một giai điệu luôn véo von và đơn giản, luôn khai thác từ những dây chủ yếu của thanh điệu, và luôn chỉ ra giọng trầm rõ đến mức nó cảm nhận thấy và đệm nhạc dễ dàng bởi, muốn luyện giọng và tai, bao giờ nó cũng chỉ được hát theo đàn clavecin mà thôi.

Để biểu thị rõ hơn các âm thanh, người ta phát âm chúng khi đọc lên; từ đó mà có tập quán xướng âm bằng một số âm tiết. Để phân biệt các bậc, cần phải

đặt tên cho các bậc ấy và cho các hạn giới cố định khác nhau của chúng; từ đó mà có tên gọi các âm trình (intervalle), và cả những chữ cái đánh dấu các phím đàn và các nốt nhạc của thang âm. C và A chỉ những âm thanh cố định không đổi, bao giờ cũng do cùng những phím đó diễn tả. *Ut* và *la* lại khác. *Ut* luôn luôn là chủ âm của một điệu thức trưởng, hoặc là bậc thứ ba (médiante) của một điệu thức thứ. *La* luôn luôn là chủ âm của một điệu thức thứ, hoặc là nốt nhạc thứ sáu của một điệu thức trưởng. Như vậy các chữ đánh dấu những hạn giới bất biến trong các quan hệ của hệ thống âm nhạc của chúng ta, còn các âm tiết đánh dấu những hạn giới đối ứng trong các quan hệ tương tự qua những thanh điệu khác nhau. Các chữ chỉ các phím của bàn phím, còn các âm tiết chỉ các bậc của điệu thức. Các nhạc sĩ Pháp đã trộn lẫn một cách kỳ lạ những sự phân biệt này; họ đã lẫn lộn ý nghĩa của các âm tiết với ý nghĩa của các chữ; và, trong khi nhân đôi một cách vô ích các ký hiệu của những phím đàn, họ không hề để lại ký hiệu để diễn tả các dây của những thanh điệu; thành thử đối với họ *ut* và C bao giờ cũng là cùng một điều; không phải như vậy, và không được như vậy, vì nếu thế thì C sẽ dùng để làm gì? Vì thế cách xướng âm của họ cực kỳ khó mà chẳng có một ích lợi gì, chẳng đem lại cho trí óc một ý niệm rõ rệt nào hết, bởi, theo phương pháp đó, thì hai âm tiết *ut* và *mi* chẳng hạn, có thể có nghĩa một quãng ba trưởng, hay thứ, thêm, hay giảm, thế nào cũng được cả. Vì một định mệnh lạ lùng nào mà xứ sở tại đó người ta viết ra những cuốn sách hay nhất về âm nhạc lại chính là xứ sở tại đó người ta học nhạc một cách khó khăn nhất?

Chúng ta hãy cùng với học trò của mình theo một phương pháp đơn giản hơn và rõ ràng hơn; làm sao cho đối với nó chỉ có hai điệu thức, quan hệ giữa hai điệu thức đó bao giờ cũng vẫn là những quan hệ ấy và bao giờ cũng được chỉ ra bằng vẫn những âm tiết ấy. Dù hát hay chơi một nhạc cụ, nó hãy biết xác lập điệu thức của mình trên mỗi thanh điệu trong mười hai thanh điệu có thể làm cơ sở cho mình, và, dù người ta chuyển điệu D hay C hay G v.v... thì kết bao giờ cũng là *la* hay *ut*, tùy điệu thức. Theo cách đó, bao giờ nó cũng sẽ hiểu các vị; các quan hệ chủ yếu của điệu thức để hát và chơi đúng sẽ luôn hiện diện trong trí óc nó, diễn tấu của nó sẽ minh xác hơn và sự tiến bộ sẽ nhanh chóng hơn. Không có gì kỳ cục hơn là cái mà người Pháp gọi là xướng âm theo tự nhiên; đó là tách các ý niệm ra xa sự vật để thay thế bằng những ý niệm lạ bên ngoài chỉ gây lầm lạc. Không gì tự nhiên hơn là xướng âm qua chuyển giọng, khi điệu thức được chuyển giọng. Nhưng thế là đã nói quá nhiều về âm nhạc: các vị hãy dạy nhạc như các vị muốn, miễn rằng bao giờ đó cũng chỉ là một sự vui chơi mà thôi.

Thế là chúng ta đã được biết rõ về trạng thái của các vật thể bên ngoài so sánh với thân thể chúng ta, về trọng lượng của chúng, về hình dạng, về màu sắc, về thể tích, về tầm vóc, về khoảng cách, về nhiệt độ, về sự ngưng nghỉ, về sự vận động của chúng. Chúng ta đã biết được những vật thể nào mình nên đến gần hay tách ra xa, cách thức ta cần xử trí để thắng sự đề kháng của chúng, hoặc để đem đối lập với chúng một sự đề kháng tránh được cho ta khỏi bị chúng làm tổn hại, nhưng như thế chưa đủ; chính thân thể của chúng ta không ngừng hao mòn, nó cần được đổi mới không ngừng. Mặc dù chúng ta có năng lực biến đổi các thực chất khác thành thực chất của chính chúng ta, song việc lựa chọn chẳng phải là không can hệ gì: không phải mọi thứ đều là thực phẩm cho con người; và trong những chất có thể là thực phẩm, có những chất thích hợp nhiều hơn hay ít hơn, tùy theo cấu tạo của chủng loại người, tùy theo khí hậu nơi con người ở, tùy theo khí chất riêng của anh ta, và tùy theo cách sống do trạng thái của anh ta quy định cho anh ta.

Chúng ta sẽ chết vì đói hay vì bị ngộ độc, nếu để chọn những thực phẩm phù hợp với mình, ta phải chờ đợi kinh nghiệm dạy cho ta hiểu biết chúng và lựa chọn chúng; nhưng lòng nhân hậu của đấng tối cao, do đã khiến cho niềm thích thú của những sinh thể có cảm giác thành phương tiện bảo tồn chúng, nên báo cho ta biết cái gì thích hợp với dạ dày ta qua những gì làm khẩu vị của ta thích thú. Với con người không hề có thầy thuốc nào linh diệu một cách tự nhiên hơn sự ngon miệng của bản thân anh ta; và, xét con người ở trạng thái nguyên sơ, tôi tin rằng lúc đó những thức ăn mà anh ta thấy thú vị nhất chính là những thức ăn lành nhất với anh ta.

Còn hơn thế nữa. Tạo hóa không chỉ cung cấp cho những nhu cầu do tạo hóa đem lại cho chúng ta, mà còn cho cả những nhu cầu chúng ta tự đem lại cho mình; và chính vì để trong chúng ta ham muốn luôn ở cạnh nhu cầu, mà tạo hóa làm cho các thị hiếu của chúng ta thay đổi và biến chất cùng với cách sống của chúng ta. Ta càng xa rời trạng thái tự nhiên, thì ta càng mất đi các thị hiếu tự nhiên; hay nói đúng hơn là thói quen tạo cho ta một bản tính thứ hai mà ta đem thay thế cho bản tính thứ nhất nhiều đến nỗi chẳng ai trong chúng ta còn biết đến bản tính thứ nhất nữa.

Từ đó mà thấy rằng những thị hiếu tự nhiên nhất ắt cũng là những thị hiếu đơn giản nhất; vì đó là những thị hiếu biến đổi dễ dàng nhất; thay vì trở nên sâu sắc hơn, kích thích hơn do các ý ngông của chúng ta, những thị hiếu này lại mang lấy một hình thái không thay đổi nữa. Con người chưa thuộc một

xứ sở nào sẽ dễ dàng thích nghi với tập quán của bất kỳ xứ sở nào; còn con người của một xứ sở không trở thành con người của một xứ sở khác.

Tôi thấy điều này dường như đúng theo mọi nghĩa, và còn đúng hơn nữa, khi áp dụng vào thị hiếu theo nghĩa vị giác. Thức ăn đầu tiên của chúng ta là sữa; chúng ta chỉ tập quen dần với các vị mạnh; thoạt tiên những vị này khiến chúng ta thấy gớm. Trái cây, rau, cỏ, và cuối cùng một ít thịt nướng, không gia vị không muối, là tiệc tùng của những con người đầu tiên[108]. Lần đầu tiên một con người hoang dã uống rượu vang, anh ta nhăn mặt và nhổ rượu đi; và ngay cả trong chúng ta, ai đã sống đến tuổi hai mươi mà chưa hề nếm các chất nước có men thì không thể tập quen được nữa; tất cả chúng ta sẽ kiêng rượu nếu mọi người không cho chúng ta uống vang từ khi ta còn nhỏ. Cuối cùng, thị hiếu của chúng ta càng đơn giản, thì chúng càng phổ quát; những sự gớm ghét thông thường nhất rơi vào các món ăn phức hợp. Ta có bao giờ thấy ai gớm ghét nước cũng như bánh mì đâu? Đó là vết tích của tự nhiên, vậy đó cũng là quy tắc của chúng ta. Chúng ta hãy giữ cho đứa trẻ thị hiếu nguyên sơ của nó đến hết mức có thể; sao cho thức ăn của nó thông thường và đơn giản, sao cho khẩu vị của nó chỉ quen với những vị ít đậm ít cay, và không hình thành một thị hiếu chấp nhất.

Ở đây tôi không khảo sát xem liệu cách sống này có lành mạnh hơn hay không, tôi không xem xét nó theo cách ấy. Để ưa chuộng nó, tôi chỉ cần biết đó là cách sống phù hợp nhất với tự nhiên, và là cách sống có thể phục tùng dễ dàng nhất bất kỳ cách sống nào khác. Tôi thấy những người nói cần phải tập cho trẻ em quen với các thực phẩm mà chúng sẽ sử dụng khi trưởng thành dường như lập luận không đúng. Tại sao thức ăn của đứa trẻ và người lớn phải giống nhau, trong khi cách sống của họ lại hết sức khác biệt? Một người lớn kiệt sức vì công việc, vì các nỗi lo âu, vất vả, cần các thực phẩm ngon bổ đưa những tinh chất mới mẻ đến não; một đứa trẻ vừa mới nô đùa nhảy nhót, và thân thể đang nảy nở, cần một thức ăn dồi dào tạo cho nó nhiều dưỡng trấp. Vả lại người trưởng thành đã có địa vị của mình, chức nghiệp của mình, trú sở của mình; nhưng ai có thể chắc chắn về những gì mà vận mệnh rủi may dành cho đứa trẻ? Trong mọi sự ta đừng đem lại cho nó một hình thái xác định đến nỗi nó phải trả giá quá đắt khi cần phải thay đổi. Ta đừng làm cho nó chết đói ở những xứ sở khác, nếu như nó không lôi theo khắp nơi một đầu bếp người Pháp, cũng đừng làm cho một ngày nào đó nó bảo rằng chỉ ở Pháp người ta

[108] Xem *Arcadie* của Pausanias; xin xem cả đoạn văn của Plutarque, được chép lại sau đây.

mới biết ăn mà thôi. Bàn ngoài để một chút, đó thật là một lời khen kỳ cục! Về phần tôi, tôi sẽ nói ngược lại rằng chỉ những người Pháp mới không biết ăn, vì phải cần đến một nghệ thuật đặc biệt đến thế để làm cho các món thành ra có thể ăn được đối với họ.

Trong những cảm giác khác nhau của chúng ta, thì vị giác đem lại những cảm giác thường ảnh hưởng đến chúng ta nhiều hơn cả. Bởi thế chúng ta quan tâm phán đoán đúng về những thực thể phải tham dự vào thực thể của chúng ta, hơn là về những thực thể chỉ bao quanh chúng ta mà thôi. Hàng ngàn vật chẳng can hệ với xúc giác, thính giác, thị giác; nhưng hầu như chẳng có gì không can hệ đối với vị giác.

Hơn nữa, hoạt động của giác quan này hoàn toàn mang tính nhục thể và vật chất; nó là giác quan duy nhất chẳng nói gì với trí tưởng tượng hết, ít ra cũng là giác quan mà trí tưởng tượng ít đi vào các cảm nhận nhất; trong khi sự mô phỏng và trí tưởng tượng thường xen lẫn cái tinh thần vào cảm tưởng của mọi giác quan khác. Nên, nói chung, những trái tim đa tình và ưa khoái lạc, những tính cách đam mê và thực sự mẫn cảm, dễ xúc động bởi các giác quan khác, lại khá hững hờ với giác quan này. Chính ngay từ điều này, cái điều dường như đặt vị giác xuống dưới các giác quan khác, và khiến khuynh hướng buông mình cho vị giác thành đáng khinh hơn, tôi lại kết luận trái ngược rằng phương kế thích hợp nhất để chỉ phối trẻ em là dẫn dắt chúng bằng cái miệng. Động cơ của sự tham ăn đặc biệt đáng ưa chuộng hơn động cơ của sự khoe khoang, ở chỗ động cơ thứ nhất là một thèm muốn của tự nhiên, liên quan trực tiếp đến giác quan, còn động cơ thứ hai là một tác phẩm của dư luận, phụ thuộc sự trái tính trái nết của những con người và đủ loại lạm dụng. Tham ăn là đam mê của tuổi thơ; đam mê này chẳng đứng vững trước bất kỳ đam mê nào khác; nó tiêu tan trước sự cạnh tranh nhỏ nhất. Này! xin hãy tin tôi, đứa trẻ sẽ chỉ ngừng quá sớm việc nghĩ đến những gì nó ăn; và khi lòng nó quá bận rộn, thì khẩu vị của nó sẽ chẳng khiến nó bận tâm là mấy. Sau này khi nó lớn, hàng ngàn tình cảm dữ dội sẽ đánh lừa sự tham ăn, và sẽ chỉ kích thích sự khoe khoang mà thôi; vì duy nhất đam mê này lợi dụng các đam mê khác, và cuối cùng nuốt chửng mọi đam mê. Tôi đã đôi lần quan sát những người coi trọng miếng ăn ngon, vừa thức dậy là nghĩ đến những gì sẽ ăn trong ngày, và miêu tả một bữa ăn còn chính xác hơn Polybe[109] miêu tả một trận chiến; tôi thấy tất cả những vị bảo là người lớn ấy chỉ là những đứa trẻ tứ tuần, không có

[109] * Sử gia Hy Lạp (202 trước CN-120 trước CN).

khí lực không có sự vững chắc, *fruges consumere nati*[110]. Tham ăn là tật xấu của những người không có tố chất. Tâm hồn một kẻ tham ăn ở hết khẩu vị của anh ta; anh ta chỉ được tạo ra để mà ăn; trong tình trạng bất tài đần độn của anh ta, chỉ bên bàn ăn anh ta mới ở vị trí của mình, anh ta chỉ biết xét đoán các món ăn mà thôi; ta hãy để công việc ấy cho anh ta đừng tiếc; thà anh ta làm công việc ấy còn tốt hơn làm công việc khác, với chúng ta cũng như với anh ta.

Sợ tính tham ăn bắt rễ ở một đứa trẻ có khả năng nào đấy là một sự cẩn thận của đầu óc nhỏ hẹp. Ở tuổi thơ người ta chỉ nghĩ đến những gì mình ăn mà thôi; đến tuổi thanh niên, người ta không nghĩ đến điều ấy nữa; cái gì với ta cũng ngon cả, và ta còn nhiều việc khác. Tuy nhiên tôi không muốn người ta sử dụng một cách thô lỗ một động cơ thấp đến thế, cũng không muốn lấy miếng ăn ngon làm chỗ dựa cho vinh dự thực hiện một hành động cao đẹp. Nhưng tôi không hiểu, khi toàn bộ tuổi thơ là hoặc chỉ nên là trò chơi và vui đùa nô giỡn, thì tại sao những sự tập luyện thuần túy thể chất lại không có một phần thưởng vật chất và hữu hình. Khi một chú bé người đảo Majorque, nhìn thấy một chiếc giỏ ở cao trên cây, dùng ná cao su bắn rơi nó, thì chẳng thật công bằng hay sao nếu chú hưởng lợi vì việc này, và một bữa ăn ngon tu bổ sức lực chú dùng để kiếm được bữa ăn ấy[111]? Khi một thiếu niên người Sparte, vượt qua nguy cơ bị đánh một trăm roi, khéo léo lẻn vào một nhà bếp; khi cậu ta ăn trộm ở đó một con cáo non còn sống nguyên, khi cho nó vào trong áo mang đi cậu bị nó cào, cắn, chảy máu, và, để khỏi chịu nỗi nhục bị bắt chợt, cậu bé điềm nhiên để mình bị xé rách phủ tạng không chau mày, không kêu lấy một tiếng, thì chẳng thật công bằng hay sao khi cuối cùng cậu được hưởng con mồi và ăn thịt nó sau khi đã bị nó ăn thịt? một bữa ăn ngon không bao giờ nên là một giải thưởng; nhưng tại sao đôi khi nó không là kết quả của những lo toan người ta đã bỏ ra để kiếm được nó? Émile không hề coi chiếc bánh ngọt tôi để trên hòn đá là phần thưởng vì đã chạy giỏi; nó chỉ biết rằng phương kế duy nhất để có cái bánh ấy là đến được chỗ đó sớm hơn một kẻ khác.

Điều này không hề mâu thuẫn với những châm ngôn tôi vừa đưa ra về sự đơn giản của các món ăn, vì, để chiều sự thèm ăn của trẻ em, vấn đề không

---

[110] * Dẫn lời nhà thơ Latin Horace (65 trước CN-8 trước CN): *Chúng ta sinh ra để tiêu thụ hoa trái của mặt đất.*

[111] Nhiều thế kỷ nay người Majorque đã mất đi tập quán này; tập quán vào thời những người bắn ná của họ rất nổi tiếng.

phải là kích thích khoái cảm ở chúng, mà chỉ là thỏa mãn khoái cảm đó; và điều này sẽ đạt được nhờ những thứ thông thường nhất trên đời, nếu ta không ra công làm cho vị giác chúng thành tinh tế. Sự thèm ăn liên tục ở chúng, do nhu cầu tăng trưởng kích thích, là một gia vị hữu hiệu thay thế cho rất nhiều gia vị khác. Trái cây, sữa, vài miếng bánh nướng ngon hơn bánh mì thường ngày một chút, nhất là nghệ thuật phân phát tất cả những thứ đó một cách chừng mực: thế là có thể dẫn dắt hàng đoàn trẻ em đến tận cùng thế giới mà chẳng khiến cho chúng ưa thích những vị nồng đậm, cũng không có nguy cơ làm khẩu vị chúng bị nhàm chán.

Một trong những bằng chứng rằng thị hiếu ăn thịt không mang tính tự nhiên ở con người, là sự thờ ơ của trẻ em đối với món ăn đó, và sự ưa chuộng của tất cả trẻ em đối với các thức ăn từ thực vật, như sữa, bánh ngọt, trái cây v.v... Cần nhất là đừng làm biến chất thị hiếu nguyên sơ này, và đừng khiến trẻ em thành thích ăn thịt; nếu không vì sức khỏe của chúng, thì vì tính cách của chúng; bởi, dù người ta giải thích thí nghiệm theo cách nào, thì điều chắc chắn là những kẻ ăn rất nhiều thịt nói chung thường tàn ác và hung bạo hơn những người khác; nhận xét này thuộc mọi nơi chốn và mọi thời đại. Ai cũng biết sự dã man của người Anh[112]; người Gaure, trái lại, là những con người hiền hậu nhất[113]. Tất cả những người hoang dã đều tàn nhẫn; song phong tục của họ không hề hướng họ đến điều ấy: sự tàn nhẫn này xuất phát từ thức ăn của họ. Họ ra trận như thể đi săn, và đối xử với những con người như với những con gấu. Ở nước Anh ngay cả những người đồ tể cũng không được ra làm chứng[114], cũng như các thầy thuốc ngoại khoa. Những kẻ đại gian ác dạn dày với việc

---

[112] Tôi biết rằng người Anh khoe khoang rất nhiều về lòng nhân đạo và bản tính tốt của dân tộc họ, mà họ gọi là *good natured people* (dân tộc có bản tính tốt); nhưng tha hồ cho họ mặc sức rêu rao điều này, chẳng ai lặp lại điều ấy sau họ.

[113] Những người Banian (một trong các giáo phái thuộc đạo Bàlamôn ở Ấn Độ - ND) kiêng ăn mọi loại thịt còn nghiêm ngặt hơn người Gaure, cũng hiền hậu gần như người Gaure; nhưng bởi đạo lý của họ không thuần khiết bằng và sự thờ phụng của họ không hợp lý bằng, nên họ không phải là những người lương thiện đến như vậy.

[114] Một trong những dịch giả người Anh của cuốn sách này đã nêu lên sự lầm lẫn của tôi ở đây, và cả hai đều đã sửa chữa. Đồ tể và thầy thuốc ngoại khoa được làm chứng; nhưng đồ tể không được chấp nhận là hội thẩm hoặc ngang với hội thẩm trong việc xét xử các trọng tội, còn thầy thuốc ngoại khoa được chấp nhận.

giết người bằng cách uống máu. Homère đã thể hiện các Cyclope[115] ăn thịt là những kẻ gớm guốc, còn những người Lotophage[116] là một dân tộc đáng yêu đến mức, hễ người ta vừa thừ giao tiếp với họ, là người ta quên cả đến xứ sở của mình để sống cùng họ.

"Ngươi hỏi ta, Plutarque[117] nói, *tại sao Pythagore kiêng ăn thịt thú vật; nhưng ta thì ta hỏi ngươi ngược lại rằng cái kẻ đầu tiên đưa lại gần miệng hắn một thứ thịt bầm dập, cái kẻ dùng răng cắn vỡ xương một con vật đang hấp hối, cái kẻ sai dọn lên trước mặt hắn những thi thể chết, những cái xác và nuốt chứng vào dạ dày hắn những bộ phận lúc trước còn kêu be be, còn rống lên, còn bước đi và nhìn thấy, cái kẻ đó có sự can đảm nào thuộc con người?Làm thế nào mà bàn tay hắn có thể đâm lưỡi dao vào trái tim một sinh thể có cảm giác?Làm thế nào mà mắt hắn có thể chịu được một vụ tàn sát?Làm thế nào hắn có thể nhìn cắt tiết, lột da, xẻ thịt một con vật tội nghiệp vô phương tự vệ? Làm thế nào mà hắn có thể chịu được cảnh thịt da còn thoi thóp giãy giụa? Làm thế nào mà mùi của những thứ đó không làm hắn buồn nôn? Làm thế nào mà hắn không thấy tởm lợm, gớm ghét, ghê sợ, khi hắn sờ mó chất nhơ bẩn của những vết thương ấy, rửa máu đen và đông cứng che phủ vết thương?*

Những lớp da bị lột lết lê trên mặt đất,

Những xiên thịt nướng gầm gào bên lửa cháy;

Con người chẳng thể ăn mà không run rẩy,

Và nghe những thịt da kia rền rĩ trong lòng.

Đó là những gì hắn ắt phải tưởng tượng và cảm thấy trong lần đầu tiên hắn vượt qua tự nhiên để thực hiện bữa ăn gớm guốc đó, lần đầu tiên hắn thèm một con thú đang sống, hắn muốn ăn một con vật còn đang gặm cỏ, và hắn bảo cần cắt tiết, xẻ thịt, nấu chín như thế nào con cừu đang liếm tay hắn. Chính về những kẻ khởi đầu các bữa tiệc tàn ác này, chứ không phải về những kẻ rời các bữa tiệc đó, mà người ta có lý do để ngạc nhiên: vậy mà những kẻ đầu tiên ấy còn có thể biện giải cho sự dã man của họ bằng những

---

[115] * Các Khổng lồ một mắt trong thần thoại Hy Lạp.

[116] * Một dân tộc ở châu Phi, chuyên ăn hạt sen.

[117] * Plutarque: nhà sử học Hy Lạp (46-120) tác giả cuốn *Những cuộc đời song hành* (nói về những nhân vật kiệt xuất Hy Lạp, La Mã cổ đại) và các tác phẩm về đạo đức chính trị triết học và tôn giáo.

lý do bào chữa mà sự dã man của chúng ta lại không có được, và tình trạng không có lý do này khiến cho chúng ta thành dã man hơn họ gấp trăm lần.

Những con người đầu tiên ấy sẽ bảo chúng ta rằng: hỡi những người được thần linh yêu quý, hãy so sánh các thời đại, hãy xem các người sung sướng biết bao nhiêu còn chúng tôi khốn khổ biết bao nhiêu! Trái đất mới hình thành và không khí nặng trĩu những hơi nước hãy còn ương ngạnh chẳng theo trật tự của các mùa; dòng chảy bất định của sông ngòi hủy hoại bờ bãi khắp chốn; những ao, những hồ, những đầm lầy sâu làm chìm ngập ba phần tư diện tích thế giới; một phần tư kia thì che phủ bằng những khu rừng cằn cỗi. Mặt đất chẳng sản sinh thứ quả ngon nào; chúng tôi chẳng có dụng cụ canh tác nào; chúng tôi chẳng biết cách sử dụng chúng, và thời kỳ gặt hái chẳng bao giờ đến với kẻ không gieo trồng gì hết. Bởi thế cái đói không rời chúng tôi. Mùa đông, rêu và vỏ cây là thức ăn thường ngày của chúng tôi. Vài rễ tươi cỏ gà hay thạch thảo là yến tiệc đối với chúng tôi; và khi con người tìm được trái dẻ gai, hồ đào, dẻ rừng, thì họ vui mừng nhảy múa quanh một cây sồi hay cây dẻ gai theo một khúc ca mộc mạc nào đó, gọi đất là vú nuôi mình là mẹ của mình: đó là lễ hội duy nhất của họ; đó là trò chơi độc nhất của họ; toàn bộ phần còn lại của đời người chỉ là đau đớn, buồn lo và khốn khổ.

Cuối cùng, khi mặt đất bị lột trần trụi không tặng cho chúng tôi gì nữa hết, buộc phải xúc phạm thiên nhiên để tự bảo tồn, chúng tôi đành ăn những bạn bầu chung nỗi khốn khổ với mình còn hơn là chết đi cùng những bạn bầu ấy. Còn các người, những con người tàn ác, ai buộc các người làm đổ máu? Hãy nhìn xem bao nhiêu là của cải vây quanh các người! mặt đất sản sinh cho các người biết bao nhiêu hoa trái! Đồng ruộng và vườn nho đem lại cho các người biết bao thứ quý giá! Bao nhiêu là súc vật tặng sữa chúng để nuôi dưỡng các người và lông chúng để làm áo quần cho các người! Các người còn đòi hỏi chúng gì nữa? và cơn điên nào khiến các người phạm bao nhiêu vụ tàn sát, trong khi no chán của cải và đầy ứ lương thực? Tại sao các người dối trá chống lại mẹ mình bằng cách kết tội mẹ không nuôi được các người?Tại sao các người lại phạm tội với Cérès[118] sáng tạo các luật thiêng, với Bacchus[119]để thương an ủi những con người? cứ như thế những tặng vật

---

[118] * Nữ thần của sự phì nhiêu (với người La Mã xưa), sau này đồng nhất hóa với Déméter, nữ thần của đất đai được canh tác, của mùa màng (với người Hy Lạp).

[119] * Bacchus - với người La Mã -, hay Dionysos - với người Hy Lạp - là vị thần của nho, của rượu vang và sự say sưa hoan hỉ.

do các thần ban phát không đủ cho việc bảo tồn loài người! Làm sao các người nỡ lòng trộn lẫn vào hoa trái ngọt ngào của các thần những hài cốt trên bàn ăn của các người, và nỡ lòng ăn cùng với sữa máu huyết của những con vật cho các người sữa ấy? Hổ báo và sư tử, mà các người gọi là thú dữ, bắt buộc phải theo bản năng, và giết những con vật khác để mà sống. Nhưng còn các người, dữ tợn gấp trăm lần chúng, chẳng cần thiết mà các người vẫn chống lại bản năng, để buông mình vào những khoái lạc tàn ác của các người. Những con vật mà các người ăn thịt không thuộc loại ăn thịt những con vật khác: các người không ăn chúng, những động vật ăn thịt ấy, các người bắt chước chúng; các người chỉ thèm khát những con vật vô tội và hiền lành chẳng làm hại ai, chúng quyến luyến các người, phục vụ các người, và các người ngấu nghiến chúng để đền công cho chúng.

Ôi kẻ tàn sát phản tự nhiên! Nếu ngươi khăng khăng chống chế rằng tự nhiên đã tạo ra ngươi để ăn sống nuốt tươi đồng loại, những thực thể bằng xương bằng thịt, có cảm giác và sống động như ngươi, vậy hãy bóp nghẹt nỗi ghê sợ mà tự nhiên khơi gợi nơi ngươi đối với những bữa ăn gớm guốc đó; tự ngươi hãy giết những con vật ấy, ta bảo là tự chính bàn tay ngươi, không còng sắt không dao phay; hãy xé chúng bằng móng tay ngươi, như hổ như gấu vẫn làm; hãy cắn tan xác con bò kia; hãy cắm sâu móng vuốt của ngươi vào lớp da của nó; hãy ăn tươi nuốt sống con cừu non kia, hãy ngấu nghiến thịt nó còn nóng hổi, hãy uống linh hồn nó cùng với máu của nó. Ngươi rừng mình ư! ngươi không dám cảm thấy một da thịt sống động phập phồng này giật dưới răng mình! Con người tồi tệ! ngươi bắt đầu bằng việc giết chết con vật, và rồi ngươi ăn nó, như để làm nó chết hai lần. Thế chưa đủ: thịt chết hãy còn làm ngươi gớm, phủ tạng ngươi không chịu được thịt ấy; cần phải biến hóa nó nhờ lửa, luộc nó, rán nó, nêm các gia vị để thay hình đổi dạng cho nó: ngươi cần những người hàng thịt, những đầu bếp, những thợ quay thịt, cần những kẻ để cất đi hộ ngươi mối kinh sợ của vụ giết chóc và tô điểm hộ ngươi những hình hài chết, sao cho vị giác, được những trò ngụy trang ấy đánh lừa, không phun ra những gì lạ lùng với nó, và thú vị thưởng thức những thây ma mà ngay con mắt cũng khó chịu đựng được cảnh tượng."

Mặc dù đoạn trên ở bên ngoài đề tài của tôi, song tôi đã không cưỡng nổi cám dỗ chép ra đây, và tôi nghĩ rằng sẽ ít độc giả không bằng lòng với tôi về điều đó.

Vả lại, dù các vị cho trẻ ăn theo chế độ nào đi nữa, miễn là các vị chỉ tập cho chúng quen với những món ăn thông thường và đơn giản, thì xin cứ để

chúng ăn, chạy, chơi đùa tùy thích; thế rồi xin cứ tin chắc rằng chúng sẽ không bao giờ ăn quá nhiều và sẽ không hề bị chứng đầy bụng khó tiêu; nhưng nếu các vị bắt chúng chịu đói một nửa thời gian, và chúng tìm được cách thoát khỏi sự trông nom cẩn thận của các vị, thì chúng sẽ gắng hết sức tự đền bù, chúng sẽ ăn đến no ứ, đến mệt lử. Sự thèm ăn của chúng ta chỉ vô độ bởi vì chúng ta muốn bắt nó theo những quy tắc khác với các quy tắc của tự nhiên; luôn luôn điều chỉnh, quy định, thêm, bớt, ta làm gì cũng với chiếc cân trong tay; nhưng chiếc cân đó phù hợp với các ý ngông của chúng ta, chứ không phù hợp với dạ dày chúng ta. Về chuyện này tôi vẫn cứ trở lại với các thí dụ của mình. Ở nhà những người dân quê, thùng đựng bánh và giá để trái cây bao giờ cũng mở, vậy mà trẻ em, cũng như người lớn, chẳng biết đầy bụng khó tiêu là gì.

Tuy nhiên nếu xảy ra chuyện một đứa trẻ ăn quá nhiều, tôi không tin là với phương pháp của tôi chuyện này có thể xảy ra, thì với các trò vui hợp thị hiếu của nó ta rất dễ khiến nó khuây lãng, thành thử ta sẽ làm được cho nó kiệt sức vì đói lả mà nó chẳng hề nghĩ đến. Làm sao mà những phương kế công hiệu đến thế và dễ dàng đến thế lại bị tất cả các ông thầy bỏ qua? Hérodote kể rằng những người dân Lydie[120], bị một nạn đói cực độ thúc bách, bèn sáng tạo ra các trò chơi và những môn giải trí khác để đánh lừa cái đói, và trải qua những ngày dài trọn vẹn chẳng nghĩ đến ăn[121]. Những ông thầy uyên bác của các vị có lẽ đã đọc đoạn này hàng trăm lần, mà chẳng thấy có thể áp dụng nó với trẻ em. Có lẽ một ông thầy nào trong số đó sẽ bảo tôi rằng một đứa trẻ chẳng vui lòng rời bỏ bữa ăn tối để đi học bài. Thầy có lý đấy: tôi không nghĩ tới trò vui ấy.

Khứu giác đối với vị giác giống như thị giác đối với xúc giác; khứu giác báo trước cho vị giác, bảo cho vị giác biết cách thức mà chất này hay chất nọ ắt sẽ ảnh hưởng đến nó, và chuẩn bị để tìm hay tránh chất ấy, tùy theo cảm tưởng mà người ta nhận trước được. Tôi từng nghe nói những người hoang dã có khứu giác chịu ảnh hưởng một cách rất khác chúng ta, và xét đoán khác hẳn về

---

120 * Một vùng đất xưa, thuộc miền Tiểu Á.

121 Các sử gia xưa có rất nhiều kiến giải mà ta có thể sử dụng, cho dù các sự kiện trình bày những kiến giải này có thể không đúng. Nhưng chúng ta chẳng biết lợi dụng thực sự một điều nào của lịch sử hết; nền phê bình uyên bác thu hút hết thảy; nếu điều rất quan trọng là một sự kiện phải đúng, thì miễn là người ta có thể rút từ đó ra một bài học bổ ích. Những người biết lẽ phải cần coi lịch sử như một sự đan dệt những chuyện hoang đường, mà bài học đạo lý lại rất phù hợp với lòng người.

các mùi thơm và mùi hôi. Về phần tôi, thì tôi tin điều ấy. Bản thân các mùi là những cảm giác yếu; chúng lay chuyển trí tưởng tượng nhiều hơn là giác quan, và gây ảnh hưởng vì những gì chúng đem lại không nhiều bằng những gì chúng khiến người ta chờ đợi. Giả định như vậy rồi, thì thị hiếu của số người này, do cách sống của họ mà trở nên rất khác biệt với thị hiếu của số người khác, ắt phải khiến họ có những phán đoán trái ngược hẳn về các vị, và do đó về các mùi báo trước những vị ấy. Một người Thát Đát ắt phải hít ngửi một miếng thịt ngựa chết hôi thối với niềm thích thú ngang với một nhà săn bắn của chúng ta hít ngửi một con chim trĩ đã rữa phân nửa.

Những cảm giác phù phiếm của chúng ta, thí dụ như được ướp hương thơm của một vườn hoa, ắt phải trơ trơ vô cảm đối với những người đi bộ quá nhiều thành thử chẳng thích đi dạo, và làm việc chẳng đủ nhiều để coi nghỉ ngơi là một khoái lạc. Những người bao giờ cũng đói không thể có niềm thích thú lớn lao trước những mùi hương chẳng báo trước cái gì để ăn hết.

Khứu giác là giác quan của trí tưởng tượng; do đem lại cho thần kinh một trạng thái mạnh hơn, nó ắt phải lay động não rất nhiều; chính vì thế mà nó làm tâm tính phấn chấn một khoảnh khắc, và về lâu dài khiến tâm tính suy kiệt đi. Trong tình yêu khứu giác có những tác động được biết khá rõ; hương thơm êm dịu của một phòng trang điểm không phải một cái bẫy yếu ớt như người ta tưởng; và tôi chẳng biết nên ca ngợi hay nên phàn nàn cho con người khôn ngoan và ít nhạy cảm mà mùi những bông hoa tình nương mang trên bầu ngực chẳng bao giờ làm cho hồi hộp.

Vậy khứu giác ắt không hoạt động mạnh trong tuổi ấu niên, ở tuổi này trí tưởng tượng hãy còn ít niềm đam mê làm cho phấn khích, nên không dễ xúc động mấy, và con người cũng chưa có đủ kinh nghiệm để nhờ vào một giác quan mà đoán trước được điều một giác quan khác hứa hẹn. Bởi thế hậu quả này hoàn toàn được sự quan sát khẳng định; và chắc chắn rằng ở đa số trẻ em khứu giác hãy còn trì độn và gần như ngây dại. Chẳng phải là ở trẻ em cảm giác không tinh tế bằng mà có lẽ còn tinh tế hơn ở người lớn, nhưng vì trẻ không kết hợp vào đó một ý tưởng nào hết, nên chúng không dễ dàng bị nhiễm một cảm tưởng thích thú hay buồn khổ, và chúng chẳng thấy vui lòng hay bị tổn thương vì điều đó như chúng ta. Tôi nghĩ rằng, chẳng ra khỏi hệ thống này, và chẳng nhờ đến giải phẫu học so sánh giữa các giới, ta cũng dễ dàng tìm ra lý do vì sao phụ nữ nói chung chịu ảnh hưởng của các mùi mạnh hơn nam giới.

Người ta bảo rằng những người hoang dã ở Canada từ tuổi thiếu niên đã làm cho khứu giác mình thành tinh vi đến mức, dù có nuôi chó, họ vẫn không thèm dùng chó để đi săn, và tự mình làm chó cho bản thân. Quả thực, tôi hiểu được rằng, nếu người ta dạy trẻ em đánh hơi bữa ăn tối của chúng, như con chó đánh hơi thú săn của nó, thì có lẽ người ta hoàn thiện được khứu giác cho trẻ đến cùng mức độ như thế; nhưng thực ra tôi không thấy người ta có thể khai thác từ giác quan này một sự sử dụng thật hữu ích, nếu chẳng phải là để cho trẻ biết quan hệ của khứu giác với vị giác. Thiên nhiên đã cẩn thận bắt chúng ta phải thông hiểu những quan hệ đó. Thiên nhiên đã khiến cho hoạt động của vị giác hầu như không tách rời hoạt động của khứu giác, bằng cách làm cho hai khí quan của chúng ở gần nhau, và đặt trong miệng một mối liên thông trực tiếp giữa hai khí quan, thành thử ta chẳng nếm thứ gì mà không hít ngửi thứ đó. Tôi chỉ muốn người ta đừng làm biến chất các mối quan hệ tự nhiên này để đánh lừa một đứa trẻ, thí dụ như che đậy vị đắng của một thứ thuốc bằng một hương liệu dễ chịu; vì khi đó tình trạng bất hòa giữa hai giác quan quá lớn thành thử không thể lừa được nó; do giác quan hoạt động hơn hấp thu hết tác dụng của giác quan kia, nên đứa trẻ chẳng bớt ghê tởm khi uống thuốc; niềm ghê tởm này lan ra tất cả các cảm giác tác động đến nó cùng lúc ấy; khi cảm giác yếu ớt hơn xuất hiện, thì trí tưởng tượng khiến nó nhớ lại cả cảm giác kia; hương thơm thật êm dịu chỉ còn là một mùi tởm lợm đối với nó; và chính bằng cách ấy mà các sự dụng tâm vô ý tứ của chúng ta gia tăng tổng số các cảm giác khó chịu làm thiệt hại cho các cảm giác dễ chịu.

Trong những cuốn sách sau tôi còn phải nói đến việc tu dưỡng một loại giác quan thứ sáu, có tên gọi là lương tri thông thường, vì nó là thông thường chung cho tất cả mọi người thì ít hơn vì nó là kết quả của việc sử dụng rất đúng quy tắc các giác quan khác, và nó dạy cho ta biết bản chất các sự vật nhờ sự trợ giúp của tất cả các vẻ bề ngoài của sự vật. Do đó giác quan thứ sáu này không hề có khí quan riêng: nó chỉ ở trong não, và các cảm giác của nó, thuần túy nội tại, có tên là tri giác hay ý niệm. Chính qua con số các ý niệm này mà tầm quảng bác của kiến thức chúng ta được ước lượng; chính sự rành mạch, sự sáng sủa của các ý niệm ấy làm nên tính đúng đắn của trí tuệ; chính nghệ thuật đối chiếu so sánh các ý niệm này với nhau được gọi là lý tính của con người. Như vậy điều mà tôi gọi là lý tính cảm giác hay lý tính trẻ thơ là tạo nên những ý niệm đơn giản nhờ vào nhiều cảm giác; còn điều mà tôi gọi là lý tính trí tuệ hay lý tính con người là tạo nên những ý niệm phức hợp nhờ vào nhiều ý niệm đơn giản.

Giả định rằng phương pháp của tôi chính là phương pháp của tự nhiên, và tôi không lầm lẫn trong việc áp dụng, thì chúng ta đã dẫn học trò của chúng ta, qua các xứ sở của cảm giác, đến giới hạn của lý tính trẻ thơ: bước đầu tiên chúng ta sắp bước sang bên kia phải là một bước chân người lớn. Nhưng, trước khi đi vào con đường mới này, chúng ta hãy nhìn một lát con đường mà ta vừa đi hết. Mỗi độ tuổi, mỗi trạng thái của đời sống có sự hoàn hảo thích đáng với nó, có kiểu thành thục riêng của nó. Chúng ta đã thường nghe nói đến một con người trưởng thành; nhưng ta hãy xem xét một đứa trẻ trưởng thành; cảnh tượng này sẽ mới mẻ hơn với chúng ta, và có lẽ không kém phần dễ chịu.

Cuộc đời của những con người đã hết hy vọng thật nghèo nàn và thật thiển cận thành thử, khi ta chỉ thấy cái đang tồn tại, ta chẳng bao giờ xúc động. Chính những ảo tưởng hão huyền tô điểm cho các vật thể có thực; và nếu trí tưởng tượng không thêm một sức mê hoặc vào những gì khiến ta xúc động, thì niềm vui thích khô cằn chỉ giới hạn ở khí quan, và vẫn để trái tim lạnh lẽo. Mặt đất, được điểm trang bằng những báu vật của mùa thu[122], bày ra một sự trù phú mà con mắt ngưỡng mộ: nhưng niềm ngưỡng mộ này không hề cảm động; nó đến từ suy nghĩ hơn là từ tình cảm. Vào mùa xuân, miền quê gần như trơ trụi còn chưa được gì che phủ, rừng không hề cho bóng mát, lá xanh chỉ vừa mới nhú, thế mà lòng lại cảm động trước cảnh đó. Nhìn thiên nhiên tái sinh như vậy, người ta cảm thấy bản thân mình sống lại; hình ảnh của niềm hoan lạc vây quanh ta; những giọt nước mắt ngọt ngào, bầu bạn của khoái cảm, luôn sẵn sàng kết hợp với bất kỳ cảm giác tuyệt diệu nào, đã rưng rưng trên bờ mi ta; còn cảnh hái nho tha hồ nhộn nhịp, sống động, dễ thương, bao giờ ta cũng nhìn cảnh ấy bằng con mắt vô tình.

Tại sao có sự khác biệt ấy? Là vì quang cảnh mùa xuân được trí tưởng tượng kết hợp với quang cảnh của những mùa ắt phải theo sau nó; bên những mầm non mà mắt nhìn thấy, trí tưởng tượng thêm vào những hoa, những quả, những bóng cây, đôi khi cả những bí ẩn mà bóng cây có thể che phủ. Trí tưởng tượng tụ hội vào một điểm các mùa sẽ tiếp nối nhau, và nhìn các vật thể như chúng sẽ tồn tại ít hơn là như trí tưởng tượng mong muốn, bởi lẽ việc lựa chọn những vật thể ấy tùy thuộc trí tưởng tượng. Vào mùa thu, trái lại, người ta chỉ còn cái đang tồn tại để mà nhìn thấy. Nếu ta muốn đến với mùa xuân, thì mùa đông ngăn ta lại, và trí tưởng tượng lạnh buốt tắt thở trên tuyết và sương giá.

---

[122] * *Les trésors de l'automne*: các trái cây, quả nho.

Đó là cội nguồn của niềm say mê thú vị khi ta ngắm một tuổi thơ đẹp đẽ hơn là ngắm trạng thái hoàn hảo của tuổi thành niên. Khi nào ta nếm trải một niềm vui thực sự lúc nhìn một người trưởng thành? đó là khi ký ức về các hành động của người ấy khiến ta thụt lùi trên cuộc đời người ấy, và có thể nói là làm người ấy trẻ lại trước mắt ta. Nếu ta buộc phải xem xét người ấy như người ấy đang là, hoặc phải giả định như người ấy sẽ là ở tuổi già, thì ý nghĩ về bản chất đang suy thoái xóa hết niềm vui nơi ta. Chẳng hề có niềm vui khi nhìn một người sải bước tiến đến nấm mồ của mình, và hình ảnh cái chết làm tất cả xấu xí đi.

Nhưng khi tôi hình dung một đứa trẻ từ mười đến mười hai tuổi, lành mạnh, cường tráng, được rèn luyện tốt đối với tuổi của nó, thì không một ý tưởng nào mà nó làm nảy sinh trong tôi lại không dễ chịu, hoặc về hiện tại, hoặc về tương lai: tôi nhìn thấy nó sôi nổi, hăng hái, phấn khích, chẳng có ưu tư giày vò, chẳng có niềm lo xa dài dằng dặc và nặng nề, toàn tâm toàn ý cho bản thể hiện tại của mình, và vui hưởng một sự sống viên mãn dường như muốn phát huy ra bên ngoài nó. Tôi đoán trước nó ở một độ tuổi khác, sử dụng lương tri, tài trí, các sức lực đang phát triển từng ngày từng ngày, mà mỗi lúc nó lại cho thấy những chứng tích mới mẻ; tôi ngắm nó đang là đứa trẻ, và nó khiến tôi vui lòng; tôi tưởng tượng nó là người lớn, và nó càng khiến tôi vui lòng hơn; nhiệt huyết của nó dường như sưởi nóng máu huyết tôi; tôi tưởng mình đang sống cuộc sống của nó, và sự hăng hái nơi nó khiến tôi trẻ lại.

Giờ học đến, thật là cả một sự biến đổi! Tức khắc mắt nó mờ đi, sự vui vẻ biến mất; giã từ niềm vui, giã từ các trò nô giỡn. Một người nghiêm khắc và cáu kỉnh nắm lấy tay nó, trịnh trọng bảo nó: *Này cậu, ta đi thôi*, rồi dẫn nó đi. Trong căn phòng họ đi vào, tôi thoáng nhìn thấy những cuốn sách. Những cuốn sách! Cách bày biện buồn tẻ làm sao đối với tuổi của nó! Thằng bé tội nghiệp để cho người ta lôi mình theo, ngoái mắt nhìn nuối tiếc tất cả những gì xung quanh mình, lặng thinh, và ra đi, mắt ứ những giọt lệ mà nó không dám để rơi, lòng đầy những tiếng thở dài mà nó không dám phả ra.

Ôi em, em chẳng có gì tương tự để mà sợ, với em chẳng thời khắc nào trong đời là thời khắc ngại ngùng và buồn chán, em nhìn ngày đến không lo ngại, nhìn đêm đến không nôn nóng, và chỉ đếm giờ khắc bằng các niềm vui thú của mình, hãy lại đây, chú học trò hạnh phúc, dễ thương của thầy, lại đây an ủi chúng ta bằng sự hiện diện của em, về sự ra đi của cậu bé rùi ro kia; hãy lại đây... Nó lại, và tôi cảm thấy, khi nó lại gần, một nỗi vui mừng mà tôi thấy nó cùng chia sẻ. Đây là người bạn của nó, bằng hữu của nó, đây là người cùng

chơi đùa với nó mà nó đang đến gần; nhìn thấy tôi, nó tin rất chắc rằng nó sẽ chẳng ở lâu mà không có trò vui; chúng tôi không bao giờ phụ thuộc lẫn nhau, nhưng chúng tôi luôn luôn đồng ý với nhau, và ở với ai chúng tôi cũng không dễ chịu bằng ở cùng với nhau.

Gương mặt nó, tư thế của nó, thái độ của nó, chứng tỏ sự an tâm và niềm hài lòng; sức khỏe rạng ngời trên mặt nó; những bước đi vững chắc đem lại cho nó một vẻ cường tráng; làn da nó, hãy còn mỏng mảnh nhưng không nhạt nhẽo, chẳng có chút gì là nhu nhược ẻo lả; nắng gió đã in lên đấy dấu ấn vẻ vang của giới nó; các bắp thịt hãy còn tròn trịa, bắt đầu làm nổi rõ vài nét của một dung mạo mới hình thành; cặp mắt, mà ánh lửa tình cảm còn chưa làm phấn khích, ít ra cũng còn toàn bộ niềm thanh thản bẩm sinh[123], những buồn đau triền miên còn chưa làm u tối cặp mắt ấy, những giọt lệ không dứt chưa hề hằn vết trên đôi má nó. Hãy xem, trong các động tác nhanh nhẹn nhưng vững chắc của nó, sự hăng hái của lứa tuổi nó, tính độc lập kiên quyết, kinh nghiệm của những cuộc luyện tập gia tăng. Nó có vẻ cởi mở và tự do, nhưng không xấc xược cũng không kiêu căng: gương mặt, do không bị dính chặt vào sách vở, nên không hề gục xuống bụng; người ta không cần phải bảo nó: *Hãy ngẩng đầu lên*; không bao giờ sự hổ thẹn hay nỗi sợ sệt làm nó cúi đầu xuống.

Chúng ta hãy dành chỗ cho nó giữa cử tọa: thưa các vị, xin hãy quan sát nó, hãy hoàn toàn tin tưởng gạn hỏi nó; xin đừng sợ những sự quấy rầy của nó, những lời bẻo lẻo, những câu hỏi vô ý vô tứ của nó. Xin đừng sợ nó túm lấy các vị, đòi các vị chỉ quan tâm đến một mình nó, và các vị không làm sao gỡ ra được nữa.

Các vị cũng đừng chờ đợi ở nó những lời lẽ đẹp lòng, cũng đừng đợi nó nói với mình những điều tôi xui nó; các vị hãy chỉ chờ đợi ở nó sự thật chất phác và giản dị, không tô điểm, không trau chuốt, không khoe khoang. Nó sẽ nói với các vị điều sai trái nó đã làm hay nó đang nghĩ, hoàn toàn thoải mái như nói về điều hay, chẳng bối rối chút nào về tác động của điều nó nói đối với các vị: nó sẽ sử dụng lời nói với toàn bộ tính giản dị của chế định ban đầu.

Người ta thích dự đoán tốt đẹp về trẻ em, và người ta luôn luôn phải hối tiếc trước vô số điều ngu xuẩn hầu như luôn lật đổ những hy vọng mà người ta

---

[123] *Natia*. Tôi dùng từ này theo nghĩa của người Ý, vì không tìm được một từ đồng nghĩa trong tiếng Pháp. Nếu tôi sai, cũng không quan trọng lắm, miễn là mọi người hiểu tôi.

những muốn khai thác từ một câu nói hay ho nào đó tình cờ rơi vào miệng chúng. Nếu thằng bé của tôi ít khi gây những hy vọng như thế, thì nó cũng không bao giờ gây ra nỗi hối tiếc trên; vì nó không bao giờ nói một lời vô bổ, và không nhọc sức cho một tràng bẻo lẻo mà nó biết là chẳng ai nghe. Các ý tưởng của nó thiển cận, nhưng rành rọt; nếu nó không thuộc lòng điều gì, thì nó lại biết rất nhiều điều do kinh nghiệm; nếu nó đọc không giỏi bằng một đứa khác trong sách vở của chúng ta, thì nó lại đọc giỏi hơn trong cuốn sách của thiên nhiên; trí tuệ nó không phải ở miệng lưỡi nó, mà ở trong đầu nó; nó ít trí nhớ hơn là phán đoán; nó chỉ biết nói một ngôn ngữ, nhưng nó hiểu những gì nó nói; và nếu nó nói không giỏi bằng những đứa khác, thì bù lại, nó làm giỏi hơn chúng.

Nó không biết thế nào là lối mòn, lệ thường, tập quán; những gì nó đã làm ngày hôm qua không hề ảnh hưởng đến những gì nó làm hôm nay[124]: nó không bao giờ theo công thức, và không hề nhượng bộ trước uy quyền cũng như trước tấm gương, mà chỉ hành động chỉ nói năng theo cách nó thấy là thích đáng. Bởi thế các vị đừng chờ đợi ở nó những lời lẽ được truyền phán cũng như những cung cách được sắp đặt, mà bao giờ cũng là sự diễn tả trung thực các ý tưởng của nó và là cách xử sự nảy sinh từ các khuynh hướng của nó.

Các vị thấy ở nó một số ít các khái niệm đạo lý liên quan đến trạng thái hiện tại của nó, mà không một khái niệm nào về trạng thái quan hệ của người lớn: và những khái niệm này giúp gì cho nó chứ, bởi một đứa trẻ chưa phải là một thành viên hoạt động của xã hội? Các vị hãy nói với nó về tự do, về sở hữu, cả về giao ước nữa; nó có thể hiểu biết được đến đó, nó biết tại sao cái gì của nó là của nó, và tại sao cái gì không phải của nó là không của nó: vượt quá chỗ đó, nó không biết gì nữa hết. Các vị nói với nó về bổn phận, về sự vâng lời, nó chẳng biết các vị muốn nói gì; các vị sai khiến nó việc gì đó, nó sẽ không

---

[124] Sức hấp dẫn của thói quen là do tính lười nhác tự nhiên của con người, và tính lười nhác này tăng thêm khi ta buông mình theo nó: người ta thường làm một cách dễ dàng hơn điều người ta đã làm: con đường đã mở thành dễ đi theo hơn. Bởi thế ta có thể nhận xét thấy sức chi phối của thói quen rất lớn đối với những người già và những người uể oải, rất ít đối với thanh niên và những người linh hoạt. Chế độ ấy chỉ hợp với những tâm hồn yếu đuối, và mỗi ngày lại làm chúng yếu ớt thêm. Thói quen duy nhất hữu ích với trẻ em là phục tùng không khó khăn tính tất yếu của sự vật, còn thói quen duy nhất hữu ích với người lớn là phục tùng không khó khăn lý trí. Bất kỳ thói quen nào khác đều là một thói xấu.

hiểu các vị; nhưng các vị hãy bảo nó: Nếu em làm cho thầy vui lòng như thế, thầy sẽ đáp lại em khi có dịp; lập tức nó sẽ sốt sắng chiều lòng các vị, vì nó không đòi hỏi gì hơn là mở rộng lĩnh vực của nó và đạt được đối với các vị những quyền mà nó biết là bất khả vi phạm. Cũng có thể nó không phiền lòng khi được giữ một vị trí, được dự phần, được kể như có ý nghĩa nào đó; nhưng nếu như có động cơ sau cùng này, thì đó là nó đã ra ngoài tự nhiên rồi, và đó là các vị đã không đóng trước cho kín tất cả các cánh cửa của thói khoe khoang.

Về phần nó, nếu nó cần một sự giúp đỡ nào đó, nó sẽ nhờ người nào nó gặp trước tiên không hề phân biệt; nó sẽ nhờ nhà vua cũng như nhờ người hầu cận: tất cả mọi người hãy còn bình đẳng trước mắt nó. Qua thái độ cầu khẩn của nó, các vị thấy là nó cảm nhận rằng người ta không nợ gì mình hết; nó biết điều mình yêu cầu là một ân huệ. Nó cũng biết là lòng nhân từ xui khiến ban ân huệ. Lời lẽ của nó giản dị và ngắn gọn. Giọng nói, ánh nhìn, cử chỉ của nó, là của một người đã quen cả với sự chiều lòng cả với sự từ chối. Đó không hề là sự phục tòng luồn cúi và hèn hạ của một nô lệ, cũng không phải giọng điệu hách dịch của một chủ nhân; đó là một niềm tin khiêm nhường ở người đồng loại của mình, đó là sự dịu dàng cao quý và cảm động của một con người tự do, nhưng nhạy cảm và yếu đuối, đang van xin sự trợ giúp của một con người tự do, nhưng mạnh mẽ và có lòng từ thiện. Nếu các vị cho nó những gì nó yêu cầu, nó sẽ không cám ơn các vị, nhưng nó sẽ cảm thấy nó đã mắc một món nợ. Nếu các vị từ chối những gì nó yêu cầu, nó sẽ không hề phàn nàn, nó sẽ không hề nài nỉ, nó biết rằng làm thế sẽ là vô ích. Nó sẽ không hề tự nhủ: Họ đã từ chối mình; mà nó sẽ tự nhủ: Điều đó là không thể được; và, như tôi đã từng nói, người ta ít khi chống đối lại sự tất yếu đã được thừa nhận rõ rệt.

Các vị hãy để nó tự do một mình, hãy nhìn nó hành động mà không bảo gì nó hết; hãy quan sát những gì nó sẽ làm và cách nó làm như thế nào. Vì không cần tự chứng minh rằng mình tự do, nên nó không bao giờ làm một điều gì khinh suất, và chỉ để tỏ ra là mình có quyền với bản thân; nó lại chẳng biết rằng nó luôn được tự chủ hay sao? Nó nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, thư thái; các động tác của nó mang tất cả tính hăng hái của tuổi nó, nhưng các vị chẳng thấy một động tác nào là không có mục đích. Dù nó muốn làm gì đi nữa, nó cũng sẽ không bắt tay vào một việc quá sức nó, vì nó đã thử thách kỹ và biết rõ sức lực của mình; các phương tiện của nó sẽ luôn luôn thích ứng với các dự định của nó, và nó sẽ ít khi hành động mà không chắc chắn thành công. Nó sẽ có con mắt chăm chú và chính xác; nó sẽ không ngốc nghếch đi hỏi han những người khác về tất cả những gì nó trông thấy; mà nó sẽ tự xem xét và sẽ mệt

nhọc để tìm ra những gì nó muốn biết, trước khi hỏi. Nếu nó rơi vào những trắc trở bất ngờ, nó sẽ ít bối rối hơn một đứa trẻ khác; nếu có sự nguy hiểm, nó cũng sẽ ít hoảng sợ hơn. Vì trí tưởng tượng của nó hãy còn chưa hoạt động, và vì người ta chưa làm gì để kích thích trí tưởng tượng ấy, nên nó chỉ thấy cái gì đang tồn tại, chỉ đánh giá các mối nguy hiểm đúng như chúng đáng giá, và bao giờ cũng giữ được bình tĩnh. Sự tất yếu đè nặng lên nó quá thường xuyên thành thử nó không còn kháng cự lại nữa; nó mang cái ách này từ khi ra đời, giờ đây nó đã rất quen rồi; nó luôn sẵn sàng chịu đựng mọi sự.

Dù nó bận việc hay nó chơi đùa, cả hai điều đều như nhau đối với nó; các trò chơi của nó là các công việc của nó, nó không cảm thấy có sự khác biệt nào ở đó. Nó đặt vào tất cả những gì nó làm một mối quan tâm khiến ta bật cười và một sự tự do khiến ta vui thích, bằng cách biểu lộ đồng thời khí thế của nó và phạm vi hiểu biết của nó. Chẳng phải là cảnh tượng của tuổi ấy, một cảnh tượng dễ thương và êm ái hay sao, khi nhìn thấy một đứa trẻ xinh xắn, ánh mắt sắc sảo và vui tươi, dáng vẻ hài lòng và thanh thản, diện mạo cởi mở và tươi cười, làm những điều nghiêm túc nhất trong lúc nô đùa, hoặc chú tâm sâu xa vào những trò chơi tầm phào nhất?

Bây giờ các vị có muốn xét đoán nó bằng sự so sánh không? Hãy để nó lẫn vào những đứa trẻ khác, và để nó hành động. Các vị sẽ thấy ngay đứa nào được thực sự rèn luyện hơn cả, đứa nào đến gần hơn cả sự hoàn hảo của lứa tuổi chúng. Trong đám trẻ thành thị, không đứa nào khéo léo hơn nó, nhưng nó khỏe hơn bất cứ đứa nào. Trong đám trẻ thôn quê, nó ngang bằng chúng về sức lực và vượt chúng về sự khéo léo. Trong tất cả những gì vừa tầm với tuổi thơ, nó phán đoán, nó lập luận, nó tiên đoán giỏi hơn hết thảy bọn trẻ. Có vấn đề vận động, chạy, nhảy, lay chuyển các vật thể, nhấc lên các khối, ước lượng các khoảng cách, bày đặt ra các trò chơi, giành các giải thưởng chăng? cứ như thể tạo vật theo lệnh nó, vì nó biết dễ dàng khiến mọi điều phục tùng ý muốn của nó. Nó được tạo ra để hướng dẫn, để chỉ huy những người đồng đẳng với mình: ở nó, tài năng, kinh nghiệm thay thế cho quyền hạn và uy lực. Các vị cứ cho nó y phục và tính danh nào tùy ý, điều đó không mấy quan trọng, ở đâu nó cũng sẽ vượt bậc, ở đâu nó cũng sẽ trở thành chỉ huy của các trẻ khác; chúng sẽ luôn cảm thấy ưu thế của nó đối với chúng; dù không muốn điều khiển, nó vẫn sẽ là chủ nhân; dù không nghĩ là mình vâng lời, chúng vẫn sẽ vâng lời.

Nó đã đi tới độ chín của tuổi thơ, nó đã sống cuộc sống của một đứa trẻ, nó đã không hề mua sự hoàn hảo của mình mà làm thiệt hại cho hạnh phúc

của mình; trái lại, hai điều ấy đã giúp đỡ lẫn nhau. Trong khi đạt được toàn bộ lý trí của tuổi nó, nó đã được hạnh phúc và tự do đến hết mức mà thể chất nó cho phép. Nếu lưỡi hái tiền định đến gặt đi ở nó tinh hoa của những kỳ vọng nơi chúng ta, thì chúng ta sẽ không phải vừa khóc cho cuộc sống vừa khóc cho cái chết của nó, chúng ta sẽ không làm cho những nỗi đau của mình thành chua xót vì hồi tưởng lại những nỗi đau do mình gây ra cho nó; chúng ta sẽ tự nhủ: ít ra nó đã vui hưởng tuổi thơ của nó; ta đã không làm nó bị mất đi chút nào về những gì mà tạo hóa đã ban cho nó.

Điều bất tiện lớn của sự giáo dục đầu tiên này là sự giáo dục ấy chỉ rõ rệt với những người sáng suốt, và ở một đứa trẻ được giáo dục với bao công sức lo toan như vậy, những con mắt tầm thường chỉ nhìn thấy một thằng ranh tinh nghịch. Một gia sư nghĩ đến lợi ích của mình nhiều hơn đến lợi ích của đồ đệ mình; ông ta chuyên chú chứng tỏ rằng mình không hoài phí thì giờ, và mình xứng đáng kiếm đồng tiền mà người ta trả cho mình; ông cung cấp cho học trò một học vấn dễ phô trương và có thể bày ra khi nào muốn; điều ông dạy nó hữu ích không quan trọng, miễn là điều ấy dễ nhìn thấy. Ông chất chứa, không chọn lọc, không phân biệt, hàng trăm đống lộn xộn trong trí nhớ của nó. Khi vấn đề là sát hạch đứa trẻ, thì người ta cho nó bày hàng hóa của nó ra; nó phô trương hàng hóa, mọi người hài lòng; sau đó nó xếp lại kiện hàng, và ra đi. Học trò của tôi không giàu có đến thế, nó không hề có kiện hàng để bày ra, nó chỉ có bản thân nó để phô bày thôi. Mà một đứa trẻ, cũng như một người lớn, không tự bộc lộ trong một khoảnh khắc. Đâu là những nhà quan sát biết nắm bắt qua cái nhìn đầu tiên những nét đặc trưng cho tính cách nó? Có những người như thế, nhưng ít; và trên mười vạn ông bố, sẽ chẳng có được một ông trong số người này.

Các câu hỏi quá nhiều gây phiền muộn và chán ngán cho tất cả mọi người, huống hồ là trẻ em. Sau vài phút, sự chú ý của chúng mệt mỏi, chúng chẳng nghe điều mà một người hay lục vấn đang hỏi chúng nữa, và chỉ còn trả lời liều láo gặp chăng hay chớ. Cái cách sát hạch trẻ như thế là vô bổ và thông thái rởm; nhiều khi một lời lẽ chợt nghe được lại diễn tả ý thức và trí tuệ của trẻ rõ hơn những diễn ngôn dài dòng; nhưng cần lưu ý để lời lẽ đó không phải được truyền bảo cũng không phải là tình cờ. Bản thân ta cần có rất nhiều sức phán đoán để đánh giá sức phán đoán của một đứa trẻ.

Tôi từng được nghe ngài Hyde quá cố kể lại rằng một ông bạn của ngài, từ nước Ý trở về sau ba năm vắng nhà, muốn khảo sát sự tiến bộ của cậu con trai

chừng chín đến mười tuổi. Một buổi chiều các ngài đi dạo cùng cậu bé và thầy giáo của cậu tại một dải đồng bằng nơi các học sinh đang chơi thả diều. Ông bố bảo con khi đi qua: *Chiếc diều có cái bóng này ở đâu nhỉ.* Không ngần ngừ, không ngẩng đầu, cậu bé bảo: *Trên đường cái lớn.* Và quả thật, ngài Hyde nói thêm, đường cái lớn ở giữa Mặt trời và chúng tôi. Nghe lời nói ấy, ông bố ôm hôn con trai, kết thúc cuộc khảo sát ở đó, và bỏ đi chẳng nói năng gì. Ngày hôm sau ông gửi cho thầy giáo chứng thư về một khoản phụ cấp suốt đời ngoài số tiền lương.

Ông bố ấy là con người đặc biệt biết chừng nào! và ông sẽ có được cậu con trai đặc biệt biết chừng nào! Câu hỏi thật đúng với lứa tuổi: câu trả lời rất giản dị; nhưng hãy xem có câu trả lời ấy tất phải có một sức phán đoán trẻ thơ minh xác biết chừng nào! Chính bằng cách ấy mà người học trò của Aristote thuần dưỡng được con tuấn mã chưa một kỵ sĩ nào từng chế ngự nổi[125].

[125] * Người học trò của Aristote mà Rousseau nói ở đây là Alexandre III (356 trước CN-323 trước CN), vua xứ Macédoine, còn tuấn mã mang tên Bucéphale. Nhận thấy Bucéphale bị kinh hoảng vì cái bóng của nó, Alexandre bèn để ngựa đối diện với Mặt trời, do đó đã chế ngự được ngựa.

QUYỂN BA

Dù cả đoạn đường đời cho đến tuổi thanh niên là một thời kỳ yếu đuối, song trong khoảng thời gian của tuổi ấu niên này, có một điểm ở đó sự tăng tiến của sức lực vượt quá sự tăng tiến của nhu cầu, và động vật đang tăng trưởng, hãy còn yếu một cách tuyệt đối, trở nên mạnh một cách tương đối. Vì các nhu cầu của nó chưa phát triển hết thảy, nên sức lực hiện thời của nó thừa thãi để cung cấp cho những nhu cầu mà nó có. Giả sử là người lớn thì nó sẽ rất yếu, song là trẻ con thì nó lại rất mạnh.

Sự yếu đuối của con người từ đâu mà ra? Từ tình trạng không ngang bằng giữa sức lực của anh ta và ham muốn của anh ta. Chính các đam mê của chúng ta khiến chúng ta thành yếu đuối, bởi lẽ để thỏa mãn chúng cần nhiều sức lực hơn sức lực mà thiên nhiên ban cho chúng ta. Vậy các vị hãy giảm bớt ham muốn, thế cũng như các vị tăng thêm sức lực: người nào có thể nhiều hơn là ham muốn thì có sức lực dư thừa; chắc chắn người ấy là một sinh thể rất mạnh. Đó là trạng thái thứ ba của tuổi thơ, và đó là trạng thái mà bây giờ tôi cần nói đến. Tôi tiếp tục gọi nó là tuổi thơ, vì không có từ ngữ thích hợp để diễn tả nó; vì tuổi đó tiến gần tới tuổi thanh niên, song vẫn chưa là tuổi dậy thì.

Ở tuổi mười hai hay mười ba sức lực của đứa trẻ phát triển nhanh chóng hơn rất nhiều so với các nhu cầu của nó. Nhu cầu dữ dội nhất, nhu cầu ghê gớm nhất, hãy còn chưa để nó cảm nhận thấy; bản thân khí quan vẫn còn ở trạng thái chưa hoàn chỉnh, và để ra khỏi trạng thái này, dường như chờ đợi ý chí của nó buộc phải làm điều đó. Ít bị ảnh hưởng do những tác hại của không khí và của các mùa, nó đương đầu với những tác hại này chẳng khó khăn gì, nhiệt khí mới nhen nơi nó thay cho quần áo; sự ngon miệng của nó thay cho gia vị; ở tuổi nó tất cả những gì có thể nuôi dưỡng đều ngon hết; nếu thấy buồn ngủ, nó nằm dài xuống mặt đất và ngủ: ở đâu nó cũng thấy bao quanh mình là mọi thứ cần thiết cho mình; chẳng một nhu cầu tưởng tượng nào giày vò nó; dư luận chẳng làm gì được nó; ham muốn của nó không đi xa hơn những cánh tay nó: chẳng những nó có thể tự túc, mà nó còn có sức lực vượt

quá những gì cần cho nó; đó là thời gian duy nhất trong đời mà nó ở vào trường hợp như vậy.

Tôi cảm thấy trước điều phản bác. Người ta sẽ không nói rằng đứa trẻ có nhiều nhu cầu hơn những nhu cầu tôi cho nó, nhưng người ta sẽ phủ nhận sức lực mà tôi gán cho nó: người ta không nghĩ rằng tôi đang nói về học trò của tôi, chứ không phải về những hình nhân di động du hành từ căn phòng này sang căn phòng khác, cày bừa trong một chiếc rương và mang vác những gánh giấy bồi. Người ta sẽ bảo tôi rằng sức mạnh nam nhi chỉ bộc lộ cùng với năng lực nam giới; rằng duy chỉ có các sinh khí, được tinh luyện trong các mạch thích hợp, và lan truyền khắp thân thể, là có thể đem lại cho các cơ bắp mật độ, hoạt động, trạng thái căng, tính đàn hồi, từ đó mà có một sức mạnh thực sự. Đó là triết lý của thư phòng; còn tôi thì tôi cầu viện đến kinh nghiệm. Tôi nhìn thấy ở những vùng quê của các vị những đứa con trai cao lớn bừa, xới, cầm cày, vác một thùng rượu, đánh xe, y như bố chúng: người ta có thể tưởng chúng là người lớn, nếu tiếng nói của chúng không làm lộ chúng ra. Ngay ở các thành phố của chúng ta, những thợ thuyền thiếu niên, thợ rèn, thợ làm dao kéo, thợ đóng móng ngựa, cường tráng gần bằng thợ cả của chúng, và có lẽ chẳng kém khéo léo là mấy, nếu người ta cho chúng tập luyện kịp thời. Nếu có sự khác biệt, và tôi thừa nhận là có, thì sự khác biệt ấy ít hơn nhiều, tôi xin nhắc lại điều này, so với sự khác biệt giữa những ham muốn hung hăng của một người lớn và những ham muốn hạn hẹp của một đứa trẻ. Và chăng ở đây không chỉ bàn đến các sức mạnh thể chất, mà đặc biệt bàn đến sức mạnh và năng lực của trí tuệ thay thế cho các sức mạnh thể chất hoặc chỉ huy chúng.

Quãng thời gian mà cá nhân có thể nhiều hơn là ham muốn, dù không phải là thời gian của sức mạnh tuyệt đối lớn nhất nơi cá nhân, song như tôi đã nói, là thời gian của sức mạnh tương đối lớn nhất ở nó. Đó là thời gian quý báu nhất của cuộc đời, thời gian chỉ đến một lần; thời gian rất ngắn, và như ta sẽ thấy sau đây, vì việc sử dụng tốt thời gian ấy càng quan trọng nên thời gian ấy lại càng ngắn ngủi hơn nữa.

Vậy cá nhân sẽ làm gì với phần khả năng và sức lực thặng dư mà giờ đây nó có thừa, và ở một tuổi khác nó sẽ thiếu? Nó sẽ cố gắng sử dụng phần thặng dư này vào những chăm lo có thể có lợi cho nó khi cần; có thể nói là nó sẽ ném vào tương lai phần quá thừa của con người nó hiện tại; đứa trẻ cường tráng sẽ dự trữ cho người lớn yếu ớt; nhưng nó sẽ không thiết lập kho tàng của mình

trong những rương hòm mà người ta có thể lấy trộm, cũng như ở các nhà kho xa lạ bên ngoài mình; để thực sự chiếm hữu những gì thu hoạch được, nó sẽ để những cái đó trong cánh tay nó, trong đầu nó, trong bản thân nó. Vậy đó là thời gian của công việc, của giáo dục, của học tập, và xin các vị hãy chú ý rằng không phải tôi chọn lựa như vậy một cách võ đoán, chính thiên nhiên chỉ ra như vậy.

Trí năng của con người có những giới hạn của nó, và một con người chẳng những không thể biết tất cả, mà anh ta thậm chí không thể biết được toàn bộ cái phần ít ỏi mà những người khác biết. Bởi điều đối lập lại mỗi luận điểm sai lầm là một chân lý, nên con số các chân lý là vô tận cũng như con số các sai lầm. Vậy có một sự lựa chọn về các điều ta phải dạy dỗ cũng như về thời gian thích đáng để học những điều ấy. Trong các tri thức vừa tầm với chúng ta, thì một số sai lầm, số khác vô bổ, số khác dùng để nuôi dưỡng lòng kiêu ngạo của người nào có được chúng. Duy chỉ con số ít ỏi những tri thức thực sự góp phần vào sự an lạc của chúng ta mới xứng đáng với những tìm kiếm của một con người hiền minh, và do đó của một đứa trẻ mà ta muốn nó trở thành người như vậy. Vấn đề không phải là biết những gì đang tồn tại, mà là chỉ biết những gì hữu ích thôi.

Từ con số ít ỏi này, ở đây còn phải trừ đi những chân lý đòi hỏi một trí năng đã hình thành trọn vẹn để mà hiểu được chúng; những chân lý coi như phải có hiểu biết về các quan hệ của con người, điều mà một đứa trẻ không thể có được; những chân lý tuy bản thân chúng đúng, song lại hướng cho một tâm hồn ít kinh nghiệm suy nghĩ sai về những vấn đề khác.

Thế là chúng ta chỉ còn rút lại một phạm vi rất nhỏ bé so với sự tồn tại của các sự vật; nhưng cái phạm vi ấy hãy còn là một lĩnh vực mênh mông biết mấy đối với kích thước trí tuệ một đứa trẻ! Hỡi những tối tăm mông muội của trí năng con người, bàn tay táo bạo nào dám chạm vào tấm màn của các ngươi? Tôi thấy biết bao nhiêu vực thẳm mà những học vấn vô bổ của chúng ta đào xung quanh thằng bé rùi ro kia! Hỡi bạn là người sẽ dẫn dắt nó trên những nẻo đường nguy hiểm ấy, và kéo ra trước mắt nó tấm màn thiêng của tự nhiên, bạn hãy run sợ. Trước hết hãy xem cho thật chắc đầu óc của nó và đầu óc của bạn, hãy sợ rằng đầu óc người này hay người kia, và có thể là cả hai, choáng váng hóa điên. Hãy sợ sức hấp dẫn chỉ tốt đẹp bề ngoài của điều dối trá và hãy sợ những chếnh choáng say lòng của niềm kiêu ngạo. Hãy nhớ, hãy nhớ không ngừng rằng sự dốt nát chưa bao giờ gây hại, rằng chỉ có sự sai lầm là độc hại,

rằng người ta không hề lầm lạc vì điều mình không biết, mà vì điều mình tưởng là biết.

Những tiến bộ của nó trong môn hình học có thể dùng để thử thách và để ước lượng chắc chắn về sự phát triển của trí năng nó: nhưng ngay khi nó vừa biết phân biệt cái gì hữu ích với cái không hữu ích, thì điều quan hệ là phải sử dụng rất nhiều sự cẩn trọng và rất nhiều kỹ năng để dẫn nó đến những môn học mang tính tư biện. Chẳng hạn các vị muốn nó tìm một tỷ lệ trung bình giữa hai đường kẻ; xin hãy bắt đầu bằng việc làm sao cho nó cần tìm ra một hình vuông bằng với một hình chữ nhật cho sẵn – nếu vấn đề là hai tỷ lệ trung bình, thì thoạt tiên phải làm cho vấn đề về tính gấp đôi của thể lập phương thành thú vị đối với nó, v.v... Các vị hãy xem ta tiến dần từng nấc như thế nào đến các khái niệm đạo đức phân biệt cái thiện và cái ác. Cho đến lúc này về quy luật thì ta mới chỉ biết quy luật tất yếu: bây giờ ta lưu tâm đến cái gì hữu ích; chẳng bao lâu ta sẽ đi tới cái gì thích đáng và tốt.

Cùng một bản năng kích thích các năng lực khác nhau của con người. Kế tiếp hoạt động của thân thể tìm cách tự phát triển, là hoạt động của trí óc, tìm cách học hỏi. Mới đầu trẻ em chỉ hiếu động, sau đó chúng hiếu kỳ; và lòng hiếu kỳ được điều khiển đúng đắn là động cơ của lứa tuổi mà giờ đây chúng ta đạt tới. Ta hãy luôn phân biệt những khuynh hướng bắt nguồn từ tự nhiên và những khuynh hướng bắt nguồn từ dư luận. Có một nhiệt tình hiếu biết chỉ dựa trên ham muốn được đánh giá là thông thái; có một nhiệt tình khác nảy sinh từ lòng hiếu kỳ tự nhiên ở con người đối với tất cả những gì có thể có quan hệ gần hay xa với mình. Mong muốn bẩm sinh được an lạc và tình trạng không thể thỏa mãn hoàn toàn mong muốn đó khiến con người không ngừng tìm kiếm những phương sách mới để giúp cho việc này. Đó là căn nguyên đầu tiên của lòng hiếu kỳ; căn nguyên tự nhiên đối với tâm hồn con người, nhưng sự phát triển lại chỉ diễn ra tương xứng với các đam mê và các tri thức của chúng ta. Hãy giả định một triết gia bị đày ra hoang đảo cùng với dụng cụ và sách vở, tin chắc rằng mình sẽ đơn độc ở đấy suốt phần đời còn lại; ông sẽ chẳng mấy băn khoăn bối rối về hệ thống của thế giới, về các luật hấp dẫn, về toán vi phân nữa: cả đời có lẽ ông sẽ chẳng mở ra một cuốn sách nào, nhưng sẽ chẳng bao giờ ông không thăm thú hòn đảo của mình cho đến xó xỉnh cuối cùng, dù đảo có thể rộng lớn đến đâu chăng nữa. Vậy chúng ta lại gạt thêm khỏi những môn học đầu tiên của chúng ta những tri thức mà sở thích không hề là tự nhiên ở con người, và hãy giới hạn ở những tri thức mà bản năng hướng chúng ta tìm kiếm.

Hòn đảo của loài người, đó là Trái đất; vật thể tác động nhiều nhất đến mắt chúng ta, đó là Mặt trời. Ngay khi chúng ta vừa bắt đầu tách ra xa khỏi bản thân, những quan sát đầu tiên của chúng ta ắt phải rơi vào một trong hai thứ đó. Bởi vậy triết lý của hầu hết các dân tộc hoang dã chỉ duy nhất xoay quanh những phân chia tưởng tượng của Trái đất và xoay quanh thần Mặt trời.

Sao cách xa đến thế! Có lẽ mọi người sẽ nói như vậy. Vừa rồi chúng ta chỉ quan tâm đến những gì động chạm tới chúng ta, đến những gì trực tiếp bao quanh ta; bỗng nhiên giờ đây ta đi khắp Địa cầu và nhảy đến các cực của thế giới! Sự cách xa này là kết quả của bước tiến nơi sức lực chúng ta và của chiều hướng trí tuệ chúng ta. Trong tình trạng yếu đuối và vô năng, mối chăm lo tự bảo tồn khiến chúng ta tập trung vào bên trong mình; trong tình trạng có năng lực và sức mạnh, mong muốn khuếch trương bản thể mình hướng chúng ta ra bên ngoài, và khiến chúng ta lao đi xa hết mức có thể; nhưng, vì thế giới tinh thần hãy còn lạ lùng chưa biết với chúng ta, nên tư duy của ta không đi xa hơn mắt ta, và trí năng ta chỉ khuếch trương cùng với không gian mà nó ước lượng.

Hãy biến các cảm giác của chúng ta thành ý tưởng, nhưng đừng nhảy vọt một cái từ những đối tượng hữu hình sang những đối tượng tinh thần. Chúng ta phải từ những đối tượng đầu tiên mà đi đến những đối tượng khác. Trong những hoạt động đầu tiên của trí tuệ, sao cho các giác quan luôn hướng dẫn trí tuệ: không hề có sách vở nào khác ngoài thế giới, không hề có điều giáo huấn nào khác ngoài các sự kiện. Đứa trẻ đọc sách không suy nghĩ, nó chỉ đọc mà thôi; nó không học hỏi, nó học các từ ngữ.

Các vị hãy làm cho học trò của mình chú ý đến các hiện tượng của thiên nhiên, chẳng bao lâu các vị sẽ làm cho nó thành hiếu kỳ; nhưng, để nuôi dưỡng lòng hiếu kỳ của nó, các vị đừng bao giờ vội vã thỏa mãn lòng hiếu kỳ ấy. Hãy đặt ra những vấn đề vừa sức nó, và hãy để nó tự giải quyết các vấn đề đó. Sao cho nó hiểu biết điều gì cũng không phải do quý vị đã bảo cho nó, mà vì nó đã tự hiểu lấy; sao cho nó đừng học khoa học, mà tìm ra khoa học. Nếu có khi nào các vị thay thế lý trí bằng quyền uy trong đầu óc nó, thì nó sẽ không lý luận nữa; nó sẽ chỉ là món đồ chơi cho ý kiến kẻ khác.

Các vị muốn dạy môn địa lý cho đứa trẻ đó, và các vị đi kiếm cho nó những quả Địa cầu, thiên cầu, những bản đồ: bao nhiêu là khí cụ! Tại sao phải có tất cả những biểu tượng ấy? sao các vị không bắt đầu chỉ cho nó ngay đối tượng, để ít ra nó biết được các vị đang nói với nó về cái gì!

Vào một buổi chiều đẹp, ta đi dạo ở một nơi thuận tiện, ở đó chân trời rất trống trải cho thấy trọn vẹn Mặt trời đang lặn, và ta quan sát các vật thể giúp ta nhận ra nơi Mặt trời lặn. Ngày hôm sau, để thở không khí mát mẻ, ta trở lại cũng nơi ấy trước khi Mặt trời mọc. Ta thấy vầng dương tự báo hiệu từ xa bằng những tia lửa mà nó phóng ra phía trước. Đám cháy gia tăng, phương đông dường như rực lửa; qua ánh lửa rực rỡ ta chờ đợi vầng dương rất lâu trước khi nó xuất hiện; cứ mỗi lúc ta lại tưởng như thấy nó hiện ra; cuối cùng ta thấy nó. Một điểm chói lọi xuất phát nhanh như chớp và lập tức tràn ngập cả không gian; bức màn tăm tối mờ phai và tan biến. Con người nhận ra nơi mình lưu trú và thấy nó đẹp ra. Trong đêm cỏ cây đã nhận được một khí lực mới; ánh ngày vừa rạng chiếu sáng chúng, những tia nắng đầu tiên dát vàng lên chúng, phô bày chúng được phủ một màn sương lóng lánh, phản chiếu vào mắt ánh sáng và sắc màu. Chim chóc đồng thanh tụ họp và cùng nhau chào mừng vị tổ của sự sống; vào khoảnh khắc ấy không một con nào im tiếng; tiếng líu lo của chúng, hãy còn yếu ớt, chậm rãi hơn và dịu dàng hơn ở phần thời gian còn lại trong ngày, tiếng líu lo còn mang vẻ uể oải của một sự tỉnh giấc êm đềm. Sự tụ hội của tất cả những ngoại vật ấy mang lại cho giác quan một cảm giác tươi mát dường như thấm vào tận tâm hồn. Ở đó có nửa giờ thần tiên mà không một người nào kháng cự nổi; một cảnh tượng hùng vĩ đến thế, mỹ lệ đến thế, tuyệt vời đến thế, khiến không ai bình tĩnh được.

Lòng tràn đầy hứng khởi, ông thầy muốn truyền niềm hứng khởi này sang đứa trẻ: ông ngỡ làm nó xúc động bằng cách khiến nó chú ý đến những cảm giác làm chính ông xúc động. Thật là ngu ngốc! Sức sống của cảnh tượng thiên nhiên ở chính trong lòng người; muốn thấy được điều đó, phải cảm nhận nó. Đứa trẻ nhận thấy các sự vật, nhưng nó không thể nhận thấy các mối liên hệ gắn bó chúng, nó không thể nghe thấy hòa âm êm dịu nơi bản hợp tấu của chúng. Cần phải có một kinh nghiệm mà đứa trẻ chưa hề thu nhận được, cần phải có những tình cảm mà nó chưa hề nếm trải, để cảm nhận ấn tượng phức hợp là kết quả đồng thời từ tất cả những cảm giác trên. Nếu nó chưa từng đi khắp các dải đồng bằng khô cằn trong thời gian dài, nếu cát nóng bỏng chưa từng thiêu đốt bàn chân nó, nếu phản xạ gây nghẹt thở của các tảng đá bị Mặt trời nung nấu chưa bao giờ khiến nó ngột ngạt, thì làm thế nào nó sẽ thưởng thức được không khí tươi mát của một buổi sáng đẹp đẽ? Làm thế nào mà hương thơm của hoa, duyên sắc của cỏ cây, làn hơi ẩm của sương, bước đi mềm và êm trên bãi cỏ, sẽ khiến được giác quan nó hân hoan ngây ngất? Làm thế nào mà tiếng chim hót gây được cho nó một xúc động khoái trá, nếu

những âm điệu của tình yêu và lạc thú hãy còn lạ lùng chưa biết đối với nó? Nó sẽ nhìn một ngày đẹp đẽ đến thế hình thành với những mối cảm kích nào, nếu như trí tưởng tượng của nó không biết miêu tả cho nó những cảm kích có thể tràn đầy một ngày như vậy? Cuối cùng làm thế nào nó sẽ mềm lòng trước vẻ đẹp của cảnh tượng thiên nhiên, nếu nó không biết bàn tay nào đã chăm lo tô điểm cho cảnh ấy?

Xin đừng nói với đứa trẻ những lời lẽ mà nó không sao hiểu nổi. Không miêu tả, không hùng biện, không hình tượng, không thi ca gì hết. Hiện giờ không có vấn đề tình cảm cũng như sở thích. Xin hãy tiếp tục sáng tỏ, giản dị và lạnh lùng; thời gian dùng một giọng điệu khác sẽ chỉ đến quá sớm mà thôi.

Được nuôi dạy theo tinh thần các châm ngôn của chúng ta, được tập quen khai thác mọi phương tiện của mình từ bản thân và bao giờ cũng chỉ cầu viện người khác sau khi đã nhận ra sự bất toàn của mình, khi nhìn thấy mỗi đối tượng mới mẻ, nó đều quan sát rất lâu mà không nói gì hết. Nó tư lự và không hay hỏi han. Các vị chỉ đưa ra cho nó đúng lúc các đối tượng là đủ; rồi, khi các vị thấy lòng hiếu kỳ của nó bị thu hút khá đủ, các vị hãy đề ra cho nó một câu hỏi vắn tắt nào đó đặt nó trên con đường giải đáp câu hỏi ấy.

Trong dịp này, sau khi đã cùng nó ngắm kỹ cảnh Mặt trời mọc, sau khi đã làm cho nó chú ý đến, cũng ở phía đó, núi non và các vật thể khác kế cận, sau khi đã để cho nó thỏa sức trò chuyện về điều ấy, các vị hãy giữ yên lặng vài khoảnh khắc như một người đang mơ mộng, rồi các vị sẽ bảo nó: Thầy nghĩ rằng chiều hôm qua Mặt trời đã lặn ở đằng kia, còn sáng nay đã mọc ở đây. Làm thế nào điều ấy lại có thể thực hiện được nhỉ? Các vị đừng nói thêm gì cả: nếu nó đặt cho các vị những câu hỏi, xin đừng trả lời; hãy nói sang việc khác. Cứ để điều ấy cho chính nó, và hãy tin chắc là nó sẽ suy nghĩ về điều đó.

Muốn cho một đứa trẻ quen chú ý, và muốn cho nó rất xúc động vì một sự thật rõ rệt, thì sự thật ấy phải khiến nó bồn chồn áy náy vài hôm trước khi khám phá ra. Nếu theo cách ấy mà nó vẫn không quan niệm được khá rõ sự thật này, thì có phương kế làm cho sự thật đó thành rõ rệt hơn nữa đối với nó, và kế này là lật ngược vấn đề. Nếu nó không biết làm thế nào mà Mặt trời đi từ nơi lặn đến nơi mọc, thì ít ra nó cũng biết Mặt trời đi từ nơi mọc đến nơi lặn như thế nào, chỉ riêng mắt nó cũng cho nó biết điều ấy. Vậy các vị hãy làm sáng tỏ câu hỏi thứ nhất bằng câu hỏi đó: hoặc học trò của các vị hoàn toàn đần độn, hoặc sự tương tự quá rõ ràng thành thử nó không thể không hiểu. Đó là bài học đầu tiên của nó về vũ trụ học.

Vì chúng ta luôn đi chậm rãi từ ý niệm có thể cảm giác này đến ý niệm có thể cảm giác kia, vì chúng ta làm quen trong thời gian dài với cùng một ý niệm trước khi chuyển sang một ý niệm khác, và cuối cùng vì chúng ta không bao giờ ép buộc học trò của mình phải chú ý, nên từ bài học thứ nhất này đến việc hiểu biết sự vận hành của Mặt trời và hình dạng Trái đất còn xa lắm: nhưng vì mọi vận động nhìn thấy được của các thiên thể đều theo cùng một nguyên tắc, và vì quan sát đầu tiên dẫn đến mọi quan sát khác, nên ta ít phải cố gắng, dù phải mất nhiều thời gian, để đi từ một vòng nhật động đến việc tính toán các nhật thực nguyệt thực, hơn là để hiểu rõ ngày và đêm.

Vì Mặt trời quay xung quanh Địa cầu, nên nó vẽ thành một vòng tròn và bất kỳ vòng tròn nào cũng phải có một tâm điểm; ta đã biết điều đó rồi. Tâm điểm này không thể nhìn thấy được, vì nó ở trong lòng Trái đất, nhưng ta có thể đánh dấu trên bề mặt hai điểm đối lập tương ứng với nó. Một chiếc xiên đi qua ba điểm và kéo dài đến tận trời ở cả phía này lẫn phía kia sẽ là trục của Địa cầu và của vận động hàng ngày của Mặt trời. Một con quay tròn xoay trên đầu nhọn của nó tượng trưng bầu trời xoay trên trục; hai đầu nhọn của con quay là hai cực: đứa trẻ sẽ rất thích được biết một trong hai cực ấy; tôi chỉ cho nó cực này ở đuôi của chòm Tiểu Hùng Tinh. Đó là trò vui ban đêm; dần dần ta quen với các vì sao và từ đó nảy sinh hứng thú đầu tiên hiểu biết các hành tinh và quan sát các chòm tinh tú.

Chúng tôi đã thấy Mặt trời mọc vào ngày Thánh Jean[126]; chúng tôi cũng đi xem Mặt trời mọc vào ngày Noël hay một ngày đẹp trời nào đó vào mùa đông; vì mọi người biết rằng chúng tôi không lười biếng, và chúng tôi coi việc khinh thường cái lạnh là một trò vui. Tôi chú trọng thực hiện quan sát thứ hai này ở cùng địa điểm mà chúng tôi đã thực hiện quan sát thứ nhất; và nhờ một sự khéo léo nào đó để chuẩn bị cho nhận xét, người này hay người kia sẽ không khỏi reo lên: Ồ! ồ! Thật là thú vị! Mặt trời không mọc lên ở cùng một chỗ nữa! đây là nơi ta đã thu thập các thông tin trước, còn bây giờ nó lại mọc ở đằng kia, v.v... Vậy là có một phương đông mùa hạ, và một phương đông mùa đông, v.v... Hỡi thầy giáo trẻ, ông đang ở trên đường rồi đấy. Các thí dụ này ắt đủ cho ông để dạy một cách thật rõ ràng về thiên cầu, bằng cách dùng Địa cầu để giảng về Địa cầu, và dùng Mặt trời để giảng về Mặt trời.

---

[126] * Ngày 24 tháng 6.

Thường thường, các vị bao giờ cũng chỉ nên thay thế sự vật bằng ký hiệu khi các vị không thể chỉ ra sự vật ấy; vì ký hiệu thu hút sự chú ý của đứa trẻ và làm nó quên đi sự vật được biểu thị.

Tôi thấy thiên văn cầu dường như là một khí cụ được cấu tạo kém cỏi và chế tác theo những tỷ lệ rất dở. Sự lộn xộn của các vòng và những hình dạng kỳ dị mà người ta đánh dấu lên đó khiến nó có một vẻ của sách pháp thuật phù thủy làm đầu óc trẻ em kinh hãi. Trái đất thì quá nhỏ, các vòng tròn lại quá to, quá nhiều; một vài vòng, như những vòng chí tuyến kinh tuyến hoàn toàn vô ích; vòng nào cũng rộng lớn hơn Trái đất; bề dày của giấy bồi khiến các vòng đó có một vẻ vững chắc khiến người ta coi chúng là những khối vòng tròn thực sự hiện tồn; và khi các vị bảo đứa trẻ rằng các vòng đó là tưởng tượng, thì nó không biết cái nó đang nhìn thấy, nó không còn hiểu gì nữa.

Chúng ta không bao giờ biết đặt mình vào địa vị trẻ em; chúng ta không thâm nhập các ý tưởng của chúng, chúng ta gán cho chúng các ý tưởng của mình; và bằng cách luôn luôn đi theo những suy luận của bản thân mình, với những chuỗi chân lý nối tiếp, chúng ta chỉ chồng chất vào đầu óc chúng toàn những điều ngông cuồng vô lý và sai lầm mà thôi.

Người ta tranh cãi về việc lựa chọn sự phân tích hay sự tổng hợp để nghiên cứu học tập các môn khoa học; không phải bao giờ cũng cần chọn lựa. Đôi khi người ta có thể giải quyết và tổ hợp trong cùng những sự tìm tòi, và dẫn dắt đứa trẻ bằng phương pháp giáo dục trong khi nó tưởng là nó chỉ phân tích mà thôi. Lúc đó, bằng cách đồng thời dùng cả phân tích lẫn tổng hợp, hai cách sẽ chứng minh lẫn cho nhau. Xuất phát cùng một lúc từ hai điểm đối lập, không nghĩ rằng mình đi cùng một con đường, nó sẽ hết sức ngạc nhiên khi tự gặp gỡ, và niềm ngạc nhiên ấy chỉ có thể rất thú vị mà thôi. Chẳng hạn, tôi muốn xem xét môn địa lý bằng hai hạn giới của nó, và kết hợp việc nghiên cứu các chu chuyển của Địa cầu với việc trắc định các bộ phận của nó, bắt đầu từ nơi chốn ta đang ở. Trong khi đứa trẻ học về thiên cầu và như vậy là đưa mình lên bầu trời, các vị hãy dẫn nó trở về mặt đất, và trước hết hãy chỉ cho nó nơi lưu trú của chính nó.

Hai vị trí địa lý đầu tiên của nó sẽ là thành phố nơi nó ở và ngôi biệt thự miền quê của ông bố, sau đó là các nơi chốn trung gian, sau đó là các dòng sông vùng lân cận, cuối cùng là trạng huống của Mặt trời và cách tìm phương hướng. Đó là điểm tập hợp. Nó hãy tự mình làm lấy bản đồ về tất cả những thứ đó; bản đồ rất đơn giản và mới đầu chỉ gồm hai vật thể duy nhất, dần dần nó thêm vào

đó các vật thể khác, theo chừng mực nó biết được hoặc ước lượng được khoảng cách của chúng và vị trí của chúng. Các vị xem ta đã cung cấp trước cho nó một lợi thế đến thế nào rồi khi đặt một chiếc compas trong mắt nó.

Mặc dù vậy, chắc hẳn cũng phải hướng dẫn nó chút ít; nhưng rất ít thôi, mà không tỏ ra là hướng dẫn. Nếu nó nhầm lẫn, các vị cứ để nó làm, chớ sửa chữa các sai lầm của nó, hãy lặng lẽ đợi nó thấy được và tự sửa chữa lấy; hoặc nhiều lắm thì trong một dịp thuận tiện, các vị tạo ra một hoạt động nào đó làm nó cảm thấy những sai lầm ấy. Nếu nó không bao giờ nhầm lẫn, nó sẽ chẳng học được tốt đến thế. Và lại, vấn đề không phải là nó biết chính xác địa hình của miền, mà là biết cách tìm hiểu địa hình ấy; việc nó có những tấm bản đồ trong đầu không quan trọng, miễn là nó hiểu rõ những gì được các bản đồ ấy biểu thị, và nó có một ý niệm rành rọt về kỹ năng giúp cho việc lập bản đồ. Các vị đã thấy điều khác biệt giữa sự hiểu biết của học trò các vị với sự không hiểu biết của học trò tôi rồi đó! Học trò các vị hiểu biết bản đồ, còn học trò tôi làm ra bản đồ. Đây là những thứ trang trí mới cho căn phòng của nó.

Các vị hãy luôn nhớ rằng tinh thần sự giáo dục của tôi không phải là dạy cho đứa trẻ rất nhiều điều, mà là bao giờ cũng chỉ để cho đi vào trí não nó những ý niệm đúng đắn và rõ ràng mà thôi. Giả sử nó không biết gì hết, với tôi ít quan trọng, miễn là nó không lầm lẫn, và tôi chỉ đặt các chân lý vào đầu óc nó để tránh cho nó những sai lầm mà có lẽ nó sẽ học hỏi thay vào chỗ các chân lý nọ. Lý trí, sự phán đoán, đến từ từ chậm rãi, các thành kiến thì chạy tới ào ào; chính là phải phòng giữ cho nó những thành kiến ấy. Nhưng nếu các vị nhìn khoa học ở bản thân nó, các vị sẽ đi vào một biển cả không đáy, không bến bờ, đầy những đá ngầm; các vị sẽ không bao giờ thoát ra khỏi đó. Khi tôi nhìn thấy một người say mê kiến thức để mình bị quyến rũ bởi sức mê hoặc của chúng và chạy từ kiến thức này sang kiến thức khác mà không biết dừng lại, tôi ngỡ nhìn thấy một đứa trẻ nhặt vỏ sò vỏ ốc trên bờ biển, và khởi đầu bằng việc mang nặng những vỏ ấy, rồi, bị cám dỗ bởi những vỏ lại nhìn thấy nữa, vứt bớt đi, nhặt thêm vào, cho đến khi khổ sở vì cơ man vô số là vỏ và chẳng biết chọn cái gì, cuối cùng quẳng đi hết và trở về tay không.

Trong tuổi ấu niên, thời gian thật dài: chúng ta chỉ tìm cách tiêu thì giờ, vì sợ sử dụng thì giờ không tốt. Ở đây hoàn toàn ngược lại, và chúng ta không đủ thời gian để làm tất cả những gì sẽ là hữu ích. Các vị hãy nghĩ rằng những đam mê đang lại gần, và, ngay khi chúng vừa gõ cửa, là học trò các vị chỉ còn quan tâm đến chúng mà thôi. Thời gian an bình của trí năng rất ngắn, nó trôi qua

rất nhanh, nó có biết bao sự sử dụng cần thiết, thành thử muốn nó đủ để khiến một đứa trẻ thành thông thái thì thật là điên rồ. Vấn đề không phải là dạy cho nó các môn khoa học, mà là đem lại cho nó hứng thú để yêu khoa học và đem lại cho nó các phương pháp để học những môn đó, khi hứng thú này phát triển hơn lên. Chắc chắn rằng đó là một nguyên lý cơ bản của bất kỳ nền giáo dục tốt nào.

Đây cũng là thời gian để tập cho nó dần dần quen chú ý liên tục đến cùng một đối tượng: nhưng không bao giờ là sự bó buộc, mà bao giờ cũng phải là niềm vui thích hoặc nỗi mong muốn làm nảy sinh sự chú ý này; phải hết sức chăm lo sao cho sự chú ý ấy không đè nặng lên nó và không đi đến chỗ chán ngán. Vậy xin hãy luôn để mắt; và, dù xảy ra chuyện gì đi nữa, cũng xin rời bỏ tất cả trước khi nó buồn chán; vì việc nó học không bao giờ quan trọng bằng việc nó đừng làm một điều gì bất đắc dĩ.

Nếu tự nó hỏi han các vị, xin hãy trả lời đủ mức cần thiết để nuôi dưỡng lòng hiếu kỳ của nó, chứ không phải để làm thỏa thích lòng hiếu kỳ ấy: nhất là khi các vị thấy thay vì hỏi để học tập, nó bắt đầu nói lung tung và dồn lên các vị những câu hỏi ngớ ngẩn, xin hãy dừng lại tức khắc, chắc chắn rằng lúc đó nó không còn quan tâm đến sự việc nữa, mà chỉ quan tâm bắt các vị phục tùng những lời chất vấn của nó mà thôi. Cần chú ý đến động cơ khiến nó nói nhiều hơn là những lời nó thốt ra. Điều khuyến cáo này, cho đến bây giờ vẫn ít cần thiết, trở nên quan trọng bậc nhất ngay khi đứa trẻ vừa bắt đầu suy luận.

Có một chuỗi nối tiếp các chân lý khái quát qua đó tất cả các môn khoa học gắn với những nguyên lý chung và phát triển kế tiếp nhau: chuỗi này là phương pháp của các trí giả. Ở đây không bàn đến phương pháp ấy. Có một phương pháp khác hẳn, qua đó mỗi đối tượng riêng biệt thu hút một đối tượng khác và luôn chỉ ra đối tượng theo sau nó. Trật tự này, nhờ một niềm hiếu kỳ liên tục, nuôi dưỡng được sự chú ý mà tất cả các đối tượng đòi hỏi, chính là trật tự được đa số mọi người theo, và đặc biệt cần đối với trẻ em. Trong khi chúng tôi định phương hướng để lập các bản đồ của mình, chúng tôi đã phải kẻ các đường kinh tuyến. Hai điểm giao nhau giữa các bóng ngang bằng vào buổi sáng và buổi chiều cung cấp một kinh tuyến tuyệt vời cho nhà thiên văn mười ba tuổi. Nhưng những đường này mờ xóa đi, phải có thời gian để vẽ chúng; chúng buộc ta phải luôn làm việc ở đúng chỗ cũ: nhiều sự cẩn thận đến thế, nhiều sự bó buộc đến thế, cuối cùng sẽ làm đứa trẻ chán. Chúng tôi đã dự liệu điều đó, chúng tôi đã chuẩn bị trước cho chuyện này.

Thế là tôi lại đang đi vào những chi tiết dài dòng và tỉ mỉ của mình. Độc giả, tôi nghe thấy các vị lẩm bẩm bất bình, và tôi không sợ điều ấy: tôi không muốn hy sinh phần hữu ích nhất của cuốn sách này vì sự sốt ruột của các vị. Xin các vị đành lòng cam chịu những lời dài dòng của tôi; vì về phần tôi thì tôi đã đành lòng cam chịu những lời phàn nàn của các vị rồi.

Từ lâu rồi học trò tôi và tôi đã nhận thấy rằng hổ phách, sáp, nhiều vật thể được cọ sát thì hút các cọng rơm, còn những vật thể khác lại không hút chúng. Tình cờ chúng tôi tìm được một vật thể có một tính chất lạ lùng hơn nữa: đó là thu hút mạt sắt và một số mảy sắt khác ở một khoảng cách nào đó và không cần cọ sát. Đặc tính này làm chúng tôi thích thú biết bao lâu mà chúng tôi không thể thấy gì hơn nữa trong đó! Cuối cùng chúng tôi thấy rằng đặc tính này truyền sang ngay cả sắt có nam châm theo một hướng nào đó. Một hôm chúng tôi đi chợ phiên[127]; một người làm trò ảo thuật với những chiếc chén dùng một mẩu bánh mì thu hút một con vịt bằng sáp bập bềnh trên một chậu nước. Hết sức ngạc nhiên, song chúng tôi không bảo: đây là một thầy phù thủy; vì chúng tôi không biết thế nào là một phù thủy. Không ngừng bị kích động bởi các kết quả mà mình không rõ nguyên nhân, chúng tôi không vội phán đoán điều gì hết, và chúng tôi cứ ở yên trong tình trạng không biết của mình cho đến khi nào tìm được cơ hội ra khỏi tình trạng ấy.

Trở về nhà, do cứ nói mãi về con vịt ở chợ phiên, chúng tôi quyết định bắt chước nó: chúng tôi lấy một cây kim nạp nhiều nam châm, chúng tôi bọc nó bằng sáp trắng mà chúng tôi cố nặn thành hình con vịt, sao cho cây kim xuyên qua thân hình và đầu kim là cái mỏ. Chúng tôi đặt con vịt xuống nước, chúng tôi để gần mỏ nó một vòng chìa khóa, và chúng tôi thấy, với một niềm vui

---

[127] Tôi không nhịn nổi cười khi đọc một lời phê bình tinh tế của ông Formey về câu chuyện nhỏ này: "Cái người làm trò ảo thuật muốn thi đua với một đứa trẻ và trịnh trọng thuyết giáo ông thầy của đứa trẻ là một con người thuộc thế giới của những cậu Émile". Ông Formey hóm hỉnh đã không giả định được rằng màn kịch nhỏ này được sắp đặt, rằng người làm ảo thuật biết vai trò mình phải đóng; vì quả thật đó là điều tôi chưa hề nói ra. Nhưng bù lại, đã bao nhiêu lần tôi từng tuyên bố rằng tôi không hề viết cho những người mà điều gì cũng phải nói kỹ hết với họ!

* Johann Heinrich Samuel Formey (1711-1797), nhà văn, thư ký Viện Hàn lâm Berlin, là người kiên quyết phản bác hai khảo luận của Rousseau về sự bất bình đẳng, về khoa học nghệ thuật, và là tác giả cuốn *Anti-Émile (Phản-Émile)*, xuất bản năm 1763.

mừng dễ hiểu, con vịt của mình đi theo chiếc chìa khóa hệt như con vịt ở chợ phiên đi theo mẩu bánh. Quan sát xem con vịt dừng lại trên mặt nước theo hướng nào khi người ta để nó nghỉ, điều này chúng tôi sẽ có thể làm vào một lần khác. Còn bây giờ, vì hoàn toàn chú ý vào mục tiêu của mình, chúng tôi không muốn gì hơn nữa.

Ngay chiều hôm ấy chúng tôi quay lại chợ phiên với bánh mì chuẩn bị sẵn trong túi; và, khi người làm ảo thuật vừa diễn xong trò của anh ta, thì nhà bác học tí hon của tôi, khó kìm được mình, bảo anh ta rằng trò ấy chẳng khó, rằng chính nó cũng sẽ làm được như thế. Nó buộc phải làm theo lời nói: lập tức nó rút trong túi ra mẩu bánh mì trong có giấu mảnh sắt; khi đến gần bàn, tim nó đập mạnh; nó giơ mẩu bánh ra gần như run rẩy; con vịt đi tới và theo nó; đứa trẻ reo lên và mừng rỡ. Trước những tiếng vỗ tay, những tiếng hoan hô của cử tọa, nó chóng mặt, nó phát cuồng. Người làm trò sừng sốt tuy thế vẫn đến ôm hôn nó, khen ngợi nó và yêu cầu nó ngày hôm sau lại có mặt nữa để làm vinh dự cho anh ta, và nói thêm rằng anh ta sẽ lo tập hợp đông người hơn để hoan nghênh tài khéo léo của nó. Nhà vạn vật học tí hon của tôi đắc chí muốn bẻo lẻo, nhưng lập tức tôi bịt miệng nó lại và đưa nó đi trong lúc nó đang được ca ngợi nhiệt liệt.

Đứa trẻ, cho đến ngày hôm sau, cứ đếm từng phút với một nỗi bồn chồn tức cười. Nó mời tất cả những ai nó gặp; nó những muốn toàn nhân loại chứng kiến niềm vinh quang của mình; nó khó nhọc đợi đến giờ, nó đi trước giờ; chúng tôi phóng như bay đến chỗ hẹn; phòng đã đông chật người. Khi bước vào, trái tim non trẻ của nó nở ra. Có những trò khác phải biểu diễn trước; người làm ảo thuật tỏ ra xuất sắc khác thường và thực hiện những điều kỳ lạ. Ở tất cả các trò này đứa trẻ chẳng nhìn thấy gì hết; nó cựa quậy, nó toát mồ hôi, nó gần như không thở: nó dùng thời gian để mân mê mẩu bánh trong túi với bàn tay run rẩy vì sốt ruột. Cuối cùng đến lượt nó; ông thầy long trọng loan báo điều này với công chúng. Nó tiến lại gần hơi thẹn thùng, nó rút mẩu bánh của nó ra... Biến thiên mới của sự đời! Con vịt, hôm trước thuần dưỡng đến thế, hôm nay lại thành hoang dã; thay vì chìa mỏ ra, nó quay đuôi và chạy trốn; nó tránh mẩu bánh và bàn tay giơ bánh ra cũng cẩn thận như trước đây nó đã đi theo những thứ đó. Sau hàng ngàn lần thử vô ích và luôn bị la ó phản đối, thằng bé phàn nàn, bảo rằng người ta lừa nó, rằng đó là một con vịt khác mà người ta đã thay vào con vịt đầu tiên, và thách người làm trò thu hút được con này.

Người làm ảo thuật, không trả lời, lấy một mẩu bánh, chìa ra cho con vịt; lập tức con vịt đi theo mẩu bánh, và đến với bàn tay đang rút mẩu bánh lại.

Đứa trẻ cầm lấy cũng mẩu bánh ấy; nhưng chẳng hề thành công hơn lần trước, nó lại thấy con vịt chế nhạo nó và xoay tròn khắp xung quanh chậu nước: cuối cùng nó lánh ra xa hết sức xấu hổ, và không dám hứng lấy những tiếng la ó phản đối nữa.

Thế là người làm ảo thuật cầm lấy mẩu bánh mà đứa trẻ đã mang đến, và sử dụng cũng thành công như với mẩu bánh của mình: anh ta lôi mảnh sắt trong bánh ra trước mặt tất cả mọi người, lại một tràng cười nữa chế giễu chúng tôi; rồi, với mẩu bánh rỗng ruột như thế, anh ta vẫn thu hút con vịt như trước. Anh ta cũng làm việc đó với một mẩu bánh khác do bàn tay của một người thứ ba cắt ra trước mặt tất cả mọi người, anh ta lại làm như vậy với chiếc bao tay của mình, với đầu ngón tay của mình; cuối cùng anh ta ra giữa phòng, và với giọng khoa trương riêng thuộc loại người này, tuyên bố rằng con vịt của anh ta sẽ vâng theo tiếng nói của anh ta không kém vâng theo cử chỉ, anh ta nói với con vịt và nó vâng theo; anh ta bảo nó đi sang bên phải thế là nó đi sang bên phải, bảo trở lại thế là nó trở lại, bảo đi vòng thế là nó đi vòng: động tác cũng nhanh như mệnh lệnh. Những tiếng vỗ tay tăng gấp bội cũng là chừng ấy sự si nhục đối với chúng tôi. Chúng tôi lẩn ra ngoài không ai nhìn thấy, và chúng tôi giam mình trong phòng, chẳng đi kể lại thành công của chúng tôi với tất cả mọi người như đã dự định.

Sáng hôm sau người ta gõ cửa phòng chúng tôi; tôi mở ra: đó là người làm ảo thuật. Anh ta phàn nàn một cách nhũn nhặn về cách cư xử của chúng tôi. Anh ta đã làm gì chúng tôi để chúng tôi muốn làm các trò của anh ta mất tín nhiệm và tước đi kế sinh nhai của anh ta? Có gì kỳ diệu đến thế trong kỹ năng thu hút một con vịt bằng sáp, để mua lấy vinh dự ấy bằng cách gây thiệt hại cho sinh kế của một người lương thiện? Quả thật, thưa các vị, nếu như tôi có một tài nào khác để sinh sống, tôi sẽ chẳng mấy tự phụ về cái tài này. Các vị phải nghĩ rằng một người đã suốt đời tập luyện cái kỹ xảo xoàng xĩnh ấy ắt hiểu về điều đó hơn các vị là những người chỉ bận vào đó vài khoảnh khắc mà thôi. Nếu thoạt tiên tôi chưa trình ra với các vị những ngón điêu luyện của tôi, thì đó là vì không nên vội phô bày một cách khinh suất những gì mình biết; bao giờ tôi cũng cẩn thận để dành những trò hay nhất của mình chờ cơ hội, và sau trò này, tôi còn những trò khác nữa để ngăn chặn những cậu bé vô ý vô tứ. Vả lại, thưa các vị, tôi vui lòng đến để cho các vị biết điều bí mật đã khiến các vị xiết bao lúng túng, nhưng xin các vị đừng lợi dụng điều đó để hại tôi, và lần khác xin hãy thận trọng hơn.

Thế là anh ta phô ra với chúng tôi khí cụ của mình, và chúng tôi cực kỳ ngạc nhiên thấy đó chỉ là một thỏi nam châm mạnh và có cốt sắt chắc chắn, do một đứa trẻ nấp dưới gầm bàn làm chuyển động mà mọi người không nhận thấy.

Anh ta xếp khí cụ của mình lại; còn chúng tôi sau khi đã cám ơn và xin lỗi anh ta, chúng tôi muốn tặng anh ta một món quà; anh ta từ chối. " Không, thưa các vị, tôi không đủ mãn ý về các vị để nhận quà tặng của các vị; tôi để các vị mắc nợ tôi dù các vị không muốn; đó là sự trả thù duy nhất của tôi. Các vị hãy biết rằng ở mọi địa vị đều có lòng hào hiệp; tôi đòi thù lao cho các trò diễn của mình chứ không cho các bài học của mình."

Khi đi ra, anh ta trách cứ tôi đích danh và lớn tiếng. Anh ta bảo tôi rằng: "Tôi sẵn lòng tha thứ cho cậu bé này; cậu ta chỉ phạm tội vì không biết. Nhưng còn ông, thưa ông, ông ắt phải biết lỗi của cậu ấy, thế tại sao ông lại để cho cậu ấy mắc lỗi? Bởi các vị sống cùng nhau, là người nhiều tuổi hơn ông có bổn phận chăm sóc và khuyên nhủ cậu ấy; kinh nghiệm của ông phải là uy quyền để dẫn dắt cậu ấy. Đến lúc trưởng thành, khi tự trách về những sai lầm thời niên thiếu, hẳn cậu ấy sẽ trách ông về những sai lầm mà ông không khuyến cáo cậu[128]."

Anh ta ra đi để lại hai chúng tôi rất thẹn thùng. Tôi tự trách về sự dễ dãi nhu nhược của mình; tôi hứa với đứa trẻ rằng lần khác sẽ hy sinh sự dễ dãi này vì lợi ích của nó, và sẽ khuyến cáo nó về các lỗi lầm của nó trước khi nó phạm phải; vì đã gần đến thời kỳ mà các quan hệ giữa chúng tôi sắp thay đổi, và sự nghiêm khắc của ông thầy phải tiếp theo sự chiều chuộng của người bạn; sự thay đổi này phải đến từng nấc một; cần phải dự liệu mọi việc, và dự liệu mọi việc từ rất xa.

Ngày hôm sau chúng tôi trở lại chợ phiên để xem lại cái trò mà chúng tôi đã biết được bí quyết. Chúng tôi đến gần nhà ảo thuật Socrate của chúng tôi

---

[128] Tôi có phải giả định hay chăng một độc giả nào đó khá ngu ngốc để không cảm thấy trong lời trách mắng này một diễn ngôn được ông thầy xui từng từ một nhằm đi tới mục đích của mình? Người ta có phải giả định hay chăng rằng bản thân tôi khá ngu ngốc để cho một người làm trò ảo thuật nói năng như vậy một cách tự nhiên? Tôi cứ ngỡ ít ra mình đã chứng tỏ tài nghệ khá tầm thường làm cho mọi người nói năng theo tinh thần của địa vị họ. Xin hãy xem cả phần cuối của đoạn tiếp theo. Đó chẳng phải là đã nói ra hết mọi điều với bất kỳ người nào ngoài ông Formey hay sao?

với niềm tôn trọng sâu xa; chúng tôi chỉ hơi dám ngước mắt nhìn anh ta: anh ta hết sức lịch sự với chúng tôi và mời chúng tôi ngồi với sự biệt đãi làm chúng tôi càng xấu hổ hơn nữa. Anh ta diễn trò như thường lệ; nhưng anh ta đùa vui và thích thú rất lâu với trò con vịt, trong khi đó thường hay nhìn chúng tôi với vẻ khá tự hào. Chúng tôi biết hết mọi điều, song chúng tôi không hé một lời. Nếu học trò của tôi chỉ dám mở miệng thôi, thì đó sẽ là đứa trẻ cần phải xéo bẹp.

Toàn bộ chi tiết của thí dụ này quan trọng hơn người ta tưởng. Biết bao nhiêu bài học trong chỉ một bài thôi! Biết bao hậu quả nhục nhã do động thái khoe khoang đầu tiên đem lại! hỡi ông thầy trẻ tuổi, hãy rình cho kỹ càng động thái đầu tiên ấy. Nếu ông biết cách làm cho từ động thái ấy xuất hiện nỗi nhục nhã, những điều không hay[129], thì hãy tin chắc rằng trong thời gian dài sẽ không tái diễn một động thái thứ hai như vậy. Các vị sẽ bảo: sao nhiều sự chuẩn bị đến thế! Tôi đồng ý như vậy, nhưng tất cả là để tạo cho chúng tôi một địa bàn thay cho đường kinh tuyến.

Đã biết được rằng nam châm tác động xuyên qua các vật thể khác, chúng tôi chẳng có gì vội vã hơn là làm một khí cụ giống như thứ chúng tôi đã thấy: một cái bàn khoét rỗng, một chiếc chậu thật dẹt đặt vừa khít trên bàn, đựng vài *ligne*[130]nước, một con vịt được làm cẩn thận hơn đôi chút, v.v... Thường chăm chú quanh chậu nước, cuối cùng chúng tôi nhận xét thấy con vịt khi nằm yên bao giờ cũng gần như theo một hướng. Chúng tôi theo dõi thí nghiệm này, chúng tôi quan sát chiều hướng ấy: chúng tôi thấy ra rằng nó đi từ nam lên bắc. Chẳng cần nhiều hơn nữa: địa bàn của chúng tôi đã được tìm ra, hoặc tương đương như vậy; chúng tôi đang ở trong môn vật lý học rồi.

Có những khí hậu khác nhau trên Trái đất, và những nhiệt độ khác nhau cho các khí hậu ấy. Càng đến gần cực, các mùa thay đổi càng rõ rệt hơn; tất cả các vật thể đều co lại trước cái lạnh và dãn nở trước cái nóng; tác động này đo được dễ hơn trong các chất nước, và rõ rệt hơn trong các nước có chất rượu; từ đó mà có nhiệt kế. Gió đập vào mặt; vậy không khí là một vật thể, một thể lưu

---

[129] Vậy nỗi nhục nhã, những điều không hay này là do cách làm của tôi, chứ không phải do cách làm của người diễn trò ảo thuật. Bởi ông Formey muốn chiếm lấy cuốn sách của tôi khi tôi còn sống, và cho in nó ra chẳng theo cách thức nào khác là bỏ tên tôi đi để đặt tên ông ấy vào đó, thế thì chí ít ông ấy cũng phải bỏ công, tôi không nói là làm ra cuốn sách, mà là đọc nó.

[130] * *ligne*: đơn vị đo chiều dài xưa, bằng 1/12 của *pouce*. Một *pouce* bằng 1/12 của *pied*. Một *pied* bằng 0m 3248.

động; người ta cảm thấy nó, dù người ta không có cách nào nhìn thấy nó. Hãy lật ngược một chiếc cốc trong nước, nước sẽ không vào đầy cốc trừ phi các vị để một lối thoát cho không khí; vậy không khí có khả năng đề kháng. Hãy dìm cốc sâu hơn, nước sẽ lấn không khí trong khoảng trống, song không thể lấp đầy hẳn khoảng trống này; vậy không khí có khả năng nén ép đến một mức độ nhất định. Một quả bóng chứa đầy khí nén này hơn là chứa đầy bất kỳ chất liệu nào khác; vậy không khí là một vật thể đàn hồi. Nằm dài trong khi tắm, hãy nhấc ngang cánh tay ra ngoài nước, các vị sẽ cảm thấy cánh tay chất một sức nặng kinh khủng; vậy không khí là một vật thể có trọng lượng. Bằng cách đặt không khí trong thế cân bằng với những thể lưu động khác, có thể đo được trọng lượng của nó: từ đó mà có phong vũ biểu, vòi chuyền nước, gậy đo gió, máy bài khí. Tất cả những luật về tĩnh lực học, thủy tĩnh học đều được tìm ra từ những thí nghiệm thô sơ như vậy cả. Tôi không muốn vì bất kỳ điều gì trong đó mà bước vào một phòng vật lý thực nghiệm: toàn thể bộ sậu những dụng cụ và máy móc ấy khiến tôi không ưa. Không khí khoa học giết chết khoa học. Hoặc tất cả những máy móc đó làm một đứa trẻ hoảng sợ, hoặc hình dạng của chúng chia sẻ và lấy mất sự chú ý mà lẽ ra đứa trẻ phải dành cho kết quả của chúng.

Tôi muốn chúng tôi tự làm lấy mọi khí cụ của mình; và tôi không muốn bắt đầu bằng việc làm dụng cụ trước khi làm thí nghiệm; nhưng tôi muốn rằng sau khi đã như thể tình cờ mà thoáng thấy ra thí nghiệm, thì chúng tôi sáng chế dần dần dụng cụ phải kiểm tra lại thí nghiệm ấy. Tôi thích thà dụng cụ của chúng tôi không thật hoàn hảo và thật chính xác, song chúng tôi lại có những ý niệm rành rọt hơn về việc những dụng cụ đó phải như thế nào, và về những hoạt động ắt phải từ đó mà ra. Về bài tĩnh lực học đầu tiên, thay vì đi tìm những chiếc cân, tôi đặt một cây gậy nằm ngang trên lưng một chiếc ghế dựa, tôi đo chiều dài của hai phần cây gậy ở thế thăng bằng, tôi thêm vào bên này bên kia các quả cân, khi ngang nhau khi không ngang nhau; và, bằng cách kéo lại hay đẩy đi theo chừng mực cần thiết, cuối cùng tôi tìm ra thế thăng bằng là do một tỷ lệ tương hỗ giữa số lượng các quả cân và chiều dài các đòn cân. Thế là nhà vật lý tí hon của tôi đã có khả năng chỉnh những chiếc cân trước khi nhìn thấy cân rồi đó.

Chắc chắn là người ta rút ra được những khái niệm rõ ràng hơn nhiều và vững vàng hơn nhiều từ những sự vật mà ta tự học hiểu lấy như vậy, hơn là từ những sự vật được người khác giáo huấn; và, ngoài việc ta không hề làm cho lý trí mình quen phục tòng một cách nô lệ trước uy quyền, ta còn khiến mình

thành giỏi giang hơn trong việc tìm ra các quan hệ, kết nối các ý tưởng, sáng chế các dụng cụ, so với trường hợp ta tiếp nhận tất cả những điều này y như người ta đem lại cho mình, và để trí óc mình tiêu trầm trong trạng thái uể oải, giống như thân thể một người luôn được gia nhân hầu hạ, mặc y phục cho, đi giày cho, và được ngựa kéo đi, cuối cùng chẳng còn sức lực và chẳng sử dụng được tứ chi của mình. Boileau tự khoe đã dạy cho Racine làm thơ một cách khó khăn vất vả. Trong bao nhiêu phương pháp tuyệt vời để rút ngắn việc học tập các môn khoa học, có lẽ chúng ta sẽ rất cần ai đó cho chúng ta một phương pháp để học các môn đó với sự gắng công gắng sức.

Lợi ích rõ rệt nhất của những sự tìm tòi chậm rãi và cần cù khó nhọc ấy là, giữa những môn học tư biện, vẫn duy trì được thân thể trong trạng thái hoạt động của nó, duy trì được tứ chi trong tính mềm dẻo của chúng, và không ngừng luyện cho các bàn tay quen với lao động và với các tập quán hữu ích cho con người. Quá nhiều dụng cụ được sáng chế để hướng dẫn ta trong các thí nghiệm của ta, và để thay thế cho tính đúng đắn của giác quan, làm ta sao nhãng việc rèn luyện giác quan. Thước đo góc miễn trừ việc ước lượng độ lớn của các góc; con mắt ước chừng chính xác các khoảng cách lại tin cậy vào chuỗi thước dây đo thay cho nó; chiếc cân móc tránh cho tôi khỏi phán đoán bằng tay trọng lượng mà tôi biết được nhờ nó. Công cụ của chúng ta càng tinh khéo, thì khí quan của chúng ta càng trở nên thô lỗ và vụng về: cứ ra sức tập hợp các khí cụ xung quanh mình, ta không còn tìm ra khí cụ trong bản thân ta nữa.

Nhưng khi ta đem vào việc chế tạo các khí cụ sự khéo léo vẫn thay cho khí cụ đối với ta, khi ta sử dụng để làm ra các khí cụ sự minh mẫn phải có để không cần đến khí cụ, thì ta được mà không mất gì hết, ta bổ sung kỹ năng cho tự nhiên, và ta trở nên tài giỏi hơn mà không thành kém khéo léo đi. Thay vì để một đứa trẻ dính chặt vào sách vở, nếu tôi để nó bận rộn trong một xưởng, thì bàn tay nó làm việc để có lợi cho trí óc nó: nó thành trí giả song tưởng mình chỉ là thợ. Cuối cùng việc rèn tập này có những sự sử dụng khác nữa mà tôi sẽ nói sau đây; và ta sẽ thấy bằng cách nào mà từ những vận dụng của triết học người ta có thể nâng mình lên các chức năng đích thực của con người.

Tôi đã nói rằng các tri thức thuần túy tư biện không mấy thích hợp với trẻ em, ngay cả khi gần đến tuổi thanh niên; nhưng tuy không đưa chúng tiến quá sâu vào vật lý học hệ thống, các vị hãy làm sao cho tất cả các thí nghiệm của chúng cái nọ liên kết với cái kia qua một kiểu suy luận nào đó, để nhờ vào

chuỗi tiếp nối ấy chúng có thể xếp các thí nghiệm này trong óc theo trật tự, và nhớ lại được khi cần; vì các sự kiện và ngay cả các lập luận tách riêng rất khó ở lâu trong ký ức, khi ta không có chỗ nắm bắt để dẫn chúng quay lại đó.

Trong khi nghiên cứu các quy luật của thiên nhiên, xin hãy luôn bắt đầu từ những hiện tượng thông thường nhất và rõ rệt nhất, và hãy tập cho học trò thói quen không coi các hiện tượng này là các lý do, mà là các sự kiện. Tôi lấy một hòn đá, tôi giả vờ đặt nó trên không; tôi mở bàn tay, hòn đá rơi xuống. Tôi nhìn Émile đang chú ý đến việc tôi làm, và tôi bảo nó: Tại sao hòn đá này lại rơi xuống?

Có đứa trẻ nào không trả lời được câu hỏi ấy? Chẳng đứa nào hết, kể cả Émile, nếu tôi đã không hết sức cẩn thận chuẩn bị cho nó biết không trả lời điều đó. Tất cả sẽ nói rằng hòn đá rơi vì nó có trọng lượng. Thế cái gì có trọng lượng? Đó là cái gì rơi xuống. Vậy hòn đá rơi vì nó rơi? Đến đây thì trí giả tí hon của tôi tắc hẳn. Đó là bài học đầu tiên của nó về vật lý hệ thống, và dù có lợi cho nó hay không về bộ môn ấy, thì vẫn sẽ luôn là một bài học về lương tri.

Dần dà đứa trẻ càng tiến lên về trí năng, thì những lý do quan trọng khác càng buộc chúng ta phải lựa chọn kỹ hơn trong các công việc của nó. Ngay khi nó vừa nhận biết được bản thân đủ để hiểu sự an lạc của mình là gì, ngay khi nó vừa thấy ra được các quan hệ khá rộng để phán đoán cái gì thích hợp với mình và cái gì không thích hợp, thì từ đó nó đủ trình độ cảm nhận sự khác biệt từ công việc đến trò vui, và chỉ coi trò vui như sự giải lao cho công việc. Lúc đó các đối tượng hữu ích thực sự có thể đi vào việc học tập của nó, và khuyến khích nó dành cho chúng một sự chuyên tâm kiên nhẫn hơn sự chuyên tâm dành cho các trò vui đơn thuần. Định luật của sự tất yếu, luôn luôn tái xuất hiện, sớm dạy cho con người biết làm điều mình không thích để phòng ngừa một cái hại còn khiến mình không thích hơn nhiều. Đó là tập quán lo xa tính trước: và, từ sự lo xa được điều chỉnh tốt hay dở ấy, nảy sinh toàn bộ sự minh triết hay toàn bộ nỗi khốn khổ của con người.

Con người nào cũng muốn được hạnh phúc; nhưng để đạt được hạnh phúc, phải bắt đầu bằng việc hiểu hạnh phúc là gì. Hạnh phúc của con người tự nhiên cũng đơn giản như cuộc sống của người đó; hạnh phúc là không đau đớn: sức khỏe, tự do, nhu yếu phẩm cấu tạo nên hạnh phúc ấy. Hạnh phúc của con người tinh thần là chuyện khác; nhưng ở đây không bàn đến vấn đề đó. Tôi nhắc lại bao nhiêu cũng không thừa rằng chỉ có những mục tiêu thuần túy vật chất mới có thể khiến trẻ em hứng thú, nhất là những trẻ mà người ta chưa

đánh thức tính khoe khoang, và người ta chưa làm hư hỏng trước bởi chất độc của dư luận.

Vào lúc nào trẻ tiên đoán được các nhu cầu của mình trước khi cảm thấy nhu cầu, thì trí năng của chúng đã rất tiến bộ, chúng bắt đầu biết giá trị của thời gian. Lúc đó cần phải tập cho chúng quen hướng việc sử dụng thời gian vào những mục tiêu hữu ích, nhưng là một sự hữu ích rõ rệt với lứa tuổi của chúng, vừa tầm với các tri thức của chúng. Tất cả những gì liên quan đến phạm trù tinh thần và đến tập quán của xã hội đều không nên đưa ra cho chúng ngay, bởi lẽ chúng chưa đủ sức hiểu. Thật là một sự ngu xuẩn nếu đòi hỏi chúng chuyên tâm vào những điều mà người ta nói với chúng một cách mơ hồ rằng đó là vì tốt cho chúng, song chúng chẳng hiểu cái tốt ấy là gì, những điều mà người ta đảm bảo với chúng rằng sẽ có lợi cho chúng khi chúng lớn lên, song giờ đây chúng chẳng có một hứng thú nào với cái bảo là lợi mà chúng không thể hiểu được ấy.

Sao cho đứa trẻ đừng làm một điều gì vì tin lời: chỉ điều gì nó cảm thấy tốt cho nó mới là điều tốt cho nó. Bằng cách luôn ném nó lên phía trước các tri thức của nó, các vị tưởng mình lo xa, song các vị lại thiếu lo xa. Để trang bị cho nó vài lợi khí vô bổ mà có lẽ nó sẽ chẳng bao giờ sử dụng, các vị tước mất của nó lợi khí phổ quát nhất của con người, đó là lương tri; các vị làm cho nó quen để mình luôn bị dẫn dắt, để mình bao giờ cũng chỉ là một cỗ máy trong tay người khác. Các vị muốn nó dễ bảo khi còn bé: đó là muốn nó cả tin và bị lừa khi lớn. Các vị không ngừng bảo nó: "Tất cả những gì thầy yêu cầu em là để có lợi cho em; nhưng em chưa đủ sức hiểu điều ấy. Em làm hay không làm điều mà thầy đòi hỏi có can hệ gì đến thầy đâu? em làm việc chỉ cho riêng mình em mà thôi."

Với tất cả những lời lẽ hay ho mà giờ đây các vị nói với nó để khiến nó thành ngoan ngoãn, các vị đang chuẩn bị cho sự thành công của những lời lẽ mà một ngày nào đó một nhà linh giác, một thuật sĩ luyện đan, một kẻ lừa bịp, một gã giáo quyệt, hay một thằng điên đủ kiểu sẽ nói với nó, để đưa nó vào bẫy của hắn, hoặc để khiến nó theo sự điên rồ của hắn.

Một người lớn cần biết rõ những điều mà một đứa trẻ không sao hiểu nổi tính hữu ích; nhưng một đứa trẻ có nên và có thể học tất cả những gì mà một người lớn cần biết hay không? Hãy cố gắng dạy cho đứa trẻ tất cả những gì hữu ích với lứa tuổi nó, và các vị sẽ thấy toàn bộ thời gian của nó quá là đầy ắp. Tại sao các vị lại muốn bắt nó chuyên tâm vào những môn học của một lứa

tuổi mà chắc gì nó đạt tới được, để thiệt hại cho những môn học giờ đây đang thích hợp với nó? Các vị sẽ bảo nhưng thời gian có còn kịp hay không để học những gì người ta phải biết, khi thời điểm sử dụng những điều ấy đến nơi? Tôi không biết: nhưng điều tôi biết, đó là tôi không thể học điều đó sớm hơn; vì những ông thầy thực sự của chúng ta là kinh nghiệm và ý thức, và bao giờ con người cũng chỉ cảm nhận rõ những gì thích hợp với con người trong những mối quan hệ mà mình ở bên trong. Một đứa trẻ biết rằng nó được tạo ra để thành người lớn, tất cả những ý niệm nó có thể có được về trạng thái của người lớn đều là những cơ hội giáo dục đối với nó; nhưng những ý niệm về trạng thái đó mà không vừa với trình độ của nó thì nó phải tuyệt đối không hay biết gì. Toàn bộ cuốn sách của tôi chỉ là một sự chứng minh liên tục nguyên lý giáo dục này.

Ngay khi chúng ta vừa đạt tới chỗ cho học trò của chúng ta một ý niệm về từ *hữu ích*, là chúng ta có thêm một chỗ nắm bắt quan trọng nữa để dạy dỗ nó; vì từ ấy khiến nó xúc động rất nhiều, do chỗ đối với nó từ ấy chỉ có một nghĩa liên quan đến tuổi nó, và do chỗ nó thấy rõ ràng mối tương quan giữa từ ấy với sự an lạc hiện tại của nó. Những đứa trẻ của các vị không hề xúc động vì từ đó bởi lẽ các vị đã không chú trọng đem lại cho chúng một ý niệm vừa với trình độ của chúng về từ đó, và bởi những người khác luôn đảm nhận việc cung cấp cho chúng những gì hữu ích với chúng, nên chúng chẳng bao giờ cần tự mình nghĩ đến điều ấy, và chẳng biết tính hữu ích là gì.

Điều đó có ích lợi gì? Từ nay về sau đó là cái lời thiêng liêng, cái lời quyết định giữa nó và tôi trong mọi hành vi của đời sống chúng tôi: về phần tôi đó là câu hỏi nhất thiết theo sau mọi câu hỏi của nó, và dùng để ghìm lại vô số câu hỏi ngu đần và vô vị mà trẻ em làm mệt mỏi tất cả những ai ở quanh chúng, không ngơi nghỉ và không kết quả, nhằm thực thi một thứ quyền lực nào đó với họ hơn là để thu được một lợi ích nào đó. Đứa trẻ nào được dạy trong bài học quan trọng nhất của nó là chỉ muốn biết điều gì hữu ích mà thôi, sẽ chất vấn như Socrate; nó không đặt một câu hỏi nào mà tự nó không rõ lý do của câu hỏi ấy, lý do mà nó biết rằng người ta sẽ hỏi nó trước khi giải đáp câu hỏi.

Các vị thấy tôi đặt vào tay các vị một lợi khí mạnh mẽ biết mấy để tác động đến học trò các vị. Vì không biết lý do của điều gì hết, thế là nó hầu như phải im lặng khi các vị muốn; còn các vị thì ngược lại, các kiến thức và kinh nghiệm của các vị chẳng đem lại cho các vị một lợi thế biết mấy hay sao, để

chỉ ra cho nó tính hữu ích của tất cả những gì các vị đề xuất với nó!Vì, xin chớ nhầm lẫn về điều này, đặt ra cho nó câu hỏi ấy, chính là dạy cho nó đến lượt mình hỏi lại các vị; và các vị phải tin rằng, về tất cả những gì các vị sẽ đề xuất với nó sau này, noi gương các vị nó sẽ không quên bảo: *Điều đó có ích lợi gì?*

Đây có lẽ là cạm bẫy khó tránh nhất đối với một ông thầy. Nếu, trước câu hỏi của đứa trẻ, vì chỉ tìm cách trả lời cho xong chuyện, các vị đưa ra cho nó chỉ một lý do mà nó không đủ sức hiểu, thì nó, do thấy các vị lập luận theo ý tưởng của các vị chứ không theo ý tưởng của nó, sẽ cho rằng những gì các vị nói là hợp với tuổi của các vị, chứ không hợp với tuổi nó; nó sẽ không tin cậy ở các vị nữa, và mọi sự hỏng hết. Nhưng đâu là ông thầy muốn tắc tị và thừa nhận với học trò những sai trái của mình?Tất cả đều tự đặt một định lệ là không thừa nhận ngay cả những sai trái họ phạm phải; còn tôi thì tôi sẽ đặt cho mình một định lệ là thừa nhận ngay cả những sai trái mà tôi không phạm phải, khi tôi không thể làm cho các lập luận của mình vừa với trình độ của nó: như vậy cách xử sự của tôi, luôn minh bạch trong trí óc nó, sẽ không bao giờ đáng ngờ đối với nó, và bằng cách tự coi như mình có lỗi lầm, tôi sẽ duy trì được cho mình nhiều uy tín hơn là những ông thầy duy trì bằng cách giấu giếm lỗi lầm của họ.

Trước hết, xin hãy nhớ kỹ rằng hiếm khi chính các vị có bổn phận đề xuất những gì nó phải học; chính nó có bổn phận mong muốn điều đó, tìm kiếm điều đó, thấy ra điều đó; bổn phận của các vị là khiến cho điều đó vừa trình độ của nó, là làm nảy sinh một cách khéo léo mong muốn ấy và cung cấp cho nó những phương tiện để thỏa mãn mong muốn ấy. Do vậy mà những câu hỏi của các vị phải ít thường xuyên, nhưng chọn lọc kỹ; và, do đứa trẻ sẽ hỏi các vị nhiều hơn là các vị hỏi nó, các vị sẽ luôn ít bị sơ hở, và thường được ở vào cái thế hỏi nó: *Có ích lợi gì để biết điều mà em hỏi thầy?*

Hơn nữa, vì việc nó học điều này hay điều kia không quan trọng mấy, miễn là nó hiểu rõ những điều nó học và hiểu rõ việc sử dụng những điều ấy, nên ngay khi các vị không có một lời giải thích hữu ích cho nó về điều mà các vị nói với nó, thì đừng giải thích gì hết. Hãy bảo nó mà đừng ấy này: thầy không có câu trả lời đúng để nói với em; thầy sai rồi, thôi ta hãy bỏ chuyện ấy lại. Nếu điều các vị giáo huấn thực sự không thích hợp, thì bỏ hẳn điều ấy đi cũng chẳng hại gì; nếu nó thích hợp, thì lưu tâm một chút, chẳng mấy chốc các vị sẽ tìm được dịp cho đứa trẻ thấy rõ tính hữu ích của điều ấy.

Tôi không hề ưa những lời giải thích dài dòng; thanh niên ít chú ý đến những lời đó và chẳng ghi nhớ là mấy. Sự vật! Sự vật! tôi sẽ chẳng bao giờ nhắc lại đủ rằng chúng ta cho lời lẽ quá nhiều quyền lực; với lối giáo dục lắm lời của chúng ta thì chúng ta chỉ tạo nên những kẻ lắm lời mà thôi.

Ta hãy giả định rằng, trong khi tôi đang nghiên cứu cùng với học trò mình về sự vận hành của Mặt trời và về cách tìm phương hướng, thì đột nhiên nó ngắt lời tôi để hỏi tôi rằng tất cả những điều ấy dùng để làm gì. Tôi sẽ nói với nó những lời lẽ hay ho biết mấy! Tôi nắm lấy cơ hội để giáo huấn nó biết bao điều trong khi trả lời câu hỏi của nó, nhất là nếu cuộc đàm thoại của chúng tôi có người chứng kiến[131]. Tôi sẽ nói với nó về tính hữu ích của các cuộc du hành, về các lợi ích trong giao dịch, về các sản phẩm đặc biệt của mỗi khí hậu, về phong tục của các dân tộc khác nhau, về cách sử dụng lịch, về sự tính toán các biến thiên thời tiết đối với nghề nông, về nghệ thuật hàng hải, về cách thức thực hiện hành trình trên biển và theo đúng hải đạo của mình mà không biết hiện mình đang ở đâu. Chính trị, vạn vật học, thiên văn học, cả đạo đức học và quốc tế công pháp sẽ đi vào sự giải thích của tôi, để học trò tôi có một ý niệm lớn lao về tất cả những môn khoa học ấy và một ham muốn lớn lao học các môn đó. Khi nói xong, là tôi đã phô trương mọi điều của một người lên mặt thông thái thực sự, trong những điều ấy học trò tôi chẳng hiểu được một ý tưởng nào. Nó sẽ rất muốn hỏi tôi như trước là việc tìm phương hướng dùng để làm gì; nhưng nó không dám, sợ tôi giận. Nó thấy tốt hơn là giả vờ hiểu những gì người ta đã bắt nó nghe. Những sự giáo dục tốt đẹp được thực hiện như vậy đó.

Nhưng Émile của chúng ta, được nuôi dạy theo lối quê mùa hơn và được ta hết sức vất vả tạo cho một quan niệm cứng rắn, sẽ không nghe một điều gì hết trong tất cả những điều ấy. Ngay tiếng đầu tiên mà nó không hiểu, nó sẽ chuồn, nó sẽ đùa giỡn trong phòng và để tôi ba hoa một mình. Chúng ta hãy tìm một giải pháp thô sơ hơn; bộ sậu khoa học của tôi chẳng có giá trị gì đối với nó.

Chúng tôi đang quan sát vị trí của khu rừng ở phía bắc Montmorency, thì nó ngắt lời tôi bằng câu hỏi rầy rà của nó: *Cái đó để làm gì?* Em nói đúng đấy,

---

[131] Tôi thường nhận xét thấy, trong những lời giáo huấn uyên thâm giảng cho trẻ em, người ta nghĩ đến việc làm cho chúng nghe mình ít hơn việc làm cho những người lớn có mặt ở đó nghe mình. Tôi tin rất chắc vào điều tôi nói ở đây, vì tôi đã quan sát điều đó ở chính bản thân tôi.

tôi bảo nó, phải thư thả nghĩ về điều này; và nếu ta thấy việc đó không ích lợi gì, ta sẽ không làm tiếp nữa, vì ta chẳng thiếu gì những trò vui hữu ích. Chúng tôi bận sang việc khác, và cho đến hết ngày không bàn đến địa lý nữa.

Sáng hôm sau, tôi đề nghị với nó đi dạo một vòng trước bữa ăn trưa; nó chẳng đòi hỏi gì hơn; để chạy nhảy thì trẻ con bao giờ cũng sẵn sàng, mà cậu bé này có đôi chân khỏe. Chúng tôi lên rừng, chúng tôi đi khắp các đồng cỏ, chúng tôi lạc đường, chúng tôi không còn biết mình đang ở đâu; và, khi phải quay về, chúng tôi không sao tìm lại được đường đi của mình nữa. Thì giờ trôi qua, sự nóng nực đến, chúng tôi đói; chúng tôi vội vã, chúng tôi lang thang vô hiệu phía này phía khác, đâu đâu chúng tôi cũng thấy rừng cây, hầm đá, đồng bằng, chẳng có một chỉ dẫn nào để nhận ra phương hướng. Rất nóng bức, rất mệt, rất đói, chạy đi chạy lại chúng tôi chỉ càng lạc đường thêm. Cuối cùng chúng tôi ngồi xuống để nghỉ, để bàn bạc. Émile, mà tôi giả định là được nuôi dạy như một đứa trẻ khác, chẳng bàn bạc gì hết, nó khóc; nó không biết rằng chúng tôi đang ở lối ra Montmorency, rằng chỉ có một khoảng rừng thưa che mất nơi đó thôi; nhưng khoảng rừng thưa ấy là cả một cánh rừng đối với nó, một người vóc dáng như nó bị vùi lấp trong các bụi rậm.

Sau vài khoảnh khắc thinh lặng, tôi bảo nó với vẻ lo lắng: Émile thân mến, ta sẽ làm thế nào để ra khỏi nơi đây?

***Émile**, mồ hôi đầm đìa, và khóc sướt mướt,*

Em chẳng biết gì cả đâu. Em mệt; em đói; em không chịu được nữa.

Jean-Jacques

Em tưởng tình trạng thầy khá hơn em sao? và em nghĩ rằng thầy không khóc sao nếu thầy có thể dùng bữa trưa bằng nước mắt của mình? Vấn đề không phải là khóc, mà là nhận ra mình đang ở đâu. Ta hãy xem đồng hồ của em nào; mấy giờ rồi?

Émile

Đúng mười hai giờ trưa, và bụng em rỗng không.

Jean-Jacques

Đúng thế, mười hai giờ trưa, và bụng thầy rỗng không.

Émile

Ôi! Chắc thầy phải đói lắm!

Jean-Jacques

Điều không may là bữa ăn của thầy chẳng đến đây tìm thầy. Mười hai giờ trưa đúng là giờ mà hôm qua ta đã quan sát từ Montmorency vị trí của khu rừng. Nếu ta có thể cũng quan sát như vậy từ khu rừng vị trí của Montmorency!...

Émile

Vâng; nhưng hôm qua ta nhìn thấy khu rừng, còn ở đây ta không nhìn thấy thành phố.

Jean-Jacques

Đấy chính là điều dở... Nếu ta có thể không cần nhìn thấy thành phố mà vẫn tìm được vị trí của nó nhỉ!...

Émile

Ôi thầy ơi!

Jean-Jacques

Ta đã chẳng nói rằng khu rừng ở về...

Émile

Phía bắc của Montmorency.

Jean-Jacques

Do đó Montmorency phải ở về...

Émile

Phía nam của khu rừng.

Jean-Jacques

Ta có một phương kế để tìm ra hướng bắc vào mười hai giờ trưa không?

Émile

Có ạ, nhờ chiều hướng của bóng.

Jean- Jacques

Nhưng còn hướng nam?

Émile

Phải làm thế nào ạ?

Jean-Jacques

Hướng nam đối lập với hướng bắc.

Émile

Đúng thế; vậy chỉ cần tìm hướng đối lập với bóng. Ồ! Hướng nam kia rồi! Hướng nam kia rồi! Chắc chắn Montmorency ở về phía đó.

Jean-Jacques

Có thể là em đúng: ta hãy đi theo con đường nhỏ này xuyên qua rừng.

***Émile**, vừa vỗ tay, vừa reo lên mừng rỡ,*

A! Em nhìn thấy Montmorency rồi! Nó ở kia ngay trước mặt chúng ta, lộ hẳn ra. Ta đi ăn trưa, ta đi ăn trưa nào, chạy nhanh lên: thiên văn học cũng có ích lợi cho một việc gì chứ.

Xin hãy chú ý rằng, nếu nó không nói ra câu sau cùng này, thì nó sẽ nghĩ câu đó; điều ấy không mấy quan hệ, miễn là không phải tôi nói ra câu ấy. Mà xin hãy tin chắc rằng suốt đời nó sẽ không quên bài học ngày hôm đó; còn như, nếu tôi chỉ giả định tất cả những điều này với nó trong phòng của nó, thì bài diễn giảng của tôi sẽ bị quên đi ngay ngày hôm sau. Cần phải nói bằng hành động nhiều hết mức có thể, và chỉ nói suông điều mình không làm được mà thôi.

Độc giả chẳng chờ đợi tôi khá coi thường độc giả để mỗi loại môn học lại đưa ra một thí dụ: nhưng, dù bàn vấn đề gì chăng nữa, tôi khuyến khích mấy cũng không thừa ông thầy hãy ước lượng cho đúng thành tích của mình qua năng lực của học trò; vì, một lần nữa, cái hại không ở những gì nó không hiểu, mà ở những gì nó tưởng là hiểu.

Tôi nhớ lại rằng, do muốn khiến cho một đứa trẻ hứng thú với môn hóa, nên sau khi đã chỉ ra cho nó nhiều hiện tượng lắng kim loại, tôi giải thích mực được làm như thế nào. Tôi bảo nó rằng màu đen của mực chỉ do một chất sắt được phân ly rất nhiều, được tách khỏi chất toan, và làm lắng nhờ một thứ nước có tính kiềm. Đang giữa bài giảng uyên bác của tôi, thằng bé phản bội chặn đứng tôi lại bằng câu hỏi mà tôi đã dạy nó: thế là tôi hết sức lúng túng.

Sau khi mơ màng đôi chút, tôi quyết định; tôi sai đi lấy rượu vang trong hầm rượu của chủ nhân, và một thứ vang khác giá tám xu ở hàng rượu. Tôi lấy dung dịch của chất kiềm vào một bình nhỏ; rồi, khi có trước

mặt mình hai chiếc cốc đựng hai loại vang khác nhau[132], tôi nói với nó như sau:

Người ta giả mạo rất nhiều thực phẩm để làm chúng có vẻ tốt đẹp hơn sự thật. Những sự giả mạo này đánh lừa thị giác và vị giác; nhưng chúng có hại, và khiến sự vật giả mạo, với bề ngoài tốt đẹp, tồi tệ hơn chính nó khi trước.

Đặc biệt người ta giả mạo các đồ uống, và nhất là rượu vang, vì sự lừa bịp khó biết hơn, và đem lại cho kẻ lừa bịp nhiều lời lãi hơn.

Việc giả mạo các loại vang non hoặc chua được làm với diêm toan, là một chế phẩm từ chì. Chì kết hợp với các axít tạo thành một chất diêm rất dịu, cải tạo được cái chua của vang đối với vị giác, nhưng lại là một chất độc với những ai uống nó. Vậy trước khi uống loại vang khả nghi, cần phải biết liệu rượu vang ấy có pha diêm toan hay không. Mà để phát hiện điều đó thầy lập luận như sau.

Rượu vang không chỉ chứa tinh chất dễ cháy, như em đã thấy qua rượu mạnh rút từ vang ra; vang còn chứa axít, như em có thể nhận biết qua dấm và chất cáu cũng rút ra từ vang.

Axít có quan hệ với các chất kim loại, và kết hợp với những chất này nhờ sự dung giải để tạo thành một diêm toan phức hợp, thí dụ như rỉ, nó chỉ là một chất sắt được hòa tan bởi axít chứa trong không khí hay trong nước, và thí dụ như rỉ đồng, nó chỉ là chất đồng hòa tan do dấm.

Nhưng cũng axít này có quan hệ với các chất kiềm nhiều hơn với các chất kim loại, thành thử, do sự can thiệp của các chất kiềm trong những diêm toan phức hợp mà thầy vừa nói với em, axít buộc phải nhả kim loại mà nó kết hợp, để gắn với chất kiềm.

Lúc đó chất kim loại, thoát khỏi axít giữ nó hòa tan, bèn lắng lại và khiến rượu trở nên mờ đục.

Vậy nếu một trong hai loại vang này có pha diêm toan, thì axít của nó giữ diêm toan ở thể hòa tan. Nếu thầy rót vào đó chất nước kiềm, chất này sẽ buộc axít nhả ra để kết hợp với nó; chất chì, không còn bị giữ ở thể hòa tan nữa, lại hiện ra, làm đục rượu, và cuối cùng sẽ lắng ở đáy cốc.

---

[132] Khi định giải thích một điều gì cho đứa trẻ, thì một sự long trọng nho nhỏ đi trước lời giảng có rất nhiều tác dụng khiến nó chú ý.

Nếu không hề có chì[133]cũng không có một kim loại nào trong vang, thì chất kiềm sẽ kết hợp êm ả[134] với axít, tất cả sẽ vẫn hòa tan, và không có hiện tượng lắng nào hết.

Sau đó tôi lần lượt rót chất nước kiềm của mình vào hai cốc: cốc rượu vang của nhà vẫn cứ mờ mờ trong trẻo; cốc kia sau một lát thì vẩn đục, và sau một giờ người ta nhìn thấy rõ chất chì lắng ở đáy cốc.

Tôi nói tiếp: Kia là rượu vang nguyên chất ta có thể uống được, còn đây là rượu giả mạo gây nhiễm độc. Điều này được phát hiện nhờ chính những tri thức mà em đã hỏi thầy về tính hữu ích: người nào hiểu rõ mực được làm ra như thế nào thì cũng biết được các rượu vang pha.

Tôi rất mãn nguyện về thí dụ của mình, và trong khi ấy tôi nhận thấy đứa trẻ không hề xúc động vì điều đó. Tôi phải mất đôi chút thời gian mới cảm nhận được rằng mình chỉ làm một chuyện ngu xuẩn: vì, chưa nói đến việc một đứa trẻ ở tuổi mười hai không thể nào hiểu được sự giải thích của tôi, thì tính hữu ích của thí nghiệm ấy cũng không đi vào trí óc nó, vì đã nếm hai thứ rượu, và thấy cả hai đều ngon, nó không liên kết một ý niệm nào với cái từ giả mạo mà tôi cho rằng mình đã giảng rất kỹ cho nó. Những từ khác *có hại, chất độc*, thậm chí chẳng có một nghĩa nào với nó; về chuyện này nó ở vào trường hợp nhà viết sử của ông thầy thuốc Philippe: đó là trường hợp của mọi đứa trẻ.

Các quan hệ của những kết quả và những nguyên nhân mà chúng ta không nhận thấy mối liên lạc, những điều hay và những cái hại mà chúng ta không hề có một ý niệm nào, những nhu cầu mà chúng ta chưa bao giờ cảm thấy, là vô giá trị đối với chúng ta; không thể nào nhờ những điều ấy mà khiến ta quan tâm làm bất cứ một điều gì liên quan đến chúng. Ở tuổi mười lăm người ta nhìn hạnh phúc của một hiền nhân, như ở tuổi ba mươi ngươi ta nhìn niềm cực lạc của thiên đường. Nếu không hiểu rõ hạnh phúc và niềm cực lạc,

---

[133] Rượu vang bán lẻ ở các hàng rượu Paris, dù không phải tất cả đều pha diêm toan, song ít khi không có chì, bởi lẽ các quầy trong những cửa hàng này đều lót thứ kim loại ấy, và rượu vang tràn ra từ cốc đong, khi trôi qua và đọng lại trên chất chì này, bao giờ cũng hòa tan một phần chì nào đó. Thật kỳ lạ là một thói xấu thật hiển nhiên và thật nguy hiểm như vậy lại được cảnh sát dung thứ. Nhưng cũng đúng là những người khá giả, do không mấy khi uống loại vang như thế, ít có khả năng bị chúng gây nhiễm độc.

[134] Axít thảo mộc rất dịu. Nếu là axít khoáng, và kém loãng, sự kết hợp sẽ không khỏi gây sủi bọt.

người ta sẽ làm ít ỏi để đạt được những điều đó; và ngay cả khi hiểu rõ, người ta vẫn sẽ làm ít ỏi nếu người ta không mong muốn những điều đó, nếu người ta không cảm thấy những điều đó thích hợp với mình. Chứng minh cho một đứa trẻ phải tin rằng những gì người ta muốn dạy nó là hữu ích thì dễ: nhưng chứng minh cho nó phải tin cũng chẳng có nghĩa gì, nếu không biết thuyết phục nó. Lý tính bình thản khiến ta tán thành hay chê trách cũng vô hiệu; chỉ có say mê mới khiến ta hành động; và làm thế nào say mê vì những lợi ích mà ta chưa hề có?

Đừng bao giờ chỉ ra cho đứa trẻ cái gì mà nó không thể nhìn thấy. Trong khi nhân loại hầu như xa lạ với nó, thì do không thể nâng nó lên địa vị người lớn, xin hãy vì nó mà hạ người lớn xuống địa vị trẻ em. Trong khi nghĩ đến những gì có thể hữu ích cho nó ở một tuổi khác, xin hãy chỉ nói với nó về những gì mà nó nhìn thấy tính hữu ích ngay từ bây giờ. Và chăng, ngay khi nó bắt đầu suy luận, thì không bao giờ so sánh với các trẻ khác, không hề có địch thủ, không hề có kẻ cạnh tranh, ngay cả trong việc chạy; tôi thích gấp trăm lần nếu nó không học những gì có lẽ nó chỉ học vì ghen tức hay vì khoe khoang. Có điều năm nào tôi cũng sẽ ghi dấu cẩn thận những tiến bộ nó đạt được; tôi sẽ so sánh những điều này với các tiến bộ nó đạt được năm sau; tôi sẽ bảo nó: Em đã cao lên chừng này phân; đây là cái hố trước đây em đã nhảy qua, vật nặng em đã vác; đây là khoảng cách em đã ném một hòn sỏi, đường đua mà em đã chạy hết một mạch, v.v...; nào xem bây giờ em sẽ làm những gì. Như vậy tôi kích thích nó mà không khiến nó ghen tị với ai hết. Nó muốn tự vượt mình, nó phải làm điều ấy; tôi không thấy một bất lợi nào trong việc nó thi đua với chính nó.

Tôi ghét sách vở; chúng chỉ dạy người ta nói về những gì mà người ta không biết. Người ta bảo rằng Hermès[135] khắc các nguyên lý khoa học lên những cây cột, để tránh cho các phát kiến của mình khỏi nạn hồng thủy. Giá như Hermès ghi sâu những điều đó vào đầu óc những con người, chúng sẽ được bảo tồn ở đó nhờ truyền thống. Những bộ óc được chuẩn bị chu đáo là những đền đài tại đó các tri thức của nhân loại được khắc ghi chắc chắn nhất. Không có cách nào hòa hợp bao nhiêu bài học rải rác trong bao nhiêu sách vở, tụ họp các bài ấy dưới một đề mục chung có thể nhìn thấy dễ dàng, theo dõi thú vị, và có thể dùng để kích thích, ngay cả ở lứa tuổi này sao? Nếu có thể

---

[135] * Vị thần hiện thân cho sự tinh khôn và khéo léo trong thần thoại Hy Lạp, thần của Thương mại, của Hùng biện, sáng tạo ra những đơn vị đo lường, những nhạc cụ đầu tiên v.v...

sáng tạo ra một tình thế ở đó tất cả các nhu cầu tự nhiên của con người được phô bày một cách rõ rệt với một đứa trẻ, và ở đó các phương kế để cung ứng cho chính các nhu cầu ấy lần lượt phát triển cũng với sự dễ dàng như vậy, thì chính qua bức tranh sống động và mộc mạc của trạng thái này mà ta cần cho trí tưởng tượng của trẻ tập dượt bài đầu tiên.

Hỡi triết gia nhiệt thành, tôi đã thấy trí tưởng tượng của ông bốc lửa rồi. Xin đừng mất công; tình thế trên đã được tìm ra, nó đã được miêu tả, và, chẳng làm tổn hại đến ông, song nó được miêu tả hay hơn chính ông miêu tả rất nhiều, ít ra thì cũng chân thực hơn và giản dị hơn. Bởi chúng ta nhất thiết cần có sách, thì có một cuốn, theo tôi, cung cấp khảo luận hay nhất về sự giáo dục theo tự nhiên. Cuốn đó sẽ là cuốn sách đầu tiên mà Émile của tôi đọc; trong một thời gian dài một mình nó sẽ là toàn bộ tủ sách của Émile và nó sẽ mãi mãi giữ một vị trí đặc biệt trong tủ sách. Nó sẽ là văn bản mà tất cả các cuộc đàm thoại của chúng tôi về các môn khoa học tự nhiên chỉ dùng để bình luận. Nó sẽ dùng để thử thách trình độ phán đoán của chúng tôi trong những bước tiến triển; và, chừng nào thị hiếu của chúng tôi chưa bị hư hỏng, thì việc đọc nó vẫn sẽ luôn khiến chúng tôi thích thú. Cuốn sách kỳ diệu ấy là cuốn nào vậy? Aristote[136] chăng? Pline[137] chăng? Buffon[138] chăng? Không; đó là *Robinson Crusoé*[139].

Robinson trên hòn đảo của mình, đơn độc, không có sự giúp đỡ của đồng loại và không có dụng cụ của mọi nghề mọi kỹ năng, thế mà vẫn cung ứng được cho sinh hoạt của mình, cho việc tự bảo tồn, và còn tạo ra cho mình một thứ an lạc nữa, đó là một đề tài thú vị cho mọi lứa tuổi, và người ta có hàng ngàn cách để làm cho đề tài ấy được trẻ em thích thú. Chúng tôi hình dung hoang đảo mà thoạt tiên tôi dùng để so sánh như thế đó. Tôi thừa nhận rằng tình trạng ấy không phải là tình trạng của con người xã hội; hẳn đó cũng không phải là tình trạng của Émile: nhưng chính căn cứ vào tình trạng này mà nó phải đánh giá tất cả các tình trạng khác. Phương sách hữu hiệu nhất để nâng mình lên trên các thành kiến và để sắp xếp các phán đoán của mình về những quan hệ thực sự của các sự vật, là đặt mình vào địa vị một con người cô

---

136 * Triết gia Hy Lạp (384 trước CN - 322 trước CN).

137 * Nhà vạn vật học La Mã (23-79).

138 * Xem chú thích 11.

139 * Tiểu thuyết của nhà văn Anh Daniel de Foe, xuất bản ở Anh năm 1719, và được dịch ngay sang tiếng Pháp.

độc, và phán đoán mọi sự như chính con người ấy ắt phải phán đoán, xét theo lợi ích của bản thân người ấy.

Cuốn tiểu thuyết, gạt bỏ mọi sự lộn xộn của nó, khởi đầu lúc Robinson bị đắm tàu gần hòn đảo của chàng, và kết thúc khi con tàu đến đưa chàng ra khỏi đảo, sẽ vừa là trò vui vừa là sự học tập của Émile trong suốt thời kỳ được bàn đến ở đây. Tôi muốn nó say mê những điều đó, muốn nó không ngừng chăm lo đến lâu đài của nó, những con dê của nó, những nơi trồng trọt của nó; muốn nó học hỏi chi tiết tất cả những gì cần phải biết trong trường hợp tương tự, không phải học trong sách vở, mà qua các sự vật; muốn nó nghĩ mình chính là Robinson; muốn nó thấy mình mặc da thú, đội một chiếc mũ to, mang một thanh gươm lớn, toàn bộ trang phục kỳ dị của nhân vật, trừ cây lọng mà nó sẽ không cần đến, Tôi muốn nó lo lắng về các biện pháp cần áp dụng, nếu đột nhiên nó bị thiếu thứ này hay thứ khác, muốn nó quan sát cách xử sự của vị anh hùng của nó, muốn nó tìm xem liệu người đó có bỏ sót điều gì không, liệu có phải làm điều gì hay hơn không; muốn nó chăm chú ghi dấu những lỗi lầm của nhân vật anh hùng, và lợi dụng điều này để bản thân không rơi vào những lỗi lầm ấy trong trường hợp tương tự; vì xin các vị đừng hồ nghi việc nó dự định đi thực hiện một sự lập nghiệp giống như vậy; đó thực sự là mộng tưởng của cái tuổi hạnh phúc ấy, cái tuổi mà người ta không biết hạnh phúc nào khác ngoài đồ nhu yếu và tự do.

Niềm say mê này là cả một phương sách đối với một người khôn khéo, biết làm say mê này sinh chỉ để sử dụng nó thật ích lợi! Đứa trẻ, vội vã thu thập một kho dự trữ cho hòn đảo của nó, sẽ nhiệt thành học hỏi hơn là ông thầy nhiệt thành giảng dạy. Nó sẽ muốn biết tất cả những gì hữu ích, và chỉ muốn biết những điều đó mà thôi; các vị sẽ không cần hướng dẫn nó nữa, các vị chỉ phải kìm giữ nó mà thôi. Vả chăng, ta hãy gấp rút gây dựng cho nó tại hòn đảo ấy, trong khi nó còn giới hạn hạnh phúc tối đại của nó ở đây; vì đang gần đến cái ngày mà, nếu nó còn muốn sống ở đấy, thì nó sẽ không muốn sống một mình nữa, và lúc ấy thì *Thứ Sáu*[140], giờ đây chẳng khiến nó động tâm mấy, sẽ không thỏa mãn nó lâu dài.

Sự ứng dụng các kỹ năng tự nhiên, mà riêng một người cũng có thể làm được, dẫn đến việc tìm tòi các kỹ năng công nghệ, cần sự hợp lực của nhiều

---

[140] * Người hoang dã được Robinson cứu thoát khỏi một bầy người hoang dã khác, đi theo Robinson và giúp đỡ chàng trên hoang đảo. Robinson đặt tên cho anh ta như trên vì gặp anh ta vào ngày thứ Sáu.

nhân công. Các kỹ năng tự nhiên có thể do những người cô độc, những người hoang dã thực hiện; nhưng các kỹ năng công nghệ chỉ có thể phát sinh trong quần thể, và khiến cho quần thể thành cần thiết. Chừng nào người ta chỉ biết có nhu cầu vật chất, thì mỗi người tự cung ứng đủ cho bản thân; việc du nhập cái thừa thãi vô dụng khiến sự chia cắt và phân phối lao động thành thiết yếu; vì, tuy một người lao động đơn độc chỉ kiếm đủ sống cho một người, song một trăm người hợp lực lao động sẽ kiếm đủ sống cho hai trăm người. Vậy ngay khi một bộ phận trong những con người nghỉ ngơi, thì sự tụ hội nhân lực của những người lao động phải bù cho sự nhàn rỗi của những người không làm gì cả.

Nỗi lo toan lớn nhất của các vị là phải gạt khỏi trí óc học trò mình tất cả những khái niệm về các quan hệ xã hội không vừa với tầm hiểu biết của nó; nhưng khi mối liên lạc giữa các tri thức buộc các vị phải chỉ ra cho nó sự phụ thuộc lẫn nhau của các con người, thì, thay vì chỉ ra cho nó điều ấy về phương diện tinh thần, các vị hãy hướng trước hết toàn bộ sự chú ý của nó đến công nghệ và các kỹ năng cơ giới, khiến cho người nọ thành hữu ích với người kia. Trong khi dẫn nó đi từ xưởng này sang xưởng khác, đừng bao giờ để nó nhìn thấy một công việc nào mà tự nó không bắt tay vào làm, cũng đừng để nó ra khỏi nơi ấy mà không biết được trọn vẹn lý do của tất cả những gì đang thực hiện ở đó, hoặc ít ra là của tất cả những gì mà nó đã quan sát. Muốn thế, xin bản thân các vị hãy lao động, hãy làm gương cho nó ở khắp nơi; để khiến nó thành thợ cả, xin hãy làm người học việc ở khắp nơi, và hãy tin rằng một giờ lao động sẽ dạy nó được nhiều điều hơn là những gì nó nhớ được từ một ngày giảng giải.

Có một sự quý trọng của công chúng đối với những kỹ năng khác nhau, theo tỷ lệ ngược với tính hữu ích thực sự của chúng. Sự quý trọng này được đánh giá trực tiếp bằng chính tính vô dụng của chúng, và điều này ắt phải như vậy. Các kỹ năng hữu ích nhất là những kỹ năng kiếm được ít lợi nhất, vì con số thợ thuyền tương xứng với nhu cầu của mọi người, và lao động cần thiết cho hết thảy mọi người tất nhiên phải giữ ở một giá mà người nghèo có thể trả được. Ngược lại, những kẻ quan trọng mà người ta không gọi là thợ thủ công, mà là nghệ sĩ, chỉ làm việc duy nhất cho những người ăn không ngồi rồi và những người giàu có, đặt một giá võ đoán cho các thứ đồ chơi của họ; và, bởi giá trị của những công việc vô bổ ấy chỉ ở dư luận mà thôi, nên bản thân giá tiền của chúng cũng tham gia giá trị này, và người ta đánh giá chúng tương xứng với số tiền tốn kém cho chúng. Sự trọng thị của người giàu đối với chúng

không phải do chúng hữu dụng, mà do người nghèo không thể chi trả chúng. *Nolo habere bona nisi quibus populus invideri*[141].

Học trò của các vị sẽ thành như thế nào, nếu các vị để chúng đi theo thành kiến ngu xuẩn ấy, nếu bản thân các vị ủng hộ nó, nếu học trò nhìn thấy các vị bước vào cửa hiệu của một nhà kim hoàn chẳng hạn với thái độ nể trọng hơn vào cửa hiệu của một người thợ khóa? Chúng sẽ phán đoán thế nào về công trạng thực sự của các kỹ năng và giá trị đích thực của các sự vật, khi chúng sẽ nhìn thấy khắp nơi giá tiền theo ý ngông mâu thuẫn với giá tiền do tính hữu ích thực tế, và vật càng đắt tiền lại càng ít đáng giá? Vào khoảnh khắc đầu tiên các vị để cho những ý tưởng này đi vào đầu óc chúng, xin hãy bỏ đi tất cả phần còn lại của việc giáo dục chúng; bất kể ý muốn của các vị chúng sẽ được giáo dưỡng như tất cả mọi người; các vị đã mất không mười bốn năm chăm sóc.

Émile đang nghĩ ngợi về việc tìm đồ đạc cho hòn đảo của mình sẽ có những cách nhìn khác. Robinson chắc sẽ trọng thị cửa hiệu của một người làm dao kéo hơn mọi vật tầm phào của Saide[142]. Chắc Robinson sẽ coi người thứ nhất là một người rất đáng kính, còn người kia là một gã lường gạt tầm thường.

> *"Con trai tôi được tạo ra để sống trong xã hội; nó sẽ không sống với các bậc hiền nhân, mà với những kẻ điên; vậy nó cần phải biết những sự điên rồ của họ, bởi lẽ họ muốn được dẫn dắt bằng những sự điên rồ ấy. Hiểu biết thực sự các sự vật có thể là tốt, nhưng hiểu biết các con người và các phán đoán của họ còn đáng giá hơn; vì, trong xã hội loài người, phương tiện quan trọng nhất của con người là con người, và người khôn ngoan nhất là người sử dụng giỏi nhất phương tiện ấy. Có ích lợi gì việc đem lại cho trẻ ý niệm về một trật tự tưởng tượng ngược hẳn lại với trật tự mà chúng sẽ thấy là đã được thiết lập, và chúng phải căn cứ vào trật tự ấy mà tự điều chỉnh? Trước hết xin hãy dạy chúng những bài học để mà khôn ngoan, rồi sau đó sẽ dạy chúng những bài học để xét đoán xem những kẻ khác điên rồ ở chỗ nào."*

---

[141] * Dẫn lời của Pétrone (mất năm 65), đại quý tộc, nhà văn La Mã: *Tôi chỉ muốn có những của cải mà quần chúng thèm thuồng.*

[142] * Theo các nhà nghiên cứu, *Saide* có thể chỉ *Sidon*, một thành phố của Phénicie (miền đất xưa thuộc châu Á) mà Kinh Thánh có nhắc đến sự giàu có và các bảo vật, nếu như văn cảnh không chỉ rõ đấy là nói về một con người (song các nhà nghiên cứu không tìm ra được đó là ai).

Đó là những phương châm tốt đẹp bề ngoài mà sự cẩn trọng sai lầm của các ông bố dựa vào để luyện con cái mình thành nô lệ cho những thành kiến mà họ giáo dưỡng chúng, và bản thân chúng thành đồ chơi cho bọn người hèn hạ mà chúng tưởng dùng làm phương tiện cho các đam mê của chúng. Để đi tới chỗ hiểu biết được con người, cần phải hiểu biết bao nhiêu là sự vật trước đã! Con người là môn học cuối cùng của hiền nhân, thế mà các vị lại định làm thành môn học đầu tiên của một đứa trẻ! Trước khi dạy bảo nó về các cảm nghĩ của chúng ta, xin hãy bắt đầu bằng việc dạy nó đánh giá những cảm nghĩ ấy. Có phải là hiểu biết một sự điên rồ hay không, khi coi sự điên rồ ấy là lẽ phải! Để khôn ngoan thì phải phân biệt được cái gì không khôn ngoan. Làm thế nào con các vị hiểu biết được con người, nếu nó không biết phán đoán những phán đoán của họ cũng không biết khám phá những sai lầm của họ? Hiểu biết họ nghĩ gì là một sự tai hại, khi không biết những gì họ nghĩ là đúng hay sai. Vậy trước hết xin hãy dạy nó sự vật là gì ở bản thân sự vật, và sau đó các vị sẽ dạy chúng sự vật là gì ở trong mắt chúng ta; như vậy nó sẽ biết so sánh dư luận với sự thật, và tự nâng mình lên trên cái tầm thường; vì người ta không hề biết các thành kiến khi người ta đi theo chúng, và người ta không hề dẫn dắt dân chúng khi người ta giống dân chúng. Nhưng nếu các vị bắt đầu bằng việc dạy nó về ý kiến của công chúng trước khi dạy nó đánh giá ý kiến công chúng, thì xin hãy tin chắc rằng, dù các vị có thể làm gì chăng nữa, thì ý kiến ấy cũng sẽ thành ý kiến của nó, và các vị sẽ không thể phá hủy được ý kiến ấy nữa. Tôi kết luận rằng, để làm cho một thanh niên thành giỏi phán đoán, rất cần đào tạo phán đoán của cậu ta, thay vì truyền bảo cho cậu các phán đoán của chúng ta.

Các vị thấy rằng cho đến lúc này tôi chưa hề nói với học trò mình về con người, có lẽ nó có quá nhiều lương tri thành thử sẽ chẳng hiểu tôi; các quan hệ của nó với đồng loại còn chưa đủ rõ rệt đối với nó để nó có thể qua mình mà xét đoán những người khác. Về con người thì nó mới biết có một mình nó mà thôi, và thậm chí còn lâu nó mới tự biết mình; nhưng nếu nó ít xét đoán về bản thân, thì ít ra nó chỉ có những xét đoán đúng. Nó không biết vị trí của những người khác thế nào, nhưng nó cảm nhận được vị trí của mình và nó ở vững đó. Thay vì các luật lệ xã hội mà nó không thể biết được, chúng ta đã câu thúc nó bằng những ràng buộc của tính tất yếu. Nó hầu như vẫn chỉ là một sinh thể vật chất, ta hãy tiếp tục đối xử với nó như thế.

Nó phải đánh giá tất cả các vật thể của tự nhiên và tất cả các công trình của con người qua mối quan hệ rõ rệt của chúng với lợi ích của nó, tình trạng an toàn của nó, việc bảo tồn nó, sự an lạc của nó. Như vậy trước mắt nó, sắt

phải có giá trị lớn hơn vàng rất nhiều, và pha lê giá trị lớn hơn kim cương; cũng như vậy, nó tôn trọng một người thợ giày, một người thợ nề hơn rất nhiều so với một Lempereur, một Leblanc[143] và tất cả những người bán đồ châu báu ở châu Âu; đặc biệt trong mắt nó một người làm bánh ngọt là một người rất quan trọng, và nó sẽ đổi cả Viện Hàn lâm khoa học lấy cửa hàng mứt kẹo nhỏ bé nhất ở phố Lombards. Các nhà kim hoàn, thợ khắc, thợ thếp vàng, thợ thêu, theo ý nó chỉ là những kẻ lười nhác chơi nghịch những trò hoàn toàn vô bổ; nó cũng không thật trọng thị ngay cả nghề làm đồng hồ. Thằng bé hạnh phúc vui hưởng thời gian mà không làm nô lệ cho thời gian: nó lợi dụng thời gian và không biết giá của thời gian. Trạng thái an tĩnh của các đam mê, khiến sự nối tiếp thời gian đối với nó bao giờ cũng bình ổn, là phương tiện để nó đo lường thời gian khi cần[144]. Khi tôi giả định Émile có một chiếc đồng hồ, cũng như khi làm nó khóc, là tôi cho mình một Émile tầm thường, để mình hữu ích và để mọi người hiểu tôi; vì, về phần Émile đích thực, thì một đứa trẻ khác biệt những trẻ khác đến thế có lẽ sẽ không làm thí dụ cho điều gì cả.

Có một thứ tự không kém tự nhiên và còn chí lý hơn, qua đó người ta xem xét các kỹ năng tùy theo những quan hệ về tính tất yếu ràng buộc chúng, đặt lên hàng đầu những kỹ năng độc lập nhất, và ở hàng cuối những kỹ năng phụ thuộc vào nhiều kỹ năng khác nhất. Thứ tự này, cung cấp những lý do quan trọng về thứ tự của xã hội nói chung, cũng giống như thứ tự trước, và cũng bị đảo ngược như thế trong sự quý trọng của mọi người; thành thử việc sử dụng các nguyên liệu được thực hiện trong những nghề không vinh dự, hầu như không lợi lộc, và nguyên liệu càng chuyển qua nhiều bàn tay, thì nhân công càng tăng giá và trở nên vinh dự. Tôi không khảo sát xem có đúng là công nghệ quan trọng hơn và đáng được thưởng hơn trong các kỹ năng tỉ mỉ đem lại hình dạng cuối cùng cho các nguyên liệu, so với lao động đầu tiên cải biến nguyên liệu cho sự sử dụng của con người hay không: nhưng tôi bảo rằng ở

---

143 * Jean-Daniel Lempereur là một nhà kim hoàn và bán đồ châu báu chuyên phục vụ các gia đình đại quý tộc của nước Pháp, khoảng từ 1734 đến 1775. Sébastien-Louis Leblanc cũng là một nhà kim hoàn như trên, hoạt động vào khoảng năm 1760.

144 Thời gian mất đi kích thước của nó đối với chúng ta, khi các đam mê của chúng ta muốn điều chỉnh sự vận hành của thời gian theo ý chúng. Đồng hồ của hiền nhân là trạng thái bình ổn của tính tình và sự an tĩnh của tâm hồn: người đó luôn đúng với giờ của mình, và luôn biết giờ đó.

mỗi sự vật, kỹ năng nào mà việc sử dụng là thông thường nhất và thiết yếu nhất thì rõ ràng là kỹ năng đáng được quý trọng nhất, và kỹ năng nào cần đến ít các kỹ năng khác, lại càng đáng được quý trọng vượt lên các kỹ năng phụ thuộc hơn, vì nó tự do hơn và gần với sự độc lập hơn. Đó là những quy tắc đích thực để đánh giá các kỹ năng và công nghệ; tất cả những gì còn lại đều là võ đoán và tùy thuộc vào dư luận.

Nghề quan trọng và đáng kính nhất trong tất cả các nghề là nghề nông: tôi sẽ đặt nghề rèn vào hàng thứ hai, nghề mộc vào hàng thứ ba, và kế tiếp như vậy. Đứa trẻ nào không bị các thành kiến tầm thường cám dỗ sẽ phán đoán đúng như thế. Biết bao nhiêu suy nghĩ quan trọng mà Émile của chúng ta sẽ rút ra về vấn đề này, từ chàng Robinson của nó! Nó sẽ nghĩ gì khi thấy các kỹ năng chỉ tự hoàn thiện bằng cách chia nhỏ ra, bằng cách gia tăng vô hạn các khí cụ của kỹ năng này kỹ năng nọ? Nó sẽ tự nhủ: Tất cả những người đó tài giỏi một cách ngu dại: cứ như thể họ sợ cánh tay và ngón tay của họ dùng được vào việc gì, nên mới sáng chế ra bao nhiêu là khí cụ để khỏi cần đến chúng. Để thực hành một kỹ năng, họ phải lệ thuộc hàng ngàn kỹ năng khác; cần một thành phố cho mỗi người thợ. Về phần bạn tôi và tôi, thì chúng tôi đặt tài năng của mình vào sự khéo léo; chúng tôi làm cho mình những dụng cụ có thể mang theo mình khắp mọi nơi. Tất cả những người hết sức tự hào vì tài cán của họ ở Paris sẽ chẳng biết gì ở hòn đảo của chúng tôi, và đến lượt họ sẽ là những người học việc của chúng tôi.

Hỡi độc giả, xin đừng chỉ nhìn thấy ở đây việc luyện tập thân thể và sự khéo léo nơi bàn tay của học trò chúng ta; mà hãy xem xét phương hướng chúng ta đem lại cho những niềm hiếu kỳ trẻ thơ của nó; hãy xem xét lương tri, đầu óc sáng tạo, sự lo xa tính trước; hãy xem xét chúng ta sẽ đào tạo cho nó một đầu óc như thế nào. Trong tất cả những gì nó sẽ nhìn thấy, trong tất cả những gì nó sẽ làm, nó sẽ muốn hiểu hết, nó sẽ muốn biết lý do của mọi điều; từ khí cụ này sang khí cụ khác, nó sẽ luôn muốn ngược trở lại khí cụ đầu tiên; nó sẽ không chấp nhận một điều gì qua giả định; nó sẽ không chịu học điều gì đòi hỏi phải có trước một tri thức mà nó không có: nếu nó nhìn thấy người ta làm một cái lò xo, nó sẽ muốn biết thép được lấy ra từ mỏ như thế nào; nếu nó nhìn thấy người ta ghép các bộ phận của một chiếc rương, nó sẽ muốn biết cái cây được đốn như thế nào; nếu bản thân nó lao động, thì khi dùng mỗi dụng cụ, nó không quên tự nhủ: Nếu mình không có dụng cụ này, mình sẽ làm thế nào để tạo ra một dụng cụ tương tự hay để không cần đến nó?

Và chăng, một sai lầm khó tránh trong những công việc mà ông thầy say mê là luôn coi đứa trẻ có cùng sở thích ấy: các vị hãy coi chừng, khi cái vui của việc làm lôi cuốn mình, trong lúc đó đứa trẻ buồn chán mà không dám tỏ bày với các vị. Đứa trẻ phải toàn tâm toàn ý với sự vật; còn các vị lại phải toàn tâm toàn ý với đứa trẻ, quan sát nó, rình nó không ngơi nghỉ và không lộ ra, đoán trước mọi cảm nghĩ của nó, và phòng ngừa những cảm nghĩ mà nó không nên có, cuối cùng khiến nó bận rộn sao cho nó chẳng những cảm thấy mình hữu ích mà còn thích thú do hiểu rõ điều mình làm dùng được vào việc gì.

Hội đoàn các nghề gồm những sự trao đổi công nghệ, hội đoàn thương nghiệp là trao đổi các sự vật, hội đoàn các ngân hàng là trao đổi ký hiệu và tiền bạc: tất cả những ý niệm này có quan hệ với nhau, và các khái niệm sơ đẳng đều đã nắm được; chúng ta đã đặt nền tảng cho tất cả những điều đó từ tuổi ấu niên, nhờ bác làm vườn Robert. Giờ đây ta chỉ còn phải khái quát hóa cũng những ý niệm ấy, và mở rộng chúng ra nhiều thí dụ hơn, để làm cho trẻ hiểu sự vận động của thương mại trong bản thân nó, và được cụ thể hóa bằng những chi tiết về vạn vật học liên quan đến các sản phẩm đặc biệt của từng xứ sở, bằng các chi tiết về nghệ thuật và khoa học liên quan đến hàng hải, cuối cùng, bằng trở ngại lớn nhất hay nhỏ nhất của việc vận chuyển, tùy theo sự xa cách của các địa điểm, tùy theo tình thế của các miền đất, các biển, các sông ngòi, v.v...

Không một xã hội nào có thể tồn tại mà không có trao đổi, không sự trao đổi nào có thể tồn tại mà không có đơn vị đo lường chung, và không đơn vị đo lường chung nào có thể tồn tại mà không có sự bình đẳng. Như vậy, xã hội nào cũng có định luật đầu tiên là một sự bình đẳng nào đó theo quy ước, hoặc ở các con người, hoặc ở các sự vật.

Sự bình đẳng theo quy ước giữa các con người, rất khác biệt sự bình đẳng tự nhiên, khiến cho nhân định pháp, tức là chính thể và các luật, trở nên cần thiết. Các kiến thức về chính trị của một đứa trẻ phải rõ ràng và hạn hẹp; về chính thể nói chung nó chỉ nên biết những gì liên quan đến quyền sở hữu, mà nó đã có được vài ý niệm rồi.

Sự bình đẳng quy ước giữa các sự vật đã khiến tiền tệ được tạo ra; vì tiền tệ chỉ là một vế so sánh về giá trị của các sự vật thuộc các loại khác nhau; và theo nghĩa này thì tiền tệ là mối liên hệ thực sự của xã hội; nhưng mọi thứ đều có thể là tiền tệ; xưa kia gia súc là tiền tệ, ngày nay vỏ sò ốc vẫn còn là tiền tệ ở

nhiều dân tộc; sắt từng là tiền tệ ở Sparte, da từng là tiền tệ ở Thụy Điển, vàng và bạc là tiền tệ đối với chúng ta.

Kim loại, vì dễ vận chuyển hơn, thường được chọn làm trung hạng cho mọi sự trao đổi; và người ta đã cải hoán những kim loại này thành tiền tệ, để tránh phải cân hay đo mỗi khi trao đổi: bởi dấu hiệu của tiền chỉ là một sự xác nhận rằng đồng tiền được đánh dấu như thế thì cân nặng chừng ấy; và chỉ riêng quốc vương có quyền đúc tiền, vì chỉ riêng ông có quyền đòi hỏi sự làm chứng của mình có uy lực với cả một dân tộc.

Việc sử dụng phát minh này, được giải thích như vậy, khiến kẻ ngu ngốc nhất cũng cảm nhận được. Rất khó so sánh trực tiếp các sự vật có bản chất khác nhau, chẳng hạn như dạ với lúa mì; nhưng khi người ta đã tìm ra một đơn vị đo lường chung, là tiền tệ, thì nhà chế tạo và nhà nông dễ dàng quy giá trị của những vật họ muốn trao đổi ra đơn vị đo lường chung đó. Nếu số lượng dạ chừng này đáng giá số tiền chừng này và số lượng lúa mì chừng này cũng đáng giá cùng số tiền ấy, thì người bán hàng, khi nhận chỗ lúa mì đó cho chỗ dạ của mình, đã thực hiện một sự trao đổi công bằng. Như vậy, chính nhờ tiền tệ mà các tài sản thuộc các loại khác nhau trở nên cùng đơn vị và có thể so sánh được với nhau.

Xin đừng tiến xa hơn điều ấy, và đừng đi vào giải thích các hậu quả tinh thần của chế định này. Ở mọi điều, cần trình bày kỹ các sự sử dụng trước khi chỉ ra các sự lạm dụng. Nếu các vị định giải thích cho trẻ làm thế nào mà các ký hiệu khiến người ta bỏ qua sự vật, làm thế nào mà từ tiền tệ lại sinh ra mọi điều hão huyền của dư luận, làm thế nào mà các nước giàu tiền bạc ắt phải nghèo mọi thứ, thì các vị đối xử với những đứa trẻ này chẳng những như những trí giả, mà còn như những hiền nhân, và các vị định làm cho chúng hiểu những gì mà thậm chí ít trí giả từng quan niệm được rõ.

Như vậy ta có thể hướng niềm hiếu kỳ của học trò sang biết bao nhiêu đề tài thú vị, mà không bao giờ xa rời các quan hệ thực tế và vật chất vừa tầm hiểu biết của nó, cũng không để nổi lên trong trí óc nó một ý tưởng nào mà nó không thể hiểu được! Nghệ thuật của ông thầy là không bao giờ để cho các nhận xét của học trò sa vào những điều vụn vặt chẳng liên quan đến cái gì hết, và là không ngừng đưa nó gần lại các quan hệ lớn lao mà một ngày nào đó nó phải biết để phán đoán được đúng về trật tự tốt và trật tự dở của xã hội dân sự. Cần phải biết phối hợp những cuộc trò chuyện làm nó vui với chiều hướng suy

nghĩ mà ta đã đem lại cho nó. Có vấn đề thậm chí không thể chạm lướt đến sự chú ý của một đứa trẻ khác, lại khiến Émile băn khoăn dằn vặt sáu tháng trời.

Chúng tôi đến dự bữa tối tại một gia đình giàu có; chúng tôi thấy những sự sửa soạn cho một đại tiệc, rất nhiều khách mời, rất nhiều người hầu, rất nhiều món, một sự phục vụ thanh nhã và tinh tế. Toàn bộ thiết bị tráng lệ cho yến hội và hoan lạc này có cái gì đó gây say sưa, kích thích đầu óc, khi người ta không quen. Tôi dự cảm được tác động của tất cả những điều đó đến cậu học trò non trẻ của mình. Trong khi bữa tiệc kéo dài, trong khi các món nối tiếp nhau, trong khi quanh bàn ăn hàng ngàn lời trò chuyện ồn ào, tôi ghé bên tai nó, và bảo nó: Em ước lượng xem tất cả những gì em nhìn thấy trên bàn này đã đi qua bao nhiêu bàn tay trước khi đến được đó? Với số từ ngữ ít ỏi ấy tôi làm thức dậy trong óc nó biết bao nhiêu là ý tưởng! Lập tức mọi chếnh choáng của cơn mê sảng xẹp đi. Nó mơ màng, nó suy nghĩ, nó tính toán, nó băn khoăn. Trong khi các trí giả, vui vì rượu, có thể vì các nữ thực khách ngồi bên, lải nhải những điều lẩm cẩm và làm trò trẻ, thì kìa, nó đang suy tư đơn độc trong xó của mình; nó chất vấn tôi; tôi từ chối trả lời, tôi hẹn nó lúc khác; nó sốt ruột, nó quên ăn quên uống, nó nóng lòng muốn ra khỏi bàn ăn để thỏa thích trò chuyện cùng tôi. Thật là một đề tài cho sự hiếu kỳ của nó! Thật là một bài học để giáo dục nó! Với một óc phán đoán lành mạnh mà chưa điều gì đã có thể làm hư hỏng, nó sẽ nghĩ thế nào về sự xa hoa, khi nó thấy ra rằng tất cả mọi miền trên thế gian đã phải chịu phần gánh vác, rằng hai chục triệu bàn tay có lẽ đã lao động trong thời gian dài, rằng hàng ngàn người có thể đã mất mạng, và tất cả để long trọng bày ra cho nó vào giữa trưa những gì mà buổi tối nó sẽ đem cất vào tủ áo?

Các vị hãy cẩn thận rình những kết luận âm thầm trong lòng nó, được nó rút ra từ tất cả những nhận xét trên. Nếu các vị đã trông nom gìn giữ nó không kỹ như tôi giả định, thì có thể nó định chuyển các suy nghĩ của nó theo một chiều hướng khác, và tự coi mình như một nhân vật quan trọng đối với thiên hạ, vì thấy bao nhiêu là sự lo toan hợp lực lại để chuẩn bị bữa tiệc tối cho mình. Nếu các vị dự cảm thấy lập luận này, các vị có thể dễ dàng cảnh báo nó trước khi nó suy luận như vậy, hoặc ít ra cũng xóa đi tức khắc ấn tượng của lập luận. Mới chỉ biết chiếm hữu sự vật qua một thụ hưởng vật chất, nên nó chỉ có thể phán đoán về tính thích đáng hay không thích đáng đối với mình qua những tương quan rõ rệt mà thôi. Việc so sánh một bữa tối đơn giản và quê mùa mộc mạc, mà gia vị là cái đói, là sự tự do, là niềm vui, với bữa tiệc thật huy hoàng và thật câu nệ, sẽ đủ để nó cảm thấy tất cả sự tráng lệ của bữa tiệc

chẳng đem lại cho nó một lợi ích thực sự nào, và khi ra khỏi bàn ăn của người dân quê mà dạ dày nó cũng thỏa mãn y như khi ra khỏi bàn ăn của nhà tài chính, thì chẳng có cái gì của người này mà nó có thể thực sự gọi là của mình hơn là của người kia.

Ta hãy tưởng tượng trong trường hợp như vậy một ông thầy có thể bảo nó: Em hãy nhớ lại cho rõ hai bữa ăn đó, và tự em hãy quyết định xem em đã ăn bữa nào với nhiều thích thú hơn; ở bữa nào em đã nhận xét thấy nhiều niềm vui hơn? Ở bữa nào mọi người đã ăn ngon miệng hơn, uống rượu vui vẻ hơn, cười đùa hết lòng hơn? Bữa nào đã kéo dài hơn mà không buồn chán, và không cần được đổi mới bằng những món khác? Trong khi đó em hãy xem sự khác biệt: bánh mì nâu mà em thấy rất ngon, được làm từ lúa mì do người nông dân ấy gặt hái; rượu vang của bác đen và thô, nhưng lành và giải khát, được làm từ nho mà bác trồng; khăn bàn khăn ăn được làm từ đay gai mà vợ bác, các con gái bác, cô đầy tớ nhà bác kéo sợi vào mùa đông; không có bàn tay nào khác ngoài những bàn tay của gia đình soạn sửa bữa ăn nhà bác; cối xay gần nhất và khu chợ lân cận là hạn giới của vũ trụ đối với bác. Vậy em đã thực sự thụ hưởng những gì từ tất cả những thứ mà miền đất xa xăm và bàn tay bao con người đã cung cấp thêm trên bàn tiệc kia? Nếu tất cả những cái đó không đem lại cho em một bữa ăn ngon hơn, thì em đã được gì từ sự phong phú ấy? Ở đó có cái gì được tạo ra cho em hay không? Giả sử em là chủ nhà, ông thầy có thể nói thêm, thì tất cả những thứ đó còn xa lạ với em hơn nữa: vì mối lo toan để phô trương trước mắt những người khác sự vui hưởng của mình tước đi nốt của em niềm vui hưởng ấy: phần em là lo buồn, còn phần những người khác là lạc thú.

Bài diễn văn ấy có thể rất hay; nhưng nó chẳng có giá trị gì với Émile, vì nó vượt quá tầm hiểu biết của em, và với Émile người ta không hề truyền phán các suy nghĩ của mình. Vậy các vị hãy nói với nó một cách giản dị hơn. Sau hai thử thách trên, một buổi sáng nào đó các vị bảo nó: Hôm nay ta dùng bữa tối ở đâu nhỉ? Quanh những đồ bạc chất ngất như núi phủ kín ba phần tư bàn ăn, quanh những vườn hoa giấy được người ta dọn ra trên những tấm gương lúc dùng thức tráng miệng, bên những phụ nữ mặc váy phồng đối xử với em như với con rối, muốn em đã nói điều mà em chẳng biết; hay ở ngôi làng cách đây hai dặm, tại nhà những người trung hậu tiếp đón chúng ta thật vui vẻ và cho chúng ta ăn món kem thật ngon? Sự lựa chọn của Émile không có gì phải hồ nghi; vì nó không bẻo lẻo không phù phiếm; nó không chịu được sự ngượng ngùng bứt rứt, và tất cả những món màu mè tinh tế của chúng ta không hề làm

nó thích: nhưng nó luôn luôn sẵn sàng đi lang thang ở vùng quê, và nó rất ưa quả ngon, rau ngon, kem ngon, và những người trung hậu[145]. Trong khi đi đường, suy nghĩ tự nó đến. Tôi thấy số người đông đảo làm lụng cho những bữa đại tiệc kia thật mất công vô ích, hoặc là họ chẳng mấy nghĩ đến những niềm vui thú của chúng tôi.

Các thí dụ của tôi, có lẽ thích hợp với một số vấn đề, sẽ là dở đối với ngàn vấn đề khác. Nếu người ta lấy tinh thần của những thí dụ ấy, thì người ta sẽ biết đa dạng hóa chúng khi cần; sự lựa chọn gắn với việc nghiên cứu tinh hoa riêng của mỗi người, và việc nghiên cứu này gắn với những cơ hội ta tạo ra cho chúng để chúng tự phô bày. Mọi người sẽ không tưởng tượng rằng, trong khoảng ba hay bốn năm mà chúng ta sử dụng ở đây, chúng ta lại có thể đem đến cho đứa trẻ có thiên tư xuất sắc nhất một ý niệm về tất cả các nghệ thuật và các khoa học tự nhiên, đủ để một ngày kia nó tự học lấy; nhưng bằng cách cho lướt qua trước nó tất cả những đối tượng mà nó cần biết, chúng ta đặt nó vào tình huống có thể phát triển thị hiếu của nó, tài năng của nó, có thể đi những bước đầu tiên về phía đối tượng mà tinh hoa của nó hướng nó tới, và chỉ ra cho chúng ta con đường cần mở ra trước nó để giúp sức cho bản tính thứ hai của nó.

Một cái lợi nữa của sự liên lạc tiếp nối những tri thức hạn hẹp nhưng đúng đắn, là chỉ ra cho đứa trẻ những tri thức ấy qua những sự kết hợp, những mối quan hệ của chúng, là đặt tất cả những tri thức ấy vào vị trí của chúng trong niềm quý trọng của nó, và phòng ngừa được ở nó những thiên kiến mà phần lớn mọi người có đối với những tài riêng mà họ vun trồng, chống lại những tài nghệ mà họ sao lãng. Người nào nhìn thấy rõ trật tự của tổng thể thì nhìn thấy vị trí mà mỗi bộ phận phải ở vào; người nào nhìn thấy rõ một bộ phận và hiểu

---

[145] Lòng mến mộ đối với thôn quê mà tôi giả định ở học trò mình là kết quả tự nhiên của cách giáo dục nó. Và chăng, vì không hề có cái vẻ tự phụ và cầu kỳ kiểu sức mà phụ nữ rất thích, nên nó được đón mừng ít hơn những đứa trẻ khác; do đó ở với phụ nữ nó ít vui thích, và ít bị hư hỏng khi giao du với họ, sự giao du mà nó còn chưa đủ tầm cảm nhận sức hấp dẫn.

Tôi đã giữ không dạy nó hôn tay họ, nói với họ những điều nhạt nhẽo vô vị, thậm chí không ưu ái bày tỏ với họ hơn là với nam giới sự trọng thị phải có đối với phụ nữ; tôi đã đặt ra cho mình một định luật là không đòi hỏi nó một điều gì mà lý do không vừa tầm hiểu biết của nó; mà với một đứa trẻ thì không hề có lý do xác đáng để đối xử với một giới này khác với giới kia.

biết cặn kẽ bộ phận ấy, có thể là một người thông thái: người kia là một người biết phán đoán; và các vị nhớ rằng điều chúng ta nhằm đạt tới là óc phán đoán hơn là kiến thức.

Dù sao đi nữa, phương pháp của tôi độc lập với các thí dụ của tôi; phương pháp này dựa trên việc ước lượng các năng lực của con người ở các độ tuổi khác nhau của người ấy, và trên sự lựa chọn những công việc phù hợp với các năng lực đó. Tôi cho rằng có lẽ người ta sẽ dễ dàng tìm ra một phương pháp khác, với phương pháp ấy người ta sẽ có vẻ làm được tốt hơn; nhưng nếu phương pháp ấy ít thích hợp hơn với phẩm hạng, với tuổi, với giới, thì tôi nghi ngờ nó cũng thành công như vậy.

Khi bắt đầu thời kỳ thứ hai này, chúng ta đã lợi dụng tình trạng dư thừa sức lực của ta đối với nhu cầu để đưa ta ra bên ngoài bản thân ta; chúng ta đã lao mình lên bầu trời; chúng ta đã ước lượng mặt đất; chúng ta đã thu thập các định luật của tự nhiên, nói tóm lại chúng ta đã đi khắp cả hòn đảo: giờ đây ta trở lại với mình; ta dần dà về gần nơi ta ở. Quá hạnh phúc, khi trở về, thấy nơi ấy còn chưa thuộc sở hữu của kẻ địch đang đe dọa ta và chuẩn bị chiếm lấy nó!

Ta còn những gì cần làm sau khi đã quan sát tất cả những gì bao quanh ta? cần cải hoán cho sự sử dụng của mình tất cả những gì mình có thể chiếm lĩnh, và lợi dụng lòng hiếu kỳ ở mình để có lợi cho niềm an lạc của mình. Cho đến lúc này chúng ta đã gom nhặt đủ loại phương tiện, mà chẳng biết mình sẽ cần đến những phương tiện nào. Các phương tiện của chúng ta có thể vô dụng với bản thân ta song có thể sẽ giúp được người khác; và có thể, đến lượt mình, chúng ta sẽ lại cần những phương tiện của họ. Như vậy tất cả chúng ta sẽ đều được lợi trong những sự trao đổi ấy: nhưng để thực hiện trao đổi, cần phải biết các nhu cầu của nhau, mỗi người cần biết người khác có những gì để mình sử dụng, và những gì mình có thể tặng lại họ. Ta hãy giả định mười con người, mỗi người có mười loại nhu cầu. Mỗi người, vì sự cần dùng của mình, phải chuyên chú vào mười loại công việc; nhưng, vì tinh hoa và tài năng khác biệt nhau, nên người này sẽ ít thành công ở một việc nào đó trong những công việc ấy, người kia ít thành công ở một việc khác. Tất cả, vì thích hợp riêng với những điều khác nhau, sẽ làm những điều giống nhau, và sẽ đều được phục vụ kém. Ta hãy tạo một hội đoàn từ mười người ấy, và mỗi người chuyên chú, cho riêng mình và cho chín người kia, vào loại công việc thích hợp với mình hơn cả; mỗi người sẽ lợi dụng được tài năng của những

người khác như thể riêng mình có tất cả những tài năng ấy; mỗi người sẽ hoàn thiện tài năng của mình do liên tục luyện tập; và kết quả sẽ là, cả mười người, được cung ứng hoàn hảo, lại còn dư thừa cho những người khác nữa. Đó là nguyên lý hiển nhiên của mọi thiết chế của chúng ta. Việc xem xét những hậu quả của điều đó không thuộc đề tài của tôi ở đây: tôi đã làm việc đó trong một bài viết khác[146].

Trên nguyên tắc này, thì một người muốn tự coi mình như một sinh thể đơn độc, chẳng hề liên quan đến cái gì hết và tự mình đủ cho mình, chỉ có thể khốn khổ mà thôi. Thậm chí với người đó việc mưu sinh cũng bất khả thi; vì, thấy toàn thể mặt đất được phủ kín những gì là của anh và của tôi, còn anh ta chỉ có cái thân xác của anh ta, vậy anh ta lấy ở đâu ra thứ mình cần dùng? Khi ra khỏi trạng thái thiên nhiên, chúng ta buộc đồng loại của chúng ta cũng phải ra khỏi trạng thái ấy; không ai có thể cứ ở lại đó bất chấp ý muốn của người khác; và muốn ở lại đó trong tình trạng không thể sống được trong đó, thì chính là ra khỏi đó thực sự; vì định luật đầu tiên của thiên nhiên là sự lo toan tự bảo tồn.

Như vậy trong đầu óc đứa trẻ hình thành dần dần những ý niệm về các quan hệ xã hội, trước cả khi nó có thể thực sự là thành viên tích cực của xã hội. Émile thấy rằng, để có các phương tiện cho mình sử dụng, nó còn phải có cả các phương tiện cho người khác sử dụng, nhờ những phương tiện ấy nó có thể đổi được những thứ nó cần song lại thuộc quyền của người khác. Tôi dễ dàng dẫn nó đến chỗ cảm nhận được nhu cầu trao đổi như vậy, và tự chuẩn bị để lợi dụng được những sự trao đổi ấy.

Thưa ngài tôi cần phải sống, một tác giả châm biếm khốn khổ nói với vị bộ trưởng đang quở trách ông ta về sự xấu xa của nghề đó. – *Tôi không thấy điều này cần thiết*, con người có địa vị lạnh lùng đáp lại[147]. Câu trả lời ấy, hay đối với một bộ trưởng, sẽ là dã man và sai ở miệng bất kỳ người nào khác. Người nào cũng cần phải sống. Lập luận này, mà mỗi người coi là có nhiều hay

---

[146] * *Luận về sự bất bình đẳng.*

[147] * Theo *Voltaire toàn tập*, (NXB Moland, Paris, 1877-1885): "Tu viện trưởng Guyot-Desfontaines đã nói câu trên với Bá tước d'Argenson, thời đó là Bộ trưởng Chiến tranh (1764). Bá tước đáp lại: Tôi không thấy điều này cần thiết".
Tu viện trưởng (1685-1745) được Voltaire cứu khỏi ngục tù, đã bội bạc vô ơn đối với nhà văn.

ít sức mạnh tùy theo người đó có nhiều hay ít lòng nhân đạo, đối với người lập luận như vậy về bản thân mình, tôi thấy dường như không thể cãi lại. Bởi lẽ, trong tất cả những mối oán ghét mà thiên nhiên đem lại cho chúng ta, mối oán ghét mạnh nhất là ghét cái chết, do đó mọi điều đều được mối oán ghét ấy cho phép, với kẻ không có cách nào khác để sống. Những nguyên tắc mà con người có đạo đức dựa vào để tập coi khinh sự sống của mình và hy sinh sự sống ấy cho bổn phận hết sức xa vời với tính đơn giản nguyên sơ nọ. Hạnh phúc thay những dân tộc ở đó người ta có thể tốt mà không cần cố gắng và công minh chính trực mà không cần đức tính! Nếu có một quốc gia khốn khổ nào trên thế gian ở đó mỗi kẻ không thể sống được nếu không làm điều ác và ở đó các công dân đều gian manh vì bất đắc dĩ, thì cần treo cổ không phải kẻ bất lương, mà kẻ buộc hắn phải trở thành bất lương.

Ngay khi Émile vừa biết được thế nào là sự sống, thì mối lo toan đầu tiên của tôi sẽ là dạy cho nó biết bảo tồn sự sống ấy. Cho đến giờ tôi chưa hề phân biệt các địa vị, các đẳng cấp, các tài sản; và sau này tôi cũng không phân biệt nhiều hơn là mấy, vì con người vẫn là như thế ở mọi địa vị; vì người giàu chẳng có dạ dày to hơn người nghèo và chẳng tiêu hóa tốt hơn người nghèo; vì ông chủ chẳng có cánh tay dài hơn cũng như mạnh hơn cánh tay người nô lệ của mình; vì một người quyền quý chẳng cao quý hơn một người bình dân; và cuối cùng do các nhu cầu tự nhiên ở khắp nơi đều giống nhau, nên các phương sách để cung ứng cho những nhu cầu ấy ắt phải như nhau ở khắp nơi. Hãy làm cho sự giáo dục con người phù hợp với con người, chứ không phải với cái gì không hề là anh ta. Các vị không thấy rằng trong khi ra sức đào tạo con người chỉ chuyên cho một địa vị, là các vị khiến cho anh ta thành vô dụng với bất kỳ địa vị nào khác, và nếu như tùy vận rủi may, là các vị chỉ ra sức khiến cho anh ta thành bất hạnh? Còn gì lố bịch đáng cười hơn một nhà quyền quý trở nên đói rách, mà trong cảnh khốn khổ vẫn mang những thành kiến của dòng dõi mình? Còn gì hèn hạ hơn một người giàu có bị bần cùng, vì nhớ lại niềm khinh bỉ cần phải có đối với sự nghèo khổ, mà cảm thấy mình thành kẻ thấp kém nhất trong những con người? Một kẻ chỉ còn mỗi phương kế là nghề gian manh công khai, kẻ kia là nghề nô bộc đê tiện với câu nói hay ho này: *tôi cần phải sống*.

Các vị tin cậy vào trật tự hiện hành của xã hội mà không nghĩ rằng trật tự ấy phải chịu những cuộc biến động không sao tránh khỏi, rằng các vị không thể nào thấy trước cũng như phòng ngừa trước cuộc biến động có thể liên quan đến con cái mình. Quý nhân trở thành tầm thường, người giàu thành

người nghèo, quốc vương thành thần dân; các đòn của số phận hiếm hoi đến mức các vị có thể trông mong mình được miễn trừ hay sao? Chúng ta đang đến gần tình trạng khủng hoảng và đến gần thời đại của những cuộc biến động[148]. Ai dám bảo đảm với các vị rằng lúc đó các vị sẽ trở thành như thế nào? Tất cả những gì con người đã làm nên, con người có thể phá hủy đi: chỉ có những cốt cách do Thiên nhiên ghi khắc là những cốt cách không thể xóa bỏ, mà Thiên nhiên không hề tạo ra vua chúa, người giàu, đại quý tộc. Vậy cái vị vương hầu mà các vị chỉ nuôi dạy cho sự quyền quý sẽ làm gì trong cảnh thấp hèn? Nhà tài chính chỉ biết sống với hoàng kim sẽ làm gì trong cảnh nghèo khổ? Cái gã ngu đần xa hoa không hề biết sử dụng bản thân, và chỉ đặt con người mình vào những gì xa lạ không phải của mình, khi mất sạch mọi thứ sẽ làm gì? Hạnh phúc thay người nào khi đó biết rời bỏ cái địa vị đang rời bỏ mình và vẫn là con người bất kể số phận! Người ta cứ việc tha hồ ca ngợi ông vua bị đánh bại muốn điên cuồng tự chôn vùi dưới những mảnh vụn ngai vàng của mình; còn tôi thì tôi coi thường ông ta; tôi thấy ông ta chỉ tồn tại nhờ vương miện của ông ta, và ông ta chẳng là gì hết nếu không là vua: nhưng ông vua mất vương miện và không cần đến nó thì khi đó ở cao hơn vương miện. Từ địa vị nhà vua, mà một kẻ hèn nhát, một kẻ độc ác, một kẻ điên rồ đều có thể làm được như ai khác, ông ta bước lên địa vị con người, mà rất ít người biết làm trọn. Khi đó ông ta chiến thắng vận mệnh rủi may, ông ta khinh thường nó; ông ta chỉ nhờ vào riêng mình, và khi chỉ còn phải phô bày chính mình, thì ông ta không hề vô giá trị; ông cũng là cái gì kha khá. Phải, tôi thích nhà vua Syracuse[149] làm thầy giáo ở Corinthe, và nhà vua Macédoine[150] làm lục sự ở Rome, gấp trăm lần so với một Tarquin[151] khốn khổ, chẳng biết thành ra thế

---

[148] Tôi cho là các nền quân chủ lớn của châu Âu không thể tồn tại lâu dài nữa: tất cả đều đã chói sáng, và mọi trạng thái chói sáng đều đang trên bước suy thoái. Ý kiến của tôi có những lý do đặc biệt hơn là châm ngôn trên; nhưng không phải lúc nói ra những lý do ấy, và mỗi người chỉ nhìn thấy chúng quá rõ mà thôi.

[149] * Ý nói đến Denys con (397 trước CN-344 trước CN), con trai và là người kế nghiệp Denys cha (430 trước CN-367 trước CN), trị vì Syracuse (thành bang xưa, thuộc Italia). Sau khi thất bại, Denys con đến Corinthe (thuộc Hy Lạp) và dạy học tại đó.

[150] * Ý nói đến Alexandre, con trai của Persée nhà vua cuối cùng của Macédoine bị người La Mã đánh bại năm 168 trước CN.

[151] * Vị vua thứ bảy và là vị vua cuối cùng của La Mã (từ 534 trước CN đến 509 trước CN).

nào nếu không trị vì, so với kẻ thừa kế người sở hữu ba vương quốc[152], làm bung xung cho ai dám miệt thị sự khốn cùng của mình, lang thang từ triều đình này sang triều đình khác, tìm kiếm sự giúp đỡ ở khắp nơi, và tìm thấy sự sỉ nhục ở khắp nơi, vì chẳng biết làm gì khác ngoài một cái nghề không còn thuộc quyền mình nữa.

Con người và công dân, dù là gì đi nữa, đều không có tài sản nào khác để đưa vào xã hội ngoài bản thân mình; tất cả những tài sản khác của anh ta đều ở trong xã hội ngoài ý muốn của anh ta; và khi một người giàu có, thì hoặc anh ta không hưởng thụ sự giàu có của mình, hoặc công chúng cũng hưởng thụ sự giàu có ấy. Trong trường hợp thứ nhất, anh ta cướp đi của người khác những gì mà anh ta không cho mình; còn trong trường hợp thứ hai, anh ta chẳng cho người khác cái gì hết. Như vậy món nợ xã hội vẫn còn nguyên đối với anh ta chừng nào anh ta chỉ trả bằng tài sản của mình mà thôi. Nhưng cha tôi, trong khi kiếm ra tài sản, đã phục vụ xã hội... Được, ông đã trả món nợ của ông, chứ không phải món nợ của anh. Anh mắc nợ những người khác nhiều hơn so với nếu anh sinh ra không tài sản, vì anh sinh ra đã được ưu đãi. Những gì một người đã làm cho xã hội lại miễn trừ được cho một người khác những gì người này nợ xã hội, là không chính đáng; vì mỗi người, phải nhờ hoàn toàn vào bản thân, chỉ có thể trả nợ cho mình mà thôi, và không một người cha nào có thể truyền lại cho con trai mình quyền được vô dụng với đồng loại; thế mà đó lại là điều ông làm, theo anh, khi truyền lại cho con ông của cải của ông, chúng là bằng chứng và là cái giá của lao động. Kẻ nào ăn trong cảnh nhàn rỗi những gì mà bản thân mình không kiếm ra là ăn trộm những thứ đó; và trong mắt tôi, một người hưởng niên kim lợi tức do nhà nước chi trả để không làm gì chẳng khác là mấy một tay cường đạo sống nhờ vào khách qua đường. Ở bên ngoài xã hội, con người cô lập, chẳng nhờ ai cái gì, có quyền sống như anh ta thích; nhưng trong xã hội, nơi mà tất nhiên anh ta phải sống nhờ vào những người khác, anh ta mắc nợ họ bằng lao động cái giá của sự nuôi dưỡng anh ta; điều này không có ngoại lệ. Vậy lao động là một nghĩa vụ cần thiết với con người xã hội. Giàu hay nghèo, quyền thế hay yếu đuối, bất kỳ công dân nào ăn không ngồi rồi đều là một kẻ gian manh.

Mà, trong tất cả những công việc có thể cung ứng kế sinh nhai cho con người, thì công việc khiến anh ta gần với trạng thái thiên nhiên hơn cả là lao

---

[152] * Ý nói đến Charles-Edouard Stuart (1720-1788), một trong những "đế vương không ngai vàng", cháu nội của Jacques II (1633-1701) nhà vua của ba vương quốc Anh, Irlande và Écosse.

động chân tay: trong tất cả các thân phận, thì thân phận ít phụ thuộc hơn cả vào may rủi và vào những con người là thân phận của người thợ thủ công. Người thợ thủ công chỉ phụ thuộc vào lao động của mình; anh ta tự do, tự do y như người nông dân bị nô dịch; vì người nông dân liên quan đến đồng ruộng của anh ta, mà thu hoạch lại do người khác định đoạt. Kẻ địch, vị vương công, một láng giềng quyền thế, một vụ kiện, có thể lấy mất của anh ta cánh đồng ấy; qua cánh đồng ấy người ta có thể sách nhiễu anh ta theo hàng ngàn kiểu; nhưng ở bất cứ nơi nào mà người ta muốn sách nhiễu người thợ thủ công, thì anh ta lập tức thu dọn hành lý; anh ta mang theo những cánh tay của mình và ra đi. Tuy nhiên, nông nghiệp là nghề đầu tiên của con người: đó là nghề lương thiện nhất, nghề hữu ích nhất, và do đó là nghề cao quý nhất mà con người có thể làm. Tôi không bảo Émile: Hãy học nghề nông; nó biết nghề nông. Mọi việc quê mùa đồng áng đều quen thuộc với nó; nó đã khởi đầu bằng những công việc ấy, nó không ngừng trở lại với chúng. Vậy tôi bảo nó: Hãy giữ gìn bồi đắp di sản của cha ông mình. Nhưng nếu em mất đi di sản ấy, hoặc nếu em không hề có di sản, thì làm gì đây? Hãy học lấy một nghề.

Một nghề cho con trai tôi! con trai tôi là thợ thủ công! Ông nghĩ thế sao, thưa ông? Thưa bà, tôi nghĩ đến điều ấy kỹ hơn bà là người muốn bắt cậu ấy chỉ có thể là một quý nhân, một hầu tước, một vương tước, và có thể một ngày nào đó chẳng là cái gì hết: còn tôi thì tôi muốn cho cậu ấy một đẳng cấp mà cậu ấy không thể bị mất đi, một đẳng cấp làm vinh dự cho cậu ở mọi thời đại; tôi muốn nâng cậu lên địa vị con người; và, dù bà có thể nói gì về điều đó chăng nữa, thì cũng sẽ ít người sánh ngang được với cậu về danh hiệu ấy, so với tất cả những danh hiệu mà cậu sẽ thừa hưởng từ bà.

Đừng nên câu nệ nghĩa đen, phải xét theo ẩn ý. Vấn đề là học một nghề để đánh bại những thành kiến coi khinh nghề, hơn là để biết một nghề. Anh sẽ không bao giờ bị buộc phải lao động để sống. À! mặc anh, mặc anh thôi! Nhưng chẳng hề gì; đừng lao động vì bất đắc dĩ, hãy lao động vì vinh quang. Hãy hạ mình xuống địa vị thợ thủ công, để ở cao hơn địa vị của mình. Để vận mệnh rủi may và sự vật phục tùng mình, hãy bắt đầu bằng việc làm cho mình không phụ thuộc vào sự vật và may rủi. Để thống trị bằng dư luận, hãy bắt đầu bằng thống trị dư luận.

Hãy nhớ rằng tôi không hề yêu cầu anh một tài nghệ: đó là một nghề, một nghề thực sự, một kỹ năng thuần túy máy móc, ở đó bàn tay làm việc nhiều hơn trí óc, và nghề đó không dẫn đến giàu sang, nhưng với nó người ta có thể không

cần đến giàu sang. Tại những gia đình ở rất cao bên trên nguy cơ thiếu miếng ăn, tôi đã thấy những ông bố đẩy sự lo xa đến mức bên mối lo toan giáo dục con cái còn kết hợp cả mối lo toan cung cấp cho chúng những tri thức mà, gặp bất kỳ biến cố nào, chúng cũng có thể lợi dụng để sinh sống. Những ông bố lo xa ấy tưởng mình làm rất nhiều; song các ông chẳng làm gì hết, vì những phương kế mà các ông nghĩ rằng mình sửa soạn sẵn cho con lại phụ thuộc vào chính sự may rủi mà các ông muốn đặt con mình lên trên. Thành thử với tất cả những tài nghệ hay ho ấy, nếu người có những tài này không ở vào hoàn cảnh thuận lợi để sử dụng chúng, thì người ấy sẽ chết vì bần cùng như thể chẳng có một tài nào.

Hễ bàn đến chuyện thủ đoạn và mưu mô, thà dùng những trò ấy để duy trì sự phong lưu giàu có, còn hơn dùng chúng để giữa cảnh bần cùng kiếm lại được cái gì giúp trèo trở lên địa vị ban đầu. Nếu anh vun trồng những kỹ năng mà thành công là do tiếng tăm của nghệ sĩ, nếu anh khiến cho mình hợp với những chức vụ chỉ đạt được nhờ sự ưu ái, thì tất cả những cái đó sẽ giúp gì cho anh, khi mà, chán ghét xã hội một cách chính đáng, anh sẽ coi khinh những phương kế mà không có chúng người ta không thể thành công trong xã hội? Anh đã nghiên cứu chính trị và lợi ích của các vua chúa. Điều ấy được lắm, nhưng anh sẽ làm gì với những kiến thức ấy, nếu anh không biết cách đến được với các bộ trưởng, với những phụ nữ chốn cung đình, với các chánh văn phòng; nếu anh không có được bí quyết làm vui lòng họ, nếu tất cả không thấy ở anh gã gian manh hợp với họ? Anh là kiến trúc sư hay họa sĩ: được, nhưng phải làm mọi người biết tài năng của mình. Anh nghĩ cứ đường đột mang tác phẩm của anh đến bày ở Phòng Triển lãm ư? Ôi! sự thể chẳng như vậy đâu! Phải ở trong Viện Mỹ thuật; thậm chí tại đấy còn phải được che chở để có được một chỗ hèn mọn nào đó ở một góc tường. Anh hãy rời cái thước và cây bút vẽ; hãy lấy một cỗ xe thuê, và chạy từ cửa này sang cửa khác: người ta đạt được sự nổi tiếng như thế đó. Mà anh phải biết rằng tất cả những cửa ấy đều có người gác hay người canh, họ chỉ nghe bằng cử chỉ và tai họ là ở bàn tay họ. Anh có muốn dạy những gì mình đã học, và trở thành giảng viên về địa lý, hay toán, hay ngoại ngữ, hay nhạc, hay họa? ngay cả với việc ấy cũng phải tìm ra học trò, và do đó phải tìm ra những người tán dương. Hãy tin rằng phỉnh gạt cần hơn là có tài, và nếu về nghề nghiệp anh chỉ biết có nghề của mình thôi, thì mãi mãi anh sẽ chỉ là một kẻ dốt nát.

Vậy hãy xem tất cả những phương sách vẻ vang chói lọi ấy ít vững chắc biết mấy, và những phương sách khác cần thiết cho anh biết mấy để lợi dụng được những phương sách kia. Và rồi, anh sẽ thành ra như thế nào trong sự hạ

mình hèn nhát ấy? Những rủi ro, chẳng chỉ vẽ cho anh, mà làm anh hèn hạ đi; hơn bao giờ hết làm bung xung cho dư luận công chúng, anh làm thế nào nâng mình lên cao hơn các thành kiến, chúng định đoạt số phận anh? Anh làm thế nào khinh bỉ được sự thấp hèn và các thói hư tật xấu mà anh cần để sống còn? Trước kia anh chỉ phụ thuộc vào sự giàu có, còn giờ đây anh phụ thuộc vào những kẻ giàu có; anh chỉ khiến cho tình trạng nô lệ của anh tệ hại hơn và chất nặng thêm cho nó sự khốn cùng của anh. Thế là anh nghèo khổ mà chẳng tự do; đó là tình trạng tệ hại nhất mà một con người có thể rơi xuống.

Nhưng, để sinh sống, thay vì cầu viện những tri thức cao siêu được tạo ra để nuôi dưỡng tâm hồn chứ không phải thân thể, nếu như, khi cần, anh cầu viện đến hai bàn tay mình và cách sử dụng chúng mà anh biết, thì mọi khó khăn biến mất, mọi thủ đoạn thành vô ích; phương sách bao giờ cũng sẵn sàng vào lúc dùng đến; đức chính trực, danh dự, không còn là trở ngại cho cuộc sống; anh không cần phải hèn nhát và dối trá trước những kẻ có thế lực, mềm dẻo và luồn cúi trước những kẻ gian manh, hèn hạ chiều lòng toàn thiên hạ, đi vay mượn hay trộm cắp, cũng gần giống nhau khi người ta chẳng có gì hết; ý kiến người khác chẳng hề động chạm đến anh; anh không phải nịnh hót ai, không có thằng ngu nào phải bợ đỡ, không có người canh cổng nào phải lấy lòng, không có à giang hồ nào phải trả tiền và, tệ hơn nữa, phải tán dương. Dù những gã vô lại có điều khiển các công việc trọng yếu, cũng ít quan hệ đến anh; điều đó sẽ không ngăn cản anh, trong cuộc sống hàn vi của mình, là người lương thiện và có đủ ăn. Anh vào cửa hiệu đầu tiên của nghề mà anh đã học: Ông chủ, tôi cần việc làm. Anh thợ bạn, anh ngồi vào kia, làm việc đi. Chưa đến giờ ăn tối, anh đã kiếm được bữa tối của mình rồi; nếu anh siêng năng và chừng mực, thì chưa hết tám ngày, anh đã có đủ để sống tám ngày nữa: anh sẽ sống tự do, lành mạnh, chân thực, cần mẫn, chính trực. Kéo dài thời gian như thế không phải là uổng phí thời gian.

Tôi nhất thiết muốn Émile học lấy một nghề. Các vị sẽ bảo, ít ra là một nghề lương thiện chứ? Cái từ này có nghĩa gì? Bất cứ nghề nào hữu ích cho công chúng chẳng lương thiện hay sao? tôi không muốn nó làm thợ thêu, thợ thếp vàng, thợ quang dầu tráng men, như nhà quý tộc của Locke; tôi không muốn nó là nhạc sĩ, diễn viên, hay viết sách[153]. Trừ những nghề ấy và những

---

[153] Người ta sẽ bảo tôi rằng, thì ông viết sách đấy thôi. Tai hại cho tôi là tôi viết sách, tôi xin thú nhận như vậy; và những sai trái của tôi, mà tôi nghĩ rằng đã chuộc lỗi đủ, với người khác không phải là những lý do để mắc những sai trái

nghề khác giống như thế, nó cứ theo nghề nào nó muốn, tôi không định ngăn trở gì nó hết. Tôi thích nó là thợ đóng giày hơn thi sĩ; tôi thích nó lát các con đường lớn hơn làm những bông hoa bằng sứ. Nhưng, các vị sẽ bảo, các cung thủ, gián điệp, đao phủ, là những kẻ hữu ích. Họ không hữu ích là chỉ tùy thuộc vào chính thể. Nhưng thôi; tôi đã sai lầm: chọn một nghề hữu ích không đủ, còn cần nghề ấy không đòi hỏi ở những người làm nghề các phẩm chất tâm hồn khả ố và bất tương dung với nhân tính. Trở lại với từ ngữ đầu tiên, ta hãy kiếm lấy một nghề lương thiện; nhưng hãy luôn nhớ rằng không hề có sự lương thiện mà không có tính hữu ích.

Một tác gia nổi tiếng của thế kỷ này[154], mà các cuốn sách đầy những kế hoạch lớn lao và những kiến giải nhỏ hẹp, đã phát nguyện, như tất cả các tu sĩ thuộc giáo hội của ông, là không có vợ của riêng mình; nhưng, vì ông thận trọng hơn những người khác về chuyện ngoại tình, nên người ta bảo rằng ông quyết định có những đầy tớ gái xinh đẹp, cùng với họ ông ra sức bù đắp sự tổn hại ông đã gây ra cho giống loài bằng lời hứa liều lĩnh nọ. Ông coi như một nghĩa vụ công dân việc tặng cho đất nước những công dân khác, và với loại cống vật mà ông trả cho đất nước như vậy, ông làm cho tầng lớp thợ thủ công thêm đông đảo. Ngay khi những đứa trẻ này vừa đủ tuổi, là ông cho tất cả bọn chúng học một nghề hợp với sở thích của chúng, chỉ loại trừ những nghề tầm phào, phù phiếm hoặc theo thời thượng, thí dụ như nghề làm tóc giả, không bao giờ cần thiết, và có thể ngày trước ngày sau thành vô dụng, chừng nào thiên nhiên không cự tuyệt việc cho chúng ta có tóc.

Đó là tinh thần cần hướng dẫn chúng ta trong việc chọn nghề của Émile, hay nói cho đúng không phải chúng ta chọn, mà là Émile chọn; vì các phương châm nó thấm nhuần vẫn duy trì nơi nó niềm khinh thường tự nhiên đối với những điều vô ích, nên nó sẽ không bao giờ muốn tiêu phí thì giờ của mình vào những công việc không có giá trị gì hết, và về giá trị của sự vật thì nó chỉ biết có giá trị của tính hữu ích thực sự; nó cần một nghề có thể giúp cho Robinson trên hòn đảo của chàng.

Bằng cách xét duyệt trước một đứa trẻ các sản phẩm của tự nhiên và của nghệ thuật, bằng cách kích thích niềm hiếu kỳ ở nó, bằng cách theo nó đến nơi mà niềm hiếu kỳ đưa nó tới, ta có cái lợi là nghiên cứu được các sở thích của

---

tương tự. Tôi viết không phải để biện giải lỗi lầm của mình, mà để ngăn những người đọc mình bắt chước những lỗi lầm ấy.

[154] Tu viện trưởng Charles-Irénée de Saint-Pierre (1658-1745).

nó, các thị hiếu của nó, các thiên hướng của nó, và nhìn thấy ngời lên tia sáng đầu tiên của tài năng nơi nó, nếu nó có một tài năng nào đó rất xác định. Nhưng một sai lầm thường thấy và các vị cần phòng ngừa, là gán tác động của thời cơ cho nhiệt tình của tài năng, và tưởng là một thiên hướng rõ rệt đối với nghệ thuật này nghệ thuật nọ, đầu óc bắt chước có ở cả người và khỉ, xui khiến một cách máy móc người cũng như khi muốn làm tất cả những gì nhìn thấy người khác làm, mà chẳng biết rõ lắm điều ấy có ích lợi gì. Xã hội đầy những thợ thủ công, và đặc biệt đầy những nghệ sĩ, chẳng hề có tài năng tự nhiên của nghệ thuật mà họ đang làm, song được người ta đẩy vào đó từ khi còn nhỏ tuổi, hoặc do những điều thích đáng khác quyết định, hoặc do người ta bị lầm vì một sự hăng hái tích cực bề ngoài có lẽ cũng hướng họ như thế đến bất kỳ nghệ thuật nào khác, nếu họ sớm nhìn thấy nghệ thuật ấy được thực thi. Người này nghe đánh trống và ngỡ mình là tướng; người kia nhìn thấy xây dựng và muốn làm kiến trúc sư. Mỗi người đều bị cám dỗ bởi nghề mà mình nhìn thấy người ta làm, khi cho rằng nghề ấy được coi trọng.

Tôi từng biết một người hầu, thấy ông chủ vẽ tranh và đồ họa, bèn nghĩ rằng mình sẽ là họa sĩ và nhà đồ họa. Từ lúc có quyết định như thế, anh ta cầm lấy cây bút chì, mà anh ta chỉ rời ra để lại cầm lấy cây bút vẽ, mà suốt đời anh ta sẽ không rời ra nữa. Chẳng học hành và chẳng có quy tắc, anh ta bắt tay vào vẽ tất cả những gì rơi vào tay mình. Suốt ba năm trời anh ta dán người vào những trò bôi quệt của anh ta, không gì lôi được anh ra khỏi đó ngoại trừ công việc hầu hạ, và không bao giờ chán nản vì sự tiến bộ ít ỏi mà tố chất tầm thường kém cỏi để cho anh đạt được. Tôi đã thấy anh ta ròng rã sáu tháng của một mùa hè rất nóng bức, trong một gian sảnh nhỏ hướng nam, nơi mà người ta ngạt thở khi đi qua, suốt ngày ngồi, hay nói đúng hơn là đóng đinh vào chiếc ghế dựa, trước một quả cầu, vẽ quả cầu đó, vẽ lại nó, bắt đầu và bắt đầu lại không ngừng với một sự ngoan cố vô địch, cho đến khi anh ta miêu tả cái hình nổi tròn tròn khá đạt để hài lòng về tác phẩm của mình. Cuối cùng, được ông chủ ủng hộ và được một nghệ sĩ hướng dẫn, anh ta đã đạt đến chỗ rời bỏ bộ chế phục gia nhân và sống bằng cây bút vẽ. Cho đến một hạn giới nhất định sự kiên trì bù được cho tài năng: anh ta đã đạt đến hạn giới ấy và sẽ không bao giờ vượt qua nó. Sự bền bỉ và tinh thần ganh đua của chàng trai lương thiện ấy là đáng khen. Anh ta sẽ luôn khiến mình được quý trọng vì sự chuyên cần của mình, vì sự trung thành của mình, vì phẩm hạnh của mình; nhưng mãi mãi anh sẽ chỉ vẽ những hình trang trí bên trên cửa ra vào mà thôi. Có ai mà không bị lầm vì sự hăng hái của anh và không tưởng anh là một tài năng thực sự? Có sự khác biệt lớn giữa thích

thú một công việc và thích hợp với công việc ấy. Cần phải có những quan sát tinh vi hơn là người ta nghĩ để biết chắc được tài năng thực sự và sở thích thực sự của một đứa trẻ, nó thường phô bày những mong muốn của nó nhiều hơn là những thiên hướng của nó, và người ta bao giờ cũng xét đoán nó qua các mong muốn, vì không biết nghiên cứu các thiên hướng. Tôi những mong một người giỏi phán đoán cho chúng ta một khảo luận về nghệ thuật quan sát trẻ em. Hiểu biết nghệ thuật này là điều rất quan trọng: các ông bố và các ông thầy còn chưa có được những nguyên lý của nghệ thuật ấy.

Nhưng có lẽ ở đây chúng ta quá quan trọng hóa việc chọn một nghề. Bởi đó chỉ là một công việc chân tay, nên với Émile sự chọn lựa ấy chẳng là gì hết; và việc học nghề của nó đã xong được quá nửa rồi, nhờ những sự luyện tập mà chúng ta đã để nó thực hiện cho đến bây giờ. Các vị muốn nó làm gì nào? Nó sẵn sàng cho mọi điều: nó đã biết dùng mai, cuốc; nó biết sử dụng máy tiện, búa, bào, dũa; dụng cụ của mọi nghề đã quen thuộc với nó. Vấn đề chỉ còn là đạt tới chỗ sử dụng được khá nhanh nhạy, khá dễ dàng một dụng cụ nào đó trong số dụng cụ trên, để mẫn tiệp ngang với những người thợ giỏi; và về điểm này nó có một lợi thế lớn, đó là có thân hình lanh lẹ, tay chân mềm mại uyển chuyển, để giữ mọi loại tư thái mà không khó nhọc và kéo dài mọi loại động tác mà không phải gắng sức. Hơn nữa, nó có các khí quan chính xác và được tập luyện tốt; nó đã biết hết cơ giới học của các nghề. Để làm việc được như thợ cả, nó chỉ thiếu có tập quán, và tập quán chỉ có được cùng với thời gian. Nghề nào, mà ta còn phải chọn lựa, sẽ cho đủ thời gian để thành mẫn tiệp trong nghề? Vấn đề chỉ còn là điều ấy mà thôi.

Hãy cho người trưởng thành một nghề hợp với giới tính của người ấy, và cho chàng thanh niên một nghề hợp với tuổi của cậu ta: bất cứ nghề gì chỉ luẩn quẩn mãi một chỗ không ra ngoài, khiến thân thể èo là và nhu nhược đi, đều không được cậu ưa và không thích hợp với cậu. Không bao giờ một chàng trai trẻ lại tự mình ao ước làm thợ may; phải có kỹ xảo để mang trong cái nghề của phụ nữ giới tính mà nghề ấy chẳng phải được tạo ra cho nó[155]. Cây kim và thanh kiếm không thể được cùng những bàn tay sử dụng. Nếu tôi là quốc vương, tôi sẽ chỉ cho phép phụ nữ và những người què quặt buộc phải làm công việc như phụ nữ được may vá và làm những nghề kim chỉ. Giả định như các hoạn quan là cần thiết, tôi thấy những người Đông phương thật điên rồ khi cố tình tạo ra hoạn

[155] Ở những người cổ đại không hề có thợ may nam: y phục nam giới được phụ nữ may tại nhà.

quan. Sao họ không thỏa mãn với những hoạn quan mà thiên nhiên đã tạo nên, với những đám người hèn nhát mà thiên nhiên đã hoạn đi trái tim? họ sẽ có dư thừa cho nhu cầu. Bất kỳ người đàn ông nào nhu nhược, yếu ớt, sợ sệt, đều do thiên nhiên bắt buộc phải sống cuộc đời ru rú trong nhà; người đó được tạo ra để sống với phụ nữ hoặc sống theo kiểu của phụ nữ. Anh ta cứ làm một nghề nào đó hợp với phụ nữ, được thôi; nhưng nếu nhất thiết phải có những hoạn quan thực sự, thì xin hãy đưa vào thân phận đó những người đàn ông khiến giới mình bị ô nhục khi họ làm những việc không phù hợp với giới này. Sự lựa chọn của họ cho thấy sai lầm của thiên nhiên: các vị hãy sửa chữa sai lầm ấy theo cách này hay cách khác, các vị sẽ chỉ làm điều tốt mà thôi.

Tôi cấm học trò mình làm những nghề không lành mạnh, nhưng không cấm những nghề nặng nhọc, thậm chí cả những nghề nguy hiểm. Những nghề này luyện tập cùng một lúc cả sức lực cả lòng can đảm; chúng chỉ thích hợp riêng với đàn ông; phụ nữ không hề có kỳ vọng đối với chúng: sao mà những người kia lại không hổ thẹn khi lấn sang những nghề do phụ nữ làm chứ?

Luctantur paucae, comedant coliphia paucae

Vos lanam trahitis, calathisque perata refertis

Vellera...[156]

Ở nước Ý người ta không hề thấy phụ nữ trong các cửa hiệu; và không thể tưởng tượng được điều gì buồn bã hơn cái nhìn thoáng qua các phố phường của xứ sở ấy với những ai đã quen với phố xá ở Pháp và ở Anh. Nhìn những thương gia thời trang bán cho các bà những dải băng, những búp tơ, mạng lưới, tua ren, tôi thấy những đồ trang sức tinh tế ấy thật lố bịch trong những bàn tay to lớn, được tạo ra để kéo bễ lò rèn và để nện xuống đe. Tôi tự nhủ: Ở đất nước này, để trả thù, lẽ ra phụ nữ phải lập nên những hiệu đánh bóng gươm dao và cửa hàng vũ khí. Này! mỗi người hãy làm và bán những vũ khí của giới mình. Để hiểu biết những vũ khí ấy, cần phải sử dụng chúng.

Hỡi chàng trai, hãy in dấu vào các công trình của anh bàn tay người đàn ông. Hãy học sử dụng rìu và cưa bằng một cánh tay cường tráng, hãy học đẽo

---

[156] * Trích dẫn Juvénal (55-140) nhà thơ châm biếm La Mã: *Ít phụ nữ chiến đấu, ít phụ nữ ăn miếng cơm lực sĩ. Các nàng kéo sợi len, và khi công trình hoàn tất, các nàng mang công trình trong giỏ...*

một thanh xà, trèo lên một mái nhà, đặt nóc, làm vững nóc bằng những thanh chống và những xà ngắn; rồi hãy lớn tiếng gọi cô em gái đến giúp cho công việc của anh, giống như cô bảo anh thêu những mũi chữ thập của cô.

Tôi đang nói quá nhiều về chuyện này với những người cùng thời dễ thương của mình, tôi cảm thấy như vậy; nhưng đôi khi tôi để mình bị cuốn theo mãnh lực của các ảnh hưởng. Nếu bất kỳ ai đó mà thấy hổ thẹn khi làm việc trước công chúng với con dao lạng gỗ trong tay và trên người khoác chiếc tạp dề da, thì tôi chỉ còn thấy ở anh ta một tên nô lệ của dư luận, sẵn sàng đỏ mặt khi làm việc tốt, ngay khi mà thiên hạ cười nhạo những người lương thiện. Tuy nhiên ta hãy nhượng bộ thành kiến của những ông bố về tất cả những gì không thể làm hại đến óc phán đoán của trẻ. Không cần thiết phải làm mọi nghề hữu ích để tôn vinh tất cả các nghề ấy; chỉ đừng coi một nghề nào ở dưới mình là đủ. Khi ta được chọn và chẳng bị quy định bởi điều gì hết, thì sao ta lại không tham khảo sự thú vị, khuynh hướng, tính thích đáng giữa những nghề nghiệp cùng thứ hạng? Các nghề về kim khí rất hữu ích, và thậm chí hữu ích nhất trong các nghề; tuy nhiên, trừ phi một lý do đặc biệt hướng tôi đến việc đó, tôi sẽ không làm cho con trai các vị thành một thợ đóng móng ngựa, một thợ khóa, một thợ rèn; tôi không thích nhìn thấy cậu ta mang hình dạng thần không lồ độc nhỡn trong lò rèn của cậu. Tôi cũng không làm cho cậu thành thợ nề, càng không thành thợ đóng giày. Tất cả các nghề đều cần được làm; nhưng ai có thể lựa chọn thì nên lưu tâm đến sự sạch sẽ, vì ở đây không hề có chuyện dư luận; về điểm này các giác quan khiến chúng ta quyết định. Cuối cùng tôi không ưa những nghề ngu ngốc mà thợ thuyền, chẳng có kỹ xảo và gần như người máy, bao giờ cũng chỉ sử dụng bàn tay vào cùng một việc; những người thợ dệt, thợ làm bít tất, thợ cưa đá: sử dụng những người có lương tri vào các nghề ấy để làm gì? đó là một cỗ máy điều khiển một cỗ máy khác.

Nghĩ cho kỹ, cái nghề mà tôi cho là hợp với sở thích của học trò mình hơn cả, là nghề thợ mộc. Nghề ấy sạch sẽ, hữu ích, có thể thực hiện trong nhà; nghề ấy giữ đủ cho thân thể luôn hoạt động; nó đòi hỏi ở người thợ tài khéo léo và sự tinh xảo, và trong hình dạng các công trình do tính hữu ích quy định, vẻ thanh nhã và khiếu thẩm mỹ không bị loại trừ.

Nếu do ngẫu nhiên mà tài năng của học trò các vị hướng hẳn về các khoa học tư biện, thì khi đó tôi sẽ không chê trách việc người ta dạy nó một nghề hợp với thiên hướng của nó; chẳng hạn nó học làm các dụng cụ về toán học, các ống kính, các viễn vọng kính v.v...

Khi Émile sẽ học nghề của nó, tôi muốn cùng học với nó; vì tôi tin chắc rằng bao giờ nó cũng sẽ chỉ học chu đáo những gì chúng tôi cùng nhau học mà thôi. Vậy cả hai chúng tôi sẽ đều bắt tay vào học nghề, và chúng tôi sẽ không hề kỳ vọng được đối xử như những quý ông, mà như những thợ học nghề thực thụ chứ không phải học nghề để đùa vui; tại sao chúng tôi lại không là thợ học nghề thực sự chứ? Sa hoàng Pierre từng là thợ mộc ở xưởng và là lính đánh trống trong chính quân đội của ông; các vị nghĩ rằng ông vua ấy không bằng các vị về dòng dõi hoặc về tài cán chăng? Các vị hiểu rằng tôi nói điều này không phải với Émile; chính là với các vị, dù các vị có thể là ai chăng nữa.

Tiếc thay chúng tôi không thể dùng hết thì giờ của chúng tôi ở bàn thợ. Chúng tôi không phải là những kẻ học nghề làm thợ, chúng tôi là những kẻ học nghề làm người; và việc học tập cái nghề sau vất vả hơn và dài lâu hơn nghề trước. Vậy chúng tôi sẽ làm như thế nào? Chúng tôi sẽ học mỗi ngày một giờ với ông thầy dạy bào, như người ta học với một ông thầy khiêu vũ chăng? Không đâu. Chúng tôi sẽ không phải là những người học nghề, mà là những đồ đệ; và tham vọng của chúng tôi để học lấy nghề mộc không bằng để nâng mình lên địa vị của người thợ mộc. Vậy tôi cho rằng tuần nào chúng tôi cũng đến ở cả ngày tại nhà ông thầy ít nhất là một hoặc hai lần, chúng tôi thức dậy cùng giờ với ông, chúng tôi bắt tay vào việc trước ông, chúng tôi ăn cùng bàn với ông, chúng tôi làm việc dưới sự chỉ huy của ông, và sau khi có vinh dự ăn tối cùng gia đình ông, chúng tôi trở về, nếu chúng tôi muốn, ngủ trên những chiếc giường cứng của mình. Nhờ cách ấy mà người ta học được nhiều nghề cùng một lúc, và nhờ cách ấy người ta luyện tập lao động chân tay mà không sao lãng việc học tập làm người.

Chúng ta hãy giản dị trong khi làm đúng. Ta đừng làm cho thói khoe khoang tái sinh do những sự lo toan của ta để chống thói khoe khoang. Tự kiêu tự mãn vì đã chiến thắng thành kiến, đó chính là phục tùng thành kiến. Người ta kể rằng, do một tập quán xưa của hoàng thất Thổ Nhĩ Kỳ, Hoàng đế buộc phải tự tay làm việc; và ai cũng biết rằng các tác phẩm của một bàn tay vương giả chỉ có thể là những kiệt tác. Vậy ngài phân phát một cách hào hoa các kiệt tác này cho những bậc quyền quý của triều đình; và tác phẩm được trả tiền theo phẩm cách của người thợ. Cái hại mà tôi thấy trong việc này không phải ở điều bảo là gây phiền nhiễu ấy; vì, ngược lại, nó là một điều hay. Bằng cách bắt ép những người quyền quý phải chia cho ông ta những thứ tước đoạt của dân chúng, nhà vua đỡ buộc phải trực tiếp cướp bóc dân chúng. Đó là một cách cần thiết giảm bớt sự chuyên chế, và không có sự giảm bớt này thì chính thể gớm guốc ấy không thể tồn tại.

Cái hại thực sự của một tập quán như thế là ý tưởng mà tập quán ấy đem lại cho con người tội nghiệp kia về tài cán của ông ta. Giống như vua Midas, ông ta thấy tất cả những gì mình đụng vào đều biến thành vàng, nhưng ông ta không nhận thấy điều đó làm mọc ra những cái tai như thế nào. Để giữ cho Émile của chúng ta những chiếc tai ngắn, ta hãy phòng ngừa để các bàn tay nó khỏi bị cái tài quý hóa ấy; sao cho giá trị của những gì nó làm không phải là do người thợ, mà do công trình. Bao giờ chúng ta cũng chỉ chịu cho người ta đánh giá công trình của nó bằng cách so sánh với công trình của những thợ cả giỏi. Sao cho việc nó làm được chuộng vì chính việc làm, chứ không phải vì nó làm. Hãy nói về cái gì được làm tốt: *cái này được làm tốt đấy;* nhưng chớ nói thêm: *ai đã làm cái này thế?* Nếu chính nó nói một cách tự hào và tự thỏa mãn: *em đã làm cái này đấy,* xin hãy lạnh lùng nói thêm: *em hay một ai khác, có can hệ gì; đó vẫn là một công trình được làm tốt.*

Hỡi bà mẹ hiền, xin hãy đặc biệt phòng ngừa những lời dối trá mà người ta chuẩn bị đối với bà. Nếu con trai bà biết rất nhiều điều, xin hãy nghi ngờ tất cả những điều nó biết; nếu nó có cái rủi là được nuôi dạy tại Paris và là người giàu có, thì nó nguy rồi. Chừng nào ở đó còn những nghệ sĩ tài giỏi, thì nó sẽ có mọi tài của họ; nhưng xa họ, là nó sẽ không có những tài đó nữa. Tại Paris, người giàu biết tất cả; chỉ có người nghèo là dốt nát. Kinh đô này đầy rẫy những nam nghệ sĩ tài tử, và đặc biệt đầy những nữ nghệ sĩ tài tử, họ tạo ra tác phẩm của họ như ông Guillaume sáng chế các màu của ông. Về điều này tôi biết ba ngoại lệ vẻ vang trong nam giới, có thể có nhiều hơn nữa; nhưng tôi không biết một ngoại lệ nào trong nữ giới, và tôi ngờ là không có. Thường thường, người ta đạt được một danh nghĩa trong nghệ thuật cũng như trong giới pháp quan; người ta thành nghệ sĩ và xét đoán các nghệ sĩ cũng như người ta thành tiến sĩ luật và quan tòa[157].

---

[157] * Câu nói về ông Guillaume dựa trên vở *Luật sư Patelin* (1706) của Tu viện trưởng D. A. de Brueys, mô phỏng vở hài kịch Pháp khuyết danh nổi tiếng *Thầy Pierre Patelin* (vào khoảng năm 1464). Trả lời câu hỏi của Patelin: "Ông Guillaume, ông có cam đoan là ông đã sáng tạo ra màu sắc này không?", ông này đáp: "Đúng, đúng, cùng với bác thợ nhuộm của tôi."

Về các tiến sĩ luật và các pháp quan, Rousseau muốn nói đến việc một số tiến sĩ luật thuê viết luận án và một số người vung tiền ra mua danh tiếng. Các nhà nghiên cứu không rõ "ba ngoại lệ" chỉ những ai, nhưng một trong số đó chắc là Helvétius (1715-1771), triết gia Pháp mà Rouseau ngưỡng mộ, tham gia viết Bách Khoa thư và có thể được coi như một người giàu có làm khoa học nghiệp dư.

Vậy nếu xưa kia đã xác định rằng biết một nghề là tốt, thì con cái các vị sẽ biết ngay nghề mà chẳng phải học; chúng sẽ lên chức thợ cả, như các cố vấn ở Zurich. Không hề có thứ nghi lễ đó với Émile; không hề là bề ngoài, mà bao giờ cũng là sự thật. Mọi người chớ có nói là nó biết, mà nó hãy lặng lẽ học tập. Nó hãy luôn làm ra kiệt tác của nó, và không bao giờ lên chức thợ cả hết; nó chớ tỏ ra mình là thợ qua danh hiệu của mình, mà qua việc làm của mình.

Nếu cho đến giờ tôi đã làm mọi người hiểu tôi, thì mọi người ắt quan niệm được bằng cách nào mà với thói quen rèn luyện thân thể và thói quen lao động chân tay, tôi dần dần đem lại cho học trò mình sở thích nghĩ ngợi và suy tư, để bù lại sự biếng nhác ở nó do thờ ơ với những phán đoán của mọi người và do trạng thái bình thản của các đam mê. Cần phải cho nó làm việc như nông dân và tư duy như trí giả, để đừng lười biếng như một người hoang dã. Bí quyết quan trọng của việc giáo dục là làm sao cho những sự luyện tập thân thể và luyện tập trí óc luôn luôn việc nọ dùng để giải lao cho việc kia.

Nhưng ta hãy tránh nói trước về những sự giáo huấn đòi hỏi một đầu óc chín chắn hơn. Émile sẽ không làm thợ lâu, mà không tự mình cảm nhận tính bất bình đẳng của các thân phận, điều mà thoạt tiên nó chỉ thoáng nhận thấy mà thôi. Dựa trên những phương châm mà tôi dạy nó và vừa với tầm hiểu biết của nó, nó muốn đến lượt nó quan sát tôi. Trong khi nhận tất cả mọi điều từ một mình tôi, trong khi tự thấy rất gần với địa vị của những người nghèo, nó sẽ muốn biết tại sao tôi lại xa với địa vị ấy đến thế. Nó có thể sẽ đặt ra cho tôi, bất thình lình, những câu hỏi gay go: "Thầy giàu có, thầy đã bảo em thế, và em thấy thế. Một người giàu cũng phải làm việc cho xã hội, bởi lẽ ông ta là người. Nhưng thầy, thì thầy làm gì cho xã hội vậy?" Một thầy giáo sẽ trả lời điều này thế nào đây? tôi không biết. Có thể ông ta khá ngu dại để nói với đứa trẻ về những sự chăm lo của ông đối với nó. Về phần tôi, xưởng mộc giúp tôi thoát được: "Émile thân mến, đó là một câu hỏi hay; thầy hứa sẽ trả lời em về phần thầy, khi nào em có được cho em câu trả lời về phần em mà em thấy hài lòng. Trong khi chờ đợi, thầy sẽ chú ý trả cho em và những người nghèo thứ mà thầy có thừa, và sẽ làm mỗi tuần một cái bàn hay một cái ghế dài, để không hoàn toàn vô dụng chẳng được việc gì."

Thế là chúng tôi trở lại với chính mình. Thế là đứa trẻ của chúng ta sẵn sàng thôi là đứa trẻ rút trở về trong bản thân nó. Thế là nó cảm thấy hơn bao

giờ hết tính tất yếu gắn bó nó với sự vật. Sau khi đã khởi đầu bằng việc rèn luyện thân thể và các giác quan của nó, chúng ta đã rèn luyện trí óc và sự phán đoán của nó. Cuối cùng chúng ta đã kết hợp việc sử dụng tứ chi của nó với việc sử dụng các năng lực của nó; chúng ta đã tạo nên một thực thể hành động và tư duy; để hoàn tất con người, chúng ta chỉ còn phải tạo nên một thực thể giàu yêu thương và nhạy cảm, tức là hoàn thiện lý trí bằng tình cảm. Nhưng trước khi đi vào trật tự mới này của sự vật, ta hãy nhìn qua trật tự mà ta vừa ra khỏi và hãy xem, một cách chính xác hết mức có thể, ta đã đạt đến chỗ nào.

Thoạt tiên học trò của chúng ta chỉ có các cảm giác, giờ đây nó có những ý tưởng: trước kia nó chỉ cảm thấy, giờ đây nó phán đoán. Bởi vì, do sự so sánh nhiều cảm giác liên tiếp hoặc đồng thời, và do sự phán đoán của ta về các cảm giác ấy, nảy sinh một thứ cảm giác hỗn hợp hoặc phức hợp, mà tôi gọi là ý tưởng.

Cách thức cấu tạo các ý tưởng là điều tạo nên một đặc tính cho trí óc của con người. Trí óc nào chỉ cấu tạo những ý tưởng của nó theo các mối tương quan thực sự là một trí óc vững vàng; trí óc nào thỏa mãn với những tương quan bề ngoài là một trí óc phiến diện; trí óc nào nhìn các tương quan đúng như chúng tồn tại là một trí óc chính xác; trí óc nào thẩm định chúng không đúng là một trí óc sai lầm; kẻ nào bịa đặt ra những tương quan tưởng tượng không có sự thực cũng không có bề ngoài là một gã điên rồ; kẻ nào không hề so sánh là một gã ngu đần. Khả năng nhiều hay ít để so sánh các ý tưởng và để tìm ra các mối tương quan là điều tạo nên ở con người nhiều hay ít trí tuệ, v.v...

Những ý tưởng đơn giản chỉ là những cảm giác so sánh. Trong những cảm giác đơn giản cũng như trong những cảm giác phức hợp có những phán đoán, mà tôi gọi là ý tưởng đơn giản. Trong cảm giác, sự phán đoán chỉ đơn thuần thụ động, nó khẳng định người ta có cảm thấy những gì người ta cảm thấy. Trong tri giác hay ý tưởng, phán đoán có tính chủ động; nó đối chiếu, so sánh, nó xác định các mối tương quan mà giác quan không xác định. Đó là toàn bộ sự khác biệt; nhưng sự khác biệt này lớn lao. Không bao giờ thiên nhiên lừa dối chúng ta; bao giờ cũng là chúng ta tự lừa mình.

Tôi thấy người ta dọn cho một đứa trẻ phô mai ướp lạnh; nó đưa cùi dìa lên miệng mà không biết đó là cái gì, và, sững sờ vì lạnh, kêu to: A! *Cái này làm bỏng em*! Nó có một cảm giác rất gay gắt; nó không hề biết cảm giác nào

gay gắt hơn là cái nóng của lửa, và nó tưởng cảm thấy cái nóng ấy. Tuy nhiên nó tự lừa mình; sự sững sờ của cái lạnh làm nó khó chịu, nhưng không làm bỏng nó; và hai cảm giác ấy không giống nhau, vì những ai từng cảm thấy cả điều này lẫn điều kia không hề lẫn lộn chúng. Vậy không phải cảm giác đánh lừa nó, mà là phán đoán của nó về cảm giác.

Sự thể cũng như vậy với người lần đầu tiên nhìn thấy một tấm gương hoặc một dụng cụ quang học, hay người đi vào một hang sâu giữa mùa đông hay giữa mùa hè, hay người nhúng vào nước ấm một bàn tay rất nóng hoặc rất lạnh, hay người xoay xoay giữa hai ngón tay bắt chéo một khối tròn nhỏ, v.v... Nếu người đó chỉ dừng ở chỗ nói lên điều mình nhận thấy, điều mình cảm thấy, thì do sự phán đoán của anh ta đơn thuần thụ động nên anh ta không thể lầm lẫn; nhưng khi anh ta phán đoán về sự vật qua bề ngoài, thì anh ta chủ động, anh ta so sánh, anh ta xác lập bằng sự quy nạp những mối tương quan mà anh ta không nhận thấy; khi đó anh ta lầm lẫn hoặc có thể lầm lẫn. Để chấn chỉnh hoặc để phòng ngừa sai lầm, anh ta cần kinh nghiệm.

Hãy chỉ cho học trò các vị vào ban đêm những đám mây trôi qua giữa Mặt trăng và nó, nó sẽ tưởng rằng Mặt trăng đang trôi theo hướng ngược lại và mây đang dừng. Nó sẽ tin như thế qua một sự quy nạp hấp tấp, bởi nó thường nhìn thấy những vật thể nhỏ chuyển động hơn là những vật thể lớn, và bởi nó thấy những đám mây có vẻ lớn hơn Mặt trăng mà nó không thể ước lượng được sự xa cách. Khi mà, ở trong một con thuyền đang đi trên mặt nước, nó nhìn bờ sông từ hơi xa, thì nó rơi vào sai lầm ngược lại, và tưởng nhìn thấy mặt đất chạy, bởi lẽ, không hề cảm thấy mình chuyển động, nó nhìn chiếc thuyền, mặt biển hay con sông, và toàn bộ chân trời của nó, như một tổng thể bất động, mà bờ sông nó nhìn thấy đang chạy dường như chỉ là một bộ phận.

Lần đầu tiên đứa trẻ nhìn thấy một cây gậy bị dìm một nửa dưới nước, thì nó thấy đó là một cây gậy gãy: cảm giác này thực; và cảm giác đó chẳng khỏi sẽ như vậy mãi, dù chúng ta không sao biết được lý do của vẻ bề ngoài ấy. Vậy nếu các vị hỏi nó về điều nó thấy, nó bảo: *Một cây gậy gãy*, và nó nói thật, vì nó rất chắc chắn rằng nó cảm thấy một cây gậy gãy. Nhưng khi, bị nhầm lẫn vì phán đoán của mình, nó đi xa hơn, và sau khi đã khẳng định rằng mình nhìn thấy một cây gậy gãy, nó lại còn khẳng định nữa rằng cái nó nhìn thấy quả thực là một cây gậy gãy, thì lúc đó nó nói sai. Tại sao lại thế? bởi lẽ lúc đó nó trở nên chủ động; và nó không còn phán đoán theo quan sát

nữa, mà theo quy nạp, khi khẳng định điều mà nó không cảm thấy, vì biết rằng phán đoán mình nhận được do một giác quan sẽ được một giác quan khác xác nhận.

Bởi lẽ tất cả các sai lầm của chúng ta bắt nguồn từ các phán đoán của chúng ta, thì rõ ràng là nếu chúng ta không bao giờ cần phán đoán, chúng ta sẽ chẳng cần học hỏi gì hết; chúng ta sẽ không bao giờ ở vào trường hợp bị nhầm lẫn; chúng ta sẽ sung sướng với sự dốt nát của mình hơn là có thể sung sướng vì sự hiểu biết của mình. Có ai chối cãi rằng các nhà bác học biết ngàn điều đúng mà những người dốt nát sẽ không bao giờ biết được? Các nhà bác học có vì thế mà gần chân lý hơn không? Ngược hẳn lại, họ xa chân lý trong khi tiến lên; bởi lẽ, những hư ảo của phán đoán còn tiến nhanh hơn các chân lý, nên mỗi chân lý họ biết được chỉ đến cùng với một trăm phán đoán sai. Điều hết sức hiển nhiên là các hội đoàn uyên bác của châu Âu chỉ là những môn phái ngụy ngôn công khai; và điều rất chắc chắn là có nhiều sai lầm ở Viện Khoa học hơn là ở cả một tộc người Huron[158].

Bởi lẽ càng biết nhiều, con người càng lầm lẫn nhiều, nên phương sách duy nhất để tránh sai lầm là sự dốt nát. Đừng phán đoán, các vị sẽ không bao giờ sai. Đó là bài học của thiên nhiên cũng như của lý tính. Ngoài những quan hệ trực tiếp rất ít và rất rõ rệt của sự vật đối với chúng ta, dĩ nhiên chúng ta chỉ có một niềm dửng dưng sâu xa với mọi thứ còn lại mà thôi. Một người hoang dã sẽ chẳng động bàn chân để đi xem cỗ máy tốt nhất vận động và mọi kỳ tích của điện lực. *Can hệ gì đến tôi?* là câu nói quen thuộc nhất cho người dốt nát và thích hợp nhất cho hiền nhân.

Nhưng tiếc thay câu nói ấy không hợp với chúng ta nữa. Mọi sự đều can hệ đến ta, kể từ khi ta phụ thuộc mọi sự; và niềm hiếu kỳ của ta tất yếu mở rộng cùng với các nhu cầu của ta. Đó là lý do tại sao tôi đặt vào bậc trí giả một niềm hiếu kỳ rất lớn, và không hề đặt lòng hiếu kỳ ở người hoang dã. Người hoang dã không cần ai hết; bậc trí giả cần tất cả mọi người, và nhất là cần người hâm mộ.

Người ta sẽ bảo là tôi ra khỏi thiên nhiên; tôi không nghĩ như vậy. Thiên nhiên chọn lựa các phương tiện của nó, và điều chỉnh chúng, không theo dư luận, mà theo nhu cầu. Mà các nhu cầu thay đổi tùy theo cảnh huống của những con người. Có sự khác biệt rất lớn giữa con người tự nhiên sống trong

---

[158] * Một trong những tộc thổ dân ở Bắc Mỹ.

trạng thái tự nhiên, và con người tự nhiên sống trong trạng thái xã hội. Émile không phải một người hoang dã để đưa vào sống ở sa mạc, đó là một người hoang dã được tạo ra để sống tại các thành phố. Nó cần phải biết tìm ra ở thành phố thứ nó cần dùng, biết lợi dụng được các cư dân thành phố, và sống, nếu không giống như họ, thì ít ra là cùng với họ.

Bởi lẽ, giữa bao nhiêu mối quan hệ mới mẻ mà nó sắp phụ thuộc, nó sẽ cần phải phán đoán dù nó không muốn, vậy ta hãy dạy nó phán đoán cho đúng.

Cách tốt nhất để học phán đoán đúng là cách thiên nhiều nhất về việc đơn giản hóa các thí nghiệm của chúng ta, và thậm chí có thể bỏ qua các thí nghiệm đó mà không rơi vào lầm lẫn. Do đó mà, sau khi đã kiểm tra trong một thời gian dài những mối quan hệ của các giác quan, bằng cách dùng giác quan nọ để kiểm tra giác quan kia, ta còn cần phải tập kiểm tra các quan hệ của mỗi giác quan bằng chính giác quan ấy, không cần nhờ đến một giác quan khác; lúc đó mỗi cảm giác sẽ trở thành một ý tưởng đối với ta, và ý tưởng này sẽ luôn phù hợp với chân lý. Đó là loại tri thức mà tôi đã cố gắng làm đầy lứa tuổi thứ ba này của đời người.

Cách hành động này đòi hỏi một sự kiên nhẫn và một sự thận trọng mà ít ông thầy có nổi, và nếu không có nó thì người học trò sẽ không bao giờ học được phán đoán. Nếu, thí dụ, khi cậu học trò ấy lầm lẫn về bề ngoài của cây gậy gãy, để chỉ ra cho nó sai lầm của nó, các vị vội vã rút cây gậy ra khỏi nước, thì có lẽ các vị sẽ làm nó khỏi lầm lẫn; nhưng các vị sẽ dạy cho nó được điều gì? chỉ là điều mà chẳng bao lâu tự nó có lẽ sẽ biết ra được. Ồ! đó không phải là việc nên làm! Vấn đề là chỉ ra cho nó cần làm như thế nào để luôn khám phá ra sự thật hơn là bảo cho nó biết một sự thật. Để dạy dỗ nó tốt hơn, không nên làm nó hết lầm lẫn quá sớm. Ta hãy lấy Émile và tôi làm thí dụ.

Trước hết, đối với câu thứ nhì của hai câu hỏi giả định, bất kỳ đứa trẻ nào được nuôi dạy theo lối thông thường sẽ không khỏi trả lời khẳng định. Nó sẽ bảo: chắc chắn đó là một cây gậy gãy. Tôi chắc Émile không trả lời tôi như thế. Vì không hề thấy cần phải thông thái hoặc tỏ ra thông thái, nó không bao giờ vội phán đoán; nó chỉ phán đoán khi có sự hiển nhiên; và trong trường hợp này, còn rất xa nó mới tìm ra sự hiển nhiên ấy, nó là người biết rằng những phán đoán của chúng ta theo bề ngoài bị ảo giác chi phối biết chừng nào, dù chỉ trong viễn cảnh.

Vả lại, vì theo kinh nghiệm nó biết rằng những câu hỏi tầm phào nhất của tôi bao giờ cũng có một mục tiêu mà thoạt tiên nó không nhận ra, nên nó không hề có thói quen trả lời các câu hỏi ấy một cách khinh suất; trái lại, nó nghi ngờ, nó chú ý, nó khảo sát rất cẩn thận các câu hỏi ấy trước khi trả lời. Không bao giờ nó trả lời tôi bằng những câu mà tự nó không hài lòng; và làm nó hài lòng cũng khó. Cuối cùng cả nó cả tôi đều không có kỳ vọng biết được chân lý của sự vật, mà chỉ kỳ vọng đừng mắc sai lầm mà thôi. Chúng tôi sẽ hổ thẹn hơn nhiều nếu đưa ra cho mình một lý lẽ không đúng so với không tìm ra một lý lẽ nào hết. *Tôi không biết* là một lời rất hợp với cả hai chúng tôi, và thường được chúng tôi lặp lại rất nhiều, thành thử cả người này lẫn người kia đều chẳng thấy cực nhọc gì hết. Nhưng, dù nó không mắc điều khinh suất ấy, hoặc nó tránh điều đó bằng cái câu tiện lợi của hai thầy trò *Tôi không biết*, câu đáp lại của tôi vẫn thế: Nào, ta hãy xem xét.

Cây gậy mà một nửa dìm trong nước, được giữ chặt theo thế thẳng góc. Để biết nó có gãy hay không, như nó có vẻ thế, biết bao nhiêu điều ta cần phải làm trước khi rút nó ra khỏi nước hoặc trước khi đặt tay vào đó!

1) Trước hết, chúng ta đi xung quanh cây gậy và thấy rằng phần gãy quay theo chúng ta. Vậy chỉ con mắt ta làm thay đổi vị trí phần gãy đó, và những cái nhìn thì không lay chuyển được các vật thể.

2) Chúng ta nhìn thật thẳng góc vào đầu gậy ở bên ngoài nước; lúc đó cây gậy không cong nữa, đầu gậy gần mắt ta che khuất với ta đúng đầu kia[159]. Mắt ta đã dựng lại cây gậy chăng?

3) Chúng ta khuấy động mặt nước; chúng ta thấy cây gậy gấp lại thành nhiều đoạn, cử động ngoằn ngoèo, và theo những uốn lượn rập rờn của nước. Động thái khuấy nước của ta đủ để làm gãy, làm mềm, làm tan cây gậy như vậy sao?

4) Chúng ta cho nước chảy ra, và ta thấy cây gậy dựng thẳng lên dần dần, theo chừng nước rút xuống. Đó chẳng phải là quá đủ để làm sáng tỏ sự việc và tìm ra hiện tượng khúc xạ hay sao? Vậy cho rằng thị giác đánh lừa chúng ta là không đúng, bởi ta chỉ cần một mình thị giác để chấn chỉnh những sai lầm mà ta quy cho nó.

---

[159] Từ bấy tôi đã tìm ra điều ngược lại bằng một thí nghiệm khác chính xác hơn. Hiện tượng khúc xạ tác động theo vòng tròn, và cây gậy có vẻ to hơn ở đầu dìm trong nước hơn là đầu kia; nhưng điều này không làm thay đổi gì sức mạnh của lập luận, và kết quả không vì thế mà kém đúng đắn.

Giả định đứa trẻ khá ngu đần nên không nhận thấy kết quả của những thí nghiệm này; chính khi đó cần viện đến xúc giác để giúp thị giác. Thay vì rút cây gậy ra khỏi nước, hãy để y nguyên, và cho đứa trẻ đưa tay sờ cây gậy từ đầu này đến đầu kia, nó sẽ không nhận thấy một góc gãy nào; vậy cây gậy không gãy.

Các vị sẽ bảo tôi rằng ở đây không chỉ có các phán đoán, mà còn có những lý luận theo đúng thể thức. Quả thật như vậy; nhưng các vị không thấy rằng, một khi trí óc đạt được đến các ý tưởng, thì bất kỳ phán đoán nào cũng là một lý luận hay sao? Ý thức về bất kỳ cảm giác nào cũng là một mệnh đề, một phán đoán. Vậy, ngay khi ta so sánh một cảm giác này với một cảm giác khác, là ta đang lý luận. Kỹ năng phán đoán và kỹ năng lý luận đúng là một.

Émile sẽ không bao giờ biết môn quang tuyến khúc xạ, hoặc tôi muốn nó học môn đó xung quanh cây gậy này. Nó sẽ không giải phẫu các côn trùng; nó sẽ không đếm các vết của Mặt trời; nó sẽ không biết thế nào là một kính hiển vi và một kính viễn vọng. Những cậu học trò uyên bác của các vị sẽ chế nhạo sự dốt nát của nó. Chúng sẽ không sai đâu; vì trước khi dùng những dụng cụ ấy, tôi muốn nó sáng chế ra dụng cụ, và các vị thấy rằng điều đó sẽ chẳng đến sớm được.

Đó là tinh thần của toàn bộ phương pháp của tôi trong phần này. Nếu đứa trẻ xoay xoay một khối tròn nhỏ giữa hai ngón tay bắt chéo, và nó ngỡ cảm thấy hai khối tròn, tôi sẽ không hề cho phép nó nhìn vào đó, trước khi nó tin chắc rằng chỉ có một khối mà thôi.

Tôi nghĩ rằng những sự giải thích đó đủ để đánh dấu rõ rệt bước tiến bộ mà trí óc của học trò tôi cho đến giờ đã đạt được, và con đường nó đã đi theo bước tiến ấy. Nhưng có lẽ các vị hoảng sợ về số lượng những điều tôi cho diễu qua trước nó. Các vị e tôi đè nặng trí óc nó dưới vô số kiến thức như thế. Ngược hẳn lại; tôi dạy cho nó không biết nhiều hơn là biết những điều đó. Tôi chỉ cho nó con đường của khoa học bình dị, để đi tới chân lý, nhưng dài dặc, bao la, phải đi chậm rãi. Tôi cho nó đi những bước đầu tiên để nó nhận ra lối vào, nhưng không bao giờ cho phép nó đi xa.

Buộc phải tự mình học hỏi, nó dùng lý trí của nó chứ không dùng lý trí của người khác; vì, để không nhượng bộ dư luận điều gì, thì không được nhượng bộ quyền uy điều gì; và phần lớn các sai lầm của chúng ta do chúng ta ít hơn là do người khác. Từ sự luyện tập liên tục ấy ắt phải đưa đến một sức mạnh tinh

thần tương tự như sức mạnh người ta đem lại cho thân thể nhờ lao động và khó nhọc. Một điều lợi nữa là người ta chỉ tiến lên một cách tương xứng với sức lực của mình mà thôi. Trí óc, cũng như thân thể, chỉ mang được những gì nó có thể mang được. Nếu trí năng chiếm hữu lấy sự vật trước khi lưu chúng vào ký ức, thì những gì mà sau này nó rút ra từ đấy là của nó; thay vì cứ chất quá nặng ký ức mà không biết, thì người ta có nguy cơ không bao giờ rút ra được từ đó điều gì là của mình.

Émile có ít tri thức, nhưng những tri thức nó có là của nó thực sự; nó không biết điều gì nửa vời. Trong số ít những điều mà nó biết và biết rõ, thì điều quan trọng nhất là có rất nhiều điều mà nó không biết nhưng một ngày kia nó có thể biết, có nhiều điều hơn nữa mà những người khác biết còn nó suốt đời sẽ không biết, và vô số những điều khác mà không bao giờ có người nào sẽ biết được. Nó có một trí óc phổ quát, không phải do các kiến thức, mà do khả năng tiếp thu các kiến thức; một trí óc cởi mở, thông minh, sẵn sàng cho tất cả, và, như Montaigne nói, nếu không thông thái thì ít ra cũng dạy dỗ được. Nếu nó biết tìm ra cái *có ích lợi gì* ở mọi điều nó làm, và cái *tại sao* ở mọi điều nó tin, thì tôi thấy thế là đủ. Vì một lần nữa, mục tiêu của tôi không hề là dạy nó khoa học, mà là dạy nó tiếp thu khoa học theo nhu cầu, làm cho nó đánh giá khoa học đúng theo giá trị của khoa học, và làm cho nó yêu chân lý hơn hết thảy. Với phương pháp đó người ta tiến chậm, nhưng không bao giờ đi một bước vô ích, và không hề bị buộc phải lùi lại.

Émile chỉ có những tri thức tự nhiên và thuần túy vật lý. Thậm chí nó không biết cả danh từ lịch sử, cũng như thế nào là siêu hình học và đạo đức học. Nó biết các quan hệ chủ yếu giữa người và sự vật, nhưng không biết gì về các quan hệ tinh thần giữa người với người. Nó ít biết khái quát hóa các ý tưởng, ít biết trừu tượng hóa. Nó nhìn thấy những tính chất chung cho một số vật thể mà không suy luận về những tính chất ấy ở bản thân chúng. Nó biết khoảng rộng trừu tượng nhờ các hình của hình học; nó biết lượng trừu tượng nhờ các ký hiệu của đại số học. Các hình và các ký hiệu này là những trụ đỡ của các trừu tượng ấy, những trụ đỡ mà các giác quan của nó dựa vào. Nó không hề tìm cách để biết các sự vật qua bản chất chúng, mà chỉ qua các tương quan có liên hệ đến nó. Nó chỉ đánh giá những gì ở bên ngoài nó qua mối quan hệ với nó mà thôi; nhưng sự đánh giá ấy chính xác và chắc chắn. Ý ngông, quy ước, không can dự chút gì vào sự đánh giá ấy. Nó coi trọng nhiều hơn những gì hữu ích cho nó hơn; và do không bao giờ bỏ cách thẩm định này, nên nó không nhượng bộ dư luận chút nào.

Émile cần mẫn, điều độ, kiên nhẫn, cương quyết, đầy can đảm. Trí tưởng tượng của nó, không hề được khêu dậy, không bao giờ phóng đại các hiểm nguy với nó; nó nhạy cảm với ít mối đau khổ và nó biết chịu đựng kiên nhẫn, vì nó đã không hề học tranh cãi với số mệnh. Đối với cái chết, nó chưa biết rõ đó là gì; nhưng, đã quen chịu đựng không kháng cự định luật của tất yếu, nên khi phải chết nó sẽ chết không than vãn không giãy giụa; đó là tất cả những gì thiên nhiên cho phép trong khoảnh khắc mà ai cũng gớm ghét ấy. Sống tự do và ít thiết tha với các sự vật nhân gian là phương sách tốt nhất để học chết.

Tóm lại, Émile có đức tính về tất cả những gì quan hệ đến bản thân nó. Để có cả các đức tính xã hội, nó chỉ còn phải hiểu biết các quan hệ đòi hỏi những đức tính ấy; nó chỉ còn thiếu những tri thức mà trí óc nó sẵn sàng tiếp nhận.

Nó tự xét mình mà không lưu tâm đến người khác, và thấy người khác không nghĩ đến mình là hay. Nó không đòi hỏi ai điều gì, và cho rằng mình không nợ ai cái gì. Nó đơn độc trong xã hội loài người, nó chỉ trông mong vào một mình nó. Nó cũng có quyền hơn một người khác trông mong vào bản thân nó, vì nó là tất cả những gì người ta có thể là, ở tuổi nó. Nó không hề có sai lầm, hoặc chỉ có những sai lầm mà ta không sao tránh khỏi; nó không hề có thói hư tật xấu, hay chỉ có những thói hư tật xấu mà không một người nào có thể phòng giữ được cho mình. Nó có thân thể lành mạnh, chân tay lanh lẹ, trí óc đúng đắn và không thành kiến, tâm hồn tự do và không đam mê. Lòng tự tôn, đam mê đầu tiên và tự nhiên nhất trong tất cả các đam mê, chỉ mới phấn khích đôi chút trong tâm hồn ấy. Không phá rối sự an tĩnh của ai hết, nó đã sống hài lòng, hạnh phúc và tự do, hết mức mà thiên nhiên cho phép. Các vị thấy một đứa trẻ đạt đến tuổi mười lăm như vậy có hoài phí những năm trước đấy của nó hay không?

QUYỂN BỐN



Sao mà đời sống của chúng ta trên Trái đất này qua nhanh đến thế! một phần tư đầu tiên của đời người đã trôi qua, trước khi người ta biết được cách sử dụng nó. Một phần tư cuối cùng còn đang trôi, sau khi người ta đã ngừng thưởng thức nó. Lúc đầu chúng ta không biết sống, chẳng bao lâu nữa chúng ta lại không thể sống; và trong khoảng giữa phân cách hai đầu vô ích ấy xem như ba phần tư còn lại cho chúng ta được tiêu dùng vào giấc ngủ, vào công ăn việc làm, vào đau khổ bệnh tật, vào sự câu thúc mất tự do, vào những nỗi nhọc nhằn đủ kiểu. Đời sống ngắn ngủi, do cuộc đời kéo dài chẳng được bao lâu thì ít mà bởi vì trong thời gian ít ỏi đó chúng ta hầu như chưa kịp thưởng thức cuộc đời thì nhiều. Lúc nhắm mắt xuôi tay mà có xa buổi lọt lòng đi nữa thì cũng chẳng ích gì, cuộc đời vẫn cứ là quá ngắn ngủi khi khoảng cách thời gian ấy không được sử dụng đủ đầy.

Cũng có thể coi như chúng ta được sinh ra làm hai lần: một lần để tồn tại, một lần để sống, lần này cho giống loài, lần kia cho tình dục. Những ai coi người đàn bà như một người đàn ông không hoàn chỉnh thì rõ ràng là lầm rồi: nhưng sự giống nhau ở bề ngoài lại ủng hộ họ. Cho đến tuổi cập kê thì trẻ em cả hai giới không có gì phân biệt được chúng từ dáng vẻ bên ngoài: cũng khuôn mặt ấy, cũng dáng vẻ ấy, cũng nước da ấy, cũng giọng nói ấy, tất cả đều như nhau: Các trẻ em gái là trẻ con, các trẻ em trai là trẻ con, cùng một danh từ đủ để chỉ các sinh thể giống nhau đến thế. Các trẻ nam mà sự phát triển giới tính về sau bị cản trở còn giữ nguyên sự giống nhau ấy suốt đời, họ mãi mãi là những trẻ em to lớn, còn những người nữ do không hề mất đi sự giống nhau ấy nên về nhiều phương diện dường như không bao giờ là cái gì khác.

Nhưng người đàn ông nói chung không phải là sinh ra để ở lại mãi mãi với tuổi thơ. Anh ta ra khỏi đó vào thời gian đã định bởi tự nhiên; và cái thời khắc khủng hoảng này, dù có khá ngắn ngủi, vẫn có những ảnh hưởng lâu dài.

Giống như tiếng gầm gào của biển cả đến trước xa cơn bão, cuộc tiến hóa đầy giông tố này báo hiệu bằng lời thì thào của những đam mê đang nảy sinh một sự bốc men âm ỉ báo hiệu sự nguy hiểm đang tới gần. Sự thay đổi tính

tình, những kích động xảy ra luôn, tinh thần luôn xáo động làm cho đứa trẻ gần như trở nên khó bảo. Nó bỏ ngoài tai tiếng nói khiến nó vâng lời; đó là một con sư tử đang trong cơn sốt; nó không đếm xỉa gì đến người hướng dẫn mình, nó không muốn bị điều khiển nữa.

Gắn kết vào những dấu hiệu tinh thần của sự biến đổi tính tình này là sự thay đổi dễ nhận thấy trên khuôn mặt. Diện mạo thay đổi đi và lộ rõ tính cách; những sợi mềm và thưa mọc dưới má màu xạm dần và rậm dần. Giọng nói của nó thay đổi hay đúng hơn là nó mất giọng: nó chẳng ra trẻ con mà cũng chưa ra người lớn, giọng nói của nó chẳng phải giọng trẻ con mà cũng không phải của người lớn. Đôi mắt của nó, những khí quan của tâm hồn ấy chẳng nói ra điều gì cho đến lúc này, lại tìm ra một ngôn ngữ và sự biểu đạt; một ngọn lửa đang nhen nhóm làm cho chúng trở lên linh động, cái nhìn của chúng trở lên sắc sảo hơn, vẫn còn có sự ngây thơ thánh thiện, nhưng còn đâu nữa vẻ dại khờ trước kia, đứa trẻ đang lớn cảm nhận được rằng đôi mắt mình có thể nói lên quá nhiều điều; nó bắt đầu biết nhìn xuống và đỏ mặt, nó trở nên mẫn cảm trước khi nhận rõ mình cảm thấy gì; nó cũng thấy bồn chồn mà không có cớ gì xác đáng. Tất cả những điều này đến từ từ và vẫn còn để cho bạn thời gian: nhưng nếu tính hoạt bát của nó trở nên quá nóng nảy, sự kích động của nó chuyển thành cuồng nhiệt, nếu nó nổi cáu rồi thình thoảng lại dịu đi, nếu nó khóc vô cớ, nếu ở cạnh các đối tượng có thể là nguy hiểm cho nó mà mạch nó nhanh lên và mắt nó rực lửa, nếu tay một phụ nữ đặt lên tay nó làm nó rùng mình, nếu nó luống cuống hoặc nhút nhát cạnh cô ta, thì Ulysse, ôi Ulysse khôn khéo, hãy coi chừng đó, những cái bao da[160] kia mà người đẩy cẩn thận biết bao nay đã bỏ ngỏ; gió đã nổi lên ào ạt, đừng có phút nào rời tay lái nếu không là mất hết.

Đây chính là lần sinh thứ hai mà tôi đã nói đến; chính đây là lúc thật sự ra đời, và không có gì thuộc về con người là xa lạ với nó. Từ trước đến nay những thận trọng của chúng ta chỉ là những trò trẻ con; chỉ lúc này chúng mới có tầm quan trọng thực sự. Đây là thời kỳ chấm dứt sự giáo dục thông thường và chính là thời kỳ phải khởi đầu cuộc giáo dục của chúng ta mà để trình bày cho rõ hơn kế koạch mới này, chúng ta hãy nhắc lại tình trạng của sự việc ứng với thời kỳ này đã nói qua ở trên.

---

[160] Ulysse, nhân vật chính của sử thi Odyssée, trên hành trình trở về quê hương, thần gió Eole tặng Ulysse một chiếc bao da đựng toàn gió, trừ ngọn Zéphyr có thể đưa đoàn tàu về quê hương Ithaque. Chẳng may, những thủy thủ trên tàu vì tò mò đã mở chiếc bao da. Bão tố nổi lên đẩy ngược đoàn tàu về đảo của Eole.

Các đam mê của chúng ta là những phương tiện chính cho cuộc thảo luận này: nếu như muốn tiêu hủy chúng đi thì thật là một việc vừa uổng công vừa lố bịch; đó là kiềm chế cái tự nhiên, đó là cải tạo tác phẩm của Thượng đế. Nếu Thượng đế có phán bảo con người thủ tiêu các đam mê mà Người đã ban cho thì dù muốn hay không Người cũng đã tự mâu thuẫn với chính mình. Không bao giờ Người lại ban ra một cái lệnh vô lý như vậy, không có cái gì tương tự như thế được ghi trong trái tim con người; và điều mà Thượng đế muốn con người làm, Người không sai bảo một ai khác nói với con người; Người đích thân phán bảo cho anh ta, người khắc ghi vào đáy lòng anh ta.

Mà tôi sẽ coi kẻ nào muốn cản trở sự phát sinh ra các đam mê cũng gần như là điên khùng y như kẻ nào muốn thủ tiêu các đam mê ấy; và tất cả những ai cho rằng dự án của tôi từ trước đến nay từng là như thế thì chắc chắn sẽ hiểu quá sai về tôi.

Nhưng liệu chúng ta có lập luận đúng nếu rút ra từ chỗ coi bản chất của con người là có các đam mê để đi đến kết luận rằng mọi đam mê mà ta cảm nhận được trong mình và ta trông thấy ở những kẻ khác đều là do tự nhiên chăng? Nguồn gốc của chúng là tự nhiên thì đúng rồi; nhưng hàng ngàn luồng lạch ngoại lai đã làm cho chúng lớn lên; đó là một con sông lớn không ngừng lớn thêm lên và trong dòng sông đó ta sẽ phải khó khăn lắm mới tìm lại được một vài giọt nước lúc đầu của nó. Những đam mê tự nhiên của chúng ta là rất hạn hẹp; chúng là những phương tiện của tự do của chúng ta, chúng có khuynh hướng bảo tồn cho chúng ta. Tất cả những đam mê nào mà bắt ta phải khuất phục nó và hủy diệt ta đều đến từ bên ngoài; tự nhiên không ban chúng cho ta, chúng ta chỉ chiếm hữu chúng để làm hại cho tự nhiên mà thôi.

Nguồn gốc của những đam mê của chúng ta, xuất xứ và khởi phát của mọi đam mê khác, nguồn gốc duy nhất sinh ra cùng với con người và không bao giờ rời bỏ con người chừng nào nó còn sống: đó là đam mê nguyên thủy, bẩm sinh, có trước mọi đam mê khác, đó là tình yêu bản thân mình, và theo một nghĩa nào đó thì mọi thứ đam mê khác chỉ là những biến hình của thứ tình yêu ấy mà thôi. Theo nghĩa này, nếu muốn thì cũng có thể coi mọi đam mê đều là tự nhiên cả. Nhưng phần lớn các biến hình ấy đều có nguyên nhân ngoại lai mà thiếu các nguyên nhân này thì các đam mê ấy chẳng bao giờ xảy ra; và chính các biến hình ấy không hề đem lại sự tốt lành cho ta mà chỉ có hại cho

ta; chúng làm thay đổi cái đối tượng đầu tiên và đối lập với cái nguyên khởi của chúng: vì thế mà con người lúc đó hóa ra là đứng ngoài tự nhiên và trở nên tự mình mâu thuẫn với chính mình.

Tình yêu bản thân thì bao giờ cũng tốt lành, bao giờ cũng phù hợp với trật tự. Ai cũng được đặc biệt giao trách nhiệm bảo toàn bản thân mình, điều đầu tiên và quan trọng nhất trong các mối quan tâm của con người là không ngừng chăm sóc sự bảo toàn ấy: và làm sao mà chăm lo như vậy nếu không quan tâm nhất đến điều ấy?

Vậy cho nên chúng ta phải tự yêu bản thân mình để bảo tồn lấy chúng ta, chúng ta phải yêu chúng ta hơn là yêu tất cả mọi thứ khác; và theo một hệ quả trực tiếp từ chính tình cảm này, chúng ta yêu cái gì bảo vệ ta. Đứa trẻ nào cũng quấn quýt với vú nuôi của chúng: Romulus[161] phải gắn bó với con sói mẹ đã cho bú sữa. Thoạt đầu sự quyến luyến này là thuần túy máy móc. Cái gì tạo thuận lợi cho sự an lạc của một cá nhân thì sẽ lôi cuốn nó; cái gì có hại đến nó thì nó sẽ tránh xa: đó chỉ là một bản năng mù quáng. Cái mà biến bản năng này thành tình cảm, sự gắn bó quấn quýt thành tình yêu, sự ghét bỏ thành ác cảm, đó là ý đồ biểu lộ ra cho thấy nó làm hại ta hay có ích cho ta. Người ta chẳng có đam mê gì với những sinh thể vô cảm chỉ tuân theo xung động mà người ta đặt vào nó; nhưng những gì mà ta chờ mong là tốt hay xấu do khuynh hướng nội tại của chúng, do ý chí của chúng, những gì mà ta thấy rõ là hành động thuận theo hay chống lại một cách tự do, làm phát sinh ở chúng ta những tình cảm hệt như những gì chúng bày tỏ với ta. Điều gì giúp ta, ta tìm đến, nhưng điều gì muốn phục vụ ta thì ta yêu nó. Điều gì có hại cho ta, ta tránh xa; nhưng điều gì muốn làm hại ta, ta ghét nó.

Tình cảm đầu tiên của một đứa trẻ là tự yêu chính nó; và tình cảm thứ nhì dẫn xuất từ tình cảm thứ nhất, là yêu những người gần gũi nó; vì rằng, trong tình trạng yếu đuối của nó lúc đó, nó chỉ biết người nào qua sự hỗ trợ và săn sóc mà nó nhận được thôi. Lúc đầu sự quyến luyến của nó với chị vú nuôi và cô giáo chỉ là thói quen. Nó tìm kiếm họ, vì nó cần đến họ, và vì nó cảm thấy dễ chịu khi có họ; cái đó là nhận thức hơn là thiện ý. Phải cần đến rất nhiều thời gian về sau nó mới hiểu được rằng chẳng những họ có ích cho nó, mà chính họ muốn như thế và lúc bấy giờ nó mới bắt đầu yêu họ.

---

[161] * Vị anh hùng của truyền thuyết La Mã. Về nhân vật này, xem Plutarque, *Những cuộc đời song hành*, Nxb Tri thức, 2006.

Như vậy, một đứa trẻ tự nhiên thiên về thiện ý bởi vì nó thấy rằng những ai gần gụi với nó đều nhằm để hỗ trợ cho nó. Và từ nhận xét ấy nó quen có một thiện cảm với đồng loại của nó nhưng tùy theo chừng mực mở rộng các mối giao tiếp, các nhu cầu, các sự phụ thuộc chủ động hay bị động của nó thì ý thức về các mối quan hệ giữa nó và người khác xuất hiện và tạo ra ý thức về bổn phận và sự ưa chuộng. Lúc bấy giờ đứa trẻ trở nên hống hách, ganh tị, lừa gạt, thù hằn. Nếu người ta bắt nó phải vâng lời, thì, vì không thấy có ích lợi gì trong việc mà người ta sai nó làm, nó cho rằng việc ấy là do tính khí bất thường, do ý định muốn hành hạ nó và nó tỏ ra bướng bỉnh. Nếu người ta vâng chiều theo ý của chính nó, thì ngay khi có chuyện gì cưỡng lại ý nó, nó lập tức coi đó là chống đối, có ý định chống cự lại nó; nó đập bàn đập ghế vì đã không vâng theo. Lòng ái kỷ, chỉ chú trọng đến mình thôi, được mãn nguyện khi các nhu cầu thực sự của mình được thỏa mãn, nhưng lòng tự ái, mà cứ so sánh cho bằng được, thì không bao giờ thỏa mãn và không thể thỏa lòng được, vì tình cảm này trong khi khiến ta yêu chuộng mình hơn người khác, lại cứ đòi hỏi kẻ khác phải yêu chuộng ta hơn chính họ; điều đó là không thể nào có được. Đấy là sự giải thích tại sao các dục vọng dịu dàng và trìu mến thì phát sinh từ lòng ái kỷ còn các dục vọng thù ghét và cáu kỉnh lại phát sinh từ lòng tự ái. Như vậy, cái làm cho con người căn bản là thiện tâm, là do có ít nhu cầu, và chẳng mấy khi muốn so sánh với kẻ khác; cái làm cho con người căn bản là độc ác là do có quá nhiều nhu cầu và chú trọng quá nhiều đến dư luận. Trên nguyên tắc này ta rất dễ thấy rằng có thể làm thế nào để điều khiển được mọi dục vọng của trẻ con và người lớn hướng về thiện hay hướng về ác. Đã đành rằng con người ta không thể nào sống đơn độc, thật là khó khăn khi luôn luôn muốn giữ được tính thiện: chính khó khăn này lại càng tăng thêm một cách tất yếu cùng với các mối giao tiếp của con người, và chính vì điều này nhiều nhất mà các nguy cơ trong xã hội làm cho tài nghệ và sự thận trọng càng cần thiết cho chúng ta hơn để ngăn ngừa trong lòng người những hư hỏng phát sinh từ các nhu cầu mới của con người.

Sự nghiên cứu thích hợp với con người là nghiên cứu các mối quan hệ của nó. Chừng nào mà con người chỉ nhận biết được mình qua hữu thể vật chất của mình thì nó phải tự tìm hiểu qua các mối quan hệ của nó với các đồ vật: đó là cách dùng trong tuổi thơ ấu; khi nó bắt đầu cảm nhận được hữu thể tinh thần của mình, nó phải tự tìm hiểu về mình qua quan hệ của nó với người khác: đó là việc làm trong suốt cả đời người, khởi phát từ điểm mà chúng ta đã đạt tới ở đây. Con người vừa mới cần đến một người bạn khác giới, thì nó

không còn là một sinh thể cô lập nữa, tấm lòng nó không còn đơn lẻ nữa. Mọi quan hệ của nó với giống loài, mọi xúc cảm của tâm hồn nó nảy sinh cùng với mối quan hệ này. Dục vọng đầu tiên của nó làm lên men các dục vọng khác.

Khuynh hướng của bản năng còn chưa được xác định. Giới tính này bị lôi cuốn về giới tính khác: đấy là sự vận động của tự nhiên. Sự lựa chọn, sự ưa thích, sự quyến luyến cá nhân là tạo phẩm của sự hiểu biết, của các định kiến, của thời gian: cần phải có thời gian và có các kiến thức mới làm cho chúng ta đủ khả năng để có được tình yêu: người ta chỉ yêu sau khi đã xét đoán, người ta chỉ ưa thích sau khi đã so sánh. Những xét đoán này cứ xảy ra mà ta không thấy rõ, nhưng không vì thế mà chúng kém phần thiết thực. Tình yêu chân chính, dù ai có nói gì đi nữa, bao giờ cũng được con người ca ngợi: bởi vì dù cho các khích động của nó có mê hoặc chúng ta, dù cho tình yêu mà tim ta đã cảm nhận được có không loại bỏ được ở trái tim ấy những tính chất khả ố, và thậm chí tình yêu làm phát sinh tính chất khả ố đi nữa thì bao giờ tình yêu cũng vẫn cứ mang những phẩm chất đáng quý mà thiếu chúng thì người ta không có khả năng cảm nhận được là yêu. Sự lựa chọn này mà ta đem đối lập với lý trí là xuất phát từ lý trí. Người ta đã tạo nên tình yêu mù quáng vì chính tình yêu có những con mắt sáng hơn chúng ta và tình yêu thấy rõ các mối liên hệ mà chúng ta không sao nhận ra được. Với những ai chẳng có chút ý niệm gì về tài và sắc thì mọi người đàn bà sẽ là tốt ngang nhau, và người đàn bà nào đến đầu tiên sẽ là người đáng yêu nhất. Tình yêu không những không xuất phát từ tự nhiên mà nó còn là cái quy chuẩn và cái chốt hãm cho những khuynh hướng của tự nhiên: chính do tình yêu mà trừ đối tượng được yêu ra thì giới này chẳng là gì đối với giới kia.

Sự ưa thích mà người ta chấp thuận, người ta cũng muốn mình được như vậy, tình yêu phải là quan hệ tương giao. Để được yêu, phải làm cho mình trở nên đáng yêu; để được ưa thích hơn, phải làm cho mình đáng yêu hơn người khác, đáng yêu hơn tất cả những người khác, ít ra là trước mắt đối tượng được yêu. Từ đó có những cái nhìn đầu tiên đến những ai cũng yêu như mình, từ đó có những so sánh đầu tiên với họ, từ đó mà có đua tranh, đối đầu, ghen tuông. Một trái tim ngập tràn tình cảm thì ưa thổ lộ: từ nhu cầu có một cô người yêu này ngay ra nhu cầu có một anh bạn. Ai mà cảm nhận được rằng được yêu là dịu ngọt đến thế nào sẽ muốn được mọi người đều yêu, và không phải ai cũng muốn ưa thích, vì thế mà có nhiều người bất mãn. Cùng với tình yêu và tình bạn phát sinh ra những mối bất hòa, oán trách, ghét bỏ. Ở giữa bấy nhiêu dục vọng khác nhau, tôi thấy dư luận chiếm được ngôi cao không gì lay chuyển

nổi, và những kẻ ngu ngốc phục tòng đế chế này chỉ còn biết sống trên nền tảng của những xét đoán của người khác.

Các vị hãy mở rộng những ý tưởng này, và các vị sẽ thấy do đâu lòng tự ái của chúng ta lại có cái dạng mà chúng ta tưởng là thuộc về tự nhiên; và tại sao lòng ái kỷ, vì không còn là một tình cảm tuyệt đối, trở nên kiêu ngạo ở những người hùng tâm, khoe khoang ở kẻ nhỏ nhen và trong tất cả mọi người, nó không ngừng tự nuôi dưỡng nhờ phương hại đến đồng loại của mình. Các loại dục vọng này vì không hề có mầm mống trong lòng trẻ con nên không thể tự nó sinh ra trong đó; chính là tự chúng ta mang đến và bao giờ cũng chỉ bám rễ được vào đó nhờ lỗi lầm của chúng ta; nhưng sự việc lại không như vậy trong lòng người thanh niên: dù chúng ta có thể làm gì đi nữa thì các dục vọng cứ nảy sinh ở đó dẫu ta không muốn. Vậy thì đã đến lúc thay đổi phương pháp.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng một số suy tưởng quan trọng về bước ngoặt đang được đề cập đến ở đây. Sự chuyển biến từ tuổi thơ sang tuổi dậy thì không phải do tự nhiên quyết định đến mức không thay đổi ở các cá nhân tùy theo tố chất và ở các dân tộc tùy theo khí hậu. Ai cũng biết những dị biệt về điều này đã được quan sát giữa xứ nóng và xứ lạnh và ai cũng đều thấy rằng những khí chất mãnh liệt được hình thành sớm hơn những khí chất khác: nhưng người ta có thể nhầm lẫn về các nguyên nhân và thường là gán cho thể chất cái mà đáng ra phải quy về tinh thần; đó chính là một trong những lạm dụng hay gặp nhất của triết học ở thế kỷ chúng ta. Các bài học của tự nhiên đến muộn và từ từ còn của con người luôn luôn quá sớm. Trong trường hợp đầu tiên, các giác quan khêu gợi sự tưởng tượng; trong trường hợp thứ hai thì sự tưởng tượng thức tỉnh các giác quan, nó làm cho các giác quan hoạt động quá sớm không sao tránh khỏi làm suy yếu, gây bực bội cho cá nhân trước tiên rồi về lâu dài là cho cả giống nòi. Một nhận xét khái quát hơn và chắc chắn hơn nhận xét về ảnh hưởng của khí hậu là tuổi dậy thì và sức mạnh tình dục bao giờ cũng đến gấp gáp hơn ở những người có học và văn minh so với những dân tộc vô học và hoang dã.[162] Những đứa trẻ có sự minh mẫn riêng để phát

---

[162] Theo M.de Buffon thì ở các thành phố và ở các gia đình khá giả, trẻ con đã quá quen với thực phẩm dồi dào và bổ dưỡng thì tuổi dậy thì đến sớm hơn: ở nông thôn và với dân nghèo thì trẻ phát triển chậm hơn bởi vì chúng được nuôi dưỡng kém và không đúng cách; với chúng thì cần thêm từ hai đến ba năm nữa (*Lịch sử tự nhiên*, tập IV tr.238). Tôi chấp nhận nhận xét mà không chấp nhận sự giải thích chính là vì có vùng nào mà người nông dân sống tốt và ăn nhiều như ở Valas, và

hiện được chân giả qua mọi trò hề của sự đoan trang đứng đắn dùng che đậy các phong tục xấu. Thứ ngôn ngữ cao nhã mà người ta nói với chúng, những bài học về lòng trung thực mà người ta dạy chúng, tấm màn huyền bí mà người ta làm ra vẻ giăng ra trước mắt chúng là chừng ấy vật kích thích tính hiếu kỳ của chúng. Theo cái cung cách ấy thì rõ ràng cái mà người ta giả bộ giấu chúng lại chỉ để mà dạy cho chúng; và chính là cái đem lợi ích lại cho chúng nhiều nhất trong số các bài học mà họ dạy cho chúng.

Các vị hãy tham khảo kinh nghiệm thì các vị sẽ hiểu cái phương pháp cuồng điên vô lý này đẩy nhanh công việc của tự nhiên và làm hỏng khí chất đến mức nào. Đây chính là một trong những nguyên nhân chính làm suy thoái nòi giống những người sống ở các thành phố. Thanh niên, suy kiệt quá sớm, nên tầm vóc nhỏ bé, yếu ớt, xấu đi, già đi và thay vì lớn lên, giống như cây nho mà người ta cho ra quả mùa xuân thì rạc đi và chết vào mùa thu.

Phải từng chung sống với các dân tộc hoang sơ và giản dị mới biết được rằng sự dốt nát đầy hạnh phúc có thể kéo dài sự trong trắng của trẻ con đến độ tuổi nào. Đó là một cảnh tượng vừa xúc động vừa tức cười khi ở đó phó mình cho sự bảo đảm của trái tim mình, thanh niên cả hai giới cứ tiếp tục hoài các trò chơi con trẻ ngây thơ khi sắc đẹp và độ tuổi đương đến thì và bộc lộ sự tinh khiết của các thú vui của chính họ qua tình thân với nhau. Rồi lớp trẻ đáng yêu ấy cũng đến lúc lấy nhau, đôi vợ chồng trao cho nhau trái chín đầu mùa của con người mình, người này lại càng quý giá hơn với người kia; rồi đông con, lành mạnh và khỏe khoắn, chúng trở thành bảo chứng cho một mối liên kết không hề phai lạt và là thành quả của sự ngoan hiền của những năm đầu đời của họ.

Nếu con người đến tuổi có ý thức về giới tính của mình mà tuổi này có chênh lệch do tác dụng giáo dục cũng như do tác động của tự nhiên, thì theo đó người ta có thể đẩy nhanh hay làm chậm tuổi ấy theo cung cách mà

---

ngay cả ở một số vùng núi ở Ý như Frioul, vậy mà tuổi dậy thì ở cả hai giới đều chậm hơn ở thành phố, nơi để thỏa tính khoe khoang người ta thường cực kỳ bủn xỉn trong ăn uống theo câu châm ngôn "Nhịn ăn mà mặc". Người ta ngạc nhiên thấy ở vùng núi ấy những trẻ trai lớn khỏe như đàn ông mà giọng nói vẫn trong và cằm không râu, và các cô gái lớn bề ngoài rõ ra vẻ con gái mà chưa có dấu hiệu định kỳ của giới nữ. Tôi cho rằng sự khác nhau chỉ duy nhất là do ở nơi ấy có các phong tục đơn giản, óc tưởng tượng êm ả và bình lặng lâu hơn nên làm chậm bớt sự lên men trong dòng máu họ và làm cho khí chất của họ phát triển chậm hơn.

người ta sẽ giáo dục trẻ con; và nếu cơ thể có được thêm hoặc mất đi sự ổn định tùy theo mức độ mà người ta làm chậm hay đẩy nhanh tiến trình này thì cũng theo đó mà thấy rằng người ta càng tác động để làm chậm tiến trình này, thì người thanh niên lại càng có thêm khí lực và cường tráng. Tôi vẫn chỉ nói về các tác dụng thuần túy thể chất: ta sẽ thấy ngay rằng chúng không giới hạn ở đó.

Từ những suy tưởng này, tôi rút ra lời giải cho câu hỏi luôn luôn làm ta phải lo lắng đến thế, đó là liệu có thích hợp chăng nếu ta sớm làm rõ cho bọn trẻ biết về các đối tượng tò mò của chúng, hay đem tráo vào đó những sai biệt vừa phải thì sẽ tốt hơn cho chúng. Tôi nghĩ rằng, chẳng nên làm cả cách nọ lẫn cách kia. Thứ nhất là sự tò mò này nếu ta không gợi ra thì chẳng hề đến với chúng. Vậy thì phải làm sao để chúng không có nó. Thứ hai là những câu hỏi mà ta không bắt buộc phải giải đáp không hề đòi hỏi ta phải đánh lừa kẻ đã nêu ra chúng. Buộc kẻ đó im đi tốt hơn là trả lời dối trá. Đứa trẻ sẽ ít ngạc nhiên vì cái luật này, nếu như ta từng chú trọng cho nó phục tùng luật ấy trong những chuyện không can hệ. Cuối cùng là nếu người ta phải chọn việc giải đáp thì phải giải đáp sao cho đơn giản nhất không có gì là huyền bí, không lúng túng, không cười mỉm. Thật ít nguy hiểm hơn rất nhiều khi thỏa mãn tính tò mò của đứa trẻ so với khơi gợi cho nó sự tò mò ấy.

Sao cho các lời giải đáp của các vị phải luôn luôn nghiêm chỉnh, ngắn gọn, dứt khoát, không bao giờ được lộ vẻ ngập ngừng. Tôi cũng không cần phải nói thêm rằng các lời giải đáp này phải đúng sự thực. Ta không thể dạy cho con trẻ sự nguy hiểm khi nói dối người lớn mà không cảm thấy rằng về phía người lớn, sự nguy hiểm càng lớn hơn khi nói dối trẻ con. Chỉ một lần nói dối mà bị lộ tẩy sẽ làm hỏng vĩnh viễn mọi thành quả giáo dục.

Sự không biết hoàn toàn về một vài lĩnh vực có khi lại là điều phù hợp nhất với trẻ con: nhưng hãy cho chúng sớm biết điều mà không thể che giấu mãi được. Cần phải, hoặc là đừng có làm bất cứ cách nào làm để thức tỉnh lòng hiếu kỳ của chúng, hoặc là thỏa mãn tính hiếu kỳ ấy trước cái tuổi mà tính hiếu kỳ trở nên nguy hại. Về điều này, cách hành xử của các vị với học trò của mình phụ thuộc rất nhiều vào tình cảnh riêng của từng đứa, vào xã hội xung quanh nó, vào các hoàn cảnh mà ta dự kiến là nó sẽ lâm vào v.v... Ở đây bắt buộc phải đừng để điều gì xảy ra bất ngờ, và nếu các vị không chắc là đã làm cho chúng không biết phân biệt về giới tính cho đến mười sáu tuổi thì các vị hãy chú trọng để nó biết sự phân biệt này trước mười tuổi.

Tôi không thích người ta giả bộ nói với trẻ con bằng một ngôn ngữ quá cao nhã, cũng chẳng thích người ta quanh co dài dòng, mà trẻ nhận ra sự quanh co ấy, để tránh gọi ra tên thật của sự vật. Những thuần phong mỹ tục về các lĩnh vực này bao giờ cũng rất giản dị; nhưng những tưởng tượng bị vấy bẩn bởi các thói xấu làm cho cái tai trở nên tinh tế và buộc phải sàng lọc không ngừng các cách diễn đạt. Những từ thô tục thật chẳng can hệ gì, mà cái chính là cần phải tránh những ý tưởng dâm đãng.

Cho dù sự xấu hổ là tự nhiên đối với loài người, thì con trẻ lại chẳng hề xấu hổ một cách rất tự nhiên. Sự xấu hổ chỉ phát sinh cùng với việc biết cái xấu: và con trẻ không có và không phải biết đến điều này thì làm sao có cái cảm giác nó là hiệu quả của điều đó? Dạy cho chúng sự xấu hổ và sự lương thiện tức là dạy cho chúng rằng có những việc đáng xấu hổ và không lương thiện, chính là tạo ra cho chúng sự ham muốn thầm lặng hiểu biết các việc ấy. Sớm muộn gì chúng cũng biết rõ và tia sáng đầu tiên tác động vào óc tưởng tượng chắc chắn là đẩy nhanh sự bùng cháy ở các giác quan. Ai đó mà đỏ mặt hẳn là có lỗi; sự trong trắng thật sự thì chẳng có gì phải xấu hổ.

Con trẻ không có những ham muốn giống như người lớn; nhưng cũng như người lớn, có thể bị sự ô uế làm tổn thương các giác quan, chúng có thể từ riêng sự kiềm chế ấy mà nhận được bài học về sự đoan trang. Các vị hãy theo tinh thần của tự nhiên, vì tự nhiên đặt các cơ quan của những khoái cảm thầm kín và những cơ quan của các nhu cầu đáng tởm vào cùng những chỗ như nhau nên tự nhiên gợi cho ta cùng những sự chăm sóc giống nhau cho những lứa tuổi khác nhau, khi thì theo một ý tưởng này, khi lại theo một ý tưởng khác; với người lớn là sự điều độ với trẻ con là sự trong trắng.

Tôi chỉ thấy có một cách tốt để bảo tồn tính trong trắng cho trẻ con là tất cả những ai quanh nó đều tôn trọng và yêu nó. Thiếu cái đó thì mọi sự gìn giữ mà người ta đem ra sử dụng với chúng đều sớm muộn bị bại lộ; một nụ cười, một cái nháy mắt, một cử chỉ buột ra cũng làm cho chúng biết tất cả những gì mà người ta muốn tìm cách không nói với chúng; thấy ta muốn giấu chúng cái gì là đủ để chúng biết được cái đó. Sự tế nhị của những dáng vẻ bề ngoài và của các cách diễn đạt mà những người có lễ độ đối xử với nhau tưởng chừng như là những kiến thức mà trẻ con không có được lại hóa ra không hợp với chúng; nhưng khi mà người ta thực sự tôn trọng sự giản dị của chúng, người ta dễ dàng nói được với chúng rất giản dị bằng các từ phù hợp. Có một cái gì đó chân chất, hơi khờ khạo trong ngôn ngữ hợp với sự ngây thơ và làm cho tính ngây thơ

trong trắng ưa thích: đó là cái giọng điệu thực sự chuyển hướng được đứa trẻ khỏi một trạng thái hiếu kỳ nguy hiểm. Bằng cách nói với nó rất giản dị về mọi chuyện, ta sẽ không để cho chúng phải ngờ vực gì, rằng còn có điều gì đó mà ta chưa nói hết với chúng. Bằng cách gắn kết với các ngôn từ thô tục, những ý tưởng chẳng hay ho, phù hợp với các từ ấy, ta dập tắt được ngọn lửa đầu tiên của sự tưởng tượng: ta chẳng cấm đoán trẻ nói ra các từ này và có những ý tưởng này; nhưng ta làm cho nó thấy gớm guốc khi nhắc lại chúng mà nó không nghĩ rằng ta có chủ ý như vậy. Và cái tự do chất phác này giúp được cho những kẻ vốn sẵn có nó trong lòng thoát được bao sự lúng túng, họ luôn luôn nói ra điều phải nói và bao giờ cũng nói điều ấy đúng y như họ đã cảm nhận chúng!

Đứa trẻ thành hình như thế nào? Câu hỏi rắc rối này đặt ra khá tự nhiên cho con trẻ, và câu trả lời không kín kẽ hay là thận trọng đôi khi lại có ảnh hưởng quyết định đến phẩm hạnh và sức khỏe của con trẻ suốt đời chúng. Cái cách gọn nhất mà người mẹ nghĩ ra để tránh câu hỏi này mà không lừa con mình là bắt nó im đi. Điều này sẽ là tốt nếu từ lâu người ta đã rèn cho nó quen im đi với những câu hỏi chẳng quan hệ và nó chẳng hề ngờ việc có điều bí ẩn qua giọng điệu mới mẻ này. Nhưng ít khi bà mẹ dừng lại ở đấy. Bà bảo con rằng *đó là bí mật của những người đã thành hôn, những đứa bé không nên tò mò đến vậy*. Như thế thật tốt để giải thoát cho bà mẹ: nhưng bà ta phải biết rằng, thằng bé con bà bị chọc tức bởi thái độ coi thường nó như thế, sẽ không lơi phút nào là không tìm hiểu bí mật của các cặp vợ chồng, và chẳng bao lâu nó sẽ biết được hết.

Xin cho tôi nhắc đến một cách trả lời khác hẳn mà tôi đã được nghe về chính câu hỏi này, và nó lại càng làm cho tôi xúc động nhiều hơn vì đó là cách giải đáp của một bà mẹ có lối nói và cung cách khiêm nhường, nhưng bà ta biết cần phải coi thường sự sợ hãi giả tạo đối với các lời chê bai và những câu chuyện vô bổ của những kẻ thích đùa, nhằm bảo vệ lợi ích của con trai bà và bảo vệ đức hạnh. Không lâu trước đó, thằng bé đi tiểu ra một viên sỏi nhỏ làm rách niệu quản; nhưng rồi cái đau cũng bị lãng quên.

Thằng bé khờ dại nói với mẹ, *mẹ ơi những đứa bé thành hình như thế nào?* Bà mẹ trả lời ngay không do dự, *con ạ, những người đàn bà đi tiểu ra chúng, bị đau đớn lắm có khi còn bị đe dọa đến tính mạng đấy*. Dù cho những kẻ điên thì cười nhạo, những kẻ ngu thì bực bội, nhưng những người hiểu biết thì chưa từng thấy có câu trả lời nào chí lý hơn và đạt tới các mục đích của nó tốt hơn thế.

Thoạt tiên ý nghĩa về một nhu cầu tự nhiên khiến đứa trẻ đã biết xoay chuyển hẳn ý nghĩ về một hành vi huyền bí. Những ý nghĩ đi kèm với sự đau đớn và cái chết bao phủ một bức màn buồn bã làm giảm sự tưởng tượng và kiềm chế tính tò mò; tất cả những cái đó đặt đầu óc suy nghĩ về những hậu quả của việc sinh đẻ chứ không nghĩ đến các nguyên nhân của nó. Nhược điểm của bản chất con người, những đối tượng đáng tởm, những hình ảnh đau đớn, đấy là những chướng giải do lời giải đáp này dẫn đến, nếu sự gớm tởm mà lời giải đáp ấy gợi ra cho phép đứa trẻ hỏi tiếp về chúng. Mối băn khoăn của các ham muốn có cơ hội nảy sinh từ chỗ nào trong các cuộc trò chuyện theo hướng này? Và trong khi đó thì các vị thấy rằng sự thật không hề bị xuyên tạc mà người ta cũng chẳng cần gì phải lừa phỉnh học trò của mình thay vì dạy dỗ chúng.

Con em của các vị đọc sách; chúng thu nhận được các kiến thức trong việc đọc sách mà nếu không đọc thì không khi nào chúng có được. Nếu chúng nghiên cứu, sự tưởng tượng bùng lên và được mài sắc trong tĩnh lặng của căn phòng. Nếu chúng sống giữa mọi người, chúng sẽ nghe thấy những tiếng lóng kỳ quái, chúng thấy những tấm gương làm chúng xúc động: mọi người đã thuyết phục chúng rất kỹ rằng chúng là người lớn thành thử trong tất cả mọi chuyện người ta làm trước mặt chúng, chúng lập tức tìm xem chuyện ấy có thể hợp với chúng như thế nào: hành động của người khác cần phải làm mẫu cho chúng, vì những xét đoán của người khác là luật đối với chúng. Những người đầy tớ mà người ta bắt phụ thuộc vào chúng, do thế muốn chiều theo ý thích của chúng, nịnh hót chúng làm phương hại đến thuần phong mỹ tục; các bà quản gia hay cười nịnh nói với chúng lúc được bốn tuổi những lời lẽ mà ngay những bà trâng tráo nhất cũng chỉ dám nói lúc chúng lên mười lăm. Thế rồi các bà ấy quên ngay lập tức những gì các bà ấy đã nói ra nhưng bọn trẻ thì quên sao được những gì chúng đã nghe thấy. Những cuộc nói chuyện tục tĩu chuẩn bị cho các thói dâm đãng: gã người hầu bợm bãi làm cho đứa trẻ trở nên dâm dật và cứ thế mà cậu chủ và kẻ tòng bộc đảm bảo giữ kín bí mật cho nhau.

Đứa trẻ được nuôi dạy theo độ tuổi thật đơn độc. Nó chỉ biết đến những sự quyến luyến theo tập quán; nó yêu chị mình như yêu cái đồng hồ của mình, và yêu bạn như yêu con chó. Nó chẳng cảm thấy mình thuộc một giới tính nào, một loài người nào: đàn ông và đàn bà đối với nó đều xa lạ như nhau, những điều họ làm và những gì họ nói chẳng hề quan hệ gì đến nó: nó không nhìn thấy và cũng chẳng nghe thấy điều đó, hoặc là không hề để ý gì đến chuyện ấy;

những lời nói của họ cũng chẳng gây được cho nó chú ý hơn là những gương họ nêu: mọi chuyện ấy không phải là dành cho nó. Đây không phải là một sai lầm giáo quyệt mà người ta gây ra cho nó bằng phương pháp này, mà chính là sự không biết đến cái tự nhiên. Sẽ đến lúc chính cái tự nhiên quan tâm mách bảo cho người học trò của nó; và chỉ tới lúc ấy cái tự nhiên mới tạo cho nó khả năng tận dụng bài học tự nhiên dạy cho nó mà không bị nguy hiểm. Đó là nguyên tắc: còn chi tiết về các quy tắc thì không thuộc chủ đề của tôi; và những phương tiện mà tôi đề xuất về các đối tượng khác còn được dùng làm ví dụ cho nguyên tắc này.

Các vị có muốn sắp đặt trật tự và quy củ vào các ham muốn đang phát sinh, thì các vị hãy mở rộng khoảng phạm vi mà theo đó các ham muốn ấy phát triển để cho chúng có thời gian tự sắp xếp theo chừng mực chúng phát sinh ra. Lúc đó, không phải con người sắp đặt cho chúng mà chính là tự nhiên làm lấy việc đó; sự thận trọng của các vị chỉ là để cho tự nhiên thu xếp lấy công việc của mình. Nếu học trò của các vị sống một mình, các vị sẽ chẳng có việc gì phải làm; nhưng mọi thứ xung quanh đứa trẻ thắp lên ngọn lửa của trí tưởng tượng của nó. Dòng thác các thành kiến lôi kéo nó: muốn giữ nó lại, thì phải đẩy nó theo hướng ngược lại. Phải làm sao cho tình cảm kiềm chế được sức tưởng tượng và sao cho lý trí dập tắt được dư luận của mọi người. Nguồn gốc của mọi đam mê là tính nhạy cảm, trí tưởng tượng xác định khuynh hướng của chúng. Tất cả các hữu thể nào cảm nhận được các mối quan hệ của mình đều phải chịu tác động khi các mối quan hệ ấy biến chất và nó tưởng tượng ra hoặc ngỡ là tưởng tượng ra những quan hệ phù hợp hơn với bản chất của nó. Đó là những sai lầm của sự tưởng tượng biến các đam mê của mọi sinh thể thiển cận, ngay cả của các thiên thần nữa thành những thói xấu, nếu như thiên thần có đam mê; bởi vì họ cần phải biết bản chất của mọi hữu thể để biết được những mối quan hệ nào là thích hợp nhất với bản chất của họ.

Đây là khái lược về toàn bộ sự hiền minh của con người trong việc sử dụng các đam mê: 1° cảm nhận những quan hệ thực sự của con người cả trong từng loại người lẫn trong từng cá nhân; 2° xếp đặt các mối quyến luyến của tâm hồn theo các mối quan hệ ấy. Nhưng liệu con người có chủ động hoàn toàn trong việc sắp xếp các mối quyến luyến của mình theo các quan hệ này hay quan hệ nọ không? Chắc hẳn là có, nếu nó làm chủ được sự điều khiển trí tưởng tượng của mình về đối tượng này hay đối tượng kia, hoặc chủ động định ra cho trí tưởng tượng thói quen này khác. Vả chăng ở đây đề cập đến việc con người có thể hành xử theo chính mình ít hơn là nói về việc chúng ta có thể làm gì cho

học trò của mình bằng các lựa chọn những hoàn cảnh để đặt nó vào. Trình bày các phương sách thích đáng để gìn giữ trong trật tự của tự nhiên chính là đủ để nói rằng có thể vượt ra khỏi đó như thế nào.

Chừng nào mà sự nhạy cảm của con người còn hạn chế trong cá thể của mình, thì chẳng làm gì có đạo đức trong các hành động của mình; chỉ có khi nào sự nhạy cảm ấy bắt đầu mở rộng ra bên ngoài nó thì thoạt tiên là nó có những tình cảm, tiếp đó là các khái niệm về cái thiện và cái ác, cái đó mới thực sự tạo dựng nó thành con người và bộ phận hợp thành loài người. Vậy chính là trước hết phải tập trung các nhận xét của chúng ta vào điểm đầu tiên này.

Thật là khó đưa ra các nhận xét này bởi phải vứt bỏ những tấm gương mà ta quan sát thấy dưới mắt mình và tìm ra những tấm gương nào có sự phát triển liên tiếp diễn ra theo đúng trật tự của tự nhiên.

Một đứa trẻ đã được rèn luyện, lễ phép, văn minh, chỉ đợi đến lúc có năng lực thực thi các điều giáo huấn sớm đón đầu mà nó đã tiếp nhận được thì không bao giờ nhầm lẫn về thời điểm mà năng lực ấy xuất hiện. Thay vì chờ đợi thời điểm ấy, nó thúc đẩy nhanh thêm, nó tạo ra cho dòng máu nó sớm bốc men, nó biết cái gì là đối tượng của các ham muốn của mình, thậm chí từ rất lâu trước khi nó trải nghiệm chúng. Đó không phải là cái tự nhiên kích thích nó, mà lại là nó ép buộc cái tự nhiên: tự nhiên không còn dạy nó được gì nữa hết trong khi biến nó thành người lớn; nó đã thành người lớn từ lâu trong tư tưởng trước khi trở thành người lớn thật sự.

Bước tiến thực sự của tự nhiên thì có chừng mực hơn và chậm rãi hơn. Dần dần dòng máu bùng cháy, trí tuệ được tạo dựng, khí chất được hình thành. Người thợ khéo điều khiển sự chế tạo phải cẩn thận hoàn thiện mọi công cụ trước khi dùng nó: có sự lo âu lâu dài đi trước những ham muốn đầu tiên, một sự không biết lâu dài lừa phỉnh các ham muốn, người ta ham muốn mà chẳng biết ham muốn cái gì. Dòng máu lên men và linh động; một sự quá phong phú của sự sống tìm cách trải rộng ra bên ngoài. Con mắt linh hoạt lên và lướt qua các sinh thể khác, chúng ta bắt đầu quan tâm để ý đến những ai đang ở quanh ta, chúng ta sinh ra chẳng phải để sống đơn độc một mình: trái tim mở ra cho những sự trìu mến của con người như vậy đó và trở nên có khả năng quyến luyến.

Tình cảm đầu tiên mà một người thanh niên được nuôi dạy cẩn thận có thể có được là tình bạn chứ không phải tình yêu. Hành vi đầu tiên của sự

tưởng tượng mới nảy sinh dạy cho chàng thanh niên rằng nó có những người đồng loại, và giống loài tác động vào nó trước tình dục. Vậy đấy là một lợi thế khác của sự ngây thơ được kéo dài: chính là để tận dụng tính mẫn cảm đang được phát sinh ra để gieo vào lòng người vị thành niên những hạt giống đầu tiên của tình nhân loại; lợi thế này càng quý báu hơn ở chỗ đó là thời điểm duy nhất trong đời mà những chăm sóc cùng loại như thế có thể có được một thành tựu thật sự.

Tôi luôn luôn được chứng kiến các chàng trai sớm hư hỏng và hiến mình cho đàn bà và sự dâm đãng thường là bất nhân và độc ác; tính hung hăng của khí chất làm cho chúng thành bồn chồn nóng nảy, hay thù hằn, cuồng bạo, trí tưởng tượng của chúng chỉ có mỗi một đối tượng và khước từ mọi thứ còn lại: chúng không biết đến cả lòng xót thương lẫn lòng khoan dung: chúng sẽ hy sinh cha, mẹ và tất thảy vũ trụ vì một cái nhỏ nhất trong các thú vui của chúng. Trái lại, một thanh niên được nuôi dưỡng trong sự giản dị tốt lành được những vận động đầu tiên của tự nhiên đem anh ta hướng về những đam mê dịu hiền và trìu mến: con tim đồng cảm của anh ta rung động về những khổ nhọc của đồng loại, anh ta rùng mình vì hoan hỉ khi gặp lại bạn mình, đôi tay anh ta biết tìm ra cái ôm ấp vuốt ve bạn, đôi mắt anh biết nhỏ ra giọt nước mắt của sự mủi lòng; anh ta nhạy cảm với nỗi xấu hổ vì làm phật lòng người khác và với sự hối tiếc vì đã xúc phạm ai đó. Nếu bầu nhiệt huyết bốc lửa làm cho anh ta trở nên nóng tính, bị kích động, phẫn nộ, thì sau đó một lúc anh ta lại thấy cả tấm lòng tốt của anh ta trong sự hối hận tràn trề; anh ta khóc lóc, rên rỉ trên vết thương mà mình gây nên; anh ta muốn đền bù cho người đã bị chảy máu bằng chính dòng máu của mình; mọi sự kích động của anh ta tắt hẳn, tất cả niềm tự hào của anh ta nhún nhường trước ý thức về lầm lỗi của mình. Nếu như bản thân anh ta bị xúc phạm: lúc sự phẫn nộ của anh ta lên đến cực điểm, một lời xin lỗi, một từ đủ để giải tỏa nó; anh ta tha thứ cho sự lầm lẫn của người khác cũng sẵn lòng như khi sửa chữa lỗi lầm của chính mình. Tuổi vị thành niên không phải là lứa tuổi của sự trả thù cũng như sự căm ghét: đó là lứa tuổi của sự đồng cảm, của lòng nhân hậu và của lòng cao thượng. Vâng, tôi ủng hộ điều đó và tôi không hề sợ mình bị kinh nghiệm nói trái lại, một đứa trẻ không phải sinh ra đã ác và ai giữ được sự ngây thơ trong trắng của mình cho đến tuổi hai mươi thì ở tuổi ấy là người cao thượng nhất, tốt nhất, có lòng nhân ái nhất và là người đáng yêu nhất trong tất cả mọi người. Người ta chưa bao giờ nói với các vị chuyện tương tự như thế, tôi biết rõ điều đó mà, các triết gia của các vị được giáo dục trong toàn bộ sự hư hỏng của nhà trường, không hề muốn biết điều ấy.

Chính sự yếu ớt của con người làm cho nó có tính hợp quần, chính những nỗi đau khổ chung của chúng ta đưa trái tim ta hướng về nhân loại: chúng ta không mang ân gì với nhân loại nếu chúng ta chẳng phải là con người. Mọi sự quyến luyến đều là dấu hiệu của sự bất túc: nếu ai trong chúng ta cũng bất cần người khác, thì hẳn ta sẽ chẳng nghĩ gì đến việc kết hợp với họ. Như vậy là chính từ nhược điểm của chúng ta mà có được niềm hạnh phúc mỏng manh của chúng ta. Một hữu thể thực sự sung sướng là một hữu thể cô độc: Một mình Thượng đế hưởng niềm hạnh phúc tuyệt đối; nhưng ai trong chúng ta có ý tưởng về điều đó? Nếu có hữu thể không hoàn thiện nào đó có thể tự đủ cho chính mình thì theo chúng ta anh ta hưởng thụ cái gì? Anh ta sẽ đơn lẻ, anh ta sẽ khốn khổ. Tôi không thể hiểu được rằng có kẻ nào không cần gì hết mà lại có thể yêu một cái gì đó, tôi không thể hiểu được rằng có ai đó không yêu bất cứ cái gì lại có thể hạnh phúc.

Từ đó rút ra rằng, chúng ta quyến luyến với đồng loại của mình do cảm nhận được các niềm vui của họ thì ít mà do cảm nhận được những nỗi khổ của họ thì nhiều; bởi vì, ở đấy chúng ta nhìn thấy rõ ràng hơn sự giống hệt nhau của bản chất con người và những đảm bảo cho sự quyến luyến của họ với chúng ta. Nếu các nhu cầu chung của mình khiến chúng ta đoàn kết lại với nhau vì lợi ích thì những nỗi đau khổ chung của chúng ta khiến chúng ta đoàn kết lại vì cảm tình. Cảnh tượng một con người sung sướng ít gợi được lòng yêu thương hơn là sự ghen ghét trong lòng người khác; có lẽ người ta sẵn sàng buộc tội người ấy đã đoạt lấy một quyền đáng ra hắn không có, đó là tự tạo lấy một hạnh phúc độc chiếm; và lòng tự ái còn bị giày vò thêm bằng cách làm cho chúng ta cảm thấy rằng con người ấy chẳng còn cần gì đến chúng ta cả. Nhưng ai là người không xót thương kẻ bất hạnh mà mình thấy đang đau khổ? Ai là người không muốn giải thoát cho kẻ ấy khỏi những nỗi thống khổ của y, nếu việc này chi tốn có mỗi một lời cầu chúc mà thôi? Óc tưởng tượng đặt chúng ta vào vị thế của con người khốn khổ dễ hơn là vào vị thế của kẻ hạnh phúc: người ta cảm thấy rằng một trong các tình cảnh này có quan hệ gần gụi hơn với chúng ta so với tình cảnh nọ.[163] Lòng thương xót thì có tính chất êm dịu, vì khi tự đặt mình vào địa vị kẻ đau khổ, thì dù sao người ta vẫn cảm thấy thích

---

[163] * Theo La Rochefoucauld: "lòng thương xót là sự ý thức về các nỗi đau khổ có thể xảy đến với ta lồng trong hình ảnh những nỗi đau của kẻ khác; đó là một sự phòng ngừa tế nhị về các tai họa có thể xảy đến với ta."

thú vì không bị đau khổ như kẻ ấy[164]. Lòng ghen ghét thì đắng cay vì cảnh tượng một con người hạnh phúc, không hề đặt kẻ ganh ghét vào địa vị của y mà còn khiến kẻ đó nuối tiếc vì không được ở vào địa vị nọ. Dường như người này miễn trừ cho ta đau khổ mà anh ta đang chịu đựng còn người kia thì tước đoạt ở chúng ta những hạnh phúc mà anh ta đang hưởng.

Vậy các vị có muốn kích thích và nuôi dưỡng trong lòng một thanh niên những xao động đầu tiên của tính nhạy cảm vừa phát sinh, và hướng tính cách của người thanh niên ấy về lòng từ thiện và về lòng nhân từ thì đừng có bao giờ làm nảy mầm trong anh ta lòng kiêu ngạo, thói khoe khoang, tính ghen ghét, do hình ảnh giả dối về hạnh phúc của con người; trước hết xin đừng phô bầy trước mắt anh ta cảnh tráng lệ của các triều đình, cảnh xa hoa của các lâu đài, sự quyến rũ của các cuộc biểu diễn nghệ thuật, xin đừng đưa anh ta đi dạo trong các nơi tụ hội sang trọng mà chỉ nên cho anh ta cái khả năng có thể tự mình đánh giá được xã hội thượng lưu sau khi đã tạo ra cho anh ta khả năng có thể tự mình đánh giá được xã hội ấy. Giới thiệu với anh ta xã hội trước khi anh ta hiểu biết về con người thì không phải là đào tạo mà chính là làm hỏng anh ta, đó chẳng phải là giáo huấn mà lừa gạt anh ta.

Con người ta xét về bản chất chẳng phải là vua chúa, chẳng phải vĩ nhân, chẳng phải đình thần, chẳng phải phú hào, mọi người đều sinh ra trần trụi và nghèo khó, mọi người đều có thể lâm vào tình trạng cơ cực của cuộc đời, chịu đựng những nỗi buồn lo, các tai ương, các nhu cầu và các nỗi đau đớn đủ kiểu; rốt cuộc ai cũng phải chết. Đó là thực trạng của con người; đó là cái mà không có ai được miễn trừ. Vậy các vị hãy bắt đầu nghiên cứu về bản chất của con người xem cái gì là gắn bó chặt chẽ nhất với bản chất ấy, cái gì tạo nên nhân tính nhiều nhất.

Ở tuổi mười sáu chàng thiếu niên biết thế nào là đau khổ vì chính hắn đã đau khổ; nhưng chỉ biết đại khái là những người khác cũng đang đau khổ; trông thấy điều đó mà không cảm nhận được nó thì chẳng phải là biết điều đó, và như tôi đã nói về điều này hàng trăm lần rồi, đứa trẻ vì không tưởng tượng ra được tí gì về cái mà kẻ khác cảm nhận được, chỉ biết những đau khổ

---

[164] * Theo Lucrèce: khi trên biển cả, gió làm nổi sóng lớn thì thật là khoan khoái được đứng trên bờ mà nhìn những gian lao cơ cực của kẻ khác, không phải vì nỗi gian lao cơ cực của kẻ khác là niềm lạc thú đối với chúng ta, mà vì nhận ra chính mình thoát khỏi cái tai họa ấy là một điều khoan khoái (*De la Nature*, II, 1-4).

của chính hắn thôi; nhưng khi sự phát triển đầu tiên của các giác quan nhóm lên ngọn lửa tưởng tượng trong con người hắn, thì hắn bắt đầu tự cảm thấy bản thân trong những đồng loại của mình, xúc động trước những lời rên rỉ của họ và đau xót cho những khổ đau của họ. Chính đó là lúc mà thảm cảnh của nhân loại phải gieo vào trái tim nó sự xúc động đầu tiên mà nó chưa cảm thấy bao giờ.

Nếu cơ hội này không để cho các vị dễ dàng nhận ra ở con cái các vị thì các vị đổ lỗi cho ai đây? Các vị dạy cho chúng bộc lộ tình cảm giả dối quá sớm, các vị dạy cho chúng ngôn ngữ dối trá sớm đến nỗi, vì luôn nói cùng một giọng như các vị, chúng trở ngược các bài học của các vị để chống lại chính các vị và không để cho các vị phân biệt được lúc nào chúng mới thôi không nói dối nữa và bắt đầu cảm nhận được điều chúng ta nói. Nhưng các vị hãy xem Émile của tôi: vào tuổi mà tôi dìu dắt nó đến, Émile chưa cảm nhận, chưa giả dối. Trước khi biết thế nào là yêu thương, nó không hề nói với ai: "Tôi yêu ông lắm"; không ai quy định cho nó phải có thái độ như thế nào khi bước vào phòng cha nó, mẹ nó[165] hoặc vào phòng thầy giáo nó đang đau ốm, không ai chỉ cho nó nghệ thuật giả vờ tỏ thái độ buồn bã mà thực ra nó không buồn. Nó không giả vờ khóc lóc trước cái chết của ai cả vì nó không biết chết là như thế nào. Chính sự vô tình mà nó mang trong tâm tư cũng biểu lộ ra các cử chỉ của nó. Cũng như mọi trẻ con khác, nó thờ ơ với tất cả, ngoại trừ bản thân nó, nó chẳng quan tâm đến một ai, tất cả những gì nổi bật ở nó là nó không muốn tỏ ra là mình quan tâm và nó không giả dối như họ.

Vì ít suy nghĩ về những sinh thể có cảm giác cho nên Émile sẽ biết rất muộn thế nào là đau đớn và chết chóc. Những lời rên rỉ và những tiếng kêu la sẽ bắt đầu lay động tâm can nó, cảnh tượng máu chảy sẽ làm cho nó ngoảnh mặt đi, những quằn quại của một con vật sắp chết sẽ gây cho nó một thứ lo âu mà tôi không biết mô tả như thế nào, trước khi nó biết được từ đâu sinh ra trong lòng những xúc động mới mẻ ấy. Nếu nó vẫn còn ngu đần và man rợ, nó sẽ không có được những xúc động ấy; nếu nó được dạy dỗ nhiều hơn, nó sẽ biết được những xúc động ấy: nó đã so sánh quá nhiều ý tưởng nên không phải là không cảm nhận được gì nhưng lại chưa đủ đến mức hiểu được cái mà nó cảm nhận được.

---

[165] * Ở đây tác giả quên rằng đã giới thiệu Émile từ Quyển một là một đứa trẻ mồ côi.

Lòng thương xót nảy sinh ra như thế, tức là tình cảm tương lân[166] đầu tiên làm xúc động lòng người theo trật tự của tự nhiên. Muốn trở nên nhạy cảm và lay động lòng thương xót, đứa trẻ cần phải biết rằng có những sinh vật giống như nó đang đau khổ về những gì mà nó đã từng đau khổ, đang cảm thấy những đau đớn mà nó đã từng cảm thấy, và những nỗi đau khác mà nó ắt phải ý niệm được vì nó cũng cảm thấy như thế. Thực vậy, chúng ta cảm động như thế nào để đi đến được lòng thương xót, nếu không phải là bằng cách thoát ra khỏi bản thân ta và tự đặt mình vào con vật đang đau đớn, bằng cách coi như là rời bỏ bản thể của mình để khoác lấy bản thể của con vật? Chúng ta chỉ đau đớn bằng mức độ đau đớn của con vật theo sự xét đoán của chúng ta; chính là trong con vật chứ không phải trong chúng ta, mà ta đau đớn. Như vậy chẳng ai trở nên mẫn cảm trừ khi óc tưởng tượng của anh ta hoạt động và bắt đầu mang anh ta ra ngoài bản thân anh ta.

Muốn kích hoạt và nuôi dưỡng tính nhạy cảm chớm nở ấy, muốn hướng dẫn nó hay muốn chiều theo nó trong khuynh hướng tự nhiên của nó thì chúng ta phải làm gì, nếu không phải là hiến cho chàng thanh niên các đối tượng, trên đó sức thổ lộ chân tình của anh ta có thể tác động đến, làm cho anh ta cởi mở, hướng cõi lòng anh ta về các sinh thể khác, làm cho anh ta tìm thấy lại con người mình ở mọi nơi bên ngoài anh ta; nếu không phải là cẩn thận gạt ra những gì bó buộc anh ta, dồn ép anh ta và kéo căng cái lò xo của bản ngã con người, nghĩa là, nói cách khác, kích thích ở anh ta lòng tốt, lòng nhân đạo, lòng trắc ẩn, lòng từ thiện, tất cả các ham muốn hấp dẫn và dễ dàng mà con người ưa thích một cách tự nhiên và ngăn cản phát sinh thói ghen ghét, tính tham lam, sự căm ghét, tất cả những tham vọng gớm guốc và tàn bạo làm cho, có thể cho là, tính nhạy cảm không những bị mất hẳn mà lại còn thành số âm nữa và giày vò kẻ nào đã trải nghiệm chúng?

Tôi cho rằng, có thể tóm tắt các suy tư trên đây vào hai hay ba câu châm ngôn chính xác, rõ ràng và dễ hiểu.

CHÂM NGÔN THỨ NHẤT

Con người ta không ai muốn đặt mình vào địa vị kẻ hạnh phúc hơn mình, mà chỉ đặt mình vào địa vị những kẻ đáng thương hơn mình mà thôi.

---

[166] * Lấy trong câu "đồng bệnh tương lân", tình cảm tương lân là tình cảm nảy sinh từ sự giao tiếp của đứa trẻ với người khác.

Nếu có ai thấy những ngoại lệ cho châm ngôn này thì các ngoại lệ ấy chỉ là bề ngoài hơn là thực sự. Như vậy, người ta không đặt mình vào địa vị người giàu sang hoặc người quyền quý mà người ta kết thân; ngay cả khi quyến luyến một cách chân thành, người ta chỉ nhằm chiếm đoạt một phần hạnh phúc của họ mà thôi. Đôi khi người ta yêu họ trong cơn hoạn nạn của họ, nhưng chừng nào mà họ còn thịnh vượng, họ chỉ có bạn thực sự là người nào không bị vẻ hào nhoáng bên ngoài lừa phỉnh và xót thương họ hơn là ghen ghét với họ, mặc dù họ thịnh vượng.

Người ta xúc động với hạnh phúc của một vài tình trạng, thí dụ như đời sống điền dã ở vùng quê. Cái thú nhìn thấy những con người hiền lành sung sướng ấy, lại không bị lòng ghen ghét đầu độc làm cho mất thú vị đi, người ta mến họ thực lòng. Vì sao lại có điều ấy? Bởi vì người ta cảm thấy hoàn toàn đủ sức đi xuống tình trạng yên bình và chất phác ấy và hưởng thụ được chính cái hạnh phúc chân chính ấy; đó là một việc bất đắc dĩ, nó chỉ đem lại những ý tưởng dễ chịu cho ta thôi, vì rằng chỉ cần muốn là có thể hưởng ngay hạnh phúc ấy. Người ta luôn thích thú được ngắm các tài nguyên của mình, được ngắm của cải riêng của mình, ngay cả khi người ta không muốn sử dụng đến các thứ ấy.

Do đó, muốn hướng một chàng thanh niên đến với lòng nhân đạo, thay vì làm cho anh ta ngưỡng mộ số phận vinh hiển của kẻ khác, ta cần phải cho anh ta thấy các khía cạnh đau buồn của số phận ấy, ta phải làm cho anh ta sợ hãi số phận ấy. Lúc đó thì do một hậu quả tất nhiên; anh ta phải tự mình vạch lấy một con đường dẫn tới hạnh phúc mà không theo dấu vết của ai cả.

CHÂM NGÔN THỨ HAI

Con người ta bao giờ cũng chỉ thương xót kẻ khác về những nỗi khổ mà người ta không tin mình được miễn trừ.

"Non ignara mali, miseris succurrere disco"[167]

Tôi không thấy được có gì cao đẹp hơn thâm thúy hơn, cảm động hơn, chân thật hơn câu thơ ấy.

---

[167] * Tiếng Latin: *Tôi biết điều bất hạnh, chính nó dạy tôi cứu giúp những người đau khổ"*, lời của Didon nói với Énée trong *Énéide*, thơ của Virgile viết từ năm 29 đến năm 19 trước CN gồm tám bài anh hùng ca, câu này là câu 630, bài 1.

Vì sao các vua chúa không thương xót thần dân của họ? Ấy là vì họ tin rằng họ không bao giờ phải là thường dân. Vì sao những người giàu có lại khắc nghiệt với người nghèo đến thế? Ấy là vì họ không sợ rằng họ trở nên nghèo khó. Vì sao tầng lớp quý tộc lại khinh miệt đám tiện dân ghê thế? Đó là vì một người quý tộc không khi nào trở thành tiện dân. Vì sao người Thổ Nhĩ Kỳ thường nhân đạo hơn, hiếu khách hơn chúng ta? Đó là vì dưới chính thể hoàn toàn độc tài của họ thì thế lực và sự nghiệp của các tư nhân luôn luôn bấp bênh và lung hay, họ không hề coi sự suy sụp và sự khốn cùng là xa lạ gì với họ[168]; ai cũng có thể mai đây lâm vào tình cảnh của kẻ mà hôm nay họ giúp đỡ. Tư tưởng này lặp đi lặp lại không ngớt trong các tiểu thuyết Đông phương, làm cho ai đọc đến cũng thấy có cái gì xúc động mà tôi không biết mô tả như thế nào, mà không có được trong tất cả sự cầu kỳ của sách luân lý khô khan của chúng ta.

Vậy các vị đừng tập cho độ tử của các vị thói quen nhìn từ tầm cao vinh quang của nó xuống nỗi khổ cực của những kẻ xấu số, xuống công việc của những kẻ khốn cùng; và các vị đừng mong dạy nó thương xót họ nếu như nó coi họ là xa lạ đối với nó. Hãy làm cho nó hiểu rằng số phận của những kẻ bất hạnh ấy có thể là số phận của nó, rằng tất cả những nỗi đau khổ của họ đang ở dưới chân nó, và hàng ngàn biến cố bất ngờ và không sao tránh được có thể ập đến dìm nó vào các tai ương ấy bất cứ lúc nào. Các vị hãy dạy nó không nên tin vào dòng dõi, sức khỏe, của cải và hãy chỉ cho nó mọi sự thăng trầm của số mệnh; hãy tìm cho nó cái thí dụ đã xảy đến bao giờ cũng rất thường xuyên với những người từ một địa vị còn cao hơn địa vị của nó mà rơi xuống một địa vị còn thấp hơn cả địa vị của những kẻ bất hạnh kia: cho dù họ có lỗi hay không thì cũng không phải việc bàn luận bây giờ; nhưng liệu nó có biết thế nào là lỗi không? Xin đừng bao giờ vượt quá trật tự các kiến thức của nó và chỉ nên soi rọi cho nó bằng thứ ánh sáng vừa tầm hiểu biết của nó: nó không cần phải thật là thông thái mới cảm thấy được rằng tất cả sự cẩn thận của loài người cũng không thể bảo đảm cho nó rằng trong một số giờ nữa thì nó có còn sống hay đã hấp hối; rằng các cơn đau của bệnh viêm thận sẽ không làm cho nó phải nghiến răng trước khi đêm đến, rằng trong một tháng nữa thì nó sẽ giàu lên hay nghèo đi; rằng có lẽ trong một năm nữa nó sẽ không phải chèo thuyền chiến đến từ Alger. Cốt nhất là các vị đừng có nói với nó tất cả những chuyện

---

[168] Hiện nay điều này có vẻ thay đổi một chút: các nhà nước trở nên ổn cố hơn, và con người cũng trở nên cứng cỏi hơn.

ấy một cách lạnh lùng như trong sách giáo lý cương yếu của nó, để sao cho nó thấy, nó cảm nhận được các tai ương của con người: các vị hãy làm cho óc tưởng tượng của nó bị lung lạc, bị khiếp đảm trước các hiểm họa mà con người không ngừng bị bao vây, nó phải thấy quanh nó tất cả những vực thẳm ấy và khi nghe các vị mô tả những vực thẳm này, nó phải nép sát vào các vị vì sợ bị rơi xuống đó. Các vị sẽ bảo rằng chúng ta sẽ làm cho nó trở nên rụt rè và nhút nhát. Việc này ta xét đến ở phần sau; nhưng ngay bây giờ thì chúng ta hãy bắt đầu làm cho nó trở nên nhân đạo; đó là điều quan hệ nhất đối với chúng ta.

CHÂM NGÔN THỨ BA

Lòng thương xót của ta với tai họa của kẻ khác không đo bằng độ lớn của tai họa ấy mà theo mức độ tình cảm của ta trao cho những người đang chịu đựng tai họa đó.

Người ta chỉ thương xót một kẻ bất hạnh chừng nào mà người ta tin rằng kẻ ấy ở trong tình cảnh đáng thương. Sự cảm nhận của cơ thể về những tai họa của chúng ta bị hạn chế nhiều hơn chúng ta tưởng; nhưng chính là nhờ có ký ức mà chúng ta cảm thấy sự liên tục của các tai họa ấy, chính do trí tưởng tượng làm ta nghĩ đến các tai họa ấy trong tương lai, mà các tai họa ấy khiến cho chúng ta thực sự đáng thương hại. Theo tôi, đấy là một trong các nguyên nhân làm cho chúng ta vô tình trước các nỗi đau của loài vật hơn là trước các đau khổ của con người, dù rằng tính mẫn cảm trong cả hai trường hợp này đều phải đồng nhất hóa chúng ta với cả con vật lẫn con người đang đau khổ. Người ta không thương xót gì mấy cho con ngựa của anh đánh xe ở trong tàu ngựa, vì người ta không suy đoán ra rằng, trong khi nhai mớ cỏ khô của nó, nó nghĩ đến những trận roi mà nó đã phải chịu và những mệt nhọc đang chờ đợi nó. Người ta cũng không thấy thương xót một con cừu đang gặm cỏ, mặc dù người ta biết chắc rằng chẳng mấy chốc là nó bị chọc tiết vì người ta cho rằng nó không dự đoán được thân phận mình. Suy rộng ra người ta cũng vô cảm như thế trước số phận con người; và những người giàu có tự an ủi về sự thiệt hại mà họ gây ra cho những người nghèo bằng cách cho rằng kẻ bần hàn khá đần độn nên không cảm nhận được tí nào về việc ấy. Nói chung, tôi đánh giá cái giá trị mà người ta gán cho hạnh phúc của người đồng loại với mình tùy theo thái độ mà họ biểu lộ ra với những kẻ ấy. Lẽ tự nhiên là người ta coi rẻ hạnh phúc của những kẻ mà người ta khinh miệt. Vậy thì các vị đừng có lấy làm lạ nếu các nhà chính trị nói đến dân

chúng với biết bao khinh miệt, cũng như phần đông các triết gia lại thích tạo ra con người thật là độc ác.

Chính nhân dân hợp lại thành nhân loại; cái gì không phải là nhân dân thì chẳng đáng gì phải đếm xỉa đến. Con người đều như nhau trong tất cả những giai tầng: nếu điều này đúng thì tầng lớp nào đông đảo nhất thì đáng được kính trọng nhất. Trước một người biết suy tưởng, tất cả các sự phân biệt về dân sự đều biến mất, ông ta thấy cùng những đam mê ấy, cùng những tình cảm ấy đều có ở người thô kệch và người nổi tiếng; ông ta chỉ phân biệt được họ qua ngôn ngữ của họ ở sự bóng bẩy, cầu kỳ nhiều hay ít mà thôi; và nếu có sự khác biệt căn bản nào phân biệt được họ thì sự khác biệt ấy là bất lợi cho những kẻ hay giấu giếm tình cảm nhất. Đám bình dân biểu hiện ra đúng như chân tướng của họ, nên không được khả ái, nhưng những người xã giao thì cần phải giả trang cẩn thận; nếu họ xuất hiện đúng theo chân tướng của họ thì họ sẽ làm cho ta ghê tởm.

Các nhà hiền triết của chúng ta còn nói thêm rằng, hàm lượng hạnh phúc và khổ đau trong mọi giai tầng đều ngang nhau. Châm ngôn này rất tệ hại cũng như là không đứng vững được: vì nếu tất cả mọi người đều hạnh phúc như nhau thì tôi việc gì phải chịu phần khó nhọc cho ai? Thế thì mỗi người cứ dừng lại trong nguyên trạng của mình: kẻ nô lệ thì cứ chịu ngược đãi, người tật nguyền thì cứ chịu đau khổ, kẻ ăn mày thì cứ chịu chết đi; vì chẳng có lợi gì cho họ mà phải thay đổi tình cảnh của mình. Họ liệt kê ra những nhọc nhằn của nhà giàu, họ nêu ra tính cách phù phiếm của các lạc thú hão huyền của nhà giàu: cái lối ngụy biện sao mà vụng về đến thế! Cái nhọc nhằn của kẻ giàu có không do tình cảnh của y mà là do chính y thôi vì y lạm dụng tình cảnh ấy. Cứ cho là y có khốn khổ hơn cả người nghèo đi nữa, thì y cũng không đáng thương tí nào vì các tai họa của y đều là sản phẩm của y và vì hạnh phúc của y chỉ tùy ở y muốn hay không mà thôi. Nhưng nỗi khổ cực của kẻ khốn cùng thì do các sự việc, do sự khắt khe của số phận đè nặng lên họ. Không có thói quen nào có thể giúp họ xóa đi cái cảm giác nhục thể của sự mệt nhọc, sự kiệt sức, sự đói khát: lương tri hay khôn ngoan cũng không giúp gì được để miễn trừ cho họ khỏi các tai ương của tình cảnh mình. Épictète[169] có được lợi gì nếu biết trước rằng chủ của ông sắp đập gãy chân ông? Có phải là biết trước được như vậy mà chủ của ông đập gãy chân ông ít hơn không? Vậy bên trên điều bất hạnh của ông, ông có điều bất hạnh của sự tiên đoán! Khi mà nhân dân hiểu

---

[169] * Épictète: triết gia theo chủ nghĩa khắc kỷ thuộc thế kỷ I.

biết điều ngay lẽ phải chứ không đần độn như ta giả thiết, thì họ có trở thành cái gì khác hơn là như họ hiện nay không? Họ có thể làm gì khác cái họ đang làm không? Các vị hãy nghiên cứu con người ở tầng lớp này, các vị sẽ thấy họ, tuy dùng một ngôn ngữ khác, song họ cũng tài trí chẳng kém gì các vị mà về lương tri thì lại có nhiều hơn các vị nữa. Vậy thì các vị hãy tôn trọng giống loài của mình; các vị hãy nghĩ rằng phần chủ yếu của giống loài mình là do sự gom góp của đám bình dân cấu thành, rằng khi loại trừ tất cả vua chúa và tất cả các triết gia ra khỏi giống loài này thì chuyện này cũng chẳng đáng kể gì và sự việc cũng chẳng phải là vì thế mà diễn tiến tệ hơn đâu. Nói tóm lại là các vị hãy tập cho học trò của mình biết yêu mến tất cả mọi người, và ngay cả những kẻ đánh giá thấp về nó nữa, các vị hãy làm thế nào cho nó đừng tự xếp mình vào một tầng lớp nào cả, nhưng sao cho nó hiện diện trong mọi tầng lớp: Trước mặt nó các vị hãy nói đến nhân loại với vẻ xúc động hoặc với vẻ thương xót cũng được nhưng không bao giờ được nói với vẻ khinh miệt. Hỡi con người! xin đừng bêu xấu con người.

Chính bằng các con đường ấy và các con đường khác tương tự như thế, trái ngược hẳn với các con đường đã được vạch ra lâu nay, là những con đường thích hợp để thâm nhập vào lòng của một chàng trai mới lớn nhằm kích thích ở đó những xúc động đầu tiên của tự nhiên, phát triển tấm lòng ấy và trải rộng nó tới khắp các đồng loại của nó; về việc này tôi xin thêm một điều quan trọng là nên cho xen lẫn vào các xúc động ấy càng ít tư lợi càng tốt; nhất là không có một tý gì về thói huênh hoang, ganh đua, danh giá, và tuyệt không có một tí gì về những tình cảm mà buộc ta phải so sánh mình với kẻ khác; vì những so sánh ấy không bao giờ diễn ra mà lại không có đôi chút cảm tưởng thù ghét đối với những kẻ tranh giành sự ưu thế với chúng ta, dù rằng ưu thế đó chỉ là trong sự phán đoán của riêng ta. Lúc đó, tất phải làm ngơ hoặc tức giận, hoặc trở thành một kẻ ác hay một chàng ngốc, chúng ta hãy tránh cái tình thế phải lựa chọn trong hai điều này. Các đam mê quá nguy hiểm này chẳng chóng thì chầy rồi cũng nảy sinh dù rằng ta không muốn thế, người ta bảo tôi như vậy. Tôi không chối cãi điều này, mọi việc đều đến đúng lúc và đúng chỗ của nó: tôi chỉ nói rằng chúng ta không nên giúp cho chúng nảy sinh.

Đấy là tinh thần của cái phương pháp cần phải quy định cho mình. Ở đây, các ví dụ và các chi tiết đều vô ích, bởi vì từ đây bắt đầu sự phân biệt gần như là vô tận các tính cách, mà mỗi ví dụ tôi sẽ đưa ra có thể là không phù hợp với một trong một trăm ngàn. Cũng chính là ở độ tuổi ấy mà người thầy giỏi bắt đầu thực hiện chức năng thực sự của người quan sát và của triết gia, ông ta

biết nghệ thuật thăm dò lòng người trong khi làm việc để đào tạo tấm lòng ấy. Trong khi chàng thanh niên còn chưa biết nghĩ đến việc giả vờ và chưa học được cách giả vờ, người ta thấy rõ, qua mỗi đồ vật trình bày giới thiệu cho anh ta, trong thái độ của anh ta, trong đôi mắt, trong các cử chỉ biểu lộ ấn tượng của anh ta về đồ vật hay sự việc ấy: người ta đọc được trên vẻ mặt mọi động thái trong tâm hồn anh ta; cứ dò xét mãi các động thái ấy, ta có thể đi đến dự báo được chúng và rốt cuộc là điều khiển được chúng.

Chúng ta nhận xét chung rằng máu, các vết thương, những tiếng kêu gào, những tiếng rên rỉ, các bộ đồ dùng cho các phẫu thuật đau đớn và tất cả những gì đem đến cho giác quan của các đối tượng sự đau đớn, đều làm động tâm sớm hơn và phổ biến hơn cho tất cả mọi người. Ý nghĩ về sự hủy diệt vì phức tạp hơn nên không gây xúc động giống như thế; hình ảnh cái chết gây xúc động chậm hơn và yếu hơn, bởi lẽ không ai từng tự mình biết rõ kinh nghiệm về cái chết: phải được nhìn thấy thi hài để mà cảm nhận ra nỗi thống khổ của người đang hấp hối. Nhưng khi đã có một lần hình ảnh này được hình thành rõ nét trong đầu óc chúng ta, thật không có cảnh tượng nào ghê gớm hơn trước mắt chúng ta, vừa là ý tưởng về sự hủy diệt hoàn toàn nó gây ra cho ta qua các giác quan của mình, vừa là bởi vì biết được rằng cái thời điểm không sao tránh khỏi này là chung cho tất cả mọi người, ta cảm thấy bị tình huống này tác động dữ dội hơn là ta chắc chắn rằng không thể nào thoát được.

Các ấn tượng khác nhau này đều bị điều chỉnh và có các mức độ tùy thuộc vào tính cách riêng của mỗi cá thể và các thói quen từ trước của cá thể ấy: nhưng các ấn tượng ấy là phổ biến và không ai được miễn trừ chúng hoàn toàn. Có điều là những gì mang tính đặc biệt riêng cho các tâm hồn nhạy cảm thì có thể bị kéo dài hơn và ít có tính chất bao dung hơn; đó là các ấn tượng về những dằn vặt trong lĩnh vực tinh thần, những nỗi đau nội tâm, những nỗi khổ nhục, sự suy nhược, những nỗi buồn. Có những người chỉ bị xúc động bởi tiếng kêu gào và than khóc; những rên rỉ thầm lặng và dai dẳng của một trái tim bị thắt lại vì thống khổ không bao giờ khơi được ở họ những tiếng thở dài; một thái độ ủ rũ, bộ mặt tiều tụy và xanh xám như chì, một ánh mắt vô hồn và không sao khóc được, không bao giờ khiến được bản thân họ rớt nước mắt, những nỗi đau của tâm hồn không là gì đối với họ: chúng bị xét đoán, tâm hồn họ không cảm nhận gì hết; chỉ đón đợi ở họ được sự khắc nghiệt không hề nao núng, sự chai sạn, sự tàn nhẫn. Họ sẽ có thể là liêm khiết, chính trực nhưng không bao giờ nhân từ, cao thượng, có lòng trắc ẩn. Tôi nói rằng họ có thể là chính trực, nếu một người có thể là chính trực khi họ không có lòng bao dung!

Nhưng xin các vị đừng vội xét đoán thanh niên theo quy tắc này, nhất là những anh chàng vì được giáo dục như anh ta phải được như thế, chẳng hề có lấy một ý niệm gì về những dằn vặt tinh thần mà người ta chưa từng bao giờ cho chúng phải nếm trải, vì, một lần nữa, chúng chỉ có thể ái ngại cho những đau khổ mà chúng đã từng biết: và cái vô cảm bề ngoài này là do không biết sẽ chuyển ngay thành lòng thương cảm ái ngại khi chúng bắt đầu cảm nhận được rằng trong đời người có hàng ngàn nỗi đau khổ mà chúng chưa từng được biết. Với Émile của tôi thì cậu ta sẵn có tính nhẹ dạ cả tin và lương tri từ khi còn thơ ấu, tôi chắc chắn rằng cậu sẽ có tâm hồn và tính đa cảm khi ở tuổi thanh niên; vì tính chân thật của các tình cảm có quan hệ rất nhiều với sự đúng đắn của các ý tưởng.

Mà tại sao lại nhắc đến điều đó ở đây? Rõ ràng phải có tới hơn một độc giả sẽ trách tôi quên mất những ý định đầu tiên của tôi và niềm hạnh phúc vĩnh hằng mà tôi đã hứa với học trò của mình. Những con người bất hạnh, những người đang chết dần chết mòn, những cảnh tượng đau lòng và khốn khổ! Hạnh phúc biết bao, vui sướng biết bao cho một trái tim non trẻ đang hình thành trước cuộc sống! Người thầy giáo không ra gì của nó, người đã đem lại cho nó sự giáo dục dịu hiền đến vậy mà chỉ làm cho nó chịu đau khổ khi thành người. Đấy là điều người ta sẽ nói: thế thì có hệ trọng gì với tôi? Tôi đã hứa làm cho nó hạnh phúc, chứ không phải làm cho nó ra vẻ như vậy. Đâu phải là lỗi ở tôi, nếu, do cứ luôn luôn bị lừa vì cái bề ngoài, các vị coi bề ngoài đó là hiện thực?

Hãy lấy hai thanh niên cùng hoàn tất một sự giáo dục đầu tiên và bước vào đời qua hai cái cửa đối lập nhau trực diện. Một anh thì leo ngay một bước lên đỉnh Olympe và giao du rộng rãi trong một xã hội hoa lệ nhất đời; người ta dẫn anh ta vào triều, đến thăm các nhà quyền quý, đến thăm các nhà cự phú, đến thăm các phụ nữ đẹp. Tôi cho rằng, hẳn là anh ta được khoản đãi ở khắp mọi nơi, và tôi cũng không xét đến ảnh hưởng của sự tiếp đón này lên lý trí của anh ta; tôi cho rằng lý trí của anh ta chịu đựng nó. Các thú vui lượn lờ trước mặt anh ta, ngày này tiếp ngày kia các đối tượng mới làm anh ta vui thích, anh ta buông mình theo tất cả với một hứng thú làm các vị phải đẹp lòng. Các vị thấy anh ta ân cần, vồn vã, ham biết mọi việc; sự cảm phục đầu tiên của anh ta làm các vị động lòng; các vị tưởng rằng anh ta hài lòng: nhưng các vị hãy xem trạng thái tâm hồn anh ta; các vị tin rằng nó đang hưởng thụ; tôi thì tôi cho rằng nó đang đau khổ.

Thoạt đầu anh ta thấy gì khi mở mắt ra? Vô số những điều bảo là tốt đẹp, và phần lớn, do chỉ dành chốc lát cho anh ta, nên dường như chỉ phô ra với anh ta để làm cho anh ta tiếc nuối rằng mình không có chúng. Anh ta mà có dạo chơi trong một tòa lâu đài thì các vị thấy ở cái hiếu kỳ xốn xang của anh ta có một câu tự hỏi lòng mình rằng vì sao ngôi nhà cha mẹ ta lại không được như thế. Tất cả những câu hỏi đó nói lên với các vị rằng, anh ta không ngừng so sánh mình với ông chủ của tòa nhà ấy và tất cả những gì anh ta lấy làm nhục nhã cho mình trong sự đối chiếu ấy mài sắc tính hợm mình của anh ta và làm cho nó nổi giận. Nếu anh ta có gặp một chàng ăn mặc tươm tất hơn mình, tôi thấy anh ta thầm cắn nhẳn về thói keo kiệt của cha mẹ mình. Anh ta mà có trang điểm trội hơn kẻ khác, lại thấy đau lòng vì kẻ ấy làm cho mình mờ nhạt đi hoặc vì dòng dõi của y hoặc vì trí tuệ của y, và tất cả sự hào nhoáng của anh ta bị hạ nhục trước một bộ quần áo đơn giản bằng dạ. Riêng anh ta có được để ý đến trong một nơi tụ tập đông người, anh ta có kiễng chân lên để được mọi người nhìn thấy rõ hơn; ai mà chẳng thầm có ý muốn làm nhụt cái vẻ kiêu căng tự phụ của một anh chàng hợm mình non nớt? Tất cả đều hợp lại ngay như một dàn hòa tấu; những cái nhìn lo lắng của một con người nghiêm trang, những lời nhạo báng của một kẻ hay châm chọc chẳng muộn gì mà không đến tai anh ta; và, anh ta có bị riêng một ai đó coi khinh thì sự khinh bỉ của con người này lập tức làm hỏng những sự tán thưởng của những kẻ khác.

Chúng ta hãy cho anh ta mọi thứ, không tiếc gì anh ta cái vẻ thú vị dễ thương, và giá trị; để cho anh ta đẹp đẽ cân đối, đầy trí tuệ và khả ái: anh ta sẽ được các bà săn đón; nhưng do họ săn đón trước khi anh ta yêu họ, các bà làm cho anh ta phát cuồng lên hơn là phải lòng các bà: anh ta sẽ mang số đào hoa nhưng anh ta lại hờ hững cũng chẳng đam mê gì để mà hưởng thụ những chuyện đào hoa ấy. Những chuyện này luôn luôn đến trước những dục vọng của anh ta, vì dục vọng chưa đủ thời gian để nảy sinh, sống giữa vòng lạc thú mà anh ta chỉ cảm thấy chán ngán vì phiền toái: giới tính sinh ra vì hạnh phúc của anh ta mà anh ta lại thấy ghê ghê và chán ngấy ngay cả trước khi anh ta biết nó; nếu anh ta tiếp tục ngó ngàng đến chẳng qua chỉ vì thói kiêu căng và khi anh ta vướng vào đó vì thích thật sự thì anh ta cũng sẽ chẳng phải riêng mình là trẻ trung, riêng mình đáng được để mắt tới, riêng mình là đáng yêu và không phải bao giờ cũng thấy ở các tình nhân của mình những điều kỳ diệu của sự chung thủy.

Tôi không nói gì đến những điều phiền nhiễu, những phụ bạc, những điều nham hiểm, những nỗi ân hận đủ kiểu không thể nào tách rời một cuộc sống

như vậy. Kinh nghiệm về giới giao tế khiến ta chán lợm nó, chúng ta đều biết vậy, tôi chỉ nói đến những phiền muộn gắn liền với mộng tưởng ban đầu.

Ngang trái thay cho những kẻ mà xưa nay vẫn giam mình trong khuôn khổ gia đình mình và trong đám bạn bè, được coi là đối tượng duy nhất của mọi mối quan tâm của họ, nay lại đột ngột bước vào một trật tự các sự vật mà ở đó hắn ta chẳng được đếm xỉa gì mấy; tự nhận ra mình bị chìm nghỉm trong một môi trường xa lạ trái hẳn với môi trường gia đình và bạn bè mà lâu nay hắn ta vốn là trung tâm! Chẳng phải là hắn ta đã phải chịu bao điều lăng mạ, biết bao là nhục nhã giữa những kẻ không quen biết trước khi mất sạch các thiên kiến đã được lập nên và nuôi dưỡng bấy lâu về vai trò quan trọng của hắn giữa người nhà và bạn bè của hắn. Là trẻ con, mọi người đều nhường nhịn nó, ân cần rối rít quanh nó: là thanh niên, nó phải nhường nhịn mọi người; hoặc là có cơ hội một chút là hắn quên khuấy đi và cứ giữ thái độ cũ như khi hắn còn bé, thì có ngay những bài học nghiêm khắc buộc hắn trở về với chính mình! Thói quen có được các đồ vật mình muốn một cách dễ dàng đưa hắn tới chỗ muốn rất nhiều và làm cho hắn cảm thấy luôn luôn thiếu thốn. Tất cả những gì làm vui lòng hắn, hắn đều bị cám dỗ; tất cả những gì người khác có, hắn đều muốn có: hắn thèm muốn tất cả mọi thứ, hắn ghen ghét với tất cả mọi người, hắn muốn hơn người ở mọi nơi; tính kiêu căng làm hắn mòn mỏi đi, nỗi khát khao của những ham muốn phóng túng kích động trái tim non trẻ của hắn; sự ghen tuông và thù hận cũng theo các thói xấu ấy mà sinh ra trong lòng hắn; đồng thời mọi đam mê ngấu nghiến nhân đó mà bùng lên; làm cho hắn xốn xang trong sự náo nhiệt của mọi người; hắn mang theo tâm trạng ấy mỗi buổi tối; hắn về nhà mà không hài lòng về mình và về mọi người khác; hắn ngủ thiếp đi mà trong đầu chất đầy hàng ngàn dự định hão huyền, bị quấy rối bởi hàng ngàn cuồng vọng, và thói kiêu ngạo của hắn vẽ ra trong cả giấc mơ của hắn những điều tốt lành ảo tưởng mà lòng ham muốn từng giây vò hắn, và hắn làm sao mà có được trong đời thật. Đấy là học trò của các vị! Các vị hãy xem học trò của tôi như thế nào.

Nếu cảnh tượng đầu tiên làm hắn xúc động là một sự việc đáng buồn thì lần đầu quay về với chính mình là một tình cảnh dễ chịu. Vì rằng thấy bao nhiêu là đau khổ mà mình được miễn trừ, hắn cảm thấy sung sướng hơn là hắn nghĩ. Hắn chia sẻ những nỗi khổ cực của đồng loại, nhưng sự chia sẻ này là tự nguyện và dịu dàng. Cùng một lúc hắn thụ hưởng cả lòng thương cảm đối với những nỗi đau của họ lẫn niềm hạnh phúc vì mình được miễn trừ không bị như thế; nó tự nhận ra mình trong cái trạng thái có khả năng trải rộng lòng ta

ra ngoài bản thân chúng ta làm cho chúng ta đem ra ngoài sự hoạt động dư thừa đối với niềm an lạc của mình. Để xót thương nỗi khổ của người khác rõ ràng là phải hiểu nó, nhưng không phải là cảm thấy đau khổ như vậy. Khi người ta đã từng đau khổ hoặc người ta sợ bị đau khổ thì người ta xót thương những ai đang đau khổ; nhưng khi người ta đang đau khổ, người ta chỉ xót thương cho bản thân mình. Nay nếu vì mọi người đều phải chịu đau khổ của cuộc sống thì chẳng ai lại chỉ cho người khác sự cảm thông mà lúc ấy anh ta không cần đến cho chính mình, kết quả là lòng trắc ẩn phải là một tình cảm rất dịu ngọt chính vì nó dành cho chúng ta, và ngược lại thì một con người khắc nghiệt bao giờ cũng là bất hạnh, bởi lẽ trạng thái tâm hồn của hắn không để cho hắn có chút nào là sự nhạy cảm thừa thãi để hắn có thể đem cho nỗi khổ của người khác.

Chúng ta thường xét đoán hạnh phúc dựa trên những vẻ bề ngoài quá nhiều và chúng ta cho rằng nó ở nơi mà nó ít ở nhất; chúng ta tìm nó ở nơi mà nó sẽ không thể có: sự vui vẻ chỉ là một dấu hiệu rất khả nghi về hạnh phúc. Một người vui vẻ nhiều khi chỉ là một kẻ bất hạnh đang tìm cách lừa mọi người và tự huyễn hoặc mình. Những người rất hay cười, rất cởi mở, rất thanh thản ở ngoài câu lạc bộ nơi tụ tập đông người lại hầu như hoàn toàn buồn bực và gắt gỏng ở nhà họ, và những người hầu phải gánh chịu nỗi đau của sự vui chơi của họ ngoài xã hội. Sự thỏa mãn thực sự thì chẳng vui chẳng đùa; tha thiết với một tình cảm rất dịu dàng, khi hưởng thụ nó người ta nghĩ đến nó, thưởng thức nó, người ta sợ nó tan biến mất. Con người thực sự hạnh phúc không nói nhiều và cũng chẳng cười nhiều, có thể nói là hắn cất kín niềm hạnh phúc quanh trải tim mình. Những trò chơi ồn ào, sự vui vẻ cuồng nhiệt che giấu sự chán chường và nỗi phiền muộn. Những sự ưu tư lại kết bạn với sự khoái trá: sự mủi lòng và những giọt lệ lại đi kèm những hưởng thụ dịu ngọt nhất, và chính niềm vui quá mức lại bật ngay ra những tiếng khóc hơn là những tiếng thét.

Nếu trước tiên những cuộc chơi bời giải trí nhiều và da dạng có vẻ như là góp phần vào hạnh phúc, nếu sự đơn điệu của một cuộc sống phẳng lặng thoạt đầu có vẻ đáng chán thì khi nhìn kỹ, trái lại ta thấy rằng tập quán êm dịu nhất của tâm hồn lại là ở trong sự hưởng thụ ở mức vừa phải ít khi để cho dục vọng hay chán chường lôi cuốn! Nỗi khắc khoải của các dục vọng sinh ra tính ham của lạ, tính không chuyên nhất: cái rỗng tuếch của thú vui đàng điếm rạo rực gây nên sự chán ngấy. Người ta không bao giờ chán cảnh sống của mình khi người ta biết rằng chẳng có gì dễ chịu hơn thế. Trong tất cả các loại người ở

đời này thì người hoang dã là những người ít hiếu kỳ nhất và ít buồn chán nhất: mọi sự đối với họ đều không quan hệ, họ không hưởng thụ các đồ vật mà hưởng thụ chính họ; họ sống cuộc đời mình mà chẳng để làm gì và không bao giờ phiền muộn.

Con người của giới thượng lưu hoàn toàn sống trong cái mặt nạ của họ. Hầu như vì không bao giờ là chính mình nên họ luôn luôn thấy xa lạ và khó chịu khi họ buộc phải quay về với chính mình. Thực chất của họ thế nào thì chẳng đáng kể làm gì, cái mà họ tỏ vẻ ra là thế nào mới là tất cả đối với họ.

Tôi không thể đừng được việc hình dung ra trên khuôn mặt người thanh niên mà tôi đã nói đến ở phần trên sao mà lại có cái gì như xấc xược, như là ngọt nhạt đầu lưỡi, như là giả dối làm phật ý và gai mắt những người dự họp mặt, còn trên khuôn mặt người của tôi: một vẻ mặt đáng chú ý và giản dị bộc lộ sự hài lòng, sự thanh thản thật sự của tâm hồn gợi cho người ta lòng quý mến, sự tin cậy và dường như là nó chỉ đợi có dấu hiệu thân tình là sẵn sàng kết bạn với những ai tiếp cận với mình. Người ta cho rằng, vẻ mặt chỉ là sự phát triển đơn thuần các nét đã được tự nhiên in dấu ấn. Còn tôi thì tôi nghĩ rằng, ngoài sự phát triển này thì các đường nét trên khuôn mặt con người từ từ được hình thành và tạo nên vẻ mặt bởi dấu ấn thường xuyên và quen thuộc của một số cảm xúc nào đó của tâm hồn. Các cảm xúc này hiện lên trên khuôn mặt, thật không còn gì là chắc chắn hơn; và khi chúng lặp lại thành thói quen thì các cảm xúc ấy phải để lại những dấu ấn lâu dài. Đấy là cách tôi hiểu vẻ mặt con người nói lên tính cách như thế nào, và ta có thể đôi khi xét đoán cái này bằng cái kia mà chẳng cần tìm đến những giải thích huyền bí đòi hỏi những kiến thức mà ta không có.

Một đứa trẻ chỉ có hai cảm xúc rất rõ rệt, vui mừng và đau đớn: nó cười hay nó khóc; những cảm xúc trung gian không hề được nó biết tới; nó chuyển không ngừng từ cảm xúc này tới cảm xúc kia. Sự luân lưu liên tục như vậy cản trở không cho cảm xúc ấy tạo nên một dấu ấn hằng định nào trên khuôn mặt con trẻ và chưa tạo ra vẻ mặt riêng: nhưng đến một độ tuổi, khi đứa trẻ trở nên nhạy cảm hơn, nó cảm nhận mạnh mẽ hơn hoặc bị xúc động thường xuyên hơn, các ấn tượng sâu sắc hơn để lại những dấu vết khó mà biến đi được; và xuất phát từ trạng thái đã hình thành thói quen của tâm hồn mà tạo nên sự sắp xếp các đường nét mà thời gian làm cho nó thành ra không thể xóa nhòa đi được. Tuy nhiên, cũng không phải là hiếm thấy có những người thay đổi vẻ mặt theo tuổi tác. Tôi đã từng thấy nhiều người trong trường hợp này;

và tôi luôn luôn thấy rằng, những người mà tôi có thể theo dõi và quan sát kỹ cũng đã thay đổi cả các đam mê quen thuộc. Riêng nhận xét này đã được xác định chắc chắn, với tôi là dứt khoát, và không phải là không thích đáng trong một quy trình về giáo dục ở đó cần phải học cách phán đoán các diễn biến trong tâm hồn qua các dấu hiệu bề ngoài.

Tôi không rõ nếu vì chưa học bắt chước những cung cách theo ước lệ và giả bộ những tình cảm mà mình không có thì chàng trai của tôi có kém phần khả ái hay không, nhưng ở đây không bàn về chuyện này: tôi chỉ biết mỗi một điều là anh ta sẽ thương người hơn, và tôi khó mà tin rằng, kẻ nào chỉ yêu có bản thân mình có thể khéo giả bộ để được ưa ngang với kẻ rút ra từ mối quyến luyến với những người khác một cảm xúc mới về hạnh phúc. Nhưng chính về cảm xúc này, tôi cho rằng đã nói đầy đủ để hướng dẫn cho một độc giả chuộng lẽ phải và để chứng tỏ rằng tôi không tự mâu thuẫn với chính mình.

Vậy tôi trở về với phương pháp của mình và tôi nói rằng: Khi lứa tuổi đầy chuyển biến đến gần thì các vị hãy cho các chàng trai chứng kiến những cảnh tượng có tác dụng kiềm chế chứ không phải là những cảnh tượng kích thích họ; các vị hãy chuyển sự tưởng tượng mới nảy sinh sang những đối tượng nào không hề làm bốc lửa các giác quan của họ mà kiềm chế bớt hoạt tính của các giác quan ấy. Các vị hãy đưa họ tránh xa các thành phố là nơi mà đồ trang sức và cách ăn mặc khiếm nhã của phụ nữ thôi thúc gấp gáp làm cho các bài học của tự nhiên đến sớm, là nơi mà mọi thứ bày ra trước mắt họ những thú vui nhục thể mà họ chỉ cần biết đến khi họ biết sẽ lựa chọn chúng.

Hãy đưa họ về nơi ở đầu tiên của họ, nơi mà tính giản dị của đồng quê để cho những đam mê của lứa tuổi ấy phát triển bớt nhanh đi; hoặc là nếu thị hiếu nghệ thuật của họ vẫn còn gắn bó họ với thành phố thì hãy phòng ngừa cho họ chính vì cái thị hiếu ấy mà sinh ra sự rành rỏi nguy hiểm. Hãy chọn lọc thật cẩn thận các mối giao tiếp xã hội của họ, những quan tâm của họ và các thú vui của họ: chỉ giới thiệu với họ những cảnh xúc động nhưng vừa phải, làm họ rung động nhưng không quyến rũ họ, nuôi dưỡng tính mẫn cảm của họ mà không gây rối loạn các giác quan của họ. Các vị cũng nên nghĩ rằng ở đâu cũng có những cái thái quá cần phải e sợ và những đam mê vô độ bao giờ cũng tạo nên các thói xấu mà chúng ta muốn tránh. Đây không phải nói về việc biến học trò của các vị thành một người chăm sóc bệnh nhân, thành một thầy dòng ở nhà tế bần, làm khổ con mắt họ bằng những đối tượng liên tiếp từ đau đớn đến khổ ải, dắt họ đi thăm hết người tàn tật này đến người tàn tật khác, từ nhà

thương này đến nhà thương khác và từ quảng trường Grève[170] đến các nhà ngục; cần phải để nó xúc động mà không sắt đá trước cảnh khổ ải của con người. Lâu ngày bị các cảnh cùng loại đập vào mắt mình thì người ta chẳng còn có ấn tượng gì về chuyện ấy: thói quen làm cho người ta quen với tất cả mọi chuyện; khi người ta thấy cái gì đó quá nhiều lần thì người ta không tưởng tượng về nó nữa và chính là chỉ có sự tưởng tượng mới làm cho ta cảm nhận được những nỗi đau đớn khổ sở của người khác: chính vì cứ nhìn thấy mãi chết chóc và đau khổ mà các linh mục và các thầy thuốc trở nên không biết thương xót. Vậy thì phải để cho học trò của các vị biết đến thân phận con người và những đau khổ của đồng loại nhưng sao cho nó đừng phải chứng kiến quá nhiều. Chỉ có một đối tượng thôi mà được lựa chọn kỹ lưỡng và được trình bày vào một ngày thích hợp sẽ làm cho nó hàng tháng phải mủi lòng và suy ngẫm. Chẳng phải cái nó nhìn thấy mà là việc nó trở lại với cái nó đã thấy mới quyết định sự phán đoán của nó về việc ấy; và ấn tượng lâu dài mà nó cảm nhận được về một đối tượng cũng do chính đối tượng ấy đem lại ít hơn là do góc độ nhìn để gợi cho nó nhớ lại đối tượng. Cho nên chính vì thế mà khi vận dụng các ví dụ, các bài học, các hình ảnh, các vị làm nhụt bớt cái kích thích các nhục cảm và sẽ lừa được tự nhiên bằng cách tuân theo các phương hướng của chính tự nhiên.

Cứ theo mức tiếp thu kiến thức của hắn, các vị hãy chọn các ý tưởng có liên hệ với sự tìm hiểu ấy; cứ tùy theo mức các ham muốn bừng lên mà các vị hãy chọn các cảnh tượng thích đáng để kiềm chế bớt đi. Một quân nhân già nổi tiếng vì phẩm hạnh cũng ngang vì lòng dũng cảm đã kể lại với tôi rằng, vào lúc thiếu thời, cha ông là một con người biết lẽ phải chăng, nhưng rất sùng đạo, vì thấy tính khí ông này đang nảy ra thói hám gái, đã làm không còn thiếu cách gì để kiềm chế con mình, thế mà cuối cùng bất chấp mọi biện pháp thận trọng của mình, ông bố cảm thấy con mình sắp tuột khỏi tay ông, ông dám đưa con vào một bệnh viện chữa giang mai và không hề nói trước cho con biết điều gì hết, ông bắt người con vào một gian nhà có một nhóm những kẻ bất hạnh ấy đang đền tội bằng một cách điều trị khủng khiếp, sự dâm loạn đã đưa họ đến nông nỗi này. Cái cảnh tượng gớm ghiếc ấy cùng một lúc kích động mọi giác quan của chàng trai làm cho anh ta suýt bị ngất. Lúc đó, người cha bảo con với một giọng dữ dằn: "Đi, đồ trụy lạc khốn nạn, cứ đi mà theo cái

---

[170] * Grève: quảng trường ở Paris, nơi diễn ra những cuộc vui chơi của dân chúng, nhưng chủ yếu là các cuộc xử tử từ 1310 đến 1830.

khuynh hướng đê tiện đã lôi kéo mày; chẳng mấy chốc mày sẽ sướng lắm đấy khi bị tống cổ vào cái phòng này mà chịu đựng những đau đớn ghê gớm nhất, mày buộc cha mày phải tạ ơn Chúa vì cái chết của mày."

Một ít từ này gắn liền với cảnh tượng khốc liệt đã làm cho chàng trai xúc động mạnh, gây nên cho anh ta một ấn tượng không bao giờ phai. Vì nghề nghiệp mà buộc phải sống thời trai trẻ trong các nơi đồn trú, ông ta thích chịu đựng hết mọi lời chế giễu của bạn bè hơn là bắt chước thói phóng đãng của họ. Ông ta bảo tôi rằng: "Tôi là đàn ông, tôi có những điểm yếu mềm; nhưng đã đến tuổi này thì không bao giờ tôi có thể nhìn một gái điếm mà không ghê tởm." Hỡi các nhà giáo, xin nói ít thôi; nhưng hãy học lấy cách lựa chọn địa điểm, thời gian thuận tiện, các nhân vật, rồi đưa tất cả các bài học của mình thành những tấm gương và hãy tin chắc vào hiệu quả của chúng.

Vai trò của tuổi thơ ấu là không đáng kể: cái sai len vào đó không phải là không có cách sửa; còn tính thiện được hình thành trong tuổi thơ có thể tới chậm hơn về sau. Nhưng chẳng phải là như thế ở cái tuổi đầu tiên khi con người bắt đầu sống thực sự. Thời kỳ này không bao giờ kéo dài đủ cho việc sử dụng cần phải tiến hành và tầm quan trọng của nó đòi hỏi một sự quan tâm không lơi lỏng: đó là lý do vì sao tôi nhấn mạnh vào nghệ thuật kéo dài thêm thời kỳ đó. Một trong những châm ngôn tốt nhất cho việc rèn luyện con người là làm chậm mọi thứ đến chừng nào còn có thể được. Hãy làm cho các tiến độ chậm và chắc; hãy cản trở trẻ vị thành niên thành người lớn khi chúng đã đủ mọi điều kiện để trưởng thành. Trong khi cơ thể tăng trưởng, những tinh anh dành để cấp nhựa sống cho dòng máu và sức mạnh cho các đường gân thớ thịt, đang hình thành và nảy nở. Nếu như các vị làm cho chúng đi theo một tiến trình khác và cái gì dành để hoàn thiện một cá nhân này được dùng cho việc hình thành một cá nhân khác thì cả hai sẽ cùng ở lại một tình trạng yếu kém và tạo phẩm của tự nhiên vẫn chưa hoàn thiện được. Các thao tác tinh thần rồi cũng bị hỏng đi; và tâm hồn cũng bị suy yếu như thân xác chỉ có những hoạt động yếu ớt và lờ đờ. Các chi to lớn và mạnh mẽ không tạo ra được lòng dũng cảm và sự khéo léo; và tôi cho rằng sức mạnh tinh thần không đi theo sức mạnh thân xác. Vả chăng các cơ quan giữ việc liên hệ giữa hai phần chính này lại được chuẩn bị không tốt. Nhưng, dù cho chúng có được chuẩn bị tốt đến đâu chăng nữa thì chúng hoạt động vẫn yếu kém, nếu về căn nguyên chúng chỉ có một khí huyết đã mòn mỏi cạn kiệt, không có cái chất đem lại sức mạnh và sự vận hành cho mọi lò xo của một cỗ máy. Nhìn chung ta thấy sức sống mãnh liệt hơn trong tâm hồn của những người mà thời trẻ đã phòng bị

được khỏi bị sớm hư hỏng so với những người mà sự dâm đãng phóng túng bắt đầu khi có thể buông mình vào đó, và rõ ràng là một trong những lý do giải thích vì sao những dân tộc có phẩm hạnh tốt thì thiện tâm và can đảm lại vượt cao hơn những dân tộc không có phẩm hạnh tốt này. Những dân tộc chỉ duy nhất nổi bật nhờ một số phẩm chất tinh tế nho nhỏ mà họ gọi là tài trí, sự minh mẫn, sự thanh tao; nhưng những chức năng lớn và cao cả của đạo lý và lý trí, từng đề cao và tôn vinh con người qua các hành động tốt đẹp, qua đức độ và qua những thận trọng thực sự có ích của họ lại chỉ thấy được trong những người nói đến lúc đầu.

Các thầy giáo than phiền rằng, ngọn lửa của lứa tuổi này làm cho thanh niên không chịu vào khuôn phép, và tôi biết điều đó: nhưng phải chăng đó là sai lầm của các nhà giáo? Họ chỉ mới để cho ngọn lửa này vận hành nhục cảm thì họ chẳng biết là không thể hướng nó theo một con đường khác hay sao? Những lời quở trách lạnh lùng và dai dẳng của một ông giáo gàn liệu có xóa nhòa được các hình ảnh về những thú ăn chơi đã từng biết đến trong đầu óc học trò mình hay không? Liệu họ có trừ bỏ được những ham muốn đang giày vò nó ra khỏi trái tim nó hay không? Liệu họ có làm giảm bớt được sự cuồng nhiệt của một khí chất mà nó biết cách sử dụng hay không? Liệu nó có nổi xung lên với các cản trở chống lại cái hạnh phúc độc nhất mà nó nghĩ đến hay không? Và trong cái lề luật nghiêm ngặt ông ta đề ra cho nó mà không sao làm nó hiểu rõ được, nó sẽ nhìn thấy cái gì nếu không phải là tính thất thường và sự căm ghét của một người đang tìm cách làm khổ nó? Liệu có phải là lạ lùng chăng khi nó nổi loạn và đến lượt nó lại căm ghét ông ta?

Tôi hiểu rõ rằng, khi tỏ ra dễ dãi thì người ta luôn cho mình trở nên dễ chịu đựng được hơn mà vẫn duy trì được một quyền uy bề ngoài. Nhưng tôi chẳng thấy dùng để làm gì cái quyền uy mà người ta chỉ duy trì được đối với học trò mình bằng cách thúc đẩy thêm các thói xấu mà lẽ ra nó phải kiềm chế, giống như thể muốn làm dịu một con ngựa bất kham thì kỵ sĩ đẩy nó xuống vực thẳm.

Cái ngọn lửa của tuổi vị thành niên chẳng hề là một trở ngại cho giáo dục, chính là phải dùng nó mà giáo dục tự hoàn thiện và hoàn tất được sứ mệnh của mình; chính nó làm cho các vị chiếm được trái tim của một chàng trai khi mà anh ta không còn là không mạnh bằng quý vị. Những xúc cảm đầu tiên của nó là những dây cương mà các vị điều khiển mọi hoạt động của nó: nó được tự do và tôi thấy rõ nó bị chế ngự. Chừng nào nó chưa yêu thích cái gì hết thì nó

chỉ phụ thuộc vào chính nó và những nhu cầu của nó; ngay khi mà nó yêu thì nó phụ thuộc vào những sự gắn bó của nó. Những mối quan hệ đầu tiên kết hợp nó lại với giống loài được thực hiện như vậy. Trong khi hướng sự nhạy cảm của nó vào giống loài thì hãy đừng tưởng rằng ngay từ đầu đã là bao gồm tất cả mọi người, cái từ loài người này đối với nó sẽ có ít nhiều ý nghĩa. Không, sự nhạy cảm này lúc đầu chỉ giới hạn trong những người đồng loại không phải là không hề quen biết nó mà chỉ có những người có quan hệ với nó, những người mà sự quen thuộc đã làm cho nó quý mến hoặc cần họ, những người mà nó thấy rõ là có cùng những cách suy nghĩ và cảm nhận giống như của nó, những ai mà nó thấy có nguy cơ bị những khổ cực mà nó đã phải chịu đựng và cảm nhận được những lạc thú mà nó đã nếm trải, những ai mà, nói gọn lại là sự đồng nhất về bản chất bộc lộ rõ hơn khiến nó có một trạng thái tinh thần thuận lợi hơn để yêu nhau. Chỉ sau khi đã trau đổi cái tự nhiên của nó bằng hàng ngàn phương cách, sau biết bao suy nghĩ về những tình cảm riêng của nó và về những tình cảm nó nhận xét được ở những người khác, nó mới có thể đi tới chỗ khái quát hóa những khái niệm cá nhân của nó thành ý tưởng trừu tượng về nhân loại, và gắn kết những xúc cảm có thể đồng nhất hóa nó với giống loài của nó, với những xúc cảm riêng của bản thân nó.

Trong khi có thể trở nên quyến luyến với người khác thì nó trở nên nhạy cảm với sự quyến luyến của người ta[171], và qua đó chính là để ý đến các dấu hiệu về sự quyến luyến này. Các vị có thấy đó là một quyền lực mới mẻ đến thế nào mà các vị sắp đạt được đối với nó? Biết bao nhiêu mối quan hệ thân thiết các vị đã đặt quanh trái tim nó trước khi nó kịp nhận ra! Sao nó lại không cảm nhận được gì khi mà ngoảnh nhìn lại bản thân, nó sẽ thấy điều các vị đã làm cho nó; khi nó có thể tự so sánh với những chàng trai cùng trang lứa, và so sánh quý vị với những người thầy khác! Tôi nói khi nó sẽ nhận ra, nhưng quý vị đừng có nói ra điều ấy với nó; nếu quý vị nói ra với nó điều đó, nó sẽ không nhận ra đâu. Nếu các vị đòi hỏi nó phải vâng lời để đáp lại những chăm sóc mà các vị đã dành cho nó, nó sẽ thấy rằng các vị đã đánh lừa nó: nó sẽ tự nhủ rằng

---

[171] Sự quyến luyến có thể không cần được đáp lại, tình bạn không bao giờ có thể như vậy. Tình bạn là một sự trao đổi, một khế ước như là mọi khế ước khác, nhưng nó là khế ước thánh thiện hơn hết. Danh từ *người bạn* không có một từ tương liên nào khác hơn là chính nó. Ai mà không phải là người bạn của bạn mình thì chắc chắn là một kẻ xảo quyệt; bởi chỉ nhờ trao lại tình bạn hay giả vờ trao lại tình bạn mà người ta mới có thể nhận được tình bạn.

trong khi các vị giả bộ làm ơn cho nó một cách vô tư thì các vị lại dự tính đến việc bắt nó phải mang một món nợ phải trả và ràng buộc nó bằng một khế ước mà nó chẳng bằng lòng tí nào. Thật hoài công nếu các vị lại nói thêm rằng, điều mà các vị đòi hỏi ở nó chỉ là vì chính bản thân nó mà thôi: rốt cuộc là các vị đòi hỏi, và các vị đòi hỏi nhân danh điều mà các vị đã làm mà không cần sự đồng ý hay thuận tình của nó. Khi một kẻ bất hạnh lấy tiền mà người ta giả bộ cho hắn, rồi thấy mình bị ghi tên đăng lính dù hắn không muốn thế, các vị kinh ngạc về sự bất công: thế thì liệu các vị phải chăng còn bất công hơn thế khi đòi hỏi học trò của các vị phải trả giá cho việc chăm sóc của các vị mà nó không hề chấp nhận?

Sự bạc bẽo sẽ ít hơn nếu những ân huệ được đền đáp gấp bội ít được ai biết đến. Người ta thích cái gì đem lại điều tốt cho ta: đó là tình cảm quá tự nhiên! Sự bạc bẽo không có sẵn trong trái tim con người nhưng thói hám lợi thì có đấy: có ít người chịu ơn mà bạc bẽo hơn là những người hào tâm vụ lợi. Nếu anh bán cho tôi các quà tặng của anh, tôi sẽ mặc cả về giá; nhưng nếu anh giả bộ trao tặng để rồi về sau lại bán theo giá của anh thì đó là anh chơi trò gian lận: chính vì cho không mà làm cho vật tặng trở thành vô giá. Trái tim chỉ chấp nhận luật lệ của trái tim, có ai muốn trói buộc nó thì người ta tháo gỡ ra; người ta chinh phục được nó vì để nó được tự do.

Khi người ta thả mồi xuống nước câu cá, con cá bơi đến, và cứ ở quanh quẩn bên người ấy không có chút gì ngờ vực; nhưng khi đã mắc phải lưỡi câu giấu kín trong miếng mồi, con cá nhận ra là cần câu giật lên, nó tìm cách chạy trốn. Người câu cá phải chăng là kẻ hàm ơn? Con cá phải chăng là kẻ bội bạc? Có bao giờ ta thấy ai quên người làm ơn cho mình vì người ấy đã quên anh ta chưa? Trái lại người ấy luôn nói về chuyện ấy với sự thích thú, họ không hề nghĩ tới chuyện này mà chẳng mủi lòng: nếu anh ta có tìm được cơ hội để tỏ lòng cho người mình chịu ơn bằng một bất ngờ nào đó rằng anh ta vẫn nhớ những sự giúp đỡ của người ấy thì lúc đó anh ta mới thỏa mãn được sự hàm ơn với bao nhiêu là hoan hỉ tận đáy lòng! Với niềm vui biết mấy anh ta đã làm cho mình được nhận ra! Với biết bao nhiêu rung cảm anh ta nói với người làm ơn cho mình: Bây giờ đã đến lượt tôi! Đấy là tiếng nói chân chính của tự nhiên; không bao giờ một ân huệ thực sự lại tạo ra kẻ bội bạc.

Vậy nếu sự hàm ơn là một tình cảm tự nhiên, và nếu các vị không làm mất hết ảnh hưởng của nó vì sai lầm của các vị, thì các vị hãy tin chắc rằng, học trò của mình bắt đầu biết giá trị của những chăm sóc của các vị, sẽ nhạy

cảm với chúng, cốt là các vị chẳng hề lấy đó mà đếm xỉa công lênh của mình, và những chăm sóc ấy đem lại cho các vị một uy tín trong trái tim học trò của mình mà không hề có gì hủy đi được. Nhưng trước khi các vị tin chắc được vào những thành quả này, xin các vị đừng làm nó mất đi vì các vị tỏ ra đáng giá như thế trước học trò của mình. Khoe khoang những việc mình giúp đỡ nó, là làm cho nó không thể chịu nổi những sự giúp đỡ ấy; làm cho nó lãng quên các việc ấy, chính là làm cho nó ghi nhớ lấy việc đó. Cho đến tận cái lúc đối xử với nó được như người lớn thì chớ bao giờ bàn về cái mà nó chịu ơn các vị, mà chỉ bàn về nó cư xử thế nào cho phải với nó mà thôi. Muốn làm cho nó trở nên dễ bảo, các vị hãy để nó tự do hoàn toàn; các vị hãy tránh mặt để cho nó phải tìm đến các vị; hãy nâng tâm hồn nó lên với các tình cảm cao thượng về sự hàm ơn, bằng cách bao giờ cũng chỉ nói với nó về những lợi ích của nó. Tôi chẳng hề muốn người ta cứ nói với nó rằng, việc người ta làm là vì lợi ích của nó trước khi nó có khả năng hiểu được điều đó; trong cái lối nói ấy, nó chỉ thấy có sự phụ thuộc của các vị và khéo nó chỉ coi các vị là thằng đầy tớ của nó mà thôi. Nhưng bây giờ, khi mà nó bắt đầu biết thế nào là thương yêu, nó cũng cảm nhận được mối liên hệ dịu ngọt đến thế nào có thể kết liên một con người với những gì mà nó yêu thích; và, trong cái nhiệt tình mà các vị không ngừng săn sóc đến nó không còn thấy gì là sự gắn bó của một tên nô lệ, mà là sự trìu mến của một người bạn. Mà chẳng có gì có trọng lượng đến thế trong trái tim con người bằng tiếng nói của tình bạn được nhận rõ bởi vì người ta biết rằng tình bạn ấy bao giờ cũng chỉ nói với ta về lợi ích của chúng ta. Người ta có thể tin rằng, một người bạn bị nhầm lẫn, nhưng không tin được rằng người ấy muốn lừa mình. Có khi người ta không tán thành các lời khuyên của bạn bè, nhưng không bao giờ người ta xem thường những lời khuyên ấy.

Cuối cùng chúng ta đi vào phạm trù đạo đức: chúng ta sắp đi bước thứ hai của con người. Nếu điều đó ở đây là đúng chỗ, tôi sẽ thử trình bày ở đây xem những chuyển động ban đầu của trái tim làm nổi lên những tiếng nói đầu tiên của lương tri như thế nào, và những khái niệm đầu tiên về cái thiện và cái ác nảy sinh ra từ tình yêu và lòng thù hận ra sao: Tôi sẽ làm rõ các từ *công lý* và *lòng tốt* chẳng hề là những từ trừu tượng, những tồn tại đạo đức thuần túy được hình thành bởi lý trí, mà là những xúc cảm thật sự của tâm hồn được soi sáng bởi lẽ phải, và đó không phải chỉ là một tiến bộ được chỉ định bởi những cảm xúc đầu tiên có tính chất nguyên khởi của chúng ta, mà do lẽ phải một mình nó, độc lập với ý thức, người ta không thể nào thiết lập được bất kỳ một

quy luật tự nhiên nào; và mọi quyền năng của tự nhiên đều chỉ là ảo tưởng nếu nó không dựa trên cơ sở của nhu cầu tự nhiên của lòng người[172]. Nhưng tôi nghĩ rằng, tôi không có gì phải làm ở đây với các công trình siêu hình học và đạo đức, kể cả các bài giảng thuộc bất kỳ loại nào; tôi chỉ cần làm rõ trình tự và sự tiến triển của các tình cảm và sự hiểu biết của chúng ta trong mối quan hệ với thể trạng của mình. Những điều tôi mới chỉ nêu ra ở đây có thể sẽ được chứng minh bởi những người khác.

Vì Émile của tôi cho đến tận bây giờ vẫn chỉ nhìn thấy chính nó thôi, cái nhìn đầu tiên của nó vào đồng loại của mình đưa nó đến chỗ tự so sánh với họ; và tình cảm đầu tiên mà sự so sánh ấy kích động ở lòng nó là thèm muốn vị trí đứng đầu. Đấy là điểm mà lòng yêu bản thân biến thành lòng tự ái, và cũng từ đó mà bắt đầu này sinh ra tất cả các dục vọng bắt nguồn từ lòng tự ái ấy. Nhưng muốn xác định xem trong số các dục vọng chi phối tính tình của nó, những dục vọng nào sẽ nhân đạo và dịu dàng hay lại là tàn nhẫn và tai hại, đó sẽ là những dục vọng hào hiệp và thương xót, hay đố kỵ và thèm khát, thì ta lại cần phải biết đứa trẻ sẽ cảm thấy nó đứng vào địa vị nào giữa người đời, và nó sẽ tin tưởng phải thắng các loại trở ngại nào để đạt đến địa vị mà nó muốn chiếm.

---

[172] Chính câu châm ngôn hãy đối xử với người khác như chúng ta muốn họ đối xử với mình chỉ có nền tảng thật sự là lý trí và tình cảm; bởi vì đâu là lẽ phải đúng đắn để mà hành động, trong khi tôi, cũng như nếu tôi là người khác, nhất là khi tôi tin chắc về mặt đạo đức, không bao giờ thấy mình lâm vào trường hợp như vậy? Và ai mà trả lời được cho tôi rằng, khi theo đúng châm ngôn ấy tôi sẽ được người khác theo đúng châm ngôn ấy với tôi? Kẻ ác được phần hơn từ tính trung thực của người công bằng và từ thói bất công của chính hắn; hắn sẽ quá thoải mái khi mọi người đều công bằng, trừ hắn ra. Cái thỏa thuận này dù cho mọi người có nói thế nào về nó đi nữa thì cũng chẳng phải có lợi nhiều cho những người có lòng tốt. Nhưng khi cái mãnh lực của một tâm hồn cởi mở đem đồng nhất tôi với đồng loại của mình, và có thể nói tôi cảm thấy mình đang ở trong đồng loại ấy, chính là để mình không phải đau đớn mà tôi không muốn cho người ấy phải đau đớn, tôi quan tâm đến người ấy vì tôi yêu tôi, và lẽ phải của câu châm ngôn là ở chính trong tự nhiên mà tự nhiên gợi ra cho tôi lòng ham muốn sự thoải mái cho mình ở nơi nào mà tôi thấy mình tồn tại. Từ đó tôi kết luận rằng, các câu châm ngôn của luật tự nhiên không phải chỉ được đặt cơ sở riêng trên lý trí mà thôi, chúng có một cơ sở vững vàng hơn và chắc chắn hơn. Tình yêu con người dẫn xuất từ tình yêu bản thân là nguyên phát của công lý nhân loại. Bản tóm tắt toàn bộ công lý được trình bày trong Phúc Âm thông qua tóm tắt các luật lệ.

Muốn hướng dẫn nó trong việc tìm tòi này thì sau khi đã chỉ cho nó thấy rõ người đời qua các tai biến chung cho cả giống loài, bây giờ lại phải cho nó thấy rõ người đời qua các điểm dị biệt của họ. Ở đây ta đi đến chỗ phải nghiên cứu sự bất bình đẳng tự nhiên và xã hội và bức tranh của toàn bộ trật tự xã hội.

Cần phải nghiên cứu xã hội qua con người và nghiên cứu con người qua xã hội: những ai muốn luận giải một cách riêng biệt về chính trị, và đạo đức sẽ không hiểu được gì cả về một trong hai cái đó. Trước hết, bằng cách chú trọng đến những tương quan nguyên thủy, người ta thấy được các tương quan ấy ảnh hưởng đến con người như thế nào, và các ham muốn nào phải từ đó phát sinh ra: người ta thấy rằng một cách tương hỗ, chính là do sự phát triển của các ham muốn mà các mối tương quan ấy trở thành nhiều hơn và mật thiết hơn. Chính sự ôn hòa của tấm lòng hơn là sức mạnh của cánh tay làm cho con người độc lập và tự do. Ai ít ham muốn thì ít cần đến người khác, nhưng vì luôn luôn nhầm lẫn các khát vọng hão huyền của mình với các nhu cầu vật chất, nên những ai mà coi các nhu cầu ấy là nền tảng của xã hội loài người thì luôn luôn coi các hậu quả là nguyên nhân và chỉ lạc lối trong tất cả các lập luận của họ mà thôi.

Trong trạng thái tự nhiên, có một sự bình đẳng về thực chất mang tính hiện thực và không thể xóa bỏ được, vì trong trạng thái ấy, sự khác biệt duy nhất từ người này đến người kia không thể đủ lớn để làm cho kẻ này phụ thuộc vào kẻ kia. Trong trạng thái dân sự có một sự bình đẳng về pháp lý hư ảo và vô hiệu, vì rằng chính các phương tiện được dùng để duy trì sự bình đẳng ấy lại được dùng để hủy hoại sự bình đẳng ấy, và vì rằng công quyền lại giúp thêm cho kẻ mạnh hơn để áp bức kẻ yếu làm phá vỡ thế cân bằng mà tự nhiên đã lập nên giữa các con người ấy[173]. Từ mâu thuẫn đầu tiên ấy nảy sinh ra tất cả các mâu thuẫn khác mà ta nhận thấy trong trật tự dân sự, giữa bề ngoài và thực tại. Luôn luôn đa số bị hy sinh cho thiểu số, và công lợi hy sinh cho tư lợi; luôn luôn các danh từ dùng để tô vẽ về công lý và phục tùng sẽ dùng làm công cụ cho bạo lực và lợi khí cho sự bất công: do đó, các tầng lớp ưu tú tự cho là hữu ích cho các tầng lớp khác thực ra là chỉ hữu ích cho chính tầng lớp ấy nhờ vào việc làm thiệt hại cho các tầng lớp khác: do vậy ta phải phê phán về sự trọng vọng dành cho họ căn cứ theo lẽ công bằng và lý trí. Lại còn phải biết

---

[173] Tinh thần phổ biến trong các đạo luật của mọi quốc gia là luôn luôn hỗ trợ cho kẻ mạnh chống lại kẻ yếu và kẻ có chống lại kẻ không có gì: điều bất lợi này không thể tránh được và không có ngoại lệ nào cả.

xem đẳng cấp mà họ đã tự tiện dành lấy cho mình có thuận lợi hơn cho hạnh phúc của những kẻ đang chiếm giữ đẳng cấp ấy hay không để biết được mỗi người trong chúng ta phải phán đoán như thế nào về số phận của chính mình. Đấy, bây giờ là việc nghiên cứu của chúng ta, nhưng muốn làm việc này cho tốt thì cần phải bắt đầu bằng việc tìm hiểu lòng người.

Nếu chỉ là để chỉ cho bọn trẻ thấy con người qua cái mặt nạ của họ thì ta chẳng cần phải chỉ cho chúng, chúng rồi sẽ luôn luôn thấy họ; nhưng chính vì cái mặt nạ chẳng phải là người và không được để vẻ hào nhoáng của cái mặt nạ ấy quyến rũ chúng nên khi miêu tả con người cho chúng, thì các vị hãy miêu tả con người theo đúng chân tướng của nó, không phải là nhằm làm cho chúng ghét bỏ họ mà làm cho chúng ái ngại cho họ và không muốn giống như họ. Theo ý tôi, đó là sự cảm nhận thông minh hơn cả mà con người có thể có được đối với giống loài của mình.

Trong cách nhìn nhận này, cần phải chọn một con đường ngược lại với con đường chúng ta đã theo từ trước đến nay và phải dạy cho thanh niên bằng kinh nghiệm của người ngoài hơn là bằng kinh nghiệm của bản thân nó. Nếu mọi người lừa nó, nó sẽ ghét họ; nhưng nếu được họ tôn trọng thì nó thấy họ lừa lẫn nhau, nó sẽ thấy thương hại họ. Tấn trò đời, như Pythagore đã nói, giống như quang cảnh các trò thi đấu Olympique: một số người này kinh doanh ở đó và chỉ nghĩ đến lợi nhuận, những người khác thì trả giá ở đó bằng sự liều mình và tìm kiếm danh vọng; những người khác nữa thì chỉ xem các trò thi đấu, và những người ấy chẳng phải là những người tệ nhất.

Tôi muốn rằng, chúng ta chọn lựa những mối giao tiếp của chàng thanh niên để cho anh ta nghĩ tốt về những người sống cùng với mình; và chúng ta dạy cho anh ta biết rất rõ xã hội; để anh ta nghĩ xấu về mọi chuyện xảy ra trong nhân gian. Anh ta phải biết rằng, con người bản chất là tốt, anh ta phải cảm nhận được điều đó, anh ta phải tự mình xét đoán đồng loại; nhưng anh ta phải thấy rõ xã hội làm biến chất và làm hỏng con người như thế nào, anh ta phải biết nguồn gốc của mọi thói xấu của con người nằm trong các thành kiến; anh ta phải có khả năng đánh giá từng cá nhân nhưng phải biết coi thường số đông; anh ta phải thấy rằng, mọi người đều mang gần như là cùng một thứ mặt nạ, nhưng anh ta cũng phải biết rằng có những bộ mặt còn đẹp hơn cái mặt nạ che đậy chúng.

Cần phải thú thật rằng, phương pháp này có những bất tiện của nó và không phải dễ dàng áp dụng vào thực tế; bởi vì, nếu chàng trai trở thành

người quan sát quá sớm; nếu các vị tập luyện cho anh ta dò xét quá sát sao hành động của người khác, các vị sẽ biến anh ta thành hay gièm pha và nhạo báng; xét đoán một cách vô đoán và nóng vội; anh ta sẽ tạo ra cho mình sự thích thú khả ố là tìm những cách giải thích hiểm ác cho mọi sự, và không hề thấy có gì là tốt ngay cả với cái thật là tốt. Ít ra thì anh ta cũng quen với cảnh tượng của tật xấu, và với việc xem những kẻ ác độc mà không thấy gớm guốc, giống như là người ta quen nhiều những người đau khổ mà không xót thương. Chẳng mấy chốc sự hư hỏng phổ biến ít có tác dụng làm bài học cho anh ta hơn là làm cho anh ta khoan thứ: anh ta sẽ tự nhủ rằng, nếu con người là như vậy thì anh ta chẳng cần phải muốn trở nên khác họ.

Còn nếu các vị muốn dạy anh ta về nguyên tắc và làm cho anh ta biết bản chất của lòng người, cùng tác dụng của những nguyên nhân bên ngoài làm biến đổi các khuynh hướng của chúng ta thành thói xấu, như vậy là chuyển anh ta ngay lập tức từ các đối tượng có thể cảm nhận được sang các đối tượng của nhận thức, là các vị sử dụng một phép siêu hình mà anh ta không có khả năng hiểu được; các vị lại rơi vào cái trở ngại mà từ trước đến nay ta cố tránh rất cẩn thận, là cho anh ta các bài học giống như các bài học, là đem vào đầu óc anh ta kinh nghiệm và uy tín của ông thầy thay thế cho kinh nghiệm riêng của anh ta và sự tiến bộ của lý trí anh ta.

Để cùng một lúc khắc phục được cả hai trở ngại này và để đặt lòng người vừa tầm hiểu biết của anh ta mà không làm hỏng tấm lòng của anh ta, tôi muốn chỉ cho anh ta thấy những con người ở xa xôi, giới thiệu cho anh ta thấy họ trong những thời kỳ khác hoặc ở những nơi khác và sao cho anh ta thấy cảnh tượng mà không bao giờ có thể hành động ở đó được. Đây là lúc dùng được đến lịch sử; chính nhờ lịch sử mà anh ta biết rõ lòng dạ con người mà không cần đến các bài học về triết học; chính là qua lịch sử mà anh ta sẽ trông thấy họ như một khán giả đơn thuần, không vụ lợi mà cũng không thiên kiến, giống như thẩm phán của họ chứ không phải là kẻ đồng lõa với họ hoặc như người buộc tội họ.

Muốn biết con người thì cần phải xem họ hành động. Trong xã hội ta nghe họ nói; họ phô diễn lời nói của họ và che giấu hành động của họ; nhưng trong lịch sử các hành động ấy bị bóc trần và ta xét đoán họ theo các sự kiện. Chính lời nói của họ cũng giúp vào việc đánh giá họ, vì khi đem so sánh điều họ làm với điều họ nói, người ta thấy cùng một lúc chân tướng của họ và cái mà họ muốn phô bày: họ càng giả dối bao nhiêu người ta lại càng biết rõ họ bấy nhiêu.

Rủi thay, việc nghiên cứu này có các nguy hiểm của nó, các điều bất tiện nhiều loại. Thật khó mà đặt mình vào một quan điểm để từ đó ta có thể phê phán đồng loại một cách công bằng. Một trong những khuyết điểm lớn của lịch sử là mô tả con người thiên về các khía cạnh xấu xa của họ nhiều hơn là những mặt tốt của họ; vì lịch sử chỉ đáng chú ý ở các cuộc cách mạng, các biến cố, nên chừng nào một dân tộc phát triển và thịnh vượng trong thanh bình của một chính thể an hòa thì lịch sử lại chẳng hề nói đến; nó chỉ bắt đầu nói đến dân tộc nọ khi thấy tự mình không tự túc được mà can thiệp vào công việc của các nước láng giềng hoặc để cho các nước láng giềng can thiệp vào việc của mình; lịch sử chỉ nêu bật họ lúc họ đã trên đường suy vong: toàn bộ lịch sử của chúng ta bắt đầu ở chỗ đáng ra phải kết thúc. Chúng ta có tài liệu rất chính xác về các dân tộc tự tiêu diệt; cái mà chúng ta thiếu là lịch sử các dân tộc đang sinh sôi, họ khá là hạnh phúc và khá khôn ngoan khiến cho lịch sử chẳng có gì mà nói về họ: và thực vậy chúng ta thấy ngay trong thời đại của mình các chính thể xử sự tốt nhất lại được người ta ít nói đến nhất. Vậy là chúng ta chỉ biết được cái xấu còn cái tốt thì chỉ mới tạo được thời cơ của mình trong lịch sử mà thôi. Chỉ có kẻ ác mới nổi danh còn người hiền thì bị quên lãng hay lại còn bị biến thành trò cười: lịch sử cũng như triết học, cứ luôn luôn vu khống loài người như thế đó.

Hơn nữa, các sự kiện được miêu tả trong lịch sử chưa phải là bức tranh chính xác của cũng các sự kiện ấy như chúng đã xảy ra: chúng biến dạng đi trong đầu óc các nhà sử học, bị cuốn theo các lợi ích của họ và bị nhuốm màu sắc các thành kiến của họ. Ai là kẻ biết đặt độc giả vào đúng địa điểm mà sự kiện đã xảy ra để nhìn rõ một biến cố đúng như diễn biến đã qua? Cái ngu dốt hoặc thói thiên vị đã cải trang tất cả. Ngay cả khi không làm sai lạc một nét lịch sử nào đi nữa thì chỉ cần mở rộng hoặc thu hẹp các hoàn cảnh liên quan đến nó là người ta đã có thể tạo cho nó biết bao bộ mặt khác nhau! Các vị hãy đặt cùng một đối tượng để xem xét ở những điểm nhìn khác nhau thì đối tượng ấy chỉ hao hao giống nhau thôi, tuy nhiên có gì thay đổi đâu, duy chỉ có cách nhìn của người quan sát là khác nhau mà thôi. Để vinh danh chân lý, nói cho tôi nghe về một sự kiện có thực mà lại làm cho tôi thấy nó khác hẳn so với nó đã từng xảy ra thì liệu có đáng không? Đã có bao nhiêu lần chỉ thừa hay thiếu có một cái cây, chỉ một tảng đá ở bên trái hay ở bên phải, chỉ một luồng gió cuốn đám bụi bốc lên đã quyết định kết quả của trận đánh mà có ai là người đã nhận ra điều ấy? Điều này có ngăn trở nhà sử học nói cho các vị biết nguyên do thất bại hay thắng lợi với sự tin chắc cứ như ông ta có mặt ở khắp nơi không? Song các sự kiện tự nó có quan hệ gì đến tôi khi tôi vẫn chẳng hay

biết gì về lý do dẫn đến các sự kiện ấy? Và tôi có thể rút ra được bài học nào ở một biến cố mà tôi không biết được nguyên nhân đích thực của nó? Nhà sử học có đưa ra cho tôi một nguyên nhân của sự kiện ấy nhưng đó là ông ấy bịa ra; và ngay cả sự phê bình mà người ta làm rùm beng lên thì cũng chỉ là một nghệ thuật phỏng đoán, nghệ thuật lựa chọn giữa nhiều cách nói dối trá xem cách nói dối nào có vẻ giống hơn cả với sự thật mà thôi.

Các vị đã bao giờ đọc *Cléopâtre* hay *Cassandre*[174], hay các cuốn sách thuộc loại này chưa? Tác giả chọn một sự kiện nổi tiếng, rồi xào xáo nó lại theo cách nhìn nhận của mình, tô điểm thêm đôi ba chi tiết hư cấu, các nhân vật chưa bao giờ từng tồn tại trên đời, cùng với những chân dung tưởng tượng, chồng chất hết hư cấu này đến hư cấu nọ để làm cho người đọc nó thấy thoải mái. Tôi thấy ít có sự khác nhau giữa những tiểu thuyết này với những lịch sử của các vị, nếu không phải là người viết tiểu thuyết dành phần trội hơn cho sự tưởng tượng của ông ta còn nhà sử học thì lệ thuộc hơn vào những tưởng tượng của người khác: nếu người ta muốn, tôi chỉ nói thêm vài lời rằng, nhà tiểu thuyết nêu ra một đối tượng đạo đức tốt hay xấu còn nhà sử học thì chẳng hề quan tâm đến chút nào.

Người ta sẽ bảo tôi rằng, sự chân thực của lịch sử kém hấp dẫn hơn sự thật về các phong tục và tính cách; miễn là trái tim con người được mô tả thật hay thì chẳng quan trọng mấy về các sự kiện phải được nêu ra một cách trung thực: bởi lẽ, người ta nói thêm thế này, rốt cuộc thì các sự kiện xảy ra từ hai ngàn năm trước động chạm gì đến chúng ta chứ? Người ta có lý nếu các chân dung được mô tả đúng với bản chất; nhưng nếu phần lớn chỉ theo những hình mẫu trong tưởng tượng của nhà sử học, thế thì chẳng phải đã lại rơi vào sự phiền toái mà người ta muốn tránh xa và trả lại cho uy tín của nhà văn cái mà người ta muốn tước bỏ như tước đi ở uy tín của nhà giáo hay sao? Nếu học trò của tôi chỉ được thấy những quang cảnh tưởng tượng thì tôi thích bức tranh ấy do tay tôi vẽ nên hơn là bàn tay kẻ khác; ít ra là chúng cũng sẽ thích hợp hơn với học trò tôi.

Đối với một thanh niên thì các nhà sử học tệ hại nhất là những người hay phê phán. Chỉ các sự kiện thôi! Chỉ các sự kiện thôi và để cho người thanh niên tự mình phán đoán lấy, có như thế thì nó mới học cách biết được con người. Nếu sự phán đoán của tác giả cứ hướng dẫn nó mãi thì nó chỉ biết nhìn bằng con mắt của kẻ khác; và khi thiếu con mắt ấy thì nó không còn nhìn thấy gì cả.

---

[174] * Những tiểu thuyết của La Calprenède.

Tôi để riêng lịch sử cận đại ra một bên, chẳng những là vì nó không còn những đường nét tạo nên một bộ mặt đặc thù và các nhân vật của chúng ta thì tất cả đều giống nhau, mà còn vì các nhà sử học của chúng ta chỉ cố làm sao cho nổi danh nên chỉ nghĩ đến việc tả chân dung tô vẽ cho thật đậm màu mà thường là chẳng lột tả được cái gì hết[175]. Các nhà sử học cổ điển thường hay tả chân dung ít hơn, để ít lý trí mà nhiều xúc cảm hơn trong sự phán đoán của họ, nhưng giữa các nhà sử học cổ điển này lại còn phải lựa trọn thật cẩn thận và trước hết là đừng chọn các vị chính xác nhất, mà nên chọn các vị giản dị nhất. Tôi không muốn đặt vào tay thanh niên sách của Polybe[176] hay Salluste[177]; sách của Tacite[178] là sách của các cụ già, các thanh niên không được đào tạo để hiểu nó: cần phải học cách nhận ra trong các hành động của con người những đặc điểm đầu tiên của lòng người trước khi muốn thăm dò các tầng sâu thẳm; cần phải biết thấu hiểu chính xác các sự kiện trước khi hiểu thấu các châm ngôn. Triết học bằng châm ngôn chỉ thích hợp với kinh nghiệm mà thôi. Tuổi trẻ không nên khái quát hóa cái gì hết: toàn bộ sự học hỏi của lứa tuổi này phải theo những quy tắc đặc thù.

Theo ý tôi thì Thucydide[179] thực sự là mẫu mực của các nhà sử học. Ông thuật lại các sự kiện mà không phê phán chúng; nhưng không hề bỏ sót một trường hợp nào tự nó giúp chúng ta tự phán đoán lấy về các sự kiện ấy. Ông đặt tất cả những gì ông kể lại dưới con mắt độc giả, không hề xen mình vào giữa các biến cố và độc giả, mà ông lánh đi; làm cho người ta không tưởng

---

[175] Xem Davila, Guiciardini, Strada, Solis, Machiavel và đôi khi chính cả de Thou. Vertot là người duy nhất biết mô tả mà không vẽ chân dung.

[176] * Polybe: nhà sử học Hy Lạp (220-120) ở La Mã lâu và thân với dòng họ Scipion; tác giả cuốn lịch sử đại cương 40 tập. Ông nói muốn thuật lại các sự kiện. Vì thích chính xác, ông bỏ các lời nói của nhân vật, chỉ dẫn chứng tỉ mỉ và vô tư.

[177] * Salluste: nhà sử học La Mã (86-35) với các cuốn *Âm mưu của Catilina, Chiến trận của Jugurtha* và các truyện lịch sử. Ông chú ý đến ý tưởng hơn sự kiện, rất nhiều chân dung nhiều hội thoại do ông nghĩ ra; kém khách quan, ông bênh phái dân chủ và nhục mạ tầng lớp quý tộc.

[178] * Tacite: nhà sử học La Mã cuối thế kỷ I: khá khách quan dù có bi quan, sách có nhiều hội thoại do ông nghĩ ra. Theo Racine thì Tacite là người mô tả thời thượng cổ tài nhất.

[179] * Thucydide: nhà sử học La Mã (460- 395) với *Cuộc chiến ở bán đảo Péloponnèse* có dẫn chứng tỉ mỉ, rất khách quan làm cho người ta hiểu các biến cố, nguyên nhân và mối quan hệ giữa các biến cố ấy.

rằng đọc nữa mà tưởng rằng nhìn thấy. Rủi thay, ông luôn chỉ nói về chiến tranh và người ta hầu như chỉ thấy trong các truyện của ông cái điều ít bổ ích nhất cho sự hiểu biết ở đời, đó là các trận mạc. *Cuộc rút lui của một vạn quân*[180] và *Bút ký của César*[181] gần như là cũng cùng có các ưu điểm và khuyết điểm ấy. Hérodote[182] trung hậu không tả hình dáng, không dùng châm ngôn, nhưng lưu loát, chất phác, đầy những chi tiết có thể gây hứng thú và làm đẹp lòng người đọc nhất, có lẽ là nhà sử học giỏi nhất nêu những chi tiết ấy không thường hay biến thành những sự giản đơn ấu trĩ, thích hợp với việc làm hỏng đi hơn là đào tạo khiếu thưởng thức cho lớp trẻ: cần phải có đầu óc biết suy xét rồi mới đọc ông được. Tôi không nói gì về Tite-live[183], mà nói đến sau, nhưng ông là nhà chính trị, giáo sư về khoa hùng biện, ông là tất cả những gì không thích hợp với lứa tuổi này.

Lịch sử nói chung là hay khiếm khuyết ở chỗ chỉ ghi lại những sự kiện dễ nhận ra và nổi bật, mà người ta có thể xác định được bằng những tên tuổi, những địa điểm, những niên hiệu; nhưng các nguyên nhân chậm chạp và tuần tiến của các sự kiện đó, vì không thể lộ rõ ra như thế cho nên vẫn không bao giờ được biết đến. Người ta thường thấy trong một trận thắng hay bại, nguyên nhân của một cuộc cách mạng đã trở nên không sao tránh khỏi từ trước khi trận đánh ấy xảy ra. Chiến tranh hầu như chỉ biểu lộ những biến cố đã được quyết định từ trước bởi các nguyên nhân tinh thần mà các nhà sử học ít khi biết cách nhận ra.

Đầu óc triết lý đã xoay chuyển các suy tưởng của nhiều nhà văn thuộc thế kỷ này[184] theo chiều hướng ấy, nhưng tôi không dám chắc rằng việc làm của họ có ích cho chân lý. Vì sự say mê các phương thức đã xâm chiếm họ tất cả, không còn một ai tìm tòi cho ra chân tướng của sự vật, mà sự nhìn nhận chúng theo kiểu chúng hợp với phương thức của họ.

---

[180] * Còn gọi là cuốn *Anabase*, tác phẩm của Xénophon nói về cuộc viễn chinh của Hy Lạp chống Artaxerxe do Cyrus trẻ cầm đầu và rút lui.

[181] * Tác phẩm thuật lại cuộc xâm lược xứ Gaule.

[182] * Hérodote: Nhà sử học Hy Lạp (480-425) nghiên cứu nhiều về chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư. Ông chân thực, thường là khách quan, luôn dựa vào cứ liệu, tác phẩm của ông nhiều hội thoại, có giá trị văn chương nhiều hơn là giá trị lịch sử.

[183] * Tite-live: Nhà sử học La Mã (59 trước CN -17 sau CN), viết sử đôi khi thiếu sót về cứ liệu, mù quáng về lòng ái quốc, tác phẩm của ông có nhiều hội thoại có giá trị lớn lao về tài hùng biện, ít mô tả chân dung, kể chuyện rất lưu loát.

[184] * Nhất là Montesquieu và Voltaire.

Hãy thêm vào tất cả các suy tưởng ấy rằng lịch sử trình bày các hành động hơn là những con người vì lịch sử chỉ thấy được những con người ấy vào vài lúc đã được lựa chọn nào đó, trong bộ y phục phô trương của họ; lịch sử chỉ trình bày con người của công chúng vốn tự xếp đặt trước để được mọi người trông thấy: lịch sử không hề theo dõi ở nhà họ, ở văn phòng của họ, trong gia đình họ, giữa bạn bè của họ; lịch sử chỉ mô tả họ khi họ phô diễn, đúng là mô tả chính y phục của họ hơn là con người họ.

Để bắt đầu nghiên cứu lòng người, tôi thích đọc các tiểu sử riêng hơn, vì lúc bấy giờ con người có lẩn tránh cũng vô hiệu, nhà viết sử truy tìm họ khắp nơi; ông ta không để họ lúc nào yên, không một xó xỉnh nào trốn khỏi con mắt sắc sảo của khán giả; và chính cái lúc họ tưởng ẩn náu kín đáo nhất lại là lúc làm cho người ta hiểu họ rõ nhất. Montaigne đã nói: "Những người nào viết tiểu sử càng thích các nghị quyết hơn các biến cố, thích những gì xuất phát từ nội tâm hơn là những gì xảy ra từ bên ngoài thì người đó càng hợp với tôi: chính vì thế, trong mọi vấn đề Plutarque là con người cần cho tôi."

Quả thực, đặc tính của những người hợp quần cùng nhau hay của các dân tộc khác xa với tính cách của con người riêng lẻ và có lẽ ta sẽ hiểu lòng người rất không đầy đủ nếu ta không xét tấm lòng ấy trong quần chúng đông đảo: nhưng có điều cũng không kém phần xác thực là phải bắt đầu bằng việc nghiên cứu con người riêng lẻ để phán đoán về những người khác, và ai hiểu biết được hoàn toàn các khuynh hướng của từng cá nhân thì sẽ có thể dự đoán được các tác dụng phối hợp của các khuynh hướng ấy trong toàn dân tộc.

Ở đây ta còn cần phải nhờ đến người xưa vì những lý lẽ mà tôi đã nói, và hơn nữa, tất cả các chi tiết quen thuộc và thấp hèn, nhưng lại xác thực và đặc sắc, đã bị loại ra khỏi văn phong hiện đại, nên con người cũng được các tác giả của chúng ta tô điểm trong đời tư của họ như trên sân khấu xã hội. Vậy sự đoan trang, không kém phần nghiêm ngặt trong văn phẩm cũng như trong hành động, chỉ còn cho phép chúng ta nói trước công chúng những gì mà nó cho phép làm ở đó, và, vì người ta chỉ có thể trình bày những con người luôn luôn phô diễn, nên người ta không biết được họ trong sách vở hơn là trên sân khấu của chúng ta. Người ta sẽ hoài công viết đi viết lại hàng trăm lần tiểu sử của các vua chúa, vì chúng ta không còn có các Suétone[185] nữa.

---

[185] Chỉ một sử gia duy nhất của chúng ta bắt chước Tacite trong những nét lớn, dám bắt chước Suétone và đôi khi sao lại Comines trong những nét nhỏ, và chính điều đó làm tăng giá trị cho sách của ông, đã khiến ông bị phê bình nhiều.

Plutarque sở trường về chính các chi tiết mà chúng ta không dám đi sâu vào chúng hơn nữa. Ông có cái duyên không sao bắt chước nổi khi mô tả các vĩ nhân trong các việc nhỏ nhặt và ông thật tài tình trong việc lựa chọn các nét tính cách đến nỗi thường chỉ một lời nói, một nụ cười, một điệu bộ đủ giúp ông biểu thị đặc tính nhân vật của mình. Với một lời pha trò, Annibal làm yên lòng đạo quân đang khiếp đảm của mình và khiến cho đoàn quân ấy vui vẻ tiến lên chiếm được nước Ý cho ông ta: Agésilas[186] đi ngựa bằng một cái gậy, làm cho tôi yêu kẻ chiến thắng được đại đế; César khi đi qua một làng nghèo và trò chuyện với bạn bè đã vô tình để lộ ra con người xảo quyệt trong ông ta, ông ta nói rằng[187] chỉ muốn sánh ngang với Pompée[188], Alexandre uống một bát thuốc mà chẳng nói một lời: đó là giây phút cao đẹp nhất của đời ông. Aristide viết tên ông trên một vỏ trai[189] và như thế ông biện chính được biệt danh của mình. Philopoemen[190] cởi áo choàng, xuống bếp chặt củi cho ông chủ nhà cho ông ở. Đấy mới là thực sự nghệ thuật mô tả. Diện mạo không lộ ra ở các đường nét lớn, tính cách không lộ ra ở những hành động lớn; chính trong các điều lặt vặt mà bản tính mới lộ ra. Các việc công thì hoặc quá nhàm, hoặc quá cầu kỳ, song hình như chỉ riêng về các việc ấy, vẻ trang trọng đương thời mới làm cho các tác giả của chúng ta quan tâm đến.

Một trong những con người vĩ đại nhất của thế kỷ trước hiển nhiên là ông Turenne. Người ta đã cả gan làm cho tiểu sử của ông trở nên thú vị bằng những tiểu tiết mà nhờ đó làm cho người ta hiểu biết về ông và yêu quý ông; nhưng người ta đã tự thấy phải bỏ bớt đi một số các chi tiết lẽ ra còn làm cho ông được hiểu biết và được yêu quý hơn nữa! Tôi sẽ kể ra một chi tiết thôi, mà tôi đã thu

---

[186] * Agésilas: vua sứ Sparte, chiến thắng Pharrabaze, đi ngựa bằng gậy để đùa với các con.

[187] * César nói rằng ông thích làm người đứng đầu một làng lớn hơn làm người thứ nhì ở La Mã.

[188] * Pompée: đại tướng của Hoàng đế Sulla (106-48 trước CN), nổi tiếng vì chinh phục châu Phi, đến năm 60 trước CN liên minh với César và Grassus, từ năm 54 trở đi đối đầu với César và được Viện Nguyên lão bầu làm Tổng tài duy nhất đứng đầu đế quốc La Mã từ năm 52.

[189] * Aristide: đại tướng và chính khách ở Athène (540-460 trước CN), ông liêm khiết nên được tặng biệt danh là ông Chính trực. Ông viết theo yêu cầu của một nông dân dốt nát đã bỏ phiếu lưu đày ông.

[190] * Philopoemen: người lãnh đạo 12 đô thị xứ Péloponnèse, một bán đảo phía nam Hy Lạp.

thập được ở chỗ đáng tin cậy, mà Plutarque chắc không muốn bỏ sót, nhưng Ramsai[191] có lẽ lại không muốn viết ra, dù cho ông ta biết chi tiết ấy.

Vào một ngày hè rất oi bức, tử tước Turenne mặc áo ngắn màu trắng và đội mũ trùm, đang đứng ở cửa sổ trong tiền sảnh, một người trong đám gia nhân của ông bất ngờ đi tới và lầm lẫn vì cách phục sức như vậy, tưởng đó là người phụ bếp mà người gia nhân này rất thân thiết. Anh ta bước nhẹ đến phía sau ông và dùng bàn tay phát thật mạnh vào mông ông tử tước. Người bị đánh lập tức quay ngoắt lại. Tên đầy tớ run bắn người khi nhìn thấy mặt ông chủ. Hắn cuống quýt quỳ xuống: *Thưa ngài, tôi cứ tưởng là thằng George...* Ông Turenne vừa xoa mông vừa hét lên: *Thì có là thằng George đi chăng nữa... cũng không nên đánh mạnh đến thế.* Đấy, vậy đấy là điều mà các người không dám nói ra hỡi những kẻ khốn khổ kia? Vậy các người cứ mãi mãi không tự nhiên, không tâm tình. Hãy rèn đúc, tôi luyện trái tim sắt đá của các người trong sự đoan chính đê tiện của các người; hãy làm cho các người đáng bị khinh miệt vì cố ra vẻ trang trọng. Còn cậu, hỡi chàng thanh niên đáng mến, cậu đang đọc đoạn này và đang cảm thấy, với niềm xúc động, tất cả sự hiền hậu mà ông Turenne đã biểu hiện ra, ngay trong động thái cảm xúc đầu tiên, hãy đọc cả các chuyện nhỏ nhen của bậc vĩ nhân này khi chạm đến vấn đề dòng dõi và thanh danh của ông. Cậu hãy nghĩ rằng cũng chính ông Turenne ở chỗ nào cũng cố tỏ vẻ nhường người cháu của mình đi trước[192] để cho người ta thấy rõ rằng đứa trẻ này là một tộc trưởng của một vương gia. Cậu hãy so sánh những nét tương phản đó, hãy yêu tính tự nhiên, hãy xem thường dư luận và hãy hiểu biết con người.

Rất ít người có khả năng nhận thức được hiệu quả mà việc đọc sách được hướng dẫn như thế có thể gây ra cho trí tuệ hoàn toàn mới mẻ của một thanh niên. Vùi đầu vào sách vở từ bé, quen đọc mà không suy nghĩ, những gì ta đọc càng ít làm ta xúc động vì chúng ta đã mang sẵn trong mình những đam mê và những thành kiến đầy rẫy trong lịch sử và tiểu sử của các nhân vật, mọi việc họ làm chúng ta đều xem như có vẻ tự nhiên bởi vì chúng ta đứng ngoài tự nhiên mất rồi và vì chúng ta xét đoán người khác theo kiểu suy bụng ta ra bụng

---

[191] * Ramsai: nhà sử học Pháp, gốc Écosse, tác giả *Truyện Turenne*.

[192] * Anh cả của Turenne là Frédérie Maurice de la Tourd'Anvergne, Quận công De Bouillon chết năm 1652, nên con ông anh cả này là cháu của Turenne giữ quyền trưởng tộc của dòng họ De Bouillon.

người. Nhưng xin hãy tưởng tượng rằng, một thanh niên được giáo dục theo các châm ngôn của tôi, xin hãy hình dung Émile của tôi mà mười tám năm không ngừng chăm sóc chỉ nhằm mục đích bảo tồn lấy một óc xét đoán công minh và một trái tim lành mạnh; xin hãy hình dung cậu ta, vào lúc kéo màn lên, đưa mắt nhìn lần đầu tiên sân khấu xã hội, hay tốt hơn nữa là để cậu ta ở hậu trường xem các diễn viên mặc vào và cởi bỏ y phục của họ và đếm các dây thừng và ròng rọc mà trò ảo thuật thô thiển lừa dối con mắt khán giả: thì chẳng bao lâu, tiếp sau sự ngạc nhiên của cậu ấy sẽ là sự xấu hổ và khinh miệt đối với giống loài mình: cậu sẽ tức giận thấy cả loài người đều là thế cả, tự dối mình, tự coi rẻ mình bằng những trò chơi trẻ con; cậu sẽ đau đớn nhìn thấy đồng bào của cậu xâu xé nhau vì những mơ tưởng và biến thành ác thú vì không yên phận làm người.

Chắc chắn rằng, với thiên tư của người học trò, chỉ cần ông thầy biết thận trọng và chọn lọc đôi chút trong việc đọc sách của nó, chỉ cần ông thầy biết đặt nó vào luồng các suy tưởng mà nó cần rút ra trong việc đọc đó, sự tập luyện này đối với nó sẽ là một bài giảng về triết học thực hành chắc chắn là hay hơn và dễ hiểu hơn tất cả mọi suy lý rỗng tuếch mà người ta thường làm rối trí các thanh thiếu niên trong các học đường của ta. Sau khi đã theo dõi các dự tính viển vông của Pyrrhus, Cynéas[193] hỏi ông ta rằng, cuộc chinh phục thế giới sẽ đem lại cho ông ta lợi ích thực sự mà ngay hiện tại ông ta có thể hưởng thụ mà không bị biết bao nhiêu là giày vò; chúng ta chỉ thấy đó là ôn lại một câu hóm hỉnh: nhưng Émile sẽ thấy ở đó một điều suy tưởng rất khôn ngoan, mà có lẽ nó nghĩ đến trước tiên, và điều suy tưởng ấy sẽ không bao giờ phai mờ được trong tâm trí cậu ấy bởi vì suy tưởng này không có thành kiến nào trái ngược[194] cản trở nó ghi khắc lại. Tiếp đó, khi đọc tiểu sử của con người điên khùng này, cậu sẽ thấy tất cả những mưu đồ đại sự của y đều khơi nguồn cho việc để mình bị giết bởi bàn tay một người đàn bà[195], thì thay vì ngưỡng mộ sự nghiệp anh hùng tự xưng đó, cậu sẽ thấy gì trong toàn bộ các chiến công của vị tướng soái tài ba như vậy, trong toàn bộ các âm mưu của một chính trị gia lỗi lạc như vậy, nếu không phải là chừng ấy bước đi để tìm đến viên ngói bất hạnh đó cho nó kết liễu đời y và các dự định của y bằng một cái chết ô nhục?

---

[193] * Bộ trưởng và cố vấn của Pyrrhus. Theo Plutarque, ông can ngăn ông hoàng này đi chinh phục nước Ý,.

[194] * Ví dụ như thành kiến về chiến công.

[195] * Y bị giết tại Argos do một bà cụ già đứng trên mái nhà ném viên ngói trúng đầu.

Tất cả những kẻ đi chinh phục không phải đều bị giết chết hết, tất cả những kẻ tiếm vị không phải đã thất bại hết trong sự chiếm đoạt của họ, và nhiều kẻ lại còn có vẻ hạnh phúc nữa đối với những người có đầu óc quá quen với những ý kiến tầm thường; nhưng nếu ai không để ý đến bề ngoài mà chỉ xét đoán hạnh phúc của con người theo trạng thái tâm hồn của người ấy, thì sẽ thấy những nỗi khổ ngay trong sự thành công, sẽ thấy các ham muốn của họ cùng những lo âu đang giày vò họ càng lan rộng ra và càng gia tăng cùng với vận may của họ, sẽ thấy họ hụt hơi khi tiến lên mà không bao giờ đạt đến giới hạn, sẽ thấy họ như hệt các du khách thiếu kinh nghiệm lần đầu tiên xông pha vào dãy núi Alpes, cứ tưởng rằng vượt một quả núi là sắp vượt được cả dãy Alpes, song khi lên tới đỉnh ngọn núi này lại sinh ra chán ngán vì trước mặt còn có những ngọn núi cao hơn.

Auguste sau khi đã khuất phục được đồng bào của mình và tiêu diệt hết các đối thủ, đã thống trị suốt bốn mươi năm trời một đế quốc rộng lớn chưa từng thấy: nhưng tất cả cái quyền lực vô biên đó có ngăn cản được chăng ông ta đập đầu vào tường và thét vang trong lâu đài mênh mông khi ông ta đòi Varus đền cho ông các binh đoàn đã bị tiêu diệt của mình?[196] Khi ông ta đã thắng tất cả các kẻ thù của mình thì những chiến thắng vô ích ấy đã giúp gì được cho ông ta, trong khi những thống khổ đủ loại này sinh không ngớt quanh mình, trong khi các bằng hữu thân thiết nhất mưu sát mình và lại phải khóc than vì sự nhục nhã hay cái chết của tất cả những người thân thuộc của mình? Kẻ bất hạnh ấy đã muốn thống trị thiên hạ nhưng lại không biết tề gia. Những gì đã xảy ra do sự sao lãng ấy? Ông ta đã chứng kiến cái chết đang độ thanh xuân của cháu ông[197], của con nuôi[198] của con rể ông[199], cháu trai của ông đã phải lâm vào cảnh ăn lông thú nhồi đệm giường để mong sống thêm được vài giờ trong đời sống khốn khổ của nó; và cháu gái cùng con gái ông sau khi đã làm ô danh ông, kẻ thì vì khốn cùng và đói khát mà chết trên hoang đảo; kẻ thì bị một cung thủ giết chết trong ngục tối. Cuối cùng chính ông ta, người duy nhất còn lại của gia đình vô phúc này đã lâm vào cảnh chính vợ ông

---

[196] * Tại khu rừng Teutberg ở Đức năm thứ 9 CN, hai vạn quân bị Arminius tàn sát, Varus chết ở trận này.

[197] * Đó là Marcellus chết năm 23.

[198] * Đó là Caïus chết năm 4.

[199] * Đó là Agrippa chết năm 12.

chỉ để lại một con quái vật[200] để sau này kế vị ông ta. Đó là thân phận một chúa tể thiên hạ đã từng được ca tụng biết bao về vinh quang và hạnh phúc. Tôi tin rằng liệu có lấy một ai trong đám người sùng bái các vinh quang và hạnh phúc ấy lại muốn chuốc lấy với cái giá phải trả như thế chăng?

Tôi lấy tham vọng làm ví dụ; những cuộc chơi của mọi dục vọng của con người đều cho những bài học giống nhau đối với ai muốn nghiên cứu lịch sử để tự biết về mình và trở nên đúng mực nhờ vào những người đã chết. Thời điểm đang tới gần là lúc mà cuộc đời của Antoine sẽ cho chàng thanh niên một bài học gần gụi hơn là bài học của Auguste. Émile sẽ không nhận ra được mình mấy nỗi trong các đối tượng xa lạ sẽ đập vào mắt mình suốt trong các nghiên cứu mới mẻ của cậu, nhưng cậu sẽ gạt được từ trước cái ảo tưởng của các đam mê khi nó chưa kịp nảy sinh; và vì thấy rằng bao giờ cũng vậy, các đam mê ấy làm cho con người mù quáng, cậu sẽ biết trước cái cách mà chúng sẽ làm cho đến lượt cậu bị mù quáng nếu có ngày cậu buông mình vào đó[201].

Tôi biết rằng, những bài học này là không thích hợp với cậu ấy; có thể nếu cần thì chúng sẽ là cho sau này và cũng không đầy đủ: nhưng các vị hãy nhớ cho rằng, đó không phải là những bài học mà tôi muốn rút ra từ việc nghiên cứu này. Khi mở đầu việc nghiên cứu, tôi đưa ra một mục tiêu khác; và chắc chắn rằng nếu như mục tiêu ấy chưa được làm đầy đủ thì đó sẽ là lỗi của người thầy giáo.

Các vị hãy nghĩ rằng khi lòng tự ái vừa mới phát triển, là cái tôi tương đối không ngừng hoạt động, và không bao giờ chàng trai quan sát những kẻ khác mà không quay nhìn lại mình và tự so sánh mình với họ. Vậy là cần phải biết rằng, cậu ta tự xếp mình vào thứ bậc nào trong đồng loại sau khi đã xem xét kỹ về họ. Tôi thấy cái cung cách mà người ta bảo thanh niên đọc lịch sử, có thể nói là người ta muốn biến chúng thành tất cả các nhân vật mà chúng thấy, người ta cố gò cho chúng lúc thì trở thành Cicéron, lúc thì thành Trojan, lúc lại thành Alexandre, thế là làm chúng nản lòng khi trở về với chính mình; thế là làm cho mọi thanh niên đều tiếc rẻ rằng mình sao lại chỉ là mình thôi. Phương

---

[200] * Đó là Tibère, con trai riêng của Livie, vợ ba của Auguste, được nhận làm con nuôi, kế vị lúc 45 tuổi vào năm 14, một kẻ khôn khéo, độc ác và đa nghi.

[201] Bao giờ cũng chính là thành kiến dấy lên sự mãnh liệt của đam mê trong lòng ta. Ai chỉ nhìn thấy điều tồn tại và chỉ trong điều mình biết thì chẳng ham hố gì. Các phán đoán sai tạo ra sự mãnh liệt của mọi ham muốn (Ghi chú trong bản viết tay của tác giả).

pháp này cũng có một vài lợi thế nào đó mà tôi không chối cãi đâu, nhưng với Émile của tôi nếu cậu, khi đối chiếu như thế mà có một lần duy nhất, thích làm một người khác hơn mình, dù cái người khác ấy có là Socrate, có là Caton, thì mọi sự hỏng hết: con người bắt đầu tự trở nên xa lạ với chính mình, rồi chẳng lâu la gì mà quên mất mình hoàn toàn.

Thật chẳng phải là các triết gia hiểu biết hơn cả về con người đâu; họ chỉ thấy con người qua các thành kiến của triết học và tôi chẳng biết có nghề nghiệp nào nhiều thành kiến đến như thế. Một con người hoang dã xét đoán chúng ta lành mạnh hơn là cách xét đoán của nhà triết học. Nhà triết học nhận ra các tật xấu của mình và phẫn nộ trước những thói xấu của chúng ta và tự nhủ: Chúng ta đều độc ác cả; còn người hoang dã lại nhìn chúng ta mà chẳng hề động lòng và nói: các anh là những thằng khùng. Anh ta có lý đấy, bởi vì chẳng có ai làm điều ác vì điều ác. Học trò của tôi là con người hoang dã này, với sự khác biệt ấy mà Émile vì suy nghĩ nhiều hơn, vì so sánh các ý tưởng nhiều hơn, vì thấy các sai lầm của chúng ta ở cận cảnh hơn, nên *cảnh giác hơn* với chính mình và chỉ nên xét đoán từ cái mà cậu ta biết rõ.

Chính các đam mê của mình kích thích chúng ta chống lại các đam mê của người khác; chính lợi ích của chúng ta làm cho chúng ta căm ghét những kẻ độc ác; nếu như họ không làm gì hại cho chúng ta, thì chúng ta sẽ thương hại nhiều hơn căm ghét họ. Điều tệ hại mà kẻ ác tạo ra cho chúng ta làm chúng ta quên mất điều tệ hại mà bọn chúng làm cho chính mình. Chúng ta tha thứ dễ dàng hơn các thói xấu của chúng nếu chúng ta biết được tự trong lòng chúng trách phạt mình biết bao nhiêu. Chúng ta nhận ra tội lỗi nhưng không thấy sự trừng phạt; lợi thế thì bộc lộ ra ngoài còn nỗi đau lặn vào bên trong. Kẻ nào tưởng hưởng thụ được thành quả của các thói hư tật xấu của mình thì cũng bị day dứt chẳng kém khi không kiếm chác được gì; mục tiêu bị thay đổi nhưng sự khắc khoải vẫn như nhau; chúng uổng công phô trương vận may và giấu kín tâm địa chúng, nhưng hành vi của chúng lột trần điều đó ra ngoài ý muốn của chúng: mà để thấy điều đó thì chẳng cần phải có một điều nào tương tự.

Những đam mê mà chúng ta chia sẻ hấp dẫn chúng ta; những đam mê nào động chạm đến lợi ích của chúng ta khiến chúng ta bị kích động và do một sự khinh suất chúng gây ra cho chúng ta, chúng ta lại trách người khác về cái mà chúng ta muốn bắt chước họ. Sự oán ghét và ảo tưởng là không sao tránh khỏi khi ta buộc phải chịu đau khổ từ người khác vì điều ác mà ta sẽ gây ra nếu ta ở vào vị trí của người đó.

Vậy thì phải làm gì để quan sát cho rõ con người? Phải có nhiều thích thú khi tìm hiểu họ, còn phải thật vô tư khi xét đoán về họ, phải có một trái tim đủ nhạy cảm để hiểu được mọi đam mê của con người và đủ bình thản để đừng thử nếm trải chúng. Nếu như trong cuộc sống có một thời điểm thuận lợi cho việc nghiên cứu này thì đó là thời điểm mà tôi đã chọn cho Émile: nếu sớm hơn, thì những người này thật xa lạ với cậu ta, nếu chậm hơn cậu ta lại thấy mình giống như họ. Dư luận mà cậu ta nhìn thấy sự vận động vẫn chưa chế ngự được cậu; những đam mê mà cậu nhận ra tác dụng của nó không hề lay động trái tim cậu. Cậu là người đàn ông, quan tâm đến những người anh em; cậu công bằng, cậu xét đoán về những người cùng trang lứa với mình. Mà chắc chắn rằng nếu cậu xét đoán đúng về họ thì cậu chẳng muốn ở vào địa vị của bất cứ ai trong bọn họ, bởi vì cái đích của mọi nỗi băn khoăn day dứt mà họ tự chuốc lấy đều là dựa trên những thành kiến mà cậu không có; đối với cậu, đó là chỉ như một cái đích vu vơ, vô nghĩa. Đối với cậu, mọi cái cậu muốn đều ở ngang tầm tay. Liệu cậu có lệ thuộc vào ai khi mà cậu tự mình thấy là đủ cho mình và tự do không bị trói buộc bởi các thành kiến? Cậu có những cánh tay, có sức khỏe[202], biết sự chừng mực, có ít nhu cầu và có thể thỏa mãn những nhu cầu ấy. Được nuôi dưỡng trong sự tự do hoàn hảo nhất, điều tệ hại lớn nhất mà cậu quan niệm là sự lệ thuộc. Cậu ái ngại cho các vua chúa đáng khinh ấy, trở thành nô lệ cho bất cứ kẻ nào vâng lời họ; cậu ái ngại cho những người giả bộ hiền minh ấy, bị trói buộc vào danh vọng hão; cậu ái ngại cho bọn trọc phú ấy, những kẻ thống khổ vì sự xa hoa của mình, cậu ái ngại cho những kẻ khoái lạc để phô trương ấy, dành cả cuộc đời mình cho nỗi buồn chán để ra vẻ có lạc thú. Cậu sẽ còn ái ngại cho cả kẻ thù đã làm hại chính cậu; bởi lẽ trong sự độc ác của chúng, cậu nhìn ra sự khốn khổ của chúng. Cậu tự nhủ rằng: Vì muốn làm hại mình mà con người ấy đã đem số phận của hắn phụ thuộc vào số phận của mình.

Còn một bước nữa là chúng ta đến đích. Lòng tự ái là một phương tiện hữu ích, nhưng nguy hiểm; thường là nó gây thương tổn cho bàn tay sử dụng nó, và ít khi làm được điều thiện mà không đi kèm với cái ác. Émile vì nhận rõ thứ bậc của mình trong loài người và thấy mình thật hạnh phúc được ở cương vị ấy sẽ coi công trình lý trí của các vị là công lao của lý trí cậu ta, và coi hiệu quả hạnh phúc của cậu ta là thành tích của lý trí ấy. Cậu tự nhủ mình thì đứng

---

[202] Tôi tin rằng, có thể căn cứ chắc chắn ở sức khỏe và thể trạng tốt để ước lượng các thành quả thu được từ sự giáo dục của cậu hay đúng hơn là những gì tự nhiên đã dành cho cậu trong sự giáo dục.

đần còn mọi người đều điên cả. Trong khi thương hại họ, cậu sẽ khinh rẻ họ; trong khi tự khen mình cậu sẽ tự quý trọng mình hơn; và khi thấy mình hạnh phúc hơn họ, cậu sẽ cho rằng mình xứng đáng để hưởng hạnh phúc hơn. Đấy là cái sai lầm đáng sợ nhất vì đó là sai lầm khó sửa nhất. Nếu cậu còn tiếp tục giữ tâm thế ấy thì cậu sẽ chẳng thu nhận được mấy ở những chăm sóc của chúng ta; và nếu phải lựa chọn thì tôi chưa biết liệu tôi có ưa ảo tưởng của các thành kiến hơn ảo tưởng của thói kiêu ngạo không.

Các vĩ nhân không hề lạm dụng ưu thế của họ; họ biết là mình có ưu thế, họ cảm nhận được như thế nhưng không hề vì thế mà kém phần khiêm nhường. Họ càng có nhiều thì họ lại càng biết những gì họ còn thiếu. Họ ít tự phụ về sự nổi trội của họ so với chúng ta và họ thấy tự ti nhiều hơn vì ý thức về nỗi khốn khổ của họ; với trong những lợi thế đặc hữu của mình, do họ quá biết điều nên không tự phụ về một tư chất mà họ không tự làm ra cho mình. Người có từ tâm thì có thể tự hào về đức độ của mình, bởi vì đức độ thuộc về họ, nhưng người có tài trí thì tự hào về cái gì? Racine đã làm gì để không phải là Pradon? Boileau đã làm gì để không phải là Cotin?

Ở đây lại còn là một chuyện khác hẳn nữa. Chúng ta hãy vẫn ở nguyên trong trật tự chung. Tôi không cho rằng ở người học trò của tôi có một tài năng siêu việt hay một lý trí bị hạn chế. Tôi đã chọn nó trong số những đầu óc thông thường để chứng tỏ cái mà giáo dục có thể làm được cho con người. Mọi trường hợp hiếm gặp đều là ngoại lệ. Vậy có vì những kết quả chăm sóc của tôi mà Émile ưu thích cách sống, cách nhìn nhận, cách cảm nhận của mình hơn cung cách của những người khác thì Émile có lý đấy; nhưng khi cậu ta vì điều đó mà cho rằng mình có một bản chất tốt đẹp hơn, sinh ra đã may mắn hơn so với những người kia thì Émile sai rồi: cậu ta lầm lẫn; cần phải làm cho cậu ta tỉnh ngộ hay đúng hơn là ngừa trước sai lầm vì sợ rằng sau này muốn diệt trừ sai lầm ấy thì quá muộn.

Không có cuồng vọng nào mà ta không thể chữa khỏi được cho một con người chẳng phải là người điên, ngoài tính kiêu căng; đối với cái thói ấy thì chỉ có thể chữa được bằng sự trải nghiệm, nếu như dù sao cũng có thể sửa được vài điều; ít ra là có thể ngăn cản nó phát triển ngay lúc nó nảy sinh. Vậy các vị đừng lạc vào những lập luận hay ho để chứng minh cho thanh niên rằng nó cũng là người như những con người khác và cũng có những nhược điểm của họ. Hãy làm cho nó cảm nhận điều đó hoặc là chẳng bao giờ nó biết được điều đó. Ở đây lại vẫn là một ngoại lệ cho các quy tắc riêng của tôi, đó chính là

trường hợp cố ý đưa học trò của tôi lâm vào mọi tai biến có thể chứng tỏ rằng nó không khôn ngoan hơn chúng ta. Sự phiêu lưu của nhà ảo thuật sẽ lặp lại bằng hàng ngàn cách khác nhau, tôi sẽ để cho những kẻ nịnh hót chiếm hoàn toàn lợi thế đối với nó: nếu những kẻ dại dột có lôi kéo nó vào vài trò ngông cuồng gì đó thì tôi sẽ để cho nó bị nguy hiểm đe dọa; nếu bọn cờ bạc bịp có tấn công nó trong ván bài thì tôi cũng để kệ cho hắn bị chúng lừa[203]; tôi cũng kệ cho nó bị bọn nịnh hót, bóc lột, ăn trộm sạch; và khi nó đã bị lấy sạch và bọn chúng sẽ kết thúc cuộc chơi bằng sự chế giễu nó, tôi sẽ cám ơn chúng nữa kia về các bài học chúng đã vui lòng dạy cho nó. Chỉ riêng có các cái bẫy mà tôi hết sức thận trọng tránh cho nó khỏi bị vướng vào, đó là bẫy của bọn đàn bà đĩ thõa. Những sự nương nhẹ duy nhất của tôi đối với nó là tôi sẽ chia sẻ với nó mọi nguy hiểm mà tôi để cho nó bị đe dọa và mọi điều lăng nhục mà tôi đã mặc cho nó chuốc lấy. Tôi sẽ chịu đựng mọi điều trong im lặng, không than vãn, không trách mắng, chẳng bao giờ nói với nó về chuyện ấy một lời, cứ cho rằng ở ông thầy chỉ có những hiểu biết hạn chế như hiểu biết của nó, và xin quý vị hãy tin rằng bằng sự thận trọng được giữ gìn lâu bền ấy, mọi điều mà nó sẽ được thấy tôi phải chịu đựng vì nó sẽ gây được nhiều ấn tượng trong lòng nó hơn điều mà nó sẽ phải tự mình chịu lấy.

Tôi không sao đừng được việc nêu lên ở đây sự trang nghiêm giả tạo của các gia sư, vì muốn đóng vai hiền minh một cách ngu ngốc mà hạ thấp giá trị của học trò mình, cố ý đối xử với chúng luôn luôn như là với trẻ con và bao giờ cũng tỏ ra tách biệt cao đạo với chúng trong mọi việc mà họ bảo chúng phải

---

[203] Vả chăng, học trò của chúng ta sẽ ít bị mắc bẫy, vì có biết bao trò giải trí vây quanh nó, vì nó là con người chẳng chán đời, và nó chỉ hơi biết tiền dùng để làm gì. Người ta lôi kéo con trẻ bằng hai động cơ là cái lợi và sự kiêu căng, chính hai động cơ này lại được bọn đàn bà đĩ thõa và bọn lừa đảo sử dụng để khuynh loát bọn họ sau này. Khi các vị thấy người ta kích thích lòng khát khao của chúng bằng các giải thưởng, bằng các phần thưởng, khi các vị thấy trẻ mười tuổi vỗ tay trong một màn công diễn ở nhà trường, thì các vị thấy bằng cách nào mà đã làm cho chúng đến năm 20 tuổi bỏ hết túi tiền của mình vào sòng bạc, và sức khỏe của mình vào một chốn xấu xa. Luôn luôn có sự đoán chắc rằng, đứa học giỏi nhất lớp sẽ trở thành tay ham chơi nhất và thành đứa hư hỏng nhất. Thế mà các phương sách chẳng hề được dùng trong tuổi thơ không gặp cái tệ như thế ở tuổi thanh niên. Nhưng ở đây ta phải nhớ rằng, châm ngôn không thay đổi của tôi là đặt mọi chuyện ở khắp nơi vào trạng thái tệ nhất. Trước hết tôi tìm cách phòng ngừa tật xấu. Sau đó, tôi giả định nó nhằm sửa chữa nó.

làm. Đừng làm giảm dũng khí tuổi trẻ của chúng như vậy, mà cũng đừng tiếc gì sức mình để nâng cao tâm hồn chúng; hãy đối xử ngang hàng với chúng để cho chúng trở nên xứng đáng với vị thế ấy; và nếu chúng vẫn còn chưa tự nâng mình nên ngang hàng với các vị, thì các vị hãy xuống thấp ngang với chúng mà không hổ thẹn, không ngại ngần gì. Các vị hãy nghĩ rằng vinh dự của các vị không còn ở chỗ các vị nữa mà đang ở chỗ học trò của mình; hãy chia sẻ các lỗi lầm của nó để giúp nó sửa đổi. Hãy gánh vác lấy sự hổ thẹn của nó để xóa đi; hãy bắt chước người La Mã trung hậu nọ, khi thấy đoàn quân của mình tháo lui mà không sao tập hợp lại được, ông ta bèn chạy lên hàng đầu đoàn quân và thét lên: *quân ta không tháo chạy đâu mà đang theo người chỉ huy của mình*. Liệu rằng ông ta có mất danh dự của mình về chuyện ấy không? Đâu phải như vậy, vì hy sinh vinh dự của mình như thế mà ông ta đã tăng vinh dự ấy lên nhiều. Sức mạnh của nghĩa vụ, cái cao đẹp của đức hạnh dù ta không muốn cũng khiến chúng ta tán thành và lật ngược những thành kiến điên rồ của chúng ta. Nếu như tôi bị một cái tát khi đang làm tròn chức trách của mình bên cạnh Émile, thì thay vì trả thù về cái tát ấy, tôi sẽ đi khắp nơi rêu rao về nó và tôi sợ rằng trên đời này làm sao có được lấy một người đủ hèn hạ[204] để không vì chuyện này mà tôn trọng tôi hơn lên.

Không phải người học trò cần giả định ở ông thầy những hiểu biết cũng chỉ hạn chế như hiểu biết của nó và cũng dễ dàng bị cám dỗ như nó. Ý kiến này là đúng cho một đứa trẻ khi còn chưa biết gì, chưa biết so sánh gì hết, đặt tất cả mọi người ngang tầm với nó và chỉ tin vào những người nào biết thực sự đặt mình vào vị thế ấy. Nhưng một thanh niên ở lứa tuổi Émile và cũng có ý thức như cậu ấy thì không còn đủ ngu ngốc để cho mình bị lừa phỉnh như thế, và sẽ không tốt nếu anh ta bị lừa phỉnh. Lòng tin mà học trò phải có đối với người gia sư của mình thuộc về một loại khác: lòng tin ấy phải căn cứ vào uy tín của lẽ phải, vào tầm cao hơn của sự hiểu biết, những lợi thế mà chàng thanh niên có khả năng biết được và cảm thấy có ích cho mình. Một sự trải nghiệm lâu dài đã thuyết phục anh ta rằng, anh ta được người hướng dẫn của mình yêu quý; rằng người hướng dẫn này là một người thông thái và đúng đắn, ông ta vì mong muốn cho anh được hạnh phúc mà biết cái gì có thể đem lại cho anh ta hạnh phúc ấy. Anh ta phải biết rằng, vì lợi ích của chính mình, anh ta nên nghe theo lời khuyên của ông. Mà nếu như ông thầy lại để mình bị lừa giống như đệ tử của mình, thì ông ta mất cái quyền đòi hỏi được đồ đệ tôn trọng và cái quyền cho

[204] Tôi đã lầm, tôi đã phát hiện được một người như thế: đó là ông Formey.

anh ta các bài học. Học trò lại càng cần ít nghĩ rằng, ông thầy cố ý để anh ta rơi vào các cạm bẫy và giăng bẫy cho sự chất phác của anh ta. Vậy phải làm sao đây để tránh được đồng thời cả hai điều bất lợi ấy? Cách tốt nhất và tự nhiên nhất: sống giản dị và thật thà như anh ta, cảnh báo cho anh ta những nguy hiểm mà anh ta đang lâm vào; chỉ cho anh ta thấy rõ ràng và để cho anh ta cảm nhận được, nhưng không nói quá mức cần thiết, không cáu giận, không phô trương sáng suốt rờm, nhất là đừng để sự cảnh báo của các vị thành các mệnh lệnh, chờ cho đến lúc những lời cảnh báo này cần phải như thế, và cho đến lúc cái giọng ra lệnh ấy hoàn toàn cần thiết. Liệu nó có khăng khăng giữ ý định của mình sau việc này chăng, như nó vẫn hay làm thế? Lúc đó xin đừng nói thêm gì với nó nữa; xin hãy cứ để nó tự do hành động, xin hãy theo nó, bắt chước nó sao cho thật vui vẻ, thành thật, hãy buông mình, hãy vui chơi như nó nếu có thể. Nếu các hậu quả trở nên quá nghiêm trọng thì các vị vẫn luôn luôn ở đó chặn chúng lại; và trong khi đó chàng trai, chứng kiến sự tiên đoán của quý vị và sự chiều chuộng của các vị lại chẳng xiết bao ngạc nhiên vì tài tiên đoán đồng thời xúc động vì sự ân cần chiều ý hay sao! Mọi lỗi lầm của nó đều là bấy nhiêu mối dây liên hệ mà nó cung cấp cho các vị để giữ nó lại khi cần. Mà ở đây cái tạo nên nghệ thuật cao tay nhất của người thầy là tìm cơ hội và lựa lời cổ vũ để biết trước được lúc nào nó sẽ chịu nghe lời mình và lúc nào nó sẽ cứ như bỏ ngoài tai, nhằm bủa vây nó khắp mọi nơi bằng các bài học của sự trải nghiệm mà không bao giờ để nó lâm vào những nguy hiểm quá lớn.

Hãy chỉ bảo cho nó các lỗi lầm của nó trước khi nó sa vào: khi nó đã phạm lỗi thì đừng quở trách gì hết, vì như thế các vị sẽ chỉ kích thích và xúi giục lòng tự ái của nó mà thôi. Một bài học gây sự tức giận thì chẳng ích gì. Tôi không thấy có gì ngu xuẩn hơn là câu *Tôi đã nói rất rõ về điều ấy với cậu từ trước rồi kia mà*. Cách tốt nhất làm cho nó ghi nhớ những gì người ta nói với nó là tỏ ra như ta đã quên các điều đó rồi. Trái lại, khi các vị thấy nó xấu hổ vì đã không tin các vị thì hãy xóa bỏ nỗi nhục ấy một cách nhẹ nhàng bằng những lời lẽ ôn tồn. Chắc chắn rằng nó sẽ yêu quý các vị khi thấy các vị quên mình vì nó, và đáng lẽ là áp chế nó thì các vị lại an ủi nó. Nhưng nếu các vị thêm những lời trách móc vào nỗi buồn của nó thì nó sẽ thù ghét các vị và sẽ quyết ý không nghe lời các vị nữa, như để chứng tỏ với các vị rằng, nó không nghĩ như các vị về tầm quan trọng của những lời cảnh báo của các vị.

Lối an ủi của các vị lại còn có thể là một sự dạy dỗ cho nó càng có ích hơn bởi nó sẽ không ngờ vực điều ấy. Khi các vị nói với nó, tôi giả định như thế này, rằng có đến hàng ngàn kẻ khác cũng mắc các lỗi ấy, các vị đặt nó vào một

tình trạng mà nó không tính đến: các vị sửa lỗi lầm của nó mà chỉ có vẻ như thương xót nó: bởi vì đối với kẻ nào cho rằng mình có giá trị hơn những người khác, thì tự an ủi mình bằng những tấm gương của những người khác ấy là một lối tạ lỗi rất nhục nhã; đó chính là do hiểu rằng điều hắn có thể tự thị nhiều nhất là những người khác không hơn gì hắn.

Thời kỳ của các lỗi lầm là lúc học các bài ngụ ngôn. Bằng cách chỉ trích kẻ phạm lỗi thông qua những bộ mặt xa lạ, người ta giáo dục nó mà không xúc phạm đến nó; và lúc đó nó hiểu rằng bài ngụ ngôn răn đời không phải là lời nói dối, nhờ ở sự thật mà nó đã tự mình áp dụng. Đứa trẻ nào chưa từng bao giờ bị người ta lừa gạt bằng những lời tán tụng thì chẳng hiểu gì về bài ngụ ngôn mà tôi đã xét đến trước kia[205] nhưng đứa dại khờ vừa mới bị một tên nịnh hót lừa phỉnh thì nhận ra rất tài tình rằng con quạ chỉ là một thằng ngốc. Thế là từ một sự kiện nó rút ra những phương châm; và sự trải nghiệm mà có lẽ chẳng mấy chốc nó quên đi lại khắc ghi trong óc phán đoán của nó nhờ bài ngụ ngôn. Không có một hiểu biết luân lý nào mà người ta lại không thể thu nhận được do kinh nghiệm của người khác hay do sự trải nghiệm của chính mình. Trong trường hợp mà sự trải nghiệm này là nguy hiểm thì người ta rút ra bài học cho mình từ lịch sử thay vì bản thân tự trải nghiệm. Khi cuộc thử thách không gây ra hậu quả nặng nề thì cứ để cho chàng trai tiếp tục chịu đựng là điều tốt; tiếp đó, bằng bài ngụ ngôn luân lý mà ta biên soạn thành các châm ngôn về những trường hợp riêng biệt mà chàng trai đã biết.

Tuy nhiên, tôi không muốn rằng, các châm ngôn này phải được phát triển cũng như phải được nêu lên, không có gì vô ích và cũng không có gì dễ bị hiểu lầm bằng câu luân lý dùng để kết thúc phần lớn các bài ngụ ngôn, chẳng khác nào như câu luân lý ấy chưa từng hay chưa được hiểu trong chính truyện ngụ ngôn ấy, để làm cho câu luân lý ấy dễ được độc giả cảm nhận! Vậy thì tại sao khi thêm luân lý này vào cuối bài, ta lại tước mất cái thú của độc giả là tự mình tìm ra điều ấy? Tài năng giáo dục là làm cho con người thích học. Song, muốn cho anh ta thích học thì không nên để trí óc anh ta thụ động với tất cả mọi điều các vị nói với anh ta đến mức anh ta chẳng cần làm gì hết để hiểu được các vị. Lòng tự ái của người thầy bao giờ cũng phải dành vài phần cho lòng tự ái của nó; phải để cho nó có thể tự nhủ rằng: tôi hiểu, tôi thấu triệt, tôi hành động, tôi tự học hỏi. Một trong những việc làm cho nhân vật Pantalon trong hài kịch Ý trở nên chán ngán là ý giải thích thật là cẩn thận cho khán giả

[205] * Bài *Quạ và cáo* ở Quyển hai.

những điều tầm phào mà người ta đã nghe quá nhiều rồi. Tôi không thích người gia sư là nhân vật Pantalon ấy, càng không thích hơn nữa gia sư là một tác gia. Ta cần luôn luôn cho người ta hiểu mình nhưng đừng có bao giờ nói luôn ra hết cả: ai mà nói ra tất cả tức là nói rất ít các sự việc vì rốt cuộc là người ta không nghe ông ta nữa. Bốn câu thơ mà La Fontaine thêm vào bài con ếch phình bụng[206] có nghĩa gì? Ông ta sợ người ta không hiểu nổi bài ấy chăng? Liệu nhà họa sĩ lớn ấy có cần phải viết tên dưới các vật mà ông vẽ chăng? Như vậy là đáng lẽ phải khái quát hóa bài học luân lý thì ông ta lại biệt

---

[206] * Tác giả nhắc tới bài ngụ ngôn *La Grenouille qui veut se faire aussi grosse que le Boeuf* của La Fontaine. Dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh dịch như sau:

Đua đòi:

Một con Ếch nhìn con Bò đực,
Tướng vạm vỡ, vai ngực nở nang,
Đi đứng oai vệ gọn gàng,
Thích chí, Ếch muốn sẵn sàng tranh đua.
Thân hình nó to bằng quả trứng,
Cố phình lên tương xứng với Bò.
Nhờ một người bạn phụ lo
Vai trò giám khảo, phê cho công bình.
Nó la lớn: "Ớ, nầy hỡi bạn,
Bụng tôi phình, hết hạn to rồi,
Bằng chưa? " - "Còn nhỏ, bạn ôi!"
"Lớn thêm chút nữa?" - "Chao ôi, chưa bằng!"
Ếch cố gắng phình thêm, thêm nữa,
Bạn cứ đáp: "Vẫn chưa thấy gì!"
-"Hơn chưa, nói lẹ lên đi?"
Bỗng "đùng", tiếng nổ, bụng xì, vỡ tung!
Ếch bỏ mạng thật là khờ dại:
Ráng đến đâu cũng phải thua Bò.
Ích gì chi tiết nhỏ, to,
Mà cố tranh đấu, rõ trò u mê!

Thế gian đầy kẻ khờ như Ếch,
Mải đua đòi nên chết thảm thương.
An phận: hạnh phúc trăm đường,
Thong dong tự tại, là phương thuốc thần.

hóa nó, thu hẹp nó về cái ví dụ đã kể và cản trở người ta áp dụng vào các trường hợp khác. Tôi muốn rằng, trước khi đưa cái bài ngụ ngôn của tác giả không ai bắt chước nổi này vào tay bọn trẻ thì nên cắt bỏ hết các kết luận mà qua đó ông ta đã cố công giải thích điều ông ta vừa mới nói xong một cách vừa sáng sủa vừa thú vị. Nếu học trò của các vị chỉ hiểu bài ngụ ngôn có sự giải thích ấy thì xin cứ tin rằng, nó sẽ không hiểu gì về bài ấy dù có sự giải thích như vậy.

Lại còn cần phải sắp xếp các bài ngụ ngôn ấy theo một thứ tự hợp với việc dạy học hơn và phù hợp với tiến trình của các tình cảm và hiểu biết của đứa trẻ hơn. Liệu người ta có quan niệm được rằng, chẳng có cái gì kém hợp lý hơn là việc đi theo chính xác các số thứ tự của quyển sách mà chẳng cần đếm xỉa gì đến nhu cầu và thời cơ không? Trước hết là con quạ, rồi đến con ve sầu[207], rồi đến con ếch, rồi đến hai con la v.v... Tôi rất phiền lòng về hai con la này, vì tôi nhớ rằng đã từng thấy một đứa trẻ được dạy dỗ để theo nghề tài chính và người ta làm nó choáng váng về công việc nó sẽ làm, đọc bài ngụ ngôn ấy, học bài ấy, lặp đi lặp lại hàng trăm lần bài ấy mà chẳng bao giờ rút ra được một mảy may phản kháng nào của nghề mà người ta định dành cho nó. Không những tôi chưa từng bao giờ thấy trẻ con áp dụng hẳn hoi các bài ngụ ngôn mà chúng đã học, mà tôi cũng chẳng bao giờ thấy ai quan tâm đến việc bảo chúng phải áp dụng. Cái cớ của việc học ngụ ngôn này là việc dạy đạo đức, nhưng cả một hoạt truyện mới chiếm được cái mục tiêu thực sự của bà mẹ và đứa con, còn như nó có đọc thuộc những bài ngụ ngôn của mình thì khi lớn lên cũng quên hết sạch, khi mà chẳng còn là vấn đề đọc thuộc các bài ấy nữa mà phải vận dụng chúng cho có ích. Thêm một lần nữa, việc tự học trong các truyện ngụ ngôn là chỉ dành cho người lớn; và đây là lúc bắt đầu việc đó đối với Émile.

Tôi chỉ vạch ra từ xa bởi vì tôi cũng không muốn nói ra hết tất cả về những con đường dẫn ta đi khác hướng những con đường tốt đẹp, nhằm làm cho người ta học được cách tránh xa chúng. Tôi tin rằng, cứ theo con đường mà tôi đã chỉ ra thì học trò của các vị sẽ mua được kiến thức của mọi người và của chính mình với giá rẻ nhất có thể; rằng các vị hãy đặt nó vào vị trí quan sát sự biến đổi của thời vận mà không đố kỵ với số phận của những người được thời vận ưu ái, và bằng lòng về mình mà không tự coi mình khôn

---

[207] Phải ghép vào đây sự đính chính của ông Forney. Đó là con ve sầu rồi đến con quạ v.v...

ngoan hơn người. Các vị cũng nên bắt đầu cho nó thành diễn viên để rồi lại làm khán giả: mà phải làm đến nơi đến chốn, bởi vì từ hàng ghế của khán giả người ta nhìn các sự vật như chúng biểu hiện, còn từ trên sân khấu người ta thấy các sự vật này như chúng vốn là như thế. Để bao quát được cái tổng thể phải tự đặt mình vào điểm quan sát, phải tiếp cận để thấy được các chi tiết. Nhưng với tư cách gì mà một chàng thanh niên thâm nhập vào những việc đời? Mà nó có quyền gì được khai tâm trong các bí mật ám muội đó? Những trò tầng tịu đàng điếm giới hạn các hứng thú của lứa tuổi nó; nó chỉ mới có bản thân nó để tùy nghi sử dụng; vậy cũng như thể nó chẳng có gì hết để tùy nghi sử dụng. Con người là thứ hàng hóa ít giá trị nhất, và, trong số các quyền hệ trọng về sở hữu của chúng ta thì nhân quyền bao giờ cũng là ít quan trọng hơn cả.

Khi tôi thấy ở lứa tuổi hoạt động mạnh mẽ nhất này mà người ta cứ hạn chế lớp trẻ trong sự nghiên cứu thuần túy tư biện và sau đó họ đột nhiên bị ném vào đời và vào công việc mà chẳng có lấy chút kinh nghiệm nào, tôi thấy người ta làm trái ý lý trí chẳng kém trái ý cái tự nhiên, và tôi cũng chẳng lạ gì khi quá ít người biết cách xử sự ở đời. Do lối suy nghĩ kỳ cục nào mà người ta dạy chúng ta bao nhiêu là chuyện vô bổ, trong khi chẳng đếm xỉa gì đến nghệ thuật hành động?Người ta có tham vọng đào tạo chúng ta cho xã hội mà lại dạy dỗ chúng ta cứ như là ai trong chúng ta cũng chỉ sống một mình mà tha hồ suy nghĩ trong phòng riêng, hoặc là luận giải các chủ đề vu vơ với những kẻ thờ ơ. Các vị tưởng dạy cho con cái mình biết cách sống là dạy cho nó những cách uốn éo thân thể và vài công thức ăn nói nhất định, thật là vô nghĩa. Tôi cũng vậy, tôi đã dạy cho Émile của tôi biết cách sống; bởi vì tôi đã dạy cho nó học được cách sống với chính nó, và, hơn nữa, biết kiếm lấy miếng ăn. Nhưng như thế là chưa đủ. Để sống trong cuộc đời, cần phải biết cư xử với mọi người, phải biết những phương tiện giúp nắm được họ, phải tính toán lường trước tác động và phản ứng của lợi ích riêng trước xã hội dân sự và tiên đoán thật đúng đắn các biến cố để ta ít khi lầm lẫn trong công việc mình tiến hành hoặc ít ra là bao giờ cũng chọn được những phương sách tốt nhất để thành đạt. Các đạo luật không cho phép người ít tuổi thực hiện việc kinh doanh riêng của mình và có toàn quyền sử dụng tài sản riêng của mình: nhưng những thận trọng này làm sao mà phục vụ cho họ được nếu như đến độ tuổi đã định họ chưa thể thu nhận được kinh nghiệm gì? Họ sẽ chẳng kiếm được gì vì chờ đợi và mọi chuyện cũng vẫn cứ là mới mẻ ở tuổi hai mươi lăm giống y như ở tuổi mười lăm. Rõ ràng là phải ngăn chặn một người trẻ tuổi bị mù quáng do dốt nát

hoặc bị lầm lẫn do các đam mê của hắn mà tự mình làm hại chính mình; nhưng ở tuổi nào cũng vậy, nó đều được phép có thiện tâm, ở lứa tuổi nào người ta cũng có thể bảo vệ, dưới sự điều khiển của một người khôn ngoan, những kẻ bất hạnh chỉ cần có chỗ dựa.

Các vú nuôi, các bà mẹ quyến luyến với con trẻ bằng những chăm sóc của họ cho chúng; việc rèn luyện đạo đức xã hội thấm vào tận đáy lòng tình yêu nhân loại: chính là khi làm điều tốt người ta trở thành người tốt; tôi không thấy sự thực hành nào chắc chắn hơn. Hãy làm cho học trò của các vị luôn bận rộn trong mọi hành động tốt vừa ngang tầm trình độ của chúng, sao cho lợi ích của những kẻ bần hàn luôn luôn là lợi ích của nó; sao cho nó không giúp đỡ họ bằng riêng túi tiền của mình mà bằng sự chăm sóc của mình; sao cho nó phục vụ cho họ, bảo vệ họ, sao cho nó dành cho họ cả con người nó lẫn thì giờ của nó; nó tự làm cho mình thành người lo việc cho họ: cả đời nó cũng sẽ chẳng hoàn thành một công việc cao quý đến như vậy. Biết bao người bị chà đạp mà người ta chưa từng được nghe, sẽ được hưởng công lý, khi nó đòi hỏi điều đó cho họ với lòng cương quyết đến gan lì được tạo nên do sự rèn luyện về đạo đức; khi nó phá cửa xông vào các nhà quyền quý và các nhà giàu, nếu cần thì nó sẽ đến tận chân ngai vàng để làm cho người ta phải nghe tiếng nói của những người bất hạnh mà mọi tiếp xúc đều bị khép lại vì sự khốn cùng của họ và vì nỗi sợ hãi bị trừng trị do những điều ác mà người ta đã gây ra cho họ đến nỗi họ không dám đau khổ về những nỗi khổ ấy!

Nhưng chúng ta có làm cho Émile có trở thành một hiệp sĩ lang thang, một hiệp khách, một dũng sĩ không? Liệu nó có đi can thiệp vào các việc công, làm người hiền minh và người bảo vệ pháp luật ở các nhà quyền quý, các thẩm phán, các cung điện của những ông hoàng, làm kẻ khẩn cầu các quan tòa và các luật sư ở tòa án không? Tôi chẳng biết gì về những chuyện này. Những danh từ khôi hài và lố bịch chẳng thay đổi gì được tính chất của sự việc. Nó sẽ làm tất cả những gì nó biết là hữu ích và tốt đẹp. Nó sẽ không làm gì hơn thế và nó biết rằng không gì có ích và tốt lành cho nó trong những việc không phù hợp với lứa tuổi của nó; nó biết rằng, bổn phận đầu tiên của nó là nghĩa vụ đối với chính mình: rằng thanh niên phải biết nghi ngờ chính mình, biết thận trọng trong cách cư xử, biết kính nể những người hơn tuổi mình, giữ gìn và kín đáo trong việc nói chuyện tào lao, thận trọng trong những việc vu vơ, nhưng táo bạo trong việc làm đúng và dũng cảm khi nói ra sự thật. Những người La Mã nổi tiếng từng sống như thế. Trước khi được trao trách nhiệm gánh vác công việc, họ dùng thời trẻ của mình để truy tìm tội ác và bênh vực người vô

tội, không vì cái gì khác ngoài lợi ích của sự học hỏi bằng cách phụng sự công lý và bảo vệ thuần phong mỹ tục.

Émile không thích ồn ào cũng như những cuộc cãi vã, không những là giữa người với nhau[208] mà cả giữa loài vật nữa. Nó không bao giờ suỵt hai con chó cắn nhau; không bao giờ làm cho con chó đuổi bắt con mèo. Tinh thần hòa bình đó là kết quả của việc giáo dục nó. Lối giáo dục này vì không hề dấy động lòng tự ái và tính tự phụ của nó nên đã xoay chuyển nó sang hướng khác hơn là đi tìm sự vui thích trong sự áp đảo và trong cảnh khổ sở của người khác. Nó đau khổ khi thấy người khác đau khổ, đó là một tình cảm tự nhiên. Điều làm cho một chàng trai thành ra chai sạn và thích xem hành hạ một sinh

---

[208] Nhưng nếu người ta tìm cách cãi nhau với chính nó thì nó sẽ xử sự như thế nào? Tôi trả lời rằng nó sẽ không cãi nhau bao giờ và cũng không bao giờ đủ sẵn sàng để làm chuyện ấy. Nhưng người ta sẽ nói tiếp rằng, rốt cuộc ai là người tránh khỏi cái tát hay sự nhục nhã gây ra cho mình bởi một tên cuồng bạo, một tên say rượu hoặc một tên đâm thuê chém mướn vì muốn giết mình mà gây sự bằng cách làm nhục mình? Đây lại là chuyện khác, không thể nào phó mặc danh dự và cả đến sinh mạng của mình cho bọn cuồng bạo, bọn say rượu hay bọn đâm thuê chém mướn được; mà người ta không tài nào phòng ngừa trước được một tai nạn như thế cũng như không phòng ngừa được một viên ngói rơi. Một cái tát hay một sự hạ nhục phải nhận hay phải chịu đựng có những ảnh hưởng dân sự mà không một sự khôn khéo nào có thể phòng ngừa cũng như chẳng tòa án nào có thể bênh vực kẻ bị áp bức. Sự bất lực của luật pháp trong chuyện này vì vậy trao cho người bị áp bức quyền độc lập xử lý; lúc ấy anh ta là người thẩm phán độc nhất, vị quan tòa độc nhất giữa kẻ áp bức và bản thân anh ta; anh là người phát ngôn độc nhất và là công sứ của luật tự nhiên; anh ta phải thực thi công lý và chỉ riêng mình anh ta có thể đòi công lý cho mình, và trên Trái đất này chẳng có chính phủ nào lại rồ dại đến mức trừng phạt anh ta vì đã thực hiện công lý trong trường hợp như vậy. Tôi không nói rằng anh ta phải đi đánh nhau; đó là một sự ngông cuồng; tôi nói là anh ta phải thi hành công lý cho mình và anh ta là người độc nhất ban phát công lý ở đây. Không cần đến bấy nhiêu chỉ dụ vô ích chống lại các cuộc đấu kiếm tay đôi, nếu tôi mà là chúa tể thì tôi đảm bảo sẽ không bao giờ xảy ra những cái tát, những sự nhục mạ trong các quốc gia của tôi và đó là nhờ một cách thật đơn giản mà các tòa án sẽ chẳng hề dính líu vào. Dù thế nào thì Émile biết rằng trong trường hợp như vậy, nó phải tự mình thực hiện công lý, và nó pnải theo gương vì sự an toàn của những người trọng danh dự. Việc con người vững vàng nhất ngăn không cho người khác lăng mạ mình không phụ thuộc vào anh ta, nhưng việc ngăn chặn người ta cứ huyênh hoang cái việc đã làm nhục được mình thì phụ thuộc vào anh ta.

thể có cảm giác chính là khi một sự phục hồi của tính kiêu ngạo làm cho nó tự coi mình như được miễn trừ các nỗi khổ ấy nhờ sự khôn ngoan hay nhờ ưu thế của mình. Kẻ nào mà người ta đã che chở khỏi lối suy nghĩ như thế không thể nào rơi vào tật xấu do lối nghĩ ấy tạo nên. Vậy là Émile thích hòa bình. Hình ảnh của hạnh phúc làm cho nó vui sướng và khi nó có thể góp phần tạo ra hạnh phúc là nó có thêm một phương tiện nữa để chia sẻ hạnh phúc ấy. Tôi không giả thiết rằng, khi thấy những người bất hạnh, đối với họ nó chỉ có cái lòng trắc ẩn khô khan và tàn nhẫn tự bằng lòng với sự xót thương suông với nỗi đau mà lòng trắc ẩn kia có thể chữa lành. Lòng từ thiện tích cực của nó chẳng mấy chốc đem lại cho nó những ánh sáng mà một trái tim cứng rắn hơn có lẽ không thể nào có được hay cũng có thể có được nhưng muộn hơn nhiều. Nếu nó phát hiện ra sự bất hòa giữa bạn bè của mình thì nó tìm cách hòa giải họ. Nếu nó thấy những người sầu khổ, nó sẽ thăm hỏi về nguyên nhân gây ra sự thống khổ của họ. Nếu nó thấy hai người thù ghét nhau, nó muốn biết nguyên nhân sự thù hận ấy. Nếu nó thấy một người bị ức hiếp than vãn về việc một nhà quyền quý hay một phú gia làm khó cho họ thì nó sẽ tìm hiểu xem sự gây khó dễ ấy được che giấu dưới những thủ đoạn nào; và vì nó quan tâm đến mọi kẻ khốn cùng, nên nó không bao giờ thờ ơ với những phương cách làm chấm dứt những thống khổ của họ. Vậy chúng ta phải làm gì để tận dụng các khuynh hướng ấy cho phù hợp với lứa tuổi của nó? Đó là phải điều chỉnh các chăm sóc và các kiến thức của nó cũng như sử dụng lòng nhiệt tình của nó để làm gia tăng các điều đó.

Tôi không hề chán lặp lại những điều này: các vị hãy đặt tất cả các bài học của thanh niên trong hành động hơn là trong lời nói; cái gì mà kinh nghiệm có thể dạy cho chúng được thì chúng đừng học trong sách vở. Luyện cho chúng nói không có chủ đề để chẳng nói được một nội dung nào; cho rằng trên ghế nhà trường trung học phải làm cho chúng cảm nhận được sức mạnh của ngôn ngữ biểu đạt những đam mê và toàn bộ mãnh lực của nghệ thuật thuyết phục vô vị lợi để mà chẳng thuyết phục được ai, thật là một dự án nhố nhăng biết mấy! Tất cả các bài học của khoa hùng biện chỉ giống y như một sự ba hoa thuần túy với người nào chẳng thấy những bài học ấy dùng được việc gì cho lợi ích của mình. Biết rằng ông Annibal đã nói như thế nào để ra lệnh cho quân lính của mình vượt qua dãy núi Alpes thì có gì là quan trọng cho một học sinh? Nếu thay vào các bài diễn từ hay tuyệt, các vị lại nói cho nó phải làm thế nào để cho ông giám học cho nó nghỉ, thì các vị hãy tin chắc rằng nó sẽ rất chăm chú nghe các quy tắc ấy của các vị.

Nếu muốn tôi dạy khoa hùng biện cho một chàng trai đã được phát triển đầy đủ mọi đam mê, tôi sẽ luôn luôn giới thiệu với anh ta những đối tượng thích hợp với việc mơn trớn các đam mê của anh ta, và tôi sẽ cùng anh ta xem xét ngôn ngữ nào anh ta cần nói với người khác để khiến họ ủng hộ những ham muốn của anh ta. Nhưng Émile của tôi thì lại không phải đang ở trong trạng thái thuận lợi cho nghệ thuật nói năng, hầu như chỉ hạn chế ở mỗi một thứ nhu cầu vật chất, cậu ta ít cần đến người khác hơn là người ta cần đến cậu; và chẳng có gì phải đòi hỏi ở họ cho mình, điều mà cậu muốn thuyết phục họ không dính dáng đến cậu quá gần nên không làm cho cậu xúc động thái quá. Từ đó suy ra rằng, nói chung, cậu ắt là có một thứ ngôn ngữ giản dị và ít hình ảnh. Cậu ta thường chỉ nói theo nghĩa đen rành mạch và chỉ để được người ta đủ hiểu. Cậu ít dùng châm ngôn vì cậu chưa học được cách khái quát hóa các ý tưởng của mình: cậu có ít hình ảnh vì cậu ít khi say mê.

Dù sao thì cậu ta cũng không hoàn toàn phớt đời và lạnh lùng; lứa tuổi của cậu, các tập quán của cậu, các thị hiếu của cậu không cho phép điều đó: trong nhiệt huyết của tuổi vị thành niên, tinh thần phấn chấn, biết giữ ý, và được tinh chế trong dòng máu của cậu đem lại cho trái tim non trẻ của cậu cái nhiệt tình long lanh trong ánh mắt mà người ta cảm nhận được ở lời nói của cậu, người ta thấy được ở các hành động của cậu. Cách nói của cậu biết nhấn mạnh và đôi khi hăng hái. Tình cảm cao thượng gây cảm hứng cho cậu, trao cho cậu sức mạnh và sự cao nhã: thấm nhuần tình yêu nhân loại thắm thiết, cậu truyền đạt những xúc động của lòng mình qua lời nói; không rõ sự thành thật cao cả của cậu có cái gì đó quyến rũ hơn hẳn sự hùng hồn giả tạo của những kẻ khác, hoặc chẳng mấy mà chính cậu mới hùng hồn thực sự vì cậu chỉ việc bày tỏ những gì cậu cảm thấy để truyền đạt cái đó cho những người nghe cậu nói.

Càng nghĩ về điều đó tôi càng thấy khi đem lòng từ thiện vào hành động như vậy và rút ra được những nhận định về nguyên nhân của các thành quả tốt hoặc xấu của chúng ta, thì ít có những tri thức hữu ích mà ta không thể vun đắp được trong trí tuệ của một người thanh niên; và, với toàn bộ kiến thức thật sự thu nhận được từ các trường trung học thì người thanh niên ấy còn tiếp thu thêm được ở các trường trung học một khoa học còn quan trọng hơn, đó là việc áp dụng vốn hiểu biết ấy để sử dụng vào cuộc sống. Khi mà tha thiết với đồng loại đến thế thì không thể nào không sớm học được cách cân nhắc và đánh giá những hành động, những thị hiếu, những ý muốn của họ và thường đánh giá được những gì có thể góp phần hay lại làm hại đến hạnh

phúc của con người một cách đúng đắn hơn là những kẻ nào chẳng quan tâm gì đến một ai nên chẳng bao giờ có được một chút gì cho người khác. Những ai mà bao giờ cũng chỉ suy tính đến những việc riêng của mình thì vì quá tham vọng mà không nhận xét đúng đắn được mọi việc. Quy mọi chuyện vào chính họ và đem mọi ý tưởng về cái thiện và cái ác khuôn theo lợi ích của riêng mình nên đầu óc họ chất chứa hàng ngàn thành kiến lố bịch và bất cứ cái gì làm tổn hại đến lợi ích của họ dù chỉ là nhỏ nhất thì họ lập tức thấy rằng cả vũ trụ bị đảo lộn.

Trải rộng lòng tự ái đến những người khác thì chúng ta sẽ biến được lòng tự ái đó thành một đức tính và chẳng có trái tim nào của con người lại không có cội rễ của đức tính ấy. Đối tượng mà ta chăm sóc càng ít dính líu trực tiếp với chính chúng ta thì càng ít phải sợ ảo tưởng về lợi ích riêng tư, khi người ta càng khái quát hóa lợi ích ấy, nó lại càng trở nên công minh; và tình yêu loài người trong chúng ta thật chẳng là gì khác ngoài tình yêu công lý. Cho nên, chúng ta muốn cho Émile yêu sự thật, chúng ta muốn cho cậu biết sự thật thì trong công việc ta hãy luôn để cậu cách xa với bản thân. Những mối quan tâm chăm sóc của cậu càng nhiều cho hạnh phúc của người khác thì những mối quan tâm ấy sẽ càng sáng suốt và hiền minh, và cậu sẽ càng ít khi lầm lẫn giữa cái tốt và cái xấu; nhưng chúng ta đừng bao giờ chịu để cho cậu có sự ưu đãi mù quáng chỉ dựa trên sự thiên vị ai đó hoặc trên những thành kiến bất công. Mà cớ sao cậu lại làm hại người này để phục vụ cho người khác? Cậu chẳng thấy hề hấn gì khi có ai đó nhận được sự chia sẻ một hạnh phúc lớn hơn, miễn là cậu phấn đấu vì một hạnh phúc lớn hơn cho tất cả mọi người: đó là cái lợi đầu tiên của người hiền minh sau cái lợi riêng tư; bởi lẽ ai cũng là một phần của giống loài chứ không phải là của một cá thể khác.

Để tránh cho lòng thương không bị suy thoái thành sự mềm yếu thì phải suy rộng và trải tình thương ra khắp cả loài người. Như vậy, ta chỉ buông mình cho tình thương trong chừng mực phù hợp với công lý, bởi lẽ, trong mọi đức tính thì sự công bằng là đức tính góp phần nhiều nhất cho lợi ích chung của con người. Đối với chúng ta thì cả về lý lẫn về tình, đều cần phải có lòng thương đối với cả loài người nhiều hơn là thương người gần gụi với mình, và sự độc ác lớn nhất của con người là thương kẻ ác.

Và chăng cũng phải nhớ rằng, tất cả những phương tiện mà tôi sử dụng để đặt người học trò của tôi ra ngoài bản thân cậu tuy vậy vẫn luôn có mối liên quan trực tiếp tới cậu, chính vì không những ở đó cậu được hưởng sự vui thích

trong lòng mà còn vì khi biến cậu thành người làm điều tốt vì lợi ích của người khác, tức là tôi làm việc cho sự học tập riêng của chính cậu.

Thoạt đầu, tôi cung cấp phương tiện và bây giờ tôi nêu ra hiệu quả. Tôi thấy có những nhãn quan khoáng đạt biết bao dần dần hình thành trong đầu óc cậu! Những tình cảm cao thượng biết bao bóp chết mầm mống của những ham muốn nhỏ nhen trong trái tim cậu! Tôi thấy có sự minh bạch biết bao trong phán đoán, sự chính xác biết bao trong lập luận được hình thành ở cậu từ những khuynh hướng đã được vun đắp, từ kinh nghiệm là nơi quy tụ những mong ước của một tâm hồn lớn đặt trong giới hạn chật hẹp của cái khả thi và vì thế mà một người cao thượng hơn những người khác khi không thể nâng họ lên ngang tầm với mình thì biết hạ mình xuống cho ngang tầm với họ! Những nguyên tắc thực sự của lẽ công bằng, những mẫu mực đúng đắn về cái đẹp, mọi quan hệ đạo đức giữa những con người, mọi ý tưởng về trật tự đã khắc sâu vào lý trí của cậu; cậu nhận rõ vị thế của mỗi sự việc và cái nguyên nhân làm cho cậu phải tránh xa: cậu biết cái gì có thể làm nên việc thiện và cái gì cản trở điều đó. Chưa từng trải nghiệm những đam mê của con người, nhưng cậu biết những ảo tưởng và cả mánh khóe của họ.

Tôi tiến tới do sức mạnh cuốn hút của các sự vật, nhưng không áp đặt chuyện này cho sự đánh giá của độc giả. Đã từ lâu độc giả coi tôi như sống trong xứ sở của các ảo tưởng, còn tôi, tôi lại coi họ luôn luôn ở trong xứ sở của những thành kiến. Trong khi tôi cố tránh né những dư luận tầm thường, tôi vẫn luôn luôn giữ chúng hiện diện trong đầu óc mình: tôi nghiên cứu chúng, tôi nghiền ngẫm chúng, không phải là để hùa theo cũng chẳng phải để trốn chạy khỏi chúng mà là để cân nhắc chúng trên bàn cân của sự lập luận. Mỗi khi tôi buộc phải né tránh các dư luận thì kinh nghiệm dạy tôi phải tự nhủ rằng họ chẳng noi theo mình đâu: tôi biết rằng trong khi nhất quyết chỉ tưởng tượng là khả thi cái mà họ thấy, thì họ coi chàng trai mà tôi miêu tả là một con người ảo và kỳ quái, bởi vì cậu ta khác với những con người được họ đem ra để so sánh, mà chẳng hề nghĩ rằng đúng là cậu ta phải khác với những người ấy bởi lẽ cậu ta được nuôi dạy hoàn toàn khác, cảm thụ những tình cảm hoàn toàn trái ngược, được giáo dục khác hẳn những người kia, thì điều rất đáng kinh ngạc là nếu như cậu ta lại giống y như họ chứ không được như người tôi đòi hỏi. Đó không phải là người của con người mà là người của tự nhiên. Chắc chắn là con người ấy phải thật xa lạ trong mắt họ.

Khi bắt đầu công trình này tôi không hề giả định một điều nào mà toàn thể mọi người không thể theo được giống như tôi, bởi vì có một điểm, đó là sự ra đời của một con người, từ điểm ấy chúng ta cùng xuất phát hoàn toàn như nhau: nhưng chúng ta càng tiến bước, tôi tiến bước để vun trồng cái tự nhiên, còn các vị tiến bước để làm suy thoái cái tự nhiên ấy, thì càng ngày chúng ta càng rời xa nhau. Người học trò của tôi vào năm lên sáu tuổi ít có gì khác với học trò của các vị mà các vị vẫn còn chưa đủ thời gian để làm cho biến dạng đi; còn bây giờ thì chúng chẳng còn tí gì là giống nhau và tuổi trưởng thành đang sắp sửa đến, phải cho thấy người học trò của tôi dưới một dạng khác hẳn nếu tôi không uổng phí mọi sự chăm sóc của mình. Số lượng kiến thức thu được giữa hai bên có thể là gần ngang nhau nhưng các sự việc tiếp thu được lại chẳng hề giống nhau chút nào. Các vị ngạc nhiên khi thấy những tình cảm cao thượng ở người này còn ở những người khác thì chẳng hề có lấy một mầm mống nào dù là nhỏ nhất, nhưng hãy cứ coi như bọn họ đều là triết gia hoặc các nhà thần học rồi, trước khi Émile biết thế nào là triết học và nghe nói đến Thượng đế.

Vậy nếu như có ai đó nói với tôi rằng, chẳng có lấy một tí gì về cái mà ông đòi hỏi là có thật; những người thanh niên đã trưởng thành hoàn toàn không phải như vậy; họ có tham vọng này khác, họ làm điều này điều nọ, điều đó cũng giống như là người ta phủ nhận rằng cây lê chẳng bao giờ là một cây cao bởi người ta chỉ thấy có những cây lùn tịt ở trong vườn của chúng ta.

Tôi xin các vị quan tòa đã quá nóng vội trong việc chỉ trích này hãy cân nhắc kỹ rằng những điều các vị vừa nói đó thì tôi cũng biết rõ như các vị, mà tôi suy nghĩ về nó có lẽ lại còn lâu hơn, cũng chẳng ích gì khi áp đặt những điều đó cho các vị, nhưng tôi có quyền yêu cầu các vị chí ít là dành thời gian để tìm ra xem tôi nhầm lẫn ở chỗ nào. Các vị phải nghiên cứu kỹ thể trạng của con người, các vị phải theo dõi những phát triển đầu tiên của tâm tình con người trong hoàn cảnh này nọ, nhằm thấy rõ một cá nhân có thể khác biệt đến bao nhiêu so với một cá nhân khác nhờ sức mạnh của giáo dục; thế rồi các vị phải đối chiếu sự giáo dục của tôi với những hiệu quả mà tôi tạo ra cho nó; và các vị hãy nói xem tôi đã lập luận sai ở chỗ nào thì tôi sẽ không còn gì để trả lời nữa.

Điều làm cho tôi trở nên quả quyết hơn, và tôi cho rằng làm cho tôi đáng được miễn thứ hơn khi quả quyết như vậy là thay vì tiến hành theo tinh thần hệ thống tôi lại dành phần ít nhất có thể cho việc lập luận và chỉ tin cậy vào sự

quan sát. Tôi không căn cứ chút nào vào điều tôi đã tưởng tượng ra, mà là căn cứ vào điều tôi thấy. Đúng là tôi đã không khép kín kinh nghiệm của mình trong khuôn khổ các bức tường thành phố, mà cũng không riêng trong một tầng lớp nào; nhưng sau khi đã đối chiếu hàng bấy nhiêu tầng lớp và bấy nhiêu dân tộc mà tôi đã có dịp thấy trong cả một cuộc sống dùng để quan sát họ, tôi đã tách ra coi như giả tạo, cái gì là của một dân tộc này mà không phải là của một dân tộc khác, của một quốc gia này mà không phải là của một quốc gia khác, và chỉ coi là hiển nhiên thuộc về con người khi điều đó là chung cho tất cả, cho bất kỳ độ tuổi nào, cho bất kỳ tầng lớp nào, trong bất kỳ quốc gia nào.

Thế mà, theo phương pháp này, nếu các vị theo dõi ngay từ tuổi thơ một thanh niên không hề có một hình thái gì là đặc biệt riêng cho mình và anh ta bận tâm ít nhất có thể đến quyền uy và dư luận của người khác thì các vị hãy nghĩ xem anh ta sẽ giống ai hơn cả, trong số học trò của tôi và các học trò của các vị? Đấy, dường như với tôi, đó là câu hỏi phải được giải đáp để biết xem liệu tôi có đi sai hướng hay không.

Con người ta không bắt đầu dễ dàng để suy nghĩ, nhưng chừng nào nó bắt đầu thì nó không dừng lại nữa. Ai đã suy nghĩ thì luôn luôn suy nghĩ, và lý trí một khi được vận dụng vào sự suy nghĩ thì không thể nào ngưng nghỉ. Vậy thì người ta có thể nghĩ rằng tôi làm việc này quá nhiều hay quá ít, rằng đầu óc con người không hề tự nhiên sẵn sàng để mở ra và sau khi đã cho nó những thuận lợi mà nó không có thì tôi giữ nó quá lâu bên trong một phạm vi các tư tưởng mà nó phải vượt qua rồi.

Nhưng trước hết hãy xem xét kỹ là muốn hình thành con người của tự nhiên thì không phải vì thế mà biến nó thành con người hoang dã rồi giam hãm nó vào rừng thẳm, mà khi đặt nó vào cơn lốc quay cuồng của xã hội chỉ cần ở đó nó không để mình bị cuốn đi bởi các đam mê cùng các dư luận của mọi người; sao cho nó nhìn bằng mắt mình, nó cảm nhận bằng trái tim mình; sao cho không có bất cứ quyền uy nào được điều khiển nó ngoài cái quyền uy của lẽ phải của chính nó. Trong vị thế ấy, rõ ràng là có vô số đối tượng đụng chạm đến nó, những tình cảm thường xuyên tác động vào nó, những phương cách khác nhau để chu cấp cho các nhu cầu thực tế của nó, tất thảy đều cho nó vô số ý tưởng mà lẽ ra nó sẽ không bao giờ có hoặc là nó sẽ tiếp nhận chậm chạp hơn nhiều. Bước tiến bộ tự nhiên ở tinh thần được đẩy nhanh lên nhưng không bị đảo lộn. Chính cái con người cứ ngơ ngẩn trong rừng phải trở nên có lý trí và biết lẽ phải ở các thành phố khi mà tại đó anh ta sẽ chỉ là một

khán giả đơn thuần. Không có gì thích hợp để trở thành khôn ngoan bằng những sự điên rồ mà ta chỉ xem chứ không chia sẻ; và ngay chính người nào chia sẻ những điên rồ ấy cũng còn học được, miễn là anh ta không mắc lừa các điên rồ này và không mắc phải sai lầm của những kẻ tạo nên những cơn điên loạn ấy.

Cũng cần phải xem xét thêm rằng, do chúng ta bị hạn chế bởi các năng lực tiếp cận những sự việc có thể cảm nhận được nên hầu như không đưa ra được một cách nắm bắt nào đối với các khái niệm trừu tượng của triết học và đối với các ý tưởng thuần túy trí tuệ. Muốn đạt tới chỗ ấy, hoặc là chúng ta phải tự giải thoát khỏi thể xác mà chúng ta vẫn gắn kết chặt chẽ, hoặc là phải thực hiện sự tiến bộ theo từng bước và chậm rãi từ đối tượng này sang đối tượng khác, hoặc là đành vượt thật nhanh gần như một bước nhảy qua khoảng cách với bước chân của người khổng lồ mà tuổi thơ không kham nổi, mà để làm như vậy thì thật sự ngay cả người lớn cũng phải dùng đến các cấp độ cố ý được tạo ra cho họ. Cái ý tưởng trừu tượng đầu tiên là bậc thứ nhất của các cấp độ ấy; nhưng tôi thật khó mà hình dung được người ta định xây dựng các cấp độ ấy như thế nào.

Bản thể không sao hiểu nổi bao trùm tất cả, tạo ra sự vận động của vũ trụ và hình thành nên toàn bộ hệ thống các hữu thể, mà Bản thể ấy mắt ta không nhìn thấy, tay ta không mó thấy. Bản thể ấy thoát khỏi mọi giác quan của chúng ta: tạo phẩm thì bày ra mà người thợ ẩn mình. Thật không phải dễ dàng để biết được rằng rốt cuộc Bản thể ấy có tồn tại, và khi chúng ta đã đi tới chỗ ấy tức là lúc chúng ta tự hỏi mình: Bản thể ấy là gì? Ở đâu? Đầu óc chúng ta rối bời, mất phương hướng và chúng ta chỉ còn biết suy nghĩ.

Locke muốn người ta bắt đầu bằng nghiên cứu tinh thần rồi tiếp theo mới nghiên cứu thể xác. Phương pháp này là phương pháp của thói mê tín dị đoan, của những thành kiến, của những sai lầm: nó không có chút nào là phương pháp của lý trí, cũng chẳng phải là phương pháp của một thiên nhiên có trật tự hẳn hoi; đó là tự bịt mắt lại mà học cách nhìn. Phải nghiên cứu lâu dài về các thể xác để lục ra được cho mình một khái niệm đích thực về các tinh thần và đặt nghi vấn rằng liệu chúng có tồn tại. Thứ tự ngược lại chỉ dùng để lập nên chủ nghĩa duy vật mà thôi.

Chính vì các giác quan của chúng ta là những công cụ đầu tiên cho nhận thức của chúng ta nên các tồn tại thể xác và có thể cảm nhận được là những cái duy nhất mà ta nghĩ đến trực tiếp. Từ *tinh thần* chẳng hề có một ý nghĩa gì cho

ai đó chưa từng triết lý. Một tinh thần chỉ là một thể xác đối với dân chúng và với trẻ con. Họ chẳng đã tưởng tượng ra những tinh thần kêu gào, nói năng, đánh đập, làm ồn đấy ư? Mà người ta thú nhận với tôi rằng, các tinh thần có tay, có lưỡi giống hệt như các thể xác. Đấy là lí do vì sao mọi dân tộc trên thế giới, không loại trừ cả người Do thái, đều tạo nên những ông thần có thể xác. Chính chúng ta cũng thế, với những từ *linh hồn, chúa ba ngôi, các người,* chúng ta phần lớn là những người thuộc phái nhân hình hóa. Tôi thừa nhận người ta dạy chúng ta rằng *chúa* ở khắp nơi, nhưng chúng ta cũng cho rằng không khí ở khắp nơi, chí ít là ở trong bầu khí quyển của chúng ta mà cái từ *tinh thần* trong ngọn nguồn của nó thì chính nó chỉ có nghĩa là *hơi thở* và *gió*. Ngay khi người ta làm cho mọi người quen với những lời mà họ không hiểu thì sau đó rất dễ dàng bảo họ nói mọi điều mà người ta muốn.

Cảm nghĩ từ tác động của chúng ta lên các cơ thể khác trước hết làm cho chúng ta phải tin rằng, khi các cơ thể ấy tác động lên chúng ta thì đó cũng bằng một cách tương tự như vậy mà chúng ta tác động lên họ. Cho nên, con người đã bắt đầu hoạt hóa mọi bản thể mà anh ta cảm thấy có tác động. Tự thấy mình không mạnh bằng hầu hết các bản thể ấy, do không rõ giới hạn quyền năng của họ nên con người đã coi như quyền năng đó là vô hạn và chúng là các thánh thần ngay khi là các thân xác. Suốt trong các thời đại ban sơ, con người sợ hãi mọi thứ, không thấy có gì chết trong tự nhiên. Ý tưởng về vật chất được hình thành ở họ chậm chẳng kém ý tưởng về tinh thần bởi lẽ cái ý tưởng về vật chất ấy chính nó lại là một sự trừu tượng hóa. Vậy nên họ thấy vũ trụ đầy rẫy các thánh thần có thể cảm nhận được. Các tinh tú, gió, núi, sông, cây cối, các thành phố, cả các ngôi nhà nữa, hết thảy đều có linh hồn của mình, có vị thần của mình, có cuộc sống của mình. Những bức tượng nhỏ của Laban[209], các thần Thiện và Ác của những người hoang dã, các vật Thần của người da đen, mọi tạo phẩm của tự nhiên và của con người đều từng là những vị thánh đầu tiên của con người; đa thần giáo từng là tôn giáo đầu tiên của họ, sự sùng tín ngẫu tượng từng là việc thờ cúng đầu tiên của họ. Họ chỉ có thể thừa nhận một vị thần độc nhất khi ngày càng khái quát hóa được các ý tưởng của mình cho tới khi có thể đi ngược lên tới một nguyên nhân đầu tiên, có thể quy tụ toàn bộ hệ thống các bản thể vào cùng một ý tưởng độc nhất, và cung cấp một nghĩa cho từ *thực thể*, từ ấy vốn là sự trừu tượng hóa lớn lao nhất. Vậy mọi trẻ em tin vào Chúa tất yếu đều tôn

---

[209] * Nhân vật trong Kinh Thánh (*Sáng thế*).

sùng ngẫu tượng hoặc chí ít là nhân hình hoá; và một khi trí tưởng tượng đã nhìn thấy Chúa, thì rất hiếm khi lý trí quan niệm được Chúa. Đó chính là sai lầm mà trình tự của Locke dẫn tới.

Khi bằng cách nào chẳng biết, đạt tới ý tưởng trừu tượng về thực thể, người ta thấy rằng, để chấp nhận một thực thể duy nhất, cần giả định rằng thực thể duy nhất ấy phải có những phẩm chất tương khắc, chúng loại bỏ lẫn nhau như là tư tưởng và phạm vi mà cái này thì căn bản là chia ra được còn cái kia thì loại trừ mọi sự chia cắt. Vả chăng, người ta hiểu rằng tư tưởng, hoặc nếu muốn thì sự cảm nghĩ, là một phẩm chất nguyên thủy và không tách ra được khỏi thực thể có các phẩm chất ấy; và phạm vi tương ứng với thực thể của nó cũng như vậy. Do đó người ta kết luận rằng, các bản thể khi bị mất đi một trong các phẩm chất ấy thì mất cả thực thể có các phẩm chất ấy, và kết quả là cái chết chỉ là sự tách rời ra của thực thể, và các bản thể nào hội đủ hai phẩm chất ấy thì bao gồm hai thực thể có hai phẩm chất đó.

Mà bây giờ hãy xét xem còn khoảng cách nào nữa giữa khái niệm về hai thực thể và khái niệm về bản chất của Chúa; giữa ý tưởng không sao hiểu nổi về tác động của linh hồn ta lên thân thể ta và ý tưởng về tác động của Chúa lên mọi bản thể. Các ý tưởng về sáng tạo, sự hủy diệt, sự hiện diện khắp nơi, sự vĩnh hằng, sự toàn năng, vốn là thuộc tính của Chúa, tất cả các ý tưởng này mà một số rất ít người thấy chúng lộn xộn và khó hiểu, và chúng lại chẳng có gì là khó hiểu đối với dân chúng, bởi vì họ chẳng hiểu gì hết, sẽ biểu hiện với tất cả sức mạnh của chúng như thế nào, nghĩa là với toàn bộ sự mơ hồ tăm tối, đối với các đầu óc non trẻ vẫn còn vướng bận về các thao tác đầu tiên của các giác quan và chỉ hiểu được cái mà chúng sờ mó thấy? Thật uổng cho những vực thẳm của cái vô hạn mở ra khắp xung quanh chúng ta; một đứa trẻ chẳng hề biết những vực thẳm ấy; những con mắt kém cỏi của chúng không sao dò được chiều sâu của vực thẳm. Mọi thứ đều là vô tận đối với trẻ con; chúng không hề biết đặt giới hạn cho bất cứ cái gì, không phải vì chúng làm cho thước đo quá dài mà bởi vì chúng có lý trí ngắn. Tôi cũng nhận ra rằng, chúng coi số vô hạn ít khi vượt quá tầm cỡ các kích thước đã quen thuộc với chúng. Chúng rất hay đánh giá ước lượng một khoảng rộng bao la bằng các bước chân của chúng hơn là bằng mắt; đối với chúng thì khoảng rộng chẳng trải ra xa hơn chỗ chúng không thể nhìn thấy, nhưng lại xa hơn nơi chúng không thể đi tới. Nếu người ta nói với chúng về quyền năng của Chúa thì chúng đánh giá là Chúa cũng mạnh như cha chúng. Đối với chúng thì trong mọi việc, kiến thức của chúng là thước đo những cái có thể, chúng cho rằng điều mà người ta nói với chúng bao

giờ cũng kém hơn điều chúng biết. Đó là những xét đoán tự nhiên trong sự ngu dốt và sự yếu kém của trí tuệ. Ajax có lẽ sợ phải đọ sức với Achille nhưng lại thách đấu với Jupiter, bởi vì Ajax biết rõ Achille và không biết Jupiter. Một nông dân Thụy Sĩ tự cho rằng mình là người giàu nhất, và khi có người nhờ ông ta giải thích cho thế nào là một ông vua thì với một thái độ tự hào ông ta hỏi lại rằng liệu ông vua có thể có một trăm con bò ngoài núi hay không.

Tôi thấy trước rằng có bao nhiêu là độc giả sẽ ngạc nhiên vì thấy tôi theo sát suốt cả thời kỳ đầu tiên của học trò mà không hề nói về tôn giáo với cậu ấy. Đến năm mười lăm tuổi cậu không biết liệu mình có linh hồn không, và có thể là đến mười tám tuổi vẫn chưa phải lúc để cậu học được điều đó, bởi lẽ nếu cậu học điều đó sớm hơn lúc cần phải học, cậu có nguy cơ chẳng bao giờ biết được điều đó nữa.

Nếu tôi phải miêu tả sự ngu độn đáng giận thì tôi sẽ miêu tả một ông giáo gàn đang dạy giáo lý cương yếu cho đám trẻ con; nếu tôi muốn làm cho một đứa trẻ phát điên, tôi sẽ bắt nó giải thích những điều nó đang nói về giáo lý cương yếu. Người ta biện bác với tôi rằng phần lớn các tín điều của Thiên chúa giáo đều huyền bí, đợi cho đầu óc con người đến lúc có thể hiểu được, tức là không phải đợi cho đứa trẻ thành người lớn, mà là đợi cho nó không thành người lớn nữa. Về điều này tôi trả lời: thứ nhất là có những điều huyền bí mà với người lớn không những là không thể hiểu nổi, mà còn không thể tin nữa, và tôi cũng không rõ người ta được lợi gì trong việc dạy những điều huyền bí ấy cho trẻ em, nếu không phải là sớm dạy cho chúng nói dối. Tôi nói thêm rằng, để chấp nhận những điều huyền bí thì chí ít cũng phải hiểu rằng đó là những điều không sao hiểu nổi, và trẻ con thì không đủ ngay cả khả năng để hiểu được như vậy. Đối với lứa tuổi mà mọi chuyện đều là huyền bí thì không có những điều huyền bí đích thực.

Phải tin ở Chúa để được cứu rỗi. Tín điều bị ngộ nhận này là nguyên tắc cho những sự cố chấp gây đổ máu, là căn nguyên của tất cả những lời rao giảng hão huyền giáng đòn chí mạng vào lý trí của con người khi làm người ta quen dùng những lời sáo rỗng. Rõ ràng là không có lúc nào được bỏ phí để xứng đáng được hưởng sự bằng an đời đời: nhưng nếu để đạt được như vậy, chỉ cần nhắc đi nhắc lại một số lời lẽ nhất định, thì tôi chẳng thấy có gì cản trở chúng ta thả đầy trời những con sáo đá và ác là, cũng như những trẻ em.

Nghĩa vụ phải tin giả định khả năng tin được. Nhà triết học không tin là sai bởi vì ông ta sử dụng sai lý trí mà ông ta đã trau dồi và vì ông ta vẫn hiểu rõ

các sự thật mà ông ta vứt bỏ. Nhưng đứa trẻ bảo nó theo đạo Thiên chúa, nó tin cái gì? Tin cái mà nó hiểu; và nó hiểu rất ít về điều mà người ta bảo nó nói ra, thành thử nếu như bạn bảo nó điều ngược lại, nó cũng hoàn toàn sẵn lòng như thế mà nghe theo luôn. Lòng tin của trẻ con và của nhiều người lớn là một vấn đề về địa lý. Liệu họ có được thường vì sinh ra ở Rome hơn là ở Mecque không? Người ta nói với kẻ này rằng Mahomet là nhà tiên tri của Thượng đế, thế là kẻ đó nói rằng Mahomet là nhà tiên tri của Thượng đế; người ta nói với kẻ kia rằng Mahomet là một kẻ gian xảo, thế là kẻ đó nói rằng Mahomet là một kẻ gian xảo. Từng người trong hai người có thể khẳng định điều mà người kia khẳng định, giá như họ bị đổi chỗ cho nhau. Có lẽ nào người ta lại có thể căn cứ vào hai tâm thế tương đồng đến vậy mà đưa một người lên thiên đường còn người kia xuống địa ngục? Khi một đứa trẻ nói rằng nó tin ở Chúa thì đó không phải là nó tin ở Chúa mà nó tin ở Pierre hay ở Jacques[210], những người bảo nó rằng có cái gì đó gọi là Chúa; và nó tin điều đó theo kiểu Euripide:

Ôi Jupiter! Về người, tôi chỉ biết có cái tên mà thôi[211].

Chúng tôi cho rằng chẳng có trẻ nào chết trước tuổi có lý trí lại sẽ bị tước bỏ mất phúc lạc vĩnh viễn, những người theo đạo Thiên chúa cũng tin như thế cho tất cả mọi trẻ đã được làm lễ rửa tội, cho dù chúng chưa bao giờ được nghe nói đến Chúa. Cho nên cũng có những trường hợp con người vẫn có thể được cứu rỗi mà không cần tin vào Chúa, đó là các trường hợp hoặc là chết yểu hoặc là trong trạng thái điên khùng, khi mà đầu óc con người không đủ khả năng để thừa nhận Chúa. Tất cả sự khác biệt mà tôi nhận thấy trong chuyện này giữa các vị và tôi là: các vị bảo rằng trẻ em đều có khả năng này ở năm lên bảy tuổi, còn tôi thì không đồng ý cho rằng chúng có khả năng ấy ngay cả đến tuổi mười lăm. Cho dù là tôi sai hay đúng thì ở đây cũng không phải là một tín điều mà là một quan sát đơn giản về lịch sử tự nhiên.

Theo cùng một nguyên tắc này thì rõ ràng là người nào đó đến già vẫn không tin Chúa sẽ không phải vì thế mà bị tước mất sự hiện diện của Chúa trong cuộc sống khác nếu sự mù quáng của người ấy là không cố ý, và tôi nói rằng sự mù quáng ấy không phải là luôn luôn cố ý. Đối với những người mất trí, các vị đồng ý rằng một căn bệnh làm mất các năng lực tinh thần của họ

---

[210] * Thánh Pierre và thánh Jacques: những người có công truyền bá Kinh Thánh.

[211] Plutarque, *luận về tình yêu*, bản dịch của Amygot. Thoạt tiên vở bi kịch *Ménalippe* mở đầu như vậy; nhưng những la ó bất bình của dân chúng thành Athènes buộc Euripide phải thay đổi đoạn mở đầu này.

nhưng không làm mất được chất người của họ, cho nên kết quả là cũng không làm mất quyền được hưởng ân huệ của họ từ đấng sáng tạo ra họ. Vậy tại sao lại không đồng ý như vậy cho những người bị giam hãm, tách rời khỏi mọi sự giao thiệp từ ấu thơ, đã phải lần hồi sống một cuộc sống hoàn toàn hoang dã thiếu hẳn ánh sáng, mà người ta chỉ có được trong sự giao tiếp giữa những con người?[212] Bởi rõ ràng là không có khả năng một con người hoang dã như thế có thể nâng được những suy nghĩ của mình đến tầm hiểu được Chúa thực sự. Lý trí bảo chúng ta rằng một con người chỉ đáng trách phạt do những lỗi lầm cố ý, còn như sự ngu muội bất khả kháng thì không thể quy tội cho người ta. Từ đó suy ra rằng trước công lý vĩnh hằng, bất kỳ người nào có thể tin, nếu được ánh sáng soi rọi đầy đủ, thì người ấy được coi như là có tin, và chỉ trách phạt về sự vô tín ngưỡng với những kẻ mà trái tim khép lại với sự thật.

Chúng ta đừng nói về chân lý với những người không sẵn sàng để nghe sự thật ấy vì làm như vậy là muốn đem sai lầm thay thế cho sự thật. Thà rằng không hề có một chút ý niệm gì về Chúa còn hơn là có những ý tưởng tầm thường, kỳ quái, bất công, không xứng với Người; không biết đến còn ít tệ hại hơn là xúc phạm đến Người. Plutarque nhân hậu bảo tôi rằng tôi sẽ thích người ta nói là chẳng làm gì có Plutarque ở trên đời này hơn là nếu người ta nói Plutarque bất công, đố kị, ganh ghét và quá chuyên chế đến mức ông ta đòi hỏi nhiều hơn cả khả năng thực hiện.

Điều tệ hại lớn trong các hình ảnh lệch lạc về Chúa mà người ta vẽ ra trong đầu óc con trẻ là những hình ảnh ấy còn lưu giữ ở đó suốt đời chúng và khi thành người lớn chúng cũng chẳng hiểu gì thêm, chẳng hiểu gì khác với Chúa của chúng lúc chúng còn nhỏ tuổi. Tôi đã thấy ở Thụy Sĩ có một người mẹ trong gia đình trung hậu và sùng đạo, tin tưởng rất chắc chắn vào phương châm này đến mức bà ta không muốn dạy chút nào cho con trai mình về tôn giáo trong thời kỳ đầu tiên vì sợ rằng con bà bằng lòng với sự giáo dục thô thiển ấy vì thế mà sao nhãng một sự giáo dục tốt hơn ở tuổi có lý trí. Đứa trẻ này bao giờ cũng chỉ nghe nói về Chúa với thái độ chăm chú như uống từng lời và cung kính, và ngay khi nó tự mình muốn nói ra chuyện này thì người ta bắt nó phải im lặng coi như đó là một chủ đề quá cao xa và quá lớn lao đối với nó. Sự giữ gìn ý tứ như thế đã kích thích trí tò mò của nó và lòng tự ái, khát khao mong mỏi thời điểm được biết điều huyền bí mà người ta đã giấu nó cẩn thận

---

[212] Về trạng thái tự nhiên của đầu óc con người và về sự chậm tiến bộ, xin đọc phần đầu của cuốn sách *Luận về sự bất bình đẳng*.

đến thế. Người ta càng ít nói về Chúa với nó thì người ta lại càng ít khi cho phép nó tự mình nói ra điều đó, và nó càng quan tâm nhiều hơn: đứa trẻ này thấy Chúa ở mọi nơi. Và điều mà tôi lo ngại về cái vẻ làm ra huyền bí một cách vụng về này sẽ là trong khi làm bùng lên quá nhiều tưởng tượng ở một chàng thanh niên, người ta làm hỏng mất đầu óc của anh ta, kết quả là bằng cách ấy người ta làm cho anh ta thành một kẻ cuồng tín, thay vì làm cho anh ta thành người có đức tin.

Nhưng chúng ta không ngại xảy ra điều tương tự với Émile của tôi, cậu ta trong khi luôn luôn không chịu để ý đến những gì quá tầm hiểu biết của mình lại nghe với thái độ thờ ơ nhất mọi chuyện mà cậu không hiểu. Về rất nhiều những chuyện như thế, cậu đã quen nói rằng: Cái đó không thuộc phạm vi của tôi, thành thử thêm một chuyện nữa cũng chẳng làm cậu bận tâm mấy nỗi, và khi cậu bắt đầu thắc mắc về các vấn đề lớn lao ấy thì không phải là vì đã nghe nói đến chúng mà là khi sự tiến bộ tự nhiên của ánh sáng trí tuệ của cậu hướng những tìm tòi của cậu về phía này.

Chúng ta đã thấy đầu óc con người có văn hóa tiếp cận với các điều huyền bí này theo con đường nào và tôi dễ dàng đồng ý rằng nó chỉ đạt tới một cách tự nhiên ngay cả ở trong lòng xã hội, ở một độ tuổi lớn hơn. Nhưng vì trong chính xã hội ấy cũng có những nguyên nhân không sao tránh được đẩy nhanh sự tiến triển của các đam mê, nếu người ta không đẩy nhanh kịp cái đà ấy, sự tiến triển của các luồng ánh sáng dùng để điều chỉnh các đam mê ấy thì lúc đó ta sẽ thực sự vượt qua khỏi trật tự của tự nhiên và thế cân bằng sẽ bị phá vỡ. Khi người ta không làm chủ được việc điều chỉnh một sự phát triển quá nhanh thì phải dắt dẫn cũng nhanh như thế đối với những gì cần phải tương hợp với sự phát triển ấy, sao cho trật tự không bị đảo ngược, sao cho cái gì phải đi cùng nhau thì không được tách rời ra và sao cho con người, được vẹn toàn ở mọi thời điểm của đời mình mà không lâm vào cảnh: ở điểm này do một trong các năng lực của nó trội lên và lại ở một điểm khác do những năng lực khác.

Ở đây, tôi thấy nổi bật lên một khó khăn biết mấy! Khó khăn càng lớn bởi nó ở trong sự việc ít hơn là ở trong sự nhút nhát của những ai không dám giải quyết nó. Chúng ta hãy bắt đầu ít nhất là dám nêu ra khó khăn ấy. Một đứa trẻ phải được giáo dục theo tôn giáo của cha nó: người ta luôn chứng minh rõ ràng cho nó rằng tôn giáo này dù có thế nào thì cũng là tôn giáo đích thực duy nhất: còn mọi tôn giáo khác đều lố lăng và phi lý. Sức mạnh của các lý lẽ hoàn toàn phụ thuộc vào địa điểm nào của nước nào mà người ta nêu ra. Hãy để cho

một người Thổ Nhĩ Kỳ coi Thiên chúa giáo thật là nực cười ở Constantinople đến mà xem người ta coi Hồi giáo như thế nào ở Paris! Dư luận bao giờ cũng thắng thế nhất là trong lĩnh vực tôn giáo. Nhưng chúng ta là những người có tham vọng tháo gỡ cái ách của dư luận trong mọi sự việc, chúng ta không hề muốn phó mình cho quyền uy, chúng ta không hề muốn dạy cho Émile của ta điều gì mà cậu không thể tự mình học tập lấy ở khắp các nước. Thế chúng ta sẽ giáo dục cậu trong tôn giáo nào đây? Chúng ta sẽ đưa con người của tự nhiên gia nhập giáo phái nào? Theo ý tôi, câu trả lời rất đơn giản: chúng ta không đưa cậu gia nhập dòng này dòng nọ mà chúng ta sẽ để cậu có quyền lựa chọn giáo phái nào mà việc sử dụng tốt nhất lý trí của cậu phải hướng dẫn cậu đến với nó.

Incedo per ignes Suppositons cineri doloso[213].

Chẳng hề gì: đối với tôi cho đến nay, nhiệt tình và thiện ý đã thay thế cho tính thận trọng: tôi hi vọng rằng, những bảo đảm này không hề bỏ rơi tôi khi cần đến chúng. Xin các bạn đọc đừng e ngại rằng tôi có những dè dặt không đáng mặt một người bạn của chân lý: tôi sẽ không bao giờ quên phương châm của tôi; nhưng tôi hẳn là được phép nghi ngờ những nhận định của mình. Ở đây đáng lẽ tự mình nói với các vị điều tôi nghĩ thì tôi sẽ nói với các vị về điều mà một người có giá trị cao hơn tôi suy nghĩ. Tôi đảm bảo sự xác thực của các sự kiện sắp được thông báo, tôi chỉ sao chép lại đúng hiện thực: còn tùy các vị thấy từ đó liệu người ta có thể rút ra những suy nghĩ có ích cho chủ đề được đề cập. Tôi không hề đề nghị các vị lấy cảm nghĩ của một người khác hay của chính tôi làm quy tắc; tôi cung cấp điều đó để các vị xem xét.

> "Ba mươi năm trước, ở một thành phố của nước Ý, có một thanh niên lưu vong bị lâm vào cảnh khốn cùng tột độ. Anh ta sinh ra là một giáo đồ Calvin theo tôn giáo của người cha, nhưng do hậu quả của một hành động dại dột mà phải bỏ trốn ra nước ngoài. Không còn nguồn sống, anh ta phải cải đạo để có cơ hội kiếm việc làm. Ở thành phố ấy có một nhà đón khách thập phương của xứ đạo dành cho những người mới nhập đạo: anh ta được thu nhận vào đó. Trong khi tranh luận để dạy giáo lý mới cho anh ta, người ta đã gây ra cho anh ta những mối hoài

---

213 * *Tôi đi trên đống lửa*
Ẩn náu dưới lớp tro ám muội.
(Trích thơ Horace)

nghi mà anh chưa từng có; và dạy cho anh ta cái xấu mà anh ta chưa từng biết: anh ta nghe được những tín điều mới, anh thấy những phong tục lại còn mới hơn; anh thấy những cái đó và suýt trở thành nạn nhân của chúng. Anh muốn chạy trốn, người ta nhốt anh lại; anh kêu ca phàn nàn, người ta phạt anh về sự kêu ca ấy. Ở trong tay bọn bạo chúa hành hạ mình, anh thấy mình bị đối xử như tội phạm dù đã không chịu phạm tội. Xin những ai biết cái thử thách đầu tiên của bạo hành và bất công kích thích đến chừng nào một trái tim non trẻ và chưa từng trải hãy hình dung ra tình cảnh của anh lúc này. Từ đôi mắt anh chảy ra những dòng nước mắt cuồng nộ, sự phẫn uất làm anh nghẹn ngào; anh cầu xin Trời và những con người, kể lể với tất cả mọi người mà nào có ai nghe anh. Anh chỉ gặp độc có bọn tay sai hèn hạ vâng theo kẻ xấu xa đã xúc phạm làm nhục anh, hoặc là bọn a dua hùa theo chính tội ác này chế nhạo sự chống đối của anh và khêu gợi anh bắt chước bọn chúng. Anh nguy mất nếu không có một giáo sĩ lương thiện vì công việc gì đó đến nhà khách dành cho người mới nhập đạo này, và anh tìm được cách bí mật xin ý kiến. Giáo sĩ nghèo và cần đến tất cả mọi người nhưng người bị ức hiếp còn cần đến ông ta hơn; và ông ta chẳng ngần ngại giúp anh thoát thân dù có nguy cơ tạo cho mình một kẻ thù nguy hiểm.

"Thoát khỏi sự đồi bại để trở lại với sự bần cùng, chàng thanh niên chiến đấu không lại với số phận của mình: có lúc anh ta tự cho rằng mình đã vượt lên trên số phận. Trong tia sáng le lói đầu tiên của sự may mắn, những tai vạ của anh và người bảo hộ cho anh đều bị quên lãng. Anh bị trừng phạt ngay về sự bạc bẽo ấy: mọi hi vọng của anh đều tiêu tan; dù tuổi trẻ của anh giúp ích cho anh rất nhiều, song những ý tưởng mơ mộng của anh làm hỏng tất cả. Chẳng có đủ tài cũng chẳng đủ khéo léo để làm ăn dễ dàng, không biết cả cư xử ôn hòa lẫn ác độc, anh mơ ước biết bao nhiêu chuyện thành thử anh chẳng đạt được điều gì hết. Lại rơi vào cảnh khốn quẫn lúc đầu, không bánh mì, không nơi trú ngụ, sắp sửa chết đói, anh sực nhớ lại người ân nhân của mình.

"Anh trở về nơi ấy và gặp lại ông. Ở đó anh được đón tiếp nồng hậu: cuộc gặp gỡ với anh gợi cho tu sĩ nhớ lại một việc thiện mà ông đã làm; một kỷ niệm như vậy bao giờ cũng làm sảng khoái tâm hồn. Con người này nhân hậu một cách tự nhiên, đầy lòng thương cảm; ông cảm nhận

nỗi khổ của người khác bằng nỗi đau của chính mình và sự sung túc không hề làm cứng rắn được trái tim ông; những bài học đạo lý và một đức độ sáng suốt đã củng cố cho lòng tốt tự nhiên của ông. Ông tiếp nhận chàng trai, tìm cho anh một chỗ trú chân, gửi gắm anh ở đó, chia sẻ cho anh những nhu yếu phẩm dù chỉ tàm tạm đủ cho hai người. Hơn thế, ông còn an ủi anh, dạy cho anh cái nghệ thuật khó khăn là chịu đựng nghịch cảnh một cách nhẫn nhịn. Hỡi những người mang thành kiến, phải chăng ở một giáo sĩ, phải chăng là ở nước Ý mà các vị có dịp trông đợi tất cả những điều đó?

"Ông giáo sĩ lương thiện này là một phó linh mục đáng thương ở xứ Savoie, mà một cuộc phiêu lưu thời trẻ đã khiến đức giám mục của ông không ưa, và ông đã phải vượt qua núi non để kiếm tìm những phương tiện sống mà ông không có được ở đất nước của mình. Ông không phải là không có trí tuệ và không có chữ nghĩa; và với một khuôn mặt khả ái, ông đã tìm được những người bảo trợ cho mình, họ xếp cho ông dạy con trai một ông thượng thư. Ông thích sống nghèo nàn hơn là phụ thuộc và ông không biết phải cư xử như thế nào trước các ông lớn. Ông không ở lại lâu ở nhà ông thượng thư và khi từ biệt, ông vẫn không bị mất sự quý mến vì ông sống đúng mực và khiến mọi người yêu mến, ông có ảo tưởng rằng lại được đức giám mục của mình che chở để nhận một chức cha xứ nhỏ mọn gì đó ở miền núi, để sống nốt ở đó những ngày còn lại của mình. Tất cả tham vọng của ông chỉ có thế.

"Một khuynh hướng tự nhiên khiến ông quan tâm đến người trẻ tuổi bỏ trốn, và khiến ông quan sát kỹ anh ta. Ông thấy rằng, vận rủi đã đóng dấu sắt nung lên trái tim anh, rằng sự sỉ nhục và khinh miệt đã làm tiêu tan nhiệt tình của anh, rằng lòng tự hào của anh biến thành nỗi bực dọc đắng cay, chỉ phơi bày ra cho anh thấy rõ tật xấu của bản chất con người và ảo tưởng về đức độ trong sự bất công và khắc nghiệt của họ. Anh đã thấy rằng, tôn giáo chỉ để dùng làm cái mặt nạ che giấu thói hám lợi, và sự thờ phụng thánh bảo hộ che giấu thói đạo đức giả; anh đã thấy rõ, trong sự tinh vi của các cuộc tranh cãi hão huyền, thiên đường và địa ngục được đưa ra làm cái giá cho những trò chơi chữ; anh đã thấy ý tưởng cao cả và nguyên thủy về Chúa bị xuyên tạc đi bởi những tưởng tượng kỳ quái của con người; và, khi

thấy rằng muốn tin ở Chúa cần phải từ bỏ lời phán quyết mà ta đã nhận ở người, anh cũng xem thường như thế những mơ tưởng nực cười của chúng ta và đối tượng mà chúng ta áp dụng các mơ tưởng ấy. Không hề biết chút nào về điều đang tồn tại, không hề tưởng tượng được ra sự phát sinh của các sự vật, anh ta đắm chìm trong sự dốt nát xuẩn ngốc với thói khinh mạn sâu xa đối với tất cả những ai tự cho rằng họ biết nhiều hơn anh ta.

"Sự lãng quên mọi tôn giáo dẫn tới sự lãng quên mọi nghĩa vụ của con người. Tiến trình này đã diễn ra được già nửa trong lòng anh chàng vô tín ngưỡng. Dù sao anh ta cũng không phải là một đứa trẻ sinh ra đã ác; nhưng sự vô tín ngưỡng, sự bần hàn dần dần dập tắt cái tự nhiên, nhanh chóng dẫn anh ta tới sự suy vi và chỉ chuẩn bị cho anh ta những thói quen của kẻ ăn mày và đạo đức của một kẻ vô thần.

"Cái xấu, hầu như không tránh khỏi, chưa được hấp thụ hoàn toàn. Chàng trai có kiến thức, và việc giáo dục của anh ta đã không bị sao nhãng. Anh đang ở cái tuổi may mắn mà dòng máu đang lên men bắt đầu sưởi ấm tâm hồn nhưng không bắt nó phải phục tùng sự cuồng nhiệt của nhục cảm. Tâm hồn anh vẫn còn đầy đủ sức mạnh của nó. Sự e thẹn bẩm sinh, một tính cách rụt rè thế chỗ cho sự ngượng nghịu và kéo dài cho anh ta cái thời kỳ mà trong đó các vị gìn giữ người học trò của mình với biết bao chăm chút. Cái gương tồi tệ của sự đồi bại hung tàn và của thói xấu vô duyên không hề khuấy động được sự tưởng tượng của anh mà còn làm giảm bớt đi. Từ lâu, nỗi chán chường đã giúp anh bằng cách thay thế cho đức độ để bảo tồn được sự trong sạch của mình; sự ngây thơ trong sạch ấy chỉ không chống chọi nổi trước những cám dỗ ngọt ngào hơn.

"Giáo sĩ nhìn thấy sự nguy hiểm và các khả năng. Những khó khăn không hề làm ông chán nản: ông thấy thích thú trong công việc của mình; ông quyết tâm hoàn tất nó; ông muốn làm cho nạn nhân mà ông đã kéo ra khỏi sự ô nhục trở về với đức hạnh. Ông tiến hành từ xa để thực hiện dự định của mình: cái đẹp của động cơ khích lệ nghị lực của ông và gợi ra cho ông các cách thức xứng đáng với nhiệt tình của mình. Cho dù thành tựu có là thế nào thì ông cũng tin chắc rằng không uổng phí thì giờ của mình. Người ta luôn luôn thành công khi chỉ muốn làm điều tốt đẹp.

"Ông bắt đầu làm cho người mới nhập đạo tin tưởng ở ông bằng cách không bán cho anh ta việc thiện của ông, không hề làm cho mình trở thành kẻ quấy rầy; không hề thuyết giáo dài dòng với anh ta, luôn luôn tự đặt mình ngang tầm với anh ta, tỏ ra mình nhỏ bé để được ngang hàng với anh ta. Theo tôi thì đó là một cảnh tượng khá xúc động cho thấy một con người nghiêm chỉnh lại kết bạn với một kẻ lang thang, và đức độ chịu thuận theo phong cách của sự tự do phóng túng để chiến thắng được sự tự do phóng túng chắc chắn hơn. Khi con người dại dột ấy đến trao đổi với ông những tâm sự khùng điên của mình và thổ lộ hết với ông, giáo sĩ lắng nghe anh ta, làm cho anh thấy thoải mái; ông không tán thành cái xấu, song để ý tất cả mọi chuyện: không bao giờ có sự chỉ trích lộ liễu nào làm ngưng những lời nói huyên thuyên của anh ta và làm khép lòng anh ta lại; niềm vui có được khi cảm thấy mình được người khác nghe làm tăng thêm niềm vui khi nói ra tất cả. Cuộc tổng xưng tội đã diễn ra như vậy mà anh ta không hề nghĩ gì đến việc xưng tội.

"Sau khi đã nghiên cứu kỹ những cảm nghĩ và tính cách của anh ta, giáo sĩ thấy rõ rằng đối với lứa tuổi của mình anh ta không phải là không biết gì, mà là anh ta đã quên hết những điều hệ trọng mà anh ta cần phải biết, và sự sỉ nhục mà sự may rủi đã buộc anh phải chịu bóp chết ở anh mọi ý thức thật sự về cái thiện và cái ác. Có một mức độ mụ mẫm u mê tước mất sự sống của tâm hồn; và tiếng nói nội tâm không biết làm sao để đánh tiếng được đến một con người chỉ có nghĩ đến mỗi một chuyện kiếm sống. Để tránh cho người thanh niên bất hạnh này khỏi cái chết tinh thần ấy mà anh ta đang cận kề, ông đã bắt đầu bằng cách làm thức tỉnh lòng tự ái và lòng tự trọng ở anh ta: ông chỉ ra cho anh thấy một tương lai sung sướng hơn trong việc sử dụng tốt các tài năng của mình; ông làm sống lại trong tim anh bầu nhiệt huyết cao cả bằng những câu chuyện về những hành động đẹp của người khác; trong khi để anh ta tán thưởng những gì người ta đã làm, ông đã gây lại cho anh ta lòng ước muốn làm được những việc tương tự. Để từ từ tách anh ra khỏi cuộc sống lang thang và vô công rồi nghề, ông đã bảo anh làm những đoạn trích các sách được tuyển chọn; và, trong khi làm ra vẻ cần đến những đoạn trích này, ông đã nuôi dưỡng ở anh tình cảm cao thượng về lòng biết ơn. Ông trực tiếp giáo dục anh bằng những quyển sách ấy; ông đã gây lại được cho anh một sự đánh giá khá tốt về

chính mình để không còn cho mình là một sinh thể vô ích cho mọi việc tốt, và để không còn muốn tự khinh ghét mình dưới con mắt của chính mình nữa.

"Một chuyện nhỏ sẽ giúp đánh giá về nghệ thuật được con người từ thiện ấy dùng để nâng cao dần dần trái tim của người đệ tử lên trên sự đê tiện mà không lộ vẻ suy nghĩ về việc giáo dục cho anh ta. Giáo sĩ đã có tiếng tăm rất lớn là người trung thực và biết phân định rất chính xác thành thử nhiều người thích trao của bố thí qua tay ông hơn là qua tay các tu sĩ giàu có ở các thành phố. Một hôm người ta đưa ông một ít tiền để phân phát cho người nghèo, chàng thanh niên đã hèn nhát lấy danh nghĩa người nghèo mà hỏi xin tiền ông. Ông nói không, vì chúng ta là anh em, cậu thuộc về tôi và tôi không thể đụng chạm tới số tiền giữ hộ người ta này để dùng cho mình. Rồi sau đó ông cho anh ta chừng ấy tiền mà anh ta hỏi xin nhưng bằng tiền riêng của ông. Những bài học kiểu như thế này ít có khi nào bị uổng phí trong tấm lòng những người thanh niên còn chưa hoàn toàn hư hỏng.

"Tôi chán nói ở ngôi thứ ba, đó là một sự thận trọng quá thừa; bởi vì các vị cảm thấy rõ rằng, hỡi đồng bào quý mến, con người bỏ trốn khốn khổ ấy chính là tôi: tôi tự cho rằng mình đã đủ cách biệt với những vụ lộn xộn hồi tôi còn trẻ để dám thú nhận về chúng, và bàn tay đã lôi tôi ra khỏi đó rất xứng đáng được tôi chịu một chút xấu hổ để tôn vinh phần nào việc làm từ thiện của bàn tay ấy.

"Điều gây cho tôi ấn tượng mạnh nhất là thấy rằng trong đời tư của ông thầy đáng kính của tôi, sự đức độ, không vấy chút đạo đức giả, lòng nhân đạo không chút yếu mềm, lời nói bao giờ cũng thẳng thắn và đơn giản, còn cách cư xử bao giờ cũng phù hợp với những lời nói ấy. Tôi không hề thấy ông lo lắng liệu những người được ông giúp đỡ có đi cầu kinh chiều, liệu họ có hay đi xưng tội, liệu họ có nhịn ăn vào những ngày đã định, liệu họ có ăn chay, cũng chẳng đặt ra cho họ những điều kiện tương tự khác mà không có chúng thì người ta phải chết đi vì cùng khổ, người ta không hy vọng được những người sùng đạo giúp đỡ gì hết.

"Được khích lệ bởi những điều nhận xét của ông thầy, không hề tự mình bày ra trước mắt ông cái nhiệt tình tự nhiên của một kẻ mới cải hóa, tôi không hề giấu ông chút nào những cách suy nghĩ của tôi và

chẳng thấy ông bất bình tức giận hơn vì chuyện ấy. Đôi khi tôi đã có thể tự nhủ rằng: ông bỏ qua cho tôi sự thờ ơ đối với tôn giáo mà tôi đã theo vì ông thấy tôi cũng thờ ơ đối với tôn giáo mà tôi đã sinh ra trong đó, ông biết rằng sự coi thường của tôi không còn là chuyện phe phái nữa. Nhưng tôi phải nghĩ thế nào đây khi thỉnh thoảng tôi nghe ông tán thưởng những tín điều trái ngược với giáo hội La Mã và tỏ vẻ ít coi trọng tất cả các nghi lễ của giáo hội này? Tôi sẽ nghĩ ông là tín đồ Tin lành giấu mặt nếu tôi đã được thấy ông ít trung thành với các tục lệ mà ông có vẻ ít trọng thị; nhưng vì biết rằng ông làm tròn nghĩa vụ của người linh mục khi không có ai chứng khiến cũng tinh xác như dưới mắt công chúng, tôi không còn biết đánh giá những mâu thuẫn này ra sao. Trừ cái khuyết điểm ngày xưa đã kéo theo tai họa của ông mà ông sửa chữa không thật tốt lắm còn thì ông sống gương mẫu, phẩm cách của ông không chê vào đâu được, ông nói năng trung thực và chí lý. Sống với ông trong quan hệ thân tình nhất, tôi học tập tôn trọng ông ngày một nhiều hơn; và lòng tốt nhường ấy hoàn toàn chinh phục được trái tim tôi, tôi mong đợi với sự sốt ruột kỳ lạ cái lúc được hiểu ra ông đã xây đắp tính nhất quán của một cuộc sống đặc thù như thế bằng những nguyên tắc nào.

"Cái thời khắc đó không đến sớm. Trước khi thổ lộ tâm tình của mình với tôi, ông ra sức làm nảy mầm các hạt giống của lý trí và lòng nhân từ mà ông đã gieo vào tâm hồn tôi. Điều khó khắc phục nhất ở tôi là thói ghét người mang tính kiêu hãnh, thái độ phần nào gay gắt đối với những người giàu có và những người sung sướng ở đời, cứ như là họ được như thế là có hại cho tôi và cái gọi là hạnh phúc của họ lấn sang hạnh phúc của tôi. Thói kiêu căng quá mức của tuổi trẻ kháng cự kịch liệt sự sỉ nhục chỉ làm cho tôi càng thiên nhiều hơn về khuynh hướng bực bội nóng nảy, và lòng tự ái mà người đỡ đầu của tôi ra sức khơi dậy trong tôi lại đưa tôi đến với tính tự phụ, làm cho mọi người dưới mắt tôi càng thấp kém hơn và chỉ làm cho họ phải chịu thêm ngoài sự căm ghét còn cả sự khinh miệt.

"Không hề đấu tranh trực tiếp với thói kiêu căng này, ông ngăn cản không cho nó trở thành tính khắc nghiệt của tâm hồn; và không tước bỏ lòng tự trọng của tôi, ông làm cho lòng tự trọng ấy bớt đi thói coi thường người khác. Trong khi luôn gạt đi cái bề ngoài hư ảo bằng cách

vạch ra cho tôi thấy những cái xấu mà nó che đậy, ông dạy cho tôi biết tiếc nuối trước những sai sót của đồng loại, biết mủi lòng trước cảnh bần cùng của họ và biết ái ngại cho họ hơn là đố kỵ. Đầy lòng trắc ẩn đối với sự yếu đuối của con người do có ý thức sâu xa về những yếu đuối của bản thân mình, ông thấy mọi nơi đều có những người là nạn nhân của các thói xấu của chính họ và của người khác; ông đã thấy những người nghèo rên xiết dưới ách của kẻ giàu có, và những kẻ giàu có dưới cái ách của những thành kiến. Ông nói, hãy tin ở ta rằng những ảo tưởng của chúng ta không những không che giấu nổi những tai ương khổ sở của chúng ta mà còn làm cho chúng tăng thêm, bằng cách coi những gì không hề có giá trị là giá trị, và làm cho chúng ta trở nên nhạy cảm với hàng ngàn sự thiếu thốn giả tạo mà nếu không có ảo tưởng thì chúng ta sẽ chẳng cảm nhận thấy. Sự yên tĩnh trong tâm hồn là coi khinh mọi cái có thể quấy rối nó: người nào coi trọng cuộc sống nhất là người ít biết hưởng thụ cuộc sống nhất, ai cầu mong hạnh phúc khát khao nhất bao giờ cũng là người khốn khổ nhất.

"Ôi! Những cảnh tượng buồn bã làm sao! Tôi kêu lên với nỗi lòng cay đắng: nếu như phải từ chối tất cả thì chúng ta sinh ra để làm gì? Và nếu lại phải coi khinh ngay cả hạnh phúc nữa thì ai là người biết sung sướng? Đó là tôi, một hôm giáo sĩ trả lời như vậy với một giọng làm tôi kinh ngạc. Cha ư! Cha mà sung sướng ư, quá ít may mắn, quá nghèo khó, phải sống lưu vong, bị hành hạ, cha mà sung sướng ư! Và cha đã làm gì để được sung sướng? Này con, ông nói tiếp, ta sẵn lòng nói với con điều đó.

"Thế là ông cho tôi biết rằng sau khi nhận những lời xưng tội của tôi thì ông muốn xưng tội của mình. Ta sẽ trút vào lòng con, ông nói với tôi trong lúc ôm tôi, tất cả những tình cảm của trái tim ta. Con sẽ thấy ta nếu không như ta vốn là như thế thì ít ra như ta thấy về bản thân ta vậy. Khi con đã tiếp nhận toàn bộ lời tuyên bố về tín ngưỡng của ta, khi con đã biết rõ trạng thái tâm hồn ta, con sẽ rõ vì sao ta cho rằng mình sung sướng, và, nếu con suy nghĩ giống như ta thì con sẽ rõ điều con phải làm để được sung sướng. Nhưng mà những điều thú nhận này không phải chuyện chốc lát; phải có thời gian để giãi bày với con tất cả những gì ta suy nghĩ về số phận của con người và về chân giá trị của cuộc sống: chúng ta hãy để ra một giờ, một nơi thuận tiện để chúng ta được yên tĩnh trong cuộc chuyện trò này.

"Tôi lộ vẻ sốt sắng muốn nghe. Cuộc hẹn không bị hoãn lại quá buổi sáng hôm sau. Đang mùa hè, chúng tôi ngủ dậy lúc rạng đông. Ông dẫn tôi ra khỏi thành phố, lên một đồi cao, dưới chân đồi là sông Pô mà ta thấy chảy qua và tưới nước cho những bãi bờ màu mỡ; ở phía xa xa dãy núi Alpes bát ngát vây quanh quang cảnh vùng này; những tia mặt trời đang lên đã quét qua khắp các bình nguyên và chiếu lên các cánh đồng bằng những bóng dài của những cây cối, những gò đống, những ngôi nhà, chúng làm phong phú thêm bằng hàng ngàn màng nhấp nhô sáng tối cho bức tranh tuyệt đẹp mà mắt của con người phải kinh ngạc. Có thể nói rằng thiên nhiên đã trải rộng ra trước mắt chúng tôi tất cả sự tuyệt mỹ của mình để tạo nên bối cảnh của cuộc trò chuyện của chúng tôi. Thế là ở đó sau một lát lặng ngắm phong cảnh ấy, con người của sự yên bình đã nói với tôi như sau:

TUYÊN TÍN CỦA PHÓ LINH MỤC XỨ SAVOIE

Con ơi, đừng mong đợi ở ta những lời nói thông thái cùng những lập luận sâu sắc. Ta không phải là nhà triết học lớn và ta ít quan tâm đến việc trở thành người như vậy. Nhưng đôi khi ta có lương tri, và ta luôn luôn yêu sự thật. Ta không muốn tranh cãi lý lẽ với con cũng chẳng muốn thuyết phục con; mà ta chỉ cần giãi bày với con điều ta suy nghĩ trong sự chất phác của lòng ta. Hãy xem xét lòng mình khi con nghe ta nói; đó là tất cả những gì ta đòi hỏi ở con. Nếu ta có lầm lẫn thì cũng là vì thiện ý, điều đó là đủ để sai lầm của ta không hề đáng để quy tội cho ta: khi con cũng lầm lẫn như thế thì điều đó cũng không phải là tệ lắm. Nếu ta suy nghĩ kỹ thì lẽ phải là chung cho chúng ta, và chúng ta có cùng một lợi ích để nghe theo nó; vậy cớ sao con lại không suy nghĩ giống ta?

Ta sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, địa vị xã hội này của ta dành ta cho việc làm ruộng; nhưng người ta lại cho rằng sẽ hay hơn nếu ta học để kiếm sống trong nghề làm linh mục, và rồi người ta cũng tìm được cách cho ta đi học. Chắc chắn là không riêng gì cha mẹ ta mà cả ta nữa đều không nghĩ mấy đến việc tìm được ở việc học hành này cái gì đó tốt, chân thực, có ích, mà là cái cần phải biết để được phong chức. Ta đã học cái mà người ta muốn ta học, ta nói điều mà người ta muốn ta nói, ta bày tỏ thái độ như người ta muốn, và ta đã trở thành linh mục. Nhưng ta sớm cảm thấy rằng trong khi bắt buộc mình không được làm đàn ông, ta đã cam kết nhiều hơn điều ta có thể chịu đựng được.

Người ta nói với chúng ta rằng lương tâm là sản phẩm của các tiền lệ; trong khi đó ta lại biết bằng kinh nghiệm bản thân rằng lương tâm khăng khăng bám riết lấy trật tự của thiên nhiên để chống lại mọi luật lệ của con người. Người ta có cấm chúng ta điều này điều nọ cũng vô ích, sự sám hối có chê trách chúng ta về điều ta được tự nhiên đã xếp đặt sẵn cho phép thì bao giờ cũng yếu ớt huống chi đó là điều mà tự nhiên đòi hỏi ở chúng ta. Ôi chàng trai tốt bụng của ta ơi, tự nhiên còn chưa nói gì với các giác quan của con: con hãy sống lâu trong tâm trạng vui sướng mà ở đó tiếng nói của tự nhiên là tiếng nói của sự trong trắng. Con hãy nhớ rằng người ta xúc phạm đến tự nhiên khi người ta ngăn ngừa nó còn nhiều hơn là khi người ta chống lại nó; phải bắt đầu bằng việc học chịu đựng để biết khi nào ta không thể chịu được nữa mà không đáng tội.

Từ hồi trẻ, ta đã tôn trọng hôn nhân như một định chế đầu tiên và thánh thiện nhất của tự nhiên. Trong khi ta bị tước quyền phục tùng định chế ấy, ta quyết không làm uế tạp chút nào đến điều này; bởi vì, mặc dầu các lớp học và việc nghiên cứu của ta, do luôn sống một cuộc sống đơn điệu và giản dị, ta vẫn gìn giữ được trong tâm hồn mình trọn vẹn ánh hào quang của những luồng ánh sáng nguyên thủy: những câu châm ngôn ở đời không hề che mờ được chúng và sự nghèo khó của ta làm ta xa rời các cám dỗ thường mách bảo những ngụy biện sai lầm.

Quyết ý này chính là điều làm cho ta bị nguy khốn; sự tôn trọng của ta đối với hôn nhân của người khác đã để cho các lỗi lầm của ta bị phát hiện. Phải gánh chịu hậu quả của việc gây tai tiếng: bị bắt giữ, bị cấm đoán, bị xua đuổi, ta là nạn nhân của sự băn khoăn cẩn trọng của mình nhiều hơn là nạn nhân của sự không kiềm chế được mình; và ta đã có dịp để hiểu ra trong những lời trách cứ đi kèm việc ta bị thất sủng, nhiều khi chỉ cần làm cho lỗi nặng lên là thoát được sự trừng phạt.

Ít có những trải nghiệm tương tự dẫn được một đầu óc có suy nghĩ đi rất xa. Trong khi nhận ra rằng những lời khiển trách đáng buồn làm đảo lộn hết những ý tưởng của ta về công bằng, về sự chính trực, và về mọi nghĩa vụ của con người, mỗi ngày ta lại mất đi một vài ý kiến mà ta đã tiếp nhận; những ý kiến còn lại ở ta không đủ sức hợp thành một thực thể có thể tự mình đứng vững, ta cảm thấy tính hiển nhiên của các nguyên tắc dần dần bị mờ đi trong đầu óc ta, và, cuối cùng bị dồn đến chỗ không còn biết nghĩ gì nữa, ta đã đi tới chính cái điểm mà con đang ở đó; với sự khác biệt là mối hoài nghi của ta, vốn là kết quả muộn màn của một độ tuổi chín chắn hơn, đã được hình thành với

nhiều đau khổ hơn, và trở nên khó khắc phục hơn. Ta đã lâm vào những khynh hướng lưỡng lự và ngờ vực mà Descartes đòi hỏi để tìm ra chân lý. Tình trạng này không hợp để kéo dài, nó gây lo ngại và khó chịu; chỉ có lợi ích của cái xấu hoặc sự lười biếng của tâm hồn mới để chúng ta ở lại tình trạng đó. Ta không có một trái tim đủ hư hỏng để thích thú trong tình trạng này; và không có gì bảo tồn được thói quen suy nghĩ tốt hơn là thấy bằng lòng với bản thân mình hơn là bằng lòng với số phận.

Vậy nên ta cứ ngẫm nghĩ về cảnh ngộ đáng buồn của những con người đang trôi nổi bập bềnh trên biển cả dư luận của con người mà không có bánh lái, không có la bàn, và phó mặc mình cho những đam mê đầy bão tố của họ, lại không có một ai dẫn đường ngoài một người hoa tiêu không có kinh nghiệm không rõ đường mình đi, và không biết anh ta từ đâu tới và anh ta sẽ đi tới đâu. Ta tự nhủ: ta yêu chân lý, ta đi tìm chân lý, và rồi chẳng nhận ra nó; người ta hãy chỉ nó cho ta và ta để mình gắn bó với nó: tại sao chân lý cứ lẩn mình trước sự sốt sắng của một trái tim sẵn sàng tôn thờ nó?

Cho dù ta thường cảm thấy những đau khổ lớn nhất, ta cũng chưa bao giờ từng trải qua một cuộc sống luôn luôn khó chịu đến như trong thời gian của bối rối và lo âu này, hồi ấy, không ngừng đi lan man từ hoài nghi này sang hoài nghi khác, ta chỉ mang về từ những suy ngẫm rất lâu của ta sự lưỡng lự, sự không rõ ràng, những mâu thuẫn về nguyên nhân tồn tại của mình và về quy tắc trong các nghĩa vụ của mình.

Sao người ta lại có thể là kẻ hoài nghi cố chấp và thực tâm? Ta không sao hiểu nổi điều đó. Các nhà triết học này, hoặc họ không tồn tại, hoặc họ là những kẻ khốn khổ nhất trong những con người. Sự hoài nghi về các sự việc mà ta cần phải biết là một trạng thái quá dữ dội cho đầu óc con người: nó không chịu đựng được lâu; dù không muốn nó cũng quyết định bằng cách này hay cách khác, và nó thích lầm lẫn hơn là không tin gì hết.

Điều làm ta bối rối bội phần, là được sinh ra trong một Giáo hội quyết định tất cả, không cho phép có một hoài nghi nhỏ nào, chỉ một điểm bị bác bỏ làm cho ta bác bỏ hết cả phần còn lại, và việc không thể chấp nhận bao nhiêu là quyết định phi lý cũng làm cho ta xa rời cả những quyết định không phi lý. Trong khi bảo ta: Hãy tin tất cả, người ta ngăn không cho ta tin vào một cái gì; và ta không còn biết dừng lại ở chỗ nào nữa.

Ta hỏi ý kiến các nhà triết học, ta đọc lướt các sách vở của họ, ta nghiên cứu nhiều quan điểm khác nhau của họ; ta thấy tất cả đều tự phụ, quyết đoán,

giáo điều, ngay cả trong cái nhận là chủ nghĩa hoài nghi của họ, cái gì cũng biết, không chứng minh được gì hết, nhạo báng lẫn nhau; và ta thấy cái điểm chung này của tất cả bọn họ là điểm duy nhất mà tất cả bọn họ đều có lý. Là những kẻ đắc thắng khi tấn công, họ lại chẳng có khí lực khi tự vệ. Nếu con cân nhắc các lý lẽ, thì họ chỉ có lý lẽ để phá hủy, nếu con tính đến mỗi người trong bọn họ đều quy về con đường của riêng mình; họ chỉ nhất trí được với nhau là phải cãi cọ; thế thì lắng nghe họ không phải là cách để thoát ra khỏi tâm trạng lưỡng lự của ta.

Ta hiểu rằng sự yếu kém của đầu óc con người là nguyên nhân đầu tiên của sự khác biệt dị thường về cảm nghĩ và thói kiêu ngạo là nguyên nhân thứ hai. Chúng ta không có kích thước của cỗ máy to lớn này[214], chúng ta không thể tính được tỉ lệ; chúng ta không biết cả các quy luật đầu tiên lẫn nguyên nhân cuối cùng; chúng ta không hề biết gì về chính chúng ta; chúng ta không biết cả bản chất lẫn nguyên tắc hoạt động của chúng ta; hầu như chúng ta không biết liệu con người có là một sinh vật đơn giản hay lại phức tạp: những điều huyền bí không tìm hiểu được vây quanh chúng ta từ mọi phía; chúng đều vượt lên trên vùng cảm nhận được; để chọc thủng những bí ẩn ấy chúng ta tưởng có trí thông minh, thế mà chúng ta lại chỉ có sự tưởng tượng. Mỗi người tự khai thông cho mình xuyên qua các thế giới tưởng tượng này lấy một con đường mà mình cho là tốt; chẳng có ai biết được liệu con đường của mình có dẫn đến mục đích hay không. Trong khi đó chúng ta lại muốn thông suốt tất cả, muốn biết tất cả. Điều duy nhất mà chúng ta không hề biết đó là không biết cái mà chúng ta chẳng thể biết. Chúng ta thích tự mình quyết định một cách tùy tiện, và tin vào điều chẳng tồn tại hơn là thú nhận rằng chẳng có ai trong chúng ta nhận diện được sự việc. Là bộ phận nhỏ bé của một tổng thể to lớn mà chúng ta không biết những ranh giới của nó, và tác giả của nó cứ phó mặc nó cho những cãi cọ loạn xạ của chúng ta, chúng ta thật khá là tự phụ vì cứ muốn xác định cái tổng thể này xem chính nó là cái gì và chúng ta là cái gì so với tổng thể ấy.

Khi các nhà triết học có khả năng phát hiện ra chân lý thì kẻ nào trong bọn họ sẽ được hưởng lợi ở đó? Ai trong bọn họ cũng đều biết rằng hệ thống của mình không có căn cứ vững vàng hơn hệ thống của những người khác; nhưng ông ta bảo vệ nó vì nó là của ông ta. Trong chuyện này chẳng có một ai khi vừa mới biết cái thật cái giả lại không tán thưởng điều dối trá mà ông ta

---

[214] * Vũ trụ.

tìm ra hơn là chân lý do một người khác phát hiện ra. Đâu là nhà triết học không sẵn lòng đánh lừa loài người vì vinh quang của mình? Đâu là người mà trong thâm tâm dự định một mục tiêu khác với việc được nổi tiếng? Miễn là ông ta vượt lên trên được cái tầm thường, miễn là ông ta xóa mờ được tiếng tăm rạng rỡ của người khác là những đối thủ cạnh tranh với mình, ông ta còn đòi hỏi thêm cái gì? Căn bản là suy nghĩ một cách khác hẳn so với những người khác. Ở chỗ các tín đồ thì ông ta là kẻ vô thần, ở chỗ những người vô thần thì ông ta lại là người tin đạo.

Kết quả đầu tiên mà ta rút ra được từ những suy ngẫm này là biết cách hạn chế những tìm tòi của mình ở điều trực tiếp làm ta để ý tới, biết dừng lại trong sự không biết hoàn toàn về tất cả phần còn lại để chỉ băn khoăn, thậm chí đến nghi ngờ, về những sự việc ta cần phải biết.

Ta lại còn hiểu rằng các nhà triết học chẳng những không giải tỏa cho ta những nghi hoặc không cần thiết, lại chỉ làm tăng thêm những điều làm ta dằn vặt băn khoăn mà chẳng giải quyết được một điều nào trong số đó. Cho nên ta phải kiếm một người hướng dẫn khác và ta tự nhủ: ta hãy tham khảo luồng ánh sáng nội tâm, nó sẽ ít làm ta lầm lạc hơn các nhà triết học nọ, hoặc, ít ra là sai lầm của ta là của chính ta và ta tự làm cho mình còn ít bị lầm lạc khi theo đuổi những ảo tưởng riêng hơn là khi phó thác mình cho những lời dối trá của bọn họ.

Thế là, ôn lại trong đầu óc mình các ý kiến khác nhau đã lần lượt thay nhau lôi cuốn ta từ khi sinh ra ở đời cho đến nay; ta thấy rằng không có điều nào trong số đó là đủ chắc chắn để lập tức gây được lòng tin, chúng có bề ngoài như thực ở các mức độ khác nhau mà sự tán đồng trong nội tâm thuận theo hoặc là khước từ cái bề ngoài ấy ở những mức độ khác nhau. Dựa trên nhận xét đầu tiên này trong khi so sánh tất cả các ý kiến khác biệt ấy với nhau mà bỏ qua các thành kiến, ta thấy rằng ý kiến đầu tiên và thông thường nhất cũng là ý kiến đơn giản nhất và hợp lý nhất và nó hội đủ mọi sự tán thành chỉ vì không được đề xuất sau cùng mà thôi. Con hãy tưởng tượng xem tất cả các nhà triết học cổ và hiện đại của con thoạt tiên đều vận dụng đến cạn kiệt các hệ thống kỳ cục của họ về khả năng, về vận may, về tính tất yếu, về sự cần thiết, về các nguyên tử, về thế giới sống động, về vật chất sống, về chủ nghĩa duy vật đủ kiểu và sau tất cả bọn họ, ông Clarke lỗi lạc khi sơ sáng thế giới, cuối cùng báo tin về Thượng đế và người ban phát mọi vật: hệ thống mới này chắc sẽ được đón nhận với sự ngưỡng mộ rộng khắp, với sự hoan nghênh đồng thuận biết bao nhiêu, cái hệ thống quá lớn, quá an ủi lòng người, quá cao cả,

quá thích hợp để nâng cao tâm hồn, để làm cơ sở cho đức độ và đồng thời quá lạ lùng, quá sáng tỏ, quá giản dị, và theo ta hệ thống này đưa ra những điều mà đầu óc con người không sao hiểu nổi hơn là những điều phi lý trong tất cả các hệ thống khác! Ta tự nhủ: những chống đối nan giải là nét chung cho tất cả mọi hệ thống bởi lẽ đầu óc con người là quá hạn chế để giải đáp chúng; cho nên những chống đối ấy tỏ ra không đối lập với một hệ thống nào: nhưng các bằng chứng trực tiếp lại khác xa biết mấy! Riêng có hệ thống này là giải thích được tất cả, chẳng phải đáng được ưa chuộng hơn sao, khi nó không có khó khăn nhiều hơn những hệ thống khác? Toàn bộ triết học ta mang trong mình là tình yêu chân lý, và toàn bộ phương pháp là một quy tắc dễ dàng và đơn giản, nó miễn cho ta sự tinh vi vô bổ của các lý lẽ, dựa trên quy tắc này ta xem xét lại những kiến thức làm ta quan tâm, cương quyết chấp nhận là hiển nhiên đúng tất cả những kiến thức nào mà trong trái tim chân thành của mình ta không thể khước từ được sự tán đồng, chấp nhận là sự thật tất cả những gì mà ta cho là có liên quan với những điều đã được coi là hiển nhiên ấy, và đặt tất cả những điều khác vào vòng nghi vấn mà không loại bỏ cũng chẳng chấp nhận chúng và cũng chẳng băn khoăn đến chuyện làm cho chúng sáng tỏ khi chúng chẳng dẫn tới cái gì gọi là có ích cho thực tiễn.

Mà ta là ai nhỉ? Ta có quyền gì mà phán xét mọi việc? Và cái gì quyết định những nhận định của ta? Nếu như những nhận định ấy của ta bị cuốn hút hay bị áp đặt bởi những ấn tượng mà ta nhận được thì ta thật nhọc lòng uổng phí trong những tìm tòi này, chúng sẽ chẳng tiến hành, hoặc là tự chúng tiến hành mà chẳng cần có ta xen vào để điều khiển chúng. Vậy thì trước hết phải hướng sự nhìn nhận của ta về bản thân mình để biết được rằng công cụ nào ta muốn dùng là như thế nào và ta có thể tin cậy vào việc sử dụng nó đến mức nào.

Ta tồn tại, và ta có các giác quan làm cho ta bị tác động. Đó là sự thật đầu tiên chiếu rọi vào ta và ta buộc phải đồng ý như vậy. Liệu ta có một cảm xúc đặc thù về sự tồn tại của mình hay ta lại chỉ cảm nhận được nó bằng các cảm giác của mình? Đó là sự nghi ngờ đầu tiên của ta mà cho đến tận lúc này ta vẫn không sao giải đáp được. Bởi vì liên tục chịu tác động bởi các cảm giác, hoặc trực tiếp hoặc qua ký ức, làm sao ta có thể biết được liệu cảm nghĩ về cái *tôi* là một cái gì đó ở bên ngoài của chính các cảm giác ấy, và liệu cảm nghĩ này có thể không phụ thuộc vào các cảm giác ấy?

Những cảm giác của ta xảy ra trong ta chính vì chúng làm cho ta cảm nhận được sự tồn tại của mình; nhưng nguyên nhân của chúng đối với ta lại xa lạ, chính vì chúng cứ tác động vào ta dù rằng ta sở hữu chúng, mà chẳng hề

phụ thuộc gì vào ta cả về mặt sản sinh, cả về mặt triệt tiêu chúng. Vậy thì ta hiểu rõ rằng cảm giác của ta là ở trong ta và nguyên nhân hay đối tượng của nó lại ở bên ngoài ta, đó là những việc khác nhau hoàn toàn.

Như vậy không chỉ riêng mình ta tồn tại mà còn tồn tại các thực thể khác xem như là các đối tượng cho các cảm giác của ta; và khi các đối tượng này lại chỉ là các ý tưởng thì phải chăng, luôn luôn các ý tưởng chẳng phải là ta.

Thế mà, mọi cái ta cảm nhận được ở bên ngoài ta và tác động lên các giác quan của ta, ta gọi là vật chất; còn tất cả các phần vật chất mà ta quan niệm được hội nhập lại thành các thực thể riêng biệt, ta gọi chúng là các vật thể, vậy nên mọi tranh cãi giữa những người duy tâm và duy vật chẳng có nghĩa lý gì đối với ta; sự phân biệt của họ về sự biểu hiện và thực chất của các vật thể chỉ là những ảo tưởng.

Thế là ta đã hoàn toàn tin chắc về sự tồn tại của vũ trụ và của ta. Tiếp đó ta suy nghĩ về những đối tượng của các cảm giác của ta; và, trong khi thấy ở mình có khả năng so sánh chúng, ta thấy mình được trang bị một khả năng hoạt động mà trước nay ta không biết là mình có.

Nhận thấy tức là cảm nhận; so sánh tức là phán đoán; phán đoán và cảm nhận là những việc khác hẳn nhau. Bằng cảm giác, các đồ vật đến với ta đều tách biệt, riêng rẽ, hệt như chúng là thế trong tự nhiên; bằng so sánh, ta lật đi lật lại chúng, có thể nói ta chuyển chúng đi, đặt chúng chồng lên nhau để làm rõ sự khác nhau hay giống nhau của chúng, và nói chung là về mọi tương quan của chúng. Theo ý ta khả năng phân biệt của một bản thể hoạt động hay thông minh là để có thể đưa ra một nghĩa cho từ *là*. Ta uổng công tìm tòi ở các bản thể chỉ có cảm giác đơn thuần cái khả năng thông minh ấy, nó phủ lên mặt ngoài rồi biểu lộ ra; ta không thể thấy cái đó trong bản chất của nó. Cái thực thể thụ động này cảm nhận mỗi đối tượng một cách riêng rẽ, hoặc nó cảm nhận đối tượng tổng thể do hai cái gộp lại cũng thế; nhưng bởi nó chẳng hề có năng lực nào để mà gấp cái nọ lên cái kia, nó không bao giờ so sánh chúng và không hề phán đoán về chúng.

Thấy hai đối tượng cùng lúc, không phải là đã thấy mối quan hệ của chúng, cũng chẳng phán đoán được sự khác biệt của chúng; nhận ra nhiều đối tượng cùng lúc cái nọ ở ngoài cái kia không phải là đếm được chúng. Ta có thể có đồng thời ý tưởng về một cây gậy lớn và một cây gậy nhỏ mà không so sánh chúng, không phán đoán xem cái này bé hơn cái kia, giống như ta có thể đồng

thời thấy toàn bộ bàn tay ta mà không đếm các ngón tay[215]. Các ý tưởng so sánh *lớn hơn, bé hơn* cũng giống như các ý tưởng về số *một, hai* v.v... chắc chắn không phải là các cảm giác, dù rằng đầu óc ta chỉ sản sinh ra nó vào dịp ta có các cảm giác.

Người ta nói với chúng ta rằng bản thể có cảm giác phân biệt được cảm giác này với cảm giác kia bằng sự khác nhau vốn có giữa chúng với nhau: điều này cần được giải thích. Khi các cảm giác là khác nhau, bản thể có cảm giác phân biệt chúng bằng sự khác biệt của chúng: khi chúng giống nhau, nó phân biệt chúng bởi vì nó cảm nhận được những cái này ở ngoài những cái kia. Nếu không thì nó làm thế nào mà phân biệt được hai đối tượng bằng nhau trong một cảm giác đồng thời? Nó cần phải gộp hai đối tượng lại coi như là cùng một đối tượng, nhất là trong một hệ thống mà người ta chủ trương rằng các cảm giác biểu thị quảng tính không được mở rộng.

Khi hai cảm giác để so sánh đã được nhận ra, chúng đã gây được ấn tượng, mỗi đối tượng đã được cảm nhận, cả hai đối tượng đều đã được cảm nhận, nhưng không phải vì thế mà mối tương quan giữa chúng được cảm nhận. Nếu sự phán đoán về mối tương quan này chỉ là một cảm giác và chỉ đến với ta bằng mỗi một con đường duy nhất là từ đối tượng thì các phán đoán của ta không bao giờ đánh lừa ta, chính vì nó không bao giờ sai ở chỗ ta cảm nhận cái mà ta cảm nhận được.

Vậy tại sao ta lại lầm về mối tương quan của hai cây gậy ấy như thế, nhất là khi chúng không song song với nhau? Tại sao ta lại bảo, chẳng hạn cây gậy nhỏ bằng một phần ba của cây gậy lớn, trong khi nó chỉ bằng có một phần tư? Tại sao hình ảnh tức là cảm giác lại không phù hợp với vật mẫu của hình ảnh ấy, tức là đối tượng? Đó là vì ta hoạt động khi ta phán đoán, vì thao tác so sánh bị mắc lỗi, và lý trí của ta khi phán đoán về các mối tương quan lại đem trộn lẫn những cái sai của nó vào với cái chân thực của cảm giác, là cái chỉ chỉ ra các đối tượng.

Hãy thêm vào điều đó một điều suy nghĩ mà ta chắc chắn rằng con sẽ ngạc nhiên khi con nghĩ đến nó; đó là nếu chúng ta hoàn toàn thụ động trong việc sử dụng các giác quan của mình thì giữa chúng với nhau sẽ không còn có một

---

[215] Những bài ký của ông de La Condamine nói với chúng ta rằng có một dân tộc chỉ biết đếm đến ba. Tuy nhiên những người trong dân tộc này, bởi đều có tay, nên thường vẫn nhận ra các ngón tay mình mà không biết đếm đến năm.

giao lưu nào hết, và chúng ta không thể nào biết được rằng vật thể mà chúng ta đụng chạm tới và đối tượng mà ta nhìn thấy lại chỉ là một. Hoặc là chúng ta sẽ không bao giờ cảm nhận được gì hết ngoài chúng ta, hoặc là sẽ có cho chúng ta năm thực thể nhạy cảm mà chúng ta không có cách gì để nhận ra được sự đồng nhất.

Nếu người ta đặt ra cái tên này hay tên khác cho khả năng của đầu óc ta vốn kết hợp và so sánh các cảm giác của ta; nếu gọi nó là chú ý, trầm tư, suy nghĩ hay là cái gì mà người ta thích đi nữa; thì liệu có thật là bao giờ nó cũng là ở trong ta chứ không ở trong các đồ vật, có thật là chỉ riêng mình ta sản sinh ra nó, dù rằng ta chỉ sản sinh ra nó nhân dịp đối tượng tạo được ấn tượng với ta. Không làm chủ được việc cảm nhận hay không cảm nhận, ta làm chủ được việc xem xét nhiều hay ít cái mà ta cảm nhận.

Vậy ta không đơn thuần là một bản thể có cảm giác và thụ động, mà là một bản thể hoạt động và thông minh và cho dù triết học có nói gì về điều này, ta cũng dám tự phụ là có vinh dự được suy nghĩ. Có điều là ta biết rằng chân lý ở trong sự vật chứ không phải trong đầu óc ta đang phán đoán về các sự vật ấy, và biết rằng ta càng ít đem cái của riêng mình vào các phán đoán mà ta đưa ra thì ta lại càng tiếp cận được chân lý chắc chắn hơn: như vậy quy tắc của ta là phó thác cho cảm tính hơn là cho lý tính đã được chính lý tính thừa nhận.

Có thể nói rằng khi tự chắc chắn về mình rồi ta bắt đầu nhìn ra bên ngoài bản thân mình, và ta xét kỹ mình với một thái độ như là run rẩy, bị ném vào, bị lạc trong vũ trụ mênh mông này, và như là đắm chìm trong hằng hà sa số các bản thể, chẳng hề biết chúng là cái gì, cả giữa chúng với nhau, cả trong quan hệ với ta. Ta nghiên cứu chúng, ta quan sát chúng, và đối tượng đầu tiên xuất hiện với ta để so sánh với chúng, đó chính là ta vậy.

Tất cả những gì mà ta nhận ra bằng các giác quan đều là vật chất, và ta suy ra tất cả các đặc tính chủ yếu của vật chất từ các phẩm chất có thể cảm nhận được, chúng đã để cho ta nhận ra vật chất và chúng không thể tách rời vật chất. Ta thấy vật chất khi thì vận động khi thì đứng yên[216], từ đó ta suy ra rằng cả đứng yên lẫn vận động đều không phải là cái chủ yếu đối với vật chất; mà

---

[216] Trạng thái đứng yên này, nếu người ta muốn, chỉ là tương đối; nhưng chính vì quan sát cái khác hơn và cái mạnh hơn trong vận động, chúng ta hiểu rất rõ một trong hai thái cực, đó là trạng thái đứng yên, và chúng ta hiểu rõ nó đến nỗi chúng ta thậm chí muốn coi trạng thái đứng yên này là tuyệt đối, trong khi nó chỉ là tương đối. Mà vận động không phải thuộc bản chất của vật chất, nếu nó có thể được quan niệm trong trạng thái đứng yên.

vận động vốn là một hoạt động, là kết quả của một nguyên nhân mà trạng thái đứng yên chỉ là không có nguyên nhân ấy. Vậy nên khi không có cái gì tác động vào vật chất, nó không hề chết đi, và, cũng chính vì điều đó mà nó dừng dưng không phân biệt sự đứng yên và sự vận động, trạng thái tự nhiên của nó là ở sự đứng yên.

Ta nhận ra trong các vật thể có hai loại vận động là vận động được truyền đến và vận động tự phát hay chủ động. Trong vận động thứ nhất, nguyên nhân phát động nằm bên ngoài vật thể bị chuyển động, và trong vận động thứ hai nó ở bên trong chính vật thể ấy. Từ đó ta không kết luận rằng vận động của một chiếc đồng hồ chẳng hạn là một vận động tự phát; vì nếu không có cái gì bên ngoài dây cót tác động vào nó thì nó làm sao mà cuốn lại được để rồi kéo được dây chuyền. Vì cùng một lý do ấy ta không những không đồng ý các chất lỏng có tính tự phát mà còn cả với lửa cũng thế dù lửa tạo ra được tính lưu chuyển của các chất lỏng ấy[217].

Con sẽ hỏi ta rằng liệu những vận động của các động vật có là tự phát chăng, ta sẽ bảo con rằng ta không biết gì về điều đó, nhưng sự tương tự là được xác nhận. Con sẽ hỏi ta thêm: vậy tại sao ta biết có những vận động tự phát; ta sẽ bảo con rằng ta biết nó vì ta cảm nhận được nó. Ta muốn cử động cánh tay và ta cử động nó, mà sự vận động này không có nguyên nhân trực tiếp nào khác ngoài ý chí của ta. Thật là uổng công nếu người ta cứ muốn lập luận thủ tiêu cái cảm tưởng này ở ta, nó mạnh hơn mọi sự hiển nhiên, cũng ngang với họ muốn chứng minh ta không tồn tại vậy.

Nếu như không hề có tính tự phát trong các hành động của con người, cả trong bất cứ cái gì được tạo thành trên Trái đất, thì người ta lại chỉ càng bối rối hơn trong việc hình dung ra nguyên nhân đầu tiên của mọi vận động. Đối với ta, ta cảm thấy tin tưởng hoàn toàn rằng trạng thái tự nhiên của vật chất là đứng yên và tự nó chẳng hề có một lực nào để mà tác động bởi chính nó, thành thử khi thấy một vật đang vận động ta phán đoán ngay rằng hoặc đó là một vật thể sống động hoặc cái vận động ấy được truyền tới nó. Đầu óc ta khước từ mọi kiểu tán đồng với ý tưởng về vật chất không có tổ chức mà tự nó cử động được hoặc tạo ra được một vài hoạt động.

---

[217] Các nhà hóa học coi nhiên tố hay nguyên tố của lửa như là tản mát, bất động và bị tù hãm trong các hỗn hợp mà nó là một thành phần cho đến khi các nguyên nhân ngoại lai làm nó tỏa ra, tập hợp lại, đưa nó vào vận động và biến nó thành lửa.

Tuy nhiên, vũ trụ thấy được này là vật chất, vật chất tản mạn và chết[218], trong tổng thể của nó không hề có gì là thống nhất, là hữu cơ, là cảm tưởng chung của các bộ phận của một vật thể sống, bởi chắc chắn rằng chúng ta là những bộ phận mà không cảm nhận được chút nào trong tổng thể. Chính vũ trụ này đang vận động, và các vận động của nó được điều chỉnh, đều đặn, tuân theo những quy luật không thay đổi, nó không có chút gì là cái tự do được biểu hiện ra trong các vận động tự phát của con người và động vật. Cho nên thế giới không phải là một con vật to lớn tự mình cử động; trong các vận động của thế giới phải có một số nguyên nhân ngoại lai đối với nó, mà ta không nhận thấy được, nhưng sự tin chắc trong lòng làm cho ta thấy nguyên nhân này là cảm nhận được đến mức ta không thể nhìn thấy Mặt trời lăn đi mà không tưởng tượng ra một lực đẩy nó, hoặc đến mức, nếu Trái đất quay, ta ngỡ cảm thấy có bàn tay quay nó.

Nếu phải chấp nhận những định luật tổng quát mà ta không hề thấy những mối tương quan bản chất của chúng với vật chất, thì tôi sẽ tiến hơn cái gì chứ? Các quy luật này không hề là các bản thể có thật, không hề là các thực thể cho nên chúng có một vài nền tảng khác mà ta không biết rõ. Kinh nghiệm và sự quan sát đã cho chúng ta biết các quy luật của vận động; các quy luật này quy định các hiệu quả mà không cho thấy rõ nguyên nhân; chúng không đủ để giải thích được hệ thống của thế giới và sự vận hành của vũ trụ. Descartes khép kín trời và đất bằng những con xúc xắc nhưng ông cũng không thể nêu ra được cú lay động đầu tiên cho những con xúc xắc này, cũng chỉ có thể khiến lực ly tâm của nó đi vào hoạt động nhờ một động tác quay tròn. Newton đã phát hiện ra lực hấp dẫn; nhưng sự hấp dẫn riêng mình nó sẽ quy ngay vũ trụ về một khối bất động: lại phải gắn vào luật này một lực phóng để làm cho các thiên thể tạo được các đường cong. Descartes, hãy nói cho chúng tôi định luật vật lý nào đã làm quay cuồng những cuộn xoáy lốc của ông ta đi nào, Newton hãy chỉ cho chúng tôi thấy bàn tay đã ném các hành tinh lên đường tiếp tuyến với các quỹ đạo của chúng đi nào.

Các nguyên nhân đầu tiên của vận động không hề nằm trong vật chất, vật chất nhận được vận động và truyền nó đi, nhưng không sản sinh ra vận động

---

[218] Tôi đã cố hết sức để tìm hiểu một phân tử sống mà không sao có thể đi đến đích. Ý tưởng về vật chất đang cảm nhận mà không có các giác quan đối với ta là khó hiểu và mâu thuẫn. Để chấp nhận hay vứt bỏ ý tưởng này phải bắt đầu bằng việc hiểu nó, và ta thú nhận rằng ta không có cái hạnh phúc ấy.

ấy. Ta càng quan sát tác dụng và phản tác dụng của các lực trong tự nhiên, những lực này tác dụng lên những lực khác, ta lại càng thấy rằng từ hiệu ứng này sang hiệu ứng khác, bao giờ cũng cứ phải đi ngược lên tới một ý chí nào đó lấy làm nguyên nhân đầu tiên; bởi vì giả định một diễn tiến các nguyên nhân đến vô tận, tức là chẳng giả định gì hết. Tóm lại mọi vận động mà không sinh ra bởi một vận động khác thì chỉ có thể đến từ một tác động tự phát, có chủ ý; các vật thể không hoạt động chỉ tác động bởi vận động và không hề có hành động thực sự nào mà có ý chí. Đó là nguyên tắc đầu tiên của ta. Cho nên ta tin rằng một ý chí làm vận động vũ trụ và khuấy động tự nhiên. Đó là tín điều thứ nhất của ta hay lời nguyện tin thứ nhất của ta.

Một ý chí sinh ra một tác động vật lý và biến hình như thế nào? Ta không hề biết, nhưng ta chiêm nghiệm thấy trong ta rằng ý chí sinh ra tác động ấy. Ta muốn tác động và ta tác động; ta muốn vận động thân thể và thân thể ta vận động; nhưng một vật thể không sống động và đứng yên lại sắp sửa tự mình vận động hoặc sản sinh ra vận động thì đó là điều không sao hiểu nổi và không thấy có ví dụ nào. Ý chí cho ta biết được thông qua các tác động của nó, chứ không phải do bản chất của nó. Ta biết ý chí đó như là nguyên nhân phát ra động lực; nhưng hiểu rằng vật chất sản sinh ra vận động thì rõ ràng có nghĩa là một hiệu quả mà không có nguyên nhân, tức hoàn toàn chẳng hiểu gì hết.

Ta không thể hiểu rõ được ý chí của ta làm thế nào mà vận động được thân xác ta, cũng như không hiểu được các cảm giác của ta tác động thế nào lên tâm hồn ta. Ta cũng không biết tại sao một trong những điều huyền bí này lại có vẻ dễ giải thích hơn điều kia. Còn ta, khi thì ta thụ động, khi thì ta lại chủ động, cái cách kết hợp hai thực thể có vẻ như với ta là tuyệt đối không thể hiểu được. Thật kỳ lạ là người ta lại xuất phát từ chính điều không thể hiểu nổi này để làm lẫn lộn hai thực thể, cứ như thể các thao tác của tự nhiên hết sức khác biệt nhau sẽ được giải thích rõ trong một chủ thể đơn độc hơn là trong hai chủ thể.

Tín điều mà ta vừa lập nên là không rõ ràng, đúng thế; nhưng rốt cuộc nó cũng đưa ra được một ý nghĩa và nó không hề có gì trái ngược với lẽ phải cũng như với sự quan sát: người ta có thể nói được chừng đó về chuyện này trong chủ nghĩa duy vật không? Chẳng phải đã rõ ràng là nếu vận động là cốt yếu đối với vật chất thì nó không thể tách rời khỏi vật chất được, nó sẽ luôn luôn ở đó với cùng một mức độ, bao giờ cũng là mức độ ấy trong mỗi phần của vật chất, nó sẽ không thể truyền đi được, nó cũng không thể tăng lên mà cũng không thể giảm đi và người ta cũng không thể hiểu được vật chất trong trạng

thái đứng yên? Khi người ta nói với ta rằng vận động không phải là điều chủ yếu đối với vật chất nhưng là cần cho nó, người ta muốn lừa ta bằng các từ sẽ dễ bác bỏ hơn nếu chúng có nghĩa thêm một chút. Bởi vì, hoặc là vận động của vật chất đến từ chính nó và thế thì vận động là điều chủ yếu của vật chất, hoặc là, nếu vận động đến từ một nguyên nhân bên ngoài thì vận động chỉ cần thiết cho vật chất cũng ngang với cần cái nguyên nhân tác động vào nó: thế là chúng ta quay về với khó khăn ban đầu.

Các ý tưởng tổng quát và trừu tượng là nguồn gốc gây ra những sai lầm lớn nhất của con người; chẳng bao giờ cái biệt ngữ siêu hình học lại giúp phát hiện được lấy một chân lý đơn lẻ nào, và nó chất đầy những phi lý vào triết học khiến người ta hổ thẹn, khi người ta vừa lột khỏi chúng những từ ngữ to tát của chúng. Này anh bạn, hãy cho ta biết, khi người ta nói với con về một sức mạnh mù quáng rải khắp tự nhiên, liệu họ có đem lại một ý tưởng thực sự nào đó cho đầu óc con chăng. Người ta cứ tưởng rằng có nói lên được vài điều gì đó bằng các từ ngữ mập mờ như là *lực vũ trụ, vận động cần thiết* nhưng họ chẳng nói lên được gì hết. Ý tưởng về vận động chẳng là gì khác ngoài ý tưởng về sự chuyển dịch từ chỗ này sang chỗ kia: không thể có vận động mà không có một hướng nào đó; bởi vì một bản thể cá biệt không thể cùng một lúc mà chuyển động theo mọi hướng. Vậy thì vật chất cần chuyển động theo hướng nào? Toàn bộ vật chất trong vật thể liệu có cùng một vận động như nhau không, hay lại là mỗi nguyên tử có một vận động của riêng nó? Theo ý tưởng đầu tiên, toàn bộ vũ trụ phải hợp thành một khối vững chắc và không chia cắt ra được; theo ý tưởng thứ hai nó chỉ tạo thành một thể lỏng tản mát, rời rạc mà không bao giờ có thể có hai nguyên tử hợp lại với nhau. Thế vận động chung của toàn bộ vật chất sẽ xảy ra theo hướng nào? Liệu có theo đường thẳng, hướng lên trên hay xuống dưới, sang phải hay sang trái? Nếu mỗi phân tử của vật chất có hướng riêng của mình thì những nguyên nhân nào gây ra các hướng ấy và tất cả sự khác biệt ấy? Nếu mỗi nguyên tử hay phân tử của vật chất chỉ quay quanh tâm điểm của riêng nó thì sẽ không bao giờ có cái gì ra khỏi chỗ của nó và sẽ không hề có vận động được truyền đi; mà cái vận động quay tròn này còn cần phải xác định theo một hướng nào đó nữa. Đem gán cho vật chất cái vận động bằng cách trừu tượng hóa tức là nói ra những từ ngữ chẳng có nghĩa gì cả; còn gán cho nó một vận động xác định tức là giả định một nguyên nhân xác định lên vận động ấy. Ta càng tăng thêm số các lực riêng biệt, ta lại càng có thêm nhiều nguyên nhân mới mẻ để giải thích, mà chẳng bao giờ tìm được một tác nhân chung nào điều khiển chúng. Không sao có thể

tưởng tượng ra bất kỳ một trật tự nào trong cuộc kết hợp ngẫu nhiên của các phần tử, ta cũng chẳng thể hình dung ra được cuộc đấu tranh, và sự hỗn loạn của vũ trụ thật là khó mà quan niệm được đối với ta hơn là sự hài hòa của nó. Ta hiểu rằng cái bộ máy của thế giới có thể là không rõ ràng đối với đầu óc con người, nhưng ngay khi có ai đó muốn đòi giải thích bộ máy ấy thì họ phải nói ra những điều khiến cho người khác nghe được.

Nếu vật chất vận động cho ta thấy một ý chí, thì vật chất vận động theo những quy luật nào đó cho ta thấy một trí thông minh: đó là điều xác tín thứ hai của ta. Tác động, so sánh, lựa chọn đều là những thao tác của một bản thể hoạt động và có suy nghĩ: vậy thì bản thể này tồn tại. Cha thấy bản thể này tồn tại ở đâu? Con sắp bảo ta như vậy. Không phải là chỉ ở trong bầu trời đang quay, ở trong tinh cầu đang soi sáng cho chúng ta; không chỉ ở trong chính bản thân ta, mà còn ở trong con cừu đang gặm cỏ, ở trong con chim đang bay, ở trong hòn đá đang rơi, ở trong chiếc lá bị gió cuốn đi.

Ta phán đoán về trật tự thế giới, cho dù ta không biết đâu là chỗ tận cùng, bởi vì để phán đoán về trật tự này ta chỉ cần so sánh các bộ phận với nhau, nghiên cứu sự kết hợp giữa chúng, các tương quan của chúng để nhận ra được sự hòa hợp. Ta không rõ tại sao vũ trụ tồn tại nhưng vẫn cứ xem nó bị điều chỉnh như thế nào, vẫn cứ cố nhận biết sự tương ứng nội tại mà nhờ đó các bản thể hợp thành vũ trụ giúp đỡ nương tựa lẫn nhau. Ta giống như một người lần đầu trông thấy cái đồng hồ để mở, vẫn cứ ngắm nghía cái công trình ấy dù không biết công dụng của cái máy này và cũng không hề nhìn thấy mặt số của đồng hồ. Anh ta bảo, tôi không hiểu toàn bộ cái này thì có ích gì; nhưng tôi thấy rằng mỗi linh kiện là được làm ra cho những linh kiện khác; tôi ngưỡng mộ người thợ qua các chi tiết của tác phẩm của anh ta, và tôi chắc chắn rằng toàn bộ hệ thống bánh xe chạy ăn khớp với nhau như thế chỉ là để nhằm mục đích chung mà tôi không thể nhận biết được.

Chúng ta hãy so sánh các mục tiêu riêng biệt, các phương tiện, các tương quan được sắp xếp theo đủ kiểu, rồi chúng ta hãy lắng nghe cảm tưởng nội tại; có đầu óc lành mạnh nào có thể khước từ sự biểu lộ ấy? Có cặp mắt nào chưa từng được báo trước lại không thấy rằng trật tự có thể cảm nhận của vũ trụ thông báo về một trí thông minh tuyệt đỉnh? Và chồng chất biết bao nhiêu lời ngụy biện để mà chối bỏ sự hài hòa của các bản thể và sự ngẫu hợp tuyệt diệu của mỗi chi tiết để bảo tồn các chi tiết khác? Người ta cứ việc tha hồ nói với ta về kết hợp, về cơ hội; đồn cho ta phải im lặng mà không thể làm cho ta tin

được thì có ích gì? Và các người làm thế nào tước được khỏi cái cảm tưởng không cố ý của tôi mà bao giờ nó cũng phản bác lại các người dù tôi không muốn thế? Nếu các cơ thể có tổ chức đã kết hợp lại một cách tùy tiện bằng hàng ngàn cách trước khi có những dạng hằng định, nếu nó lại được hình thành thoạt tiên là những cái dạ dày không có miệng, những cái chân không có đầu, những bàn tay không có cánh tay, những cơ quan không hoàn chỉnh đủ kiểu đều bị chết vì không có khả năng tự duy trì được, thế tại sao chúng ta lại chưa từng thấy có một cái gì giống như những vật dị hình không hoàn chỉnh này? Tại sao tự nhiên cuối cùng lại định ra cho mình các quy luật mà lúc đầu nó phải phục tùng? Ta không phải ngạc nhiên chút nào về một sự việc đến khi nó khả dĩ, và khó khăn của sự kiện được đền bù bằng nhiều lần phóng ra; ta đồng ý như vậy. Tuy nhiên nếu người ta lại bảo ta rằng các con chữ ở nhà in được phóng ra ngẫu nhiên lại làm thành trường ca *Énéide* đã sắp chữ hoàn chỉnh thì ta sẽ chẳng thèm bước thêm một bước để đi mà thẩm tra lời dối trá. Người ta bảo ta rằng, ông quên rồi sao, phải nhiều lần phóng. Nhưng ta phải giả định những lần phóng này đến bao nhiêu mới đủ làm thành một kết hợp có thể là có thực? Với ta thì chỉ thấy có một, ta lấy số vô hạn đánh cá với một rằng sản phẩm của nó không phải là hiệu quả của ngẫu nhiên. Hãy nói thêm rằng những kết hợp và cơ may bao giờ cũng chỉ sẽ đem lại các sản phẩm có cùng bản chất với các thành phần tham gia kết hợp, rằng trạng thái hữu cơ và sự sống không hề là kết quả sinh ra từ một tia phóng các nguyên tử và một nhà hóa học khi kết hợp các hợp chất không hề làm cho chúng cảm nhận và suy nghĩ được trong chén nung của ông ta[219].

Ta đã đọc Nieuwentit với sự ngạc nhiên và gần như kinh dị. Sao ông này lại có thể muốn làm một cuốn sách về những kỳ quan của thiên nhiên, tỏ rõ sự hiền minh của tác giả? Cuốn sách của ông ta có lớn bằng cả thế giới này thì

---

[219] Liệu người ta có tin rằng sự lố lăng của con người lên đến mức này không nếu như người ta không có chứng cứ về điều đó? Amatus Lusinatus đoán chắc rằng đã thấy một người tí hon bằng ngón tay cái bị nhốt trong cái cốc mà Julias Camillus, như một Prométhée thứ hai, đã làm ra bằng thuật giả kim. Paracelse (một thầy thuốc và nhà giả kim Thụy Sĩ) trong cuốn *Natura rerum* dạy cách sản xuất ra những người tí hon này và ủng hộ ý kiến cho rằng những người lùn pygmée, các dã thần, sơn thần và nữ thủy thần đều được sinh ra từ hóa học cả. Thực vậy, tôi thấy rằng từ nay thật không còn mấy việc để làm rõ khả năng hiện thực của các sự kiện này, nếu không phải là để xuất rằng chất hữu cơ chịu được sức nóng của lửa và các phân tử của nó có thể duy trì sự sống trong lò lửa phản xạ.

ông vẫn chưa khai thác cạn kiệt đề tài của ông; và ngay lúc người ta muốn đi vào chi tiết thì điều kỳ diệu lớn nhất bị tuột mất, đó là sự hài hòa và ăn nhịp của tổng thể. Chỉ riêng sự hình thành các cơ thể sống và hữu cơ đã là vực thẳm của đầu óc con người, cái rào ngăn không vượt qua được mà tự nhiên đã đặt giữa các loài khác nhau để cho chúng khỏi lẫn lộn vào nhau cho thấy các ý đồ của tự nhiên và sự rõ ràng đến thế là cùng. Tự nhiên không tự mình bằng lòng ở chỗ lập nên trật tự mà còn dùng những biện pháp chắc chắn để cho không gì có thể làm rối loạn trật tự ấy.

Không có một bản thể nào trong vũ trụ mà người ta không thể, xét theo một phương diện nào đó, coi như là trung tâm chung cho mọi bản thể khác, tất thảy đều được sắp xếp quanh nó, sao cho chúng lần lượt là mục đích và phương tiện qua lại giữa các bản thể này so với các bản thể khác. Trí óc lẫn lộn và lạc lối trong vô hạn các mối quan hệ ấy, nhưng không có một mối quan hệ nào là lẫn lộn hoặc lạc lối trong quần thể. Có biết bao nhiêu là giả thiết vô lý để suy ra sự hài hòa ấy từ bộ máy mù quáng của vật chất đang chuyển động một cách ngẫu nhiên. Những ai phủ nhận tính thống nhất về ý định biểu hiện trong các mối quan hệ ở khắp mọi bộ phận của tổng thể lớn lao này dù có che đậy các lời lẽ hỗ đồ lúng túng của họ bằng những sự trừu tượng, những sự phối hợp, những nguyên tắc chung, những thuật ngữ biểu trưng thì cũng là vô ích; cho dù họ có làm gì thì ta cũng không thể nào hiểu nổi một hệ thống các bản thể được xếp đặt hằng định đến thế mà lại không hiểu rằng có một trí thông minh bày đặt nên. Việc tin rằng vật chất thụ động và chết đã có thể sản sinh ra các bản thể sống và biết cảm nhận, rằng định mệnh mù quáng đã có thể tạo ra những sinh vật thông minh, rằng cái không hề suy nghĩ lại sinh ra những sinh vật biết suy nghĩ, niềm tin ấy không tùy thuộc vào ta.

Cho nên ta cho rằng thế giới được điều hành bởi một ý chí mạnh mẽ và khôn khéo; ta thấy điều đó, hoặc đúng hơn là ta cảm nhận được điều đó, biết điều đó với ta là rất hệ trọng. Nhưng thế giới này là vĩnh hằng hay là được tạo ra? Liệu có một nguyên phát duy nhất cho mọi sự vật? Hay lại là hai hay nhiều? Và bản chất của chúng là gì? Ta không hề biết, và cũng chẳng cần biết. Chừng nào những hiểu biết này trở nên hấp dẫn với ta, ta sẽ cố gắng để đạt được sự hiểu biết ấy; cho đến lúc ấy ta từ bỏ những vấn đề tào lao vô bổ có thể khuấy động lòng tự ái của ta, nhưng các vấn đề này là vô ích cho cách cư xử của ta và vượt lên trên lý trí của ta.

Con hãy luôn luôn nhớ rằng ta không hề rao giảng cảm nghĩ của ta mà ta chỉ bày tỏ nó. Cho rằng vật chất là vĩnh hằng hay được tạo ra, cho rằng có hay

không có một nguyên phát thụ động thì bao giờ cũng chắc chắn rằng tổng thể là đơn nhất và bộc lộ một trí thông minh duy nhất, bởi vì ta không hề thấy có gì là không được sắp đặt vào cùng một hệ thống ấy, và cùng hợp lực cho cùng một mục đích, tức là duy trì cái tổng thể trong trật tự đã được thiết lập. Bản thể này muốn và có khả năng, bản thể này tự mình hoạt động, rốt cuộc bản thể này có là gì đi nữa thì vẫn làm chuyển vận vũ trụ và chi phối mọi việc, ta gọi là Thượng đế. Ta gắn vào tên gọi này các ý tưởng về sự thông minh, về sức mạnh, về ý chí mà ta đã thu thập được và cả ý tưởng về lòng nhân từ là một hệ quả cần thiết của những điều trên; nhưng ta lại không vì thế mà biết rõ hơn về bản thể mà ta đã gán cho tên gọi ấy; Người tránh né ta vừa ở cảm giác vừa ở lý trí của ta; ta càng nghĩ đến lại càng bối rối; ta biết chắc chắn là người tồn tại và Người tự mình tồn tại: ta biết rằng sự tồn tại của ta tùy thuộc vào sự tồn tại của Người, và ta biết rằng mọi sự việc mà ta đã từng biết đến đều nhất định phải ở cùng một trường hợp như vậy. Ta nhận ra Thượng đế ở khắp mọi nơi trong các công trình của Người; ta cảm thấy Người ở trong ta, ta thấy Người ở khắp mọi nơi quanh ta; nhưng ngay khi ta muốn chiêm ngưỡng được chính Người, ngay khi mà ta muốn tìm ra Người đang ở đâu, Người là ai, thực thể của Người là như thế nào thì Người lại thoát khỏi ta và đầu óc bối rối của ta không còn thấy gì nữa.

Thấm thía sự bất lực của mình, ta không bao giờ còn luận giải về bản chất của Thượng đế nữa, trừ khi ta buộc phải làm điều đó bởi cảm tưởng về mối quan hệ của Người với ta. Những lập luận này bao giờ cũng là liều lĩnh táo bạo, một người đứng đắn chỉ có thể hoang mang lo sợ khi buông mình vào đó và chắc chắn rằng ông ta không đủ sức để đi sâu vào những chuyện này, bởi vì điều bất kính nhất đối với Thượng đế không phải là không nghĩ đến mà là nghĩ sai về Người.

Sau khi phát hiện ra một số trong những biểu hiện của Người mà qua đó ta hiểu sự tồn tại của mình, ta quay về với bản thân mình, và ta tìm xem ta đang ở thứ hạng nào trong trật tự các sự vật mà Người chi phối và ta có thể xem xét được. Hiển nhiên là ta đứng ở hàng đầu do giống loài của ta, bởi vì bằng ý chí của mình và bằng những công cụ mà ta có quyền sử dụng, ta có nhiều khả năng hơn để tác động vào mọi vật thể quanh ta, thuận tình chịu hành động của chúng hoặc lẩn tránh hành động của chúng tùy theo ý thích của ta, mà tuyệt nhiên không vật thể nào tác động được đến ta chỉ bằng xung động thể lực, và trái với ý ta; và, bằng trí thông minh của ta, ta là kẻ độc nhất kiểm tra được tất cả. Ở trần gian này có sinh vật nào ngoài con người mà biết quan sát tất cả mọi cái khác, đo đạc, tính toán, tiên đoán sự vận động của chúng, các hiệu quả của

chúng, và gắn kết, có thể nói như vậy, cái cảm tưởng về sự tồn tại của cộng đồng với cái cảm tưởng về sự tồn tại cá biệt của riêng mình? Có gì đáng nực cười đến thế đâu khi nghĩ rằng mọi sự được tạo thành là để dành cho ta, nếu như ta là kẻ độc nhất biết được rằng tất cả đều quy về Người.

Vậy đúng là con người là vua của Trái đất mà hắn cư ngụ; bởi vì không những hắn thuần hóa mọi loài vật, không những hắn sử dụng các nguyên tố bằng kỹ nghệ của mình, mà trên Trái đất chỉ có riêng mình hắn biết tùy ý sử dụng chúng, và hắn lại còn chiếm ngay cả các tinh tú mà hắn không sao đến gần được bằng sự lặng ngắm của mình. Người ta cứ chỉ cho ta một động vật khác trên Trái đất này biết dùng lửa đi, biết nhìn ngắm Mặt trời đi. Sao! Ta có thể quan sát, hiểu biết về các sinh vật và các quan hệ? Ta có thể cảm nhận được cái gì gọi là trật tự, sắc đẹp, đức độ; ta có thể ngắm nhìn vũ trụ, vươn lên bàn tay đang chi phối nó; ta có thể yêu điều thiện, làm điều thiện; thế mà ta lại so sánh mình với các loài súc vật! Hỡi linh hồn ti tiện, đó là cái triết lý đáng buồn của ngươi làm cho ngươi giống như những con vật: hay đúng hơn là ngươi muốn làm giảm giá trị của mình một cách uổng công, tài năng của ngươi làm chứng chống lại các nguyên tắc của ngươi, trái tim từ thiện của ngươi phủ nhận luận thuyết của ngươi, và sự lạm dụng ngay cả các khả năng của chính ngươi cũng chứng tỏ tính ưu tú của các khả năng ấy cho dù ngươi không muốn.

Đối với ta, kẻ chẳng có hệ thống nào để mà ủng hộ, ta, một con người giản dị và chân thật, mà sự cuồng nhiệt của bất cứ phe phái nào cũng không lôi cuốn được và là kẻ chẳng hề có hứng thú gì với vinh dự làm người đứng đầu một phái, ta bằng lòng với vị trí mà Thượng đế đã xếp đặt cho ta, sau Người thì ta chẳng thấy có gì tốt đẹp hơn giống loài của ta; và nếu ta có phải lựa chọn vị trí của mình trong trật tự của các bản thể thì ta có thể chọn được cái gì hơn là làm con người?

Suy nghĩ này làm cho ta xúc động nhiều hơn là làm cho ta kiêu hãnh; bởi lẽ tình trạng ấy chẳng hề là sự lựa chọn của ta mà cũng chẳng phải là do công lao của một bản thể hãy còn chưa tồn tại. Có thể nào ta lại thấy mình được coi trọng như vậy mà lại không mừng cho mình giữ được cái địa vị vẻ vang ấy, và lại không chúc tụng cho bàn tay đã đặt ta vào đó? Từ lần đầu quay trở về với chính mình thì trong lòng ta nảy sinh một tình cảm của sự biết ơn và cầu phúc lành cho tác giả của giống loài ta và từ tình cảm này nảy sinh sự tỏ bày đầu tiên lòng kính trọng Thượng đế lòng lành của ta. Ta tôn thờ quyền lực tối thượng và ta cảm kích vì phúc lành Người ban. Ta không cần đến ai dạy ta tín ngưỡng này, đó là do tự nhiên đã tự mình định ra cho ta. Đó chẳng phải là kết

quả tự nhiên của tình yêu đối với bản thân mình hay sao, khi tôn vinh người hằng che chở cho chúng ta và yêu kính Người hằng mong muốn cho chúng ta hưởng phúc lành?

Nhưng khi để biết thêm về vị trí của mình trong giống loài, ta xem xét các thứ bậc khác nhau và những ai là người ở các thứ bậc ấy, thì ta sẽ ra sao? Một tấn trò nực cười biết mấy! Cái trật tự trong tổng thể mà ta đã quan sát được nay biến đi đâu? Khung cảnh tự nhiên chỉ cho ta thấy có sự hài hòa và tương xứng còn bức tranh của loài người thì ta chỉ thấy có sự mập mờ và lộn xộn! Sự hiệp đồng ngự trị giữa các nguyên tố còn những con người thì trong trạng thái hỗn loạn! Các loài vật đều sung sướng, riêng đức vua của chúng ta là khốn khổ! Ôi đại hiền minh, các lề luật của người đâu rồi? Ôi Thượng đế, người quản lý thế gian như thế này ư? Người vốn lòng lành, quyền lực của người đã ra sao rồi? Con trông thấy điều ác trên Trái đất này.

Anh bạn tốt của ta ơi, liệu anh có tin rằng từ những suy nghĩ đáng buồn này và những mâu thuẫn biểu hiện rõ rệt ấy, hình thành trong đầu óc ta những ý tưởng cao cả của tâm hồn, mà cho đến lúc ấy chẳng rút ra được từ những tìm tòi của ta? Bằng cách suy ngẫm về bản chất con người, ta tin rằng ở đó bộc lộ ra hai tôn chỉ khác biệt mà tôn chỉ thứ nhất nâng con người đến học hỏi các chân lý vĩnh hằng, đến tình yêu công lý và tinh thần cao đẹp, đến các miền của thế giới tinh thần mà sự trầm tư mặc tưởng tạo nên lạc thú cho người hiền minh, còn tôn chỉ thứ hai lại đem hạ thấp con người trong bản thân nó, bắt nó phải phục tòng quyền lực của nhục cảm, phải phục tòng các đam mê là trợ thủ của chúng và phản bác mọi điều gợi cho nó cảm nghĩ về tôn chỉ thứ nhất. Vì cảm thấy bị lôi cuốn và bị công kích bởi hai động thái trái ngược này, ta tự nhủ rằng: Không, con người không phải là đơn nhất: ta muốn và ta không muốn, ta nhận ra mình vừa là nô lệ vừa được tự do; ta biết điều thiện, ta yêu nó, thế mà ta lại làm điều ác; ta chủ động khi ta nghe theo lý trí, thụ động khi bị đam mê lôi cuốn; và nỗi thống khổ tệ hại nhất lúc ta bị khuất phục là cảm thấy rằng mình đáng lẽ đã có thể kháng cự được.

Chàng trai hỡi, hãy nghe và tin ta đi, ta bao giờ cũng vẫn có thiện ý. Nếu ý thức là sản phẩm của các thành kiến thì rõ ràng là ta lầm, và không có đạo đức nào được chứng tỏ; nhưng nếu như tự coi mình hơn tất cả là khuynh hướng tự nhiên của con người, và nếu tuy vậy mà tình cảm đầu tiên về công lý là bẩm sinh đã có trong trái tim con người thì cái mà làm cho con người thành một bản thể chân chất tháo gỡ những mâu thuẫn ấy, và ta chỉ còn thừa nhận một thực thể.

Con hãy để ý rằng về cái từ *thực thể* này, ta hiểu nói chung đó là một bản thể mang một số phẩm chất nguyên thủy nào đó, và không kể những điều chỉnh đặc biệt hoặc thứ yếu. Vậy nếu tất cả các phẩm chất nguyên thủy mà chúng ta biết được có thể tập hợp vào cùng một bản thể, thì người ta chỉ được chấp nhận một thực thể; nhưng nếu trong đó có những phẩm chất nguyên thủy loại trừ lẫn nhau thì lại có bằng ấy các thực thể khác nhau mà người ta có thể loại trừ như vậy. Con hãy ngẫm nghĩ về điều này, đối với ta thì dù cho Locke đã có nói gì đi nữa, ta không cần thiết phải biết vật chất là quảng tính và chia cắt ra được để được đảm bảo rằng nó không thể suy nghĩ được; và khi một nhà triết học nói với ta rằng cây cối cảm nhận được và những tảng đá suy nghĩ được[220], thì ông ta có muốn làm ta bối rối bằng những lý lẽ tinh vi của

---

[220] Tôi nghĩ rằng, khoa triết học đương thời không hề nói rằng các hòn đá suy nghĩ được mà ngược lại đã phát hiện ra rằng con người không hề suy nghĩ. Triết học này chỉ thừa nhận có các bản thể có cảm giác trong tự nhiên mà thôi, và tất cả sự khác biệt giữa con người và tảng đá theo triết học ấy là ở chỗ con người là một bản thể có cảm giác, có tri giác còn tảng đá là một bản thể có cảm giác nhưng không có tri giác. Nhưng nếu như mọi vật chất đều cảm nhận được thì tôi còn biết đâu là bản vị có cảm giác hay cái tôi của cá thể? Cái đó sẽ nằm trong mỗi phân tử vật chất hay trong các vật thể được ngưng hợp lại từ nhiều chất? Tôi cũng sẽ phải xếp lại bản thể này vào loại chất lỏng, chất rắn, vào loại các hợp chất hay vào loại các nguyên tố? Người ta bảo rằng trong tự nhiên chỉ có các cá thể! Nhưng các cá thể ấy là gì? Hòn đá ấy phải chăng là một cá thể hay một ngưng kết các cá thể? Liệu nó có phải là một bản thể duy nhất có cảm giác hay nó chứa bao nhiêu hạt cát là chứa chừng ấy bản thể có cảm giác? Nếu mỗi nguyên tử của nguyên tố là một bản thể có cảm giác thì làm sao tôi hiểu nổi mối giao lưu thầm kín bên trong làm cho cái này cảm thấy ở trong cái kia sao cho hai cái *bản ngã* của chúng nhập vào làm một? Sự hấp dẫn có thể là một quy luật của tự nhiên mà chúng ta chưa biết rõ được sự huyền bí; nhưng ít ra chúng ta hiểu được rằng sự hấp dẫn là tùy thuộc vào khối lượng mà tác động không có gì xung khắc với quảng tính và tính có thể phân chia ra các bộ phận nhỏ. Bạn có thấy rằng cảm tưởng cũng giống hệt như thế không? Các bộ phận có cảm giác là quảng tính nhưng bản thể có cảm giác là vô hình và đơn nhất; nó không phân chia ra được, nó là toàn vẹn hoặc không là gì; vậy bản thể có cảm giác không phải là một vật thể. Tôi chẳng biết các nhà duy vật của chúng ta hiểu nó như thế nào nhưng tôi nghĩ rằng cũng chính những trở ngại buộc họ phải vứt bỏ sự suy nghĩ, nay sẽ buộc họ vứt bỏ nốt cảm tính, và tôi không rõ vì sao đã bước cái bước đầu tiên mà lại không bước thêm bước nữa mà nào họ có mất thêm gì đâu? Và chính vì họ tin chắc rằng họ không suy nghĩ thế sao họ lại dám nhận rằng họ cảm nhận được?

quả tự nhiên của tình yêu đối với bản thân mình hay sao, khi tôn vinh người hằng che chở cho chúng ta và yêu kính Người hằng mong muốn cho chúng ta hưởng phúc lành?

Nhưng khi để biết thêm về vị trí của mình trong giống loài, ta xem xét các thứ bậc khác nhau và những ai là người ở các thứ bậc ấy, thì ta sẽ ra sao? Một tấn trò nực cười biết mấy! Cái trật tự trong tổng thể mà ta đã quan sát được nay biến đi đâu? Khung cảnh tự nhiên chỉ cho ta thấy có sự hài hòa và tương xứng còn bức tranh của loài người thì ta chỉ thấy có sự mập mờ và lộn xộn! Sự hiệp đồng ngự trị giữa các nguyên tố còn những con người thì trong trạng thái hỗn loạn! Các loài vật đều sung sướng, riêng đức vua của chúng ta là khốn khổ! Ôi đại hiền minh, các lề luật của người đâu rồi? Ôi Thượng đế, người quản lý thế gian như thế này ư? Người vốn lòng lành, quyền lực của người đã ra sao rồi? Con trông thấy điều ác trên Trái đất này.

Anh bạn tốt của ta ơi, liệu anh có tin rằng từ những suy nghĩ đáng buồn này và những mâu thuẫn biểu hiện rõ rệt ấy, hình thành trong đầu óc ta những ý tưởng cao cả của tâm hồn, mà cho đến lúc ấy chẳng rút ra được từ những tìm tòi của ta? Bằng cách suy ngẫm về bản chất con người, ta tin rằng ở đó bộc lộ ra hai tôn chỉ khác biệt mà tôn chỉ thứ nhất nâng con người đến học hỏi các chân lý vĩnh hằng, đến tình yêu công lý và tinh thần cao đẹp, đến các miền của thế giới tinh thần mà sự trầm tư mặc tưởng tạo nên lạc thú cho người hiền minh, còn tôn chỉ thứ hai lại đem hạ thấp con người trong bản thân nó, bắt nó phải phục tòng quyền lực của nhục cảm, phải phục tòng các đam mê là trợ thủ của chúng và phản bác mọi điều gợi cho nó cảm nghĩ về tôn chỉ thứ nhất. Vì cảm thấy bị lôi cuốn và bị công kích bởi hai động thái trái ngược này, ta tự nhủ rằng: Không, con người không phải là đơn nhất: ta muốn và ta không muốn, ta nhận ra mình vừa là nô lệ vừa được tự do; ta biết điều thiện, ta yêu nó, thế mà ta lại làm điều ác; ta chủ động khi ta nghe theo lý trí, thụ động khi bị đam mê lôi cuốn; và nỗi thống khổ tệ hại nhất lúc ta bị khuất phục là cảm thấy rằng mình đáng lẽ đã có thể kháng cự được.

Chàng trai hỡi, hãy nghe và tin ta đi, ta bao giờ cũng vẫn có thiện ý. Nếu ý thức là sản phẩm của các thành kiến thì rõ ràng là ta lầm, và không có đạo đức nào được chứng tỏ; nhưng nếu như tự coi mình hơn tất cả là khuynh hướng tự nhiên của con người, và nếu tuy vậy mà tình cảm đầu tiên về công lý là bẩm sinh đã có trong trái tim con người thì cái mà làm cho con người thành một bản thể chân chất tháo gỡ những mâu thuẫn ấy, và ta chỉ còn thừa nhận một thực thể.

Con hãy để ý rằng về cái từ *thực thể* này, ta hiểu nói chung đó là một bản thể mang một số phẩm chất nguyên thủy nào đó, và không kể những điều chỉnh đặc biệt hoặc thứ yếu. Vậy nếu tất cả các phẩm chất nguyên thủy mà chúng ta biết được có thể tập hợp vào cùng một bản thể, thì người ta chỉ được chấp nhận một thực thể; nhưng nếu trong đó có những phẩm chất nguyên thủy loại trừ lẫn nhau thì lại có bằng ấy các thực thể khác nhau mà người ta có thể loại trừ như vậy. Con hãy ngẫm nghĩ về điều này, đối với ta thì dù cho Locke đã có nói gì đi nữa, ta không cần thiết phải biết vật chất là quảng tính và chia cắt ra được để được đảm bảo rằng nó không thể suy nghĩ được; và khi một nhà triết học nói với ta rằng cây cối cảm nhận được và những tảng đá suy nghĩ được[220], thì ông ta có muốn làm ta bối rối bằng những lý lẽ tinh vi của

---

[220] Tôi nghĩ rằng, khoa triết học đương thời không hề nói rằng các hòn đá suy nghĩ được mà ngược lại đã phát hiện ra rằng con người không hề suy nghĩ. Triết học này chỉ thừa nhận có các bản thể có cảm giác trong tự nhiên mà thôi, và tất cả sự khác biệt giữa con người và tảng đá theo triết học ấy là ở chỗ con người là một bản thể có cảm giác, có tri giác còn tảng đá là một bản thể có cảm giác nhưng không có tri giác. Nhưng nếu như mọi vật chất đều cảm nhận được thì tôi còn biết đâu là bản vị có cảm giác hay cái tôi của cá thể? Cái đó sẽ nằm trong mỗi phân tử vật chất hay trong các vật thể được ngưng hợp lại từ nhiều chất? Tôi cũng sẽ phải xếp loại bản thể này vào loại chất lỏng, chất rắn, vào loại các hợp chất hay vào loại các nguyên tố? Người ta bảo rằng trong tự nhiên chỉ có các cá thể! Nhưng các cá thể ấy là gì? Hòn đá ấy phải chăng là một cá thể hay một ngưng kết các cá thể? Liệu nó có phải là một bản thể duy nhất có cảm giác hay nó chứa bao nhiêu hạt cát là chứa chừng ấy bản thể có cảm giác? Nếu mỗi nguyên tử của nguyên tố là một bản thể có cảm giác thì làm sao tôi hiểu nổi mối giao lưu thầm kín bên trong làm cho cái này cảm thấy ở trong cái kia sao cho hai cái *bản ngã* của chúng nhập vào làm một? Sự hấp dẫn có thể là một quy luật của tự nhiên mà chúng ta chưa biết rõ được sự huyền bí; nhưng ít ra chúng ta hiểu được rằng sự hấp dẫn là tùy thuộc vào khối lượng mà tác động không có gì xung khắc với quảng tính và tính có thể phân chia ra các bộ phận nhỏ. Bạn có thấy rằng cảm tưởng cũng giống hệt như thế không? Các bộ phận có cảm giác là quảng tính nhưng bản thể có cảm giác là vô hình và đơn nhất; nó không phân chia ra được, nó là toàn vẹn hoặc không là gì; vậy bản thể có cảm giác không phải là một vật thể. Tôi chẳng biết các nhà duy vật của chúng ta hiểu nó như thế nào nhưng tôi nghĩ rằng cũng chính những trở ngại buộc họ phải vứt bỏ sự suy nghĩ, nay sẽ buộc họ vứt bỏ nốt cảm tính, và tôi không rõ vì sao đã bước cái bước đầu tiên mà lại không bước thêm bước nữa mà nào họ có mất thêm gì đâu? Và chính vì họ tin chắc rằng họ không suy nghĩ thế sao họ lại dám nhận rằng họ cảm nhận được?

mình cũng là vô hiệu, ta chỉ có thể thấy ở ông ta một kẻ ngụy biện có tà ý, thích gán cảm nghĩ cho các tảng đá hơn là thừa nhận linh hồn con người.

Giả sử có một người điếc lại phủ nhận sự tồn tại của các âm thanh, vì lẽ chúng không hề động chạm đến tai anh ta. Ta đặt trước mắt anh ta một chiếc đàn dây mà tôi làm cho hòa âm vang lên bằng một công cụ được giấu kín: người điếc trông thấy dây đàn rung lên rồi ta bảo anh ta: đó là âm thanh làm rung dây đàn. Anh ta trả lời: làm gì có đâu, nguyên nhân làm rung dây đàn là ở chính dây đàn; đó là phẩm tính chung cho mọi vật thể rung như vậy. Ta nói tiếp, vậy hãy chỉ cho tôi hiện tượng rung như thế ở các vật thể khác xem sao, hoặc ít nhất là cái nguyên nhân làm rung ở sợi dây đàn này. Người điếc cãi lại rằng: tôi không thể trả lời được nhưng vì tôi không hiểu cái dây rung như thế nào thì tại sao tôi lại phải giải thích điều đó bằng các âm thanh của ông mà tôi chẳng có lấy một chút ý niệm gì về chúng? Thật là giải thích một sự việc không rõ bằng một nguyên nhân lại còn tối tăm hơn. Hoặc là hãy làm cho tôi nghe được những âm thanh của ông hoặc là tôi nói rằng chúng không tồn tại.

Ta càng ngẫm nghĩ về sự suy nghĩ và về bản chất con người thì ta lại càng thấy rằng lập luận của các nhà duy vật giống như lập luận của người điếc này. Thật vậy, họ đều điếc với tiếng nói nội tại gào lên với họ bằng một âm thanh khó mà không nhận ra được: một cái máy thì không suy nghĩ gì hết, chẳng có cả chuyển động lẫn hình ảnh tạo nên sự suy nghĩ: có cái gì đó trong ngươi tìm cách phá vỡ những ràng buộc dồn nén âm thanh ấy; không gian không phải là giới hạn của ngươi, toàn bộ vũ trụ cũng chưa đủ lớn cho ngươi: những cảm tình của ngươi, những ham muốn của ngươi, nỗi lo âu của ngươi, ngay cả lòng kiêu hãnh của ngươi nữa, đều có một căn nguyên khác với cái vật thể chật hẹp mà ngươi cảm thấy bị giam hãm trong đó.

Chẳng hề có một bản thể vật chất nào là tự mình hoạt động được và chính ta cũng thế. Người ta uổng công tranh luận với ta về điều này, ta cảm nhận được điều này và cảm tưởng này nói với ta còn mạnh hơn lý lẽ chống lại nó. Ta có một thân xác bị các thân xác khác tác động vào và nó lại tác động lên chúng; sự tác động qua lại này không phải là không rõ; nhưng ý chí của ta lại độc lập với các giác quan của ta; ta thuận theo hay ta chống lại, ta quy phục hay ta thắng thế, và ta cảm thấy hoàn toàn là chính mình khi ta làm điều ta muốn làm hoặc khi ta chỉ làm cái việc chịu thua những đam mê của mình. Ta bao giờ cũng có quyền mong muốn chứ không có khả năng thực hiện. Khi ta buông mình theo các cám dỗ là ta hành động theo các kích thích từ các đối tượng ở bên ngoài. Khi ta tự trách mình về sự yếu mềm này, ta chỉ nghe theo ý

chí của mình; ta là nô lệ bởi các thói xấu của mình và tự do khi mình hối lỗi; ý thức về tự do của ta chỉ mờ nhạt đi khi ta hư hỏng và khi ta cản trở tiếng nói của tâm hồn nổi lên chống lại luật thân xác.

Ta chỉ biết ý chí bằng ý thức về ý chí của riêng mình và với ta thì lý trí lại không được biết rõ hơn. Khi người ta hỏi ta rằng nguyên nhân nào quyết định nên ý chí của ta, đến lượt ta, ta lại hỏi rằng nguyên nhân nào quyết định sự phán đoán của ta: bởi lẽ rõ ràng là hai nguyên nhân ấy chỉ là một; và nếu như người ta hiểu rõ rằng con người là hoạt động trong những phán đoán của mình, lý trí chỉ là quyền năng của con người dùng để so sánh và xét đoán, chúng ta sẽ thấy rằng dũng khí của con người cũng chỉ là một quyền năng tương tự như thế hoặc là dẫn xuất từ quyền năng kia; con người chọn điều tốt nếu nó xét đoán được điều đúng, nếu nó xét đoán nhầm, thì nó chọn sai. Vậy thì nguyên nhân quyết định ý chí của con người là gì? Đó là sự phán đoán của nó. Và cái gì là nguyên nhân quyết định sự phán đoán của con người. Đó là năng lực trí tuệ, đó là khả năng xét đoán của nó; cái nguyên nhân quyết định là ở chính nó. Tới đây, ta chẳng còn hiểu thêm gì nữa.

Rõ ràng là ta không tự do để không muốn điều hay cho chính mình, ta không tự do để muốn sự đau khổ cho mình; nhưng tự do của ta lại ở chính điều đó đến nỗi ta chỉ có thể mong muốn điều gì là phù hợp với ta, hoặc là ta đánh giá là phù hợp, mà chẳng có điều gì ở ngoài ta lại quyết định được cho ta. Có phải kết quả là ta không phải là chủ của ta bởi vì ta không làm ông chủ được một người khác với ta không?

Nguyên phát cho mọi hành động là nằm trong ý chí của một bản thể tự do; chúng ta sẽ không vượt quá được chỗ đó. Chẳng phải là hai từ tự do không có nghĩa gì mà đó là hai từ cần thiết. Giả sử rằng có hành động nào, ảnh hưởng nào lại không bắt nguồn từ một nguyên phát hoạt động, đó là thực sự cho rằng các hiệu quả mà không có nguyên nhân, thế là rơi vào cái vòng luẩn quẩn. Hoặc là không có kích động đầu tiên, hoặc là mọi kích động đầu tiên không hề có nguyên nhân từ trước, và chẳng làm gì có ý chí thực sự mà lại không có tự do. Vậy thì con người là tự do trong hành động của mình, và, vì thế, được khích lệ từ một thực thể phi vật chất, đó là điều xác tín thứ ba của ta. Từ ba điều xác tín đầu tiên này con có thể suy ra mọi điều khác một cách dễ dàng mà không cần ta phải kể ra.

Nếu như con người là hoạt động và tự do, nó tự mình hành động, tất cả những gì nó làm một cách tự do đều không hề tham gia vào hệ thống đã được

Thượng đế sắp đặt, và nó không thể bị quy kết cho Thượng đế. Người không muốn con người làm điều ác bằng cách lạm dụng tự do được người ban cho; nhưng người không cản trở hắn làm điều đó, hoặc là do một sinh thể yếu ớt như thế làm thì điều ác ấy chẳng là gì cả dưới mắt của Người, hoặc là Người không thể ngăn chặn điều ác của con người mà không hạn chế tự do của nó và lại làm điều ác lớn hơn là làm hỏng bản chất của nó. Người ban cho nó tự do để nó không làm điều ác mà làm điều thiện do lựa chọn. Người ban cho nó khả năng thực hiện sự lựa chọn này bằng cách khéo sử dụng các năng lực Người đã ban cho nó; nhưng Người đã hạn chế các khả năng của nó sao cho nó không lạm dụng được tự do mà Người đã ban cho để có thể làm rối loạn trật tự chung. Điều ác mà con người gây ra lại giáng xuống nó mà chẳng thay đổi gì hệ thống của thế giới, cũng không cản trở được loài người tự mình bảo tồn dù có phải chịu đau khổ. Cứ cản nhắn về chuyện Thượng đế không ngăn chặn việc gây tội ác tức là cản nhắn về việc Người đã phú cho loài người một bản chất tuyệt vời; về việc người đã ban cho các hành động của loài người một phẩm chất đạo đức làm cho các hành động ấy trở nên cao thượng, về việc Người đã ban cho loài người quyền có đức hạnh. Niềm hứng khởi cao cả nhất là ở trong sự bằng lòng về chính mình; chính là để xứng đáng với sự hài lòng ấy mà chúng ta được ở trên Trái đất và được có tự do, mà chúng ta bị cám dỗ bởi các đam mê và lại bị kiềm chế bởi lương tâm. Thế thì quyền lực của Thượng đế còn có thể làm gì được nhiều hơn cho chúng ta nữa chăng? Có lẽ nào quyền lực ấy lại đưa mâu thuẫn vào trong bản chất của chúng ta và lại tặng thưởng vì đã làm việc thiện cho kẻ không có khả năng làm điều ác? Sao thế! Muốn ngăn cản con người trở nên độc ác thì liệu có phải giam hãm nó trong bản năng và biến nó thành con vật hay không? Không, Thượng đế của linh hồn con, con không bao giờ dám trách người vì đã làm cho linh hồn con giống hình ảnh của Người, để cho con có thể được tự do, có thiện tâm và sung sướng như Người.

Chính là sự lạm dụng các năng lực của chúng ta đã làm cho chúng ta khổ sở và độc ác. Những nỗi buồn, lo âu, đau khổ của chúng ta đều tự chúng ta gây ra cho mình. Nỗi khổ tinh thần thì không cần bàn cãi gì mà hiển nhiên là sản phẩm của chúng ta, nỗi khổ về thể chất sẽ không là gì nếu không có những tật xấu của chúng ta, chúng đã làm cho chúng ta cảm nhận được cái khổ ấy. Phải chăng là để bảo tồn chúng ta mà tự nhiên đã làm cho chúng ta cảm nhận được các nhu cầu của mình? Cái đau đớn của thân xác có phải là dấu hiệu của bộ máy bị trục trặc và là sự báo hiệu để chăm nom đến nó? Cái chết... Những kẻ độc ác chẳng đầu độc cuộc sống của chúng và của chúng ta

đó ư? Ai là kẻ muốn cho mình sống mãi? Cái chết là đơn thuốc cho những nỗi đau mà anh tự mình gây ra; tự nhiên không muốn anh phải chịu đau khổ mãi mãi. Có biết bao nhiêu người sống trong cảnh hoang sơ nguyên thủy mà đâu có nhiều bệnh tật! Họ sống hầu như không ốm đau mà cũng chẳng có nhiều đam mê, mà cũng không đoán trước, cũng chẳng cảm thấy cái chết; khi họ cảm nhận được nó thì sự khốn khổ của họ làm cho cái chết trở nên đáng ước ao: từ đó nó chẳng còn là nỗi khổ đối với họ. Nếu như chúng ta bằng lòng là như chúng ta hiện nay thì chúng ta sẽ chẳng còn xót xa gì cho thân phận mình; nhưng để tìm kiếm một hạnh phúc tưởng tượng thì chúng ta tự chuốc lấy hàng ngàn nỗi đau khổ thực sự. Ai mà không biết chịu đựng đôi chút khổ đau thì phải đón đợi nhiều đớn đau hơn. Khi người ta làm hư hỏng thể chất của mình vì một cuộc sống không có chừng mực, người ta lại muốn phục hồi nó bằng các phương thuốc, người ta đổ thừa cái khổ mà người ta sợ vào cái khổ mà người ta cảm thấy; cái chết được báo trước làm cho bệnh tật trở nên gớm guốc và càng mau nặng thêm lên; càng muốn trốn tránh cái chết, càng cảm thấy nó hơn, và suốt đời chết vì sợ hãi trong khi phàn nàn than vãn chống lại tự nhiên về các bệnh tật tự mình gây ra vì hành động trái tự nhiên.

Hỡi con người, ngươi đừng tìm kẻ gây ra điều ác nữa, kẻ đó chính là ngươi vậy. Không có điều ác nào khác hơn điều mà ngươi tạo ra hay điều khiến ngươi đau khổ, và cả điều này lẫn điều kia đều do ở ngươi mà ra cả. Điều ác chung của mọi người chỉ có thể có được trong sự vô trật tự thôi, song ta trông thấy trong hệ thống vũ trụ, một trật tự không hề tự mâu thuẫn. Điều ác riêng biệt chỉ có ở cảm nhận của hữu thể đau khổ thôi: và cảm nhận ấy con người không tiếp nhận ở thiên nhiên mà tự mình chuốc lấy. Sự đau khổ ít bấu víu được vào những ai vì suy nghĩ ít nên không có hoài niệm mà cũng không dự liệu. Con hãy vứt bỏ những tiến bộ tai hại của chúng ta: con hãy vứt bỏ các sai lầm và các tật xấu của chúng ta, con hãy vứt bỏ công trình của con người và mọi sự đều tốt đẹp.

Ở nơi nào vạn sự đều tốt, thì không có gì bất công. Công lý không thể nào tách rời khỏi lòng nhân từ mà lòng nhân từ là hiệu quả tất yếu của một sức mạnh không giới hạn và của một lòng ái kỷ, cố hữu ở mọi bản thể tự giác. Có thể nói rằng Đấng Toàn năng khuyếch trương sự hiện hữu của mình cùng với sự hiện hữu của các sinh thể. Phát huy và duy trì là sự biểu hiện bất tuyệt của sức mạnh; nó không hề tác động lên cái gì không tồn tại; Thượng đế không phải là Thượng đế của những người chết, Người không thể trở thành kẻ hủy

diệt và độc ác mà không tự làm hại mình. Đấng Toàn năng chỉ có thể mong muốn cái gì là tốt đẹp[221]. Vậy thì Bản thể tuyệt đối có thiện tâm là vì Bản thể đó có quyền năng tuyệt đối, cũng vì thế mà tuyệt đối công bằng, nếu khác đi là tự mâu thuẫn với chính mình; bởi vì lòng yêu trật tự tạo nên bản thể gọi là *Thiện tâm*, và lòng yêu trật tự bảo vệ bản thể gọi là *Công lý*.

Người ta nói rằng Thượng đế không có bổn phận gì với các tạo phẩm của Người. Ta cho rằng Người có bổn phận với họ về tất cả những gì Người đã hứa khi ban cho họ sự tồn tại. Mà chính là hứa với họ một sự an lành khi ban cho họ ý tưởng về sự an lành và khiến họ có nhu cầu về sự an lành ấy. Ta càng trở về với chính mình, ta càng tự tra vấn mình, thì ta càng đọc thấy những từ này ghi trong tâm hồn ta: *hãy công bằng, và ngươi sẽ hạnh phúc*. Tuy nhiên, khi xem xét hiện trạng của các sự vật thì lại chẳng hề như vậy; kẻ ác cứ thịnh vượng còn kẻ công bằng cứ bị dày xéo. Hãy nhìn xem sự phẫn nộ biết chừng nào đang bùng lên trong chúng ta khi mà hy vọng ấy đã thành thất vọng... Lương tri nổi dậy và phàn nàn chống lại kẻ tạo tác ra mình, lương tâm rên rỉ kêu lên: Người đã lừa ta!

Ta mà lừa ngươi, tên liều lĩnh kia! Và kẻ nào bảo rằng ta lừa ngươi? Tâm hồn ngươi đã bị hủy diệt rồi chăng? Hay ngươi không còn tồn tại nữa? Ôi Brutus, ôi con trai ta! Đừng có bôi nhọ cuộc sống cao thượng của con bằng cách chấm dứt nó; đừng vứt bỏ vinh quang và niềm hi vọng của con cùng với thân xác mình trên chiến trường Philippes. Sao con lại bảo: *Đức hạnh chẳng là gì hết*, khi con sắp hưởng giá trị đức hạnh của mình? Con sắp chết, con nghĩ như vậy: không, con sẽ sống, và lúc đó chính là lúc ta giữ nguyên mọi điều ta đã hứa với con.

Nghe những lời phàn nàn của những con người thiếu nhẫn nại thì cứ như thể Thượng đế phải ân thưởng trước khi họ có công lao và phải đền đáp từ trước cho đức hạnh của họ. Ôi! Hãy cư xử tốt trước tiên rồi sau đó chúng ta sẽ có hạnh phúc. Chúng ta hãy đừng đòi trả giá trước khi có thành công, cũng không đòi tiền công trước khi làm việc. Plutarque đã nói rằng không phải trong sân vận động mà người thắng các cuộc thi thiêng liêng được ban thưởng mà đó là sau khi họ thi xong.

---

[221] Khi những người cổ đại gọi Thượng đế là *đấng tốt nhất có nhiều nhất*, họ đã nói rất đúng; nhưng nếu họ nói rằng đấng *có nhiều nhất thì tốt nhất*, họ sẽ nói chính xác hơn, chính là vì lòng tốt của Người xuất phát từ sức mạnh của Người; Người tốt vì người lớn mạnh (Optimus maximus và Maximus optimus).

Nếu linh hồn là phi vật chất thì nó vẫn còn sống sau thân xác; và nếu như nó còn sống, Thượng đế được công nhận. Vì tôi không đưa ra được chứng cớ nào khác về tính phi vật chất của linh hồn ngoài sự chiến thắng của kẻ ác và sự ức hiếp người công bằng ở đời này, nên chỉ riêng việc ấy sẽ ngăn ta ngờ vực điều trên. Một sự lạc điệu chướng đến thế trong sự hài hòa phổ quát sẽ làm cho ta phải tìm cách giải đáp. Ta sẽ tự nhủ: với chúng ta mọi chuyện chẳng phải là kết thúc cùng với sự sống, mọi thứ đều đi vào trật tự với cái chết. Sự thực là ta sẽ băn khoăn tự hỏi mình rằng con người là ở đâu khi mà mọi cái có thể cảm nhận được đã bị hủy diệt. Câu hỏi này không còn là một khó khăn cho ta nữa khi ta đã nhận ra ngay rằng có hai thực thể. Suốt cuộc đời thể chất của ta, do chỉ nhận biết được bằng các giác quan của mình, nên chuyện rất đơn giản là cái gì không phục tùng các giác quan thì ta không nắm được. Khi mà sự thống nhất của thân xác với linh hồn bị phá vỡ, ta tin rằng cái này thì có thể mất đi còn cái kia được bảo tồn. Tại sao sự hủy diệt của cái này lại kéo theo sự hủy diệt của cái kia chứ? Trái lại, vì bản chất là khác nhau quá nên chúng lâm vào tình trạng bị cưỡng ép bởi sự hợp nhất của chúng; và khi sự hợp nhất này không còn thì chúng, cả hai cái cùng trở lại với trạng thái tự nhiên của mình: thực thể hoạt động và sống động lấy lại toàn bộ mãnh lực mà nó đã sử dụng để làm cho thực thể thụ động và chết vận động. Than ôi! Ta cảm thấy điều đó quá rõ qua các thói xấu của ta, suốt đời mình con người chỉ mới sống được có một nửa, và cuộc sống của linh hồn chỉ bắt đầu từ cái chết của thân xác.

Nhưng cuộc sống ấy là như thế nào? Và linh hồn liệu có là bất tử do bản chất của nó không? Lý trí hạn hẹp của ta không quan niệm được cái không có giới hạn: tất cả những gì người ta gọi là vô hạn thì ta không nắm bắt được. Ta có thể phủ nhận, chấp nhận cái gì? Ta có thể lập luận như thế nào về cái mà ta không thể quan niệm được? Ta tin rằng linh hồn vẫn sống sau khi thân xác đã không còn nữa đủ cho sự duy trì trật tự: ai mà biết được như thế đã đủ để kéo dài mãi được chưa? Tuy nhiên ta hiểu được thân xác tàn tạ đi và tự hủy diệt bởi sự phân chia các bộ phận như thế nào: nhưng ta lại không hiểu được một sự hủy diệt giống như thế của bản thể tư duy; và vì không hề tưởng tượng nổi nó có thể chết đi như thế nào nên ta coi như nó không chết. Chính bởi sự suy đoán này an ủi ta và không có gì là không hợp lý, thì sao ta lại sợ phó mình cho suy đoán đó chứ?

Ta có cảm thấy linh hồn ta, ta biết nó qua tình cảm và qua tư duy; ta biết nó là có đấy nhưng chẳng biết bản chất nó là thế nào; ta không thể lập luận

về những ý tưởng mà ta không có. Cái mà ta biết rõ là tính đồng nhất của *bản ngã* chỉ liên tục kéo dài ra được nhờ ký ức, và để giữ nguyên được bản sắc ấy thì thực sự ta cần phải nhớ lại mình đã từng là thế nào. Mà ta sẽ không sao nhớ lại được ta đã từng là gì suốt cả cuộc đời sau khi ta đã chết, mà ta cũng không nhớ lại được ta đã từng cảm nhận được điều gì, rốt cuộc là ta đã từng làm điều gì; và ta cũng không ngờ vực gì rằng những hoài niệm ấy ngày nào đó tạo nên phúc lạc cho những người tốt và đau khổ cho những kẻ ác. Trong cõi trần ai này hàng ngàn nỗi đam mê cháy bỏng thu hút tình cảm nội tâm và lừa phỉnh niềm ân hận. Những điều nhục nhã, những tai họa phải chịu do thực hành các đức hạnh cản trở người ta cảm thấy mọi sự thú vị của việc thực hành này. Nhưng khi nào trút hết đi được các ảo tưởng mà thân xác và các giác quan tạo ra cho chúng ta thì chúng ta sẽ được hưởng niềm suy ngẫm về Thượng đế và các chân lý vĩnh hằng mà người là nguồn cội, khi mà vẻ đẹp của trật tự in dấu vào mọi mãnh lực của linh hồn ta làm cho chúng ta sẽ chỉ còn lo đến một việc là so sánh điều chúng ta đã làm với điều chúng ta phải làm, thì lúc ấy chính tiếng nói của lương tri sẽ nắm lại được quyền lực và quyền thống trị của mình, lúc đó chính là lúc khoái cảm thuần khiết nảy sinh từ sự hài lòng về chính mình và niềm tiếc nuối đắng cay vì đã cư xử đê tiện, sẽ phân biệt qua những cảm nghĩ vô tận, số phận mà từng người sẽ tự chuẩn bị cho mình. Ôi, người bạn tốt của ta, đừng có hỏi gì ta rằng liệu có cội nguồn nào khác cho hạnh phúc và đau khổ nữa không; ta không biết về điều đó; và những cội nguồn ta tưởng tượng ra đã khá đủ để tự an ủi mình về cuộc đời này, và khiến ta hy vọng một cuộc đời khác. Ta không hề nói rằng những người tốt sẽ được ân thưởng; bởi vì một bản thể ưu tú còn có thể mong đợi ân huệ nào khác là được tồn tại theo bản chất của mình? Nhưng ta nói rằng họ sẽ hạnh phúc bởi vì người tạo tác ra họ, và tạo nên mọi công lý, vì đã làm cho họ cảm nhận được, đã không hình thành ra họ để họ phải đau khổ; và vì họ không hề lạm dụng tự do của mình trên Trái đất này nên họ đã không làm sai mục đích bởi lỗi lầm của mình: thế nhưng họ có chịu đau khổ trong cuộc đời này, thì họ sẽ được đền bù ở một kiếp khác. Sự cảm nhận này căn cứ vào công lao của con người ít hơn vào khái niệm về thiện tâm mà ta cho rằng không tách rời bản thể của Thượng đế. Ta chỉ giả định rằng các điều luật của trật tự được tuân thủ và Thượng đế tự mình là vĩnh hằng[222].

---

[222] Không phải vì chúng con, không phải vì chúng con, hỡi Người, nhưng để sáng danh người, nhưng để tôn vinh Người, cầu Chúa hãy cho chúng con tái sinh! (*Psaumes*,115).

Đừng hỏi thêm ta gì nữa rằng liệu những đau khổ của những kẻ độc ác có là vĩnh hằng chăng; ta vẫn không biết điều đó, và cũng chẳng uổng công tò mò làm gì mà làm rõ những vấn đề vô bổ. Những kẻ độc ác sẽ ra sao thì có can hệ gì đến ta? Ta ít quan tâm đến số phận chúng. Tuy nhiên ta khó mà tin rằng chúng phải chịu đau khổ mãi. Nếu công lý tối thượng trừng phạt, nó sẽ trừng phạt ngay trong cuộc đời này. Các vị và sai lầm của các vị, ôi các quốc gia! Các vị là người thừa hành của công lý đó. Công lý đem dùng các điều ác mà các vị tự gây ra cho các vị để trừng phạt những tội ác đã gây nên việc đó. Chính trong lòng tham vô độ của các vị, mòn mỏi vì đố kỵ, vì keo kiệt, và vì tham vọng mà những ham muốn trả thù trừng trị những tội ác của các vị ngay trong lòng sự thịnh vượng giả tạo của các vị. Như thế thì cần gì đi tìm địa ngục ở cuộc sống bên kia? nó đã có ngay từ cuộc sống này trong lòng những kẻ ác.

Đâu là chỗ kết thúc các nhu cầu cả thèm chóng chán của chúng ta, đâu là nơi ngưng lại các dục vọng cuồng điên cũng ngưng luôn cả những đam mê và tội lỗi của chúng ta. Những đầu óc trong sáng có thể mắc sự tà ác nào chứ? Bởi họ chẳng cần gì hết thì tại sao họ lại độc ác thế chứ? Nếu như tước bỏ hết các giác quan thô bạo của chúng ta, mọi hạnh phúc của họ là ở sự suy ngẫm về các sinh thể, thì họ chỉ có thể mong muốn điều thiện; và ai mà không còn độc ác nữa lại có thể cứ mãi mãi khốn khổ chăng? Đấy là điều mà ta có xu hướng tin theo mà chẳng cần gì phải dứt khoát cho mình về điều đó. Ôi Chúa khoan dung và lòng lành! Các phán quyết của Người thế nào con vẫn tôn thờ chúng; nếu người trừng phạt những kẻ ác, con từ bỏ ngay cái lý lẽ mềm yếu của mình trước công lý của Người. Nhưng nếu những ăn năn của những kẻ bất hạnh sẽ phai tàn đi theo thời gian, nếu những đau khổ của họ phải chấm dứt và nếu cùng một sự an bình chờ đợi tất cả chúng con như nhau vào một ngày nào đó, con xin xưng tụng người về điều đó. Kẻ ác chẳng là người anh em của con sao? Biết bao lần con đã từng muốn giống như hắn! Mà trút đi được nỗi khốn khổ của mình, hắn cũng mất luôn cái ác đi kèm theo nỗi khốn khổ đó; hãy cho hắn cũng được hạnh phúc như con: hạnh phúc của hắn chẳng hề khêu gợi lòng ghen ghét ở con mà sẽ chỉ làm tăng thêm hạnh phúc của con mà thôi.

Chính thế mà vì nguyện ngắm Chúa qua các tạo tác của Người, và nghiền ngẫm về Người qua những gì mà Người biểu hiện ra mà ta cần phải biết, ta đi tới chỗ đem trải rộng và tăng thêm từng cấp độ ý tưởng lúc đầu còn chưa hoàn chỉnh và hạn hẹp mà ta từng suy nghĩ về bản thể vô cùng ấy. Nhưng nếu ý tưởng này có trở nên cao quý hơn và lớn lao hơn thì nó cũng ít cân xứng hơn với lý trí của con người. Chừng nào mà tinh thần ta tiếp cận

được với ánh sáng vĩnh hằng thì hào quang của nó làm cho ta lóa mắt, làm cho ta bối rối, và buộc ta phải từ bỏ mọi khái niệm trần tục đã giúp ta mường tượng ra ánh sáng ấy. Thượng đế không phải là có thân xác và có thể cảm nhận được nữa, trí năng tối thượng điều hành thế giới không chỉ là chính thế giới nữa: ta uổng công nâng cao và làm mệt trí tuệ của mình để quan niệm rõ được bản chất của Người. Khi ta nghĩ rằng Trí năng tối thượng ban cuộc sống và khả năng hành động cho thực thể sống và hoạt động để nó chi phối các sinh vật; khi ta nghe nói rằng linh hồn ta là thuộc về tinh thần, còn Chúa là một Trí năng, ta phẫn nộ chống lại sự hạ thấp giá trị này đối với bản chất của Chúa; như thể Chúa và linh hồn ta là cùng một bản chất, như thể Chúa không phải là thực thể tuyệt đối duy nhất, chỉ riêng Chúa mới thực sự hoạt động, cảm nhận, suy nghĩ, tự thân mong muốn và Người ban cho ta tư tưởng, tình cảm, hoạt động, ý chí, tự do, và sự tồn tại! Chúng ta chỉ tự do vì Người muốn cho chúng ta được như thế, và thực chất khó hiểu của Người đối với linh hồn chúng ta giống như linh hồn chúng ta đối với thể xác chúng ta . Có phải là Người đã sáng tạo ra vật chất, các thân xác, các trí tuệ, cả thế giới, về điều này ta không biết gì. Ý tưởng về sự sáng tạo làm cho ta bối rối và vượt quá tầm hiểu biết của ta: ta tin điều đó chừng nào ta hiểu được nó; nhưng ta biết rằng Người đã hình thành nên vũ trụ và mọi thứ đang tồn tại, Người đã làm tất cả, xếp đặt tất cả. Chúa là vĩnh hằng, rõ ràng là như thế; nhưng đầu óc ta làm sao có thể bao quát được ý tưởng về tính vĩnh hằng? Tại sao ta cứ huyên thuyên những từ không có ý tưởng? Điều mà ta quan niệm được chính là người tồn tại trước mọi sự vật, là người sẽ tồn tại chừng nào còn sự vật, và người vẫn cứ tồn tại mãi nếu như mọi thứ phải kết thúc vào một ngày nào đó. Một bản thể mà ta không quan niệm nổi lại ban sự tồn tại cho các bản thể khác, điều đó thật chỉ là sự tối tăm và không sao hiểu được, nhưng bản thể và hư vô chuyển hoán lẫn nhau cái này trong cái kia, thì đó hiển nhiên là một mâu thuẫn, đó rõ ràng là sự phi lý.

Chúa là thông minh; nhưng Người thông minh như thế nào? Con người thông minh khi nó lập luận, còn Trí năng tối thượng thì chẳng cần đến lập luận; đối với Trí năng tối thượng thì không có tiền đề mà cũng không có hậu quả, ngay cả đề khởi cũng không có nốt: Trí năng tối thượng là thuần túy trực giác, coi là ngang nhau mọi cái gì tồn tại và mọi cái gì có thể tồn tại; mọi chân lý chỉ được coi là một ý tưởng độc nhất, giống như mọi địa điểm chỉ là một điểm độc nhất, và mọi khoảng thời gian chỉ là một thời điểm độc nhất. Sức mạnh của con người tác động bằng các phương tiện còn quyền năng của Chúa

tác động bằng chính mình. Chúa có thể vì Người muốn; ý chí của người tạo ra quyền lực của Người. Chúa lòng lành không gì rõ ràng hơn điều đó: nhưng lòng tốt của con người là tình yêu đồng loại, còn lòng lành của Chúa là tình yêu trật tự: bởi vì chính là nhờ có trật tự mà người duy trì được cái đang tồn tại và ràng buộc mỗi bộ phận với tổng thể. Chúa là công minh, ta tin chắc điều đó, đó chính là hậu quả của thiện tâm của người; sự bất công của con người là do chính họ tạo ra và không phải tạo phẩm của Chúa; sự rối loạn về đạo đức bài bác chống lại Thượng đế theo quan điểm của các triết gia chỉ chứng minh rằng người hiện hữu trước mắt ta. Nhưng công lý của con người là trả cho mọi người cái gì là thuộc về họ, và công lý của Chúa là mọi người phải biết về cái mà Người đã ban cho họ. Mà nếu như ta cứ phát hiện được liên tiếp những biểu hiện mà ta chẳng có ý tưởng gì thật chắc chắn hoàn toàn, chính là do những quy kết gượng ép, chính là do sử dụng tốt lý trí của ta; nhưng ta khẳng định chúng mà chẳng hiểu gì về chúng và thực ra là chẳng khẳng định gì hết. Ta hoài công tự nhủ rằng: Chúa là như thế, ta cảm nhận được người, ta chứng minh được cho ta về người; chẳng vì thế mà ta hiểu được rõ hơn làm thế nào Chúa có thể như vậy được.

Cuối cùng ta càng cố suy ngẫm về bản chất vô hạn của Người, lại càng hiểu được ít hơn về bản chất ấy; nhưng bản chất vô tận ấy tồn tại, thế là đủ cho ta rồi; ta càng ít hiểu về bản chất đó ta lại càng tôn thờ nó.Ta tự sỉ vả mình và nói với Người: Hỡi Bản thể của mọi sinh thể, con tồn tại vì Người tồn tại; ngẫm nghĩ về người không ngừng nghỉ chính là con nâng mình lên đến ngọn nguồn của con. Việc hành xử xứng đáng nhất cho lý trí của con là tịch diệt trước Người, đó là sự mê say của tinh thần con, đó là cái duyên của cái yếu đuối của con, cho con cảm thấy mình nhỏ nhoi trước tầm vóc vĩ đại của người.

Sau khi đã từ những ấn tượng về các đối tượng có thể cảm nhận và từ tình cảm nội tâm hướng ta phán đoán các nguyên nhân theo hiểu biết tự nhiên của ta, mà suy ra các chân lý chủ yếu mà ta cần phải biết, ta còn phải tìm xem các châm ngôn nào ta phải rút ra từ đó để hành xử và các quy tắc nào ta phải định ra cho mình để làm tròn mục đích tiền định cho mình trên Trái đất này, theo đúng ý định của Người đã đặt ta ở đó. Bằng cách luôn luôn theo đúng phương pháp của mình, ta không hề rút các quy tắc ấy từ các nguyên lý của một nền triết học cao siêu nào, mà ta tìm thấy chúng trong đáy lòng mình, được viết ra bởi tự nhiên bằng một thứ chữ không thể xóa nhòa. Về những gì ta muốn làm, ta chỉ cần tự tra vấn mình: tất cả những gì ta cảm thấy là thiện thì đều là thiện,

tất cả những gì ta cảm thấy là ác thì đều là ác: người tài ba nhất trong tất cả các nhà thần học chuyên giải các nghi nghĩa là lương tâm và chỉ khi nào người ta mặc cả với lương tâm, người ta mới cần dùng đến những điều tinh tế trong lập luận mà thôi. Trong mọi việc chăm sóc thì việc đầu tiên là chăm sóc cho chính mình: tuy nhiên biết bao lần tiếng nói nội tâm bảo chúng ta rằng khi nào làm lợi cho mình bằng cách gây thiệt hại cho kẻ khác thì đó là chúng ta làm điều ác! Chúng ta cứ tưởng rằng hành động theo đúng sự thúc đẩy của tự nhiên nên chúng ta cưỡng lại tiếng nói ấy; chúng ta nghe theo những gì nó nói với các giác quan của mình song chúng ta coi rẻ những gì nó nói với trái tim mình; hữu thể tác động vâng lời, hữu thể thụ động sai khiến[223]. Lương tâm là tiếng nói của tâm hồn còn các đam mê là tiếng nói của thân xác. Chuyện mâu thuẫn luôn xảy ra giữa hai tiếng nói ấy có lạ lùng chăng? Vậy ta phải nghe theo tiếng nói nào? Lý trí hay lừa dối chúng ta quá, mà chúng ta đã được quá nhiều quyền khước từ nó, nhưng lương tâm thì không khi nào lừa dối; nó là hướng dẫn viên chân thực của con người: lương tâm đối với linh hồn cũng y như là bản năng đối với thân xác[224], ai nghe theo lương tâm là tuân theo tự nhiên và

---

[223] * Các giác quan, hữu thể thụ động được nói tới ở đây có nghĩa là "thân xác", còn trái tim hay tấm lòng, hữu thể tác động là "tâm hồn".

[224] Triết học đương thời chỉ chấp nhận cái mà nó giải thích trong khi hết sức tránh việc chấp nhận cái năng lực tối tăm được gọi là *bản năng* dường như chỉ đạo các động vật hướng đến một mục đích nào đó mà không cần một hiểu biết nào đã thu nhận được. Bản năng theo một nhà triết học thông thái nhất của chúng ta là Condillac chỉ là một tập quán không có suy nghĩ, nhưng lại có thể thu nhận được nhờ suy nghĩ; và theo cách mà ông giải thích tiến trình này, thì ta phải đi đến kết luận rằng trẻ con suy nghĩ nhiều hơn người lớn; một nghịch lý khá kỳ lạ đáng để bỏ công ra mà kiểm nghiệm. Ở đây ta không đi vào cuộc tranh luận này, tôi hỏi rằng tôi phải đặt cái tên gì cho sự hăng hái ở con chó của tôi khi nó đuổi cắn những con chuột chũi mà nó không thèm ăn thịt, đặt tên gì cho sự kiên trì có khi khiến nó rình chuột đến hàng mấy giờ, và cho tài khéo léo để tóm gọn lũ chuột, quăng chúng khỏi mặt đất khi chúng thò lên rồi cuối cùng mới giết chúng, rồi bỏ mặc ở đó, mà chẳng bao giờ có ai lại đi dạy cho nó trò săn bắt ấy, và dạy nó học được rằng ở chỗ ấy có chuột chũi. Tôi còn hỏi, và điều này quan trọng hơn, rằng tại sao lần đầu tôi dọa cũng con chó ấy, thì nó nằm lăn lưng xuống đất, bốn chân gập lại, với một thái độ van xin và thích hợp nhất để làm tôi mủi lòng; cái tư thế mà nó chẳng đời nào duy trì nếu tôi không xiêu lòng mà lại đánh nó trong trạng thái ấy. Sao!Con chó của tôi còn bé tí tẹo mà, gần như là vừa mới đẻ ra, mà nó lại tiếp thu được những ý tưởng luân lý ư? Nó có biết cái gì là sự khoan hồng và

không hề sợ bị lầm lạc. Điểm này có tính chất quan trọng, vị ân nhân của tôi nói tiếp, khi thấy tôi sắp sửa ngắt lời ông: con hãy chịu khó cho ta dừng lại một chút nữa để làm rõ điều ấy.

Toàn bộ tính đạo đức trong các hành động của chúng ta nằm trong sự phán đoán mà tự mình phải gánh lấy. Nếu quả thực điều thiện là thiện, thì nó phải ở đáy lòng chúng ta cũng như trong công việc của chúng ta và khi thấy được người ta thực hiện như vậy thì đó là phần thưởng đầu tiên của công lý. Nếu tính thiện trong đạo đức phù hợp với bản chất của chúng ta, thì con người chỉ có thể lành mạnh về tinh thần và có thể trạng tốt chừng nào người đó có thiện tâm. Nếu tính thiện trong đạo đức không là bản chất của chúng ta và nếu bản chất tự nhiên còn người là độc ác, thì con người không thể thôi không độc ác nữa mà không tự mình bị biến chất và tính thiện ở con người chỉ là một tật xấu phản tự nhiên. Nếu con người được tạo nên để làm hại đồng loại cũng như chó sói được sinh ra để cắn đứt cổ con mồi của nó thì một con người có lòng nhân đạo sẽ là một con thú hư hỏng y như là một con sói mà biết thương hại, và chỉ có đức độ là để lại cho chúng ta những ân hận mà thôi.

Hỡi người bạn trẻ của ta! Chúng ta hãy trở về với chính mình, hãy xem xét, mọi lợi ích riêng tư dẹp sang một bên xem các khuynh hướng của chúng ta dẫn ta đi đến cái gì. Cảnh tượng nào làm ta vui thích nhất, cảnh khốn cùng hay cảnh hạnh phúc của người khác? Điều gì mà chúng ta làm một cách êm đềm nhất và để lại cho chúng ta một ấn tượng dễ chịu hơn sau khi đã làm xong, đó là một hành động từ thiện hay một hành động độc ác? Con lưu tâm đến nhân vật nào trên sân khấu mà con xem? Liệu con có thấy thích thú các việc độc ác? Liệu con có khóc chăng cho kẻ ác bị trừng phạt? Các nhà triết học bảo rằng chúng ta thờ ơ với mọi việc trừ quyền lợi của chúng ta: song trái lại sự dịu dàng của tình bạn, của lòng nhân đạo thì an ủi cho ta trong những nỗi khổ cực của mình, và ngay cả trong những khoái cảm của mình,

---

lòng cao thượng? dựa vào những hiểu biết đã thu nhận được như thế nào mà nó lại hy vọng làm tôi nguôi giận bằng cách mặc cho tôi muốn làm gì nó cũng được? Tất cả các con chó trên đời này đều gần như cùng làm thế trong trường hợp này và ở đây tôi không nói rằng mọi người không thể kiểm chứng lại. Xin các nhà triết học vẫn phủ nhận bản năng một cách hết sức khinh thường, hãy giải thích sự kiện này chỉ bằng hoạt động của các cảm giác và các hiểu biết mà chúng đã làm cho chúng ta tiếp nhận được; xin các nhà triết học nọ hãy giải thích một cách thỏa đáng cho mọi con người có ý thức về điều đó; thế thì tôi sẽ chẳng còn gì để nói, và tôi sẽ không nói về bản năng nữa.

chúng ta sẽ quá cô đơn, quá khốn khổ nếu không có một ai để mà chia sẻ những niềm hoan lạc ấy. Nếu không có gì là đạo đức trong lòng người vậy từ đâu mà con người lại có những rung cảm thán phục đối với những hành động anh hùng, có những tình yêu mê say đối với các tâm hồn cao thượng? Cái nhiệt tình ấy của đức hạnh có quan hệ gì với lợi ích riêng tư của chúng ta. Tại sao ta lại muốn được như Caton[225] tự xé ruột gan mình hơn là muốn làm César kẻ chiến thắng? Nếu như con tước bỏ đi tình yêu cái cao đẹp ấy của trái tim con tức là con trút bỏ hết mọi hứng thú ở đời. Kẻ nào mà những đam mê đê hèn đã bóp nghẹt các tình cảm dịu ngọt ấy trong tâm hồn hẹp hòi của hắn, kẻ nào mà cứ cố thu mình vào bên trong của chính hắn thôi, rốt cuộc chỉ yêu có chính mình, thì không còn cảm kích nữa, trái tim băng giá của hắn không còn đập rộn ràng vì vui sướng nữa, một sự mủi lòng hiền dịu không khi nào làm ướt mắt hắn; hắn không còn hưởng thụ được bất cứ cái gì nữa; kẻ bất hạnh ấy không còn cảm nhận được gì nữa, hắn không còn "sống" nữa, hắn đã "chết" rồi.

Nhưng dù cho số kẻ độc ác có nhiều đến đâu trên Trái đất này đi nữa, thì cũng rất ít các tâm hồn khô kiệt như xác chết ấy, chúng trở nên vô cảm, ngoài lợi ích của chúng, với tất cả những gì là công bằng và điều thiện. Sự bất công chỉ làm vui thích chừng nào người ta lợi dụng được nó; còn thì người ta muốn kẻ vô tội được bảo vệ. Người ta trông thấy trên phố hay trên một con đường một hành vi bạo lực hay bất công, lập tức sự phẫn nộ và uất hận nổi lên từ đáy lòng và khiến chúng ta đứng ra bênh vực kẻ bị áp bức[226]: nhưng một nghĩa vụ mạnh mẽ hơn ngăn chúng ta lại, và các luật lệ lấy đi ở chúng ta quyền che chở cho kẻ vô tội. Trái lại nếu một hành vi khoan hồng hay đại lượng nào đó đập vào mắt chúng ta thì hành vi ấy gây cho chúng ta biết bao cảm phục, biết bao ham thích! Ai mà chẳng tự nhủ rằng: "Ta những muốn làm như thế"? Việc một người đã hung ác hay công bằng cách đây hai ngàn năm chắc chắn rất ít quan hệ đến chúng ta, nhưng, tuy nhiên, chính cùng một mối quan tâm làm chúng ta xúc động khi đọc cổ sử như thể tất cả các việc ấy đã xảy ra trong thời đại chúng ta vậy.

---

[225] * Caton bênh vực tự do và nghị viện, chống lại César, bị bại trận ở Thapsus, ông mổ bụng tự sát ở Ultice.

[226] * Năm Rousseau viết quyển này có vụ án Calas bị án oan giết con vì sợ con cải đạo. Calas bị tử hình năm 1762 và được phục hồi án oan năm 1765 do sự biện hộ của Voltaire.

Các trọng tội của Catilina[227] có làm gì được ta? Ta có sợ rằng mình là nạn nhân của hắn ta đâu? Vậy tại sao ta lại ghê tởm hắn như thể hắn là người đương thời với ta? Chúng ta ghét những kẻ hung ác, không những vì chúng làm hại chúng ta, mà vì chúng hung ác. Không những chúng ta muốn được hạnh phúc, chúng ta cũng muốn người khác được hạnh phúc nữa và khi hạnh phúc ấy không làm hại gì đến hạnh phúc của chúng ta thì nó lại làm tăng thêm hạnh phúc của chúng ta. Sau cùng, người ta thương xót những kẻ xấu số, dù rằng không muốn; khi người ta chứng kiến những nỗi khổ sở của họ, người ta đau đớn vì nỗi khổ ấy. Những kẻ gian tà nhất cũng không thể nào mất hẳn khuynh hướng ấy; thường thường là khuynh hướng này làm cho chúng tự mâu thuẫn với chính mình. Tên kẻ cướp lột hết của khách đi đường nhưng vẫn cứ giúp cho người nghèo khổ khỏi cảnh trần truồng; và tên sát nhân hung tàn nhất vẫn cứ đỡ cho người bị ngất xỉu khỏi ngã.

Người ta nói đến tiếng nói của lòng hối hận âm thầm trừng phạt các tội ác được giấu kín và rất hay làm chúng lộ ra. Than ôi! Có ai trong chúng ta mà chẳng từng nghe tiếng nói phiền toái ấy? Người ta bảo đó là do kinh nghiệm, và người ta có lẽ muốn bóp nghẹt cái tình cảm mãnh liệt ấy vì nó đã đem lại cho chúng ta biết bao nhiêu nỗi giày vò. Chúng ta hãy tuân theo tự nhiên, chúng ta sẽ thấy tự nhiên ngự trị êm dịu đến thế nào và sau khi nghe theo tự nhiên người ta tìm được một hứng thú đến thế nào khi tự mình đem lại một bằng chứng tốt đẹp về bản thân mình. Kẻ ác sợ chính bản thân hắn và tự xa lánh hắn; hắn vui mừng vì thoát ra được con người của hắn; hắn đảo mắt quanh mình một cách lo lắng và tìm kiếm một đối tượng làm cho hắn được khuây khỏa; không có lời châm chọc đắng cay, không có lời chế nhạo lăng mạ, hắn sẽ luôn luôn buồn bã; tiếng cười ngạo nghễ là thú vui duy nhất của hắn. Trái lại sự thanh thản của người công bằng là thuộc về nội tâm, tiếng cười của họ không tinh quái mà vui tươi, anh ta lấy niềm vui ấy từ chính mình; anh ta vui vẻ lúc ngồi một mình cũng y như lúc ở nơi tụ họp đông người; sự hài lòng của anh ta không lấy từ những người gần gụi với mình mà anh ta truyền cảm cho họ.

Con hãy nhìn xem trên mọi quốc gia ở thế giới này, con hãy đọc qua tất cả các lịch sử: giữa biết bao tôn giáo phi nhân tính và kỳ quái, giữa những khác biệt dị thường về phong tục và tính cách ấy, con sẽ tìm thấy ở mọi nơi cũng

---

[227] * Catilina: nhà quý tộc cổ La Mã (109-62 trước CN) âm mưu chống nghị viện La Mã bị Cicéron phát giác, chết ở Pistola.

những ý tưởng công lý và ngay thật ấy, khắp nơi đâu cũng những khái niệm ấy về cái thiện và cái ác. Đa thần giáo cổ đại đã sinh ra các vị thần ghê tởm, mà nếu như ở cõi trần này thì người ta đã trừng phạt như là bọn gian ác, và các vị thần ấy chỉ nêu ra hình ảnh về hạnh phúc tối đa là những tội đại ác sẽ phạm và những dục vọng được thỏa mãn. Nhưng thói xấu được vũ trang bằng thần quyền, hoài công giáng trần từ cõi vĩnh hằng, vì bản năng đạo đức đã xua đuổi nó ra khỏi trái tim con người. Trong khi tán dương thói dâm đãng của thần Jupiter[228], người ta thán phục sự tiết dục của ông Xénocrate[229], nàng trinh nữ Lucrèce đã sùng bái nữ thần Vénus dâm ô[230], anh chàng La Mã dũng cảm lại thờ thần Sợ hãi, anh ta đã cầu khấn vị thần đã xẻo thịt cha mình và đã chết không rên xiết do bàn tay của cha mình[231]. Các vị thần đáng khinh nhất lại được các vĩ nhân lớn nhất phụng thờ. Tiếng nói thánh thiện của thiên nhiên mạnh hơn tiếng nói của các thần linh và dường như đã để lại hết trên trời các trọng tội cùng các can phạm, làm cho cả Trái đất phải tôn kính.

Vậy thì trong đáy tâm hồn đã có sẵn một nguyên lý bẩm sinh về công lý và đạo đức, dựa vào đó, dù ta có những châm ngôn riêng của mình, chúng ta vẫn phán đoán các hành động của chúng ta và của người khác là tốt hay xấu, và chính nguyên lý ấy được tôi đặt cho cái tên là lương tâm.

Mà tôi thấy tiếng la ó nổi lên khắp mọi nơi phản bác cái từ này của những kẻ mạo nhận mình là hiền minh: Những sai lầm ấu trĩ, những thành kiến của giáo dục! Bọn họ gào lên rất ăn ý với nhau. Không có gì có thể đưa vào đầu óc con người mà không phải là do kinh nghiệm, và chúng ta chỉ xét đoán mọi việc

---

228 * Jupiter: theo thần thoại Latin là chúa tể các thần linh. Ông lật đổ cha mình là Saturne, thắng Tibaus, giao cho Neptune giữ Biển, Phéton giữ Địa ngục còn mình giữ Thiên đường và Dương thế, kiêm luôn Thời gian, Ánh sáng và Sấm sét.

229 * Xénocrate: Triết gia Hy Lạp ở Chalcédoine (406-314 trước CN) là học trò của Platon, cố dung hòa tư tưởng của Platon và Pythagore. Theo Diogène Laorce, hai kỹ nữ Phryné và Laïs đã không quyến rũ nổi Xénocrate

230 * Lucrèce người La Mã chết vì phẫn nộ do bị con trai của Tarquin cưỡng hiếp. Biến cố này là lý do lật đổ vương triều Tarquin vào năm 510 trước CN. Vénus là thần Ái tình trong thần thoại Latin.

231 * Các xóa bỏ ở bản thảo chứng tỏ Rousseau tưởng rằng thần Jupiter đã xẻo thịt ở thân thể cha mình là Saturne, nhưng thực ra chỉ đuổi cha để chiếm ngai vàng thôi. Theo M. Monet thì có lẽ thần Kronos (tức Saturne) đã xẻo thịt cha mình là Uranus.

Theo luật La Mã cổ đại người cha có quyền giết chết con đẻ của mình.

dựa trên các ý tưởng đã tiếp nhận được mà thôi. Bọn họ còn làm quá lên: sự chấp thuận hiển nhiên và phổ quát này ở tất cả các quốc gia, họ đều dám vứt bỏ, và, chống lại cái giống nhau hiển nhiên về sự xét đoán của mọi người, bọn họ đi tìm trong cõi u minh một vài ví dụ tối nghĩa mà chỉ có riêng bọn họ biết; cứ làm như là mọi khuynh hướng tự nhiên đều đã bị xóa bỏ hết dọ sự đồi bại của một dân tộc và ngay khi dân tộc ấy là những quái vật, thì giống loài chẳng là cái gì nữa hết. Mà sao ông Montaigne đầy hoài nghi ấy lại tự chuốc lấy sự đau khổ vào mình để phát hiện ở một xó xỉnh trên Địa cầu một tập quán trái ngược với khái niệm công lý để làm gì nhỉ? Ông ta có ích gì khi trao cho những du khách đáng ngờ nhất uy quyền mà ông từ chối cho những nhà văn lỗi lạc nhất? Một vài tập quán không chắc chắn và kỳ cục xây dựng trên cơ sở các lý do bản địa mà chúng ta không biết rõ, phải chăng sẽ phá hủy sự quy nạp chung từ sự hợp lực của tất cả mọi dân tộc, phản bác mọi thứ mà chỉ có tán thành mỗi một điểm ấy mà thôi? Ôi Montaigne! Ông bạn cứ tự cho mình là thẳng thắn và tôn trọng chân lý, xin hãy chân thành và thật thà như một nhà triết học, có thể có được thái độ như vậy, ông bạn hãy nói cho tôi biết rằng liệu trên Trái đất này có xứ sở nào mà việc giữ đức tin, bao dung, thiện tâm, cao thượng lại là một tội ác, nơi mà ở đó người tốt bị coi khinh, kẻ bất nghĩa được kính trọng?

Người ta nói rằng ai cũng góp sức vào lợi ích chung vì lợi ích của riêng mình. Nhưng vậy thì do đâu mà người công minh chính đại lại góp phần khiến mình tổn hại? Đi đến cái chết vì lợi ích của mình là thế nào? Rõ ràng là chẳng ai chỉ hành động vì mối lợi của mình mà thôi, nhưng nếu có một lợi ích về đạo đức mà người ta phải xem xét đến, thì bao giờ người ta cũng chỉ giải thích được hành động của bọn độc ác bằng lợi ích riêng mà thôi. Cũng nên tin rằng người ta không muốn đi xa hơn nữa. Sẽ là một thứ triết học tồi tệ, thứ triết lý làm cho con người ta khó nghĩ trước những hành động đạo đức, thứ triết lý mà người ta chỉ có thể thoát khỏi rắc rối bằng cách bịa đặt cho các hành động đạo đức ấy những ý đồ thấp hèn và những động cơ phi đạo đức; thứ triết lý mà người ta sẽ buộc phải dèm pha chê bai Socrate và vu khống Régulus. Nếu các thứ học thuyết tương tự như thế cứ luôn luôn có thể này sinh giữa chúng ta thì tiếng nói của tự nhiên cũng như của lý trí sẽ không ngừng nổi lên chống lại các thuyết ấy, và sẽ không khi nào bỏ sót một trong những kẻ tán đồng chúng được cáo lỗi là do có thực tâm mới làm như vậy.

Ý định của ta ở đây không phải là để tham gia vào các cuộc tranh luận về siêu hình học, vốn quá tầm hiểu biết của ta và của con và thực chất chẳng đi

đến đâu cả. Ta đã bảo con rằng ta không muốn triết lý với con, mà muốn giúp con tự hỏi lòng mình. Khi nào mọi nhà triết học đều chứng minh được rằng ta đã sai lầm về chuyện này mà nếu con lại thấy rằng ta đúng, thì ta chẳng còn mong muốn gì hơn.

Về chuyện này chỉ cần làm cho con biết phân biệt những ý tưởng mà chúng ta tiếp thu được với các cảm nhận tự nhiên của chúng ta; bởi lẽ chúng ta cảm nhận trước khi hiểu biết, và bởi lẽ chúng ta không phải học mà cũng biết mong muốn điều tốt đẹp cho mình và tránh xa điều xấu, trong khi chúng ta lại thừa kế được ý chí này từ tự nhiên, thì lòng yêu việc thiện và ghét bỏ điều xấu xa đối với chúng ta cũng tự nhiên như là tình yêu đối với bản thân chúng ta vậy. Các hành vi của lương tâm không phải là các phán đoán, mà là cảm nhận. Cho dù mọi ý tưởng của chúng ta đều xuất phát từ ngoại giới, nhưng những tình cảm để đánh giá chúng lại thuộc nội tâm chúng ta, và chỉ có thông qua các tình cảm ấy mà chúng ta mới biết được rằng ý tưởng nào là phù hợp hay không phù hợp với chính ta và những sự việc nào chúng ta phải tôn trọng hoặc là phải xa lánh.

Tồn tại đối với chúng ta là cảm nhận, tính nhạy cảm của chúng ta hiển nhiên là có trước trí thông minh, và chúng ta đã có tình cảm trước khi có các ý tưởng[232]. Cho dù nguyên nhân tồn tại của chúng ta là gì thì nó cũng đã giúp cho chúng ta duy trì cuộc sống của chúng ta bằng cách phú cho chúng ta có những tình cảm phù hợp với bản chất của mình; và người ta chỉ có thể cãi rằng ít ra những tình cảm đó không phải là bẩm sinh đã có. Về phần cá nhân, những tình cảm này là tình yêu bản thân, sự sợ hãi bị đau đớn, sự khiếp sợ cái chết, ham muốn được an lạc. Mà nếu như người ta không thể nghi ngờ về chuyện này, con người là có tính hòa đồng do bản chất của nó, hay chí ít là được sinh thành để trở nên như vậy, thì nó chỉ có thể được như thế nhờ ở những tình cảm vốn có sẵn khác, liên quan đến giống loài của nó; bởi vì chỉ xét riêng về nhu cầu vật chất, thì nhu cầu ấy chắc chắn là phải phân tán mọi người

---

[232] Về một số phương diện nào đó các ý tưởng là các tình cảm và các tình cảm là các ý tưởng. Hai danh từ này phù hợp với mọi nhận thức chỉ phối ta về đối tượng của nó, và về chính chúng ta là kẻ chịu sự tác động của đối tượng ấy: chỉ có trình tự của sự tác động này định ra được cái tên gọi cho hợp với nó mà thôi. Khi nào thoạt tiên quan tâm đến đối tượng, ta chỉ nghĩ đến ta do phản xạ, đó là một ý tưởng; trái lại, khi nào ấn tượng tiếp nhận khêu gợi sự chú ý đầu tiên của ta và chỉ do phản xạ mà ta nghĩ đến đối tượng gây ra thì đó là một tình cảm.

thay vì đưa họ lại gần nhau. Chính là do hệ thống đạo đức được hình thành nên bởi mối tương quan hai chiều với bản thân và với đồng loại mà nảy sinh ra sự thôi thúc của lương tâm. Biết điều thiện, chưa phải là đã yêu nó: con người không có sự hiểu biết bẩm sinh về điều thiện, nhưng lý trí của nó vừa làm cho nó hiểu biết thì lương tâm của nó đưa nó đến chỗ yêu điều thiện, chính tính cảm ấy là vốn có.

Này anh bạn của tôi, vì vậy mà tôi không tin rằng không có khả năng giải trình nguyên khởi trực tiếp của lương tâm độc lập với ngay cả lý trí bằng các hậu quả của bản chất của chúng ta. Và khi điều này là không thể được, thì liệu nó có còn cần nữa chăng: bởi chính vì những kẻ phủ nhận cái nguyên khởi đã được cả loài người thừa nhận và biết đến đó không hề chứng minh được là nó không có, mà chỉ khẳng định như thế; khi chúng ta khẳng định là nó tồn tại, thì chúng ta cũng đều có căn cứ rõ ràng như bọn họ, và chúng ta còn có thêm bằng chứng nội tâm, và tiếng nói của lương tâm tự làm chứng cho chính nó. Nếu những ánh sáng đầu tiên của phán đoán làm cho chúng ta lóa mắt và lẫn lộn các đối tượng mà ta nhìn thấy, thì hãy đợi cho những con mắt yếu ớt của chúng ta mở lại, vững lại; và chẳng mấy chốc mà chúng ta thấy lại cũng các đối tượng ấy dưới ánh sáng của lý trí cứ như là tự nhiên chỉ ra từ đầu cho chúng ta về các đối tượng ấy vậy: hoặc đúng hơn là chúng ta hãy giản dị hơn và ít kiêu căng hơn; hãy hạn chế mình trong các tình cảm đầu tiên mà ta thấy xuất hiện trong chính mình, chính là vì bao giờ việc nghiên cứu cũng dẫn dắt chúng ta trở về với những tình cảm ấy, khi nghiên cứu chưa làm cho ta lạc lối.

Lương tâm! Lương tâm! Bản năng thiên phú và bất tử, tiếng nói của trời; viên hướng đạo chắc chắn cho một con người dốt nát và thô thiển, nhưng có trí năng và tự do; vị thẩm phán không bao giờ lầm lẫn của cái thiện và cái ác và làm cho con người giống như Thượng đế, chính lương tâm đã làm cho bản chất con người tuyệt diệu và các hành động của con người có tính đạo đức; không có người, ta không cảm thấy có gì trong ta nâng được ta lên trên các loài vật, ngoài các đặc ân đáng buồn là bị lạc lối hết sai lầm này đến sai lầm khác do trí tuệ không quy củ và lý trí không có nguyên phát[233] nên chẳng theo nguyên tắc nào.

Thế là nhờ trời mà chúng ta trút bỏ được tất cả các bộ máy triết học đáng ghê sợ này: chúng ta có thể là người mà không cần là nhà thông thái; được

---

[233] * Theo tác giả trình bày ở phần trên thì lương tâm là nguyên khởi của lý trí.

miễn khỏi phải tiêu phí cuộc đời mình vào việc nghiên cứu đạo đức, chúng ta có một người hướng dẫn ít tốn kém hơn và chắc chắn hơn trong cái mớ bòng bong bao la của dư luận con người. Nhưng không phải người hướng dẫn này có mặt là đủ, phải biết cách nhận ra người ấy và theo người ấy. Nếu người ấy nói với tất cả mọi tấm lòng, vậy thì tại sao lại ít có mấy ai nghe được? Này! Chính là vì người nói với chúng ta bằng ngôn ngữ của tự nhiên, mà chúng ta đã hoàn toàn quên mất. Lương tâm thì nhút nhát, nó ưa ẩn dật và yên bình; cõi nhân gian và tiếng ồn làm cho nó lo sợ: những thành kiến từ đó người ta khiến cho nó phát sinh ra là những kẻ thù độc ác nhất của nó; lương tâm chạy trốn hoặc câm nín trước các thành kiến ấy: tiếng nói ồn ào của chúng át hết cả tiếng nói của lương tâm làm cho tiếng nói của lương tâm không tài nào nghe thấy được; sự cuồng tín dám giả mạo lương tâm và nhân danh lương tâm mà xui khiến tội ác. Cuối cùng lương tâm chán nản vì cứ bị khước từ; nó không nói với chúng ta nữa, nó không đáp lời chúng ta nữa và sau khi nó đã bị coi thường lâu đến vậy thì gọi được lương tâm trở về cũng khó khăn như khi xua đuổi nó đi vậy.

Biết bao nhiêu lần ta đã chán trong các cuộc nghiên cứu của mình vì sự lạnh lùng mà ta cảm thấy ở mình! Biết bao lần nỗi buồn chán rót chất độc của chúng vào những suy tưởng đầu tiên của ta làm cho ta không sao chịu đựng nổi những suy tưởng của mình nữa? Trái tim cằn cỗi của ta chỉ đem lại một nhiệt tình đang tàn lụi và hững hờ với tình yêu chân lý. Ta tự nhủ: Tại sao lại cứ tự mình đau khổ để tìm kiếm cái không tồn tại? Cái thiện về đạo đức chỉ là một ảo tưởng; không có gì là tốt đẹp ngoài những khoái cảm của các giác quan. Ôi,một khi mà người ta đã mất hứng thú về các khoái cảm của tâm hồn thì khó mà lấy lại được! Để nắm được cái đó lại còn khó hơn nữa khi mà người ta chưa từng có nó! Nếu như có một con người khốn khổ đến nỗi cả đời chẳng làm được một việc gì cho anh ta bằng lòng về mình và thấy là dễ chịu vì đã sống như vậy, con người này sẽ không khi nào có khả năng tự hiểu mình; và, vì không cảm thấy được lòng tốt như thế nào là phù hợp với bản chất của mình, con người ấy cứ miễn cưỡng phải độc ác mãi và sẽ mãi mãi bất hạnh. Nhưng liệu con có tin rằng trên khắp Trái đất này lại có một con người đủ hư hỏng để không bao giờ buông lòng mình cho sự cám dỗ của việc thiện? Sự cám dỗ này quá tự nhiên và quá dịu ngọt thành thử không thể nào luôn luôn cưỡng lại nó được, và hồi ức về khoái cảm mà sự cám dỗ làm việc thiện đã có lần gây ra đủ để ta nhớ lại nó không ngừng. Chẳng may là sự cám dỗ này thoạt đầu lại khó lòng thỏa mãn được; người ta có hàng ngàn lý do để mà khước từ cái khuynh

hướng tự nhiên của lòng mình; cái khôn ngoan giả tạo bó hẹp trái tim trong các giới hạn của cái tôi của con người; cần phải có đến hàng ngàn nỗ lực can đảm để có gan vượt qua chúng. Vui thích làm việc tốt là phần thưởng cho việc tốt đã được thực hiện, và phần thưởng ấy chỉ có được sau khi đã xứng đáng với nó. Không có gì khả ái hơn là đức hạnh; nhưng phải vui thích vì đức hạnh mới thấy được nó đúng là khả ái. Khi người ta muốn ôm đồm lấy nó giống như Protée[234] trong chuyện ngụ ngôn thì thoạt đầu nó biến thành hàng ngàn hình dạng ghê sợ rồi cuối cùng chỉ hiện nguyên hình với những kẻ nào không hề lơi lỏng mà cứ bám riết.

Không ngừng bị thuyết phục bởi các tình cảm tự nhiên của ta, chúng nói lên vì lợi ích chung, và bởi lý trí của ta chúng quy mọi sự về ta, có lẽ trong suốt cả cuộc đời ta cứ nổi trôi bập bềnh trong thế đôi ngả liên tục này, làm điều xấu, yêu điều tốt và luôn luôn trái ngược với chính mình, nếu như những hiểu biết mới không soi tỏ lòng ta, nếu như chân lý định dạng cho ý kiến của ta, vẫn còn chưa đảm bảo được cho cách hành xử của ta, và không làm cho ta hòa hợp được với chính bản thân mình. Người ta đã hoài công mong muốn thiết lập đức hạnh bằng chỉ có một mình lý trí, thế thì người ta có thể lấy đâu ra nền tảng vững chắc cho nó? Họ nói rằng đức hạnh là tình yêu trật tự. Nhưng tình yêu này có thể thắng được và tất phải thắng được ở ta tình yêu sự an lạc của ta hay không? Họ hãy cho ta một lý do rõ ràng và đủ để ta ưa chuộng tình yêu đó đi. Căn bản là nguyên tắc mạo nhận của họ chỉ đơn thuần là một trò chơi chữ; vì ta thì ta cũng nói rằng, ta coi cái xấu là tình yêu trật tự xét trong một ý nghĩa khác. Nơi nào có tình cảm và trí năng thì đều có một trật tự đạo đức nào đó. Sự khác biệt là cái thiện tự chính đốn so với mọi cái khác, còn cái ác chỉ phối tất cả những gì có liên quan tới nó. Cái ác tự mình là trung tâm của mọi sự vật; cái thiện đắn đo cẩn thận bán kính tác động của nó và đứng ở vị trí vòng ngoài. Lúc đó nó được chính đốn trong quan hệ với trung tâm chung, đó là Thượng đế, và trong quan hệ với tất cả các vòng tròn đồng tâm, đó là các tạo vật. Nếu thượng đế không tồn tại, thì chỉ kẻ ác là có lý trí, còn người thiện chỉ là một kẻ mất trí.

Ôi con ta, sao cho một ngày nào con có thể cảm thấy cất đi được biết bao gánh nặng, khi mà, sau khi đã dốc cạn hư vinh của dư luận con người và đã

---

[234] * Protée: thần biển, con trai của Neptune, được cha phú cho khả năng tiên tri, nhưng thường không chịu nói ra và để thoát khỏi những người vây ép ông trả lời, ông biến đổi hình dạng theo ý muốn. Protée trong chuyện ngụ ngôn là mượn hình ảnh nhân vật này trong thần thoại.

nếm trải niềm cay đắng của những nỗi đam mê, cuối cùng người ta thấy quá gần mình con đường của sự hiền minh, phần thưởng cho các công việc trên cuộc đời này, và ngọn nguồn của hạnh phúc mà người ta đã hằng thất vọng! Mọi nghĩa vụ của luật tự nhiên hầu như đã bị sự bất công của mọi người xóa bỏ khỏi trái tim ta, nay lại được ghi khắc vào đó nhân danh công lý vĩnh hằng làm cho ta phải tôn trọng các nghĩa vụ của luật tự nhiên và nhìn thấy ta thực hiện các nghĩa vụ đó. Ta chỉ còn cảm thấy mình là tạo vật và công cụ của Thượng đế, Người muốn điều thiện, Người làm điều thiện, Người sẽ làm điều thiện cho ta qua sự đóng góp các ý chí của ta vào ý của Người và trong việc sử dụng đúng tự do của ta: ta chấp nhận trật tự mà Người lập ra, tin chắc rằng có ngày ta tự mình được hưởng trật tự ấy và tìm thấy ở đó hạnh phúc lớn cho mình; bởi vì có hạnh phúc lớn nào dịu dàng hơn là cảm thấy mình được sắp xếp vào một hệ thống trong đó toàn là điều thiện? Bị giày vò bởi sự đau khổ, ta kiên nhẫn chịu đựng nó bằng cách nghĩ rằng nó chỉ là thoáng qua, và nó xuất phát từ một thân xác không phải là ta. Nếu ta làm một việc tốt mà không có chứng tích, ta biết rằng Người đã nhìn thấy, và ta xác nhận phẩm hạnh của ta cho cuộc sống khác ở cuộc sống này. Khi chịu đựng đau khổ về một bất công, ta tự nhủ: Thượng đế công bằng, người cai trị tất cả sẽ bù đắp việc này cho ta đầy đủ, những nhu cầu của thân xác ta, những đau khổ của đời ta làm cho ý tưởng về cái chết có thể chịu đựng được dễ hơn. Đó sẽ là bấy nhiêu mối ràng buộc bớt phải tháo gỡ khi mà phải từ bỏ tất cả.

Tại sao tâm hồn ta lại chịu khuất phục các giác quan của ta và bị trói buộc vào thân xác, kẻ chế ngự nó và làm phiền nó? Ta chẳng hiểu gì hết: phải chăng, ta đã ở trong Thiên mệnh? Nhưng ta có thể không hề liều lĩnh tí nào để đưa ra những phỏng đoán nho nhỏ. Ta tự nhủ: nếu đầu óc con người cứ được để tự do và trong sạch thì con người sẽ có công trạng gì khi tuân thủ một trật tự mà nó sẽ thấy được thiết lập và nó chẳng có lợi ích gì để làm rối loạn nữa? Con người sẽ hạnh phúc, đúng vậy; nhưng trong hạnh phúc đó còn thiếu cái tầm cao cả nhất,đó là vinh quang của đức hạnh và sự biểu lộ đầy thiện tính của bản ngã; con người sẽ chỉ giống như những thiên thần; và chắc hẳn con người đức độ sẽ còn hơn cả các thiên thần ấy nữa. Linh hồn bị kết hợp vào một thân xác con người bằng những mối dây liên hệ không kém phần chặt chẽ hơn là huyền bí, sự chăm sóc để bảo tồn thân xác ấy kích thích nó phải đem tất cả về cho thân xác ấy và cho nó một lợi ích trái ngược với trật tự chung mà tuy thế nó vẫn có khả năng nhìn thấy và yêu quý; chính thế mà việc sử dụng đúng đắn tự do của nó trở thành vừa là công lao vừa là sự tưởng thưởng, và vì vậy mà nó

chuẩn bị cho mình một hạnh phúc bền vững bằng cách đấu tranh với những đam mê trần tục và bằng cách tự duy trì trong ý chí ban đầu của mình.

Nếu như ngay cả trong cái trạng thái suy đồi mà chúng ta đang lâm vào trong suốt cuộc đời này, mọi khuynh hướng tiên phát của chúng ta đều chính đáng, nếu như mọi tật xấu xuất phát từ chính chúng ta thì tại sao chúng ta cứ phàn nàn rằng bị chúng chinh phục? Tại sao chúng ta lại trách cứ đấng tạo tác về những điều ác mà chúng ta tự mình gây ra và về những kẻ thù mà chúng ta vũ trang cho chúng để cho chúng chống lại chúng ta? Ôi! Đừng có làm hư con người; con người luôn luôn sẽ là tốt chẳng khó khăn gì, và luôn luôn sung sướng không hề ân hận. Những kẻ phạm tội bảo rằng buộc phải gây tội ác thật cũng là lừa dối ngang với độc ác: sao chúng lại không thấy rõ sự yếu đuối mà chúng phàn nàn là tác phẩm của chính chúng; rằng sự đồi bại đầu tiên của chúng xuất phát từ ý muốn của chúng, rằng vì cứ muốn chịu thua những cám dỗ, cuối cùng chúng chịu thua ngoài ý muốn của chúng và khiến những cám dỗ ấy thành không sao chống lại được? Rõ ràng là không còn tùy thuộc vào chúng để đừng có độc ác và yếu đuối, nhưng việc đừng trở nên độc ác và yếu đuối lại tùy thuộc vào chúng. Ôi, sao cho chúng ta cứ hãy tự chủ lấy chính mình và những đam mê của mình ngay cả suốt cuộc đời này, đúng vậy, khi mà thói quen của chúng ta chưa kịp tập nhiễm, khi mà trí tuệ của chúng ta bắt đầu rộng mở, chúng ta biết làm cho nó quan tâm đến các đối tượng mà nó cần biết đến để nhận rõ những gì nó còn chưa biết; nếu chúng ta thành thực muốn cho mình được hiểu biết chứ không phải là để lòe thiên hạ, mà để trở nên tốt bụng và hiền minh theo như bản chất của chúng ta, để làm cho chúng ta được hạnh phúc trong khi thực hiện các nghĩa vụ của mình! Cuộc nghiên cứu này có lẽ làm cho chúng ta chán ngán và khó nhọc, bởi vì chúng ta chỉ nghĩ đến nó khi đã bị hư hỏng bởi thói xấu, đã buông mình cho những đam mê của bản thân. Chúng ta xác định rõ những phán đoán và sự quý trọng của mình trước khi biết thế nào là cái thiện và cái ác; và rồi, vì quy tất cả về cái tiêu chuẩn giả tạo ấy, chúng ta không đưa ra được cho bất cứ cái gì chân giá trị của nó.

Có một độ tuổi mà ở đó trái tim con người tuy còn thô sơ, nhưng nồng nhiệt, lo âu, khát khao một hạnh phúc mà nó chưa từng biết đến, tìm kiếm hạnh phúc ấy với một sự không chắc chắn đến kỳ lạ, và, do lầm lẫn bởi các giác quan, rốt cuộc chọn lựa hẳn cái hình ảnh phù phiếm của hạnh phúc và tưởng rằng tìm thấy hạnh phúc ở nơi mà nó không hề tồn tại. Những ảo tưởng này đã tồn tại quá lâu với ta. Chao ôi! Ta đã nhận ra những điều đó quá muộn

màng, và ta không thể hoàn toàn tiêu hủy hết chúng đi: chúng cứ tồn tại lâu bằng cái thân xác con người tạo ra chúng. Ít ra là chúng uổng công quyến rũ ta, chúng không lừa dối được ta; ta biết chúng đúng như chúng tồn tại; trong khi theo chúng; ta khinh thường chúng; chẳng coi chúng là mục tiêu hạnh phúc của ta, ta lại coi đó là sự cản trở cho hạnh phúc ấy! Ta mong đến lúc được giải thoát khỏi những ràng buộc của thân xác, ta sẽ là ta không hề có mâu thuẫn, không cần phải phân thân, và chỉ còn cần đến chính mình để được hạnh phúc; trong khi chờ đợi, ta đang hạnh phúc ngay từ cõi đời này, bởi vì rằng ta coi mọi đau đớn, khổ sở chẳng ra gì, rằng ta thấy cuộc đời gần như xa lạ với ta và rằng mọi điều thiện thực sự mà ta có thể rút ra từ cuộc đời là hoàn toàn phụ thuộc vào ta.

Để nâng trước mình lên hết mức có thể tới trạng thái hạnh phúc mạnh mẽ và tự do ấy, ta tập luyện những suy tưởng cao cả. Ta suy ngẫm về trật tự của vũ trụ không phải là để giải thích nó bằng những hệ thống hư ảo, mà để không ngừng chiêm ngưỡng nó, để tôn thờ đấng tạo tác hiền minh tự phát lộ qua trật tự đó. Ta nói chuyện với người, ta thấu triệt mọi khả năng của ta bằng bản chất thần thánh của người, ta cảm động trước ân sủng của người, ta tạ ân người về phúc người ban; nhưng ta không cầu xin người. Ta sẽ xin người điều gì? Phải chăng người vì ta mà thay đổi diễn tiến của sự việc? Phải chăng người tạo ra những chuyện thần kỳ vì chiều ý ta? Ta là người phải yêu trên hết trật tự được thiết lập nên bởi sự hiền minh của người và được duy trì nhờ thiên ý của người, liệu ta có muốn rằng trật tự ấy bị xáo trộn vì ta chăng? Không, cái ý nguyện liều lĩnh này sẽ đáng bị trừng phạt hơn là chấp thuận. Ta cũng không xin người ban cho quyền làm điều thiện, tại sao lại cầu xin người cái mà người đã ban cho ta? Người chẳng đã ban cho ta lương tâm, để yêu mến điều thiện, lý trí để nhận ra nó và tự do để lựa chọn nó đó sao? Nếu ta làm điều ác, ta không hề có lý do miễn thứ; ta làm điều đó vì ta muốn thế: yêu cầu người thay đổi ý chí của ta, chính là đòi hỏi người cái mà người đòi hỏi ở ta; chính là muốn rằng người làm nên sự nghiệp của ta mà nhờ đó ta thu nhặt được chút lợi lộc; không bằng lòng với tình trạng của mình tức là không còn muốn làm người nữa, chính là muốn làm một cái gì khác với cái đang tồn tại, chính là muốn sự rối loạn và điều ác. Là nguồn gốc của công lý và chân lý nên Thượng đế bao dung và đầy thiện tâm! Trong lòng tin của con vào Người, ý nguyện tối thượng của lòng con là mong sao cho ý chí của Người được hình thành. Bằng cách liên kết với ý chí của con, con làm cái mà Người làm, tán thưởng lòng tốt của Người, con cho rằng có thể chia sẻ trước

với con niềm hạnh phúc lớn lao tối thượng là phần thưởng cho mối thiện tâm ấy.

Trong mối ngờ vực chính đáng bản thân ta, có mỗi một việc mà ta hỏi Người, hay đúng hơn là ta mong đợi ở công lý của Người là uốn nắn sai lầm của ta nếu như ta lầm lạc và nếu như sai lầm ấy nguy hiểm cho ta. Để sống có thiện ý, ta không tự cho mình là không thể sai lầm: những ý kiến của ta dường như là đúng nhất với ta lại có thể là bấy nhiêu điều dối trá; bởi vì có ai lại chẳng bảo vệ ý kiến của mình? Và có bao nhiêu người là tán thành mọi chuyện? Ảo tưởng từng lừa phỉnh ta uống công này ra từ ta, chỉ duy nhất có người mới có thể chữa cho ta khỏi ảo tưởng. Ta đã làm những gì mình có thể để đạt tới chân lý; nhưng cội nguồn của nó lại quá cao cả: khi ta không đủ sức để tiến xa hơn, có thể phạm tội gì? Chính chân lý hãy đến gần ta.

Người tu sĩ tốt bụng đã nói với tất cả lòng hăng hái của mình, ông đã xúc động mà tôi cũng xúc động như ông. Tôi tưởng rằng mình được nghe Orphée tuyệt vời đang hát lên bản hùng ca đầu tiên, và dạy cho con người sự phụng thờ các thánh. Trong khi đó tôi nhìn thấy những đám đông bày tỏ sự phản bác ông ta, tôi chẳng phản bác gì bởi vì những lời phản bác ấy thật kém vững vàng hơn là bối rối, và vì rằng sự thành công đã thuộc về ông rồi. Chừng nào mà ông nói với tôi theo lương tâm của mình thì lương tâm của tôi lại dường như càng làm cho tôi chấp nhận điều ông nói với mình.

Tôi nói với ông rằng những tình cảm mà cha vừa trình bày với con, có lẽ với con là mới mẻ vì những gì mà cha thừa nhận mình không biết hơn là vì những gì mà cha nói là cha tin. Qua đó con thấy đại khái là, thần giáo hay tự nhiên giáo mà những người Thiên chúa giáo thích nhập làm một với chủ nghĩa vô thần hay vô tín ngưỡng, đó lại là học thuyết trực tiếp đối lập. Nhưng ở trình độ hiện tại về đức tin của con, con phải đi lên hơn là đi xuống để có thể chấp nhận các ý kiến của cha, và con thấy khó mà đứng lại ở đúng chỗ mà cha đang ở đó, trừ phi là được thông tuệ như cha. Chí ít là để cũng được chân thành như vậy, con muốn tự tra vấn mình. Chính là tình cảm nội tâm phải đưa đường cho con đi tới tấm gương của cha và chính cha đã dạy cho con biết rằng sau lâu ngày đã bắt tình cảm ấy yên lặng thì thỉnh cầu nó trở lại không phải là chuyện chốc lát. Con nhập tâm những lời nói của cha, con cần phải suy ngẫm về những lời nói ấy. Nếu như, sau khi đã tự tra vấn mình thật kỹ càng, con cũng ở tình trạng bị thuyết phục về chuyện này như cha, cha sẽ là người truyền giáo cuối cùng của con, và con sẽ là môn đồ của cha

cho tới lúc chết. Tuy nhiên cha hãy tiếp tục dạy dỗ con, cha chỉ mới nói có một nửa những gì con phải biết. Cha hãy nói cho con về sự mặc khải, về thánh thư, về những tín điều khó hiểu mà con từng được lướt qua từ những ngày thơ ấu, mà không thể hiểu mà cũng chẳng tin, và cũng chẳng biết là nên thừa nhận hay nên vứt bỏ.

Được, hỡi con ta, ông nói trong khi ôm hôn tôi, ta sẽ nói hết với con những gì ta suy nghĩ; ta không hề muốn mở lòng mình cho con một cách nửa vời: nhưng ý nguyện mà con bộc lộ ra với ta là cần thiết để buộc ta không cần có sự dè dặt nào với con. Cho tới bây giờ ta không nói một điều gì với con mà lại không tin rằng nó có thể là hữu ích cho con, và ta không tin từ trong thâm tâm của mình. Cuộc khảo sát mà ta còn phải làm lại khác hẳn. Ta chỉ thấy ở đó sự bối rối, huyền bí và mờ ảo; ở đây ta chỉ thấy lâm vào trạng thái khó dự đoán và ngờ vực. Ta chỉ vừa quyết định được cho mình vừa lo sợ và ta nói cho con nhưng hoài nghi của ta thì đúng hơn là lời khuyên của ta. Nếu như những tình cảm của con ổn định hơn, ta sẽ ngại ngần trình bày với con các tình cảm của ta; nhưng trong tình trạng hiện tại của con, con sẽ có lợi khi suy nghĩ như ta[235]. Vả chăng, hãy chỉ xem lời nói của ta có uy thế của lý trí; ta không rõ là liệu mình có sai lầm không. Thật là khó khăn, khi người ta tranh luận mà đôi khi lại không được lên giọng khẳng định; nhưng con hãy nhớ rằng ở đây mọi điều khẳng định của ta đều chỉ là những lý do để hoài nghi. Con hãy tự mình tìm tòi ra chân lý: đối với ta, ta chỉ hứa hẹn với con một điều là ta có thiện chí.

Trong sự trình bày của ta, con chỉ thấy có tôn giáo tự nhiên thôi, thật quá lạ lùng khi cần đến một thứ tôn giáo khác. Do đâu mà ta lại biết có sự cần thiết ấy? Ta có thể bị phạm tội gì khi phụng sự Thượng đế theo các ánh sáng mà người ban cho trí óc ta và theo các tình cảm mà Người gợi ra trong trái tim ta? Có thứ đạo đức thuần khiết nào, có thứ tín điều hữu ích nào cho con người và tạo nên vinh quang cho tác giả của nó mà ta có thể rút ra từ một học thuyết chắc chắn, mà ta lại không rút ra được từ việc sử dụng đúng đắn các khả năng của ta mà chẳng cần gì đến học thuyết đó? Con hãy chỉ cho ta xem những gì mà vì vinh quang của Thượng đế, vì lợi ích của xã hội, và vì lợi ích của riêng ta, người ta có thể thêm vào các nhiệm vụ của luật tự nhiên, và con có thể làm nảy sinh ra được đức độ nào ở một tôn giáo mới mà lại chẳng phải là một hệ quả

[235] Đấy, tôi tin rằng đây là điều thầy trợ tế tốt bụng muốn nói với công chúng vào lúc này.

của tôn giáo của ta? Các ý tưởng lớn nhất về Thiên tính chỉ đến với chúng ta từ lý trí mà thôi. Con hãy nhìn cảnh trí thiên nhiên, con hãy lắng nghe tiếng nói nội tâm. Có phải là Thượng đế chẳng đã nói hết cho mắt chúng ta, cho lương tâm chúng ta, cho óc phán đoán của chúng ta rồi sao? Loài người liệu còn có nói gì thêm được với chúng ta nữa chăng? Những mặc khải của họ chỉ làm giảm giá trị Thượng đế bằng cách gán cho Người các đam mê của con người. Thay cho việc làm sáng tỏ các khái niệm về đấng Tối cao, ta thấy rằng các tín điều thuộc nhiều kiểu riêng biệt lại càng làm cho các khái niệm ấy rối bời thêm; đáng lẽ ra phải làm tăng thêm giá trị đó lên, thì các điều ấy lại làm giảm giá trị đi, đối với những điều huyền bí không hiểu nổi xung quanh Người thì các tín điều ấy lại càng thêm thắt vào đó những mâu thuẫn phi lý; chúng làm cho con người thành ra kiêu căng, cố chấp, độc ác; đáng ra phải là thiết lập hòa bình trên Trái đất thì chúng lại đem sắt và lửa đến. Ta tự hỏi phỏng các điều ấy có ích gì, thế mà không làm sao tự giải đáp được. Ta chỉ thấy ở đó tội ác của con người và sự khốn cùng của loài người mà thôi.

Người ta bảo ta rằng cần phải có mặc khải để dạy cho con người cách thức mà Thượng đế muốn được thờ phụng; người ta đưa ra làm bằng chứng vô số các kiểu thờ cúng kỳ quái mà các tín điều ấy đã nêu ra, nhưng người ta lại không thấy rằng chính cái tạp nham ấy xuất phát từ sự mặc khải cuồng tưởng mà ra. Từ khi các dân tộc nghĩ ra được cách làm cho Thượng đế nói năng, mỗi dân tộc làm cho Người nói năng theo lối của họ và nói những gì họ muốn. Nếu người ta chỉ nghe theo những gì Thượng đế nói với lòng mình thì bao giờ trên Trái đất này cũng chỉ có một tôn giáo duy nhất mà thôi.

Cần phải có sự thờ cúng theo cũng một kiểu, ta muốn điều này lắm: mà điểm này có quan trọng đến nỗi phải có sức mạnh của thần thánh mới thiết lập được không? Chúng ta đừng lầm lẫn nghi lễ của tôn giáo với tôn giáo. Sự sùng bái mà Thượng đế đòi hỏi là sự sùng bái ở trong lòng, và tấm lòng này khi nó chân thành thì ở đâu cũng chỉ là một mà thôi. Tưởng rằng Thượng đế rất để ý đến chiếc áo theo hình thức như thế nào của vị linh mục, đến thứ tự các lời nói mà ông ta đọc lên, đến các cử chỉ của ông ta trước bàn thờ và đến tất cả những lần quỳ gối của ông ta thì đó là một sự khoa trương đến mức điên rồ. Này! Anh bạn của ta ơi, dù cho con có đứng thẳng lưng cho hết chiều cao của con đi chăng nữa thì con luôn luôn vẫn cứ gần mặt đất. Thượng đế muốn được tôn thờ trong trí não và trong chân lý[236]: nhiệm vụ

[236] * Lời Chúa Kitô nói với dòng Samaritaine.

này của tất cả các tôn giáo, của tất cả các nước, của tất cả mọi người. Còn về sự thờ phụng bề ngoài, nếu việc đó cần có sự nhất quán để cho có trật tự tốt đẹp thì đó chỉ là một sự việc thuần túy về mặt quy tắc chứ không cần gì đến mặc khải.

Ta đã không mở đầu bằng các suy nghĩ này. Bị lôi cuốn bởi các thiên kiến của giáo dục và bởi lòng tự ái nguy hiểm cứ muốn đưa con người lên trên địa vị của mình, vì không thể nào nâng cao được những quan niệm kém cỏi của ta lên tầm Thượng đế, ta đành cố đưa Người xuống ngang tầm với ta. Ta đã kéo gần xít các mối tương quan xa xôi vô cùng giữa bản chất của con người và của ta. Ta đã mong muốn có những giao lưu trực tiếp hơn, những giáo huấn riêng tư hơn; và không muốn làm cho Thượng đế giống như con người, để ta tự mình được đặc quyền ưu đãi giữa các đồng loại của mình, ta muốn có những hiểu biết siêu tự nhiên; ta đã muốn riêng mình được thờ phụng, ta đã muốn Thượng đế nói cho ta điều mà Người không nói với ai khác hay là điều mà họ sẽ không nghe được như ta.

Vì nhìn nhận cái điểm mà ta đã đạt tới như một điểm chung nơi mọi người có đức tin cùng nhau xuất phát để tiến tới một sự sùng tín sáng sủa hơn, ta chỉ thấy trong các tín điều của tôn giáo tự nhiên những yếu tố của tất cả mọi tôn giáo. Ta coi sự đa dạng của các giáo phái đang ngự trị trên Trái đất và đang tố cáo lẫn nhau là lừa dối và sai lầm; ta hỏi rằng: *giáo phái nào là đúng?* Mỗi người đều trả lời ta rằng: Đó chính là giáo phái của tôi; người nào cũng nói: riêng mình tôi và những người tán đồng với tôi là suy nghĩ đúng; mọi kẻ khác đều sai hết. *Và làm sao các vị biết rằng giáo phái của mình là đúng?* Bởi vì *Chúa đã nói như thế*[237]. *Và ai đã nói với các vị rằng Chúa đã nói như thế?*

---

[237] "Một tu sĩ có thiện tâm và thông thái nói rằng mọi người ai cũng bảo là họ khăng khăng giữ ý tưởng này và tin chắc như thế, (và mọi người đều sử dụng lối nói khó hiểu ấy) rằng đó không do một ai cả, không do một tạo vật nào mà là do Chúa.

"Nhưng, nói cho đúng, không phải để làm vừa lòng mà cũng không giấu giếm, dù người từng nói thế nào thì những chuyện ấy cũng đều do bàn tay và thủ đoạn của con người nắm giữ; chứng cớ đầu tiên là cái cách mà các tôn giáo được tiếp nhận trên thế giới và vẫn còn từng ngày luôn luôn được tiếp nhận bởi các cá nhân: dân tộc, đất nước, nơi chốn đưa ra tôn giáo: con người ta thuộc về tôn giáo của nơi mà người ta sinh ra và lớn lên: chúng ta là những người được cắt bao quy đầu, được đặt tên thánh, là những người Do thái, là người đạo Hồi, là người Thiên chúa giáo, ngay từ trước khi mà chúng ta biết được chúng ta là người: tôn giáo không phải là do sự lựa chọn và quyết định của chúng ta; chứng cớ là sau

Ông mục sư của tôi nói, ông biết rõ điều đó mà. Cha bảo tôi hãy tin như vậy, và tôi tin điều đó: cha đảm bảo với tôi rằng tất cả những ai nói khác với cha đều là nói dối cả, và vì thế mà tôi không nghe theo họ.

Sao! Tôi từng nghĩ, chân lý lại chẳng có một thôi ư? Và cái đúng ở tôi có thể lại là sai ở các vị hay sao? Nếu phương pháp của người nào theo con đường đúng và phương pháp của con người đi lạc lối lại là một, thì người nào là có công trạng hay sai lầm hơn người kia? Sự lựa chọn của họ là kết quả ngẫu nhiên; quy trách nhiệm về điều đó cho họ là bất công, chính là được ban thưởng hay bị trừng phạt vì đã sinh ra ở nước này hay nước khác. Dám nói rằng Chúa phán quyết chúng ta như vậy chính là xúc phạm tới công lý của Người.

Hoặc là mọi tôn giáo đều là tốt và dễ chấp nhận với Chúa, hoặc, nếu có một tôn giáo nào chỉ định cho tất cả mọi người, và Người trừng phạt họ vì không biết tới, thì Người đã cho tôn giáo ấy các dấu hiệu chắc chắn và hiển nhiên để có thể được tôn vinh và được coi như tôn giáo chân chính duy nhất. Những dấu hiệu này là ở mọi nơi mọi lúc, rõ ràng như nhau với tất cả mọi người, lớn hay bé, thông tuệ hay dốt nát, người Âu, người Ấn, người châu Phi hay người hoang dã. Nếu lại có một tôn giáo trên Trái đất mà ngoài tôn giáo này chỉ có sự trừng phạt vĩnh hằng, và ở nơi nào trên Trái đất lại có một con người có thiện ý mà không hề động tâm về tính hiển nhiên của tôn giáo này thì đức Chúa của tôn giáo ấy sẽ là kẻ bất công nhất và độc ác nhất trong số các bạo chúa.

Vậy thì chúng ta hãy chân thành tìm cho ra chân lý chứ? Đừng có trao bất cứ điều gì cho quyền hành của dòng dõi và cho quyền uy của các lịch mục và mục sư, mà hãy để lương tâm và lý trí xem xét lại tất cả những điều mà các vị ấy đã dạy chúng ta từ thời thơ ấu của chúng ta. Họ uổng công mà gào lên với ta: hãy bắt lý trí ngươi phải quy thuận đi, kẻ lừa dối ta có thể nói nhiều đến mấy: ta cần những lý lẽ để bắt buộc lý trí của ta phải theo.

---

này cuộc sống và các phong tục thật ít phù hợp với tôn giáo; chúng có là nhân những cơ hội của từng người và cũng thật chẳng đáng kể gì mà người ta đi đến chỗ chống lại nội dung tôn giáo của mình." Charron, *De la Sagesse*, quyển II, chương V, trang 257, Bordeaux, 1601.

Thật có vẻ rất đúng là lời tuyên tín chân thành của nhà thần học miền Condom không có gì khác nhiều với lời tuyên tín của thầy trợ tế xứ Savoie.

Toàn bộ lý thuyết về thần học mà ta thu nhận được bởi chính mình thông qua việc xem xét vũ trụ và thông qua việc sử dụng đúng đắn các quan năng của mình đều gói gọn trong điều mà ta đã giảng giải cho con ở phần trên. Muốn biết thêm về điều đó; phải cần đến những phương tiện khác thường. Các phương tiện này sẽ không phải là uy tín của mọi người, bởi vì chẳng có người nào là thuộc về một loài khác với ta, nên mọi điều mà con người có thể biết được một cách tự nhiên thì ta cũng có thể biết được điều đó, và một người khác cũng có thể lầm lẫn như ta: khi ta tin điều mà anh ta nói, thì không phải vì anh ta nói điều đó mà anh ta chứng minh điều đó. Vậy nên sự làm chứng của mọi người chỉ là cơ sở cho chứng lý của chính lý trí ta mà thôi, và không hề thêm thắt gì được vào các phương tiện tự nhiên mà Thượng đế đã phú cho ta để biết được chân lý.

Hỡi vị tông đồ của chân lý, vậy người có gì để nói với tôi mà tôi không giữ vai trò người đánh giá hoặc phán xét? Chính Thượng đế đã nói: hãy nghe sự mặc khải của người. Đó là chuyện khác. Thượng đế đã nói ra! Đấy chắc hẳn là một từ trọng đại. Và người đã nói với ai? Người đã nói với mọi người. Vậy thì tại sao ta lại không nghe thấy gì? Người đã giao phó cho những người khác chuyển lời của người cho bạn. Ta hiểu rồi! Đó là những người sẽ nói với ta điều mà Thượng đế đã nói. Ta thì lại thích được nghe chính Thượng đế nói hơn, điều đó cũng sẽ chẳng làm người phải mất công gì hơn và ta sẽ tránh được sự quyến rũ. Người bảo đảm với các bạn về chuyện này bằng cách trình bày về sứ mạng của những người được Người cử đến. Trình bày như thế nào? Đó là thông qua những điều kỳ diệu. Và những điều kỳ diệu ấy ở đâu nào? Ở trong sách vở. Và ai là người viết ra sách vở ấy? Lại là những con người. Và ai đã trông thấy những điều kỳ diệu ấy? Có những người xác nhận như vậy. Sao thế! Bao giờ cũng vẫn là sự làm chứng của con người! Bao giờ cũng là những con người nói lại với ta về điều mà người khác kể lại với họ! Bao nhiêu là con người ở giữa Thượng đế và ta! Tuy nhiên chúng ta hãy nhìn nhận, hãy xem xét kỹ, hãy so sánh, hãy kiểm chứng. Ôi, giá như Thượng đế rủ lòng miễn trừ cho ta mọi việc ấy liệu ta có vì thế mà phục vụ cho Người kém thành tâm đi không?

Anh bạn ạ, con hãy xem xét cân nhắc cho kỹ xem ta đã dấn thân vào một cuộc tranh luận khủng khiếp đến thế nào; ta đã cần đến một sự uyên bác rộng lớn đến thế nào để đi ngược lên đến tận những thời tối cổ, xem xét, để cân nhắc, để đối chiếu mọi điều tiên tri, mọi mặc khải, mọi sự kiện mọi tác phẩm của lòng tin được đề xuất ở mọi nước trên thế gian, để mà phân định ra các

thời kỳ, các địa điểm, các tác giả, các bối cảnh! Ta phải cần đến biết bao là sự đúng đắn trong phê phán để phân biệt những chi tiết đích thực với các chi tiết giả; để mà so sánh các sự phản bác với những đáp ứng, những bản dịch với nguyên tác; để xét đoán về tính không thiên vị và vô tư của các chứng nhân; về thiện ý của họ, về sự hiểu biết của họ, để mà biết được liệu họ có thêm bớt gì không, có thay đổi gì, chuyển đổi gì, xuyên tạc gì không; để mà gỡ bỏ những mâu thuẫn còn tồn tại, để mà phán đoán sự im lặng của các đối thủ trong các sự kiện được viện dẫn ra nhằm chống lại họ; phải nặng nề như thế nào; liệu họ đã biết các điều viện dẫn ấy chưa; liệu họ có coi trọng những điều ấy đủ để chịu hạ cố đáp lại; liệu các quyển sách có khá phổ thông đến mức các sách của chúng ta đến được với họ; liệu chúng ta đã có đủ thiện ý để cho sách của họ lưu hành trong chúng ta, và để y nguyên trong đó những phản bác dữ dội nhất của họ.

Tất cả các tác phẩm này đã được thừa nhận là hiển nhiên không thể chối cãi rồi, thì tiếp đến cần phải chuyển sang các bằng chứng về sứ mệnh của các tác giả của chúng; phải biết rõ các quy luật về các số phận may rủi, về các xác suất ngẫu nhiên, để mà xét đoán xem những dự báo như thế nào thì có thể thực hiện được mà không cần có các phép màu; phải biết cái thần của các ngôn ngữ nguyên bản để phân định rõ được điều gì là dự báo trong các ngôn ngữ ấy với điều chỉ là cách diễn đạt bằng hình tượng; những sự kiện nào ở trong trật tự của tự nhiên, và những sự kiện nào là không nằm trong đó; để nói lên được đến điểm nào thì một con người khôn khéo có thể làm mê hoặc các cặp mắt của những người giản dị, có thể làm cho ngay cả những người hiểu biết rộng phải ngạc nhiên; tìm xem loại sự kiện như thế nào thì được coi là điều kỳ diệu và nó phải có tính xác thực như thế nào, không những chỉ là để tin mà còn là để cho người ta có thể bị trừng phạt vì đã không tin vào đó; so sánh các bằng chứng về những điều kỳ diệu có thật và giả, và tìm ra những quy tắc chắc chắn để phân định chúng; cuối cùng là nói rõ vì sao Thượng đế lại chọn những phương sách để chứng thực cho lời nói của Người mà tự thân các phương sách này lại cần quá nhiều sự chứng thực, cứ như là Người nhạo báng sự cả tin của con người và cứ cố tình tránh những phương sách đúng đắn để làm cho mọi người tin.

Chúng ta hãy giả định rằng thần quyền rủ lòng hạ cố để biến một con người thành khí cụ của các thánh ý; thế thì liệu có hợp lý chăng, liệu có là công bằng khi đòi hỏi cả loài người phải vâng theo tiếng nói của kẻ thừa hành ấy mà lại không cho người ta biết hắn là người thế nào?Liệu có công

minh không khi trao cho hắn mọi thứ ủy nhiệm mà chỉ thông qua có vài dấu hiệu đặc biệt được thực hiện trước mặt một số ít con người tầm thường vô danh, còn tất cả số người còn lại thì điều gì cũng sẽ chỉ được biết qua tin đồn? Ở khắp các nước trên thế giới nếu ai cũng coi các điều kỳ diệu mà dân chúng và những kẻ đầu óc giản đơn bảo rằng họ đã nhìn thấy đều là những sự thật cả, thì giáo phái nào cũng sẽ là tốt đẹp cả; thì sẽ có nhiều phép màu hơn các hiện tượng tự nhiên; và phép màu lớn lao nhất trong mọi điều kỳ diệu là ở chỗ nào có những kẻ cuồng tín bị ngược đãi, thì ở đấy không hề có những phép màu. Chính trật tự bất di bất dịch của tự nhiên chứng tỏ rõ nhất bàn tay khôn khéo chi phối nó; nếu lại xảy ra quá nhiều ngoại lệ, - ta thì ta chẳng còn biết nghĩ thế nào về điều đó nữa; và đối với ta, ta quá tin tưởng ở Thượng đế nên không tin ở nhiều phép màu ít xứng đáng với Người.

Có một người đến nói với chúng ta giọng điệu này: Hỡi những con người, ta truyền đạt cho các ngươi ý chỉ của đấng tối thượng; các ngươi hãy nhận ra trong lời nói của ta điều người gửi ta đến; ta ra lệnh cho Mặt trời đổi hướng đi của nó, cho các ngôi sao hình thành một cách xếp đặt vị trí khác đi, cho núi non trở nên bằng phẳng, cho các ngọn sóng dâng cao, cho Trái đất có một hình dạng khác. Ở những kỳ công này ai mà không lập tức nhận ra người chủ của tự nhiên! Tự nhiên không hề vâng theo những kẻ bịp bợm; các phép màu của bọn chúng xảy ra ở các ngã tư, trong các sa mạc, trong các phòng riêng; và chính là ở đó mà các phép màu này dễ dàng được tiếp nhận bởi một số ít các khán giả đã sẵn sàng để tin mọi chuyện. Có ai là người dám nói với ta rằng cần phải có bao nhiêu bằng chứng tận mắt trông thấy để làm cho một điều kỳ diệu trở nên đáng tin? Nếu những phép màu của các vị được tạo ra để chứng minh cho học thuyết của các vị, mà chính những phép màu ấy lại cần phải được chứng minh thì những phép màu đó dùng để làm gì? Cũng bằng như chẳng làm phép màu nào hết.

Cuối cùng còn lại việc xem xét quan trọng nhất của chủ thuyết đã công bố, bởi chính vì những kẻ nói rằng Thượng đế làm những phép màu dưới trần khẳng định rằng đôi khi ma quỷ bắt chước các phép màu ấy với những điều kỳ diệu được chứng thực rõ hơn, chúng ta đã không tiến được hơn lúc trước; và chính vì các nhà ảo thuật của Pharaon đã dám làm ngay cả với sự hiện diện của Moïse, chính những dấu hiệu mà đã được làm theo lệnh rõ ràng của Chúa, vậy thì tại sao khi vắng mặt ông ta họ lại không vì chính những danh nghĩa ấy để khẳng định cùng một quyền uy như vậy? Vậy là, sau khi đã chứng minh chủ

thuyết bằng phép màu, lại phải chứng minh phép màu bằng chủ thuyết[238], do sợ rằng coi công việc của quỷ là công việc của Chúa. Con nghĩ thế nào về kiểu chứng minh luẩn quẩn này?

Chủ thuyết này, xuất phát từ Chúa, phải mang tính chất thiêng liêng của thiên tính; không những chỉ là phải làm sáng tỏ cho chúng ta những ý tưởng mơ hồ mà sự lập luận để lại dấu vết trong trí óc chúng ta, mà nó cũng phải đề xuất với chúng ta một sự sùng bái, một đạo đức và những châm ngôn phù hợp với các thuộc tính mà chỉ có qua đó chúng ta mới hiểu được cốt lõi của chủ thuyết ấy. Vậy thì nếu như chủ thuyết này chỉ dạy cho chúng ta những điều phi lý và không hợp lẽ phải, nếu nó chỉ gợi cho chúng ta những tình cảm ghét bỏ đồng loại và nỗi khiếp sợ cho chính chúng ta, nếu nó chỉ tô vẽ cho chúng ta thấy một đức Chúa giận dữ, ghen ghét, thù hằn, thiên vị, căm ghét mọi người, một đức Chúa chỉ thích có chiến tranh và những cuộc xô xát, luôn sẵn sàng hủy diệt và ra đòn sấm sét, luôn nói về những khổ đau, cực nhọc, và khoe

---

[238] Điều này là chính thức ở hàng ngàn chỗ trong Thánh thư, và được nói đến ở nhiều chỗ khác trong bộ sách *Deutéronome* (Bài ca tụng thứ hai) chương XIII [tác phẩm cuối cùng của Pentatenque - ND] trong đó nói rằng nếu một nhà tiên tri thông báo các vị thần lạ và xác minh lời nói của mình bằng những điều kỳ diệu và điều mà ông ta dự báo xảy ra, thì người ta chẳng hề lưu tâm tới đến điều này, mà xử tử nhà tiên tri ấy. Vậy khi những kẻ tà đạo xử tử những người truyền giáo vì tuyên bố với họ về một vị thần lạ, và chứng thực sứ mệnh của mình bằng các lời tiên tri và các phép mầu, ta không thấy người ta có thể đưa ra điều gì vững chắc để phản bác những kẻ tà đạo, mà họ không lập tức có thể đáp trả lại để chống chúng ta. Mà làm thế nào trong trường hợp như thế này? Chỉ có mỗi một việc: trở về với sự lập luận còn phép mầu thì hãy cứ để đó đã. Tốt hơn cả là đừng có nhờ cậy ở phép mầu. Chính đó là lương tri đơn giản nhất mà người ta chỉ làm cho u tối đi vì những sự phân biệt ít ra cũng rất tinh vi tế nhị. Những điều tế nhị trong Thiên chúa giáo! Mà Jésus-Chirst thế là đã lầm khi hứa tặng vương quốc trên trời cho những người bình thường; cho nên ông ta đã lầm khi mở đầu những lời nói đẹp đẽ nhất của mình bằng cách ca ngợi những người trí tuệ nghèo nàn; nếu như phải có rất nhiều trí tuệ để mà nghe học thuyết của ông và học được rằng nên tin ở ông ta. Khi các vị chứng tỏ được cho tôi rằng tôi phải chịu phục đi thì mọi sự sẽ tốt đẹp cả: nhưng để chứng tỏ cho tôi điều đó, xin các vị hãy đặt mình vào tầm cỡ của tôi; hãy đem so đo các lập luận của các vị với cái khả năng của một kẻ nghèo nàn về tinh thần hoặc tôi không còn nhận ra được các vị là đệ tử thật của quý sư phụ, và điều mà các vị nói cho tôi hay chẳng phải là chủ thuyết của ông thầy.

khoang về sự trừng phạt cả những người vô tội, thì trái tim ta sẽ không hề bị thu hút về cái đức Chúa tàn bạo ấy, thì ta sẽ hết sức tránh cho khỏi từ bỏ tôn giáo tự nhiên để theo cái tôn giáo này; bởi lẽ các vị thấy rõ là tất yếu phải lựa chọn. Ta nói với các giáo đồ của họ rằng Chúa của các vị không phải là Chúa của chúng tôi. Ai mà khởi sự bằng cách chọn lọc lấy mỗi một dân tộc và bài trừ hết phần còn lại của loài người thì không phải là người cha chung của mọi người; ai mà đày đọa phần đông nhất trong các tạo vật của mình vào nhục hình vĩnh viễn thì không phải là đức Chúa khoan dung và có thiện tâm mà lý trí đã chỉ cho ta.

Còn về chuyện các tín điều thì chủ thuyết này nói với ta rằng các tín điều phải rõ ràng, sáng sủa, phải gây xúc động bằng sự hiển nhiên của chúng. Nếu tôn giáo tự nhiên là chưa đủ, chính là vì sự không rõ ràng mà tôn giáo ấy còn bỏ sót lại trong các chân lý lớn đem giảng cho chúng ta: chính sự thiên khải phải dạy cho chúng ta các chân lý ấy theo một cách mà đầu óc con người có thể cảm nhận được, phải đặt các sự thật ấy vừa tầm của con người, làm cho con người hiểu được các chân lý ấy để khiến cho họ tin vào chúng. Lòng tin được bảo đảm và được củng cố bởi trí năng; tôn giáo tốt đẹp nhất trong mọi tôn giáo chắc chắn phải là tôn giáo sáng sủa rõ ràng nhất: người nào chất chứa những điều huyền bí, những mâu thuẫn vào sự sùng bái mà họ thuyết giảng cho ta thì chính qua việc này lại dạy cho ta biết ngờ vực sự sùng bái đó. Thượng đế mà ta tôn thờ không phải là Thượng đế của cõi u tối, Người chẳng hề ban cho ta một lý trí để nghiêm cấm ta sử dụng nó: bảo ta phải bắt lý trí của ta tuân phục, chính là xúc phạm đến người tạo tác ra lý trí đó. Người truyền đạt chân lý không hề áp chế lý trí của ta mà làm cho nó sáng tỏ ra.

Chúng ta đã gạt ra một bên mọi quyền uy của con người; và, không có cái uy tín ấy thì ta không biết làm sao một người có thể thuyết phục nổi một người khác bằng cách rao giảng một chủ thuyết không hợp lý. Chúng ta hãy để hai con người này cãi nhau một lúc và hãy tìm xem những điều họ có thể nói với nhau trong cái gay gắt của ngôn ngữ thông thường ở cả hai phía.

Người được thần khải

Lý trí dạy ngươi rằng tổng thể lớn hơn bộ phận của nó; nhưng ta, lại đứng về phía Chúa dạy ngươi rằng chính là bộ phận lớn hơn tổng thể.

Người hay lý sự

Thế ngươi là ai mà dám nói với ta rằng Chúa tự mâu thuẫn với mình? Và ta sẽ tin vào ai hơn, vào người dạy ta các chân lý vĩnh hằng bằng lý trí hay vào người truyền đạt theo ý Chúa cho ta một sự phi lý.

Người được thần khải

Tin vào ta, vì sự giáo huấn của ta là trội hơn; và ta sẽ chứng minh cho ngươi không thể cãi được là chính Người đã cử ta đến.

Người hay lý sự

Thế là thế nào? Ngươi sẽ chứng minh cho ta rằng chính là Chúa cử ngươi đến làm chứng chống lại Người? Và những chứng cứ của ngươi sẽ là thuộc loại nào mà thuyết phục được ta rằng Chúa nói với ta bằng cái miệng của ngươi thì chắc chắn hơn là bằng trí năng mà Người đã ban cho ta?

Người được thần khải

Trí năng mà Người đã ban cho ngươi ư! Con người nhỏ nhoi và tự phụ kia! Cứ như ngươi là kẻ báng bổ đầu tiên bị lạc lối trong cái lý trí bị tội lỗi làm cho hư hỏng!

Người hay lý sự

Này con người của Chúa, ngươi cũng chẳng phải là kẻ lừa đảo đầu tiên đem cái ngạo nghễ của mình làm chứng cứ cho việc mình được ủy nhiệm.

Người được thần khải

Sao! Các triết gia cũng nói ra những lời nhục mạ ư!

Người hay lý sự

Cũng có đôi khi, vì các thánh đã làm gương như thế cho họ.

Người được thần khải

Ồ! Ta, ta thì có quyền nói thế, ta nói là nhân danh Chúa.

Người hay lý sự

Sẽ là tốt hơn khi giới thiệu các danh nghĩa của ngươi trước khi sử dụng các đặc quyền của ngươi.

Người được thần khải

Các danh nghĩa của ta là đích thực, Đất và Trời sẽ làm chứng cho ta. Hãy theo đúng các lập luận của ta, ta yêu cầu ngươi đấy.

Người hay lý sự

Các lập luận của ngươi! Ngươi có nghĩ đến đâu. Bảo rằng lý trí của ta lừa dối ta, có khác nào bác lại điều mà nó đã nói với ta vì ngươi? Kẻ nào có thể bác bỏ lý trí thì phải thuyết phục được người ta mà không phải dùng đến nó. Bởi vì, hãy cứ cho rằng ngươi đã thuyết phục được ta bằng lập luận đi; thế thì làm sao ta biết được liệu có phải là lý trí của ta đã bị hư hỏng vì tội lỗi mà tội lỗi này đã làm cho ta tán đồng với điều mà ngươi nói với ta? Và chăng, có bao giờ mà ngươi có thể sử dụng được chứng cứ nào, được sự chứng minh nào rõ hơn cái tiên đề mà lý trí phải huỷ nó đi? Có thể tin được rằng một tam đoạn luận đúng đắn là một lời nói dối cũng như có thể tin được rằng bộ phận lớn hơn tổng thể.

Người được thần khải

Thật là khác nhau biết mấy! Các chứng cứ của ta là không thể bác bỏ được; chúng thuộc về một đẳng cấp siêu tự nhiên.

Người hay lý sự

Siêu tự nhiên ư? Cái từ này nghĩa là gì thế? Ta chẳng hiểu gì về nó cả.

Người được thần khải

Đó là các biến đổi trong trật tự của tự nhiên, các điều tiên tri, các phép màu, các điều kỳ diệu đủ mọi loại.

Người hay lý sự

Các điều kỳ diệu ư! Các phép màu ư! Ta chưa bao giờ thấy gì hết về tất cả những thứ đó.

Người được thần khải

Đã có những người khác nhìn thấy nó cho ngươi. Có hàng đống chứng cứ... sự làm chứng của dân chúng...

Người hay lý sự

Sự làm chứng của dân chúng lại thuộc đẳng cấp siêu tự nhiên ư?

Người được thần khải

Không; nhưng khi nó là sự nhất trí, thì nó không thể nào chối cãi được.

Người hay lý sự

Chẳng có gì không thể chối cãi được hơn là các nguyên tắc của lý trí và người ta không thể nào ưng chuẩn một sự phi lý dựa trên sự làm chứng của

những con người. Một lần nữa, hãy xem lại các chứng cứ siêu tự nhiên, vì sự chứng thực của loài người về điều này không phải là một chứng cứ siêu tự nhiên.

Người được thần khải

Ôi tấm lòng chai sạn! Ân sủng của Chúa không nói gì được với ngươi.

Người hay lý sự

Đó chẳng phải lỗi của ta; vì theo ngươi thì phải nhận ân sủng đã rồi mới biết yêu cầu nó. Hãy bắt đầu nói với ta thay nó đi.

Người được thần khải

A! Đó chính là điều mà ta đang làm đây, và ngươi không nghe ta. Mà ngươi nói sao về các điều tiên tri?

Người hay lý sự

Trước hết ta nói rằng ta chưa nghe thấy gì về các điều tiên tri cũng như ta đã không trông thấy các phép màu. Ta nói thêm rằng chẳng có một điều tiên tri nào có tác dụng đối với ta.

Người được thần khải

Tên tay sai của quỷ dữ! Và tại sao các điều tiên tri lại không tạo được ảnh hưởng gì với ngươi?

Người hay lý sự

Bởi vì muốn cho chúng làm được điều đó thì phải có ba sự việc mà sự hợp đồng với nhau là không thể có được; đó là ta được chứng kiến điều tiên tri, ta được chứng kiến sự kiện, và chứng minh được cho ta rằng sự kiện ấy không thể là ăn khớp một cách ngẫu nhiên với lời tiên tri, vì dù lời tiên tri có chính xác hơn, rõ ràng hơn, sáng tỏ hơn một định lý hình học, do sự sáng tỏ của một tiên đoán đưa ra một cách ngẫu nhiên không biến sự thực hiện thành không thể, thì sự thực hiện ấy, khi xảy ra không chứng minh được gì một cách chặt chẽ cho kẻ đã tiên đoán nó.

Vậy hãy xem các chứng cứ siêu tự nhiên, các phép màu, các lời tiên tri mạo xưng ấy của ngươi rút lại thành cái gì. Để tin tất cả các cái đó do tin người khác, và để bắt buộc vào quyền uy của Chúa nói với lý trí của ta phải phục tùng quyền uy của con người. Nếu những chân lý vĩnh hằng mà linh hồn ta hiểu được có thể bị chút ít tác động, thì với ta sẽ chẳng còn gì là chắc chắn; và

không làm sao mà chắc được rằng ngươi nói với ta là nhân danh Chúa, ta cũng sẽ không dám chắc là Chúa tồn tại.

Đó là biết bao khó khăn, hỡi con của ta, và chưa phải đó là tất cả đâu. Trong số biết bao tôn giáo khác biệt bài trừ và xung khắc lẫn nhau, chỉ có một tôn giáo là tốt đẹp nếu thật quả là có một tôn giáo như thế. Muốn nhận ra tôn giáo đó thì việc khảo sát một tôn giáo không đủ mà ta phải khảo sát tất cả mọi tôn giáo, và, trong bất cứ vấn đề nào, ta không nên lên án nếu ta không am hiểu[239]; ta phải đối chiếu các điều bác bỏ với các bằng chứng; ta phải biết những gì mà mỗi người đưa ra chống đối lại với các kẻ khác và những gì mà anh ta trả lời cho họ. Một cảm nghĩ càng có vẻ bộc bạch với chúng ta thì chúng ta càng phải tìm tòi xem dựa vào đâu mà lắm người lại không nhận ra nó như thế. Có lẽ phải có một đầu óc thật là đơn giản mới tin được rằng chỉ cần nghe theo các nhân vật uyên bác của phe mình là đã học được các lý lẽ của phe đối lập. Đâu là các nhà thần học tự cho là mình có thiện ý? Đâu là những kẻ để bác bỏ các lý lẽ của các địch thủ, không bắt đầu bằng việc làm cho các địch thủ ấy suy yếu đi? Mỗi người nổi bật trong phe của mình: nhưng cái người rất tự đắc giữa những người cùng phe về các bằng chứng của mình thì khi ở giữa những người khác phe phái lại bị coi là kẻ thậm ngu ngốc cũng chỉ vì các bằng chứng ấy mà thôi. Con có muốn học hỏi trong sách vở không? Phải tiếp thu biết bao nhiêu là kiến thức uyên bác! Phải học biết bao là sinh ngữ! Phải giở sách ra trong biết bao thư viện! Phải đọc nhiều biết bao! Ai sẽ hướng dẫn ta trong việc lựa chọn? Người ta sẽ khó mà tìm thấy trong một xứ những sách vở hay nhất của phe đối nghịch, huống chi là sách của tất cả các phái: cho dù là có tìm thấy đi, thì chúng sẽ lập tức bị bác bỏ. Kẻ vắng mặt bao giờ mà chẳng là sai, và những lý lẽ xảo bậy được nói ra với giọng quả quyết, dễ dàng xóa bỏ các lý lẽ đúng được trình bày một

---

[239] Plutarque thuật lại rằng những người khắc kỷ, ngoài các nghịch lý kì dị khác, họ còn chủ trương rằng trong một phán xét đối địch thì nghe hai bên đương sự thật là vô ích. Vì, họ nói rằng, hoặc người thứ nhất đã chứng minh được lời nói của hắn, hoặc hắn không chứng minh được lời nói đó: nếu hắn đã chứng minh được thì mọi việc đều xong, và bên đối địch phải bị kết án; nếu hắn đã không chứng minh được thì hắn đã sai và phải bị bác đơn. Tôi nhận thấy rằng phương pháp của tất cả những người chấp nhận một sự mặc khải độc nhất rất giống với phương pháp của những người theo chủ nghĩa khắc kỷ ấy. Ngay khi mỗi người cho rằng riêng mình mới có lý, thì muốn lựa chọn giữa bấy nhiêu phe phái, ta phải nghe tất cả các phe phái ấy, nếu không ta sẽ bất công.

cách khinh thường. Và lại không có gì dối trá hơn và diễn tả kém chính xác các ý tưởng của tác giả hơn là các sách vở. Nếu con đã muốn phán đoán về đức tin Thiên chúa giáo dựa trên cuốn sách của Bossuet thì con có ý kiến khác hẳn sau khi đã sống giữa những người như chúng ta. Con đã thấy giáo lý mà người ta dùng để đáp lại lời của các tín đồ Tân giáo không phải là giáo lý mà người ta dạy cho dân chúng và cuốn sách của Bossuet không giống mấy với các lời giảng ở nhà thờ. Muốn xét đoán cho đúng một tôn giáo, ta không nên nghiên cứu tôn giáo ấy trong các sách của các tín đồ thuộc tôn giáo ấy mà ta phải đến học tôn giáo ấy ở nơi họ sống; điều này là khác hẳn. Mỗi người đều có truyền thống, có ý thức, có tục lệ và có thành kiến của mình, tất cả những cái đó tạo ra khuynh hướng tín ngưỡng của họ và ta phải liên hệ tất cả những điều đó với sách vở để mà xét đoán về tôn giáo ấy.

Có biết bao nhiêu là dân tộc lớn không in ra sách vở và không đọc các sách của chúng ta! Họ sẽ xét đoán thế nào về các ý kiến của chúng ta? Chúng ta sẽ xét đoán thế nào về các ý kiến của họ? Chúng ta nhạo báng họ, họ khinh bỉ chúng ta; và, nếu các du khách của chúng ta mà chế giễu họ thì họ chỉ thiếu có việc là đi du lịch ở xứ sở của chúng ta để chế giễu lại chúng ta mà thôi. Ở nước nào mà chẳng có người biết lẽ phải trái, những người có thiện chí, những người chính trực chỉ tìm cách theo đuổi việc tìm hiểu chân lý để lấy nó làm chủ trương của mình? Song mỗi người nhận ra chân lý trong tôn giáo của mình và cho rằng tôn giáo của các nước khác là phi lý: vậy thì các tôn giáo ngoại quốc không quá ư lố lăng như chúng ta tưởng hoặc là các lý lẽ mà chúng ta tìm thấy trong các tôn giáo của chúng ta không chứng minh gì cả.

Chúng ta có ba tôn giáo chính ở châu Âu. Một tôn giáo thừa nhận một mặc khải độc nhất[240], tôn giáo kia thừa nhận hai[241], tôn giáo còn lại thừa nhận ba[242]. Mỗi tôn giáo ghét bỏ, thóa mạ tôn giáo kia là mù quáng, cứng rắn, cố chấp, giả dối. Con người vô tư nào sẽ dám phán đoán giữa các tôn giáo ấy, nếu trước tiên tự mình đã không cân nhắc chu đáo bằng chứng của các tôn giáo ấy, đã không lắng nghe cẩn thận lý lẽ của chúng? Tôn giáo chỉ thừa nhận một mặc khải là tôn giáo kỳ cựu nhất và có vẻ là vững chắc nhất; tôn giáo thừa nhận ba mặc khải là tôn giáo tân tiến nhất và có vẻ hợp lý hơn cả; tôn giáo thừa nhận hai mặc khải và bác bỏ mặc khải thứ ba có thể lại là tốt đẹp nhất, nhưng chắc

---

240 * Chỉ Do thái giáo.

241 * Chỉ Hồi giáo.

242 * Chỉ Cơ đốc giáo.

chắn là tôn giáo này bị tất cả các thành kiến chống đối nó vì sự không hợp lý rành rành trước mắt.

Trong số ba mặc khải ấy, các Thánh thư được viết bằng những ngôn ngữ xa lạ với các dân tộc theo các mặc khải ấy. Những người Do thái không còn hiểu tiếng của tổ tiên thời cổ đại là tiếng Hébreu nữa; các tín đồ Cơ đốc giáo không hiểu tiếng Hébreu và tiếng Hy Lạp; người Thổ Nhĩ Kỳ cũng như người Ba Tư không hiểu tiếng Ả Rập; và người Ả Rập thời nay lại cũng không còn nói tiếng của Mahomet nữa. Đấy phải chăng là một cách thật đơn giản để mà giáo hóa con người, để luôn luôn nói chuyện với họ bằng một thứ tiếng mà họ không hiểu sao? Người ta bảo là họ dịch các sách ấy ra. Câu trả lời hay thật! Ai bảo đảm cho ta rằng các sách ấy được dịch thật đúng, ngay cả có đến khả năng là các sách ấy được dịch đúng? Và khi Thượng đế nhất quyết phải nói chuyện với con người thì tại sao Người lại phải cần đến người phiên dịch?

Ta sẽ không bao giờ quan niệm được rằng những gì mà mọi người bắt buộc phải biết lại cứ phải chứa gọn trong các sách vở, và ai không đủ sức hiểu được cả các sách ấy lẫn những người am hiểu các sách vở ấy thì bị trừng phạt vì một sự dốt nát không cố ý. Luôn luôn cứ là sách vở! Sao lại sinh sách vở đến thế[243]! Vì lẽ châu Âu tràn ngập sách vở, những người Âu coi sách vở là cần thiết, mà chẳng nghĩ đến rằng, ở ba phần tư Trái đất, có ai được thấy sách vở đâu. Mọi sách vở chẳng phải là đã do con người viết ra hay sao? Vậy làm sao mà con người lại cứ cần phải có nó mới hiểu được bổn phận của mình? Và con người liệu đã có cách nào không để mà hiểu được bổn phận của mình trước khi các sách vở ấy được làm ra? Hoặc là con người sẽ học hỏi về các bổn phận của mình từ chính mình, hoặc là con người được miễn trừ để khỏi biết đến các bổn phận ấy.

Các tín đồ Thiên chúa giáo của chúng ta làm rùm beng lên về uy quyền của Giáo hội Thiên chúa; nhưng họ được lợi gì về chuyện này, nếu họ phải cần đến cả một bộ máy cũng lớn lao về cái bằng chứng giống y như các giáo hội khác đã thiết lập trực tiếp giáo lý của mình để mà thiết lập nên uy quyền đó? Giáo hội quyết định rằng Giáo hội có quyền quyết định. Đấy có phải một quyền uy được chứng minh rõ không? Hãy bước ra khỏi đó, con sẽ đi vào mọi cuộc thảo luận của chúng ta.

---

[243] * Ở các đoạn sau Rousseau chỉ tách riêng sách Phúc âm ra khỏi các Thánh thư mà ông chỉ trích.

Con có biết rằng nhiều tín đồ Cơ đốc giáo đã chịu khó khảo sát cẩn thận những gì Do thái giáo viện dẫn để chống lại họ không? Nếu có một vài người đã thấy một điều gì về vấn đề đó, chính là ở trong sách vở của các tín đồ Cơ đốc giáo. Cái phương pháp để học hỏi lý lẽ của các đối thủ như thế mới hay ho làm sao! Nhưng làm thế nào được? Nếu có ai dám xuất bản ở chỗ chúng ta những sách vở trong đó công khai bênh vực Do thái giáo thì chúng ta sẽ trừng trị tác giả, nhà xuất bản, người bán sách[244]. Quy tắc này thật là tiện dụng và chắc chắn để luôn luôn chiếm giữ lẽ phải. Thật là khoái trá khi được bài bác những người không dám nói.

Những người trong chúng ta được trò chuyện với người Do thái thì cũng chẳng biết hơn được mấy. Những con người khốn khổ ấy tự cảm thấy tùy thuộc ở chúng ta; sự áp chế mà người ta thực hiện đối với họ khiến họ trở nên sợ sệt; họ biết rằng sự bất công và sự độc ác chẳng đáng là bao với lòng từ thiện Cơ đốc giáo: họ sẽ dám nói gì đây để tránh bị chúng ta la lối lên rằng họ báng bổ tôn giáo của chúng ta? Sự tham lam ham hố làm chúng ta hăng hái còn họ thì quá giàu có cho nên họ mắc lỗi lầm. Những người thông thái nhất, những người sáng suốt nhất luôn luôn là những người thận trọng nhất. Con sẽ cải giáo một vài kẻ khốn cùng nào đó được trả công để vu khống môn phái của chúng, con sẽ làm cho vài tên bán đồ cũ đê tiện nói theo ý con vì chúng chịu lép vế để nịnh hót con, con sẽ thắng sự dốt nát của chúng hay sự hèn hạ của chúng, trong khi các nhà uyên bác của chúng sẽ cười thầm về sự ngu ngốc của con. Nhưng con lại tưởng rằng ở nơi mà họ tự cảm thấy mình được an toàn, người ta cũng khuất phục được họ dễ dàng như thế à? Ở Sorbonne, thật rõ ràng như ban ngày rằng những lời tiên tri về Chúa cứu thế là nói về Đức Jésus-Christ. Ở chỗ các giáo sĩ Do thái tại Amsterdam thì họ cũng coi rõ ràng y như vậy rằng các lời tiên tri đó chẳng có một chút nào quan hệ đến việc đó. Ta sẽ không bao giờ tin tưởng được rằng mình đã hiểu rõ các lý lẽ của người Do thái trước khi họ có một quốc gia tự do, có những trường học và các đại học là nơi mà họ có thể nói và thảo luận hết nhẽ mà

[244] Trong hàng ngàn sự kiện đã biết thì đây là một sự kiện không cần phải bình luận. Ở thế kỷ XVI các nhà thần học Thiên chúa giáo đã đốt sạch các sách vở của người Do thái, không có phân biệt loại sách gì. Nhà thông thái và nổi danh đương thời Reuchlin, được hỏi ý kiến về việc này, chuốc lấy những điều khủng khiếp suýt khiến ông lâm nguy, chỉ vì có mỗi một lời khuyên là có thể giữ lại những cuốn sách nào không nói gì đến chống Cơ đốc giáo và trình bày những vấn đề không liên quan đến tôn giáo.

không bị nguy hiểm. Chỉ đến lúc đó chúng ta mới sẽ có thể biết được những gì họ phải nói ra.

Ở Constantinople, những người Thổ Nhĩ Kỳ nói ra các lý lẽ của họ, mà chúng ta không dám nói ra các lý lẽ của chúng ta; ở đó, chính là đến lượt chúng ta luôn cúi. Nếu những người Thổ Nhĩ Kỳ đòi hỏi chúng ta phải có đối với Mahomet mà chúng ta không hề tin tưởng, cũng sự tôn kính mà chúng ta đòi hỏi ở những người Do thái đối với Đức Jésus-Christ mà họ chẳng tin tưởng gì hơn, thì những người Thổ Nhĩ Kỳ có sai lầm hay không? Liệu chúng ta có lý hay không? Dựa trên nguyên tắc công bằng nào mà chúng ta sẽ giải quyết vấn đề này?

Hai phần ba nhân loại không theo Do thái giáo, cũng không Hồi giáo, cũng chẳng Cơ đốc giáo; mà có biết bao triệu người chưa bao giờ nghe nói đến Moïse, đến Jésus-Christ, cả đến Mahomet nữa! Người ta phủ nhận điều đó; người ta quả quyết rằng các nhà truyền giáo của chúng ta đi khắp nơi. Nói thì dễ lắm! Nhưng họ có đi vào trung tâm Phi châu, đến nay hãy còn xa lạ và là nơi mà chưa bao giờ có người Âu nào xâm nhập không? Họ có đi vào vùng Tartarie Địa Trung Hải để đi ngựa theo các bộ lạc du mục, mà chưa từng bao giờ có người lạ mặt tiếp cận được, và, thay vì đã nghe thấy nói đến đức Giáo hoàng, thì họ chỉ biết sơ sơ về đức Đạt lai Lạt ma không? Họ có đi vào các miền bao la của châu Mỹ, nơi có những Dân tộc chưa hề biết rằng những người dân thuộc một thế giới khác đã đặt chân lên thế giới của họ không? Họ có đến Nhật Bản, nơi mà các mưu mô của họ đã làm cho họ bị trục xuất vĩnh viễn không; và là nơi mà các lớp người thuộc thế hệ sau chỉ biết quan niệm các bậc tiền bối của họ như những người hay dùng mưu mẹo tinh quái đến đấy với lòng nhiệt thành giả dối để chiếm đoạt vương quốc một cách êm thấm mà thôi? Họ có đi vào được các hậu cung của vua chúa Á châu để truyền bá Phúc âm cho hàng ngàn kẻ nô lệ khốn khổ không? Phụ nữ của phần thế giới ấy đã làm gì để không một nhà truyền giáo nào có thể truyền bá được cho họ đức tin? Những phụ nữ ấy có phải là tất cả sẽ xuống địa ngục vì đã bị cấm cung không?

Dù cho việc Phúc âm được truyền bá trên khắp Trái đất là có thực đi chăng nữa, thì người ta được lợi gì ở việc này? Vào hôm trước khi nhà truyền giáo đầu tiên đến một đất nước, ở đó chắc chắn đã có một kẻ nào đó đã chết mà không thể nghe ông ta được. Bây giờ con hãy nói cho ta nghe xem chúng ta phải làm gì với kẻ đã chết đó. Dù cho khắp thế gian chỉ có một người duy

nhất mà người ta đã không bao giờ giảng được về Đức Jésus-Christ thì sự uyên bác cho con người duy nhất ấy cũng sẽ mạnh mẽ y như cho một phần tư nhân loại vậy.

Khi các mục sư Tân giáo đã làm cho các dân tộc xa xôi hiểu họ, họ đã nói gì với các dân tộc ấy để người ta có thể thừa nhận một cách phải lẽ theo lời nói của họ mà không đòi hỏi sự kiểm chứng đúng đắn nhất? Các vị thông báo với ta rằng một vị Thượng đế đã ra đời và chết cách đây hai ngàn năm, ở phần bên kia của tận cùng Trái đất, không rõ là ở trong một thành phố bé nhỏ nào đó, rồi các vị lại nói với ta rằng tất cả những ai không tin vào điều huyền bí đó, sẽ bị sa địa ngục. Đấy là những chuyện hết sức kì lạ thành thử chẳng nên quá vội tin mà chỉ dựa vào duy nhất uy tín của một người ta không hề biết! Tại sao Thượng đế của các vị đã gây ra những biến cố ở cách xa ta đến thế nếu lại muốn buộc ta phải biết? Không biết được những gì xảy ra ở bên kia Địa cầu lại là một trọng tội ư? Ta có thể đoán rằng trên bán cầu kia đã có một dân tộc Hébreu và một thành phố Jérusalem chăng? Điều đó cũng ngang với buộc ta phải biết những gì đang xảy ra trên cung trăng. Các vị nói rằng các vị đến để dạy cho ta điều đó; nhưng tại sao các vị không đến dạy cho cha đẻ của ta điều đó, không thì tại sao lại đày đọa ông già hiền lành ấy vì đã không bao giờ hiểu biết gì về điều đó? Cụ có phải chịu trừng phạt vĩnh viễn vì sự biếng nhác của các vị hay không, ông cụ, một con người nhân từ đến thế, có lòng từ thiện đến thế và chỉ biết tìm tòi chân lý? Các vị hãy có thiện ý rồi hãy đặt mình vào địa vị của ta: các vị hãy xem ta có nên căn cứ vào mỗi một mình chứng cứ của các vị để tin tất cả các sự việc không sao tin nổi mà các vị vừa kể cho ta và dung hòa biết bao sự bất công với vị Thượng đế chí công mà các vị vừa truyền bá cho ta đó không. Xin hãy gia ân để ta đi thăm cái xứ sở xa xăm ấy, nơi mà bao nhiêu việc kỳ diệu chưa từng thấy ở xứ này được thực hiện, để ta tìm hiểu xem vì sao dân thành Jérusalem ấy lại đã đối xử với Đức Chúa như với một tên cường đạo. Các vị nói rằng đó là vì họ không thừa nhận vị ấy là Đức Chúa. Vậy thì ta sẽ phải làm gì? Ta, một kẻ xưa nay bao giờ cũng chỉ được nghe độc có các vị nói về việc này mà thôi! Các vị còn nói thêm rằng họ đã bị trừng phạt, bị phân tán, bị hà hiếp, bị khuất phục và không có ai trong bọn họ đến gần được thành phố ấy nữa. Chắc chắn rằng họ đáng phải chịu mọi điều đó; nhưng dân chúng ngày nay, họ nói gì về tội giết Chúa của các bậc tiền bối của mình? Họ phủ nhận điều đó, họ cũng chẳng thừa nhận Đức Chúa là Đức Chúa nữa kia. Như vậy là cầm bằng cứ bỏ rơi con cái của những kẻ khác.

Sao thế! Cũng trong thành phố ấy, nơi mà Chúa đã chết, cả dân cư ngày xưa lẫn dân chúng ngày nay đều không hề thừa nhận Ngài, thế mà các vị lại muốn ta thừa nhận Ngài, ta, một kẻ sinh ra hai ngàn năm sau, cách xa nơi ấy hai ngàn dặm! Các vị không thấy sao: trước khi ta tin quyển sách các vị gọi là Thánh thư ấy, và ta không hiểu gì về nó cả, ta phải biết, do những người khác ngoài các vị, quyển sách ấy được viết ra vào lúc nào và do người nào, đã được bảo tồn bằng cách nào, đã đến tay các vị bằng cách nào, những người phản bác quyển sách ấy trong xứ đã nói những gì, theo lý lẽ của họ, mặc dầu họ cũng biết như các vị tất cả những gì mà các vị đã dạy cho ta? Các vị cảm thấy rõ là ta nhất thiết phải sang châu Âu, châu Á, sang xứ Palestine để tự mình khảo sát mọi việc; có mà ta hóa rồ mới nghe theo các vị trước thời đại này.

Không những là nói như vậy có vẻ là hợp lý đối với ta, mà ta quả quyết rằng mọi người biết lẽ phải trái đều phải nói như thế trong trường hợp tương tự và đuổi nhà truyền giáo đi thật xa vì đó là kẻ trước khi xác minh các bằng chứng, đã vội vàng muốn rao giảng và làm lễ rửa tội cho người ấy. Thế mà ta quả quyết rằng không có biểu hiện chống lại điều đó như chính những sự chống đối ấy đã mạnh mẽ ngang hoặc còn mạnh hơn thế nữa để chống lại Thiên chúa giáo. Do đó rõ ràng là nếu như chỉ có một tôn giáo là chân chính và mọi người đều bắt buộc phải theo kẻo bị trừng phạt đày xuống địa ngục, thì phải suốt đời nghiên cứu mọi tôn giáo, để hiểu sâu sắc về chúng, để so sánh chúng với nhau, để đi qua khắp cả các nước đã từng thiết lập nên chúng. Không ai được miễn trừ bổn phận đầu tiên của con người, không ai được có quyền tin cậy vào sự phán đoán của người khác. Người thợ thủ công chỉ sống nhờ công việc của mình, người dân cày không biết đọc, cô thiếu nữ tế nhị và e lệ, người tàn tật khó có thể ra khỏi giường của mình, tất cả không ngoại trừ một ai đều phải nghiên cứu, phải suy tưởng, phải tranh luận, phải đi du lịch qua khắp thế giới: sẽ không còn dân tộc nào là cố định và ổn định; toàn bộ Trái đất sẽ chỉ đầy rẫy những người hành hương đi lại với biết bao chi phí, và với những mệt mỏi triền miên, để mà xác minh, để mà so sánh, để mà tự mình xét đoán lấy những tôn giáo khác nhau mà người ta theo. Vậy thì vĩnh biệt các nghề nghiệp, các nghệ thuật, các khoa học nhân văn, và mọi việc bận rộn đời thường: không thể còn có bất cứ một nghiên cứu nào khác hơn là việc nghiên cứu tôn giáo: ai sẽ có được sức khỏe mạnh mẽ nhất, sử dụng thời gian của mình tốt nhất, vận dụng lý lẽ của mình sắc bén nhất, sống qua được nhiều năm tháng nhất, thì họa chăng là đến tận tuổi già mới quyết định được một

điều gì về chuyện này, và nếu trước lúc mình chết mà biết được là mình phải sống trong tôn giáo nào thì cũng là nhiều lắm rồi.

Các vị muốn giảm nhẹ phương pháp này, và muốn trao phần nhỏ nhất cho quyền uy của con người phải không? Lập tức các vị trao cho con người tất cả; và nếu người con của một tín đồ Thiên chúa ngoan ngoãn theo đạo của cha mình mà chẳng cần đến sự suy xét sâu xa và không thiên vị, thì tại sao người con của một người Thổ Nhĩ Kỳ lại là tội lỗi khi theo cũng cái tôn giáo của cha mình? Ta thách mọi kẻ cố chấp trả lời việc này được điều gì làm thỏa lòng một con người biết lẽ phải trái.

Bị thúc ép bởi các lý lẽ đó, một số người lại thích biến Chúa thành bất công và trừng phạt những kẻ vô tội vì tội lỗi của cha họ hơn là từ bỏ tín điều man rợ của chúng. Những người khác tháo gỡ khó khăn bằng cách ân cần cử đến một thiên thần để giáo hóa cho kẻ nào đó, trong sự ngu muội không thể nào thuyết phục nổi, lại sống có đạo đức tốt. Vị thiên thần này thật là một sáng kiến hão huyền làm sao! Không hài lòng với việc ràng buộc chúng ta vào cỗ máy của họ, họ lại còn khiến cả đích thân Chúa cũng phải cần sử dụng cỗ máy ấy khi cần thiết.

Con thấy đấy, tính kiêu ngạo và cố chấp đem lại sự vô lý đến nhường nào, khi mà ai cũng cứ khư khư giữ lấy quan điểm của mình và tin rằng chỉ độc một mình họ mới là có lý so với phần còn lại của loài người. Ta viện ra Đức Chúa hiền lành này mà ta tôn thờ và ta thông báo với con để làm chứng rằng mọi tìm tòi của ta đều là chân thành; nhưng cứ coi chúng là thế đi, thì chúng vẫn sẽ chẳng bao giờ đạt được thành tựu nào, và ta phải bị chìm đắm trong một đại dương không bờ bến, ta phải quay trở lại và xiết chặt niềm tin của mình vào các khái niệm nguyên khởi của ta. Ta không bao giờ có thể tin được rằng Thượng đế ra lệnh cho phải trở thành bác học nếu không thì trừng phạt đày xuống địa ngục. Vậy nên ta gấp mọi sách vở lại. Chỉ có mỗi một cuốn được mở ra trước mắt tất cả mọi người, chính là cuốn sách của tự nhiên. Chính là trong cuốn sách lớn lao và cao cả ấy mà ta học phục vụ và tôn thờ tác giả thánh thiện của nó. Không ai có thể được tha thứ nếu không đọc nó, bởi vì nó nói với tất cả mọi người một ngôn ngữ dễ hiểu với mọi trí tuệ dù ở bất kỳ trình độ nào. Khi ta được sinh ra trên một hoang đảo, khi ta chưa từng nhìn thấy người nào khác ngoài ta ra, khi ta chưa từng biết điều gì đã diễn ra từ xưa từ xưa ở một góc của thế giới; nếu ta vận dụng lý trí của ta, nếu ta vun trồng cho lý trí ấy; nếu ta sử dụng tốt khả năng mà Thượng đế trực tiếp ban cho ta, ta sẽ tự mình học lấy để biết rõ về Người, để yêu Người, để yêu mến các tạo phẩm của

Người, để mong muốn cái Thiện mà người ưa chuộng và để hoàn thành mọi bổn phận của ta trên Trái đất này chỉ để làm Người vui lòng. Còn có điều gì có thể hơn thế mà toàn bộ tri thức của loài người có thể dạy ta thêm?

Còn về sự mặc khải, nếu ta là nhà lý luận giỏi hơn hay là người có học vấn uyên bác hơn thì có thể là ta sẽ cảm nhận được sự có thực của mặc khải, cái ích lợi của nó cho những ai có diễm phúc nhận biết được nó, nhưng nếu ta thấy có những chứng cứ thuận lợi cho nó mà ta không thể chống lại được, thì ta cũng thấy các sự phản bác chống lại nó mà ta không giải đáp được. Có bao nhiêu là lý lẽ vững vàng ủng hộ và chống lại mà không biết phải quyết định cho ta bề nào, ta chẳng tiếp thu nó mà cũng không bác bỏ nó; ta chỉ bác bỏ mỗi một điều là bắt buộc người ta phải thừa nhận nó, bởi vì sự bắt buộc mạo danh này là tương khắc với công lý của Chúa, và vì đáng lẽ nhân đó mà tháo gỡ các trở ngại cho sự cứu rỗi thì họ lại làm tăng các trở ngại lên nhiều lần, họ đã làm cho chúng trở thành không vượt qua nổi đối với phần lớn nhân loại. Ngoài điều đó ra thì về điểm này ta còn khá hoài nghi. Ta không có tính tự phụ để tưởng rằng mình không thể sai lầm: những người khác có thể khẳng định điều ta cho là chưa rõ ràng; ta biện luận cho mình chứ không phải là cho họ; ta chẳng chê bai gì họ mà cũng chẳng bắt chước họ: sự phán đoán của họ có thể là hơn sự phán đoán của ta; nhưng đó không phải là do lỗi của ta nếu sự phán đoán ấy không phải của ta.

Ta cũng thú nhận với con rằng sự tôn nghiêm của các Thánh thư làm ta ngạc nhiên, sự thánh linh của Phúc âm làm rung động lòng ta. Con hãy nhìn sách vở của các triết gia với tất cả vẻ khoa trương của chúng: sao mà chúng bé mọn bên cạnh Phúc âm! Có thể nào một cuốn sách vừa cao nhã vừa đơn giản đến vậy lại là công trình của những con người không? Có thể nào bản thân con người mà quyển sách thuật lại lai lịch lại chỉ là một con người mà thôi? Đó có phải là giọng điệu của một kẻ nhiệt tâm hay của một tín đồ nhiều tham vọng không? Phẩm hạnh của Người hiền dịu biết bao, trong sạch biết bao! Các lời giáo huấn của Người có một vẻ u nhã làm xúc động lòng người biết bao! Các châm ngôn của Người thật là cao quý biết nhường nào! Các lời nói của Người mới thông tuệ sâu sắc làm sao! Các lời đối đáp của Người thật nhanh trí, tinh tế và chính xác biết bao! Các đam mê đã được Người tự chủ biết bao! Đâu là con người, đâu là bậc hiền nhân biết hành động, biết đau khổ và chết đi mà không yếu đuối và phô trương? Khi Platon miêu tả đấng chí công tưởng tượng của ông chịu mọi sự ô nhục của trọng tội và xứng đáng với tất cả các giá trị về đức hạnh, ông miêu tả từng nét một của đức chúa Jésus-Christ: sự giống nhau

rõ rệt đến nỗi tất cả các cha cố đều nhận ra điều đó và không thể nào nhầm lẫn được. Phải có những thành kiến đến mức nào, mới dám so sánh con trai của Sophronisque[245] với con trai của Đức bà Maire? Từ người này đến người kia là cả một khoảng cách! Socrate chết không đau đớn, không bị sỉ nhục, dễ dàng giữ vững đến cùng vai trò của mình; và nếu cái chết dễ dàng ấy không làm vinh dự cho đời ông thì người ta cũng không dám chắc rằng với tất cả tài trí của ông đi nữa, ông có gì khác hơn là một nhà ngụy biện. Người ta nói ông khởi xướng ra đạo đức học; nhưng trước ông đã có nhiều người đưa đạo đức vào thực hành; ông chỉ nói lên những gì họ đã làm, ông chỉ làm thành bài học về các tấm gương của họ. Aristide đã thành công bằng trước khi Socrate nói thế nào là lẽ công bằng; Léonidas đã chết cho đất nước của mình trước khi Socrate đề ra một bổn phận là yêu tổ quốc; dân thành Sparte là những người sống tiết độ; trước khi Socrate ngợi ca sự tiết độ; trước khi ông định nghĩa đức hạnh thì nước Hy Lạp đã đầy rẫy những người đức hạnh. Nhưng Jésus thì lấy từ đâu trong số các người thân của Người để được một nền đạo đức cao siêu và trong sạch ấy mà chỉ có riêng Người mới cho được các bài học và nêu tấm gương[246]? Ngay ở giữa sự cuồng tín dữ dội nhất vọng lên tiếng nói của sự hiền minh tột đỉnh; và sự giản dị của đức tính anh dũng nhất đã làm vinh dự cho dân tộc thấp hèn nhất trong mọi dân tộc. Cái chết của Socrate trong khi đang thản nhiên triết lý với bạn bè của ông là cái chết êm đềm nhất mà ai cũng có thể ước ao; cái chết của Đức Jésus hấp hối trong sự tra tấn, bị cả một dân tộc sỉ nhục, chế nhạo, nguyền rủa, là một cái chết khủng khiếp mà ai cũng phải sợ. Socrate cầm lấy chén thuốc độc, cầu phúc cho kẻ vừa đưa chén ấy cho ông và hắn khóc. Đức Jésus đang lúc chịu một cực hình ghê gớm, cầu nguyện cho những tên đao phủ đang say máu của Người. Vâng, nếu đời sống và cái chết của Socrate là của một bậc hiền nhân, thì đời sống và cái chết của Đức Jésus là một cái chết của một Đức Chúa. Chúng ta liệu có bảo rằng câu chuyện về sách Phúc âm là một chuyện bịa không? Anh bạn của ta ơi, người ta không biết bịa chuyện như thế đâu; và những sự việc về Socrate mà chẳng có ai nghi ngờ gì còn ít được xác minh hơn các sự việc của Jésus-Christ. Thực ra đó là đẩy lùi khó khăn mà không xóa bỏ nó; sẽ khó mà tưởng tượng được rằng có nhiều người đồng ý hùa nhau vào làm cuốn sách này, hơn là khó tưởng tượng rằng chỉ có độc một người đã đưa ra chủ đề cho nó. Không bao giờ các tác giả Do

---

[245] * Nhà điêu khắc, cha của Socrate.

[246] Xin xem trong *Bài thuyết giảng trên núi,* Người tự tạo ra sự song hành về đạo đức của Moïse và của Người.

thái đã từng thấy được cả giọng điệu này lẫn tinh thần ấy; và sách Phúc âm có những đặc điểm của sự thật quá lớn lao, gây ấn tượng quá mạnh, thật là hoàn toàn không thể bắt chước được, đến mức người sáng tạo ra nó trong chuyện này sẽ lại còn kỳ dị hơn cả nhân vật chính. Với tất cả cái đó, chính cuốn Phúc âm này chứa đầy những sự việc lạ thường, những sự việc trái ngược với lẽ phải, mà mọi người biết lẽ phải trái không sao hiểu nổi cũng không sao chấp nhận nổi. Đứng giữa toàn bộ những điều mâu thuẫn ấy thì phải làm gì? Con ta ơi, bao giờ cũng nên khiêm nhường và thận trọng; lắng lặng tôn trọng điều mà người ta chẳng làm sao vứt bỏ được, cũng chẳng hiểu được và tự hạ mình trước Thượng đế, người duy nhất biết được sự thật.

Đấy là mối hoài nghi không chủ tâm mà ta vẫn còn giữ lại, nhưng mối hoài nghi này không hề làm cho ta phải đau buồn, bởi vì nó không trải rộng tới những điểm cốt lõi ở thực tiễn, và vì ta đã xác định rất rõ các nguyên tắc về mọi bổn phận của mình. Ta phụng sự Thượng đế trong sự giản dị của lòng ta. Ta không tìm tòi để biết rằng điều gì hệ trọng với cách cư xử của ta. Còn về các tín điều chẳng hề có ảnh hưởng gì với cả các hành động lẫn đạo đức và vì thế mà biết bao người phải băn khoăn day dứt, ta chẳng hề lấy chuyện ấy làm phiền lòng. Ta coi mọi tôn giáo riêng biệt cũng giống như bấy nhiêu định chế thờ phụng đã định hình ở mỗi nước một cung cách nhất quán để tôn vinh Thượng đế bằng sự thờ phụng công cộng, và mọi sự thờ phụng ấy có thể là hoàn toàn có những lý lẽ của nó trong hoàn cảnh, cách cai trị, trong tinh thần của dân chúng, hay là trong một số nguyên nhân bản địa làm cho sự thờ phụng này được ưa chuộng hơn sự thờ phụng khác, tùy theo thời đại và tùy theo từng địa điểm. Ta coi tất cả đều hoàn toàn tốt đẹp khi ở đó người ta phụng sự Thượng đế một cách thích hợp. Sự phụng thờ cốt yếu nhất là sự thờ phụng trong lòng. Chúa không hề từ chối ở đây lòng thành kính khi tấm lòng ấy là chân thành dù có dâng lên Người theo cách nào thì cũng thế mà thôi. Được cử theo điều mà ta công khai tuyên bố phục vụ Giáo hội, ta hoàn thành việc này với tất cả sự chính xác có thể có được các chăm lo mà việc phụng sự ấy định ra cho ta và lương tâm của ta sẽ trách móc ta về việc cố ý bỏ sót một vài điểm nào đó trong việc này. Sau một thời gian dài bị cấm chỉ, con biết rằng do uy tín của ngài de Mellarède, ta được cho phép nhận lại các chức phận của mình để giúp cho ta sinh sống. Ngày trước ta đã làm lễ nhà thờ với thái độ khinh suất mà lâu dần người ta đưa vào những sự việc nghiêm trọng nhất khi họ rất hay làm việc đó; kể từ khi có các nguyên tắc mới của ta, ta cử hành lễ nhà thờ với lòng sùng kính hơn: ta thấu triệt sự uy nghiêm của Thượng đế, về

sự hiện diện của Người, ta thấu triệt về sự thiếu sót của tinh thần con người vốn chỉ hiểu quá ít về điều có liên quan đến người tạo tác ra mình. Vì nghĩ rằng ta dâng lên Người những ý nguyện của dân chúng với một hình thức đã định sẵn, ta thường chăm lo cho mọi nghi thức; ta kể ra rất chăm chú, ta cố gắng để không khi nào bỏ sót dù chỉ là một từ, dù chỉ là một cuộc lễ nhỏ nhất: khi ta tiếp cận thời điểm của sự cung hiến ấy, ta tĩnh tâm để thực hiện cung chúc với toàn vẹn tâm trạng mà Giáo hội và tầm vóc lớn lao của thánh lễ đòi hỏi; ta ra sức xóa bỏ cái lý sự của ta trước Trí năng tối thượng; ta tự nhủ rằng: mình là kẻ nào mà lại đánh giá quyền lực vô biên? Ta kính cẩn đọc lên những lời thánh lễ, và ta truyền tất cả lòng tin ở ta vào hiệu quả của các lời thánh lễ ấy. Dù cho sự huyền bí không sao hiểu nổi này có là thế nào đi nữa, ta cũng không sợ rằng đến ngày phán xét ta lại bị trừng phạt vì đã mạo phạm nó trong lòng ta.

Được vinh dự bởi có chức phận trong tôn giáo, cho dù ta ở bậc cuối cùng, ta sẽ không khi nào làm bất cứ một điều gì làm cho mình không xứng đáng để thực hiện các bổn phận cao cả. Bao giờ ta cũng truyền giảng đức hạnh cho mọi người, ta sẽ luôn luôn cổ vũ họ làm điều thiện; và, trong chừng mực có thể, ta sẽ tự mình làm gương cho họ. Không phải do ở ta mà tôn giáo được họ yêu mến; không phải ta củng cố được lòng tin của họ vào các tín điều thực sự hữu ích và mọi người bắt buộc phải tin theo: nhưng ta không bao giờ có ý rao giảng những điều độc ác của sự cố chấp, không khi nào ta có ý làm cho họ ghét bỏ đồng loại để nói với những người khác rằng: ngươi sẽ bị đày xuống địa ngục[247]. Nếu như ta ở một thứ bậc khả quan hơn thì sự giữ gìn ý tứ này có thể chuốc cho ta những chuyện khó khăn; nhưng ta thì lại quá bé nhỏ nên chẳng phải sợ nhiều, và ta không thể nào rớt xuống thấp hơn hiện tại. Dù có gì xảy ra, ta sẽ không hề báng bổ xúc phạm tới sự công bằng của Chúa, và sẽ không hề dối trá chống lại Thánh linh.

---

[247] Bổn phận theo và yêu tôn giáo của xứ sở mình không trải rộng đến tận những tín điều trái với đạo đức tốt chẳng hạn như tín điều về sự cố chấp không dung thứ. Chính tín điều khủng khiếp này đã võ trang cho con người để những người này chống lại những người khác và làm cho họ trở thành mọi kẻ thù của loài người. Phân biệt giữa sự dung hòa trong đời sống dân sự và sự dung hòa về thần học là ấu trĩ và hão huyền. Hai sự dung hòa này không thể tách rời, và ta không thể chấp nhận cái này mà bỏ cái kia. Ngay cả các thiên thần cũng không sống yên bình với những kẻ họ coi là kẻ thù của Chúa.

Từ lâu ta đã có tham vọng có vinh dự được làm cha xứ; ta vẫn còn tham vọng ấy, nhưng ta không còn hy vọng được như thế nữa. Anh bạn của ta ơi, ta thấy chẳng gì tốt đẹp hơn là làm cha xứ. Một cha xứ tốt là kẻ thừa hành cái thiện giống như ông thẩm phán là kẻ thừa hành công lý. Một cha xứ không bao giờ được làm điều ác nếu như ông ta không thể tự mình luôn luôn làm điều thiện, ông ta vẫn luôn luôn giữ vị thế của mình khi ông ta khuyến khích người ta làm điều thiện và thường là ông đạt được điều đó khi ông biết làm cho người ta kính trọng mình. Ôi, nếu có khi nào ở vùng núi của chúng ta có một chức để phục vụ hành lễ cho những người từ tế! Ta sẽ hạnh phúc vì ta cho rằng ta tạo ra hạnh phúc cho giáo dân trong xứ đạo của mình. Ta không làm giàu được cho họ, nhưng ta sẽ chia sẻ với họ sự nghèo khó; qua đó mà ta sẽ tước bỏ đi sự nhục nhã và sự miệt thị vốn khó mà chịu đựng được hơn là sự nghèo khó. Ta sẽ làm cho họ biết yêu thích sự hòa hợp và sự bình đẳng mà chúng thường xua tan sự khốn cùng và luôn làm cho nó trở nên có thể chịu đựng được. Khi họ thấy rằng ta sống cũng chẳng có gì hơn so với họ, và thấy rằng dù thế ta vẫn sống với sự bằng lòng thì họ sẽ biết tự an ủi cho thân phận của mình và biết sống hài lòng như ta vậy. Trong các bài giảng đạo của ta ít có gắn bó với tinh thần của giáo hội hơn là với Phúc âm, trong đó tín điều là giản dị và đạo đức là cao thượng, trong đó người ta ít thấy có thủ tục tôn giáo và rất nhiều công trình từ thiện. Trước khi dạy cho họ điều cần phải làm, ta luôn cố gắng thực hành điều đó nhằm làm cho họ thấy rõ được điều ta nói với họ là như thế. Nếu như có tín đồ đạo Tin lành ở vùng lân cận hoặc trong xứ đạo của ta, ta sẽ không hề phân biệt họ trong tất cả những gì gắn với lòng từ thiện Cơ đốc giáo với những giáo hữu thực sự của ta: ta khiến cho họ yêu mến lẫn nhau một cách hoàn toàn bình đẳng, khiến họ coi nhau như anh em, tôn trọng mọi tôn giáo và mọi người đều sống yên bình trong tôn giáo của mình. Ta nghĩ rằng khuyến khích ai đó rời bỏ tôn giáo mà người ấy đã sinh ra trong đó, tức là khuyến khích họ làm điều xấu xa và do đó, chính mình làm việc xấu xa. Trong khi chờ đợi chân lý lớn hơn, chúng ta hãy giữ gìn trật tự công cộng; ở tất cả các nước chúng ta hãy cùng tôn trọng pháp luật, chúng ta đừng làm đảo lộn việc thờ phụng mà các nước ấy đã quy định; chúng ta đừng làm cho công dân các nước đi đến chỗ không tuân thủ; bởi lẽ chúng ta không biết có chắc chắn rằng liệu có phải là tốt đẹp cho họ không khi từ bỏ chủ kiến của mình để theo chủ kiến của những người khác, và chúng ta lại biết rất chắc chắn rằng không tuân thủ luật lệ là một điều xấu xa.

Anh bạn trẻ của ta, ta vừa kể miệng cho con về bản tuyên tín của ta hệt như Chúa đã đọc được trong lòng ta: con là kẻ đầu tiên mà ta kể cho nghe; có

lẽ con là kẻ độc nhất mà ta sẽ có khi nào làm điều đó. Chừng nào còn có một số niềm tin tốt đẹp, trong mọi người, thì không được làm xáo động chút nào những tâm hồn yên tĩnh, đừng có làm cho đức tin của những con người giản dị phải lo sợ vì những khó khăn mà họ không sao giải quyết nổi, chúng quấy rối họ mà không làm cho họ hiểu thật sáng tỏ. Nhưng một khi tất cả đều bị rung chuyển, ta phải bảo vệ lấy thân cây dù thiệt hại cho các cành nhánh. Những ý thức bị dao động, bàng hoàng, hầu như tàn lụi, và trong trạng thái mà ta thấy ở con, đều cần được củng cố lại và phải được thức tỉnh; và để tái lập chúng trên cơ sở những chân lý vĩnh hằng, cần phải nhổ hết các cột trụ bập bênh mà các ý tưởng cứ tưởng rằng còn dựa trên đó được.

Con đang ở tuổi chuyển đổi cấp bách mà lúc này trí tuệ mở ra cho sự tin chắc, lúc mà tấm lòng định dạng được và định rõ tính cách, và đó là lúc mà con người ta định đoạt lấy mình cho suốt cuộc đời, hoặc là thiện, hoặc là ác. Rồi sau đó, chất liệu đã cứng rắn và dấu ấn mới không còn in lên được nữa. Chàng trai ạ, con hãy nhận lấy trong tâm hồn hãy còn mềm mỏng nhu thuận của mình, cái dấu ấn của chân lý. Nếu ta vững tin ở chính mình hơn, ta sẽ nói với con bằng một giọng điệu của giáo điều và dứt khoát: nhưng ta là con người, dốt nát, dễ bị sai lầm; ta có thể làm gì đây? Ta đã cởi mở trọn vẹn với con cả tấm lòng ta; điều gì mà ta tin chắc chắn, ta đã trao cho con nguyên vẹn như thế, ta đã trao cho con những mối nghi ngờ của ta để mà nghi ngờ, những băn khoăn của ta để mà băn khoăn; ta đã nói những lý lẽ của ta về nghi ngờ và tin tưởng. Bây giờ chính là tùy con phán đoán; con đã kéo dài thời gian; sự thận trọng này là khôn ngoan và làm cho ta nghĩ tốt về con, hãy bắt đầu bằng cách đặt ý thức của con vào trong trạng thái mong muốn được khai sáng. Hãy chân thành với chính mình. Con hãy nhận lấy những quan niệm nào của ta đã thuyết phục được con, còn lại những gì khác thì hãy bỏ qua đi. Con vẫn còn chưa bị sa ngã lắm bởi những thói xấu đến mức gây ra nguy cơ lựa chọn sai. Ta đề nghị con trao đổi giữa chúng ta với nhau về việc này; nhưng ngay khi mà người ta tranh luận thì người ta sẽ phát cáu lên, tính kiêu ngạo, tính ngoan cố lẫn vào trong đó, thế là thiện ý không còn ở đó nữa. Anh bạn ạ, đừng bao giờ tranh luận, bởi lẽ chẳng ai sáng tỏ thêm được bằng tranh luận cả bản thân mình lẫn những người kia. Với ta thì phải qua bao nhiêu năm suy ngẫm ta mới có được chủ kiến của mình: ta coi trọng điều đó, lý trí của ta bình thản, trái tim của ta hài lòng. Nếu ta muốn bắt đầu lại một cuộc xem xét mới về những quan niệm của mình, ta sẽ không đem vào đó được một tình yêu tinh khiết hơn đối với chân lý; và trí tuệ của ta đã kém linh hoạt sẽ ở vào tình trạng kém hơn để nhận ra được nó. Ta

vẫn sẽ cứ còn như ta đang tồn tại, chỉ sợ dần dần cái sở thích suy ngẫm thành ra một đam mê vô bổ phù phiếm khiến ta sao lãng việc thực hiện các bổn phận của mình, và chỉ sợ lại rơi vào nỗi hoài nghi đầu tiên của mình mà chẳng còn lấy lại nổi sức lực để thoát ra khỏi đó. Quá nửa đời người của ta đã trôi qua; ta chỉ còn đủ thì giờ cần thiết để sử dụng quãng đời còn lại sao cho có ích, và để dùng đức hạnh của mình mà xóa nhòa những lỗi lầm mình đã mắc. Nếu ta lầm thì đó là ta không cố ý muốn thế. Ai mà hiểu được thâm tâm ta thì biết rõ là ta không thích sự mù quáng của mình. Trong sự bất lực không thoát khỏi được bằng sự hiểu biết của chính mình, phương tiện độc nhất để ra khỏi đó là một cuộc sống tốt đẹp, và nếu chính là từ những tảng đá mà Chúa có thể khiến cho Abraham[248] có con thì mọi người đều có quyền hy vọng được dẫn vào chính đạo khi mà họ trở nên xứng đáng với nó.

Nếu những suy tưởng của ta dẫn con đến chỗ suy nghĩ giống như ta, mà những tình cảm của ta cũng là những tình cảm của con, và chúng ta lại có cùng một lời tuyên tín giống nhau, thì đây là lời khuyên ta đưa ra cho con: đừng có để cho cuộc sống của con bị lôi cuốn theo niềm đau khổ và tuyệt vọng; đừng có kéo lê cuộc sống ấy với nỗi nhục dưới quyền định đoạt của những kẻ xa lạ và đừng ăn cái bánh tồi tệ của sự bố thí. Con hãy quay về tổ quốc của mình, hãy lấy lại tôn giáo của các giáo sĩ của con, hãy theo tôn giáo ấy trong sự chân thành của lòng con, và đừng bỏ đạo ấy nữa: tôn giáo ấy rất giản dị và rất thánh thiện, ta cho rằng tôn giáo ấy là tôn giáo mà đạo đức thuần khiết nhất, mà lý trí được mãn nguyện nhất trong tất cả mọi tôn giáo đang tồn tại trên Trái đất. Còn về tiền chi tiêu dọc đường, xin đừng lo ngại gì, người ta sẽ chu cấp đủ cho chuyến đi này. Xin con đừng sợ gì nỗi hổ thẹn xấu xa của một cuộc hồi hương mất thể diện; phải biết đỏ mặt vì đã làm nên lầm lỗi và không việc gì phải đỏ mặt vì sửa chữa lỗi lầm ấy. Con hãy còn ở độ tuổi mà mọi cái đều được dung thứ nhưng ở tuổi này không còn là phạm tội mà không bị trừng phạt. Khi con muốn nghe theo tiếng nói của lương tâm mình thì mọi trở ngại hão huyền đều sẽ biến mất vì tiếng nói ấy. Con sẽ cảm nhận được rằng trong cái trạng thái bấp bênh mà chúng ta lâm vào thì việc công khai tuyên bố theo một tôn giáo khác với tôn giáo mà người ta đã sinh ra ở đó chính là một thói tự phụ không thể tha thứ được, và không thực hiện một

---

[248] Abraham: nhân vật trong Kinh Thánh, nổi tiếng vâng lời Chúa trời nên nhiều lần được người ban phúc, mà một trong số đó là làm cho vợ chồng Abraham sinh được con trai Isaac khi tuổi đã già.

cách chân thành tôn giáo mà mình chủ trương thì chính là sự giả dối. Nếu như ta lầm lạc, ta tự tước mất sự đại xá ở tòa án của người phán xét tối cao. Người sẽ chẳng tha thứ sự sai lầm mà ta được nuôi dưỡng trong đó hơn là sai lầm mà ta cả gan tự mình lựa chọn lấy đó sao?

Con ta hỡi, hãy giữ cho tâm hồn con ở trong trạng thái luôn luôn mong muốn có một Đức Chúa ngự trong đó và con hãy đừng có bao giờ nghi ngại gì về điều đó. Và chăng dù con có thể theo phái nào đó, thì con hãy nghĩ rằng những bổn phận thật sự của tôn giáo là độc lập với các định chế của con người; hãy nghĩ rằng một trái tim chính đáng là ngôi đền thực sự của Chúa trời; hãy nghĩ rằng ở mọi xứ sở và mọi giáo phái, thì yêu Chúa là trên hết và yêu người gần ta như yêu chính mình là khái lược của quy luật, hãy nghĩ rằng không tôn giáo nào lại miễn trừ các nghĩa vụ của đạo đức; hãy nghĩ rằng không có gì là thực sự cốt yếu cho bằng những điều ấy; hãy nghĩ rằng sự phụng thờ trong nội tâm là đứng đầu các nghĩa vụ đó, hãy nghĩ rằng nếu không có đức tin thì không tồn tại một đức độ chân chính nào hết.

Con hãy tránh xa những kẻ nào lấy cớ giảng giải về tự nhiên để gieo rắc vào lòng mọi người những chủ thuyết gây phiền muộn cho con người, mà sự hoài nghi hiển nhiên là còn quả quyết hơn, và giáo điều hơn hàng trăm lần so với cái giọng dứt khoát của các đối thủ của họ. Với lý do cao ngạo rằng chỉ riêng bọn họ mới là hiểu biết, mới là chân chính, mới là thiện ý, họ hống hách bắt chúng ta phải theo những quyết định quả quyết của họ, có ý đòi chúng ta phải coi các hệ thống tối nghĩa mà họ xây dựng nên trong tưởng tượng như là những nguyên phát chân chính của sự vật. Còn lại thì họ lật nhào, tiêu hủy, dày xéo dưới chân tất cả mọi điều mà mọi người tôn trọng, họ tước bỏ của những người khốn khổ niềm an ủi cuối cùng cho niềm đau của người ta, và tước bỏ cả sự kiềm chế độc nhất đối với dục vọng của những kẻ quyền thế và những kẻ giàu có, họ dứt bỏ tận sâu thẳm trong lòng mọi người sự ăn năn trước tội lỗi, niềm hy vọng trở về đức hạnh, và vẫn cứ khoác lác rằng mình là những ân nhân của loài người. Họ nói rằng chân lý không bao giờ có hại cho mọi người. Ta cũng tin điều đó như họ, và theo ý kiến ta thì đó chính là chứng cứ lớn lao về điều mà họ giảng không phải là chân lý[249].

---

[249] Hai bên đã bài xích lẫn nhau bằng biết bao điều ngụy biện thành thử nếu muốn nêu lên tất cả những điều đó thì sẽ là một công việc mênh mông và táo bạo; ghi lại vài điều theo chừng mực chúng xuất hiện đã là rất nhiều rồi. Một trong những cái quen thuộc nhất ở phái triết gia là đem đối lập một đám giả định là

gồm các triết gia tốt với một đám tín đồ Cơ đốc xấu xa: cứ làm như là đám triết gia thực sự dễ dàng tạo lập hơn là một đám giáo hữu Cơ đốc chân chính! Tôi không rõ liệu giữa các cá nhân lại có người này thì dễ tìm ra hơn người kia không; nhưng tôi biết chắc rằng ngay từ khi đã là vấn đề của đám đông thì phải coi như họ sẽ lạm dụng triết học mà không kể đến tôn giáo, cũng như dân chúng lạm dụng tôn giáo mà không kể đến triết học; và điều đó tôi xem như là làm thay đổi rất nhiều thực trạng của vấn đề.

Bayle đã chứng minh rất rõ rằng sự cuồng tín thì ác hại hơn thói vô thần, và điều đó là không thể chối cãi được; nhưng điều ông chẳng muốn nói ra và cũng chẳng kém phần chân thật, chính là thói cuồng tín dù có khát máu và độc ác, vẫn cứ là một đam mê lớn lao và mạnh mẽ, nó vực dậy lòng người, làm cho người ta khinh thường cái chết, tạo ra cho con người một sức bật phi thường, và chỉ cần phải điều khiển khéo léo hơn để rút ra từ đó những đức hạnh thanh cao nhất: còn thì ở thói vô thần, và nói chung là tinh thần hay lý sự và hay triết lý, gắn bó với cuộc sống, làm mềm yếu, làm hèn hạ tâm hồn mọi người, tập hợp mọi đam mê vào sự thấp hèn của lợi ích riêng, vào sự ti tiện của bản ngã con người, và như thế là ngấm ngầm làm xói mòn những nền tảng chân chính của toàn xã hội; bởi vì nét chung của các lợi ích riêng tư thì chẳng có gì mấy, không sao cân bằng được với những cái chống đối với chúng.

Nếu thói vô thần không làm đổ máu của mọi người, thì vì yêu hòa bình ít hơn là vì thờ ơ với cái thiện: cứ như là mọi việc cứ diễn ra, chẳng can hệ mấy đến vị tự nhận là hiền triết, miễn sao ông ta cứ yên ổn trong phòng làm việc của mình. Những nguyên tắc của ông ta không gây ra chết người nhưng chúng cản trở mọi người sinh ra bằng cách hủy diệt các phong tục khiến con người sinh sôi, bằng cách tách họ ra khỏi giống loài của mình, quy rút tất cả mọi cảm tình của họ vào một sự ích kỷ thầm kín, cũng gây tác hại cho dân chúng như là cho đức hạnh. Sự thờ ơ về triết học giống như sự lặng thinh của nhà nước đối với sự chuyên chế; đó là sự lặng thinh của cái chết: nó còn có tác dụng hủy diệt nhiều hơn cả chiến tranh.

Cho nên thói cuồng tín, cho dù là tác hại trong các ảnh hưởng tức thời nhiều hơn cái mà ngày nay người ta gọi là đầu óc triết lý, lại tác hại ít hơn trong rất nhiều trong các hậu quả của nó. Và chăng thật là dễ dàng gieo rắc các châm ngôn đẹp đẽ trong các sách vở; nhưng vấn đề là ở chỗ phải biết rằng liệu những châm ngôn ấy có được rút ra một cách tất yếu từ đó không; và chính là điều mà cho đến tận bây giờ có vẻ vẫn còn chưa sáng tỏ. Vẫn còn phải biết rằng liệu triết học, với sự thuận lợi và ở trên thế thượng phong, có chế ngự được thói tự kiêu vặt, sự hám lợi, sự tham vọng, những đam mê nhỏ nhen của con người không, và liệu triết học có thực hiện được cái lòng nhân đạo thật là dịu ngọt ấy như là nó vung tay phóng bút khoác lác với chúng ta không.

Thông qua các nguyên tắc, triết học không thể làm được một điều thiện nào mà tôn giáo thì lại còn làm được điều đó tốt hơn, và tôn giáo lại làm được điều đó nhiều hơn so với triết học chẳng làm được gì.

Thông qua thực tiễn, đấy lại là một việc khác; nhưng vẫn còn phải xem xét kỹ. Chẳng có ai theo hoàn toàn tất cả mọi quan điểm trong tôn giáo của mình khi người ta có một tôn giáo: đấy là sự thực; phần lớn ít có tôn giáo, và chẳng theo đuổi gì hết tôn giáo mà họ có: đấy cũng lại là sự thật; nhưng rốt cuộc một vài người nào đó có được một tôn giáo thì theo nó ít ra là được một phần nào; và chắc chắn rằng các lý do tôn giáo thường ngăn chặn họ làm điều xấu, và khiến họ có đức hạnh, những hành động đáng biểu dương là những cái không thể có được nếu không có các lý do tôn giáo đó.

Sao mà có được một tu sĩ lại chối một món đồ giữ hộ, họa chăng trừ phi có một kẻ ngu ngốc đã phó thác nó cho ông ta? Nếu như Pascal đã có lần chối việc này, thì điều đó chứng tỏ rằng Pascal là một kẻ đạo đức giả không hơn không kém. Nhưng đây lại là một tu sĩ! Vậy những kẻ làm ăn bất chính về tôn giáo có phải là những người có tôn giáo hay không? Mọi tội lỗi xảy ra trong giới tu sĩ cũng giống ở những nơi khác, không hề chứng tỏ rằng tôn giáo là vô ích, mà chứng tỏ rằng quá ít người có tín tâm.

Những chính quyền hiện đại của chúng ta mắc nợ Cơ đốc giáo một cách không sao chối cãi được về việc họ có uy quyền vững chắc hơn và các cuộc cách mạng bớt thường xuyên hơn; Cơ đốc giáo đã khiến bản thân họ trở nên bớt khát máu hơn; điều đó được chứng minh bằng sự thực khi đem so sánh với các chính quyền thời cổ. Tôn giáo được biết đến nhiều hơn, vì tránh được thói cuồng tín nên đã làm cho các phong tục Cơ đốc giáo mềm mỏng hơn. Sự thay đổi này không phải là kết quả của văn chương; bởi vì ở mọi nơi, mà văn chương từng chói lọi thì loài người đã chẳng vì thế mà được tôn trọng hơn; những thói độc ác của người Athènes, của người Ai Cập, của các vua chúa thành Rome, của người Trung Hoa chứng tỏ điều đó. Có biết bao việc của lòng khoan dung là công trình của Phúc âm! Có biết bao sự đền bù, sửa lỗi, mà việc xưng tội lại chẳng khiến cho các giáo hữu Cơ đốc giáo thực hiện! Ở xứ ta, gần đến các thời kỳ làm lễ ban thánh thể diễn ra biết bao cuộc hòa giải và các cuộc phát chẩn bố thí! Kỳ khánh hạ 50 năm một lần của người Hébreu Do thái cổ làm cho những kẻ chiếm ngôi bớt ham hố biết bao! Có biết bao sự cùng khổ đã được ngăn chặn! Lòng bác ái theo luật định đã đoàn kết cả một quốc gia: không ai thấy có một người ăn mày nào ở nước họ. Người ta cũng không hề thấy ăn mày ở Thổ Nhĩ Kỳ, là nơi các tổ chức kính tín là nhiều vô kể; họ đều hiếu khách theo nguyên lý của tôn giáo, ngay cả đối với những đối thủ của tín ngưỡng của họ.

Theo Chardin thì "những người Hồi giáo nói rằng sau cuộc kiểm tra tiếp theo cuộc phục sinh nhân loại sau ngày mạt kiếp, mọi thân xác sẽ phải đi qua một

Chàng trai tốt bụng của ta, con hãy thành khẩn và chân thật, đừng có kiêu ngạo; con hãy biết cách tỏ ra dốt nát: con sẽ không lừa dối cả bản thân mình lẫn những người khác. Nếu có khi nào các tài năng được trau đồi của con khiến con có khả năng nói với người khác, thì con hãy chỉ nói với họ theo lương tâm của con, đừng ngại liệu họ có tán thưởng con hay không. Sự lạm dụng hiểu biết đẻ ra niềm hoài nghi. Mọi nhà bác học đều xem khinh ý tưởng

---

chiếc cầu gọi là *Poul-Serrho* được bắc qua ngọn lửa vĩnh cửu, chiếc cầu mà người ta có thể gọi là cuộc thử thách thứ ba và cuối cùng và là cuộc phán xét thực sự cuối cùng, bởi vì chính là ở đó mà người ta tách riêng những người tốt ra khỏi những kẻ ác v.v..."

Chardin nói tiếp rằng "những người Ba Tư rất mê tín cái cầu này và khi có ai đó phải chịu đựng sự đối xử bất công mà anh ta không thể nào khắc phục nổi bằng bất kỳ con đường nào và ở bất kỳ thời gian nào, niềm an ủi cuối cùng của anh ta chỉ là nói rằng: *"Này! Nhờ trời cho sống, ngươi sẽ phải đền bù cho ta gấp bội về việc này vào ngày cuối đời; ngươi sẽ không đi qua được cây cầu Poul- Serrho nếu ngươi không làm ta hả giận trước đó! Ta sẽ túm lấy tà áo của mi và lăn xả vào chân mi"*. Tôi đã thấy vô số người danh cao vọng trọng, và thuộc đủ mọi nghề, vì sợ rằng người ta phản đối kịch liệt như thế với mình khi đi qua cây cầu đáng sợ đó nên đã van xin những người từng phàn nàn về họ trước đây để được tha thứ: điều đó đã xảy ra với chính tôi đến hàng trăm lần. Bọn thân sĩ đã từng quấy rầy khiến tôi phải làm những việc khác với điều mà tôi hằng mong muốn, sau một khoảng thời gian cho rằng tôi đã nguôi nỗi phiền muộn, liền lân la đến bên tôi mà nói rằng: *"Tôi cầu xin anh đấy, halal be con antehifra"*, nghĩa là *anh hãy vì tôi mà coi vụ việc ấy là hợp pháp hay là công bằng*. Thậm chí một vài người lại còn đem cho tôi quà cáp và giúp đỡ việc này việc nọ, nhằm làm cho tôi tha thứ cho họ đồng thời, tuyên bố rằng tôi vui lòng làm việc ấy: chẳng có nguyên nhân nào ngoài lòng tin rằng người ta không qua được cái cầu của địa ngục nếu chưa dâng bài thơ tứ tuyệt cuối cùng cho kẻ đã bị người ta đàn áp khi xưa." (Tập VII, trang 50).

Liệu tôi có tin được rằng ý tưởng về cây cầu sửa lại được biết bao nhiêu bất công mà không bao giờ phòng ngừa được bất công chăng? Liệu rằng nếu xóa bỏ được ý tưởng này của người Ba Tư bằng cách thuyết phục họ rằng chẳng làm gì ra cả cái cầu *Poul- Serriho* lẫn một cái gì tương tự, nơi mà những người bị áp bức được trả thù các bạo chúa của họ sau cái chết thì có phải là điều đó làm cho bọn bạo chúa này thật khoái trá, và trút nhẹ cho họ niềm băn khoăn phải xoa dịu những con người đau khổ ấy không? Vậy thật là sai lầm nếu coi cái chủ thuyết này không hề có hại gì, vậy đó sẽ không phải là điều có thực.

Hỡi triết gia, các luật đạo đức của người thật là quá đẹp đẽ, nhưng hãy làm ơn chỉ cho ta sự thừa nhận các luật này. Hãy thôi đừng nói bậy một lát đi, và hãy nói rõ ràng cho ta hay người đem cái gì thay chỗ cho cái cầu *Poul Serrho*.

thông thường mà ai cũng muốn có một cho mình. Cái thứ triết học kiêu ngạo dẫn đến thói cuồng tín. Con hãy tránh các thái cực ấy, con cứ luôn luôn vững vàng trên con đường của chân lý, hoặc là về điều gì mà con thấy là như vậy trong cái giản dị của trái tim con, đừng bao giờ con quay lưng lại với chân lý do sự khoe khoang hay do sự yếu đuối. Con hãy cả gan công bố về Chúa ở nhà các triết gia; hãy cả gan giảng giải về lòng nhân ái cho những người cố chấp. Con có thể sẽ cô đơn trong giáo phái của mình, nhưng con mang trong chính mình một bằng chứng để con được miễn trừ khỏi các bằng chứng của con người. Dù rằng họ có yêu hay ghét con, dù họ có đọc hay coi khinh những bài viết của con thì con cũng chẳng coi vào đâu. Con hãy nói cái gì là đúng với sự thật, hãy làm việc gì là tốt; điều quan trọng là hoàn tất các bổn phận của mình trên Trái đất này; và chính là bằng cách quên mình đi mà người ta làm cho mình. Con ta hỡi, lợi ích riêng tư lừa dối chúng ta, chỉ có niềm hy vọng của người công minh là không hề lừa dối chút nào.

Tôi đã chép lại những dòng này không phải coi như một quy tắc cho các ý tưởng mà người ta phải theo đuổi trong lĩnh vực tôn giáo, mà như là một ví dụ về cái cách mà người ta có thể biện giải cùng học trò của mình, để sao cho đừng có xa rời cái phương pháp mà tôi đã cố gắng thiết lập nên. Chừng nào mà người ta không coi ra gì quyền lực của con người, cũng như không coi ra gì các thành kiến của xứ sở nơi người ta đã sinh ra, thì những tia sáng độc nhất của lẽ phải trong thiết chế của tự nhiên, không thể dắt dẫn chúng ta đi xa hơn tôn giáo tự nhiên và chính chỗ đó là nơi mà tôi tự hạn chế mình cùng với Émile của tôi. Nếu như phải có một tôn giáo khác, tôi không còn cái quyền làm người hướng dẫn cho cậu ta về chuyện ấy; chính là tự cậu phải chọn lấy cho mình.

Chúng tôi làm việc hòa hợp với tự nhiên, và trong khi tự nhiên hình thành nên con người thể xác, chúng tôi có nhiệm vụ hình thành nên con người tinh thần, nhưng những thành công của chúng tôi không phải đều như nhau. Thân xác thì đã lớn mạnh, nhưng tâm hồn thì còn trẻ nài và yếu ớt; và cho dù nghệ thuật của con người có thể làm gì chăng nữa thì khí chất luôn luôn đi trước lý trí. Chính là phải kiềm chế một thứ này và phải kích thích thứ kia mà cho đến tận bây giờ chúng ta vẫn đã từng tiến hành mọi sự chăm sóc của chúng ta nhằm làm cho con người luôn luôn thuần nhất, càng nhiều càng tốt. Bằng cách phát triển cái tự nhiên chúng ta đã lừa phỉnh tính nhạy cảm bẩm sinh; chúng ta đã điều chỉnh nó trong khi trau dồi lý trí. Những đối tượng có tính chất trí tuệ làm dịu bớt ấn tượng về các đối tượng nhạy cảm. Trong khi đi ngược lên tới nguyên khởi của các sự vật, chúng ta đã khiến nó tránh khỏi thế

lực chi phối của các giác quan; thật đơn giản là từ việc nghiên cứu tự nhiên mà nâng mình lên việc tìm ra tác giả của nó.

Khi chúng ta đã đến được đó trong thì có biết bao nhiêu là biện pháp mới để tác động lên học trò của mình, có biết bao cách mới lạ để nói với trái tim nó! Chính là chỉ đến lúc đó anh ta mới thấy rõ lợi ích chân chính của mình để trở thành người tốt, để làm điều thiện không cần ai biết đến, và không phải là bị bó buộc làm như thế do luật pháp để sống đúng đắn giữa bản thân mình với Chúa, để hoàn thành bổn phận của mình, ngay cả khi có hại cho sinh mệnh của mình, và để mang trong lòng mình đức hạnh, không chỉ là vì lòng yêu mến trật tự, ở đó ai cũng luôn dành ưu tiên cho lòng ái kỷ mà là vì tình yêu đối với người tạo tác ra bản thể của mình, một tình yêu trùng với chính cái lòng ái kỷ ấy, để cuối cùng thụ hưởng được hạnh phúc dài lâu mà sự an bằng của một lương tâm tốt đẹp và sự ngắm nguyện bản thể tối thượng ấy hứa hẹn cho anh ta ở một cuộc sống khác, sau khi đã sử dụng đúng đắn cuộc sống này. Hãy ra khỏi đó, ta chỉ con thấy toàn là bất công, là đạo đức giả và lừa dối giữa con người với nhau. Lợi ích riêng tư trong cuộc cạnh tranh tất nhiên là thắng mọi điều khác dạy cho mỗi người tô điểm thói xấu bằng cái mặt nạ đức hạnh. Sao cho mọi người khác làm ra của cải cho mình nhờ vào sự tổn hại của cải của họ, sao cho mọi người phụ thuộc vào riêng một mình thôi; sao cho cả loài người chết hết đi trong cực nhọc và trong khốn cùng nếu cần phải như thế để bớt đi cho mình một chút đau đớn hay đói khát: Đấy là tiếng nói nội tâm của tất cả mọi kẻ vô tín ngưỡng đang lý sự. Vâng, tôi sẽ bảo vệ điều đó suốt đời mình, ai mà đã nói với lòng mình rằng làm gì có Chúa, và nói ra lại khác hẳn, thì đó chỉ là một kẻ dối trá hoặc một kẻ mất trí.

Thưa độc giả, tôi thật uổng công, tôi cảm thấy rất rõ rằng quý vị và tôi sẽ không bao giờ nhận ra Émile của tôi dưới cùng những nét như nhau; quý vị luôn luôn hình dung nó giống với các anh chàng thanh niên của quý vị, luôn luôn là dại dột, hăng hái, thất thường, lang thang từ đám hội này sang đám hội khác, từ cuộc vui chơi này sang cuộc vui chơi khác mà chẳng bao giờ có thể trụ lại ở một việc gì được. Quý vị sẽ cười nhạo vì thấy tôi tạo ra một con người trầm mặc, một thiếu niên nhiệt tình, hoạt bát, hăng hái, đầy nhiệt huyết trong độ tuổi sôi nổi nhất của đời người. Quý vị sẽ bảo rằng: con người mơ mộng này luôn luôn theo đuổi ảo tưởng của mình, bằng cách đưa ra cho chúng ta một người học trò theo cách của ông ta, ông ta không chỉ đào tạo ra được anh ta mà ông ta sáng tạo ra anh ta, ông lôi anh ta ra từ bộ não của mình và cứ cho là luôn luôn theo sát tự nhiên nhưng ông ta mỗi lúc một xa rời tự nhiên. Còn tôi, khi so

sánh học trò của mình với học trò của quý vị, tôi khó mà tìm ra được cái chung mà chúng có thể có. Được nuôi dưỡng khác nhau đến thế mà nếu anh ta lại có vài điều giống họ thì gần như chuyện thần kỳ. Vì suốt thời thơ ấu của anh ta đã trôi qua trong tự do trọn vẹn mà học trò của quý vị có ở thời thanh niên, nên đến tuổi thanh niên anh ta mới bắt đầu phải theo quy tắc mà người ta đã áp đặt cho học trò các vị khi là con trẻ: quy tắc này trở thành cái tai họa cho chúng, chúng coi đó là điều khủng khiếp, chúng chỉ thấy đó là sự chuyên chế lâu dài của các thầy giáo, chúng tin rằng chỉ thoát ra khỏi thời thơ ấu được bằng cách trút bỏ mọi loại áp bức[250], lúc đó chúng tự đền bù cho mình về sự câu thúc lâu ngày mà người ta áp đặt cho chúng, giống như một tù nhân được trút bỏ xiềng xích, vươn dài ra, vùng vẫy và làm cho chân tay bớt mỏi.

Trái lại, Émile lấy làm vinh dự được trở thành người đàn ông, và tuân thủ sự khống chế của lý trí đang nảy sinh; thân thể cậu đã được hình thành, không còn cần đến những cử động cùng một loại, và bắt đầu tự nó chững lại, trong khi đầu óc cậu đã phát triển nửa chừng, đến lượt nó tìm cách vượt lên. Thế là tuổi của lý trí đối với những người này thì chỉ là tuổi phóng túng; còn đối với người kia nó trở thành tuổi của lý luận.

Về chuyện ấy thì quý vị có muốn biết rằng bọn chúng hay cậu ta ai thấy dễ chịu hơn trong trật tự của tự nhiên không? Hãy xét kỹ sự khác biệt trong những người đang sống ít nhiều xa cách với nó: hãy quan sát các thanh niên trong số dân quê và hãy xem xem có phải là họ cũng hăng say như những người của quý vị không. Ông Le Beau nói[251]: "Suốt thời thơ ấu của những người hoang dã, người ta thấy chúng luôn luôn hoạt động, và không ngừng tham gia vào các trò chơi khác nhau làm cho thân thể chúng hoạt động, nhưng chúng vừa mới tới tuổi vị thành niên thì chúng đã trở nên tĩnh lặng, mơ mộng; chúng gần như chỉ còn tham gia vào những trò chơi đứng đắn hoặc là ngẫu nhiên gặp phải". Émile, vì được nuôi dưỡng trong tự do trọn vẹn của những người thanh niên nông dân và thanh niên hoang dã, phải thay đổi và chững lại như họ khi lớn lên. Tất cả sự khác biệt là ở chỗ thay vì chỉ hành động để mà

---

[250] Không ai xem thường tuổi thơ ấu bằng những người vừa ra khỏi đó, cũng giống như không có nước nào lại bảo vệ các đẳng cấp cẩn thận hơn những nước có sự bất bình đẳng không lớn lắm, và ở đó ai cũng luôn luôn sợ bị hòa đồng với người dưới của họ.

[251] Những cuộc phiêu lưu của ông C. Le Beau, luật sư của nghị viện. Tập II, trang 70.

chơi bời hay để nuôi sống mình, thì trong các công việc của mình cậu đã học được phải suy nghĩ. Đạt tới mức này bằng con đường ấy, cậu hoàn toàn sẵn sàng tiếp nhận điều mà tôi đề ra cho cậu: những đề tài suy nghĩ mà tôi giới thiệu với cậu khêu gợi trí tò mò của cậu, vì chúng tự nó đã rất đẹp đẽ; vì chúng hoàn toàn mới mẻ đối với cậu và vì cậu có khả năng hiểu được chúng. Trái lại, bị phiền muộn, bị mệt nhoài về những bài học nhạt nhẽo của quý vị, về những bài đạo đức dài lê thê của quý vị, về những bài giảng triền miên về giáo lý Cơ đốc của quý vị, thì làm sao mà các chàng thanh niên của quý vị lại không khước từ việc sử dụng trí tuệ vốn đã bị người ta làm cho trở nên buồn chán, lại không khước từ những giới luật nặng nề mà người ta dồn dập đưa ra không ngơi nghỉ, lại không khước từ suy ngẫm về người tạo tác nên sinh thể của chúng, mà đã bị người ta làm cho trở thành kẻ thù của những khoái lạc của chúng? Với tất cả những thứ đó, chúng chỉ cảm thấy ghét, chán, phiền; sự ép uổng đã khiến chúng cự tuyệt những điều đó: từ nay khi chúng bắt đầu tự quyết định, thì có cách nào để chúng đi vào những việc đó? Chúng cần phải có cái mới để làm cho chúng thích thú, chúng chẳng còn cần gì hết đến điều mà người ta nói với con trẻ. Đối với học trò của tôi cũng thế; khi cậu ta trở thành người lớn, tôi nói với cậu như nói với một người lớn, và chỉ nói với cậu những sự việc mới mẻ; chính vì những sự việc ấy làm cho những kẻ khác chán ngán nên cậu ta ắt thấy hứng thú.

Đấy là tôi đã làm thế nào để cậu tận dụng được thời gian gấp đôi bằng cách làm chậm lại sự tiến triển của tự nhiên vì lợi ích của lý trí. Nhưng có thật sự là tôi đã làm chậm lại sự tiến triển này không? Không; tôi chỉ làm cản trở sự tưởng tượng có tác dụng thúc đẩy sự tiến triển đó nhanh hơn mà thôi; tôi lấy những bài học thuộc một loại khác đem cân bằng với những bài học sớm mà chàng trai thu nhận được ở ngoài: Trong khi dòng thác các thiết chế của chúng ta dắt dẫn cậu ta đi, thì việc thu hút cậu ta về hướng ngược lại bằng những thiết chế khác không phải là xô đẩy cậu ta ra khỏi vị trí của mình mà chính là giữ vững cho cậu ta ở yên đó.

Cuối cùng thì thời điểm thích hợp của tự nhiên cũng đến, nó phải đến. Chính bởi con người phải chết mà con người phải sinh sôi ra, để cho giống loài trường tồn và trật tự của thế giới được bảo tồn. Khi bằng các dấu hiệu mà tôi đã kể ra, bạn cảm thấy như sẽ xảy ra thời điểm đột biến, ngay lập tức bạn hãy vĩnh viễn từ bỏ cái giọng điệu cũ của mình khi nói với cậu ta. Cậu ta vẫn còn là đệ tử của bạn, nhưng không còn là học trò của bạn nữa. Đó là người bạn của bạn, đó là một người lớn, từ nay trở đi hãy đối xử với cậu ta như thế.

Sao! Phải từ bỏ quyền uy của tôi vào lúc mà nó cần cho tôi nhất ư? Phải bỏ mặc con người vừa trưởng thành cho chính anh ta trong lúc anh ta ít biết xử sự nhất, khi mà anh ta có những lầm lạc lớn nhất ư? Phải từ bỏ các quyền của tôi khi việc tôi sử dụng các quyền ấy là điều cần thiết nhất đối với anh ta ư? Các quyền của bạn! Ai bảo là bạn từ bỏ nó? Mãi tận bây giờ chúng mới bắt đầu phát huy cho cậu ta. Cho đến tận bây giờ cái gì bạn cũng chỉ đạt được bằng sức mạnh và bằng mưu mẹo; uy tín, cái luật của nghĩa vụ đối với cậu ta còn là xa lạ; đã từng phải ép buộc hoặc lừa dối để cậu ta vâng lời bạn. Nhưng bạn hãy xem có biết bao nhiêu mối dây nhợ mới mẻ mà bạn đã quấn xung quanh trái tim cậu ta. Lẽ phải, tình bạn, lòng biết ơn, hàng ngàn cảm xúc nói với cậu ta bằng một giọng điệu mà cậu ta không thể không nhận ra. Thói tật xấu vẫn còn chưa kịp làm cậu ta điếc trước tiếng nói của chúng. Cậu vẫn còn chỉ nhạy cảm với các đam mê tự nhiên. Đam mê đầu tiên trong mọi đam mê, đó là lòng ái kỷ, dành cậu ta cho bạn; thói quen lại dành cậu ta cho bạn thêm một lần nữa. Nếu sự cuồng nhiệt nhất thời có tách cậu ra khỏi bạn, thì lập tức sự tiếc nuối lại đem cậu trở về với bạn ngay; cái tình cảm gắn kết cậu ta vào bạn là tình cảm thường trực độc nhất; còn mọi cái khác đều qua đi và xóa nhòa lẫn nhau. Đừng có để cho cậu ta bị biến chất thì cậu ta sẽ luôn luôn dễ khiến, cậu ta chỉ bắt đầu trở nên bất trị khi đã bị hư hỏng đi.

Tôi hoàn toàn thừa nhận rằng nếu có khi chạm trán với những dục vọng chớm nở của cậu ta, quý vị lại đi xem một cách ngu ngốc những nhu cầu mới mẻ đang làm cho cậu ta cảm nhận được ở mình như là những tội lỗi thì quý vị sẽ không được nghe theo lâu dài; nhưng ngay khi quý vị từ bỏ phương pháp của tôi, thì tôi không đảm bảo điều gì với quý vị nữa. Xin hãy luôn luôn nghĩ rằng quý vị là trợ thủ của tự nhiên; và trong chuyện này không bao giờ quý vị được là kẻ thù của tự nhiên.

Nhưng đứng về phía nào đây? Ta chỉ còn ở đây một thế đôi ngả là thuận tình với các khuynh hướng của cậu ta hay chống lại chúng, làm tên bạo chúa của cậu ta hay làm kẻ đồng lõa; và cả hai đều có những hậu quả quá nguy hiểm, thành thử phải cân nhắc rất nhiều để mà lựa chọn.

Cách thứ nhất giúp cho giải quyết được khó khăn này là cưới vợ cho cậu ta thật nhanh; đó là một cách xoay sở không thể chối cãi được, là cách chắc chắn nhất và hợp tự nhiên nhất. Thế mà tôi ngờ rằng cách này không phải là tốt nhất, cũng không phải có ích lợi nhất. Tôi sẽ nói những lý lẽ của tôi ở phần sau; trong khi chờ đợi tôi tán thành cần phải cưới vợ cho các chàng trai ở tuổi

hôn nhân. Nhưng đối với chúng, độ tuổi này đến trước cả thời gian; chính là chúng ta đã làm cho nó đến sớm; ta phải kéo dài nó cho đến lúc trưởng thành.

Nếu lại chỉ cần phải nghe theo các khuynh hướng và theo các hướng dẫn, điều đó sẽ sớm hoàn tất: nhưng lại chứa đựng bao nhiêu là mâu thuẫn giữa các luật tự nhiên và các luật lệ xã hội của chúng ta, mà để dung hòa chúng phải bóp méo hoặc tránh né không ngừng: phải dùng đến quá nhiều nghệ thuật để ngăn chặn con người xã hội trở nên hoàn toàn giả tạo.

Theo những lý lẽ đã được trình bày ở trên, tôi hy vọng rằng, bằng các cách mà tôi đã đưa ra và các cách khác tương tự, ta có thể kéo đến tận hai mươi tuổi tình trạng không biết đến các dục vọng và tình trạng thuần khiết của các giác quan, điều đó là quá đúng, cho nên, ở người Đức, một thanh niên mất sự trong trắng trước tuổi ấy bị phi báng: và các tác giả có lý khi cho rằng sự tiết dục của các dân tộc này suốt thời thanh niên đưa tới sự rắn rỏi thể trạng và sự đông con.

Người ta cũng có thể kéo dài thời kỳ này ra nhiều, và có ít thế kỷ mà không có gì thông thường hơn chuyện đó ngay tại nước Pháp. Trong số các tấm gương đã biết, ông bố của Montaigne, một người đàn ông không kém thận trọng và thực thà cũng như mạnh khỏe và có thể trạng tốt, đã nguyện sẽ cưới vợ vào tuổi ba mươi mà còn trong trắng, sau khi đã phục vụ lâu dài trong các cuộc chiến tranh ở Ý; và ta có thể thấy trong các sách của người con trai ông biết bao là sức sống mãnh liệt và biết bao niềm vui mà người cha còn bảo tồn được cho đến tận sáu mươi tuổi. Chắc là dư luận phản bác căn cứ nhiều vào các tập tục của chúng ta và các thiên kiến của chúng ta hơn là vào sự hiểu biết về giống loài nói chung.

Vậy thì tôi có thể để sang một bên tấm gương thanh niên của chúng ta vì nó không chứng minh được gì hết cho kẻ nào không được giáo dục như họ. Đương thế thì coi như tự nhiên không hề có thời hạn cố định mà người ta không thể đẩy nhanh lên hay trì hoãn lại, tôi cho rằng có thể, không ra khỏi quy luật tự nhiên mà giả định rằng Émile cho đến nay nhờ những chăm sóc của tôi mà còn giữ được sự thơ ngây nguyên thủy của mình, và tôi thấy cái thời kỳ sung sướng ấy đã sẵn sàng để kết thúc. Bị bao vây bởi những nguy cơ ngày càng tăng, cậu ta sắp thoát khỏi tôi ngay từ cơ hội đầu tiên dù tôi có làm gì đi nữa, và cái cơ hội này chẳng phải xuất hiện muộn màng gì; cậu ta sắp theo cái bản năng mù quáng của nhục cảm, có tới một ngàn cược một là cậu ta sắp sa đoạ. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về các phong tục của con người nên nhìn thấy

ảnh hưởng bất khả kháng của thời điểm đầu tiên này lên toàn bộ cuộc đời của cậu. Nếu tôi che giấu hoặc giả vờ rằng tôi không thấy gì thì cậu dựa thế sự đớn hèn của tôi, tưởng rằng lừa được tôi, cậu ta xem thường tôi, và tôi tiếp tay cho sự trụy lạc của cậu ta. Nếu tôi có cố dẫn dắt cậu cũng không còn kịp nữa, cậu không còn nghe lời tôi nữa; đối với cậu ta tôi trở nên khó chịu, bỉ ổi, không sao chịu đựng nổi, cậu ta sẽ chẳng còn chậm trễ gì mà không loại bỏ tôi. Vậy thì tôi chỉ còn có một bề hợp lý mà chọn, đó là làm cho cậu ta phải chịu trách nhiệm về các hành động của mình với chính bản thân mình, để tránh cho cậu ít ra là khỏi phải bất ngờ về các sai lầm của mình, và để phơi bày thực với cậu ta những hiểm họa đang bao vây cậu ta. Trước đến nay tôi giữ cậu lại bằng sự thiếu hiểu biết của cậu, còn bây giờ tôi phải dùng sự hiểu biết mới giữ chân cậu được.

Những chỉ dẫn mới này là quan trọng, và nên xem xét lại các sự việc ở tầm cao hơn. Đây là lúc, có thể nói là phải thuyết minh với cậu ta; chỉ cho cậu ta biết cách dùng thời gian của mình và của tôi, nói với cậu rằng cậu ta là gì và tôi là gì; cái mà tôi đã làm và cái mà cậu ta đã làm; cái mà chúng tôi mắc nợ lẫn nhau; tất cả mọi quan hệ đạo đức của cậu ta, mọi cam kết mà cậu ta đã chấp nhận, mọi cam kết mà người ta đã chấp nhận với cậu ta, cậu ta đã đạt được sự phát triển năng lực của mình đến đâu, cậu ta còn phải đi theo con đường nào, cậu ta sẽ gặp ở đó những khó khăn gì, có những cách nào để vượt qua các trở ngại ấy; tôi còn có thể giúp gì cho cậu, và từ nay cái gì là chỉ có một mình cậu có thể tự giải quyết lấy mà thôi, cuối cùng đây là điểm đột biến cậu đang lâm vào, những hiểm họa mới đang bao vây cậu, và tất cả các lý lẽ vững chắc buộc cậu ta chăm lo cẩn thận đến bản thân mình trước khi nghe theo những dục vọng mới chớm nở.

Bạn hãy nghĩ rằng, để hướng dẫn một người trưởng thành cần phải làm ngược lại với mọi điều mà bạn đã làm khi hướng dẫn một đứa trẻ. Đừng do dự gì hết khi dạy cho anh ta về những điều bí ẩn nguy hiểm mà bạn đã giấu anh ta quá lâu với biết bao cẩn trọng. Bởi rốt cuộc anh ta phải biết về những điều đó, nên không được để cho anh ta học được những cái đó từ một kẻ khác, hoặc từ bản thân anh ta, mà phải là từ chính bản thân bạn: chính là vì từ nay anh ta buộc phải đấu tranh, do nỗi sợ bị bất ngờ, nên anh ta phải biết rõ địch thủ của mình.

Bao giờ người ta cũng thấy những người trẻ tuổi uyên bác về những khoản này, mà chẳng hiểu được làm thế nào họ trở thành như vậy, họ không thể trở

nên như vậy mà lại không chịu tác hại. Sự giảng giải thiếu thận trọng này, do không thể nào có được một mục tiêu đúng đắn, ít ra là làm ô uế sự tưởng tượng của những kẻ được "thụ giáo", làm cho chúng sẵn sàng theo các thói hư tật xấu của những kẻ dạy những chuyện lỗi đời ấy. Như thế chưa phải là đã hết, những người đầy tớ cũng đem những chuyện như thế tuồn vào tâm trí đứa trẻ để chiếm lòng tin, làm cho đứa bé xem người thầy trông nom nó như một nhân vật tẻ nhạt và hay quấy rầy; và một trong những chủ đề ưa thích của những cuộc chuyện trò bí mật giữa đầy tớ với cậu chủ nhỏ là nói xấu ông ta. Khi người học trò lâm vào tình cảnh này thì ông thầy có thể rút lui, ông ta không còn làm gì hơn được.

Nhưng tại sao đứa bé lại chọn cho mình những bạn tri kỷ riêng tư? Bao giờ cũng là tại sự chuyên chế của những người trông nom nó. Tại sao nó lại giấu giếm họ, khi chẳng ai bắt nó phải giấu giếm? Tại sao nó lại cứ phàn nàn về họ khi mà chẳng có gì là đáng để phàn nàn? Dĩ nhiên họ là những bạn tâm phúc đầu tiên của nó, người ta thấy qua sự hấp tấp nói ra với họ cái mà nó đang suy nghĩ, rằng nó mới chỉ nghĩ về điều đó được nửa vời cho đến lúc nó nói ra điều đó với các gia sư của mình. Phải kể như nếu đứa trẻ không sợ bị thuyết giáo dài dòng hay bị quở trách thì bao giờ nó cũng nói ra mọi chuyện với bạn, và người ta cũng sẽ chẳng hề dám thổ lộ với nó điều gì mà nó không được nói với bạn vì người ta sẽ tin chắc hoàn toàn rằng nó sẽ chẳng hề giấu gì bạn đâu.

Điều làm cho tôi tin chắc nhất vào phương pháp của tôi là: khi theo dõi chính xác các hiệu quả của nó tôi không thấy có tình huống nào trong cuộc sống của cậu học trò của mình là không để lại cho tôi một vài hình ảnh dễ chịu của cậu. Ngay cả lúc cậu ta bị lôi cuốn theo những quá khích của khí chất và lúc ấy vùng vẫy chống lại bàn tay giữ cậu lại, cậu ta giãy giụa và bắt đầu thoát khỏi tôi, thì tôi vẫn còn nhận ra trong sự khuấy động, trong sự phát khùng của cậu ta có sự giản dị nguyên sơ của cậu; tấm lòng cậu cũng trong trắng như thân thể cậu, không biết cách che đậy thói xấu; cả sự quở trách lẫn sự khinh miệt không làm được cho cậu ta trở nên hèn nhát; không khi nào sự sợ hãi hèn hạ lại dạy được cho cậu phải che đậy, giấu giếm. Cậu có hoàn toàn sự vô ý của tính ngây thơ, cậu hồn nhiên không chút ngại ngần; cậu còn chưa biết cả lừa dối là để làm gì. Không một hoạt động nào diễn ra trong tâm hồn cậu mà miệng cậu hay đôi mắt cậu lại không nói ra điều đó; và thường là các tình cảm mà cậu trải nghiệm thì tôi lại biết sớm hơn cả cậu.

Chừng nào mà cậu còn mở rộng lòng mình với tôi như thế, còn thích nói với tôi điều mà cậu cảm nhận được, thì tôi chẳng có gì phải sợ, hiểm họa còn chưa đến gần; nhưng nếu cậu trở nên nhút nhát hơn, dè chừng hơn, nếu tôi thấy trong sự giữ gìn ý tứ của cậu ta có cái bối rối đầu tiên của sự hổ thẹn, đó là bản năng đã phát triển, nội dung về cái xấu đã bắt đầu gắn kết vào đó, không còn để lỡ được một lúc nào, và nếu tôi không vội dạy ngay cho cậu thì cậu sẽ học được ngay mà chẳng cần đến tôi.

Có nhiều độc giả, ngay cả trong khi tiếp thu những ý tưởng của tôi, sẽ nghĩ rằng đây chỉ là nói về một cuộc trò chuyện tình cờ với chàng trai, và mọi sự thì đã rồi. Ồ! đâu có phải là lòng người kiềm chế như vậy. Điều mà ta nói chẳng có nghĩa lý gì nếu ta không chuẩn bị thời điểm mà nói ra. Trước khi gieo hạt, phải cày bừa đã: hạt giống đức hạnh mọc lên khó khăn; phải có những sửa soạn rất lâu để làm cho nó bén rễ. Một trong các sự việc khiến cho các lời thuyết giáo trở thành vô bổ nhất là ở chỗ người ta thuyết giáo cho tất cả mọi người như nhau không hề phân biệt và không hề lựa chọn. Làm sao mà người ta có thể nghĩ rằng cùng một bài thuyết giáo lại có thể là phù hợp với bấy nhiêu thính giả có mức độ sẵn sàng quá khác nhau, có đầu óc, tính tình, lứa tuổi, giới tính, tâm trạng và ý kiến quá khác nhau? Ở đây chẳng thể nào có được lấy hai người có thể phù hợp với điều mà người ta đem nói cho tất cả mọi người cùng nghe, và mọi mối xúc cảm của chúng ta có quá ít sự hằng định, thành thử có lẽ không có được hai thời điểm trong cuộc đời mỗi con người mà cùng một diễn ngôn lại gây được cho anh ta cùng một ấn tượng như nhau. Hãy phán đoán xem khi các giác quan bốc lửa làm mất lý trí và áp chế ý chí, thì liệu có phải là lúc để nghe những bài học trọng đại của sự khôn ngoan hay không. Vậy đừng bao giờ lý sự với những người trẻ tuổi, ngay cả ở độ tuổi của lý trí, mà đầu tiên bạn lại chưa coi việc làm cho họ có khả năng nghe hiểu được. Phần lớn các lời giảng giải thất bại chủ yếu là do lỗi của các ông thầy hơn là do lỗi của các đệ tử. Ông giáo gàn và người thầy gần như cùng nói về những sự việc như nhau: nhưng ông này thì nói bừa bãi với chúng còn ông kia thì chỉ nói khi ông ta tin chắc vào hiệu quả lời nói của mình.

Như một kẻ mộng du, đi lang thang trong giấc ngủ của mình, vừa bước đi vừa ngủ trên bờ vực thẳm, anh ta sẽ rơi xuống đó nếu bị đột ngột đánh thức; Émile của tôi cũng thế, trong giấc ngủ của sự không hiểu biết, cậu thoát được những hiểm họa mà cậu không nhận biết được gì: nếu tôi thức tỉnh cậu làm cậu giật mình, cậu sẽ nguy mất. Đầu tiên hãy cố sức đưa cậu rời xa vực thẳm, và rồi mới thức tỉnh cậu để chỉ cho cậu thấy vực đó từ chỗ xa hơn.

Việc đọc sách, sự cô đơn, sự vô công rồi nghề, cuộc sống mềm yếu và ru rú ở trong nhà, việc giao tiếp với phụ nữ và những người trẻ tuổi: đó là những con đường nguy hiểm mà lứa tuổi của cậu khai thông và những con đường ấy luôn luôn khiến cho cậu ở bên bờ hiểm họa. Chính là bằng các đối tượng nhạy cảm khác mà tôi đánh lừa nhục cảm của cậu, chính bằng cách vạch ra một dòng vận hành khác cho tinh thần mà tôi xoay chuyển tinh thần khỏi dòng vận hành mà cậu bắt đầu lâm vào; chính bằng cách rèn luyện thân thể trong những công việc nặng nhọc mà tôi chặn lại được hoạt động tưởng tượng lôi cuốn cậu đi. Khi mà các cánh tay làm việc thật nhiều, thì óc tưởng tượng nghỉ ngơi; khi thân thể mệt mỏi rã rời, thì trái tim không hề bốc lửa. Sự đề phòng nhạy bén nhất và dễ dàng nhất là dứt cậu ra khỏi các hiểm nguy ở địa phương. Thoạt tiên tôi dẫn cậu ra ngoài các thành phố, tránh xa các đối tượng có thể cám dỗ cậu. Nhưng như thế chưa đủ; liệu có hoang mạc nào, có chỗ ẩn náu nào hoang sơ mà cậu sẽ thoát được khỏi các hình ảnh cứ đeo đuổi cậu? Tránh xa các đối tượng nguy hiểm thật chẳng có nghĩa gì nếu tôi không làm cho cậu xa rời cả những hoài niệm; nếu tôi không tìm ra được nghệ thuật tách cậu ra khỏi mọi thứ, nếu tôi không làm cho cậu tự quên lãng mình đi thì cũng ngang bằng với để mặc cậu trong tình trạng ấy.

Émile biết một nghề, nhưng cái nghề này ở đây không phải là chỗ trông cậy được; cậu yêu nghề nông và am hiểu nó, nhưng nghề nông cũng không đủ cho chúng tôi: những bận rộn mà cậu biết trở thành một lề thói quen thuộc; trong khi dấn mình vào đó, cứ y như là cậu đang chẳng làm gì hết; cậu nghĩ tới tất cả các chuyện khác; cái đầu và cái tay hành động tách rời nhau. Phải cho cậu một sự bận rộn mới mẻ, nó hấp dẫn cậu bằng cái mới của nó, làm cho cậu cứ ngong ngóng mong đợi, làm cho cậu vui thích, làm cho cậu chăm chú vào nó, luyện tập nó, một sự bận rộn mà cậu say mê, và cậu dốc toàn tâm ý vào nó. Việc độc nhất mà tôi thấy hội đủ mọi điều kiện này là đi săn. Nếu cuộc săn bao giờ cũng là một thú vui trong sạch, nếu nó phù hợp với người đàn ông, thì bây giờ là lúc phải dùng đến. Émile có mọi điều phải có để đi săn thành công; cậu khỏe mạnh, khéo léo, kiên nhẫn, không mệt mỏi. Chắc chắn là cậu sẽ có hứng với cuộc luyện tập này; cậu sẽ để tất cả nhiệt tình của lứa tuổi mình vào đó; cậu sẽ ít ra là trong một thời gian mất đi những khuynh hướng nguy hiểm nảy sinh từ cuộc sống ẻo lả. Cuộc săn làm cứng cỏi trái tim cũng như thân thể; nó tập cho người ta quen với máu, với sự tàn nhẫn. Người ta làm cho Diane[252]

[252] * Nữ thần săn bắn trong thần thoại La Mã.

thành kẻ thù của tình yêu; và câu chuyện ngụ ngôn thật là đúng: các bệnh tương tư chỉ phát ra trong sự nhàn tản; một cuộc luyện tập mạnh mẽ xua đi những tình cảm yêu đương. Trong các cánh rừng, trên những cánh đồng, người đang yêu và người đi săn có những cảm xúc khác hẳn nhau, đến nỗi trên cùng những đối tượng như nhau họ lại mang những hình tượng hoàn toàn khác biệt. Những bóng râm tươi mát, những bờ cây trên cánh đồng là chỗ trú êm dịu cho người này thì đối với người kia chỉ là chỗ để hươu nai đến ăn đọt cây, những chỗ ẩn nấp của thú săn; ở đấy người này chỉ nghe thấy có tiếng sáo trúc, tiếng họa mi, tiếng chim hót líu lo, người kia lại hình dung ra tiếng kèn săn và tiếng chó săn sủa; người này tưởng tượng ra chỉ có những thần rừng và tiên nữ, người kia lại chỉ thấy có những người cưỡi ngựa theo chó săn, những con chim mồi, và ngựa. Bạn hãy dạo chơi cùng hai loại người này trên cánh đồng, nhờ ở sự khác biệt trong ngôn ngữ của họ mà bạn sẽ biết ngay rằng Trái đất không có một dáng vẻ như nhau đối với họ, và biết rằng diễn biến các ý tưởng của họ cũng khác nhau như sự lựa chọn các thú vui của họ.

Tôi hiểu các sở thích này tập hợp lại được với nhau như thế nào và rốt cuộc người ta tìm được thời gian cho tất cả chúng ra sao. Nhưng các đam mê của tuổi trẻ không phân chia ra như thế: hãy đưa cho chàng trai một công việc mà anh ta yêu thích và mọi thứ còn lại sẽ mau chóng bị quên lãng. Sự đa dạng của các điều mong muốn xuất phát từ tính đa dạng của các kiến thức, và những thú vui đầu tiên được người ta biết đến đều là những thú vui độc nhất mà người ta kiếm tìm mãi về sau. Tôi không muốn rằng cả tuổi xuân của Émile trôi đi trong sự giết các thú vật, và tôi không đoan chắc ngay cả việc biện hộ được hoàn toàn cho cái đam mê hung dữ này, tôi chỉ cần nó đủ dùng để trì hoãn một đam mê nguy hiểm hơn để làm cho Émile đủ tĩnh tâm mà nghe tôi nói về nó, và giúp tôi có thì giờ để miêu tả nó không khêu gợi nó.

Có những thời kỳ trong đời người được hình thành nên để không bao giờ quên được. Đối với Émile đó là thời kỳ học tập mà tôi nói đến; thời kỳ này phải ảnh hưởng đến toàn bộ những ngày còn lại của cậu. Vậy ta hãy cố gắng để khắc sâu nó vào ký ức của cậu sao cho nó không thể nào bị xóa nhòa đi được. Một trong những sai lầm của thời đại chúng ta là sử dụng lý trí quá trần trụi, cứ làm như con người ta chỉ là tinh thần mà thôi. Trong khi phủ nhận ngôn ngữ của các dấu hiệu để nói với trí tưởng tượng, ta đã mất đi phần sinh động nhất của các ngôn ngữ. Ấn tượng về lời nói bao giờ cũng kém, và người ta nói với trái tim bằng cặp mắt nhìn lại tốt hơn nhiều so với bằng tai nghe.

Vì muốn dành cả cho lý luận mà chúng ta quy rút lời giảng của ta thành các từ mà không hề đưa vào hành động. Riêng một mình lý trí không năng động chút nào, đôi khi nó còn trì trệ, ít khi nó khích lệ, và chẳng bao giờ làm được điều gì ra trò. Bao giờ cũng lý sự là thói nghiện ngập của những đầu óc nhỏ bé. Những tâm hồn mạnh mẽ đúng là có một ngôn ngữ khác; chính là bằng ngôn ngữ ấy mà người ta thuyết phục được và người ta khiến cho phải hành động.

Tôi nhận xét thấy rằng trong những thế kỷ hiện nay, con người ta cứ giữ thói người này chi phối người khác chỉ bằng quyền lực và bằng mối lợi, khác hẳn với những người thời cổ, họ tác động nhiều hơn bằng sự thuyết phục, bằng sự mến mộ về tâm hồn, bởi vì họ không phủ nhận ngôn ngữ của các dấu hiệu. Mọi thỏa ước đều được diễn ra với nghi thức trọng thể để làm cho chúng khó bị vi phạm hơn: trước khi quyền lực được thiết lập, chư thần là các thẩm phán của loài người; chính là trước thần linh mà các bên làm ra các hiệp ước, những liên kết đồng minh, tuyên bố các lời hứa cam kết của họ; bề mặt Trái đất là cuốn sách bảo tồn các hồ sơ lưu trữ. Những núi đá, những cây cối, những đống đá dùng làm nơi ký kết các hiệp ước này, và trở nên đáng tôn kính với những người hoang dã, đều là từng trang của cuốn sách ấy, luôn luôn được mở ra trước mắt tất cả mọi người. Cái giếng thề, cái giếng của người sinh thời và của người thấu thị, cây sồi cổ thụ của Mambré, đống đá làm chứng; đấy là những công trình kỷ niệm thô sơ, nhưng tôn nghiêm của tính chất thần thánh của các hiệp ước; không ai dám xâm phạm vào các đài tưởng niệm đó bằng bàn tay phạm thánh của mình; và lòng tin của con người được bảo đảm vững vàng bởi sự bảo lãnh của các chứng nhân câm nín này, hơn là lòng tin ngày nay được đảm bảo bằng tất cả sự khắc nghiệt vô bổ của các luật lệ.

Trong việc cai trị, bộ máy tôn nghiêm của vương quyền bắt thần dân phải kính trọng. Những biểu trưng của tước vị, một ngai vàng, một vương trượng, một áo bào màu tía, một vương miện đối với bách tính là những vật thiêng liêng. Các dấu hiệu được kính trọng đó làm cho dân chúng thành kính trước những người mang các biểu trưng ấy trở thành người được kính trọng: chẳng cần đến lính tráng, chẳng cần đe dọa, ngay lập tức điều mà người ấy nói ra là đã được tuân thủ rồi. Bây giờ thì người ta thích bãi bỏ những dấu hiệu ấy đi[253],

---

[253] Giới giáo sĩ La Mã đã rất khôn khéo bảo tồn các dấu hiệu đó, và, theo gương họ là một số nước cộng hòa, trong số đó có cộng hòa Venise. Cho nên chính phủ Venise, mặc dầu nhà nước bị sụp đổ, dưới bộ máy của uy quyền cổ đại, vẫn còn

cái gì xảy đến từ sự miệt thị ấy? Đó là sự uy nghiêm của nhà vua bị xóa nhòa trong lòng mọi người, là vua chúa chỉ còn được tuân thủ nhờ bạo lực của quân đội, và là sự kính trọng của thần dân chỉ là vì sợ sự trừng phạt. Vua chúa không còn muốn mang vương miện nữa, các nhân vật tai to mặt lớn cũng chẳng cần đến các biểu trưng cho tước vị của họ; nhưng lại phải cần đến trăm ngàn tay chân luôn luôn sẵn sàng để buộc mọi người thi hành lệnh của họ. Dù rằng có thể là điều đó có vẻ tốt đẹp hơn đi, thì vẫn dễ dàng thấy rằng về lâu dài thì sự thay đổi này chẳng đem về cho họ lợi lộc gì.

Điều mà cổ nhân đã làm một cách hùng hồn thật là kỳ diệu: nhưng sự hùng hồn này lại không chỉ riêng ở những lời nói hay ho được sắp đặt khéo léo; và sự hùng hồn ấy bao giờ cũng chỉ đạt hiệu quả nhiều nhất khi mà diễn giả nói ít nhất. Cái mà người ta nói ra nhiệt tình hơn cả không được diễn tả bằng lời, mà bằng các dấu hiệu; người ta không nói ra cái đó mà người ta cho thấy cái đó. Đối tượng mà ta trình bày ra trước mắt lay động trí tưởng tượng, khêu gợi óc tò mò, giữ đầu trong sự chờ đợi điều mà người ta sắp nói ra: và thường là đối tượng ấy tự mình nói lên tất cả. Thrasybule và Tarquin chặt ngọn cây anh túc, Alexandre đóng dấu ngọc tỷ lên miệng người được sủng ái của mình, Diogène đi trước Zénon, có phải là họ nói rõ hơn nếu họ lại diễn thuyết dài dòng không? Phải có dòng lời tuôn như thế nào để bày tỏ được rõ ràng như vậy cũng những ý tưởng ấy? Darius, đem quân vào Scythe được vua nước này ban cho một con chim, một con ếch, một con chuột và năm mũi tên. Sứ thần trao món quà rồi quay về không nói một lời. Ở thời chúng ta thì con người này chắc bị coi là điên. Hiểu được cái diễn từ ghê gớm này, Darius chỉ còn cách rút quân về nước càng nhanh càng tốt. Hãy thay các dấu hiệu này bằng một lá thư; thư càng dọa nạt thì càng ít gây sợ hãi, đó sẽ chỉ là một trò hư trương thanh thế mà Darius sẽ chỉ cười nhạo mà thôi.

Những người La Mã quan tâm xiết bao đến ngôn ngữ của các dấu hiệu! Quần áo được may cắt theo độ tuổi, tùy theo hoàn cảnh; những tấm vải

---

được dân chúng hoàn toàn mến mộ, hoàn toàn tôn trọng; và, sau đức Giáo hoàng đội chiếc ngọc miện của mình, thì có thể là chẳng vua chúa nào, chẳng nhà vua chuyên chế nào, chẳng có ai trên đời này được tôn kính như Đại thống lĩnh thành Venise, chẳng cần đến quyền lực, chẳng cần đến uy vũ, mà được bộ quần áo tráng lệ làm cho trở nên thiêng liêng, và dưới chiếc tù và của đại thống lĩnh được trang hoàng bằng một cái khăn bịt đầu của phụ nữ. Lễ nghi này của Bucentaure làm cho những kẻ ngu chê cười bao nhiêu thì sẽ làm cho dân thành Venise dốc hết máu mình ra để duy trì chính quyền chuyên chế của họ bấy nhiêu.

choàng của người La Mã cổ, những bộ chiến bào, những bộ áo trắng nẹp đỏ của thanh niên quý tộc, miếng nhung đỏ của các nguyên lão pháp quan đính trên áo, những miếng ngọc bội, những giảng tòa, những cảnh lại dàn hàng đôi đi trước các quan lớn, những phủ việt mà bọn cảnh lại mang theo, những chiếc búa trận, những vành hoa bằng vàng, tết bằng cỏ, bằng lá cây, những tiểu khải truyền, những lễ khải hoàn: ở những người La Mã cổ, ấy tất cả đều là công cụ, biểu trưng, lễ nghi, và tất thảy đều gây ấn tượng trong lòng công dân. Điều can hệ với nhà nước là dân chúng tụ họp ở địa điểm nào thì hơn ở chỗ khác; là họ có nhìn thấy hay không điện Capitole; họ phải hay không phải quay về phía Nguyên lão viện; họ ưa thảo luận để quyết định vào ngày nào là hơn cả. Các bị cáo mặc quần áo riêng, những người ứng cử cũng thế; các chiến binh không ngợi ca chiến công của mình, họ vạch các vết thương của mình ra. Về cái chết của César, tôi tưởng tượng rằng một trong số các nhà hùng biện trứ danh của chúng ta muốn làm động lòng quần chúng, tận dụng mọi điều sáo mòn về nghệ thuật để mô tả thống thiết về các vết thương của ông, về dòng máu ông tuôn trào, về thi hài của ông: Antoine, tuy rất hùng biện song chẳng nói động gì đến tất cả các chuyện ấy; ông sai khiêng thi hài đến. Thật hùng biện biết mấy!

Nhưng đoạn ngoại đề này đã vô tình tôi đi xa khỏi chủ đề của mình, cũng giống như nhiều người khác từng làm như vậy, và sự đi lạc này của tôi lại quá thường xuyên nên không thể dài dòng và chấp nhận được: vậy thì tôi xin trở lại.

Đừng bao giờ lý sự khô khan với thanh niên. Hãy tạo cho lý luận một hình thể nếu bạn muốn làm cho nó trở nên dễ cảm nhận được. Hãy làm cho ngôn ngữ của trí tuệ đi qua con tim để nó làm cho người ta nghe nó. Tôi nhắc lại điều đó, những cứ liệu lạnh lùng có thể xác định được ý kiến của ta nhưng không quyết định được hành động của ta; chúng làm cho ta tin nhưng không làm cho ta hành động; người ta chứng minh điều mà phải suy nghĩ chứ không phải là điều phải làm. Nếu điều đó là đúng cho mọi người, thì lại càng đúng với thanh niên còn bị ấp ủ trong các giác quan của mình, và họ chỉ suy nghĩ chừng nào mà họ tưởng tượng được ra.

Vậy nên tôi hết sức tránh, ngay cả sau khi đã có những sự chuẩn bị mà tôi đã nói, việc đi xồng xộc vào phòng của Émile để bắt cậu phải nghe một cách nặng nhọc một diễn từ dài dòng về vấn đề mà tôi muốn dạy cho cậu biết. Tôi sẽ bắt đầu bằng cách lay động trí tưởng tượng của cậu; tôi sẽ chọn thời gian, địa điểm, các đối tượng thuận lợi nhất cho ấn tượng mà tôi muốn

tạo ra; tôi sẽ kêu gọi, có thể nói như vậy, toàn bộ thiên nhiên chứng kiến cho cuộc trò chuyện của chúng tôi; tôi sẽ viện Đấng Vĩnh hằng chứng giám cho sự thật của các lời nói của tôi vì tự nhiên chỉ là tạo phẩm của người: tôi xin người phán xét cho giữa Émile và tôi; tôi sẽ đánh dấu nơi chúng tôi đứng, những ghềnh đá, những cánh rừng, những ngọn núi xung quanh chúng tôi như các công trình tưởng niệm, cho những cam kết của cậu và của tôi; tôi sẽ chuyển vào cặp mắt của mình, vào giọng nói của mình, vào cử chỉ của mình, niềm hưng phấn và nhiệt tình mà tôi muốn gây ra cho cậu. Lúc bấy giờ tôi mới nói với cậu và cậu sẽ nghe tôi nói, tôi sẽ mủi lòng còn cậu sẽ xúc động. Trong khi thấu hiểu sự thánh thiện của các nghĩa vụ của mình, tôi làm cho cậu tôn trọng hơn các nghĩa vụ của cậu, tôi sẽ khuấy động sức mạnh của lý luận bằng các hình ảnh và các biểu tượng, tôi không hề dài dòng và tản mạn trong các câu châm ngôn lạnh lùng, mà phong phú về những tình cảm đầy tràn; lý lẽ của tôi sẽ trang nghiêm và mang tính châm ngôn, nhưng trái tim tôi chưa bao giờ cạn lời. Đó chính là lúc mà bằng cách chỉ ra cho cậu tất cả những gì tôi đã làm cho cậu, tôi sẽ để cậu thấy điều đó giống y như là tôi làm cho chính tôi vậy, cậu sẽ nhìn ra trong sự trìu mến dịu dàng của tôi cái lý do của mọi sự chăm sóc dành cho cậu. Bằng cách thay đổi đột ngột về ngôn ngữ tôi sẽ đem lại được cho cậu biết bao là sôi nổi, biết bao là bất ngờ! Thay vì làm cho cậu co hẹp tâm hồn trong bản thân mình, bằng cách cứ luôn luôn nói đến lợi ích riêng của cậu, chính là từ nay vì lợi ích của riêng tôi mà tôi nói với cậu và tôi sẽ làm cho cậu cảm động hơn, tôi sẽ làm bốc lửa trái tim non trẻ của cậu bằng tất cả những tình cảm thân hữu, cao thượng, biết ơn mà tôi đã làm cho nảy nở và thật sao mà dịu dàng đến thế khi nuôi dưỡng chúng. Tôi xiết chặt cậu vào ngực mình đồng thời mủi lòng nhỏ lệ lên người cậu, tôi sẽ nói với cậu: con ơi con là tài sản của ta, là tác phẩm của ta, chính từ hạnh phúc của con mà ta mới chờ đợi hạnh phúc của mình: nếu con làm cho ta mất đi hy vọng tức là con lấy mất đi hai mươi năm cuộc sống của ta, và con làm cho những ngày tuổi già của ta thật đau khổ. Đó là cách làm cho một thanh niên biết nghe lời và thế là khắc sâu vào lòng cậu ta cái kỷ niệm về điều mà ta nói với cậu.

Cho đến đây tôi đã cố gắng đưa ra những ví dụ về cách một người sư phó phải dạy cho đệ tử của mình trong các trường hợp khó khăn. Tôi cũng đã thử làm chừng ấy trong trường hợp này, nhưng sau nhiều lần làm thử, tôi bỏ cuộc, tự nhủ rằng tiếng Pháp quá quý giá nên không đảm đương nổi trong sách vở sự ngây ngô của những bài giảng đầu tiên về một số chủ đề.

Tiếng Pháp như người ta nói là thứ tiếng trinh khiết nhất trong các thứ tiếng; tôi thì tôi lại cho tiếng Pháp là thứ tiếng tục tĩu nhất; vì tôi coi sự trong trắng của một ngôn ngữ không phải ở chỗ tránh thật cẩn thận những lối viết bất nhã, mà là đừng nên có chúng. Thực vậy để tránh được các lối viết bất nhã ấy, thì người ta phải suy nghĩ về chúng; và chẳng hề có ngôn ngữ nào mà lại khó nói thuần túy về mọi nghĩa hơn tiếng Pháp. Độc giả bao giờ cũng thấy các nghĩa tục tĩu hơn khi tác giả giỏi tránh né chúng, nên bất bình công phẫn và e ngại tất cả. Sao mà những gì đã đi qua những cái tai ô trọc lại không nhiễm vết nhơ của chúng được? Trái lại, một dân tộc có thuần phong mỹ tục có những từ ngữ riêng cho mọi thứ; và những từ ngữ đó luôn luôn lịch sự, bởi vì chúng luôn luôn được sử dụng một cách lịch sự. Thật không thể nào tưởng tượng ra một ngôn ngữ nào đúng mực hơn ngôn ngữ của Thánh kinh, chính là vì mọi điều được nói ra với sự trong trắng. Muốn làm cho cũng những thứ ấy trở nên kém lịch sự thì chỉ cần dịch sang tiếng Pháp là đủ. Điều mà tôi nói với Émile của tôi không có gì là lịch sự và trong trắng ngoài đôi tai của cậu, nhưng để thấy điều đó lịch sự và trong trắng trong khi đọc sách thì phải cần có một tấm lòng cũng thật thuần khiết như của cậu.

Tôi cũng nghĩ rằng những suy nghĩ về tính thuần khiết thực sự của lời nói và về sự tế nhị giả mạo của thói tật xấu sẽ có thể chiếm một vị trí hữu ích trong các cuộc trò chuyện về đạo đức mà đề tài này dẫn ta tới, bởi vì trong khi học cách nói lịch sự, lại cần phải học cả cánh nói ý nhị, và nhất là phải biết vì sao hai ngôn ngữ này lại khác nhau đến thế. Dù thế nào đi nữa, tôi quả quyết rằng thay vì những bài thuyết giáo vô bổ mà người ta cứ lặp lại quá sớm với cái tai của thanh niên, nên khi họ đến tuổi mà những thuyết giáo ấy trở nên hợp thời thì nó lại bị họ coi thường, nếu như ta biết chờ đợi, nếu như ta biết sửa soạn thời điểm cho họ nghe, rằng lúc đó người ta trình bày với họ các quy luật của tự nhiên với toàn bộ sự thật, rằng người ta chỉ cho cậu thấy rõ sự trừng phạt của cùng các quy luật ấy trong những bệnh tật về thể chất hay tinh thần mà người phạm tội chuốc phải, do sự vi phạm của họ, rằng trong khi nói rõ với cậu về cái bí ẩn không sao hiểu nổi này của sự sinh sản, người ta đem ý tưởng về sự quyến rũ mà tạo hoá ban cho hành động này kết hợp với cái ý tưởng về sự quyến luyến riêng làm cho nó trở nên tuyệt vời, cái ý tưởng về các bổn phận phải trung thành, về sự e lệ bao quanh hành động ấy và làm tăng gấp bội sức hấp dẫn của nó khi làm tràn đầy đối tượng của nó; rằng khi miêu tả việc hôn nhân cho cậu, không phải như một sự đơn thuần gắn bó dịu ngọt nhất, mà như một giao ước thiêng liêng nhất và không thể xâm phạm được nhất, người ta mạnh dạn nói với cậu mọi lý lẽ khiến một ràng buộc thiêng liêng đến thế

được tất cả mọi người tôn trọng, và các lý lẽ đó đem lại sự căm ghét và nguyền rủa tới kẻ nào dám cả gan làm ô uế sự trong trắng của nó; rằng người ta vẽ ra cho cậu một bức tranh đầy những ấn tượng mạnh và hiện thực về những khủng khiếp của sự trụy lạc, về tình trạng u mê đần độn của nó, về cái dốc từ từ khó nhận biết mà một sự dâm đãng đầu tiên có thể dẫn tới tất cả và cuối cùng kéo kẻ nào buông mình vào sự trụy lạc đến sự suy vong, nếu tôi nói rằng người ta chỉ cho cậu một cách hiển nhiên phải thích sự trong trắng như thế nào mới giữ được sức khoẻ, sự tráng kiện, lòng dũng cảm, đức hạnh, ngay cả tình yêu nữa, và toàn bộ những tài sản quý giá của con người; tôi quả quyết rằng lúc đó người ta làm cho cậu thèm muốn và yêu quý chính sự trong trắng đó, và người ta sẽ thấy tâm trí cậu vâng theo các cách mà người ta dạy cho cậu để bảo vệ nó; bởi vì chừng nào người ta còn bảo vệ thì người ta còn tôn trọng nó, người ta chỉ xem thường nó khi mà người ta đã mất nó mà thôi.

Cho rằng khuynh hướng xấu không sao khắc phục nổi và người ta không thể thắng được nó trước khi từng có thói quen khuất phục nó, là không đúng chút nào. Aurélius Victor nói rằng nhiều người hoá rồ vì tình yêu, tự nguyện mua một đêm với Cléopâtre với cái giá bằng cả mạng sống của mình, và sự hy sinh ấy không phải là không thể xảy ra với sự cuồng say dục vọng. Nhưng hãy giả sử rằng một con người hung dữ nhất, ít điều khiển được nhất nhục cảm của mình, đã trông thấy bộ giá treo cổ, chắc chắn sẽ bị chết ở đó trong những đau đớn mười lăm phút sau đó, thì người ấy, từ lúc đó không những sẽ vượt lên trên các cám dỗ, mà thậm chí hắn ta chẳng phải trả giá mấy để chống lại chúng: chẳng mấy chốc mà cái hình ảnh khủng khiếp đi kèm với các cám dỗ sẽ làm hắn ta quên đi những cám dỗ ấy; và luôn luôn bị cự tuyệt, những cám dỗ cũng chán chẳng buồn quay lại. Chỉ duy sự hững hờ của ý chí chúng ta làm nên tất cả sự yếu đuối của chúng ta, và người ta luôn mạnh mẽ để làm cái mà ta quá muốn, *volenti nihil difficile*[254]. Ồ! Nếu như chúng ta ghét thói hư tật xấu nhiều ngang chúng ta yêu đời, chúng ta cũng sẽ dễ dàng nhịn một tội lỗi khoái trá như là nhịn một món ăn ngon mà biết có trộn thuốc độc chết người.

Sao ta lại không thấy rằng nếu như mọi bài học nói về điểm này cho một thanh niên mà không có kết quả gì, thì chính là vì nó không phải lẽ với lứa tuổi của anh ta, và với mỗi tuổi cần khoác cho lẽ phải những hình thái làm cho người ta yêu thích nó? Hãy nói với anh ta một cách nghiêm trang khi cần phải

[254] Tiếng Latin: *sức mạnh xoá bỏ khó khăn.*

nghiêm trang, nhưng phải làm sao cho điều mà bạn nói ra luôn luôn có sự hấp dẫn buộc anh ta phải nghe bạn. Đừng có đấu tranh với các ham muốn của anh ta một cách khô khan; đừng có bóp nghẹt trí tưởng tượng của anh ta, hãy dẫn dắt sự tưởng tượng ấy kẻo nó sẽ sinh ra những con quái vật. Hãy nói với anh ta về tình yêu, và nói về đàn bà, về khoái lạc, hãy làm sao cho anh ta tìm thấy trong cuộc trò chuyện của bạn một sự thú vị làm vui thích trái tim non nớt của anh ta; đừng dè dặt gì để trở thành người tin cậy của anh ta; chỉ với danh nghĩa ấy bạn mới trở thành một ông thầy thực sự của anh ta được. Cho nên đừng sợ rằng những cuộc trò chuyện của bạn làm anh ta chán, anh ta sẽ buộc bạn phải nói nhiều hơn là bạn trù tính.

Không lúc nào tôi nghĩ ngờ rằng nếu dựa trên các châm ngôn này, tôi lại biết giữ mọi sự thận trọng cần thiết và nói với Émile của tôi những lời phù hợp với cơ hội do năm tháng đem lại cho cậu, thì cậu tự mình đạt đến cái điểm mà tôi muốn dẫn cậu tới, cậu vội đặt mình dưới sự bảo trợ của tôi, và cậu nói với tôi bằng tất cả nhiệt tình của lứa tuổi mình, bị ngạc nhiên vì những nguy hiểm mà cậu tự nhận ra đang vây quanh mình: Ồ! ông bạn của con, người bảo trợ cho con, người thầy của con, xin hãy lấy lại quyền uy mà người muốn từ bỏ vào lúc cần thiết cho con, nhất là quyền ấy vẫn ở trong tay thầy; người chỉ giữ nó cho đến tận bây giờ vì sự yếu đuối của con, và hiện nay người sẽ có nó vì ý muốn của con, và đối với con nó sẽ thiêng liêng hơn. Xin người hãy bảo vệ con trước mọi kẻ thù đang ám ảnh con và nhất là những kẻ thù con mang theo bên mình và chúng phản lại con; xin hãy chăm lo cho tác phẩm của người sao cho nó vẫn xứng đáng với người. Con muốn tuân thủ các luật lệ của người, con luôn luôn muốn thế, đó là ý chí không thay đổi của con, nếu lúc nào mà con không nghe lời người, thì đó sẽ là ngoài ý muốn của con, xin hãy để con tự do bằng cách che chở cho con chống lại các đam mê đang áp chế con, hãy ngăn cản đừng để con làm nô lệ cho chúng, và hãy buộc con phải trở thành chủ của chính mình bằng cách không tuân theo các nhục cảm của mình mà là tuân thủ lý trí của mình.

Khi quý vị dẫn dắt học trò của mình đến điểm ấy (và sẽ là lỗi ở quý vị nếu nó không tới được đó), xin hãy kiềm chế để đừng vội căn cứ vào lời nó nói, vì sợ rằng, nếu có khi nào đó quyền lực của quý vị bị nó cho là quá nghiêm khắc, nó tự cho mình có quyền thoát ra khỏi đó bằng cách buộc tội quý vị đã lợi dụng nó. Chính đây là lúc dùng đến sự dè dặt và sự nghiêm túc; và cái giọng ấy càng làm cho nó phải kính nể nhiều hơn nữa, vì sẽ là lần đầu mà nó thấy quý vị nói bằng giọng ấy.

Vậy quý vị hãy bảo nó: "Này chàng trai, cậu đang cam kết một cách khinh suất những điều khó khăn; cậu phải biết chúng để có quyền cam kết: cậu không biết rằng nhục cảm lôi kéo những kẻ giống như cậu mãnh liệt đến thế nào vào cái vực xoáy của các thói xấu, dưới vẻ hấp dẫn của lạc thú. Cậu không hề có tâm hồn ti tiện, ta biết rõ điều đó; cậu sẽ không bao giờ phản bội lời hứa của mình, nhưng có thể cậu sẽ hối hận biết bao nhiêu lần vì đã hứa! Cậu sẽ nguyền rủa biết bao nhiêu người mến cậu, khi mà, để tránh cho cậu những tai họa đang đe dọa cậu, người ấy sẽ thấy mình buộc phải xé nát trái tim cậu! Giống như Ulysse bị tiếng hát của các nàng tiên cá làm cho xúc động, đã kêu gọi những người chèo thuyền của mình cởi trói cho mình, cậu thì bị quyến rũ bởi sự hấp dẫn của thú vui, cậu sẽ muốn bứt phá các mối ràng buộc làm cản trở cậu; cậu sẽ quấy rầy ta bằng những lời phàn nàn của cậu; cậu sẽ trách móc ta về sự câu thúc của ta khi ta quan tâm đến cậu một cách trìu mến nhất, trong khi chỉ nghĩ đến làm cho cậu hạnh phúc, thì ta sẽ chuốc lấy cho mình sự căm ghét của cậu. Ôi, Émile của ta, ta không khi nào chịu nổi nỗi đau bị cậu coi là quá tệ; ngay cả hạnh phúc của cậu với cái giá ấy cũng là quá đắt. Chàng trai tốt bụng ạ, cậu không thấy rằng trong khi ta buộc cậu phải nghe lời ta, thì cậu buộc ta phải hướng dẫn cậu, phải quên mình để tận tụy với cậu, phải không nghe cả những phàn nàn của cậu lẫn những than vãn của cậu, phải đấu tranh không ngừng với các dục vọng của cậu và của ta nữa. Cậu đang đặt ta vào một cái ách còn khắc nghiệt hơn cả cái ách của cậu. Trước khi cả hai chúng ta cùng mang cái ách ấy thì chúng ta hãy tự xét mình có đủ sức không; hãy giành thời gian, hãy cho ta đủ thời gian để suy nghĩ về điều đó, và nên biết rằng người đưa ra lời hứa chậm hơn cả, bao giờ cũng là người giữ lời đúng hơn cả.

Ngay cả quý vị cũng hãy biết rằng càng làm cho sự cam kết khó khăn hơn thì quý vị lại càng làm cho việc thực hiện nó được dễ dàng hơn. Cần để cho chàng trai cảm thấy cậu ta hứa rất nhiều, và cảm thấy quý vị còn hứa nhiều hơn nữa. Khi nào sẽ tới lúc, và có thể nói là khi cậu ta sẽ ký giao ước, lúc đó xin quý vị hãy đổi giọng, hãy đưa sự dịu dàng vào quyền lực của mình ngang với thái độ nghiêm khắc mà quý vị đã biểu lộ trước kia. Quý vị hãy bảo cậu ta rằng: Anh bạn trẻ của ta ơi, anh còn đang thiếu kinh nghiệm nhưng ta đã làm sao cho anh không được thiếu lý trí. Anh có khả năng thấy rõ ở mọi nơi những lý do của cách xử sự của ta, về điều đó chỉ cần mong anh hãy bình tĩnh. Bao giờ cũng xin hãy bắt đầu bằng cách vâng lời, và tiếp đó hãy yêu cầu ta giải thích các mệnh lệnh của mình; ta sẽ sẵn sàng làm rõ lý do của các mệnh lệnh ấy ngay khi anh có khả năng hiểu được ta, và ta không bao giờ e ngại việc lấy

anh làm người phân xử giữa anh và ta. Anh hứa là ngoan ngoãn, còn ta hứa chỉ sử dụng sự ngoan ngoãn ấy của anh để làm cho anh trở nên hạnh phúc nhất so với mọi người. Ta đem cái thân phận mà anh có được cho đến ngày nay để đảm bảo cho lời hứa của ta. Hãy tìm ra được ai cùng lứa tuổi với anh đã được trải qua một cuộc sống cũng êm đềm như của anh, và ta không còn hứa hẹn với anh điều gì nữa.

Sau việc thiết lập được uy tín của mình, mối quan tâm đầu tiên của tôi là tránh việc cần phải đem dùng nó. Tôi không hề tiếc sức để làm cho mình ngày càng được cậu tin cậy hơn, để làm cho mình ngày càng trở thành bạn tâm tình trong lòng cậu và là trọng tài cho những ý thích của cậu. Thay vì chống lại các khuynh hướng của lứa tuổi cậu tôi sẽ cân nhắc kỹ về chúng để làm chủ được chúng, tôi thâm nhập vào hướng phát triển của chúng để điều khiển chúng, tôi không hề tìm cho cậu một hạnh phúc xa vời mà có hại cho hiện tại. Tôi không hề muốn cậu chỉ được hạnh phúc một lần mà mãi mãi nếu có thể được.

Những ai muốn hướng dẫn cho thanh niên một cách khéo léo để đảm bảo cho họ tránh được những cạm bẫy của nhục cảm, thường khiến thanh niên ghê tình yêu, và sẵn sàng coi việc nghĩ đến tình yêu ở độ tuổi này là một tội lỗi, cứ như thể tình yêu được tạo ra cho các cụ già. Tất cả các bài học dối lừa mà trái tim phản đối, không hề thuyết phục được ai. Chàng thanh niên bị dẫn dắt bởi một bản năng vững chắc hơn, đang cười thầm những châm ngôn tẻ nhạt mà anh ta làm ra vẻ tán thành, và chỉ đợi có lúc để vô hiệu hóa chúng. Mọi chuyện ấy là trái tự nhiên. Trong khi đi theo một con đường ngược lại, tôi sẽ đạt tới cùng một mục đích ấy một cách chắc chắn hơn. Tôi sẽ không hề e ngại việc mơn trớn những tình cảm dịu ngọt ở anh mà đó là thứ anh đang khao khát; tôi miêu tả cho anh thấy đó là hạnh phúc cao nhất của cuộc đời, bởi vì thực sự nó là như thế; trong khi ca ngợi điều đó với anh ta, tôi muốn anh ta buông lòng mình vào đó; trong khi làm cho anh ta cảm nhận được rằng ngoài sức cuốn hút của nhục cảm lại có thêm sự gắn bó của những trái tim thì say mê đến thế nào, tôi làm cho anh ta chán ngấy thói phóng đãng, và tôi làm cho anh ta trở nên hiền minh trong khi làm cho anh ta biết yêu.

Thật phải thiển cận mới chỉ coi những dục vọng đang nảy sinh ở một người thanh niên là những cản trở cho các bài học của lý trí! Tôi thì tôi coi đó là phương tiện thật sự để làm cho anh ta dễ bảo trong chính các bài học ấy. Người ta chỉ tác động đến các đam mê bằng các đam mê; chính là phải nhờ vào thế lực của chúng mà chống lại sự câu thúc của chúng, và chính là phải

luôn luôn xuất phát từ bản thân tự nhiên mới tìm ra được những phương tiện đặc hiệu để điều chỉnh nó.

Émile không phải được tạo ra để sống cô độc mãi; là một thành viên của xã hội, cậu phải làm tròn các nghĩa vụ xã hội. Sinh ra ở đời để sống với mọi người, cậu phải hiểu biết họ. Cậu hiểu biết con người nói chung, cậu còn phải biết các cá nhân. Cậu biết rõ những gì người ta làm ở ngoài đời; cậu còn phải thấy rõ người ta sống ra sao ở đó. Bây giờ đến lúc chỉ cho cậu thấy mặt ngoài của sân khấu rộng lớn ấy mà cậu đã biết tất cả các trò giấu bên trong. Cậu sẽ không còn đem theo vào đó sự thán phục sững sờ của một chàng trai dại khờ nữa, mà là sự phân biệt của một trí tuệ ngay thẳng và công bằng. Các đam mê có thể lừa dối cậu, chắc hẳn là vậy; có bao giờ đam mê không lừa dối những ai buông mình vào đó? Nhưng ít ra cậu sẽ không bị những đam mê của người khác lừa dối. Nếu nhìn thấy những đam mê ấy, cậu sẽ nhìn chúng bằng con mắt của hiền nhân, không bị lôi cuốn vì những tấm gương đó cũng không bị quyến rũ vì những thiên kiến của chúng.

Giống như có một lứa tuổi đặc biệt thuận lợi cho việc học các khoa học, cũng có một độ tuổi như thế để nắm vững tập quán ở đời. Ai học được tập quán này lúc quá trẻ thì nó đeo đẳng anh ta suốt đời, chẳng có lựa chọn, chẳng hề suy xét, và, cho dù là tự phụ đấy, nhưng chẳng bao giờ biết rõ được mình đang làm gì. Nhưng ai học được tập quán của người đời mà lại nhìn rõ được các lý lẽ trong đó, thì theo tập quán đó có suy xét hơn và kết quả là đúng đắn hơn và tao nhã hơn. Hãy giao cho tôi một đứa trẻ mười hai tuổi còn chưa hiểu biết gì hết, đến năm nó mười lăm tuổi tôi trao nó lại cho quý vị và nó trở nên ngang tầm hiểu biết đứa trẻ được quý vị dạy dỗ từ tuổi thơ, với sự khác biệt là ở chỗ sự hiểu biết của đứa trẻ của quý vị sẽ chỉ là trong trí nhớ của nó, còn đứa trẻ của tôi thì sự hiểu biết ấy lại trong sự phán đoán của nó. Cũng giống như vậy, quý vị hãy đưa một chàng trai hai mươi tuổi vào đời, đã được hướng dẫn chu đáo thì một năm sau anh ta sẽ trở nên dễ mến hơn và văn minh chững chạc hơn chàng trai được ta nuôi dưỡng trong cuộc sống giao tế từ thời thơ ấu của nó: vì lẽ anh chàng thứ nhất vì có khả năng cảm nhận được lý do của mọi cách cư xử tương ứng với lứa tuổi, với tình huống, với giới tính là những điều hợp thành tập quán ấy, anh ta có thể rút gọn chúng thành những nguyên tắc, và lại có thể mở rộng chúng ra cho những trường hợp bất ngờ xảy đến; trong khi anh chàng kia chỉ biết lệ thường nếp cũ của mình như mọi quy tắc, lập tức bị bối rối khi người ta đưa anh ta ra khỏi nếp quen đó.

Các tiểu thư Pháp đều hoàn toàn được giáo dục trong các trường nội trú cho đến khi gả chồng. Ta thấy rằng các cô lúc đó thật khó nắm bắt được những cung cách mà đối với các cô, chúng thật quá mới mẻ? Và người ta sẽ có thể cáo buộc các phụ nữ Paris là có thái độ vụng về, lúng túng, và không biết rõ tập quán của giới thượng lưu chỉ vì không được để sống trong đó từ tuổi thơ của họ không? Thành kiến ấy xuất phát từ bản thân những người của giới thượng lưu, những người không biết có gì là quan trọng hơn cái hiểu biết nhỏ mọn này, cứ lầm tưởng rằng người ta không thể tiến hành quá sớm để tiếp thu được cái hiểu biết ấy.

Thật ra cũng chẳng nên chờ đợi quá lâu. Ai đã trải qua suốt cả tuổi thanh xuân xa cách với giới thượng lưu thì trong suốt phần đời còn lại của mình, nếu phải ở đó thì anh ta mang theo một thái độ lúng túng, gò bó, một sự trò chuyện luôn luôn lạc lõng, những cung cách thiếu tế nhị và vụng về, mà thói quen sống ở đó không sao gột rửa đi được, có cố gắng trút bỏ những cái đó thì chỉ chuốc lấy những điều lố bịch mới mà thôi. Từng loại giáo dục có thời khắc riêng của nó mà ta phải biết, và những hiểm nguy của nó mà ta cần tránh. Nhất là đối với loại giáo dục này, có những hiểm nguy chết chồng; nhưng tôi cũng không để mặc cho học trò của tôi ở đó mà không đề phòng để đảm bảo tránh được cho cậu khỏi lâm nguy.

Khi phương pháp của tôi khiến cho mọi dự kiến đều nhằm vào cũng một mục tiêu, và, trong khi tránh được một khó khăn, thì nó lại đón trước được một khó khăn khác, thế thì tôi đánh giá nó là tốt, và thế là tôi đang làm đúng. Đó là điều tôi cho là mình đã nhìn thấy ở thủ pháp mà nó gợi ra cho tôi ở đây. Nếu tôi muốn đối xử nghiêm khắc và khô khan với đệ tử của mình, tôi sẽ đánh mất lòng tin của anh ta và chẳng mấy chốc, anh ta sẽ giấu giếm tôi mọi việc. Nếu tôi lại muốn đối xử cho vừa ý anh ta, dễ dãi, hoặc nhắm mắt làm ngơ, thì còn gì để làm cho anh ta chịu sự trông nom của tôi? Tôi chỉ cho phép sự mất trật tự của anh ta, và làm nhẹ nhõm lương tâm của anh ta bằng lương tâm của mình. Nếu tôi đưa anh ta vào đời với một dự kiến độc nhất là để dạy dỗ anh ta, anh ta sẽ tự học được nhiều hơn điều tôi mong muốn. Nếu tôi cứ giữ anh ta xa cách với đời đến cùng, thì anh ta sẽ còn học được gì ở tôi nữa? Có thể là đủ thứ đấy, trừ cái nghệ thuật cần nhất cho con người và cho người công dân, đó là biết cách sống với đồng loại của mình. Nếu tôi lại đặt cho những chăm sóc này một lợi ích quá xa xôi, thì đối với anh ta lợi ích này kể như bằng không, anh ta chỉ coi trọng hiện tại. Nếu tôi chỉ vui lòng bày trò du hí cho anh ta, thì phỏng có ích gì cho anh ta? Anh ta mềm yếu đi và không tự mình học được gì nữa.

Mọi chuyện đó đều không hề có. Riêng thủ pháp của tôi là đủ để bù cho tất cả. Tôi bảo chàng trai: trái tim con đang cần một người bạn tình; chúng ta hãy tìm một cô nào phù hợp với con; có thể là chúng ta sẽ không dễ dàng kiếm được cô ta, cái có giá trị thực sự bao giờ cũng hiếm hoi; nhưng chúng ta không hề vội vã và chẳng hề nản lòng. Hẳn là phải có một cô như thế và rốt cuộc rồi chúng ta cũng sẽ tìm được cô ta, hay ít ra là tìm được một cô gần được như thế hơn cả. Với một dự kiến làm anh ta thích thú đến thế, tôi đưa anh ta đến với mọi người. Tôi còn cần phải nói gì thêm về chuyện này nữa? Quý vị không thấy rằng tôi đã làm tất cả rồi sao?

Trong khi miêu tả với anh ta về người tình mà tôi dự định cho anh, quý vị hãy tưởng tượng xem liệu tôi làm anh ta nghe theo tôi, tôi có làm cho anh ta thích thú và quý trọng những phẩm chất mà anh ta phải yêu, liệu tôi sẽ huy động được mọi tình cảm của anh ta cho cái mà anh ta phải tìm kiếm hoặc anh ta phải tránh xa hay không. Có chăng tôi phải là một con người vụng dại nhất, nếu tôi không sớm làm được cho anh ta say mê trước mà chẳng biết người nọ là thế nào. Bất chấp đối tượng mà tôi mô tả cho anh ta chỉ là do tưởng tượng mà ra, chỉ cần đối tượng ấy làm cho anh ta chán ngấy những đối tượng có thể quyến rũ anh ta, chỉ cần anh ta tìm ở đâu cũng thấy những so sánh làm cho anh ta ưa chuộng hơn cái mơ tưởng của mình so với các đối tượng sẽ gây xúc động cho anh ta trong hiện thực: và bản thân tình yêu chân chính là gì, nếu chẳng phải là mơ tưởng, là dối trá, là ảo ảnh? Ta yêu mến hình ảnh mà ta tạo ra nhiều hơn là đối tượng mà ta đem hình ảnh ấy ghép vào. Nếu ta lại thấy rõ đối tượng mà ta đem lòng yêu mến đúng như đối tượng ấy vốn là như thế, thì trên Trái đất này còn làm gì có tình yêu. Khi ta không còn yêu nữa, con người mà ta yêu vẫn cứ là chính con người ấy lúc trước, mà ta lại không còn thấy hình bóng xưa, tấm màn dụ hoặc rơi xuống, và tình yêu tan biến. Thế thì trong khi đưa ra đối tượng tưởng tượng, tôi làm chủ được những sự so sánh, và tôi dễ dàng ngăn chặn được ảo tưởng về những đối tượng có thực.

Tôi không muốn vì điều đó mà người ta lừa dối một chàng trai khi tô vẽ cho một hình mẫu của một sự hoàn thiện không thể nào có thực; nhưng tôi sẽ lựa chọn các nhược điểm của bạn gái anh ta, sao cho những nhược điểm ấy phù hợp với anh, mà anh thích chúng, và chúng giúp vào việc sửa chữa những nhược điểm của anh. Tôi cũng không muốn người ta nói dối anh, trong khi vờ thừa nhận rằng đối tượng mà người ta mô tả với anh ta là có thực; mà nếu thích hình ảnh này anh ta sẽ mong ước sớm tìm được nguyên bản của nó. Từ ước nguyện đến giả định, tiến trình thật dễ dàng; đó là việc của một vài sự mô

tả khéo léo thế nào đó, để qua vài nét gợi cảm hơn sẽ tạo cho cái đối tượng tưởng tượng ra này một dáng vẻ thật hơn nhiều. Tôi muốn đi tới chỗ đặt tên cho đối tượng; tôi vừa cười vừa nói: Chúng ta hãy gọi cô bạn gái tương lai của anh là *Sophie*: Sophie là một cái tên mang điềm lành: nếu như cô gái mà anh chọn không mang tên ấy, thì ít ra, cô cũng xứng đáng được mang tên ấy; qua đó chúng ta có thể tôn vinh trước cho cô. Tiếp sau mọi chi tiết này, nếu, không xác nhận, không từ chối, chúng ta thoát ra được nhờ những sự thoái thác, thì những nghi ngại của anh ta sẽ biến thành sự tin chắc, anh ta sẽ cho rằng người ta làm ra vẻ bí mật về người vợ mà họ đã nhằm cho anh, và khi đến thời điểm anh sẽ được thấy cô. Một khi anh đã đến chỗ đó, và khi ta đã lựa chọn kỹ các nét cần chỉ cho anh ta thấy, thì mọi việc còn lại thật dễ dàng; người ta có thể đưa anh ta vào giới giao tiếp hầu như chẳng có nguy cơ gì, chỉ cần bảo vệ anh ta trước nhục cảm, tấm lòng anh được an toàn.

Nhưng, hoặc là anh ta có nhân hình hoá được hay không cái hình mẫu mà tôi đã biết cách làm cho anh ta cảm thấy đáng yêu, hình mẫu này nếu được tạo ra thật thành công, sẽ chỉ bớt làm cho anh ta quyến luyến với tất cả những ai giống nó, và sẽ chỉ bớt khiến cho anh ta xa lánh tất cả những người không giống nó, nếu như anh ta đã có một đối tượng có thực. Thật là thuận tiện biết bao cho việc phòng ngừa các hiểm nguy cho trái tim anh ta mà con người anh ta có thể sa vào, cho việc tiết chế nhục cảm của anh ta bằng trí tưởng tượng của bản thân, cho việc bứt anh ta ra khỏi trước hết là những bà những cô ban phát sự dạy dỗ quá đắt giá và chỉ đào tạo một chàng thanh niên cho sự lịch thiệp bằng cách tước đi hết của anh ta mọi sự chính trực! Sophie thật quá khiêm nhường! Bằng con mắt nào mà anh ta sẽ nhìn thấy sự mời chào ngỏ ý của các bà các cô nọ? Sophie thật giản dị biết bao! Làm sao anh ta yêu thích được điệu bộ của các bà các cô? Thật là quá xa giữa các ý tưởng và các nhận xét của anh ta, thành thử những nhận xét ấy không bao giờ nguy hiểm với anh ta nữa.

Tất cả những ai nói về việc quản lý trẻ con đều theo cùng những thành kiến như nhau và những châm ngôn như nhau bởi vì họ quan sát sai và suy nghĩ lại còn sai hơn. Thế là chẳng phải do khí chất cũng chẳng phải do nhục cảm mà sinh ra sự lầm lẫn của tuổi trẻ, chính là do dư luận. Nếu đây là vấn đề của các em trai được dạy dỗ trong trường trung học và các thiếu nữ trong các trường nội trú, tôi sẽ cho thấy rằng điều đó là đúng, ngay cả đối với họ, bởi lẽ những bài học đầu tiên mà những em trai và em gái học được, những thứ độc nhất có kết quả chính là các bài học của thói xấu; và chẳng phải tự nhiên làm hư hỏng chúng, chính là do sự làm gương. Nhưng chúng ta hãy bỏ mặc các học

sinh ở ký túc xá của các trường trung học và các trường nữ học nội trú cho các thói xấu của chúng; những tật xấu ấy sẽ mãi mãi là vô phương cứu chữa. Tôi chỉ nói về việc giáo dục tại gia. Chúng ta hãy lấy một chàng trai được nuôi dạy khéo léo trong ngôi nhà của cha chàng ở tỉnh lẻ, và hãy quan sát kỹ anh ta lúc đến Paris hay là lúc anh ta bước vào giới giao tiếp; quý vị sẽ thấy anh ta rõ ràng là đang suy nghĩ đúng đắn về những chuyện tử tế, và đang có ý chí cũng lành mạnh y như lý tính; quý vị sẽ thấy anh ta khinh rẻ thói xấu và ghê tởm sự trụy lạc; chỉ nghe đến một cái tên của cô điếm thôi, quý vị sẽ nhìn thấy trong ánh mắt anh ta cái công phẫn của sự trong trắng. Tôi khẳng định rằng chẳng có một ai có thể quyết định một mình đi vào những nơi trú ngụ thảm sầu của những cô gái khốn khổ ấy trừ phi con người ấy đã có thói quen vào đó, và anh ta cảm thấy có nhu cầu về nó.

Sáu tháng sau đó, quý vị hãy xem xét thêm một lần nữa chính chàng trai ấy, quý vị sẽ không còn nhận ra được anh ta nữa; những cuộc chuyện trò thoải mái, những châm ngôn cất cao giọng, những dáng vẻ thư thái sẽ khiến ta tưởng anh ta là một người khác, nếu những câu pha trò của anh ta về tình trạng chất phác ban đầu của mình, và sự hổ thẹn của anh ta khi có người nhắc lại sự chất phác ấy không chỉ ra rằng anh ta vẫn là con người ấy và anh ta đỏ mặt vì điều đó. Ôi, anh ta đã tự đào tạo biết bao nhiêu trong một thời gian ngắn ngủi! Sự thay đổi lớn đến thế và đột ngột đến thế do đâu mà có vậy? Do sự phát triển của khí chất? Khí chất của anh ta chẳng lẽ không được phát triển y như thế ở nhà cha mẹ hay sao! Và chắc chắn là ở đó anh ta chẳng hề có cái giọng điệu ấy lẫn những châm ngôn này. Hay lại do những lạc thú đầu tiên của nhục cảm? Hoàn toàn là ngược lại: khi người ta bắt đầu dấn thân vào đó, người ta e ngại, lo lắng, người ta lánh mặt ban ngày và tránh xa chỗ ồn ào. Những thích thú đầu tiên bao giờ cũng huyền diệu, sự e lệ lại tô điểm thêm cho các thú vị ấy và che giấu cho chúng: người tình đầu tiên không làm anh trơ trẽn mà là làm cho anh nhút nhát. Hoàn toàn bị thu hút vào một tình trạng quá mới mẻ với anh ta, chàng trai trầm tư để thưởng thức nó, và luôn luôn run sợ đánh mất nó. Nếu anh ta làm ồn ào thì anh ta chẳng khoái trá thú vị mà cũng không đa tình âu yếm; chừng nào mà anh ta còn huênh hoang tức là anh ta chưa hưởng thụ.

Những cách suy nghĩ khác cũng sinh ra những dị biệt này. Tấm lòng anh ta thì vẫn như vậy nhưng các ý kiến của anh ta đã thay đổi. Những tình cảm của anh ta chậm biến chất hơn, nhưng rốt cuộc rồi cũng sẽ biến chất đi vì chúng; và chính là chỉ đến lúc đó anh ta mới thực sự là hư hỏng. Vừa mới bước

vào giới giao tiếp, anh ta hấp thụ ngay được ở đó một sự giáo dục khác hoàn toàn trái ngược với sự giáo dục lúc đầu, theo sự giáo dục khác ấy anh ta học được sự khinh bỉ cái anh ta từng yêu mến và quý mến cái anh ta từng khinh bỉ: người ta làm cho anh ta coi các bài học của cha mẹ và của các thầy giáo của anh ta như điều khó nghe mang tính thông thái rởm đời, và những bổn phận mà họ khuyên bảo anh như là thứ luân lý dành cho trẻ con mà khi lớn lên người ta phải không thèm đếm xỉa gì đến nữa. Anh ta tự cho là vì danh dự mà mình phải thay đổi cách cư xử; anh ta trở nên bạo dạn với phụ nữ dù chẳng có ham muốn, và hợm hĩnh những điều xấu hổ không phải lỗi. Anh ta chế giễu các phẩm hạnh tốt trước khi tập nhiễm sự ham thích các tính xấu, và tự phụ về thói dâm đãng mà không biết sống trụy lạc. Tôi không bao giờ quên được lời thú nhận của một anh chàng sĩ quan trẻ trong đội quân ngự lâm người Thụy Sĩ, anh ta rất phiền lòng về những thú ăn chơi đàng điếm bỏ bã của các bạn mình, và chẳng dám khước từ các cuộc chơi bời ấy vì sợ bị họ chế giễu: anh ta nói: "Tôi tập chơi bời như vậy giống như tập hút thuốc cho dù mình ghê sợ: sự ham thích sẽ đến do thói quen; không thể nào cứ làm trẻ con mãi được."

Vậy như thế là, cần phải phòng ngừa sự dâm dục thật là ít hơn nhiều so với tính kiêu ngạo sĩ diện hão cho một chàng trai khi bước vào giới giao tiếp; anh ta thuận theo các khuynh hướng của người khác nhiều hơn là các khuynh hướng của mình, và lòng tự ái tạo nên sự phóng đãng nhiều hơn tình yêu.

Nếu vậy thì, tôi thử hỏi liệu có một ai trên khắp Trái đất này được trang bị tốt hơn anh chàng của tôi để chống lại mọi thứ có thể tấn công vào các cách cư xử, các tình cảm, các nguyên tắc của anh ta không; liệu có một ai có nhiều khả năng hơn để cưỡng lại được dòng thác cuốn mình đi chăng. Vì có sự quyến rũ nào mà anh ta không kháng cự được? Nếu những ham muốn lôi kéo anh ta đến với tình dục, anh ta không thấy ở đó cái mà anh tìm kiếm, và trái tim lo lắng của anh ta giữ anh ta lại. Nếu nhục cảm có thôi thúc và giục giã anh ta thì anh ta sẽ tìm được chỗ nào để thoả mãn chúng? Sự ghê tởm tệ ngoại tình và thói trụy lạc làm anh ta lánh xa các cô gái điếm cũng như những người đàn bà có chồng và bao giờ cũng chính là từ một trong hai tình huống này mà khởi phát những quậy phá của tuổi trẻ. Một cô gái đến tuổi lấy chồng có thể hay làm đỏm nhưng cô ta sẽ không trơ trẽn, cô ta sẽ không đâm bổ vào một chàng trai có thể cưới cô, nếu anh tin cô là người hiền thục; vả chăng, cô ta sẽ có ai đó trông nom cho mình. Émile thì về phần anh cũng sẽ không phải được phó mặc cho bản thân mình; cả hai ít ra là đều có sự e sợ và xấu hổ làm kẻ bảo vệ,

nỗi e sợ và xấu hổ này không tách rời những ham muốn đầu tiên; họ sẽ không chuyển ngay lập tức sang những thân mật cuối cùng, và sẽ không có thời gian đạt tới sự thân mật đó theo từng mức độ mà không có cản trở. Muốn đạt tới đó cách khác thì anh ta lại phải nắm chắc được bài học của bạn bè, anh ta học được ở họ cách tự chế giễu mình về sự kiềm chế của mình, và trở nên ngạo mạn về việc bắt chước chúng. Nhưng có ai ở đời này là kẻ bắt chước kém cỏi hơn Émile? Có người nào ít có giọng đùa cợt hơn kẻ không hề có thiên kiến gì và không biết đoán ra những thành kiến của người khác? Tôi đã dành hai mươi năm làm việc để trang bị cho anh ta chống chọi với những kẻ giễu cợt, và họ phải tốn vô khối thời gian mới làm cho anh ta dễ bị họ lừa; vì trò cười dưới con mắt anh chỉ là lý lẽ của những kẻ ngu ngốc và chẳng có gì làm cho anh ta vô cảm với những lời nhạo báng chế giễu bằng cách sống bên trên dư luận. Thay cho những sự đùa vui, anh ta cần các lý lẽ; và, chừng nào anh ta đã đạt tới điều đó, tôi không còn ngại gì những chàng trai điên khùng nọ chiếm mất anh ta; tôi có lương tâm và chân lý ủng hộ mình. Nếu như có bị thiên kiến can dự vào đó, thì sự gắn bó suốt hai mươi năm trời cũng là một cái gì đó: người ta không sao làm được cho anh ta tin rằng tôi đã làm phiền anh ta bằng những bài học vô bổ; và trong một trái tim ngay thẳng và nhạy cảm thì tiếng nói của một người bạn trung thành và chân thật sẽ xoá hết những lời kêu gọi của hai chục kẻ quyến rũ. Thế thì vấn đề còn lại chỉ là vạch rõ cho anh ta thấy rằng họ lừa anh đấy, rằng trong khi giả vờ coi anh là người lớn thì thực ra họ đối xử với anh như với trẻ con, tôi sẽ làm sao cho luôn luôn thật giản dị, nhưng trang nghiêm và minh bạch trong cách lập luận của mình, nhằm làm cho anh ta cảm nhận được là tôi đối xử với anh như với người lớn. Tôi bảo anh: "Con thấy rằng lợi ích độc nhất của con cũng là lợi ích của ta, xui khiến nên những lời ta nói, ta không thể nào có lời nói khác trong chuyện này. Nhưng tại sao những thanh niên ấy muốn thuyết phục được con? Chính vì chúng muốn làm hư con: chúng chẳng hề yêu quý gì con, chúng chẳng có mối quan tâm nào đến con, toàn bộ động cơ của chúng là sự bực tức ngấm ngầm thấy con có giá trị hơn chúng; chúng muốn hạ thấp con xuống ngang tầm nhỏ nhen của chúng, và chúng chỉ chê trách việc con chịu sự quản lí nhằm mục đích là để chính chúng quản lí được con. Liệu con có thể tin được rằng con có lợi trong sự chuyển biến này không? Vậy sự thông thái của chúng có cao đến thế và sự gắn bó nhất thời của chúng có chặt chẽ hơn sự gắn bó với con của ta không? Muốn cho sự chế giễu của chúng có sức nặng nào đó, thì cần phải đem lại cho uy tín của chúng sức nặng ấy; và chúng có những kinh nghiệm gì để đề cao được các

châm ngôn của chúng hơn các châm ngôn của chúng ta? Chúng chỉ bắt chước những kẻ dại dột khác, giống như đến lượt chúng lại muốn được người khác bắt chước. Để vượt lên trên những điều gọi là những thiên kiến của cha anh chúng, thì chúng lại phục tòng các thiên kiến của bạn bè chúng. Tôi chẳng thấy chúng được gì trong chuyện này: nhưng tôi thấy rõ là chúng mất chắc hai lợi thế lớn lao: lợi thế về sự gắn bó của cha mẹ, mà các lời khuyên đều dịu hiền và chân thành, và lợi thế của sự trải nghiệm, nó bắt ta phán đoán về những gì người ta biết; bởi vì những người cha đều đã từng làm con, còn những người con chưa từng làm cha.

> "Nhưng con có tin rằng ít ra là chúng chân thành trong những câu châm ngôn điên rồ của chúng? Ngay cả điều đó cũng không nốt, Émile thân mến ạ. Chúng tự dối mình để lừa dối con; chúng không hề bằng lòng với chính bản thân chúng; trái tim chúng luôn luôn chối bỏ chúng, và thường là miệng chúng lại mâu thuẫn với chúng. Kẻ nào đó trong bọn chúng cười nhạo tất cả những gì tử tế, kẻ đó sẽ trở nên tuyệt vọng khi vợ hắn cũng suy nghĩ giống hắn. Còn kẻ khác nào đó trong bọn chúng sẽ đẩy sự dửng dưng vô tình về phẩm hạnh đến tận phẩm hạnh của người vợ mà hắn còn chưa có, hoặc là, tận đỉnh cao của sự bỉ ổi, về phẩm hạnh của người vợ mà hắn đã có. Nhưng hãy đi xa hơn nữa, hãy nói với hắn về mẹ hắn và con xem liệu hắn có sẵn lòng coi hắn là một đứa con ngoại hôn và là con trai của một người đàn bà bất chính, là nhận xằng một dòng họ, là đánh cắp lấy cái quyền thừa kế tự nhiên; cuối cùng liệu hắn có đành để bị đối xử như đứa con hoang hay không. Ai là người trong bọn chúng sẽ muốn người ta chuốc cho con gái mình sự ô danh mà hắn khiến cho em gái kẻ khác đang gánh chịu? Ở đây chẳng có kẻ nào là không xâm hại ngay cả tính mạng của con, nếu trong thực tế con ứng dụng với hắn mọi nguyên tắc mà hắn cố truyền cho con. Chính là như thế mà rốt cuộc, chúng bộc lộ ra cái không nhất quán của chúng, và người ta cảm thấy không có kẻ nào trong bọn chúng tin vào điều kẻ đó nói ra. Đó là những lí lẽ, Émile thân mến: hãy cân nhắc lý lẽ của chúng, nếu đó là lý lẽ, và hãy so sánh đi. Nếu ta muốn đối xử khinh miệt và chế giễu như bọn chúng, thì con sẽ thấy chúng hứng lấy sự lố bịch có thể là ngang bằng hay lại còn nhiều hơn ta. Nhưng ta không e ngại một cuộc thử thách nghiêm chỉnh. Thắng lợi của kẻ hay chế giễu là ngắn ngủi; sự thật vẫn đứng vững, và tiếng cười rồ dại của chúng tắt ngấm."

Quý vị không tưởng tượng được rằng Émile ở tuổi hai mươi lại có thể là dễ bảo. Chúng ta suy nghĩ khác nhau làm sao! Còn tôi, tôi không quan niệm được cậu đã có thể dễ bảo vào năm lên mười; là vì tôi có cách gì mà nắm bắt được cậu ở độ tuổi ấy? Tôi đã phải cần đến mười lăm năm chăm sóc để mà chuẩn bị được cho mình cách nắm bắt này. Thời đó tôi không giáo dục cậu, mà chuẩn bị cho cậu được giáo dục. Bây giờ thì cậu được giáo dục đủ để trở thành dễ bảo; cậu nhận ra tiếng nói của tình bạn, và cậu biết nghe theo lí trí. Quả thực là tôi để cho cậu có vẻ ngoài độc lập, nhưng chưa bao giờ cậu lệ thuộc hơn với tôi, bởi cậu như vậy là vì cậu muốn thế. Chừng nào tôi chưa thể làm chủ ý chí của cậu, thì tôi vẫn làm chủ con người cậu; tôi không rời cậu một bước. Hiện thời tôi đôi khi để cậu cho chính cậu, bởi vì tôi luôn luôn quản lí cậu, khi rời xa cậu tôi ôm hôn cậu và bảo cậu với thái độ tin chắc: Émile, ta tin ở anh bạn của ta, ta giao phó con cho trái tim trung thực của con; chính là trái tim con sẽ trả lời cho ta về con.

Không phải là chuyện chốc lát mà làm hỏng được những xúc cảm lành mạnh trước đây chưa bao giờ bị hủy hoại, và lại xóa bỏ được những nguyên tắc được suy diễn trực tiếp từ ánh sáng hiểu biết đầu tiên của lí trí. Nếu có sự thay đổi gì đó trong lúc tôi vắng mặt thì nó sẽ không khi nào đủ lâu dài, cậu sẽ không bao giờ trốn được tôi đủ kỹ để tôi không nhận ra nguy cơ trước cái xấu, và để tôi không kịp thời tìm ra phương cứu chữa. Như người ta không thể nào bất thình lình sinh ra đồi bại, người ta cũng không bất thình lình học được cách che giấu; và nếu xưa nay có con người nào vụng về trong cái nghệ thuật ấy thì chính là Émile, người mà suốt đời chẳng có lấy một cơ hội độc nhất sử dụng đến nó.

Bằng các cách chăm sóc ấy và các cách tương tự tôi tin rằng tránh được cho anh ta khỏi các đối tượng xa lạ và những châm ngôn dung tục, tôi ưng được thấy anh ta giữa nơi xã hội tệ hại nhất của Paris hơn là một mình trong phòng riêng hay trong công viên, phó mặc cho toàn bộ mối bồn chồn áy náy của độ tuổi anh ta. Người ta có làm gì đi nữa thì trong mọi kẻ thù có thể tấn công chàng trai, kẻ nguy hiểm nhất và là kẻ độc nhất mà người ta không sao tách nó ra được, chính là bản thân anh ta: kẻ thù này tuy thế lại chỉ nguy hiểm do lỗi của chúng ta; bởi lẽ, như tôi đã nói hàng ngàn lần, chính là có mỗi một sự tưởng tượng là thức tỉnh được nhục cảm. Nhu cầu của nó thực chất không phải là một nhu cầu thể chất: thật không hẳn đó là một nhu cầu thực sự. Nếu chưa từng có đối tượng lẳng lơ đập vào mắt chúng ta, nếu chưa từng có ý định không đúng đắn len lỏi vào đầu óc chúng ta thì có thể là cái nhu cầu giả danh

này cũng chưa từng làm cho chúng ta cảm nhận được; và chúng ta sẽ vẫn còn trong trắng, không ham muốn, không phải cố gắng, không phải tạo ra công cán gì. Người ta không biết được là những tình huống nào đó, những cảnh tượng nào đó làm dấy men thầm kín trong dòng máu của tuổi trẻ, mà tuổi trẻ lại không biết tự mình làm sáng tỏ cái nguyên nhân của nỗi bứt rứt đầu tiên này, chẳng dễ dàng gì mà xoa dịu được, và nó lại xuất hiện sau đó không lâu la gì. Với tôi thì, càng suy nghĩ về cuộc khủng hoảng quan trọng này với những nguyên nhân gần hoặc xa của nó, tôi lại càng tự thuyết phục mình rằng một kẻ cô đơn được lớn lên trong hoang mạc, không sách vở, không giáo dục, không có đàn bà, thì chết ở đó còn trinh nguyên dù ở độ tuổi nào.

Nhưng ở đây lại không phải là vấn đề của một người hoang dã loại này. Trong khi giáo dục một con người sống giữa đồng loại và cho xã hội, thì không thể nào, không thể nói đến chuyện nuôi dưỡng anh ta mãi trong sự ngu dốt có ích ấy; và điều tệ hại cho sự khôn ngoan là thông thái nửa vời. Kỷ niệm về các đối tượng đã từng làm cho ta xúc động, các ý tưởng mà ta đã tiếp nhận, theo ta đến tận nơi ẩn cư, lại còn nảy nở thêm vào đó, ngoài ý muốn của ta, những hình ảnh còn quyến rũ hơn cả chính các đối tượng đã từng gặp, và làm cho sự cô đơn thành độc hại cho kẻ nào còn giữ khư khư các hoài niệm đó, y như sự cô đơn là có ích cho kẻ nào đứng vững được một mình ở đó.

Vậy thì hãy coi sóc cẩn thận cho chàng trai trẻ, anh ta sẽ tự mình tránh khỏi mọi cái còn lại; nhưng chính là quý vị phải đảm bảo về anh ta cho anh ta. Đừng có để anh ta một mình cả ngày lẫn đêm, chí ít là hãy ngủ trong phòng của anh ta: làm sao cho anh ta chỉ đi nằm khi buồn ngủ và ra khỏi giường ngay khi tỉnh dậy. Quý vị hãy phòng ngừa bản năng ngay khi quý vị không tự mình hạn chế mình ở đó: bản năng là tốt đẹp khi nó tác động riêng lẻ; nó là đáng ngờ khi trà trộn vào các thể chế của con người: không được tiêu diệt nó mà phải điều chỉnh nó; và điều đó có thể lại còn khó hơn là thủ tiêu nó. Sẽ là rất nguy hiểm nếu bản năng dạy được cho học trò của quý vị biết lừa phỉnh nhục cảm của mình và bù đắp cho các dịp thoả mãn chúng: nếu anh ta biết được một lần sự thế chân nguy hiểm ấy, anh ta hỏng rồi. Kể từ lúc ấy luôn luôn anh ta có một thể xác và một con tim căng thẳng, anh ta mang theo tận xuống đáy mồ những hậu quả đáng buồn của thói quen này, là cái thói quen bi thảm nhất mà một thanh niên có thể bị buộc chặt vào. Rõ ràng là chẳng thà... còn hơn. Nếu những điều quá khích của một khí chất nồng nhiệt trở nên không chế ngự nổi, thì Émile thân yêu của ta, ta ái ngại cho con; nhưng ta sẽ không hề do dự chút nào, ta sẽ không chịu nổi cái mục đích của tự nhiên bị lảng tránh. Nếu

cần phải có một kẻ chuyên chế để chinh phục con, thì ta ưng giao phó con cho cái kẻ chuyên chế mà ta có thể giải thoát con khỏi kẻ đó: dù có xảy ra chuyện gì, thì ta cũng sẽ bứt con ra khỏi đàn bà dễ dàng hơn là ra khỏi bản thân con.

Cho đến hai mươi tuổi, thân xác tăng trưởng, nó cần đến toàn bộ chất liệu của mình: sự tiết dục lúc đó là nằm trong trật tự của tự nhiên, và người ta hầu như chỉ bỏ qua điều đó với sự thiệt hại cho thể trạng của mình. Từ hai mươi tuổi trở đi thì sự tiết dục là một nghĩa vụ mang tính đạo đức; nó cần thiết để học cách chế ngự được bản thân, để học cách làm chủ được những thèm muốn. Nghĩa vụ đạo đức có những sự điều chuyển, những ngoại lệ, những quy tắc của nó. Khi sự mềm yếu của con người đem lại một thế buộc phải chọn lựa không sao tránh được thì giữa hai cái hại thì chúng ta hãy ưng chọn cái hại nhỏ hơn; dù sao đi nữa thì phạm một lỗi còn hơn là nhiễm một thói xấu.

Xin quý vị nhớ cho rằng ở đây không phải là tôi còn nói về học trò của mình mà là nói về học trò của quý vị. Những đam mê của nó, mà quý vị đã để cho dấy men lên, đang khuất phục quý vị: vậy thì quý vị hãy công khai chịu thua nó đi, và đừng có che đậy thành tích của nó. Nếu quý vị biết vạch trần cái thành tích ấy cho người học trò của quý vị, thì anh ta sẽ xấu hổ nhiều hơn là tự hào, và quý vị sẽ thu xếp được cho mình cái quyền dắt dẫn anh ta suốt trong sự lầm lạc của anh ta, ít ra là để tránh cho anh ta khỏi sa xuống vực thẳm. Điều quan trọng là người đệ tử không làm điều gì mà người thầy không biết và không muốn, ngay cả khi điều ấy là xấu; nếu người sư phó tán thành một lỗi và mắc lầm lẫn thì còn tốt hơn hàng trăm lần so với ông ta bị học trò lừa, và cái lỗi được thực hiện mà ông ta không hề hay biết gì. Ai tưởng rằng phải nhắm mắt trước một sự việc nào đó thì chẳng mấy chốc tự thấy mình buộc phải nhắm mắt bỏ qua cho mọi sự: sự sai lầm được tha thứ lần đầu dẫn đến một sai lầm khác: và cái dây chuyền này chỉ chấm dứt bằng sự đảo lộn mọi trật tự và sự coi thường mọi luật lệ.

Một sai lầm khác mà tôi đã từng khắc phục, nhưng nó không bao giờ xuất phát từ những đầu óc nhỏ mọn, đó là luôn luôn tỏ ra phong thể đạo mạo của người thầy, và mong muốn được coi như một con người hoàn hảo trong đầu óc đệ tử của mình. Phương pháp này là vô lý. Làm sao mà họ không thấy rằng trong khi muốn xiết chặt quyền uy của mình thì họ đã thủ tiêu nó; rằng muốn người khác nghe mình nói thì phải đặt mình vào địa vị của người mà lời nói của mình hướng tới, và rằng phải là con người để biết cách nói với trái tim con người? Tất cả những con người hoàn hảo ấy không gây được cảm xúc mà cũng

chẳng thuyết phục được: người ta luôn tự nhủ rằng họ thật rất dễ khắc phục những đam mê mà họ không cảm nhận thấy. Hãy chỉ ra sự mềm yếu của quý vị cho học trò mình, nếu quý vị muốn chữa cho anh ta khỏi những mềm yếu của anh ta: sao cho anh ta thấy rõ ở quý vị những cuộc đấu tranh mà anh ta đang nếm trải, sao cho anh ta học được cách chiến thắng bản thân mình theo gương quý vị, và sao cho anh ta không nói như những kẻ khác: Những ông già này bực bội vì không còn trẻ trung gì nữa, cứ muốn đối xử với người trai trẻ như với các cụ già: và bởi vì mọi ham muốn của họ đều đã tắt ngấm, họ biến những đam mê của chúng ta thành một trọng tội.

Montaigne nói rằng một hôm ông hỏi công tước de Langey rằng trong cuộc đàm phán ở nước Đức có bao nhiêu lần ông bị say vì phục vụ đức vua. Tôi sẵn lòng hỏi người sư phó của một chàng trai nào đó rằng có bao nhiêu lần ông ta vào một nhà thổ để phục vụ cho học trò của mình. Có bao nhiêu lần? Tôi lầm rồi. Nếu lần đầu tiên không làm cho kẻ phóng đãng mất đi sự ham muốn trở lại nơi ấy, nếu nó không đem từ đó về niềm hối hận và nỗi hổ thẹn, nếu nó không tuôn trào lên ngực quý vị những dòng lệ, thì xin quý vị lập tức rời bỏ nó; nó chỉ là một quái vật, hay quý vị chỉ là một kẻ ngu ngốc; quý vị sẽ không bao giờ giúp được việc gì cho nó hết. Mà chúng ta hãy bỏ qua những thủ đoạn quá đáng ấy, vừa bi thảm cũng như nguy hiểm, và chúng chẳng có liên hệ gì với việc giáo dục của chúng ta.

Cần phải thận trọng biết bao đối với chàng trai sống trong nhung lụa trước khi để anh ta phải chịu trận trong những trò điếm nhục về phong hoá của thế kỷ! Những sự phòng ngừa này thật khó khăn, nhưng chúng lại cần thiết; sự lơ là trong việc này làm hư hỏng cả một tuổi thanh xuân; chính là do bừa bãi đầu đời mà con người ta thoái hoá đi, và trở thành những kẻ như hiện nay. Đê tiện và hèn nhát ngay trong thói hư, tật xấu, chúng chỉ có những tâm hồn nhỏ nhen, bởi vì thân xác còm cõi mòn mỏi của chúng đã bị sớm hư hỏng mất rồi; chúng chỉ còn chút ít sức sống đủ để cử động. Những suy nghĩ nhỏ nhen của chúng chứng tỏ những đầu óc bất tài; chúng không hề cảm nhận được cái cao thượng và cái thanh nhã; chúng chẳng có cả sự chất phác lẫn sức sống mạnh mẽ; ti tiện trong mọi sự việc, và độc ác một cách đê hèn, chúng chỉ là những kẻ vô dụng, những tên bất lương, những kẻ dối trá; chúng không có gan ngay cả để trở thành những tên gian ác. Đó là những cơn người đáng khinh được tạo ra bởi bọn bợm bãi trụy lạc trong giới thanh niên: nếu như trong đám ấy mà có lấy một người biết sống đúng mực, thanh đạm, biết gìn giữ lòng mình, bầu nhiệt huyết của mình, phẩm hạnh của mình khỏi bị lây từ

tấm gương của bọn chúng thì đến năm ba mươi tuổi anh ta sẽ đè bẹp tất cả đám dòi bọ ấy, và sẽ trở thành người chủ của chúng còn đỡ khó khăn hơn là làm chủ chính mình.

Dòng dõi và số mệnh có làm được chút gì cho Émile, anh ta sẽ trở thành con người ấy nếu như anh ta muốn được như thế: nhưng anh ta sẽ quá khinh bỉ chúng mà chẳng buồn hạ cố chế ngự chúng. Chúng ta hãy xem chàng ta hiện nay đang sống giữa bọn chúng trong khi bước vào đời, không phải để nổi trội lên ở đó, mà là để tìm hiểu cuộc đời, và tìm ra ở đó một người bạn gái xứng đáng với mình.

Cho dù anh ta có sinh trưởng ở trong một tầng lớp nào đi nữa, dù anh ta có bắt đầu thâm nhập vào một xã hội nào, thì bước đầu vào đời của anh ta cũng sẽ thuần phác và không hào nhoáng: lạy Chúa cho anh ta được có đủ vô phúc để khỏi nổi bật ở đó! Những phẩm chất gây xúc động ngay từ cái nhìn đầu tiên không phải là phẩm chất của anh ta, anh ta không có các phẩm chất ấy, mà cũng không muốn có chúng. Anh ta đặt quá ít giá trị vào các điều phán đoán của mọi người nên không đặt giá trị vào những thành kiến của họ, và anh ta chẳng thiết đến việc người ta quý trọng mình trước khi hiểu biết mình. Cái cung cách tự giới thiệu mình của anh ta chẳng phải là khiêm tốn lại cũng không kiêu căng, mà tự nhiên và chân chất; anh ta không thấy ngượng nghịu mà cũng không giả trá, và anh ta ở giữa chốn tụ hội đông người cũng y như lúc anh ta ở một mình và không có ai chứng kiến. Có phải vì thế mà anh ta sẽ trở nên thô thiển, kiêu ngạo, chẳng buồn chú ý đến ai không? Hoàn toàn trái lại; nếu, lúc ở một mình, anh ta không coi rẻ người khác thì tại sao anh ta lại có thể coi rẻ họ trong khi anh ta sống với họ? Trong cử chỉ, anh ta không hề coi trọng họ hơn bản thân mình, bởi vì trong thâm tâm, anh ta không coi trọng họ hơn bản thân mình; tuy nhiên anh ta cũng không hề tỏ ra với họ một sự thờ ơ mà anh ta còn lâu mới có; nếu anh ta không có các công thức về sự lễ độ, thì anh ta có những ân cần của lòng nhân ái. Anh ta không thích thấy ai bị đau khổ; anh ta không nhường chỗ ngồi của mình cho người khác vì để làm ra vẻ điệu đàng, nhưng anh ta sẽ sẵn lòng nhường lại chỗ ấy cho người kia vì lòng tốt, nếu như, vì thấy người kia bị bỏ quên, anh ta đoán ra rằng sự lãng quên đó là hạ nhục người ấy; bởi vì đối với chàng trai của tôi thì tự nguyện đứng sẽ ít khó chịu hơn nhìn thấy người khác bị bắt buộc phải đứng ở đó.

Mặc dầu nói chung là Émile không quý mến những người khác, anh ta vẫn sẽ không tỏ ra khinh bỉ họ, bởi vì anh ta xót thương họ và ái ngại cho họ. Vì

không thể giúp họ thưởng thức các điều tốt lành có thực, anh ta dành cho họ những điều tốt lành của dư luận mà họ lấy làm hài lòng, vì anh ta sợ rằng nếu lấy đi ở họ những điều ấy một cách uổng công, thì anh ta chỉ làm cho họ đau khổ hơn trước mà thôi. Vậy nên anh ta không phải là con người hay cãi vã cũng không hay phản đối; anh ta cũng không phải là con người hay chiều lòng lựa ý và cũng không nịnh bợ nốt; anh ta bày tỏ ý mình mà không đánh đổ ý kiến của ai hết, vì anh ta yêu tự do trên hết mọi chuyện, vì sự ngay thẳng là một trong các quyền tốt đẹp nhất của con người.

Anh ta ít nói, vì anh ta không để ý mấy đến việc người ta quan tâm đến mình, cũng vì chính lý do này, anh ta chỉ nói những điều gì có ích thôi: nếu không phải thế, có ai mà bắt buộc được anh ta phải nói chứ? Émile được giáo dục quá chu đáo để không bao giờ hay nói nhảm. Cái tật lớn ba hoa khoác lác bắt nguồn một cách tất yếu, hoặc do lòng tự phụ là có trí tuệ mà tôi sẽ nói đến sau đây, hoặc do cái giá trị mà người ta gán cho các chuyện phù phiếm mà cứ tưởng một cách ngu xuẩn rằng những người khác cũng quan tâm đến những chuyện phiếm ấy như mình. Ai hiểu biết khá nhiều sự việc để đánh giá được tất cả mọi việc theo đúng giá trị có thật của chúng, thì không bao giờ nói nhiều quá, vì người ấy cũng biết thẩm định sự chú ý mà người ta dành cho mình và mối quan tâm của người ta đối với lời nói của mình. Thông thường là những người biết ít lại nói nhiều, còn những người biết nhiều lại nói ít. Đơn giản là một người dốt nát thì cho tất cả những gì mình biết và đem nói ra với tất cả mọi người đều là quan trọng cả. Nhưng một người có học không dễ dãi mở ra bầu kiến thức của mình; anh ta có quá nhiều điều để nói, và anh ra thấy sau mình còn quá nhiều điều để nói nữa, nên anh ta lặng im.

Chẳng những không đụng chạm tới các cung cách của người khác, Émile còn vui lòng chiều theo, không phải là để tỏ ra hiểu biết các tập tục, cũng không phải để làm ra vẻ một người có lễ độ, mà trái lại là để tránh bị nhận ra, e rằng người ta sẽ biệt đãi mình; và bao giờ anh ta cũng chỉ được thoải mái khi người ta không chú ý đến mình mà thôi.

Khi bước chân vào đời, mặc dù anh ta hoàn toàn không hề biết các cung cách đối xử; anh ta không vì thế mà nhút nhát và e sợ; nếu anh ta lẩn tránh, đó không phải là vì luống cuống, mà vì muốn nhìn cho rõ thì đừng nên để người ta nom thấy mình; vì những gì người ta nghĩ về anh ta thì anh ta vẫn chẳng mấy quan tâm và sự lố bịch không hề làm anh ta sợ hãi chút nào. Điều đó khiến cho, vì luôn luôn thản nhiên và bình tĩnh, anh ta không hề bối rối do sự

thẹn thùng không đáng có. Dù người ta có nhìn mình hay không, thì anh ta luôn tận lực làm những gì mình làm; và luôn luôn hoàn toàn thư thái quan sát tường tận những kẻ khác, anh ta nhận ra các cung cách cư xử của người khác với một sự thoải mái mà những kẻ nô lệ cho dư luận không thể nào có được. Có thể nói rằng anh ta sớm nắm được tập tục của người đời, chính là vì anh ta ít coi trọng nó.

Tuy nhiên quý vị đừng hiểu lầm về thái độ của anh ta, và quý vị đừng đem so sánh thái độ ấy với thái độ của các chàng trai dễ mến của quý vị. Anh ta kiên quyết nhưng không tự mãn; các cử chỉ của anh ta tự do nhưng không khinh người: vẻ xấc xược chỉ thuộc về những tên nô lệ, tính độc lập không có gì là làm bộ kiểu cách cả. Tôi chưa từng thấy người nào có sự kiêu hãnh trong tâm hồn lại biểu lộ điều đó trong thái độ của mình: sự làm bộ kiểu cách ấy phù hợp hơn với các tâm hồn ti tiện và phù phiếm mà thôi, vì chỉ có thể bằng cách ấy mà lừa người ta. Tôi có đọc trong một cuốn sách nói rằng một người ngoại quốc có hôm xuất hiện ở phòng khách của ông Marcel nổi tiếng, ông hỏi ông khách rằng ông ấy ở nước nào đến: "Tôi là người Anh, người ngoại quốc trả lời. – Ông là người Anh! Ông vũ công đáp lại; ông sống ở hòn đảo mà ở đó các công dân tham dự vào việc hành chính công, và là một phần của quyền lực tối cao![255]. Không, thưa ông; cái trán ấy cúi xuống, cái nhìn ấy rụt rè, cái dáng đi ấy không đường hoàng, chỉ nói lên với tôi rằng đó là một kẻ nô lệ mang danh cử tri."

Tôi không rõ có phải sự phán đoán này cho thấy sự am hiểu rõ về mối quan hệ có thực giữa tính cách của con người với vẻ ngoài của anh ta hay không. Với tôi, là người không có vinh dự được làm vũ sư, tôi lại nghĩ ngược lại. Tôi sẽ nói rằng: "Người Anh này không phải triều thần, tôi chưa từng bao giờ nghe nói rằng các triều thần phải cúi đầu và có dáng đi không đường hoàng: một người rụt rè ở nhà người vũ công chắc hẳn không như vậy ở Hạ

[255] Cứ như thể có những công dân không là thành viên của Thành quốc và vì thế, họ không được tham dự vào quyền lực tối cao! Nhưng những người Pháp vì cho là thích hợp khi tước đoạt cái danh nghĩa công dân đáng kính này, ngày xưa thuộc về các thành viên của các thành quốc Gaulois, nên đã xuyên tạc quan niệm về công dân, đến nỗi người ta không còn hiểu ra sao về chuyện đó. Có người vừa viết cho tôi vô khối chuyện bậy bạ chống lại cuốn *La Nouvelle Héloïse* (của tác giả - ND) đã trang điểm cho chữ ký của mình bằng chức danh *công dân thành Paimboeuf*, và tưởng rằng giễu cợt tôi một cách tuyệt vời.

nghị viện Anh." Chắc chắn là cái ông Marcel này phải coi các đồng hương của mình ngang như những người La Mã.

Khi người ta yêu, người ta muốn được yêu mến. Émile yêu mọi người, vậy nên anh ta muốn vui lòng họ, huống chi là anh muốn làm vui lòng phụ nữ; độ tuổi, phẩm hạnh, dự định cho tương lai của anh, tất cả đều hùa nhau vào nuôi dưỡng ở anh cái ham muốn ấy. Tôi nói các phẩm hạnh của anh ta, vì ở đây nó làm nên nhiều chuyện lắm; những người đàn ông có phẩm hạnh là những người thật sự tôn thờ phụ nữ. Họ không giống những người khác có bao nhiêu là ẩn ngữ đùa cợt để tán tỉnh phụ nữ; nhưng họ có sự ân cần vồn vã chân chất hơn, dịu ngọt hơn, và xuất phát từ trái tim. Tôi sẽ biết được bên cạnh một phụ nữ trẻ một người đàn ông có phẩm hạnh và biết chế ngự cái tự nhiên trong số hàng trăm ngàn kẻ trụy lạc. Hãy phán đoán xem Émile phải làm gì với một thể chất hoàn toàn mới mẻ, và bao nhiêu là lý trí để mà đứng vững được ở đó! Để tiếp cận các cô, tôi cho rằng anh ta đôi khi sẽ nhút nhát và lúng túng; nhưng chắc chắn là sự lúng túng này không làm cho các cô phật ý, và đến những cô kém láu lỉnh hơn luôn vẫn hay biết cách thưởng thức cái đó và lại làm cho anh ta lúng túng hơn. Còn sự ân cần vồn vã của anh ta sẽ thay đổi rõ rệt về mặt biểu hiện tuỳ theo các tình huống. Anh ta sẽ khiêm nhường và tôn trọng hơn đối với các bà, hoạt bát và dịu dàng hơn khi gần các cô đến tuổi cập kê. Anh ta không rời mắt khỏi đối tượng mà mình tìm kiếm, và bao giờ cũng vậy, cô nào gợi cho anh về những tìm kiếm ấy thì anh ta tỏ ra chú ý nhiều nhất.

Không ai sẽ đúng đắn hơn khi tuân theo tất cả những tôn kính căn cứ vào trật tự của tự nhiên, và ngay cả trật tự của xã hội; nhưng những tôn kính theo trật tự của tự nhiên này sẽ luôn luôn được ưa chuộng hơn mọi sự tôn kính khác; và anh ta sẽ kính trọng một cá nhân cao niên hơn là một vị thẩm phán ngang tuổi. Vậy, vì thường anh ta là một trong những người trẻ nhất trong xã hội nơi anh ta sẽ có mặt, anh ta sẽ luôn luôn là một trong những người khiêm tốn nhất, không phải vì muốn tỏ ra nhún nhường để tự đề cao, mà do một tình cảm tự nhiên và dựa trên lý trí. Anh ta sẽ không hề có cách xử thế xấc xược của một chàng trai hợm hĩnh, để làm vui cho đồng bọn, nói năng cao giọng hơn các triết gia và ngắt lời các bậc đàn anh của mình! Về phần mình, anh ta không chịu được câu của một nhà quý tộc cao niên đã trả lời vua Louis XV, khi nhà vua hỏi ông ta ưa chuộng thời đại nào, thời đại của ông hay thời đại này: "Tâu Hoàng thượng, hạ thần đã trải qua thời niên thiếu của mình trong việc kính trọng các bậc lão thành và giờ đây hạ thần phải để tuổi già của hạ thần cho việc kính nể các thiếu niên."

Vì có một tâm hồn dịu dàng và nhạy cảm, nhưng không thẩm định bất cứ việc gì theo dư luận đánh giá, anh ta sẽ, dù cho thích làm vui lòng những người khác, vẫn ít quan tâm đến việc được họ kính nể. Do đó, anh ta sẽ thương mến hơn là lễ độ, anh ta sẽ không bao giờ vênh váo, cũng không khoa trương, và anh ta sẽ xúc động vì một lời nói êm ái hơn là vì ngàn lời ca tụng. Cũng chính vì lý do này, anh ta sẽ không sao nhãng các cử chỉ cũng như thái độ của mình; anh ta có thể sẽ có một vài vẻ cầu kỳ nào đó trong cách trang sức của mình, không phải để tỏ ra là một người có con mắt thẩm mỹ; mà là để làm cho khuôn mặt mình dễ coi; anh ta sẽ không nhờ đến cái khung thếp vàng và không bao giờ làm hoen ố cách trang sức của mình bằng chiêu bài của sự giàu có.

Người ta thấy rằng tất cả các điều đó không hề đòi hỏi về phần tôi một sự phô bày các quy tắc, và chỉ là một hậu quả của sự giáo dục ban đầu của anh ta thôi. Với chúng ta, người ta làm ra vẻ có một sự huyền bí ghê gớm về tập quán ấy, tựa hồ như, vào độ tuổi mà người ta theo tập quán ấy, người ta không học nó một cách tự nhiên, và tựa hồ như không phải trong một tấm lòng chính trực mới tìm được các định luật đầu tiên của các tập quán ở đời! Lễ độ thực sự là chứng tỏ lòng tốt đối với những người khác; thiện tâm đó biểu lộ không khó khăn gì khi người ta có đức tính đó; chính là đối với kẻ không có đức tính đó mà người ta bắt buộc phải biến sự biểu hiện bề ngoài của họ thành một thứ nghệ thuật.

> "Hậu quả tai hại nhất của phép lễ độ theo tập quán là dạy cái nghệ thuật bỏ qua các đức độ mà phép lễ độ ấy mô phỏng. Trong việc giáo dục người ta hãy gây cho chúng ta lòng nhân đạo và lòng từ thiện đi, thì chúng ta sẽ có lễ độ, nếu không thì chúng ta chẳng cần đến lễ độ nữa."
>
> "Nếu chúng ta không có lối lễ độ biểu lộ ra bằng các vẻ nhã nhặn, thì chúng ta sẽ có lối lễ độ biểu hiện con người chính trực và người công dân, chúng ta sẽ không cần nhờ đến sự giả dối."
>
> "Thay vì xảo trá để làm vui lòng, ta sẽ chỉ cần có lòng tốt là đủ, thay vì giả dối để nịnh hót những nhược điểm của kẻ khác, ta sẽ chỉ cần khoan dung là đủ."
>
> "Những kẻ được người ta đối đãi như thế, sẽ không vì thế mà trở nên kiêu căng và hư hỏng; họ sẽ chỉ biết ơn và trở thành tốt hơn vì được đối xử như vậy."

Theo tôi, nếu có sự giáo dục nào đó phải sinh ra thứ lễ độ mà ông Duclos đòi hỏi ở đây, thì chính là lối giáo dục mà, cho đến nay, tôi đã vạch ra kế hoạch.

Tuy nhiên tôi đồng ý rằng với các châm ngôn khác biệt đến vậy, Émile sẽ không giống với mọi người, và lạy Chúa gìn giữ cho anh ta đừng bao giờ như mọi người! Nhưng về những gì anh ta khác biệt với những kẻ khác, anh ta sẽ không hay quấy rầy, cũng không lố bịch: sự khác biệt sẽ biểu hiện mà không gây khó chịu. Émile sẽ là, nếu ta muốn, một người xa lạ dễ mến. Mới đầu, người ta sẽ tha thứ cho anh ta về cái tính kỳ dị ấy và nói rằng: *Anh ta sẽ tập dần*. Về sau người ta sẽ quen hắn với cung cách của anh ta; và thấy anh ta không thay đổi cung cách của mình, người ta sẽ còn tha thứ cho anh ta nữa và nói rằng: *Bản tính anh ta như thế*.

Anh ta sẽ không hề được khoản đãi như một người đáng mến, nhưng người ta sẽ yêu mến anh ta mà chẳng hiểu vì sao; không có ai tán tụng tài trí của anh ta, nhưng người ta sẽ sẵn lòng nhờ anh ta phân xử giữa những người thông tuệ: trí óc của anh ta minh bạch và thô thiển, anh ta có ý thức ngay thẳng và óc phán đoán lành mạnh. Vì không bao giờ chạy theo các ý tưởng mới mẻ, anh ta sẽ không thể tự phụ về tài trí của mình. Tôi đã làm cho anh ta ý thức được rằng tất cả các ý tưởng lành mạnh và có ích thực sự cho con người là những ý tưởng đã được biết đến đầu tiên, rằng những ý tưởng ấy bất cứ thời kỳ nào cũng là những mối liên hệ duy nhất và là thực sự của xã hội, và rằng các bộ óc siêu việt chỉ còn có cách nổi danh bằng những ý tưởng nguy hiểm và tai hại cho nhân loại thôi. Cách thức làm cho mình được ngưỡng mộ ấy không làm anh ta xúc động mấy: anh ta biết nơi mà mình sẽ tìm thấy hạnh phúc cho đời mình, và bằng cách nào mình có thể góp phần vào hạnh phúc của người khác. Phạm vi các kiến thức của anh ta không trải ra xa hơn những gì có ích. Con đường của anh ta chật hẹp và rõ rệt; vì không bị cám dỗ để ra khỏi con đường đó, anh ta để mình lẫn vào những người đi theo con đường ấy; anh không muốn lạc lối cũng không muốn nổi bật. Émile là một người có lương tri, và không muốn là cái gì khác hơn: người ta có muốn lăng mạ anh ta về danh nghĩa ấy cũng sẽ hoài công, anh ta sẽ luôn luôn lấy làm vinh dự.

Mặc dù ý muốn làm đẹp lòng không để anh ta hoàn toàn thờ ơ với dư luận nữa, anh ta sẽ chỉ lấy ở dư luận ấy những gì liên quan trực tiếp đến bản thân mình mà thôi, không quan tâm đến các lời bình phẩm chỉ lấy "mốt" hay lấy

các thành kiến làm quy tắc. Anh ta sẽ có niềm kiêu hãnh muốn làm chu đáo tất cả những gì mình làm, thậm chí muốn làm các việc ấy chu đáo hơn người khác nữa; anh ta muốn là người nhanh nhẹn nhất trong cuộc chạy đua, kẻ mạnh nhất trong cuộc đấu vật, kẻ giỏi nhất trong công việc, kẻ khéo léo nhất trong các trò ảo thuật; nhưng anh ta sẽ ít tìm kiếm lợi thế mà tự nó không được tỏ rõ mà phải cần được nhìn nhận bằng sự phán đoán của kẻ khác, như là có tài trí hơn một người khác, nói giỏi hơn, thông thái hơn v.v...; anh ta sẽ còn ít tìm kiếm hơn nữa các lợi thế không liên quan gì đến chính mình, như là thuộc về một dòng dõi cao quý hơn, được coi là giàu có hơn, có thế lực hơn, được kính trọng hơn, mà đánh lừa bằng một sự xa hoa hơn.

Trong khi thương yêu con người vì họ là những đồng loại của mình, anh ta sẽ yêu thương hơn cả những ai giống mình nhất, bởi vì anh sẽ cảm thấy mình có thiện tâm; và, vì phán đoán sự tương đồng đó qua sự phù hợp của các thị hiếu về các vấn đề đạo đức, nên về tất cả những gì thuộc về tính tốt anh sẽ rất vui lòng được khen ngợi. Anh ta sẽ không tự nhủ một cách đơn giản: "Ta không vui mừng vì mọi người khen ngợi ta; nhưng ta vui mừng vì người ta khen những việc thiện mà ta đã làm, ta mừng vì những người tôn trọng ta lấy làm vinh hạnh; chừng nào mà họ còn phán đoán một cách xác đáng như vậy, thì việc được họ ưa chuộng vẫn là một việc tốt đẹp."

Trong khi nghiên cứu con người qua các tập tính của họ ở đời, giống như anh ta nghiên cứu qua các đam mê của họ trong lịch sử đã nói ở phần trên, anh ta thường hay có cơ hội để ngẫm nghĩ về cái mơn trớn hay làm phật lòng người. Thế là anh ta triết lý về các nguyên khởi của các thị hiếu; và đây là nghiên cứu phù hợp với anh ta suốt thời kỳ này.

Người ta càng đi sâu tìm tòi định nghĩa của thị hiếu lại càng đi lạc: thị hiếu chỉ là cái khả năng để phán đoán xem cái gì làm vừa lòng hay phật ý số đông hơn. Ra khỏi nơi đó, quý vị không còn biết cái gì là thị hiếu. Nói thế không phải đi đến kết luận rằng có nhiều người có óc thẩm mỹ sành sỏi hơn những người khác; bởi vì, tuy rằng số đông phán đoán xác đáng về một đối tượng, lại có ít người phán đoán như số đông về mọi mặt; và, dù cho sự hội tụ nhiều thị hiếu phổ biến nhất tạo nên sự sành sỏi, thì vẫn có ít người được sành sỏi, cũng y như là ít có người đẹp, dù rằng sự tụ hội các nét chung nhất tạo nên sắc đẹp.

Phải lưu ý rằng ở đây không đề cập đến cái mà ta yêu quý vì nó có ích cho ta, cả những cái mà ta ghét vì nó có hại cho ta. Thị hiếu chỉ tác động lên

các vật không quan hệ đối với ta hoặc nhiều nhất là có một hứng thú giải trí, chứ không phải những gì gắn với các nhu cầu của ta; để xét đoán về những cái đó thì không cần đến thị hiếu, chỉ riêng sự thèm muốn là đủ rồi. Đó là điều làm cho các quyết định thuần tuý do thị hiếu thật là khó khăn và dường như là võ đoán, bởi vì ngoài bản năng là quyết định những điều này, người ta không còn thấy lý do của các quyết định do thị hiếu nữa. Ta còn phải phân biệt các quy luật của thị hiếu trong các sự việc tinh thần và các quy luật của nó trong các sự việc về sắc giới. Trong những sự việc này, các nguyên khởi của thị hiếu có vẻ hoàn toàn không sao giải thích nổi. Nhưng cần phải biết rằng có yếu tố tinh thần trong tất cả những gì liên quan đến sự bắt chước[256]: cho nên người ta giải thích các vẻ đẹp có vẻ thuộc về vật chất song thực sự chúng không hề như vậy. Tôi sẽ thêm vào đó rằng thị hiếu có các quy tắc mang tính địa phương khiến cho trong hàng ngàn sự việc thị hiếu tùy thuộc vào các khí hậu, vào các phong tục, vào chính thể, vào các sự việc về thiết chế; và có cả các quy tắc khác liên quan đến độ tuổi, đến giới tính, đến tính cách, và nói thêm rằng chính là trong ý nghĩa đó mà không nên tranh cãi về thị hiếu.

Thị hiếu là tự nhiên cho mọi người, nhưng mọi người lại không phải có nó ở một mức độ ngang nhau, nó cũng không phát triển lên cùng một trình độ như nhau ở tất cả mọi người, và trong mọi người, nó đều bị sai lệch đi vì nhiều nguyên nhân. Mức độ thị hiếu mà người ta có thể có được phụ thuộc vào sự nhạy cảm mà người ta đã nhận được, sự vun đắp và hình thái của thị hiếu phụ thuộc vào các tập hội mà người ta đã sống trong đó. Thứ nhất là phải sống trong những tập hội đông đảo để làm nhiều cuộc so sánh. Thứ hai cần phải là những tập hội ăn chơi và nhàn tản; bởi vì trong các tập hội của công việc thì người ta không lấy sự vui thú làm quy tắc, mà là lợi nhuận. Thứ ba đó phải là các tập hội mà sự bất bình đẳng không phải là quá lớn, ở đó sự áp chế của dư luận là vừa phải, và ở đó sự khoái trá chi phối nhiều hơn thói huyênh hoang; bởi vì ở trường hợp ngược lại thì thời trang bóp nghẹt thị hiếu; và người ta không còn tìm đến cái người ta thích, mà tìm cái làm cho người ta nổi bật.

Trong trường hợp vừa nói đến, còn gì đúng hơn là sự sành điệu thuộc về đa số. Tại sao như thế? Bởi vì đối tượng thay đổi. Lúc đó số đông không còn

---

[256] Điều này đã được chứng minh trong *Tiểu luận về nguồn gốc các ngôn ngữ*, sẽ có thể tìm được ở một tập các bài viết của tôi.

xét đoán họ nữa, họ chỉ còn xét đoán theo những người mà họ cho rằng sáng suốt hơn họ; họ chấp nhận, không phải cái tốt đẹp, mà là cái được những người kia chấp nhận. Bao giờ cũng vậy, hãy làm sao cho mỗi người có sự cảm nhận riêng của mình; và điều làm cho con người ta thấy dễ chịu hơn cả bao giờ cũng sẽ có nhiều sự tán thưởng.

Trong công việc của mình, con người chỉ làm được những gì tốt đẹp bằng sự bắt chước. Mọi hình mẫu chân chính của thị hiếu đều có trong tự nhiên. Chúng ta càng xa rời bậc thầy (tức là tự nhiên), thì các bức tranh của chúng ta lại càng biến dạng đi. Vậy thì chính là từ các đối tượng mà chúng ta yêu mến mà chúng ta mới rút tỉa ra các kiểu mẫu của mình; và cái đẹp của sự khác thường, không sao tránh khỏi thất thường và độc đoán, chẳng phải là cái gì khác ngoài cái làm thoả mãn những người đang hướng dẫn chúng ta.

Những người đang hướng dẫn chúng ta là các nghệ sĩ, những người quyền thế, những kẻ giàu có; còn cái đang hướng dẫn chính họ lại là lợi ích của họ hay thói kiêu ngạo hão của họ. Những người này thì vì muốn phô trương của cải của họ, những kẻ kia lại muốn lợi dụng nó, tranh nhau tìm ra những cách chi tiêu mới mẻ. Xuất phát từ đó mà thói xa hoa thiết lập được sự chi phối của nó, và làm cho cái khó khăn và đắt giá được ưa chuộng: lúc đó cái đẹp giả mạo, thay vì bắt chước tự nhiên, lại chỉ được coi là đẹp do cứ ra sức trái với tự nhiên. Thói xa hoa và sự kệch cỡm thường không tách rời. Cứ ở chỗ nào mà thị hiếu là tốn kém, thì ở đó nó là giả tạo.

Nhất là trong sự giao thiệp của hai giới mà thị hiếu, tốt hoặc xấu, được hình thành; sự vun đắp cho nó là một hiệu quả tất yếu do đối tượng của xã hội này. Nhưng khi sự dễ dàng trong hưởng thụ làm nhạt phai ham muốn được ưa thích, thị hiếu bị bóp méo đi; và theo tôi thì đó chính là một lí do khác trong số được coi là mạnh nhất giải thích vì sao thị hiếu lành mạnh lại bắt nguồn từ thuần phong mỹ tục.

Quý vị hãy tham khảo thị hiếu của người đàn bà trong những vấn đề vật chất và liên quan đến sự tài phán của các giác quan; tham khảo thị hiếu của đàn ông trong các vấn đề tinh thần và phụ thuộc nhiều hơn vào lí trí. Khi những người đàn bà trở thành như là họ phải vậy, họ tự hạn chế mình trong những việc thuộc khả năng của mình, và sẽ phán xét luôn luôn đúng, nhưng từ khi họ tự quyết đoán về văn chương, từ khi họ bắt đầu phán xét về sách vở, và cố hết sức làm việc đó, thì họ chẳng còn biết một chút gì hết. Các tác giả đi hỏi

ý kiến các nữ bác học về tác phẩm của mình chắc chắn là bao giờ cũng bị góp ý kiến không đúng: những người tình mà hỏi ý kiến về trang sức thì luôn luôn phục sức lố lăng nực cười. Tôi sẽ sớm có dịp nói về những tài năng thực sự của giới này, về cách trau dồi các tài năng đó và về những vấn đề mà những nhận định của họ vì thế mà phải được nghe theo.

Đó là những nhận định cơ bản mà tôi sẽ dùng làm nguyên tắc trong khi bàn luận với Émile của tôi về một lĩnh vực không phải là không có can hệ đến cậu ta chút nào trong hoàn cảnh cậu ta đang sống, và trong sự tìm kiếm mà cậu đã quan tâm. Và lĩnh vực ấy phải là không can hệ gì đến ai? Sự hiểu biết về những gì có thể là dễ chịu hay khó chịu cho con người không chỉ là cần thiết cho ai cần đến họ, mà còn cần thiết cho ai muốn hữu ích cho họ: cũng cần phải làm hài lòng họ để phục vụ họ; và nghệ thuật viết lách không hề là một sự nghiên cứu phù phiếm khi người ta dùng nó làm cho người khác nghe theo chân lý.

Nếu muốn gây dựng thị hiếu cho đệ tử của tôi mà tôi phải chọn giữa các nước, nơi sự gây dựng này còn đang phát sinh, với những nước khác, nơi nó đã bị thoái hóa, thì tôi đi theo trật tự giật lùi; tôi sẽ bắt đầu bằng việc cho anh ta dạo qua các nước sau và kết thúc ở các nước đầu. Lý do của sự lựa chọn này là ở chỗ thị hiếu bị làm hư hỏng đi bởi một sự tinh tế quá đáng làm cho mình thành nhạy cảm với những sự vật mà phần đông mọi người không nhận ra; sự tinh tế này dẫn tới đầu óc ưa tranh luận; bởi vì người ta càng tinh tế hóa các đối tượng bao nhiêu thì chúng lại nhiều lên bấy nhiêu: sự tinh tế hóa này làm cho sự mẫn cảm tế nhị hơn và bớt đồng dạng hơn. Lúc đó có bao nhiêu con người thì có bấy nhiêu thị hiếu. Trong cuộc tranh cãi về sự ưa chuộng thì triết học và các kiến thức được mở rộng ra; và chính là như thế mà người ta học được cách tư duy. Những quan sát tinh tế hầu như chỉ có thể tạo nên bởi những người giao thiệp rộng, vì rằng những quan sát ấy gây xúc động sau mọi quan sát khác, và vì rằng những người ít quen thuộc với việc giao du đông người đã tận dụng sự chú ý của mình đến những nét lớn ở đó. Hiện nay có thể chẳng có một địa điểm văn minh nào trên Trái đất lại có cái thị hiếu kệch cỡm hơn là ở Paris. Trong khi đó, chính ở thủ đô này mà sự thanh nhã được trau dồi; và hình như ít có các quyển sách nào ở châu Âu mà tác giả không từng tự đào tạo ở Paris. Những ai nghĩ rằng chỉ cần đọc sách là đủ thì họ đã bị lầm rồi: người ta học được nhiều trong sự trò chuyện của các tác giả hơn là trong các sách vở của họ; và chính các tác giả lại không phải những người mà người ta học được nhiều nhất. Chính tinh thần của các cuộc

giao du làm phát triển một đầu óc đang suy tư, và mang một tầm nhìn ra xa đến hết mức mà nó có thể đạt tới. Nếu như bạn có một tia sáng lấp lánh từ tài năng thì xin bạn hãy tới Paris sống một năm: chẳng bao lâu bạn có thể trở thành tất cả những gì mà bạn có thể đạt được hoặc bạn sẽ chẳng bao giờ trở thành cái gì hết.

Ta có thể học được cách suy nghĩ ở những nơi thị hiếu xấu ngự trị; nhưng không được suy nghĩ như những kẻ có thị hiếu xấu ấy, và thật quá khó để điều đó lại không xảy ra khi ta ở với họ quá lâu. Phải hoàn thiện nhờ họ cái công cụ dùng để phán đoán, trong khi tránh không dùng nó giống như họ. Tôi hết sức tránh việc trau chuốt sự phán đoán của Émile đến nỗi làm hỏng nó đi; và khi nào anh ta có sự tinh tế đủ nhạy để cảm nhận và so sánh các thị hiếu khác nhau của con người, chính là lúc mà tôi dắt dẫn cho anh ta định rõ thị hiếu của mình trên những đối tượng đơn giản hơn.

Ở đây tôi còn tiến hành từ xa hơn nữa để giữ gìn cho anh ta một thị hiếu thuần khiết và lành mạnh. Trong cái náo nhiệt của cuộc sống phóng đãng tôi vẫn giữ những cuộc trò chuyện có ích với anh ta; và bao giờ cũng lái vào những đối tượng làm anh ta thích thú, tôi cố sức thận trọng để làm cho các cuộc trò chuyện này vừa mang tính chất giáo dục vừa có tính vui đùa. Đây là thời điểm dành cho việc đọc và cho các cuốn sách hay; đây là thời điểm để dạy cho anh ta cách phân tích lời nói, để làm cho anh ta trở nên dễ cảm nhận với mọi vẻ đẹp của tài hùng biện và văn phong. Học tập các ngôn ngữ vì chính các ngôn ngữ đó chưa là gì nhiều; việc sử dụng những ngôn ngữ này không quá quan trọng như ta tưởng: mà quan trọng là việc nghiên cứu các ngôn ngữ dẫn tới nghiên cứu ngữ pháp đại cương. Phải học tiếng Latin để nắm vững tiếng Pháp; phải nghiên cứu và so sánh ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác để hiểu rõ các quy tắc của nghệ thuật nói chuyện.

Và chăng cũng còn có một sự giản dị nào đó của óc thẩm mĩ đi vào lòng người, và chỉ thấy có trong các trước tác của các tác giả cổ. Trong thuật hùng biện, trong thi ca, trong đủ mọi loại văn học, ta lại nhận ra chúng như trong lịch sử, đầy ắp các sự kiện, và giản dị thanh nhã trong sự xét đoán. Các tác giả của chúng ta thì trái lại, nói thì ít mà phán định thì nhiều. Việc không ngừng coi các phán xét của họ là luật lệ đối với chúng ta không phải là cách đào tạo sự phán đoán của ta. Sự dị biệt của hai thị hiếu bộc lộ trong mọi tượng đài và đến cả trên các nấm mồ. Các nấm mồ của chúng ta đầy những lời tán tụng, còn trên mộ người cổ xưa ta đọc được các sự kiện:

Sta, viator; heroem calcas[257]

Khi tôi tìm thấy lời văn bia trên một tượng đài cổ, thoạt đầu tôi đã đoán rằng đây là một lời văn bia hiện đại; bởi vì giữa chúng ta chẳng có gì bình thường hơn các anh hùng; nhưng ở những người cổ thì những anh hùng lại hiếm hoi. Thay vì nói rằng một con người là một anh hùng, họ lại nói về những gì con người này đã thực hiện để làm anh hùng. Đem văn bia của người anh hùng này so với văn bia của con người ủy mị Sardanapale[258]:

Ta đã xây dựng nên Tarse và Anchial trong một ngày, và bây giờ ta chết.

Theo ý bạn thì lời văn bia nào nói lên nhiều hơn? Lời văn bia của chúng ta với thói kênh kiệu của nó, chỉ đáng để làm kinh ngạc những kẻ tầm thường. Những người cổ đại thì trình bày con người theo tự nhiên, và ta thấy rằng đó là những con người. Xénophon ngợi ca hoài niệm về một số chiến binh bị giết vì gian kế trong cuộc rút lui của mười ngàn quân. Ông nói: *Họ đã chết, không chê trách vào đâu được trong chiến tranh và trong tình hữu ái.* Tất cả chỉ có thế: nhưng hãy xét xem, trong lời tụng quá ngắn ngủi và quá giản dị này tác giả phải có cái gì đó tràn ngập trái tim mình. Thật bất hạnh cho kẻ nào không thấy câu đó làm cho mình vui thích!

Người ta đã đọc được những từ này trên một phiến đá cẩm thạch ở Thermopyles:

Hỡi người qua đường, hãy đến nói với Sparte rằng chúng tôi chết ở đây chỉ để tuân theo các luật lệ thiêng liêng của Sparte.

Người ta thấy rõ rằng đây không phải là Viện Bi kí soạn ra câu này.

Tôi đã lầm nếu học trò của tôi quá rẻ rúng lời nói, không đem lại sự chú ý đầu tiên của mình cho những khác biệt này, và nếu những khác biệt ấy không ảnh hưởng gì đến sự lựa chọn trong việc đọc sách của anh ta. Bị lôi cuốn bởi tài hùng biện nam tính của Démosthène, anh ta nói: Đó là một nhà hùng biện; nhưng trong khi đọc Cicéron, anh ta lại nói: Đó là một thầy cãi.

---

[257] * Tiếng Latin: "Hãy dừng bước, hỡi khách qua đường, người đang xéo lên một vị anh hùng."

[258] * Sardanapale hay Ashurbanipal: vua của Assyrie (vùng Lưỡng Hà) từ 669 trước CN đến 627 trước CN, là vị vua vĩ đại cuối cùng của Assyrie cổ. Ông được biết đến như một trong những quốc vương hiếm hoi của thời đại ông biết đọc và biết viết.

Nói chung, Émile có hứng thú với sách vở của cổ nhân nhiều hơn là sách vở thời đại chúng ta; chỉ qua riêng điều đó thôi là thấy rằng các cổ nhân gần gũi hơn với tự nhiên, và tài năng ở họ là của họ hơn. Cho dù La Motte và tu sĩ Terrasson có nói thế nào về điều đó đi nữa, chẳng có tiến bộ thực sự nào về lí trí trong loài người, bởi vì tất cả những gì người ta làm được ở mặt này lại mất ở mặt khác; vì mọi đầu óc đều xuất phát từ cùng một điểm, và vì thời gian đem dùng để biết những điều mà người khác suy nghĩ là mất đi để học cách tự mình suy nghĩ, con người ta có quá nhiều hiểu biết thu lượm được và có ít mãnh lực của trí tuệ.

Trí tuệ của chúng ta cũng giống như cánh tay của chúng ta vậy, được tập luyện để làm mọi việc với các công cụ, và không làm gì được bằng chính nó. Fontenelle đã nói rằng toàn bộ cuộc tranh luận về những người cổ đại và những người hiện nay rút lại là để xem liệu cây cối ngày xưa có lớn hơn cây cối ngày nay không. Nếu nông nghiệp có thay đổi đi rồi thì câu hỏi này sẽ chẳng là xấc xược phi lý khi được đặt ra.

Sau khi đã dẫn anh ta đi ngược lên ngọn nguồn của văn học thuần túy, như vậy tôi cũng trình bày cả cống rãnh nước thải trong các kho chứa của những soạn giả hiện đại: các nhật báo, các bản dịch, các từ điển; anh ta nhìn qua một lần mọi thứ đó, rồi bỏ mặc nó không bao giờ quay trở lại đó nữa. Để mua vui cho anh ta, tôi cho anh ta nghe những lời ba hoa của các hội văn chương, tôi lưu ý anh ta rằng mỗi thành viên của các hội ấy bao giờ cũng vậy, cứ một thân một mình thì đáng giá hơn là cùng với đoàn thể: như vậy anh ta sẽ tự mình rút ra được kết luận về sự hữu ích của các thiết chế vô bổ này.

Tôi đưa anh đi xem kịch, để nghiên cứu, không chỉ các tập quán, mà cả thị hiếu nữa; bởi vì nhất là ở đó mà thị hiếu tự phô bày với những người biết suy nghĩ. Tôi bảo anh ta hãy bỏ qua các châm ngôn và đạo đức, đây không phải là nơi cần học những điều đó. Sân khấu không phải được lập nên vì chân lý; nó được lập nên để mua vui, để mơn trớn con người, chẳng có trường học nào mà ở đó người ta lại được học nghệ thuật làm vui lòng người và cuốn hút trái tim con người giỏi đến vậy. Việc nghiên cứu về sân khấu dẫn đến việc nghiên cứu về thi ca; chúng đúng là có cùng một đối tượng. Nếu như anh ta có một tia hứng thú với nó thì anh ta sẽ trau dồi được ngôn ngữ của các nhà thơ, tiếng Hy Lạp, tiếng Latin, tiếng Ý với biết bao nhiêu là ham thích! Những việc học tập ấy đối với anh ta sẽ là những cuộc đùa vui thôi không có gì là gò bó, và chỉ nhờ đó mà có lợi nhiều hơn thôi; các việc học tập ấy sẽ làm cho anh ta thích thú ở một

độ tuổi và ở những bối cảnh trong đó trái tim để ý với biết bao say mê đến mọi vẻ đẹp được tạo nên để làm nó xúc động. Xin hãy hình dung một bên là Émile của tôi, một bên là một cậu học sinh trung học ranh mãnh cùng đọc quyển thứ tư của *L'Énéide*[259], hay Tibulle, hay lại là *Banquet* (Dạ tiệc) của Platon: thật là khác nhau biết bao nhiêu! Trái tim của người này bị xao động bao nhiêu về những điều thậm chí chẳng gây được xúc động ở người kia! Ô, hỡi chàng trai tốt bụng, hãy dừng lại, thôi đừng đọc thêm nữa, ta thấy con quá cảm động; ta rất muốn rằng ngôn ngữ của tình yêu sẽ làm con ưa thích, nhưng không muốn rằng nó làm con lầm lạc; con hãy là một con người nhạy cảm, nhưng hãy làm một con người khôn ngoan. Nếu con chỉ là một trong hai người đó thì con chẳng là gì hết. Và chăng, anh ta có hay không thành công trong việc học các từ ngữ, văn chương, thi ca, đối với tôi chẳng hệ trọng gì. Anh ta sẽ chẳng phải là kém cỏi nếu anh ta không biết gì về tất cả các thứ đó, và mọi chuyện không quan trọng này cũng chẳng liên quan gì tới việc giáo dục của anh ta.

Mục tiêu chủ yếu của tôi, trong khi dạy cho anh ta biết cảm nhận và yêu mến cái đẹp thuộc mọi thể loại, là khiến cho các cảm tình và thị hiếu của anh ta chuyên chú vào cái đẹp ấy, là ngăn cản để các ham muốn tự nhiên của anh ta đừng hỏng đi, và để đừng có một ngày nào đó anh ta tìm kiếm trong tài sản của mình những phương tiện sống hạnh phúc mà anh ta ắt phải tìm được ở gần mình hơn. Tôi đã nói ở đoạn khác rằng thị hiếu chỉ là nghệ thuật để nhận biết được các tiểu tiết và điều này là rất thực; nhưng chính vì đó là một liên kết các tiểu tiết mà niềm vui sống phụ thuộc vào nó; những chăm chút như thế không phải là không quan hệ chút nào; chính là thông qua chúng mà ta học được cách làm đầy ắp cuộc sống bằng những gì tốt đẹp trong khả năng của mình, trong toàn bộ sự chân thực chúng có thể có đối với chúng ta. Ở đây tôi không hề có ý nói đến những điều tốt đẹp liên quan đến một trạng thái tốt đẹp của tâm hồn, mà chỉ nói đến những gì thuộc tình dục và khoái cảm có thực, không kể đến các thành kiến và dư luận

Để phát triển đầy đủ hơn các ý tưởng của mình thì phải cho phép tôi, bỏ mặc Émile một lúc, mà trái tim tinh khiết và lành mạnh không thể dùng làm quy tắc cho một ai nữa, và để tìm kiếm trong chính tôi một ví dụ dễ cảm nhận hơn và gần gũi hơn với các thói quen của độc giả.

Có những quốc gia dường như làm thay đổi bản chất, rồi lại hun đúc lại con dân của họ, hoặc là tốt hơn lên, hoặc là tồi tệ đi. Một kẻ nhát gan trở nên

---

[259] * Tác phẩm của Virgile.

dũng cảm khi gia nhập binh đoàn Navarre. Chẳng cứ riêng gì trong giới quân sự mà người ta có tinh thần đồng đội, và cũng không phải là luôn luôn điều đó có những hiệu quả được coi là tốt đẹp. Tôi đã suy nghĩ hàng trăm lần với sự sợ hãi rằng nếu tôi có cái bất hạnh là hôm nay phải thực hiện một công việc nào đó theo tôi nghĩ ở một số đất nước nào đó, thì ngày mai tôi không sao tránh khỏi trở thành một kẻ chuyên chế, kẻ tham nhũng, kẻ hủy diệt dân chúng, kẻ có hại cho vương triều, kẻ do chức nghiệp mà trở thành thù địch của nhân loại, của mọi công lý và của mọi đức độ.

Cũng vậy, nếu tôi giàu, tôi sẽ làm mọi điều phải làm để trở nên như thế; tôi sẽ ngạo đời và đê tiện, nhạy cảm và tế nhị cho riêng mình, không thương xót và tàn nhẫn với tất cả mọi người, kẻ quan sát xem thường mọi đau khổ của đám tiện dân, bởi tôi sẽ không còn gọi những người bần cùng bằng cái tên khác nữa để làm cho thiên hạ quên đi rằng trước kia tôi từng thuộc tầng lớp của họ. Cuối cùng dùng tài sản của mình làm công cụ hưởng lạc là điều duy nhất mà tôi quan tâm đến; và cho tới đó tôi sẽ sống như mọi người khác.

Nhưng cái gì làm tôi tin rằng tôi khác họ nhiều, chính là ở chỗ tôi sẽ dâm đãng và ham khoái lạc hơn là kiêu ngạo và tự phụ, tôi sẽ buông mình vào thói xa hoa hưởng lạc hơn hẳn thói xa hoa phô trương. Tôi cũng sẽ có đôi chút hổ thẹn vì đem trưng của cải của mình ra quá lố, bao giờ tôi cũng sẽ tưởng rằng thấy kẻ đố kị mà sự phô trương của tôi làm choáng ngợp, ghé vào tai người bên cạnh mà nói: *Đấy, một thằng gian manh rất sợ không được biết đến là như thế.*

Do sự thừa thãi hạnh phúc tràn trề bao trùm Trái đất như thế, tôi sẽ tìm kiếm cái gì làm cho tôi khoan khoái nhất và tôi có thể chiếm hữu được nhiều hơn. Muốn vậy thì việc sử dụng đầu tiên của cải của mình sẽ là mua lấy sự nhàn tản và tự do, tôi thêm vào đó là sức khoẻ, nếu nó được trả giá bằng tiền của; nhưng vì nó chỉ mua được bằng sự điều độ, và chẳng hề có khoái lạc thật sự nào trên đời mà lại không cần đến sức khoẻ, cho nên tôi sẽ sống có chừng mực về tình dục.

Tôi cũng sẽ luôn luôn sống gần gũi với tự nhiên hết mức có thể để mơn trớn các giác quan mà tự nhiên đã ban cho, đúng là tự nhiên càng đặt cái của tự nhiên ban cho vào trong các lạc thú của tôi, thì tôi lại sẽ càng thấy thực tại ở đó. Trong sự lựa chọn các đối tượng để bắt chước, tôi luôn luôn lấy tự nhiên làm kiểu mẫu; trong các thèm muốn của mình, sẽ trao cho nó phần ưa thích hơn; trong các thị hiếu của mình tôi luôn luôn tham khảo tự nhiên; trong các

món ăn tôi sẽ luôn luôn muốn dùng các món được tự nhiên sửa soạn tốt nhất và qua tay càng ít người để đem bày trên bàn ăn của chúng tôi. Tôi sẽ đề phòng sự giả mạo của việc làm ăn gian dối. Cái thói tham ăn điên cuồng và thô tục của tôi sẽ không hề làm giàu cho người đầu bếp; ông ta không bán được cho tôi một con cá đắt bằng số vàng trả cho thuốc độc; bàn ăn của tôi sẽ chẳng được bày biện đầy kín bằng các thứ rác rưởi xa hoa và các xác thối từ miền xa xôi; tôi phung phí khó nhọc của riêng mình nhằm thoả mãn dục vọng của mình, chính vì thế mà sự nhọc nhằn ấy tự nó lại là một lạc thú, và nó bổ sung thêm cho cái lạc thú mà ta mong đợi. Nếu tôi muốn nếm thử một món ăn ở tận cùng thế giới, tôi sẽ đi, giống như là Apicius, đến tận nơi để tìm được nó hơn là sai người ta đem nó đến, bởi vì món ăn độc đáo nhất bao giờ cũng thiếu hẳn sự chế biến bằng gia vị mà người ta không đem theo nó được và chẳng có đầu bếp nào tạo ra được không khí xứ sở đã sản sinh ra món ăn ấy.

Cũng vì một lý do như vậy, tôi không bắt chước theo những kẻ chỉ thấy thoải mái ở nơi mà họ chẳng hề sống, bao giờ cũng cứ đặt các mùa vào sự mâu thuẫn với nhau, và các khí hậu thì mâu thuẫn với các mùa; họ trong khi đi tìm mùa hè trong mùa đông, và mùa đông trong mùa hè, sắp phải chịu lạnh ở Ý và cái nóng ở phương Bắc, mà không nghĩ rằng bằng cách tưởng mình chạy trốn được cái gay gắt của các mùa, thì họ lại gặp phải nó ở những nơi mà họ không hề được biết tí gì mà phòng ngừa. Tôi thì tôi sẽ ở lại tại chỗ, hoặc là tôi lấy cái ngược lại hoàn toàn: tôi rút ra từ một mùa tất cả những gì là khoan khoái, và từ một khí hậu tất cả những gì là riêng biệt. Tôi sẽ có một tập hợp đa dạng các khoái cảm và các thói quen mà chẳng có cái nào giống cái nào, và chúng đều luôn luôn sẽ tồn tại trong tự nhiên, tôi sẽ đi nghỉ hè ở Naples, qua mùa đông ở Pétersbourg; lúc thì hít thở một làn gió nhẹ hiu hiu, nửa nằm nửa ngồi ngả lưng trong các hang động vùng Tarente; lúc thì trong ánh sáng rực rỡ của một lâu đài xây bằng băng, hết hơi, và mệt vì những khoái cảm của vũ hội.

Trong việc phục vụ bàn ăn của tôi, trong việc trang trí chỗ ở của tôi, tôi muốn bắt chước theo sự thay đổi của các mùa bằng những đồ trang hoàng rất đơn giản, và rút ra từ mỗi mùa tất cả những thú vị của nó, mà không lấn trước sang các mùa tiếp theo. Thật là vất vả mà không hứng thú khi đảo lộn trật tự của tự nhiên, lấy đi của tự nhiên những sản phẩm cưỡng ép mà nó tiếc rẻ phải cho ta trong lời nguyền rủa, và những sản phẩm này vừa không có chất vừa không có vị, không thể nuôi dưỡng được cả dạ dày lẫn làm khoái khẩu. Không gì vô vị bằng rau quả trái mùa, chỉ có chi phí lớn như nhà đại phú ở Paris với các lò hơi và các nhà kính ấm, cố công cùng sức để quanh năm trên bàn chỉ

được những thứ rau quả không ngon lành gì. Nếu tôi có những quả anh đào khi tuyết đang xuống, những quả dưa màu hổ phách giữa mùa đông, nào có hào hứng gì để tôi nếm chúng khi mà vòm miệng tôi chẳng cần phải thấm ướt cũng chẳng cần làm mát đi? Trong cái nóng khắc nghiệt của tiết trời mùa hạ thì hạt dẻ nặng nề khó tiêu liệu có làm cho tôi thật thoải mái chăng? Liệu tôi có ưa thích nó khi vừa từ chảo rang ra, hơn cái quả lý chua chua, cái quả dâu đất và các thứ quả giải khát được đãi đằng cho tôi trên mặt đất mà chẳng cần phải chăm sóc nhiều đến thế? Vào tháng Giêng mà chất đầy quanh lò sưởi của mình những thứ cây mọc ép, những đoá hoa nhợt nhạt và chẳng có hương thơm, thì không phải là trang hoàng cho mùa đông mà là làm xấu mùa xuân: chính là tự tước bỏ của mình cái hứng thú được vào rừng tìm bông hoa đồng thảo đầu tiên, rình đón cái chồi non đầu tiên, và để reo lên trong sự xúc động đột ngột của niềm vui: Hỡi con người, các người không bị bỏ rơi, tự nhiên vẫn đang sống.

Để được phục vụ tốt, tôi sẽ cần ít người giúp việc, điều này tôi đã từng nói tới, và vẫn cứ phải nói thêm nữa. Một anh thị dân được hầu hạ thực sự với mỗi một tên đầy tớ nhiều hơn so với một công tước có mười ngài xúm quanh. Tôi đã hàng trăm lần nghĩ rằng khi có được một ly rượu trên bàn ở bên thì tôi uống lúc nào tôi thích trong khi nếu tôi mở đại tiệc, phải có tới hai chục tiếng nói lặp đi lặp lại mãi: xin nâng cốc, rồi sau đó tôi mới được uống cho đã khát. Mọi điều ta làm do người khác đều khó chịu dù ta xoay xở cách nào. Tôi không sai ai đến nhà người bán hàng mà sẽ tự mình tới; tôi sẽ tới để người nhà tôi không điều đình với họ trước tôi, để chọn kỹ hơn, để trả rẻ hơn; tôi sẽ đi như một cuộc tập thể dục thoải mái, để nhìn ngó đôi chút điều xảy ra bên ngoài nhà mình; điều đó vừa giải trí, đôi khi còn dạy được mình; cuối cùng là tôi sẽ đi để mà đi, thế cũng là được việc gì đó. Sự buồn chán là vì một cuộc sống quá tĩnh tại, khi ta đi nhiều, ta ít buồn chán. Không có những kẻ truyền đạt nào tồi hơn là người gác cửa và những tên đầy tớ; tôi không muốn có chúng xục vào giữa tôi và phần còn lại của thế giới, cũng chẳng muốn đi kèm với tiếng lộc cộc của một cỗ xe ngựa bốn bánh, cứ y như là tôi sợ bị người ta đến gần. Những con ngựa của một người đàn ông mà luôn luôn sử dụng những cái chân của mình, đều luôn luôn sẵn sàng, nếu ngựa có mệt hay ốm đau thì ông ta biết điều đó trước mọi người khác; và ông ta cũng chẳng sợ vì lý do đó mà phải ở nhà, khi anh xà ích lại muốn chơi bời phóng túng; có hàng ngàn trở ngại dọc đường cũng chẳng hề làm ông ta sốt ruột, cũng chẳng làm ông ta dừng lại vào lúc muốn bay nhảy. Rốt cuộc, chẳng có ai phục vụ cho chúng ta tốt bằng chính

chúng ta, có nhiều quyền lực hơn cả Alexandre và giàu có hơn cả Crésus, thì ta cũng chỉ nên nhận từ những người khác những dịch vụ mà ta không thể lấy được từ bản thân mình.

Tôi không hề muốn có một lâu đài để ở, vì rằng trong lâu đài này tôi sẽ chỉ ở có mỗi một phòng; mọi phòng chung là chẳng thuộc về ai, còn phòng của mỗi người trong số người nhà của tôi thì đối với tôi cũng xa lạ như là của người hàng xóm. Những người phương Đông, cho dù rất thích hưởng lạc, tất cả đều ở và trần thiết đồ đạc một cách giản dị. Họ coi cuộc sống như một chuyến đi du lịch và nhà họ như một cái quán rượu. Cái lý lẽ này ít chinh phục được chúng ta, những người giàu có, chúng ta thu xếp để được sống mãi: nhưng tôi lại có một lý lẽ khác cũng sẽ gây ra được hiệu quả giống y như vậy. Tôi sẽ coi việc xếp đặt cho mình với bao nhiêu là thiết bị như thế ở một nơi thì sẽ như đuổi mình ra khỏi mọi nơi khác, và có thể nói là bỏ tù mình trong lâu đài của mình. Thế giới là một lâu đài đủ đẹp rồi: mọi thứ chẳng phải là của người giàu khi họ muốn hưởng thụ đó ư? *Uni bene, ibipatria*[260] đó là khẩu hiệu của họ; nhà cửa của họ là những nơi mà đồng tiền có thể làm nên tất cả, đất nước của họ là khắp nơi mà có thể chuyển két bạc của họ tới, giống như Philippe giữ cho mình tất cả các chiến lũy mà một con lừa thồ đầy bạc có thể vào. Vậy thì tại sao lại tự đi giam hãm mình để cho những bức tường và những cái cửa vây quanh mà không bao giờ ra khỏi đó? Một dịch bệnh, một cuộc chiến tranh, một cuộc bạo loạn mà có đuổi tôi ra khỏi một địa điểm nào thì tôi lại đi vào một nơi khác và ở đó tôi lại tìm thấy biệt thự của tôi đã đến đó trước tôi. Tại sao lại cứ chăm lo để tự mình tạo nên một biệt thự cho mình, trong khi người ta xây dựng nó ở khắp mọi nơi cho mình? Tại sao quá hối hả để sống mà lại sửa soạn quá xa cho mình những hưởng thụ mà tôi có thể tìm thấy ngay từ hôm nay? Người ta sẽ không tạo ra được cho mình một cảnh ngộ dễ chịu mà cứ không ngừng tự đặt mình mâu thuẫn với mình. Chính là như vậy mà Empedocle trách mắng những người Agrigentin về việc tận hưởng thật nhiều lạc thú cứ như là họ chỉ sống mỗi một ngày và về việc xây dựng la liệt cứ như là họ mãi mãi không phải chết.

Và chăng tôi dùng làm gì một chỗ ở quá rộng trong khi đó có quá ít người để đưa vào ở, và chẳng có nhiều đồ đạc để bày biện cho khắp? Những đồ đạc của tôi sẽ cũng giản dị như những ý thích của tôi; tôi sẽ chẳng có cả phòng

---

[260] * Tiếng Latin: "Nơi nào sống tốt, thì đó là tổ quốc".

trưng bày đồ mỹ thuật lẫn thư viện gia đình, nhất là nếu tôi lại mê đọc sách và am hiểu về tranh. Vì thế cho nên tôi sẽ thấy những bộ sưu tập như thế không bao giờ đầy đủ được và sẽ thấy cái mà ta thiếu làm cho ta buồn hơn việc ta chẳng có gì. Trong chuyện này thì sự đồi dào làm nên nỗi đau: chẳng có một người làm sưu tập nào là chưa từng trải nghiệm điều đó. Khi người ta am hiểu chuyện này, người ta chẳng nên làm gì hết; người ta chẳng có lấy một phòng để trưng ra cho những người khác khi người ta biết dùng nó cho chính mình.

Ván bài không phải là sự vui chơi của người giàu, nó chỉ là phương sách của kẻ ăn không ngồi rồi; và những lạc thú của tôi sẽ khiến tôi có quá nhiều việc thành thử chẳng để cho tôi còn nhiều thời gian mà khoả lấp một cách dở đến vậy. Tôi không chơi gì hết, sống cô đơn và nghèo nàn, nếu thỉnh thoảng có chơi cờ thì cũng là quá lắm rồi. Nếu tôi mà giàu có, tôi sẽ còn chơi ít hơn nữa, và chỉ là một ván cờ con, để khỏi phải nhìn thấy ai khó chịu hoặc là khỏi phải khó chịu. Hứng thú của ván bài; vì thiếu hẳn động cơ trong cảnh giàu có phong lưu nên bao giờ cũng chỉ có thể chuyển thành sự cuồng nhiệt trong một đầu óc kém phát triển. Một người giàu có bao giờ cũng ít để ý đến món lời thu được từ các ván bài hơn là số tiền bị thua; và theo cách đánh các ván đặt cửa vừa phải, làm cho về lâu dài tiền bạc kiếm được hao mòn đi thành ra nói chung là các ván bài đó thua nhiều hơn được, và nếu xét kỹ thì người ta không thể để cho bị lôi cuốn vào một cuộc vui chơi mà mọi rủi ro đều chống lại bản thân mình. Ai nuôi dưỡng tính huênh hoang của mình bằng những ưu đãi của vận may có thể tìm kiếm các ưu đãi đó trong các đối tượng hấp dẫn hơn, và những ưu đãi này thể hiện ra ở canh bạc cò con nhất chẳng kém ở ván bài lớn nhất. Cái thú đánh bạc, kết quả của thói keo kiệt và sự buồn chán chỉ bám được vào một đầu óc và một trái tim rỗng tuếch, và tôi cho rằng tôi sẽ đủ tình cảm và đủ hiểu biết để không cần đến một sự bổ sung như thế. Người ta thấy rất ít các nhà tư tưởng ham hố việc đánh bạc, nó làm ngừng thói quen, hay là chuyển nó sang những kết hợp vô vị; bởi thế một trong những điều tốt, và có thể là điều độc nhất do hứng thú khoa học gây nên, là giảm bớt đi một chút cái đam mê nhơ nhớp này; người ta sẽ thích luyện tập để chứng minh lợi ích của việc đánh bài hơn là lao vào vòng cờ bạc. Tôi thì tôi chống lại sự bài bạc ngay giữa các tay chơi, và tôi sẽ thấy vui khi được chế giễu họ khi thấy họ thua hơn là được tiền của họ do thắng họ.

Tôi vẫn sẽ cứ y như thế trong cuộc sống riêng và trong việc giao tiếp với người đời. Tôi sẽ mong muốn cho tài sản của mình đem lại sự thoải mái đến mọi nơi, và không bao giờ làm cho người ta cảm thấy sự bất bình đẳng. Sự

hào nhoáng của bộ đồ trang sức thật bất tiện về mọi mặt. Để giữ cho mình được tất cả tự do có thể có giữa mọi người, tôi muốn trang phục sao cho ở mọi đẳng cấp tôi đều tỏ ra ở vị trí của tôi, và để cho người ta đừng chú ý đặc biệt đến tôi ở bất kì tầng lớp nào; để cho không có một điệu bộ kiểu cách nào, một thay đổi nào ở cá nhân tôi khiến tôi được là dân thường ở quán rượu ngoài trời và là người thượng lưu trong Hoàng cung. Qua đó, càng làm chủ hơn được hành vi của mình, tôi luôn luôn đặt các thú vui thuộc mọi tình huống vào tầm tay của mình. Người ta nói rằng có những người đàn bà cấm cửa các ông mặc áo có cửa tay thêu và chỉ tiếp những người có cửa tay viền ren; vậy thì tôi sẽ sống qua ngày ở chỗ khác; nhưng nếu những người đàn bà ấy trẻ và đẹp, thì tôi nhiều nhất là một đôi lần có thể mặc áo viền ren để qua đêm ở đó.

Mối dây liên hệ độc nhất trong các tập hội giao du của tôi sẽ là sự quyến luyến lẫn nhau, có cùng sở thích giống nhau, sự phù hợp về tính cách; tôi sẽ buông mình vào đó như một người thường chứ không là một kẻ giàu có; tôi không bao giờ chịu để cho cái thú của sự giao du bị đầu độc bằng cái lợi. Nếu sự giàu có của tôi có để lại cho tôi một chút tình người thì tôi sẽ trải rộng ra nơi xa xôi những việc phục vụ và việc từ thiện của tôi; nhưng tôi sẽ muốn có quanh mình một tập hội chứ không phải là một triều đình, những người bạn chứ không phải là những người được che chở; tôi sẽ không phải là chủ nhân của các khách mời của mình, tôi sẽ là chủ nhà của họ. Tính độc lập và bình đẳng sẽ để lại cho mối quan hệ của chúng tôi tất cả sự chân thành của lòng bao dung và trong đó không có nghĩa vụ, không có lợi lộc nào xen vào làm gì được, chỉ có vui thích và tình hữu ái là luật lệ.

Người ta không mua được cả bạn bè lẫn người tình. Thật là dễ dàng có những người đàn bà bằng tiền bạc; nhưng đó là cách để không trở thành người yêu của bất kì ai. Tình yêu chẳng để đem bán, mà đồng tiền chắc chắn giết chết nó. Kẻ nào trả tiền, dù hắn có là người đàn ông đáng yêu nhất chăng nữa, chỉ riêng việc hắn trả tiền thì hắn đã không thể được yêu lâu bền. Chẳng mấy chốc mà hắn sẽ trả tiền cho người khác, hoặc cái người ấy sẽ được trả tiền bằng tiền của hắn; và, trong mối liên hệ kép này, được hình thành bằng mối lợi, bằng sự trụy lạc, không tình yêu, không danh dự, chẳng vui thú gì thật sự cả, người đàn bà hám lợi, không trung thành và khốn khổ, bị đối xử bởi cái thằng đê tiện nhận tiền y như cô ta đối xử với cái thằng ngu cho tiền, như thế là hết nợ với cả hai gã. Thật dịu ngọt khi được tự do đối với người ta yêu, nếu điều đó không tạo ra sự mua bán. Tôi chỉ biết có một cách để thỏa mãn

khuynh hướng này với người tình của mình mà không đầu độc mất tình yêu: đó là cho người yêu tất cả rồi sau đó được cô ta nuôi dưỡng. Còn phải biết đâu là người đàn bà mà cách đối xử này không phải là quá đáng.

Kẻ nào nói rằng: tôi sở hữu Laïs mà cô ta không sở hữu tôi, tức là đã nói một lời vô hồn. Sự sở hữu mà không phải là sự sở hữu lẫn nhau là không thành cái gì hết: nhiều nhất là sở hữu tình dục, chứ không phải là sở hữu con người cá thể. Thế mà ở chỗ nào không có đạo đức về tình yêu thì tại sao còn phải làm to chuyện đến vậy? Chẳng có gì dễ tìm được vậy. Đương thế thì một người dắt la lại tiếp cận được hạnh phúc nhiều hơn ngài triệu phú.

Ồ! Nếu ta có thể phát triển đầy đủ những cái vô lý của thói xấu, thì khi người ta có được thứ mà người ta muốn, người ta sẽ thấy thứ đó xa biết bao nhiêu so với điều mình muốn! Tại sao lại có sự háo hức man rợ muốn hủy hoại sự trong trắng, biến đối tượng non trẻ mà người ta phải bảo vệ thành một nạn nhân và ngay từ bước đầu tiên ấy người ta không sao tránh khỏi việc dẫn dắt đối tượng này đến một vực thẳm của sự khổ ải mà đối tượng chỉ thoát được ra khi chết đi? Bạo lực, kiêu ngạo, ngu ngốc, lầm lạc và chẳng còn gì hơn thế! Cái dục vọng này tự nó không phải do tự nhiên; nó là do dư luận, và là do thứ dư luận mạt hạng nhất, chính vì nó gắn với sự khinh bỉ bản thân mình. Kẻ nào nhận ra mình là kẻ kém nhất trong tất cả mọi người thì sợ so sánh với người khác và muốn vượt qua đầu tiên cho bớt khả ố. Hãy xem liệu có phải những kẻ ham hố nhất trong thứ gia vị tưởng tượng này bao giờ cũng là những người trẻ tuổi đáng yêu, đáng được thỏa lòng, và họ sẽ dễ được dung thứ hơn khi khó tính chăng. Không: với gương mặt, với giá trị, và với những tình cảm, người ta ít e ngại kinh nghiệm của người tình của mình; trong một niềm tin chắc chắn, người ta bảo cô: em biết các niềm lạc thú, không sao cả; trái tim ta hứa hẹn với em những lạc thú mà em chưa từng biết.

Nhưng một kẻ dâm đãng già đời đã mòn mỏi vì trụy lạc, chẳng còn gì thú vị, chẳng còn nể nang ai, chẳng còn tôn trọng, chẳng còn chút nào lịch sự, không có khả năng, không xứng đáng làm vui lòng mọi người đàn bà am hiểu về những con người khả ái, tưởng rằng bù đắp vào mọi thiếu hụt ấy ở một thiếu nữ ngây thơ, bằng cách vượt qua kinh nghiệm, và bằng cách gây cho cô ta xúc cảm đầu tiên của các giác quan. Hy vọng cuối cùng của hắn là làm vui lòng nhờ sự mới mẻ; điều này hiển nhiên là động cơ thầm kín của cái sở thích riêng này; nhưng hắn lầm, điều ghê tởm mà hắn làm cũng thuộc về tự nhiên chẳng kém những dục vọng mà hắn sẽ muốn khêu gợi. Hắn cũng

lầm trong cái mong đợi điên rồ của mình: chính cái tự nhiên ấy đã cẩn thận đòi lại các quyền của mình: mọi cô gái bán mình đều đã hiến thân rồi; và do đã hiến thân theo sự lựa chọn của mình, cô ta đã làm việc so sánh mà hắn e sợ. Vậy là hắn đã mua lấy một khoái lạc tưởng tượng và không kém phần ghê tởm khoái lạc ấy.

Đối với tôi, khi trở nên giàu có thì có cố gắng thay đổi cũng vô ích, có một điểm mà tôi không bao giờ thay đổi. Nếu ở tôi mà chẳng còn thói quen hay đức hạnh, ít ra thì cũng còn lại ở tôi một thị hiếu nào đó, một giác quan nào đó, một sự tế nhị nào đó; và điều đó sẽ ngăn trở tôi dùng tài sản của mình làm một kẻ dễ bị lừa mà theo đuổi các ảo tưởng, dốc cạn túi và cuộc sống của mình để làm mình bị bọn trẻ con phản bội và chế giễu. Nếu tôi còn trẻ, tôi sẽ tìm kiếm những thú vui của tuổi trẻ; và do muốn có các thú vui ấy trong tất cả sự khoái trá mà chúng đem lại, tôi sẽ không tìm kiếm chúng theo kiểu người giàu có. Nếu tôi còn giữ được mình như tôi vốn đã như thế, đó sẽ là chuyện khác; tôi sẽ hạn chế mình một cách khôn ngoan trong các thú vui của độ tuổi mình; tôi sẽ có các hứng thú mà tôi có thể thụ hưởng, và tôi dập tắt tất cả những hứng thú sẽ chỉ còn đem lại cho tôi nỗi thống khổ. Tôi sẽ không muốn chút nào đem hiến dâng bộ râu hoa râm của mình cho sự khinh thường nhạo báng của các thiếu nữ; tôi không chịu nổi khi thấy rằng sự chiều chuộng đáng ghét của tôi làm cho các cô ghê tởm, khi tôi làm cho các cô có các câu chuyện lố bịch nhất để đem kể lại, khi tưởng tượng ra các cô đang miêu tả những khoái lạc đáng khinh của con khỉ già, để trả thù cho việc các cô phải chịu đựng những khoái lạc ấy. Những thói quen khó chế ngự của tôi nếu biến các dục vọng của tôi thành nhu cầu, thì có thể tôi sẽ thoả mãn nó, nhưng với sự hổ thẹn, xấu hổ vì hành động của mình. Tôi sẽ tước bỏ đam mê khỏi nhu cầu, tôi sẽ làm cho mình phù hợp nhất và sẽ giữ vững ở đó: tôi sẽ không khiến cho sự yếu đuối của mình thành một mối bận tâm nữa và nhất là chỉ muốn có một chứng nhân độc nhất trong truyện này. Đời người có nhiều thú vui khác, khi không có những thú vui này; mà vì cứ chạy theo một cách uổng công vô ích những thú vui đã mất đi rồi, thì ta lại tự tước bỏ mất của mình những thú vui còn lại. Hãy thay đổi thị hiếu theo năm tháng, hãy đừng có vượt qua tuổi tác như qua các mùa: phải là chính mình trong mọi lúc, và đừng có đấu tranh chống lại tự nhiên: những cố gắng uổng công này làm mòn mỏi cuộc đời và ngăn cản ta sử dụng nó.

Người dân thường chẳng hề buồn chán, cuộc sống của họ sôi động, nếu các cuộc vui của người bình dân không đa dạng thì chúng lại hiếm có; rất

nhiều ngày cực nhọc làm cho họ thưởng thức với niềm vui thú vài ngày hội hè. Một sự luân lưu những công việc lao động dài ngày và những ngày rảnh rỗi ngắn ngủi tăng thêm thú vị cho các niềm vui trong tình cảnh của họ. Đối với những người giàu có, gánh nặng của họ là sự buồn chán; bên trong các cuộc vui có được bằng chi phí lớn, giữa đám người tranh nhau làm vui lòng họ, sự buồn chán làm hao mòn họ và giết chết họ, họ sống qua ngày để chạy trốn sự buồn chán và để lại mắc phải sự buồn chán ấy: họ bị nó đè ép vì sức nặng không sao chịu nổi của nó: nhất là các bà, họ chẳng biết làm gì, cũng chẳng biết vui chơi gì, bị sự buồn chán này vì, dưới cái tên là chứng khó ở chếnh choáng, đối với các bà nó thành ra một nỗi đau khủng khiếp, đôi khi nó làm mất cả lý trí của các bà và cuối cùng là cả cuộc sống nữa. Với tôi, tôi không biết có gì thảm hại hơn số phận của một người đàn bà đẹp ở Paris, sau số phận của anh chàng bé nhỏ dễ thương gắn bó với bà ta, anh chàng cũng đã biến thành người đàn bà ăn không ngồi rồi, như vậy là hai lần xa rời địa vị của mình, và cái hãnh diện làm chàng trai có số đào hoa khiến anh ta chịu đựng được sự lê thê của những ngày dài sầu thảm nhất mà con người từng trải qua.

Những phép lịch sự, các kiểu thời trang, các tập quán phát sinh ra từ sự xa hoa và từ xã hội thượng lưu, giam hãm dòng đời trong một sự đơn điệu buồn bã nhất. Sự vui thú mà người ta muốn có trong con mắt người khác đều tan biến cho tất cả mọi người: người ta chẳng có nó cho họ và cũng chẳng có nó cho bản thân mình.[261] Cái lố bịch mà dư luận e ngại trong mọi việc bao giờ cũng luôn ở bên họ để hành hạ họ và trừng phạt họ. Người ta cũng chỉ bị lố bịch bao giờ theo những mẫu định sẵn: ai biết thay đổi hoàn cảnh và các thú vui của mình, xóa sạch trong ngày hôm nay những ấn tượng của hôm qua: anh ta như là không có gì để lại trong đầu óc mọi người; nhưng anh ta hưởng thụ, bởi vì anh ta làm hết mình trong từng giờ và trong từng việc. Khuôn mẫu ổn định độc nhất của tôi là cái đó; trong mỗi tình huống tôi không quan tâm đến bất cứ cái gì khác; tôi xem mỗi ngày như chính nó, như

[261] Hai người phụ nữ thượng lưu muốn tỏ ra vui chơi nhiều, tự tạo ra một luật lệ là bao giờ cũng chỉ đi ngủ lúc năm giờ sáng. Trong cái gay gắt của mùa đông, những người hầu của họ phải qua đêm ngoài phố để đợi họ, thật khó mà tránh khỏi bị đóng thành băng ở đó. Có một buổi tối, nói đúng hơn là một buổi sáng, mọi người vào căn hộ mà ở đó hai người quá mê mải vui chơi này để thì giờ trôi đi mà chẳng đếm: người ta thấy họ hoàn toàn đơn lẻ, mỗi người đang ngủ trong chiếc ghế bành của mình.

là không dính líu gì với đêm qua và với ngày mai. Như tôi sẽ là dân thường với dân thường, tôi sẽ là nông dân ngoài đồng áng; và tôi sẽ nói về nghề nông mà người nhà quê không chế giễu tôi. Tôi sẽ không đi xây dựng cho tôi một thành phố ở đồng quê, và đặt ở chỗ hang cùng ngõ hẻm của một tỉnh, một cung điện Tuileries trước căn phòng của tôi. Trên sườn một ngọn đồi xinh xắn nào đó rất nhiều bóng mát, tôi sẽ có một ngôi nhà bé nhỏ theo kiểu nhà ở đồng quê, một cái nhà sơn trắng với các cánh cửa sổ sơn màu xanh; mặc dù một mái tranh là kiểu mái nhà tốt nhất thích hợp với bất cứ mùa nào, tôi sẽ thích một cách trang trọng, không phải là đá đen ảm đạm, mà là ngói, vì ngói có vẻ sạch hơn và trông vui mắt hơn tranh, vì ở xứ tôi người ta không lợp nhà theo kiểu khác đâu và vì việc đó sẽ nhắc lại cho tôi một chút thời niên thiếu hạnh phúc của tôi. Tôi sẽ có một sân nuôi gia cầm để làm sân luôn, còn về chuồng trại thì có một chuồng nuôi bò sữa để có các thức ăn bằng sữa mà tôi rất thích. Tôi sẽ có một vườn rau dùng để làm vườn, một vườn cây ăn quả dùng để làm vườn hoa giống như cái vườn mà tôi sẽ nói đến sau đây. Trái cây phó mặc cho những khách đi dạo sẽ không được người làm vườn của tôi đếm, cũng không hái xuống, và sự lộng lẫy hà tiện của tôi sẽ không hề phô bày trước mặt mọi người những cây có quả dựa vào tường, tráng lệ đến nỗi người ta không dám mó tới. Song sự hoang phí còn con ấy sẽ ít tốn kém, bởi vì tôi đã chọn chỗ dung thân của mình ở một tỉnh xa xôi nào đó, nơi mà người ta trông thấy ít tiền bạc nhưng lại nhiều vật phẩm và là nơi ngự trị cả của sự sung túc lẫn nghèo nàn.

Ở đó tôi sẽ quy tụ được một tập hội, được chọn lọc, hơn là đông đảo, gồm các bạn hữu thích lạc thú và sành điệu, các bà có thể rời khỏi ghế bành của họ và vui lòng tham gia các trò vui đồng nội, đôi khi sử dụng chiếc cần câu, cái que bôi nhựa dính để bắt chim, cái chĩa ba của các cô thôn nữ trở cỏ để phơi khô, và chiếc sọt của những người hái nho, thay cho cái thoi đan lưới bọc tóc và các quân bài. Ở đó, tất cả các phong cách thành thị đều bị lãng quên, và, trở thành dân quê trong làng, chúng tôi sẽ lao mình vào rất nhiều trò chơi khác nhau chỉ làm cho mỏi tối chúng tôi bối rối trong việc lựa chọn cho ngày hôm sau. Sự tập luyện và cuộc sống hoạt động sẽ tạo cho chúng tôi một dạ dày mới và những hứng thú mới. Mọi bữa ăn của chúng tôi đều là các bữa tiệc, trong đó thức ăn dồi dào sẽ làm hài lòng hơn các mỹ vị. Sự vui vẻ, các công việc đồng quê, các trò chơi bông đùa là những người đầu bếp hạng nhất thế giới, và các món thịt hầm tinh tế thật đáng buồn cười đối với những người bận rộn hoài từ lúc mặt trời mọc. Cách dọn ăn cũng sẽ không theo thứ tự các món mà cũng sẽ không thanh lịch, phòng ăn sẽ ở khắp nơi, trong vườn, trên một chiếc thuyền,

dưới một gốc cây, đôi khi, ở đàng xa, bên một dòng suối chảy, trên bãi cỏ xanh tươi và mát mẻ, dưới các lùm cây trăn và cây phỉ; một đoàn dài thực khách vui tươi sẽ vừa ca hát vừa mang đến các gia vị cho bữa tiệc; người ta sẽ có bãi cỏ xanh làm bàn ăn và ghế ngồi, các bờ suối nước làm tủ bát đĩa, và thức tráng miệng sẽ treo lủng lẳng trên cây. Các món ăn sẽ được dọn ra không theo thứ tự nào cả, sự ngon miệng sẽ bỏ qua các lễ tiết, mỗi người đều công khai dành ưu tiên cho riêng mình hơn bất cứ ai khác, và sẽ thấy rằng có một ai khác cũng dành ưu tiên cho họ hơn mình là đúng; từ sự thân mật thực tình và vừa phải đó này sinh một cách không khiếm nhã, không giả dối, không cưỡng bách, một sự tranh giành vui tươi trăm lần thú vị hơn sự lễ độ, và thích hợp hơn để liên kết các tấm lòng. Không hề có đầy tớ rình mò một cách bất tiện để nghe chúng tôi nói, rồi thì thầm bình phẩm thái độ của chúng tôi, đếm các miếng ăn của chúng tôi với con mắt thèm khát, đùa nghịch bằng cách làm cho chúng tôi phải đợi đồ uống và lẩm bẩm phàn nàn về một bữa ăn quá lâu. Chúng tôi sẽ là người đầy tớ để được làm chủ chính mình, vì mỗi người sẽ được tất cả những người khác phục dịch; thời giờ sẽ trôi qua mà chẳng ai tính đến; bữa ăn sẽ là sự nghỉ ngơi và sẽ kéo dài tuỳ theo nhiệt tình của ban ngày. Nếu một người nhà quê nào đi qua chỗ chúng tôi để ra chỗ làm đồng, vai vác nông cụ, tôi sẽ làm vui lòng anh ta bằng vài câu chuyện vui, bằng vài ngụm vang ngon, các thứ ấy sẽ làm cho anh ta chịu đựng vui vẻ hơn nỗi cực nhọc của mình; còn tôi, tôi cũng sẽ có sự lạc thú cảm thấy tâm can rung động đôi chút và tự nhủ thầm: tôi vẫn còn là con người.

Nếu một cuộc lễ hội thôn dã nào đó quy tụ dân cư sở tại, tôi cùng với cả nhóm của mình sẽ là những người đầu tiên có mặt ở đó; nếu có vài đám cưới, được trời ban phúc nhiều hơn ở thành thị, mà cử hành bên láng giềng của tôi, thì người ta sẽ biết rằng tôi ham vui và tôi sẽ được mời dự đám cưới ấy. Tôi sẽ đem đến cho những người chất phác này vài tặng vật giản dị phù hợp với họ và để góp phần vào cuộc lễ; và, đổi lại tôi sẽ tìm được ở đó những của quý vô giá, những của quý mà những người ngang hàng với tôi ít khi biết đến: tính thật thà và lạc thú chân thực. Tôi ăn bữa cơm đêm một cách vui vẻ ở đầu chiếc bàn dài của họ; tôi sẽ đồng ca đoạn điệp khúc của một bài hát đồng quê cũ kỹ, và tôi sẽ vui lòng khiêu vũ trong vựa lúa của họ hơn là khiêu vũ ở nhà hát Nhạc vũ kịch.

Cho tới đây thì mọi chuyện đều tuyệt vời, người ta bảo tôi như vậy; nhưng còn chuyện đi săn? Có phải ở đồng quê mà không đi săn sao? Tôi hiểu: tôi chỉ muốn có một sở đất nhỏ ở đồng quê, và tôi đã lầm. Tôi cứ cho là mình giàu có

đi, thì tôi phải có những thú vui độc đáo, những thú vui phá phách: đây lại là những chuyện khác hẳn. Tôi phải có nhiều đất đai, nhiều cánh rừng, nhiều tuần canh, nhiều địa tô, những quyền hành của lãnh chúa, nhất là những lời tán tụng và nước thánh.

Tốt rồi. Nhưng mà vùng đất này sẽ có những người láng giềng quá ham quyền lợi của họ và cứ muốn lấn chiếm quyền lợi của người khác; những người tuần canh của chúng tôi gây lộn với nhau, và có thể cả những người chủ nữa: đó là những cuộc cãi vã, những cuộc phân tranh, những thù hằn, ít ra là kiện tụng: điều đó thật là chẳng dễ chịu gì. Các tá điền của tôi sẽ không hề muốn trông thấy ruộng lúa mì bị thỏ rừng, ruộng đậu tằm bị lợn lòi bới nát; họ chẳng dám giết chết đối thủ huỷ hoại lao động của mình, ít ra là sẽ muốn đuổi chúng ra khỏi cánh ruộng của họ; sau khi suốt ngày cày cấy, họ lại phải ngủ đêm ngoài ruộng để canh gác, họ phải có những con chó to và dữ, những cái trống, những tù và, những cái chuông báo động: với mọi sự huyên náo ấy họ quấy rối giấc ngủ của tôi. Tôi sẽ buộc phải nghĩ ngợi về nỗi khổ của những con người tội nghiệp này và sẽ không sao tránh khỏi tự trách mình về điều đó. Nếu tôi có thế lực của một ông hoàng thì mọi chuyện này chẳng động chạm gì đến tôi, nhưng tôi chỉ là một anh giàu sổi, một người mới nổi lên giàu có, tôi sẽ vẫn còn có tấm lòng khá là bình dân.

Như thế chưa phải là đã hết, việc có quá nhiều thú vật để săn bắn sẽ cám dỗ những người đi săn, tôi sẽ có những thợ săn trái phép để trừng phạt; cần có những phòng giam, những cai tù, những tuần đinh và những sự trừng phạt tội dịch: với tôi những chuyện này là quá độc ác. Các bà vợ của những kẻ bất hạnh này sẽ đến ngồi lì ở cổng nhà tôi và quấy rầy tôi bằng những tiếng kêu gào của họ, hoặc là phải đuổi họ đi, phải xử tệ với họ. Những kẻ khốn khổ nào mà không đi săn trộm trên đất của tôi và bị thú săn bới lộn tung mùa màng, về phía họ sẽ đến kêu ca phàn nàn: những người này thì bị phạt vì đã giết thú săn, những kẻ khác thì bị tàn phá vì tránh điều đó: một trạng thái phải lựa chọn mới đáng buồn làm sao! Tôi sẽ chỉ thấy mọi phía quanh tôi toàn là chuyện đau khổ, tôi sẽ chỉ nghe thấy toàn là những tiếng rên rỉ, theo tôi thì điều đó hẳn là làm giảm nhiều cái thú tàn sát tuỳ thích hàng đàn gà gô và hàng đàn thỏ gần như là ngay dưới chân mình.

Bạn có muốn giải tỏa những thú vui của mình khỏi những nỗi cực khổ của họ, thì hãy bỏ đi khỏi những thú vui đó tính chất loại trừ: bạn càng để cho các thú vui ấy làm của chung cho mọi người thì bạn sẽ càng thưởng thức được

chúng luôn thuần khiết. Vậy nên tôi chẳng hề làm chút gì về những điều tôi vừa nói; nhưng mà, không hề đổi ý thích, tôi sẽ theo đuổi cái gì mà tôi cho rằng ít tốn kém nhất. Tôi sẽ tổ chức kỳ nghỉ của tôi ở một xứ mà mọi người được tự do đi săn, và ở đó tôi có thể vui chơi thoả thích chẳng e ngại gì. Thú vật để săn sẽ ít hơn; nhưng sẽ có nhiều khéo léo hơn để tìm nó và nhiều vui thích hơn khi bắt gặp nó. Tôi sẽ nhớ lại sự hồi hộp mà cha tôi đã trải qua khi thấy chú gà gô đầu tiên bay lên và những niềm vui cuồng nhiệt khi cha tôi bắt gặp con thỏ mà ông tìm suốt cả ngày mới thấy. Tôi tán thành rằng, chỉ một mình với con chó của ông, vác theo khẩu súng, cái túi đựng thú săn, túi thuốc súng, với con mồi nhỏ, đến chiều ông trở về nhà mệt nhoài và quần áo rách toạc vì gai góc, ông còn hài lòng về buổi săn của mình hơn tất cả những người đi săn khác đi trên đường mòn, cưỡi ngựa tốt, theo sau có hàng hai chục tay súng nạp đạn sẵn, những người chỉ làm cái việc là đổi súng, bắn và giết xung quanh họ, chẳng có gì khéo léo, chẳng có vinh quang, và hầu như chẳng phải động chân động tay gì. Vậy nên thú vui cũng chẳng kém đi và sự phiền toái sẽ không còn nữa khi mà ta không có vùng đất phải canh giữ, không có kẻ săn trộm để mà trừng phạt, không có kẻ khốn khổ để mà làm rầy rà cho họ: đây là lý do vững chắc để ưa thích hơn. Dù cho ta có làm gì, người ta không hề làm rầy mãi mọi người mà mình lại không phải chịu một điều phiền phức nào hết; và những bất hạnh kéo dài của dân chúng sớm muộn gì cũng làm cho con thú săn đem về trở nên đắng ngắt.

Còn nữa, những thú vui độc hữu của riêng mình là cái chết của sự vui thú. Sự vui chơi thật sự là phải chia sẻ cùng mọi người; những gì mà ta muốn có cho riêng mình, thì ta chẳng có được chúng nữa. Nếu những bức tường mà tôi xây quanh vườn hoa của mình tạo ra cho tôi một sự kín cổng cao tường đáng buồn, tôi chỉ có mà tốn tiền chi phí cho việc tước bỏ mất của mình cái thú đi dạo: thế là tôi buộc phải đi tìm thú dạo chơi tận nơi xa. Con quỷ của sự sở hữu làm ô nhiễm mọi thứ nó đụng tới. Một người giàu có muốn làm chủ ở mọi nơi và chỉ thấy dễ chịu ở nơi nào anh ta không là như vậy: anh ta buộc phải luôn luôn tự trốn chạy. Trong khi ấy thì với tôi, tôi sẽ làm trong sự giàu có của mình những gì tôi đã làm trong lúc mình nghèo khó. Bây giờ tôi càng giàu có hơn từ tài sản của người khác và tôi sẽ chẳng bao giờ giàu có như thế từ tài sản của mình: tôi chiếm lĩnh mọi thứ thích hợp với mình ở quanh tôi: chẳng có kẻ xâm lấn nào kiên định bằng tôi: tôi lấn lướt cả các ông hoàng; không hề phân biệt, tôi bằng lòng với mọi vùng đất trống mà tôi thích; tôi đặt tên cho chúng, tôi lấy mảnh đất này làm vườn hoa, mảnh kia làm tiền cảnh, và thế là tôi làm ông

chủ; từ nay, tôi cứ đi dạo mà chẳng bị hạch sách gì; tôi quay lại đó luôn để duy trì sở hữu; tôi sử dụng vùng đất nhiều đến chừng nào như tôi muốn do cứ mãi đi lại trên đó; và người ta sẽ không sao thuyết phục nổi tôi rằng người chủ sở hữu của vùng đất lại sử dụng được số tiền vùng đất này đem lại cho ông ta nhiều hơn là tôi sử dụng vùng đất của ông ta. Cho dù họ có vừa mới làm phiền nhiễu tôi bằng các hào hố hay rào dậu thì chẳng mấy ảnh hưởng gì với tôi, tôi vác cả vườn hoa của mình đặt ra ngoài; quanh vùng chẳng thiếu gì địa điểm thay thế, và tôi sẽ vẫn sẽ cướp mãi các láng giềng trước khi thiếu chỗ dung thân.

Đó là vài luận đề về thị hiếu thực sự trong việc lựa chọn những thú nhàn rỗi dễ chịu: ta cần thưởng thức theo tinh thần như thế đấy; mọi cách còn lại chỉ là ảo ảnh, chỉ là ảo tưởng, chỉ là sự kiêu ngạo ngu muội mà thôi. Ai xa rời các quy tắc này, cho dù có giàu có đến đâu chăng nữa, thì cũng sẽ tiêu xài vàng bạc của họ vào những thứ vô giá trị, và sẽ chẳng bao giờ biết được giá trị của cuộc đời.

Hẳn là người ta sẽ phản bác lại tôi rằng các kiểu vui chơi như thế là trong tầm tay của mọi người, rằng cần gì phải giàu có để mà thưởng thức chúng. Đúng là tôi muốn đề cập đến điều đó. Người ta có được vui thú khi người ta muốn có được như vậy: chỉ riêng có dư luận là gây khó khăn cho mọi việc, nó đánh bạt mất hạnh phúc ngay trước mặt ta, và được sống hạnh phúc thì dễ chịu gấp trăm lần so với được xem là có vẻ như vậy. Con người sành điệu và thật sự là biết hưởng lạc thú chẳng cần giàu có để làm gì; anh ta chỉ cần sống được tự do và làm chủ được bản thân mình là đủ. Ai hưởng thụ được sức khoẻ và chẳng thiếu gì cái cần dùng, nếu anh ta chẳng để tâm đến những thị phi của dư luận, thì thật là giàu có; chính là *l'aurea mediocritas, sự trung dung bằng vàng* của Horace.[262] Vậy những người có két sắt hãy nên tìm cách khác mà sử dụng sự giàu có thừa mứa của mình, bởi vì muốn có lạc thú thì của cải thừa mứa chẳng được việc gì đâu. Émile sẽ chẳng biết gì hơn tôi về mọi chuyện này, nhưng vì có trái tim thuần khiết hơn và lành mạnh hơn, anh ta sẽ còn cảm nhận điều đó được nhiều hơn, và mọi sự nhận xét của anh ta trong giới giao tiếp, chỉ làm cho anh ta khẳng định được điều đó.

Trong khi thời gian trôi đi như vậy, chúng tôi luôn tìm kiếm Sophie và vẫn chưa tìm thấy cô ta ở đâu. Điều cần thiết là cô ta đừng có xuất hiện quá nhanh,

---

[262] * Trích trong *Odeo*, quyển II, chương 10, tr. 5, có ý nói rằng một hoàn cảnh bình thường, toát ra sự yên tĩnh phải được tất cả mọi người ưa chuộng hơn.

và chúng tôi đã tìm kiếm cô ta ở nơi mà tôi biết chắc rằng cô ta không có ở đó. *Mulierem fortem quis inveniet? Procul et de ultimus finibus pretium ejus.*[263]

Cuối cùng thì thời điểm thúc ép, đã đến lúc phải thực sự kiếm tìm cô ta, chỉ sợ anh ta tạo ra cho bằng được một người thiếu nữ mà anh ta tưởng là cô ta, và chỉ sợ anh ta nhận ra sai lầm của mình quá muộn. Vậy thì xin chào nhé, Paris, thành phố nổi tiếng, thành phố ồn ào, đầy khói và bùn lầy, nơi mà phụ nữ không còn tin vào danh dự và đàn ông không còn tin vào đức hạnh. Chào nhé, Paris: chúng tôi tìm kiếm tình yêu, hạnh phúc, sự trong trắng; chúng tôi sẽ không bao giờ ở quá xa người đâu.

[263] Tiếng Latin: Một người đàn bà đức hạnh? Người đàn bà ấy thật xa vời, đến từ tận cùng Trái đất, và có cái giá xứng đáng với họ.

QUYỂN NĂM



Thế là chúng ta đã đi tới hồi cuối của tuổi thanh niên nhưng chúng ta vẫn chưa tới lúc gỡ nút. Con người mà cô đơn thực chẳng tốt đẹp gì, Émile là con người, chúng ta đã hứa với anh ta một cô bạn tình, cần phải trao cô ta cho anh. Cô bạn tình đó là Sophie. Chỗ ở của cô ta ở những nơi nào? Chúng ta có thể tìm được cô ta ở đâu? Muốn tìm thấy cô, phải biết cô. Trước tiên chúng ta nên biết cô là người như thế nào, chúng ta sẽ phán đoán đúng hơn những nơi cô ở; và khi chúng ta gặp được cô, mọi chuyện vẫn sẽ chưa được hoàn tất. Locke nói rằng, *vì nhà quý tộc trẻ của chúng ta đã sẵn sàng để cưới vợ, đây là lúc để cho anh ta gắn gũi với người mình yêu.* Ông kết thúc tác phẩm của mình như vậy. Với tôi, là người không có vinh dự được gây dựng cho một nhà quý tộc, tôi sẽ tránh cho mình khỏi bắt chước Locke trong việc này.

SOPHIE HAY NGƯỜI ĐÀN BÀ

Sophie phải là người đàn bà cũng như Émile là người đàn ông, nghĩa là có đủ thứ phù hợp với cấu tạo của giống loài và của giới tính của mình để làm trọn vị thế của mình về phương diện thể xác và tinh thần. Vậy chúng ta hãy bắt đầu xem xét những điều phù hợp và những khác biệt về giới của cô ta với giới của chúng ta.

Trong tất cả những gì không gắn liền với giới tính, thì người đàn bà là người đàn ông: cô ta có cùng những bộ phận cơ thể ấy, cùng những nhu cầu ấy, cùng những năng lực ấy; bộ máy được chế tạo theo cùng một cách, các bộ phận đều cùng như nhau, hoạt động của cỗ máy này cũng là hoạt động của cỗ máy kia, bộ mặt là giống nhau; và dù xem xét trên phương diện nào, chúng cũng chỉ khác nhau ở chỗ nhiều hơn và ít hơn mà thôi.

Trong tất cả những gì gắn liền với giới tính, thì người đàn bà và người đàn ông ở chỗ nào cũng có những điều tương hợp và ở chỗ nào cũng có những điều khác biệt: sự khó khăn trong việc so sánh họ là khó mà xác định rõ trong thể trạng của người này và người kia thì cái gì là thuộc về giới tính còn cái gì thì không. Qua giải phẫu học so sánh, và chỉ qua riêng việc xem xét, người ta tìm

thấy những khác biệt chung giữa họ với nhau lại có vẻ như không dính líu đến giới tính; dù sao chúng vẫn cứ gắn liền với giới tính, nhưng bằng những mối liên hệ ngoài khả năng nhận biết của chúng ta: chúng ta không rõ là các mối liên hệ này có thể trải ra đến đâu; mà chỉ biết có mỗi một điều chắc chắn là mọi điểm chung là thuộc giống loài còn mọi điểm khác là thuộc giới tính. Dưới quan điểm kép này, chúng ta tìm thấy giữa hai người bao nhiêu là sự tương hợp và bao nhiêu là sự đối lập, đó có thể là một trong những điều tuyệt vời của tự nhiên vốn có thể được tạo tác ra hai sinh thể quá ư giống nhau trong khi cấu tạo lại quá khác biệt.

Các tương hợp và các dị biệt này phải ảnh hưởng lên tinh thần; hậu quả là có thể nhận biết được, phù hợp với kinh nghiệm, và bộc lộ sự phù phiếm của các cuộc tranh luận về sự ưu thắng hay sự bình đẳng của các giới: dường như mỗi giới, trong khi tiến đến các mục tiêu của tự nhiên theo sự sắp đặt riêng cho mình, chỉ hoàn hảo hơn nếu giống với giới kia nhiều hơn! Về những điều mà họ giống nhau thì hai giới là bình đẳng; còn về những gì khác nhau thì không đem so sánh được. Một người đàn bà hoàn hảo và một người đàn ông hoàn hảo không phải là giống nhau về trí tuệ, cũng như về vẻ mặt, và sự hoàn thiện không phải là nhiều hay ít hơn.

Trong tập hợp các giới thì mỗi giới cùng tham gia như nhau vào mục tiêu chung, nhưng không phải theo cùng một kiểu cách. Từ sự khác biệt này nảy sinh ra sự khác nhau đầu tiên có thể xác định được giữa các mối quan hệ tinh thần của giới này và của giới kia. Giới này thì phải năng động và mạnh mẽ, giới kia thì thụ động và mềm yếu: nhất thiết giới này cần phải muốn và có thể, giới kia chống lại một chút, là đủ rồi.

Nguyên tắc này đã được thiết lập, từ đó suy ra rằng người đàn bà được đặc biệt tạo ra để làm đẹp lòng người đàn ông. Nếu đến lượt mình người đàn ông phải làm đẹp lòng người đàn bà thì đó là một sự cần thiết ít trực tiếp hơn: giá trị của người đàn ông là ở sức mạnh của họ, anh ta làm đẹp lòng chỉ do anh ta mạnh. Đây không phải là quy luật của tình yêu, tôi cũng đồng ý thế, nhưng đó là luật của tự nhiên có trước cả tình yêu.

Nếu như người đàn bà được tạo ra để làm đẹp lòng và để được chinh phục, cô ta phải làm cho đàn ông thích thay vì gây gổ với anh ta; ở cô thì bạo lực nằm trong những nét duyên dáng của cô; chính là bằng cái duyên ấy mà cô buộc anh đàn ông tìm thấy được sức mạnh của anh ta và sử dụng nó. Nghệ thuật chắc chắn nhất để hoạt hoá sức mạnh ấy là dùng sự kháng cự để làm cho sức mạnh ấy trở nên cần thiết. Lúc đó lòng tự ái kết hợp với dục vọng, và

người này thì đắc chí vì cái chiến thắng mà người kia rắp tâm mang đến cho hắn. Từ đó nảy sinh ra sự tấn công và sự kháng cự, sự dũng mãnh của giới này và sự nhút nhát của giới kia, rốt cuộc là sự thuỳ mị và sự e thẹn mà tự nhiên đã võ trang cho phái yếu để nô lệ hoá phái mạnh.

Ai có thể nghĩ rằng tự nhiên đã vô tình định đoạt cùng những tiền định như nhau cho những người này và cho cả những người kia, và người đầu tiên hình thành các dục vọng cũng phải là người đầu tiên bày tỏ chúng ra? Sao sự phán đoán lại sai lạc kỳ lạ đến thế! Sự trù liệu có những kết quả quá khác nhau cho hai giới, liệu có tự nhiên hay chăng nếu họ cùng táo bạo như nhau mà lao vào đó? Làm sao người ta không thấy rằng với tính chất không đồng đều quá lớn trong sự sắp đặt chung, nếu như sự thận trọng không áp đặt cho giới này sự tiết chế mà tự nhiên áp đặt cho giới kia, thì sẽ mau chóng gây ra sự tàn lụi của hai giới, và loài người sẽ diệt vọng bởi những phương tiện đã được tạo ra để duy trì loài người? Người đàn bà gây xúc động các giác quan của đàn ông thật dễ dàng, và đi tới chỗ thức tỉnh tận đáy lòng họ những gì còn lại của một khí chất hầu như lụi tàn, nên nếu trên mặt đất này lại có vài vùng khí hậu tồi tệ nào đó mà lý thuyết đem vào đó cái tập quán này, nhất là ở các xứ nóng, ở đó người ta đẻ con gái nhiều hơn trai, thì bị đàn bà áp chế, cuối cùng đàn ông sẽ trở thành nạn nhân của đàn bà và tất cả thấy mình sẽ bị dẫn tới cái chết mà không bao giờ có thể tự vệ được.

Nếu như giống cái của loài súc vật không có sự xấu hổ như thế, thì sẽ ra sao? Liệu chúng có những dục vọng vô hạn độ mà sự xấu hổ ấy làm cái phanh hãm như ở những người đàn bà hay không? Dục vọng chỉ đến với chúng cùng với nhu cầu; nhu cầu thoả mãn rồi, thì dục vọng ngừng lại; chúng xua đuổi con đực không phải là giả đò, mà là thực sự: chúng hành động hoàn toàn trái ngược với hành vi của con gái của Auguste; chúng không nhận thêm hành khách nữa khi con tàu đã đầy hàng hoá. Ngay cả trong lúc chúng tự do, các thời kỳ sẵn sàng đón nhận của chúng cũng ngắn ngủi và mau chóng qua đi; bản năng thúc đẩy chúng mà bản năng cũng bắt chúng ngừng lại. Đâu sẽ là sự bổ sung của cái bản năng phủ định này ở những người đàn bà, khi mà bạn tước bỏ của họ sự e thẹn? Mong cho họ đừng để ý đến đàn ông nữa thì cũng như mong đợi đàn ông không còn làm được trò trống gì.

Thượng đế đã muốn làm vẻ vang cho loài người trong mọi sự: trong khi phú cho đàn ông những khuynh hướng vô chừng mực, Người lại đồng thời ban cho anh ta luật lệ để điều chỉnh những khuynh hướng ấy nhằm cho anh ta

được tự do và điều khiển được chính mình; trong khi phó mặc anh ta cho những đam mê vô chừng mực, Người để bên các đam mê ấy lý trí để chỉ huy chúng; trong khi phó mặc đàn bà cho những dục vọng vô hạn độ, Người gắn vào các dục vọng ấy sự e thẹn để kìm nén chúng lại. Người còn bổ sung thêm vào đó một tưởng thưởng tức thời cho việc sử dụng đúng đắn các năng lực của con người, tức là biết ham thích những việc đúng đắn khi con người ta dùng nó làm quy tắc cho hành động của mình. Theo tôi thì mọi chuyện này cũng đáng giá chẳng kém bản năng của súc vật.

Vậy dù giống cái của con người có chia sẻ hay không các dục vọng của đàn ông và có muốn hay không muốn thoả mãn chúng, nhưng họ cứ luôn luôn xua đuổi anh ta và bao giờ cũng chống cự, nhưng không phải bao giờ cũng với cùng một sức mạnh ấy, và do đó không phải bao giờ cũng thành công như nhau. Để cho kẻ tấn công được thắng thì kẻ bị tấn công phải cho phép hoặc khiến cho anh ta thắng; bởi vì có biết bao nhiêu là mánh lới khôn khéo để buộc kẻ tấn công phải dùng sức mạnh! Cử chỉ tự do nhất và dịu dàng nhất trong mọi cử chỉ không hề chấp nhận sự cưỡng bức thực sự, tự nhiên và lý trí chống lại điều đó: tự nhiên thì chống lại bằng cách để cho kẻ yếu hơn có đủ sức mạnh cần thiết để chống cự khi kẻ đó thích thế; lý trí thì chống lại bằng cách làm cho một cưỡng bức thực sự không chỉ là cử chỉ thô bạo nhất trong mọi cử chỉ, mà còn là cử chỉ trái ngược nhất với mục đích của nó, hoặc vì người đàn ông khi làm thế là tuyên chiến với bạn tình, và cho phép cô ta bảo vệ con người và tự do của mình dù phương hại đến cuộc sống của kẻ tấn công, hoặc vì chỉ riêng người đàn bà mới thẩm định được tình huống mà cô ta đang lâm vào, và vì một đứa con sẽ không có cha nếu mọi người đàn ông có thể lấn quyền trong việc này.

Vậy đây là hệ quả thứ ba của sự cấu tạo các giới tính, đó là kẻ mạnh hơn bề ngoài thì ra vẻ ông chủ, nhưng thực ra lại phụ thuộc vào kẻ yếu hơn; và điều đó không phải do một tập quán tán tỉnh phù phiếm, cũng không phải do sự cao thượng khoe mẽ của người che chở, mà do một quy luật bất biến của tự nhiên trong khi phú cho người đàn bà nhiều thuận lợi trong việc khêu gợi dục vọng hơn là cho người đàn ông thuận lợi để mà thoả mãn các dục vọng đó lại làm cho anh ta bị phụ thuộc vào cái ý thích chuyên chế của người kia, dù rằng anh ta cũng có ý thích ấy, và buộc anh ta phải đến lượt mình tìm cách làm vui lòng người kia để được cô ta thuận tình cho mình là kẻ mạnh hơn. Thế thì cái dịu ngọt nhất của người đàn ông trong chiến thắng của anh ta là nghi ngờ rằng liệu có phải sự yếu đuối nhượng bộ sức mạnh, hay có khi

lại là ý chí đầu hàng; và cái tinh quái thông thường của đàn bà lại là luôn luôn để mặc cho cái nghi vấn ấy cứ lởn vởn giữa cô ta và người ấy. Đầu óc của những người đàn bà về chuyện này tương xứng thật hoàn hảo với thế trạng của họ, đáng ra là xấu hổ vì sự yếu đuối của mình thì họ lại lấy thế làm tự đắc: những cơ bắp mềm mại của họ đều không có sức bền bỉ: họ cứ làm ra vẻ không sao nâng nổi những vật nặng dù là nhẹ nhất; họ sẽ xấu hổ nếu như mình mạnh mẽ. Tại sao vậy? Điều đó chẳng phải chỉ là để tỏ ra thanh tú, mà là do một dụng tâm khôn khéo hơn; họ tiên liệu từ xa các cớ tạ lỗi và quyền được yếu đuối khi cần.

Sự tăng thêm các hiểu biết nhiễm từ các thói xấu của chúng ta đã làm thay đổi rất nhiều các dư luận cũ kỹ trong chúng ta về điểm này, và người ta không còn nói mấy về sự cưỡng bức nữa từ khi những việc đó chẳng còn cần thiết mấy nữa và người đàn ông không còn tin chắc vào việc ấy nữa[264]; chứ như thời thượng cổ Hy Lạp và Do thái thì những chuyện ấy là rất phổ biến, bởi vì chính các kiến giải cũ kỹ ấy đều ở trong sự giản đơn của tự nhiên, và duy chỉ có kinh nghiệm về thói đồi truỵ mới có thể trừ tuyệt được chúng. Nếu như ngày nay ta thấy ít nói đến các hành động cưỡng bức hơn, thì chắc chắn đó không phải do người đàn ông ngày nay ôn hoà hơn mà chính là do họ ít có lòng cả tin hơn, và do một sự than phiền nào đó ngày xưa có thể thuyết phục được đám dân thường còn ngày nay thì chỉ thu hút những tiếng cười nhạo báng; con người ta tốt hơn là im chuyện ấy đi. Trong cuốn *Deuteronome* có một luật lệ là một cô gái bị cưỡng dâm thì bị trừng phạt cùng với kẻ quyến rũ nếu như tội lỗi đã phạm là ở thành phố; nhưng nếu tội lỗi xảy ra ở nông thôn hay ở những vùng xa thì chỉ riêng người đàn ông bị trừng phạt; *Bởi vì* điều luật nói rằng *cô gái đã kêu cứu nhưng không ai nghe thấy*. Cách diễn giải khoan dung này dạy cho các cô gái đừng để bị dụ dỗ ở những nơi đông người qua lại.

Hiệu quả của những khác biệt ý kiến về các tập tục này là dễ nhận ra. Sự tán tỉnh phụ nữ theo phong cách hiện đại chính là thành quả của điều đó. Những người đàn ông, khi thấy rằng những vui thú của mình tuỳ thuộc vào ý chí của phái đẹp nhiều hơn là anh ta tưởng, đã chế ngự ý chí ấy bằng những sự chiều chuộng mà phái này đền bù xứng đáng cho anh ta.

---

[264] Có thể là ở đây có sự bất tương xứng về tuổi tác và sức mạnh nhiều đến mức để cho một cuộc cưỡng bức thực sự xảy ra: nhưng ở đây trình bày về tình trạng tương quan của hai giới theo trật tự của tự nhiên thì tôi đặt cả hai giới trong mối tương quan chung tạo nên tình trạng đó.

Hãy xem thể xác dắt dẫn chúng ta một cách khó nhận biết đến tinh thần như thế nào, và từ sự kết hợp thô thiển của hai giới dần dần này sinh ra những luật lệ dịu ngọt nhất của tình yêu như thế nào.

Thế lực của những người đàn bà không hề dành cho họ bởi vì những người đàn ông muốn như thế, mà bởi vì tự nhiên muốn như thế - thế lực ấy đã thuộc về họ trước khi họ có vẻ như có nó. Chính Hercule ngỡ mình cưỡng bức năm mươi người con gái của Thespius, song vẫn phải kéo sợi bên cạnh Omphale[265]; và Samson mạnh mẽ lại không mạnh bằng Dalila. Thế lực này là thuộc về đàn bà, và không thể tước bỏ khỏi họ được, ngay cả khi họ lạm dụng nó: nếu họ có thể mất nó, thì họ đã mất nó từ lâu rồi.

Chẳng có sự tương đồng nào về mặt hậu quả của giới tính giữa hai giới. Con đực chỉ là con đực trong một số khoảnh khắc nào đó, còn con cái lại là con cái suốt cả đời, hay ít ra là suốt tuổi thanh xuân; mọi thứ luôn không ngừng nhắc nhở cho cô ta về giới tính của mình, và để làm tròn các chức năng của giới, thì cần phải có một thể trạng tương ứng. Với cô ta cần phải có sự tiết chế trong thời kỳ mang thai; cần phải nghỉ ngơi khi sinh nở; cô cần có một cuộc sống êm ả và ít đi ra khỏi nhà để cho con bú, muốn dạy con cô lại cần có sự kiên nhẫn và dịu dàng, nhiệt tâm, trìu mến không biết chán; cô ta là mối dây liên hệ giữa các con cô và cha chúng, chỉ riêng mình cô làm được cho chúng yêu mến cha mình và làm cho ông ta tin và gọi chúng là các con của mình. Cô cần đến biết bao nhiêu là tình âu yếm và chăm sóc để duy trì toàn thể gia đình trong sự hợp nhất! Và rốt cuộc thì tất cả các điều đó không hẳn là những đức hạnh mà lại là các hứng thú, thiếu nó thì loài người chẳng mấy chốc mà lụi tàn.

Tính nghiêm cẩn của các bổn phận liên quan đến hai giới không là và cũng không thể là như nhau. Khi người đàn bà phàn nàn về sự không bình đẳng bất công mà người đàn ông đưa vào đó thì cô ta đã lầm; sự bất bình đẳng này không hề là do con người định ra, hay ít ra là nó cũng không hề là sản phẩm của thiên kiến, mà là của lẽ phải: người nào mà thiên nhiên gửi gắm những đứa con phải đảm bảo chúng cho người kia. Rõ ràng là không ai được phép vi phạm lời thề ước của mình, và người chồng không chung thủy nào tước mất của vợ mình cái giá duy nhất cho các nghĩa vụ khắc nghiệt của

---

[265] Omphale: Hoàng hậu huyền thoại xứ Lylie, gắn liền với truyền thuyết về Hercule. Theo một chi tiết thời cổ đại, Hercule vừa là nô lệ vừa là tình nhân của Omphale; hoàng hậu bắt chàng mặc đồ phụ nữ và ngồi kéo sợi dưới chân bà.

nữ giới là một người đàn ông bất chính và dã man; nhưng người vợ không chung thủy lại còn tệ hơn, cô ta phá tan gia đình và huỷ hoại mọi mối gắn bó của tự nhiên; trong khi gán cho người đàn ông những đứa con không phải của hắn, cô ta phản bội cả người này lẫn người kia, sự không chung thủy còn có cả sự nham hiểm. Tôi khó mà thấy sự dâm đãng nào và tội lỗi nào lại không dính líu tới điều này. Nếu có một tình huống thê thảm ở đời, thì đó là tình trạng một người cha bất hạnh mất hết lòng tin vào vợ mình, không dám buông mình cho những tình cảm dịu dàng nhất của lòng mình, và trong khi ôm hôn con mình lại nghi ngờ liệu có phải mình đang ôm hôm đứa con của một kẻ khác, cái vật chứng của sự ô danh của mình, kẻ cướp đoạt tài sản của những đứa con thực sự của mình hay không. Lúc đó thì gia đình còn là cái gì, nếu không phải là một tập hội những kẻ thù giấu mặt mà một người vợ phạm tội vũ trang cho kẻ này chống lại kẻ kia trong khi cứ bắt họ phải đóng trò yêu mến lẫn nhau?

Vậy điều quan trọng là chẳng những người vợ chung thủy, mà cô ta cần được chồng mình, những người gần gụi, được tất cả mọi người đánh giá là chung thủy; cô ta cần phải khiêm nhường, ân cần, kín đáo và cần phải đem lại cho con mắt người khác cũng như cho lương tâm của chính mình, cái bằng chứng về đức hạnh của mình. Cuối cùng nếu một người cha yêu các con mình là điều hệ trọng thì việc người cha ấy yêu mến mẹ chúng cũng hệ trọng không kém. Những điều ấy là những lý do làm cho chính cái bề ngoài cũng nằm trong số những bổn phận của người vợ, đem lại cho những người vợ danh tiết và tiếng tốt cần thiết không kém sự trinh bạch. Từ những nguyên tắc này mà suy ra một lý do mới về bổn phận và sự thích đáng đòi hỏi những người vợ phải đặc biệt thận trọng về hạnh kiểm của mình, về cung cách của mình, về tư thái của mình. Cứ cổ vũ một cách mơ hồ rằng hai giới là bình đẳng, rằng bổn phận của họ đều như nhau, chính là đi lạc vào những lối nói hoa mỹ hão huyền, chính là không nói lên được điều gì cũng như người ta không hưởng ứng điều đó.

Phải chăng đó là một cách lập luận thật vững vàng, khi đưa ra những ngoại lệ để chống lại các quy luật chung đã được thiết lập rõ ràng? Quý vị nói rằng, những người vợ chẳng phải bao giờ cũng sinh con đó sao! Không, nhưng sứ mệnh riêng của họ là làm việc đó. Sao! Bởi vì có khoảng một trăm thành phố lớn trong thế giới này có những người vợ vì sống phóng túng mà đẻ ít con, các vị bảo rằng thế trạng của người đàn bà là để đẻ ít! Và các thành phố của quý vị sẽ ra sao, nếu những vùng nông thôn xa xôi, nơi mà những người đàn

bà sống giản dị hơn và trong trắng hơn, không bù đắp cho sự vô sinh của các quý phu nhân? Ở bao nhiêu tỉnh lẻ những người đàn bà chỉ đẻ có bốn hay năm con đã bị coi là kém mắn đẻ rồi?[266] Cuối cùng thì người đàn bà này hay người đàn bà nọ đẻ ít thì có hệ trọng gì? Phải chăng địa vị của những người đàn bà được làm mẹ sẽ kém đi? Và phải chăng các quy luật chung của tự nhiên và của phong tục phải bù đắp cho tình trạng ấy?

Khi có những khoảng cách khá dài giữa các thời kỳ mang thai như người ta dự định, liệu rằng một người đàn bà có chuyển đổi đột ngột và lần lượt lối sống của mình mà không nguy hiểm và không rủi ro chăng? Liệu rằng họ ngày hôm nay là người mẹ cho con bú rồi ngày mai lại thành chiến binh chăng? Liệu họ có thay đổi khí chất và thị hiếu giống như một con tắc kè hoa đổi màu chăng? Họ có chuyển đột ngột từ bóng mát kín cổng cao tường và những lo toan nội trợ sang những xâm hại của khí trời, sang công việc lao động, sang những nỗi nhọc nhằn, sang những hiểm nguy của chiến trận được chăng? Liệu họ có lúc thì sợ sệt[267], lúc thì dũng mãnh, lúc thì ẻo lả, lúc thì mạnh mẽ không? Nếu những người trẻ tuổi lớn lên ở Paris khó mà chịu nổi binh nghiệp, thì những người đàn bà chưa từng đối mặt với Mặt trời, và đi bộ cũng còn khó khăn, liệu họ có chịu đựng nổi cái nghề ấy sau năm mươi năm sống dật lạc không? Liệu các bà ấy có chọn cái nghề khó nhọc ấy ở độ tuổi mà người đàn ông thì đã bỏ nghề ấy rồi?

Có những xứ sở mà ở đó đàn bà sinh nở hầu như chẳng khó khăn gì và nuôi con hầu như chẳng cần chăm sóc gì: nhưng ở chính các xứ sở ấy những người đàn ông ở trần đi ra ngoài vào bất cứ lúc nào, hạ gục những con dã thú, vác một cái thuyền cứ như mang một cái tay nải, đi săn xa nhà đến bảy tám trăm dặm, ngủ ngoài trời ngay trên mặt đất, chịu đựng sự mệt nhọc ghê gớm, và sống nhiều ngày chẳng ăn gì. Khi đàn bà trở nên mạnh mẽ thì đàn ông lại còn trở nên hơn thế nữa; khi đàn ông ẻo lả đi thì đàn bà còn ẻo lả hơn; khi chỉ số cả hai phái thay đổi như nhau thì khoảng cách vẫn cứ giữ như cũ.

---

[266] Không thế thì giống loài nhất thiết sẽ tàn lụi: để giống loài được bảo toàn, thì bù đi bù lại rồi, mỗi người đàn bà cần sinh ra độ bốn con: bởi lẽ những đứa trẻ sinh ra lại bị chết đi gần một nửa trước khi có những đứa trẻ khác, và phải có hai trẻ còn sống để làm cha làm mẹ. Hãy xem liệu các thành phố có cung cấp được số dân ấy không.

[267] Sự rụt rè của phụ nữ còn là một bản năng tự nhiên chống lại nguy cơ kép mà họ phải trải qua suốt thời kỳ mang thai.

Trong cuốn *Cộng hoà*, Platon cho đàn bà cũng những cách hành xử như đàn ông; tôi tin điều đó. Trong khi bỏ đi các gia đình riêng khỏi chính thể của ông, và chẳng còn biết làm gì hơn với những người đàn bà, ông thấy mình đành phải cho họ làm đàn ông vậy. Bậc kỳ tài này đã trù liệu tất cả, đã dự phòng mọi việc: ông đón trước một sự phản bác mà có lẽ chẳng ai nghĩ tới chuyện đặt ra với ông; nhưng ông đã không giải quyết được tốt điều phản bác mà người ta nêu ra cho ông. Tôi không nói gì về cái gọi là cộng đồng của những người đàn bà, mà sự chê bai lặp đi lặp lại bao nhiêu lần chứng tỏ rằng những người chê bai ông chưa từng bao giờ đọc ông; mà tôi nói về sự lộn xộn về dân sự đem trộn lẫn khắp nơi hai giới trong cùng những chức nghiệp như nhau, trong cùng những việc làm như nhau, và không thể không gây ra những lạm dụng quá đáng; tôi nói về sự huỷ hoại ấy của những tình cảm êm đềm nhất của tự nhiên, bị hy sinh cho một tình cảm màu mè giả tạo chỉ có thể tồn tại nhờ những lạm dụng ấy: Cứ như là không phải cần đến một gắn kết tự nhiên để hình thành nên những mối liên hệ theo ước lệ! Cứ như tình yêu mà người ta dành cho những người thân chẳng phải là nguyên khởi tình yêu mà ta phải dành cho Nhà nước! cứ như chẳng phải do tổ quốc nhỏ bé là gia đình mà trái tim gắn bó với tổ quốc lớn! Cứ như chẳng phải là người con ngoan, người chồng tốt, người cha tốt trở thành người công dân tốt!

Kể từ lúc chứng minh được rằng người đàn ông và người đàn bà không phải và cũng không nên được cấu thành y như nhau, cả về tính cách lẫn khí chất thì ta đã kết luận rằng họ không nên được giáo dục như nhau. Theo những chỉ phối của tự nhiên, họ phải hiệp đồng hoạt động, nhưng họ không phải làm cùng những việc giống nhau, công việc thì có mục đích chung, nhưng loại công việc cho mỗi giới là khác nhau và do đó các thị hiếu hướng dẫn công việc cũng khác nhau. Sau khi đã cố gắng đào tạo con người của tự nhiên, để tránh cho tạo phẩm của chúng ta thiếu hoàn hảo, chúng ta phải xét đến cả việc người đàn bà thích hợp với người đàn ông ấy phải tự đào tạo như thế nào.

Quý vị muốn luôn luôn được đi đúng hướng thì xin hãy luôn luôn theo đúng các chỉ dẫn của tự nhiên. Tất cả những gì biểu thị giới tính đều phải được tôn trọng như là được tạo dựng nên bởi tự nhiên. Quý vị cứ luôn mồm nói rằng: đàn bà có những nhược điểm này nọ mà chúng ta không có. Niềm kiêu hãnh của quý vị làm cho quý vị nghĩ lầm; đó là các khuyết điểm của quý vị đấy, mà đó lại là các phẩm chất của đàn bà; mọi chuyện sẽ chẳng tốt đẹp được như thế đâu nếu đàn bà không có các phẩm chất ấy. Quý vị hãy ngăn trở sự biến

chất của những điều gọi là các khuyết điểm ấy nhưng hãy cẩn trọng đừng huỷ hoại chúng.

Về phần mình, những người đàn bà lại cứ luôn mồm la lối lên rằng chúng ta giáo dục cho họ thói phù phiếm và làm đỏm, rằng chúng ta cứ lừa họ vào những trò chơi trẻ con để dễ dàng làm chủ họ hơn, họ công kích chúng ta về những khuyết điểm mà chúng ta trách cứ họ. Thật điên rồ làm sao! Và những người đàn ông lại dính líu vào việc giáo dục các cô gái từ bao giờ vậy? Ai là người cản trở các bà mẹ giáo dục các cô như họ mong muốn? Các cô chẳng hề có các trường trung học: chẳng hề gì! Ô, giá như nhờ trời bọn con trai cũng chẳng hề có trường! Chúng sẽ được giáo dục hợp lý hơn và đúng đắn hơn. Ai mà bắt được con gái các bà phải phí thì giờ của mình vào các chuyện ba láp chứ? Ai mà buộc được họ dành nửa đời mình cho việc trang điểm, theo gương của các bà? Có ai cản trở các bà dạy dỗ con gái mình và cho dạy dỗ chúng theo ý các bà đâu? Phải chăng là lỗi của chúng tôi nếu các cô làm chúng tôi ưa chuộng khi thấy các cô xinh đẹp, nếu thói nhõng nhẽo của các cô quyến rũ chúng tôi, nếu cái nghệ thuật mà các cô học được ở các bà lại thu hút và mơn trớn được chúng tôi, nếu chúng tôi thích nhìn thấy các cô ăn mặc thanh nhã, nếu chúng tôi để các cô mặc sức mà mài dũa các vũ khí mà các cô dùng để chinh phục chúng tôi? Ô! Các bà hãy quyết định giáo dục các cô con gái mình như những người đàn ông đi, đàn ông sẽ sẵn lòng tán thành ngay việc này. Các cô càng muốn giống họ thì các cô càng chi phối họ ít đi, và chính vì thế mà họ sẽ thực sự trở thành các chủ nhân ông.

Mọi năng lực chung cho hai giới không phải là được phân phối cho họ như nhau; nhưng xét về tổng thể thì chúng bù đắp cho nhau. Người đàn bà có giá trị hơn khi xét họ như người đàn bà, kém giá trị hơn khi xét họ như người đàn ông, ở chỗ nào mà họ đòi quyền lợi của họ, thì họ thắng thế; ở chỗ nào họ muốn lấn quyền chúng ta, thì họ rớt xuống bên dưới chúng ta. Ta chỉ có thể cãi lại cái chân lý phổ biến này bằng những ngoại lệ; đây là cái cung cách bất biến để biện minh của những người theo đuổi lối tán tỉnh phái đẹp.

Trau dồi ở đàn bà những phẩm chất đàn ông, và sao nhãng việc trau dồi những phẩm chất được dành riêng cho họ, vậy rõ ràng là làm thiệt hại cho họ. Những người đàn bà giảo quyệt thấy quá rõ điều đó nên chẳng dễ bị lừa; trong khi cố sức lấn lướt những mặt trội của chúng ta, họ chẳng từ bỏ những ưu điểm của mình; nhưng do đó mà, vì không thể nào điều hoà được các phẩm chất này với các phẩm chất kia bởi vì chúng tương kỵ, những người đàn

bà ấy rớt xuống dưới tầm của họ mà cũng không thể vươn tới tầm của chúng ta, và mất đi một nửa giá trị của mình. Hãy tin tôi, hỡi người mẹ thấu tình đạt lý, xin đừng biến con gái mình thành một người đàn ông ngay thật, như thế muốn đính chính tự nhiên; xin hãy biến con gái mình thành một người đàn bà đức hạnh và xin hãy tin chắc rằng như thế là có giá trị hơn cho cô ta và cho chúng tôi.

Kết quả là liệu cô ta cứ phải được giáo dục một cách hạn chế trong các chức năng của người nội trợ mà không biết tí gì về mọi việc khác chăng? Người đàn ông sẽ làm cho người bạn đời thành con hầu của mình chăng? Khi ở cạnh cô anh ta sẽ nhịn niềm hứng khởi lớn nhất là giao du với mọi người chăng? Để nô lệ hoá cô ta cho chắc chắn hơn liệu anh ta có cần trở để cô không cảm nhận được gì, không biết một tí gì chăng? Liệu anh có làm cho cô thành một kẻ ngu dần thực sự chăng? Rõ ràng là không; mà tự nhiên cũng không có ý như vậy khi phú cho người đàn bà một tâm trí dễ thương đến thế và tế nhị đến thế; trái lại, tự nhiên muốn cho họ biết suy nghĩ, biết phán đoán, biết yêu, biết tìm hiểu, biết trau dồi tâm trí mình như trau dồi bộ mặt mình; đó là những vũ khí mà tự nhiên cung cấp cho họ để hỗ trợ thêm cho sự thiếu hụt của họ về sức mạnh và để điều khiển sức mạnh của chúng ta. Các cô phải học rất nhiều chuyện, nhưng chỉ học những gì các cô nên biết mà thôi.

Hoặc là tôi có xét đến cái đích riêng cho giới tính, hoặc là tôi có khảo sát các khuynh hướng của giới, hoặc là tôi có đề cập đến những bổn phận của giới, mọi thứ đó đều cùng góp phần như nhau vào việc chỉ ra cho tôi hình thức giáo dục nào là phù hợp với giới. Người đàn bà và người đàn ông được tạo ra là để vì nhau, nhưng sự phụ thuộc lẫn nhau của họ lại không ngang nhau: đàn ông phụ thuộc vào đàn bà bởi dục vọng của mình; đàn bà phụ thuộc vào đàn ông vừa do dục vọng của họ vừa do nhu cầu của họ; chúng ta có thể sống thiếu họ hơn là họ có thể sống mà thiếu chúng ta. Để cho họ có thứ cần dùng, để cho họ được ở địa vị đàng hoàng, thì chúng ta phải cung cấp điều đó cho họ, chúng ta phải muốn cung cấp điều đó cho họ, chúng ta phải đánh giá họ xứng đáng với điều đó; họ phụ thuộc vào tình cảm của chúng ta, vào việc đánh giá của chúng ta về họ, khi xét đến cái duyên dáng và đức hạnh của họ. Cũng do chính quy luật của tự nhiên, những người đàn bà, cả họ lẫn con cái của họ, đều chịu sự chi phối hoàn toàn của những phán quyết của những người đàn ông: họ đáng quý mến là không đủ mà họ phải được quý mến; họ xinh đẹp là chưa đủ mà phải là họ được yêu thích; họ trinh thục là chưa đủ mà họ phải được công

nhận là như thế; danh giá của họ không chỉ ở hạnh kiểm của họ mà là ở tiếng tăm của họ, và không thể nào có ai đành lòng để bị coi là ô nhục lại có thể trở nên chính trực được bao giờ. Người đàn ông, trong khi làm việc thiện, chỉ phụ thuộc vào bản thân mình, và có thể bất chấp sự phán xét của công chúng; nhưng người đàn bà, khi làm việc thiện chỉ mới làm có một nửa công việc của mình, và điều mà ta nghĩ về cô ta không kém phần quan trọng với cô so với điều mà cô làm trong thực tế. Từ đó suy ra rằng xét về phương diện này thì hệ thống giáo dục cho nữ giới phải trái hẳn với hệ thống của chúng ta: dư luận là mồ chôn đức độ với đàn ông còn với đàn bà thì dư luận lại làm cho đức hạnh của họ lên ngôi.

Thể trạng của con trẻ tuỳ thuộc trước hết vào thể trạng của các bà mẹ; việc giáo dục đầu tiên cho những người đàn ông tuỳ thuộc vào sự chăm sóc của những người đàn bà; những thói quen, những đam mê, những thị hiếu, những thú vui, ngay cả hạnh phúc của họ nữa cũng phụ thuộc vào những người đàn bà. Như vậy thì toàn bộ việc giáo dục của người đàn bà phải có quan hệ với người đàn ông. Được họ yêu mến, có ích cho họ, làm cho họ yêu mình và làm cho họ tôn trọng mình, giáo dục họ lúc họ còn trẻ, chăm sóc họ lúc họ lớn khôn, khuyên nhủ họ, an ủi họ, làm cho cuộc sống của họ thoải mái và êm đềm: đó là những bổn phận của người đàn bà trong mọi thời đại, và đó là điều mà phải dạy cho họ từ khi còn thơ ấu. Chừng nào mà người ta còn chưa đạt tới được nguyên tắc này, người ta sẽ còn rời xa mục đích, và mọi giáo huấn mà người ta đem lại cho họ chẳng phục vụ gì được cho hạnh phúc của họ cũng như cho hạnh phúc của chúng ta.

Nhưng, dù rằng mọi người đàn bà đều muốn được đàn ông yêu thích và phải muốn được như thế, nhưng lại thực quá khác biệt giữa việc làm cho người đàn ông có chân giá trị, cho người đàn ông thực sự đáng yêu đem lòng yêu thích mình với việc làm cho những kẻ hèn mọn dễ thương chuyên làm nhục giới của chúng và làm nhục giới mà chúng bắt chước đem lòng yêu thích mình. Chẳng có bản tính nào lẫn lý trí nào có thể làm cho người đàn bà đem lòng yêu mến ở người đàn ông những điều giống mình, và cũng không phải cô ta dùng những cung cách đàn ông là khiến cho người ta yêu mình.

Như vậy thì, trong khi từ bỏ cái giọng nói nhu mì và đoan trang của giới mình, các cô lại bắt chước thói của những kẻ thô thiển ấy, đáng lẽ giữ theo thiên hướng của mình, các cô lại rũ bỏ nó; các cô tước bỏ của chính mình những quyền mà các cô nghĩ rằng trấn đoạt được. Các cô bảo rằng nếu các cô

sống khác đi thì đàn ông sẽ không còn yêu thích các cô nữa. Các cô nói dối. Có là con điên mới đi yêu những thằng khùng; ham muốn quyến rũ những con người ấy vạch rõ cái thị hiếu của con người phó mình cho ham muốn ấy. Nếu không có những người đàn ông phù phiếm, cô vội vàng để tạo ra bọn họ; và sự phù phiếm của họ thì đúng là tạo phẩm của cô hơn là những thói phù phiếm của cô là tạo phẩm của họ. Người đàn bà yêu những người đàn ông chân thật và muốn họ yêu mình, dùng những cách thức phù hợp với chủ ý của mình. Người đàn bà hay làm dáng do bản tính; nhưng sự làm dáng thay đổi hình thức và đối tượng theo quan niệm của họ; hãy điều chỉnh các quan niệm ấy theo các quan niệm của tự nhiên thì người đàn bà được hấp thụ sự giáo dục thích hợp với họ.

Các bé gái, hầu như là thích trang điểm từ thuở lọt lòng: không bằng lòng là mình xinh đẹp, các bé gái muốn rằng người ta thấy chúng xinh đẹp: người ta thấy rằng sự quan tâm này đã làm bận tâm các bé, qua các dáng vẻ bé tí xíu của chúng rồi; và khi các bé vừa mới hiểu được người ta nói với chúng điều gì, thì người ta điều khiển chúng bằng cách nói ra điều mà người ta sẽ nghĩ về chúng. Đúng là cái ý định ấy mà đem áp dụng cho các bé trai một cách thiếu cân nhắc thì có mà còn xơi mới áp đặt được lên chúng sự chi phối giống như thế. Chúng quan tâm rất ít đến điều mà người ta sẽ có thể nghĩ về chúng miễn là chúng không bị phụ thuộc và chúng có niềm vui. Chỉ bỏ ra nhiều thời gian và công sức người ta mới bắt được chúng theo cũng quy luật ấy.

Bài học đầu đời này từ đâu đến với các bé gái cũng đều rất tốt. Chính vì thân xác sinh ra có thể nói là trước tâm hồn, nên sự rèn luyện đầu tiên phải là rèn luyện thân thể: thứ tự này là chung cho cả hai giới. Nhưng mục tiêu của sự rèn luyện ấy lại khác nhau: ở giới này thì mục tiêu ấy là phát triển các sức mạnh, ở giới kia lại là trau dồi các duyên sắc: các phẩm chất này không phải là độc hữu của mỗi người, riêng có thứ tự là bị đảo lộn: đàn bà cần đủ sức lực để làm mọi việc mà họ làm một cách duyên dáng; đàn ông cần đủ khéo léo để làm tất cả những việc mà họ làm một cách dễ dàng.

Tính ôn nhu của đàn ông khởi phát do tính ôn nhu thái quá của đàn bà. Đàn bà không cần phải tráng kiện như họ, mà là vì họ, để cho đàn ông phát sinh từ người đàn bà cũng được tráng kiện. Để được như thế các trường nữ học nội trú của giáo hội Thiên chúa nuôi dưỡng các nữ sinh nội trú bằng những thực phẩm thô, nhưng với rất nhiều cuộc chạy nhảy nô đùa, chạy thi, các trò chơi ngoài trời và trong vườn đáng được ưa thích hơn

so với ở nhà cha mẹ, ở đó thì một thiếu nữ được nuôi dưỡng thật tinh tế, luôn được mơn trớn hoặc bị trách mắng, luôn luôn ngồi trong tầm mắt của mẹ trong phòng cửa đóng chặt, không dám cả đứng lên, lẫn nói năng, đi lại, không cả dám thở nữa, và chẳng có lấy một lúc nào được tự do mà chơi đùa, chạy nhảy, la hét, buông mình vào sự hăng say tự nhiên của lứa tuổi mình: lúc nào cũng hoặc buông thả nguy hiểm hoặc nghiêm ngặt hiểu một cách sai lầm; chẳng bao giờ theo lý trí. Người ta tàn phá thể xác và tâm hồn thanh niên như thế đấy.

Các cô thiếu nữ Sparte tập luyện như con trai các trò chơi quân sự, không phải để ra trận mà để một ngày nào đó mang thai những đứa con có thể chịu đựng được những vất vả khó nhọc của chiến trận. Điều mà tôi tán thưởng không phải là điều ấy: để cung cấp lính cho nhà nước thì không cần cho các bà mẹ phải vác súng hoả mai và tập tành theo kiểu Phổ; nhưng tôi cho rằng nhìn chung giáo dục của Hy Lạp là rất giỏi ở phần này. Các thiếu nữ thường hay xuất hiện luôn trước công chúng nhưng không trà trộn vào các thiếu niên nam mà tụ tập lại với nhau. Hầu như chẳng có ngày hội nào, cuộc hiến tế nào, cuộc tế lễ nào mà người ta không thấy có những đoàn thiếu nữ là con gái của các công dân hạng nhất đội vòng hoa trên đầu xếp thành hàng hát tụng ca, họp thành đội múa hát, mang theo những cái làn, những chiếc bình, những đồ cúng lễ và phô diễn trước cảm quan hư hỏng của đàn ông Hy Lạp một cảnh tượng dễ thương và thích hợp để cân bằng hiệu quả xấu của sự luyện tập thể dục thiếu đoan trang của họ. Dù tập quán này gây ấn tượng gì lên trái tim những người đàn ông thì bao giờ nó cũng rất tốt cho việc tạo ra ở đàn bà một thể trạng tốt trong tuổi thanh xuân bằng những bài tập luyện thoải mái, vừa phải, bổ ích, và cho việc mài giũa và hình thành thị hiếu của họ bằng lòng ham muốn được yêu thích luôn luôn mà chẳng bao giờ khiến phẩm hạnh của mình bị nguy hiểm.

Ngay khi những cô gái trẻ ấy lấy chồng, người ta không còn nhìn thấy họ ở chốn công cộng nữa; giam mình trong nhà, mọi lo toan của họ chỉ hạn chế trong việc nội trợ và gia đình của họ. Đấy là lối sống mà tự nhiên và lý trí đã quy định cho đàn bà. Cho nên từ những người mẹ này sinh ra những người đàn ông lành mạnh nhất, cường tráng nhất, cân đối nhất của thế gian; và mặc cho tiếng xấu của một vài hòn đảo nào đó, còn thì bao giờ, vẫn thấy trong mọi dân tộc trên thế giới, không loại trừ ngay cả những người La Mã, người ta không thể nêu ra được bất kỳ một nơi nào mà người đàn bà vừa thông minh

hơn vừa khả ái hơn và lại kết hợp được tốt hơn phẩm hạnh với sắc đẹp như là Hy Lạp cổ đại.

Ta biết rằng sự thoải mái của những y phục không làm vướng bận thân thể chút nào đã góp phần rất nhiều cho thân thể cả hai giới có những cân đối mà ta thấy ở những pho tượng của họ; những sự cân đối này vẫn còn dùng làm mẫu cho nghệ thuật khi tự nhiên bị biến thái đã thôi không cung cấp cho nghệ thuật khuôn mẫu đó trong chúng ta. Về tất cả những xiềng xích của trào lưu Gothique, về vô số những dây nhợ chằng buộc chèn ép chân tay chúng ta từ mọi phía, họ chẳng phải chịu một thứ nào hết. Phụ nữ nước họ không biết những chiếc gọng, chiếc nịt mà phụ nữ nước chúng ta dùng để nguỵ tạo eo lưng chứ không chịu để lộ nó ra. Tôi không sao hiểu được rằng cái thói xấu này đã được đẩy lên một điểm không sao hiểu nổi ở Anh, rốt cuộc lại không làm thoái hoá giống loài, và tôi cũng quả quyết rằng người ta lấy đó làm mục tiêu duyên sắc, thì thật là kém thẩm mỹ. Thật chẳng dễ chịu gì khi nhìn thấy một người đàn bà bị cắt làm đôi như một con ong vò vẽ; điều đó thật chướng mắt và làm tổn thương trí tưởng tượng. Sự thanh tú của tầm vóc, cũng như mọi thứ còn lại đều có sự cân đối của nó, có kích thước của nó, vượt qua cái đó thì chắc chắn là một khuyết tật: khuyết tật này thậm chí sẽ đập vào mắt khi loã thể: tại sao nó lại là cái đẹp được khi khuất lấp dưới y phục!

Tôi không dám cãi lại các lý lẽ làm cho các bà cứ khăng khăng tự bó mình lại như thế: một bộ ngực chảy xệ, một cái bụng phệ ra v.v... điều đó thật chẳng làm được cho ai ưa thích, tôi tán thành điều đó, khi đó là chuyện của một người hai mươi tuổi, nhưng chuyện ấy không còn làm cho người ta thấy chướng ở tuổi ba mươi; và bất chấp ý muốn của chúng ta, cần phải luôn luôn tồn tại thuận ý tự nhiên, và trong chuyện này con mắt của người đàn ông không lầm đâu, những khuyết tật ấy thật ít làm cho người ta khó chịu ở mọi lứa tuổi hơn là sự kiểu cách dở hơi của một cô gái bốn mươi.

Mọi sự cản trở và gó ép tự nhiên đều khó coi; điều đó là đúng cho những đồ trang sức của thân thể giống như những thứ tô điểm cho tâm hồn. Sự sống, sức khỏe, lý trí, sự an lạc phải được coi trọng hơn mọi thứ; sự duyên dáng không thể hiện ra được nếu thiếu sự thoải mái; sự tế nhị dịu dàng không hề là sự uể oải, không chịu được độc hại để làm cho người ta yêu thích mình. Người ta khêu gợi lòng thương cảm khi người ta đau khổ; nhưng sự hoan lạc và dục vọng lại tìm kiếm cái tươi mát của sức khỏe.

Trẻ em ở cả hai giới có rất nhiều trò vui đùa giống nhau, và điều đó là phải thế; phải chăng chúng cứ như thế khi lớn lên? Chúng cũng có những thị hiếu riêng làm cho chúng khác nhau. Các trẻ em trai tìm kiếm sự vận động và tiếng ồn: những cái trống ếch, những con quay, những cỗ xe ngựa nhỏ; các thiếu nữ thích hơn những cái ưa nhìn và dùng làm đồ trang trí: những chiếc gương, những đồ trang sức, những mảnh vải vụn, nhất là những con búp bê: con búp bê là đồ chơi đặc thù của giới này; thật hiển nhiên là thị hiếu của giới được xác định bởi dụng ý của nó. Bản chất của nghệ thuật làm người ta yêu thích là ở sự trang điểm: đó là tất cả những gì mà bọn trẻ có thể trau dồi về nghệ thuật này.

Hãy xem một bé gái chơi suốt ngày với con búp bê của nó, không ngừng thay đổi cách trang sức cho nó, mặc quần áo cho nó, thay quần áo cho nó hàng trăm lần, không ngừng nghĩ tìm tòi kết hợp những bộ đồ trang điểm mới được kết hợp khéo léo hay vụng về, không hề gì, những ngón tay còn vụng về, thị hiếu chưa hình thành, nhưng khuynh hướng đã lộ ra; trong cái bận rộn bất tận đó thời gian trôi đi mà cô bé chẳng để ý đến; hàng giờ qua đi mà các cô không biết, cô quên cả bữa ăn, cô đói đồ trang sức hơn là đói thức ăn. Nhưng quý vị bảo sao, cô bé trang điểm cho con búp bê của mình chứ không trang điểm cho con người mình. Hẳn là thế; cô bé nhìn thấy con búp bê của cô mà không nhìn thấy bản thân cô, cô bé không thể làm gì được cho chính cô, cô bé chưa được đào tạo, cô bé không có cả tài lẫn sức, cô bé còn chưa là gì cả, cô bé tồn tại tất cả trong con búp bê của mình, cô bé đem vào đó tất cả cái tính làm đỏm của mình. Cô sẽ chẳng để thế mãi đâu, cô đợi cái lúc chính cô là con búp bê nọ.

Vậy đó là một thị hiếu đầu tiên đã được xác định rõ: quý vị chỉ còn phải theo dõi nó và điều chỉnh nó. Chắc chắn là cô bé hết lòng muốn biết cách trang điểm cho con búp bê của mình, làm những chiếc nơ ở tay áo nó, khăn quàng của nó, chiếc diềm vải xếp nếp cho gấu áo, dải đăng ten của nó; trong mọi chuyện này người ta làm cho cô tuỳ thuộc ngặt nghèo vào ý muốn của người khác, thành thử cô sẽ thuận tiện hơn nhiều khi nhờ tất cả vào kỹ xảo của mình. Đấy là lý do để người ta đưa ra những bài học đầu tiên cho cô: không phải là người ta chỉ định các nhiệm vụ cho cô, mà là những thiện ý của mọi người với cô. Và thực ra hầu như tất cả các bé gái đều chán ghét học đọc, học viết, còn về việc cầm cây kim lại là việc các cô bao giờ cũng vui lòng mà học. Các cô kịp thời tưởng tượng ra mình đã lớn,

và sung sướng nghĩ rằng những tài năng ấy có ngày sẽ có thể giúp cho các cô trang điểm cho mình.

Thật dễ dàng đi theo con đường đầu tiên đã được khai thông này: việc khâu vá, thêu thùa, thêu ren tự nó lần lượt đến. Việc dệt thảm còn chưa khiến cho các cô thích thú lắm: các đồ đạc trong nhà quá xa với các cô, chúng không có gì gắn bó trực tiếp với con người mà gắn bó với những kiến giải khác. Việc dệt thảm là trò chơi của các bà; nó chẳng bao giờ gây được một thích thú quá lớn cho các cô thiếu nữ.

Những tiến triển tự nguyện này dễ dàng trải rộng đến cả hội hoạ, vì nghệ thuật này không phải là không quan hệ tới nghệ thuật ăn mặc có thẩm mỹ: nhưng tôi không muốn người ta đem những tiến bộ ấy ứng dụng vào phong cảnh, mà vào chân dung thì lại càng ít muốn hơn. Những tán lá, những chùm quả, những chùm hoa, những màn trướng, tất cả mọi thứ có thể tạo nên một hình thái lịch sự cho những đồ trang trí, và để tự mình tạo nên một mẫu thêu khi người ta không tìm được mẫu như ý, thế là đủ rồi. Nói chung cần phải hạn chế việc học của đàn ông trong những kiến thức thích dụng, điều đó còn cần hơn cho đàn bà, bởi lẽ cuộc sống của họ, dù rằng ít khó nhọc hơn, vẫn có hoặc luôn luôn phải có sự chăm sóc của họ, và lại còn chia sẻ ra thành nhiều thứ cần chăm sóc khác nhau, không cho phép họ được tự do lựa chọn một năng lực nào xâm hại đến bổn phận của họ.

Dù những kẻ thích khôi hài nói thế nào, song lương tri đều có ở cả hai giới. Nói chung, các cô thiếu nữ dễ bảo hơn các cậu thiếu niên, và thậm chí người ta phải dùng đến nhiều quyền lực hơn đối với các cô, như tôi sắp nói đến sau đây; nhưng không phải vì thế mà được đòi hỏi ở các cô những cái mà các cô không thể thấy rõ ích lợi; nghệ thuật của các bà mẹ là vạch rõ cho các cô thấy ích lợi trong mọi điều mà các bà sai khiến các cô làm, và điều đó càng dễ dàng hơn, vì trí thông minh ở các thiếu nữ có sớm hơn ở các nam thiếu niên. Quy tắc này loại trừ ra khỏi giới nữ cũng như giới nam, không chỉ mọi việc học nhàn tản chẳng đem lại điều gì tốt lành, thậm chí không làm cho những người đã học hành điều đó được người khác thấy là dễ thương hơn, mà còn loại trừ tất cả những lợi ích không hợp độ tuổi, mà đứa trẻ không thể dự cảm được trong một độ tuổi lớn hơn. Tôi còn chẳng muốn người ta thúc giục các em trai phải học đọc, huống chi là ép buộc các em gái trước khi làm cho các em cảm thấy rõ ràng việc đọc sách dùng để làm gì; và trong cái cung cách mà người ta thường chỉ ra sự ích lợi đó, người ta theo đuổi ý tưởng riêng của họ hơn là ý

tưởng của các cô. Sau hết, đâu là sự cần thiết để một cô bé phải biết đọc và viết sớm đến thế? Có phải là cô ta phải điều khiển việc nội trợ sớm đến thế chăng? Thật có các cô gái sử dụng nhiều hơn là lạm dụng cái khoa học không tránh khỏi này; và tất cả các cô đều hơi quá hiếu kỳ thành thử không thể không học mà chẳng cần phải ép, khi các cô rảnh rỗi hay khi có dịp. Có thể là các cô phải học tính đếm trước tiên, bởi vì chẳng có gì sánh được với tính toán trong việc đem lại ích lợi rõ ràng ở mọi thời đại, đòi hỏi sử dụng lâu dài và lại dễ bị sai hơn thế. Nếu cô bé chỉ được những trái anh đào trong bữa ăn quà chiều nhờ một phép tính số học thì tôi cam đoan với quý vị rằng cô sẽ nhanh chóng biết làm tính.

Tôi biết một cô bé học viết sớm hơn học đọc, và bắt đầu viết bằng cây kim trước khi viết bằng ngòi bút. Viết gì đi nữa thì cô cũng chỉ muốn viết chữ O trước tiên. Cô viết không ngơi nghỉ những chữ O to và bé, những chữ O đủ mọi kích cỡ, những chữ O lồng vào nhau, và bao giờ cũng viết ngược chiều. Khốn thay, một hôm cô đang bận rộn với bài tập hữu ích ấy thì nhìn thấy mình trong một cái gương; và vì thấy cái tư thế gò bó ấy làm cho cô có vẻ thô kệch, cứ như là một Minerve[268] thứ hai vậy, cô bé bèn quẳng bút đi và chẳng thèm viết những chữ O nữa. Việc viết lách thì cậu em cũng chẳng thích gì hơn cô chị; nhưng điều làm cho cậu không thích là sự vướng bận, và không phải là vì nó đem lại cho cậu cái dáng vẻ thế nào. Người ta phải dùng một thủ thuật khác để đưa cô bé trở lại với việc tập viết: cô bé khó tính và phù phiếm, cô không muốn quần áo của mình được dùng cho các em gái mình; người ta vẫn viết chữ để đánh dấu quần áo, người ta không còn muốn đánh dấu quần áo nữa; phải để cô bé tự mình viết chữ để đánh dấu lấy quần áo: người ta hiểu phần còn lại của sự tiến triển.

Xin hãy luôn biện giải cho các chăm sóc của quý vị đối với các cô thiếu nữ, nhưng xin hãy luôn luôn ép các cô phải theo những điều đó. Sự rảnh rỗi và tính khó bảo là những khuyết tật nguy hiểm nhất cho các cô, mà khi đã mắc phải nó thì ta sửa được ít nhất. Các cô phải thận trọng và cần cù; đó chưa phải là tất cả: các cô còn phải bị câu thúc từ sớm. Nếu như đó là một điều bất hạnh cho các cô, thì nó lại không tách biệt với giới tính của các cô; và luôn luôn các cô chỉ thoát ra khỏi đó để mà chịu đựng những bất hạnh còn hiểm độc hơn. Suốt đời các cô phải bị lệ thuộc vào sự câu thúc triền miên và khắc

---

[268] * Tương đương với Athéna của thần thoại Hy Lạp, con gái của Jupiter; nữ thần trí tuệ, chiến tranh và nghệ thuật.

nghiệt nhất, đó là sự câu thúc của lễ tiết. Thoạt đầu phải tập cho các cô quen chịu sự bó buộc, để sự bó buộc không khó nhọc đối với các cô; tập quen chế ngự mọi sở thích riêng, để các cô thuần phục ý chí của người khác. Nếu các cô muốn lúc nào cũng làm lụng, thì đôi khi ta lại phải buộc các cô đừng làm gì hết. Tính phung phí, tính phù phiếm, tính không kiên định là những khuyết điểm dễ dàng nảy sinh từ những thị hiếu đầu tiên bị hư hỏng và cứ triền miên như thế. Để dự phòng sự quá đáng này, hãy dạy cho các cô cần nhất là phải chiến thắng được bản thân. Trong các thể chế điên khùng của chúng ta, cuộc sống của người đàn bà đức hạnh là một cuộc đấu tranh bất tuyệt chống lại bản thân; đúng là giới nữ phải cùng chia sẻ những đau khổ do những cái hại mà giới đó gây ra cho chúng ta. Xin hãy đừng để cho các cô gái buồn chán trong các công việc của họ, đừng để cho các cô đam mê trong sự vui chơi, như thường luôn luôn xảy đến trong cách giáo dục tầm thường, mà ở đó như Fénelon nói là người ta xếp mọi sự buồn chán sang một bên còn bên kia là mọi thú vui. Cái phiền phức thứ nhất trong hai cái đó sẽ chỉ xảy ra nếu ta theo đúng các quy tắc nêu trên, khi mà những người sẽ sống cùng các cô làm cho các cô khó chịu. Một cô bé yêu bà mẹ hay cô bạn gái sẽ làm lụng suốt ngày bên họ mà chẳng buồn chán gì, riêng chuyện phiếm cũng sẽ bù đắp cho mọi sự phiền toái của cô. Nhưng nếu người điều khiển cô làm cho cô khó chịu thì mọi điều cô sẽ làm trước mắt người ấy, cô đều cho là cũng đáng chán ghét như thế. Cô nào mà không thích ở bên mẹ hơn ở bên bất kỳ người nào khác thì thật khó lòng một ngày nào đó có thể trở thành người tốt; nhưng muốn xét đoán những tình cảm thật của các cô thì phải nghiên cứu chúng, và đừng tin vào điều các cô nói ra; vì các cô hay nói khéo, hay giả đò, và biết cách trí trá từ sớm. Ta cũng không được bắt các cô phải yêu mẹ mình; nghĩa vụ không đem lại sự trìu mến, và đây đâu phải là chỗ dùng đến sự ép buộc. Sự quyến luyến, những chăm sóc, chỉ thói quen thôi, sẽ làm cho các cô con gái yêu mẹ mình, nếu như bà mẹ không làm gì để gây ra sự oán hận của con gái. Ngay cả tình trạng câu thúc của con gái do bà mẹ duy trì nếu khéo điều khiển thì không hề làm giảm bớt sự quyến luyến ấy mà chỉ có tăng lên, bởi vì sự phụ thuộc là một thân phận tự nhiên dành cho đàn bà, các cô gái cảm nhận được là họ được sinh ra là để nghe lời.

Vì chính cái lý do ấy mà các cô có hoặc phải có ít tự do thôi, các cô sử dụng quá mức cái tự do mà ta dành cho họ; các cô lao vào các trò chơi với sự phấn khích nhiều hơn các cậu bé: đó là điều phiền hà thứ nhì mà tôi sắp nói tới. Sự phấn khích này phải có chừng mực; bởi vì đó là nguyên nhân gây ra

nhiều tật xấu riêng cho đàn bà, trong số những tật xấu khác, chẳng hạn sự say đắm luôn thay đổi thất thường mà một người đàn bà hôm nay thì gán cho một đối tượng được say mê như thế mà ngày mai cô ta sẽ chẳng nhòm ngó đến nữa. Sự thất thường của các thị hiếu cũng hành hạ họ thống khổ như là sự ham thích thái quá, và cả điều này lẫn điều kia đều xuất phát từ cùng một nguồn gốc. Đừng tước bỏ của họ niềm vui, tiếng cười, sự ồn ào, những trò vui trẻ con; nhưng hãy ngăn đừng để cho các cô chán trò chơi này chuyển sang trò chơi khác, đừng để cho một lúc nào trong đời, các cô không còn biết tự kiềm chế nữa. Xin hãy làm cho các cô quen với việc phải ngừng giữa cuộc chơi đùa và được đưa vào những chăm nom khác mà không lấm bấm phàn nàn. Trong việc này chỉ riêng thói quen vẫn là đủ, bởi vì thói quen trợ giúp tự nhiên.

Từ sự câu thúc đã quen chịu đựng này gây nên được tính dễ bảo mà người đàn bà cần đến suốt đời mình, chính vì họ không ngừng bị phụ thuộc vào hoặc một người đàn ông, hoặc những xét đoán của đàn ông mà chẳng bao giờ họ được tự đặt mình lên trên những xét đoán ấy. Cái phẩm chất đầu tiên và quan trọng nhất của người đàn bà là sự dịu dàng: sinh ra để nghe lời một sinh thể kém hoàn hảo đến như người đàn ông, thường lại đầy rẫy những tật xấu, và bao giờ cũng đầy rẫy những nhược điểm, cô gái phải sớm học được cách chịu đựng ngay cả sự bất công và những lầm lẫn của chồng mình mà không trách oán; chẳng phải là vì người chồng, chính là vì cô mà cô phải dịu hiền. Thói đanh đá và cố chấp của người đàn bà bao giờ cũng chỉ tăng thêm đau khổ cho họ và những đối phó tệ bạc của những ông chồng; họ cảm nhận rằng không phải bằng những vũ khí ấy mà các bà vợ có thể chiến thắng được họ. Không phải Thượng đế ban cho họ tính khéo nói và giỏi thuyết phục để biến họ thành bà La Sát; Thượng đế không làm cho họ mềm yếu để lại thành một bà thích làm tàng, thích ra oai; người ban cho họ giọng nói thỏ thẻ không phải để nói ra những lời sỉ nhục; người ban cho họ những đường nét hết sức thanh tú không phải để cho cơn lôi đình làm biến dạng chúng đi. Khi các cô nổi giận, các cô quên mất mình: thường thì các cô có lý để phàn nàn nhưng để gầm lên thì bao giờ các cô cũng sai lầm. Mỗi người phải gìn giữ cái sắc thái riêng của giới mình, một ông chồng quá hiền có thể khiến một bà vợ thành lăng loàn; nhưng trừ khi người đàn ông là một quái vật, cái hiền dịu của người vợ kéo chồng lại và chẳng chóng thì chầy rồi cũng thắng anh ta.

Làm sao cho các cô thiếu nữ luôn luôn biết phục tùng, và làm sao cho các bà mẹ không phải bao giờ cũng nghiêm khắc. Muốn khiến cho một cô gái trẻ

biết nghe lời thì không được làm cho cô ta phải khổ sở; muốn biến cô ta thành một con người biết khiêm nhường, không được làm cho cô u mê đi; trái lại, tôi sẽ không phật lòng nếu người ta để cho cô bé đôi khi phải khéo léo một chút, đừng có khéo léo để tránh sự trách phạt khi mình khó bảo mà khéo léo để miễn cho mình khỏi phải vâng lời. Đây không phải là vấn đề khiến cho sự phụ thuộc của cô ta thành ra nặng nề khó chịu, chỉ cần làm cho cô ta cảm nhận được sự phụ thuộc này là đủ rồi. Sự tinh ranh là một tài năng của nữ giới, và, vì tin rằng mọi khuynh hướng tự nhiên đều tốt và tự thân nó là chính đáng, tôi nghĩ rằng ta nên trau đồi nó như những khuynh hướng khác: nhưng phải phòng ngừa sự lạm dụng nó.

Tôi căn cứ vào mọi nhà quan sát có thiện tâm đối với tính xác thực của nhận định này. Tôi không hề muốn người ta khảo sát chính những người đàn bà: những thể chế phiền hà của chúng ta có thể ép buộc họ phải mài sắc tâm hồn họ. Tôi muốn người ta nghiên cứu các cô thiếu nữ, các cô bé, có thể nói là các cô chỉ được sinh ra mà thôi: tôi muốn rằng người ta so sánh họ với những bé trai cùng tuổi; và nếu những bé trai này không tỏ ra là nặng nề, khờ khạo, ngu đần khi ở cạnh các cô thì tôi sẽ nhầm lẫn không còn cãi vào đâu được. Mong sao người ta đưa ra cho tôi một ví dụ độc nhất thôi lấy từ trong tất cả sự ngây thơ của con trẻ.

Ta rất thường hay cấm đoán trẻ con không được đòi thêm tí gì ở bàn ăn; vì chẳng bao giờ ta lại cho rằng việc giáo dục trẻ thành công hơn khi mà việc đó lại bị quá tải bằng những giáo huấn vô ích, giống như nếu một miếng này hay miếng kia sẽ được cho hay từ chối ngay tức thì[269], mà không ngừng làm khổ đến chết một đứa trẻ tội nghiệp vì sự thèm thuồng bị kích thích thêm do mong đợi. Ai cũng biết cái khéo léo của một cậu bé chịu tuân theo luật lệ này, cậu ta bị mọi người quên khuấy đi mất bên bàn ăn, bèn nghĩ ra cách xin chút muối v.v... Tôi không nói rằng người ta có thể phê bình vặt cậu bé vì đã trực tiếp đòi muối để gián tiếp đòi thịt; sự bỏ quên cậu ta thật là tai ác, thành thử giá như cậu bé có công khai vi phạm quy tắc và nói toạc ra rằng cậu đói, tôi không thể nào tin được rằng người ta lại phạt cậu về việc này. Nhưng đây là chuyện tôi được chứng kiến, một cô bé sáu tuổi xử lý việc này như thế nào trong một trường hợp còn khó hơn nhiều; vì ngoài việc cô bị cấm dứt khoát không bao

[269] Một đứa bé trở nên hay quấy rầy khi nó thấy làm thế là có lợi; nhưng nó không bao giờ đòi hai lần cùng một thứ, nếu câu trả lời đầu tiên luôn không thể thay đổi.

giờ được đòi dù là trực tiếp hay gián tiếp bất kỳ một thứ gì, sự không vâng lời còn không thể tha thứ được, bởi cô đã ăn tất cả các món, ngoại trừ mỗi một món, mà người ta đã quên mất không đưa cho cô, và đó là món mà cô rất thèm.

Thế thì muốn được người ta sửa chữa sự quên ấy mà không thể trách cứ cô không vâng lời thì cô chỉ ngón tay điểm lại tất cả các món, vừa chỉ vừa nói to lên: *Con đã ăn món này, con đã ăn món này;* nhưng cô rõ ràng là có chủ ý bỏ qua không nói gì đến món mà cô chưa hề ăn, để cho có ai đó thấy thế bèn bảo cô: Thế còn món này, con đã ăn chưa? *Ồ! Chưa ạ*, cô bé tham ăn trả lời nhỏ nhẹ trong khi cặp mắt cô nhìn xuống thấp. Tôi sẽ không bàn thêm điều gì; xin hãy so sánh: thủ thuật này là cái ranh mãnh của con gái, còn thủ thuật kia là cái ranh mãnh của con trai.

Cái gì tồn tại đều tốt, và không có luật phổ biến nào là xấu cả. Sự khôn khéo đặc biệt mà nữ giới được ban là một sự đền bù rất công minh cho sự kém cỏi về sức mạnh; thiếu cái đó thì người đàn bà sẽ không làm bạn đời của người đàn ông được, mà cô sẽ làm kẻ nô lệ của hắn: chính vì có ưu thế về tài năng ấy mà cô duy trì được sự ngang hàng của mình, và cô điều khiển hắn bằng cách vâng lời hắn. Người đàn bà có đủ thứ chống lại cô ta, những khuyết điểm của chúng ta, sự nhút nhát của cô ta, sự mềm yếu của cô ta; cô chỉ có cái tài và sắc đẹp của mình ủng hộ mà thôi. Cô trau dồi cả hai thứ đó có là chính đáng hay không? Nhưng sắc đẹp thì không phải là phổ thông; nó mất đi bởi hàng ngàn tai biến, nó tàn đi theo năm tháng; mà sự quen thuộc lâu rồi cũng làm tiêu ma ảnh hưởng của nó. Riêng chỉ có tâm hồn là nguồn lực thực sự của nữ giới: không phải là cái tâm hồn dại khờ mà người ta đề cao hết sức trong giới giao tiếp và nó chẳng giúp ích được gì để làm cho cuộc sống được hạnh phúc, mà là cái tâm hồn thuộc về bản chất nữ, cái mánh lợi dụng tâm hồn chúng ta và tự phụ về những lợi thế của chính chúng ta. Người ta không biết là cái khéo léo ấy của đàn bà ích lợi xiết bao cho chính bản thân chúng ta, nó làm tăng thêm sự quyến rũ trong việc giao du giữa hai giới xiết bao, nó kiềm chế bớt sự hăng máu của con trẻ xiết bao, nó kìm giữ được các ông chồng vũ phu đến chừng nào, nó gìn giữ được tốt đến chừng nào các gia đình mà thiếu nó thì sự bất hoà sẽ làm rối tung lên. Những người đàn bà giả dối và độc ác lạm dụng điều này, tôi biết rõ như thế; nhưng cái gì mà thói xấu chẳng lạm dụng được? Chúng ta đừng có tiêu huỷ những phương tiện làm nên hạnh phúc bởi vì những kẻ độc ác đôi khi đã sử dụng nó để làm điều xấu.

Người ta có thể nổi bật do trang sức, nhưng người ta chỉ khiến người khác ưa thích bởi bản thân con người. Những đồ trang sức của chúng ta không hề là chúng ta; thường thường chúng làm cho ta mất đẹp đi do quá cầu kỳ và những cái thường hay làm cho người ta để ý đến người mang nó nhiều nhất lại là những cái người ta để ý đến ít nhất. Việc giáo dục cho các cô thiếu nữ thật là hoàn toàn trái ngược trong điểm này. Người ta hứa cho các cô những đồ trang sức để làm phần thưởng, người ta làm cho các cô yêu thích những đồ nữ trang cầu kỳ: *Cô ta mới đẹp làm sao chứ!* Người ta bảo các cô như thế khi các cô mang rất nhiều đồ trang sức. Mà hoàn toàn ngược lại, người ta phải làm cho các cô hiểu rằng đồ trang sức nhiều đến thế chẳng qua chỉ được chế tạo ra để che đậy những khuyết tật mà thôi, và hiểu rằng cái thắng lợi thực sự của sắc đẹp là để tự nó nổi bật. Sự ham hố thời trang thật là kém thẩm mỹ, bởi vì bộ mặt người ta chẳng thay đổi cùng với thời trang, và bởi khuôn mặt vẫn còn cứ thế mãi, cái gì đã hợp một lần ở mặt thì cứ hợp với nó mãi.

Khi tôi thấy cô thiếu nữ vênh váo trong những đồ nữ trang của mình, tôi sẽ tỏ ra lo lắng cho khuôn mặt cô ta bị giả trang như vậy và lo ngại về điều mà người ta có thể nghĩ về chuyện ấy; tôi sẽ bảo: Tất cả các đồ trang sức này tô điểm cho cô quá nhiều, thật là đáng tiếc: quý vị có tin rằng cô ta vẫn có thể trụ vững được khi giản dị hơn? Có phải là cô đủ xinh đẹp để chẳng cần đến cái này hoặc cái kia không? Thế thì có lẽ cô lại là người đầu tiên xin người ta bỏ đồ trang sức ấy đi cho cô, và để người ta phán xét: đây là trường hợp đáng hoan nghênh cô, nếu như nó xảy ra. Tôi sẽ không bao giờ tán tụng cô cho đến khi cô sẽ trở thành người trang điểm đơn giản nhất. Khi cô chỉ coi đồ trang sức như là một trợ thủ cho cái duyên dáng của con người cô và như một sự thú nhận ngầm rằng cô cần đến sự trợ giúp để được ưa thích, cô sẽ không hề tự hào về đồ trang sức của mình, cô sẽ trở nên khiêm nhường; và nếu như, có trang điểm quá mức bình thường, cô lại nghe thấy nói: *Cô ta mới đẹp làm sao!* Cô sẽ đỏ mặt lên vì bực bội.

Và chăng, có những gương mặt cần trang điểm, nhưng chẳng hề có gương mặt nào đòi hỏi phải dùng đồ nữ trang sang trọng. Những đồ trang sức tốn kém là thói dị hợm của đẳng cấp chứ không phải của con người, những đồ trang sức ấy chỉ gắn với thiên kiến. Tính làm dáng thực sự thì đôi khi là cầu kỳ, nhưng nó không bao giờ xa xỉ; và Junon[270] trang phục lộng lẫy kiêu sa hơn cả Vénus[271].

---

[270] * Junon: theo thần thoại là vợ của Jupiter, con gái của Saturne. Các nhà thơ thường miêu tả Junon là một người đàn bà kênh kiệu, hay ghen tuông và thù dai.

[271] * Vénus: nữ thần sắc đẹp và tình yêu.

Vì không vẽ được bà ta cho đẹp, anh đã vẽ bà thành sang trọng, Apelle[272] đã nói thế với một hoạ sĩ bất tài vẽ bức chân dung Hélène[273] mang đầy nữ trang. Tôi cũng đã có nhận xét rằng những bộ trang sức lộng lẫy nhất thường hay nói lên rằng người mang nó là những người đàn bà xấu xí; người ta không còn có một thói khoe khoang nào vụng về hơn. Hãy đưa cho một cô thiếu nữ có khiếu thẩm mỹ, và xem thường thời trang, những dải ruy băng, những đồ bằng the bằng sa mỏng và những bông hoa; chẳng có kim cương, chẳng cần những búp len trên mũ, chẳng có hang thêu ren[274], cô sẽ tự mình tạo ra một bộ trang phục khiến cô thành xinh đẹp gấp trăm lần điều có thể tạo nên bằng tất cả những mảnh vải lộng lẫy của nhà Duchapt[275].

Vì cái gì tốt thì luôn luôn tốt, và phải luôn luôn tốt hết mức có thể, những phụ nữ biết phục sức chọn những phục sức tốt cho mình, gắn bó với cách phục sức ấy, mà không thay đổi hằng ngày, họ ít quan tâm đến điều đó hơn những phụ nữ chẳng biết quyết định thế nào. Sự chăm lo phục sức đích thực đòi hỏi không nhiều trang phục. Các tiểu thư trẻ tuổi ít có những trang phục hoa mỹ; công việc, những giờ học chiếm đầy thời gian trong ngày, tuy nhiên, nói chung là, họ trang phục, trừ son ra, cũng kỹ lưỡng ngang với các phu nhân, và thường là thanh nhã hơn. Sự lạm dụng trang điểm không như người ta nghĩ đâu, nó xuất phát từ sự buồn chán nhiều hơn là thói hợm hĩnh. Một bà trang điểm mất sáu giờ đồng hồ không phải không biết rằng trang điểm xong bà ta vẫn chẳng hơn gì một bà chỉ mất nửa giờ cho việc đó; nhưng đó là chừng ấy thời gian giành được của thì giờ chán ngán dài đằng đẵng, và thà tự dối mình còn hơn là buồn phiền về tất cả. Không trang điểm thì người ta sẽ làm gì với cuộc sống từ trưa cho đến chín giờ tối? Trong khi tụ tập các phụ nữ quanh mình, người ta vui chơi bằng cách làm cho họ sốt ruột, thế đã là một cái gì rồi; người ta lại tránh được chạm trán với một đức ông chồng

---

[272] * Apelle: danh hoạ nổi tiếng nhất Hy Lạp, sinh ở Ephèse và sống trong triều vua Alexandre Đại đế, từng vẽ chân dung nhà vua (thế kỷ IV trước CN).

[273] * Hélène: nữ hoàng Hy Lạp, người có sắc đẹp nổi tiếng, bị Pâris bắt, việc này quyết định cuộc viễn chinh của Hy Lạp chống thành Troie.

[274] Những người đàn bà có làn da đủ trắng để không cần dùng đến những dải thêu ren sẽ gây ra rất nhiều bực bội cho các bà khác nếu họ không mang chúng. Hầu như bao giờ cũng là những bà xấu xí quảng bá thời trang, mà những người đẹp lại cứ ngu ngốc mà theo họ.

[275] * Duchapt: một bà bán hàng thời trang nổi tiếng thời bấy giờ.

chỉ gặp vào lúc đó, thế là lại được nhiều hơn; thế rồi đến tiếp là các bà chào hàng, các ông buôn đồ cũ, các ngài bé mọn, các tác gia không tên tuổi, những bài thơ, những khúc ca, những tập sách mỏng: không có trang điểm thì không bao giờ tụ tập đầy đủ đến vậy mọi thứ đó. Cái lợi thực sự độc nhất gắn liền với chuyện này là có dịp để trưng ra hơn một chút khi người ta diện bộ cánh: nhưng cái lợi này có thể là chẳng được lớn đến như người ta tưởng, và các bà diện bộ cánh đẹp chẳng nhờ đó mà có lợi được bao nhiêu như các bà bảo. Đừng ngại ngần gì việc giáo dục nữ tính cho các bà, hãy làm cho các bà ưa thích những lo toan của giới mình, cho các bà có tính khiêm nhường, cho các bà biết trông coi việc nội trợ, và chăm lo mọi việc trong gia đình; bộ váy áo dạ hội rồi tự nó sẽ bị bỏ rơi, và các bà sẽ chỉ ăn mặc một cách thanh nhã hơn mà thôi.

Việc đầu tiên mà các cô gái trẻ nhận xét thấy trong khi lớn lên, đó là mọi đồ trang sức ở bên ngoài này chưa đủ cho các cô, nếu các cô không có những thứ trang sức thuộc về các cô. Chẳng bao giờ người ta có thể tự ban cho mình sắc đẹp, và người ta cũng không phải đạt được cách làm đỏm ngay đâu; nhưng người ta có thể tìm cách tạo cho mình những cử chỉ duyên dáng, cho tiếng nói của mình có một giọng êm tai, biết gìn giữ tư thế của mình, biết đi đứng nhẹ nhàng, biết tạo nên những thái độ yêu kiều duyên dáng, và ở bất cứ nơi nào thì cũng chọn được cách làm nổi bật mình lên. Tiếng nói không còn những giọng the thé, trở nên ổn định, và mang âm sắc riêng, các cánh tay này nở đầy đặn, dáng đi tự tin, và người ta nhận ra rằng, có phục sức cách nào đi nữa, vẫn có một nghệ thuật để làm cho người ta chú ý đến mình. Từ đó vấn đề không chỉ còn là cây kim và kỹ xảo; những tài năng mới xuất hiện, và đã làm cho người ta cảm nhận được ích lợi của chúng.

Tôi biết rằng các ông giáo tiểu học nghiêm khắc muốn rằng ta đừng dạy cho các thiếu nữ cả hát lẫn khiêu vũ, cùng bất kỳ một thứ nghệ thuật giải trí nào như nhạc, hoạ v.v... Chuyện này với tôi cứ như đùa; và vậy thì họ muốn dạy các thứ đó cho ai chứ? Cho các bé trai ư? Ai trong số những người đàn ông và đàn bà nên có các tài năng ấy hơn cả? Họ trả lời rằng chẳng có ai; những bài hát phàm tục là biết bao tội lỗi; khiêu vũ là một phát minh của quỷ, một cô thiếu nữ chỉ có thể có sự vui thú trong công việc và nguyện cầu. Đó là những cuộc vui chơi xa lạ với một đứa trẻ mười tuổi! Với tôi, tôi rất lo ngại rằng tất cả những thiên thần bé nhỏ bị người ta ép phải nguyện cầu Chúa suốt thời thơ ấu lại trải qua thời thanh niên của mình với những chuyện khác hẳn, và khi đã

lấy chồng thì lại ra sức bù đắp thời gian mà họ cho rằng đã bị uổng phí thời con gái. Tôi tin rằng phải chú ý đến cái gì phù hợp với lứa tuổi cũng y như cái gì phù hợp với giới tính; một thiếu nữ không thể nào buộc phải sống như bà nội cô ta; cô ta phải hoạt bát, vui tươi, đùa nghịch, hát hỏng, nhảy múa tuỳ thích, và thưởng thức mọi thú vui trong trắng của lứa tuổi cô; thời gian để điềm đạm trang trọng và giữ gìn tư thái nghiêm trang hơn sẽ chỉ đến quá nhanh mà thôi.

Nhưng có thực là cần đến sự thay đổi ấy không? Có lẽ nào đó còn chưa phải là một hậu quả của những thiên kiến của chúng ta? Trong khi bắt những người đàn bà đứng đắn phải tuân thủ một mực những bổn phận chẳng có gì vui, người ta đã tước bỏ hết khỏi cuộc sống vợ chồng mọi điều có thể làm cho người đàn ông thích thú. Có còn lạ gì nếu thái độ trầm mặc mà những người đàn ông thấy ngự trị trong nhà họ như xua đuổi họ khỏi nhà, hoặc là họ chẳng còn thiết chọn một cảnh huống gây bực bội đến vậy? Càng cưỡng điệu mọi bổn phận thì Thiên chúa giáo lại càng làm cho chúng không thể thực hiện được và thành hão huyền; càng cấm các bà ca hát, khiêu vũ, và mọi thú vui của giới giao tiếp, thì lại càng làm cho họ trở nên gắt gỏng, hay mắng mỏ, không sao chịu đựng nổi ở nhà họ. Không có tôn giáo nào mà hôn nhân lại tuân phục những nghĩa vụ ngặt nghèo đến thế, và không có ở đâu một cam kết thiêng liêng đến thế lại bị xem thường đến thế. Người ta đã làm quá nhiều để ngăn trở không cho các bà vợ được trở nên khả ái, đến nỗi đã làm cho các ông chồng trở nên thờ ơ. Điều đó có lẽ không nên tồn tại, tôi hiểu quá rõ: nhưng tôi thì tôi nói rằng điều đó ắt phải tồn tại, chính vì rốt cuộc thì những người Thiên chúa giáo cũng là người. Đối với tôi, tôi mong muốn một phụ nữ trẻ người Anh trau dồi hết sức cẩn thận những tài năng được ưa chuộng để làm cho một người chồng sẽ cưới nàng phải thích, một phụ nữ trẻ người Albanie trau dồi những cái đó để vào hậu cung của Ispahan. Người ta bảo các ông chồng chẳng quan tâm gì nhiều lắm đến những tài năng ấy. Đúng là tôi tin điều đó, khi mà những tài năng ấy, lại không hề được sử dụng để đẹp lòng chồng, mà chỉ dùng làm mồi nhử để thu hút các chàng trai trơ tráo đến nhà họ để làm ô danh họ. Nhưng quý vị có cho rằng một người vợ đáng yêu và hiền thục, có đủ các tài năng ấy, và dành trọn chúng cho thú vui của chồng mình, lại không gia tăng hạnh phúc của chồng, và không ngăn được chồng đi tìm những cuộc giải trí ở bên ngoài lúc vừa ra khỏi phòng làm việc với đầu óc đã mệt mỏi cạn kiệt? Ai mà chẳng thấy các gia đình hạnh phúc gắn bó với nhau như thế, ở đó mỗi người biết đem thú vui của mình cung ứng cho thú vui

chung? Người đó hãy nói xem liệu lòng tin cậy và gắn liền với nó là tình thân mật, liệu sự trong trắng và dịu ngọt của những lạc thú mà người ta nếm trải trong gia đình chẳng bù lại được quá đủ những gì ồn ào nhất trong các thú vui công cộng đó sao?

Người ta đã quy rút các tài năng được ưa chuộng một cách quá đáng thành các kỹ năng: họ đã khái quát hoá quá mức; họ đã biến tất cả thành châm ngôn, thành bài giảng, và họ đã làm cho các cô gái trẻ quá chán ngán những điều chỉ nên là sự vui chơi và các trò đùa nghịch cho các cô. Tôi hình dung ra rằng không có gì buồn cười hơn là thấy một ông thầy già dạy khiêu vũ hoặc dạy hát đến gặp với thái độ nhăn nhó các cô gái trẻ chỉ tìm cách vui cười, và dạy cho các cô môn học phù phiếm của mình bằng cái giọng còn thông thái rởm, còn oai nghiêm hơn cả khi dạy giáo lý đạo Thiên chúa. Chẳng hạn, có phải là nghệ thuật ca hát gắn liền với âm nhạc viết thành bài bản không? Liệu người ta có biết được cách làm cho giọng hát của mình uyển chuyển và đúng, học hát với khiếu thưởng thức, ngay cả hát thành bè đệm cho nhau mà không cần biết đến một nốt nhạc nào không? Cùng một loại ca khúc liệu rằng có phù hợp với mọi giọng hát không? Cùng một phương pháp liệu có hợp với mọi đầu óc không? Người ta sẽ không bao giờ làm cho tôi tin được rằng cũng những tư thế ấy, cũng những bước nhảy ấy, cũng những động tác ấy, cũng những cử chỉ ấy, cũng những vũ điệu ấy vừa phù hợp với một cô bé tóc nâu lanh lợi và đẹp sắc sảo, vừa phù hợp với một cô cao lớn tóc vàng có cặp mắt thẫn thờ. Vậy khi tôi thấy một ông thầy dạy cho cả hai loại người này đúng những bài học y hệt nhau, tôi bảo rằng: Ông này đi theo lối mòn mà chẳng hiểu gì về nghệ thuật của ông ta.

Người ta hỏi rằng các cô gái trẻ có cần phải có thầy hoặc cô giáo không. Tôi không rõ: tôi thì rất muốn rằng các cô chẳng cần đến cả thầy lẫn cô, tôi muốn cho các cô được tự do học hỏi điều mà các cô có nhiều khuynh hướng muốn học, và muốn rằng người ta sẽ không còn thấy không ngừng lang thang trong các thành phố của chúng ta những vũ công, diễn viên phục sức loè loẹt nữa. Tôi thật khó mà tin rằng sự giao lưu với những người này lại không nguy hại cho các cô thiếu nữ hơn là ích lợi mà các bài học của họ đem lại cho các cô, và rằng thứ tiếng lóng khó hiểu của họ, giọng điệu của họ, thái độ của họ nhiễm cái hứng thú đầu tiên về những gì là phù phiếm, quá quan trọng đối với họ, và chẳng muộn màng gì mà không noi gương họ để lấy đó làm mối quan tâm duy nhất của mình.

Trong các môn nghệ thuật chỉ lấy sự giải trí làm đối tượng, bất cứ ai cũng có thể làm thầy cho các cô được: từ người cha, người mẹ, người anh, người chị rồi các bạn, các bà gia sư, cho đến cả cái gương cô soi hằng ngày, và nhất là thị hiếu của riêng cô. Người ta không nên đề nghị giảng bài cho các cô, việc này cứ phải do các cô yêu cầu; người ta không nên khiến một sự ân thưởng thành một nhiệm vụ; nhất là trong các loại môn học mà thành tựu đầu tiên là muốn thành công. Còn thì, nếu nhất thiết phải có các bài học quy củ, tôi sẽ không quyết đoán những người dạy các cô phải thuộc giới nào. Tôi không rõ sao lại cứ phải là một ông thầy dạy vũ nắm lấy bàn tay trắng trẻo và mịn màng của cô nữ sinh trẻ, cứ phải là ông ta bắt cô phải rút ngắn cái váy đi, phải ngước mắt nhìn lên, dang các cánh tay ra, ưỡn bộ ngực đang phập phồng; nhưng tôi biết rõ là chẳng điều gì trên đời này khiến được tôi muốn làm các ông thầy này.

Nhờ có kỹ xảo và các tài năng mà hình thành nên thị hiếu; nhờ có thị hiếu mà tinh thần vô tình mở ra cho các ý tưởng về cái đẹp đủ loại, và cuối cùng là cho các khái niệm đạo đức tương ứng với những cái đẹp ấy. Có thể đó là một trong những lý do vì sao mà ý tưởng về sự đoan trang và về đức hạnh sớm thấm vào các cô gái hơn các cậu con trai; bởi vì, muốn tin rằng ý tưởng sớm nảy sinh là công lao của các bà gia sư thì phải thật là thiếu hiểu biết về tính tình con người. Tài ăn nói chiếm hàng đầu trong nghệ thuật làm cho người ta ưa thích; chính là nhờ ở có mỗi một cái tài ấy mà người ta có thể tăng thêm những nét duyên mới vào những nét duyên và tập quán đã khiến cho các giác quan quen thuộc. Chính là đầu óc không những hoạt hoá thân xác, mà có thể nói là còn đổi mới thân xác, chính là do sự nối tiếp của các ý tưởng và tình cảm mà nó kích thích và làm biến đổi diện mạo; và chính nhờ các lời nói do nó khơi gợi mà sự chú ý, luôn tập trung, duy trì được lâu dài cùng một hứng thú với cùng một đối tượng. Tôi cho rằng chính do tất cả các lý do đó mà các cô thiếu nữ cùng tập nhiễm mau chóng được cái cách nói nhí nhảnh dễ thương mà các cô đem sắc điệu vào những điều bày tỏ của mình ngay từ lúc chưa cảm nhận ra nó, mà những người đàn ông nghe thế thì lại mê mẩn ngay cả khi các cô chưa thể nào hiểu được điều đó; bọn đàn ông rình rập cái giây phút đầu tiên của sự thông minh ấy để nhân đó thâm nhập thời điểm đầu tiên của tình cảm.

Đàn bà có cái lưỡi dẻo; họ nói sớm hơn, dễ dàng hơn và dễ nghe hơn bọn đàn ông. Người ta cũng lên án họ là nói nhiều hơn: hẳn là phải thế, nhưng tôi sẽ thích đổi sự phản bác này thành khen ngợi; cái miệng và cặp

mắt của các cô cũng hoạt động y như thế, và vì cùng một lý do ấy. Đàn ông thì nói điều anh ta biết, còn đàn bà thì nói ra điều để được ưa thích; đàn ông để nói cần có sự hiểu biết, còn đàn bà để nói cần có khiếu thẩm mỹ; đàn ông phải lấy mục tiêu chính là những việc có ích, còn đàn bà lại lấy mục tiêu chính là những chuyện thích thú. Lời nói của họ chỉ phải có một dạng chung, đó đều là sự thật cả.

Vậy ta không nên kiềm chế chuyện phiếm của các cô giống như của bọn con trai do cái câu hỏi nghiệt ngã này: *Cái đó có ích gì?* mà là do câu hỏi khác cũng thật không dễ trả lời: *Cái đó sẽ gây ra hiệu quả gì?* Trong cái tuổi đầu đời này là thời kỳ còn chưa thể phân biệt được rõ cái tốt và cái xấu, các cô không phán xét một ai, các cô phải tự đặt cho mình một luật lệ là bao giờ cũng chỉ được nói điều làm cho người nghe thấy lọt tai; và cái làm cho quy tắc này khó thực hiện hơn là: quy tắc đó luôn phụ thuộc vào quy tắc hàng đầu, đó là không bao giờ được nói dối.

Tôi còn thấy rõ nhiều khó khăn nữa, nhưng đó là lúc các cô ở độ tuổi lớn hơn. Còn hiện tại, thì để chân thật, các cô thiếu nữ chỉ có cái khó là chân thật mà không thô thiển; và bởi dĩ nhiên sự thô thiển ấy khiến các cô chán ghét, nên việc giáo dục dạy được cho các cô tránh điều đó một cách dễ dàng. Tôi nhận thấy rằng nói chung trong việc giao du trong giới giao tiếp thì phép lịch sự của đàn ông mang tính chu đáo nhiều hơn, và của đàn bà thì mang tính dịu dàng mơn trớn nhiều hơn. Sự khác biệt này không phải là do thể chế mà do tự nhiên. Người đàn ông tỏ ra tìm cách giúp bạn nhiều hơn, và người đàn bà thì làm cho bạn vui lòng hơn. Do đó, dẫu cho tính cách của người đàn bà là thế nào, cái lịch sự của họ cũng ít giả dối hơn của chúng ta; họ chỉ bộc lộ bản năng đầu tiên của họ ra; nhưng khi một người đàn ông giả bộ như ưa thích hứng thú của tôi hơn hứng thú của chính anh ta, cho dù điều dối trá ấy được tô vẽ thế nào để chứng minh thì tôi vẫn tin rất chắc rằng anh ta đang làm một điều dối trá. Vậy người đàn bà lễ độ thì nào có thiệt thòi gì, do vậy mà các cô có thiệt thòi gì khi học cách trở thành người lễ độ. Bài học đầu tiên là đến từ tự nhiên, kỹ xảo chỉ còn việc đi theo tự nhiên, và tuỳ theo tập quán của chúng ta mà xác định được nó phải bộc lộ ra dưới hình thức nào. Còn về phép lịch sự giữa đàn bà với nhau thì lại là chuyện khác hẳn; trong đó họ có thái độ quá gò bó thiếu tự nhiên và những mối quan tâm quá thờ ơ thành thử trong khi làm phiền lẫn nhau họ chẳng cố giấu sự phiền hà của mình và có vẻ chân tình trong những lời dối trá của họ bằng cách chẳng thèm che giấu nó đi. Tuy nhiên các thiếu nữ đôi khi lại

thực sự có những tình bạn thẳng thắn hơn. Ở tuổi của họ thì sự vui tính thay thế cho bản tính tốt và do hài lòng về mình, các cô cũng hài lòng về tất cả mọi người. Bao giờ cũng thế, trước mặt đàn ông, các cô cũng sẵn lòng quấn quýt nhau hơn, vồn vã với nhau duyên dáng hơn, tự hào về việc kích thích vô tội vạ những thèm muốn của họ bằng hình tượng về những chiều chuộng mà họ biết làm cho đàn ông khao khát.

Ta không được để các cậu bé có những câu hỏi tò mò, huống chi lại để cho các cô thiếu nữ nêu những câu hỏi đó mà khi sự tò mò được thoả mãn hoặc bị đánh trống lảng một cách vụng về thì thật sự lại có hậu quả khác hẳn, xét theo sự minh mẫn để dự cảm những bí mật mà người ta giấu không cho các cô biết và xét theo sự khéo léo của các cô để phát hiện ra chúng. Nhưng chẳng chịu đựng những câu hỏi của các cô, tôi muốn rằng ta hãy hỏi han chính các cô rất nhiều, hãy chú ý làm cho các cô trò chuyện, khêu gợi để các cô luyện được cách nói năng dễ dàng, làm cho các cô trở nên hoạt bát khi đối đáp, để cởi trói cho trí tuệ và ngôn ngữ của các cô, khi mà ta có thể làm điều đó mà không tai hại gì. Những cuộc đấu khẩu này, bao giờ cũng diễn ra trong sự vui vẻ, nhưng phải được thu xếp thật khéo léo và được điều khiển tốt, sẽ tạo nên một trò vui thú cho lứa tuổi này, và sẽ có thể đem lại cho những trái tim trong trắng của các thiếu nữ trẻ ấy những bài học đầu tiên và có thể là hữu ích nhất về đạo đức mà các cô mang suốt đời, bằng cách dạy cho các cô biết rằng, bên dưới sức thu hút của sự vui thích và của sự khoe khoang, đàn ông thực sự ái mộ những phẩm chất nào, và biết rằng một người đàn bà đức hạnh phải có những gì để làm nên danh dự và hạnh phúc của mình.

Ta hiểu rõ rằng các bé trai mà còn không có khả năng tự hình thành một ý tưởng thực sự nào về tôn giáo, huống chi là với các bé gái, ý tưởng ấy quá cao so với nhận thức của các cô: vì chính điều đó mà tôi sẽ muốn nói về chúng với các cô sớm hơn; bởi vì nếu cứ phải đợi đến lúc các cô đủ trưởng thành để có khả năng tranh luận đâu ra đấy về các vấn đề sâu sắc này thì ta sẽ có nguy cơ không bao giờ nói với các cô về điều đó. Lý lẽ của đàn bà là một lý lẽ thực tế làm cho họ rất khéo léo tìm ra được phương tiện để đạt tới một mục đích định sẵn, nhưng cái lý lẽ ấy không làm cho họ tìm ra được cái mục đích này. Mối quan hệ xã hội giữa hai giới thật đáng để ý. Từ sự liên kết ấy sinh ra một con người tinh thần mà người đàn bà là con mắt, người đàn ông là cánh tay, nhưng lại có một sự phụ thuộc biết bao giữa người này với người kia đến mức do người đàn ông mà người đàn bà mới biết mình phải nhìn cái gì, và do người

đàn bà mà người đàn ông mới biết được mình phải làm gì. Nếu người đàn bà lại có thể đi tới tận ngọn nguồn cũng y như người đàn ông, và nếu người đàn ông lại cũng có đầu óc về chi tiết y như người đàn bà thì đàn ông và đàn bà chẳng bao giờ còn phụ thuộc gì vào nhau nữa, họ sống trong sự cãi cọ vĩnh cửu, và mối liên kết của họ không tài nào có thể còn tồn tại được. Nhưng trong sự hoà hợp đang ngự trị giữa họ với nhau, mọi chuyện đều hướng tới một mục đích chung, người ta không rõ người nào góp phần mình vào đó nhiều nhất; mỗi người theo xung động của người kia; ai cũng tuân thủ, và cả hai đều làm chủ.

Do chính điều đó mà hành vi của người đàn bà bị phụ thuộc vào dư luận chung, lòng tin của họ phải phục tùng quyền uy. Mọi cô gái đều phải theo tín ngưỡng của mẹ mình, và mọi người vợ theo tín ngưỡng của chồng mình. Khi tín ngưỡng ấy là sai, thì tính nhu thuận dễ bảo khiến người mẹ và gia đình phục tùng trật tự của tự nhiên xoá bỏ trước Thượng đế cái tội của sai lầm. Không có khả năng tự mình phán xét, họ phải chấp nhận quyết định của cha và của chồng cũng như quyết định của Nhà thờ.

Không thể tự mình rút ra những quy tắc cho niềm tin của mình, đàn bà chỉ có thể tự giới hạn điều đó trong phạm vi của sự hiển nhiên và lẽ phải; nhưng vì tự để cho mình bị cuốn theo hàng ngàn kích động của người ngoài, họ bao giờ cũng cứ ở mấp mé bên này hay bên kia sự thật. Bao giờ cũng cực đoan, họ sống hoàn toàn phóng đãng hoặc hoàn toàn ngoan đạo; người ta chẳng hề thấy họ biết kết hợp sự khôn ngoan với lòng kính tín. Cội nguồn của cái xấu không chỉ là ở tính cách quá đáng của giới họ, mà còn ở quyền uy được điều chỉnh tồi của tính cách chúng ta: tính phóng đãng trong phẩm hạnh làm cho họ bị xem thường, nỗi sợ hãi phải hối hận biến họ thành ra chuyên chế và thế là người ta làm cho tính cách ấy bao giờ cũng quá đáng hoặc lại là bất cập.

Chính vì quyền uy phải điều chỉnh được tín ngưỡng của người đàn bà, nên chẳng cần phải giảng giải nhiều về các lý lẽ làm cho người ta tin, mà chỉ cần nói rõ ta tin cái gì: bởi vì lòng tin mà người ta dành cho những ý tưởng khó hiểu là cội nguồn đầu tiên của sự cuồng tín, và niềm tin mà người ta đòi hỏi cho những chuyện phi lý dẫn đến sự điên khùng hay sự vô tín ngưỡng. Tôi không rõ việc giảng giáo lý của chúng ta đưa tới điều gì nhiều nhất, trở thành báng bổ hoặc cuồng tín; nhưng tôi biết rất rõ rằng tất yếu việc đó tạo ra hoặc cái này hoặc cái kia.

Trước hết, muốn dạy tôn giáo cho các cô thiếu nữ thì đừng bao giờ biến việc đó thành một đối tượng buồn chán và gò bó cho các cô, đừng bao giờ biến nó thành nhiệm vụ hay bổn phận; tóm lại là đừng có bao giờ bắt các cô phải học thuộc lòng điều gì trong việc này, ngay cả những bài kinh cầu nguyện. Quý vị hãy vui lòng đọc kinh đều đặn trước mặt các cô, tuy chẳng cần buộc các cô phải tham dự vào đó. Xin hãy cầu nguyện ngắn gọn, theo lời dạy của Jésus - Christ. Luôn luôn cầu nguyện với sự tĩnh tâm và lòng tôn kính thích đáng; xin hãy nghĩ rằng cầu xin Thượng đế quan tâm lắng nghe chúng ta, điều đó tốt hơn là ta chỉ quan tâm đến điều ta sắp nói với Người.

Không cần lắm phải để các thiếu nữ sớm biết về tôn giáo của mình mà chỉ cần cho các cô biết rõ về tôn giáo đó, và nhất là các cô yêu tôn giáo đó. Khi quý vị làm cho tôn giáo trở thành nặng nề với các cô, khi quý vị luôn mô tả Chúa không hài lòng với các cô, khi quý vị nhân danh Chúa mà áp đặt cho các cô hàng ngàn bổn phận mà các cô lại không bao giờ thấy quý vị thực hiện thì các cô có thể nghĩ gì, trừ phi biết rằng việc giảng đạo và cầu nguyện Chúa của mình là những bổn phận của các thiếu nữ còn bé, và mong muốn sao cho mau lớn để được giống như các vị mà thoát khỏi mọi sự bó buộc ấy? Gương mẫu! Gương mẫu! Không có cái đó thì ta chẳng đạt tới được gì hết ở trẻ con.

Khi quý vị giảng cho các cô những tín điều, xin hãy chọn lối giảng trực tiếp, và đừng dùng cách hỏi đáp. Các cô bao giờ cũng nên chỉ trả lời điều các cô đang nghĩ, chứ không phải điều người ta đã bảo các cô. Mọi câu trả lời trong học giáo lý đều tác dụng ngược cả, chính là học trò giảng cho ông thầy; thậm chí các câu trả lời ấy còn là điều dối trá ở miệng trẻ con, chính vì trẻ con giảng giải điều mà chúng chẳng hiểu gì hết, và khẳng định điều mà chúng không đủ khả năng để tin. Trong số những người thông minh nhất, xin mọi người hãy giới thiệu với tôi những người không nói dối trong khi đọc giáo lý cương yếu của mình.

Tôi thấy câu hỏi đầu tiên trong vấn đề của chúng ta là câu hỏi sau đây: *Ai tạo ra cô và đặt cô vào thế giới này?* Cô bé biết rõ ràng đó là mẹ mình, thế mà lại cứ nói chẳng do dự gì hết đó là Chúa. Ở đây duy có điều cô bé thấy rõ, đó là với một câu hỏi mà cô chẳng hiểu mấy thì cô đáp bằng một câu trả lời mà cô không hiểu gì hết.

Tôi muốn có một người biết rõ diễn trình trong tâm hồn trẻ nhỏ và muốn dạy giáo lý cho chúng. Có thể đó sẽ là cuốn sách hữu ích nhất mà

chẳng bao giờ người ta viết ra được, và theo tôi thì đó sẽ chẳng phải là cuốn sách đem lại ít vinh quang nhất cho tác giả của nó. Có điều rất chắc chắn là nếu cuốn sách ấy tốt thì nó chẳng có gì giống với những cuốn sách của chúng ta.

Việc dạy giáo lý như vậy sẽ chỉ tốt được khi dựa trên những câu hỏi, đứa trẻ sẽ tự mình đưa ra các câu trả lời mà không học thuộc chúng; đành rằng đôi khi đến lượt mình đứa trẻ có khi sẽ nêu câu hỏi. Để làm rõ điều tôi muốn nói, phải cần đến một loại mô hình làm mẫu, và tôi cảm nhận rõ cái tôi còn thiếu để vẽ nó ra. Tôi sẽ thử ít ra là để đưa ra một vài ý tưởng nhỏ.

Vậy nên tôi tưởng tượng rằng, để đề cập tới câu hỏi đầu tiên trong việc dạy giáo lý của chúng ta, sẽ cần phải mở đầu như thế này:

Vú em

Con có nhớ thời con gái của mẹ con không?

Cô bé

Không, vú ơi.

Vú em

Tại sao lại không, chẳng phải là con có trí nhớ tốt đấy sao?

Cô bé

Chính là vì con chưa ra đời.

Vú em

Vậy chẳng phải con vẫn luôn sống ư?

Cô bé

Không.

Vú em

Con sẽ luôn luôn sống chứ?

Cô bé

Vâng.

Vú em

Con trẻ hay già?

Cô bé

Con trẻ.

Vú em

Thế bà con trẻ hay già?

Cô bé

Bà con già.

Vú em

Bà con đã từng trẻ tuổi chứ?

Cô bé

Vâng.

Vú em

Tại sao bà con không còn trẻ nữa?

Cô bé

Chính là vì bà con đã già đi.

Vú em

Con sẽ già đi giống như bà con ư?

Cô bé

Con không biết[276]

Vú em

Những chiếc áo năm ngoái của con đâu?

Cô bé

Người ta đã tháo ra cả rồi.

Vú em

Thế tại sao lại tháo ra?

Cô bé

Bởi vì đối với con chúng quá nhỏ.

---

[276] Nếu có chỗ nào đó mà tôi viết con không biết thì tức là cô bé trả lời khác với ý mình, phải dè chừng câu trả lời của cô bé và phải khéo léo làm cho cô nói rõ ra.

Vú em

Thế tại sao chúng lại quá nhỏ so với con?

Cô bé

Bởi vì con đã lớn lên.

Vú em

Con còn lớn lên nữa chứ?

Cô bé

Ồ! Vâng.

Vú em

Thế các cô gái lớn sẽ ra sao?

Cô bé

Họ sẽ trở thành đàn bà.

Vú em

Thế các bà rồi sẽ ra sao?

Cô bé

Họ sẽ già đi.

Vú em

Vậy thì con cũng sẽ già đi ư?

Cô bé

Khi con sẽ thành người mẹ.

Vú em

Thế rồi những người già sẽ ra sao?

Cô bé

Con không biết.

Vú em

Ông con rồi sẽ ra sao?

Cô bé

Ông đã chết[277]

Vú em

Thế tại sao ông lại chết?

Cô bé

Tại vì ông con đã già.

Vú em

Vậy những người già sẽ ra sao?

Cô bé

Họ sẽ chết.

Vú em

Thế còn con, khi con sẽ già đi thì...

Cô bé ngắt lời bà vú

Ồ! Vú ơi, con không muốn chết.

Vú em

Con ơi, chẳng có ai muốn chết cả mà mọi người đều chết.

Cô bé

Sao! Thế mẹ con cũng sẽ chết ư?

Vú em

Cũng như mọi người. Các bà cũng già đi như các ông, và sự già nua dẫn tới cái chết.

Cô bé

Thế thì phải làm gì để già đi thật chậm?

---

[277] Cô bé nói thế vì cô đã nghe người ta nói thế; nhưng cần phải xác minh xem liệu cô có được ý tưởng gì đó đúng đắn về cái chết chưa, bởi vì ý tưởng này không phải là đơn giản đến thế cũng như là ngang tầm hiểu biết của trẻ đến như người ta nghĩ. Ta có thể thấy trong một bài thơ nhỏ *Abel* một ví dụ về cái cách mà ta phải đưa đến cho trẻ ý tưởng này. Tác phẩm thú vị này toát ra một vẻ giản dị tuyệt vời mà ta học đến mấy cũng không thừa để trò chuyện với trẻ con.

Vú em

Sống ngoan ngoãn khi ta còn trẻ!

Cô bé

Vú ơi, con sẽ luôn luôn sống ngoan ngoãn.

Vú em

Càng tốt cho con. Nhưng cuối cùng con có tin rằng sẽ sống mãi được không?

Cô bé

Khi con sẽ thật già, thật già...

Vú em

Thì sao?

Cô bé

Cuối cùng, khi ta đã thật già, vú bảo rằng đúng là phải chết.

Vú em

Vậy thì con sẽ chết một lần?

Cô bé

Chao ôi! Vâng.

Vú em

Ai là người đã từng sống trước con?

Cô bé

Cha con và mẹ con.

Vú em

Ai là người đã sống trước họ?

Cô bé

Cha họ và mẹ họ.

Vú em

Ai là người sẽ sống sau con?

Cô bé

Các con của con.

Vú em

Ai sẽ sống sau chúng?

Cô bé

Các con của chúng, và v.v...

Bằng cách theo con đường này, do những suy diễn dễ cảm nhận, ta thấy ở loài người có một khởi đầu và một kết thúc, giống như tất cả mọi vật, nghĩa là một người cha và một người mẹ mà họ lại không có cả cha lẫn mẹ, và những đứa con lại sẽ chẳng có con cái[278].

Thế là chỉ sau một chuỗi dài những câu hỏi như thế mà yêu cầu đầu tiên của việc học giáo lý đã được chuẩn bị đầy đủ. Nhưng từ đó cho đến câu trả lời thứ hai, điều có thể nói là định nghĩa về bản thể của thần linh, thật là một bước nhảy lớn lao biết bao! Khi nào thì khoảng cách ấy sẽ được lấp đầy? Chúa là một vị thần linh! Và thế nào là một vị thần linh? Phải chăng là tôi sắp dẫn linh hồn một đứa trẻ vào cái siêu hình tăm tối mà những người lớn phải khó khăn lắm mới thoát ra được? Không phải việc để cho một cô bé giải đáp các câu hỏi này, mà nhiều nhất là để cho cô bé đề ra những câu hỏi đó. Lúc đó tôi sẽ trả lời rất đơn giản: Con hỏi ta Chúa là gì; đó là điều không dễ gì mà nói ra được: ta không thể nghe thấy, trông thấy, sờ mó thấy Chúa; ta chỉ biết người qua các tạo phẩm của người. Để xét đoán người là ai, hãy chờ xem người đã làm điều gì.

Nếu các tín điều của chúng ta đều bắt nguồn từ cùng một chân lý, mọi tín điều ấy không phải vì thế mà có cùng một tầm quan trọng như nhau. Thật chẳng quan hệ gì đến danh sáng của Chúa khi danh sáng ấy được chúng ta biết đến trong mọi việc; nhưng điều quan hệ là xã hội loài người và hết thảy mọi thành viên của nó cần biết và hoàn thành những bổn phận mà luật của Chúa định ra cho họ trong việc đối xử với đồng loại và với chính mình. Đấy là điều mà chúng ta phải không ngừng rao giảng cho mình, người này giảng cho người kia, và nhất là những điều mà cha và mẹ phải dạy dỗ cho con cái của họ. Sao

[278] Ý tưởng về sự vĩnh hằng sẽ ứng dụng vào các thế hệ của con người cùng với sự ưng thuận của thần linh. Mọi sự tiếp nối về mặt số lượng quy về hành động đều không tương thích với ý tưởng này.

một nữ đồng trinh lại là mẹ của người tạo ra mình, lại sinh hạ ra Chúa, hay đó chỉ là một người đàn ông mà Chúa nhập vào, bản thể của cha và con trai là một, hay chỉ là tương tự, thánh linh do tự một trong hai người mà lại cùng là một người, hay cùng do tự cả hai người, tôi không thấy việc quyết định những vấn đề, bề ngoài có vẻ cơ bản này quan trọng với loài người nhiều hơn là biết ngày nào trong tháng là ngày làm lễ Phục sinh, có phải đọc kinh tay lần tràng hạt, nhịn ăn, kiêng thịt, nói tiếng Latin hay tiếng Pháp trong nhà thờ, trang hoàng các tranh ảnh lên tường nhà, làm lễ hay dự lễ Misa, không được gần gụi với đàn bà... Ai muốn nghĩ thế nào về những điều nói trên thì tuỳ thích: tôi thì không hiểu điều đó thu hút được mọi người ở cái gì; về phần tôi thì điều đó chẳng đáng thu hút tí nào. Nhưng điều làm tôi quan tâm, cả tôi và mọi người khác, đó là ai cũng biết rằng có một trọng tài cho thân phận con người, tất cả chúng ta đều là con cái của người, người quy định cho mọi người chúng ta phải công bằng, phải yêu mến lẫn nhau, phải sống có thiện tâm và biết xót thương, phải giữ lời hứa của mình với tất cả mọi người, ngay cả với kẻ thù và những người thân; điều quan tâm của tôi và mọi người khác là cái hạnh phúc bề ngoài nhìn thấy được ở cuộc đời này chẳng là gì hết; là có một cuộc đời khác sau đó kia, trong đó Thượng đế sẽ là người ban thưởng cho những người tốt và là phán quan của những kẻ ác. Những tín điều này và những tín điều tương tự là những gì cần phải thuyết giảng cho giới trẻ và cần thuyết phục tất cả mọi công dân. Rõ ràng là ai bác bỏ các tín điều này đều đáng bị trừng phạt; hắn là kẻ gây rối trật tự và là kẻ thù của xã hội. Ai bỏ qua các tín điều ấy, và muốn chúng ta phục tùng những ý kiến riêng của họ là đi tới cùng một điểm ấy, chỉ khác là bằng một con đường ngược lại mà thôi; để thiết lập trật tự theo cách của hắn, hắn phá rối sự bằng yên; trong cái kiêu căng liều lĩnh của hắn, hắn tự coi mình là người thuyết giải Thần linh, hắn nhân danh thần linh mà đòi mọi người phải kính trọng và tôn sùng, hắn tự mình làm Đức Chúa thay vào chỗ của Người chừng nào hắn có thể: người ta sẽ phải trừng phạt hắn như một kẻ phạm thánh khi người ta không trừng phạt hắn như một kẻ hẹp hòi cố chấp.

Vậy xin hãy bỏ qua tất cả những tín điều huyền bí ấy vì đối với chúng ta chúng chỉ là những từ ngữ không mang một ý tưởng nào, hãy bỏ qua mọi thứ học thuyết kỳ cục nọ mà kẻ nào lao vào nghiên cứu nó cứ tưởng là vì đức hạnh mà hoá ra uổng công và hão huyền, và chẳng mấy chốc mà việc nghiên cứu này làm cho họ hoá rồ hơn là thành người tốt. Xin hãy gìn giữ con cái của quý vị trong cái vòng chật hẹp của những tín điều nào gắn bó chặt chẽ

với đạo đức. Xin hãy thuyết phục chúng bằng được cho chúng hiểu rằng chẳng có gì hữu ích cho chúng ta hơn là biết rõ điều gì dạy cho chúng ta hành động đúng. Xin đừng có làm cho các cô con gái của quý vị thành các nhà thần học và các bà hay lý sự; chỉ dạy cho các cô những chuyện trên trời khi câu chuyện ấy phục vụ cho đạo lý của con người; xin hãy làm cho các cô quen cảm nhận rằng mình luôn ở trong tầm nhìn của Chúa, có Chúa chứng giám cho hành động, cho tư tưởng, cho đức hạnh, cho các thú vui của các cô, để làm điều tốt mà không phô trương, bởi vì Người yêu điều thiện; để chịu đựng nỗi đau mà không than vãn, bởi vì Người sẽ đền bù cho các cô việc đó; rốt cuộc là các cô sống suốt đời mình sao cho các cô hoàn toàn thanh thản vì đã sống như thế vào lúc mà các cô trình diện trước mặt Người. Đó là tôn giáo chân chính, đó là tôn giáo độc nhất không dễ mà lạm dụng được, mà báng bổ được, mà cuồng tín được. Người ta cứ việc giảng chừng nào người ta muốn những tôn giáo cao thượng hơn; đối với tôi, tôi không chấp nhận tôn giáo nào khác với tôn giáo này.

Vả lại, nên chú ý rằng cho đến tận lứa tuổi mà lý trí bừng sáng, và tư tưởng hình thành làm cho lương tri tỏ rõ, thì cái gì là tốt hay xấu đối với những cô gái trẻ tuổi là những gì mà mọi người quanh các cô đã quyết định như thế! Điều mà người ta yêu cầu các cô là tốt, điều mà người ta ngăn cấm các cô là xấu, các cô chẳng được biết gì nhiều hơn: do đó, người ta thấy tầm quan trọng lớn, với các cô nhiều hơn với các cậu, của việc lựa chọn những người phải tiếp cận các cô và có uy tín đến mức nào đó với các cô. Rốt cuộc là đến lúc các cô bắt đầu tự mình xét đoán lấy các sự việc, và đó là lúc để thay đổi kế hoạch giáo dục các cô.

Có thể là đến đây, tôi đã nói quá nhiều về chuyện đó. Chúng ta sẽ chèn ép phụ nữ đến đâu, nếu chúng ta chỉ dùng những thành kiến của công chúng làm luật lệ cho họ? Xin đừng hạ thấp đàn bà là người đang cai quản chúng ta xuống tận điểm này, và họ sẽ tôn vinh chúng ta khi chúng ta không làm giảm giá trị của họ. Đối với toàn thể loài người có một quy tắc đến trước cả dư luận. Chính khuynh hướng cứng rắn của quy tắc này được áp dụng vào các quy tắc khác: quy tắc ấy phán xét ngay cả các tiền lệ: chỉ chừng nào sự quý trọng của mọi người phù hợp với quy tắc ấy thì sự quý trọng đó mới có quyền uy với chúng ta.

Quy tắc này là tình cảm nội tâm. Tôi sẽ không nhắc lại nữa điều đã nói ở phần trên về chuyện này; tôi chỉ cần lưu ý rằng nếu hai quy tắc này không giúp

vào việc giáo dục phụ nữ thì việc giáo dục đó sẽ luôn luôn khiếm khuyết. Tình cảm mà không có dư luận sẽ không tạo ra được cho phụ nữ sự tế nhị của tâm hồn, vốn tô điểm cho phẩm hạnh tốt bằng sự tán dương của mọi người; và dư luận mà không có tình cảm thì bao giờ cũng chỉ sẽ tạo nên được những người đàn bà dối trá và không chính trực, họ lấy sự biểu hiện bề ngoài thay thế cho đức hạnh.

Vậy nên cần phải trau dồi cho họ một năng lực dùng làm trọng tài cho hai nhân tố hướng dẫn hành vi ấy, năng lực này không làm lạc hướng lương tâm, và nó sửa lại những sai sót của tiền lệ. Năng lực này là lý trí. Nhưng về từ này có biết bao nhiêu câu hỏi được nêu lên! Các bà liệu có đủ sức để lập luận vững vàng không? Các bà liệu có cần phải trau dồi sự lập luận không? Các bà sẽ trau dồi nó có kết quả tốt không? Việc trau dồi ấy liệu có ích gì cho các chức năng mà các bà phải đảm nhiệm không? Liệu việc trau dồi này có tương thích với sự giản dị phù hợp với các bà không?

Các cách xem xét và giải đáp khác nhau cho các câu hỏi này đi vào những sự quá khích trái ngược nhau làm cho những người này thì giới hạn người vợ trong việc khâu vá và kéo sợi ở trong nhà với các cô hầu, và như thế là làm cô hầu hạng nhất cho ông chủ; những người khác thì không chỉ giữ vững các quyền của người vợ mà còn làm cho vợ lấn quyền của chúng ta; bởi vì để cho vợ hơn hẳn chúng ta trong những phẩm chất riêng thuộc giới của họ và làm cho vợ bình đẳng với chúng ta trong tất cả những gì còn lại, thế thì có khác gì là chuyển giao cho người vợ cái quyền tối cao mà tự nhiên ban cho người chồng?

Lý trí đưa người đàn ông đến sự hiểu biết các bổn phận của mình thật không quá phức tạp; nó đưa người đàn bà đến sự hiểu biết các bổn phận lại còn đơn giản hơn. Sự vâng lời và lòng trung thành với chồng mà cô phải có, sự trìu mến và chăm sóc đối với các con là những kết quả thật tự nhiên và thật nhạy bén của hoàn cảnh của cô, thành thử cô không thể, nếu không có tâm địa xấu, xử sự trái với tình cảm nội tâm vốn hướng dẫn cô, cũng không thể không biết đến bổn phận trong khuynh hướng còn chưa bị hư hỏng.

Tôi không trách cứ mà không có sự phân biệt việc một người đàn bà bị bó hẹp chỉ vào độc có những công việc của giới mình, và việc người ta bỏ mặc cô ta đắm chìm trong sự ngu tối về tất cả những gì còn lại; nhưng muốn thế thì sẽ cần phải có những tập quán chung rất giản dị, rất lành

mạnh hoặc là một lối sống rất ẩn dật. Trong các thành phố lớn và giữa những người đàn ông hư hỏng, người đàn bà này sẽ rất dễ bị quyến rũ; thường thì chỉ là ngẫu nhiên mà họ giữ được đức hạnh mà thôi. Trong cái thế kỷ của triết lý này, người đàn bà cần có dịp thử thách; cô ta phải biết trước cả điều mà người ta có thể nói với cô lẫn điều mà cô phải suy nghĩ về chuyện này.

Ngoài ra, vì phải thuần phục trước những phán xét của những người đàn ông, cô phải xứng đáng với sự quý trọng của họ; nhất là cô phải có được sự quý trọng của chồng mình; cô không được làm cho anh ta yêu riêng có con người cô, mà phải làm cho anh ta tán thành hạnh kiểm của cô; cô phải chứng tỏ được trước công chúng rằng anh ta đã lựa chọn đúng và làm cho người chồng được vinh dự vì vinh dự mà người ta đem lại cho người vợ. Thế thì cô làm thế nào được tất cả những chuyện ấy, nếu cô không biết các thể chế của chúng ta, nếu cô không biết gì về các tập quán của chúng ta, về những lề thói xã giao của chúng ta, nếu cô không biết cả nguồn gốc của những phán đoán của con người cũng như những đam mê đã định hình ra chúng? Khi cô vừa phụ thuộc vào lương tâm của mình vừa vào các ý kiến của những người khác, cần phải để các cô học cách so sánh hai quy tắc ấy, học cách kết hợp chúng với nhau, và chỉ chú trọng hơn đến quy tắc thứ nhất khi các quy tắc ấy chống đối nhau. Cô trở thành người phán xét những người phán xét cô, quyết định khi nào cô phải chịu khuất phục và khi nào thì cô phải tuyên bố không thừa nhận phán xét ấy. Trước khi vứt bỏ hoặc chấp nhận những thiên kiến của họ, cô phải cân nhắc chúng; cô học cách truy ngược đến tận ngọn nguồn của chúng, đề phòng chúng, khiến chúng thành thuận lợi cho mình; cố thận trọng để không bao giờ chuốc lấy sự trách cứ khi bổn phận của cô giúp cho cô tránh được nó. Chẳng có một điều gì trong tất cả các chuyện này lại có thể làm tốt được nếu không trau dồi tâm hồn và lý trí của cô.

Tôi luôn luôn trở về với sự khởi phát, và nó cung cấp cho tôi cách giải quyết mọi khó khăn của. Tôi nghiên cứu cái đang tồn tại, tôi tìm tòi nguyên nhân gây ra điều đó, và cuối cùng tôi thấy rằng cái gì đang tồn tại được đều tốt. Tôi bước vào trong những ngôi nhà ân cần cởi mở mà ông chủ và bà chủ cùng tiếp đãi khách khứa. Cả hai đều được giáo dục như nhau, cả hai đều lịch sự ngang nhau, cả hai cùng có tâm hồn và thị hiếu như nhau, cả hai đều vồn vã bởi cùng một ham muốn được tiếp đãi chu đáo bạn bè của mình, và

để lúc tiễn khách thì ai cũng hài lòng về vợ chồng họ. Người chồng không hề bỏ sót một lo toan ân cần nào để chú ý đến mọi điều: ông đi đi lại lại, đi vòng quanh, tự nguyện nhận vô số vất vả; ông muốn hết sức quan tâm chú ý. Người vợ ngồi yên một chỗ, mọi người tụ tập quanh bà thành một nhóm nhỏ, và gần như đám tụ hội này che khuất phần còn lại của cử toạ với bà; ấy thế mà không có gì xảy ra mà bà không nhận thấy, không có ai ra khỏi đó mà không từng được bà tiếp chuyện, bà không bỏ sót một điều gì có thể khiến mọi người quan tâm hứng thú; bà không hề nói với ai một điều mà người ấy không ưa; và không hề đảo lộn trật tự, người thấp kém nhất trong bọn cũng không bị lãng quên như người cao sang nhất. Bữa ăn đã được bày ra, người ta ngồi vào bàn. Ông chồng biết rõ những người hợp nhau, xếp họ ngồi theo như ông biết; người vợ tuy chẳng biết gì, nhưng cũng sẽ không lầm đâu; bà ta đã đọc được qua các con mắt, qua tư thái, mọi sự phù hợp với nhau và ai cũng thấy mình được xếp vào chỗ như ý mình muốn. Tôi không nói gì về việc phục vụ bàn, không có ai bị bỏ quên. Ông chủ nhà đi quanh bàn ăn đã có thể thấy không quên ai; nhưng bà vợ đoán ra món mà người ta nhìn với sự thích thú và tiếp món ấy cho bạn; trong khi nói chuyện với người ngồi bên cạnh thì bà để mắt đến tận cuối bàn; bà nhận ra ai không ăn gì vì họ chưa đói, và ai là người ngại không dám lấy thức ăn hay yêu cầu phục vụ vì họ vụng về hay nhút nhát. Khi ra khỏi bàn ăn, ai cũng tin rằng bà chủ nhà chỉ nghĩ đến riêng mình; mọi người cứ nghĩ rằng bà ta chẳng có thì giờ để mà ăn lấy một miếng thôi; nhưng sự thực là bà ta ăn nhiều hơn bất cứ ai.

Khi mọi người đã ra về, người ta nói về sự việc đã xảy ra. Ông chồng nhắc lại điều người ta đã nói với ông, điều mà người ta nói và làm khi ông ta tiếp họ. Nếu người vợ không luôn chính xác hơn trong việc đó, thì trái lại bà ta còn trông thấy những gì được nói rất khẽ ở đầu phòng đàng kia, bà biết người này đã nghĩ gì, câu nói như thế và cử chỉ như thế dính líu đến chuyện gì; một động tác biểu cảm chỉ vừa phác ra là bà đã có cách thuyết giải sẵn sàng, và hầu như bao giờ cũng phù hợp với sự thực.

Cùng một thần thái ấy làm cho một người đàn bà của giới thượng lưu xuất sắc trong nghệ thuật coi sóc việc nhà, làm cho một bà xuất sắc trong nghệ thuật làm đỏm phỉnh phờ biết bao nhiêu là gã si tình. Thủ pháp của thói làm đỏm đòi hỏi một sự suy xét còn tinh tế hơn của phép lịch sự: bởi vì, miễn rằng một người đàn bà lịch sự nhã nhặn cư xử như thế với tất cả mọi

người, thì bà ta đã luôn luôn cư xử đủ tốt; còn người đàn bà làm đỏm thì mau chóng mất đi quyền thống trị của mình do cái đơn điệu vụng về ấy; do cứ muốn làm ơn cho tất cả các nhân tình của mình, bà ta sẽ làm cho tất cả bọn họ chán ghét. Trong xã hội, cái cung cách mà người ta đem xử sự với tất cả mọi người chẳng khỏi khiến ai cũng thích hết; miễn là họ được đối xử tốt, họ sẽ không xét nét quá đến các sự ưu ái; còn trong tình yêu thì một sự sủng ái mà không phải là độc hữu lại là một sự lăng nhục. Một người đàn ông nhạy cảm sẽ thích gấp trăm lần thà riêng một mình bị ngược đãi còn hơn là được vuốt ve mơn trớn chung với tất cả những người đàn ông khác, và điều tệ hại có thể đến với anh ta là không hề được phân biệt. Vậy một người đàn bà muốn duy trì nhiều nhân tình phải thuyết phục mỗi người trong bọn họ rằng cô yêu anh hơn và phải thuyết phục anh ta về điều đó ngay trước mắt tất cả các nhân tình khác mà cô cũng đã từng thuyết phục họ như thế trước mắt anh ta.

Quý vị có muốn thấy một nhân vật bị bối rối thì hãy đem đặt một ông giữa hai bà mà ông ta đã từng có những quan hệ bí mật với cả hai, rồi xin hãy quan sát xem ông ta sẽ có bộ mặt thộn đến thế nào. Cũng trong trường hợp y như thế xin hãy đặt một bà giữa hai ông, và chắc chắn là tấm gương này sẽ chẳng phải là hiếm hơn đâu; quý vị sẽ phải thán phục đến kinh ngạc về sự khéo léo mà bà ta đem ra lừa cả hai người và làm cho người nọ sẽ chê cười người kia. Thế thì nếu người đàn bà ấy mà chứng tỏ với họ cùng một lòng tin và quan hệ với họ bằng cùng một mối thân tình thì làm thế nào mà họ lại bị cô ta lừa đảo trong chốc lát? Trong khi đối xử với họ như nhau thì cô ta chẳng tỏ cho họ thấy rằng họ có quyền như nhau với cô đấy ư? Ồ! Cô ta xử sự còn hơn thế nhiều! Không những là không đối xử với họ theo cùng một cung cách, mà cô cố tình đặt giữa họ một sự bất bình đẳng; cô ta làm khéo đến nỗi anh chàng được cô phỉnh phờ tin rằng đó là sự âu yếm, còn anh chàng bị cô ngược đãi tin rằng đó là do hờn dỗi. Thế là mỗi anh đều bằng lòng với phận mình, coi như cô vẫn luôn luôn quan tâm đến mình, trong khi cô ta chỉ quan tâm đến có mỗi một mình cô ta thôi.

Trong cái khát vọng phổ biến là được yêu thích, thói làm đỏm gợi ra những cách tương tự nhau: những ý thích thất thường sẽ chỉ làm cho người ta chán ngán, nếu chúng không được gìn giữ cho khéo, và chính là bằng cách phân phát những điều thất thường ấy một cách có nghệ thuật mà cô ta tạo ra được những xiềng xích vững chắc nhất cho các nô lệ của mình.

Usa og'n arte la donna, onde sia colte

Nella sua rete alain novello amante;

Né con tutti, né sempre volto

Serba; ma cangia a tempo atto e sembiante[279].

Toàn bộ nghệ thuật này gắn bó với cái gì nếu không phải là những quan sát tinh tế và liên tục làm cho cô thấy được ở mỗi lúc điều gì đang diễn ra trong lòng người đàn ông, và khiến cô rắp tâm đưa vào từng động thái thầm kín mà cô nhận ra cái sức mạnh cần thiết để chặn lại hoặc đẩy nhanh động thái thầm kín ấy? Thế thì cái nghệ thuật này có học được chăng? Không; nghệ thuật này đàn bà bẩm sinh đã có; mọi người đàn bà đều có, và chẳng bao giờ đàn ông có được nó ở ngang tầm với đàn bà. Đó là một trong những tính cách biệt hoá của giới. Sự nhanh trí, sự sáng suốt, những quan sát tinh tế đều là khoa học riêng của đàn bà; sự khéo léo để nhờ điều đó mà vượt trội là tài năng của họ.

Vậy nghệ thuật ấy là cái gì, và ta đã thấy vì sao nó phải như thế. Người ta bảo chúng ta rằng những người đàn bà đều là giả dối. Họ tiến triển thành như thế. Thiên phú riêng của họ là sự khéo léo chứ không phải là tính giả dối: trong những khuynh hướng thực của giới mình, ngay cả trong khi nói dối, họ cũng không hề giả dối. Tại sao quý vị lại xét nét cái miệng họ, trong khi chẳng phải là nó phải nói? Xin hãy kiểm tra cặp mắt họ, sắc da họ, nhịp thở của họ, thái độ e lệ của họ, sự chống đỡ yếu ớt của họ: đấy mới là cái ngôn ngữ mà tự nhiên ban cho họ để giải đáp cho quý vị. Cái miệng thì luôn nói không, và phải nói thế; nhưng ngữ điệu gắn liền với lời nói ấy không phải bao giờ cũng như nhau, và cái ngữ điệu ấy thì không hề biết nói dối. Người đàn bà phải chăng là không có cùng những nhu cầu giống như của đàn ông, song không có quyền như đàn ông để mà biểu lộ ra? Số phận của họ thật là bạc bẽo, nếu như, ngay cả trong những ham muốn chính đáng, cô ta không có được một ngôn ngữ tương đương với ngôn ngữ mà cô ta không dám sử dụng. Có phải sự bẽn lẽn của cô khiến cô phải khổ sở không? Phải chăng cô không cần đến một nghệ thuật để truyền đạt các khuynh hướng của mình mà không làm lộ chúng ra? Phải chăng cô

---

[279] * Tiếng Latin: Người đàn bà dùng mọi mánh khoé để tóm thêm vào lưới anh nhân tình mới nào đó; không phải với mọi người cũng không phải luôn luôn cô giữ nguyên vẹn vẻ mặt, mà cô thay đổi, thái độ và dáng vẻ tuỳ lúc.

không cần đến một sự khéo léo như thế nào đó để làm cho người ta lấy trộm của cô cái mà cô nóng lòng muốn ưng thuận! Cô cần biết mấy việc học cách làm xúc động trái tim đàn ông mà không lộ vẻ nghĩ đến anh ta! Quả táo của Galateé[280] và sự chạy trốn vụng về của nàng chẳng phải là những lời nói ý nhị biết mấy ư! Nàng còn phải thêm gì vào những điều ấy nữa? Liệu nàng có nói với chàng chăn cừu đang đi theo nàng giữa những cây liễu rằng nàng chỉ chạy trốn là để cố tình thu hút anh ta không? Có thể nói rằng nàng sẽ nói dối; bởi vì lúc ấy nàng sẽ không còn quyến rũ anh ta nữa. Một người đàn bà càng thận trọng thì lại càng phải có nghệ thuật, ngay cả với chồng mình. Vâng, tôi tán thành rằng khi giữ được thói làm đỏm trong giới hạn của nó, ta biến nó thành khiêm nhường và thực lòng, ta làm cho nó thành luật của phép lịch sự.

Một trong các đối thủ của tôi đã nói rất đúng rằng đức hạnh là một thể đơn nhất; ta không thể chia tách nó ra được để chấp nhận một phần còn thì vứt bỏ phần kia đi. Khi ta yêu mến nó, ta quý mến nó trong toàn bộ tổng thể của nó; và ta không yêu mến khi ta có thể, và bao giờ ta cũng không nói ra những cảm nhận mà ta không nên có. Chân lý đạo đức không phải là cái đang tồn tại mà là cái tốt; cái gì xấu không thể được coi là có đạo đức, và không nên được bộc lộ ra, nhất là khi sự bộc lộ này cho một hậu quả mà nếu không bộc lộ thì làm gì có hậu quả ấy. Nếu tôi đã từng muốn ăn cắp, và bằng cách nói lên điều ấy tôi cám dỗ một người khác làm kẻ đồng loã với mình, thì nói rõ ý đồ của tôi chẳng phải là thất bại và không cưỡng nổi sự cám dỗ ấy sao? Tại sao quý vị lại nói rằng sự e lệ của người đàn bà biến cô ta thành ra giả dối? Những người đàn bà ít bẽn lẽn e lệ nhất liệu có thật thà hơn những người đàn bà khác chăng? Còn xơi mới được như thế, họ còn giả dối hơn đến hàng ngàn lần. Người ta chỉ đi đến mức hư hỏng này do các thói hư tật xấu, mà người ta không sao rời bỏ, và chúng chỉ ngự trị được, nhờ những mánh lới và sự dối trá[281]. Trái lại, những người

---

[280] Nữ thần sông núi được khổng lồ một mắt Polyphème yêu nhưng nàng lại yêu chàng chăn cừu Acis.

[281] Tôi biết rằng những người đàn bà ở một điểm nào đó công khai đứng về một phía, rõ ràng cố ý tự để cao sự thẳng thắn ấy, và thề rằng ngoài việc này ra thì chẳng còn gì đáng quý mà người ta thấy được ở các cô, nhưng tôi cũng biết rõ rằng họ chỉ thuyết phục được điều đó cho những thằng ngốc. Cái phanh lớn nhất của nữ giới đã bị gỡ bỏ thì còn gì để kiềm chế họ được? Và có danh dự nào

đàn bà nào còn biết xấu hổ, không hề tự hào về lầm lỗi của mình, biết che giấu ham muốn của mình ngay với cả những người khêu gợi lên ham muốn ấy, những người đàn bà mà thú nhận các ham muốn của mình khó khăn nhất, kể ra thì họ là những người thật thà nhất, chân thành nhất, kiên định nhất trong mọi hứa hẹn của họ và nói chung là những người đàn bà có thể đáng tin cậy nhất.

Tôi chỉ biết có mỗi một mình cô de l'Enclos là ta có thể coi như một ngoại lệ rõ ràng cho các nhận xét này. Cho nên cô de l'Enclos đã được coi là một người phi phàm. Người ta bảo rằng cô xem thường các đức hạnh của nữ giới và gìn giữ những đức tính của chúng ta: họ ca ngợi tính thật thà của cô, tính cương trực của cô, sự vững vàng trong giao lưu của cô, sự trung thành trong tình bạn; cuối cùng để hoàn tất bức tranh về danh tiếng của cô, người ta nói rằng cô đã được biến thành đàn ông. Tốt thôi. Nhưng với tất cả những danh tiếng tốt của cô, tôi sẽ không muốn người đàn ông này làm bạn trai của mình hơn là làm người tình của mình.

Dường như tất cả chuyện này không quá lạc đề. Tôi thấy các châm ngôn của triết học hiện đại hướng về đâu khi cười nhạo tính e lệ của nữ giới và sự giả dối mạo nhận của họ; và tôi thấy ảnh hưởng chắc chắn nhất của thứ triết học này sẽ là tước bỏ chút gì là danh dự còn lại của đàn bà ở thế kỷ chúng ta.

Dựa trên những khảo sát này, tôi tin rằng ta có thể xác định được trên đại thể loại văn hoá nào phù hợp với đầu óc đàn bà và ta phải hướng sự suy nghĩ của họ vào những mục tiêu nào ngay từ thời còn trẻ.

Tôi đã nói điều này rồi, những bổn phận của nữ giới thì dễ dàng nhận ra hơn là thực hiện. Việc đầu tiên mà các cô phải học là biết yêu thích các bổn phận ấy do xem xét đến những lợi ích của chúng; đó là cách duy nhất để làm cho các bổn phận trở nên dễ dàng cho các cô. Mỗi thể trạng và mỗi độ tuổi đều có bổn phận của mình. Người ta sớm biết các bổn phận của mình miễn là người ta yêu thích chúng. Xin hãy tôn vinh địa vị phụ nữ của bạn và dù Trời

---

mà họ còn phải coi trọng nữa sau khi đã từ bỏ cái danh dự được coi là riêng của họ? Một khi đã buông thả cho những đam mê của mình, họ chẳng còn thiết gì đến việc kìm hãm chúng: "Nec femina, amissa pudicitia, alia abnuerit: Khi người đàn bà chẳng còn e lệ nữa, thì cô ta chẳng từ chối bất cứ cái gì." (Tacite). Liệu có bao giờ có tác giả nào hiểu lòng người thuộc cả hai giới hơn người đã nói ra câu đó?

đặt bạn vào đẳng cấp nào, bạn sẽ luôn luôn là một người phụ nữ thiện tâm. Điều cốt lõi là phải là người như tự nhiên đã tạo ra chúng ta; người ta thường chỉ luôn luôn là cái mà mọi người muốn mình như thế.

Sự tìm tòi những chân lý trừu tượng và tư biện, những nguyên tắc, những tiên đề trong các khoa học, tất cả các thứ có khuynh hướng khái quát hoá các ý tưởng đều không thuộc phạm vi của đàn bà, việc học tập phải hoàn toàn liên hệ với thực hành; chính các cô phải áp dụng các nguyên tắc mà những người đàn ông đã tìm ra, và chính các cô phải đưa ra các nhận xét để dẫn người đàn ông đến chỗ thiết lập được các nguyên tắc. Mọi suy tưởng của những người đàn bà về điều gì mà không dính líu trực tiếp đến các bổn phận của họ, đều phải hướng vào việc nghiên cứu những con người hoặc vào những kiến thức giải trí chỉ lấy thị hiếu thẩm mỹ làm đối tượng; bởi vì, về những công trình của tài năng thì chúng vượt quá tầm của họ, họ không có đủ sự chính xác và sức chú ý để thành đạt trong các khoa học chính xác, và, về những kiến thức vật lý, đó là dành cho một giới nào trong hai giới năng động nhất, hoạt bát nhất, nhìn đối tượng rõ nhất; đó là dành cho giới nào mạnh nhất và tiến hành việc đó nhiều hơn, để xét đoán các mối quan hệ giữa các sinh thể có cảm giác và các quy luật của tự nhiên. Người đàn bà vốn yếu đuối và không nhìn nhận được gì ở bên ngoài, ưa thích và xem xét các động cơ mà cô có thể thúc đẩy chúng hoạt động để bổ sung cho sự yếu đuối của mình, và những động cơ ấy là các đam mê của người đàn ông. Cái cơ chế của cô mạnh hơn của chúng ta, tất cả các đòn bẩy của bộ máy ấy đều làm rung chuyển trái tim con người. Mọi việc mà nữ giới không tự mình làm lấy được mà đối với cô nó lại cần thiết hoặc dễ chịu thì các cô phải cần có cái nghệ thuật khiến chúng ta phải muốn làm điều đó; vậy nên các cô phải nghiên cứu tâm hồn đàn ông thật sâu sắc, không phải bằng cách trừu tượng hoá tâm hồn người đàn ông nói chung, mà là tâm hồn những người đàn ông quanh cô, tâm hồn những người đàn ông mà cô bị ràng buộc, hoặc do luật lệ, hoặc do dư luận. Cô cần phải học được cách thấu hiểu tình cảm của họ qua lời nói, qua hành động, qua những cái nhìn, những cử chỉ. Phải làm sao cho bằng các lời nói, hành động, cử chỉ, ánh mắt của mình, cô biết trao cho họ những tình cảm làm cho họ yêu thích mà cứ làm y như là cô chẳng nghĩ gì đến việc đó. Họ sẽ triết lý hay hơn cô về trái tim con người; nhưng cô thì lại sẽ đọc được rõ hơn họ về những gì chứa đựng trong trái tim con người. Chính đàn bà có nhiệm vụ tìm thấy cái có thể nói là đạo đức thực nghiệm, còn chúng ta có nhiệm vụ quy kết nó lại thành hệ thống. Đàn bà giàu tâm hồn hơn, còn đàn

ông giàu tài năng hơn, đàn bà quan sát, đàn ông suy luận: sự phối hợp này đem lại sự hiểu biết sáng tỏ nhất và khoa học hoàn thiện nhất mà trí tuệ con người có thể đạt được về chính nó, cái kiến thức chắc chắn nhất, nói tóm lại, về bản thân và về những người khác, vừa tầm với giống loài chúng ta. Và nghệ thuật có thể không ngừng vươn tới việc hoàn thiện cái công cụ mà tự nhiên đã ban cho là như thế đó.

Giới giao tế là cuốn sách của đàn bà: khi các cô đọc sai đó là lỗi của các cô; hoặc một vài đam mê nào đó làm cho các cô mù quáng. Tuy nhiên, người mẹ chân chính của gia đình, thay vì làm người đàn bà trong giới giao tiếp, lại ẩn cư trong nhà mình chẳng kém gì người nữ tu trong tu viện. Vậy thì phải thực hiện với các cô thiếu nữ đến tuần cập kê như người ta thường thực hiện hay nên thực hiện với các cô được gửi vào trường nội trú tại tu viện: cho các cô biết các thú vui mà các cô rời xa trước khi để các cô từ bỏ hẳn chúng, vì e rằng hình ảnh sai lạc về các thú vui này mà các cô vẫn chưa được biết đến có ngày lại ập tới làm lạc hướng trái tim các cô và quấy đảo hạnh phúc của cuộc sống ẩn cư. Ở Pháp, các cô thiếu nữ sống trong các trường nội trú của tu viện và các bà dạo chơi khắp chốn. Thời cổ xưa thì hoàn toàn ngược lại: như tôi đã nói về điều này, các cô thiếu nữ có rất nhiều trò chơi và lễ hội công cộng; các bà thì ẩn dật. Tập quán này là hợp lý hơn và giữ gìn được phong tục tốt hơn. Một thứ làm dáng nào đó là được phép, đối với gái đợi gả chồng; vui chơi là chuyện lớn của các cô. Các bà có nhiều bận rộn lo toan khác ở nhà, và không còn phải kiếm chồng nữa; nhưng các bà sẽ chẳng thấy mình được hưởng lợi từ sự thay đổi này, và rủi thay chính họ lại làm mẫu mực. Hỡi các bà mẹ, ít ra các bà hãy khiến cho con gái của mình thành các cô bạn của mình. Xin hãy trao cho họ một tấm lòng ngay thẳng và một tâm hồn đức hạnh, và rồi cũng đừng có giấu giếm gì họ về điều mà một con mắt trinh thục có thể nhìn thấy. Vũ hội, tiệc tùng, các trò cờ bạc, ngay cả sân khấu nữa, mọi thứ khó coi, tạo ra sự thích thú cho một tuổi trẻ dại khờ, lại có thể được đưa ra cho các cặp mắt lành mạnh mà không có gì nguy hiểm. Các cô càng xem những thú vui ồn ào này rõ bao nhiêu, thì lại càng sớm chán ngán chúng bấy nhiêu.

Tôi nghe thấy tiếng la ó phản đối tôi đang nổi lên. Cô gái nào mà trụ lại được trước tấm gương nguy hiểm ấy? Các cô vừa mới thấy giới xã giao là tất cả các cô đã choáng ngợp; chẳng có cô nào muốn rời xa nó. Điều đó có thể xảy ra: nhưng trước khi cho các cô thấy các bức tranh lừa phỉnh này thì quý

vị đã chuẩn bị tốt cho các cô nhìn thấy nó mà không xúc động chưa? Quý vị đã nói rõ cho các cô về các đối tượng mà bức tranh đó thể hiện ra chưa? Quý vị đã vũ trang đầy đủ cho các cô chống lại những ảo tưởng của thói kiêu ngạo chưa? Quý vị đã làm cho trái tim non trẻ của các cô tập nhiễm được cái hứng thú của các thú vui đúng đắn mà ta không tìm thấy được trong cái đám hỗn độn này chưa? Quý vị đã thận trọng như thế nào, đã dùng các biện pháp nào để phòng ngừa cho các cô gái hứng thú giả dối làm cho các cô lạc hướng? Quý vị không hề để cho đầu óc các cô chống lại sức chi phối của các thành kiến của công chúng mà lại còn nuôi dưỡng các thành kiến ấy; quý vị đã làm cho các cô yêu thích trước những cuộc vui chơi phù phiếm mà các cô thấy. Quý vị lại còn làm cho các cô yêu thích các thú vui ấy hơn nữa khi các cô lao vào đó. Khi các thiếu nữ trẻ bước vào đời chẳng có bà gia sư nào hướng dẫn ngoài các bà mẹ của họ, nhiều khi lại còn dại khờ hơn họ, và các bà không thể chỉ ra được sự vật cho họ một cách khác với cách mà mình trông thấy. Tấm gương của các bà còn mạnh hơn cả lẽ phải đã biện minh cho các đối tượng ấy trước mắt các cô, và uy tín của người mẹ là một cái cớ không bác bỏ được đối với các cô. Khi tôi muốn để cho một người mẹ đưa con gái vào đời chính là mong đợi bà sẽ làm cho con gái mình nhìn rõ cuộc đời đúng như nó là như thế.

Cái hại còn khởi phát từ sớm hơn nữa kia. Các trường nội trú ở tu viện là những trường học thực thụ dạy thói làm đỏm, không phải cái kiểu làm dáng đúng mực mà tôi đã từng nói đến, mà là dạy một thói làm đỏm sinh ra mọi thói hư tật xấu của đàn bà và tạo ra những cô tiểu thư lố lăng nhất. Ra khỏi trường để đột ngột bước vào những cuộc tụ hội ồn ào, những người đàn bà trẻ ngay lập tức nhận ra đây đúng là chỗ của mình. Các cô đã được giáo dục để sống ở đó; việc gì mà phải lấy làm lạ rằng sao họ lại thấy ở đây dễ chịu thế? Tôi sẽ không hề đề xuất điều tôi sắp nói đến mà không ngại rằng mình coi một thành kiến là một điều chiêm nghiệm; nhưng tôi cho rằng nói chung ở các vùng theo đạo Tin lành thì gia đình có tình quyến luyến nhiều hơn, nhiều bà vợ có phẩm cách hơn, và có nhiều bà mẹ hiền thục hơn ở các xứ theo Thiên chúa giáo; và, nếu điều đó là có thực, thì ta không thể nghi ngờ gì về sự khác biệt ấy lại không phải có phần do sự giáo dục của các trường nội trú Thiên chúa giáo gây ra.

Muốn yêu cuộc sống yên bình và trong gia đình thì phải biết cuộc sống ấy; phải từng cảm nhận được ở đó những dịu ngọt ngay từ thời thơ ấu. Chỉ trong

ngôi nhà của cha mình mà người ta bắt đầu thích ngôi nhà của chính mình, và tất cả những người đàn bà mà bà mẹ của họ buông lỏng không hề dạy dỗ thì sẽ chẳng thích gì dạy dỗ con cái mình. Rủi thay không còn có giáo dục tư thục ở các thành phố lớn. Xã hội ở đó thì quá chung đụng và trà trộn vào nhau, đến nỗi chẳng còn nơi nào để trú chân khi muốn rút về, và đến nỗi người ta về đến nhà rồi mà vẫn thấy như ở nơi công cộng. Cứ sống mãi với tất cả mọi người, thì ta không còn có gia đình nữa; ta khó mà nhận ra cha mẹ mình: ta xem họ như người ngoài; và sự giản dị của tập quán trong gia đình tàn lụi cùng với tình thân dịu ngọt giữa người nhà vốn từng đã tạo ra niềm vui thú. Chính vì như thế mà ta uống cùng với sữa cả cái thú của những khoái lạc của thế kỷ và những châm ngôn mà ta thấy ngự trị ở đó.

Người ta để cho các cô thiếu nữ đối mặt với một sự ngượng ngùng bề ngoài để tìm ra những kẻ dễ bị lừa lấy các cô làm vợ vì tư thái của các cô. Nhưng xin hãy nghiên cứu các cô gái trẻ này một lát; các cô che đậy thật vụng về nỗi thèm muốn đang giày vò mình dưới thái độ bị ép buộc, và ta đã đọc được trong mắt cô cái ham muốn khát khao bắt chước các bà mẹ của mình. Cái mà các cô thèm muốn không phải là một người chồng mà là thế tự do của hôn nhân. Người ta cần gì một ông chồng, với bao nhiêu là phương kế để mà qua mặt ông ta? Nhưng người ta cần một ông chồng để che đậy các phương kế ấy[282]. Sự thuỳ mị nết na hiện ra trên mặt các cô, và sự dâm đãng nằm ở đáy lòng các cô: sự thuỳ mị giả ấy tự nó là một dấu hiệu cho sự phóng đãng, các cô chỉ giả vờ thuỳ mị để có thể vứt bỏ nó đi càng sớm càng tốt. Các bà ở Paris và ở London, xin các bà hãy thứ lỗi cho tôi trong việc này, tôi van các bà đấy. Không nơi nào là không có những điều thần kỳ; nhưng với tôi thì tôi chẳng biết điều thần kỳ nào hết; và nếu chỉ riêng một bà trong số các bà thôi có được một tâm hồn đức hạnh thực sự thì tôi không hiểu gì hết về công chuyện của các bà.

Mọi thứ giáo dục khác nhau ấy đều cùng đem dâng hiến các cô gái trẻ cho sự ham thích các khoái lạc của giới giao tế, và cho những đam mê sớm nảy ra từ sự ham thích đó. Trong các thành phố lớn thì sự đồi bại khởi phát cùng với cuộc sống, và trong các tỉnh lẻ nó lại khởi phát cùng với lý lẽ. Các cô gái trẻ ở

---

[282] Đường đi của người đàn ông thời trẻ tuổi là một trong bốn sự việc mà nhà hiền triết không sao hiểu nổi, còn sự việc thứ năm là cái trơ trẽn của người đàn bà ngoại tình. *Quae comedit, et tergens os suum dicit: Non sum operata malum Proverbes* xxx, 20. [Ăn vụng lại khéo chùi mép - ND].

tỉnh lẻ, được dạy dỗ để khinh thường sự giản dị tốt lành ở các phong tục của mình, hấp tấp kéo về Paris để chia sẻ sự hư hỏng của các cô gái trẻ của chúng ta; những thói xấu, được trang trí bằng mỹ từ tài năng, là mục tiêu độc nhất trong chuyến đi của các cô; và, hổ thẹn khi đến nơi vì nhận ra mình ở quá xa sự phóng túng quý phái của phụ nữ địa phương, các cô vội vã sao cho xứng đáng ngang tầm với phụ nữ thủ đô. Theo ý quý vị thì cái xấu bắt đầu từ chỗ nào? Ở những nơi mà người ta trù định nó hay là ở những nơi mà người ta thực hiện nó?

Tôi không muốn rằng một bà mẹ biết điều lại dẫn con gái mình từ tỉnh lẻ lên Paris để cho cô ta xem những bức tranh quá độc hại cho những người khác; nhưng tôi nói rằng khi việc đó xảy ra thì hoặc cô gái này không có giáo dục, hoặc các khung cảnh này sẽ không nguy hiểm gì mấy với cô. Bằng thị hiếu tốt, bằng giác quan và lòng yêu mến các sự việc có đức hạnh, người ta không thấy các khung cảnh ấy là hết sức hấp dẫn như chúng là vậy đối với những người để cho chúng mê hoặc. Người ta nhận thấy ở Paris các cô thiếu nữ dại khờ vừa đến vội làm ra bộ gái thủ đô, và ăn diện đúng một sáu tháng liền để rồi tự mình làm cho mình bị chế giễu suốt phần đời còn lại; nhưng có ai là người nhận xét thấy có những cô, chán ghét mọi thứ ầm ĩ ấy, quay về tỉnh lẻ của mình, bằng lòng với số phận mình sau khi đã so sánh với cái số phận mà những cô gái khác mơ ước? Tôi đã thấy bao nhiêu là thiếu phụ trẻ được các ông chồng dẫn lên thủ đô, các ông chồng chiều chuộng và tuỳ ý định đoạt việc định cư ở đó, mà chính các bà làm cho các ông chuyển ý và nói rất xúc động lúc sắp bỏ ra đi: A! Chúng ta trở về với ngôi nhà tranh của chúng ta, ta sống ở đó hạnh phúc hơn ở các lâu đài tại đây! Người ta không rõ còn biết bao nhiêu là người lương thiện không hề khuỵ gối trước thần tượng và coi khinh sự sùng bái điên khùng thần tượng ấy. Chỉ có những con điên mới làm ầm ĩ còn những người đàn bà khôn ngoan không gây ấn tượng bao giờ.

Nếu như, mặc dầu sự hư hỏng tràn lan, mặc dầu những thành kiến là phổ biến, mặc dầu các cô gái được giáo dục không tốt, nhiều người vẫn giữ được óc phán đoán qua thử thách, sẽ ra sao khi óc phán đoán này được nuôi dưỡng bằng những giáo dục thích hợp hay nói rõ hơn là khi nó chưa bị biến chất bởi những giáo dục đồi bại? Bởi vì bao giờ thì mọi thứ đều là để bảo tồn hoặc phục hồi những tình cảm tự nhiên. Không phải vì thế mà quý vị gây khó chịu cho các cô gái bằng các bài thuyết giáo quá dài dòng, mà cũng không tuôn ra cho các cô những bài học đạo đức khô khan của quý vị. Những bài

học đạo đức đối với cả hai giới đều là cái chết của mọi việc giáo dục đúng đắn. Những bài học buồn chán chỉ dễ gây căm ghét cả những người soạn ra và cả những người nói về chúng. Khi nói với các cô gái trẻ, không nên làm cho họ sợ những bổn phận của họ, cũng không nên làm nặng thêm cái ách mà tự nhiên đã áp đặt cho họ. Khi trình bày các bổn phận này, xin hãy nói cụ thể chính xác và dễ dàng; đừng để các cô cho rằng người ta sẽ buồn phiền khi thực hiện các nghĩa vụ đó; không có thái độ phật lòng, cũng không kiêu căng. Mọi điều phải chuyển vào trái tim thì phải từ đó mà ra, bài thuyết giảng đạo đức cho các cô phải ngắn, phải sáng tỏ như bài giảng đạo, nhưng không được trang nghiêm như thế. Trong cũng những bổn phận ấy xin hãy chỉ ra cho các cô nguồn gốc của niềm vui và cái nền tảng quyền của các cô. Yêu để được yêu, làm cho mình trở nên dễ thương để được sung sướng, làm cho mình được đánh giá cao để được nghe lời, tự hào để được tôn trọng thì có gì là quá khó khăn? Các quyền này mới đẹp đẽ làm sao! Mới đáng tôn trọng làm sao! Chúng thật đáng quý làm sao đối với trái tim đàn ông khi người đàn bà biết làm cho chúng có giá trị! Chẳng phải đợi chờ năm tháng hay về già rồi mới hưởng thụ điều đó. Thế lực của người đàn bà khởi phát cùng đức hạnh của cô; những nét hấp dẫn của cô vừa mới phát triển thì cô đã ngự trị bằng tính cách dịu dàng của mình và làm cho sự khiêm nhường của cô thành ra đáng trọng nể. Có người đàn ông vô cảm và hoang dã nào mà không dịu bớt tính kiêu ngạo của mình và không có những cung cách quan tâm chú ý hơn khi ở cạnh một thiếu nữ mười sáu tuổi, đáng yêu và thông tuệ, cô nói ít, cô biết nghe, cô ý nhị trong tư thái và đứng đắn trong lời ăn tiếng nói, ở cô thì sắc đẹp nhắc nhở đến cả giới tính và tuổi trẻ của cô, cô biết gây chú ý bằng chính sự nhút nhát của mình và thu hút được sự tôn trọng đối với mình do sự tôn trọng mà cô đối xử với tất cả mọi người.

Những bằng chứng này, dù là bề ngoài, nhưng không hề là phù phiếm: chúng không hề được xây dựng chỉ dựa trên sự cuốn hút của các giác quan; chúng xuất phát từ những tình cảm thân mật thầm kín mà chúng ta ai cũng có: đàn bà là người phán xét tự nhiên về giá trị của đàn ông. Có ai muốn bị đàn bà coi thường nào? Không có ai trên đời này, ngay cả những kẻ không còn muốn yêu họ nữa. Và tôi là người nói cho các cô hay những sự thật quá phũ phàng, quý vị có tin rằng những phán xét của các cô bị tôi bỏ ngoài tai không? Không, sự tán đồng của các cô đối với tôi còn quý giá hơn cả của các vị, các độc giả, thường lại còn đàn bà hơn cả các cô nữa. Trong khi xem thường các thói quen của các cô thì tôi còn muốn tôn vinh sự công bằng của

các cô: tôi không cho là quan hệ việc các cô ghét bỏ tôi, nếu tôi buộc được các cô phải quý trọng tôi.

Người ta sẽ làm được nhiều việc lớn đến thế nào bằng động lực này, nếu người ta biết cách vận hành nó? Thật là bất hạnh cho cái thời đại mà đàn bà mất hết uy tín và ảnh hưởng của mình và rồi những phán xét của họ chẳng có tác dụng gì đối với đàn ông! Thế là hết mức của sự đồi bại. Mọi dân tộc có thuần phong mỹ tục đều tôn trọng đàn bà. Xin hãy xem người Sparte, người Germains, xin hãy xem La Mã, La Mã đất lành của vinh quang và đức hạnh, nếu như có bao giờ vinh quang và đức hạnh có một nơi chốn như thế trên Trái đất này. Chính ở đó mà đàn bà tôn vinh những chiến công của các danh tướng, họ khóc thương các cha già của dân tộc ở nơi công cộng, nguyện cầu hoặc tang chế của họ được chấp nhận như một sự đánh giá trang trọng nhất của nước cộng hòa. Tất cả các cuộc cách mạng lớn đều đã từng thấy đàn bà tham gia: nhờ một người đàn bà mà La Mã đạt được tự do, nhờ một người đàn bà mà những người bình dân giành được chế độ tổng tài, nhờ một người đàn bà mà sự chuyên chế của các ủy viên ủy ban mười người bị chấm dứt, nhờ những người đàn bà mà thành La Mã được giải vây khỏi bàn tay của một kẻ bị đày biệt xứ. Hỡi những người đàn ông Pháp phong nhã, quý vị định nói thế nào khi nhìn thấy cái đoàn người thật đáng buồn cười đối với những cặp mắt chế giễu của quý vị diễu qua? Có lẽ quý vị hộ tống đoàn người ấy bằng tiếng la ó tẩy chay của mình. Chúng ta thấy có cách nhìn khác đến thế nào đối với cùng một đối tượng! Và có thể là tất cả mọi người chúng ta đều có lý. Hãy tổ chức đám rước ấy gồm toàn là những người đẹp của nước Pháp, thật tôi không hề thấy còn gì thiếu đoan trang hơn thế: nhưng hãy tổ chức một đám rước toàn là đàn bà La Mã, quý vị sẽ có toàn là những cặp mắt người Volsque[283] và trái tim của Coriolan[284].

Tôi sẽ nói thêm nữa, và tôi chủ trương rằng đức hạnh không hề kém ủng hộ tình yêu so với các quyền khác của tự nhiên, và uy thế của các cô nhân tình không kém cạnh gì so với uy thế của những người vợ và những bà mẹ. Không hề có tình yêu đích thực nếu không có cảm hứng, và không hề có cảm hứng nếu không có một đối tượng hoàn hảo có thực hay ảo tưởng, nhưng luôn luôn tồn tại trong trí tưởng tượng. Vì cái gì mà những người yêu sẽ bừng bừng lên, với họ, sự hoàn hảo ấy không còn ý nghĩa gì hết, và họ chỉ

---

[283] * Volsque: tộc người Italia cổ.

[284] * Coriolan: vị tướng người La Mã, đánh bại người Volsque.

thấy ở người mà họ yêu đối tượng của vui thú nhục cảm? Không, không phải vì thế mà tâm hồn được sưởi ấm và lao vào những rung cảm tuyệt vời tạo ra sự cuồng nhiệt của những người đang yêu và sự say đắm cho nỗi đam mê của họ. Tất cả chỉ là ảo tưởng trong tình yêu, tôi cam đoan như thế; nhưng cái có thực; đó là những tình cảm kích động chúng ta vì cái đẹp đích thực làm cho chúng ta yêu. Cái đẹp này không hề tồn tại trong đối tượng mà ta yêu, nó là sản phẩm của những sai lầm của chúng ta. Này! Có sao đâu! Phải chăng vì thế mà người ta hy sinh ít đi tất cả những tình cảm thấp hèn cho cái mô hình tưởng tượng ấy? Trái tim họ liệu có ít thấm thía những đức hạnh mà họ gán cho người mà họ yêu dấu không? Có phải vì thế mà người ta ít tách xa khỏi cái thấp hèn của cái tôi của con người không? Đâu là người tình chân chính lại không sẵn sàng hy sinh đời mình cho nhân tình của anh ta? Và đâu là cái đam mê nhục dục và thô bạo trong một người đàn ông đang muốn chết? Chúng ta coi khinh các chàng hiệp sĩ? Chính họ biết rõ tình yêu, và chính chúng ta chỉ biết có sự truỵ lạc. Khi những châm ngôn mơ mộng này bắt đầu trở nên buồn cười thì sự thay đổi này là thành tựu của những thói tục xấu xa hơn là của lý trí.

Cho dù trong thế kỷ nào, những mối quan hệ tự nhiên cũng chẳng thay đổi gì, cái thích đáng hay cái không thích đáng do các quan hệ ấy gây ra cũng vẫn cứ như thế mà thôi, các thành kiến dưới cái tên huyễn hoặc là lý trí chỉ thay đổi bề ngoài của những điều ấy. Bao giờ cũng sẽ là lớn lao và đẹp đẽ vì làm chủ được bản thân, dù là để nghe theo các dư luận huyễn hoặc; và những động cơ chân chính của danh dự bao giờ cũng sẽ nói với trái tim của mọi người đàn bà biết xét đoán, người ấy sẽ biết tìm kiếm trong thân phận của mình hạnh phúc cho cuộc đời. Nhất là sự trinh khiết phải là một đức hạnh tuyệt vời cho một người đàn bà đẹp có đôi chút cao thượng trong tâm hồn. Trong khi cô thấy khắp nhân gian đều ở dưới chân mình, cô chiến thắng tất cả và chính ngay bản thân cô nữa: cô tự nêu cao trong trái tim mình một ngai vàng mà mọi người đều đến đó tỏ lòng kính trọng; những tình cảm thắm thiết hay ghen tuông nhưng luôn luôn tôn trọng của cả hai giới, sự quý mến của toàn thể mọi người và của riêng cô không ngừng đền đáp cho cô vật dâng hiến là thanh danh khi có lúc nào đó xảy ra những cuộc đấu. Sự mất mát là nhất thời nhưng cái giá là bền vững. Còn niềm vui sướng nào cho một tâm hồn cao thượng sánh bằng niềm kiêu hãnh của đức hạnh gắn liền với sắc đẹp! Xin hãy thể hiện một nhân vật nữ trong tiểu thuyết, nàng sẽ nếm trải những khoái lạc còn tuyệt diệu hơn cả những Laïs và những Cléopâtre; và khi sắc đẹp của nàng

không còn nữa, danh giá và niềm vui thú của nàng vẫn còn; riêng một mình nàng vẫn sẽ hưởng thụ quá khứ.

Các bổn phận càng lớn lao và nặng nề, thì các lý lẽ mà người ta căn cứ vào đó để đặt cơ sở cho bổn phận càng phải dễ cảm nhận và mạnh mẽ. Có một thứ ngôn ngữ sùng đạo mà khi nói về những chủ đề nghiêm trang nhất, người ta làm chán tai các cô gái trẻ mà không sao thuyết phục được. Từ cái ngôn ngữ quá chênh lệch với ý tưởng của các cô và từ sự khinh thị ngấm ngầm của các cô đối với ngôn ngữ ấy, nảy sinh sự dễ dãi đi theo các khuynh hướng của các cô do thiếu những lý lẽ rút ra từ bản thân sự việc để chống chọi việc này. Một cô gái được giáo dục một cách hiền thục và kính tín rõ ràng là có những vũ khí mạnh mẽ để chống lại các cám dỗ; nhưng cô nào mà người ta chỉ nuôi dưỡng trái tim hay lại chỉ rót vào tai các cô duy nhất thứ biệt ngữ của sự sùng đạo thì chắc chắn là trở thành con mồi cho kẻ quyến rũ khéo léo đầu tiên mưu tính tán tỉnh cô. Không bao giờ một cô gái trẻ và đẹp lại coi thường thân thể mình, không bao giờ cô lại thực tâm đau khổ vì những tội lỗi do sắc đẹp của mình làm cho mình phạm phải, không bao giờ cô khóc lóc một cách chân thành và trước Chúa vì là đối tượng cho sự thèm khát, không bao giờ các cô lại có thể tự ý mình tin được rằng tình cảm dịu ngọt nhất của trái tim lại là một phát minh của Satan. Xin hãy truyền đạt cho các cô những lý lẽ khác trong bản thân các cô và vì chính các cô, bởi vì những lý lẽ này sẽ không thâm nhập được. Điều đó lại sẽ càng tệ hơn nếu người ta đem sự mâu thuẫn vào trong các ý tưởng của cô như vẫn thường xảy và sau khi đã hạ nhục cô bằng cách hạ thấp thân thể cô và những duyên sắc của cô như là vết nhơ của tội lỗi, rồi tiếp đó người ta lại bắt cô phải tôn thờ như ngôi đền thờ Jésus-Christ chính cái thân thể mà người ta từng làm cho nó trở nên đáng khinh đến thế. Những ý tưởng quá cao thượng hay quá thấp hèn cũng đều là chưa đủ và không thể nào ăn nhập với nhau được: cần phải có một lý lẽ vừa tầm với giới tính và với độ tuổi. Quan niệm về bổn phận chỉ có mãnh lực chừng nào mà ta gắn vào nó những động cơ thúc đẩy ta thực hiện nó.

Quoe quia non liceat non facit, illa facit.[285]

Người ta không nghi ngờ rằng chính Ovide đã đưa ra một phán xét quá khắc nghiệt.

Vậy quý vị có muốn gợi cho các cô gái trẻ lòng yêu mến các thuần phong mỹ tục mà không cần phải nói mãi không ngừng: Hãy hiền thục, xin hãy cho

---

[285] * Tiếng Latin: Cô ả này đã sa ngã, chỉ giữ gìn vì không được phép (Ovide).

các cô thấy lợi ích lớn lao khi được như thế; xin hãy làm cho các cô cảm nhận được tất cả giá trị của sự hiền thục, và thế là quý vị sẽ làm được cho các cô yêu thích nó. Nếu thấy lợi ích này xa xôi trong tương lai là chưa đủ, xin hãy cho các cô thấy lợi ích ấy ngay trong lúc này, trong những mối quan hệ thuộc độ tuổi của các cô, trong các tính cách của những người yêu của các cô. Xin hãy mô tả cho các cô thế nào là người tốt, thế nào là người đáng trọng nể; xin hãy dạy cho các cô nhận biết được con người như thế, biết yêu anh ta, và yêu anh ta vì các cô; xin hãy chứng minh cho các cô rằng chỉ riêng có người đàn ông ấy mới có thể làm cho các cô bạn gái, các cô vợ, các cô nhân tình được hạnh phúc. Xin hãy nhờ lý trí mà đem đức hạnh đến, xin hãy làm cho các cô nhận ra rằng ảnh hưởng của giới mình, và mọi thành tựu của nó không chỉ gắn liền với riêng hạnh kiểm tốt của cô, với phẩm hạnh của cô, mà còn gắn liền với các yếu tố đó của người đàn ông, sao cho các cô nhận ra rằng những điều ấy ít có tác dụng với những tâm hồn thấp hèn và đê tiện, và rằng người ta chỉ biết phụng thờ người yêu của mình như người ta biết phụng thờ đức hạnh. Khi đó xin hãy tin chắc rằng bằng cách mô tả cho các cô biết những thói tục của thời đại chúng ta, quý vị sẽ làm cho các cô thành thật chán lợm chúng; khi chỉ cho các cô những kẻ hợp thời thượng, quý vị sẽ khiến các cô khinh bỉ họ; quý vị sẽ chỉ làm cho các cô xa cách các châm ngôn của những kẻ ấy, ghét các ý tưởng của họ, coi khinh thói lịch thiệp hão với phụ nữ; quý vị sẽ làm cho các cô nảy ra một tham vọng cao quý hơn, đó là tham vọng thống trị những tâm hồn lớn và mạnh mẽ, cái tham vọng của các phụ nữ Sparte, đó là tham vọng chỉ đạo đàn ông. Một người đàn bà cấc lấc, trâng tráo, lắm mánh khoé, chỉ biết quyến rũ những người tình của cô ta bằng cách làm đỏm, chỉ biết níu giữ họ bằng các ân sủng, bắt họ phải vâng lời như những tên đầy tớ trong những việc hèn hạ và tầm thường: còn trong những việc quan trọng và trang nghiêm thì cô ta chẳng có uy tín gì đối với họ cả. Nhưng người đàn bà vừa đứng đắn, dễ thương và hiền thục, người đàn bà buộc những người thân của mình phải tôn trọng, người đàn bà thận trọng và khiêm nhường, tóm lại người đàn bà duy trì tình yêu bằng sự quý trọng, thì chỉ cần một cách ra hiệu là cứ được họ đi đến tận cùng trời cuối đất, ra trận mạc, giành lấy vinh quang, đi vào chỗ chết, nơi mà người đàn bà ấy muốn[286]. Cái thế lực này thật là đẹp đẽ và rất đáng được mua.

---

[286] Brantôme kể rằng, vào thời François đệ Nhất, một cô gái trẻ có người tình là một anh chàng ba hoa khoác lác, bắt anh phải im lặng tuyệt đối và vô thời hạn mà anh ta đã giữ rất nghiêm túc được suốt hai năm ròng, làm người ta cứ tưởng anh bị câm do bệnh tật. Một hôm đang đông đủ bạn bè, cô người yêu của anh, vì ở

Sophie đã được giáo dục theo tinh thần như vậy đó, với nhiều chăm lo hơn là vất vả, và đi theo hứng thú của cô hơn là cản trở nó. Bây giờ chúng ta hãy nói vắn tắt về con người cô, theo như bức chân dung mà tôi đã vẽ ra cho Émile, và theo như anh tự mình hình dung ra người vợ có thể làm cho anh hạnh phúc.

Bao giờ tôi cũng sẽ nói đi nói lại mà không thừa rằng tôi không đề cập đến những người kỳ diệu. Émile không phải một người như thế, Sophie thì cũng không phải. Émile là đàn ông, và Sophie là đàn bà; đấy là tất cả vinh hạnh của họ. Trong sự trà trộn hỗn tạp của các giới đang bao trùm lên chúng ta, thì việc thuộc về giới của mình hầu như là một điều kỳ diệu.

Sophie là con nhà tử tế; cô có một bản chất tốt; cô có trái tim rất nhạy cảm, và sự nhạy cảm cực độ này đôi khi làm cho trí tưởng tượng của cô khó mà tiết chế được. Trí não của cô ít chính xác hơn là sắc sảo, tính khí dễ dãi nhưng không phải bao giờ cũng như nhau, vẻ mặt bình thường nhưng dễ coi, một diện mạo hứa hẹn có tâm hồn và không nói dối; người ta có thể lại gần cô với sự thờ ơ nhưng không thể rời cô mà không xúc động. Các cô gái khác có những đức tính tốt mà cô không có; những cô khác nữa thì có ở mức độ cao hơn những đức tính mà cô cũng có, nhưng không có cô nào lại có những đức tính hợp hơn để tạo nên một tính cách tốt đẹp. Cô biết cách lợi dụng ngay cả những thiếu sót của mình; và nếu như cô lại hoàn hảo hơn thì cô sẽ ít được yêu thích hơn nhiều.

Sophie không đẹp; nhưng ở bên cô thì những người đàn ông quên mất những người đàn bà đẹp, và những người đàn bà đẹp lại không hài lòng về chính mình. Thoạt nhìn thì chỉ thấy cô hơi xinh thôi, nhưng người ta càng nhìn cô lại thấy cô càng đẹp thêm ra; cô có lợi thế ở những nơi mà bao cô khác thất bại; và những gì cô thu hái được, cô không để mất nữa - người ta có thể có đôi mắt đẹp hơn, một cái miệng xinh hơn, một gương mặt nghiêm trang hơn,

---

thời bấy giờ tình yêu được giữ bí mật nên mọi người không biết cô là người yêu của anh, khoe rằng chữa được cho anh khỏi ngay lập tức, và cô làm ngay bằng cách chỉ nói với anh một lời:"Nói đi". Phải chăng không có gì là lớn lao và anh hùng trong tình yêu này? Với tất cả vẻ hào nhoáng của mình thì triết học Pythagore có làm được gì hơn thế chăng? Người ta sẽ chẳng tưởng tượng ra một nữ thần chỉ cần nói mỗi một từ mà ban cho con người khả năng phát ngôn đó sao? Ngày nay có người đàn bà nào có thể trông cậy vào chỉ một ngày giữ im lặng, dù phải trả cho việc đó toàn bộ cái giá mà cô ta có thể trả hay không?

nhưng người ta không có thể một vóc dáng cân đối hơn, một nước da đẹp hơn, một bàn tay trắng hơn, một bàn chân xinh xắn hơn, một cái nhìn dịu dàng hơn, một diện mạo gây cảm động hơn. Không làm lóa mắt nhưng cô làm cho người ta chú ý; cô quyến rũ nhưng người ta không thể nói được tại sao.

Sophie thích đồ trang sức và cô sành việc đó; mẹ cô không có người hầu phòng nào khác ngoài cô; cô có nhiều khiếu thưởng thức để ăn mặc cho nổi trội; nhưng cô ghét cách phục sức sang trọng; trong cách ăn mặc của cô người ta thấy luôn luôn có sự giản dị đi liền với vẻ thanh lịch; cô không thích gì những thứ chói lọi mà thích cái gì vừa vặn. Cô không biết những màu nào là hợp thời trang nhưng cô biết một cách tài tình những màu nào là thuận lợi cho cô. Không có một cô gái trẻ nào tỏ ra có cách ăn mặc ít kiểu cách hơn song cách trang sức lại cầu kỳ hơn; không có món đồ trang sức nào của cô được dùng một cách khinh suất, song nghệ thuật không biểu lộ ra ở một đồ trang sức nào. Đồ trang sức của cô bề ngoài rất tầm thường nhưng thực ra lại rất duyên dáng; cô không hề phô trương vẻ kiều diễm của mình; cô che đậy nó, nhưng trong khi che đậy nó, cô lại biết cách làm cho người ta tưởng tượng ra nó. Khi thấy cô người ta nói: Đây là một cô gái thùy mị và hiền thục; nhưng chừng nào người ta còn ở bên cô thì đôi mắt và trái tim phiêu lưu trên khắp người cô mà không sao rời ra được, và người ta bảo rằng tất cả cách trang sức đơn giản nhường ấy được đặt vào đúng chỗ của nó chỉ là để cho trí tưởng tượng gỡ đi từng món trang sức mà thôi.

Sophie có những tài năng tự nhiên; cô ý thức được chúng và không xao nhãng chúng; nhưng vì không đủ khả năng đem nhiều nghệ thuật vào việc trau dồi cho các tài năng ấy, cô đã đành bằng lòng với việc luyện giọng thanh tao của mình để hát đúng và hát có ý vị, luyện đôi chân nhỏ nhắn của mình để bước đi nhẹ nhàng, dễ dàng, thướt tha, để cúi chào không lúng túng và không vụng về trong mọi tình huống. Vả chăng, cô chỉ có thầy dạy hát là cha cô và thầy dạy khiêu vũ là mẹ cô thôi; và một người chơi phong cầm ở gần nhà dạy cô trên chiếc phong cầm cổ vài bài hòa tấu mà cô đã học lấy một mình từ lâu. Lúc đầu cô chỉ nghĩ tới lợi thế là để lộ bàn tay cô trên những phím đàn này mà thôi, rồi sau đó cô mới nhận thấy âm thanh the thé và khô khan của chiếc đàn phím này làm cho âm thanh của giọng hát trở nên dịu dàng hơn, dần dần cô cảm nhận được sự hòa âm; cuối cùng, trong khi lớn lên, cô mới bắt đầu cảm nhận được những niềm vui thích của sự biểu cảm và yêu âm nhạc vì âm nhạc. Nhưng đó là một thị hiếu hơn là một tài năng, cô không biết cách đọc được một giai điệu trên những bản nhạc.

Điều mà Sophie biết rõ nhất và được người ta dạy bảo cẩn thận nhất, đó là nữ công, ngay cả những việc mà ta không nghĩ tới như là cắt may những chiếc áo của cô. Không có một công việc kim chỉ nào mà cô không biết làm và không làm với sự yêu thích, nhưng công việc mà cô ưa chuộng hơn tất cả những công việc khác là thêu ren, vì không có việc nào đem lại một dáng điệu khả ái hơn và các ngón tay luyện tập một cách duyên dáng và nhẹ nhàng hơn. Cô cũng đã chuyên chú vào mọi chi tiết của việc nội trợ. Cô hiểu rõ việc nấu nướng và dọn ăn, cô biết giá thực phẩm và cô biết phẩm chất của các thức đó; cô biết rành rẽ việc ghi sổ chi tiêu; cô làm quản gia cho mẹ cô. Được đào tạo để một ngày kia cô chính là bà mẹ trong gia đình, cô tập quản trị gia đình mình trong khi quản trị gia đình của cha mẹ; cô có thể phụ giúp các công việc của gia nhân và cô luôn sẵn sàng làm việc đó. Bao giờ thì người ta cũng chỉ biết sai bảo đúng đắn những gì mà người ta biết tự mình làm lấy được thôi: đó là lý lẽ của mẹ cô để cô phải làm việc như thế. Đối với Sophie, cô không đi xa đến thế; bổn phận đầu tiên của cô là bổn phận của người con gái, và bây giờ đó là bổn phận duy nhất mà cô nghĩ đến việc làm tròn. Mục đích độc nhất của cô là phục vụ cho mẹ và san sẻ với bà một phần những lo toan. Tuy nhiên, thực ra, cô không làm tròn tất cả các việc ấy với một sự thích thú như nhau. Chẳng hạn như, mặc dầu cô háu ăn, cô không thích việc bếp núc; những điều vặt vãnh trong việc bếp núc có cái gì đó làm cô chán ghét; cô không bao giờ thấy ở đó đủ sạch sẽ. Về việc đó cô cực kỳ cẩn thận, song sự thận trọng đến mức quá độ ấy đã trở thành một trong những khuyết điểm của cô: có lẽ cô sẽ để cho trọn cả bữa ăn chiều bị cháy khét còn hơn là làm vấy bẩn cổ tay áo của cô. Cũng vì lý do ấy mà cô không bao giờ muốn xem xét khu vườn nhà. Đất cát đối với cô có vẻ bẩn thỉu; khi cô vừa mới trông thấy phân bón, tưởng chừng như cô đã ngửi thấy mùi phân.

Cô mắc phải khuyết điểm này do các bài học của mẹ cô. Theo bà, trong các bổn phận của người đàn bà thì một bổn phận hàng đầu là sự sạch sẽ; bổn phận đặc biệt, cần thiết và do thiên nhiên áp đặt. Không có gì trên đời này ghê tởm hơn một người vợ bẩn thỉu, và ông chồng không bao giờ sai trái gì khi chán người vợ như thế. Bà đã thuyết giảng bổn phận ấy rất nhiều cho con gái từ thời thơ ấu, bà đã đòi hỏi rất nhiều ở cô sự sạch sẽ cho thân thể, quần áo mặc hằng ngày cũng thế, cả cho căn phòng cô ở, cho công việc cô làm, cho việc trang điểm của cô, nhiều đến nỗi tất cả sự chú ý của cô trở thành thói quen, chiếm một phần khá lớn thì giờ của cô và còn chi phối phần kia: thành thử làm chu đáo những việc cô làm chỉ là mối lo toan thứ nhì của cô; điều chăm lo hàng đầu là luôn luôn làm các công việc ấy thật sạch sẽ.

Tuy nhiên tất cả những điều đó không hề suy biến thành sự ưa chuộng hão huyền cũng không thành sự hưởng lạc nhu nhược; những sự xa xỉ cầu kỳ không có vai trò nào ở đây. Bao giờ ở phòng riêng của cô cũng chỉ có nước lọc; cô không biết đến một thứ hương thơm nào khác ngoài hương thơm của hoa, và không bao giờ ở đó mà người chồng sẽ hít thở thấy có gì dịu ngọt hơn hơi thở của cô. Cuối cùng là sự quan tâm của cô đến bề ngoài không làm cô sao nhãng một điều là cô phải dành cả đời mình và toàn bộ thời gian của mình cho những lo toan cao cả hơn; cô không biết đến hoặc khinh thường cái sạch sẽ quá đáng của thân xác thường làm ô uế tâm hồn; Sophie thật hơn cả sạch sẽ, cô tinh khiết.

Tôi đã nói rằng Sophie háu ăn. Cô háu ăn một cách tự nhiên; nhưng cô trở nên ăn uống có chừng mực nhờ thói quen, và bây giờ cô giữ chừng mực vì đức hạnh. Trong chuyện này các cô bé không như các cậu bé, mà người ta có thể điều khiển được đến một mức độ nào đó, do tính tham ăn. Khuynh hướng này không phải không có hậu quả đối với nữ giới; thật là quá nguy hiểm khi để mặc nó tồn tại ở nữ giới. Cô bé Sophie, trong thuở ấu thơ của mình, khi một mình vào buồng riêng của mẹ, đã không khi nào trở ra tay không, và cô đã không kiên nhẫn được trước mọi thử thách của kẹo hạnh nhân và kẹo ngọt. Mẹ cô đã bắt được cô, quở mắng cô, phạt cô, bắt cô phải nhịn ăn. Cuối cùng thì bà đã thành công trong việc thuyết phục cô rằng kẹo ngọt làm hỏng răng và ăn nhiều quá thì vóc dáng to xù ra. Thế là Sophie tự sửa mình: khi lớn lên, cô đã tập nhiễm được những thị hiếu khác làm cho cô bỏ được cái nhục cảm hạ đẳng ấy. Ở đàn bà cũng như ở đàn ông, ngay khi trái tim linh hoạt lên thì thói tham ăn không còn là một thói xấu chủ đạo nữa. Sophie còn giữ thị hiếu riêng của nữ giới: cô thích bánh ngọt và các món ăn vặt, cô thích các món ăn làm bằng sữa và thích của ngọt, nhưng rất ít thích thịt; cô chẳng bao giờ nhấm nháp rượu vang cũng như các thứ rượu mùi mạnh; và chăng cô ăn mọi thứ đều rất có chừng mực; giới nữ thường ít lao lực hơn giới nam chúng ta, ít cần phải phục hồi sức khỏe hơn. Trong mọi đồ ăn, cô thích thứ nào ngon và biết thưởng thức nó; cô cũng biết thích ứng với thứ không ngon và sự thiếu thức ngon chẳng làm cô khó chịu.

Sophie có đầu óc thoải mái dễ mến nhưng không nổi bật, và vững vàng mà không thâm thúy; một đầu óc mà người ta không nói gì, bởi vì bao giờ người ta cũng chỉ nhận thấy nó không hơn không kém gì so với mình. Cô luôn luôn có trí tuệ làm đẹp lòng người nói chuyện với cô, mặc dầu rằng nó không được hoa mỹ gì cho lắm, theo ý tưởng của chúng ta về sự trau đồi trí tuệ của đàn bà;

bởi vì trí tuệ của cô không hề được đào tạo bằng việc đọc sách, mà chỉ bằng các cuộc trò chuyện của cha cô và mẹ cô, bằng sự suy nghĩ của chính cô, và bằng các quan sát của cô trong số ít người mà cô từng gặp.

Sophie vui vẻ một cách hồn nhiên, và thậm chí nhí nhảnh hồi còn thơ ấu, nhưng dần dần mẹ cô đã chú ý kiềm chế các dáng điệu khinh xuất của cô, vì e rằng sắp tới một sự thay đổi quá đột ngột cho biết về thời điểm khiến sự thay đổi ấy trở nên cần thiết. Vậy nên cô trở thành khiêm nhường và thận trọng trước cả lúc đáng phải như thế; và bây giờ cái lúc ấy đã đến, thật dễ dàng hơn cho cô để giữ được một phong thái mà cô đã quen, hơn là để cho cô xử sự như thế mà chẳng chỉ rõ lý do của sự thay đổi ấy. Thật là một chuyện vui cười khi thấy cô đôi khi buông mình vào những sự linh hoạt còn rơi rớt lại của tuổi thơ, do thói quen, sau đó bất thần trở lại với chính mình, im bặt, cụp mắt xuống và đỏ mặt lên: đúng là thời hạn trung gian giữa hai độ tuổi phải dính dáng đến mỗi độ tuổi một ít.

Sophie là người quá mẫn cảm thành ra khó có thể giữ được một tính tình hoàn toàn trầm tĩnh, nhưng cô lại quá dịu dàng nên tính mẫn cảm ấy không quấy rầy quá nhiều đến người khác; cô chỉ làm khổ chính cô mà thôi. Người ta mới nói có một lời xúc phạm đến cô, cô không phụng phịu, nhưng lòng cô uất lên; cô cố chạy thoát đi để khóc. Giữa lúc cô đang khóc mà cha hay mẹ cô gọi lại, và chỉ nói mỗi một lời là cô lại lập tức chạy đi chơi và cười đùa vừa khéo léo chùi vội cặp mắt và cố nén tiếng nức nở của mình.

Cô cũng không hoàn toàn tránh khỏi được tính thất thường, tâm trạng đang bực bội của cô mà có bị đẩy quá lên một chút thì biến thái ngay thành tính bướng bỉnh nổi loạn, và lúc bấy giờ thì cô dễ bị đưa đến chỗ quên mất thân phận mình. Nhưng xin hãy để cho cô có thì giờ để bình tĩnh lại và cái cung cách xóa nhòa lỗi lầm của cô hầu như đã làm cho cô thành ra đáng được tôn trọng. Nếu người ta có trừng phạt cô thì cô ngoan ngoãn và phục tùng nhưng người ta thấy rằng sự hổ thẹn của cô là do lỗi lầm của cô nhiều hơn sự trừng phạt. Nếu người ta không nói gì với cô thì không bao giờ cô lại không tự mình sửa lỗi, mà thật là chân thành và vui vẻ đến mức người ta không thể nào cáu giận gì cô được. Cô có thể cúi rạp xuống đất trước một người đầy tớ thân phận thấp nhất mà sự hạ mình này không làm cô khổ tâm chút nào; và ngay khi cô được thứ lỗi, sự vui mừng và những lời nói êm dịu của cô chứng tỏ lòng tốt của cô đã vơi đi được biết bao nặng nề! Tóm lại, cô nhẫn nại chịu đựng sai lầm của những người khác và vui lòng sửa chữa sai lầm của mình. Đó là bản chất đáng yêu của nữ giới trước khi bản chất ấy bị

chúng ta làm cho hư hỏng. Người đàn bà được tạo ra là để chịu thua kém đàn ông và để chịu đựng ngay cả sự bất công của hắn. Xin quý vị đừng bao giờ đem bỏ các cậu bé vào cùng một rọ; tình cảm trong lòng dâng cao và bùng lên trong chúng chống lại sự bất công; tự nhiên đã không tạo ra chúng để dung thứ cho sự bất công.

Gravem,

Pelidae stomachum cedere nescii.[287]

Sophie có theo đạo, nhưng một thứ tôn giáo hợp lẽ và giản dị, ít tín điều và ít lễ bái hơn; hay đúng hơn chỉ biết đạo đức là việc hành xử chủ yếu mà thôi, cô dâng hiến trọn vẹn cuộc đời cô cho việc phụng sự Thượng đế bằng cách làm điều thiện. Trong tất cả những điều giáo huấn mà cha mẹ đã dạy cho cô về vấn đề này, họ đã làm cho cô quen với sự phục tòng cung kính bằng cách luôn luôn nói với cô rằng: "Này con, những hiểu biết đó chưa hợp với độ tuổi của con, chồng con sẽ dạy cho con những điều ấy khi nào đến lúc". Vả lại, thay cho những lời thuyết giảng dài dòng về lòng kính tín, họ vui lòng thuyết giảng điều đó cho cô bằng chính tấm gương của họ, và tấm gương này được khắc ghi vào trái tim cô.

Sophie thích đức hạnh; tình yêu này trở thành niềm đam mê chủ đạo của cô. Cô thích đức hạnh, bởi vì không có gì đẹp bằng đức hạnh; cô thích đức hạnh, bởi vì đức hạnh tạo ra vinh dự cho người đàn bà, và bởi vì một người đàn bà đức hạnh đối với cô hầu như đồng đẳng với thiên thần; cô thích đức hạnh vì đức hạnh là con đường duy nhất đưa đến hạnh phúc chân chính, và bởi vì cô chỉ thấy sự khốn cùng, sự ruồng bỏ, sự bất hạnh, sự ti tiện, sự ô nhục trong đời một người đàn bà vô liêm sỉ; sau cùng cô thích đức hạnh vì đức hạnh là một cái gì đáng quý đối với người cha kính yêu của cô, đối với người mẹ dịu dàng và xứng đáng của cô: chưa đủ hài lòng về hạnh phúc do đức hạnh của chính mình đem lại, cha mẹ cô còn muốn được hạnh phúc về đức hạnh của cô nữa, và hạnh phúc đầu tiên của cô cho chính cô là hy vọng tạo ra hạnh phúc cho cha mẹ. Tất cả các tình cảm ấy gợi cho cô niềm hưng phấn nâng cao tâm hồn mình và kiềm chế mọi khuynh hướng nhỏ nhặt của cô tùy thuộc vào một đam mê rất cao quý ấy. Sophie trong trắng và đức hạnh đến hơi thở cuối cùng của mình, cô đã thề như vậy trong thẳm sâu tâm hồn mình, và cô đã thề điều

---

[287] * Tiếng Latin: Cơn giận khủng khiếp của con trai Pelidae, con người không biết nhượng bộ.

ấy trong một thời kỳ mà cô đã cảm nhận được tất cả cái giá phải trả để gìn giữ một lời thề như vậy, cô đã thề như vậy ngay cả khi nếu các giác quan của cô sinh ra là để khống chế cô bắt cô sẽ phải hủy bỏ sự cam kết.

Sophie không có hân hạnh trở thành một người đàn bà Pháp khả ái, lạnh lùng do tố chất và làm đỏm vì kiêu ngạo, muốn nổi bật hơn là làm cho người ta yêu thích, tìm cách chơi bời chứ không phải là thú vui. Nhu cầu yêu đương xâu xé cô, nó làm cho cô đãng trí và làm bối rối trái tim cô trong các lễ hội; cô đã đánh mất cái vui vẻ ngày xưa; những trò chơi tinh nghịch không còn là của cô; thay vì buồn phiền vì cô đơn, cô lại tìm nó, cô nghĩ đến ai đó phải làm cho nỗi cô đơn bớt gay gắt hơn cho cô: mọi kẻ thờ ơ làm phiền cô; cô không cần một đám người theo đuổi mà cần một người tình; cô muốn làm vui lòng cho riêng một mình một người đàn ông đứng đắn, và luôn luôn làm cho anh ta yêu thích hơn là làm cất lên vì mình một tiếng reo mừng hợp thời mà chỉ giữ được một ngày và ngày hôm sau thì biến thành tiếng la ó.

Ở đàn bà thì óc phán đoán được hình thành sớm hơn đàn ông: phải ở tư thế phòng vệ gần như là ngay từ thuở ấu thơ, lại phải giữ một kho báu khó mà canh giữ, nên cái tốt và cái xấu tất nhiên là các cô biết sớm hơn. Sophie sớm biết mọi điều, tố chất của cô giúp cô được như thế, cô cũng biết phán đoán sớm hơn các cô gái khác cùng trang lứa. Điều đó chẳng có gì là quá khác thường, sự chín chắn không phải đến cùng một lúc với mọi người.

Sophie được dạy dỗ về những bổn phận và quyền lợi của giới cô và giới chúng ta. Cô hiểu biết các tật xấu của đàn ông và các thói hư của đàn bà; cô cũng hiểu biết các tính tốt, các đức tính tương khắc và ghi sâu chúng vào đáy lòng mình. Người ta không thể có một ý niệm về người đàn bà đoan chính cao đẹp hơn ý niệm mà cô đã có về người đàn bà đó, song ý niệm đó không hề làm cho cô kinh hãi; tuy nhiên cô nghĩ ngợi với nhiều dễ dãi hơn về một người đàn ông lương thiện, về một người đàn ông có giá trị; cô cảm thấy rằng mình được đào tạo cho người đàn ông đó, rằng cô xứng đáng với người ấy, rằng cô có thể đền đáp lại cho người ấy hạnh phúc mà cô sẽ tiếp nhận được ở người ấy, cô cảm thấy rằng cô sẽ có thể nhận ra người ấy một cách chắc chắn, chỉ còn có việc là tìm ra người ấy mà thôi.

Đàn bà là những thẩm phán tự nhiên về giá trị của đàn ông, cũng như đàn ông là những thẩm phán tự nhiên về giá trị của đàn bà; điều đó bắt nguồn từ quyền hạn tương hỗ của họ; và cả những người này lẫn những người kia đều biết điều đó. Sophie biết được quyền hạn đó và sử dụng nó, nhưng với sự đúng

mực phù hợp với tuổi trẻ của cô, với sự thiếu kinh nghiệm của cô, với tình trạng của cô; cô chỉ phán đoán các sự việc vừa sức hiểu biết của mình; và cô chỉ phán đoán các sự việc ấy khi nó dùng để phát huy một châm ngôn có ích nào đó thôi. Cô chỉ nói đến những người vắng mặt với nhiều thận trọng nhất, nhất là nếu người đó là đàn bà. Cô nghĩ rằng cái khiến cho các bà hay nói xấu và gièm pha là việc đàm luận về nữ giới, chừng nào họ chỉ nói toàn về giới nam của chúng ta, thì họ chỉ có công bằng thôi. Vậy nên Sophie chỉ nói trong phạm vi chuyện đó. Còn về chuyện các bà, cô bao giờ cũng chỉ nhắc đến họ để nói lên cái tốt mà cô biết mà thôi: đó là một vinh dự mà cô cho là có bổn phận phải đem lại cho nữ giới; và đối với những bà mà cô không thấy có được cái gì tốt để nói, thì cô không nhắc gì đến họ cả, và việc đó thật dễ hiểu.

Sophie ít biết cách xử thế; nhưng cô hay giúp đỡ, có ý tứ, và có duyên trong tất cả mọi việc cô làm. Một bản chất tốt đẹp giúp cho cô nhiều hơn là các thứ nghệ thuật đủ loại. Cô có một thứ lễ độ riêng của mình không dính dáng gì đến công thức, không hề bị lệ thuộc vào sự hợp thời, không hề thay đổi theo thời trang, không làm gì theo tập tục cả, nhưng bắt nguồn từ một ý muốn làm đẹp lòng một cách chân thật, và lễ tiết ấy thực làm đẹp lòng người. Cô không hề biết những lời chúc tụng tầm thường, và cũng không hề đặt ra những lời chúc tụng cầu kỳ hơn; cô không nói rằng cô rất đội ơn, rằng người ta làm vinh dự cho cô rất nhiều, rằng xin người ta đừng nhọc lòng v.v... Cô lại còn ít nghĩ ra được cách xếp đặt các câu nói. Đối với một sự ân cần, đối với lễ tiết đã định, cô đáp lại bằng cách nghiêng mình chào, hay bằng một câu đơn giản: *Xin cảm ơn về điều đó*; nhưng từ này phát ra từ miệng cô chắc chắn là có giá trị bằng một câu khác. Đối với một sự giúp đỡ thực sự, cô để người ta đoán ra lòng mình, và đó không phải lời khen ngợi mà lòng cô tìm ra. Cô không bao giờ chịu được việc tập tục Pháp khống chế cô dưới ách của những bộ tịch giả dối, như là, khi đi từ phòng này sang phòng khác lại giơ bàn tay mình ra đặt lên một cánh tay sáu mươi tuổi mà có lẽ là cô rất muốn nâng đỡ. Khi một anh chàng đàng điếm tốt mã rẻ cùi hiến cho cô sự giúp đỡ không thích đáng đó, cô bỏ mặc cánh tay sốt sắng ấy ở cầu thang và vừa nhảy hai bước vào phòng vừa bảo rằng cô không thọt chân. Thực vậy, mặc đầu không cao lớn, cô không bao giờ thích gót giày cao; cô có đôi chân khá nhỏ nhắn để không cần đến các thứ đó.

Không những cô giữ im lặng và tôn trọng với đàn bà, mà ngay cả với những người đàn ông đã có vợ hay lớn tuổi hơn cô nhiều; cô sẽ chỉ nhận chỗ ngồi trên họ vì vâng lời thôi, và cô sẽ ngồi lại chỗ của mình ở phía dưới ngay lúc nào cô có thể làm như vậy, vì cô biết rằng các quyền lực của tuổi tác là đi

trước các quyền của nữ giới. Bởi định kiến về sự khôn ngoan ở về phía họ, mà sự khôn ngoan này phải được tôn sùng trước mọi thứ.

Với những thanh niên cùng trang lứa với cô, thì lại là việc khác; cô lại cần đến một giọng khác để khiến họ tôn trọng và cô biết dùng cái giọng ấy mà không bỏ thái độ khiêm tốn phù hợp với cô. Nếu chính họ khiêm nhường và từ tốn, thì đối với họ cô sẵn lòng giữ vẻ thân mật đáng yêu của tuổi trẻ; các cuộc trò chuyện của họ đầy vẻ ngây thơ sẽ có tính chất bông đùa, nhưng đoan trang: nếu các cuộc trò chuyện này trở thành nghiêm chỉnh thì cô muốn chúng phải hữu ích; hoặc nếu chúng lại biến chất thành những chuyện nhạt nhẽo vô vị, thì tức khắc cô chấm dứt ngay, vì cô khinh bỉ nhất là những tiếng lóng của thói tán gái, coi như xúc phạm nặng nề đối với nữ giới. Cô biết rõ rằng người đàn ông mà cô tìm kiếm không có thứ tiếng lóng đó, và không bao giờ cô chịu đựng được ở một người đàn ông khác điều không phù hợp với người đàn ông mà tính nết đã được in vào đáy lòng cô. Quan niệm cao quý của cô về các quyền hạn của nữ giới, sự cao cả trong tâm hồn mà các tình cảm thuần khiết của cô đã tạo ra cho cô, sức mạnh của đức hạnh mà cô cảm thấy ở chính mình và làm cho bản thân cô đáng trọng ngay cả dưới mắt mình, khiến cô nghe một cách bực bội những lời đường mật mà người ta cho là làm cô vui. Cô không tiếp nhận những lời đó với sự phẫn nộ lộ liễu, mà bằng sự tán đồng đầy châm biếm làm cho cụt hứng, hoặc bằng một giọng lạnh lùng mà người ta không hề ngờ tới. Có anh chàng tốt mã dẻo mỏ nào đó ba hoa với cô bằng những lời nói có duyên của hắn, khôn khéo tán tụng cô về trí tuệ, về sắc đẹp, về vẻ kiều diễm của cô, về cái giá của diễm phúc được làm vừa lòng cô ư, thì cô là cô gái ngắt lời anh ta bằng cách lễ phép nói với anh ta rằng:"Thưa ông, tôi e rằng mình biết rõ các điều đó hơn ông; nếu chúng ta không có điều gì lạ hơn để nói với nhau, tôi cho rằng chúng ta có thể kết thúc cuộc trò chuyện ở đây". Kèm theo những lời ấy là một cái cúi chào thật thấp, rồi đứng cách anh ta hai chục bước chỉ là việc chốc lát đối với cô. Quý vị hãy hỏi những anh chàng khéo tán của quý vị xem anh ta có dễ mà nói làm nhảm mãi với đầu óc trái chiều như thế hay không.

Tuy nhiên không phải cô không thích được người ta ngợi khen, miễn là phải đúng sự thực, và miễn là cô có thể tin rằng người ta thực sự nghĩ đến điều tốt mà người ta nói với cô về cô. Muốn tỏ ra xúc động về giá trị của cô, phải chứng tỏ giá trị ấy trước đã. Một sự tôn trọng căn cứ trên lòng quý trọng có thể làm vui thích tấm lòng kiêu sa của cô, nhưng mọi thói õm ờ lẳng lơ đều bị cự tuyệt, Sophie không phải là được tạo ra để cho một anh hề biểu diễn các tài vặt.

Với sự chín chắn đến thế, và được đào tạo về mọi mặt ngang với một thiếu nữ hai mươi tuổi, Sophie vào tuổi mười lăm đã không còn bị cha mẹ cô đối xử như với trẻ con nữa. Họ vừa mới nhận ra trong cô cái xốn xang đầu tiên của tuổi thanh niên là họ đã vội cung ứng cho điều đó trước khi nó tiến triển, họ nói với cô bằng những lời dịu dàng và có lý lẽ. Những lời nói dịu dàng và có lý lẽ hợp với độ tuổi và tính cách của cô. Nếu tính cách này là đúng như tôi hình dung, thì vì cớ gì mà cha cô lại không nói với cô gần giống như thế này:

"Sophie, thế là con đã thành cô gái lớn rồi, và ta trở thành cô gái lớn không phải để là như thế mãi mãi. Chúng ta muốn rằng con sẽ hạnh phúc: đó là vì chúng ta mà chúng ta mong muốn điều đó, bởi vì hạnh phúc của chúng ta phụ thuộc vào hạnh phúc của con. Hạnh phúc của một cô gái hiền thục là tạo ra hạnh phúc cho một người đàn ông ngay thẳng: vậy phải nghĩ đến việc gả chồng cho con; phải sớm nghĩ việc này, vì số phận cuộc đời tùy thuộc vào hôn nhân, và chẳng bao giờ người ta có quá nhiều thời gian để suy nghĩ về việc đó.

"Chẳng có gì khó khăn cho bằng việc lựa chọn một người chồng tốt, nếu không phải là sự lựa chọn một người vợ tốt. Sophie, con sẽ là người vợ hiếm có ấy, con sẽ là điều vinh hạnh của cuộc đời chúng ta và là hạnh phúc cho tuổi già của chúng ta; nhưng dù cho con có đạt tới giá trị nào đi nữa, thì trên Trái đất này chẳng thiếu gì đàn ông còn có nhiều giá trị hơn con. Trong số đó không phải chỉ có một người có vinh dự có được con, còn có nhiều người sẽ làm vinh dự cho con hơn. Trong số đó cần tìm được một người phù hợp với con, cần hiểu anh ta, và làm cho anh ta hiểu con.

"Hạnh phúc lớn nhất của hôn nhân tùy thuộc vào biết bao nhiêu là sự tương hợp, thật là điên mới mong hội đủ tất cả những điều tương hợp ấy. Trước hết phải được chắc chắn về những điều quan trọng nhất: nếu có thêm những điều khác nữa thì cũng tốt hơn cho ta, mà có thiếu chúng thì ta bỏ qua. Hạnh phúc toàn mỹ là không có trên Trái đất này, nhưng cái bất hạnh lớn lao nhất, là cái mà người ta bao giờ cũng có thể tránh được, tức là phải chịu bất hạnh do lỗi lầm của mình.

"Có những điều tương hợp tự nhiên, có những điều tương hợp do thế chế, có những điều tương hợp chỉ dính líu với riêng có dư luận mà thôi. Các bậc cha mẹ là người thẩm định hai loại tương hợp vừa nói sau cùng, chỉ có các con là người thẩm định của mối tương hợp đầu tiên.

Trong các cuộc hôn nhân do cha mẹ quyết định, người ta chỉ thu xếp dựa trên những mối tương hợp về thể chế và dư luận: đấy không phải là người ta cưới những con người mà là những hoàn cảnh và những tài sản; nhưng mọi thứ ấy đều có thể thay đổi; riêng những con người luôn còn lại, họ có nhau ở khắp mọi nơi; bất chấp cảnh ngộ dù có thế nào, thì một cuộc hôn nhân chỉ là do các quan hệ cá nhân giữa đôi lứa mới có thể hạnh phúc hay bất hạnh.

"Mẹ con thuộc giới thượng lưu, ta thì giàu có; đó là những duyên cớ duy nhất đưa các cụ đến chỗ phối hôn cho chúng ta. Ta đã mất hết của cải, mẹ con thì không còn được mang họ mình nữa: bị gia đình quên lãng, bây giờ phỏng có ích gì khi sinh ra là tiểu thư? Trong những thất bại của chúng ta, sự hòa hợp của hai trái tim chúng ta đã an ủi cho chúng ta tất cả, sự phù hợp về thị hiếu của chúng ta đã làm cho chúng ta lựa chọn cuộc sống ẩn cư này; ở đó chúng ta sống hạnh phúc trong cảnh nghèo nàn, chúng ta, người nọ thay thế cho mọi thứ, đối với người kia. Sophie là kho báu chung của chúng ta, chúng ta đội ơn Trời đã ban Sophie cho chúng ta và tước đi của chúng ta mọi thứ còn lại. Hãy xem đấy, con ơi, Thượng đế đã đưa ta đến chỗ nào: những điều tương hợp làm chúng ta thành hôn với nhau đã tan biến, chúng ta chỉ hạnh phúc do những tương hợp mà người ta không đếm xỉa gì đến cả.

"Có hợp nhau không là ở đôi vợ chồng. Khuynh hướng thích lẫn nhau phải là mối liên hệ ràng buộc đầu tiên, trái tim phải là kẻ hướng dẫn đầu tiên của họ; bởi vì khi chung sống, bổn phận đầu tiên của họ là yêu nhau, và vì yêu hay không yêu không hề tùy thuộc vào chính chúng ta, bổn phận này nhất thiết phải kèm theo một điều khác, đó là bắt đầu bằng yêu nhau trước khi sống chung với nhau. Đó là luật của tự nhiên, mà không gì có thể bãi bỏ được, những kẻ nào đã cản trở nó bằng bao nhiêu là luật dân sự đều đã quá coi trọng trật tự bề ngoài hơn là hạnh phúc của cuộc hôn nhân và tập tục của dân chúng. Sophie của ta, con thấy rằng chúng ta không giảng giải cho con một đạo đức khó theo. Đạo đức này chỉ dẫn tới chỗ biến con thành người chủ của chính con, tới chỗ chúng ta nhường cho con việc lựa chọn người chồng của con.

"Sau khi đã nói rõ những lý do của chúng ta để cho con tự do hoàn toàn, đúng là cần phải nói cả về những lý do của con để có thể sử dụng tự do ấy được khôn ngoan. Con gái của ta, con thật tốt và biết điều, con có tính thẳng thắn và lòng kính tín, con có những tài năng phù hợp với

người đàn bà hiền thục và con không phải thiếu duyên sắc; nhưng con nghèo; con có những cái tốt đáng giá nhất, nhưng con lại thiếu những cái được người ta đánh giá cao nhất. Và lại, hãy chỉ khát khao những gì con có thể có và hãy điều chỉnh tham vọng của con, không phải căn cứ trên sự phán đoán của con cũng như của chúng ta, mà trên dư luận của những người đàn ông. Nếu đó chỉ là vấn đề của một sự ngang bằng về giá trị, thì ta không biết phải lấy gì để giới hạn các hy vọng của con; nhưng đừng có nâng chúng lên cao hơn thân phận của con, và đừng quên rằng nó ở thứ bậc thấp nhất. Dù cho có người đàn ông xứng đáng với con không xem xét sự chênh lệch này như một trở ngại, lúc đó con lại phải làm điều mà anh ta sẽ không làm: Sophie phải bắt chước mẹ con, và chỉ bước vào một gia đình mà người ta lấy làm vinh dự về mình. Con chưa từng biết cảnh giàu sang của chúng ta, con sinh ra trong cảnh bần hàn của chúng ta; con đã làm dịu nỗi khốn khó ấy và không ngần ngại chia sẻ nó với chúng ta. Sophie, con hãy tin ở ta, hãy đừng kiếm tìm những của cải mà ơn Trời người ta đã giải thoát cho chúng ta; chúng ta chỉ hưởng được hạnh phúc sau khi đã mất hết sự giàu có.

"Con thật quá dễ thương thành thử không thể không khiến ai ưa thích, và sự khốn khó của con không đến nỗi làm cho một người đàn ông chính trực phải bối rối vì con. Con sẽ được theo đuổi, và con có thể được theo đuổi bởi những người không xứng với chúng ta. Nếu họ cho con thấy đúng như họ là thế, con sẽ đánh giá họ xem họ có gì đáng giá, mọi cái hào nhoáng của họ chẳng làm cho con kính nể họ được lâu đâu; nhưng cho dù con có nhận định tốt, và con tự hiểu về giá trị, song con vẫn thiếu kinh nghiệm và con không biết được những người đàn ông có thể giả bộ đến mức nào. Một kẻ tài giỏo quyệt có thể nghiên cứu các các thị hiếu của con để quyến rũ con, và có thể lúc ở bên con giả bộ có những đức tính mà hắn không hề có. Hắn sẽ làm mất danh giá của con, Sophie, trước khi con nhận ra điều đó và con chỉ còn biết nhận ra sai lầm của mình để khóc vì lỡ làng mà thôi. Cái nguy hiểm nhất trong mọi cái bẫy, và cái bẫy độc nhất mà lý trí không sao tránh được, là cái bẫy của nhục cảm; nếu có khi nào con bất hạnh mà sa vào cái bẫy đó, con sẽ chỉ thấy có ảo vọng và những mơ ước hão huyền, cặp mắt con sẽ say đắm, sự xét đoán của con sẽ rối loạn, ý chí của con bị hủy hoại, chính sai lầm của con sẽ là quý báu đối với con; và khi đủ khả năng để nhận ra lỗi lầm, thì con sẽ không còn muốn quay về với sự lỡ lầm ấy nữa. Con gái của ta ơi, chính là ta giao phó con cho lý trí của Sophie,

chứ ta không hề phó mặc con cho thiên hướng của trái tim con. Chừng nào con vẫn bình tĩnh, thì con cứ tự xét đoán lấy, nhưng hễ con vừa yêu, thì hãy để mẹ con lo cho con.

"Ta đưa ra cho con một thỏa thuận để con nhận rõ sự đánh giá cao của chúng ta, và lập lại trật tự tự nhiên giữa chúng ta. Cha mẹ lựa chọn người chồng cho con gái họ, và chỉ hỏi ý kiến con gái cho phải phép: đó là tập quán. Chúng ta sẽ làm hoàn toàn ngược lại: con sẽ lựa chọn, và chúng ta sẽ được hỏi ý kiến. Hãy sử dụng quyền của con, Sophie; hãy sử dụng nó một cách tự do và khôn ngoan. Người chồng phù hợp với con phải do sự lựa chọn của con chứ không phải của chúng ta. Nhưng chính chúng ta phải xem xét cân nhắc liệu con có lầm lẫn về những điều tương hợp hay không, và liệu con có làm điều gì khác với điều con muốn mà chẳng biết hay không. Dòng dõi, của cải, đẳng cấp, dư luận chẳng can dự gì vào lý lẽ của chúng ta. Hãy lấy một người đàn ông chân thật mà con thích con người anh ta và anh ta có tính cách phù hợp với con: ngoài ra thì cho dù anh ta có là thế nào, chúng ta cũng nhận anh ta làm con rể. Bao giờ của cải của anh ta cũng sẽ là khá lớn, nếu anh ta có đôi tay, có đức tính tốt, và anh ta yêu gia đình riêng của mình. Đẳng cấp của anh ta sẽ luôn luôn khá nổi bật, nếu anh ta nâng cao phẩm giá cho nó bằng đức độ của mình. Mọi người trên khắp Trái đất này nếu chê trách chúng ta, thì có sao nào? Chúng ta không tìm cách để cho mọi người khen ngợi, mà chúng ta chỉ cần hạnh phúc của con".

Các độc giả, tôi không biết là một lối nói như vậy sẽ có hiệu quả ra sao đối với các cô gái được giáo dục theo cách của quý vị. Còn về phía Sophie thì cô sẽ không thể trả lời được vấn đề này bằng lời, sự xấu hổ và mùi lòng không dễ dàng gì để cho cô nói ra được; nhưng tôi chắc chắn rằng nó sẽ vẫn khắc ghi vào trái tim cô trong suốt quãng đời về sau, và chắc chắn rằng nếu như người ta có thể tin vào một quyết định nào đó của con người, đó chính là tin vào quyết định nào làm cho con người được xứng đáng với sự đánh giá của cha mẹ.

Cứ cho là sự việc tồi tệ nhất đi, và coi như cô ta sẵn có một tính tình nóng nảy, khiến cho sự chờ đợi lâu hành hạ cô ta; tôi nói rằng sự phán đoán, những kiến thức, thị hiếu, sự tế nhị của cô ta, và nhất là những tình cảm mà trái tim cô ta đã được nuôi dưỡng từ thuở ấu thơ sẽ làm đối trọng cho sự cuồng nhiệt của nhục cảm, sẽ đủ cho cô ta chiến thắng các nhục cảm của mình, hay ít ra là

chống cự với chúng được lâu dài. Cô thà chết tuẫn nạn cho tình cảnh của mình còn hơn là gây đau khổ cho cha mẹ mình, mà lấy một người đàn ông không ra gì và để lâm vào bất hạnh của một cuộc hôn nhân thiếu hòa hợp. Chính tự do mà cô đã nhận được chỉ giúp cho tâm hồn cô được nâng lên một tầm cao mới, và lại làm cho cô khó khăn nhiều hơn trong sự chọn lựa người chỉ huy mình. Với tính khí của một người đàn bà Ý, và sự nhạy cảm của người đàn bà Anh, cô có cái tự hào của người đàn bà Tây Ban Nha để kiềm chế trái tim và nhục cảm của mình, ngay cả khi kiếm tìm một người yêu, người đàn bà Tây Ban Nha không dễ gì tìm được ai mà cô thấy xứng với mình.

Không phải ai cũng cảm nhận được rằng lòng yêu chuộng những sự việc đúng đắn lại có thể đem lại cho tâm hồn một động lực đến thế, và người ta có thể thấy mình có sức mạnh đến thế nào khi người ta mong muốn là người thực sự đức độ. Có những người mà mọi việc cao cả đều là hão huyền đối với họ, và trong cái lý lẽ ti tiện và thấp hèn của họ, chẳng có bao giờ họ biết đến cái cuồng nhiệt của chính đức hạnh có thể tác động thế nào đến những đam mê của con người. Chỉ có thể nói chuyện với những con người này bằng những tấm gương, kệ họ nếu họ cố khăng khăng phủ nhận những tấm gương ấy. Nếu tôi có bảo họ rằng Sophie không hề là một con người trong tưởng tượng, và rằng riêng chỉ có tên cô là do tôi nghĩ ra mà thôi, còn việc giáo dục cô, các thói quen của cô, tính cách của cô, ngay cả khuôn mặt cô nữa đều có trong hiện thực, và hoài niệm về cô còn khiến cả một gia đình lương thiện nhỏ bao dòng lệ, chắc hẳn là những kẻ ấy chẳng tin; nhưng rốt cuộc, tôi sẽ mạo hiểm gì khi thẳng thắn kể cho hết câu chuyện về một cô gái giống Sophie đến nỗi câu chuyện này có thể là câu chuyện của cô mà không làm cho mọi người phải ngạc nhiên? Mà họ có tin là thật hay không cũng chẳng can gì; tôi sẽ, nếu như họ muốn, kể ra những điều hư cấu, nhưng tôi sẽ luôn luôn giải thích phương pháp của mình và bao giờ tôi cũng sẽ đi tới các mục tiêu đã định của mình.

Cô thiếu nữ, với tính khí mà tôi vừa gán cho Sophie, ngoài ra lại còn có cả mọi sự tương hợp có thể nâng cao giá trị tên tuổi của cô và tôi để cho cô được thế. Sau cuộc trò chuyện mà tôi đã kể lại, cha mẹ cô xét thấy trong xóm họ ở sẽ không có đám nào bèn gửi cô qua mùa đông ở thành phố đến ở nhà một bà dì đã được bí mật biết rõ nội dung chuyến đi; bởi vì cô Sophie tự tôn ấy giữ trong đáy lòng mình niềm tự hào cao quý là biết chiến thắng chính mình; và dù cô có cần một người chồng đến mức nào thì cô vẫn thà là một cô gái chết già còn hơn là phải quyết định tự mình đi kiếm chồng.

Để đáp ứng ý định của cha mẹ cô, bà dì đưa cô đi giới thiệu với các gia đình, dẫn cô vào các cuộc giao tiếp, vào các hội hè, giúp cho cô làm quen với mọi người, hay trước hết là làm cho mọi người biết cô, bởi vì Sophie không quan tâm mấy đến những nơi ồn ào này. Tuy vậy người ta cũng nhận thấy rằng cô không lẩn tránh những chàng trai có bộ mặt dễ coi, có vẻ ý nhị và đúng mực. Ngay trong thái độ dè dặt kín đáo của mình, cô có một sự khéo léo nào đó để thu hút họ, gần giống với sự làm dáng; nhưng sau khi đã được gặp mặt trò chuyện với họ hai hoặc ba lần thì cô bỏ hẳn các cách thu hút ấy. Ngay sau đó, cô thay thế vẻ quyền uy dường như chấp nhận sự tôn kính bằng một thái độ khiêm nhường hơn và một sự lịch thiệp có ý cự tuyệt hơn. Bao giờ cũng chú tâm vào bản thân mình, cô không tạo cho họ cơ hội nào để họ phục dịch cho mình dù là việc nhỏ nhất. Nghĩa là cô không muốn làm tình nhân của họ.

Chẳng bao giờ những trái tim nhạy cảm lại ưa thích các thú vui ồn ào, niềm hoan lạc hão huyền và vô bổ của những con người vô ý thức, cứ tin rằng làm cho cuộc đời mình chếnh choáng với những thú khuây khỏa ấy là hưởng thụ cuộc đời. Còn Sophie chẳng hề tìm được cái cô đang kiếm, và thất vọng thấy rằng nó chỉ có vậy, cô thấy chán ghét thành thị. Cô yêu tha thiết cha mẹ mình, không gì bù đắp được cho cô sự thiếu vắng cha mẹ, không có gì đủ làm cho cô quên được họ; cô trở về gặp lại cha mẹ từ rất sớm so với thời hạn đã định cho cuộc trở về.

Cô vừa mới nắm lại các công việc trong nhà cha mẹ là người ta đã thấy cô thay đổi hẳn tâm trạng trong khi cô vẫn giữ đúng cách hành xử như trước. Cô có những lúc đãng trí, bồn chồn, cô buồn và mơ mộng, cô tìm chỗ khuất để khóc một mình. Thoạt tiên người ta tưởng cô đang yêu và vì thế mà xấu hổ. Người ta nói với cô điều đó, cô bác bỏ. Cô cam kết rằng chưa từng thấy ai có thể làm rung động trái tim cô, và Sophie đã không hề nói dối.

Trong khi đó cô cứ mòn mỏi dần, và sức khỏe của cô bắt đầu suy giảm. Mẹ cô lo lắng về sự thay đổi này cuối cùng quyết định phải tìm hiểu nguyên nhân sự việc. Bà gặp riêng cô và thể hiện với cô lối nói xa gần bóng gió và sự mơn trớn khó cưỡng nổi mà chỉ có tình âu yếm của người mẹ mới biết dùng đến. Con gái của mẹ, mẹ đã mang nặng đẻ đau ra con, và chính là con mà mẹ vẫn luôn luôn mang trong tim, hãy trút mọi bí mật của lòng con vào lòng mẹ. Còn có bí mật nào mà một người mẹ không thể biết? Ai là người xót thương những đau khổ của con, ai là người chia sẻ chúng với con, ai là người muốn làm vơi đi những sầu muộn ấy cho con nếu không phải là cha con và mẹ? A!

Con của mẹ, liệu con có muốn mẹ chết vì nỗi đau của con mà không biết nỗi đau ấy hay không?

Không hề có ý giấu mẹ những nỗi buồn của mình, cô thiếu nữ không đòi hỏi gì hơn nữa là được có mẹ làm người an ủi mình và làm người bạn tâm tình; nhưng sự xấu hổ ngăn cản cô nói ra và sự đứng đắn làm cô không tìm ra được lời lẽ để diễn tả một tình trạng thật kém xứng đáng với cô như những cảm giác đang làm rối các nhục cảm của mình dù rằng cô đã có tình trạng ấy. Cuối cùng thì chính sự xấu hổ của cô chỉ cho mẹ cô thấy sự việc, bà giúp cô nói hết ra những lời thú nhận mất thể diện ấy. Không hề gây buồn phiền cho cho cô bằng những lời quở trách vô lý, bà an ủi cô, xót thương cô, gục vào cô mà khóc; bà quá khôn ngoan nên không coi như cô mắc một tội lỗi về nỗi đau mà chỉ riêng đức hạnh của cô khiến nó thành quá xót xa. Nhưng sao lại cứ phải chịu đựng nỗi đau một cách không cần thiết mà cách sửa chữa lại quá đơn giản và quá chính đáng? Cô đã sử dụng tự do mà mọi người dành cho cô làm gì? Sao cô lại không chấp nhận một người chồng? Cái gì làm cho cô không chọn anh ta? Liệu cô có biết rằng số phận của cô chỉ tùy thuộc vào riêng mình cô mà thôi hay không, và cô có biết rằng cho dù cô chọn lựa thế nào đi nữa thì cũng sẽ được chấp nhận, bởi vì cô không thể chọn một người mà anh ta không phải là người ngay thẳng hay không? Người ta đã gửi cô ra thành phố, cô đã chẳng muốn nấn ná ở lại đó; rất nhiều đám đã được giới thiệu mà cô đã chán ghét và cự tuyệt tất cả. Vậy thì cô chờ đợi cái gì? Cô muốn gì? Thật là một mâu thuẫn không sao hiểu nổi!

Câu trả lời thật là đơn giản. Nếu chỉ là sự cứu vãn cho tuổi trẻ, thì sự lựa chọn đã sớm được quyết định, nhưng đây lại là một ông chủ gia đình cho cả cuộc đời thì thật không dễ gì lựa chọn; và, chính vì người ta không thể tách riêng hai sự lựa chọn này, thì phải dằn lòng chờ đợi, và thường khi mất cả tuổi trẻ rồi mới tìm được một người đàn ông mà ta muốn cùng anh ta chung sống. Trường hợp của Sophie là như vậy đó: cô cần có một người yêu, nhưng người yêu này phải trở thành người chồng của cô; và muốn cho trái tim cũng phải hợp với trái tim mình, thì người yêu gần như cũng khó tìm thấy như người chồng. Tất cả các chàng thanh niên kia quá hào nhoáng nhưng với cô thì chỉ có sự phù hợp về độ tuổi, còn những điều khác thì bao giờ họ cũng chẳng có, đầu óc của họ nông cạn hời hợt, thói huyênh hoang của họ, những tiếng lóng của họ, những phẩm tính vô quy tắc của họ, những thói bắt chước phù phiếm của họ làm cho cô chán ghét họ. Cô đang tìm một người đàn ông mà chỉ thấy có những con khỉ; cô tìm kiếm một tâm hồn mà không sao tìm được.

Cô bảo mẹ sao con lại khổ sở đến thế, con cần yêu, và con không thấy có một cái gì là vừa ý mình. Trái tim con gạt bỏ tất cả những ai hấp dẫn nhục cảm của con. Con không thấy có một ai là không khêu gợi các dục vọng của con, và không một ai là người kiềm chế các dục vọng ấy, một hứng thú không có niềm quý trọng thì không thể lâu dài được. A, đó chẳng phải là người đàn ông cần có cho Sophie của quý vị. Cái hình mẫu dễ thương của cô đã in dấu quá sâu đậm trong tâm hồn cô. Cô chỉ có thể yêu được người ấy, cô chỉ có thể làm cho người ấy trở nên hạnh phúc, cô chỉ có thể sống hạnh phúc với riêng mình người ấy. Cô thích dù mình có bị mòn mỏi đi và phải phấn đấu không ngừng, cô thích chết trong bất hạnh mà tự do còn hơn là bị tuyệt vọng sống cạnh một người đàn ông mà cô không yêu, và bản thân người ấy bị cô làm cho khổ sở; thà không còn sống nữa còn hơn là chỉ sống để mà đau khổ.

Kinh ngạc về những điều lập dị ấy, mẹ cô thấy chúng quá kỳ cục thành thử chẳng thể không nghi ngờ có điều bí ẩn gì ở đó. Sophie chẳng phải là con người kiểu cách gì, cũng chẳng phải là con người lố bịch. Thế nào mà cái khó tính quá đáng ấy lại có thể hợp với cô, với con người mà từ thuở ấu thơ người ta không hề dạy cô những điều như thế, mà chỉ dạy cô phải bằng lòng với những người mà cô phải chung sống, và cần phải gượng vui mà làm điều bất đắc dĩ. Cái mẫu người đàn ông đáng yêu mà cô quá ưa chuộng, và người ấy lại hiện về quá thường xuyên trong mọi cuộc trò chuyện của cô, làm cho mẹ cô phỏng đoán rằng thói bất thường này có một số nền tảng nào khác mà bà còn chưa biết rõ và Sophie vẫn chưa kể hết với bà. Cô gái bất hạnh, oán mình dưới nỗi đau thầm kín của mình, chỉ còn tìm cách để thổ lộ tâm tình. Mẹ cô giục cô, cô do dự, cuối cùng cô chịu thua, và ra khỏi phòng mà không nói gì, một lát sau cô trở vào với một cuốn sách trên tay: xin hãy xót thương cho đứa con gái khốn khổ của mẹ, nỗi buồn của con là vô phương cứu chữa, những dòng lệ của con không sao cạn được. Mẹ muốn biết nguyên nhân điều đó, xin vâng! Nó đây này, cô nói và ném cuốn sách lên bàn. Bà mẹ cầm lấy cuốn sách và mở ra: đó là cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Télémaque,* thoạt tiên bà chẳng hiểu gì về cái việc khó hiểu này; cố sức hỏi để được những câu trả lời tối nghĩa, cuối cùng thì với một sự ngạc nhiên cũng dễ hiểu thôi, bà thấy rằng Sophie đang là tình địch của Eucharis.

Sophie đã đem lòng yêu Télémaque, và yêu chàng với một đam mê không gì có thể chữa khỏi được. Lúc cha mẹ cô vừa biết chuyện điên khùng này của cô, họ thấy thật đáng buồn cười, và họ tin rằng có thể đưa cô trở lại bằng lý lẽ. Họ lầm rồi: lý lẽ không hoàn toàn đứng hẳn về phía họ; Sophie cũng có lý lẽ

của cô và biết làm cho lý lẽ ấy được tôn trọng. Không biết bao nhiêu lần cô làm cho họ phải im bặt bằng cách dùng ngay những lập luận của họ để phản bác họ, bằng cách vạch cho họ thấy rằng chính họ đã làm toàn bộ điều tai hại, rằng họ không hề đào tạo cô cho người đàn ông của thời đại cô đang sống; rằng nhất thiết phải để cho cô chấp nhận theo các cách suy nghĩ của người chồng hoặc để cho cô ta trao cho anh cách suy nghĩ của cô; rằng cha mẹ đã làm cho cách thứ nhất trở nên bất cập bằng cái cung cách mà họ đã giáo dục cô, rằng cách thứ hai đúng là cái mà cô đang tìm kiếm. Cô bảo rằng xin hãy trao cho một con người đàn ông thấm nhuần các châm ngôn của con, dù con có thể dẫn dắt anh ta đến nơi nào, và con cưới anh ta; nhưng đã đến thế thì tại sao cha mẹ lại la mắng con? Xin hãy xót thương cho con. Con thật đau khổ nhưng không phải là điên. Trái tim đâu có tùy thuộc vào ý chí? Chính cha con chẳng đã từng bảo thế đó sao? Đâu phải lỗi tại con nếu con yêu cái không hề tồn tại? Con không hề là một kẻ mơ mộng hão huyền; con không muốn một ông hoàng, con chẳng hề đi tìm Télémaque, con biết thừa đó chỉ là một hư cấu: Con đi tìm ai đó giống như anh ta. Và tại sao con người nào ấy lại không tồn tại chứ, chính vì con tồn tại, con là người cảm thấy có tấm lòng quá giống với tấm lòng của người ấy? Không, chúng ta đừng có hạ nhục loài người thế; đừng có nghĩ rằng một người đàn ông dễ mến và có đức chỉ là một ảo tưởng. Anh ta có thật, anh ta đang sống, dễ thường anh ta đang tìm con cũng nên, anh ta đang tìm một tâm hồn biết yêu anh ta. Nhưng anh ta là ai nhỉ? Anh ta ở đâu? Con không biết: Anh ta không phải bất cứ kẻ nào mà con từng gặp; chắc chắn cũng chẳng phải những kẻ mà con sẽ gặp. Ôi mẹ ơi, tại sao mẹ lại làm cho con quá yêu quý đức hạnh? Nếu con chỉ có thể yêu được đức hạnh mà thôi, thì lầm lỗi ít thuộc về con hơn là thuộc về mẹ.

Liệu tôi có dẫn câu chuyện buồn này đến chỗ kịch biến của nó không nhỉ? Tôi sẽ kể những tranh luận dài dòng có từ trước đó sao? Tôi sẽ trình bày về một người mẹ mất kiên nhẫn chuyển những ve vuốt lúc đầu của mình thành sự nghiêm khắc hay sao? Tôi sẽ cho thấy một người cha bị kích động quên mất cả những cam kết đầu tiên của mình và đối xử với cô gái đức hạnh nhất trong các cô gái như với một cô điên hay sao? Cuối cùng là tôi sẽ mô tả cô thiếu nữ bất hạnh càng gắn bó hơn với ảo ảnh của mình bởi sự đeo đẳng tai hại mà ảo ảnh ấy đã làm cô đau khổ, lê bước chầm chậm tới cõi chết, và bước xuống mồ trong lúc ta tưởng rằng đưa cô đến bên bàn thờ chăng? Không, tôi gạt đi những đối tượng tai hại này. Tôi không cần đi quá xa để chứng tỏ bằng một tấm gương gây ấn tượng khá mạnh, theo tôi, bất kể các

thành kiến sinh ra từ các tập quán của thời đại, cảm hứng về sự ngay thẳng và về cái đẹp không xa lạ với đàn bà cũng như với đàn ông, và dưới sự chi phối của tự nhiên chẳng có gì mà người ta lại không thể nhận được ở đàn bà giống như nhận được ở chúng ta.

Người ta ngắt lời tôi ở đây để hỏi tôi rằng liệu có phải tự nhiên định ra cho chúng ta biết bao nhiêu khó khăn để kiềm chế những dục vọng quá mức. Tôi trả lời là không phải, nhưng cũng chẳng phải tự nhiên phú cho chúng ta biết bao nhiêu là dục vọng quá đáng. Thế thì mọi cái không phải tự nhiên đều là chống lại tự nhiên: tôi đã chứng nghiệm điều này cả ngàn lần rồi.

Chúng ta hãy trao cho Émile cô Sophie của anh ta, chúng ta hãy làm sống lại cô thiếu nữ khả ái ấy để cho cô một trí tưởng tượng bớt mãnh liệt hơn và một vận số hạnh phúc hơn. Tôi muốn mô tả một người đàn bà bình thường và do cứ nâng tâm hồn cô lên nhiều quá, tôi đã làm rối lý trí của cô; bản thân tôi cũng lạc hướng. Chúng ta hãy trở lại hướng đi của mình. Sophie chỉ có một bản chất tốt trong một tâm hồn bình thường: tất cả những gì cô trội hơn những người đàn bà khác là hiệu quả việc giáo dục của cô.

Tôi đã dự định nói trong cuốn sách này tất cả những gì có thể làm được, để cho mọi người lựa chọn cái gì là vừa tầm với mình trong những điều hay mà tôi có thể đã nói lên được. Ngay từ đầu tôi đã nghĩ đến đào tạo từ lâu một người bạn gái cho Émile, và giáo dục người này vì người kia và ngược lại. Nhưng suy nghĩ kỹ về điều đó, tôi thấy mọi sự thu xếp quá sớm này đều không được thỏa đáng, và thật phi lý khi quyết định gán ghép cho đôi trẻ ngay khi còn chưa thể biết liệu sự kết hợp đó có ở trong trật tự tự nhiên hay không, và liệu đôi trẻ có được những mối quan hệ tương hợp với nhau không để mà kết đôi như vậy. Không được lẫn lộn cái gì là tự nhiên ở tình trạng hoang dã, với cái gì là tự nhiên ở trạng thái văn minh. Trong tình trạng hoang dã thì mọi người đàn bà hợp với mọi người đàn ông, bởi vì những người nọ và những người kia vẫn chỉ có cái dạng nguyên sơ và công cộng; trong trạng thái văn minh thì mỗi tính cách vì được phát triển bởi các thiết chế xã hội, và mỗi một trí tuệ, vì có một dạng thức riêng và xác định không phải chỉ là do riêng giáo dục mà còn do sự góp sức được thu xếp hay hoặc dở của yếu tố tự nhiên và của yếu tố giáo dục, nên người ta chỉ còn có thể làm chúng hòa hợp với nhau bằng cách giới thiệu chúng, người nọ với người kia để xem chúng có hợp nhau về mọi mặt không, hay để ít ra là coi trọng hơn sự lựa chọn nào có được nhiều nhất những nét tương hợp đó.

Điều tai hại là trong khi phát triển các tính cách thì xã hội lại phân ra đẳng cấp, và hai trật tự này, cái nọ lại chẳng giống cái kia chút nào, người ta càng phân biệt đẳng cấp thì lại càng lẫn lộn các tính cách. Các cuộc hôn nhân kém hòa hợp và mọi sự lẫn lộn nảy ra từ đó; đem lại kết quả hiển nhiên làm cho ta thấy rằng người ta càng xa rời sự bình đẳng thì những tình cảm tự nhiên lại càng bị biến chất đi; khoảng cách giữa những người cao sang và thấp hèn càng tăng thì quan hệ hôn nhân càng lỏng lẻo; càng có những người giàu và những người nghèo thì càng ít có những ông bố và những ông chồng. Người chủ gia đình và kẻ nô lệ không còn có được gia đình mình nữa mà từng người trong các cặp vợ chồng ấy chỉ biết có địa vị mình mà thôi.

Quý vị có muốn phòng ngừa những sai lầm và làm cho các cuộc hôn nhân được hạnh phúc, thì xin hãy bỏ qua các thành kiến, hãy quên đi các thể chế của con người, và xin hãy suy xét kỹ cái tự nhiên. Xin đừng phối kết những người chỉ hợp nhau trong một hoàn cảnh đã định và sẽ không còn hợp nhau nữa về sau, hoàn cảnh ấy rồi sẽ thay đổi đi, và chọn những người nào sẽ còn hợp với nhau trong mọi tình cảnh mà họ lâm vào, trong xứ sở mà họ sinh sống, trong đẳng cấp mà họ có thể rơi vào. Tôi không bảo rằng nên coi nhẹ các quan hệ theo ước lệ trong hôn nhân, nhưng tôi bảo rằng các mối quan hệ tự nhiên chiếm phần ưu thắng hơn ảnh hưởng của các quan hệ theo ước lệ ấy, thành thử chỉ riêng có ảnh hưởng của các quan hệ tự nhiên là quyết định đối với số phận của cuộc đời, và có những tương hợp như thế về thị hiếu, về tính tình, về tình cảm, về tính cách khiến cho một người cha hiền minh, dù có là ông hoàng hay ông vua đi nữa cũng không cần cân nhắc xin hỏi cho cậu con trai mình một cô gái mà cậu ta có đủ mọi nét tương hợp trên, cho dù cô có sinh trưởng trong một dòng họ bất lương, hay có là con gái của tên đao phủ: Vâng, tôi chủ trương rằng mọi bất hạnh có thể tưởng tượng nếu rơi xuống đôi vợ chồng hòa thuận, thì họ sẽ còn hưởng được một hạnh phúc chân thật là được cùng khóc với nhau, hạnh phúc mà họ sẽ chẳng có trong mọi may mắn của trần gian này, khi bị đầu độc bởi sự bất hòa của những trái tim.

Vậy thì lẽ ra là chọn vợ cho Émile của tôi từ lúc cậu còn thơ ấu, thì tôi đợi để biết xem ai là người hợp với cậu. Không phải là tôi làm cái việc gả bán này mà là tự nhiên; công việc của tôi là tìm ra sự chọn lựa mà tự nhiên đã làm. Việc của tôi, tôi nói việc của tôi chứ không nói việc của người cha; bởi vì trong khi trao con ông cho tôi, ông đã cho tôi thế chỗ của ông, ông cho tôi thay quyền ông, chính tôi là người cha thực sự của Émile, chính tôi đã làm cho anh ta nên người. Tôi sẽ từ chối giáo dục anh ta nếu tôi không có quyền làm chủ để

cưới vợ cho anh ta theo sự lựa chọn của anh, nghĩa là theo sự lựa chọn của tôi. Chỉ có ý muốn làm cho một con người được hạnh phúc mới có thể trả giá cho bấy nhiêu công việc đã làm cho một người đàn ông có khả năng vươn tới hạnh phúc ấy.

Nhưng xin đừng tưởng rằng để tìm ra người vợ cho Émile, tôi đã đề ra nhiệm vụ cho anh ta tìm kiếm cô ta. Cuộc tìm kiếm tưởng tượng này chỉ là một cái cớ để làm cho anh ta quen với phụ nữ, nhằm làm cho anh ta nhận ra giá trị của người nào phù hợp với anh ta. Sophie đã được tìm thấy từ lâu, có khi Émile đã gặp cô ta rồi cũng nên, nhưng anh sẽ chỉ nhận ra được cô khi thời cơ đến.

Dù cho hoàn cảnh tương đồng không phải là thiết yếu cho hôn nhân, khi mà sự tương đồng này gắn bó với những nét tương hợp khác, nó đem lại cho những nét tương hợp ấy một giá trị mới; nó không được tính đến cho bất cứ sự tương hợp nào, nhưng nó lại làm nghiêng cán cân khi mọi thứ đều tương đương.

Một người đàn ông, trừ phi anh ta là đế vương, còn thì không thể tìm vợ trong mọi tầng lớp; bởi vì tuy anh ta không có thành kiến nhưng thành kiến ấy lại có ở những người khác; và một cô gái nào đó có thể hợp với anh ta đấy, mà anh lại sẽ không lấy được cô vì điều đó. Vậy nên có những châm ngôn về sự thận trọng buộc một người cha sáng suốt phải hạn chế việc tìm tòi của mình. Không được mong muốn cho học trò của mình bước vào một tầng lớp cao sang hơn của anh ta, bởi vì điều đó không tùy thuộc ở ông. Khi ông có thể, ông vẫn không nên mong muốn điều đó; vì đẳng cấp can hệ gì đến chàng trai, ít ra là đến chàng trai của tôi? Và trong khi đó thì vì leo cao, anh chàng gặp hàng ngàn điều tệ hại có thực mà anh ta phải đeo đẳng suốt đời. Thậm chí tôi còn nói rằng anh ta chẳng nên mong đền bù san sẻ những cái hay nhưng có bản chất khác nhau, như là sự quý phái và tiền bạc, bởi vì mỗi một thứ trong hai thứ đó bù được chẳng là bao giá trị cho cái kia mà lại vì cái đó mà bị biến thái đi, và hơn nữa sự đánh giá chung, và cuối cùng thì phần hơn mà mỗi người gán cho phần góp của mình sửa soạn cho sự bất hòa giữa hai gia đình, và thường là giữa hai vợ chồng.

Về trật tự hôn nhân, còn có sự khác biệt rất lớn khi người đàn ông phối kết với người ở tầng lớp trên hay tầng lớp dưới của mình. Trường hợp đầu là hoàn toàn trái với lẽ phải, trường hợp sau thì hợp lý hơn. Vì gia đình chỉ gắn

bó với xã hội qua ông chủ gia đình, thế là tình trạng của ông chủ chi phối tình trạng của toàn thể gia đình. Khi kết phối với một đẳng cấp thấp hơn, anh ta không hề rớt xuống, anh ta nâng người vợ lên; ngược lại, khi lấy một người vợ ở tầng lớp cao hơn mình thì anh ta hạ thấp cô vợ xuống còn mình lại chẳng nâng lên cao được. Cho nên, trong trường hợp đầu thì có điều lợi mà không có hại, còn trong trường hợp sau thì có điều hại mà không có lợi. Hơn nữa người vợ vâng theo người chồng là thuận theo trật tự của tự nhiên. Vậy khi anh ta lấy vợ, ở tầng lớp dưới, trật tự của tự nhiên và trật tự xã hội dân sự là phù hợp với nhau, và mọi chuyện đều tốt đẹp. Còn ngược lại, khi lấy người ở tầng lớp cao hơn mình, người đàn ông rơi vào sự lựa chọn hoặc là làm hại quyền lực của mình hoặc là làm hại đến lòng biết ơn của mình, và trở thành vô ơn hoặc bị khinh rẻ. Lúc đó người vợ tự phụ có quyền uy, biến thành bạo chúa của người chủ mình; và ông chủ gia đình, trở thành kẻ nô lệ, thành một tác phẩm lố bịch và khốn khổ nhất của tạo hóa. Đấy là những kẻ được sủng ái bất hạnh mà vua chúa châu Á ban vinh dự và làm khổ vì kết thông gia và người ta bảo rằng để ngủ chung với vợ, họ chỉ dám vào giường từ phía chân giường mà thôi.

Tôi dự liệu là nhiều độc giả, khi nhớ lại rằng tôi gán cho đàn bà một tài năng tự nhiên để điều khiển người đàn ông, sẽ buộc tội tôi ở đây về sự mâu thuẫn: tuy nhiên họ sẽ lầm. Có sự khác nhau giữa việc tự phong cho mình quyền ra lệnh, và điều khiển người ra lệnh. Thế lực của đàn bà là một thế lực của dịu hiền, của sự khéo léo, và của sự chiều chuộng; các mệnh lệnh của cô ta là những cái mơn trớn, những đe dọa của cô ta là những dòng lệ. Cô ta phải chi phối mọi việc trong nhà như ông bộ trưởng trong công việc nhà nước bằng cách làm cho người ta ra lệnh điều cô muốn làm. Trong ý nghĩa đó thì trong các gia đình người đàn bà có quyền hành nhiều nhất: nhưng khi cô ta bỏ qua tiếng nói của ông chủ nhà, muốn lấn lướt các quyền lực của ông ta và tự mình ra lệnh, thì sự lộn xộn này bao giờ cũng chỉ đem lại hậu quả là đau khổ, cãi cọ om xòm và ô danh mà thôi.

Còn lại là sự lựa chọn giữa những cô tương đương với mình và những cô thấp kém hơn mình, và tôi tin rằng còn có đôi điều hạn chế phải thực hiện với các cô thấp kém hơn mình; bởi vì khó mà tìm được trong đám cặn bã của dân chúng một người vợ đủ khả năng tạo nên hạnh phúc cho một người đàn ông ngay thẳng: không phải con người ở những tầng lớp dưới cùng hư đốn hơn so với ở những tầng lớp trên, mà vì ở đó người ta ít có ý tưởng về cái nào là đẹp,

là đoan chính, và vì sự bất chính của các hàng ngũ khác khiến hàng ngũ này thấy sự chính đáng ở ngay cả thói hư tật xấu của họ.

Dĩ nhiên là người đàn ông không suy nghĩ gì nhiều lắm. Suy nghĩ là một nghệ thuật mà anh ta học được như mọi người khác, và thậm chí còn khó khăn hơn. Đối với hai giới thì tôi chỉ biết là thực sự họ được chia ra làm hai loại: một loại người suy nghĩ, loại người kia thì không hề; và gần như là sự khác biệt này chỉ do giáo dục mà ra. Một người đàn ông thuộc loại thứ nhất không thể nào phối kết với một người trong loại kia; bởi anh ta sẽ bị thiếu mất hứng thú lớn nhất của sự giao thiệp khi mà có vợ rồi anh ta lại buộc phải suy tư một mình. Những người nào dành cả đời mình để lao động kiếm sống thì không có ý tưởng nào khác ngoài ý tưởng về công việc và về lợi ích của họ, và toàn bộ tâm trí của họ dường như dồn cả vào hai bàn tay. Sự dốt nát này không hề có tác hại gì đến cả tính trung thực lẫn phẩm cách, thậm chí thường thì cái dốt nát còn được việc ở lĩnh vực này; người ta thường hay hòa giải với bổn phận của mình do cứ cố suy nghĩ về nó, và kết quả là người ta đặt ra một thứ tiếng lóng thay cho sự việc. Ý thức là nhà triết học sáng suốt nhất trong các nhà triết học: người ta chẳng cần biết đến *Offices* của Cicéron để trở thành con người có thiện tâm; và người đàn bà của giới giao tiếp mà trinh thục nhất có thể là biết ít nhất về sự trinh thục của người đàn bà là cái gì. Nhưng cũng đúng là một đầu óc có văn hóa, riêng nó làm cho việc giao lưu được dễ chịu thoải mái, và thật là một chuyện đáng buồn cho một ông chủ gia đình thích ở trong nhà mình lại buộc phải trầm tư một mình ở đó, và không sao có thể làm cho ai hiểu được mình.

Ngoài ra, một người đàn bà không có lấy một thói quen suy nghĩ nào thì làm sao mà dạy dỗ được con cái? Cô ta nhận thức thế nào về cái gì là phù hợp với chúng? Cô ta sẽ uốn nắn chúng ra sao cho hợp với đạo đức mà cô chưa từng được biết đến, cho chúng được đánh giá cao mà cô chưa hề có một ý niệm nào về chuyện này? Cô sẽ chỉ biết nuông chiều hoặc đe nẹt chúng, làm cho chúng trở thành xấc láo hoặc nhút nhát, cô sẽ biến chúng thành những con khỉ khéo diễn trò hay những đứa trẻ nhếch nhác ngu dại, mà không bao giờ tạo ra được những đầu óc đúng đắn cho được những đứa trẻ dễ thương.

Vậy một người đàn ông có học mà lại lấy một người đàn bà vô học là không hợp chút nào, do đó lấy một người đàn bà ở một tầng lớp mà người ta không sao có được học vấn cũng không thích hợp. Nhưng tôi lại yêu một cô gái đơn giản và được giáo dục một cách thô thiển hơn gấp trăm lần một cô gái

thông tuệ và có khiếu văn chương, cô ta sẽ thiết lập ngay trong nhà tôi một tòa án văn chương mà tự cô làm chánh án. Một người vợ có khiếu văn chương là cái gánh nặng cho chồng mình, cho các con của mình, cho các bạn bè của mình, cho các đầy tớ của mình, cho tất cả mọi người. Từ chốn cao tuyệt vời của tài văn chương của mình, cô ta xem khinh mọi bổn phận của người vợ, và bao giờ cũng bắt đầu bằng việc làm ra vẻ đàn ông kiểu như cô de l' Enclos. Ra ngoài, cô ta lúc nào cũng thật đáng cười và bị phê phán rất trúng, bởi vì người ta không sao tránh được lố lăng đáng cười ngay khi ra khỏi thân phận của mình và vì người ta không hề được tạo ra cho cái thân phận mà ta muốn nhận lấy. Tất cả những người đàn bà tài cao ấy bao giờ cũng chỉ lừa phỉnh được những kẻ ngốc. Khi các cô làm việc thì bao giờ người ta cũng biết được người cầm bút hay cầm cọ là nghệ sỹ nào hay bạn tình nào, người ta biết ai là nhà thông thái kín đáo đang lén đọc cho các cô viết các lời sấm truyền của họ. Mọi trò lừa phỉnh này là không xứng với người đàn bà đức hạnh. Khi cô ta có tài năng thật sự, tham vọng của cô sẽ làm giảm giá các tài năng đó. Phẩm cách của cô phải không được biết đến; vinh dự của cô là ở danh giá của chồng: các thú vui của cô là ở trong hạnh phúc của gia đình cô. Thưa các độc giả, tôi nói chuyện này với chính các vị, xin hãy có thiện ý: điều nào giúp cho quý vị có ý kiến tốt đẹp hơn về một người đàn bà khi quý vị bước vào phòng của cô, điều nào giúp cho quý vị tiếp cận cô với sự tôn trọng hơn, thấy cô bận rộn trong những công việc của nữ giới, trong những chăm lo cho việc nhà, quanh cô bừa bộn những quần áo mặc hằng ngày của các con, hay là thấy cô đang viết những dòng thơ trên bàn trang điểm của mình, xung quanh đầy rẫy các tập sách mỏng đủ các loại và những tấm thiếp nhỏ vẽ đủ mọi màu sắc? Mọi cô gái quá sính văn chương sẽ vẫn cứ là gái già suốt đời nếu như ở đời này chỉ có những người đàn ông biết lẽ phải trái.

Quoeris cur nolim te ducere, Galla? diserta es[288],

Sau những nhận xét này tiếp đến là nhận xét về gương mặt; đó là nhận xét đầu tiên gây tác động và là nhận xét cuối cùng ta cần thực hiện, mà lại không nên xem thường nó. Đối với tôi thì trong hôn nhân hình như nên tránh xa một vẻ đẹp rực rỡ hơn là tìm kiếm nó. Sắc đẹp bị cũ đi nhanh chóng do sự chiếm hữu, trong vòng sáu tuần lễ, nó không còn đáng gì nữa đối với kẻ chiếm hữu nó, nhưng những tai họa do nó gây ra lại kéo dài ngang với nó. Trừ phi

[288] Tiếng Latin: Galla, nàng hỏi ta tại sao ta không muốn cưới nàng? Nàng lợi khẩu quá.

một người đàn bà đẹp là một thiên thần, còn thì anh chồng của cô ta là kẻ bất hạnh nhất trong những người đàn ông; và khi cô lại thật là một thiên thần, thì làm thế nào cô ngăn cản được chồng không ngừng bị vây quanh bởi các đối thủ của anh ta? Nếu sự xấu xí cực kỳ mà không đến nỗi quá gây chán ghét, thì tôi lại thích nó hơn là sắc đẹp cực kỳ; bởi vì chỉ ít lâu thôi thì cả hai cái xấu và cái đẹp đều chẳng còn là gì nữa đối với người chồng, sắc đẹp trở thành một điều phiền toái và sự xấu xí lại là một lợi thế. Nhưng sự xấu xí mà gây nên chán ghét là cái tệ nhất trong mọi bất hạnh; cái ác cảm này không những không bị phai nhạt đi mà còn không ngừng tăng lên và biến thành căm thù. Một cuộc hôn nhân như vậy chính là địa ngục; thà chết quách đi còn hơn là kết hôn như vậy.

Xin cứ ước muốn sự tầm thường ở mọi thứ, không ngoại trừ ngay cả sắc đẹp nữa. Một gương mặt dễ coi và dễ thương, không khêu gợi tình yêu mà là lòng nhân từ, là điều mà ta nên ưa chuộng; gương mặt đó không gây tổn hại gì cho người chồng; và lợi thế còn chuyển thành ích lợi chung cho cả đôi: những nét duyên dáng không mòn mỏi đi như sắc đẹp; chúng có đời sống của mình, chúng đổi mới không ngừng và sau khi cưới đến ba chục năm thì một người vợ đứng đắn với những nét duyên dáng của mình vẫn làm hài lòng người chồng như ngày đầu tiên.

Đó là những suy nghĩ làm cho tôi quyết định trong việc lựa chọn Sophie. Cô cũng được dạy dỗ theo tự nhiên như Émile, cô được tạo ra cho anh ta hơn hẳn so với bất cứ cô nào khác, cô sẽ là người vợ của người đàn ông. Cô là kẻ tương đồng của anh ta về dòng dõi và về giá trị, là kẻ kém hơn anh ta về tài sản. Cô không gây say mê khi mới gặp lần đầu, nhưng cô làm cho người ta ngày càng ưa thích hơn. Ái lực mạnh nhất của cô chỉ tác động theo mức độ; nó chỉ nảy nở trong giao tiếp thân mật; và chồng cô cảm nhận được nó hơn ai hết trên đời này. Việc giáo dục cho cô không nổi bật mà cũng không xoàng xĩnh, cô biết thưởng thức mà không phải học, có các tài khéo mà không cần nghệ thuật, biết xét đoán mà không cần kiến thức. Đầu óc cô không biết nhưng nó được trau dồi cho việc học; đó là miếng đất đã được làm kỹ chỉ có chờ hạt giống để sinh lợi. Cô chẳng bao giờ đọc sách ngoài sách của Barrême[289] và cuốn truyện về Télémaque - những cuốn sách ngẫu nhiên rơi vào tay cô; nhưng một thiếu nữ có thể say mê Télémaque liệu có phải là có một trái tim vô cảm và một đầu óc thiếu tế nhị không? Ôi sự dốt nát thật đáng yêu! Hạnh

[289] Tác giả một cuốn sách giản yếu đầu tiên về kế toán.

phúc thay cho ai được giao phó việc dạy cô ta! Cô sẽ không hề làm thầy của chồng mình, mà là đệ tử của anh ta; thay vì bắt anh ta phải theo thị hiếu của mình, cô lại theo các sở thích của anh. Đối với anh cô đáng giá hơn nhiều so với trường hợp cô là người đàn bà thông thái, anh sẽ có niềm vui được dạy cô mọi thứ. Cuối cùng đây là lúc họ gặp nhau; chúng ta hãy tìm cách cho họ tiếp cận nhau.

Chúng tôi rời Paris buồn bã và mơ màng. Cái chỗ ba hoa chuyện phiếm này chẳng phải là nơi quy tụ của chúng tôi. Émile ngoái nhìn cái thành phố lớn ấy với một ánh mắt khinh miệt, và nói với vẻ bực bội; phí mất bao nhiêu ngày giờ để mà tìm kiếm uổng công! A, người vợ trong lòng con chẳng phải ở nơi ấy. Này ông bạn lớn, người thừa biết điều đó, mà người chẳng coi thời gian của con đáng bao lăm, và những nỗi đau của con chẳng làm người khổ gì mấy. Tôi chăm chú nhìn anh ta, và tôi bảo anh mà không hề xúc động: Émile, con tin vào điều con nói chứ? Ngay lúc đó anh ta ngượng ngùng ôm lấy cổ tôi, và xiết chặt tôi trong tay anh mà không trả lời. Bao giờ anh ta sai trái thì câu trả lời của anh ta cũng là như thế.

Giờ đây chúng tôi băng ngang qua các cánh đồng như những kỵ sỹ lang thang thực thụ; không như những kẻ tìm kiếm các cuộc phiêu lưu, trái lại chúng tôi lánh xa chúng khi rời khỏi Paris, nhưng bắt chước khá giống nhịp đi lang thang của họ, lúc nhanh lúc chậm, lúc thì thúc ngựa chạy nhanh, lúc thì đi bước một. Ai mà cố theo cách thực hành của tôi thì cuối cùng rồi họ sẽ nắm được tinh thần của nó và tôi không hình dung nổi có độc giả nào do tập quán báo trước đủ để cho rằng cả hai chúng tôi đều ngủ thiếp đi trên một xe trạm cửa đóng kín, đi mà chẳng thấy một cái gì, chẳng quan sát một cái gì, làm cho khoảng cách từ nơi xuất phát đến nơi chúng tôi đến trở thành vô nghĩa, và trong cái tốc độ của chuyến đi của chúng tôi thì không còn thì giờ để mà điều chỉnh nó.

Mọi người bảo rằng cuộc đời là ngắn ngủi, và tôi thấy họ cứ cố tình làm cho cuộc đời ngắn đi như thế. Vì không biết sử dụng cuộc đời, họ than phiền về sự mau lẹ của thời gian, còn tôi thì thấy rằng thời gian trôi đi quá chậm rãi theo như ý họ. Luôn luôn mang đầy ắp mục tiêu mà họ hướng tới, họ nuối tiếc khoảng cách giữa chúng: người này thì muốn được ở vào ngày mai, người kia lại muốn ở vào tháng sau, người nọ lại muốn được ở vào mười năm sau; chẳng có ai muốn sống ngày hôm nay, chẳng ai bằng lòng với giờ khắc hiện tại, tất cả đều thấy cái giờ khắc ấy trôi qua quá chậm. Khi họ than

phiền rằng thời gian trôi quá nhanh là họ nói dối; họ sẵn lòng trả giá để có quyền làm thời gian trôi nhanh hơn; họ sẵn lòng dùng của cải của mình để tiêu dùng toàn bộ cuộc đời mình; và trong chuyện này có thể là chẳng có một ai không muốn rút ngắn năm tháng của mình thành một số thời gian rất ít ỏi nếu anh ta được tùy thích chủ động cất bỏ những giờ khắc nặng nề đối với anh ta, tùy theo nỗi buồn chán của anh ta, và tùy theo nỗi bồn chồn của anh ta mà cất bỏ những giờ khắc ngăn cách anh ta với thời điểm ao ước. Người này để nửa cuộc đời trôi qua để đi từ Paris đến Versailles, từ Versailles đến Paris, từ thành phố về thôn quê, từ thôn quê về thành phố, và từ quận này sang quận kia, anh ta sẽ quá lúng túng về thời gian nếu như anh ta không có được bí quyết để hoài hủy thời gian như vậy, và anh ta cố tình xa rời công việc của mình để chăm lo vào việc đi tìm các công việc đó: anh ta tưởng tận dụng được thời gian mà anh ta đã dành cho việc đó, và nếu không thế thì anh ta chẳng biết làm gì với thời gian ấy, hoặc, trái lại, anh ta chạy để mà chạy, và đến bằng xe trạm không ngoài mục đích gì khác là để quay về nhà cũng bằng xe trạm. Hỡi những con người, quý vị cứ vu cáo tự nhiên mãi hay sao? Vì sao quý vị phàn nàn rằng cuộc đời là ngắn ngủi bởi nó vẫn không đủ ngắn theo ý quý vị? Nếu như có lấy một ai trong quý vị biết tiết độ trong các ham muốn của mình để đừng bao giờ lại mong cho thời gian trôi đi, thì con người ấy chẳng hề coi cuộc đời là quá ngắn ngủi, sống và hưởng thụ đối với người đó là như nhau; và nếu người ấy có phải chết non, ông ta chỉ sẽ chết mà đã tận hưởng ngày tháng của mình.

Khi tôi không chỉ có mỗi một lợi điểm này trong phương pháp của mình, thì chỉ riêng lợi điểm đó phải khiến cho phương pháp của tôi được ưa chuộng hơn mọi phương pháp khác. Tôi không hề đào tạo Émile cho sự ham muốn cũng như cho mong đợi, mà là cho việc hưởng thụ, và khi anh ta đưa những ham muốn của mình vượt quá hiện tại, thì điều đó chẳng phải là với một nhiệt tình khá mãnh liệt để thấy bị phiền hà vì sự chậm rãi của thời gian. Anh ta sẽ không chỉ hưởng thụ sự vui thú được ham muốn, mà là sự vui thích được đi tới mục tiêu mà anh mong muốn; và những đam mê của anh đều được tiết chế đến mức anh luôn luôn ở nơi mình đang ở hơn là ở nơi mà anh sẽ tới.

Vậy nên chúng tôi không đi như các phu trạm mà theo kiểu khách du lịch. Chúng tôi không chỉ nghĩ đến hai nơi, điểm xuất phát và điểm đến, mà còn nghĩ đến khoảng cách giữa hai điểm ấy. Chính chuyến du lịch này là một thú vui cho chúng tôi. Chúng tôi không thực hiện chuyến đi bằng cách ngồi buồn

tẻ y như bị nhốt vào cái cũi nhỏ khép kín. Chúng tôi không đi du lịch theo kiểu nghi ngơi, uể oải của đàn bà. Chúng tôi không tự mình bỏ phí không khí thoáng đãng, cũng như việc nhìn ngắm các sự vật quanh mình, cũng như tùy nghi ngắm nghía chúng khi nào mình thích. Émile sẽ không bao giờ bước lên một cái xe trạm, và ít khi đi xe trạm nếu anh ta không vội. Nhưng vì cái gì mà Émile có thể phải vội vã chứ. Chỉ có mỗi một việc là để hưởng thụ cuộc đời. Liệu tôi có nói thêm là để làm việc thiện khi anh ta có thể không? Không đâu, vì chính việc đó cũng là hưởng thụ cuộc đời rồi.

Tôi cho rằng chỉ có một cách đi du lịch thoải mái hơn đi ngựa, đó là cuốc bộ. Lúc ta thích thì đi, muốn nghỉ thì dừng lại, ta vận động nhiều hay ít là tùy ý mình. Ta quan sát khắp xứ sở, đi vòng sang phải, sang trái, ta xem xét mọi thứ gì làm ta thích thú; ta quan tâm đến mọi phương diện. Tôi thấy một dòng sông nhỏ ư? Tôi liền đi dọc theo ven bờ; thấy một cánh rừng rậm ư? Tôi đi dưới bóng râm rạp của nó; thấy một hang đá ư? Tôi liền đến thăm; thấy một nơi khai thác đá ư? Tôi liền đến khảo sát các khoáng thạch. Mọi nơi nào làm tôi thích, tôi ở lại đó. Cho đến lúc tôi buồn chán, tôi bỏ đi, tôi không phụ thuộc vào mấy con ngựa, cũng không phụ thuộc vào anh phu trạm. Tôi không cần chọn những con đường có sẵn, những con đường tiện lợi; tôi đi qua khắp mọi nơi nào mà con người có thể đi qua; tôi thấy được mọi thứ mà con người có thể thấy; và, vì chỉ phụ thuộc vào chính mình, tôi hưởng thụ được mọi tự do mà một con người có thể hưởng thụ được. Nếu thời tiết xấu làm tôi dừng chân và nếu buồn chán xâm chiếm tôi, thì lúc ấy tôi dùng ngựa. Nếu tôi mệt... Nhưng nào Émile có mệt gì đâu; anh ta khỏe mạnh; và tại sao anh ta lại mệt được nhỉ? Anh ta chẳng vội gì mà. Nếu anh ta có dừng lại, thì làm sao anh ta có thể buồn chán được cơ chứ? Anh ta mang theo khắp nơi cái gì đó để vui chơi kia mà. Anh ta vào nhà một ông thợ cả, anh ta làm việc, anh ta vận động cánh tay cho đôi chân mình được nghỉ ngơi.

Đi du lịch mà đi bộ, tức là đi du lịch giống như Thalès, Platon, và Pythagore. Tôi khó mà hiểu nổi làm sao các triết gia lại có thể chọn cách đi du lịch kiểu khác được, và chịu từ bỏ việc khảo sát các bảo vật dưới chân mình mà Trái đất phô bày đầy rẫy trước mắt mình. Ai là người, có yêu mến nghề nông đôi chút, mà lại không muốn biết những đặc sản của vùng khí hậu ở những nơi mà mình đi qua cùng cách thức vun trồng các sản vật ấy? Ai là người, có hứng thú đôi chút về vạn vật học lại quyết định đi qua một khoảng đất mà không khảo sát nó, qua một tảng đá mà không đục đẽo nó, qua núi non mà không sưu tập cây cỏ, qua những đống sỏi đá mà không tìm kiếm các vật hóa

thạch? Các triết gia khuê phòng[290] của quý vị nghiên cứu vạn vật học trong các phòng sưu tập của mình; họ có mọi thứ tạp nham; họ biết tên khoa học của từng thứ, nhưng chẳng có ý niệm gì về tự nhiên. Nhưng phòng của Émile lại phong phú hơn phòng của các vua chúa; phòng ấy là toàn vẹn cả Trái đất. Mỗi vật được đặt đúng chỗ trong phòng, nhà vạn vật học Émile đã dày công sắp xếp mọi thứ trong một trật tự tốt đẹp; Daubenton[291] có lẽ cũng không làm hay hơn được.

Người ta thu được biết bao nhiêu là lạc thú khác nhau bằng cách du lịch thú vị này, ấy là chưa kể đến sức khỏe được củng cố, tính tình được vui vẻ lên. Tôi từng thấy những khách du lịch trong những cỗ xe tốt thật êm, luôn mơ màng, buồn bã, gầm gào hay rên rỉ, còn những khách bộ hành thì bao giờ cũng vui vẻ, khoan khoái và hài lòng về mọi chuyện. Lòng ta hớn hở biết mấy khi ta về gần đến nhà: Một bữa ăn tầm thường mà sao ngon lành thế! Ta được nghỉ ngơi ở bàn ăn sao mà thích thú biết bao! Ta ngủ ngon đến thế nào trên một chiếc giường tồi tàn! Khi ta chỉ muốn đến nơi thôi thì ta đi xe trạm, nhưng khi ta muốn du ngoạn thì phải đi bộ.

Nếu khi chúng tôi chưa đi được năm mươi dặm theo cách mà tôi nghĩ ra, mà Sophie không bị lãng quên, thì hẳn là tôi không mấy khéo léo, hoặc là do Émile không mấy hiếu kỳ, vì với bấy nhiêu kiến thức cơ bản, anh ta không khỏi tránh được sự cám dỗ để tiếp thu thêm nhiều kiến thức nữa. Người ta chỉ hiếu kỳ tương xứng với trình độ học vấn của mình mà thôi; anh ta hiểu biết vừa vặn đủ để mong muốn học hỏi thêm.

Tuy nhiên, một mục tiêu lại lôi cuốn một mục tiêu khác và chúng tôi luôn luôn tiến tới. Tôi đã đặt cho chuyến đi đầu tiên của chúng tôi một giới hạn xã hội: duyên cớ của việc này thì dễ đoán ra: phải tìm một người đàn bà ở phương xa bằng cách rời khỏi Paris.

Có hôm nào đó, sau khi chúng tôi đã lạc lối lâu quá mức bình thường trong các thung lũng nhỏ, trong các núi non mà người ta chẳng thấy có lối đi nào, chúng tôi không sao biết cách tìm ra được lối đi. Việc đó chẳng hệ trọng gì mấy với chúng tôi, mọi lối đi đều tốt cả, miễn là ta đi được đến nơi: nhưng

---

[290] * Tiếng Pháp: Philosophe de ruelles, là những triết gia được các quý bà tiếp trong khuê phòng, khi cần lánh mặt thì nấp vào khe giữa thành giường và tường, tiếng Pháp gọi là ruelle.

[291] * Daubenton (1716-1800): nhà tự nhiên học người Pháp.

còn phải tới một nơi nào đó khi ta đói. May sao chúng tôi gặp một nông dân dẫn chúng tôi đến ngôi nhà tranh của anh ta; chúng tôi ăn bữa ăn chiều đạm bạc của anh rất ngon lành. Thấy chúng tôi mệt đến thế, đói đến thế, anh ta nói với chúng tôi: Nếu Chúa lòng lành đã hướng dẫn các ông đến sườn đồi bên kia, thì các ông sẽ được tiếp đón nồng hậu hơn... các ông sẽ tìm được một ngôi nhà yêu thích hơn... những con người từ thiện biết bao... những người tốt bụng biết bao...! Họ không có lòng tốt hơn tôi đâu, nhưng họ giàu có hơn, mặc dầu người ta bảo rằng ngày xưa họ còn giàu hơn nhiều... Ơn Chúa, họ không phải chịu khổ, và khắp bàn dân thiên hạ đều cảm nhận được những gì còn sót lại cho họ.

Vừa nghe thấy tiếng những người tốt bụng ấy, tấm lòng chàng Émile hiền hậu hớn hở hẳn lên. Này ông bạn của con, anh vừa nói vừa nhìn tôi, chúng ta hãy đi tới nhà ấy mà các chủ nhân được những người láng giềng chúc phúc ấy: con sẽ rất mừng được đến thăm họ, có lẽ họ cũng sẽ rất vui đón tiếp chúng ta. Con tin chắc họ sẽ đón tiếp chúng ta tử tế: nếu họ là những bằng hữu của chúng ta, thì chúng ta sẽ là những bằng hữu của họ.

Ngôi nhà được chỉ rành rẽ, chúng tôi khởi hành, chúng tôi lang thang trong các khu rừng; dọc đường bất chợt gặp phải một trận mưa to, mưa làm chúng tôi đi chậm lại nhưng không phải dừng lại. Rốt cuộc chúng tôi tìm thấy lại đường đi, và đến chiều thì chúng tôi tới ngôi nhà được chỉ định. Trong cái xóm bao quanh ngôi nhà ấy, chỉ có nó là có vẻ khang trang, mặc dù giản dị. Chúng tôi tự giới thiệu và xin tạm trú. Người ta đưa chúng tôi đến nói chuyện với chủ nhà; ông ta cật vấn chúng tôi nhưng một cách nhã nhặn; chúng tôi nói về duyên cớ của việc rẽ đường của mình mà không nói ra nguyên nhân của việc du ngoạn. Ông ta còn giữ được từ cuộc sống phong lưu ngày xưa cái tài nhận dạng giai cấp của con người qua các cử chỉ của họ; người nào đã sống trong xã hội thượng lưu ít khi lầm lạc về việc đó: nhờ có cái "giấy thông hành" ấy mà chúng tôi được thu nhận.

Người ta chỉ cho chúng tôi một gian buồng rất nhỏ nhưng sạch sẽ và đủ tiện nghi; người ta nhóm lò sưởi ở đó, chúng tôi thấy có khăn, quần áo, tất cả những gì cần cho chúng tôi. Émile ngạc nhiên nói: Sao thế, có thể nói rằng chúng ta đã được mong đợi! Ôi, người nông dân ấy nói thật có lý! Thật là ân cần biết bao! Thật là tử tế làm sao! Thật là biết phòng xa làm sao, thế mà lại dành cho những người không quen biết mới lạ chứ? Tôi tưởng chừng như đang ở thời đại của Homère. Tôi bảo anh ta rằng con hãy cảm kích về tất cả những việc đó, nhưng con đừng ngạc nhiên về điều đó; ở tất cả những nơi nào

hiếm mà người lạ mặt thì họ được hậu đãi: không có gì làm cho người ta hiếu khách hơn việc thường không phải đãi khách. Chính sự đông đảo khách khứa hủy diệt tính hiếu khách. Ở thời đại của Homère, người ta không mấy khi du hành, và những khách lữ hành được tiếp đón nồng hậu ở khắp mọi nơi. Có lẽ chúng ta là những lữ khách duy nhất đi qua mà ở đây suốt năm người ta mới gặp. Anh ta nói tiếp, không hề gì, chính việc đó là một điều đáng khen vì biết không cần khách khứa mà lại luôn luôn tiếp đãi họ tử tế.

Sau khi đã hong khô quần áo và ăn mặc chỉnh tề, chúng tôi đến gặp lại ông chủ nhà; ông ta giới thiệu chúng tôi với vợ ông, bà tiếp chúng tôi không những lịch sự mà còn tử tế nữa. Những cái nhìn của bà là vinh dự dành cho Émile. Một người mẹ, trong trường hợp của bà, ít khi nhìn mà không áy náy, hay ít ra là không hiếu kỳ, khi thấy một người đàn ông trạc tuổi ấy vào nhà bà.

Người ta sai làm gấp bữa ăn tối vì lòng mến chuộng chúng tôi. Khi đi vào phòng ăn chúng tôi thấy năm bộ đồ ăn: chúng tôi ngồi vào chỗ, còn lại một chỗ trống. Một cô thiếu nữ đi vào, nghiêng mình chào rất thấp, và khiêm nhường ngồi xuống mà không nói gì cả. Émile bận rộn với cái đói của mình hay những câu trả lời của mình, chào cô ta, rồi nói chuyện, rồi ăn. Mục đích chính trong cuộc du hành hãy còn xa cách với tư tưởng của anh ta đến nỗi anh ta tự cho là mình còn xa đích. Câu chuyện xoay quanh việc đi lạc của du khách. Ông chủ nhà nói với anh ta: Này cậu, tôi xem ra cậu là một chàng trai dễ mến và khôn ngoan; và điều đó khiến tôi nghĩ rằng các quý ông đến đây, vị sư phó của cậu và cậu, mệt nhọc và ướt át như Télémaque và sư phó đến đảo của Calypso[292]. Émile đáp: Quả thật chúng tôi thấy ở đây lòng hiếu khách của Calypso[293]. Sư phó của anh ta nói thêm: Và thấy vẻ kiều diễm của Eucharis. Nhưng Émile thì đã biết quyển *Odyssée* mà chưa hề đọc *Télémaque*: anh ta chẳng biết Eucharis là ai. Còn cô thiếu nữ ấy, tôi thấy cô thẹn đến đỏ cả mắt, cúi nhìn xuống đĩa của mình và không dám thở. Người mẹ nhận ra sự bối rối của cô, ra hiệu với người cha và ông này đổi câu chuyện. Khi nói về cảnh cô tịch của ông, ông đi dần vào câu chuyện các biến cố đã giam hãm ông vào cảnh

---

[292] * Ông chủ nhà và vị sư phó nói về Calypso trong *Những cuộc phiêu lưu của Télémaque* của Fénelon, phỏng theo chủ đề về Philoclès. Télémaque đi tìm cha là Ulysse và được Nữ hoàng Calypso đón tiếp rất nồng hậu. Nhân đó, chàng gặp Eucharis và hai người yêu nhau say đắm.

[293] * Calypso theo Émile hiểu là nữ hoàng đảo Ogygie trong *Odyssée*, người đã đón nhận Ulysse khi chàng bị đắm tàu và giữ chàng ở lại trên đảo mười năm.

này, các hoạn nạn của đời ông, lòng chung thủy của vợ ông, những điều an ủi mà họ đã tìm thấy trong cuộc hôn phối của mình, cuộc đời êm đềm và yên tĩnh mà họ sống ở nơi ẩn dật, song bao giờ cũng không hề đả động đến một lời về cô thiếu nữ ấy; tất cả những điều đó hợp thành một câu chuyện thú vị và cảm động mà người ta không thể nào nghe mà không cảm thấy hứng thú. Émile bùi ngùi, xúc động, ngừng ăn để nghe. Cuối cùng đến chỗ mà người đàn ông chân thật nhất ấy giãi bày một cách thích thú hơn mối tình khăng khít của người đàn bà xứng đáng nhất thì chàng du khách trẻ tuổi, quá xúc động nắm lấy một bàn tay của ông chồng và xiết chặt, và, tay kia anh ta cầm lấy tay bà vợ vừa nghiêng mình cảm kích để những giọt lệ rơi trên tay bà. Lòng nhiệt thành ngây thơ của chàng thanh niên làm cho tất cả mọi người xúc động; nhưng cô thiếu nữ, nhạy cảm hơn ai hết trước cái biểu hiện ấy của lòng tốt ở chàng trai, tưởng chừng như thấy Télémaque đang xúc động về những nỗi gian nan của Philoctète[294], cô lại đưa mắt nhìn anh để quan sát cẩn thận gương mặt của anh; cô không tìm ra được nét nào phủ định sự so sánh ấy. Diện mạo bình dị của anh có vẻ ưng dung mà không ngạo mạn, các cử chỉ của anh nhanh nhẹn mà không vụng về; tính đa cảm của anh làm cho cái nhìn của anh dịu dàng hơn, gương mặt dễ mến cảm hơn, cô thiếu nữ thấy anh khóc mà suýt hòa những giọt lệ của mình với những giọt lệ của anh. Dù có một duyên cớ tốt đẹp đến thế, một nỗi hổ thẹn thầm kín giữ cô lại: cô đã tự trách mình về những giọt lệ suýt nữa nhỏ xuống từ mắt cô, cứ như thể rơi lệ vì gia đình cô là một điều xấu vậy.

Người mẹ ngay từ lúc bắt đầu bữa ăn đã không ngớt trông chừng cô, thấy rõ sự gò bó của cô và giải thoát cô khỏi tâm trạng ấy bằng cách sai cô đi làm một việc vặt. Một phút sau cô trở vào nhưng chưa bình tĩnh lại được đến nỗi hết thảy mọi người đều nhìn rõ sự bấn loạn của cô. Bà mẹ dịu dàng bảo cô: Sophie, con hãy bình tĩnh lại, hãy đừng khóc lóc cho các đau khổ của cha mẹ nữa có được chăng. Con là người từng an ủi cho chúng ta về chuyện ấy, con không nên quá xúc động hơn chính cha mẹ con.

Vừa nghe thấy cái tên Sophie ấy, có lẽ quý vị thấy Émile giật mình. Xúc động về một cái tên thân thiết đến thế, anh ta bừng tỉnh đột ngột và đưa mắt nhìn đầy thèm muốn lên con người dám mang cái tên đó. Sophie, ôi, Sophie!

---

[294] * Philoctète: Rousseau nhầm Philoclès thành Philoctète. Philoclès là nhân vật trong cổ văn về chủ đề nỗi gian nan của một hoàng tử đi tìm vua cha bị mất tích (Theo Pierre Bargelin trong Rousseau, *Émile ou de la éducation*, Gallimard, 1969).

Có phải là người mà trái tim tôi đang tìm kiếm không? Có phải là người mà lòng tôi đang yêu mến không? Anh quan sát cô, ngắm cô với một thứ e sợ và ngờ vực. Anh không thấy đúng gương mặt mà anh đã tự phác họa; anh không biết gương mặt anh đang nhìn đẹp hơn hay kém hơn. Anh xem xét mỗi nét, anh rình xem mỗi cử động, mỗi điệu bộ; anh tìm thấy, ở tất cả, hàng ngàn ý nghĩ hỗn độn; anh có thể hy sinh nửa đời mình để được cô thốt ra một lời thôi. Anh ta nhìn tôi, lo âu và bối rối, đôi mắt anh ta, cùng một lúc, đặt ra cho tôi cả trăm câu hỏi, cả trăm lời trách móc. Anh dường như nói với tôi trong mỗi cái nhìn: ông hãy dìu dắt con khi hãy còn kịp; nếu lòng con xiêu và nhầm lẫn, con sẽ không đổi ý về việc đó suốt đời con.

Émile là người đàn ông ít biết cách giả vờ nhất trên đời. Làm thế nào mà anh ta lại có thể giả vờ được trong cơn bối rối nhất của đời mình, giữa bốn người chứng kiến quan sát anh và trong số đó người mà bề ngoài tỏ ra lơ đễnh nhất thực ra lại là người chú ý nhất? Sự bấn loạn của anh ta không hề thoát khỏi cặp mắt sắc sảo của Sophie: đôi mắt của anh làm cho cô thừa biết mình là đối tượng của sự bấn loạn ấy: cô thấy rằng sự lo âu này còn chưa phải là tình yêu; nhưng có can gì đâu? Anh ta quan tâm đến cô và điều đó là đủ rồi: cô sẽ rất đau khổ, nếu anh quan tâm đến cô mà việc đó lại không dẫn đến kết quả nào.

Các bà mẹ có cặp mắt cũng giống như các cô con gái của họ nhưng có thêm kinh nghiệm nữa. Bà mẹ của Sophie mỉm cười về sự thành công của các dự định của chúng tôi. Bà biết rõ cõi lòng của đôi trẻ ấy; bà thấy rằng đã đến lúc cầm chân anh chàng Télémaque mới này; bà gợi chuyện với con gái bà. Cô con gái bà với vẻ dịu dàng tự nhiên của mình trả lời bằng một giọng rụt rè chỉ càng làm tăng thêm hiệu quả của giọng nói ấy. Vừa nghe thấy âm đầu tiên của lời nói ấy Émile đã bị chinh phục, đó là Sophie, anh ta không còn nghi ngờ gì việc này nữa. Giá không phải là Sophie, thì cũng quá chậm để cải chính điều đó.

Chính lúc này những vẻ kiều diễm của cô gái quyến rũ ấy ào ạt tràn vào trái tim anh ta, và anh ta bắt đầu uống từng hơi dài món độc dược mà cô làm anh ngây ngất. Anh ta không nói nữa, anh ta không trả lời được nữa, anh chỉ thấy có Sophie: nếu cô nói một lời nào, anh há mồm ra; nếu cô nhìn xuống, anh nhìn xuống; nếu anh thấy cô thở dài, anh thở dài; dường như chính tâm hồn của Sophie làm cho anh ta sống. Trong khoảnh khắc tâm hồn, anh đã biết bao thay đổi! Đó không còn là Sophie run sợ nữa mà là đến lượt Émile. Thôi hết rồi sự tự do, sự ngây thơ, sự thẳng thắn! Ngượng ngùng, bối rối, sợ sệt, anh không dám nhìn xung quanh mình nữa, sợ trông thấy người ta nhìn mình. Xấu hổ vì để người ta hiểu thấu mình, có lẽ anh muốn tàng hình đối với mọi

người để tha hồ được ngắm cô thỏa thích và không bị ai xét nét. Sophie, trái lại, vững tâm vì nỗi sợ sệt của Émile, cô biết rõ sự đắc thắng của mình, cô lấy làm thích thú về chuyện đó.

No'l mostra già, ben che in suo cor ne rida.[295]

Cô không thay đổi thái độ; nhưng cho dù trong cái thần thái khiêm nhường với cặp mắt nhìn xuống, trái tim dịu hiền của cô đập rộn lên vì niềm vui, và bảo cô rằng đã tìm được Télémaque.

Nếu ở đây tôi bước vào câu chuyện quá ngây thơ và có thể là quá giản dị của những mối tình trong trắng của họ, người ta sẽ coi những tình tiết này như một trò phù phiếm, và họ sẽ lầm. Người ta không xem xét đầy đủ cái ảnh hưởng mà mối quan hệ đầu tiên của một người đàn ông với một người đàn bà phải có trong suốt cuộc đời của cả người nọ và người kia. Người ta không thấy rằng cái ấn tượng đầu tiên, mãnh liệt như ấn tượng của tình yêu hay của cái khuynh hướng thay thế cho tình yêu, ấn tượng ấy có những hiệu quả lâu dài mà ta không nhận ra được sự liên tục tiến triển qua năm tháng, nhưng lại tác động không ngừng cho tới tận lúc chết mới thôi. Người ta dạy chúng ta trong sách giáo khoa những từ ngữ cao siêu vô bổ và thông thái rởm về những bổn phận viển vông của trẻ con; và người ta lại chẳng bảo cho ta lấy một lời về cái bộ phận quan trọng nhất và khó khăn nhất của toàn bộ việc giáo dục, đó là cuộc khủng hoảng tạo ra sự chuyển tiếp từ đứa trẻ lên thành người lớn. Nếu tôi có thể làm cho các tiểu luận này có ích lợi ở một vài chỗ, trước hết tôi phải kéo thật dài phần chủ yếu này đã bị tất cả những người khác bỏ sót, và không để cho mình bị chán nản vì những sự tế nhị giả dối, cũng chẳng sợ hãi vì những khó khăn trong ngôn từ. Nếu tôi đã nói điều cần phải làm tức là tôi đã nói điều tôi phải nói: Tôi chẳng thiết gì việc mình đã viết một tiểu thuyết. Cuốn tiểu thuyết về bản chất con người là một tiểu thuyết khá hay. Nếu như nó chỉ xuất hiện trong những dòng chữ này, phải chăng đó là lỗi của tôi? Có phải đó là câu chuyện của giống loài ta? Quý vị đã làm sai lạc nó đi, chính quý vị khiến sách của tôi thành một cuốn tiểu thuyết.

Còn một duyên cớ khác, nó cùng cố cho cái thứ nhất, là ở đây không nói đến một chàng thanh niên từ nhỏ đã lâm vào cảnh sợ sệt, thèm thuồng, đố kỵ, ngạo mạn và vào mọi đam mê dùng làm phương tiện cho việc giáo dục thông

---

[295] * Tiếng Latin: Nàng không để lộ ra, mặc dầu phấn khởi trong lòng (Tasse, *Giải phóng Jérusalem* - tập anh hùng ca in năm 1575 ngợi ca cuộc thập tự chinh do Godefroi de Bouillon chỉ huy năm 1099).

thường, mà nói đến một chàng thanh niên chính ở chỗ này, không chỉ có mối tình đầu tiên, mà sự đam mê đầu tiên nguyên vẹn; từ cái đam mê ấy, có thể là cái duy nhất mà anh ta cảm nhận một cách mãnh liệt trong suốt đời mình, hình thành nên hình thái cuối cùng của tính cách anh ta. Các cách suy nghĩ, các tình cảm, các thị hiếu của anh ta được ấn định bởi một đam mê bền vững, sẽ tiếp nhận được một sự ổn định làm cho chúng không sao biến chất đi được.

Người ta hiểu rằng giữa tôi và Émile, với một buổi tối như thế thì đêm hôm ấy không phải để ngủ cho đẫy giấc. Vậy thì có sao! Chỉ có mỗi sự trùng lặp một cái tên mà lại tác động đến thế lên một người đàn ông khôn ngoan? Chỉ có một Sophie ở cõi đời này sao? Tất cả các cô ấy có giống nhau cả tâm hồn và tên gọi hay không? Tất cả những cô mà anh sẽ gặp có phải là cô ấy của anh không? Có phải là điên khùng khi say đắm như vậy đối với một cô gái không quen biết mà anh ta chưa bao giờ được nghe nói đến không? Hãy chờ xem, chàng trai, hãy cân nhắc, hãy quan sát. Con cũng còn chưa biết là con đang ở nhà ai; và cứ nghe con nói, người ta tưởng như con đã đang ở nhà con rồi.

Đây không phải là lúc cho các bài học, và những bài học này không phải làm ra để được nghe. Các bài học chỉ làm cho người thanh niên có một mối quan tâm mới mẻ đối với Sophie do mong muốn biện chính cho sự xiêu lòng của mình. Mối liên quan giữa các tên gọi ấy, cuộc gặp gỡ mà anh ta tưởng là ngẫu nhiên này, ngay cả sự thận trọng của tôi, chỉ kích động cho tính linh hoạt của anh ta: anh ta đã thấy Sophie quá xứng đáng được quý mến đến nỗi anh ta tin chắc là làm được cho tôi yêu mến cô.

Sáng ra, tôi rất ngờ rằng, trong bộ quần áo đi đường tồi tàn của mình, Émile sẽ cố mặc cho cẩn thận hơn. Anh ta không quên điều đó; nhưng tôi buồn cười về sự sốt sắng của anh để làm quen với quần áo của nhà chủ. Tôi hiểu thấu tư tưởng của anh ta; tôi thích thú đoán ra được là, bằng sự chuẩn bị việc hoãn lại các thứ mình mượn, việc trao đổi, anh tìm cách thiết lập một kiểu thông tin liên lạc để anh có quyền gửi đến đó và trở lại đó.

Tôi đã mong được thấy Sophie về phần cô cũng chỉnh tề hơn một chút: tôi đã lầm. Sự làm dáng tầm thường ấy hợp cho những ai mà người ta chỉ muốn làm hài lòng họ. Sự làm dáng của tình yêu chân chính thì thanh tao hơn; nó có những dự tính khác hẳn. Sophie còn ăn mặc giản dị hơn cả hôm trước, và thậm chí còn sơ sài hơn, tuy rằng bao giờ cũng sạch sẽ tinh tươm. Tôi chỉ thấy được cái làm dáng trong sự chểnh mảng này là vì trong đó có sự cố tình làm ra vẻ sơ sài. Sophie biết rõ là việc ăn mặc kiểu cách hơn sẽ là một lời tuyên bố;

nhưng cô lại không biết rằng cách phục sức chỉnh mảng hơn lại là một cách biểu lộ khác; nó chứng tỏ rằng người ta không bằng lòng với việc được ưa thích do trang sức, mà người ta cũng muốn được ưa thích do con người của mình. Miễn là người yêu thấy được rằng người ta quan tâm đến anh ta, còn người ta có phục sức như thế nào thì đối với anh ta nào có can hệ gì? Đã tin chắc ở thế lực của mình, Sophie không dừng lại ở chỗ để cho các nét kiều diễm của cô đập vào mắt Émile, nếu lòng anh không kiếm tìm chúng, anh ta nhìn thấy những nét kiều diễm ấy đối với cô là chưa đủ, cô muốn rằng anh giả định về chúng. Anh ta chẳng nhìn thấy khá đủ để mà buộc phải đoán ra những gì còn lại đó sao?

Hẳn là, trong khi thầy trò tôi nói chuyện đêm hôm ấy, thì Sophie và mẹ cô cũng không nín lặng; có nhiều điều được bộc lộ ra, nhiều chỉ dẫn được đưa ra. Ngày hôm sau gặp nhau, người ta đã được sửa soạn kỹ. Những người trẻ tuổi của chúng ta gặp nhau chưa đầy mười hai tiếng đồng hồ; họ còn chưa nói với nhau một lời nào, thế mà người ta đã thấy rằng họ hiểu nhau. Cuộc tiếp xúc của họ không thân mật; anh chàng thì lúng túng, rụt rè; họ chẳng nói gì với nhau; hai cặp mắt nhìn xuống dường như tránh nhìn nhau, và chính điều đó là một dấu hiệu của sự thông đồng; họ tránh mắt nhau nhưng đồng điệu; họ đã cảm thấy cần có sự bí mật ngay cả trước khi nói gì với nhau. Khi ra đi, chúng tôi xin phép tự mình đến trả lại những gì chúng tôi đã mang đi. Cái miệng Émile thì xin phép ông bố, bà mẹ còn cặp mắt anh ta thì lộ vẻ lo âu, quay về phía cô gái xin cô ta cho phép khẩn thiết hơn. Sophie không nói gì, không hề ra hiệu, không tỏ ra nhìn thấy, nghe thấy gì hết, nhưng cô đỏ mặt lên; và cái đỏ mặt này là một câu trả lời còn rõ ràng hơn câu trả lời của cha mẹ cô.

Người ta cho phép chúng tôi trở lại mà không mời chúng tôi ở lại thêm. Xử sự như thế thật phù hợp; người ta cho khách qua đường có chỗ ở vì luống cuống tìm nơi nương náu, nhưng để cho một người yêu ngủ trong nhà nhân tình của anh ta thì không coi được.

Chúng tôi vừa mới ra khỏi ngôi nhà thân yêu ấy là Émile đã nghĩ ra việc chúng tôi sẽ ở lại đâu đó trong vùng: ngôi nhà tranh gần nhất cũng là quá xa đối với anh ta; anh ta muốn nằm ngay trong hào của tòa lâu đài. Chàng trai dại khờ! Tôi bảo anh ta với giọng thương hại, cái gì thế! Đam mê đã làm cho con mù quáng rồi sao! Con đã phớt lờ cả lễ thói lẫn lý trí, thật khốn khổ! Con cho là mình yêu, và con lại muốn làm ô danh người yêu của con! Người ta sẽ nói về cô ta ra sao khi biết là một thanh niên vừa ra khỏi nhà cô lại nằm lại ở

trong vùng? Con yêu cô ấy, hãy nói đi! Vậy sao lại tại con mà cô ta bị mất thanh danh? Phải chăng đó là cái giá để trả cho lòng hiếu khách mà cha mẹ cô đã dành cho con! Con sẽ làm điều si nhục cho người mà con mong đợi đem lại hạnh phúc cho mình ư?Anh chàng sôi nổi trả lời, A, những lời lẽ hão huyền và những ngờ vực vô lý của mọi người thì có can hệ gì chứ? Chẳng phải là chính ông đã dạy con là đừng để ý một chút nào đến những điều đó hay sao? Có ai mà biết rõ hơn con rằng con tôn kính Sophie xiết bao và con muốn tôn trọng cô xiết bao? Sự quyến luyến của con chẳng hề làm cho cô ấy phải xấu hổ, nó sẽ tạo ra danh tiếng cho cô, nó sẽ xứng đáng với cô. Khi trái tim và những quan tâm của con dù ở đâu cũng dành cho cô sự tôn trọng mà cô đáng có, thì con có thể xúc phạm đến cô ở điều gì nào? Tôi đáp và ôm lấy anh ta, Émile thân yêu, con lập luận thế là vì con: con hãy học cách lập luận vì cô ấy. Đừng đem so sánh danh dự của giới này với danh dự của giới kia: chúng có những nguyên tắc hoàn toàn khác. Các nguyên tắc đó đều vững vàng và hợp lý, bởi vì chúng cùng xuất phát từ tự nhiên, và vì rằng cũng là một điều làm cho con coi khinh những lời đàm tiếu của mọi người đối với con thì chính điều ấy lại buộc con phải xem trọng những lời đó vì người yêu của con. Danh dự của con là chỉ ở riêng con mà thôi, còn danh dự của cô ấy lại tùy thuộc vào người ngoài. Không quan tâm đến danh dự của cô ấy tức là hại đến chính danh dự của con, và con không sao đem lại được cho mình cái mà con đáng có, nếu con là nguyên nhân làm cho người ta không đem lại cho cô ấy cái mà cô đáng có.

Vậy thì trong khi giải thích các lý do của sự khác biệt ấy cho anh ta, tôi làm cho anh ta nhận ra là mình sẽ vô lý biết bao khi không đếm xỉa gì đến những khác biệt ấy. Có ai lại bảo anh rằng anh ta sẽ là chồng của Sophie, cái cô mà anh ta không biết rõ tình cảm ra sao, cái cô mà có thể là lòng cô hoặc cha mẹ cô đã có những cam kết với ai từ trước, cái cô mà anh chẳng hề quen biết, và là người có thể chẳng có lấy một điều gì tương hợp với anh để tạo nên một cuộc hôn nhân hạnh phúc? Anh ta không biết rằng mọi điều tai tiếng là một vết nhơ không sao phai mờ được đối với người con gái, đến nỗi ngay cả cuộc hôn nhân với kẻ đã gây ra điều đó cũng không xóa đi được hay sao?

A, có người đàn ông đa cảm nào mà lại muốn làm hại người mình yêu? Có người đàn ông ngay thẳng nào mà lại muốn làm cho một cô gái bạc mệnh phải khóc suốt đời vì nỗi bất hạnh đã khiến gã ưa thích cô?

Chàng trai sợ hãi về những hậu quả mà tôi đã làm cho anh ta hình dung thấy, và bao giờ cũng cực đoan trong những ý nghĩ của mình, đã tưởng rằng

chưa bao giờ đủ xa chỗ ở của Sophie: anh ta dồn bước để lánh xa mau hơn; anh ta nhìn quanh xem chúng tôi có bị người ta nghe không; anh ta thà hy sinh hạnh phúc của mình hàng ngàn lần cho danh dự của người mà anh yêu dấu; anh thích thà suốt đời không gặp lại cô còn hơn là gây ra cho cô có mỗi một điều trái ý. Đó là kết quả đầu tiên của những chăm lo của tôi từ khi anh còn niên thiếu để làm cho anh ta có được một trái tim biết yêu thương.

Vậy là cần phải tìm được một nơi cư trú ở xa nhưng vừa tầm. Chúng tôi tìm kiếm, chúng tôi hỏi thăm: chúng tôi biết rằng cách đây hơn hai dặm đường là một thành phố; chúng tôi đến tìm chỗ trú ngụ, còn hơn là ở trong những ngôi làng gần hơn, mà ở đó việc trú ngụ của chúng tôi trở nên đáng ngờ. Cuối cùng thì anh chàng mới yêu cũng đến nơi ấy, đầy tình yêu, đầy hy vọng, đầy niềm vui và nhất là tràn ngập những tình cảm tốt lành; và thế là bằng cách điều khiển dần dần nỗi đam mê đang nảy nở của anh ta hướng về cái tốt và có đức, theo cách ấy vô hình trung tôi điều chỉnh được mọi thị dục của anh ta giữ được cùng một nề nếp ấy.

Tôi đang đến gần chung cuộc nghĩa vụ của tôi, từ xa tôi đã nhận ra nó. Mọi khó khăn lớn đã được khắc phục, mọi trở ngại lớn đã được vượt qua, tôi chẳng còn khó nhọc gì phải làm ngoài việc đừng có làm hỏng thành quả của mình bằng cách vội giục giã mình hoàn tất nó. Trong cái vô thường của cuộc nhân sinh, trước hết xin chúng ta hãy tránh sự thận trọng rởm mà đem hy sinh hiện tại vì tương lai; thường chính là hy sinh cái đang tồn tại cho cái sẽ không hề tồn tại. Xin hãy làm cho con người được hạnh phúc trong mọi độ tuổi, vì e rằng sau quá nhiều chăm sóc con người chết mất trước khi được sống hạnh phúc. Thế thì, nếu như có một thời để hưởng thụ cuộc đời, chắc chắn đó là lúc kết thúc thời kỳ vị thành viên, lúc đó các tư chất của thân thể và tâm hồn đã có được nguyên khí mạnh mẽ nhất, và lúc đó con người đứng giữa hành trình của mình nhìn rõ được từ xa hơn hai giới hạn làm cho người ta cảm nhận rõ cuộc đời là ngắn ngủi. Nếu tuổi trẻ nhẹ dạ bị lầm lẫn, thì không lầm về cái nó muốn hưởng thụ, mà là lầm khi nó tìm kiếm sự hưởng thụ ở nơi không hề có sự hưởng thụ ấy, và trong khi sửa soạn cho một tương lai khốn khó, tuổi trẻ không biết cả việc sử dụng quãng đời hiện tại.

Hãy xem xét Émile của tôi, trong hai mươi năm qua, được đào tạo tốt, được hình thành tốt về tinh thần và thể xác, mạnh mẽ, lành mạnh, khoan khoái, khéo léo, khỏe, có ý thức, có lý trí, có thiện tâm, có lòng nhân ái, có phẩm cách, có nhã thú, biết yêu cái đẹp, biết làm điều thiện, không bị trói

buộc bởi những đam mê xấu xa, không chịu cái ách của dư luận, nhưng tuân thủ quy luật của sự hiền minh và nghe theo tiếng nói của tình bằng hữu; có đủ mọi tài năng hữu ích và nhiều tài thường thức, không mấy quan tâm đến của cải, coi nguồn gốc của cải là ở đôi bàn tay, và chẳng sợ thiếu bánh mỳ, dù cho có chuyện gì xảy ra đi nữa. Thế là anh ta hiện nay đã say sưa một đam mê mới nảy sinh, lòng anh mở ra cho những ngọn lửa đầu tiên của ái tình: những ảo mộng dịu ngọt tạo ra cho anh ta một thế giới mới của niềm vui và lạc thú; anh ta yêu một số đối tượng khả ái, và còn đáng yêu bởi tính cách nhiều hơn là bởi con người, anh hy vọng, anh mong đợi cuộc tái ngộ mà anh cảm thấy là xứng đáng với mình.

Đó là do mối quan hệ của những tấm lòng, đó là do sự hợp lực của những tình cảm tao nhã mà hình thành nên ham muốn đầu tiên của họ: ham muốn này phải dài lâu. Anh lao mình vào với niềm tin, với cả lý trí nữa, vào đắm say đẹp đẽ nhất, không sợ hãi, không tiếc nuối, không hối hận, không có mối lo nào khác hơn mối lo sao cho sự cảm nhận hạnh phúc được bền chặt. Anh ta còn có thể thiếu cái gì cho hạnh phúc của mình? Xin hãy nhìn xem, hãy tìm ra, hãy tưởng tượng xem anh ta còn cần gì nữa, và ta có thể hòa hợp với cái anh đang có. Anh hội đủ mọi điều tốt mà người ta có thể đạt được cùng một lúc; người ta chịu không thể thêm vào đó bất cứ điều gì vì nó chỉ có hại cho một điều khác mà thôi, anh ta hạnh phúc hết mức mà một người đàn ông có thể đạt được. Lúc này sao tôi lại rút ngắn một dữ liệu ngọt ngào đến thế? Sao tôi lại phá rối một khoái cảm trong sạch đến thế? A, toàn bộ giá trị của cuộc đời là ở hạnh phúc chân chính mà anh ta được hưởng. Tôi có thể trả anh ta cái gì cho xứng được với cái mà tôi sẽ tước bỏ của anh ta? Ngay cả khi đem lại tột đỉnh cho hạnh phúc của anh ta tôi cũng sẽ hủy hoại mất niềm thú vị lớn nhất trong hạnh phúc ấy. Niềm hạnh phúc cực điểm này khi đang hy vọng đạt tới còn ngọt ngào gấp trăm lần khi đạt được; người ta hưởng hạnh phúc khi người ta mong chờ nó nhiều hơn là khi người ta hưởng thụ nó. Ôi Émile ngoan ngoãn, hãy yêu và xin hãy được yêu!Hãy thụ hưởng lâu dài trước khi được sở hữu, hãy thụ hưởng đồng thời cả tình yêu và sự trong trắng; hãy tạo ra thiên đường của con trên Trái đất này trong khi chờ đợi thiên đường khác: ta sẽ không hề rút ngắn cái thời hạnh phúc của đời con; ta sẽ rút ra từ đó cho con niềm hoan lạc, ta sẽ kéo dài nó lâu hết mức có thể. Ôi chao, nó rồi phải kết thúc và chẳng bao lâu nó sẽ kết thúc, nhưng chí ít ta sẽ làm sao để nó luôn tồn tại lâu dài trong ký ức của con, và sao cho con không bao giờ phải hối hận là đã hưởng thụ cái thời hạnh phúc đó.

Émile không quên rằng chúng tôi cần phải trả lại vài thứ. Các đồ đem trả ấy vừa mới soạn xong, chúng tôi bèn lên ngựa, chúng tôi phi nước đại, lần này thì vừa ra đi anh ta đã muốn tới nơi ngay. Khi mà tấm lòng mở ra cho những đam mê, nó cũng mở ra cho nỗi phiền muộn của cuộc đời. Nếu tôi đã không uổng phí thời gian, thì toàn bộ cuộc đời của anh ta sẽ không trôi đi như thế.

Khốn thay đường xá bị gián đoạn nhiều chỗ và vùng này thật khó đi. Chúng tôi lạc lối, anh ta là người đầu tiên nhận ra điều đó, và không sốt ruột, không phàn nàn, anh hết sức để ý vào việc tìm lại lối đi, anh lang thang mãi rồi mới nhận ra và vẫn cứ luôn luôn giữ được bình tĩnh. Điều này chẳng là gì với quý vị nhưng với tôi lại là rất nhiều vì tôi biết bản tính hay cáu của anh ta: tôi nhìn thấy kết quả của những chăm sóc mà tôi dành cho anh ta thuở ấu thơ và làm cho anh dày dạn trước những miếng đòn của sự tất yếu.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng đến nơi. Người ta đón tiếp chúng tôi giản dị hơn nhiều và ân cần hơn nhiều so với lần đầu; chúng tôi đã là chỗ quen biết cũ. Émile và Sophie chào nhau có đôi chút lúng túng và luôn luôn không nói gì với nhau: họ nói gì với nhau được trước mặt chúng tôi chứ? Họ phải có cuộc trò chuyện mà không cần có người chứng kiến. Mọi người đi dạo trong vườn: khu vườn này có vùng đất trồng rau được chăm bón tốt thay cho vườn cảnh. Còn thay cho khuôn viên là một vườn cây ăn quả trồng những cây ăn quả cao và đẹp đủ các loại, có những lạch nước chảy theo nhiều hướng, và những luống đất trồng đầy hoa. Một nơi thật đẹp! Émile reo lên thấm đượm thần thái Homère và luôn luôn hứng khởi, tôi cứ tưởng nhìn thấy khu vườn của Alcinoüs. Cô gái muốn biết ai là Alcinoüs, và bà mẹ hỏi về điều đó. Tôi trả lời họ, Alcinoüs là một ông vua của xứ Corcyre có khu vườn được Homère mô tả và bị những người có con mắt thẩm mỹ chê là quá đơn giản và được chăm sóc quá ít[296].

---

[296] "Ra khỏi lâu đài người ta thấy một khu vườn rộng chừng bốn mẫu (khoảng 2 ha ngày nay - ND) trồng những cây to đầy hoa, cho những quả lê, quả thạch lựu, và nhiều giống cây thuộc loại đẹp nhất, những cây vả cho quả ngọt và những cây ô liu xanh rờn. Quanh năm những cây này không lúc nào là không có quả: mùa đông và mùa hè, hơi thở nhè nhẹ của gió tây đồng thời làm cho những cây này thì ra quả còn những cây kia thì quả chín. Người ta thấy trái lê và trái táo chín già và héo đi trên cây, quả vả khô đi trên cây vả, và cả chùm còn dính với cuống. Cây nho không bao giờ tàn lụi không ngừng ra những chùm nho mới, người ta nấu chín và giầm đường nho của một số cây này ở khoảng rộng ngoài nắng, trong khi ấy lại hái nho ở những cây khác, chỉ để lại trên cây những bông hoa, những quả

Alcinoüs có một cô con gái dễ thương, đêm trước ngày có một người lạ được cha cô cho khoản đãi trong nhà, cô đã chiêm bao rằng cô sắp có chồng. Sophie sững sờ cả người, cô đỏ mặt lên, đưa mắt nhìn xuống, hối hận vì đã trót hỏi; người ta không sao hình dung nổi một sự thẹn thùng đến như thế. Người cha thích làm cho cô thêm thẹn bèn cất tiếng bảo rằng cô công chúa trẻ tự mình ra sông giặt quần áo. Ông nói tiếp, mọi người có tin được rằng cô rất ghê tởm phải chạm tay vào những chiếc khăn lau tay bẩn và bảo rằng cô ngửi thấy mùi mỡ khét? Sophie, đối tượng bị nhằm đến, quên cả cái rụt rè tự nhiên của mình, hăng hái biện minh cho mình, cha cô biết rõ rằng cả mớ quần áo lặt vặt sẽ chẳng có cô thợ giặt nào khác ngoài cô, nếu người ta để cho cô làm[297] và biết rõ cô lại còn thích làm việc nhiều hơn nữa, nên người ta sai cô làm.

Trong khi nói những lời biện minh ấy, cô lén nhìn tôi với một sự lo lắng mà tôi không sao nín cười được vì đọc thấy trong trái tim ngây thơ của cô có những nỗi lo sợ buộc cô phải nói như thế. Cha cô lại có ác ý, muốn lật tẩy sự dại khờ của cô bằng cách hỏi cô với một giọng chế giễu rằng ở đây thì cô nói về cô làm gì và cô có gì đó giống như cô con gái của Alcinoüs. Xấu hổ và run sợ, cô không dám thở nữa, không cả dám nhìn một ai. Cô bé thật dễ thương! Không còn là lúc để giả đò nữa: dù không muốn thì cô cũng đã bị lộ rồi.

Ngay sau đó thì màn kịch nhỏ này bị quên đi hay có vẻ như thế; thật quá sung sướng cho Sophie, riêng chỉ có Émile là chẳng hiểu gì hết. Cuộc đi dạo tiếp tục và những người trẻ tuổi của chúng tôi lúc đầu thì đi cùng chúng tôi, họ khó mà cầm chân lại theo cách đi chậm chậm của chúng tôi; vô tình họ vượt lên, họ lại gần nhau, cuối cùng họ lại sánh vai nhau; và chúng tôi thấy họ đi trước chúng tôi khá xa. Sophie có vẻ chăm chú và ung dung, Émile nói và làm các cử chỉ bằng tay thật sôi nổi: Cuộc trò chuyện không có vẻ làm cho họ chán.

---

còn xanh, hay những quả đang chuyển sang màu thẫm. Ở một đầu vườn, có hai mảnh đất hình vuông, được vun trồng cẩn thận; phủ đầy hoa quanh năm, được dựng lên hai bể chứa nước, một bể dùng để phân phối nước cho cả khu vườn, còn bể kia sau khi dẫn nước chảy qua lâu dài thì nước được dẫn tới một két nước đặt rất cao trong thành phố để cấp nước cho dân chúng.

Trên đây là mô tả vườn thượng uyển của nhà vua Alcinoüs, ở quyển thứ bảy của bộ *Odyssée*; thật xấu hổ cho ông già Homère mơ mộng và các ông hoàng thời đại ấy, ở đó không có hàng rào mắt cáo, cũng không thấy có các pho tượng, các thác nước, cả bồn cỏ cũng không.

[297] Tôi đoán chắc rằng tôi phần nào biết ơn bà mẹ Sophie vì đã tránh cho xà phòng khỏi làm hại những bàn tay mềm mại như tay cô mà Émile chắc rất hay hôn lên.

Khoảng hơn một giờ sau thì mọi người quay về, người ta gọi hai cô cậu, họ quay về, nhưng bây giờ đến lượt họ đi chậm chậm, và người ta thấy rằng họ đang tận dụng thời gian. Cuối cùng thì đột nhiên cuộc trò chuyện của họ dừng lại trước khi người ta kịp nghe thấy, và họ bước gấp để đến kịp với chúng tôi. Émile bắt chuyện cùng chúng tôi với thái độ cởi mở và ngọt ngào, cặp mắt anh ta ánh lên niềm vui, tuy nhiên anh đưa mắt nhìn bà mẹ Sophie với đôi chút lo lắng vì muốn thấy sự tiếp nhận bà dành cho anh. Sophie còn xa mới có được một tư thế tự nhiên như vậy; trong khi lại gần chúng tôi, cô có vẻ rất thẹn vì nhận ra mình đã đi đôi chỉ riêng có hai người với một chàng trai, mà thường trong trường hợp như thế với những người khác cô có lúng túng gì đâu, và chẳng bao giờ người ta coi đó là sai. Cô vội chạy đến với mẹ, hơi bị thở gấp một chút, nói vài lời không đâu vào đâu cứ như là để tỏ ra là mình vẫn ở đây từ lâu rồi.

Trong cái vẻ thanh thản hiện rõ trên gương mặt của đôi trẻ đáng yêu này, người ta thấy rằng cuộc trò chuyện ấy đã cất được một gánh rất nặng cho trái tim của họ. Không phải là họ bớt phải giữ gìn giữa người nọ với người kia nhưng sự giữ gìn của họ bớt lúng túng đi, nó chỉ còn xuất phát từ lòng tôn trọng của Émile, từ tính khiêm nhường của Sophie, và từ sự đứng đắn của cả hai người. Émile dám nói với cô vài lời, thỉnh thoảng cô cũng dám đáp lời, nhưng chẳng bao giờ cô mở miệng nói mà không nhìn vào cặp mắt của mẹ mình. Sự thay đổi thấy rõ nhất ở cô là thái độ đối với tôi. Cô cho tôi thấy một sự kính trọng ân cần hơn, cô nhìn tôi đầy quan tâm, cô nói với tôi một cách trìu mến, cô chú ý tới điều gì có thể làm tôi hài lòng; tôi thấy rằng cô quý trọng tôi và cũng không phải là cô không mong được nhận sự quý trọng của tôi. Tôi hiểu rằng Émile đã nói về tôi với cô; cứ như thể họ đã đồng mưu lấy lòng tôi: tuy nhiên không phải như vậy và bản thân Sophie cũng không xiêu lòng quá nhanh. Có thể là anh ta cần đến sự ưu ái của tôi đối với cô hơn là sự ưu ái của cô cho tôi. Thật là một cặp dễ thương!... Trong khi nghĩ rằng trái tim nhạy cảm của anh bạn trẻ của tôi đã để cho tôi tham gia nhiều vào câu chuyện đầu tiên với người tình của mình, tôi được hưởng cái giá của công sức của mình, tình bạn của anh ta đã đền đáp đầy đủ cho tôi.

Các cuộc thăm viếng lại lặp lại. Những cuộc trò chuyện giữa những người trẻ tuổi của chúng tôi trở nên thường xuyên hơn. Émile, say đắm vì tình yêu, tưởng rằng đã đạt tới hạnh phúc của mình. Tuy nhiên, anh ta chưa hề nhận được sự bộc lộ chính thức của Sophie: cô nghe anh nói và không nói gì với anh. Émile hiểu rõ tính khiêm nhường của cô; sự gìn giữ ý tứ nhường ấy ít làm

anh ngạc nhiên; anh cảm thấy rằng đối với cô anh không kém cỏi; anh biết rằng chính người cha gả các con mình; anh cho rằng Sophie còn chờ lệnh của cha mẹ cô, anh yêu cầu cô cho phép anh cầu xin cái lệnh ấy; cô không phản đối việc đó. Anh nói với tôi về việc này; tôi thay anh nói về việc đó, ngay trong lúc có mặt anh. Anh ngạc nhiên biết bao khi biết rằng Sophie được tự mình quyết định lấy, và biết rằng để làm được cho anh hạnh phúc cô chỉ cần có muốn làm điều đó! Anh bắt đầu không sao hiểu nổi hành vi của cô. Lòng tin của anh giảm sút. Anh lo sợ, anh thấy mình không tiến tới được như anh tưởng, và lúc đó chính là tình yêu ngọt ngào nhất đã dùng đến những ngôn từ tha thiết nhất của nó để làm cô xiêu lòng.

Émile không được đào tạo để đoán ra điều gì bất lợi cho mình: nếu người ta không nói cho anh điều đó, thì suốt đời anh sẽ không sao biết được, còn Sophie quá tự tôn nên không thể nói cho anh rõ. Những khó khăn làm cho cô dừng lại có lẽ sẽ khiến một cô gái khác sốt sắng. Cô không quên những lời dạy của cha mẹ. Cô biết rằng cô nghèo khó, Émile thì giàu có. Anh cần được cô tôn trọng biết bao! Còn cần phải có công trạng đến thế nào để xóa nhòa được sự không tương đồng ấy! Nhưng anh sẽ nghĩ đến những trở ngại này như thế nào? Émile có biết rằng mình giàu có chăng? Thậm chí anh có hỏi han về điều đó hay không? Nhờ trời, anh chẳng hề cầu được giàu có như thế, anh biết sống có thiện tâm mà chẳng cần phải giàu có. Anh làm việc thiện bằng tấm lòng mình, chứ không phải bằng túi tiền của mình. Anh hiến cho người nghèo khó thì giờ của mình, sự chăm sóc của mình, lòng thương mến của mình, và cả con người mình; và khi đánh giá những việc thiện của mình, thì hầu như anh không dám coi ra gì cái đồng tiền mà anh đem phân phát cho những người bần cùng.

Không biết đổ lỗi cho cái gì đã gây tai họa cho mình, anh gán nó cho lỗi của chính mình: bởi vì làm sao anh dám lên án đối tượng mà anh tôn thờ là có tính khí thất thường? Lòng tự ái bị hạ nhục làm tăng thêm những tiếc nuối cho một mối tình bị khéo léo cự tuyệt. Anh không gần gũi Sophie với niềm tin đáng yêu của một tấm lòng cảm thấy mình xứng đáng với tấm lòng của cô nữa; anh e ngại và run sợ trước cô. Anh không còn hy vọng làm cô cảm động vì tình thương mến của mình nữa, anh tìm cách làm cô xiêu lòng vì thương hại. Đôi khi mất hết cả kiên nhẫn, và sẵn sàng kế tiếp kiên nhẫn là bực bội. Sophie dường như dự cảm được sự nổi khùng của anh, cô nhìn anh. Chỉ mỗi cái nhìn ấy thôi mà tước hết vũ khí của anh và làm anh phải e ngại: anh lại còn nhu mì hơn khi trước.

Bối rối vì sự chống đỡ dai dẳng ấy và cái lặng thinh không sao khắc phục nổi ấy, anh thổ lộ hết tâm tình của mình cho thầy giáo. Anh gửi gắm vào đó những nỗi đau của trái tim ngao ngán vì buồn, anh năn nỉ xin sự giúp đỡ và những lời khuyên của thầy. Một sự bí ẩn không sao hiểu nổi! Cô quan tâm đến thân phận của con, con không thể nghi ngờ điều đó; thay vì làng tránh con, cô lại thích ở bên con; khi con tới, cô lộ rõ niềm vui, và sự tiếc nuối khi con ra đi, cô nhận sự chăm sóc của con với thiện ý; mọi giúp đỡ của con có vẻ làm cô hài lòng; cô hạ cố cho con những lời khuyên đôi khi cả những lời sai phái nữa. Tuy nhiên cô không đếm xia gì đến những năn nỉ và những khẩn cầu của con. Khi con dám nói đến việc kết hôn, cô dứt khoát buộc con phải im đi; và nếu con có nói thêm lấy một lời thôi, thì cô bỏ con mà đi ngay tức thì. Bởi cái lý lẽ lạ kỳ nào mà dù cô muốn con thuộc về cô nhưng lại chẳng muốn nghe nói đến cô thuộc về con? Thầy là người được cô tôn trọng, được cô quý mến, và là người mà cô không dám buộc phải im lặng, xin thầy; hãy nói đi, hãy bảo cô nói ra; xin thầy hãy giúp đỡ anh bạn của mình, xin hãy hoàn thành sự nghiệp của mình; xin đừng làm cho những chăm sóc của thầy bất lợi cho người học trò của thầy: A, cái mà anh ta thừa hưởng được ở thầy mình lại gây ra sự đau khổ của anh ta, nếu ông thầy không làm được cho hạnh phúc của anh ta trọn vẹn.

Tôi nói chuyện với Sophie, và tôi không khó khăn gì mấy để rút ra từ đó một bí mật mà tôi đã biết rõ từ trước khi cô nói với tôi. Tôi phải khó khăn hơn để được phép cho Émile biết điều đó: Cuối cùng rồi tôi cũng được phép và tôi thực hiện ngay. Việc giải thích này ném anh ta vào trạng thái ngạc nhiên mà anh ta không sao thoát khỏi được. Anh không hiểu gì hết về sự tế nhị này, anh không hình dung được sự lắm tiền hay ít tiền liên can gì đến tính cách và công trạng. Khi tôi làm cho anh ta hiểu điều đó liên can đến thành kiến, anh ta phá lên cười, và hứng khởi vì niềm vui, anh muốn ra đi ngay lập tức, đi xé nát mọi thứ, vứt bỏ mọi thứ, từ bỏ tất cả, để có vinh dự được nghèo như Sophie, và trở nên xứng đáng làm chồng của cô.

Này, làm gì thế! Tôi nói trong khi giữ anh lại, và đến lượt tôi cười nhạo cái cuồng nhiệt của anh ta, cái bộ óc non trẻ này không chín chắn thêm gì hết ư? và sau khi suy xét kỹ về cả cuộc đời mình, con vẫn không bao giờ học được cách lập luận ư? Sao con lại không thấy rằng bằng cách theo đuổi dự định điên khùng của mình, con sẽ làm cho tình cảnh của con nguy ngập hơn và làm cho Sophie sẽ trở nên cố chấp hơn? Sẽ là một lợi thế nhỏ vì có đôi chút của cải

nhiều hơn cô ta, điều này sẽ thành một lợi thế rất lớn khi đã hy sinh cho cô tất cả; và nếu lòng tự tôn của cô không thể chấp nhận chịu con cái ơn thứ nhất ấy, thì làm sao cô chấp nhận chịu con một cái ơn khác nữa? Nếu cô không chịu để một người chồng có thể trách móc cô vì đã làm cho cô giàu có, thì liệu cô có chịu để anh ta có thể trách móc cô vì anh ta đã phải tự làm cho mình nghèo đi vì cô không? Này anh chàng đau khổ! Hãy sợ rằng cô ta biết rõ anh đã có dự định này. Trái lại hãy trở nên tiết kiệm và cẩn trọng vì tình yêu của cô, vì sợ rằng cô lên án anh vì muốn làm cô xiêu lòng bằng mánh lới, và tự nguyện dâng hiến cho cô cái mà anh mất đi vì luộm thuộm cẩu thả.

Anh có thật tin chắc rằng những tài sản lớn làm cho cô ta sợ, và rằng sự chống đối của cô đúng là xuất phát từ sự giàu có không? Không đâu, Émile thân mến ạ, sự phản đối ấy có một lý do vững vàng hơn và nghiêm trọng hơn ở cái hiệu quả mà những của cải ấy gây nên trong tâm hồn người sở hữu nó. Cô biết rằng những của cải do tài sản bao giờ cũng được những người có chúng ưa thích hơn mọi thứ. Mọi người giàu đều kể đến vàng trước công trạng. Trong khi đem đánh đồng tiền bạc với việc phục dịch, những người giàu có luôn thấy rằng việc phục dịch chẳng bao giờ trả nợ được tiền bạc, và nghĩ rằng người ta còn mắc nợ họ khi người ta đã hầu hạ họ suốt đời mình trong khi ăn bánh của họ. Ôi Émile, vậy anh phải làm gì để yên lòng cô, để cô hết lo ngại? Hãy làm cho cô hiểu rõ anh hơn; đó không phải là việc một sớm một chiều. Hãy cho cô ta thấy trong châu báu của tâm hồn cao quý của anh có gì đó khả dĩ bồi đắp lại những châu báu mà anh chẳng may lại được chia sẻ. Cứ nhờ cố sức kiên trì và với thời gian, mà vượt qua được sự đề kháng của cô ta, cứ nhờ những tình cảm lớn lao và cao thượng, mà buộc được cô phải quên đi những của cải của anh ta. Hãy yêu cô, hãy chiều chuộng cô, hãy chiều chuộng các bậc cha mẹ đáng kính của cô. Hãy chứng tỏ cho cô thấy rằng những chăm sóc này không phải là hiệu quả của một đam mê ngông cuồng và thoáng qua, mà là những nguyên tắc không thể xóa nhòa đã được khắc sâu vào đáy lòng anh. Hãy tôn trọng xứng đáng cái danh giá đã bị xúc phạm bởi của cải, đó là cách độc nhất có thể hòa giải được cái danh giá đã bị tổn hại với cái danh giá mà cô đã từng ưu đãi.

Người ta hiểu được lời nói ấy gây cho chàng trai sự hân hoan đến thế nào, trả lại cho anh ta biết bao niềm tin và hy vọng, tấm lòng ngay thẳng của anh mừng rỡ biết bao vì được làm, để cho Sophie vui lòng, tất cả những việc mà tự ý anh sẽ làm giả sử như không có Sophie hoặc giả sử như anh không yêu cô. Chỉ cần người ta hiểu rõ tính cách của anh đôi chút thì ai mà chẳng hình dung ra cách cư xử của anh trong dịp này?

Như vậy là tôi trở thành bạn tri kỷ của đôi trẻ cả tin của tôi và là người mai mối cho tình yêu của họ! Thật là một công việc tốt lành đối với một người sư phó! Đến nỗi mà trong đời tôi, tôi chưa hề làm được gì để cao mình lên đến thế ngay trong mắt chính mình và làm cho tôi hài lòng với chính mình đến thế. Và lại vai trò này cũng không khỏi có những điều thú vị của nó; tôi được gia đình hoan nghênh; ở đó người ta tin cậy tôi để giữ gìn sao cho đôi tình nhân luôn đúng mực: Émile vì luôn luôn sợ làm mất lòng nên chưa bao giờ lại dễ bảo đến thế. Cô thiếu nữ thì trút đầy tình thân cho tôi mà tôi đâu phải là kẻ dễ bị mắc lỡm, cho nên tôi chỉ nhận cho mình phần thuộc về mình thôi. Chính bằng việc đó mà cô tự đền bù một cách gián tiếp về sự tôn trọng mà cô luôn luôn duy trì được ở Émile. Cô tặng anh ta thông qua tôi hàng ngàn lời ngọt ngào trìu mến, mà cô thà chết đi còn hơn là nói với chính anh ta; và anh ta biết thừa rằng tôi không muốn gây tổn hại cho lợi ích của anh ta, nên thích chí vì mối giao hảo của tôi với cô ta. Anh ta tự an ủi khi cô không chịu khoác tay anh trong khi đi dạo mà lại thích khoác tay tôi hơn. Anh lảng đi mà chẳng phàn nàn gì trong khi bắt tay tôi và nói thật khẽ với tôi cả bằng lời và bằng mắt: này ông bạn, người hãy nói hộ cho con. Anh chăm chú đưa mắt dõi theo chúng tôi; anh ráng đọc cho được những tình cảm biểu lộ trên nét mặt chúng tôi, và tìm cách để hiểu những lời nói của chúng tôi bằng các cử chỉ của chúng tôi; anh biết rằng chẳng có gì nói ra giữa chúng tôi mà lại không liên quan tới anh. Cô bé Sophie nhân hậu, trái tim chân thành của cô thật hoan hỉ biết bao, khi không để Télémaque nghe thấy lời mình nói, cô có thể nói chuyện với Mentor[298] của anh ta! Với sự ngay thẳng đáng yêu biết bao cô đã để cho vị sư phó đọc được trong tấm lòng tha thiết ấy tất cả những gì đang diễn ra! Với niềm vui sướng biết bao cô đã chứng tỏ cho ông ta thấy tất cả sự quý trọng của cô đối với học trò của ông! Với sự chân thật đáng cảm động biết bao cô đã để cho ông thấu hiểu được những tình cảm dịu dàng nhất! Với thái độ giận dữ giả tạo đến thế nào cô đã đuổi anh chàng quấy rối khi sự mất kiên nhẫn buộc anh ta phải ngắt lời cô! Với một sự bực tức đáng mến biết bao cô đã trách móc sự vô ý tứ của anh khi anh đến ngăn không cho cô nói tốt về anh, không cho cô nghe những lời nói tốt, và luôn luôn rút ra từ những câu trả lời của tôi những lý do mới nào đó để yêu anh!

Như thế là đã đạt tới chỗ làm cho người ta chịu nhận mình như một người tình công khai, nhân đó Émile đòi hưởng mọi quyền, anh nói, anh giục giã, anh

---

[298] * Bạn của Ulysse và là sư phó của Télémaque. Theo huyền thoại thì Athéna thường lấy hình ảnh của Mentor và lời nói của ông để khuyên răn người con của Ulysse. Fénelon đã phỏng theo truyền thống này khi viết cuốn *Télémaque*.

khẩn cầu, anh làm rầy. Có ai nói sẵng giọng với anh, ai xử tệ với anh, anh chẳng coi vào đâu, miễn là anh làm được cho người ta nghe mình nói. Cuối cùng thì anh đạt được, không phải là không khó khăn, rằng về phần Sophie, cô vui lòng áp đặt công khai đối với anh cái quyền uy của một cô nhân tình, cô định rõ cho anh phải làm gì, cô sai phái thay cho cầu xin, cô nhận thay cho cảm ơn, cô điều chỉnh số lần và thời gian các cuộc viếng thăm, cô không cho anh đến cho đến tận một ngày nào đó và được ở lại tới mấy giờ. Tất cả những điều đó không hề là chuyện đùa, mà là rất nghiêm túc, và nếu cô phải khó khăn mới nhận những quyền ấy, cô lại sử dụng nó với sự hà khắc thường khiến chàng Émile tội nghiệp phải hối tiếc vì đã trao các quyền đó cho cô. Nhưng dù cô có sai phái điều gì, anh ta cũng không hề phản bác, trong khi đứng dậy đi để vâng lời, anh ta nhìn tôi với cặp mắt đầy niềm vui như nói với tôi rằng: ông thấy chưa, cô đã chiếm quyền sở hữu con. Trong khi đó cô bé kiêu hãnh kín đáo dò xét anh, bí mật cười mỉm về nỗi tự hào của tên nô lệ của cô.

Albane[299] và Raphaël[300], xin hãy cho tôi mượn cây cọ của niềm hứng khởi! Milton[301] thần diệu, hãy tập cho ngòi bút thô thiển của tôi biết mô tả những niềm vui thú của tình yêu và của sự trong trắng! Nhưng không, hãy giấu kín những nghệ thuật dối trá của các người trước sự thực thánh thiện của tự nhiên. Xin hãy chỉ có những trái tim nhạy cảm, những tâm hồn ngay thẳng; thế rồi xin hãy để mặc trí tưởng tượng của quý vị lãng du thoải mái trên những niềm hân hoan của đôi tình nhân trẻ, trong tầm mắt của cha mẹ và của người hướng dẫn họ, đang không ngần ngại lao vào những ảo vọng êm đềm mơn trớn họ, và trong sự mê đắm của ham muốn, từ từ tiến tới hạn giới kết bằng hoa và lá mối dây hạnh phúc liên kết họ với nhau đến tận lúc xuống mồ. Bấy nhiêu hình ảnh đẹp đẽ đã làm say đắm cả tôi nữa; tôi thu thập những hình ảnh ấy không theo thứ tự và quan hệ nào; cái cuồng nhiệt mà các hình ảnh ấy gây ra cho tôi ngăn tôi liên kết chúng lại. Ôi! ai là người có một tấm lòng, mà lại không biết tự mình tạo nên hình ảnh tuyệt vời về những tình huống khác nhau

---

[299] * Thường gọi là François l'Albani, họa sĩ Ý sinh ở Bologne (1578-1660). Được tôn vinh là họa sĩ của vẻ kiều diễm, nhà thơ trữ tình của hội họa.

[300] * Họa sĩ tài danh của trường phái La Mã (1488-1520) từng trang chí cho Vatican, chết trẻ nhưng để lại nhiều tác phẩm bất hủ trong đó có bức *Cô làm vườn xinh đẹp*.

[301] * John Milton, nhà thơ Anh sinh ở London (1608-1874). Sau khi từ bỏ binh nghiệp về với cuộc sống riêng, nghèo, bị lãng quên, lại bị mù, ông đọc cho vợ chép thi phẩm trứ danh *Thiên đường đánh mất*.

của cha, của mẹ, của cô con gái, của sư phó, của người học trò và sự đóng góp của những người này và những người khác vào sự kết phối của đôi lứa tuyệt đẹp mà tình yêu và đức hạnh có thể tạo ra được hạnh phúc?

Còn bây giờ thì trở nên thực sự sốt sắng để làm đẹp lòng, Émile bắt đầu cảm nhận được cái giá của những tài nghệ dễ thương mà anh đã học được. Sophie thích hát, anh hát cùng cô; anh còn làm nhiều hơn, anh dạy cô âm nhạc. Cô linh hoạt và nhẹ nhàng, cô thích nhảy, anh khiêu vũ cùng cô; anh biến đổi những bước nhảy của cô thành bước khiêu vũ theo nhịp nhạc, anh hoàn thiện cho cô. Những bài học này thật đẹp, sự vui vẻ đùa giỡn kích động họ, nó đã làm dịu đi sự tôn trọng e lệ của tình yêu; một người yêu được phép dạy các bài học đó với niềm hứng khởi; người yêu đó được phép làm thầy giáo của cô nhân tình của mình.

Người ta có một chiếc đại phong cầm cũ kỹ âm lộn xộn hết; Émile sửa lại đàn và điều chỉnh âm thanh cho đúng; anh làm đàn, anh làm nhạc cụ cũng giỏi như làm thợ mộc, anh luôn luôn theo châm ngôn là tập không cần đến sự trợ giúp của người khác trong tất cả những việc mà anh có thể tự mình làm lấy được.

Căn nhà ở vào một vị trí tuyệt đẹp, anh dựa vào đó để vẽ một số bức phong cảnh khác nhau, đôi khi Sophie đã góp sức vào các bức họa, và cô đem trang hoàng cho căn phòng của cha mình. Các khung tranh không hề thếp vàng và cũng không cần phải thế. Trong khi xem Émile vẽ, bằng cách bắt chước anh ta, cô tự hoàn thiện mình theo gương anh; cô trau đôi mọi tài năng, và duyên sắc của cô làm đẹp thêm cho tất cả các tài năng ấy. Cha cô, mẹ cô nhớ lại sự sung túc xưa kia của họ khi thấy lại các tác phẩm mỹ thuật lung linh quanh họ, đó là những thứ độc nhất làm cho họ yêu quý sự sung túc của mình; tình yêu đã trang trí cho mọi nơi trong nhà; một mình tình yêu làm được cho những niềm vui thú ngự trị nơi đây chẳng cần phải lo toan và chi phí gì như trước kia, khi họ chỉ có được cũng những niềm vui ấy bằng nhiều tiền của và nhiều phiền lụy.

Cũng giống như kẻ sùng bái đem các kho báu mà anh ta quý trọng để trang hoàng cho đối tượng sùng bái của mình và trên bàn thờ tô điểm cho thần tượng mà anh ta tôn thờ khi anh chàng đang yêu dù thấy cô nhân tình của mình đã thật hoàn hảo, anh ta vẫn cứ không ngừng muốn đem thêm cho cô những đồ trang sức mới. Cô thì chẳng cần gì đến những thứ đó để làm anh hài lòng, nhưng anh thì cần để trang điểm cho cô: đó là một niềm tôn kính

mới anh tưởng mình dành cho cô, đó là một hứng thú mới anh đem lại cho niềm vui được ngắm cô. Anh cho rằng không cái đẹp nào ở đúng chỗ của nó nếu nó không trang điểm cho sắc đẹp tuyệt mỹ. Thật là một cảnh vừa xúc động lại vừa nực cười khi thấy Émile sốt sắng dạy Sophie mọi thứ anh ta biết, chẳng quan tâm gì đến việc chúng có làm cô thích không, hay có hợp với cô không. Anh nói với cô mọi điều, anh hấp tấp như trẻ con khi giảng giải cho cô mọi thứ; anh cho rằng anh chỉ cần nói là cô sẽ hiểu anh, anh mường tượng trước niềm vui mà anh sẽ có khi được lập luận, được triết lý với cô, anh coi mọi điều hiểu biết mà không thể trình bày hết cho cô thấy đều là uổng cả, gần như là anh đỏ mặt lên khi mình biết điều gì đó mà cô không biết.

Vậy là anh dạy cho cô một bài học về triết, về vật lý, về toán, về lịch sử, tóm lại là về mọi thứ. Sophie thích thú hưởng ứng nhiệt tình của anh ta, và cố gắng tận dụng việc này. Khi có thể được quỳ trước mặt cô mà giảng các bài học của mình thì Émile mới mãn nguyện làm sao! Anh tưởng như thiên đường rộng mở. Tuy nhiên, tình huống này, thật là phiền toái cho cô học trò hơn là cho ông thầy, chẳng phải là thuận tiện nhất cho việc dạy học. Lúc bấy giờ thì chẳng biết làm gì với mắt của mình để tránh những cặp mắt cứ theo dõi chúng, và khi hai cặp mắt gặp nhau thì bài học diễn ra không tốt lắm.

Nghệ thuật suy tư không phải là xa lạ đối với người đàn bà, nhưng họ chỉ cần lướt qua các khoa học về lý luận. Sophie hiểu hết nhưng; không ghi nhớ gì nhiều. Tiến bộ nhiều nhất của cô là trong lĩnh vực đạo đức và các vấn đề về thị hiếu thẩm mỹ; đối với vật lý học, cô chỉ ghi nhớ có vài ý tưởng về các quy luật chung và hệ thống vũ trụ, thỉnh thoảng họ cùng nhau đi dạo trong khi ngắm nhìn những điều kỳ diệu của tự nhiên, những tấm lòng ngây thơ và trong trắng ấy dám nâng mình lên tới đấng tạo hóa, họ không ngại sự hiện diện của tạo hóa, họ thổ lộ tâm tình cùng nhau trước người.

Thế nào! Đôi tình nhân trong tuổi hoa lại dùng cuộc nói chuyện riêng tư của mình để bàn về tôn giáo! Họ lại giành thì giờ của mình để nói về giáo lý! Làm sao mà dèm pha được cái gì là cao cả? Vâng, hẳn là như thế, họ nói về điều đó trong sự mộng tưởng đang lôi cuốn họ: họ thấy mình hoàn hảo, họ yêu nhau, họ nói chuyện cùng nhau với niềm hưng phấn về điều đem lại một giá trị cho đức hạnh. Những hy sinh mà họ đã dành cho đức hạnh làm cho đức hạnh trở nên quý giá đối với họ. Trong những cơn bồng bột cần phải chế ngự, đôi khi họ cùng tuôn ra những dòng lệ trong sạch hơn cả giọt sương từ trên trời rơi xuống, và những giọt lệ êm đềm ấy tạo ra niềm mê say cho đời họ; họ

đang sống trong sự cuồng nhiệt đẹp đẽ nhất mà tâm hồn con người từng cảm thấy. Chính những chịu nhịn lại góp thêm vào cho hạnh phúc của họ và họ tự thấy mình đáng tôn trọng vì những hy sinh đó. Hỡi những người đầy nhục cảm, thân xác vô hồn, một ngày kia họ sẽ biết đến những lạc thú của các người, và sẽ nuối tiếc suốt đời họ cái thời hạnh phúc mà họ đã tự khước từ những lạc thú ấy!

Mặc dầu có sự hòa hợp như vậy, nhưng đôi khi cũng không khỏi xảy ra những bất hòa, thậm chí cả cãi nhau; cô nhân tình cũng không phải là không đỏng đảnh mà cậu người yêu thì cũng chẳng phải là không hay cáu; nhưng những cơn giông nhỏ này qua đi nhanh chóng và chỉ làm cho quan hệ lứa đôi thêm khăng khít, chính kinh nghiệm đã dạy cho Émile không còn quá sợ những cơn giông ấy nữa; những cuộc hòa giải luôn luôn có lợi cho anh hơn là những mối bất hòa. Kết quả của lần đầu bất hòa đã khiến anh hy vọng rằng các lần khác cũng kết quả như thế; anh đã lầm; nhưng rốt cuộc nếu anh không luôn luôn đem lại được từ đó một lợi ích rõ rệt, thì anh cũng luôn luôn được thấy mối quan tâm chân thành của Sophie đối với tấm lòng anh được cô thừa nhận. Vậy nên người ta muốn biết điều bổ ích là gì. Trong việc này tôi lại cùng vui lòng tán thành hơn vì ví dụ ấy giúp cho tôi trình bày một châm ngôn rất bổ ích và giúp tôi phản bác một châm ngôn rất có hại.

Émile đang yêu, vậy nên anh không liều lĩnh, và ta còn hiểu rõ hơn nữa rằng cô Sophie kiêu sa chẳng phải là cô gái bỏ quá được cho anh những cử chỉ suồng sã. Vì sự hiền thục trong việc nào thì cũng có giới hạn của nó, nên người ta đánh giá cô là hơi quá khắt khe hơn là quá rộng lượng; và chính cha cô đôi khi sợ rằng lòng tự tôn cực kỳ của cô có khi biến thái thành sự cao ngạo. Trong những lần gặp gỡ kín đáo nhất chỉ có hai người, Émile không dám nài xin một ân huệ nào dù là nhỏ nhất, ngay cả tỏ ra khao khát ân huệ cũng không dám, và khi cô đồng ý khoác cánh tay anh trong khi đi dạo, ân huệ mà cô chẳng để cho chuyển thành quyền, thỉnh thoảng anh mới dám, vừa thở dài, vừa ép nhẹ một tí cánh tay cô vào ngực mình. Tuy nhiên sau khi bị gò bó khá lâu, anh liều lĩnh hôn trộm tà áo dài của cô; và nhiều lần anh thật sung sướng là vì cô vui lòng nhận ra chuyện này. Có hôm anh muốn bày tỏ công khai hơn một chút cái tự do ấy, cô lại coi anh là rất khó ưa. Anh cứ lẳng nhẳng mãi không chừa, cô nổi xung, nỗi bực dọc khiến cô nói với anh vài lời chua chát; Émile không chịu đựng được chúng mà không đối đáp: thế là hôm ấy trôi đi trong hờn dỗi, và họ chia tay nhau mà rất bất bình.

Sophie bồn chồn bứt rứt, mẹ cô là bạn tri kỷ của cô, làm sao mà cô lại giấu bà nỗi buồn của mình được? Đó là mối bất hòa đầu tiên của cô; và một mối bất hòa trong có một giờ sao thành chuyện lớn thế! Cô hối hận về sai lầm của mình; mẹ cô cho phép cô sửa lại sai lầm đó, cha cô bảo cô phải làm điều ấy.

Ngày hôm sau, Émile băn khoăn lo lắng trở lại thăm sớm hơn bình thường. Sophie đang ngồi ở bàn trang điểm của mẹ, cha cô cũng đang ở ngay trong phòng này: Émile lễ phép bước vào, nhưng có vẻ buồn. Hai ông bà vừa mới chào anh, thì Sophie quay người lại, vừa đưa bàn tay cho anh, vừa hỏi anh bằng một giọng dịu dàng, anh có khỏe không. Rõ ràng bàn tay xinh xắn này chỉ đưa ra như thế để được hôn: anh cầm bàn tay ấy nhưng không hôn. Sophie hơi ngượng, rút lại bàn tay một cách tự nhiên hết mức có thể. Émile không được dạy bảo gì về các kiểu cách của đàn bà, và chẳng hiểu cái tính thất thường ấy thì có gì là tốt, nên thật chẳng dễ dàng gì mà quên nó ngay được, mà nguôi ngoai ngay được. Cha của Sophie thấy cô bối rối, lại còn làm cô chưng hửng luôn bằng những lời nói đùa. Cô gái tội nghiệp, thẹn thùng, nhục nhã, không còn biết mình đang làm gì và thà cho đi mọi thứ trên đời để mà dám khóc. Cô càng tự kiềm chế, lòng càng thổn thức, cuối cùng thì để rơi một giọt lệ dẫu rằng cô cưỡng lại. Émile nhìn thấy giọt lệ ấy, lao tới bên chân cô, anh nắm tay cô mà hôn nhiều lần với lòng cảm kích. Người cha cười phá lên mà bảo, nói thực là con thật quá tốt, ta thì sẽ không khoan dung bằng và ta sẽ phạt cái miệng trái ý ta. Émile bạo dạn lên vì lời nói đó, đưa ánh mắt khẩn cầu về phía bà mẹ và vì tin rằng thấy có dấu hiệu đồng tình, run rẩy ghé gần lại mặt Sophie, cô quay đầu, và để tránh cái miệng thì cô chìa ra cái má đang ửng hồng. Con người vô ý tứ không bằng lòng như vậy; còn người ta thì chống cự yếu ớt. Nụ hôn mới tuyệt vời làm sao, nếu nó không diễn ra trước mắt một bà mẹ! Hãy coi chừng đó, cô Sophie nghiêm trang ấy, người ta sẽ thường hay đòi quyền được hôn tà áo của cô, miễn là cô sẽ từ chối đôi lần.

Sau cái hình phạt tượng trưng ấy, người cha có việc gì đó đi ra, bà mẹ liền kiếm cớ sai Sophie đi khỏi, rồi bà hướng về Émile và bảo anh với một giọng nghiêm chỉnh:

> "Này anh ạ, tôi tin rằng một người thanh niên có dòng dõi, có giáo dục tốt như anh, là người có những tình cảm và phẩm hạnh thì không muốn đền đáp lại tình thân mà một gia đình đã bày tỏ với mình bằng cách làm ô danh gia đình ấy. Tôi chẳng dữ dằn mà cũng chẳng làm ra vẻ đoan trang, tôi biết cái gì phải bỏ qua cho tuổi trẻ hay vui đùa và

điều mà tôi đã chịu đựng trước mắt mình đủ chứng tỏ cho anh điều đó. Xin hãy hỏi ý kiến ông bạn lớn tuổi của anh về các bổn phận của mình; ông ta sẽ bảo cho anh biết có sự khác biệt đến thế nào giữa những sự vui đùa được sự hiện diện của một người cha và một người mẹ cho phép và những tùy tiện mà người ta khi vắng họ thường phạm phải bằng cách lạm dụng lòng tin của họ, và biến những ưu đãi trước sự hiện diện của họ chỉ là vô hại thành những cạm bẫy. Anh ạ, ông sẽ bảo cho anh biết rằng con gái tôi không có lỗi gì khác ngoài cái lỗi không thấy được, ngay từ lần đầu tiên, điều mà nó không bao giờ nên chịu đựng; ông sẽ bảo anh rằng mọi điều mà người ta coi là đặc ân sẽ trở thành một đặc ân, và ông sẽ bảo anh rằng thật không xứng đáng với một người đàn ông có danh dự khi lạm dụng tính nhẹ dạ của một thiếu nữ để lấn lướt chiếm đoạt trong lúc riêng tư kín đáo cùng những cử chỉ tự do mà cô ta có thể chịu đựng được trước mặt mọi người. Bởi vì người ta biết được điều mà phép lịch sự có thể châm chước khi ở chỗ công cộng; nhưng trong bóng tối của sự bí ẩn, nào ai biết được dừng lại ở chỗ nào cái kẻ tự làm người phán xét duy nhất cho những ý ngông của chính mình."

Sau lời khiển trách đúng đắn ấy, đúng là dành cho tôi hơn là cho học trò của tôi, người mẹ khôn ngoan này giã từ chúng tôi mà còn để lại cho tôi sự ngưỡng mộ tính thận trọng hiếm có của bà, một người mẹ coi việc người ta hôn lên môi con gái mình trước mặt mình là việc nhỏ nhưng lại sợ người ta hôn lên áo con gái mình khi chỉ có riêng họ với nhau. Trong khi suy nghĩ lại về sự quá đáng của những châm ngôn của chúng ta, bao giờ chúng ta cũng hy sinh cái đức hạnh chân chính của người đàn bà cho sự đoan trang hợp lễ, tôi mới hiểu được vì sao mà trái tim càng hư hỏng thì lời nói cửa miệng lại càng đoan chính hơn; và tại sao cách hành xử càng đúng đắn hơn khi những con người có cách hành xử đó càng gian dối.

Nhân dịp này trong khi đi sâu tìm hiểu tấm lòng Émile về những bổn phận mà lẽ ra phải sớm buộc anh phải theo, tôi nảy ra một suy nghĩ mới, có thể là nó tạo nên danh giá hơn cả cho Sophie, tuy nhiên tôi hết sức tránh không nói cho người yêu của cô biết; đó là tôi thấy rõ cái kiêu hãnh vô tình mà người ta chê trách cô chỉ là sự thận trọng khôn ngoan để tự mình đề phòng chính mình. Vì có điều khổ tâm là tự cảm thấy mình có một tố chất dễ bùng phát, cô e ngại cái tia lửa đầu tiên và hết sức lánh xa nó. Không phải vì kiêu hãnh mà cô nghiêm khắc, đó là vì tự đánh giá mình thấp. Cô có với

Émile một thế lực mà cô sợ rằng không có đối với chính mình; cô dùng cái nọ để chống lại cái kia. Nếu cô tự tin hơn thì cô sẽ bớt kiêu hãnh đi nhiều. Hãy tước bỏ riêng một điểm này thôi thì hỏi rằng ở đời này có cô gái nào là dễ tính hơn và dịu dàng hơn chứ? Có ai là người chịu đựng sự mếch lòng được kiên trì hơn? Có ai sợ làm mếch lòng người khác hơn, có ai là người ít tham vọng hơn về mọi mặt ngoài đức hạnh? Lại còn không phải vì đức hạnh mà cô kiêu hãnh, cô chỉ kiêu hãnh để bảo vệ đức hạnh mà thôi, và khi cô có thể phó mình được cho khuynh hướng của lòng mình mà không mạo hiểm thì cô thậm chí còn chiều chuộng người yêu mình. Nhưng bà mẹ thận trọng của cô không thuật tất cả các chi tiết đó ngay cả với cha cô nữa, đàn ông không nên biết tất cả mọi chuyện.

Không những cô có vẻ kiêu hãnh về người tình của mình, mà nhân việc này cô còn trở nên nhã nhặn hơn và bớt khó tính với tất cả mọi người, có lẽ chỉ trừ riêng người gây ra sự thay đổi ấy. Ý thức về tính độc lập không còn làm tấm lòng cao quý của cô phấn khích nữa. Bằng sự khiêm nhường cô đạt tới một chiến thắng mà cô trả giá bằng tự do của mình. Cô có thái độ bớt tự do hơn và lối nói e dè hơn từ khi cô không còn nghe thấy từ *người tình* mà không đỏ mặt nữa; nhưng sự thỏa mãn lại lộ ra ở sự bối rối, và sự xấu hổ này tự nó không phải là một tình cảm tai hại, nhất là với những chàng trẻ tuổi đến bất ngờ thì sự thay đổi cách hành xử của cô được thấy rõ nhất. Từ khi cô không còn sợ những chàng đó nữa, thì sự thận trọng cực kỳ đối với họ được nới lỏng ra nhiều. Đã dứt khoát trong sự lựa chọn của mình, cô chẳng ngần ngại tỏ ra duyên dáng với những người dưng, bớt xét nét hơn về tài cán của họ từ khi cô không còn quan tâm gì đến chuyện ấy nữa, bao giờ cô cũng thấy họ khá là dễ thương vì đó là những con người đối với cô mãi mãi chẳng có vai trò gì.

Nếu tình yêu chân chính có thể cứ dùng thói làm dáng, thì tôi cũng thấy có vài dấu vết của việc này trong cung cách ứng xử của Sophie đối với những người kia khi có sự hiện diện người yêu của mình. Cứ như thể cô vẫn chưa bằng lòng với mối đam mê dữ dội mà cô gây ra bằng sự pha trộn tuyệt khéo sự dè dặt với sự ngọt ngào, cô còn chịu khó khêu gợi thêm cho chính cái đam mê ấy bằng một chút băn khoăn; cứ như thể bằng cách cố ý làm cho những ông khách trẻ tuổi của mình vui lên, cô dành những vẻ kiều diễm trong sự vui vẻ mà cô không dám có với Émile để làm cho anh phải băn khoăn dằn vặt: nhưng Sophie quá chăm chú, quá nhân hậu, quá đúng đắn nên chẳng làm anh phải băn khoăn dằn vặt thực sự. Để làm dịu đi sự khêu gợi nguy hiểm này, tình yêu và sự trinh bạch thay cho sự thận trọng nơi cô: cô biết cách làm cho anh lo

ngại và làm cho anh yên tâm thật kịp thời đúng lúc; và nếu như có đôi khi cô làm anh lo lắng thì cũng chẳng bao giờ cô làm anh buồn. Chúng ta hãy lượng thứ cho nỗi ưu tư mà cô gây ra cho người cô yêu vì cô cứ ngại rằng cô chưa bao giờ ràng buộc được anh đủ chặt chẽ.

Nhưng tiểu xảo này sẽ gây được hiệu quả gì với Émile? Anh ta sẽ ghen chăng? Hay là anh ta không ghen? Điều đó thì còn phải xét: bởi vì những sự lạc đề như thế cũng nằm trong mục tiêu của cuốn sách này và không xa rời mấy chủ đề của tôi.

Tôi đã vạch rõ ở phần trên, trong những chuyện chỉ liên quan tới dư luận thì nỗi đam mê này thâm nhập lòng người đàn ông như thế nào. Nhưng trong tình yêu lại là chuyện khác; khi đó thói ghen tuông có vẻ gắn bó quá gần gũi với tự nhiên, thành thử ta rất khó tin rằng nó không xảy đến và ngay cả ví dụ về các động vật, mà rất nhiều con ghen đến cuồng nộ, dường như xác lập cảm giác đối nghịch không bắt bẻ được. Liệu có phải dư luận của những người đàn ông dạy cho các chú gà trống xé xác nhau ra từng mảnh, và cho các chú bò rừng húc nhau cho đến chết hay không?

Sự oán ghét đối với mọi thứ quấy rối và chống lại các niềm vui thích của chúng ta là một tình cảm tự nhiên, điều đó là không sao chối cãi được. Cho đến một điểm nào đó thì lòng ham muốn được sở hữu độc tôn cái làm chúng ta yêu thích vẫn còn ở trong cùng trường hợp này. Nhưng khi lòng ham muốn này đã trở thành đam mê, biến thành sự cuồng nhiệt hay biến thành một sự tưởng tượng ngông cuồng đa nghi và ưu uất được gọi là sự ghen tuông, thì lúc đó lại là chuyện khác, cái dục vọng này có thể là tự nhiên hoặc không tự nhiên; cần phải phân biệt rõ.

Ví dụ rút ra từ các loài vật nói ở phần trên đã được xem xét trong *Bàn về sự bất bình đẳng*; và bây giờ khi ngẫm lại chuyện này một lần nữa, tôi thấy sự xem xét trên đủ vững vàng để dám nhắc cho độc giả tham khảo. Tôi chỉ thêm vào những sự phân định mà tôi thực hiện trong tác phẩm rằng thói ghen tuông xuất phát từ tự nhiên thì gắn bó rất nhiều với sức mạnh của giới tính và khi sức mạnh ấy là hoặc có vẻ là vô giới hạn thì sự ghen tuông đến tới đỉnh điểm, bởi vì lúc đó con đực lấy nhu cầu của mình mà đo quyền lực, bao giờ cũng chỉ có thể nhìn một con đực khác như một kẻ cạnh tranh quấy rầy. Trong cùng những giống loài thì những con cái bao giờ cũng tuân theo kẻ đến trước, chỉ thuộc về những con đực bằng cái quyền chinh phục, và gây ra giữa những con đực các cuộc tranh chấp không sao chấm dứt được.

Trái lại ở những loài mà một con đực kết phối với một con cái, ở đó việc giao phối tạo nên một thứ ràng buộc đạo đức, một kiểu hôn nhân, thì con cái do sự lựa chọn của nó mà thuộc về con đực mà nó hiến thân, thường thường cự tuyệt mọi con đực khác; và con đực vì lấy sự quyến luyến ưu đãi này làm đảm bảo cho sự trung thành của con cái, nên cũng bớt lo ngại hơn khi nhìn thấy những con đực khác, và sống hòa mục hơn với chúng. Trong những loài này thì con đực chia sẻ phần chăm sóc con cái; và do một trong những quy luật tự nhiên mà người ta không sao quan sát mà không động lòng cho được, đường như con cái cũng quyến luyến với con bố như với các con của nó.

Thế thì để xét kỹ loài người trong sự đơn giản nguyên sơ của nó, ta thật dễ dàng nhận thấy rằng do sức mạnh hạn chế của con đực và do mức độ vừa phải trong dục vọng của nó, nó được tự nhiên phú cho để bằng lòng với một con cái duy nhất; điều đó được xác nhận bằng sự tương đương về số lượng các cá thể của hai giới, ít nhất là trong các miền của chúng ta; sự tương đương này không diễn ra ở những loài mà sức mạnh lớn nhất của các con đực kết phối nhiều con cái vào một con đực duy nhất. Tuy rằng người đàn ông không ấp trứng như con chim bồ câu và cũng chẳng có vú để mà cho con bú, thì về phương diện này anh ta thuộc loài bốn chân, những đứa trẻ bò và yếu đuối rất lâu, thành thử người mẹ và những đứa con khó lòng bỏ qua được sự quyến luyến của người cha, và những chăm sóc là hiệu quả của tình quyến luyến đó.

Vậy nên, mọi điều quan sát đều góp vào để chứng minh rằng sự ghen tuông cực điểm của những con đực, trong một số loài động vật, không hề có gì hết để kết luận cho con người; và việc loại trừ ngay cả các vùng khí hậu xích đạo, nơi chế độ đa thê đã được thiết lập, chỉ làm cho nguyên tắc được chấp nhận nhiều hơn, bởi đàn bà đông hơn mà gây nên sự phòng ngừa mang tính chuyên chế của những người chồng, và chính ý thức về sự yếu đuối của mình buộc người đàn ông phải dùng đến sự câu thúc để khéo léo lẩn tránh những quy luật của tự nhiên.

Ở chúng ta, nơi cũng những quy luật ấy ít bị lẩn tránh hơn, lại tồn tại trong một nghĩa trái ngược và khả ố hơn, thói ghen tuông có động cơ trong những đam mê mang tính xã hội hơn là trong bản năng nguyên sơ. Trong phần lớn các mối quan hệ tán tỉnh, người đang yêu căm ghét những kẻ tình địch hơn nhiều so với yêu cô nhân tình của mình, nếu như anh ta có sợ không phải là kẻ độc nhất được chiếu cố, thì đó là hiệu quả của lòng tự ái mà tôi đã vạch ra nguồn gốc, và lòng tự cao tự đại ở anh ta bị tổn hại nhiều hơn là tình yêu. Và chăng những thể chế vụng về của chúng ta đã làm cho đàn bà trở nên quá ư dối

trá[1], và đã làm những thèm muốn của họ cháy bùng thành thử người ta ít có thể tin vào sự quyến luyến được chứng tỏ rõ nhất của họ và họ không còn có thể lộ rõ sự ưu ái để ta được yên lòng về nỗi lo sợ các đối thủ cạnh tranh.

Đối với tình yêu chân chính thì lại lại chuyện khác. Tôi đã vạch ra trong bài viết nói trên rằng tình cảm này không phải là tự nhiên như người ta nghĩ; và đúng là có sự khác biệt giữa cái thói quen dịu ngọt làm cho người đàn ông quyến luyến với cô bạn tình, với cái khát khao vô độ làm say đắm anh ta do những nét quyến rũ hư ảo của một đối tượng mà anh ta không còn nhìn thấy thực sự là như thế nào. Nỗi đam mê này chỉ biểu lộ sự tương khắc và thiên ái, chuyện này chỉ khác sự tự cao tự đại ở chỗ sự tự cao tự đại do đòi hỏi tất cả mà chẳng thuận cho bất cứ cái gì, nên luôn luôn bất công; trong khi tình yêu thì đòi hỏi thế nào cho thế ấy, tự nó là một tình cảm công bằng vô tư. Và chăng tình yêu càng khó tính thì càng hay cả tin: chính cái ảo tưởng gây nên tình yêu lại làm cho tình yêu dễ bị thuyết phục. Nếu tình yêu là áy náy không yên, thì lòng quý trọng lại đầy tin cậy và chẳng bao giờ tình yêu mà không có lòng quý trọng lại tồn tại được trong một tấm lòng ngay thẳng, bởi vì chẳng ai lại chỉ yêu ở người mình yêu những phẩm chất mà mình trọng thị.

Tất cả những điều này đã được trình bày thật tỏ tường để người ta có thể nói chắc là Émile sẽ có thể mắc phải loại ghen tuông nào; bởi chính vì niềm đam mê ấy vừa mới có một mầm mống trong lòng người, duy chỉ có giáo dục mới quy định được hình dạng của nó mà thôi. Émile đang yêu và ghen tuông sẽ không hề giận dữ, ghen bóng ghen gió, đa nghi, mà tế nhị, nhạy cảm và nhút nhát; anh ta sẽ hay lo sợ hơn là nổi cáu; anh sẽ chú tâm vào chinh phục người yêu của mình hơn là đe dọa đối thủ, anh ta sẽ gạt hắn đi, nếu có thể như gạt một vật cản, mà không căm ghét hắn như một kẻ thù; nếu anh có căm ghét hắn, thì điều đó sẽ không phải vì hắn táo tợn tranh giành với anh một trái tim mà anh hằng đeo đuổi và hy vọng, mà vì cái nguy cơ có thực khiến anh có thể mất trái tim ấy; lòng kiêu hãnh vô căn cứ của anh không hề nổi cáu một cách ngu ngốc vì người ta dám lao vào cạnh tranh với anh; vì hiểu rằng cái quyền

---

[302] Loại dối trá mà tôi hiểu ở đây đối lập với loại dối trá phù hợp với họ và gắn bó chặt chẽ với tự nhiên; một đàng thì che đậy những tình cảm có thật của người đàn bà, đàng khác lại là giả bộ những tình cảm mà người đàn bà không hề có. Mọi người đàn bà của giới xã giao dành cả đời mình cho việc tạo nên những chiến tích từ tính nhạy cảm giả mạo của họ, và họ chẳng bao giờ yêu một ai ngoài bản thân mình.

được yêu thích hơn chỉ duy nhất được căn cứ vào tài cán, và vinh dự là ở trong sự thành công, cho nên anh sẽ tăng sự chăm sóc lên bội phần để trở nên đáng yêu, và chắc chắn anh sẽ thành công. Cô Sophie nhân hậu, trong khi chọc tức người yêu của mình bằng vài mối lo, sẽ biết rõ cách xử lý chúng như thế nào, biết đền bù lại cho anh về chuyện ấy; và các đối thủ cạnh tranh chỉ phải chịu đựng để thử thách lòng chung thủy của anh nên chẳng mấy chốc mà bị tách ra.

Nhưng tôi cảm thấy mình bị lôi cuốn về đâu thế này? Ôi Émile, con đã ra sao? Liệu ta có thể nhận ra người học trò của ta trong con không? Ta thấy con sa sút biết bao! Đâu là chàng trai đã được đào tạo nghiêm ngặt đến thế, một người đã không sợ gì những khắc nghiệt của thời tiết các mùa, đã đem thân thể mình lao vào những việc lao động nặng nhọc nhất, đã đem tâm hồn mình phó mặc cho riêng những quy luật, nơi không để cho những thành kiến, những đam mê lọt vào được; con người chỉ yêu sự thật, chỉ theo lẽ phải, và chẳng thiết cái gì không phải là mình? Bây giờ thì bị cuộc sống rảnh rỗi làm mềm yếu đi, anh ta để cho những người đàn bà điều khiển, những bận rộn của anh ta là các cuộc vui của họ, ý muốn của họ là luật lệ anh ta phải theo; một thiếu nữ là kẻ quyết định số phận của anh ta; anh ta luồn cúi và chịu khuất phục trước cô ta; chàng Émile nghiêm trang đang là đồ chơi của một đứa trẻ!

Sự đối cảnh trong cuộc đời là như thế đấy: mỗi độ tuổi có những động lực của nó để làm cho nó chuyển động; nhưng con người thì luôn luôn vẫn cứ như thế. Vào năm lên mười, anh ta bị bánh ngọt dẫn dắt, năm hai mươi tuổi thì bị người yêu, năm ba mươi tuổi thì bị những khoái lạc, năm bốn mươi thì bị những tham vọng, đến năm năm mươi thì bị thói keo kiệt: thế khi nào anh ta chỉ chạy theo sự hiền minh mà thôi? Sung sướng thay cho kẻ nào được người ta đưa tới tình trạng đó dù rằng trái ý hắn! Bất chấp kẻ hướng dẫn là ai, miễn là y đưa được hắn đến đích ư? Bản thân các bậc anh hùng, những người hiền minh đã phải góp phần cống hiến ấy cho sự yếu đuối của con người; và con người mà những ngón tay từng làm gãy những con quay kéo sợi chẳng vì thế mà kém là bậc vĩ nhân.

Quý vị mà muốn cho hiệu quả của một việc giáo dục tốt đẹp trải ra suốt cả đời người, thì xin hãy kéo dài việc duy trì những thói quen tốt của tuổi thơ suốt thời thanh niên; và, khi học trò của quý vị đã trưởng thành như anh ta phải thế, xin hãy làm sao cho anh ta được như thế mãi trong mọi lúc. Đó là sự hoàn thiện cuối cùng mà quý vị còn phải lo cho tạo phẩm của mình. Nhất là chính vì thế mà cần phải đặt một vị sư phó bên cạnh các chàng trai; bởi ngoài

ra ít phải e ngại rằng các anh chàng không biết yêu đương nếu không có ông ta chỉ bảo cho. Điều lầm lẫn của các ông giáo tiểu học, nhất là những người cha, đó là họ cho rằng lối sống này thì loại trừ lối sống khác, và ngay khi người ta vừa mới trưởng thành là phải từ bỏ hết những gì người ta đã làm lúc còn nhỏ. Nếu đã thế thì còn chăm sóc tuổi thơ làm gì, bởi vì có tạo ra được tập quán dù tốt hay xấu thì người ta cũng sẽ làm cho nó phải tan biến đi cùng với thời thơ ấu và trong khi theo những lối sống hoàn toàn khác hẳn, thì người ta cũng sẽ tất yếu phải dùng những phương thức khác để suy nghĩ.

Cũng giống như chỉ có những bệnh nặng mới tạo nên được sự gián đoạn trong trí nhớ, thì hầu như chỉ những đam mê lớn mới làm được thế trong phong hóa. Cho dù thị hiếu và thiên hướng của chúng ta có thay đổi, thì sự thay đổi này, đôi khi quá đột ngột, thường bị làm dịu đi bởi thói quen. Trong sự tiếp nối liên tục của các khuynh hướng của ta, giống như trong sự làm phai nhạt dần các màu sắc, người nghệ sỹ có tài phải làm cho các chỗ chuyển màu sao cho không nhận ra được, phải hòa trộn các sắc màu và để làm cho không có một màu nào là nổi bật, phải trải rộng rất nhiều màu trên toàn bộ tác phẩm của mình. Quy tắc này đã được kinh nghiệm xác nhận; những con người không biết tiết chế mình, luôn thay đổi các sự cảm mến, các thị hiếu, các tình cảm và chỉ có mỗi một sự kiên định là thói hay thay đổi; nhưng con người đúng mực luôn luôn trở lại với các cách hành xử cũ của mình, và ngay cả khi về già vẫn không mất hứng thú với những thú vui họ ưa thích lúc còn nhỏ.

Nếu quý vị làm cho thanh niên khi chuyển sang một độ tuổi mới đừng coi thường chút nào cái họ đã có trước kia, và khi nhiễm các thói quen mới, họ vẫn không rời bỏ những thói quen cũ; và bao giờ họ cũng vẫn muốn làm điều tốt; chỉ như vậy thì quý vị mới cứu được tạo phẩm của mình, và quý vị sẽ vững tin ở họ mãi đến cuối đời họ; bởi vì cuộc nổi loạn đáng sợ nhất là ở độ tuổi mà bây giờ quý vị đang coi sóc. Vì người ta cứ tiếc nuối cái thời ấy mãi, sau này người ta khó mất được những thị hiếu đã từng giữ được từ thời ấy; thay vì chúng có bị gián đoạn, thì suốt đời người ta không phục hồi lại nữa.

Phần lớn các thói quen mà quý vị tưởng rằng tập nhiễm được cho trẻ con và cho thanh niên đều không phải những thói quen thật sự, bởi vì chúng chỉ nhiễm các thói quen ấy vì ép buộc, và vì bất đắc dĩ, chúng chỉ đợi có dịp để thoát khỏi những thói quen ấy mà thôi. Người ta chẳng bao giờ hứng thú gì với việc ở tù vì bị bắt phải ở đó; thế thì thói quen không những không làm giảm sự chán ghét mà lại làm tăng nó thêm lên. Émile thì không như vậy, anh ta, trong

thời thơ ấu của mình vì chẳng hề làm gì mà không tự nguyện và không ham thích, nên trong khi tiếp tục làm y như vậy khi trưởng thành, chỉ có thêm sức chi phối của thói quen vào những ngọt ngào, êm ái trong tự do của mình. Cuộc sống năng động, lao động chân tay, thể dục, vận động, đã trở thành cần thiết cho anh ta đến nỗi anh không thể nào từ bỏ được những điều đó mà không khó chịu. Bất thình lình mà rút anh ta về một cuộc sống ẻo lả và ở lì trong nhà sẽ là cầm tù anh ta, áp chế anh ta, giữ anh ta trong một trạng thái quá khích và bị câu thúc; tôi không nghi ngờ gì về việc tính tình và sức khỏe của anh ta cũng nhân đó mà bị hư hại đi. Anh ta thật khó có thể cảm thấy thoải mái được trong một căn phòng cửa đóng then cài; anh cần có sự thoáng đãng, vận động và việc nặng nhọc. Ngay cả khi phải lòng Sophie, anh cũng không thể nhịn được đôi khi phải liếc qua cánh đồng và thèm muốn được băng qua đó cùng cô. Dù sao thì anh vẫn ở lại khi cần; nhưng anh bồn chồn và bị kích động; anh có vẻ phải vật lộn với mình; anh ở lại vì anh đang bị cùm. Quý vị sẽ nói, đấy nhé, đó là những nhu cầu mà tôi đã khiến cho anh ta phục tùng, những bó buộc mà tôi đã đem lại cho anh ta: và mọi chuyện này đều có thật; tôi đã buộc anh ta phải thành người đàn ông.

Émile yêu Sophie; nhưng những sức hấp dẫn đầu tiên nào đã gắn bó anh ta? Đó là tính đa cảm, đức hạnh, lòng yêu mến những việc lương thiện. Vì yêu lòng yêu mến ấy trong người yêu của mình, liệu anh có đánh mất đi trong chính mình không? Đến lượt mình, Sophie sẽ đặt cho mình giá trị nào? Ở giá trị của mọi tình cảm mang tính tự nhiên trong lòng người tình của cô: sự tôn trọng những việc thiện thực sự, sự thanh đạm, sự giản dị, sự vô tư cao thượng, sự xem thường thói khoa trương và của cải. Émile đã có những phẩm hạnh ấy từ trước khi tình yêu đòi hỏi anh phải có. Vậy thì Émile đã thực sự thay đổi ở cái gì? Anh ta có những lý do mới để được là chính mình; đó là điểm duy nhất mà anh ta khác trạng thái anh ta đã từng sống.

Tôi không tưởng tượng được rằng trong khi có đôi chút quan tâm để đọc cuốn sách này, có ai lại có thể cho rằng mọi điều kiện của tình huống mà anh ta lâm vào đều có thể tập hợp xung quanh anh ta một cách ngẫu nhiên. Liệu có phải là ngẫu nhiên khi trong các thành phố có vô số thiếu nữ đáng yêu, thì cô thiếu nữ làm cho anh yêu thích lại chỉ ở tận cùng một vùng hẻo lánh xa xôi? Liệu có phải là ngẫu nhiên mà họ lại hợp nhau? Có phải là ngẫu nhiên mà họ không thể cư trú ở cùng một vùng? Có phải là ngẫu nhiên mà anh chỉ tìm được nơi trú ngụ ở nơi quá xa cô như thế? Có phải là ngẫu nhiên mà anh chỉ gặp gỡ cô quá ít, mà anh buộc phải trả giá cho niềm vui sướng được thỉnh thoảng gặp cô bằng bấy

nhiêu nỗi cực nhọc không? Quý vị bảo rằng anh ta hóa ra nhu nhược. Trái lại, anh ta cứng rắn lên; cần phải để anh ta mạnh mẽ như là tôi đã rèn cho anh ta để chịu đựng được những khó nhọc mà Sophie bắt anh phải gánh vác.

Anh ngụ ở nơi cách xa cô hơn hai dặm đường. Khoảng cách này là cái bể của lò rèn; chính là nhờ nó mà tôi đem tôi luyện những mũi tên của tình yêu. Nếu như họ cư ngụ ở sát nhau, hay anh ta lại có thể đến gặp cô thật khoan khoái trong một cỗ xe tốt, anh sẽ yêu cô tùy thích, anh sẽ yêu cô theo kiểu người đàn ông Paris. Léandre[303] liệu có muốn chết cho Héro chăng, nếu biển khơi không ngăn cách anh ta với cô? Quý vị độc giả xin hãy cho tôi kiệm lời; nếu quý vị đã sẵn lòng để hiểu tôi, quý vị sẽ theo dõi đầy đủ những quy tắc trong các giải trình chi tiết của tôi.

Những lần đầu mà chúng tôi đến gặp Sophie, chúng tôi đã dùng ngựa để đi cho nhanh, chúng tôi thấy cái phương tiện ấy thật tiện lợi, và lần thứ năm đến thăm chúng tôi vẫn dùng ngựa. Chúng tôi đã được đón; từ nơi cách nhà hơn nửa dặm đường, chúng tôi thấy có người trên đường cái. Émile quan sát, trái tim làm anh rộn ràng; anh đến gần, anh nhận ra Sophie, anh vội nhảy xuống ngựa, anh chạy đi, anh bay, anh quỳ trước gia đình lịch sự ấy. Émile thích những con ngựa đẹp; con ngựa của anh lại hăng, nó cảm thấy được thả lỏng, nó lồng lên qua cánh đồng; tôi đuổi theo nó, tôi khó nhọc mới bắt kịp nó, tôi đưa nó trở lại. Thật không may Sophie lại sợ ngựa, tôi chẳng dám đến gần cô. Émile chẳng nhận ra điều gì; nhưng Sophie ghé vào tai báo cho anh biết là anh đã để cho ông bạn lớn của mình bị cực nhọc. Émile rất xấu hổ chạy tới, giữ lấy những con ngựa, ở lại phía sau: cho công bằng thì mỗi người đến lượt mình phải chịu khó nhọc. Anh ra đi đầu tiên để đưa đám ngựa đi khỏi chúng tôi. Vì phải bỏ Sophie lại đằng sau mình, anh không còn thấy con ngựa là một sự chuyển vận tiện lợi như thế nữa. Anh quay về thở hổn hển, và gặp chúng tôi ở nửa đường.

Trong chuyến thăm viếng sau, Émile không còn muốn đi ngựa nữa. Sao vậy? Tôi bảo anh thế, chúng ta chỉ cần có một gia nhân để lo chuyện này. A! Anh nói, liệu chúng ta có vì thế mà làm cho gia đình đáng kính này mang thêm gánh nặng không? Thầy biết rõ là gia đình này muốn đãi đằng cả người và ngựa. Tôi đáp, đúng là như vậy, họ có tính hiếu khách cao quý của sự nghèo khó. Những nhà giàu thì keo kiệt trong sự tráng lệ của họ, chỉ

---

[303] * Một chàng trai Hy Lạp được Héro yêu, nhảy xuống nước chết ở Hellespont, một tỉnh của La Mã.

cho các bạn mình trú ngụ thôi; nhưng những người nghèo thì cho trú ngụ cả những con ngựa của bạn bè họ. Anh ta bảo rằng chúng ta hãy đi bộ; thầy có gan làm chuyện ấy không, thầy là người hết sức vui lòng chia sẻ với đứa con của thầy các ý thích gây mệt nhọc mà? Tôi đáp ngay là rất vui lòng: cũng đúng là tình yêu, theo như tôi hiểu, không muốn được hình thành với bấy nhiêu sự ồn ào.

Khi gần tới, chúng tôi gặp bà mẹ cùng cô con gái lại còn ở chỗ xa hơn lần trước. Chúng tôi lao tới như tên bắn. Émile mồ hôi đầm đìa: một bàn tay yêu dấu hạ cố đưa một chiếc khăn tay lau má cho anh. Dù có rất nhiều ngựa ở đời này, từ nay còn lâu chúng tôi mới muốn dùng đến ngựa.

Trong khi ấy, ác thay là chẳng bao giờ có thể qua buổi tối cùng nhau. Mùa hè đến, ngày bắt đầu ngắn lại. Cho dù chúng tôi có nói đến thế nào thì cũng chẳng bao giờ người ta lại cho phép chúng tôi trở về vào ban đêm; và khi chúng tôi không đến từ buổi sáng, thì hầu như là phải ra về ngay sau khi vừa mới tới. Do cứ phàn nàn cho chúng tôi và lo lắng cho chúng tôi, nên bà mẹ sốt ruột phải nghĩ đến một thực tế là nếu không lưu giữ chúng tôi trong nhà được một cách hợp lẽ, thì người ta cũng có thể tìm được cho chúng tôi một chỗ nghỉ trọ trong làng để thỉnh thoảng đến đó ngủ lại. Được những lời này, Émile vỗ tay, sướng run lên; còn Sophie, tuy không nghĩ đến mình làm việc ấy, nhưng hôm mà bà mẹ tìm ra giải pháp này cô hôn mẹ hơi nhiều hơn mọi khi.

Dần dà sự dịu ngọt của tình bạn, tình thân mật của sự trong trắng được hình thành và thắt chặt giữa chúng tôi. Những ngày viếng thăm được ấn định bởi Sophie hay mẹ cô, tôi thường đến cùng anh bạn của mình, thỉnh thoảng tôi cũng để anh ta đi một mình. Lòng tin nâng cao tâm hồn, và người ta không thể đối xử với một người đàn ông như với trẻ con được nữa; và làm sao mà tôi đạt được điều đó, nếu học trò của tôi không xứng đáng với sự quý trọng của tôi? Cũng có khi tôi tới mà không có anh ta; lúc đó anh ta buồn rầu nhưng không hề phàn nàn gì: những lời phàn nàn của anh ta phỏng có ích gì? Và rồi thì anh ta hiểu rõ rằng tôi không đi làm tổn hại cho lợi ích của anh ta. Và chăng, chúng tôi có đi cùng hay đi riêng thì người ta cũng hiểu rằng chẳng có thời tiết nào giữ chân chúng tôi được, hoàn toàn đắc ý được tới nơi trong một tình trạng có thể được xót thương. Khốn thay, Sophie lại cấm không cho chúng tôi được hưởng vinh dự ấy, và ngăn cản không cho đến thăm khi thời tiết xấu. Đó là lần độc nhất mà tôi thấy cô làm ngược với các quy tắc mà tôi kín đáo truyền cho cô.

Một hôm anh đi một mình, và tôi thì chỉ đợi anh về ngày hôm sau, thế mà tôi lại thấy anh về ngay tối hôm ấy, và tôi nói trong khi ôm lấy anh: Sao! Émile thân yêu, con trở về với ông bạn của con ư! Nhưng đáng lẽ đáp lại những cử chỉ trìu mến của tôi, thì anh ta bảo tôi và tỏ vẻ hơi khó chịu: Xin đừng tưởng rằng con về sớm là theo ý mình, con bất đắc dĩ phải đến đấy thôi. Cô ấy đã muốn rằng con đến đấy; con đến đấy vì cô ấy chứ không phải vì thầy. Cảm động vì sự ngây thơ ấy, tôi ôm chầm lấy anh ta một lần nữa và bảo anh: con người ngay thật, người bạn chân tình, đừng lấy đi của ta cái thuộc về ta. Nếu con đến đấy vì cô ấy, thì vì ta mà con nói lên điều đó: việc con trở về là thành tựu của cô ấy, nhưng sự ngay thẳng của con là thành tựu của ta. Hãy gìn giữ mãi mãi lòng chân thành cao quý ấy của những người có tâm tính cao đẹp. Ta có thể để cho những kẻ vô tình suy nghĩ thế nào tùy thích; những sẽ là có tội khi chịu để cho một người bạn coi việc mà chúng ta không làm vì họ là một công lao của ta.

Tôi cố giữ đừng làm giảm bớt giá trị của lời thú nhận này dưới mắt anh ta, bằng cách tìm thấy ở đó nhiều tình yêu hơn là sự cao thượng, và bằng cách nói với anh rằng anh muốn làm giảm giá trị của việc trở về ấy ít hơn là muốn gán giá trị này cho Sophie. Nhưng đây là anh bộc lộ với tôi đáy lòng mình mà không đắn đo gì: nếu anh ta tự ý đến đấy, để thùng thẳng, và vừa đi vừa mơ về những giấc mộng tình của mình, thì Émile chỉ là người tình của Sophie mà thôi; nếu anh ta rào bước, hăng hái, dù hơi gắt gỏng, thì Émile là người bạn của Mentor[304] của anh ta.

Ta thấy rằng qua những cách xếp đặt như vậy, chàng trai của tôi đúng là còn xa mới sống gần gụi với Sophie được và còn lâu mới muốn gặp cô bao nhiêu lần tùy ý. Một hay hai chuyến viếng thăm hằng tuần là giới hạn cho phép mà anh nhận được; và những chuyến viếng thăm của anh thường chỉ có nửa ngày, ít khi kéo dài sang ngày hôm sau. Anh dùng nhiều thì giờ để mong mỏi được gặp cô, hoặc là để mừng rỡ vì đã được gặp cô hơn là thời gian được gặp cô thực sự. Ngay cả khoảng thời gian mà anh dành cho các chuyến đi thì thời gian anh ở gần cô cũng ít hơn thời gian để đến hay để đi về. Những niềm vui chân thật, trong sạch, tuyệt vời của anh, tưởng tượng nhiều hơn là có thực, kích động tình yêu ở anh mà không làm mềm yếu trái tim anh.

Những ngày không được gặp cô, anh chẳng ở không và ngồi lì trong nhà. Những ngày ấy anh vẫn còn là Émile: anh không hề thay đổi chút nào. Thông thường nhất là anh đi dạo trên các cánh đồng phụ cận, anh theo đuổi việc

---

[304] * Nhân mã và là sư phó của Télémaque, nhân vật chính trong cuốn sách cùng tên của Ténelon mà Sophie nói với mẹ là cô đã đọc và chịu nhiều ảnh hưởng.

nghiên cứu tự nhiên; anh quan sát, anh xem xét kỹ các loại đất, những sản vật của chúng, cách trồng trọt các sản vật ấy: anh so sánh những việc lao động mà anh thấy với những gì anh biết; anh tìm ra lý do của những khác biệt: khi anh xét thấy có những phương pháp khác tốt hơn so với các phương pháp đang dùng ở vùng này, anh truyền đạt chúng cho những người làm ruộng; nếu anh đưa ra một hình thức tốt hơn cho cái cày, thì anh thể hiện nó ra trên các hình vẽ của mình; nếu anh tìm thấy một mỏ đất sét lẫn vôi thì anh dạy cách sử dụng nó cho người làm ruộng vì kỹ thuật ấy chưa được biết đến trong vùng; thường là anh tự mình bắt tay vào việc; họ rất ngạc nhiên thấy anh sử dụng các công cụ của họ thoải mái dễ dàng hơn là bản thân họ sử dụng, đánh những luống sâu hơn và thẳng hơn những luống của họ, gieo hạt đều hơn họ và điều khiển các tấm chắn gió để gieo hạt một cách thông minh hơn họ. Họ không chê cười anh như một anh hay nói trạng về nông nghiệp: họ thấy rằng anh thực sự biết về nghề nông. Tóm lại, anh mở rộng nhiệt tình và những chăm sóc của mình cho tất cả những gì có ích lợi đầu tiên và cơ bản; thậm chí anh không tự hạn chế mình ở đó: anh đến thăm các gia đình nông dân, tìm hiểu rõ về tình trạng của họ, của gia đình họ, về số con của họ, về diện tích đất trồng trọt của họ, về tính chất của sản phẩm, về nơi tiêu thụ, về các năng lực của họ, về các gánh nặng cho họ, về nợ nần của họ, v.v... Anh cho tiền ít thôi vì biết rằng thông thường là đồng tiền được sử dụng không tốt, nhưng anh tự mình chỉ dẫn việc dùng tiền ấy và làm cho đồng tiền trở nên có ích cho họ dù rằng họ cũng có. Anh cung cấp cho họ những người thợ, và thường thì anh trả cho họ tiền công của những công việc lao động mà họ cần đến! Với người này thì anh cho dựng lại và lợp lại căn nhà tranh sắp đổ; với người kia anh cho phục hóa miếng đất bị bỏ hoang của họ vì họ thiếu phương tiện; với người nọ anh cấp cho một con bò cái, một con ngựa, những gia súc đủ loại để thay thế cho những con đã bị mất, hai người láng giềng mà sắp sửa kiện nhau, anh thuyết phục được họ, anh dàn hòa cho họ; một nông dân ngã bệnh, anh bảo người nhà chăm sóc, anh tự mình chăm sóc cho người ấy[305]; một người nông dân

[305] Chăm sóc cho một nông dân đau yếu thì không phải tẩy ruột cho anh ta bằng cách cho uống thuốc xổ, cho anh ta uống các loại thuốc, mời một nhà phẫu thuật tới cho anh ta. Những người nghèo khổ ấy khi đau ốm chẳng cần đến tất cả các thứ đó làm gì; họ chỉ cần có thức ăn tốt hơn và dồi dào hơn. Quý vị thì hãy nhịn ăn khi bị sốt; nhưng khi nông dân bị sốt, xin quý vị hãy cho anh ta thịt và rượu vang; hầu như mọi bệnh tật là do cực khổ và kiệt sức; nước thuốc sắc tốt nhất của họ là ở trong hầm rượu của quý vị, người bán thuốc độc nhất của họ phải là bác hàng thịt của quý vị.

khác bị người láng giềng có thế lực nhũng nhiễu, anh bảo vệ anh ta và gửi gắm anh ta; những thanh niên nghèo tìm đến nhau, anh giúp cho họ dựng vợ gả chồng; một người đàn bà lương thiện bị mất đứa con yêu, anh đến thăm bà, an ủi bà, anh ngồi lâu trò chuyện với bà chứ không về ngay; anh không hề coi khinh những kẻ bần cùng, anh không vội vã ra về khi gặp những người khốn khó, anh thường ăn cơm ở nhà những người nông dân mà anh giúp đỡ, anh cũng nhận lời mời dùng cơm ở nhà những người nông dân không cần đến sự giúp đỡ của anh; trong khi trở thành ân nhân của một số người này và thành bạn bè của một số người khác, anh luôn luôn xử sự như người đồng đẳng với họ. Tóm lại anh dùng con người của chính mình để làm việc tốt cũng y như dùng tiền của mình vậy.

Thỉnh thoảng anh hướng chuyến đi của mình sang phía thôn trang hạnh phúc: anh có thể hy vọng được lén lút nhìn thấy Sophie, thấy cô đi dạo mà không bị cô nhìn thấy; nhưng Émile bao giờ cũng không có thủ đoạn gì trong cách hành xử của mình, anh không biết cách và anh không muốn lừa dối. Sự tinh tế đáng yêu của anh *khuyến dụ* và nuôi dưỡng lòng tự tôn về chứng cứ lương hảo của bản ngã. Anh tuân thủ nghiêm ngặt lệnh cấm, và không bao giờ đến khá gần để có được nhờ ngẫu nhiên cái điều mà anh chỉ muốn chịu ơn Sophie. Để bù lại, anh rất thích đi lang thang ở vùng phụ cận nơi Sophie ở để tìm kiếm dấu chân người tình, mủi lòng vì những vất vả mà cô đã chuốc lấy và vì những đoạn đường mà cô sẵn lòng đi để chiều ý anh. Hôm trước ngày anh đến thăm cô, anh tới một trang trại láng giềng nào đó để đặt một bữa ăn nhẹ cho ngày hôm sau. Cuộc đi dạo được lái về phía ấy mà anh không để lộ ra chuyện có hoa quả, bánh ngọt, và kem sữa. Cái cô Sophie ưa của ngọt chẳng thờ ơ với những mối quan tâm ấy, và có ý ngợi khen sự chuẩn bị trước của chúng tôi; bởi vì bao giờ tôi cũng có phần của mình trong lời khen tặng ấy, dù tôi chẳng có phần nào trong việc khiến cho có lời khen ấy: đó là cái mánh của cô gái nhỏ để đỡ phải lúng túng trong khi cảm ơn. Người cha và tôi cùng nhau ăn bánh ngọt và uống rượu vang: nhưng Émile thì ăn theo suất của đàn bà, luôn luôn rình rập để thó vài đĩa kem mà Sophie đã dúng thìa vào rồi.

Nhân lúc đang ăn bánh ngọt, tôi nói với Émile về những cuộc tập chạy của anh ta ngày trước. Người ta muốn biết những cuộc chạy đó là thế nào, tôi giải thích và mọi người đều cười, mọi người hỏi liệu anh còn biết chạy nữa không. Anh ta trả lời là còn giỏi hơn bao giờ hết và tôi sẽ rất buồn nếu đã quên mất. Người nào đó trong bọn rất muốn xem anh chạy và không dám nói ra; người nào khác đảm nhận nêu ra đề nghị này; anh ta nhận lời: người ta cho gọi đến

hai hay ba thanh niên ở quanh đó; người ta treo giải thưởng, và để cho giống hơn với các trò chơi thuở trước, người ta đặt một cái bánh ngọt ở đích. Mỗi người đều đã sẵn sàng dự cuộc đua, người ta phát hiệu lệnh bằng cách vỗ tay. Chàng Émile nhanh nhẹn, rẽ không khí và đã tới cuối chặng đường trong khi ba chàng bị thịt của tôi vừa mới bắt đầu chạy được một quãng. Émile nhận giải trong tay Sophie, và, hào hiệp chẳng kém gì Énée, anh chia quà cho mọi người thua cuộc.

Ngay giữa ánh hào quang của thắng lợi, Sophie dám thách thức cả người thắng cuộc, và khoe rằng cô chạy cũng chẳng kém gì anh. Anh không hề từ chối tham gia vào cuộc đua với cô; và trong khi cô chuẩn bị vào đường đua, xắn hai bên áo dài lên và chú ý phô ra một cặp chân mảnh mai trước mắt Émile còn hơn là thắng anh trong cuộc đua này, cô ngắm xem những chiếc váy của cô đã đủ ngắn chưa, anh ghé tai người mẹ nói một lời gì đó; bà mỉm cười ra dấu tán thưởng. Lúc đó anh bước lại đứng cạnh cô đối thủ của mình và dấu hiệu xuất phát chẳng mấy chốc được phát ra, người ta thấy cô xuất phát như một con chim.

Đàn bà không phải được sinh ra để chạy; khi họ *chạy trốn*, chính là để *bị tóm*. Cuộc chạy không phải là việc duy nhất họ làm một cách vụng về, mà đó là việc *độc nhất* họ làm một cách bất đắc dĩ: khuỷu tay của họ đưa về phía sau áp sát vào người tạo nên một tư thế nực cười, và họ lại lênh khênh trên những chiếc *giày cao* làm cho họ giống hệt như những con cào cào chỉ muốn chạy mà lại không chịu nhảy.

Émile không sao tưởng tượng được rằng Sophie lại chạy nhanh hơn những người đàn bà khác, anh không thèm rời khỏi chỗ của mình, và nhìn cô xuất phát với một nụ cười chế giễu. Nhưng Sophie nhẹ cân và mang giày gót thấp; cô chẳng cần đến mẹo vặt để tỏ ra có bàn chân nhỏ, cô vượt lên trước với một sự nhanh nhẹn đến mức để đuổi cho kịp cái cô Atalante[306] đời nay này anh chỉ còn vừa đủ thời gian cần thiết nhận ra khi cô đã quá xa trước anh. Vậy là đến lượt anh xuất phát, giống như con đại bàng lao theo con mồi; anh đuổi theo, đuổi sát gót, rồi bắt kịp cô lúc đó đã thở hổn hển, anh nhẹ nhàng quàng tay trái quanh mình cô, nâng cô lên nhẹ như một cái lông chim, và ép cái vật nặng ngọt ngào ấy vào trái tim mình, cứ thế anh chạy cho hết quãng đường

---

[306] * Công chúa con vua Schoenéce, nổi tiếng dẻo dai và nhanh nhẹn, cô tuyên bố sẽ lấy ai chạy nhanh hơn cô. Anh chàng Hippomène đoạt giải bằng cách để rơi những thỏi vàng cho cô nhặt khiến cho cô chạy chậm lại.

đua và làm cho cô chạm đích đầu tiên, tiếp đó anh hô to *Sophie chiến thắng*! Anh quỳ một gối xuống đất trước mặt cô thừa nhận mình là kẻ thua cuộc.

Thêm vào những việc bận rộn đa dạng này, là các công việc làm nghề mà chúng tôi đã học được. Ít nhất là một ngày trong tuần, và tất cả những ngày thời tiết xấu không cho phép chúng tôi ra ngoài cánh đồng, thì Émile và tôi, chúng tôi đến làm việc ở nhà một người thợ cả. Chúng tôi không làm việc ở đó cho ra vẻ, theo kiểu những người ở bên trên địa vị ấy, mà là làm thật sự và như những người thợ thực thụ. Ông bố của Sophie đến thăm chúng tôi, thấy chúng tôi đang thật sự làm, và không quên kể lại với sự ngưỡng mộ cho bà vợ và cho cô con gái điều ông đã thấy. Ông nói, hãy đến mà xem anh chàng trai trẻ này ở xưởng thợ, và mẹ con nhà bà sẽ thấy rõ là anh ta có khinh rẻ cảnh nghèo nàn không! Ta có thể hình dung được Sophie nghe lời nói đó với nỗi vui sướng đến thế nào! Người ta cứ nhắc lại chuyện này mãi, người ta muốn bất ngờ gặp anh trong khi đang làm việc. Người ta cứ làm ra vẻ không để ý gì mà hỏi tôi; và sau khi đã biết chắc chắn một trong những ngày của chúng tôi làm ở đó, bà mẹ và cô con gái dùng một chiếc xe ngựa nhẹ đi ra thành phố ngay hôm đó.

Trong khi bước vào xưởng thợ, Sophie thấy ở đầu xưởng bên kia có một thanh niên mặc áo ngắn, tóc tai buộc lại một cách sơ sài, và quá bận rộn với việc đang làm nên anh ta không trông thấy cô: cô dừng lại và ra hiệu cho mẹ. Émile một tay cầm cái đục còn tay kia cầm dùi đục, đang hoàn thành một lỗ mộng; sau đó anh cưa một tấm ván và đặt một mảnh xuống dưới cái chặn của bàn thợ mộc để bào cho nhẵn. Cảnh tượng này không hề làm cho Sophie cười; anh làm cô cảm động, anh thật đáng trân trọng. Đàn bà, hãy tôn vinh người chủ của mình; chính anh ta lao động vì cô, anh ta kiếm cơm cho cô, anh ta nuôi dưỡng cô: đó là người đàn ông.

Trong khi hai mẹ con đang chú ý quan sát anh ta, tôi nhận ra họ, tôi kéo tay áo Émile; anh ta quay lại, trông thấy họ, anh vứt cả đồ nghề của mình và lao tới với một tiếng reo mừng. Sau chính rung cảm đầu tiên xâm chiếm lòng mình, anh mời họ ngồi và quay về với công việc. Nhưng Sophie không thể ngồi yên; cô đứng phắt ngay dậy, đi khắp xưởng thợ, xem xét các đồ nghề, sờ mặt bóng của các tấm ván gỗ, nhặt những vỏ bào dưới đất, nhìn những bàn tay của chúng tôi, và rồi bảo rằng cô yêu cái nghề này bởi vì nó sạch sẽ. Cô bé nghịch ngợm, thử bắt chước cả Émile. Bằng bàn tay trắng trẻo và yếu đuối của cô, cô đẩy một cái bào trên mặt ván; cái bào trượt đi mà không ăn vào gỗ chút nào.

Tôi tưởng như nhìn thấy thần Ái tình trong không trung đang cười và vỗ cánh; tôi tưởng như nghe có tiếng reo hoan hỉ nói rằng: *Hercule đã được trả thù.*[307]

Trong khi đó thì bà mẹ hỏi han người thợ cả. Thưa ông, ông trả công cho các cậu này bao nhiêu? Thưa bà, tôi trả cho mỗi cậu hai mươi xu một ngày và tôi cho họ ăn, nhưng nếu chàng trai kia muốn làm, anh ta sẽ kiếm được nhiều hơn, bởi vì đó là người thợ khéo nhất vùng này. Hai mươi xu một ngày và ông nuôi cơm cho họ! Bà mẹ nói trong khi bùi ngùi nhìn chúng tôi. Ông thợ cả nhắc lại: Thưa bà, là như vậy đó. Nghe nói thế, bà liền chạy lại chỗ Émile, ôm lấy anh, ghì anh vào ngực mình trong khi những giọt lệ nhỏ xuống người anh, bà chẳng nói được gì khác ngoài việc lặp đi lặp lại nhiều lần: Con trai tôi! Ôi con trai tôi!

Sau khi đã nói chuyện với chúng tôi một lúc mà không hề làm chúng tôi bỏ công việc, bà bảo con gái: ta về thôi; đã muộn rồi, không nên để mọi người phải chờ chúng ta. Thế rồi đến gần Émile, bà vỗ nhẹ lên má anh và bảo anh rằng: Này anh thợ giỏi, có muốn về với chúng tôi không? Anh trả lời bằng một giọng thật buồn: Con đã cam kết rồi, xin bà hỏi ông thợ cả. Người ta hỏi ông thợ cả rằng ông có định không cần đến chúng tôi hay không. Ông ta trả lời rằng ông không thể. Ông bảo là vì công việc gấp mà ông phải giao hàng vào ngày kia. Vì trông cậy ở các ông này nên tôi đã từ chối những người thợ đến xin việc; nếu tôi không có các ông ấy, thì tôi không còn biết kiếm được thợ khác ở đâu, và tôi không thể giao hàng vào ngày đã hứa. Bà mẹ không phàn nàn gì hết; bà đợi cho Émile nói. Émile cúi đầu và lặng im. Bà bảo anh vì hơi ngạc nhiên về sự im lặng ấy: Anh không có gì để nói về việc này à? Émile âu yếm nhìn cô gái và chỉ trả lời bằng mấy lời này: Bà biết rõ là con cần phải ở lại mà. Thế là hai mẹ con ra đi và để chúng tôi lại. Émile tiễn họ ra tận cửa, nhìn theo họ cho đến lúc họ đi khuất, thở dài, rồi quay về làm việc mà không nói một lời.

Dọc đường, bà mẹ bực mình, nói chuyện với cô con gái về sự kỳ cục của cái cách đối xử ấy. Bà nói: Sao! Làm vừa lòng ông thợ cả mà chẳng bắt buộc phải ở lại khó khăn đến thế ư? Và chàng trai thật hoang phí này, anh ta chi tiền khi chẳng cần thiết, anh ta không còn biết tìm ra tiền trong những điều kiện thỏa đáng hay sao? Ô mẹ ơi! Sophie trả lời, cầu Chúa cho Émile đừng cho đồng tiền nhiều sức mạnh đến thế, đừng cho anh ta dùng tiền để hủy bỏ

---

[307] * Hercule ngồi quay sợi dưới chân Omphale, làm công việc của đàn bà, nay Sophie rơi vào công việc của đàn ông.

một hứa hẹn riêng, để vi phạm lời hứa của mình mà không can gì, và làm cho lời hứa của người khác bị vi phạm. Con biết rằng anh ấy sẽ dễ dàng đền bù cho người thợ vì sự thiệt thòi đôi chút do anh ấy nghỉ việc; nhưng trong khi ấy thì anh ta sẽ bắt tâm hồn mình làm nô lệ cho của cải, anh ta sẽ quen với việc đem của cải thay thế cho các nghĩa vụ của mình, và tin rằng người ta được miễn trừ mọi thứ miễn là người ta chi tiền. Émile có những lối suy nghĩ khác, và con mong rằng con không phải là nguyên nhân làm anh thay đổi. Mẹ có tin rằng anh ấy không phải trả giá gì hết cho việc ở lại đó không? Mẹ ơi, xin mẹ đừng lầm, đó là vì con mà anh ở lại; con đã thấy rõ điều đó trong mắt anh.

Đó không phải là vì Sophie rộng lượng đối với những mối quan tâm thực sự của tình yêu; trái lại cô thật là kiêu sa, đòi hỏi cao; cô thà thích không được yêu chút nào còn hơn là được yêu một cách vừa phải. Cô có lòng tự tôn cao quý của niềm giá trị tự cảm nhận được, tự coi trọng và muốn được tôn trọng như nó tự tôn trọng. Cô sẽ coi khinh một tấm lòng chẳng cảm nhận được hết giá trị của tấm lòng cô, chẳng yêu cô do đức hạnh của cô cũng ngang với hoặc còn nhiều hơn là do những nét duyên dáng của cô; một tấm lòng mà chẳng ưa thích bổn phận của bản thân mình hơn cô, và chẳng ưa thích cô hơn mọi thứ khác. Cô không hề muốn có một người tình chỉ biết coi luật lệ của cô làm luật lệ của mình, cô muốn có thế lực với một người đàn ông mà cô không hề làm anh ta biến chất đi. Chính là như thế mà khi làm giảm được giá trị các chiến hữu của Ulysse, Circés[308] khinh rẻ họ, và chỉ hiến thân cho riêng một mình chàng, người mà cô không tài nào làm thay đổi được.

Nhưng cái quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng này được tách riêng ra, rồi, bo bo giữ chặt lấy mọi quyền của mình, Sophie dò xét xem Émile tôn trọng những quyền đó cẩn thận kỹ càng như thế nào, xem anh thực hiện các ý muốn của cô hăng hái như thế nào, đoán ra các ý muốn này khéo léo như thế nào, anh có tới đúng hẹn không; cô không muốn anh đến chậm cũng chẳng muốn anh đến sớm; cô muốn rằng anh thật đúng giờ. Đến sớm tức là coi trọng bản thân mình hơn cô; đến muộn là coi thường cô. Coi thường Sophie! Điều đó sẽ không xảy ra hai lần. Điều nghi kỵ vô căn cứ một lần đã suýt làm mất hết; nhưng Sophie công minh và biết rõ cách sửa chữa những lầm lẫn của mình.

---

[308] * Tiên nữ, phù thủy trong sử thi *Odyssée* của Homère, người đã biến những chiến hữu của Ulysse thành các con vật và thuyết phục Ulysse ở lại trên hòn đảo của nàng sau trận chiến thành Troie.

Một buổi chiều chúng tôi được chờ đón; Émile đã nhận được lệnh. Người ta đi đón chúng tôi mà chúng tôi lại không tới. Thầy trò họ ra sao rồi? Họ đã gặp phải tai họa gì? Họ không cử ai đến ư? Cả buổi tối trôi đi trong sự mong đợi chúng tôi. Cô Sophie tội nghiệp cứ tưởng là chúng tôi đã chết rồi; cô lo buồn, cô dằn vặt; cô khóc lóc suốt đêm. Ngay từ chiều người ta đã sai một người đi để được biết tin tức về chúng tôi và đem tin trở về cùng với một người của chúng tôi để chuyển lời xin lỗi miệng của chúng tôi và nói rằng chúng tôi vẫn khỏe mạnh bình thường. Một lúc sau, chính chúng tôi xuất hiện. Lúc đó cảnh trí thay đổi liền; Sophie lau nước mắt, hay là, nếu cô có rơi lệ, thì đó là những giọt lệ giận dữ. Trái tim kiêu hãnh của cô đã không được lợi khi yên tâm rằng chúng tôi còn sống; Émile thì còn sống, và làm cho người ta mong mỏi một cách vô ích.

Lúc chúng tôi đến, cô muốn vào phòng riêng tự nhốt mình lại. Người ta muốn cô ở lại; thì phải ở lại: nhưng cô quyết định tức thì, tỏ một vẻ bình thản và hài lòng đánh lừa những người khác. Người cha đến trước mặt chúng tôi và nói với chúng tôi rằng: Các vị đã làm cho các bạn của mình lo buồn; trong số đó có những người không dễ dàng tha thứ cho quý vị. Sophie bảo: Ai vậy thưa cha? Cô vừa nói vừa mỉm một nụ cười duyên dáng nhất mà cô có thể tạo ra được. Người cha đáp: Can gì đến con, miễn là không phải con? Sophie không đối đáp gì, cúi đầu nhìn xuống việc mình đang làm dở trên tay. Bà mẹ tiếp chúng tôi bằng một thái độ lạnh lùng và nghiêm nghị. Émile bối rối không dám đến gần Sophie. Cô nói với anh trước, hỏi thăm sức khỏe của anh ra sao, mời anh ngồi, và vờ vĩnh khéo đến nỗi anh chàng tội nghiệp, hãy còn chưa hiểu tí gì về ngôn ngữ của các niềm đam mê mãnh liệt, bị lừa vì cái vẻ điềm tĩnh này, và chính anh lại gần như sắp nổi khùng.

Để làm cho anh ta tỉnh ngộ, tôi đến cầm lấy tay Sophie, tôi muốn hôn lên bàn tay ấy như thình thoảng tôi có làm thế: cô rút phắt tay về - với một tiếng *Thưa ông* được thốt lên quá khác thường đến mức cái hành vi không chú ý này làm lộ cô ngay lúc đó dưới cặp mắt của Émile.

Chính Sophie, khi thấy mình đã bị lộ, bớt gò ép đi. Vẻ điềm tĩnh bề ngoài của cô chuyển thành một vẻ coi thường khinh khỉnh. Cô trả lời tất cả mọi người với giọng điệu nhát gừng từng tiếng một chậm rãi và thiếu tự tin, dường như sợ rằng để lộ quá rõ sắc thái phẫn nộ của mình. Émile, sợ hãi đến dở sống dở chết, nhìn cô đau đớn, và cố gắng động viên cô nhìn vào mắt anh cho cô hiểu rõ những tình cảm thực của anh. Sophie lại càng bị lòng tự tin của anh

làm cho kích động hơn, đưa sang anh một ánh mắt làm cho anh mất sạch cả ý muốn nài xin một cái nhìn thứ hai. Émile cuống cuồng, run sợ, chẳng còn dám nói, dám nhìn cô, nhưng thật may mắn thay cho anh bởi vì dù chẳng phải anh là thủ phạm, song nếu như anh chịu đựng được sự phẫn nộ của cô, thì không khi nào cô lại có thể tha thứ cho anh được.

Lúc đó thấy rằng đã đến lượt mình, và đã đến lúc phải giải thích, tôi quay lại với Sophie. Tôi lại cầm lấy tay cô, cô không còn rút tay về nữa, vì cô đã bắt đầu thấy khó ở. Tôi dịu dàng bảo cô: Sophie thân quý, chúng tôi không may; nhưng con biết điều và công bằng, con sẽ không kết tội chúng ta mà không nghe chúng ta nói; xin con hãy nghe chúng ta. Cô không trả lời gì hết, và tôi nói như thế này:

> "Chúng tôi ra đi hôm qua từ bốn giờ sáng; chúng tôi đã được bảo là phải đến nơi lúc bảy giờ và bao giờ chúng tôi cũng dành nhiều thì giờ hơn mức cần thiết nhằm mục đích nghỉ ngơi một chút khi đến gần nơi đây. Chúng tôi đã đi được ba phần tư chặng đường thì chợt nghe có tiếng than khóc vẳng tới từ khe đồi cách chúng tôi chẳng bao xa. Chúng tôi chạy tới nơi có tiếng kêu la: chúng tôi thấy một người nông dân khốn khổ vừa ra tỉnh về có uống chút rượu vang trên lưng ngựa, và đã bị ngã nặng đến nỗi anh ta bị gãy chân. Chúng tôi cũng kêu cứu, nhưng chẳng có ai đáp lời; chúng tôi thử đặt người bị thương lên lưng ngựa của anh ta, nhưng không thành công: chỉ hơi cử động một chút là con người bất hạnh ấy phải chịu những cơn đau khủng khiếp. Chúng tôi đành quyết định buộc con ngựa vào cánh rừng gần đó; rồi dùng tay mình làm cáng, đặt người bị thương vào, và cáng anh ta đi sao cho càng nhẹ nhàng càng tốt, rồi đi theo sự chỉ dẫn của anh ta để về nhà anh ta. Hành trình thật là dài; chúng tôi phải nghỉ lấy sức nhiều lần. Cuối cùng thì chúng tôi cũng tới nơi, mệt rã rời; chúng tôi nhận ra với sự ngạc nhiên cay đắng là chúng tôi đã biết ngôi nhà này, và con người khốn khổ mà chúng tôi đem về với biết bao khó nhọc lại chính là người đã từng tiếp đãi chúng tôi với biết bao thân tình vào ngày mà chúng tôi lần đầu đặt chân đến vùng này. Do ai cũng bối rối nên chúng tôi vẫn không thể nhận ra nhau cho đến lúc ấy.
>
> "Anh nông dân ấy chỉ có hai đứa con nhỏ. Vợ anh đang mang thai đứa con thứ ba, quá sửng sốt vì thấy anh trở về nên chị ta thấy đau dữ dội và vài giờ sau thì trở dạ. Trong tình thế ấy thì phải làm gì trong một ngôi nhà tranh ở một vùng hẻo lánh là nơi mà người ta không hy vọng được vào bất kỳ một sự cứu giúp nào? Émile nhận lấy việc đi lấy con

ngựa mà chúng tôi đã để lại trong rừng, nhảy lên mình ngựa và phóng thật nhanh ra thành phố để tìm một nhà phẫu thuật. Anh trao ngựa cho nhà phẫu thuật, và không sao tìm được ngay một hộ lý, anh đi bộ cùng với một đầy tớ, sau khi đã gửi đến quý vị một phái viên, trong lúc tôi bối rối, như các vị có thể hình dung được, giữa một người đàn ông gãy chân và một người đàn bà đang đau đẻ, tôi chuẩn bị trong nhà mọi thứ mà tôi dự tính là cần đến cho việc cấp cứu cả hai người.

"Tôi sẽ không nói chi tiết phần còn lại với các vị làm gì bởi vì đó không phải là vấn đề: Mãi đến tận hai giờ sáng cả hai chúng tôi đều không có lấy một lúc nào xả hơi. Cuối cùng chúng tôi đã trở về nơi trú ngụ gần đây trước khi trời sáng để ở đó mà chờ đến giờ các vị thức giấc để báo cho các vị biết tai nạn của chúng tôi".

Tôi lặng im không nói gì thêm. Nhưng trước khi có người kịp nói, Émile đến gần người tình của mình, cất cao giọng và bảo cô với sự rắn rỏi hơn là tôi chờ đợi: Sophie, cô là người quyết định số phận của tôi, cô biết rõ điều đó. Cô có thể làm cho tôi chết vì đau khổ, nhưng cô đừng hy vọng làm cho tôi quên đi các luật lệ của lòng nhân đạo: đối với tôi những luật lệ ấy thiêng liêng hơn những luật lệ của cô, tôi không bao giờ từ bỏ chúng vì cô.

Sophie đáng lẽ đáp lại những lời nói ấy, bèn đứng lên, quàng một cánh tay vít lấy cổ anh, trao cho anh một nụ hôn lên má, tiếp đó đưa bàn tay cho anh với sự duyên dáng không thể bắt chước được, cô nói với anh: Émile, hãy cầm lấy bàn tay này, nó thuộc về anh. Nếu anh muốn, anh hãy là người chồng của em và là ông chủ của em; em sẽ cố gắng để xứng đáng với vinh dự ấy.

Lúc cô vừa mới ôm hôn anh, thì người cha, mừng rỡ, vừa vỗ tay vừa kêu lên *Thêm lần nữa, thêm lần nữa*, và Sophie không để giục giã, trao ngay cho anh hai nụ hôn lên má bên kia, nhưng, gần như đồng thời, cô khiếp sợ về những gì mình vừa làm, cô trốn vào đôi tay bà mẹ và rúc đầu vào ngực mẹ để che bộ mặt đỏ rực vì thẹn thùng.

Tôi sẽ không mô tả niềm vui chung của mọi người; mọi người đều phải nhận thấy niềm vui ấy. Sau bữa ăn chiều, Sophie hỏi liệu có quá xa để đến thăm những người bệnh tội nghiệp đó không. Sophie muốn thế và đó là một việc thiện. Người ta đến đó: người ta thấy họ trong hai giường riêng biệt; Émile đã sai mang thêm một cái giường đến đây: người ta thấy có nhiều người xúm quanh để an ủi họ: Émile đã thu xếp chuyện này. Nhưng vả chăng cả hai người đều ở trong cảnh rất lộn xộn nên họ phải chịu đựng sự khó chịu ngang

với tình trạng sức khỏe của mình. Sophie quàng lên người mình một cái tạp dề của người đàn bà nhà quê, và đặt bà ta nằm lại cho thoải mái trong giường của bà; cô lại làm thế cho người chồng; bàn tay dịu dàng và nhẹ nhõm biết tìm cách lựa chiều mọi cái có thể làm đau họ, và đặt một cách êm ái hơn chân tay họ còn đang đau đớn. Cô vừa đến gần là họ đã cảm thấy được nhẹ người, cứ như thế cô đoán ra mọi thứ có thể làm họ đau. Cô gái thật tế nhị này không ghê sợ cả sự bẩn thỉu lẫn mùi tanh tưởi, và biết cách làm mất cả cái nọ lẫn cái kia mà không phải cần đến ai giúp việc và cũng chẳng làm cho người bệnh phải chịu đau đớn. Cái cô mà người ta luôn luôn thấy quá nết na, và đôi khi lại quá khinh khỉnh, cái cô mà có được mọi thứ trên đời, cũng sẽ không chạm một đầu ngón tay vào giường một người đàn ông, lại xoay trở và đổi tư thế nằm cho người bị thương mà không hề ngần ngại, và đặt anh ta trong một tư thế thoải mái hơn để anh ta có thể nằm như vậy được lâu. Nhiệt tình của lòng từ thiện cao hơn cả sự nết na, việc cô làm thì cô làm thật nhẹ nhàng gần như chẳng ai nhận ra được là người ta đã động chạm tới mình. Cả bà vợ và ông chồng đều cùng cầu phúc cho cô gái đáng mến đã phục vụ họ, đã thương xót họ, đã an ủi họ. Đó là một thiên thần mà Thượng đế đã cử đến với họ, cô có bộ mặt và vẻ kiều diễm của thiên thần, có sự dịu dàng và lòng tốt của thiên thần. Émile cảm động ngắm nghía cô trong im lặng. Hỡi người đàn ông, hãy yêu cô bạn đời của mình. Thượng đế ban cô ta cho anh để an ủi anh lúc khó khăn, để làm cho anh được dịu bớt những nỗi đau của mình: đó là người vợ.

Người ta làm lễ đặt tên cho đứa bé mới sinh. Đôi tình nhân dâng bé lên, với khát vọng cháy bỏng tận đáy lòng rồi sắp tới sẽ có nhiều đứa bé của họ để người khác làm như thế. Họ mong đợi cái lúc khát khao ấy; họ ngỡ đạt tới gần nó: mọi ngần ngại của Sophie đã được cắt bỏ, nhưng những ngần ngại của tôi lại kéo đến. Họ vẫn còn chưa đủ chín chắn như họ nghĩ: ai cũng phải đến lượt của mình.

Một buổi sáng mà họ chưa được gặp nhau đã hai hôm rồi, tôi bước vào phòng Émile với một lá thư trong tay, và tôi bảo anh trong khi chăm chú nhìn anh: con sẽ làm gì nếu được tin là Sophie đã chết? Anh ta thét lên, đứng bật dậy tay nọ đập vào tay kia, và không nói được lấy một lời, nhìn tôi với cái nhìn vô hồn. Tôi nói tiếp vẫn bình thản như trước: Hãy trả lời đi con. Lúc đó, bị kích động vì sự thản nhiên của tôi, anh lại gần, cặp mắt rực lửa hờn giận; và đứng sững lại với một thái độ gần như hăm dọa: Con sẽ làm gì...? Con chẳng biết nữa; nhưng điều con biết là suốt đời con sẽ không nhìn mặt lại người cho con biết tin này. Tôi mỉm cười trả lời anh ta: Con hãy yên tâm, cô ta đang

sống, cô mạnh khỏe, cô nghĩ đến con, và chúng ta được mong đợi chiều nay. Nhưng bây giờ chúng ta hãy cùng nhau đi dạo và nói chuyện với nhau.

Nỗi đam mê đã ám ảnh không để anh đi vào những cuộc trò chuyện thuần lý như trước kia: phải làm cho anh vì quan tâm đến chính nỗi đam mê ấy mà chú ý đến những bài học của tôi. Đó là điều tôi đã làm bằng cái lối mở đầu khủng khiếp ấy; bây giờ thì tôi tin chắc rằng anh sẽ nghe tôi.

"Émile thân yêu, phải có hạnh phúc, đó là mục tiêu của mọi sinh thể có ý thức, đó là ham muốn đầu tiên mà tự nhiên phú cho ta, và đó là ham muốn độc nhất không khi nào rời ta. Nhưng hạnh phúc ở đâu? Ai biết nó như thế nào? Ai cũng tìm kiếm nó, mà chẳng có ai tìm được. Người ta dùng cả đời để theo đuổi hạnh phúc mà đến chết vẫn không đạt được. Anh bạn trẻ của tôi ơi, khi con mới sinh ta đã bế con trên tay và xin Thượng đế chứng giám lời hứa mà ta dám cam kết, ta hiến đời ta cho hạnh phúc của gia đình con, liệu bản thân ta có biết rằng mình cam kết điều gì không? Không: ta chỉ biết có mỗi một điều là khi làm cho con được hạnh phúc thì ta chắc chắn rằng mình hạnh phúc. Khi thực hiện cho con sự tìm tòi hữu ích này, ta đem nó làm của chung của cả hai ta.

"Chừng nào mà ta vẫn chưa biết rõ điều mình phải làm, sự khôn ngoan là ở chỗ giữ cho mình đừng hành động. Đó là câu châm ngôn mà con người cần đến nhiều nhất trong các câu châm ngôn, và là câu châm ngôn mà người ta biết noi theo ít nhất. Kiếm tìm hạnh phúc mà chẳng biết nó ở đâu thì có khác nào chuốc lấy việc lánh xa nó, có khác chi rước lấy bao rủi ro ngang trái nhiều ngang với bao lối để mà lầm lạc. Nhưng không phải là mọi người đều biết đừng nên làm gì. Sự khát khao được an lạc hãm chúng ta vào nỗi khắc khoải, trong đó chúng ta thích dối mình để theo đuổi hạnh phúc hơn là đừng làm gì để kiếm tìm nó: và, sau khi đã ra khỏi nơi chốn mà chúng ta có thể biết hạnh phúc là gì, thì chúng ta lại không biết làm sao để trở lại đó được nữa.

"Với cùng một sự không biết như thế, ta đã thử tránh chính cái sai lầm như thế. Trong khi chăm lo cho con, ta đã quyết không làm một việc gì vô ích và quyết ngăn cản con làm điều đó. Ta giữ mình đi theo con đường do tự nhiên vạch ra, với sự mong mỏi rằng tự nhiên sẽ chỉ cho ta con đường hạnh phúc. Hóa ra con đường vẫn là đường ấy, và ta đã đi theo con đường ấy mà không nghĩ đến.

"Con hãy làm nhân chứng cho ta, hãy làm thẩm phán của ta; ta sẽ không bao giờ bác bỏ con. Những năm đầu đời của con đã không bị hy sinh cho các năm tiếp theo; con đã thụ hưởng mọi phúc lành mà tự nhiên đã ban cho con. Trong những nỗi đau mà tự nhiên buộc con phải chuốc lấy mà ta đã có thể tránh được cho con khỏi lâm vào, thì con đã chỉ cảm nhận những gì làm cho con cứng rắn hơn đối với những đau đớn khác. Con từng phải chịu một nỗi đau nào là chỉ để nhờ đó mà tránh được một nỗi đau lớn hơn. Con không từng biết cả hận thù lẫn tình trạng bị áp chế. Tự do và thỏa mãn, con vẫn cứ công bằng và thiện tâm; bởi vì cảnh khổ và thói xấu không tách rời nhau được, và bao giờ thì con người cũng chỉ trở thành độc ác khi họ bất hạnh. Hãy để cho kỳ niệm của tuổi ấu thơ của con kéo dài đến tận những ngày con già nua! Ta không sợ rằng có bao giờ trái tim thiện hảo của con nhớ lại thuở ấu thơ mà không có đôi lời cầu phước cho bàn tay đã chi phối thuở ấy.

"Khi con đã bước vào tuổi của lý trí, ta đã giữ cho con không bị dư luận của mọi người chi phối; khi trái tim con trở nên đa cảm, ta đã phòng ngừa cho con khỏi thế lực của những đam mê. Nếu như ta có thể giữ mãi cho con cái an bình nội tâm ấy đến tận cuối đời con, thì ta sẽ giữ cho con, tạo phẩm của ta được an toàn, và con sẽ luôn luôn hạnh phúc như một con người có thể được thế; nhưng Émile thân yêu, dù ta đã cố đem tôi luyện tâm hồn con trong dòng nước Hoàng tuyền, song ta chẳng thể làm được cho nó khỏi bị tổn thương ở bất kỳ chỗ nào, nơi nổi lên một địch thủ mới mà con vẫn chưa học được cách chế ngự, mà ta thì không thể cứu con được. Kẻ địch ấy là chính bản thân con đó. Tự nhiên và số phận đã để cho con được tự do. Con có thể chịu đựng được cực khổ, con có thể chống đỡ được những đau đớn thể xác, còn những nỗi đau của tâm hồn thì con chưa được biết. Con chẳng thiết cái gì ngoài thân phận của con người, còn bây giờ thì con lại tha thiết với mọi gắn bó mà con tạo nên cho mình; trong khi học biết ham muốn, con đã biến mình thành kẻ nô lệ của những ham muốn của con. Dẫu chẳng có gì thay đổi ở con, dẫu chẳng có gì xúc phạm đến con, dẫu chẳng có gì động chạm đến sự tồn tại của con, song bao nhiêu nỗi đau có thể xâm chiếm tâm hồn con! Con có thể cảm thấy bao đau đớn khi chẳng bệnh tật gì! Con vẫn có thể chịu bao cái chết tuy không chết! Một sự lừa lọc, một sai lầm, một nỗi hoài nghi có thể làm cho con thất vọng.

"Con đã thấy ở nhà hát các nhân vật bị lâm vào những nỗi đau cực điểm, hét vang sân khấu bằng những tiếng thét điên cuồng, sầu não như đàn bà, khóc lóc như trẻ con, và làm vậy mà xứng đáng với sự hoan hô của công chúng. Con có nhớ chăng con đã tức giận vì những lời than vãn ấy, những tiếng thét ấy, những tiếng rên rỉ ấy ở những người mà người ta chỉ nên mong đợi những hành vi kiên định và quyết đoán. Sao! Con đã rất công phẫn mà bảo rằng, đó là những tấm gương mà người ta nêu lên để chúng ta noi theo, những khuôn mẫu mà người ta đưa ra cho chúng ta bắt chước! Liệu người ta có sợ rằng con người lại không đủ nhỏ mọn, không đủ khổ sở, không đủ yếu mềm, nếu như người ta không tán dương thêm sự mềm yếu của con người dưới hình ảnh giả tạo của đạo đức? Anh bạn trẻ của ta, từ nay con hãy có thái độ khoan thứ hơn đối với sân khấu: thế là con đã trở thành một trong những nhân vật của nó.

"Con biết đau đớn và chết: con biết chấp nhận quy luật tất yếu trong những đau đớn về thể xác; nhưng con vẫn còn chưa áp đặt các luật lệ cho những thèm khát của lòng con; và chính là từ những cảm xúc của chúng ta, hơn là từ các nhu cầu, mà sinh ra khùng hoảng trong cuộc sống của chúng ta. Những thèm muốn của chúng ta thật vô cùng, mà sức mạnh của chúng ta thì hầu như không có. Con người bị bó buộc bởi các ước muốn đủ thứ, còn chẳng hề bị bó buộc bởi bản thân mình, ngay cả bởi chính cuộc sống của mình cũng không nốt; anh ta càng tăng thêm những mối gắn bó, anh ta lại càng tăng thêm những nỗi khổ cho mình. Tất cả đều chỉ trôi đi trên cõi nhân gian này: tất cả mọi thứ mà ta yêu mến sớm muộn gì rồi cũng tuột khỏi chúng ta mà thôi, còn chúng ta thì cứ yên chí là nó phải bền lâu mãi mãi. Con đã sợ hãi đến thế nào vì mỗi một chút ngờ vực về cái chết của Sophie! Vậy con có cho rằng cô ta sống mãi không? Ở tuổi cô không có ai chết ư? Cô ta phải chết, con ơi, và có thể là chết trước con. Ai biết được liệu cô ta có còn sống thậm chí ngay trong lúc này? Tự nhiên chỉ chế định cho con có một lần chết, con lại phải chịu một lần chết thứ hai; thế là con lâm vào cảnh phải chết hai lần.

"Như vậy là vì thuận theo những đam mê vô độ của mình mà con sẽ vẫn cứ phải than vãn mãi! Luôn luôn vì những thiếu thốn, vì những mất mát, vì những lo âu; thậm chí con không hưởng thụ được những gì sẽ còn lại cho con. Nỗi sợ hãi mất tất cả sẽ cản trở, làm cho con không có được gì hết; vì chỉ muốn theo đuổi những đam mê của mình, thì

không bao giờ con có thể thỏa mãn được chúng. Con sẽ luôn luôn tìm kiếm sự an bình, nhưng nó luôn luôn trốn chạy trước mặt con, con sẽ khổ sở, và con sẽ trở nên độc ác. Và con sẽ có thể làm thế nào để khỏi lâm vào tình cảnh ấy khi con chỉ lấy những dục vọng vô độ của con làm quy luật! Nếu con không chịu đựng nổi những thiếu thốn không như ý, thì con sẽ chú ý bắt mình chịu thiếu thốn như thế nào? Làm sao con biết hy sinh sự ham muốn của mình cho bổn phận và chống chọi với lòng mình để nghe theo lý trí? Con từng chẳng còn muốn nhìn mặt người đã báo cho con biết tin người yêu của con chết, thì làm thế nào con nhìn mặt kẻ muốn cướp cô đi lúc còn đang sống cho được, kẻ sẽ dám bảo con rằng: "Cô ta đối với anh là đã chết rồi, đức hạnh chia rẽ anh với cô ta đấy"? Nếu phải sống cùng cô ta dù có xảy ra chuyện gì đi nữa, dù Sophie có lấy chồng hay không, dù con có được tự do hay không, dù cô có yêu con hay ghét con, dù người ta có nhận gả cô cho con hay từ chối con, cũng chẳng sao, con muốn kết hôn với cô, phải có được cô với bất cứ giá nào. Vậy con hãy cho ta biết một kẻ chỉ lấy các ham muốn của lòng mình làm luật lệ, và không biết chống chọi với bất kỳ điều gì mà hắn thèm muốn thì hắn sẽ dừng chân ở tội ác nào?

"Con trai của ta, không hề có hạnh phúc nào là không cần lòng dũng cảm, không có đức hạnh nào là không cần sự phấn đấu. Từ *đức hạnh* là suy ra từ *sức mạnh*; sức mạnh là nền tảng của mọi đức hạnh. Đức hạnh chỉ thuộc về một sinh thể yếu đuối về bản chất và mạnh mẽ về ý chí; thế là chỉ bằng mỗi điều đó mà làm nên giá trị của con người chính trực; và dù rằng chúng ta gọi là Chúa lòng lành, mà không gọi là Chúa đức độ, bởi vì Chúa không cần nỗ lực gì để ban điều lành. Để giảng giải cho con cái từ quá mạo phạm này, ta phải đợi cho con đủ khả năng để hiểu ta. Chừng nào đức hạnh chẳng cần khó khăn gì cũng thực hiện được thì người ta ít có nhu cầu biết đến nó. Nhu cầu này xuất hiện khi những đam mê được thức tỉnh: nhu cầu ấy đã đến với con.

"Khi giáo dục con trong tất cả sự giản dị của tự nhiên, thay vì thuyết giáo cho con về những bổn phận nặng nề, ta lại đã giúp con tránh được những thói xấu là cái làm cho các bổn phận ấy thành ra nặng nề; ta đã làm cho con thấy lời dối trá là vô ích hơn là khả ố, ta đã làm cho con biết rằng chỉ nên quan tâm đến cái gì thuộc về con hơn là trả lại cho mọi người cái thuộc về họ; ta đã đào tạo con có thiện tâm hơn là có đức hạnh. Nhưng ai mà chỉ có thiện tâm thôi thì cũng chỉ ở chừng mực như

là anh ta có ý thích được như thế: thiện tâm sẽ đổ vỡ và hủy hoại trong cuộc xung đột với dục vọng của con người; con người mà chỉ có thiện tâm thôi thì chỉ là có thiện tâm vì bản thân mình.

"Vậy thế nào là con người có đức hạnh? Đó là kẻ biết chế ngự những xúc cảm của mình: bởi vì lúc đó anh ta tuân theo lý trí của mình, tuân theo lương tâm của mình; anh ta làm nghĩa vụ của mình, anh ta giữ vững vị thế của mình trong trật tự, và không có gì làm cho anh ta rời bỏ vị thế ấy. Cho đến bây giờ con vẫn chỉ được tự do về hình thức; con chỉ mới có được cái tự do bấp bênh của kẻ nô lệ mà người ta chưa sai bảo hắn phải làm gì. Bây giờ thì con hãy trở thành tự do trong thực tế; con hãy học cách trở thành người chủ của chính mình; hãy ra lệnh cho trái tim con, ôi Émile, và con sẽ có đức hạnh.

"Vậy đó là một bước rèn luyện sơ bộ khác phải làm, bước rèn luyện này còn khó khăn hơn bước đầu tiên: bởi vì tự nhiên giải thoát chúng ta khỏi những khổ đau mà tự nhiên bắt ta phải chịu hay là dạy cho chúng ta biết chịu đựng chúng, nhưng tự nhiên không nói gì hết cho chúng ta về những khổ đau do chúng ta tự mình gây nên, tự nhiên bỏ mặc chúng ta với bản thân, tự nhiên kệ cho chúng ta, những nạn nhân của dục vọng của chính mình, không chống chọi nổi với những khổ đau hão huyền, và lại còn tự tán thưởng mình về những dòng lệ mà lẽ ra chúng ta sẽ phải lấy làm hổ thẹn.

"Đây chính là nỗi đam mê đầu tiên. Đó là đam mê độc nhất có thể là xứng đáng với con. Nếu con biết chi phối nó với tư cách người đàn ông, nó sẽ là nỗi đam mê cuối; con sẽ chế ngự được các đam mê khác và con sẽ chỉ vâng theo khát vọng đức hạnh.

"Nỗi đam mê ấy chẳng phải là tội lỗi, ta biết rõ điều đó, nó cũng trong sạch y như những tâm hồn cảm nhận được nó. Sự lương thiện tạo nên nó và sự trong trắng nuôi dưỡng nó. Sung sướng thay những kẻ đang yêu! Những lôi cuốn của đức hạnh chỉ tăng thêm những quyến rũ của tình yêu cho các bạn; và mối ràng buộc êm ái mà các bạn mong đợi đòi hỏi có sự khôn ngoan không kém gì sự gắn bó. Nhưng con hãy nói cho ta biết, hỡi người đàn ông chân chất, niềm đam mê trong sạch đến thế có bớt chinh phục con hay không? Con có bớt làm kẻ nô lệ của nó hay không? Và nếu như mai này niềm đam mê ấy không còn trong trắng nữa, liệu con có dập tắt nó ngay từ ngày mai không? Bây giờ là lúc thử

thách các sức mạnh của con; khi đã phải dùng đến nó thì thời gian không còn đủ nữa. Các cuộc thử thách nguy hiểm này phải làm từ lúc còn lâu mới xảy ra tai họa. Người ta không tập luyện được gì trong cuộc đấu tranh trước kẻ thù, người ta phải chuẩn bị việc ấy trước cuộc chiến; người ta lâm trận khi đã chuẩn bị đầy đủ.

"Thật là sai lầm khi phân biệt các đam mê thành hai loại được phép và bị cấm, để lao vào loại thứ nhất và khước từ loại kia. Mọi đam mê đều tốt cả khi người ta còn làm chủ được chúng; đam mê nào cũng xấu xa khi người ta để cho chúng chinh phục. Điều mà tự nhiên cấm đoán chúng ta là đem sự gắn bó quyến luyến của chúng ta vươn ra quá xa so với sức mình: điều mà lí trí cấm đoán chúng ta, đó là muốn cái chúng ta không thể đạt được; điều mà lương tâm cấm đoán chúng ta không phải là bị cám dỗ mà là để chúng ta bị xiêu lòng vì các cám dỗ. Có hay không những đam mê thì không tùy thuộc ở chúng ta, nhưng tùy thuộc ở chúng ta là việc chế ngự các đam mê ấy. Mọi tình cảm chi phối chúng ta đều tội lỗi cả; còn những tình cảm mà chúng ta chế ngự được thì đều chính đáng; một người đàn ông yêu vợ người khác là vô tội nếu anh ta giữ được niềm đam mê đau khổ ấy cho thuận theo luật của nghĩa vụ; anh ta lại có tội vì yêu chính vợ mình đến độ hy sinh tất cả cho tình yêu của mình.

"Đừng có mong đợi ở ta những bài giảng dài dòng về đạo đức; ta chỉ có một châm ngôn độc nhất cho con, và điều đó mọi người khác đều hiểu cả. Con hãy làm người đàn ông, hãy đặt lại trái tim con vào trong những hạn chế của hoàn cảnh. Con hãy tìm hiểu và hãy biết rõ những hạn chế ấy; dù nó có chật hẹp đến đâu thì người ta cũng chẳng đau khổ gì khi tự nhốt mình vào đó; người ta chỉ khổ sở khi muốn vượt ra ngoài những hạn chế đó; người ta chỉ khổ sở khi vì những ham muốn điên loạn của mình mà đem những *điều không thể* xếp vào hàng những *điều có thể* thực hiện được; người ta chỉ đau khổ khi người ta quên mất tình cảnh của con người để rèn giũa nó trong huyễn tưởng, để rồi bao giờ cũng lại từ tình trạng huyễn tưởng ấy rơi tõm trở lại vào tình trạng thực của mình. Chỉ những của cải mà người ta tưởng rằng có quyền sở hữu thì khi bị mất đi mới là đáng kể. Sự hiển nhiên không sao có được chúng giải thoát cho ta khỏi điều đó: những ước muốn vô vọng chẳng hề làm cho ai đau khổ. Một kẻ nghèo hèn không hề bị giày vò bởi khát vọng làm vua; một ông vua chỉ muốn thành thần khi ông ta tin rằng mình không còn là người nữa.

"Những ảo tưởng của thói kiêu hãnh là nguồn gốc phát sinh ra những đau khổ lớn nhất của chúng ta; nhưng sự chiêm ngưỡng cảnh khổ của con người làm cho người khôn ngoan luôn luôn biết sống có chừng mực. Anh ta đứng vững ở vị thế của mình, không vùng vằng giãy cựa để vượt ra khỏi đó; anh ta không hề sử dụng nỗ lực của mình một cách vô ích để hưởng thụ những gì mà anh ta không thể gìn giữ được cho mình; và dùng mọi nỗ lực ấy vào việc sở hữu chắc chắn cái mà anh ta có, thực ra là anh ta mạnh và giàu hơn cả bởi anh thèm muốn ít hơn chúng ta. Là một con người phải chết và phải bị tiêu hủy, liệu ta có tạo ra cho mình những mối quan hệ vĩnh hằng trên Trái đất này, nơi mà tất cả đều đổi thay, nơi mà tất cả đều qua đi, mà ta cũng sẽ biến đi nay mai? Ôi Émile, ôi con trai ta! Khi mất con thì ta sẽ còn lại được gì? Và dù sao ta cũng phải học cách để mất con; bởi vì ai mà biết được khi nào thì con bỏ ta đi?

"Vậy con có muốn được sống hạnh phúc và khôn ngoan, thì hãy chỉ gắn bó trái tim con với sắc đẹp nào không tiêu tan được: sao cho hoàn cảnh giới hạn những ham muốn của con, sao cho những bổn phận đi trước những dục vọng của con: xin hãy mở rộng quy luật về sự cần thiết tất yếu cho các sự việc đạo đức; hãy học cách chịu mất mát những gì mà con có thể bị lấy mất; hãy học cách từ bỏ mọi thứ khi đức hạnh đòi hỏi, để tự đặt mình cao hơn các sự việc, để giải thoát cho trái tim con khỏi bị các thứ đó vò xé, để có được dũng khí trong sự đối địch, nhằm không bao giờ lâm vào cảnh khốn khổ, để được quyết đoán trong nghĩa vụ của con, nhằm không bao giờ mắc tội lỗi. Lúc đó con sẽ hạnh phúc bất chấp số mệnh, và khôn ngoan bất chấp những đam mê. Lúc đó con sẽ thấy trong việc sở hữu ngay cả những tài sản mong manh nhất cũng có một khoái cảm mà không gì có thể làm vẩn đục được; con sở hữu các tài sản ấy mà không để cho chúng chiếm hữu con, và con sẽ cảm thấy rằng, con người mà mọi thứ đều tuột khỏi anh ta, chỉ hưởng thụ được từ cái mà anh ta biết để bị mất. Con sẽ không hề có ảo tưởng về những lạc thú hư ảo, đúng vậy; con cũng sẽ không hề có những đau khổ do những ảo tưởng ấy gây ra. Con được rất nhiều trong cuộc đổi chác này; bởi vì những đau khổ ấy là thường xuyên và có thực, còn những lạc thú kia lại hiếm hoi và hư ảo. Chế ngự được bấy nhiêu dư luận dối lừa ấy, con sẽ là kẻ chiến thắng cả cái dư luận vốn đem lại một giá trị quá cao cho cuộc sống. Con trải qua đời mình không hề bấn loạn và kết thúc đời mình không run sợ; con tự giải thoát cho mình khỏi cuộc đời cũng

như khỏi tất cả mọi sự. Mà những kẻ khác bị sự khiếp sợ xâm chiếm, lại nghĩ từ giã cõi đời là thôi tồn tại; do biết được sự hư vô của nó, con cho là mới khởi đầu. Cái chết là tận cùng cuộc sống của kẻ ác, và là sự khởi đầu của sự sống đối với người công chính".

Émile nghe tôi nói với sự chăm chú pha lẫn lo âu. Anh ta sợ có một vài kết cục tai hại gì đó ở những lời mở đầu ấy. Anh ta dự cảm rằng trong khi vạch ra cho anh sự cần thiết phải có sức mạnh của tâm hồn, tôi muốn đưa anh vào cuộc rèn luyện khó khăn này; và giống như một kẻ bị thương run rẩy khi thấy nhà phẫu thuật đang tới, anh ta tưởng như đã cảm nhận được trên vết thương của mình cái bàn tay làm đau đớn mà cũng làm mau lành, ngăn không cho vết thương rơi vào trạng thái thối rữa.

Còn ngờ vực, bối rối, sốt ruột muốn biết tôi định đưa chuyện này đến đâu, đáng lẽ là trả lời thì anh ta lại hỏi tôi, nhưng có chút e ngại. Thưa, phải làm gì? Anh ta vừa nói với tôi vừa run rẩy và không dám ngước mắt lên. Tôi trả lời bằng một giọng dứt khoát: Điều phải làm là rời xa Sophie. Thầy nói gì? Anh ta kêu lên có vẻ bị kích động: Rời xa Sophie! Bỏ cô ta mà đi, lừa dối cô ta, làm kẻ phản bội, kẻ lừa đảo, kẻ bội ước!... Tôi ngắt lời anh ta. Sao! Đó là vì tôi mà Émile sợ bị đánh giá bằng những từ như vậy? Émile nói tiếp vẫn hăng như trước: Chẳng phải do thầy, cũng chẳng do một người khác; con sẽ biết, dù có trái ý thầy thì vẫn bảo tồn được tạo phẩm của thầy, con sẽ không bị đánh giá bằng những từ ấy.

Tôi đã chờ đón cơn thịnh nộ đầu tiên này; tôi để mặc cho nó qua đi mà không hề động tâm. Nếu tôi không có sự chừng mực mà thuyết giảng cho anh ta, thì tôi sẽ thật quá đẹp mặt khi đã thuyết giảng cho anh ta điều đó! Émile quá biết rõ tôi thành thử không tin tôi có thể đòi hỏi ở anh ta điều gì không tốt, và anh ta thừa biết là rời bỏ Sophie thì sẽ không tốt đẹp gì theo cái nghĩa mà anh ta gán cho ngôn từ đó. Cho nên rồi anh ta cũng đợi cho tôi giải thích rõ. Lúc đó tôi mới nói tiếp:

"Émile thân yêu, con có tin được rằng một người đàn ông dù có ở vào một cảnh huống nào đi nữa, vẫn có thể hạnh phúc hơn con trong ba tháng vừa qua không? Nếu con tin điều đó thì hãy tỉnh ngộ đi. Trước khi thưởng thức những lạc thú ở đời, con đã làm cho hạnh phúc của những lạc thú ấy bị cạn kiệt. Ngoài điều mà con đã cảm nhận được thì chẳng có gì hết. Tột độ hạnh phúc của xác thịt là thoáng qua, ở đó bao giờ cũng vậy, trạng thái bình thường của tình yêu bị mất mát đi. Con

đã hưởng thụ bằng tưởng tượng nhiều hơn là sẽ được hưởng thụ trong thực tế. Sự tưởng tượng tô vẽ thêm cho cái mà người ta ham muốn song lại bỏ mặc nó khi đã chiếm hữu được. Ngoài cái sinh thể độc nhất tồn tại được bằng chính mình, thì chỉ có cái không tồn tại là tốt đẹp. Nếu trạng thái này luôn luôn có khả năng kéo dài, con sẽ tìm được hạnh phúc cực điểm. Nhưng tất cả những gì gắn với con người đều dễ tàn lụi; mọi thứ đều kết thúc, mọi thứ đều là thoáng qua trong đời người: và khi trạng thái làm cho ta hạnh phúc cứ kéo dài không ngừng, thì thói quen được hưởng thụ nó lại sẽ tước bỏ mất hứng thú của chúng ta về sự hưởng thụ đó. Nếu ở ngoại giới chẳng có gì thay đổi, thì cõi lòng thay đổi, hạnh phúc từ bỏ chúng ta hoặc chúng ta từ bỏ hạnh phúc.

"Thời gian mà con sẽ chẳng đếm xỉa đến trôi đi trong suốt cơn mê sảng của con. Hạ qua, đông tới. Giả sử chúng ta vẫn có thể tiếp tục cuộc hành trình của mình trong một thời tiết khắc nghiệt đến thế, thì mọi người cũng sẽ chẳng bao giờ chịu để như vậy. Đúng là phải thay đổi hẳn lối sống dù ta chẳng muốn thế; lối sống hiện nay không sao kéo dài thêm được nữa. Ta nhìn thấy trong cặp mắt nhớn nhác của con rằng khó khăn này chẳng làm cho con phải bối rối gì nhiều: sự thú nhận của Sophie và những ham muốn của riêng con gợi ra cho con một phương sách dung dị để tránh khỏi tuyết lạnh và để không còn có những chuyến đến thăm Sophie nữa. Kế sách thì hẳn là thuận tiện: nhưng mùa xuân đã tới, tuyết tan và đám cưới còn đó; phải nghĩ đến nó trong mọi thời tiết.

"Con muốn cưới Sophie, và con mới chỉ quen biết cô ta có năm tháng trời! Con muốn cưới cô ta không phải vì cô ta hợp với con, mà vì cô ta làm cho con ưa thích; cứ như là tình yêu chẳng bao giờ lầm lẫn về những điều tương hợp, và cứ như là những kẻ bắt đầu bằng yêu nhau thì chẳng bao giờ kết thúc bằng chán ghét nhau! Cô ta có đức hạnh, ta biết điều đó; nhưng như thế là đủ rồi sao? Là những con người có thiện tâm liệu có đủ để phù hợp được với nhau không? Không phải là ta ngờ vực gì về đức hạnh của cô ta, mà là chưa rõ về tính cách của cô. Tính cách của một người đàn bà có tự phơi bày ra trong ngày một ngày hai không? Con có biết rằng cần phải có bao nhiêu là tình huống gặp gỡ mới biết hết được tính nết họ? Bốn tháng quyến luyến nhau có đảm bảo được cho con về cả cuộc đời không? Có thể là vắng mặt hai tháng thôi sẽ làm cho cô ta quên con rồi, có thể một kẻ khác chỉ đợi có sự xa

cách của con để xóa hết hình ảnh con trong trái tim cô ta; có thể là ngày con trở về, con sẽ thấy cô ta cũng lạnh nhạt ngang như con thấy cô ta đầy tình cảm cho đến tận lúc này. Tình cảm thì chẳng phụ thuộc vào những nguyên phát; cô ấy có thể vẫn còn thật chân thành và thôi không còn yêu con nữa. Cô ta sẽ thủy chung và trinh thục, ta thiên về tin điều đó; nhưng ai đảm bảo cho con về cô ta và ai đảm bảo cho cô ta về con; chừng nào các con chưa từng bị thử thách? Các con hãy chờ đợi xem liệu cuộc thử thách này có phải sẽ là vô ích cho các con không? Các con hãy chờ đợi, để hiểu được mình, để cho các con không sao còn xa cách nhau được nữa.

"Sophie còn chưa đầy 18 tuổi; con mới qua tuổi ấy ít nhiều, tuổi này là tuổi của tình yêu, nhưng không phải là 22, là tuổi của hôn nhân. Cha và mẹ gì trong gia đình lại trẻ thế! Này, muốn biết dạy dỗ trẻ con, ít ra hãy đợi cho mình thôi là trẻ con. Con có biết có bao nhiêu cô gái trẻ đã phải gánh chịu những mệt nhọc của thai kỳ trước tuổi làm suy yếu cả thể trạng, tàn phá cả sức khỏe, rút ngắn cả cuộc sống không? Con biết chăng có bao nhiêu đứa trẻ suy mòn và yếu đuối mãi, chỉ do không được nuôi dưỡng trong bụng một người mẹ đã được phát triển đầy đủ? Khi mà người mẹ và đứa con lại cùng nhau lớn lên, và do chất liệu cần thiết cho sự lớn lên của mỗi người trong hai mẹ con lại phải chia sẻ làm đôi, cả con lẫn mẹ cùng không có được cái mà tự nhiên dành cho mình: làm sao mà cả hai mẹ con lại có thể không phải cùng chịu khổ vì điều đó? Hoặc là ta hiểu quá sai về Émile, hoặc là con sẽ thích sau này có một người vợ và những đứa con mạnh khỏe hơn là chiều theo sự nóng vội của mình làm phương hại đến cuộc sống và sức khỏe của vợ con mình.

"Chúng ta hãy nói về con. Trong khi mong mỏi được làm chồng và làm cha, hiện con đã nghĩ kỹ về những bổn phận chưa? Khi trở thành chủ gia đình, con sẽ trở thành thành viên của quốc gia. Và trở thành thành viên của quốc gia là như thế nào? Con biết điều đó chưa? Con đã nghiên cứu các bổn phận của mình khi làm người đàn ông, nhưng những bổn phận của người công dân, con đã biết chưa? Con đã biết chính phủ, luật pháp, tổ quốc là gì chưa? Con đã biết quốc gia phải trả giá đến mức nào cho con có thể sống được không? Và con có biết vì ai mà con phải chết? Con tưởng mình đã biết hết, và con vẫn còn chưa biết gì hết. Trước khi giữ một vị trí trong trật tự dân sự, con hãy học để biết trật tự ấy và để biết con hợp với đẳng cấp nào ở đó.

> "Émile, cần phải rời xa Sophie, ta không nói là bỏ cô ta; nếu con có thể làm được điều đó, thì cô ta sẽ rất sung sướng là chưa lấy con: cần phải rời xa cô để rồi trở lại xứng đáng với cô. Đừng bao giờ quá huyễn hoặc để tin rằng đã xứng với cô. Ô, còn bao nhiêu là việc cho con phải làm. Con hãy hoàn thành cái nhiệm vụ cao quý này; con hãy học cách chịu đựng sự xa cách; con hãy giành lấy giá trị của lòng chung thủy, sao cho khi trở về, con có thể có gì đó làm vinh dự cho con khi ở bên cô, và xin cầu hôn, không phải như một ân huệ, mà như một sự tưởng thưởng".

Vẫn còn chưa từng được tập dượt để đấu tranh với bản thân mình, vẫn còn chưa từng quen với việc thèm khát một đàng lại muốn một nẻo, chàng trai không chịu quy thuận; anh ta chống lại, anh ta tranh luận. Tại sao cứ phải khước từ hạnh phúc đang đón đợi? Có phải sẽ là phí báng bàn tay chìa ra nhận lời anh cầu hôn nếu trì hoãn đón nhận bàn tay ấy không? Anh ta có cần phải xa rời cô ta mới học được cái mà anh ta phải biết không? Và nếu cứ cần phải có điều đó thì tại sao anh không để lại cho cô trong những ràng buộc không tháo gỡ nổi, cứ đảm bảo chắc chắn cho việc trở về của anh ta chứ? Anh ta mà được làm chồng của cô, thì anh ta sẵn sàng đi theo tôi; hai người mà được kết hôn rồi, thì anh ta xa rời cô mà chẳng e ngại gì... Émile thân yêu, các con kết hôn để rồi các con xa nhau, sao ngang trái đến thế! Một người yêu có thể sống thiếu vắng cô nhân tình thì được; nhưng một người chồng thì không bao giờ được rời xa vợ mình khi không cần thiết. Để khắc phục những ngần ngại của con, ta thấy rằng sự trì hoãn của con phải là không cố ý: điều cần thiết là con có thể bảo Sophie rằng con xa rời cô ta ngoài ý muốn của mình. Này! Hãy bằng lòng đi, và vì con không nghe theo lẽ phải, thì con hãy nhận người khác làm thầy. Con không quên lời cam kết mà con đã hứa với ta chứ. Émile, cần phải rời xa Sophie, ta mong điều đó.

Nghe những lời này, anh ta cúi đầu, lặng im, trầm ngâm một lát, thế rồi nhìn tôi có vẻ tự tin, anh ta bảo tôi: Khi nào chúng ta đi? Tôi bảo anh là sau tám ngày nữa, cần phải chuẩn bị cho Sophie chấp nhận cuộc ra đi này. Đàn bà thì mềm yếu hơn, cần phải đối xử nhẹ nhàng với họ; và sự thiếu vắng này lại chẳng phải là một bổn phận đối với cô ta như là đối với con, nên để cho cô ta chịu đựng nó được nhẹ nhàng hơn.

Tôi rất muốn kéo dài chuyện tình của đôi bạn trẻ cho đến lúc họ xa cách nhau, nhưng tôi đã từ lâu lạm dụng lòng khoan dung của độc giả; chúng ta hãy rút ngắn câu chuyện để kết thúc một lần cho xong. Émile liệu có dám ăn nói

với cô nhân tình của mình với cùng một sự tự tin mà anh ta vừa mới biểu lộ với ông bạn của mình không? Đối với tôi thì tôi tin điều đó; chính là do sự chân thật trong tình yêu mà anh ta phải có được lòng tự tin ấy. Anh ta sẽ thẹn thùng hơn trước cô ta, nếu như anh ít khổ tâm hơn vì rời xa cô; anh sẽ rời xa cô như có lỗi, và vai trò ấy bao giờ cũng gây khó xử cho một tấm lòng ngay thẳng: nhưng sự hy sinh càng lớn đối với anh ta, thì anh ta lại càng lấy đó làm vinh dự trước mắt con người làm cho sự hy sinh ấy đối với anh là nặng nề. Anh ta không e sợ rằng cô để cho người ta lừa phỉnh về động cơ quyết định sự hy sinh đó. Anh ta có vẻ như thầm bảo cô qua từng ánh mắt: Ôi Sophie! Hãy hiểu cho lòng tôi, và xin hãy chung thủy; em không có một người yêu vô đạo đức đâu.

Còn về phần cô Sophie kiêu sa, cô cố gắng chịu đựng có phẩm cách miếng đòn bất ngờ giáng vào cô. Cô ráng tỏ ra vô cảm trong việc này; nhưng vì cô không được giống như Émile, vinh dự trong cuộc đấu tranh và trong thắng lợi, nên tính kiên định của cô cũng giảm sút. Cô khóc lóc, cô rên rỉ mặc dù cô không muốn thế, và nỗi khiếp sợ sẽ bị quên lãng làm bức bối thêm nỗi đau xa cách. Nhưng không phải cô khóc lóc trước mặt người yêu của mình, cũng không phải cô để cho anh thấy những nỗi khiếp sợ của mình; cô sẽ ngạt hơi còn hơn là để lọt ra một tiếng thở dài khi có mặt anh: chính tôi mới là người tiếp nhận những lời than vãn của cô, là người thấy những dòng lệ của cô mà cô giả vờ coi như bạn tâm tình. Đàn bà thường khéo léo và biết cách giả đò: càng thầm cắn nhằn chống lại sự chuyên chế của tôi thì cô lại càng quan tâm hơn để mơn trớn tôi; cô cảm thấy số phận của mình ở trong tay tôi.

Tôi an ủi cô, tôi làm cho cô yên tâm, tôi cam đoan với cô về người yêu của cô, hay đúng hơn là về chồng cô: rằng cô chung thủy với anh ta y như là anh ta sẽ chung thủy với cô, và hai năm nữa anh sẽ là chồng cô, tôi thề như vậy. Cô đủ tôn trọng tôi để tin rằng tôi không muốn lừa dối cô. Tôi là người bảo đảm cho từng người trong đôi lứa, cho người nọ đối với người kia. Tấm lòng của họ, đức hạnh của họ, lòng thành của tôi, lòng tin của cha mẹ, tất cả đều làm họ yên tâm. Nhưng mà lý trí giúp gì được cho sự mềm yếu? Họ chia tay nhau như là họ sẽ không còn được gặp nhau nữa.

Chính lúc đó Sophie nhớ lại những nuối tiếc của Eucharis và thực sự coi mình ở vào địa vị của cô ta. Trong khi vắng mặt nhau, chúng ta không được để

khơi dậy những mối tình kỳ khôi ấy. Một hôm tôi bảo Sophie, con hãy trao đổi sách với Émile. Con hãy tặng anh ta cuốn *Télémaque* để anh ta học được giống như nhân vật ấy; và anh ta sẽ tặng con cuốn *Khán giả*, mà con thích đọc. Con hãy tìm hiểu ở đó những bổn phận của người đàn bà đoan chính, và hãy nghĩ rằng sau hai năm nữa những bổn phận ấy sẽ là các bổn phận của con. Cuộc trao đổi này làm vui lòng cả hai, và tạo cho họ niềm tin. Thế rồi ngày buồn cũng đến, phải chia tay nhau.

Người cha xứng đáng của Sophie, người mà tôi cùng bàn tính mọi điều, ôm hôn tôi trong lúc nhận lời từ biệt của tôi; rồi kéo tôi riêng ra, ông nói với tôi những lời này với một giọng trang trọng và một ngữ điệu hơi nhấn mạnh: "Tôi đã làm tất cả để chiều ý ông; tôi biết rằng tôi thương nghị với một con người trọng danh dự. Tôi chỉ còn một lời để nói với ông: xin ông nhớ cho rằng học trò của ông đã ký hôn ước của anh ta lên miệng con gái tôi".

Thái độ của đôi tình nhân sao mà khác nhau đến thế! Émile thì hung hăng, dữ dội, kích động, không tự chủ được, thốt ra những tiếng thét, tuôn những dòng thác lệ lên đôi tay người cha, người mẹ, người con gái, ôm lấy tất cả mọi người trong gia đình với tiếng nức nở của mình, và lặp lại hàng ngàn lần cùng những chuyện ấy một cách lộn xộn mà trong mọi dịp khác ắt sẽ gây cười. Sophie thì ủ ê, tái xanh, mắt thất thần, ánh mắt u ám, không cử động gì, chẳng nói năng gì, chẳng hề khóc lóc, chẳng nhìn thấy một ai, kể cả Émile. Anh đã cầm tay cô, xiết chặt cô trong cánh tay mình; cô vẫn bất động, vô cảm trước những giọt lệ của anh, với những ve vuốt của anh, với mọi cử chỉ của anh: với cô, anh đã ra đi rồi. Người này thật xúc động hơn biết bao so với sự than vãn khó chịu và tiếc nuối ầm ĩ của người tình của cô! Anh nhìn thấy điều đó, anh cảm nhận được điều đó, anh ngậm ngùi về chuyện ấy: tôi phải khó khăn mới dẫn được anh đi; nếu tôi còn để thêm cho anh một lát thì anh sẽ không còn muốn ra đi nữa. Tôi thật nhẹ cả người vì anh mang theo mình cái hình ảnh buồn bã ấy. Nếu như có bao giờ anh muốn quên đi điều mình phải làm vì Sophie, trong khi nhắc lại cho anh về cô như anh đã thấy vào lúc anh ra đi, thì hẳn là anh phải có một cõi lòng quá tha hóa cũng như tôi không đưa anh trở về được với cô.

NHỮNG CHUYẾN ĐI

Người ta hỏi rằng liệu thanh niên đi du lịch thì có tốt chăng, và người ta tranh luận rất nhiều về chuyện ấy. Nếu người ta hỏi một cách khác đi, rằng

liệu có là tốt khi những người đàn ông đi du lịch, có thể là họ sẽ không tranh luận nhiều đến thế.

Sự lạm dụng sách vở giết chết khoa học. Vì tưởng rằng mình biết điều đã đọc, người ta cho là mình không cần phải học điều đó nữa. Đọc quá nhiều chỉ có tác dụng tạo ra những kẻ dốt nát mà tự phụ. Suốt mọi thời đại của văn chương, chẳng khi nào người ta đọc nhiều như ở thời đại này, và cũng chẳng có thời nào mà người ta lại ít thông thái hơn; ở tất cả các nước Âu châu, chẳng có ở đâu lại in ra những câu chuyện, những cuốn du ký nhiều đến như ở nước Pháp, chẳng có ở đâu người ta lại ít biết đến các bậc thiên tài và các phong tục của các nước khác như ở Pháp! Bao nhiêu là cuốn sách làm cho ta coi thường cuốn sách của thế giới; hoặc là nếu ta có đọc nó đi nữa, thì mỗi người chỉ gắn bó với cái trang mình thích. Giả sử tôi không biết câu nói *Người ta có thể là người Ba Tư được chăng?* Thì khi nghe nói lên câu ấy, tôi sẽ đoán rằng nó xuất xứ từ một nước mà ở đó các thành kiến dân tộc được lên ngôi hơn cả và từ cái giới truyền bá nó rộng nhất.

Một người Paris tưởng là biết về con người, thì anh ta chỉ biết có người Pháp mà thôi; ở thành phố của anh ta, lúc nào cũng đầy người ngoại quốc, anh ta nhìn mỗi người ngoại quốc cứ như một hiện tượng dị thường chẳng có gì tương đồng với phần còn lại của thế giới. Phải được thấy tận mắt những nhà tư sản của cái thành phố lớn này, phải từng sống ở nhà họ, mới tin được rằng với bấy nhiêu trí tuệ mà con người ta có thể ngốc nghếch như vậy. Có điều kỳ cục là mỗi người trong bọn họ đã từng đọc dễ đến mười lần sự mô tả về một đất nước mà một cư dân của đất nước ấy sắp sửa làm cho họ lạ lùng kinh dị quá chừng.

Phải nhìn thấu những định kiến của các tác giả và của chúng ta để đi tới chân lý, thật là quá nhiều. Tôi đã suốt đời đọc các du ký và chưa bao giờ thấy được lấy hai cuốn mà cho tôi cùng một ý tưởng về cùng một dân tộc. Trong khi so sánh một số ít những điều quan sát của chính mình với những gì mà mình đã đọc, tôi đã kết thúc bằng cách bỏ mặc các du khách ở đó, và tiếc cho thời gian mà tôi đã bỏ ra đọc các bài viết của họ để học hỏi, hoàn toàn bị thuyết phục rằng xét về mặt những quan sát đủ loại thì không được đọc mà phải nhìn thấy. Điều đó sẽ là đúng trong dịp này, khi tất cả những du khách sẽ chân thành, khi họ chỉ nói ra điều họ đã tin, và khi họ chỉ che đậy sự thật bằng những màu sắc giả tạo mà sự thật đem lại cho mắt họ. Phải thế nào đây khi mà vẫn còn phải làm cho sự thật được sáng tỏ qua những lời dối trá và ý đồ xấu của họ!

Vậy thì hãy bỏ mặc cái phương kế của các cuốn sách mà người ta tán tụng với anh cho những kẻ được sinh ra để bằng lòng với phương kế đó. Phương kế là tốt, cũng giống như tài năng của Raymond Lullé[309] để mà học được cách ba hoa về cái mà ta chẳng biết gì hết. Phương kế đó thật tốt để luyện cho những Platon mười lăm tuổi đời triết lý ở các cuộc họp mặt câu lạc bộ và để dạy cho một đám người biết các tập quán Ai Cập và Ấn Độ dựa trên niềm tin của Paul Lucas[310] hay của Tavernier[310].

Tôi coi như phương châm không thể phản bác rằng ai đó đã chỉ thấy có một dân tộc thôi thì thay vì hiểu biết được con người, lại chỉ hiểu biết được những người mà anh ta đã cùng sống mà thôi. Vậy đây còn là một cách khác nữa để đặt lại cũng vấn đề du lịch ấy: một người có giáo dục chỉ biết các đồng bào của mình thôi thì đã đủ chưa hay là còn phải hiểu biết những con người nói chung? Ở đây, không còn phải tranh luận hay nghi ngờ gì nữa. Quý vị thấy rằng lời giải đáp cho một câu hỏi khó đôi khi lại tùy thuộc vào cách đặt câu hỏi đến chừng nào!

Nhưng, để nghiên cứu con người, có cần phải đi khắp nơi trên thế giới không? Có cần phải đi sang Nhật Bản để quan sát những người châu Âu không? Muốn hiểu biết chủng loại, có cần phải hiểu biết mọi cá thể không? Không; có những người giống nhau nhiều đến nỗi không cần phải tốn công nghiên cứu họ riêng biệt. Ai đã thấy mười người Pháp, thì đã thấy mọi người Pháp. Mặc dầu ta không thể nói như vậy với người Anh và vài dân tộc khác, song dầu sao cũng chắc chắn là mỗi dân tộc có tính cách riêng và đặc thù của mình, được nhận ra bằng phép quy nạp, không phải từ sự quan sát một thành viên duy nhất của nước đó, mà từ nhiều thành viên. Ai đã so sánh được mười dân tộc thì hiểu được những con người, cũng giống như ai đã thấy mười người Pháp thì hiểu được mọi người Pháp vậy.

Đi khắp các nước để học hỏi vẫn chưa đủ; ta cần phải biết đi du lịch. Muốn quan sát, ta phải có mắt và phải hướng mắt về phía đối tượng mà ta muốn biết. Có nhiều người mà các cuộc du lịch còn dạy họ được ít hơn là các

---

[309] * Còn được gọi là "thánh nhân", là một nhà văn và nhà giả kim thuật vùng Catalan (1235-1315) được đặt biệt danh là "kẻ cuồng tưởng". Các tác phẩm của ông được coi là kỳ lạ nhất của triết học kinh viện.

[310, 310] * Tên những nhà du hành người Pháp đi vòng quanh thế giới. Tavernier khám phá ra Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư và Ấn Độ.

sách vở, vì họ không biết thuật suy nghĩ, vì, trong việc đọc sách, trí óc họ, ít ra, cũng được tác giả hướng dẫn, và vì, trong các cuộc du lịch của họ, họ không biết tự mình xem xét lấy một cái gì cả. Một số người khác chẳng học hỏi được gì, bởi vì họ không muốn học. Mục đích của họ khác đến nỗi mục đích không kích thích họ mấy; nếu người ta xem xét được chính xác mọi thứ mà người ta không hề quan tâm nhìn ngắm thì đó chỉ là việc cực kỳ ngẫu nhiên mà thôi. Trong tất cả các dân tộc trên thế giới thì người Pháp là người đi du lịch nhiều nhất; nhưng vì đem theo đầy rẫy những tập tục của mình, anh ta lẫn lộn tất cả những gì không giống với các tập tục ấy. Người Pháp có mặt ở khắp nơi trên thế giới. Không hề có nước nào mà ở đó người ta tìm được nhiều người đã từng đi du lịch hơn nước Pháp. Tuy nhiên, dù có như thế thì trong tất cả các dân tộc của châu Âu, dân tộc đến thăm các dân tộc khác nhau nhiều nhất lại hiểu biết các dân tộc ấy ít nhất.

Người Anh cũng đi du lịch, nhưng bằng một cách khác; hẳn là hai dân tộc này trái ngược nhau về mọi việc. Quý tộc Anh hay đi du lịch, quý tộc Pháp thì không, bình dân Pháp hay đi du lịch, bình dân Anh lại không. Theo tôi, sự khác biệt này hình như làm vẻ vang cho dân tộc sau. Những người Pháp hầu như bao giờ cũng có một dự tính nào đó về quyền lợi trong khi họ đi du lịch; còn người Anh không hề đi tìm dịp làm giàu ở các quốc gia khác, nếu không phải bằng sự giao dịch và những bàn tay đầy tiền của; khi họ đi du lịch chính là để vung tiền ra ở các nước đó chứ không phải sống bằng thủ đoạn; họ quá tự phụ nên không đi luồn cúi chốn tha hương. Vì vậy, điều đó làm cho họ học hỏi ở ngoại quốc được nhiều hơn người Pháp mà đầu óc chứa đựng một mục đích hoàn toàn khác. Tuy nhiên, những người Anh cũng có các thành kiến quốc gia của họ, họ có thành kiến còn hơn bất cứ ai, nhưng các thành kiến này là do khát vọng nhiều hơn là do không hiểu biết. Người Anh có các thành kiến của tính kiêu hãnh còn người Pháp thì có các thành kiến của tính khoe khoang.

Cũng như những dân tộc ít học nhất thường là những dân tộc khôn ngoan nhất, những người du lịch ít nhất lại du lịch một cách ích lợi nhất; vì lẽ, kém tiến bộ hơn chúng ta trong các cuộc nghiên cứu phù phiếm, và ít bận bịu hơn về các đối tượng của tính hiếu kỳ vô bổ, họ để tất cả sự chú ý của vào những gì thực sự hữu ích. Tôi hầu như chỉ biết có người Tây Ban Nha du lịch bằng cách ấy. Trong khi người Pháp chạy đến nhà một nghệ sỹ của một xứ nọ, trong khi người Anh thuê người nghệ sĩ ấy vẽ một món đồ cổ nào đó, và

trong khi người Đức mang tập ảnh của mình đến nhà tất cả các nhà thông thái, thì người Tây Ban Nha âm thầm nghiên cứu chính thể, các phong tục, cảnh sát, và anh ta là kẻ duy nhất trong bốn người mà khi hồi hương, mang về được trong những gì anh ta đã thấy, một vài nhận xét nào đó có ích cho xứ sở của mình.

Cổ nhân du lịch ít, đọc ít, viết sách ít, tuy nhiên người ta thấy rằng trong những sách mà họ để lại cho chúng ta, họ quan sát lẫn nhau chính xác hơn chúng ta quan sát người đương thời với chúng ta. Không xét đến các tác phẩm của Homère, thi sĩ duy nhất đem chúng ta đến các xứ sở mà ông miêu tả, người ta không thể từ chối Hérodote cái vinh dự đã miêu tả phong tục trong các sách sử của ông, mặc dù các sách sử ấy chứa đựng nhiều bài bút ký nhiều hơn các điều suy tưởng: ông mô tả một cách tài tình hơn tất cả các sử gia của chúng ta, trong sách các cuốn đầy rẫy những chân dung và tính tình của các nhân vật lịch sử. Tacite đã mô tả người Germains thời ông tài tình hơn bất cứ một nhà văn nào đã mô tả người Đức thời nay. Không thể chối cãi được rằng những người thạo cổ sử hiểu biết người Hy Lạp, người dân thành Carthage, người La Mã, người Gaulois cổ, người Ba Tư cổ, một cách tường tận hơn bất cứ một dân tộc nào ngày nay hiểu biết các dân tộc láng giềng của mình.

Phải thừa nhận rằng những tính cách đặc thù của các dân tộc, vì ngày một bị phai mờ đi, chính vì thế mà trở nên khó nắm bắt. Trong khi mà các chủng tộc hòa máu với nhau, và các dân tộc cũng thế, ta thấy dân dân biến mất những khác biệt dân tộc mà ngày xưa làm cho người ta nhận ra ngay từ cái nhìn đầu tiên. Ngày xưa mỗi quốc gia còn tồn tại khép kín hơn trong lãnh thổ của mình; giao thông còn kém, du lịch ít, ít có lợi ích chung hoặc trái ngược hơn, ít có các quan hệ chính trị và dân sự giữa dân tộc này với dân tộc khác hơn, không hề có những phiền toái gọi là thương lượng ấy giữa các vương triều, không hề có các sứ giả hay cơ quan thường trú về ngoại giao; các đường thủy đi xa rất hiếm; ít có trao đổi buôn bán với các xứ xa; và nếu như có đôi chút việc buôn bán thì hoặc là do chính ông hoàng tiến hành bằng cách dùng người ngoại quốc, hoặc là do những kẻ tiện dân chẳng gây ảnh hưởng gì được đến ai và không hề làm cho các quốc gia xích lại gần nhau. Hiện nay quan hệ giữa châu Âu và châu Á đã tăng gấp hàng trăm lần so với quan hệ giữa xứ Gaule và Tây Ban Nha ngày xưa: chỉ riêng châu Âu đã phân tán nhiều hơn sự phân tán của toàn bộ Trái đất hiện nay.

Thêm vào đó, các dân tộc cổ đại, phần đông tự coi mình là người bản địa hay có nguồn gốc ở xứ sở của họ, đã chiếm cứ lãnh thổ ấy đủ lâu để quên mất ký ức về các thời đại xa xưa mà tổ tiên họ đã từng ở đó, và để cho khí hậu có thời gian tạo ra những ấn tượng dài lâu cho họ: trong khi ở chỗ chúng ta, sau các cuộc xâm lược của người La Mã, những cuộc di dân gần đây của những người hoang dã đã pha trộn tất, đã lẫn lộn tất. Người Pháp ngày nay không còn là những người cao lớn tóc vàng da trắng của ngày xưa; người Hy Lạp không còn là những người đẹp đẽ sinh ra để làm mẫu cho mỹ thuật; chính biểu tượng của người La Mã cũng đã bị thay đổi về tính cách, kể cả bản chất của nó; những người Ba Tư có nguồn gốc từ người Tartare ngày một mất dần cái xấu xí nguyên thủy của họ do hòa trộn với dòng máu của người xứ Circassie; những người Âu không còn là người Gaulois, người Germains, người Ibérie, người Allobroge nữa; tất cả đều là những người Scythe được suy biến theo nhiều cách khác nhau mà thành, cả về hình dạng, và về mặt phong tục lại còn suy biến nhiều hơn nữa.

Đó là lí do vì sao mà những khác biệt thời cổ đại về chủng tộc, những phẩm chất của khí hậu của đất bản địa đã từng in dấu từ dân tộc này đến dân tộc khác lên những tính khí, những hình dáng, những phong tục, những tính cách, mạnh mẽ hơn là tất cả những điều này có thể in dấu ở thời đại chúng ta, cái thời đại mà tính dễ biến đổi của châu Âu không còn để cho một nguyên nhân tự nhiên nào có thời gian in dấu vết của nó, và là thời đại mà rừng rú bị đốn hạ, các đầm lầy bị khô cạn, đất đai được trồng cấy đồng nhất hơn, tuy trồng cấy kém hơn, không còn để lại được, ngay cả về mặt cơ thể, sự khác biệt từ vùng đất này sang vùng đất khác, và từ nước này sang nước khác.

Có thể là, với những suy xét tương tự, ta sẽ chẳng vội vàng gì mà biến Hérodote, Ctésias, Pline thành trò cười, vì họ đã miêu tả những người dân của các nước khác nhau với những nét chỉ rõ nguồn gốc và những khác biệt rõ rệt mà nay ta không còn thấy được nữa. Phải thấy lại được chính những con người ấy để nhận ra ở họ cũng chính những hình ảnh ấy; như thế thì cần phải không có gì làm cho họ thay đổi để cho họ vẫn cứ còn là chính họ. Nếu chúng ta có thể đồng thời khảo sát tất cả mọi người như họ đã từng sống, liệu ta có thể e ngại rằng chúng ta lại không thấy họ thay đổi từ thế kỷ này qua thế kỷ khác nhiều hơn là ta không thấy họ ngày nay khác nhau từ nước này qua nước khác chăng?

Trong khi mà những quan sát trở nên khó khăn hơn, chúng cũng đồng thời được thực hiện một cách sơ suất hơn và kém cỏi hơn, đó là một lý do khác cho thành tựu ít ỏi trong các nghiên cứu của chúng ta về lịch sử tự nhiên của loài người. Những kiến thức rút ra từ các cuộc du lịch liên quan tới mục đích khiến người ta thực hiện chúng. Khi mục đích này là một hệ thống triết học thì người du hành bao giờ cũng chỉ thấy điều anh ta muốn thấy; khi mục đích này là quyền lợi, thì nó thu hút mọi sự chú ý của những người tham gia. Thương mại và nghệ thuật, làm cho các dân tộc lẫn lộn vào với nhau, cũng cản trở các dân tộc tìm hiểu nhau. Khi các dân tộc biết cái lợi mà họ có thể tạo ra được nhờ dân tộc nọ cùng làm với dân tộc kia, thì họ còn phải biết thêm gì nữa?

Biết được tất cả các nơi mà người ta có thể sống, để sau đó chọn những nơi mà người ta có thể sống một cách thuận lợi nhất, đó là việc hữu ích cho con người. Nếu mỗi người chính mình tự túc được, thì họ chỉ cần biết diện tích của xứ có thể nuôi sống họ mà thôi. Người hoang dã vì không cần đến ai và không thèm muốn gì ở đời cả, không biết và không tìm cách để biết xứ sở nào ngoài xứ sở của anh ta. Nếu anh ta bị bắt buộc mở rộng phạm vi của mình để sinh nhai thì anh ta lánh xa những nơi có người cư trú; anh ta chỉ muốn sinh chuyện với loài vật, và chỉ cần chúng để sống mà thôi. Nhưng đối với chúng ta là những kẻ mà đời sống dân sự là tất yếu, và là những kẻ không sao nhịn được việc ăn người[311], thì quyền lợi của mỗi người trong chúng ta là năng lui tới những xứ mà ở đó người ta tìm thấy nhiều người để khai thác nhất. Đấy là lý do tại sao mọi người đổ xô tới La Mã, tới Paris, tới London. Luôn luôn chính ở các thủ đô, máu người được bán rẻ hơn. Như thế người ta chỉ biết đến các dân tộc hùng mạnh, và các dân tộc hùng mạnh đều giống nhau hết.

Người ta nói chúng ta có các nhà thông thái đi du lịch để học hỏi, nói thế là nhầm, các nhà thông thái đi du lịch vì quyền lợi cũng như những người khác. Những Platon, những Pythagore không còn tìm thấy được nữa hoặc nếu có thì họ ở thật xa chúng ta. Các nhà thông thái của chúng ta chỉ đi du lịch theo lệnh của triều đình mà thôi: người ta phái họ đi, người ta đài thọ phí tổn cho họ, người ta trả công cho họ để xem xét đối tượng này, đối tượng nọ mà rất chắc chắn không phải là một đối tượng đạo đức. Họ phải để hết thì giờ của mình vào đối tượng độc nhất ấy: họ là những người quá

311 * "Ăn người" nghĩa là nhờ vào sức lực người khác để đạt được mục đích của ta.

lương thiện, thành thử chẳng lấy không tiền bạc của họ. Nếu như ở bất kỳ nước nào, có những kẻ tò mò đi du lịch bằng phí tổn của họ, thì không bao giờ để nghiên cứu con người ở đó mà là để dạy dỗ họ. Cái họ cần không phải là khoa học mà là sự khoa trương. Làm sao mà họ lại học được cách dỡ bỏ cái ách của dư luận trong các cuộc du lịch của họ? Họ chỉ đi du lịch vì dư luận thôi mà.

Có sự khác biệt rõ rệt giữa du lịch để xem xét các xứ sở và du lịch để xem xét các dân tộc. Đối tượng thứ nhất luôn luôn là đối tượng của những kẻ hiếu kỳ, đối tượng kia đối với họ chỉ là phụ mà thôi. Đối với kẻ muốn bàn luận triết lý, đây hẳn là điều hoàn toàn trái ngược. Trẻ con quan sát các sự vật cho đến khi nó có thể quan sát con người. Người lớn bắt đầu quan sát các đồng loại của mình, và tiếp đó mới quan sát sự vật, nếu họ có thì giờ.

Vậy chính là lập luận sai khi kết luận rằng du lịch là vô ích, bởi chúng ta không biết cách du lịch. Nhưng khi ích lợi của du lịch được thừa nhận, thì có phải do đó mà các cuộc du lịch sẽ là thích hợp cho mọi người không? Còn xa lắm; các cuộc du lịch, trái lại, chỉ thích hợp với rất ít người thôi; các chuyến đi ấy chỉ thích hợp với những người khá cương quyết đối với chính mình để lắng nghe những bài học của sự nhầm lẫn mà không để mình bị quyến rũ, và để thấy gương của tật xấu mà không để mình bị cuốn theo. Các cuộc du lịch đẩy thiên tính đến cái dốc của nó, và hoàn tất việc làm cho con người thành thiện hay ác. Kẻ nào trở về sau khi đi khắp thế giới, thì tính nết anh ta lúc hồi hương như thế nào sẽ giữ mãi suốt đời: trong những người trở về từ các cuộc du lịch đó có nhiều kẻ ác hơn người hiền, vì lúc ra đi, có nhiều kẻ thiên về điều ác hơn là những người thiên về điều thiện. Những thanh niên không được giáo dục và hướng dẫn tốt, nhiễm lấy mọi thói xấu của các dân tộc mà chúng đến thăm trong các cuộc du lịch ấy, mà không tập nhiễm được lấy một đức hạnh nào lẫn lộn trong mớ thói xấu ấy: nhưng những thanh niên tốt số, những thanh niên đã được người ta trau dồi chu đáo thiên tính tốt đẹp và đi du lịch với ý định học hỏi thực sự, tất cả họ đều trở về tốt hơn và khôn ngoan hơn so với lúc họ chưa đi. Émile của tôi sẽ đi du lịch như thế! Chàng thanh niên này đã đi du lịch như thế, con người xứng đáng với một thời đại tốt đẹp, người mà châu Âu ngạc nhiên chiêm ngưỡng tài ba, người đã chết cho xứ sở mình trong tuổi hoa niên, nhưng là con người đáng được sống, và nấm mồ chỉ được trang hoàng bằng riêng đức hạnh của anh, đang chờ đợi, để được tôn vinh, một bàn tay xa lạ, rắc hoa lên đó.

Tất cả những gì được hình thành bằng lý trí đều phải có những quy tắc của nó. Các chuyến du lịch, được lấy làm một phần của việc giáo dục, phải có những quy tắc của chúng. Du lịch để mà du lịch, đó là phiêu du, đó là đi lang thang; đi du lịch để học hỏi còn là một mục đích quá mơ hồ: việc học tập mà không một mục tiêu xác định thì không nên cơm cháo gì. Tôi muốn làm cho chàng trai có hứng thú rõ rệt với việc học hỏi, và hứng thú này được lựa chọn đúng sẽ còn định rõ được tính chất của sự học hỏi. Bao giờ thì đó cũng là sự tiếp tục của phương pháp mà tôi đã cố áp dụng.

Thế thì, sau khi đã tự xem xét mình bằng cách tự so sánh với những người khác về mặt thể chất, về mặt tinh thần, anh ta còn phải tự xem xét qua những mối quan hệ dân sự với các đồng bào của mình. Muốn thế thì phải cho anh ta bắt đầu bằng việc nghiên cứu bản chất của chính thể trên những nét đại cương, các hình thái chính thể khác nhau, và cuối cùng là cái chính thể nói riêng nơi anh ta được sinh ra, để biết được rằng nó có phù hợp với anh ta để mà sống ở đó không; bởi vì, theo một luật lệ mà không có gì có thể bãi bỏ đi được, là mỗi người, khi thành niên và làm chủ được bản thân, thì cũng tự chủ cả việc từ bỏ khế ước mà anh ta đã gắn kết với cộng đồng, bằng cách rời bỏ xứ sở đã thiết lập nên khế ước ấy. Chỉ do sự cư ngụ của anh ta tại xứ sở đó sau tuổi của lý trí, anh ta mới được coi như mặc nhiên chấp nhận sự cam kết của tổ tiên mình. Anh ta được quyền từ bỏ tổ quốc mình cũng như sự kế thừa của cha mình; kể cả nơi sinh vốn là món quà của tự nhiên, bỏ lại mọi thứ của mình trong khi từ bỏ nơi này. Do quyền lợi tuyệt đối, mỗi người được tự do đối với những rủi ro mình phải gánh chịu ở nơi nào mình được sinh ra, trừ phi anh ta vui lòng tuân phục các luật lệ để đạt được cái quyền được bảo vệ khỏi những rủi ro đó.

Vậy thì tôi sẽ nói với anh ta, chẳng hạn như là: cho đến nay con vẫn sống dưới sự chỉ dẫn của ta, con đã không có khả năng tự quản lấy chính mình. Nhưng con đang tới gần độ tuổi mà các quy luật dành cho con quyền sử dụng tài sản của mình, làm cho con thành chủ nhân ông của con người mình. Con sắp thấy một mình con trong xã hội, phụ thuộc vào mọi thứ, kể cả vào gia sản của mình. Con đã quan tâm đến việc hôn nhân, sự quan tâm đó là đáng khen, đó là một trong những bổn phận của người đàn ông; nhưng trước khi con kết hôn, thì con phải biết mình muốn trở thành một người như thế nào, con muốn làm gì trong đời mình, con muốn dùng những phương sách gì để đảm bảo cơm no áo ấm cho mình và gia đình mình; bởi vì, cho dù chẳng cần phải coi

mối lo lắng như là công việc chủ yếu của mình, thì dù sao cũng có khi phải nghĩ tới nó. Liệu con có muốn dấn thân vào sự phụ thuộc vào những kẻ mà con coi rẻ không? Liệu con có muốn gây dựng sản nghiệp của mình, giữ vững vị thế của mình bằng những quan hệ dân sự luôn luôn đặt con vào thế bị người khác định đoạt, và con buộc phải thoát khỏi những kẻ bất lương bằng cách chính mình trở thành kẻ bất lương không?

Nhân đây tôi sẽ mô tả cho anh ta đủ mọi phương cách có thể để khai thác tài sản của mình, hoặc trong thương mại, hoặc trong chức vụ, hoặc trong công việc tài chính; và tôi sẽ chỉ rõ cho anh ta là chẳng có một việc nào lại không có rủi ro làm anh phải lo ngại, lại không đặt anh ta vào cái thế bấp bênh và phụ thuộc, lại không buộc anh phải điều chỉnh tính tình, tình cảm, hành vi của mình theo gương và theo định kiến của người khác.

Tôi sẽ nói với anh ta rằng, có một cách khác để sử dụng thời gian của mình và con người mình, đó là xung vào quân vụ, nghĩa là đem mình cho thuê với giá rẻ rúng để đi giết những người chẳng hề làm hại gì cho chúng ta. Cái nghề này được đàn ông đánh giá cao, họ coi những người chỉ giỏi giang trong nghề này thôi là một trường hợp dị thường, và lại, đã không miễn cho anh những phương kế khác, nghề này lại chỉ làm cho anh thấy cần những phương kế ấy hơn; bởi vì trong vinh quang của cái địa vị xã hội này cũng bao gồm cả việc làm sạt nghiệp những kẻ nào tận tụy với nghề. Đúng là không phải mọi người đều sạt nghiệp, thậm chí thời trang trong nghề này vẫn cứ vô tình ngày càng phát đạt hơn giống như ở các ngành nghề khác; nhưng ta e rằng khi giải thích cho con những kẻ thành đạt làm thế nào để được như thế, thì ta lại làm cho con trở thành một kẻ hiếu kỳ mà đi bắt chước họ.

Con sẽ còn phải biết rằng, ngay trong cái nghề này, cũng chẳng phải dũng cảm hay giá trị gì, nếu đó không là chuyện ở bên cạnh các bà; mà ngược lại kẻ nào luồn cúi nhiều nhất, thấp hèn nhất, lệ thuộc vào người khác nhiều nhất, bao giờ cũng là kẻ có vinh dự hơn cả: còn nếu con lại có ý định muốn làm nghề của mình một cách thực sự thì con sẽ bị coi rẻ, bị chán ghét, chưa biết chừng còn bị thải hồi, chí ít là bị dồn tới tấp những điều bất công phi pháp và bị tất cả mọi bạn đồng ngũ lăm le chiếm chỗ, vì con đã thi hành công vụ ngoài chiến hào trong khi bọn chúng thi hành công vụ của chúng ở phòng trang điểm của phụ nữ.

E rằng tất cả những chỗ làm ấy sẽ không hợp thị hiếu của Émile. Anh ta bảo tôi: Cái gì vậy! Phải chăng con quên hết những trò chơi con trẻ của con?

Con đã mất cánh tay rồi chăng? Sức lực con đã cạn kiệt rồi chăng? Con không biết lao động nữa ư? Những chỗ làm tốt của thầy và dư luận ngu ngốc của mọi người thì có can hệ gì đến con? Con không biết đến một vinh dự nào khác ngoài việc sống có thiện tâm và công bằng; con không biết đến một hạnh phúc nào khác ngoài việc sống độc lập cùng những gì mà ta yêu, để ngày ngày đều thấy ngon miệng và có sức khỏe do lao động. Tất cả mọi sự bế tắc mà thầy vừa nói với con chẳng mảy may làm con động lòng. Con chỉ mong muốn có một thửa đất nhỏ ở một nơi hẻo lánh nào đó làm toàn bộ tài sản của mình. Con sẽ sử dụng tất cả sự cần kiệm của mình để làm cho nó sinh lời, và con sẽ sống thoải mái không phải lo lắng gì. Có Sophie và đồng ruộng, con sẽ giàu có.

Được, anh bạn ạ, thế là đủ cho hạnh phúc của một hiền nhân có vợ và có ruộng đất thuộc về mình, nhưng những kho báu ấy, dù là khiêm nhường, không phải là quá hay gặp như con nghĩ đâu. Cái hiếm nhất đã được con tìm ra, ta hãy nói về cái kia.

Émile thân mến! Một cánh đồng thuộc về con! Và con sẽ chọn ở nơi nào vậy? Ở vùng hẻo lánh nào mà con sẽ có thể nói rằng: ở đây tôi làm chủ mình và làm ông chủ của thửa đất thuộc quyền sở hữu của tôi? Người ta biết có những nơi dễ làm giàu, nhưng ai mà biết được ở đâu người ta có thể không cần phải giàu? Ai mà biết được ở đâu người ta có thể sống độc lập và tự do mà không cần phải làm hại bất kỳ một ai và chẳng sợ bị đối xử như thế? Con tưởng rằng tìm được một xứ sở mà ở đó luôn luôn cho phép con làm người lương thiện lại quá dễ dàng đến thế sao? Nếu như có cách nào đó hợp pháp và chắc chắn để tồn tại mà không cần phải mánh lới, không bị rắc rối, không phải chịu phụ thuộc, ta đồng ý như vậy, tức là sống bằng lao động của đôi tay mình, bằng cách trồng trọt trên mảnh đất của chính mình: nhưng tìm đâu cho được một nhà nước mà ở đó ta có thể tự nhủ rằng; miếng đất dưới chân ta là của ta? Trước khi chọn cái vùng đất hạnh phúc ấy, liệu con có thật yên tâm rằng con tìm được sự yên bình ở đó chăng; hãy đề phòng một chính quyền tàn bạo, một tôn giáo bạo hành, những phong tục bại hoại chẳng để cho con yên thân. Liệu con có tránh được những khoản thuế má vô độ sẽ ngốn thành quả của những cực nhọc của con, những vụ kiện tụng liên miên không dứt sẽ tiêu hao hết vốn liếng của con chăng. Hãy làm sao cho khi sống ngay thẳng con chẳng hề phải xun xoe với các quan giám quận, với những kẻ thay thế họ, với các quan tòa, với các giáo sĩ, với các láng giềng mạnh thế, với những kẻ bất lương đủ mọi

loại, cứ luôn luôn sẵn sàng làm cho con bị đảo điên nếu con không để ý đến bọn họ. Nhất là con hãy tránh sao cho khỏi làm phật lòng những người tai to mặt lớn và những người giàu có; con hãy nghĩ rằng ở khắp nơi đất đai của họ đều có thể tiếp giáp với ruộng nho nhỏ của Naboth[312].

Nếu sự bất hạnh của con lại khiến cho một người địa phương mua hoặc xây nhà sát với ngôi nhà tranh của con, con có đảm bảo được rằng hắn sẽ chẳng tìm được cách nào, với một lý do nào, mà chiếm lấy phần đất của con để mở rộng ra, hay là con sẽ không thấy, có thể ngay từ hôm sau mọi tài sản của con bị thu hút vào một con đường rộng lớn? Còn nếu con duy trì cho mình thế lực để chống đỡ tất cả những phiền toái ấy, thì cũng ngang với việc duy trì cả tài sản của mình, bởi vì bảo vệ tài sản ấy cũng sẽ chẳng tốn kém hơn đâu. Tài sản và thế lực chống đỡ lẫn cho nhau, cái này luôn luôn không đứng vững được nếu thiếu cái kia.

Ta có nhiều kinh nghiệm hơn con, Émile thân mến ạ, ta thấy rõ hơn rằng dự định của con là khó khăn. Tuy nhiên nó thật đẹp, thật lương thiện, nó sẽ thực sự làm con sung sướng: chúng ta hãy cố gắng thực hiện nó. Ta có một đề xuất với con: chúng ta hãy dành hai năm mà chúng ta đã dự định cho ngày trở về để chọn một nơi cư trú ở châu Âu, nơi con có thể hạnh phúc cùng với gia đình riêng của mình, tránh được tất cả những nguy hiểm mà ta vừa nói với con. Nếu chúng ta thành công, con sẽ tìm được hạnh phúc thật sự mà bao nhiêu người khác tìm kiếm mất công vô ích, và con sẽ không phải tiếc thời gian con đã bỏ ra cho việc này. Nếu chúng ta không thành công, con sẽ được chữa khỏi căn bệnh hoang tưởng; con sẽ tự an ủi mình cho một vận rủi không tránh được, và con sẽ tuân theo quy luật của sự tất yếu.

Tôi không rõ liệu các độc giả có nhận ra cuộc tìm kiếm đã được đề xuất ấy sắp dẫn chúng tôi đi đến tận nơi nào; nhưng tôi biết chắc rằng nếu khi trở về sau các chuyến đi, được bắt đầu và tiếp tục theo quan niệm này mà Émile nhờ đó lại không thông thạo về mọi vấn đề của việc cai trị, phong tục của dân chúng, và các phương châm của nhà nước đủ mọi kiểu, thì anh ta hoặc tôi hẳn phải là người này thì chẳng có trí thông minh còn người kia thì chẳng có óc phán đoán.

---

[312] * Là một người Do Thái vì không chịu bán ruộng cho nhà vua Israël là Achal nên bị nhà vua sai người ném đá cho đến chết.

Pháp luật chính trị vẫn còn cần phải ra đời, và cầm bằng như nó sẽ không bao giờ ra đời. Grotius, ông trùm của tất cả mọi nhà thông thái của chúng ta trong lĩnh vực này, lại chỉ là một đứa trẻ con, và, tệ hại nhất, hắn là một đứa bé có ác ý. Khi tôi nghe đề cao Grotius một cách trắng trợn và tới tấp chửi rủa Hobbes thì tôi thấy được có bao nhiêu người biết điều đọc hay là hiểu hai tác giả này. Thực ra những nguyên tắc của họ là hoàn toàn giống nhau; họ chỉ khác nhau ở cách diễn đạt mà thôi. Họ cũng khác nhau về phương pháp. Hobbes dựa trên sự ngụy biện, còn Grotius dựa vào các nhà thơ, còn lại thì họ y hệt như nhau.

Người đương thời độc nhất có khả năng sáng tạo ra ngành khoa học lớn lao và vô ích này là ông Montesquieu trứ danh. Nhưng ông không hề có ý muốn luận giải về những nguyên tắc pháp luật chính trị, ông chỉ luận giải về pháp luật thực định của các cách cai trị đã được thiết lập; và chẳng có gì ở đời này mà lại khác nhau như hai cuộc nghiên cứu ấy.

Song ai mà muốn phán xét cho xác đáng các chính quyền đúng như nó đang tồn tại thì buộc phải kết hợp cả hai: việc nghiên cứu đó phải biết cái nên tồn tại để phán xét đúng cái đang tồn tại. Khó khăn lớn nhất để làm sáng tỏ những chủ đề quan trọng này là làm sao lôi cuốn được một tư nhân bàn luận về chúng, để trả lời cho hai câu hỏi: cái gì liên quan đến tôi? Và tôi có thể làm gì trong việc này? Chúng ta đã đặt Émile vào thế có khả năng trả lời cả hai câu hỏi đó.

Khó khăn thứ hai bắt nguồn từ các thành kiến của tuổi thơ, từ những châm ngôn mà ở đó ta đã được nuôi dưỡng, nhất là từ tính thiên vị của các tác giả - những kẻ trong khi luôn luôn nói về chân lý mà họ chẳng quan tâm gì mấy, còn thì họ chỉ nghĩ về lợi ích của họ mà họ lại chẳng hề nói đến. Thế dân chúng chẳng cấp cho họ học hàm, cũng chẳng tiền trợ cấp, chẳng học vị: người ta phải xét xem làm sao mà pháp luật của mình lại phải do những con người ấy lập ra! Tôi phải làm sao để cho khó khăn này không còn mảy may nào cản được Émile. Anh ta chỉ hơi biết được chính thể là cái gì; việc độc nhất đụng chạm đến anh ta là tìm ra chính thể tốt đẹp nhất. Dự định của anh ta không phải là làm ra sách vở; và nếu có khi nào anh làm ra sách vở thì cũng sẽ không hề để xun xoe theo đuổi những kẻ có quyền thế, mà là vì muốn lập ra những pháp luật về nhân quyền.

Lại còn một khó khăn thứ ba, chỉ có mẽ ngoài hơn là vững vàng, và tôi thì chẳng muốn cả giải đáp nó lẫn nêu nó ra: chỉ cần nó đừng có làm nhụt lòng sốt

sắng của tôi là đủ: chắc chắn là trong những cuộc nghiên cứu thuộc loại này, những tài năng lớn thì không cần thiết bằng một tình yêu chân thành đối với công lý và sự tôn trọng thực sự đối với sự thực. Vậy nếu như các vấn đề của sự cai trị lại có thể được luận giải một cách công minh chính trực, thì theo tôi, chính là lúc này đây hoặc chẳng bao giờ hết.

Trước khi nhận xét, phải định ra các quy tắc cho những nhận xét của mình: phải định ra một thang bậc để quy vào đó các đơn vị đo lường của chúng ta. Những nguyên tắc của chúng ta về pháp luật chính trị là cái thang bậc ấy. Những đơn vị đo lường của chúng ta là các luật chính trị của từng nước.

Các yếu tố cần biết của chúng ta sẽ rõ ràng, đơn giản, trực tiếp lấy ngay trong bản chất của sự việc. Chúng sẽ hình thành nên các vấn đề được đưa ra bàn luận giữa chúng ta, mà chúng ta chỉ sẽ chuyển đổi thành nguyên tắc khi nào chúng đã được giải đáp đầy đủ.

Ví dụ như, thoạt đầu hãy đi ngược lên bản chất của tự nhiên, chúng ta xét xem liệu con người sinh ra có phải là nô lệ hay tự do, liên kết với nhau hay độc lập; liệu họ có tự ý tập hợp lại hay do quyền lực, liệu có bao giờ quyền lực liên kết họ lại có thể tạo nên một pháp luật không đổi, theo đó cái quyền lực có trước này là bắt buộc, ngay cả khi nó bị một quyền lực khác vượt lên, thành thử từ đời vua Nembrod, khi quyền lực của ông ta, như người ta nói bắt các dân tộc mới hình thành phải khuất phục ông ta, thì tất cả những quyền lực khác đã hủy diệt nó lại thành ra bất công và tiếm quyền, và không còn ai là các nhà vua hợp pháp ngoài hậu duệ của Nembrod hay người được truyền ngôi của ông ta; hoặc là nếu cái quyền lực đầu tiên này sắp tàn, thì đến lượt quyền lực kế tục nó lại là bắt buộc và hủy diệt tính bắt buộc của quyền lực kia, thành thử người ta chỉ bắt buộc phải tuân phục theo chừng mực họ bị cưỡng ép, và người ta được miễn tuân phục ngay khi họ có thể kháng cự lại được: pháp luật mà dường như chẳng thêm gì to tát cho quyền lực và sẽ như chỉ là một trò chơi chữ mà thôi.

Chúng ta hãy thử xét xem liệu người ta có không thể nói rằng mọi bệnh tật đều do Chúa cả không, và vì thế mà suy ra rằng việc mời thầy thuốc lại là phạm tội.

Chúng ta lại xét thêm rằng liệu người ta có buộc phải thành thực mà đưa túi tiền của mình cho tên cướp đường khi hắn đòi ta nộp, dù cho ta có thể giấu nó đi; bởi vì rốt cuộc khẩu súng lục trong tay hắn cũng là một quyền lực.

Liệu cái từ *quyền lực* trong trường hợp này có nghĩa khác với quyền lực hợp pháp, và do đó phải tuân thủ các luật lệ mà quyền lực đó duy trì được sự tồn tại của nó?

Giả sử rằng người ta vứt bỏ luật về quyền lực, và người ta chấp nhận quyền lực của tự nhiên hay phụ quyền như nguyên tắc của các xã hội, chúng ta sẽ nghiên cứu cái phương sách của quyền uy đó, nó được thiết lập trong tự nhiên như thế nào, liệu nó có nguyên do nào khác ngoài ích lợi cho đứa con, sự yếu đuối của đứa con và tình yêu tự nhiên mà người cha dành cho con; vậy nếu sự yếu đuối của đứa con sắp chấm dứt, và lý trí của nó sắp đến độ chín, nó lại không trở thành người thẩm định tự nhiên cho điều phù hợp với việc bảo tồn nó, tức là người chủ của mình, và không phụ thuộc gì vào người khác hết, ngay cả cha nó nữa; bởi vì việc đứa con tự yêu chính mình là điều mà chắc chắn hơn cả việc người cha yêu con.

Liệu nếu người cha chết đi, những đứa con có nghĩa vụ phải nghe lời người con cả hay người nào khác không có sự gắn bó tự nhiên về người cha đối với chúng; và liệu ở khắp các chủng tộc, bao giờ cũng sẽ có một gia trưởng duy nhất mà toàn bộ gia đình có nghĩa vụ phải tuân thủ. Trong trường hợp này, ta sẽ nghiên cứu làm thế nào mà quyền uy lại có lúc có thể chia sẻ được và theo luật pháp nào mà khắp Trái đất này lại không phải chỉ có một người cai trị cả loài người.

Giả sử rằng các dân tộc được hình thành do lựa chọn, thì khi đó chúng ta sẽ phân biệt rõ luật pháp với thực tế; chúng ta sẽ hỏi rằng nếu như chịu tuân phục những người anh, người chú, hoặc cha mẹ mà không bị ép buộc phải như vậy, mà là vì mọi người hoàn toàn muốn thế, thì loại xã hội này có vẫn thuộc vào sự liên kết tự do và tự nguyện hay không.

Tiếp theo chúng ta chuyển sang luật pháp của sự nô lệ hóa, chúng ta sẽ xét xem liệu một người có thể bán mình một cách hợp pháp cho một người khác mà không có hạn chế nào, không ngoại trừ điều gì hết, không có bất kỳ một điều kiện gì; nghĩa là liệu anh ta có thể chối bỏ con người mình, cuộc đời mình, lý trí của mình, *cái tôi* của mình, toàn bộ tính đạo đức trong các hành động của mình, và tóm lại là chấm dứt tồn tại trước cái chết của mình, bất chấp cả tự nhiên đã giao phó trực tiếp cho anh ta sự bảo toàn chính mình, và bất chấp lương tâm và lý trí của mình chỉ bảo cho anh ta điều anh ta phải làm và điều mà anh ta phải tránh không.

Mà nếu như lại có một vài hạn chế, một vài sự giới hạn trong hành động nô lệ hóa, thì chúng ta sẽ bàn luận xem liệu hành động ấy có vì thế mà trở thành một khế ước thực sự không, trong khế ước này, mỗi người trong hai người kết ước, ở tư cách đó lại chẳng hề có bậc thượng cấp chung [313], vẫn cứ là kẻ thẩm định của chính mình về các điều kiện của khế ước, do đó mà mỗi người được tự do ở bên ấy, và có quyền chủ động hủy bỏ nó ngay khi họ coi là mình bị thiệt hại.

Vậy nếu như một người nô lệ lại không thể tự bán mình không hạn chế với chủ nô, thì làm sao mà một dân tộc lại có thể tự bán mình không hạn chế cho thủ lĩnh của họ? Và nếu như người nô lệ vẫn còn được là kẻ tài phán cho việc tuân thủ khế ước qua chủ nô, thì làm sao mà một dân tộc lại không còn được làm người tài phán cho sự tuân thủ khế ước qua thủ lĩnh của mình?

Buộc phải quay trở lại và xét kỹ nghĩa của tập hợp từ dân tộc, chúng ta sẽ nghiên cứu xem, muốn tạo dựng quần thể ấy, liệu có cần một khế ước, dù chỉ là thỏa thuận ngầm trước khi có cái khế ước mà chúng ta cho là có.

Chính vì trước khi suy tôn một ông vua thì dân tộc vẫn là dân tộc, cái gì đã làm nên dân tộc ấy như thế nếu không phải là khế ước xã hội? Vậy nên khế ước xã hội là nền tảng của mọi xã hội dân sự, và chính là phải căn cứ vào bản chất của định ước này để tìm ra bản chất của xã hội mà định ước ấy tạo thành.

Chúng ta sẽ nghiên cứu xem nội dung của khế ước này như thế nào, và liệu người ta có thể diễn đạt nó gần đúng bằng cách biểu đạt này chăng: "Mỗi người trong chúng ta đều chung nhau mọi của cải của mình, con người mình, cuộc sống của mình, và mọi quyền lực của mình, cùng chịu sự điều khiển tối thượng của ý chí chung, và chúng ta thu nạp thành đoàn thể mỗi thành viên coi như một bộ phận không thể tách rời khỏi tổng thể".

Điều đó đã được giả định, để định nghĩa các thuật ngữ mà chúng ta cần phải dùng đến, chúng ta sẽ nhận xét rằng thay cho con người riêng lẻ của mỗi người chấp nhận khế ước, cái định ước của sự liên kết này sinh ra một thực thể tinh thần và quần thể, bao gồm bấy nhiêu thành viên có phiếu bầu trong hội đồng. Nhân vật công cộng này nói chung là mang tên *thực thể chính trị*, được các thành viên gọi là *nhà nước* khi nó thụ động, còn khi nó là chủ động thì gọi

---

[313] Nếu như có một thượng cấp chung, thì thượng cấp này sẽ không là ai khác ngoài quyền lợi tối thượng và lúc đó thì luật nô lệ hóa căn cứ trên quyền lực tối thượng, sẽ không phải là nguyên tắc của luật ấy.

quyền lực tối cao, khi so sánh nó với những gì tương tự thì gọi là *quyền lực*. Còn về bản thân các thành viên, họ mang tên là *dân chúng* một cách hợp quần, và được gọi riêng từng người là *công dân*, với tư cách là thành viên của *thành quốc* hay những người tham gia vào *quyền lực tối cao*, và gọi là *thần dân* với tư cách là chịu khuất phục theo chính quyền lực đó.

Chúng ta lưu ý rằng điều khoản liên kết này hàm chứa một thỏa thuận hai chiều của công quyền và tư nhân, rằng mỗi cá thể, có thể nói là thỏa thuận với chính mình, để được tham gia vào một quan hệ kép, được biết đến như thành viên của quyền lực tối cao đối với các tư nhân và như là thành viên của nhà nước đối với quyền lực tối cao.

Chúng ta còn sẽ phải lưu ý rằng, vì những cam kết của người ta với chính mình thì chẳng có gì được tôn trọng nên quyết nghị chung có thể bắt buộc tất cả các thần dân đối mặt với quyền lực tối cao, do mỗi bên được xem xét dưới hai mối quan hệ khác nhau, không thể bắt buộc nhà nước đối mặt với bản thân nó. Qua đó thì người ta lại thấy rằng cũng chẳng thể có luật cơ bản nào khác theo đúng nghĩa của nó ngoài cái kết ước xã hội là độc nhất. Điều đó không có nghĩa là thực thể chính trị về một vài phương diện nào đó lại không thể giao ước với bên ngoài, bởi vì trong quan hệ với ngoại bang, nó trở thành một thực thể giản đơn, một cá thể.

Hai bên kết ước, tức là từng tư nhân với công quyền, do chẳng hề có thượng cấp chung có thể xét đoán các mối phân tranh của các bên, chúng ta sẽ xét xem liệu mỗi bên còn làm chủ được trong việc hủy bỏ khế ước khi nó thích, nghĩa là từ bỏ về phần mình ngay khi cho rằng bị xâm hại.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, chúng ta lưu ý rằng, theo kết ước xã hội thì quyền lực tối cao chỉ có thể hành động theo ý chí cộng đồng và tổng quát, cho nên các hành động của nó chỉ được nhằm vào những mục tiêu chung và tổng quát; từ đó suy ra rằng một tư nhân sẽ không thể bị quyền lực tối cao trực tiếp làm tổn hại mà tất cả lại không cùng bị tổn hại, điều đó là không thể, vì rằng như thế sẽ là muốn tự gây ra cái hại cho chính mình. Như thế thì khế ước xã hội không bao giờ lại cần đến một đảm bảo nào khác hơn là quyền lực công, bởi vì sự tổn thương bao giờ cũng chỉ có thể xuất phát từ các tư nhân; và lúc đó họ sẽ không vì thế mà không còn bị ràng buộc bởi những cam kết của mình, mà bị trừng phạt vì đã vi phạm nó.

Muốn nhận định cho đúng tất cả những vấn đề tương tự, chúng ta phải lưu ý để luôn luôn nhớ rằng kết ước xã hội có một tính chất riêng biệt và riêng

cho mình nó, trong việc dân chúng chỉ cam kết với chính họ, nghĩa là dân chúng được coi như một thực thể giống như quyền lực tối cao, với các tư nhân như là các thần dân: đó là điều kiện để tạo nên mọi thủ đoạn và cách hành xử của bộ máy chính trị, và riêng một điều kiện ấy làm cho mọi hành xử trở nên hợp pháp, hợp lẽ phải và làm cho các giao ước không bị nguy hiểm mà nếu không có nó chúng sẽ trở nên phi lý, chuyên chế và không sao tránh khỏi những thói nhũng lạm ghê gớm nhất.

Các tư nhân chỉ phục tùng quyền lực tối cao, và quyền lực tối cao không phải cái gì khác với ý chí chung, chúng ta sẽ thấy làm sao mà từng người, trong khi tuân thủ quyền lực tối cao, lại chỉ tuân thủ chính mình, và làm sao mà họ lại được tự do hơn trong kết ước xã hội so với trong tình trạng tự nhiên.

Sau khi so sánh tự do tự nhiên với tự do dân sự xét về mặt con người, chúng ta sẽ so sánh xét về mặt tài sản, xem tự do về quyền sở hữu so với quyền của quyền lực tối cao, tự do về khu vực tư nhân với khu vực có quyền cao chức trọng. Nếu như quyền uy của quyền lực tối cao được xây dựng trên quyền sở hữu, quyền này là cái mà quyền lực tối cao phải tôn trọng hơn cả; quyền đó là bất khả xâm phạm và thiêng liêng đối với quyền lực tối cao trong chừng mực mà nó vẫn là một quyền tư nhân và cá nhân; ngay khi nó được coi như là chung cho mọi công dân, thì quyền đó phải tuân thủ ý chí chung và ý chí đó có thể thủ tiêu nó. Như vậy là quyền lực tối cao không có quyền gì được đụng đến tài sản của một tư nhân, kể cả nhiều tư nhân; nhưng nó có thể chiếm đoạt một cách hợp pháp tài sản của tất cả, giống như điều đó đã xảy ra ở Sparte vào thời của Lycurgue, trong khi việc Solon xóa nợ lại là một hành động phi pháp.

Chính vì không có gì bó buộc các chủ thể ngoài ý chí chung, khi chúng ta sẽ tìm hiểu xem ý chí này thể hiện ra như thế nào, người ta có thể nhận ra nó bằng những dấu hiệu nào, thế nào là một luật lệ và các tính chất thực sự của luật lệ là gì. Chủ đề này là hoàn toàn mới mẻ, việc định nghĩa về luật lệ vẫn còn phải làm tiếp.

Khi mà dân tộc coi một hay nhiều thành viên của mình là tư nhân, dân tộc bị chia tách ra. Giữa cái tổng thể và cái bộ phận của nó hình thành một mối quan hệ làm cho chúng thành hai thực thể riêng rẽ, trong đó bộ phận là một bên và cái tổng thể trừ bộ phận ấy ra là bên kia. Nhưng cái tổng thể lại trừ mất một bộ phận thì không phải là tổng thể; chừng nào mối quan hệ này còn tồn tại thì chừng đó chẳng còn tổng thể, mà chỉ còn hai bộ phận không ngang nhau.

Trái lại, khi toàn thể dân chúng quyết định về toàn thể dân chúng, nó chỉ tôn trọng có chính nó; và nếu hình thành nên một mối quan hệ, thì là quan hệ của đối tượng toàn vẹn xét theo một quan điểm với đối tượng toàn vẹn xét theo một quan điểm khác, không hề có sự chia tách nào của tổng thể. Lúc đó đối tượng được người ta quyết định là chung và ý chí chế định cũng là chung. Chúng ta sẽ xét xem liệu có một loại điều khoản nào khác có thể mang tên luật lệ không.

Nếu quyền lực tối cao chỉ có thể nói ra bằng các luật lệ, và nếu luật bao giờ cũng chỉ có thể có một đối tượng chung và liên quan đến mọi thành viên của nhà nước như nhau, điều đó dẫn tới chỗ quyền lực tối cao không bao giờ có quyền được chế định bất cứ điều gì cho một đối tượng tư nhân; và, trong khi đó, điều cần để duy trì nhà nước là nó cũng được định ra từ những sự việc đặc biệt, chúng ta sẽ tìm hiểu xem chuyện này có thể thực hiện như thế nào.

Những hành động của quyền lực tối cao chỉ có thể là những hành động của ý chí chung, là các luật lệ; tiếp theo phải là những hành động quyết định dứt khoát, những hành động của quyền lực hay của sự cai trị, để thực thi chính các luật lệ ấy, và trái lại, các luật lệ này chỉ có thể có những đối tượng riêng biệt. Cho nên hành động của quyền lực tối cao quyết định rằng người ta sẽ bầu ra một thủ lĩnh là một đạo luật, còn hành động thực thi đạo luật là người ta bầu ra thủ lĩnh ấy lại chỉ là một hành động để cai trị.

Vậy đó là quan hệ thứ ba mà theo đó dân tộc được tập hợp lại có thể được coi như là trường quan hay là kẻ thực thi của đạo luật mà nó đã tôn lên như quyền lực tối cao[314].

Chúng ta hãy xét xem một dân tộc tự trút bỏ quyền tự chủ tối cao của mình để trao nó cho một người hay nhiều người thì có khả thi không; bởi vì hành động bầu cử không phải là một điều luật, và trong hành động này dân chúng không phải là tự chủ chính mình, người ta không hề thấy lúc đó làm thế nào dân chúng lại chuyển giao được một quyền lực mà mình không có.

Bản chất của chủ quyền tối cao nằm trong ý chí chung nên người ta cũng không thấy được làm sao mà người ta có thể tin chắc rằng một ý chí riêng sẽ

---

[314] Những vấn đề và kiến giải này phần lớn trích trong cuốn *Khế ước xã hội*, chính nó lại trích ra từ một tác phẩm lớn hơn, được thực hiện mà không lượng được sức mình, và đã bị bỏ rơi từ lâu. Cuốn sách nhỏ mà tôi trích ra từ đó sẽ được xuất bản riêng, và đây là phần tóm lược của cuốn sách đó.

luôn luôn thuận theo cái ý chí chung ấy. Người ta cứ phải cho ngay là nó sẽ luôn luôn trái ngược nhau; bởi vì lợi ích tư nhân hướng về những ưu tiên, còn lợi ích công cộng lại hướng về sự bình đẳng; và khi sự thỏa thuận này mà đạt được, thì chỉ cần thỏa thuận ấy không phải là tất yếu và không thể hủy bỏ được để cho quyền tự chủ không thể được hình thành nên từ đó.

Chúng ta sẽ nghiên cứu xem, nếu như không vi phạm kết ước xã hội, liệu các thủ lĩnh của dân tộc, dù được bầu lên dưới bất kỳ một danh xưng nào đi nữa, có khi nào có thể là một cái gì khác hơn là những quan chức của dân tộc, dân tộc ra lệnh cho họ làm cho pháp luật được thực thi; liệu các thủ lĩnh này có phải trình báo với dân về sự quản lý của họ và bản thân họ có phải tuân thủ các luật pháp mà họ có trách nhiệm làm cho người khác phải tuân thủ hay không.

Nếu một dân tộc không thể bỏ mất quyền lực tối cao của mình, thì liệu dân tộc ấy có thể phó thác nó một thời gian không? Nếu dân tộc không thể cho mình một thủ lĩnh, liệu nó có thể cho mình những người đại biểu không? Vấn đề này là quan trọng và đáng bàn luận.

Nếu dân tộc không thể có cả quyền lực tối cao lẫn các đại biểu, chúng ta hãy xét xem làm sao mà dân có thể tự mình đưa ra những đạo luật của mình; liệu có cần phải có nhiều luật hay không; liệu có phải thay đổi các đạo luật luôn luôn không; liệu một dân tộc lớn là nhà lập pháp cho chính mình có dễ dàng hay không xu.

Liệu dân tộc La Mã có không phải là một dân tộc lớn không?

Liệu có các dân tộc lớn có là tốt không?

Từ những nhận xét kể trên mà suy ra rằng trong nhà nước có một thực thể trung gian giữa các thần dân và quyền lực tối cao; và cái thực thể trung gian này, được hình thành từ một hay nhiều thành viên; chịu trách nhiệm về hành chính công, về thực thi các đạo luật, và duy trì tự do dân sự và tự do chính trị.

Các thành viên của thực thể này gọi là *trưởng quan* hay là *vua*, nghĩa là người cai trị. Thực thể toàn vẹn, xét theo những người hợp thành thực thể ấy, gọi là *vương triều*, và xét theo hành động của nó thì gọi là *chính quyền*.

Nếu chúng ta xét kỹ hành động của thực thể toàn vẹn tác động lên chính mình, nghĩa là mối quan hệ của tổng thể với tổng thể, hay là của quyền lực tối cao với nhà nước, chúng ta có thể so sánh mối quan hệ này với mối quan hệ

giữa hai cực của một trạng thái cân xứng liên tiếp, mà chính quyền là phần tử đứng giữa. Trưởng quan nhận lệnh từ quyền lực tối cao để truyền đạt cho dân; và, tất cả được bù trừ, hiệu năng hay quyền lực của ông ta là ngang tầm với hiệu năng hay quyền lực của các công dân, mà họ một đàng là thần dân còn đàng kia là quyền lực tối cao. Người ta sẽ không sao làm biến chất được bất kỳ một phần tử nào trong ba phần tử đó mà không lập tức làm hủy hoại cả tỷ lệ. Nếu quyền lực tối cao muốn cai trị hay vương triều muốn ban hành các đạo luật, hoặc thần dân lại từ chối việc tuân thủ, thì sự hỗn loạn tiếp ngay liền sau quy củ, và nhà nước bị giải thể rơi vào sự chuyên chế hoặc vào trạng thái vô chính phủ.

Chúng ta hãy giả định rằng nhà nước gồm có mười nghìn công dân chẳng hạn. Chủ quyền tối cao chỉ có thể được xem xét trong tính hợp quần và trong đoàn thể, nhưng mỗi tư nhân, với tư cách thần dân lại có một sự tồn tại cá thể và độc lập. Như vậy quyền lực tối cao so với thần dân giống như mười nghìn so với một, điều đó nói lên rằng mỗi thành viên của nhà nước về phần mình chỉ có một phần mười nghìn của quyền uy tối cao, cho dù thành viên chịu khuất phục hoàn toàn đối với nhà nước. Nếu như dân chúng lại gồm có mười nghìn người, thì tình cảnh các thần dân chẳng thay đổi gì và mọi người vẫn cứ luôn luôn phải gánh vác toàn bộ thế lực của các đạo luật, trong khi sự chấp thuận của từng người rút xuống còn có một phần trăm nghìn, có ảnh hưởng kém hơn mười lần trong việc khởi thảo kết ước. Như thế là thần dân vẫn cứ chỉ là một người, mà tỷ số của quyền lực tối cao thì tăng lên theo số công dân. Do đó dẫn đến tình trạng nhà nước càng lớn lên thì tự do càng giảm đi.

Thế mà các ý chí riêng càng ít phù hợp với ý chí chung, nghĩa là các tập quán càng ít phù hợp với các luật, thì sức mạnh chèn ép lại càng tăng lên. Mặt khác, tầm vóc lớn của nhà nước trao cho người thụ nhiệm của công quyền càng nhiều ham muốn và càng nhiều thủ đoạn để lạm dụng nó, chính quyền lại càng có nhiều quyền lực để đè nén dân chúng, và đến lượt mình quyền lực tối cao lại càng có nhiều sức mạnh để chế ngự chính phủ.

Mối quan hệ kép này làm cho sự tương xứng liên tiếp giữa quyền lực tối cao, vương triều và dân chúng không phải là một ý tưởng võ đoán mà là một kết luận suy từ bản chất của Nhà nước. Nó còn dẫn tới một trong những thái cực, tức là dân chúng, vốn ổn định làm cho cứ khi nào cái lý trí kép kia mạnh lên hay giảm đi, thì cái lý trí đơn này liền mạnh lên hay giảm theo ngay; điều này không xảy ra được nếu không có sự thay đổi đúng bấy nhiêu lần của bậc

trung gian. Từ đó chúng ta có thể rút ra kết luận này: không có một thể chế chính quyền độc nhất và tuyệt đối, mà có bao nhiêu nhà nước lớn nhỏ khác nhau thì phải có bấy nhiêu chính quyền khác nhau về tính chất.

Nếu dân chúng càng đông thì các phong tục càng ít phù hợp với luật pháp, chúng ta thử xét xem, liệu rằng bằng một phép loại suy khá hiển nhiên, ta có thể nói rằng số lượng các nguyên thủ càng đông thì phải chăng Chính phủ sẽ càng yếu đi không.

Muốn làm sáng tỏ châm ngôn này, chúng ta sẽ phân biệt ba ý chí khác nhau về cơ bản trong con người của mỗi một trưởng quan: đầu tiên là ý chí riêng của cá nhân chỉ hướng tới lợi thế riêng của mình, thứ hai là ý chí chung của các trưởng quan duy chỉ phù hợp với lợi ích của vương triều; là ý chí mà người ta có thể gọi là ý chí của thực thể, ý chí này là chung đối với việc cai trị của chính quyền, và là riêng đối với nhà nước mà chính quyền là một bộ phận; thứ ba là ý chí của dân tộc hay ý chí của quyền lực tối cao, ý chí này là chung cả đối với nhà nước được xem như tổng thể, cũng như đối với chính quyền được coi là bộ phận của tổng thể. Trong một pháp chế hoàn hảo, ý chí riêng và của cá nhân phải hầu như không đáng kể; ý chí của thực thể riêng cho việc cai trị rất bị phụ thuộc; và kết quả là ý chí chung và của quyền lực tối cao là quy chuẩn của mọi cái khác. Trái lại, theo trật tự tự nhiên, các ý chí khác nhau này trở nên năng động hơn khi chúng tập trung; ý chí chung luôn luôn yếu thế nhất, thứ nhì là ý chí của thực thể, và ý chí riêng là trội hơn cả; sao cho mỗi người trước hết là chính mình, rồi đến trưởng quan, rồi đến người công dân: sự sắp xếp trái ngược hẳn với sự sắp xếp mà trật tự xã hội đòi hỏi.

Cứ cho là thế thì chúng ta sẽ giả định rằng chính quyền nằm trong tay một người duy nhất. Thế là ý chí riêng và ý chí của thực thể liên kết lại thật là hoàn hảo, vì thế mà ý chí này có cường lực ở mức cao nhất có thể. Thế mà, vì việc sử dụng quyền lực phụ thuộc vào mức độ này, nên quyền lực tuyệt đối của chính quyền vốn luôn luôn là quyền lực của dân, không hề thay đổi gì, bởi vậy chính quyền năng động nhất là chính quyền của một người duy nhất.

Trái lại, chúng ta hãy kết hợp chính quyền với quyền uy tối cao, hãy lập quyền lực tối cao thành vương triều, và bao nhiêu công dân là bấy nhiêu trưởng quan: lúc đó ý chí của thực thể, hoàn toàn trùng khớp với ý chí chung, sẽ không còn hoạt động nào ngoài nó, và sẽ để cho ý chí riêng trong toàn bộ sức mạnh của nó. Như vậy chính quyền, bao giờ cũng với chừng ấy quyền lực tuyệt đối, sẽ lâm vào thế hoạt động ít nhất.

Các quy tắc này là không thể phản bác được, và các nhận xét khác chỉ dùng để xác nhận chúng mà thôi. Chẳng hạn, ta thấy rằng các trưởng quan năng động hơn trong cơ chế của họ so với người công dân trong cơ chế của mình, và bởi vậy mà ý chí riêng có nhiều ảnh hưởng hơn ở đây. Vì mỗi trưởng quan đều hầu như luôn luôn phải gánh vác một vài chức năng đặc biệt của chính quyền; trong khi mỗi công dân xét riêng rẽ chẳng có bất kỳ chức năng nào của quyền lực tối cao. Và chăng, nhà nước càng bành trướng, quyền lực thực sự của nó càng tăng thêm, cho dù quyền lực thực sự ấy tăng thêm theo sự vươn rộng ra; nhưng do nhà nước vẫn nguyên như cũ, nên dù các trưởng quan có đông lên nhiều nhưng chính quyền không vì thế mà đạt được một quyền lực thực tế lớn hơn, bởi vì nó là kẻ thụ nhiệm của quyền lực nhà nước, mà chúng ta giả định rằng bao giờ vẫn là ngang nhau. Cho nên, do tính đa dạng này mà hoạt động của chính quyền giảm đi nhưng quyền lực của nó không thể tăng lên.

Sau khi đã nhận ra rằng chính quyền lỏng lẻo hơn chừng nào số trưởng quan tăng lên, và rằng dân chúng càng đông, thì quyền lực áp chế của chính quyền càng phải tăng lên, chúng ta kết luận rằng mối quan hệ của các trưởng quan với chính quyền phải là nghịch đảo của quan hệ của thần dân với quyền lực tối cao; nghĩa là nhà nước càng lớn lên, chính quyền lại càng phải thu hẹp lại, giống y như là số thủ lĩnh giảm đi theo sự tăng lên của dân số.

Để tiếp tục xác định sự đa dạng này bằng những tên gọi cho chính xác hơn, chúng ta sẽ nhận thấy đầu tiên quyền lực có thể giao phó sự ủy thác chính quyền cho toàn thể nhân dân hay cho bộ phận lớn nhất của nhân dân, sao cho có nhiều công dân trưởng quan hơn các thường dân với tư cách tư nhân. Người ta gán cho hình thức chính quyền này cái tên là *nền dân chủ*.

Hoặc là có thể thu hẹp chính quyền vào tay của một số ít hơn sao cho có nhiều thường dân hơn các trưởng quan; và hình thức này mang tên *chế độ quý tộc*.

Cuối cùng, có thể tập trung toàn bộ chính quyền vào tay một trưởng quan duy nhất. Hình thức thứ ba này là phổ biến nhất, và được gọi là *nền quân chủ* hay chính quyền của nhà vua.

Chúng ta sẽ nhận xét rằng tất cả các hình thức ấy, hay ít ra là hai hình thức đầu, đều có thể thêm lên hay bớt đi, và cùng có một quyền tự do khá lớn. Bởi vì nền dân chủ có thể bao trùm toàn bộ dân chúng hay thu hẹp đến một

nửa. Chế độ quý tộc lại có thể từ một nửa dân chúng thu hẹp không chừng đến tận một số nhỏ nhất. Nền quân chủ lại đôi khi chấp nhận một sự chia sẻ quyền lực, hoặc người cha và con, hoặc giữa hai anh em, hoặc khác nữa. Đã từng luôn luôn có hai vua ở Sparte, và người ta đã thấy đế quốc La Mã có tới tám ông vua cùng trị vì, mà không thể bảo rằng đế chế bị chia sẻ quyền lực. Có một điểm mà mỗi hình thức chính quyền trùng hợp với hình thức tiếp sau đó; và dưới ba tên gọi riêng biệt, chính quyền trong thực tế có thể tồn tại bấy nhiêu dạng như nhà nước có chừng ấy công dân.

Thêm vào đó, mỗi kiểu trong những chính quyền này có thể chia ra, xét về một phương diện nào đó, thành nhiều phần khác nhau, bộ phận này cai trị theo một cách, bộ phận kia cai trị theo cách khác, ba hình thức ấy kết hợp lại với nhau có thể tạo nên vô số những hình thức chung đụng, mà mỗi một hình thức chung đụng ấy lại có thể nhân ra bởi tất cả các hình thức đơn giản.

Lúc nào thì người ta cũng vẫn cứ bàn cãi về hình thức chính quyền tốt nhất, mà chẳng để ý rằng mỗi hình thức là tốt nhất trong một số trường hợp nào đó, và là tệ nhất trong những trường hợp khác. Đối với chúng ta, nếu như trong các nhà nước khác nhau, số lượng các trưởng quan[315] phải tỷ lệ nghịch với số công dân, chúng ta sẽ đi đến kết luận rằng nói chung thì chính quyền dân chủ phù hợp với các nhà nước nhỏ, chính quyền quý tộc hợp với những nhà nước tầm trung, và chính quyền quân chủ với các nhà nước lớn.

Do đường lối nghiên cứu này mà chúng ta mới biết được người công dân có những nghĩa vụ và quyền lợi gì, và liệu có thể tách rời cái nọ với cái kia hay không, tổ quốc là gì, tổ quốc được hợp thành từ những yếu tố cụ thể nào, và căn cứ vào đâu mà mỗi người biết được là mình có một tổ quốc hay không hề có.

Sau khi đã xét kỹ như vậy về từng loại xã hội dân sự trong cơ cấu của chính nó, chúng ta hãy so sánh chúng với nhau để từ đó nhận xét về những mối quan hệ khác nhau: những nước lớn, nước nhỏ; nước này mạnh, nước kia yếu; tấn công nhau, chống lại nhau, tiêu diệt nhau; và trong sự tác động và phản ứng liên tục này, tạo ra nhiều kẻ khốn khổ và lấy đi mạng sống của nhiều người hơn là nếu tất cả họ vẫn duy trì quyền tự do đầu tiên của họ.

---

[315] Nên nhớ rằng, ở đây tôi chỉ muốn nói đến các trưởng quan tối cao hay nguyên thủ quốc gia, còn các trưởng quan khác chỉ là những kẻ thay mặt cho ông ta ở bộ phận này hay bộ phận khác mà thôi.

Chúng ta hãy thử xét xem liệu có phải người ta đã làm quá nhiều hay quá ít trong thiết chế xã hội; liệu các cá nhân có phải tuân phục luật pháp và phục tùng con người, trong khi các xã hội thì cứ giữ tính độc lập của tự nhiên giữa chúng, có phải hứng chịu những lợi lộc của hai nhà nước ấy, và phải chăng nếu trên đời này không hề có một xã hội dân sự nào lại tốt hơn là có quá nhiều. Phải chăng, cái nhà nước lẩn lộn này lại tham gia vào cả hai kiểu và chẳng đảm bảo cả kiểu này lẫn kiểu kia, *per quem neutrum licet, nec tanquam in bello paratum esse, nec tanquam in pace securum*?[316] Phải chăng sự kết hợp từng phần và không hoàn hảo ấy sản sinh ra sự chuyên chế và chiến tranh? Và phải chăng chuyên chế và chiến tranh lại không phải là gánh nặng nhất cho nhân loại?

Cuối cùng chúng ta xem xét loại phương thuốc nào mà người ta đã tìm ra để chữa những tật bệnh khó chịu này qua các liên minh và các khối liên kết, là những khối, vẫn để cho mỗi nhà nước có một nguyên thủ đối nội, nhưng võ trang cho việc đối ngoại để chống lại mọi kẻ xâm lược bất chính. Chúng ta sẽ tìm hiểu xem làm thế nào ta thiết lập được một liên kết có tính chất liên bang hẳn hoi, có thể làm cho sự liên minh này được lâu bền, và cho tới thời điểm nào thì người ta có thể mở rộng quyền của liên bang mà không phương hại gì tới quyền của nhà nước độc lập.

Tu viện trưởng Saint Pierre đã đề xuất một liên minh tất cả các nhà nước châu Âu để gìn giữ một nền hòa bình vĩnh cửu giữa các nước đó. Liên minh này liệu có khả thi không? Và giả sử rằng nó đã được lập nên thì nó bền vững lâu dài không?[317] Những nghiên cứu này dẫn thẳng chúng tôi tới mọi vấn đề về công pháp điều có thể làm rõ những vấn đề về pháp trị.

Cuối cùng chúng tôi sẽ đề cập đến những nguyên tắc thực của pháp luật về chiến tranh, và chúng tôi sẽ xét xem vì sao Grotius và những người khác lại chỉ nêu ra những nguyên tắc sai lầm.

Tôi sẽ không lấy làm lạ rằng giữa lúc chúng tôi đang lý luận, chàng thanh niên của tôi, vốn có lương tri, lại ngắt lời tôi và nói với tôi rằng: Cứ như thế

---

[316] Tiếng Latin: Không dành chỗ cho việc chuẩn bị thời chiến, cũng chẳng dành cho tình trạng an toàn thời bình (Sénèque).

[317] Từ khi tôi viết điều này, những lý lẽ ủng hộ đã được trình bày trong đoạn trích dự án này; những lý lẽ chống lại ít ra là những lý lẽ mà tôi cho là vững chắc, sẽ được tìm thấy trong một tập bài viết tiếp theo của chính đoạn trích này.

chúng ta xây dựng công trình của mình với gỗ, chứ không phải với những con người, chính là vì chúng ta sửa mỗi bộ phận cho chính xác theo cái thước! Đúng vậy, anh bạn của ta; nhưng con hãy nghĩ xem luật pháp không hề chịu uốn theo những đam mê của con người, và hãy nghĩ rằng vấn đề giữa chúng ta là thiết lập những nguyên tắc thực sự về công pháp. Giờ đây khi những nền tảng của chúng ta đã được lập nên, thì hãy xem xét cái mà mọi người đã xây dựng lên trên nền tảng ấy, và con sẽ thấy nhiều chuyện hay!

Lúc đó tôi bảo anh ta đọc *Télémaque* và tiếp tục cuộc hành trình của mình; chúng tôi tìm xem cô Salente may mắn và cậu Idoménée tốt bụng đã phải khổ cực đến bao nhiêu mới trở nên khôn ngoan. Dọc đường chúng tôi gặp bao nhiêu là Protésilas, mà không thấy một Philoclès nào. Adraste, nhà vua của những người Danieus cũng không phải là không tìm ra được. Nhưng hãy để cho các độc giả tưởng tượng ra các cuộc hành trình của chúng tôi, hoặc để họ du hành thay chúng tôi trong tay cầm một cuốn *Télémaque*; và hãy đừng có gợi ý cho họ noi theo những việc gây đau khổ mà chính tác giả cố tránh hoặc làm một cách bất đắc dĩ.

Và chăng Émile chẳng phải là vua, tôi cũng chẳng là thần thánh, chúng tôi chẳng hề băn khoăn vì không thể bắt chước Télémaque và Mentor khi họ làm điều thiện cho con người: không ai biết ở vị trí của mình hơn chúng tôi. Chúng tôi biết rằng mọi người đều được trao cùng một nhiệm vụ ấy; và biết rằng ai hết lòng yêu điều thiện, lại dốc hết sức mình làm việc thiện là đã làm tròn nhiệm vụ. Chúng tôi biết rằng Télémaque và Mentor đều là những ảo tưởng. Émile không phải là kẻ vô công rồi nghề đi du lịch và làm được nhiều việc thiện hơn nếu anh ta lại là một ông hoàng. Nếu chúng tôi là vua chúa và có thiện tâm, thì chúng tôi sẽ làm nhiều điều ác thực sự mà không hay biết gì để có một việc tốt bề ngoài mà chúng tôi cứ tưởng mình làm được. Nếu chúng tôi là vua chúa và khôn ngoan, việc thiện đầu tiên mà chúng tôi muốn làm cho chính mình và cho những người khác sẽ là từ bỏ ngôi vua và quay trở về với địa vị cũ của mình.

Tôi đã nói về điều làm cho các cuộc du lịch thành ra không có kết quả gì cho mọi người. Điều làm cho các cuộc du lịch này lại còn vô ích hơn cho thanh niên, đó là cái cách mà người ta bảo họ làm. Nhưng người sư phó, để ý nhiều đến sự vui chơi của chúng hơn là việc học hỏi của chúng, dẫn thanh niên đi từ thành phố này sang thành phố khác, từ lâu đài này sang lâu đài khác, từ câu lạc bộ này sang câu lạc bộ khác; hoặc là, nếu họ là các nhà thông thái hay

những nhà văn, thì họ lại bắt thanh niên để thì giờ vào việc đi thư viện, thăm các bảo tàng cổ vật, sục sạo trong các lâu đài cổ kính, sao chép lại các bản khắc chữ cổ. Ở mỗi nước, họ quan tâm đến một thời đại khác; cứ như họ quan tâm đến một nước khác vậy; đến nỗi sau khi phải chi phí nhiều lắm để đi khắp châu Âu, vì lao vào những chuyện tầm phào hay vào sự chán chường, chúng trở về mà chẳng thấy có gì có thể gây hứng thú cho mình, chẳng học hỏi được gì có ích cho mình.

Mọi thủ đô đều giống nhau, mọi dân tộc trà trộn vào nhau ở đó, mọi phong tục lẫn lộn vào nhau ở đó; đó không phải là nơi phải đến để mà nghiên cứu về các dân tộc. Paris và London dưới mắt tôi chỉ là cùng một thành phố mà thôi. Dân chúng của các thành phố này có vài thành kiến khác nhau, song những người nọ cũng như những người kia đều có thành kiến, và mọi châm ngôn thực tế của họ đều là như nhau cả. Người ta biết những loại người nào tụ họp trong các triều đình. Người ta biết tình trạng dồn tụ chồng chất của dân chúng và sự bất bình đẳng về tài sản ắt sản sinh ra ở khắp nơi những phong tục nào. Người ta vừa mới nói với tôi về một thành phố có hai trăm nghìn dân thì tôi đã biết trước dân ở đó sống ra sao. Điều mà tôi có thể sẽ biết thêm về các địa điểm chẳng đáng để phải đến đó mà học hỏi.

Chính ở những tỉnh lẻ hẻo lánh, nơi ít có những hoạt động, ít có thương mại, nơi mà ít có người ngoại quốc đến du lịch, dân chúng ít khi dịch chuyển, ít thay đổi số phận và tình cảnh của họ, là nơi phải đến nghiên cứu tài năng và phong tục của một dân tộc. Hãy nhìn hết qua thủ đô, nhưng hãy đi sâu quan sát vùng xa xôi của đất nước. Người Pháp không phải ở Paris, mà là ở Touraine; người Anh có tính cách Anh nhiều hơn ở Mercie so với London và người Tây Ban Nha lại mang tính chất Tây Ban Nha ở Galice hơn là ở Madrid. Chính ở những khoảng cách lớn ấy mà một dân tộc bộc lộ rõ tính cách và biểu hiện ra nguyên vẹn như nó chưa bị pha trộn; chính ở đó mà những hiệu quả tốt và xấu của việc cai trị được cảm nhận rõ hơn, giống như ở đầu nút của một bán kính lớn nhất thì việc đánh giá một cánh cung là chính xác hơn.

Những mối quan hệ tất yếu của các phong tục với chính quyền đã được trình bày rõ trong cuốn sách về tinh thần của luật pháp cho nên không gì tốt hơn là sử dụng công trình này để nghiên cứu các mối quan hệ này. Nhưng nói chung là có hai quy tắc dễ dàng và đơn giản để xét đoán lòng tốt tương đối của các chính quyền. Quy tắc thứ nhất là ở dân chúng. Ở mọi đất nước mà số dân

thưa thớt đi, thì nhà nước tiến dần đến sự sụp đổ; và nước nào có cư dân đông nhất, dù là nghèo nhất, thì nhất thiết là đất nước được cai trị tốt hơn.[318]

Nhưng muốn thế thì số dân này phải là một hiệu quả tự nhiên của chính quyền và các phong tục; bởi vì, nếu dân số đó được tạo nên bởi các thuộc địa, hay do những con đường ngẫu nhiên và nhất thời khác, lúc đó những con đường ấy sẽ chứng tỏ cái xấu bởi phải sửa lại. Khi Auguste ban hành các đạo luật chống lại người sống độc thân, những luật lệ này đã chỉ ra sự suy tàn của đế chế La Mã. Phải làm sao mà lòng tốt của chính quyền đưa người công dân đến chỗ lập gia đình, và không phải là luật pháp bắt buộc họ phải kết hôn; không nên quan sát những gì thực hiện bằng quyền lực, bởi luật pháp chống lại hiến pháp thì tránh né khéo léo và trở nên vô ích, mà nên quan sát những gì tự nó thành tựu được do ảnh hưởng của phong tục và do khuynh hướng tự nhiên của chính quyền; bởi vì chỉ riêng các phương tiện này là có hiệu quả vững bền. Đó là chính sách của Tu viện trưởng Saint Pierre từ tâm lúc nào cũng muốn tìm ra một phương thuốc nhỏ dành cho mỗi bệnh tật riêng, thay vì đi ngược lên tận nguồn gốc chung của những bệnh tật đó, và để thấy rằng người ta chỉ có thể chữa trị chúng một lần cho dứt. Đừng có chữa trị tách biệt từng ổ loét xuất hiện trên thân thể bệnh nhân, mà phải làm sạch cả khối lượng máu đã gây ra tất cả những vết loét ấy. Người ta bảo ở Anh đã có giải thưởng cho nông nghiệp; tôi không mong gì hơn thế: điều đó làm cho tôi chắc rằng nền nông nghiệp sẽ chẳng nổi bật được bao lâu.

Biểu hiện thứ hai của thiện chí tương đối của chính quyền và các đạo luật cũng được rút ra từ dân chúng, nhưng theo một cách khác, nghĩa là từ sự phân bố dân cư, chứ không phải từ số dân. Hai quốc gia ngang nhau về độ lớn và số dân có thể quá chênh lệch về sức mạnh: và nước mạnh hơn luôn luôn là nước nào mà dân số rải đều hơn trên khắp lãnh thổ của mình; nước nào không có những thành phố quá lớn và do đó mà kém nổi bật hơn thì bao giờ cũng thắng nước kia. Chính các thành phố lớn làm kiệt quệ cả nhà nước và làm suy yếu nó; của cải mà các thành phố lớn sản xuất ra là một thứ của cải hào nhoáng bề ngoài và hão huyền; tức là tốn nhiều tiền và ít hiệu quả. Người ta bảo rằng thành phố Paris đáng là một tỉnh lẻ cho vua nước Pháp; nhưng tôi cho rằng thành phố này đối với nhà vua còn đắt giá hơn nhiều; vì trên một vài phương diện thì các tỉnh lẻ phải nuôi sống Paris, và vì phần lớn thu nhập của các tỉnh

[318] Tôi chỉ biết có một ngoại lệ độc nhất là nước Tàu.

lẻ bị rót vào thành phố này và nằm lại đó, chẳng bao giờ trở về với dân chúng cũng chẳng bao giờ trở về với nhà vua nữa. Thật không sao hiểu nổi trong thời đại của những người giỏi tính toán này mà lại chẳng có lấy một ai biết được rằng nước Pháp sẽ giàu mạnh hơn nhiều nếu như Paris không còn nữa. Không chỉ dân chúng phân bố không đều là không có lợi gì cho quốc gia, mà việc đó lại còn tổn hại nhiều hơn là chính sự giảm số dân vốn chỉ tạo nên một sản phẩm bằng không, còn sự tiêu dùng sai lầm lại cho một sản phẩm là số âm. Khi tôi nghe nói rằng một người Pháp và một người Anh, cả hai tự hào về thủ đô lớn của họ, lại cãi lộn với nhau về chuyện thành phố nào trong Paris và Londre chứa được nhiều dân chúng hơn, thì đối với riêng tôi cũng giống như là họ tranh cãi với nhau về chuyện dân tộc nào trong hai dân tộc đó có vinh dự được cai trị kém nhất.

Hãy nghiên cứu một dân tộc ở bên ngoài các thành phố của họ, chỉ làm thế thì quý vị mới hiểu biết được họ. Chẳng có gì để mà xem xét cái hình thức bề ngoài của chính quyền, được tô son điểm phấn bởi bộ máy cai trị và bởi các biệt ngữ của quan lại, nếu người ta lại không chịu nghiên cứu bản chất thông qua những hiệu quả mà nó gây ra cho dân chúng và ở tất cả mọi cấp độ của việc cai trị. Do sự khác biệt của hình thức và nội dung được chia sẻ giữa tất cả các cấp độ ấy, nên chỉ có bao quát tất cả thì người ta mới biết được sự khác biệt này. Ở nước này chính là thông qua việc thao túng của những kẻ được ủy quyền mà người ta mới bắt đầu cảm thấy tinh thần của nội các; ở nước khác phải xem bầu nghị sỹ Quốc hội mới xét đoán được liệu dân tộc này có thực sự được tự do hay không; dù ở nước nào đi nữa, người nào chỉ mới nhìn thấy các thành phố thì không thể hiểu biết chính quyền, vì rằng không bao giờ tinh thần của chính quyền lại như nhau giữa thành phố và nông thôn. Thế mà chính là nông thôn mới làm nên đất nước, và chính là dân chúng ở nông thôn mới làm nên dân tộc.

Cuộc nghiên cứu về các dân tộc khác nhau này ở những tỉnh lẻ hẻo lánh, và trong tính giản dị của bản sắc nguyên sơ của dân tộc ấy, đưa ra một nhận định tổng quát rất thuận tình với lời đề từ của tôi và khéo an ủi cho lòng người; đó là mọi dân tộc đã được khảo sát như thế, tỏ ra đáng giá hơn thế nhiều; các dân tộc đó càng gần gụi với tự nhiên, thì lòng tốt càng chi phối tính cách của họ nhiều hơn; chỉ có giam mình trong các thành phố, chỉ ngày càng biến chất đi vì nền văn hóa, thì các dân tộc nới đổi bại đi, và mới biến đổi một vài sai lầm có phần thô bạo hơn là độc ác thành những thói hư tật xấu dễ thương mà độc hại.

Từ nhận xét này dẫn đến một lợi thế mới cho cách đi du lịch mà tôi đề xuất: các thanh niên, ít lưu lại trong các thành phố lớn là nơi đầy rẫy những hủ bại kinh khủng, nên ít có cơ hội bị lây nhiễm, và gìn giữ được sự phán đoán chính xác hơn, một thị hiếu lành mạnh hơn, những tâm tính lương thiện hơn khi sống chung với những con người giản dị hơn và trong những xã hội kém đông đúc hơn. Nhưng, vả chăng, sự lây nhiễm này đối với Émile thì chẳng cần gì mà phải ca ngợi; anh ta đã có mọi phẩm chất để tránh được điều đó. Trong mọi cách phòng ngừa mà tôi đã thực hiện vì chuyện này thì tôi coi trọng rất nhiều sự quyến luyến mà anh ta đã có được trong lòng.

Người ta không biết tình yêu chân chính có thể tác động như thế nào lên khuynh hướng của thanh niên, bởi vì, chẳng hiểu về tình yêu này rõ hơn họ, nên những người hướng dẫn họ lại cứ khuyên họ đừng yêu. Dù sao thì một thanh niên cũng phải yêu hoặc là anh ta phải bị rủ rê chơi bời hư hỏng. Thật dễ dàng đánh lừa người ta bằng vẻ bề ngoài. Người ta kể ra cho tôi về hàng ngàn thanh niên mà người ta bảo rằng họ sống một cách trong sạch không tình yêu; nhưng xin người ta hãy nêu ra cho tôi một người đàn ông trưởng thành, một người đàn ông chân chính bảo rằng mình đã sống trong sạch không yêu đương như thế suốt thời trai trẻ, và ông ta nói thực lòng. Trong mọi đức hạnh, trong mọi bổn phận người ta chỉ tìm kiếm sự biểu hiện bề ngoài; tôi thì tôi tìm kiếm sự thực, và tôi đã lầm nếu như có những cách khác để đạt tới đó ngoài các cách mà tôi đã nêu ra.

Ý tưởng về việc làm cho Émile biết yêu trước khi đi du lịch không phải là sáng kiến của tôi. Đây là câu chuyện đặc sắc đã gợi ý cho tôi điều đó.

Tôi đã ở Venise thăm một người sư phó của một thanh niên Anh. Hồi đó đang mùa đông, chúng tôi ngồi quanh lò sưởi. Người sư phó nhận các bức thư qua bưu điện. Ông ta đọc thư, rồi đọc lại thật to một bức thư cho học trò của ông nghe. Bức thư viết bằng tiếng Anh: tôi không hiểu trong đó viết gì; nhưng trong khi đọc, tôi thấy chàng thanh niên xé toạc những tay áo giả móc bằng kim rất đẹp của anh ta, rồi ném từng chiếc một vào lửa một cách nhẹ nhàng nhất mà anh có thể, để cho mọi người không nhận ra việc đó. Ngạc nhiên về sự bất thường đó, tôi nhìn mặt anh, tôi cho là anh có vẻ xúc động nhưng những dấu hiệu bề ngoài của dục vọng, dù cho là khá giống nhau ở những người đàn ông, lại có những khác biệt tùy theo dân tộc mà ta dễ bị lầm. Các dân tộc có những cách biểu hiện khác nhau trên vẻ mặt, cũng y như là qua ngôn ngữ nói. Tôi đợi cho đọc xong rồi chỉ cho ông sư phó những cổ tay trần

của học trò ông, mà anh ta cố giấu giếm, và tôi nói với ông: Liệu có thể biết việc này có nghĩa gì không?

Người sư phó, nhìn thấy điều đó xảy ra, bèn cười và ôm lấy người học trò của mình với thái độ hài lòng; và sau khi được anh ta tán thành, ông giải thích cho tôi điều mà tôi mong đợi.

Những tay áo giả, ông nói với tôi, mà anh John vừa mới xé rách là một món quà tặng mà một bà trong thành phố này làm cho anh ta mới đây không lâu. Mà ông biết đấy, John đã hứa hôn với một thiếu nữ trong nước và anh rất yêu cô ta, và cô thì lại còn đáng được yêu nhiều hơn nữa. Bức thư này là của bà mẹ của cô người yêu, và tôi dịch ngay cho ông nghe chỗ đã gây ra sự tổn thất vừa rồi:

> "Lucy không rời được những tay áo giả của ngài John, cô Betty Roldham hôm qua lại vừa mới ngồi cùng Lucy suốt buổi chiều, và cứ nhất định muốn cùng làm. Vì biết hôm nay Lucy dậy sớm hơn mọi ngày, ta muốn thấy nó đã làm được những gì, và ta đã bắt gặp nó đang bận rộn tháo bỏ những gì mà cô Betty đã làm hôm qua. Nó không muốn rằng trong món quà tặng của mình lại có một mũi kim do bàn tay người khác móc chứ không phải bàn tay của nó".

John ra ngoài một lát sau để đeo những tay áo giả khác, và tôi nói với sư phó của anh: Ông có một người học trò có bản chất tuyệt vời; nhưng xin nói thật với tôi, có phải bức thư của bà mẹ Lucy là không hề bị thu xếp trước chứ? Đó không phải là một mánh khóe riêng của ông để chống lại người đàn bà muốn dây dưa đến các tay áo giả kia chứ? Ông ta bảo tôi, không đâu, sự việc là có thực. Tôi không dùng tiểu xảo như vậy trong việc chăm sóc học trò mình: tôi chỉ dùng đến sự bình dị, lòng nhiệt tâm, và Chúa đã ban phước cho công việc của tôi.

Câu chuyện của chàng trai này không hề rời khỏi ký ức của tôi, câu chuyện ấy không hẳn là không tạo ra một điều gì đó trong đầu óc một con người mơ mộng như tôi.

Đã đến lúc để kết thúc, chúng ta hãy đưa ngài John về cho cô Lucy, nghĩa là đưa Émile về cho Sophie. Anh đem về cho cô một tinh thần sáng suốt hơn cùng với một trái tim không kém trìu mến hơn lúc ra đi, và anh đem về nước mình cái lợi thế đã được thấy chính quyền qua mọi tật xấu của chúng, và các dân tộc qua mọi đức hạnh của họ. Tôi còn chăm lo để anh ta liên lạc với một

vài người có giá trị ở mỗi nước do lòng hiếu khách theo kiểu cổ nhân, và tôi sẽ vui lòng thấy anh ta trau dồi kiến thức cho mình qua trao đổi thư từ. Ngoài việc có thể là hữu ích và bao giờ cũng thật dễ chịu khi có sự trao đổi thư từ với những xứ sở xa xôi, thì đó là cách phòng ngừa tuyệt vời chống lại thế lực của các thành kiến của dân tộc, chúng tấn công ta suốt đời, sớm muộn gì cũng đôi lần bám chặt vào chúng ta. Chẳng có gì thích hợp hơn để vứt bỏ sự đeo bám ấy ngoài việc trao đổi vô tư với những người biết lẽ phải mà ta coi trọng, những người này, chẳng hề có những thành kiến ấy và lại dùng những thành kiến của họ để chống lại chúng, họ cho ta những phương sách để không ngừng đối lập những thành kiến này với những thành kiến kia và như thế mà tránh cho ta khỏi sa vào tất cả những thành kiến ấy. Điều đó không giống chút nào với việc giao thiệp với người nước ngoài ở nước ta hay ở nước họ. Trong trường hợp đầu tiên, họ bao giờ cũng có một sự nể vì đất nước mà mình đang sống khiến họ ngụy trang điều mình suy nghĩ về đất nước ấy, hoặc khiến cho mình suy nghĩ tốt đẹp về nó trong khi họ đang ở đó; lúc về nước, họ hạ thấp đất nước kia, và họ chỉ công bằng mà thôi. Tôi rất thích một người ngoại quốc mà tôi tham khảo ý kiến đã từng thấy nước tôi, nhưng tôi chỉ hỏi ý kiến của họ khi họ đã về nước.

Sau khi đã dùng gần hai năm để đi khắp một số nước lớn ở châu Âu, và rất nhiều nước nhỏ; sau khi đã học được hai hay ba thứ ngôn ngữ chính; sau khi đã thấy ở đó cái gì thật là hấp dẫn, hoặc về lịch sử tự nhiên, hoặc về chính quyền, hoặc về nghệ thuật, hoặc về con người, Émile bị sự sốt ruột vò xé, nhắc nhở tôi rằng thời hạn đang đến gần. Lúc đó tôi bảo anh ta: Này, anh bạn của tôi ơi, con hãy nhớ lại mục tiêu chuyến đi của chúng ta; con đã xem, con đã quan sát: cuối cùng thì kết quả của những quan sát của con là gì? Con kiên trì giữ cho mình cái gì? Hoặc ta đã lầm trong phương pháp của mình, hoặc phải trả lời ta gần như thế này:

> "Con giữ lại cho mình cái gì ư? Phải vẫn còn như là thầy đã đào tạo con như thế, và không tự ý thêm vào bất kỳ một ràng buộc nào khác với cái mà tự nhiên và pháp luật đã quàng vào con. Con càng xét kỹ thành tựu của con người trong các thể chế của họ, con càng thấy người ta mong muốn ráo riết được sống độc lập cho bằng được, họ tự biến mình thành nô lệ, và càng thấy họ dùng chính tự do của mình trong những nỗ lực vô ích để giữ vững tự do ấy. Để cho khỏi bị cuốn theo dòng thác sự việc, họ tự tạo hàng ngàn mối ràng buộc; thế rồi cứ vừa mới muốn tiến lên

một bước, họ lại không sao bước được, và ngạc nhiên rằng đang bị dính chặt vào tất cả những thứ đó. Con cho rằng muốn được tự do, người ta chẳng phải làm gì hết, chỉ cần đừng có muốn thôi không sống tự do nữa. Ôi, thầy giáo của con, chính thầy đã làm cho con được tự do, bằng cách dạy con không cưỡng lại cái tất yếu. Cứ để cho sự tất yếu đến lúc nào thì đến, con cứ để cho nó lôi cuốn đi thật thoải mái, và vì rằng con không muốn chống cự lại nên con chẳng tự ràng buộc vào cái gì để mà trụ lại. Con đã tìm kiếm trong các chuyến du lịch của chúng ta xem có nơi nào đó trên Trái đất mà ở đó con có thể hoàn toàn là chính mình; nhưng có nơi nào sống giữa mọi người mà người ta lại chẳng phụ thuộc gì vào dục vọng của mình chứ? Mọi việc đã được xem xét kỹ, và con thấy rằng mong muốn của con thật mâu thuẫn, bởi vì dù con có thể coi mọi chuyện như không, ít ra con vẫn cứ sẽ phải gắn bó với Trái đất này, nơi con đã bị cột chặt vào; cuộc đời con sẽ bị gắn chặt vào Trái đất như các thần nữ của rừng xanh bị gắn chặt cuộc đời họ vào cây cối; con đã thấy rằng quyền thế và tự do là hai từ kị nhau, con chỉ có thể là chủ của một ngôi nhà tranh bằng cách thôi đừng có làm chủ bản thân mình nữa.

Hoc erat in rotis: modus agi non ita magnus[319].

"Con nhớ lại rằng tài sản của con là lý do của những cuộc nghiên cứu của chúng ta. Thầy đã chứng minh chắc chắn rằng con không thể cùng một lúc gìn giữ cả tài sản của mình lẫn tự do của mình; nhưng nếu thầy lại muốn rằng con đồng thời vừa được tự do lại vừa chẳng có nhu cầu gì, thì thầy đã mong muốn hai việc trái ngược nhau, bởi lẽ con chỉ biết tự mình thoát khỏi sự phụ thuộc vào mọi người khi quay về phụ thuộc vào tự nhiên. Vậy con sẽ làm gì với tài sản mà cha mẹ con đã để lại? Con sẽ khởi đầu bằng việc đừng có lệ thuộc gì vào đó; con sẽ gỡ bỏ mọi mối dây ràng buộc con vào đó. Nếu người ta để cho con tài sản, nó sẽ còn thuộc về con; nếu người ta tước đoạt tài sản đó của con, người ta sẽ không lôi cuốn con đi theo tài sản của mình. Con sẽ chẳng hề dằn vặt lo nghĩ gì để giữ lại tài sản của mình, nhưng con sẽ bình tâm ở lại vị trí của mình. Giàu hay nghèo thì con cũng sẽ được tự do. Con sẽ không phải chỉ được như thế ở một nước nào đó, ở một vùng nào đó, mà là sẽ tự do ở mọi nơi trên Trái đất. Đối với con mọi xiềng xích của dư luận

[319] Tiếng Latin: Đây là những lời chúc của tôi: một thửa đất rộng vừa phải.

đều đã bị đập tan; con chỉ biết có những xiềng xích của điều tất yếu! Con đã học mang các xiềng xích ấy từ lúc sinh ra ở đời, và con sẽ mang chúng cho tới lúc chết, bởi vì con là con người; và tại sao con lại không biết mang những xiềng xích của sự tất yếu khi là người tự do bởi làm nô lệ thì sẽ vẫn còn phải mang xiềng xích này, và xiềng xích của sự nô lệ thêm vào đó nữa?

"Hoàn cảnh của con trên Trái đất này thì có can hệ gì đối với con? Khắp nơi nào mà có con người, thì con ở đó như ở nhà anh em mình; mọi nơi nào mà không có một ai thì tức là con ở nhà mình. Hễ con có thể sống độc lập và giàu có, con có của để đủ sống và con sẽ sống. Khi của cải của con làm cho con phải lệ thuộc vào nó, con sẽ bỏ nó không nuối tiếc, con có cánh tay để lao động, và con sẽ sống. Nếu con không còn tay nữa, con sẽ sống nếu người ta nuôi con, con sẽ chết nếu người ta bỏ mặc con; con cũng sẽ chết ngay cả khi họ không bỏ mặc con; bởi vì cái chết không phải là một tội của nghèo khó mà là một quy luật của tự nhiên. Lúc cái chết đang gần kề, con chẳng sợ nó, nó sẽ không bao giờ xảy đến bất ngờ với con khi con đang chuẩn bị để sống; nó sẽ không bao giờ cản trở được con đã từng sống.

"Thế đấy, thưa cha, con đã tự mình quyết định như vậy. Nếu con không có đam mê, con sẽ sống trong trạng thái làm người của mình, sống độc lập như Chúa vậy, bởi vì chỉ muốn có điều đang tồn tại nên con sẽ chẳng bao giờ phải chống lại số mệnh. Chí ít thì con chỉ có mỗi một xiềng xích, đó là xiềng xích duy nhất mà con mang nó mãi mãi, và con có thể lấy làm vinh dự về nó. Vậy thì trở về đi, xin thầy trao Sophie cho con, và con được tự do".

"Émile thân mến, ta rất vui mừng được nghe những lời nói về con người thốt ra từ miệng con, và qua đó thấy được những tình cảm trong lòng con. Ở độ tuổi của con, sự vô tư bất vụ lợi này không làm ta khó chịu. Nó sẽ giảm đi khi con có con cái, và lúc đó con sẽ phải đúng như điều cần phải thế của một người cha tốt trong gia đình và một người đàn ông khôn ngoan. Trước khi con đi du lịch ta đã biết rằng nó sẽ gây ra hiệu quả gì, ta đã biết bằng cách nhìn tận mắt các thể chế của chúng ta, con sẽ không dễ lấy ở đó niềm tin mà các thể chế này chẳng xứng đáng. Thật là hão huyền khi người ta hy vọng được hưởng tự do dưới sự che chở của pháp luật. Các đạo luật! Chúng có ở những đâu? Và chúng được tôn trọng ở những nơi nào? Khắp nơi con đã chỉ thấy có

lợi ích riêng và dục vọng của con người ngự trị trong cái danh xưng luật pháp ấy. Nhưng các quy luật vĩnh cửu của tự nhiên và của trật tự cứ tồn tại. Chúng đóng vai luật xác thực cho người hiền minh, chúng ghi vào đáy lòng họ nhờ lương tâm và lý trí, đó là những luật mà người hiền minh phải phục tùng để được tự do; và chỉ có kẻ nào làm ác thì mới là nô lệ, bởi vì bao giờ họ cũng bất đắc dĩ mà làm thế. Tự do không có trong bất kỳ một hình thức cai trị nào, nó ở trong lòng con người tự do; anh ta mang tự do trong mình ở khắp mọi nơi. Con người hèn hạ thì ở đâu cũng mang thân phận nô lệ. Kẻ này từng là nô lệ ở Genève, và kẻ kia tự do ở Paris.

"Nếu ta nói với con về các bổn phận của người công dân, có thể là con sẽ hỏi ta rằng đâu là tổ quốc, và con sẽ tin rằng con đã làm ta lúng túng; tuy nhiên con vẫn lầm rồi, Émile thân yêu, bởi vì ai không có tổ quốc thì ít ra cũng có một quê hương. Bao giờ cũng có một chính quyền và những ảo ảnh của pháp luật mà anh ta sống yên bình trong đó. Cho rằng khế ước xã hội không hề được tuân thủ thì có hề gì, nếu như lợi ích riêng đã bảo hộ nó như ý chí chung đã từng bảo hộ, nếu như bạo lực của công chúng tránh được cho nó khỏi những bạo lực cá nhân, nếu như điều ác mà anh từng thấy xảy ra lại làm cho anh ta yêu điều thiện, và nếu như chính các thể chế của chúng ta đã làm cho anh ta biết và căm ghét những hành vi bất công của chính những thể chế ấy? Ô Émile, có ở nơi nào mà một người có thiện tâm lại không mang ơn quê hương mình? Dù là người thế nào chăng nữa, anh cũng mang ơn quê hương mình về những gì quý giá nhất đối với con người, đó là tính đạo đức trong hành động và lòng yêu đức hạnh. Sinh ra ở một góc rừng, có lẽ anh ta sống hạnh phúc hơn và tự do hơn; nhưng vì chẳng có gì phải phấn đấu để theo đuổi những ham muốn của mình, anh ta sẽ sống có thiện tâm mà chẳng cần công trạng gì, anh ta sẽ không hề được coi là có đạo đức, còn bây giờ anh biết sống có đức độ bất chấp những đam mê của mình. Chỉ riêng có bề ngoài của trật tự làm cho anh ta biết điều đó, làm cho anh ta yêu thích điều đó. Lợi ích chung, đối với những người khác chỉ được dùng làm cái cớ, còn đối với riêng anh thì đó là một động cơ thực sự. Anh học được đấu tranh với chính mình, chiến thắng chính mình, hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung. Thật là không đúng nếu bảo rằng anh ta không được hưởng lợi chút nào từ pháp luật; nó trao cho anh lòng dũng cảm để sống công chính, ngay cả khi sống với những kẻ ác. Cũng thật không

đúng khi nói rằng pháp luật không làm cho anh trở nên tự do. Pháp luật đã dạy cho anh tự chế ngự mình.

"Vậy nên con đừng nói rằng con ở đâu thì có hề gì đâu? Con cần phải sống ở nơi nào mà con có thể hoàn thành mọi bổn phận của mình; và một trong những bổn phận ấy là sự quyến luyến với nơi mà con đã sinh ra. Đồng bào con đã che chở cho con lúc bé dại, con phải yêu mến họ khi con thành người lớn. Con phải sống giữa họ, hay ít ra là ở nơi nào mà con có thể có ích cho họ, chừng nào con có thể làm được điều đó, và ở nơi nào họ có thể tìm gặp con khi họ cần đến con. Có một tình huống nào đó mà một người có thể có ích hơn cho đồng bào mình khi anh ta sống xa tổ quốc hơn là anh ta sống ở trong nước. Lúc đó anh ta chỉ nên nghe theo bầu nhiệt huyết của mình và chịu đựng sự lưu đày không hề than vãn; ngay cả sự lưu đày ấy cũng là một trong những bổn phận của anh ta. Mà con này, Émile tốt bụng, con không phải chịu những hy sinh đau đớn ấy, con là người không phải gánh nhiệm vụ đáng buồn là nói rõ sự thật cho mọi người, con hãy đến sống giữa mọi người, hãy vun trồng tình hữu ái của họ trong một cuộc giao tiếp dịu dàng, con hãy là ân nhân của họ, làm tấm gương cho họ noi theo: tấm gương của con có ích cho họ hơn tất cả mọi cuốn sách của chúng ta, và việc thiện mà họ thấy con làm sẽ làm họ xúc động hơn tất cả những lời nói hão huyền của chúng ta.

"Vì điều đó mà ta không khuyến khích con đến sống ở những thành phố lớn: trái lại, một trong những tấm gương mà người tốt phải nêu ra cho những người khác là tấm gương của cuộc sống thuần phác và ở đồng quê, cuộc sống đầu đời của một người đàn ông, yên bình nhất, tự nhiên nhất và êm đềm nhất đối với những ai không có trái tim hư đốn. Anh bạn trẻ của ta, hạnh phúc thay, quê hương là nơi ta chẳng cần phải đi tìm sự yên bình trong sa mạc! Nhưng quê hương ấy ở đâu? Một người có thiện tâm ít thỏa mãn được khuynh hướng của mình trong các thành phố, ở đó họ chỉ gần như là thi thố được nhiệt tình của mình cho bọn người lắm mánh khóe hay cho bọn bất lương. Ở đó, việc người ta tiếp nhận những kẻ lười biếng đến tìm vận may chỉ làm hoang vắng thêm cho xứ sở, mà trái lại cần phải làm đông đảo lại cư dân bằng cách di dân ra khỏi các thành phố. Tất cả những người rút khỏi xã hội đông đảo thật là có ích chính vì họ rút ra khỏi đó, bởi mọi thói xấu của xã hội ấy là do quá đông người. Còn là hữu ích nữa khi họ có thể đem trở lại

văn hóa và tình yêu của những ngày đầu đời cho những nơi hoang vắng của cuộc sống. Tôi cảm động khi nghĩ rằng từ nơi ẩn cư giản dị của họ, Émile và Sophie có thể phân phát bao nhiêu là việc tốt xung quanh họ, họ có thể làm cho làng mạc sinh động thêm và khuấy động, làm tăng thêm nhiệt tình đã tắt của người dân quê nghèo lên biết bao nhiêu. Tôi ngỡ như nhìn thấy số dân tăng lên, đồng ruộng màu mỡ thêm, đất đai khoác một bộ cánh mới, sự đông đảo và sung túc biến lao động thành hội hè, những tiếng hò reo vì vui sướng và những lời chúc tụng vang lên nơi những trò chơi thôn dã xung quanh đôi lứa đáng yêu đã khuấy động họ. Người ta coi thời hoàng kim chân chất là ảo tưởng và bao giờ điều đó cũng sẽ là một ảo tưởng đối với kẻ nào có trái tim và thị hiếu hư hỏng. Thật cũng chẳng đúng khi người ta tiếc nuối nó, bởi lẽ những nuối tiếc ấy bao giờ cũng chẳng ích gì. Vậy phải làm sao đây cho thời đại chân chất tái sinh? Chỉ cần mỗi một điều thôi nhưng lại không thể được, đó là yêu nó.

"Thời hoàng kim chân chất có vẻ đã tái sinh xung quanh ngôi nhà của Sophie; các con sẽ chỉ cùng nhau làm nốt tất cả những gì mà cha mẹ đáng kính của cô đã khởi đầu. Nhưng Émile thân yêu, phải làm sao cho một cuộc sống quá êm đềm như thế không làm con chán ghét những nghĩa vụ nặng nề, nếu có ngày những nhiệm vụ đó được đặt ra với con: con hãy nhớ đến những người La Mã đã chuyển từ cái cày sang chức quan chấp chính. Nếu vương quyền hay Nhà nước gọi con đi phục vụ tổ quốc, con hãy từ bỏ tất cả để đi làm tròn chức trách vinh quang của người công dân ở vị trí mà người ta chỉ định cho con. Nếu chức trách này là nặng nề cho con, thì có một cách lương thiện và chắc chắn để giải thoát cho mình khỏi chức trách đó, chính là hoàn thành chức trách đó đủ liêm khiết để người ta không để con gánh vác lâu dài. Và chăng đừng mấy lo ngại phải lúng túng vì một gánh nặng như vậy; chừng nào có những con người của thời này thì người ta sẽ chẳng tìm đến con để phục vụ Nhà nước đâu".

Giá mà tôi được mô tả cuộc trở về của Émile đến bên Sophie và kết cục mối tình của họ, hay đúng hơn là sự khởi đầu tình yêu vợ chồng sẽ kết phối họ với nhau! Tình yêu được xây dựng trên sự tôn trọng lẫn nhau lâu bền như cuộc đời, dựa trên đức hạnh thì không hề phai tàn cùng với sắc đẹp, dựa trên sự tương hợp về tính cách thì làm cho việc trò chuyện với nhau dễ thương hơn và

niềm vui sướng của sự chung sống lần đầu kéo dài mãi đến tuổi già. Nhưng tất cả những chi tiết này sẽ có thể làm đẹp lòng mà không ích lợi; và cho đến tận bây giờ tôi mới chỉ dám nói đến những tình tiết thú vị mà tôi thấy rõ là có ích. Tôi sẽ từ bỏ quy tắc này ở phần cuối của công việc chăng? Không, tôi cũng cảm thấy đúng là ngòi bút của tôi đã mệt mỏi. Không đủ sức cho những công trình dài hơi đến thế, tôi sẽ bỏ công trình này nếu nó tiến triển ít hơn; để khỏi bỏ nó dở dang, đã đến lúc tôi hoàn tất.

Cuối cùng tôi thấy xuất hiện ngày đẹp đẽ nhất trong đời của Émile, và là ngày sung sướng nhất đời tôi; tôi thấy những chăm sóc của tôi được hoàn thành, và tôi bắt đầu được nếm những quả ngọt của nó. Đôi lứa xứng đáng phối kết với nhau bằng một mối liên hệ không thể nào tan rã được, miệng họ thốt ra và lòng họ xác nhận những lời thề ước sẽ không có chút hão huyền nào: họ là một đôi vợ chồng. Khi ra khỏi thánh đường, họ để người ta dẫn đi, họ không biết là mình đang ở đâu, đang đi đâu, không biết người ta làm gì xung quanh mình... Họ không nghe thấy gì, họ chỉ trả lời bằng những lời lẫn lộn không đâu vào đâu, những cặp mắt bối rối của họ chẳng nhìn thấy gì nữa. Ôi cơn mê sảng! Ôi sự mềm yếu của con người! Sự cảm nhận hạnh phúc làm con người choáng ngợp, con người không đủ mạnh để chịu đựng nổi cảm nhận ấy.

Thật chẳng có mấy ai biết được trong ngày cưới phải nói một giọng thích hợp với đôi vợ chồng son. Sự đoan trang trầm mặc của những người này và những câu nói vui vẻ của những người kia theo tôi đều không đúng chỗ như nhau. Tôi sẽ ưng ý hơn nếu người ta cứ để mặc những trái tim non trẻ này cuốn vào nơi sâu lắng của lòng mình, và lao vào một nhịp đập không thiếu niềm vui sướng, so với việc người ta cứ cản trở họ một cách quá độc ác để làm rầu lòng họ bằng những phép lịch sự giả tạo, hoặc là làm cho họ bối rối vì những lời nói đùa tục tĩu, có thể là làm họ vui thích vào mọi lúc khác, nhưng với họ lại hoàn toàn bị quấy rầy trong một ngày như thế.

Tôi thấy hai bạn trẻ của tôi luống cuống trong mơ mộng êm đềm, chẳng nghe rõ được một lời nào người ta nói với họ. Tôi là người mong cho người ta hưởng thụ không sót ngày nào trong đời, liệu tôi có để cho họ bỏ phí một ngày quý báu nhường ấy không? Không, tôi muốn họ thưởng thức nó, muốn họ tận hưởng nó, muốn nó dành cho họ khoái cảm. Tôi tách họ ra khỏi đám đông vô tình quấn lấy họ, và dẫn họ đi cách xa đám đông, tôi làm cho họ nhớ lại về chính mình, bằng cách nói về họ. Không phải là tôi chỉ muốn nói với đôi tai

của họ mà muốn nói với trái tim của họ, và tôi biết chủ đề nào là duy nhất làm cho họ có thể quan tâm trong ngày hôm ấy.

> "Các con ạ, tôi bảo họ trong khi nắm tay cả hai người, cách đây ba năm ta đã thấy bốc lên ngọn lửa mãnh liệt và trong sáng làm nên hạnh phúc của các con hôm nay. Ngọn lửa này đã chỉ không ngừng tăng thêm; ta thấy trong cặp mắt các con ngọn lửa đó đang ở độ mãnh liệt nhất của nó, nó chỉ còn có thể suy giảm mà thôi". Thưa các độc giả, quý vị có thấy chăng những rung cảm, những sốt sắng, những thề ước của Émile, thái độ xem thường mà Sophie rút tay cô ra khỏi bàn tay tôi, và những cam kết âu yếm trong ánh mắt họ trao cho nhau rằng sẽ tôn thờ nhau cho đến hơi thở cuối cùng? Tôi cứ mặc họ, và sau đó tôi nói tiếp.
>
> "Ta thường nghĩ rằng nếu như người ta có thể kéo dài hạnh phúc của tình yêu trong hôn nhân, người ta sẽ có thiên đường trên mặt đất. Cho đến nay điều đó là chưa từng thấy. Nhưng nếu sự việc không phải là hoàn toàn không thể, thì các con thật xứng đáng cả đôi cùng nêu lên một tấm gương mà các con chưa từng nhận được ở một ai, và ít có cặp vợ chồng nào biết bắt chước để noi theo. Các con của ta ơi, liệu các con có muốn ta mách bảo cho các con một cách mà ta tưởng tượng ra cho việc này, và ta cho rằng đó là cách duy nhất có thể thực hiện không?"

Họ nhìn nhau cười và giễu cợt sự ngây thơ của tôi. Émile thẳng thắn cám ơn phương pháp của tôi và bảo tôi rằng anh ta cho rằng Sophie có một phương pháp hay hơn thế, và đối với anh, chừng ấy là đủ. Sophie thừa nhận điều đó, và tỏ ra cũng hoàn toàn tin như vậy. Tuy nhiên qua thái độ có vẻ đùa cợt của cô, tôi tin rằng có pha lẫn đôi chút tò mò. Tôi nhìn kỹ Émile, cặp mắt anh ta như ngấu nghiến những duyên sắc của vợ mình; đó là điều duy nhất mà anh ta tỏ ra chăm chú đến và mọi lời lẽ của tôi chẳng làm anh lúng túng mấy nỗi. Còn tôi thì cười và tự nhủ: ta sẽ biết làm cho con trở nên chú ý hơn ngay bây giờ.

Sự khác biệt hầu như không nhận ra được trong các cử chỉ kín đáo này chỉ rõ một đặc tính riêng của hai người, và thật là trái ngược với những định kiến đã có; đó là đàn ông thì nói chung là kém kiên trì hơn đàn bà, và chóng chán tình yêu hạnh phúc hơn đàn bà. Người đàn bà lo xa về sự thiếu kiên định của người đàn ông và băn khoăn về điều đó[320]; điều đó làm cho họ càng hay ghen

---

[320] Ở Pháp, đàn bà thường phai nhạt trước; và điều đó phải xảy đến, bởi vì ít tiết chế được, và lại chỉ muốn được tôn trọng, khi người chồng không còn đem lại

tuông. Khi người đàn ông bắt đầu nhạt thì các bà vợ để giữ anh ta, buộc phải thực hiện lại với chồng mọi sự chăm sóc mà trước kia anh ta đã làm để chiều ý vợ và thế là các bà khóc lóc, các bà tự giày vò mình, đến lượt các bà nhún mình tự hạ, và ít khi đạt được điều mong muốn. Sự quyến luyến và săn sóc chinh phục các trái tim nhưng không sao thu hồi được các trái tim.

Tôi trở lại nói về phương pháp của tôi chống lại sự nhạt tình trong hôn nhân. Tôi nói tiếp:

> "Mẹo này đơn giản và dễ dàng; đó là tiếp tục làm người yêu khi ta đã thành vợ thành chồng". Émile, chẳng coi bí quyết này vào đâu và bảo: Quả thực, mẹo ấy chẳng làm chúng con buồn lòng đâu. "Có lẽ buồn lòng cho con hơn là con nghĩ. Xin con hãy dành thời gian để nghe ta nói cho rõ.
>
> "Những ràng buộc mà người ta muốn thắt quá chặt chẽ sẽ đứt. Đấy là điều xảy đến cho hôn nhân khi người ta muốn trao cho nó nhiều sức mạnh mà nó không đáng có. Sự chung thủy mà hôn nhân đòi hỏi đôi vợ chồng là điều thiêng liêng nhất trong các quyền của hai người; nhưng quyền lực mà nó trao cho mỗi người áp đặt lên người kia lại quá đáng. Sự câu thúc và tình yêu khó mà song hành, và niềm hoan lạc thì lại không chi huy được. Con đừng ngượng, ồ Sophie! Và đừng có mà định bỏ chạy. Ta không hề có ý muốn xúc phạm tính khiêm nhường của con! Nhưng đây là định mệnh của đời con. Vì một việc lớn đến thế, con hãy chịu đựng những lời nói, giữa một người chồng và một người cha, mà con sẽ không chịu nổi ở nơi khác.
>
> "Chẳng phải sự chiếm hữu mà là sự phục tùng lệ thuộc làm cho chán, và người ta duy trì đối với một cô gái bao mối quyến luyến thật lâu bền hơn đối với một người vợ. Làm sao mà người ta có thể làm cho những vuốt ve êm dịu nhất thành một bổn phận và làm cho những bằng chứng dịu dàng nhất của tình yêu thành một cái quyền? Chính là sự ham muốn lẫn nhau làm nên quyền, tự nhiên không biết đến quyền nào khác. Luật lệ có thể thu hẹp quyền này, nhưng nó không thể mở

điều đó cho họ thì người ta chẳng mấy để ý đến con người anh ta Ở những nước khác thì trái lại, chính người chồng phai nhạt trước; đó là vì những người vợ, chung thủy, nhưng thiếu thận trọng, nên cứ quấy rầy chồng vì những ham muốn của mình, làm cho chồng chán vợ. Những sự thật phổ biến này có thể còn nhiều ngoại lệ; nhưng tôi tin rằng đến nay đều là sự thật phổ biến cả.

rộng quyền đó. Khoái cảm tự nó là quá dịu ngọt! Vậy sao lại cứ phải chuốc lấy sức mạnh từ những điều phiền phức đáng buồn mà sức mạnh ấy vẫn cứ rút ra được từ những hấp dẫn riêng chỉ khoái cảm mới có được? Không, các con ạ, trong hôn nhân thì những trái tim ràng buộc với nhau còn thân thể không hề bị nô lệ hóa. Các con phải chung thủy với nhau, chứ không phải dễ dãi chiều lòng nhau. Mỗi người trong đôi lứa chỉ có thể là của người kia, nhưng chẳng có ai trong đôi lứa muốn người kia thuộcv ề mình một cách tuỳ ý và vô chừng mực.

"Vậy thì, Émile thân yêu, nếu đúng là con muốn làm người yêu của vợ mình, còn cô ta luôn luôn là nhân tình của con và là chủ bản thân; con hãy làm người tình hạnh phúc, nhưng đầy kính trọng, con hãy nhận tất cả từ tình yêu mà đừng có đòi hỏi một điều gì từ nghĩa vụ, và sao cho những chiều chuộng nhỏ nhặt nhất không bao giờ được coi là do quyền con được hưởng, mà là những ân sủng. Ta biết rằng sự e lệ tránh những thú nhận công khai và đòi hỏi được khắc phục; nhưng với sự tế nhị và tình yêu chân chính, thì người yêu sao mà lầm lẫn được ý muốn ngầm không nói ra? Anh ta có không biết gì khi trái tim và ánh mắt đều thỏa thuận về một điều mà ngoài miệng thì giả vờ từ chối?

"Sao cho mỗi người trong đôi lứa, luôn luôn làm chủ được con người mình và những chiều chuộng của mình và chỉ trao cho người kia do ý muốn của chính mình. Con hãy luôn luôn nhớ rằng, ngay cả trong hôn nhân, khoái cảm chỉ chính đáng khi ham muốn được chia sẻ. Các con của ta, đừng e ngại rằng luật lệ này làm cho các con xa nhau; trái lại nó làm cho cả hai càng quan tâm hơn đến việc làm vừa lòng nhau và sẽ phòng ngừa được sự chán ngấy. Chỉ hạn chế duy nhất người nọ vào người kia, tự nhiên và tình yêu sẽ đủ để làm cho các con gần gụi nhau".

Nhân lời nói này và những lời khác tương tự, Émile phật ý, lại la lối; Sophie thì ngượng ngùng, lấy quạt che mắt, và không nói một lời. Kẻ không bằng lòng nhất trong hai người, lại có thể không phải là kẻ phàn nàn nhiều nhất. Tôi nài ép không thương tiếc: tôi làm cho Émile phải ngượng đỏ mặt vì sự thiếu tế nhị của anh ta; về Sophie tôi bảo đảm là cô ta chấp nhận sự thỏa hiệp về phía mình. Tôi yêu cầu cô nói ra; người ta ngại rằng cô không dám bác lại tôi. Émile, băn khoăn, dò hỏi cặp mắt của người vợ trẻ; anh ta thấy chúng, trong cơn bối rối của mình chất chứa đầy những rung động khoái lạc làm cho anh ta yên tâm đối với nguy cơ của sự tin cậy. Anh ta phủ phục xuống chân cô,

tuông. Khi người đàn ông bắt đầu nhạt thì các bà vợ để giữ anh ta, buộc phải thực hiện lại với chồng mọi sự chăm sóc mà trước kia anh ta đã làm để chiều ý vợ và thế là các bà khóc lóc, các bà tự giày vò mình, đến lượt các bà nhún mình tự hạ, và ít khi đạt được điều mong muốn. Sự quyến luyến và săn sóc chinh phục các trái tim nhưng không sao thu hồi được các trái tim.

Tôi trở lại nói về phương pháp của tôi chống lại sự nhạt tình trong hôn nhân. Tôi nói tiếp:

> "Mẹo này đơn giản và dễ dàng; đó là tiếp tục làm người yêu khi ta đã thành vợ thành chồng". Émile, chẳng coi bí quyết này vào đâu và bảo: Quả thực, mẹo ấy chẳng làm chúng con buồn lòng đâu. "Có lẽ buồn lòng cho con hơn là con nghĩ. Xin con hãy dành thời gian để nghe ta nói cho rõ.
>
> "Những ràng buộc mà người ta muốn thắt quá chặt chẽ sẽ đứt. Đấy là điều xảy đến cho hôn nhân khi người ta muốn trao cho nó nhiều sức mạnh mà nó không đáng có. Sự chung thủy mà hôn nhân đòi hỏi đôi vợ chồng là điều thiêng liêng nhất trong các quyền của hai người; nhưng quyền lực mà nó trao cho mỗi người áp đặt lên người kia lại quá đáng. Sự câu thúc và tình yêu khó mà song hành, và niềm hoan lạc thì lại không chỉ huy được. Con đừng ngượng, ồ Sophie! Và đừng có mà định bỏ chạy. Ta không hề có ý muốn xúc phạm tính khiêm nhường của con! Nhưng đây là định mệnh của đời con. Vì một việc lớn đến thế, con hãy chịu đựng những lời nói, giữa một người chồng và một người cha, mà con sẽ không chịu nổi ở nơi khác.
>
> "Chẳng phải sự chiếm hữu mà là sự phục tùng lệ thuộc làm cho chán, và người ta duy trì đối với một cô gái bao mối quyến luyến thật lâu bền hơn đối với một người vợ. Làm sao mà người ta có thể làm cho những vuốt ve êm dịu nhất thành một bổn phận và làm cho những bằng chứng dịu dàng nhất của tình yêu thành một cái quyền? Chính là sự ham muốn lẫn nhau làm nên quyền, tự nhiên không biết đến quyền nào khác. Luật lệ có thể thu hẹp quyền này, nhưng nó không thể mở

điều đó cho họ thì người ta chẳng mấy để ý đến con người anh ta. Ở những nước khác thì trái lại, chính người chồng phai nhạt trước; đó là vì những người vợ, chung thủy, nhưng thiếu thận trọng, nên cứ quấy rầy chồng vì những ham muốn của mình, làm cho chồng chán vợ. Những sự thật phổ biến này có thể còn nhiều ngoại lệ; nhưng tôi tin rằng đến nay đều là sự thật phổ biến cả.

rộng quyền đó. Khoái cảm tự nó là quá dịu ngọt! Vậy sao lại cứ phải chuốc lấy sức mạnh từ những điều phiền phức đáng buồn mà sức mạnh ấy vẫn cứ rút ra được từ những hấp dẫn riêng chỉ khoái cảm mới có được? Không, các con ạ, trong hôn nhân thì những trái tim ràng buộc với nhau còn thân thể không hề bị nô lệ hóa. Các con phải chung thủy với nhau, chứ không phải dễ dãi chiều lòng nhau. Mỗi người trong đôi lứa chỉ có thể là của người kia, nhưng chẳng có ai trong đôi lứa muốn người kia thuộcv ề mình một cách tuỳ ý và vô chừng mực.

"Vậy thì, Émile thân yêu, nếu đúng là con muốn làm người yêu của vợ mình, còn cô ta luôn luôn là nhân tình của con và là chủ bản thân; con hãy làm người tình hạnh phúc, nhưng đầy kính trọng, con hãy nhận tất cả từ tình yêu mà đừng có đòi hỏi một điều gì từ nghĩa vụ, và sao cho những chiều chuộng nhỏ nhặt nhất không bao giờ được coi là do quyền con được hưởng, mà là những ân sủng. Ta biết rằng sự e lệ tránh những thú nhận công khai và đòi hỏi được khắc phục; nhưng với sự tế nhị và tình yêu chân chính, thì người yêu sao mà lầm lẫn được ý muốn ngầm không nói ra? Anh ta có không biết gì khi trái tim và ánh mắt đều thỏa thuận về một điều mà ngoài miệng thì giả vờ từ chối?

"Sao cho mỗi người trong đôi lứa, luôn luôn làm chủ được con người mình và những chiều chuộng của mình và chỉ trao cho người kia do ý muốn của chính mình. Con hãy luôn luôn nhớ rằng, ngay cả trong hôn nhân, khoái cảm chỉ chính đáng khi ham muốn được chia sẻ. Các con của ta, đừng e ngại rằng luật lệ này làm cho các con xa nhau; trái lại nó làm cho cả hai càng quan tâm hơn đến việc làm vừa lòng nhau và sẽ phòng ngừa được sự chán ngấy. Chỉ hạn chế duy nhất người nọ vào người kia, tự nhiên và tình yêu sẽ đủ để làm cho các con gần gụi nhau".

Nhân lời nói này và những lời khác tương tự, Émile phật ý, lại la lối; Sophie thì ngượng ngùng, lấy quạt che mắt, và không nói một lời. Kẻ không bằng lòng nhất trong hai người, lại có thể không phải là kẻ phàn nàn nhiều nhất. Tôi nài ép không thương tiếc: tôi làm cho Émile phải ngượng đỏ mặt vì sự thiếu tế nhị của anh ta; về Sophie tôi bảo đảm là cô ta chấp nhận sự thỏa hiệp về phía mình. Tôi yêu cầu cô nói ra; người ta ngại rằng cô không dám bác lại tôi. Émile, băn khoăn, dò hỏi cặp mắt của người vợ trẻ; anh ta thấy chúng, trong cơn bối rối của mình chất chứa đầy những rung động khoái lạc làm cho anh ta yên tâm đối với nguy cơ của sự tin cậy. Anh ta phủ phục xuống chân cô,

hôn thắm thiết lên bàn tay mà cô đưa ra cho anh, và thề rằng, ngoài lòng trung thành đã hứa hẹn, anh từ bỏ mọi quyền khác đối với cô. Anh bảo cô, em yêu dấu, em hãy làm trọng tài cho những thú vui vợ chồng của anh, như em là trọng tài cho suốt đời anh, cho cả số phận của anh. Dù có phải trả giá cả cuộc đời vì tính khắt khe của em, ta vẫn trao cho em những quyền mà ta quý nhất. Ta không muốn mắc nợ chút nào về sự chiều chuộng của em, anh muốn tất cả đều giống như tấm lòng em.

Émile nhân hậu, con hãy yên tâm: Bản thân Sophie quá cao thượng nên chẳng để con chết vì lòng hào hiệp của con đâu.

Đến chiều, lúc sắp từ biệt họ, tôi nói với họ bằng một giọng nghiêm nghị nhất có thể: Cả hai con hãy nhớ rằng các con tự do, và đây không phải là vấn đề nghĩa vụ vợ chồng; các con hãy tin ở ta, đừng có giả tôn kính. Émile, con có muốn đến chỗ ta không? Sophie đồng ý đấy. Émile nổi khùng, muốn đánh tôi. Và con, Sophie, con nói sao về chuyện này? Ta có phải dẫn anh ấy theo không? Cô bé dối trá, đỏ ửng mặt và nói rằng có. Lời nói dối thú vị và dễ nghe, còn đáng giá hơn sự thật!

Ngày hôm sau... Hình ảnh về hạnh phúc lớn lao không còn khiến con người vui thích nữa: sự đồi bại của những thói xấu đã làm sở thích của họ hư hỏng chẳng kém tấm lòng họ. Họ không còn biết cảm nhận cái gì là đáng cảm động và cũng không nhìn thấy cái gì là đáng yêu. Để mô tả sự khoái lạc, thì bao giờ quý vị cũng chỉ nên tưởng tượng ra đôi người yêu hạnh phúc đang bơi trong niềm vui thú, mà những bức tranh của quý vị vẫn còn là không hoàn hảo! Quý vị mới chỉ miêu tả được cái phần thô thiển nhất mà thôi; những nét hấp dẫn nhất của khoái lạc chẳng hề bộc lộ ra ở đó. Ồ, có ai trong các quý vị chưa từng thấy đôi trẻ mới kết hôn được hưởng nhiều may mắn nhất, vừa ra khỏi chiếc giường tân hôn, và cùng mang trong ánh mắt lờ đờ và trinh bạch của mình cơn say của những khoái cảm êm đềm mà họ vừa mới hưởng, cái đảm bảo đáng yêu của sự trinh bạch, và do đó mà cả niềm tin chắc thật thú vị vào sự chung sống những ngày còn lại của đời mình? Đây là đối tượng làm say lòng người nhất có thể cống hiến cho trái tim con người; đấy là bức tranh thực của khoái lạc: quý vị có thể từng nhìn thấy hàng trăm lần mà không nhận ra nó; những trái tim khô cứng của quý vị không còn sẵn sàng để ưa thích nó. Sophie, sung sướng và hiền hòa, suốt ngày nằm trong vòng tay của bà mẹ âu yếm; đó là một cuộc nghỉ ngơi thật êm đềm sau khi qua đêm trong vòng tay một người chồng.

Ngày hôm sau nữa, tôi nhận ra cảnh tượng có vài thay đổi. Émile muốn tỏ ra đôi chút không hài lòng; nhưng qua biểu hiện này, tôi nhận xét thấy có một sự sốt sắng ân cần thật đằm thắm, và ngay cả rất nhiều sự vâng lời nữa, mà qua đó tôi không dự đoán thấy điều gì là khó chịu. Đối với Sophie, cô vui vẻ hơn hôm trước, tôi thấy lấp lánh trong cặp mắt cô một thái độ thỏa mãn; cô ta thật là dễ thương với Émile, cô làm bộ nũng nịu gần như chọc ghẹo mà anh ta chẳng bực tức nữa.

Những thay đổi này ít rõ ràng nhưng chúng không lọt khỏi mắt tôi: tôi băn khoăn về chuyện này, tôi hỏi riêng Émile, tôi được biết rằng tuy anh ta rất tiếc đấy, và không kể đến mọi ý khẩn nài của anh, anh đã phải ngủ riêng giường trong đêm qua. Cô vợ hống hách đã vội hấp tấp sử dụng quyền của mình. Thế là sáng tỏ: Émile phàn nàn một cách cay đắng, Sophie thì đùa cợt pha trò; nhưng rồi cuối cùng, thấy anh sắp sửa thực sự giận dữ, cô đưa mắt nhìn anh đầy dịu dàng và yêu thương, và, trong khi nắm lấy tay tôi, cô chỉ thốt ra có mỗi một lời, nhưng với một giọng nhẹ như gió thoảng: *Kẻ phụ bạc*! Émile thì quá ngố nên chẳng hiểu gì chuyện này. Tôi thì tôi hiểu; tôi rời Émile và đến lượt Sophie gặp riêng tôi.

Tôi bảo cô rằng tôi biết lý do của sự thất thường này. Người ta không thể tế nhị hơn cũng không thể sử dụng sự tế nhị ấy kém đúng lúc hơn. Sophie thân mến, con hãy yên tâm; đó là một người đàn ông ta đã trao cho con, đừng ngại nhận anh ta như anh vốn thế: Con đã được hưởng hoa trái đầu mùa của tuổi trẻ của anh ta; anh ta chưa vung phí nó cho bất kỳ ai, anh ta sẽ gìn giữ nó lâu dài cho con.

> "Cô con gái yêu quý của ta, ta phải giải thích rõ những quan niệm của ta trong cuộc trò chuyện tay ba của chúng ta hôm kia. Có thể là trong câu chuyện này con chỉ nhận thấy một nghệ thuật để điều chỉnh những lạc thú của các con để làm cho chúng được lâu bền. Ôi Sophie, con có một đối tượng khác còn đáng cho ta chăm sóc hơn. Khi trở thành chồng con thì Émile thành người chủ của con; chính con phải vâng lời, tự nhiên đã mong muốn điều đó. Khi người vợ giống như Sophie thì tốt hơn vẫn là người chồng được cô ta hướng dẫn; đó cũng là luật tự nhiên; và chính là vì để trao lại cho con bao nhiêu quyền uy đối với trái tim anh ta ngang với bấy nhiêu quyền uy mà giới tính của anh ta trao cho anh ta đối với con người con, mà ta làm cho con thành trọng tài cho những lạc thú của anh ta. Điều đó làm con phải chịu những thiếu

thốn nặng nề; nhưng con sẽ không chế được anh ta nếu con tự biết không chế bản thân mình; và điều đã xảy ra cho ta thấy rằng nghệ thuật này tuy khó đến thế nhưng không vượt quá dũng khí của con. Con sẽ không chế lâu dài được bằng tình yêu, nếu con làm cho những ân sủng của con trở nên hiếm hoi và quý giá, nếu con biết cách làm cho chúng có giá trị. Con có muốn thấy chồng con luôn luôn quỳ gối dưới chân con không, hãy giữ anh ta luôn luôn ở một khoảng cách nào đó so với con người con. Nhưng trong tính nghiêm khắc của con, hãy đưa vào đó sự khiêm nhường chứ không phải là ý thích thất thường; sao cho anh ta thấy con là biết giữ gìn ý tứ chứ không phải là kỳ cục; hãy gìn giữ sao cho trong khi điều chỉnh tình yêu của anh ta con không làm cho anh ta phải nghi ngờ tình yêu của con. Hãy làm cho con được yêu dấu bằng những ân sủng của con và làm cho con được tôn trọng bằng sự từ chối của con; sao cho anh ta ca ngợi sự trong trắng của vợ mình mà không phàn nàn về sự lãnh đạm của vợ.

"Con gái của ta, có như thế thì anh ta mới trao cho con lòng tin của anh ta, anh ta mới nghe ý kiến của con, anh ta mới hỏi ý con về công việc của mình và sẽ không giải quyết việc gì mà không bàn bạc với con. Có thế thì con mới có thể đưa anh ta trở lại với sự khôn ngoan khi bị lầm lạc, dắt dẫn anh ta bằng sự thuyết phục dịu dàng, con làm cho con trở nên đáng yêu để trở nên có ích, hãy dùng việc đỏng đảnh làm dáng vì lợi ích của đức hạnh, và dùng tình yêu vì lợi ích của lý trí.

"Con đừng tưởng rằng chừng ấy là đủ cho nghệ thuật này có thể phục vụ cho con được mãi. Dù người ta có thể thận trọng thế nào, thì sự hưởng thụ vẫn làm phai nhạt ham muốn, và làm phai nhạt tình yêu trước hết mọi thứ. Nhưng khi tình yêu đã tồn tại lâu ngày, thì một thói quen dịu dàng lấp được khoảng trống cho nó, và sự hấp dẫn của lòng tin cậy thế chỗ cho mối rung cảm của nhục dục. Những đứa con tạo ra giữa những người sinh ra chúng một mối ràng buộc không kém êm đềm và thường là mạnh hơn cả chính tình yêu nữa. Từ khi con thôi không là người tình của Émile nữa, con sẽ là vợ và là bạn của anh ta, con sẽ là mẹ của các con anh ta. Lúc đó thay cho sự giữ gìn ý tứ lúc đầu, con hãy thiết lập giữa hai vợ chồng sự thân mật riêng tư lớn hơn; không còn ngủ riêng, không còn phải từ chối, không còn phải tính khí thất thường. Con hãy trở thành một nửa của anh ta như thế sao cho

anh ta không thể nào bỏ qua được con, và sao cho, vừa mới xa con một lúc, anh ta đã cảm thấy xa chính mình.

"Con là người đã khiến cho niềm vui của cuộc sống gia đình ngự trị trong nhà cha mẹ, con hãy làm cho những niềm vui ấy ngự trị như thế trong nhà mình. Bất kỳ người đàn ông nào mà được hài lòng trong ngôi nhà của mình đều yêu quý vợ. Con hãy nhớ rằng nếu chồng con sống hạnh phúc ở nhà mình, con sẽ là một người vợ hạnh phúc.

"Còn bây giờ thì, đừng có nghiêm khắc quá với người tình của con, anh ta đáng được chiều chuộng hơn, anh ta sẽ tức giận về những nỗi lo âu của con; đừng gìn giữ sức khỏe của anh ta quá chặt chẽ làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của anh ta, và con hãy hưởng hạnh phúc của mình. Đừng nên chờ đợi sự chán mà cũng đừng cự tuyệt sự thèm muốn; không được từ chối để mà từ chối, mà là để làm cho điều đã thỏa thuận thành ra có giá trị".

Sau đó tập hợp hai người lại, tôi nói với anh chồng trẻ trước mặt cô ta: Phải biết chịu đựng cái ách tự mình quàng vào cổ mình. Hãy xứng đáng để nó trở nên nhẹ nhõm đối với con. Nhất là con hãy ăn nói, cư xử cho phong nhã, và đừng có tưởng rằng mình lại trở nên đáng yêu hơn vì hờn dỗi. Có khó gì đâu mà không hòa hợp được và mỗi người đều dễ dàng liệu được các điều kiện. Bản thỏa ước được ký bằng một nụ hôn. Sau đó tôi nói với người học trò của mình: Émile thân mến, một người đàn ông cần đến lời khuyên và sự hướng dẫn suốt đời mình. Ta đã cố hết sức mình để cho đến bây giờ làm tròn bổn phận này với con; đến đây kết thúc công việc lâu dài của ta và khởi đầu công việc của một người khác. Hôm nay ta trút bỏ quyền uy mà con đã trao cho ta, và đây là người sư phó của con từ nay về sau.

Dần dà rồi sự cuồng nhiệt ban đầu cũng dịu đi, để cho họ yên ổn thưởng thức các thú vui của tình cảnh mới mẻ của họ. Những người tình hạnh phúc! Cặp vợ chồng xứng đôi vừa lứa! Muốn đề cao đức hạnh của họ, muốn mô tả hạnh phúc lớn lao của họ, cần phải viết cả tiểu sử cuộc đời họ. Đã bao lần tôi ngắm nghía tác phẩm của mình trong con người họ, tôi cảm thấy một niềm hứng khởi xiết chặt lấy mình làm cho trái tim tôi đập rộn ràng! Đã bao lần tôi nối bàn tay họ trong tay tôi trong lời cầu chúc sáng danh Thượng đế và buông những tiếng thở dài não nuột! Biết bao nhiêu nụ hôn tôi đã đặt lên đôi bàn tay ấy đang xiết chặt lấy nhau! Biết bao dòng lệ mừng vui họ đã làm tôi cảm nhận được chúng đã tuôn trào! Rồi đến phiên họ cảm động khi chia sẻ những rung

cảm của tôi. Những bậc cha mẹ đáng kính của họ còn thưởng thức được tuổi trẻ của mình một lần nữa trong tuổi thanh xuân của con cái họ; có thể nói họ lại bắt đầu sống trong con cái, hoặc nói đúng hơn là họ biết được lần đầu thế nào là giá trị của cuộc đời: họ nguyền rủa sự giàu có ngày xưa đã cản trở họ cũng ở độ tuổi ấy mà không thưởng thức được một số phận đẹp đẽ đến vậy. Nếu như có hạnh phúc trên Trái đất này thì phải tìm nó ở chốn ẩn dật tại đó chúng tôi đang sống.

Vài tháng sau, một buổi sáng Émile bước vào phòng tôi, và vừa nói vừa ôm hôn tôi: Thầy ơi, xin hãy ban khen con của thầy; anh ta hy vọng rằng sắp có vinh dự được làm cha. Ôi! Bao nhiêu là lo lắng sẽ bắt nhiệt tình của chúng con phải gánh chịu, và chúng con vẫn sẽ còn cần đến thầy! Con không có ý nói rằng con để thầy lại còn phải giáo dục đứa con trai sau khi đã giáo dục bố nó nên người. Con cũng không có ý nói rằng có bao giờ một ai khác ngoài con ra lại hoàn thành được một bổn phận thiêng liêng và dịu ngọt đến thế, có lẽ con cũng phải lựa chọn cẩn thận cho con trai con cũng như người ta đã từng lựa chọn cho bản thân con! Nhưng xin hãy cứ làm thầy của những người thầy trẻ tuổi. Xin hãy khuyên bảo chúng con, hãy chăm sóc và hướng dẫn chúng con, chúng con sẽ dễ bảo: chừng nào con còn sống, con sẽ còn cần đến thầy. Con cần đến điều đó hơn bao giờ hết, giờ đây khi những chức năng làm người của con đã bắt đầu. Thầy đã hoàn tất chức năng của mình; xin hãy hướng dẫn cho con bắt chước thầy; và xin thầy hãy nghỉ ngơi, đã đến lúc rồi.

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

Đã xuất bản:

Gustave le Bon: *Tâm lý học đám đông*

John Dewey: *Dân chủ và giáo dục*

Denis Diderot: *Cháu ông Rameau*

Albert Einstein: *Thế giới như tôi thấy*

Carl Jung: *Thăm dò tiềm thức*

Immanuel Kant: *Phê phán năng lực phán đoán*

Immanuel Kant: *Phê phán lý tính thực hành*

François Lyotard: *Hoàn cảnh hậu hiện đại*

John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*

John Stuart Mill: *Bàn về tự do*

John Stuart Mill: *Chính thể đại diện*

Plato-Xenophon: *Socrates tự biện*

Plutarque: *Những cuộc đời song hành (tập I)*

Jean-Jacques Rousseau: *Émile hay là về giáo dục*

Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ (2 tập)*

Max Weber: *Nền đạo đức Tin lành và Tinh thần của chủ nghĩa tư bản*

Sắp xuất bản:

Thomas Kuhn: *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*

Voltaire: *Candide – Chàng Ngây Thơ*

John Rawls: *Lý thuyết công bằng*

G. W. Friedrich Hegel: *Khoa học logic*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC
53 Nguyễn Du - Hà Nội
ĐT: (84-4) 945 4661 - Fax: (84-4) 945 4660
E-mail: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

JEAN-JACQUES ROUSSEAU

ÉMILE HAY LÀ VỀ GIÁO DỤC

Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương *dịch*
Bùi Văn Nam Sơn *giới thiệu*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
CHU HÀO

Biên tập:	HOÀNG THANH THỦY
Bìa:	TRẦN VŨ
Trình bày:	LÊU THU THỦY
Sửa bản in:	NGUYỄN ANH QUÂN

TỔNG PHÁT HÀNH
Công ty Văn hóa Phương Nam
940 Đường Ba tháng Hai, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
ĐT: (08) 8663447 - 8663448 * Fax: (84.8) 8663449
Website: www.phuongnamvh.com

lịTP. HỒ CHÍ MINH: * Nhà sách Phú Thọ: 940 Đường Ba tháng Hai, Q.11, ĐT:8644444-8639205 * **Nhà sách PNC - Đại Thế Giới:** 105 Trần Hưng Đạo B, P.6, Q.5, ĐTuio

': 8570407-8536090 * **Nhà sách Phương Nam:** 2A Lê Duẩn, Q.1, ĐT: 8229650-8234542 * **Nhà sách Phương Nam:** 65 Lê Lợi, Q.1, ĐT: 8217131 * **Nhà sách Nguyễn Oanh:** 03 Nguyễn Oanh, Q.Gò Vấp, ĐT:8944835-8946561

* **Nhà sách Nguyễn Thái Sơn:** 86A Nguyễn Thái Sơn, Q. Gò Vấp, ĐT:8943246-9850287 * **Nhà sách Phương Nam** (Coopmart Nguyễn Kiệm): 571 Nguyễn Kiệm, Q.Gò Vấp, ĐT: 9972476 * **Nhà sách Phương Nam** (Coopmart Xa lộ Hà Nội): 191 Quang Trung, Q.9, ĐT: 7307558 * **Nhà sách PNC - Phú Mỹ Hưng:** S1-1, S2-1, S3-1 khu phố Sky Garden 1 Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Q.7, ĐT: 4102474-4102475 * **Nhà sách Cộng Hòa:** 15-17 Cộng Hòa, P4, QTB, ĐT: 8449820-8112319 * **Nhà sách Hùng Vương:** 126 Hùng Vương, Q.5, lầu 2, ĐT: 2220225.

HÀ NỘI: * Chi nhánh Hà Nội: 10B Tăng Bạt Hổ, ĐT (04) 9.724834 * **Nhà sách Tiền Phong:** 175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội - ĐT: (04)7.336.235, Fax: (04)7.336236 **HẢI PHÒNG: Nhà sách Tiền Phong:** 55 Lạch Tray, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng - ĐT: (031) 641812, Fax: (031) 641814.

HUẾ: Nhà sách Phú Xuân: 131-133 Trần Hưng Đạo, TP.Huế - ĐT: (054)522000-522001, Fax: (054)522002 **ĐÀ NẴNG: Nhà sách Phương Nam:** 68 Phan Chu Trinh, Đà Nẵng - ĐT: (0511)817017-817027, Fax: (0511)817037 **QUẢNG NAM: * Hội An thư quán:** 06 Nguyễn Thị Minh Khai, TX Hội An, Quảng Nam - ĐT: (0510)916272, Fax: (0510)916271 **BÌNH THUẬN: Nhà sách Phương Nam:** 70 Nguyễn Huệ, Phan Thiết - ĐT: (062)817070.

CẦN THƠ: Nhà sách Phương Nam: 06 Hòa Bình,TP Cần Thơ - ĐT: (071)813436, Fax: (071)813437.

In 2000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Xưởng in Tạp chí Tin học và Đời sống, số 1 Phùng Chí Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội. Giấy đăng ký KHXB số: 210-2008/CXB/07-08/TrT. Quyết định xuất bản số: 16/QĐ – NXB TrT của Giám đốc NXB Tri Thức ngày 05/06/2008. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2008.

Vượt qua khoảng cách 250 năm, tưởng như Rousseau là người sống cùng thời với chúng ta, đang chia sẻ những nỗi lo âu và bất bình của những người vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân của một nền giáo dục đang phạm nhiều sai lầm từ cơ sở triết lý, cách thiết kế cho đến phương pháp sư phạm với mọi hậu quả đáng sợ cho phụ huynh lẫn con cái.

Ta hãy thử nghe ông nói: "Chúng ta xót thương cho số phận của tuổi thơ, thế mà chính số phận chúng ta mới cần xót thương. Những nỗi đau lớn nhất của chúng ta là do chúng ta mà ra". Vì đâu nên nỗi? Vì "người ta không hề hiểu biết tuổi thơ: dựa trên những ý tưởng sai lầm của ta về tuổi thơ thì càng đi càng lạc lối (…) Họ luôn tìm kiếm người lớn trong đứa trẻ mà không nghĩ về hiện trạng của đứa trẻ trước khi nó là người lớn".

Nói cách khác, đó là nền giáo dục không hề "nhìn rõ chủ thể mà trên đó ta cần thao tác. Vậy xin các vị hãy bắt đầu bằng việc nghiên cứu kỹ hơn các học trò của mình". Và cũng vì không hiểu rõ "chủ thể" của giáo dục là người học nên người lớn tha hồ sử dụng phương pháp áp đặt: "thay vì giúp ta tìm ra các chứng minh, người ta đọc cho ta viết các chứng minh ấy; thay vì dạy ta lập luận, ông thầy lập luận hộ ta và chỉ rèn luyện trí nhớ của ta thôi". Trong khi đó, đúng ra "vấn đề không phải là dạy các môn khoa học, mà là đem lại cho người học hứng thú để yêu khoa học và đem lại phương pháp để học những môn đó, khi hứng thú này phát triển hơn lên.

Chắc chắn đó là một nguyên lý cơ bản của bất kỳ nền giáo dục tốt nào".

(Bùi Văn Nam Sơn)

Giá: 117.000 đ